28/1/1931

Số 11 NĂM CANH NGỌ 1re SEMAINE JUILLET 1930

安南雜誌

DÉPÔT LÉGAL INDOCHINE N° 14/54

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Deux exemplaires « Revue d'Annam
N° 11 Annam Tạp-Chí édité par M
Nguyễn-Khắc Hiếu de 1re
édition en 1930 –
Imprimé par l'Imprimerie Kim-Khuê
Sortie 2000 exemplaires de dépôt l
Hanoi, le 17 Décembre

BÁO-QUÁN
1, Boulevard Francis Garnier, 1
HANOI

IMPRIMERIE-LIBRAIRIE KIM-KHUÊ HANOI TONKIN

GIÁ BÁO
Một năm 7$00 – Nửa năm 3$50 – Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ HANOI
1930

Số 11 NĂM CANH-NGỌ 1ère Semaine Juillet 1930

AN-NAM TẠP-CHÍ

Kính ngỏ cùng Độc-giả chư vị

Nay An-nam tạp-chí lại ra đời, tôi là kẻ chủ-sự, xin có ít lời trân-trọng tường minh, kính ngỏ cùng Độc giả chư vị là khắp thầy quốc-dân sĩ nữ trong ba kỳ, cùng những ai sĩ, binh, công, thương, lữ-du nơi hải-ngoại, cùng hiểu biết cho rằng :

1° - Từ khi trước An-nam tạp-chí mới ra, tôi ở trong báo-quán, thường có nghe nhiều người phi nghị về hai chữ tên tạp-chí, cho rằng : Hai chữ « *An-nam* » đó, là tự người tầu, đời nhà Đường, sang đô-hộ ta, đặt là « *An-nam đô hộ phủ* ». Lựa như thế, không nên dùng để đặt tên tạp-chí. Ý tôi thời thấy rằng : muốn lấy quốc-hiệu đặt làm tên tạp-chí, mà quốc-hiệu của ta, từ xưa rất là bất nhất : *Việt-nam*, *Đại-việt*, *Đại-nam*, vân vân, xem ra như những chữ đó chỉ là chữ thông dùng trong học-giới, không phải là tiếng thường dùng của quốc-dân. Quốc-hiệu thường dùng của quốc-dân, chỉ là hai chữ « **An-nam** » vậy Không cứ những người thôn quê ít học, đàn bà trẻ con cùng với nhau nói chuyện mà nói là « người An-nam ta », dẫu những sĩ phu học-tử, trong những lúc thường nói, cũng đều nói là « An-nam » ; ít có dùng đến những tiếng *Đại-Việt*, *Việt-nam* để cùng nhau nói truyện. Nay cuốn tạp-chí in ra, là đối với khắp thầy quốc dân mà trần thuyết mọi sự, không phải là riêng đối với những người có học mà thôi. Cho nên lấy quốc-hiệu đặt tên mà định là hai chữ « An-nam », là ý kiến của tôi như thế. Mong rằng tạp-chí lưu hành khắp cả toàn quốc, phàm là người An-nam đều biết có tạp-chí An-nam ; mà sự hay dở của tạp-chí có quan-hệ mật thiết với sự thịnh xuy của quốc-dân, thời tạp-chí mới không phụ đặt tên bằng quốc-hiệu vậy. Lại nghĩ như quốc-hiệu là cái chữ, cái tiếng để mà gọi tên nước, quý hồ cho mọi người trong nước cùng biết, không cần phải nhận nghĩa lắm làm chi. Nếu nước ta sau này mà giời cho khá lên thời hai chữ « *Annam* » cũng chẳng khác gì như những chữ « France, Japon, Angleterre, Russie, Etas-Uni, Chinois v... v... Nếu hèn mạt không ra bộ rạng gì, thời dẫu Đại-Việt, hay Đại-Nam, hay là Đại-cồ-Việt, mà cũng chỉ vẫn là cái nước ấy vậy. Khi trước tạp-chí còn ra ở Hàng-Lọng, tôi cũng chưa đem ý kiến ấy trần bạch. Nay nhân lúc tái hành xuất bản, muốn trình đốn nhất tân, trước xin thưa cùng quốc-dân về ý-kiến của tôi lấy hai chữ « An-nam » đặt làm tên tạp-chí.

2° — Trong khi Annam tạp-chí tạm đình bản, tôi nhân thế mà được đi chơi ít nhiều nơi lại được nghe thấy những nhời phi nghị, là về hai chữ « *Chủ-nhân* ». Đại-khái cái ý-kiến về sự phi nghị đó rằng : tạp-chí đặt theo quốc-hiệu là An-nam mà trên chữ tên ký của tôi ở ngoài nhan, đứng là « chủ-nhân »,

chỗ đó như không khỏi có tư ý. Nay tôi xin có lời trần-bạch rằng : nguyên từ khi tôi chưa làm việc An-nam tạp-chí, thấy có nhiều báo chí, ngoài nhan in những « *chủ-nhiệm, chủ-bút, quản-lý,* vân vân » rất nhiều danh mục, hằng khi làm bận mắt cho người xem. Vậy nên trong khi ấy tôi theo sự dản tiện, tự đứng là Chủ-nhân, chỉ là đối với cái việc của tạp-chí. chớ không phải là dám có ý riêng gì đối với cái tên của tạp-chí. Nếu đã có người ngờ vực mà lấy làm phi nghị, thời tôi cũng không khó gì chiều theo dư-luận mà đổi bỏ cái danh hiệu vô tình ấy đi. Nay về sau, trên nhan cuốn An-nam tạp-chí, tôi xin tự đứng là « *Chủ-sự* », tức là dịch ở chữ pháp *Directeur*, là một kẻ chủ coi công việc trong báo-quán, trên đối với Chánh-phủ nhận trách-nhiệm, trong đối với mọi người làm việc giữ trật-tự, ngoài đối với các bạn độc-giả, việc gửi bài, việc mua báo, thư tín vãng lai. Nghĩ như thế có lẽ là tiện. Còn như nói về phần danh nghĩa to nhớn, thời tạp-chí đã lấy quốc-hiệu làm tên, tức toàn thể quốc-dân là chủ, nghĩa thực quang minh chính đại mà phá tan hết sự hiềm nghi. Nay về sau, chư vị độc-giả đã đều có chức-trách là chủ nhân tạp-chí An-nam, thời xin rằng đồng tâm hợp lực, làm cho tạp-chí được hơn xưa, để làm một cái cơ-quan tiến-thủ chung cho quốc-dân An-nam ta trong buổi cạnh tranh sinh-tồn này, tưởng Chư-tôn cũng sẵn lòng công nhận cho là một nhẽ chánh-đáng vậy.

3. — Việc toà soạn, chỉnh-đốn nội-dung của tạp-chí, tôi xin dự định và bầy tỏ như sau đây:

Phàm các sự hủ-bại câu-nệ, như trong tạp-chí ra hồi xưa, nhất thiết tuỳ nghi biến đổi. Phần luận thuyết, chú-trọng nói về *tinh thần tư tưởng các dân-tộc Đông-Á, văn-học nhân-vật cả Đông-Á và Tây-Âu ; ngoài ra như các bài về khoa-học, thực-nghiệp, gia-chính, thể-thao, nhất nhất tùy nghi đăng tải. Hán-văn diễn giảng, Thi-đàn giảng tập,* hai mục đó riêng về việc học. để đối với những người muốn học biết chữ Hán, muốn tập làm thơ-ca quốc-văn. *Việt-nam nhị thập-thế-kỷ xã-hội thiên-đàm, Việt-nam nhị thập-thế-kỷ xã-hội ba-đào ký,* hai phần đó, trước vì hết thảy các hạng người trong xã-hội thêm thú vui giao dịch kiến văn, mà sau là lưu một mối sử-tài cho kẻ hậu-lai vậy. Đó là đại-khái nội-dung của tạp-trí trong khi mới bắt đầu chỉnh-đốn mà tôi tạm định để công cáo với đồng-nhân. còn như mỗi ngày tuỳ nghi xửa đổi, mong cho đạt đến hoàn-toàn thời tự có ý-kiến của công chúng tức là toàn thể quốc-dân là chủ nhân tạp-chí An-nam vậy.

4. — Việc tài-chính, kể là việc riêng trong báo-quán, không can-hệ gì đến ai ai : song mà sự thịnh suy của tạp-chí, có trông ở đó về phần nhiều, cho nên tiện bài kính ngỏ đây, cũng xin để độc-giả chư tôn biết qua sự-thể.

Phàm các sự chi-tiêu trong báo-quán, nhất nhất đều có thể chuộng theo kiệm ước, mong cho dản phí mà báo được vững bền, duy một việc đối với nhà in, tức là thuộc khoản tiền chi giả về sự in Tạp-chí thời không thể nói sự kiệm-ước. Trong báo quán ít tiền thời số Tạp-chí in ra được có ít ; số Tạp-chí in ra ít, thời phải chịu giá đắt ; Tạp-chí đã in đắt, thời không thể bán được rẻ ; Tạp chí bán không rẻ, thời số người mua không được nhiều ; số người mua không nhiều, thời sự truyền-bá không rộng. Đó đã là một sự thua kém trong báo-giới, mà sự lý không thể sao. Nếu các bạn mua năm mà lại chậm giả tiền, thời nhà báo đối với nhà in, sự giả tiền cũng phải chậm ; tiền nhà in giả chậm, thời Tạp-chí xuất bản phải chễ kỳ. Tạp-chí xuất bản không đúng kỳ, thời tín-nhiệm đối với độc-giả có kém : tín nhiệm đối với độc-giả kém, thời số người mua khó mong hợn. Đó cũng lại là một sự khó-khăn cho những báo-quán không giầu, mà sự-lý do ở bên ngoài vậy.

Tôi nguyên không phải là một nhà tư-bản, cũng không cần phải dấu ai trong xã-hội làm chi. Việc An-nam Tạp-chí lại ra đời phen này, cũng là nhờ có một người bạn đồng-chí của tôi chủ giúp nhất thiết các sự phí dụng. Song tiếc vì người bạn

đồng-chí của tôi cũng lại không phải thật được là một nhà tư-bản, cho nên các công việc hành động, nhất thiết phải kiệm-ước khó khăn. Tôi lại nghĩ như lần trước An-nam tạp-chí đã ra đời mà rồi tạm đình bản, chỗ đó chắc có mất nhiều tín-nhiệm với các bạn mua năm ; lần này Tạp-chí lại ra, ai là người mua năm mà sẵn lòng sớm sự giá tiền, có lẽ cũng thật hiếm. Trong sự khó-khăn lại còn khó nhẽ riêng như thế ; Tạp-chí đã là việc chung của xã-hội, thời xin nói để ai ai cùng hay.

5. — Riêng phần tôi, không kể là một kẻ chủ-sự của An-nam Tạp chí, chỉ hay rằng là một người văn-sĩ xuất thân từ quyền Khối-tinh-con. Tôi tự nghĩ từ khi tôi xuất thân từ quyền Khối-tinh-con đến nay, văn-chương có lấy gì làm hay, mà tiêu tiền của xã hội tưởng ra có đến hơn mười vạn la ít. Đó là nói về phần vật-chất. Nếu lại lấy tinh-thần mà nói, thời rau sắn chùa Hương, phong thư mũi Ngọc, cách quan hà chan-chứa ái ân ; bẩy đồng bạc ra Bắc, bẩy đồng bạc vào Nam, vượt thủy lục bạn bầu tri-kỷ. Than ôi ! một kẻ hủ-nho sinh thì Hán-học đã tàn quang, một nhà văn-sĩ đương lúc kim-tiền tranh thế lực, mà sống ở trên đời còn được vinh hạnh đến như thế, thời như cái ơn sâu nghĩa nặng của hai nhăm triệu đồng-bào sĩ nữ, ai chưa chết mà dám quên !

Nghĩ như vậy, mà tôi lại tự nghĩ rằng : mình chẳng qua chỉ là một con nhà văn-sĩ, ngoài câu văn-chương, sự ngôn luận, không còn biết lấy gì mà mong báo đáp với ai ai. Cho nên phen này tôi lại ra làm Tạp-chí An-nam, tức là do một phiến cảm-hoài mong sao được thù ơn báo đức vậy. Vậy lại dám mong ở các quân-tử trong xã-hội, tài cao biết rộng, sẵn lòng vì Tạp-chí An-nam, cùng làm cho Tạp-chí tiến lên thành một cái cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân, thời trước là có ích cho tiền-đồ của quốc-dân, mà sau thời phần riêng tôi cũng may được nhờ theo bóng nhật nguyệt, mùi chi lan, để giả nợ đồng-bào vạn nhất. Sau khi đó, trong xã-hội ta tự không thiếu các bực tài đức, xin sẽ ra mà gánh vác lấy công việc của công chúng, cho tôi được lui về chỗ rừng xanh sóng bạc, truyên làm việc Tản-đa thư-cục, kết duyên xưa với núi Tản sông Đà ; ngày rộng tháng dài, có nhiều bài gửi về An-nam tạp chí, lại gần hơn gửi bài vào Phụ-nữ-tân-văn, thời thật là bạnh phúc hoàn toàn của kẻ hủ-nho vậy. Mong vậy mà biết sao ?

Phen này An nam tạp-chí lại ra, riêng lòng tôi thấy rằng : phần lanh lợi vui mừng kém trước, mà sự lo sâu nghĩ xa hơn xưa, cho nên không giấu ngu-thành, dối Chư-tôn cộng bạch. Ai có lượng xét, trước xin cám ơn.

Các nhẽ như thế nào mặc lòng, cứ nay An-nam tạp-chí đã lại được ra đời, tôi là chủ-sự, chỉ biết hết tài lực của một kẻ văn-sĩ, xin theo cùng mọi người trong báo-giới, tự coi như tên lính đội tiền-phong, dạ sắt lòng son, ngọn cờ phất, thẳng trông đường tiến-thủ.

AN-NAM TẠP-CHÍ
Chủ-sự
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
kính

LỜI TRẦN BẠCH Ở ĐÔNG-PHÁP-THỜI-BÁO

Trong năm 1928, tôi giúp việc ở Đông-Pháp-Thời Báo tại Saigon, có lời trần bạch về việc An-nam Tạp-chí. Nay sao lục như dưới :

AN-NAM TẠP-CHÍ

Nay tôi lại có lời trần-cáo cùng các bạn độc-giả của Annam Tạp-chí, trước hết

hãi xin các ngài miễn trách cho cái sự bất tài của tôi và lượng xét cho cái chỗ khổ trung của tôi đối với An-nam Tạp-chí, rồi xin xem đến mấy lời rãi tỏ như dưới đây.

Trong mấy bài quảng-cáo của tôi trước có nói rằng : ông Diệp-văn-Kỳ sẽ đảm-nhận cho Annam Tạp-chí lại xuất bản, là sự in đã nhờ in ở nhà in « Bảo-Tồn » và phí tổn mỗi tháng hết bao nhiêu, do ông Kỳ chi-phối. Tuy về sự tiền tài đỡ phải lo như vậy, song mà về công việc làm thời cũng còn nhiều nỗi khó-khăn. Là sao ? Mỗi kỳ Tạp-chí làm ở trong Nam mà phải gửi ra Bắc kiểm-duyệt ; kiểm-duyệt ở Bắc có được phép thời gửi vào Nam để in ; in ở Nam song rồi thời lại phải gửi Tạp-chí ra Bắc để phát hành (theo nghị-định thời sự phát hành phải ở Hanoi). Như thế thiệt mất nhiều thì giờ mà phiền phí quá lắm ; dẫu Tạp-chí có xuất bản được nữa, cũng là sự gắng-gượng mà thôi. Vậy nay tôi đành chịu là bất-tài mà để cho Annam Tạp-chí hãy đình bản. Trong khi Annam Tạp-chí còn đình bản, bao nhiêu sự phi-nghị của xã hội, nhất thiết tôi xin cam chịu, không dám cãi chút nào. Nay chỉ xin đối với các ngài mua báo mà nói về sự mua bán.

Một là : Ngài nào mua Tạp-chí đồng niên mà đã trả tiền trước, nay xin lấy Đông Pháp-Thời-Báo gửi thế, cho đủ số tiền dư của các ngài. Hai là : Ngài nào mua nửa năm mà trả tiền, thời xin gửi một kỳ Đông-pháp này nữa (trước tôi đã gửi biếu các ngài ba kỳ). Ba là : Ngài nào mua đồng-niên hoặc nửa năm mà chưa trả tiền, thời cũng xin gửi một kỳ Đông-pháp này để các ngài biết qua sự tình của Annam Tạp-chí, còn như số tiền mua Tạp-chí thời nay Tạp-chí đã chưa ra được nữa, tôi xin để tùy ý các ngài.

Nay tôi ở Đông-pháp Thời-báo, truyền về mục văn-chương, vậy mong các bạn văn chương thường gửi cho Annam Tạp-chí khi xưa, xin lại gửi lai-cảo theo tên tôi cho Đông-pháp thời-báo, được đội ơn lắm lắm.

Sau này xin có một câu thưa cùng các Ngài rằng : Non nước An-nam hãy còn, Tạp-chí An-nam có lẽ cũng chưa chết.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

MỘT BÀI HÁT MIỄU NÓI

cảm hoài về An-nam Tạp-chí lại ra đời

Nam xưa đinh-mão ta ngơi
Năm nay canh-ngọ ta thời lại ra
Ai về nhắn chị em nhà.
Nhắn rằng : ta nhắn rằng ta ra đời

Nhàn khổ bất tri túc.
Bạc đầu, thôi còn chen-trúc mãi không thôi.
Biết non xanh lâu những đợi chờ ai,
Mà cõi tục vẫn mải chơi người giấc mộng.

Vân nhàn Tản lĩnh không tương trục ;
Lãng nộ Đà-giang cấp tự lưu.

Cuốn ba đào, phong vô, giận, cười, reo.
Thuyền một lá, một chèo, ai với nước.
Năm đinh-mão, khoảng đầu xuân, nhớ những ai ngày trước,
Người bao nơi, mà thệ-ước đã bao đồng.
Ai, ai, ai,.. còn có nhớ ai không ?
Phố Hàng Lọng, đội tiền-phong, tên lính cũ.
Qua thủa đó, non Hồng-lĩnh, bể Thuận-an, đường Hải-vân, sông Sài-gòn, đồi Vĩnh-yên, nam bôn bắc tẩu, (1)

Bức ru-đô nhem xấu, vẫn còn nguyên.
Cũng mừng thay, mà cũng ngậm-ngùi duyên,
Ông tạo-vật ghét ghen nhường đã quá.
Sách có chữ : « cố thiên tương dáng đai-nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngạ kỳ thể phu, khống phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi. Sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng »
Phải rằng ý thế hay chăng ?

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

(1) Sự tưởng ở quyển Giấc mộng lớn.

Tiền-đồ của nước An-nam ta và những đức-tính tính-cách của quốc-dân ta đối với tiền-đồ cần phải có trong thời-kỳ hiện-tại.

Hiện nay trong xã-hội ta, có một điều nghi-tự thứ nhất, làm cho nhân tâm bất nhất, hại cho sự tiến thủ thực nhiều, tức là nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta mà không biết sau này ra sao vậy.

Phàm sự đã thuộc về tương-lai, thời dầu ai có đoán quyết đến thế nào, cũng chẳng qua là sự ức-đạc, thực không thể lấy gì làm chứng cớ mà có giá-trị với người nghe. Tuy vậy, vì là một điều nghi-tự có quan-hệ đến nhân tâm, làm trở ngại cho sự tiến thủ, thời phàm kẻ có chức-trách ngôn luận, thực nên đề xướng mà nghị luận với công chúng dù có giá trị hay không có, cũng không cần quản đó làm chi. Vậy nay An-nam tạp-chí lại mới ra đời, tôi xin trước đem cái ý kiến của tôi nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta, biểu bạch như sau, để cùng với hết thầy quốc-dân An-nam ta, cùng nhau nghị luận.

Độc-giả chư tôn, hãy xin tĩnh tâm, đừng lấy làm kinh quái, đừng vội cho sự ức-đạc của tôi làm hoang-đường, cứ ý tôi nghĩ ra thời nước An-nam ta sau này, sẽ có một ngày bước rộng bay cao, xem với các nước bên Thái-tây chưa biết sao, cứ như ở phương Á-đông ta, thời có lẽ không nhường nước Nhật vậy. Xin do mấy lý-cớ, trần thuyết như dưới :

Trước hết lấy về **địa-lý** mà xét, nước ta địa-vị ở đông nam Á-châu, liền với đại-lục mà duyên cõi là bể, lục-phần bải phần đều có ; cao sơn, đại giang, bình nguyên, làm lộc đủ cả ; khí hậu ôn hòa. Văn-hoá ở phương bắc, tự bắc về nam; văn hóa ở phương tây, tự tây sang đông, thực như hai giòng nước to thuận theo địa-thế mà chảy dồn về một chỗ chũng vậy. Cái hình thế phú cường văn minh, thiên-nhiên an định, như Giời vẫn sẵn lòng vì con cháu nhà Hồng Lạc, để riêng cho một vùng lạc-thổ, cho cùng nhau sinh tụ sinh tồn. Chứng ở lịch-sử thời mấy nghìn năm xưa, ta đã có chịu nhiều ảnh hưởng của Trung-hoa mà nhận lĩnh đại đông văn-hóa. Mấy mươi năm nay, lại nhờ có Đại-phap bảo hộ, đem Thái-tây văn-hóa do hải-đạo truyền sang. Đông tây văn-hoá giao lưu, do địa-lý mà thành nên nhân sự vậy. Nói về **chủng tộc** thời người An-nam ta tự cổ, thông minh tài lực, đáng là một dân-tộc ở trong cõi Á-đông, như bà Trưng-Trắc, đức Lê-Lợi, vua Quang trung, thực đem so sánh với người tầu không kém. Người nước ta lại có cái **đức-tính** chịu khổ, dù cảnh-ngộ đến thế nào chẳng nữa, cũng nén lòng cam chịu để cầu sinh. Cho nên trải bao phen dưới uy hà-dãi của người tầu, Lý-Trác kinh lược, Trương Phụ tổng binh, mà con cháu rồng tiên vẫn sinh sôi nẩy nở. Một làn cỏ xanh xanh ở duyên bờ Đông-hải, đã chịu nhiều tầm nhuận của Thái-bình-dương thủy lực, thời dầu cho bao nhiêu liềm sén chẳng hề chi. Một ngày lại một ngày, một năm lại một năm, để rộng lan nhiều, tựa như có sức tài bồi do cái đức hiếu sinh ông Tạo-hóa. Nghi về **khu-thể** thời người nước ta đem sánh

với người Tầu, người Nhật, phần to nhớn có kém ; song mà chính chỗ có kém đó, mới thực là chỗ có mong hơn. Vì sao ? Các công việc ở đời, mỗi ngày cần cấp ; cứ sự-thể văn minh tiến hóa, thời trọng-hậu không bằng lanh-lợi Người nước ta thân hình nhỏ bé, chính là lợi về phần lanh-lợi, phàm các sự vận động về vật-chất, có khi hơn người Nhật người Tầu. Lấy cái khu thể lanh lợi, theo cái tư tính thông minh, hợp với cái đức tính chịu khổ, mà đua đuổi trên con đường tiến hóa, tưởng rằng chưa hẳn đã nhường ai. Giang sơn chật hẹp, là vì chưng dân-tộc yếu hèn ; dân-tộc nếu không hèn, giang sơn chẳng nhỏ vậy. Cứ sự-thực xét ra như thế, lại thử do **Lý-thuyết** mà nghĩ : sự sinh hoạt của một dân-tộc, cũng xem như thân thế của một người. Một người kia từ lúc ngây thơ, đã trải nhiều cảnh ngô dan truân, cô hàn hoạn nạn, đó thực là thiên-nhiên học-hiệu, Tạo-vật kia nung đúc cho nên người. Nếu tài lực không đủ chịu được những cảnh ngộ ấy, thời đã từ xưa uổng triết mà không thể sinh tồn ; đã không uổng triết mà sinh tồn, thời tức là có chịu được những sự đào trú của hóa-công mà nhất thiết những cảnh-ngộ gian truân trong buổi hàn vi kia đều có ích cho thân thế về tương-lai, có hy-vọng nhớn nhao ở nhân-hoàn thế-cục. Một người riêng như thế, một dân-tộc cũng như thế. Dân tộc Annam ta, kể từ xưa sau đời Hùng Lạc, trải bao phen bắc-thuộc, cảnh cô hàn nếm đủ chua cay; hội Á Âu mà lại có phen này, nhờ Đại-pháp làm thầy, cho được biết chính giáo của Thái tây là thế thế. Giống Hồng Lạc đã chịu được những sự dèn cặp thiên nhiên do cảnh-ngộ ; ông Tạo-vật lại hết lòng nung đúc, thời rồi nữa có một phen mở mặt, sự dẫu vị nhiên mà tất nhiên. Trong doanh hoàn còn có cuộc đua tren, cõi Đông-Á sẽ thấy bước tranh tiên của con nhà Nam Việt vậy. Hai nhăm triệu đồng-bào sĩ nữ, xin hãy cứ vui lòng cùng cảnh-ngộ, nhờ Đại-Pháp hết lòng khai hóa, để cho xem khí vận tuần hoàn. Lý-thuyết đã giải qua lại thử xuy xét về **khí vận**. Cứ xét như một giải Đông Á, từ thượng-cổ giở lại, văn minh khí-vận tự bắc mà dần truyền về nam. Hãy xem như ở nước Tầu khi xưa, nhân-tài thịnh sinh ở mạn bắc; gần đây thời Giang-nam một giải, biết bao hào kiệt đĩnh sinh. Cõi đất An-nam ta đối chiếu với các tỉnh mạn nam của nước Tầu, lại là ở về mạn nam, cho nên khí-vận chậm hơn mà khí thế văn-minh phải chậm. Nghĩ về sự chậm đó, tức là ở trong có hy-vọng, có lẽ cũng là sự vị nhiên mà tất nhiên. -- Giở lên, do ý kiến của tôi nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta chẳng qua mới là tưởng tượng vậy.

Cái tưởng-tượng về tiền đồ như thế, mà muốn cho cái tưởng tượng ấy có một ngày hoạt hiện thành chân-tượng thời quốc-dân ta trong thời-kỳ hiện-lại, cần phải có những đức-tính tính-cách như thế nào. Đó lại thuộc về sự nghị luận rất cần, lại thử luận như dưới :

1. — Quốc-dân ta cần phải có cái đức tính cẩn thận. - Phàm mong được có cái hạnh-phúc to lớn, quyết không thể lấy khinh xuất mà làm nên, cho nên cẩn thận là quý. Nay cuộc cạnh tranh sinh tồn của quốc-dân An-nam ta, thử tạm ví như một sự chơi đánh bạc.

« *Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ ; đời chưa đáng chán, chị em ơi* ! Hai câu thơ ở đầu mục Văn-uyển trong Phụ-nữ Tân-văn số 49, có thể mượn xem mà ngẫm được cái tính thế có hy-vọng của quốc-dân An-nam ta trong buổi hiện thời. Tuy vậy, bạc đánh còn tiền mà đời chưa đáng chán, một nửa là sự thực, một nửa vẫn là câu thuyết lý cho vững tâm ; chữ « thua » kia mới thực hoàn toàn là sự-thực hiện-tại vậy. Canh bạc đương thua thời số tiền còn đó rất là quan-trọng đáng trông

đó mà mừng, cũng càng nên trông đó mà lo. Nếu không cẩn thận mà khinh xuất chơi hoài, đến như số tiền còn đó kia lại dần dọi hao mòn, thời thật là một sự đáng lo buồn, cho cuộc vị-lai vậy. Cho nên nghĩ về tiền-đồ của nước An-nam ta tôi mong rằng quốc dân ta nên để tâm đến hai chữ « cẩn-thận, » như canh bạc đương thua, không vội gì mong được, qúi hồ hãy giữ cho còn tiền. Tiền còn, tức là cái cơ được bạc hãy còn vậy.

Nay lại thử lấy như phần riêng của một người mà nghĩ, ông Gia-cát-Lượng ở Trung-quốc khi trước, chắc ai ai đã rõ, thông minh tài cán, đến như ông là có ít, mà sinh binh ông chỉ tự nhận có hai chữ về đức tính là « cẩn thận » Vậy thời hai chữ « cẩn-thận » há nên coi là một cái đức tính nhỏ mọn ru?

2. Quốc dân ta cần phải có cái tính cách cần cấp. - Cẩn-thận thời trì trong, trì trọng thời đối với hai chữ « cẩn-cấp » gần như có sự ngang trái nhau. Nghĩ như thế mà thực không thế. Nay xin hãy nói về sự-lý quốc dân ta cần nên có tính-cách cần-cấp.

Nước An nam ta, kể gần thời trong cõi Á đông, kể xa thời khắp cả doanh hoàn thế-giới, nếu vua tướng khi xưa mà sớm biết lo liệu, thờ địa vị của Lạc-Hồng cố-quốc, đến nay tưởng đã như sao. Bởi vì chưng vua tướng An-nam, là vua tướng An-nam, cho nên sự khai-hóa An-nam mới toàn nhờ Đại-pháp. Kể từ ngày người nước Đại-pháp vượt trùng dương sang ta can thiệp, trước truyền giáo, sau thông hiếu, rồi bảo hộ, đã phí bao thời nhật công phu. Lại từ ngày người nước Đại-pháp thật nhận chức khai hóa ta đến nay, các công việc xửa sang ở bên ngoài còn ngổn ngang, thật thì giờ khai đạo đến tinh thần chưa có mấy. Cho nên « tiến hóa như trông thấy, văn minh đường con xa, » thật có như hai câu nói đó vậy. Cứ hiện trạng nước ta xem với các nước gọi là văn minh ở thế giới, mà vì như người cùng đi ở trên con đường tiến hóa, sự cách nhau có thể lấy trăm nghìn cây số mà đếm ru? Cách nhau đã xa lắc như vậy, mà người ta tiến bộ bằng ô tô, mình thời tiến bộ bằng cao-xu. Vậy thời cũng vẫn là có tiến, mà mong cho kịp chúng, chẳng là một sự khó lắm ru? Cái sự-tình tiến-hóa của quốc-dân An-nam ta ngày nay, thực có giống như thế, đúng như thế. Chúng ta đã biết rõ như thế thời phàm các công việc minh bạch, chính đáng, đối với chánh phủ Đại-pháp không có tội, đối với đồng bào An-nam ta không có tội, thời không kể cái việc ấy là lớn hay bé, nhất thiết chúng ta phải cần-cấp, không được lười chễ một chút nào. Trước hết, sĩ, nông, công, thương, các việc phải cần-cấp! Ngoài sĩ, nông, công, thương, như người kéo xe, kẻ khuân vác, thằng nhỏ gánh nước, con vú nấu cơm, nhất thiết phải cần cấp! Nói tóm lại thời toàn thể quốc-dân phàm sự phải cần cấp, để đối với cái thời-cục mà chúng ta đã quá chậm, thời họa may mới đủ thì giờ. Trong một ngày đêm của các dân-tộc đã văn minh, thường có 24 giờ đồng hồ; trong ngày đêm của chúng ta, chúng ta phải tính có 48 giờ vậy. Trong quốc-dân, ai là người hữu tâm, quan tâm với tiền-đồ của tổ-quốc, thời như cái quan-niệm cần cấp, càng nên kỹ kỹ tư lường. « *Đêm nằm không ngủ mong những sáng; vừng đông chưa ló, lại là dương. Việc đời như lửa, người như mộng; thương ai dạ ngọc với gan vàng* ». Bốn câu thơ trong bài thơ tứ dân, in ở Tứ-dân tạp chí số.., của một người dân lai cảo, thực có thể tả được ra cái ý thái tinh thần của những ai cần cấp ưu thời vậy. Vậy thời cái tính cách cần cấp mà quốc-dân ta hiện nay phải cần có, có trái gì với lẽ trì-trọng, cẩn thận, đã nói như trên ru?

Xưa nay, sự-thế trong thiên-hạ, hay dở còn thuộc về vị lai; mà sự-cơ chí cơ vi, họa phúc thường do ở hiện tại. Mong rằng quốc-dân An nam ta khéo lựa ở cái sự-cơ hiện tại, để lập thành cái sự thế vị lai, thời tiền-đồ của nước An-nam ta mới thực có cái hy-vọng bước rộng hay cao như lời tôi tưởng tượng ở trên vậy. Phàm các việc đời, không cứ lớn bé, định ở giời một nửa, do ở người một nửa.

Nguyễn-khắc-Hiếu

Sĩ phu với thời-cục

Không cứ đông tây, từ xưa, bao những cuộc đời biến dời thay đổi, xoay chuyển lên xuống, thịnh xuy tiêu tưởng, hiện tượng ra như sao, thường do ở một số người rất ít trong nhân-quần là hạng sĩ phu làm nên như thế cả. Tư-tưởng, xu hướng của sĩ, biến thái vô thường, phân hợp bất nhất, cũng lại do thời-cục xui nên. Cho nên sĩ phu với thời cục, tuyệt là quan hệ với nhau. Người ta có câu: «*Anh-hùng làm nên thời-thế; thời-thế cũng làm nên anh-hùng.*» Ý nói chính giống như thế.

Phần chú-trọng về nội-dung của An-nam tạp-chí, là nói về tinh-thần tư-tưởng các dân-tộc Đông-Á. Ở trong cõi Đông-Á, ngoài nước ta chưa kể, thời có như các nước Nhật-bản Trung-hoa, là có giá-trị hơn. Trung-hoa lại là một nước văn-minh rất cổ, địa-vực rất lớn, có quan-hệ với ta từ trước đến nay rất nhiều. Vậy trước xin do lịch-sử của Trung-hoa, luận về sĩ phu với thời cục.

Trung-quốc nguyên từ xưa là một nước quân-chủ, đương đời Đào-đường, vua Nghiêu là một vị đại thánh nhân, đem cái bụng chí công chí nhân đối với khắp thiên-hạ thần dân sĩ thứ. Khi đó, cái quang cảnh thái-bình thịnh-trị, thật là từ đấy về sau không có hại. Thời cục như thế, cho nên tư-tưởng của sĩ phu trong lúc ấy, rất là bình hòa chính trực, duy khuynh hướng về đạo đức, ngoài ra không có cái quan-niệm gì. Các người làm quan ở triều-đình, như các ông Cao, Qui, Tắc, Tiết, thời ai nấy đều hết bổn-phận. Các người tiêu rao ở ngoài thế-cục, như các ông Hứa-Do, Sào Phủ, thời ai nấy tự tôn tự trọng, lấy đạo đức tự cao. Hết Đường sang Ngu, là vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, cái thái-độ của thời-cục vẫn như thế, cái tư tưởng của sĩ phu cũng vẫn như thế.

Nay xem như ở sách Mạnh-tử, có nói về tâm-lý của vua Thuấn và ông Cao-Dao rằng:

« Đào-Ứng (học trò ông Mạnh) hỏi rằng:

Ông Thuấn làm vua, ông Cao-Dao làm quan sĩ (hình-quan, quan coi về hình-ngục), ông Cổ-Tẩu (bố vua Thuấn, người rất ương ác) giết người, thời ra làm sao?

Thầy Mạnh nói: — Chỉ có bắt đi thôi!

— Thế thời vua Thuấn không cấm như?

— Ông Thuấn cấm thế nào được! Người ta có phép của người ta chứ!

— Thế vua Thuấn làm thế nào?

— Vua Thuấn coi sự bỏ cái ngôi làm vua, cũng như là bỏ cái dép nát; cõng trộm bố mà đi chốn, lần theo bãi bể mà ở, xuốt đời vui như thường mà quên cả thiên-hạ. »

Sách Trang-tử, nói về tâm-lý của vua Nghiêu và ông Hứa-Do, rằng:

« Vua Nghiêu nhường thiên hạ cho ông Hứa do, có lời rằng: — Mặt giời mặt giăng đã mọc, mà lửa đóm còn không tắt, thời nghĩ như cái giá-trị về sự sáng, chẳng cũng khó lắm ru? Trận mưa hòa thuận đã rào, mà việc tát tưới còn không thôi, thời nghĩ như cái khó nhọc về sự nhuần, chẳng cũng uổng lắm

ru ? Tiên-sinh đứng ở trên đời mà thiên-hạ trị an, mà tôi còn cứ vân chủ-trương, tôi tự nghĩ không ra làm sao, xin nộp lại thiên-hạ.

Hứa-Do nói : — Ông làm vua thiên-hạ, thiên-hạ cũng đã là trị-an ; mà tôi còn thay ông, thế ra tôi làm cái tiếng à ? Cái tiếng là khách của cái thực, thế ra tôi làm khách à ? chim tiêu liêu (1) kia làm tổ trong rừng rậm, chẳng qua ở có một cái cành ; con chuột ễn (2) kia uống nước ở bến sông, chẳng qua đến đầy bụng. Thôi, mặc ông ! tôi đây có dùng thiên-hạ mà làm chi ! Người nấu bếp dẫu bỏ việc bếp không làm, kẻ coi việc ban thờ đâu có xa nơi ban thờ mà thay chi cái đó ! »

Xem như hai chỗ sách chép đó, thời sĩ phu trong đời ấy đại-khái có thể chia làm có hai phái : một phái như ông Hứa-Do đó, thấy việc đời đã có người gánh vác, tự mình chỉ tiêu dao ở ngoài thế-tục, vui về đạo-đức để toàn chân. Một phái như ông Cao-Dao đó, vì đời, vì thiên-hạ, mà nhận chức làm việc theo ông vua ; chớ không phải là vì ông vua mà làm quan với triều-đình, như các sĩ phu đời sau đem thân thế mà tận trung với một họ riêng vậy. Qua đời Đường-Nghiêu, Ngu-Thuấn. (3), xuống đến Hạ, bắt đầu là đời vua Đại-Võ, còn cái thái-độ như Đường-Ngu. Vua Võ mất, ông Khải lấy là con nối cha, từ đấy về sau mà tinh-thần tư-tưởng của sĩ phu có khác.

Còn nữa

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Đức Lê Thái-tổ

XEM VỚI CÁC VỊ ĐẾ VƯƠNG ANH-HÙNG Ở TRUNG-HOA

« Trừ phi chốn đất mầu ruộng mỡ, không mọc lên cây lúa to bông ; trừ phi nơi núi hiểm vực sâu, không sản giống long sà, sư, hổ ». Một nhà triết-học ở Thái-tây có câu nói như thế. Xưa kia tôi xem đến câu đó, mà hơi buồn vì nỗi nước nhà nhân tài có kém, chẳng vì lẽ giang sơn chật hẹp chăng ? Sông nghĩ như đức Lê-thái-Tổ ta mà đem xem với các vị đế vương anh-hùng ở Trung Hoa, thời lịch sử Việt-nam mà có ngày có giá trị chăng, sẽ không thẹn cùng các dân-tộc văn-minh ở trong cõi Á-đông vậy.

Các đế vương ở lịch-sử Trung-hoa, trừ như ba vị Nghiêu, Thuấn, Võ, cùng là người xã-hội với nhau, mà người nọ truyền, người kia nối ; ung dung trong đạo đức lễ-nhượng, không dùng chi đến sự anh-hùng, như thế thời riêng đã không kể. Lại như những ông vua, dù văn hay, dù võ mạnh, tài đức sự-nghiệp, chói-lọi ở sử-sách, sao không là đáng quí ? Song mà nguyên từ cái sự lên làm vua, hoặc là con nối cha, em nối anh, cháu nối chú, cái địa-vị đế vương đã cố nhiên thời nay cũng không kể. Đây chỉ là kể nói những ông vua *sáng nghiệp* hoặc *trung-hưng* bằng võ lực, đế vương do sự-nghiệp anh-hùng.

Sáng nghiệp là tự tay gây dựng nên cơ nghiệp ; *trung-hưng* là do cơ nghiệp của người trước đã đổ nát, mà đến tay lại nổi lên. Sáng nghiệp là nhất ; trung hưng thứ hai. Nay hãy trước luận những ông vua trung hưng mà riêng có tính cách.

Thường nghĩ như các ông vua trong lịch-sử Trung-hoa, cũng là anh-hùng mà có tính-cách riêng, đáng trọng, đáng quí, thời như vua Chiêu-Liệt nhà Hán là Lưu-Bị, vua Quang-Võ nhà Hán là Lưu-Tú. Hai ông vua đó, tuy gọi là có cơ nghiệp của người trước, song ma thực

(1) Thứ chim rất bé, tổ nó chỉ bằng cái trứng gà
(2) Thứ chuột hay uống nước ở sông
(3) Hai đời Đường Ngu, 118 năm. 2357-2204 trước kỷ-nguyên lịch tây.

cũng chỉ là nhờ có thanh thế, tự thân chỉ hai bàn tay trắng mà làm được cơ đồ. Tào-Tháo bảo Lưu-Bị rằng : « Trong thiên-hạ, mặt anh-hùng, duy chỉ có Sứ-quân với Tháo. » Thật là câu nói tri-kỷ vậy. Ông Lưu-Bị là bực anh hùng, mà lại có tính-cách đạo-đức. Xem như giữ nghĩa với Lưu-Biểu, không nỡ nghe lời Gia-Cát lấy Kinh-châu ; lúc gần chết mà dặn con là Lưu-Thiện rằng : « Ở đời duy chỉ có hiền đức có thể phục được người ; bố mày đức bạc, con không đủ bắt chước. » Ngôn ngữ hành vi, thật là một nhà đạo-đức vậy. Ông Lưu-Tó cũng là anh hùng mà riêng có tính-cách phong-nhã. Xem như tiếp Mã-Viện khi mới đến, đãi sĩ phu rất là tự-nhiên. Trong bức thư gửi cho Sầm-Bành, sai đem quân đánh Thục, có nói rằng : « Người ta khổ không biết thế nào là đủ ! Đã được Lũng, lại mong Thục. Mỗi một phen ra quân, đầu râu lại thêm trắng ! » Nghĩ thật là một bực quân-tử phong nhã vậy.

Nói đến các ông vua sáng nghiệp ở trong sử Trung-quốc, thời như vua Cao-Tổ nhà Hán là Lưu-Bang, vua Thái-tổ nhà Minh là Chu-nguyên-Chương, đều là tự kẻ bình-dân, làm nên thiên-tử, sự-nghiệp anh-hùng thật có giá-trị vậy. Cứ như hai mặt anh-hùng ấy đem so sánh với nhau, thời quyền mưu trí trá, là Hán Cao-Tổ ; nền nếp đứng-đắn, Chu-nguyên Chương có hơn. Song mà xem với đức Lê Thái-tổ nước Nam ta, thời như vua Lê ta mới thực là một vị đế vương anh-hùng tuyệt triếm có giá trị. Núi Lam còn kia, sử xanh còn đó ; đồng bào ai ngủ, thức dậy nghe câu truyện nước nhà :

Trong lịch-sử ta bốn nghìn năm, dưc Hùng-vương là thuỷ-tổ riêng hẳn một vị không dám kể ; còn ngoài ra muốn tìm lấy một ai là người đệ nhất, ý tôi xin biểu là vua Lê. Vua Lê Thái-tổ, không những là một người đệ nhất trong lịch-sử nước Nam ta, mà xem với như ở lịch sử Tầu, cũng chưa hẳn đứng xuống thứ ba thứ bốn. Câu truyện về lịch-sử, xin phải trứng ở lịch-sử.

Vua Lê Thái-Tổ, gia-thế lấy nghiệp nông mà làm nên hào phú, tu nhân tích đức, chôn hương ấp được nhờ ; xem như trong nhà tôi tớ có đến nghìn, thời thật là cơ sở đế vương, không phải là hạng đánh bạc không có vốn, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán nguyên là một kẻ đình trưởng (1). Vua Thái tổ nhà Minh, lúc bé cô hàn, phải nương thân ở chùa). Xem như trong buổi tiềm-long, người Minh muốn dụ cho làm quan, Ngài khẳng khái than rằng : « Kẻ trượng-phu sinh ra ở đời, nên phải cứu vớt nạn lớn, làm nên công to, để tiếng thơm lại nghìn thu, sao chịu khó cho người ta sai khiến. » Đó rồi lần khuất rừng núi, gây dựng cơ-tổ. thời không phải là ngẫu-nhĩ mà làm nên, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán trong lúc làm đình-trưởng đi giải phu, dữa đường để chôn đi mất nhiều, tự liệu không khỏi tội, nhân thế mà làm giặc. Vua Thái-tổ nhà Minh, trong lúc cô hàn nương ở chùa, thấy binh hỏa. bói xem nên ở hay nên chốn, không tốt cả. Đến vào thành, nương nhờ Quách-tử-Hưng, từ đấy mà rồi nổi.) Xem như từ họ Hồ đã mất, nhà Trần không nối, người Minh toàn chiếm bản-đồ, vua Lê một mình cùng bọn Lê-Thạch Lê Liễu định mưu, nổi quân ở Lam-sơn, chia đặt quan thuộc, truyền hịch xa gần, hẹn trừ giặc Minh, quả mười năm mà thiên-hạ đại định, thời thật là tay anh-hùng dựng thời-thế, không phải là nhân thời-thế mà làm nên anh hùng, như hai ông vua nhà Hán nhà Minh vậy. (Vua Cao-tổ nhà Hán, gặp buổi Tần loạn, có lũ Trần-Thắng, Ngô-Quảng, Hạng Lương, Hạng Tịch nổi trước ; Vua Thái-tổ nhà Minh gặp buổi Nguyên loạn, có lũ Lưu phúc-Thông, Từ thọ-Huy, Trương-sĩ Thành nổi trước, thời

(1) Phép nhà Tần, mười làm đặt một cái điếm Đình-trưởng tức là anh cai điếm.

tức là nhân thời-thế mà làm nên anh-hùng.) Xem như trong khoảng mười năm giời chống nhau với người Minh, Vua chưa từng thân tự cầm quân, thời thật là phong-độ đế vương, không phải như các vua anh-hùng ở Trung-hoa tự xông pha ở nơi hàng-trận vậy. Xem như lúc vây thành Đông-quan, nghe quân viện của Minh sắp tới, các tướng tá nhiều người khuyên vua nên kíp đánh Đông-đô để trừ tuyệt nội-ứng. Vua độc quyết trước đánh phá quân viện, quân viện tuyệt thời thành phải hàng, mà rồi sự thể quả như thế, thời mưu đoán tự ở Vua phần nhiều, không phải như các đế vương anh-hùng ở Trung-hoa, kế hoạch thường do mưu-sĩ vậy. Xem như sau lúc Vương-Thông đã xin hàng các tướng sĩ Minh rút về nước, người nước ta oán người Minh tàn ngược, khuyên vua giết bỏ hết, Vua dụ về nghĩa không nên giết kẻ đã hàng. Không những vậy mà lại cấp thuyền, cấp ngựa, hậu đãi các hàng-tướng của Minh, chúng đều đến dinh Bồ-đề bái tạ, cảm ơn xấu hổ, đến rỏ rớt nước mắt. Lại như thiên-hạ đã định, Vua lên ngôi ở Đông-đô, chỉ tự xưng là **đại-vương**, ban xuống lời dụ rằng « Võ, Tăng, Văn, Võ, các vua ấy công đức như thế, mà chỉ xưng là *vương*. Phương chi ta đức mọn tài hèn, đâu dám nói đến hiệu Hoàng-đế. Như vậy, cái tính-cách đạo đức quân-tử, thực không kém hai ông vua Chiêu-Liệt Quang-Võ kia. Trước sau trong sử nhà Lê, chỗ lụy đức là việc giết công-thần, cũng như cái tính-cách Hán-Cao Minh-Tổ, mà so với hai ông vua Trung-hưng nhà Hán, thật xem ra có vẻ thẹn thỏ vậy.

Do sự-thực ở sử mà thuật, lấy lẽ công chính mà luận bình, trỏ rõ từng chỗ kém chỗ hơn, thời vua Lê-Thái-Tổ ta xem với các đế vương anh-hùng ở Trung-hoa, thực ~~triếm~~ đệ-nhất-đẳng địa-vị. Hiềm vì nỗi nước nhà nhỏ bé, xưa nay quen lệ cam là phiên-thuộc của nước Tầu, cho nên dẫu có tay tuyệt thế anh hùng, mà kể xem trong lịch-sử Á-đông, không được có quang-vinh là mấy. Bởi vậy mà

HÁN VĂN DIỄN GIẢNG
講演文漢

Sự học của nước ta ngày nay, nhờ ở chữ Pháp, mà chữ Hán cũng nên bảo tồn, nhẽ đó chắc nhiều người đã công nhận. Vậy thời mục *Hán-văn diễn giảng* đây chính là một phần việc cần thiết trong An-nam tạp-chí. Tôi có những ý nghĩ thuộc về phần việc này, xin biểu bạch như dưới:

Nguyên từ bao năm xưa, tôi vẫn lưu tâm về sự dịch các sách chữ Hán, như quyển *Đại-Học* và quyển *Kinh-Thi* thứ nhất của Tản-Đà-Thư-Cục đã in ra, tức là sự-thực vậy. Tiếc vì một cái công việc trọng đại ấy, công dịch đã khó mà tự xuất bản được lại không dễ, cho nên chỉ smới làm được có như thế mà thôi. Trong khi Tản-Đà Thư-cục còn khai thiết ở phố hàng Bông, tôi lại có lập ra việc *Hán-văn-hàm-thụ* (Giảy chữ Hán theo cách gửi phong-thư), để đối với những ai có lòng cao nhã muốn học biết chữ Hán. Công việc tuy bé mà cũng là khó khăn, cho nên rồi cũng lại không có sức mà theo được. Nay An-nam Tạp-chí lại ra đời, tôi nghĩ nhờ trong Tạp-chí mà làm việc Hán-văn thực là tiện lợi. *Hán-văn diễn giảng* hiện là một phần việc của An-nam Tạp-chí, mà sẽ là phần việc chính của Tản-Đà Thư-cục; một công hai việc, chẳng thực là tiện ru!

Lại nghĩ như trong các sách chữ Hán, phần trọng đại hãy kể là Tứ-thư Ngũ kinh, cứ như Tứ-thư, Ngũ kinh mà đem dịch hết ra quốc-văn theo như kiểu hai quyển Đại-học và Kinh-Thi đã in ra năm xưa, thời công việc quá là nặng-nề mà chưa hẳn có lợi-ích cần thiết cho sự học hiện thời của xã hội. Vậy nay, cứ trong các sách Tứ-thư Ngũ-kinh, hãy trích lấy

---

cái câu nói của nhà triết-học Thái-tây như dã thuật ở trên kia đó, một nửa mà thành ra chân-lý. Tiếc thay!

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

những thiên chương nào có nghĩa-lý bổ ích về sự *tu-thân*, đường *xử-thế* của học-giả, trước đem diễn giảng đăng tại Tạp-Chí, thời tức là việc Hán-văn hàm-thụ khi xưa, mà việc dịch sách sau này, lại nhờ đây rất có tiện ích.

Những nghĩa-lý trong kinh truyện, chưa dễ lấy học-thức của một hai người diễn giảng dịch thuật, mong cho thật đúng mà khỏi sự sai lầm. Nay đăng tại Tạp-chí để chất-chính với một phần công-chúng là những ai trong phái Hán-học, thời sau này thu-thập thành sách, tất sẽ được tường tận hơn là sự làm riêng. Như thế thời sự tiện lợi của mục *Hán-văn diễn giảng* đây lại không những một công hai việc mà thôi vậy.

Từ kỳ Tạp-Chí này kể là trước nhất, sau cứ mỗi kỳ, mục này thường có bài, đại-khái hết Luận-ngữ làm sang Mạnh-Tử, hết Tứ-Thư rồi đến Ngũ-kinh, gọn thời cứ mỗi chương là một bài, đăng tái trong một kỳ; hoặc một chương hoi giài mà đăng tiếp làm hai ba kỳ; hoặc trích lấy một tiết trong một chương nào giài quá mà không thể diễn giảng cho hết. Ấy là việc Hán-văn diễn giảng hiện tại như vậy, còn đến như khi nào san định thành sách, sẽ có tự lệ tường minh. — Ngoài những bài lấy trong Tứ-thư Ngũ-kinh, hoặc có những kỳ nào diễn giảng về những bài khác, như các câu cổ-thi,.. thời truyên là việc Hán-văn diễn giảng vậy.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
cẩn chí.

子	*Tử*	Thầy, đức Khổng
曰	*Viết*	Nói rằng :
弟	*Đệ*	Em
子	*Tử*	Con
入	*Nhập*	Vào
則	*Tắc*	Thời
孝	*Hiếu*	Hiếu
出	*Xuất*	Ra
則	*Tắc*	Thời
弟	*Đễ*	Nhún nhường
謹	*Cẩn*	Cẩn, cẩn thận
而	*Nhi*	Mà
信	*Tín*	Tin
汎	*Phiếm*	Rộng
愛	*Ái*	Yêu
衆	*Chúng*	Mọi người
而	*Nhi*	Mà
親	*Thân*	Thân, thân cận
仁	*Nhân*	Người có nhân
行	*Hành*	Làm
有	*Hữu*	Có
餘	*Dư*	Thừa
力	*Lực*	Sức
則	*Tắc*	Thời
以	*Dĩ*	lấy, để mà
學	*Học*	Học
文	*Văn*	Văn, văn học

Âm — *Tử viết : « Đệ-tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ ; cẩn nhi tín ; phiếm ái chúng nhi thân nhân. Hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn.*

Nghĩa. — Đức Khổng dạy rằng : « Phàm là kẻ đệ-tử (học trò, làm em, làm con), vào trong nhà thời phải hiếu (thờ phụng bố mẹ) ; đi ra ngoài thời phải đễ (kính nhường người trên); phải cẩn thận mà tin thực ; rộng yêu mọi người mà thân cận với người có nhân. Như thế, làm theo có thừa sức, thời để theo sự văn-học.

Đây là một chương trong thiên Học-nhi là thiên thứ nhất ở trong bộ sách Luận-ngữ, chép lời nói của đức Khổng.

* * *

Phụ thuyết. Một bộ Luận-Ngữ, cốt là chép những lời nói, việc làm, cách tu thân, đường xử thế của đức Khổng dạy học-trò, để lại cho học-trò đời sau, ai muốn học tôi do đấy. Vậy thời cứ ý tôi xem ra như một chương này chép lời nói của đức Khổng, thực nên để lên đầu bộ. Vì sao? Trong một chương này, mở đầu hai chữ « *Đệ tử* » đã đem chức phận người học trò, liệu biểu minh bạch. Rồi xuống đến câu « *nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ* ». là dạy về đạo lý ở gia-đình; ba chữ « *cẩn nhi tín,* » là tu thân »; một câu « *phiếm ái chúng nhi thân nhân* », là đạo lý đối với xã-hội. Nghĩ như con người ta ở đời, tức nhiệp cao xa, thực chưa biết thế nào là cùng, song mà từ lúc còn là kẻ học-trò, làm em, làm con, hãy cứ theo mấy lời nói đó mà thực hành, có thể gọi là gần đã đủ tư cách. Về bên *đức* thời Ngài dạy như thế, có thực hành được đã, rồi mới nói đến bên *tài*. Cho nên hai câu sau: « *Hành hữu dư lực tắc dĩ học văn* » là ý nói như thế vậy. Một chữ « *văn* » nghĩa rất rộng, phàm những sự thuộc về bên tài, đều bị bao bọc ở trong cả, có lẽ không chỉ như lời chú cũ bảo là « thi, thư lục nghệ » mà thôi. Cách lập hàn của người nam-nhi, do mộ chương sách này mà tiến tu, tưởng đủ có vô cùng sự nghiệp vậy. Cho nên tôi nghĩ nên để lên đầu bộ Luận-Ngữ.

Nguyễn khắc-Hiếu

CẦU NÓI THẬT

Số nhà 1 Francis Garnier. Hanoi, trông xuống trung-tâm các con đường xe điện, cũng tức là trung tâm điểm của các phố người An-nam.

Thi đàn giảng tập
詩壇講習

Từ ngày quốc-văn thịnh đạt, không cứ nam-giới nữ-giới, có nhiều người có thú hướng về sự làm văn thơ. Nghĩ như sự văn thơ mà không có giảng tập thời sao biết câu hay câu dở, chữ kém, chữ hơn, mà mong được thật có tiến đạt. Khi xưa tôi cũng có làm việc *Quốc-văn hàm-thụ*, cũng là do ý ấy; khi đó cũng được có ít nhiều người theo. Sau vì Hán-văn-hàm-thụ đã bỏ thời Quốc-văn-hàm thụ cũng thôi; *Thi đàn-giảng-tập* đây, lại tức là việc cũ năm xưa, mà tới nay biến tưởng vậy. Xin tường các sự-thể:

Phàm các thơ văn gửi lại cho tòa Báo, bài nào đăng tái thời đặt theo Văn uyển đó đã là lệ thường.

Riêng những ai đối với mục *Thi-đàn giảng-tập* này có ý nguyện muốn theo chơi, thời xin viết thư riêng cho tôi được biết rõ. Trong cái thư riêng ấy nên để rõ tên họ và chỗ ở, cho được hợp sự nghi, còn như thơ đăng lên trong mục này để diễn giảng, thời tùy người có bài muốn ký tên hiệu như sao mặc ý.

Các văn-thơ gửi theo việc *Thi đàn giảng-tập*, nhận từ thơ bốn câu cho đến văn tứ lục, tức là phàm các lối văn vần. Những bài nào nói quá về bên tình, hoặc có phạm tới chánh-trị, hoặc có ý hiềm thù riêng gì ai, thời không nhận diễn giảng. Các thơ văn đã đăng trong An-nam Tạp chí từ xưa đến nay, không cứ là của ai, cũng không cứ là ai trong xã-hội, đều có tiền trích lấy ít nhiều câu, tự ý luận-giảng, sẽ đăng cả lên mục này. Lời luận giảng quí được thanh-nhã mà sác đáng; nếu không sác đáng, hoặc không thanh-nhã, thời không nhận đăng tái, cũng như văn lai-cảo không đăng.

Sự luận giảng vi dụ như sau:

Trong bài thơ vịnh Kiều về hồi Từ-Hải chết (*Khối tình con*), hai câu ngũ lục:

Tổng-đốc có thương người bạc phận,
Tiền đường chưa chắc mả hồng nhan.

Có người bình-luận và ý muốn chữa lại mấy chữ, cho rằng: Hai chữ « *Tổng-đốc* » đặt như thế, sống-sượng quá, nên đổi làm hai chữ « *cụ lớn* », mà hai chữ « *Tiền-Đường* » ở câu dưới thời đổi là « *sông Tiền.* »

Ý tôi nghĩ rằng: Nguyên bài thơ ấy, chủ ý thực nghiêm nghị; hai chữ « *cụ lớn* » thời hơi thiệp hài-hước mà có kém vẻ nghiêm. Câu dưới, hai chữ « Sông Tiền » thời hay, nhưng hai bên đối nhau, một bên là tiếng tên chung, một bên là tiếng tên riêng, không được trỉnh lắm. Nguyên hai chữ « *Tổng-đốc* », thời nghe ra thật sống sượng; mà đối với hai chữ « Tiền-Đường » cũng không cân trỉnh như thế, tóm lại đều chưa ổn-thỏa cả.

Trong khi tôi ở Saigon, có nhiều thì giờ nhàn rỗi, thường hay nghĩ đến thơ văn khi trước, câu nào được, câu nào chưa yên. Như hai câu thơ này, tôi nghĩ đổi hai chữ « *Tổng-đốc* » làm « *Tôn-Hiến* », thời không sống-sượng, cũng không hài-hước, mà đối với hai chữ « *Tiền-Đường* » ở câu dưới, thực cân. Như thế cho là nhất định được.

*
* *

Trong bài thơ *Muốn làm thằng Cuội*, (Khối-tình con từ lúc chưa in ra,) hai câu tam tứ, nguyên văn là:

Cung Quảng đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.

Một hôm tôi đi chơi nhà người bạn, thấy có bản chép hai chữ « *cung Quảng* » là « *cung quế* », hỏi ra không biết là ai chữa, đấy cũng là bản đi chép nhờ. Chữ « *quế* » xem với chữ « *Quảng* », thật hơn: vừa là tiếng tên riêng, vừa là tên cây, đối với chữ « *Đa* » ở câu dưới, thật cân trỉnh.

*
* *

Bài hát điệu xẩm, « *Cô tây đen* », nguyên ở Khối-tình-con in ra lần thứ nhất, mấy câu ở cuối rằng:

Chị em ơi, ba bẩy đường chồng;
Son tô phấn điểm hương lồng cho nó ngoan.
Thà rằng lấy chú sẩm soan.

Sau nghe có người bình luận rằng: Nên bỏ bớt đi hai câu dưới, chỉ lấy câu « *Chị em ơi, ba bẩy đường chồng* » làm câu hết, như thế thời hơn.

Theo lời bình luận ấy nghĩ ra, chữa như thế thật hay! «Một câu «*Son tô phấn điểm..*» ý nguyên-tác chỉ là lấy thêm mầu ngũ sắc, song tham quá mà thành ra rườm. Câu kết: «Thà rằng... », vừa thiên tư, vừa kém vẻ thanh nhã. Nay cắt bỏ hẳn hai câu cuối đi, lấy đến câu: « *Chị em ơi, ba bẩy đường chồng* » làm câu kết; như thế thời vừa đỡ rườm, đỡ tục, mà có dư-vị rất hay. Thêm mấy cái giấu chấm (...) ở sau, thời lại càng tỏ dư-vị lắm. Quyển Khối-tình-con in ra lần thứ hai, tôi đã xửa như thế, mà hiện nay trong ca-trường phần nhiều vẫn hát theo như cũ, lại ở trong bài hát kèn nói cũng như nguyên-văn khi xưa. Nghĩ đáng tiếc cho sự bình luận của ai đó, mình không được sớm biết đến tai, mà cũng càng thấy rằng việc thi-đàn-giảng tập đây rất là có ích cho trong việc văn thơ vậy.

*
* *

Khoảng đầu xuân năm canh-ngọ đây, tôi có tiếp một phong-thư gửi về Hải-phòng, trong thư đại-khái nói cảm-tình về văn-chương, có nhiều bài thơ nhờ chữa, ngẫm ra như nhời nhẽ của một người con gái. Nay trích mấy câu « *Vịnh cảnh xuân,* » bắt đầu sự giảng tập.

Điểm điểm mưa xuân liễu ước mày,
Má đào tươi thắm, gió qua lay.

Miệng hồng hé nở, tình man-mác,
Chào đón xuân về cái sẻ bay.

Lời thơ đây, Tác giả mượn cảnh xuân mà tự vịnh. Câu thứ nhất bẩy chữ, lời và ý được cả, cảnh vẫn là cảnh mà trọng cảnh có người, thật là thơ vĩnh xuân của một người con gái! Câu thứ hai, hai chữ « *má đào* » rất là có bệnh ở trong sự làm thơ. Phàm thơ vịnh, không cứ tả tình tả cảnh, muốn ngụ ý riêng như thế nào mặc lòng, trước hết phải trông lên đầu bài, lấy đầu bài làm chủ. Câu văn chiếu

với đầu bài có hợp nghĩa, rồi mới nhận ra nghĩa ngoài nữa, thời chỉ là phần phụ mà thôi. Nếu trọng coi về ý ngụ mà làm, thời cái bệnh thành ra đến vô nghĩa. Như câu thơ đây, nguyên là tả cây đào để vịnh xuân, phần tự vịnh chỉ là ý ngụ, như thế thời phải. Hai chữ «*má đào*» thành ra cướp hẳn cái nghĩa lấy về phần tả người, vì chữ «*má*» không thể nhân về nghĩa nói cây đào được. Câu này, tôi có muốn chữa là «*Đào tươi thắm mặt, gió qua lay*», so g nghĩ cũng sưa được, vì như thế thời gỡ được chữ «*Đào*» ra nghĩa cây, mà chữ «*mặt*» theo với chữ «*đào*» vẫn là gượng. Lại nghĩ muốn đổi là «*đào tươi thắm vẻ*», như chế thời đúng nghĩa đầu bà, mà về phần nghĩa ngụ có kém. Lại ba chữ «*gió qua tay*, đặt không thấy hay nhời. Như câu này thời nhời và nghĩa kém cả. — Câu thứ ba, «*Miệng hồng hé nở*» mà xuống «*tình man mác*» thời rất là không thông. Hai chữ *man-mác*» đặt với bốn chữ trên nghẫm ra thật không có nghĩa. Như câu này muốn để ba chữ dưới «*tình man-mác*» thời bốn chữ trên nên đặt là «*chân giời cỏ biếc*,» như thế thời cũng là tả cảnh xuân, mà trong câu thuận nghĩa hơn, lại có chữ sẵn «xuân thảo bích sách». Hoặc tác-giả buồn vì mất cái ý tự ngụ, thời cứ để những chữ trên mà hai chữ «*man mác*» nên đổi là «*e-ấp*». Vậy thời được cả ý chính và ý phụ, hai chữ «*e-ấp*» lại thêm mầu cho hai chữ «*hé nở*», mà chữ «*tình*» đứng dữa càng thấy hay. Tiếc vì hai chữ «*miệng hồng*», ngẫm ra chưa được tự nhiên vậy. — Câu thứ tư, chữ «*sẻ*» nên đổi làm chữ «*én*,» vừa đúng cảnh xuân mà có nhời thơ hơn.

Thi-đàn giảng tập, sự thể như vậy. Ai có vui lòng gửi bài về, không biết; song tôi riêng mong rằng các thi-nhân tài-nữ trong xã-hội, ai có trích những câu nào trong bài nào của tôi từ trước đến nay, xửa đổi và luận giảng mà gửi cho, thực lấy làm hân hạnh cảm tạ lắm lắm.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

VIỆT-NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ
XÃ-HỘI THIỀN-ĐÀM

Bản-chí khai thiết ra mục này, để hoan-nghinh các bài lai-cảo của đại-đa-số quốc-dân trong ba kỳ, không cứ người có nhiều văn-học hay kém sự học-vấn, người tai mặt ở thành-thị hay là ông lão thôn-quê, phàm những điều mắt thấy tai nghe trong khoảng ba mươi năm nay, (là kể từ năm 1901 đến nay) không kể điều hay nhẽ dở, sự nhỏ việc to trong xả-hội, xin nhất thiết viết gửi về cho Bản-chí, Bản-chí rất vui lòng đăng tái, để người ở nơi nọ được biết sự-tình ở nơi kia, kẻ sinh thủa sau được nghe câu truyện về thủa trước. Đó là có ích cho sự giao dịch kiến văn ấy. Lại nhẽ như công việc của Bản-chí, không những chỉ là đối với quốc-dân ta trong nhật thì, mà thực có chức trách đối với quốc-dân ta đến hậu thế. Vậy thời những bài lai-cảo của những ai sẽ gửi cho Bản-chí về mục Thiền-đàm này đó, sẽ giúp làm tài-liệu để làm sử-sách cho ai đó những người hậu-lai. Nghĩ thật càng đáng quí vậy.

Hai chữ «**Thiền-đàm**», Bản-chí đã bầy tỏ hết ý nghĩa: chỉ là câu nói truyện nông nổi, không cần dùng ý tứ sấu xa gì; sự viết-bài cũng chỉ cứ theo những điều trông

thấy, nghe thấy, mà viết ra cho rõ nghĩa xuôi câu, quí hồ đắc thực là hơn, không cần có lời lẽ văn-chương chi hết. Nay trước đăng ví dụ như những lời thiền đàm của Bản chí chủ-sự, để chư quí độc-giả ai ai cùng hay.

* * *

Ở thành-phố Hanoi, có một cái quang-cảnh : Thứ nhất về khoảng mùa rét, trời mưa, chừng ba bốn giờ sáng, giờ đêm tối, có những người ăn mặc rất lam lũ, tay sách một ngọn đèn con lù-mù, đi đến cửa các nhà, đập cửa để gọi, gọi cho mở cửa để vào đổ thay cái thùng hôi ở dẫy sau. Sự đập cửa đó có khi đứng đến rất lâu mà người ở trong nhà không dạy, thời cứ phải đứng đấy mà gọi, gọi mãi cho đến được có người trong nhà ra mở cửa mới thôi. Câu truyện đó, chắc các người ở nơi thôn-quê, chưa từng về chơi đến Hanoi, thời có lẽ không biết.

* * *

Hồi tôi qua chơi Huế, ở trong nhà một người anh em bạn trông ra đường, thấy có người con gái mặc áo lụa ạch cổ và tay có đeo kiềng vàng, mà gánh một cái gánh, hai bên hai cái rổ rá, đựng ở trong chỉ là mấy buồng chuối và những vật như quả dưa quả bí mà thôi ; trông rất là thanh nhã, mà như ở ngoài Bắc thời cái quang-cảnh ấy cũng không có.

Ở Saigon, có hôm tôi đi chơi đêm với các người anh em bạn, thấy hai người đàn ông đàn bà dải chiếu ngủ với nhau ở trên bờ đường. Một bên ở dưới đường thời để cái xe kéo, một bên trên bờ đường thời có một cái gánh không rõ là gánh rau gánh quả đó chi. Tôi hỏi những người bạn thời nghe nói truyện rằng : đó là hai vợ chồng người ta, người chồng làm xe kéo, người vợ bán hàng rong, tối thời ngủ như thế là thường. Như thế thời Hanoi cũng không có cái quang cảnh ấy.

Hồi xưa, An nam Tạp-chí tạm đình bản, tôi đi chơi vào Nam, qua Nha-trang, cùng một người bạn đi chơi ra cửa Chuột (chỗ cửa bể, có sở làm nước mắm theo cách mới), chúng tôi đi xe kéo mà gặp một cái xe ô-tô ở cửa Chuột đi về, ở trong ngồi một người An-nam. Cái xe ô-tô ấy đã đi qua, rồi dọc đường nghe người bạn tôi nói truyện về cái xe ô-tô ấy rằng :

Nguyên cái xe ô-tô ấy, của một sở buôn dùng đã hư-hỏng, bán rẻ lạ cho một người bồi xe, giá năm trăm đồng bạc. Người ấy đem về chữa lại dùng được, bán cho ông chủ xe (tức là người hiện ngồi trong xe), giá tám trăm đồng. Ông chủ xe dùng đã một hai năm, rồi đến lúc nó lại hư, đem đánh số lấy tám trăm đồng, mỗi số 25$00. Một người Lý-trưởng trúng số được. Ông chủ xe gọi ông Lý-trưởng mà bảo rằng : « Anh cũng không cần dùng gì đến xe ô-tô, thôi anh có hai mươi năm đồng, nay tôi cho anh một trăm, rồi để xe đấy cho tôi, tôi có chữa lại mới đi được » Ông Lý-trưởng xin bằng lòng. Sau ông chủ xe lại đem chữa, cái xe lại đi được, tức là cái xe đấy. Tiền mua xe từ trước thời ông chủ ấy vay của một người đàn bà hóa đến nay vẫn chưa giả. Thế là truyện cái xe ô-tô ! Ngoài Bắc trong Nam, người chơi ô-tô cũng nhiều, mà câu truyện như thế có lẽ cũng ít thấy.

* * *

Tỉnh Hòa-bình (hạt Thượng du, trên Sơn-tây, Bắc-kỳ), mỗi tháng ba phiên chợ, vào ngày ai An nam chợ họp rất là đông vui, những dân Mường Thổ, Mán rất đông đúc. Người dẫng xuôi lên buôn những gà vịt, cau, nấm, để tải về Hanoi rất nhiều, vì tiện con đường tầu thủy, (tức là sông Đà-giang,) cho tiện sự buôn bán tiện lợi. Chợ họp vào ngày hai, thời các người dưới xuôi lên (cũng do đường tầu thủy,) cùng những người mường ra, đều tới cả ngày mười, ngày một. Đêm hôm ngày một, họp la-liệt ở chợ, người mua kẻ bán đã tấp-nập rất đông. Những người mường đem hàng ra bán, thường

VIỆT-NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ

Xã hội Ba đào Ký

Mục này, Bản-chí khai-thiết ra, đại-ý cũng như mục Thiền-đàm ở trên, cũng là để hoan nghênh các bài lai-cảo của đại-đa-số quốc-dân trong ba kỳ, cứ những điều mắt thấy tai nghe, trong khoảng 30 năm nay, viết gửi về cho Bản-chí, Bản-chí rất vui lòng đăng tải, để trước là giao-dịch kiến-văn, mà sau thời để tài liệu cho người sau làm sử. Sự viết bài, hoặc ký-sự, hoặc thêm đàm-luận, hoặc theo thể tiểu-thuyết, nặng ý. Cũng quí hồ đắc thức, không cần lời lẽ văn chương, duy tính-chất thời thuộc về ba đào, xem với mục trên có hơi khác.

« Ba-đào » hai chữ cũng là sóng, tỏ ý biến động bất thường, xưa thế nọ mà nay thế kia, nay thế này mà mai ra thế khác. Một người riêng có cảnh huống ba-đào của một riêng riêng, một xã-hội có cảnh-huống ba-đào của một xã-hội, thành-quách giang-sơn có cảnh huống ba-đào của thành-quách giang-sơn ; tóm lại cũng là cái cảnh ba-đào của xã-hội vậy. Nay hãy đăng ví dụ những bài của tòa-soạn chủ-sự như sau, để các bạn độc-giả cùng rõ

An-nam-tạp-chí.

đi có trong bọn, hai ba người, hoặc bốn năm người, đêm giải chiếu nằm cả ở chợ, chỗ nào cũng có bàn đèn ăn thuốc phiện. *« Mỗi tháng chợ phiên ba buổi họp, ngọn đèn nha phiến đốt linh-tinh »*, tức là cái quang ảnh ấy. Những người đàn bà mường, lại uống rượu rất dữ, nhiều người say rượu nằm lăn-lóc ở chợ, thổ mửa rất gớm ghê. Cái quang-cảnh xằm-uất vui vầy và những tay tửu-đồ trong nữ-lưu như kia, tưởng các nơi cũng ít thấy vậy.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Ba đào! ba-đào! Ai ba đào? chưa biết ai ba-đào như đâu, hay thử đem câu truyện tự mình, viết một đoạn đoản-thiên tiểu-thuyết.

Tôi từ khi nghỉ việc An-nam tạp-chí hồi xưa, vào nam ra bắc, các cảnh huống như sao, đã tường ở trong quyển Giấc-mộng-lớn. Lại như lúc bỏ đất Vĩnh-yên đứng dạy, cửa nhà tan nát, cái công phu phí tổn hơn hai nghìn đồng bạc, bán được bốn chục đồng. Trừ những sự chi phối quanh-co, còn vừa đủ tiền tầu cho một tên người nhà thân đưa gia-quyến đi trước về Ha-noi, tam ký chủ ở ngoại-gia. Mình thời còn phải lưu lại ở Vĩnh-yên, đợi tên người nhà xuôi Hà-nội lại lên, rồi cùng đi về ga Gia-lâm, để thẳng xuống Hải-phòng cho tiện. Trước khi chạy xuống Hải-phòng đó, thực cũng chưa định rõ sẽ nương thân vào đâu, chỉ là ở Vĩnh-yên không yên thời phải đi, đi mà cũng không biết đi đâu, thời chạy quấy về nơi Hải-cảng vậy.

Xuống đến Hải-phòng, truyến tầu tối, nghỉ ở nhà người anh em về bên ngoại. Hôm sau giời mưa nghỉ lại một hôm nữa. Hôm sau nữa, đi tìm một người bạn có cái ấp ở gần tỉnh, tức là ấp Đồng-sành ở dưới cầu huyện Rào. Câu truyện nói qua trong nửa giờ, rồi quay xe ra lại về tỉnh. Hôm sau nữa cho kẻ người nhà lên Hà-nội, đón thê nhi cùng về nơi Hải-cảng, còn để bớt lại một đứa con gái bé là ở nhờ nhạc-gia. Xuống Hải-Phòng, lại để bớt lại một đứa con giai nữa ở nhà người anh em, cũng là anh em về bên ngoại.

Trong khi tên người nhà còn lên Hà-nội đón gia-quyến, mình về trước ở ấp Đồng-sành, có lẽ bắt đầu là ngày mồng mười tháng mười ta, năm Kỷ-tỵ. Đợi gia-

quyển về nữa, là một có một vợ và hai đứa con nhỏ. và một tên người nhà thân. Chủ-nhân sai dọn cho hai gian nhà bếp nước nấu riêng, gạo sẵn có ở ấp, tiền chi dụng mỗi tháng lượng cấp hai chục đồng, hoặc có đi đâu cần tiền xe thời lấy về phí ngoại Các sự ăn ở đã tạm yên, mới tính đến công việc in sách. Người bạn tôi lại giúp cho một số tiền để in ra quyển Giác-mộng lớn. Có quyển Giác-mộng-lớn, rồi mới lên Hà-nội thương thuyết với ông chủ nhà in Đông kinh để tạm lĩnh ra các sách Tam-tự-Kinh Nhân-tưởng đã in song từ trước mà còn để cả trong nhà in. Các sách Tam-tự Kinh, Nhân-tưởng tiếp tục đem về Hải-phòng để in nhan bìa, hợp với quyển Giác-mộng-lớn in ra, mà Tản Đà thư-cục lại thành lập. Kể từ khi ở Vĩnh-yên đứng dạy là khoảng cuối tháng chín an-nam, Tản-đà thư-cục lại thành lập ở Hải phòng là về cuối tháng chạp; sự thu-thập không phải là không nhanh vậy. Duy tưởng lại trong khi ở Hải-phòng đi lại Hà-nội để thu xếp công việc Thư-cục ngoài tiền xe không kể, từ cái quần áo trắng, cho đến như cái áo di-lê,... nhất thiết trông nhờ ở người bạn; lại sau lúc mấy quyển sách mới của Tản-Đà-thư-cục đã xuất hiện, các báo trương bình luận, có nhiều câu chê riễu dèm chê; lại trong thời vợ con sầu vì nỗi phiêu-lưu; lại ngoài thời công nợ khẩn đưa tin đòi hỏi; còn những ý-tứ gì ác-cảm ở đâu nữa không biết, song cứ bấy nhiên cái cuồng. sóng, dỏn-dã. Nay An nam tạp-chí lại ra đời, cái thân phù-thế lem ra mà giả nợ phù-sinh; *thuyền nan còn lắm rạp-rình, thử xem đưa gánh tài tình đến đâu.*

* * *

Từ ngày M. Bazin, bị ám sát, việc Quốc-dân bí-mật-đảng phất xuất; tiếp đến việc bão ở các tỉnh Thái-bình, Kiến-an, Nam-định, « *Của đã sạch sanh nhà, cửa ruộng; người còn tan-tác bắc, tây, đông;* lại tiếp phát ra những việc biến động ở Yên-bái, Lâm-thao, Vĩnh-bảo, Phụ-giực,,,. đó là nói về Bắc-kỳ. Ở Nam-kỳ thời việc hội kín Nguyễn-An-Ninh. Ở Trung-kỳ thời lụt Thanh-hóa. Như thế là những tấn đại ba-đào trong xã-hội, cuồn cuộn ở trước mắt mọi người, thực chẳng ai là không biết. Lại còn như những sự rất nhỏ con, không dữ dội, hoặc thuộc phần đông công chúng, hoặc thuộc sự riêng một người, mà xét ra thực thấy cái cảnh ba-đào của xã-hội. Nay tôi xin lại nói truyện, để những ai trong cuộc ba-đào cùng nghe.

Nhớ từ năm đã lâu, có lẽ đến hơn mười lăm năm nay, tôi có viết chơi một bài hài-đàm nói về *hai ông đồ*, là ông đồ chữ tây và ông đồ chữ nho cùng cãi nhau, Ông đồ chữ tây bảo ông đồ chữ nho rằng: « *chữ nho, bây giờ xuy học nữa thời làm chi!* » Ông đồ chữ nho bảo ông đồ chữ tây rằng: « *chữ tây đúng thời-thế, nhưng nhiều quá thời ế.* » Đến nay xem ra, hai câu đó đều đúng sự-thực:

Có một khi cách nay đã lâu, tôi về chơi phủ Yên-Khánh (thuộc tỉnh Ninh-bình), nhân nói truyện đi xe từ tỉnh về, bị nắng quá; rồi nghe quan phủ nói truyện con đường từ Ninh-bình về Yên-khánh, xưa nay khổ về sự đi xe nắng, có một câu truyện rằng: « Một buổi đương trưa, có một cái xe kéo đi ở con đường ấy, người ngồi trên xe đó là một ông đồ nho. Vì giời nắng quá cho nên người kéo xe không đi được nhanh; người kéo xe không đi nhanh thời người ngồi trên xe cũng lại khổ vì nắng. Ông đồ nho ngồi trên xe cằn-nhằn gắt gỏng mãi với người kéo. Người kéo cũng gắt, rồi bỏ xe đấy không kéo nữa, chạy vào chỗ gốc cây, ngồi. Ông đồ ngồi trên xe cũng phải bỏ xe nhẩy xuống mà chạy theo vào gốc cây. rồi hai người cùng gắt lộn nhau.

Người kéo xe bảo rằng : « Ông tưởng tôi nguyên vẫn làm nghề kéo xe này hay sao ?! Tôi cũng đã đi thi đã vào tam trường rồi, chẳng may không ra gì thời mới phải làm như thế này mà thôi ; chứ ai kéo mãi từ bao giờ mà bảo chạy khoẻ được ! » Ông đồ kia lấy làm kinh ngạc, phải đổi sắc mặt, dịu nhời nói, thung dung hỏi thử về những sự học hành thi cử. Ông đồ kéo xe lại đáp truyện lại, rất là học rộng và thông-thái, còn nhớ rõ cả những khoa thi năm ấy năm khác những đầu bài kinh-nghĩa và thơ phú như..... »

Gần nay, trong xã-hội ta có một sự đáng lo hơn hết, không phải là những việc biến động đối với cuộc chính-trị, cũng không phải là những việc bão lụt xẩy sinh ra là việc thiên-tai, chỉ là cái cảnh-huống ba-đào của nhà nho đã gần qua, cái cảnh-huống ba-đào của những người trong Pháp học lại gần tới. Hiện nay cái số học-trò thi tốt-nghiệp phổ-thông, những người có đỗ thời kiếm được việc làm không khó lắm, còn như những người thi không đỗ thời không biết tính nghĩ ra làm sao. Kiếm việc làm để lấy lương thời không có tiền, không có thầy, không thể kiếm được ; về nhà thời không làm được những việc quê ; lại quen sự ăn mặc quần hồ áo cánh, không lủi thủi như học trò nho khi xưa, thời lại càng nhiều chỗ khó nghĩ. Hiện nay trong xã-hội ta, số người học-trò như thế tưởng đã nhiều lắm, mà sự-thế mỗi ngày còn mỗi nhiều, thời không biết sau này cái cảnh huống ba-đào ấy lại hiện ra như những thế nào vậy. Các người học-trò về bên con giai đã vậy ; lại các người về bên con gái, thực lại càng là đáng lo thay ! Tôi có nghe một người anh em bạn, có trường dạy học tư, nói truyện với tôi rằng : « có một cô giáo mất việc làm mà một mình phải nuôi một mẹ già và mấy người em bé, có đến trường xin việc, bầy tỏ nông-nỗi, chỉ mong kiếm được một việc làm mỗi tháng chỉ độ mươi đồng cũng tạm đủ qua ngày, mà ở trong trường đấy không có việc gì giúp được. » Nghe câu truyện đó, thực đáng là ngậm-ngùi ! Một người có cái cảnh-huống như thế, thời chắc không những chỉ một người ấy có cái cảnh-huống như thế. Bên nam-giới ba-đào chưa xiết kể ; lại ba-đào đến cả nữ giới ru ?

. . .

Cách Huế 15 ki-lô-mét, có phong cảnh Thuận-An, tức gọi là cửa bể Thuận. Chỗ đó, nếu bà già con trẻ đến chơi, có nhẽ không lấy gì làm thú hứng, mà cái giá-trị đối với người du-lãm còn kém xa ở xứ Bắc chùa Hương. Tuy vậy mà những người con giai hơi có chút học vấn thời cũng nên biết qua, vì là một nơi thắng-cảnh có ở lịch-sử vậy. (Lược) Hơn 7 giờ sáng ở Huế đi, khoảng 11 giờ đến cửa Thuận, ấy là ngày 18 tháng ba (19 Avril 1927) Đến đó, xuống đò đi ra, vì Thuận-an cũng là nơi cù-lao có xóm mạc. Lên hỏi thăm trong xóm, đi tới một chỗ có tường bao đã tàn huỷ, quanh mãi về mặt trước là mặt trông ra bể, thấy cổng xây tối cổ, dữa đề to hai chữ 南門 Nam-Môn ; hai bên dưới có câu đối rằng :

臨 巨 浸 以 弘 量
Lâm cự tẩm dĩ hoằng lượng

柔 遠 方 而 養 民
Nhu viễn phương nhi dưỡng dân.

Bên hữu câu trên, về phía trên, có hai chữ 御製 (Ngự chế).

Bên tả câu dưới, về phía dưới, có một giòng chữ 嗣德三十一年四月十四日 (Tự-Đức tam thập nhất niên, tứ nguyệt thập tứ nhật). Đó là những chữ đề về phần chữ nho. Lại trông lên trên hai chữ Nam-Môn, cũng khoảng chính dữa, thời có một cái biển gỗ, sắc đen, trông cũng đã hơi cũ, có chữ tây đề rằng : *Service Forestier*. Bồi hồi chút lâu, rồi nghé vào trong cổng thấy có người, nhân vào xin nước uống. Có một người ăn mặc linh

ra tiếp, thời là lính kiểm-lâm, mà tức là người trông giữ cái khu ó Trong lúc cùng ngồi chơi uống nước, trông lên có một tòa nhà to, nghe người lính ấy nói truyên, thời chỗ đó nguyên xưa là bành-cung của đức Tự-Đức, đến sau là sở Quan binh của nhà nước Bảo hộ, đến sau nữa là tòa Điện-Báo, sau nữa là nơi thừa-lương của quan Công-sứ Thừa-Thiện, hiện nay thời là sở Kiểm-lâm của mấy ông tây Kiểm-Lâm hằng khi có đi lại. Uống nước song, ra xem nhà bia, phải khuân bỏ các nong nia của nhà người lính để trong đó, rồi xem thấy bia của đức Giực-Tôn, thơ Ngự chế vịnh Thuận-An tám mươi vần. Đức Giực-Tôn là ông vua hi u văn, cho nên hay làm thơ; đến nay tuy thời đại biến thiên, nơi hành-cung là sở Kiểm-Lâm, nhưng bia thơ Ngự chế vẫn còn vậy.

Xem bia song, từ tạ người lính Kiểm-Lâm, rồi cùng nhau (tôi đi có một người bạn đồng-hành) đi ra, nhân hỏi thăm phong-cảnh, người lính trỏ đường đi lên đài. Đài là chỗ của Nam triều đóng quân để giữ cửa Thuận-An khi trước. Đi một lát, gặp mấy ông cụ già trong xóm, lại hỏi thăm nữa, nhân cùng đứng cả lại nói truyện. Gần chỗ đứng nói truyên, có một cái mô con xây bằng gạch, trông đã hủy hoạ; mấy ông cụ trỏ và nói rằng: « Đó là cái lò của các quan Tây khi mới đến Thuận-An, đắp để hầm bánh. » Câu truyện cũng còn muốn nghe nữa, song giời đã trưa quá, vội sự đi ra đài.

Cổng đài thật cao nhớn, đề ba chữ 鎮海關 (Chấn-Hải-Quan.) Nêu ai đi du-lãm hồi xưa, thời trông lên rất uy vũ, mà có lẽ không dung-dị được vào. Khi đó chúng tôi hai người vào, không thấy có ai hỏi; cũng không thấy có ai mà hỏi. Trong cổng, đất rộng có thể làm vườn ruộng mà chỉ là bỏ hoang cho cỏ mọc. Ở dữa, một tòa nhà xây vuông rất cao nhớn, đó là đài. Chung quanh ở chân thành có những hình xây mui-luyện như cái chiếu tùm-hum, thời người bạn đồng hành bảo tôi đó là những chỗ để thuốc đạn khi trước. Vào mãi đến sau đài, có một cái nhà danh nhỏ con, mà cũng không thấy có ai cả; chỉ ở dưới dàn bí xiêu vẹo, có một con chó con chạy ra cắn *lắc-rắc*. Cứ người lính kiểm-lâm và mấy ông cụ gặp ở đường đã nói truyện, thời ở đài có người gác, có nhẽ là đi vắng chăng? Trông vào cái nhà gianh thời thấy cửa đóng mà không có khóa, bất-đắc-dĩ phải đập cửa để hỏi. Đập gọi một lúc lâu, quả-nhiên ở trong có người dậy, thời chính là bác lính g ữ đài mà ngủ trưa.

Chép đến đây, mừng có sự rất may mắn tự nhiên, là sao? Nguyên người lính giữ đài đó trước có đóng ở Huế, cho nên cùng với ông bạn cùng đi với mình có quen biết. Có một chút quen biết mà trong sự đi chơi cũng có hơn

Khi ấy người lính mời vào chơi uống nước, rồi dẫn khách lên xem đài. Mở cửa đài, trông ra mặt bể, thật là mênh-mông bát-ngát, lại đương trưa giời nắng gió, khiến cho người du-lãm dễ phát sinh ra cảm-tưởng sâu xa. Nền đài xây bằng đá, dưới có hầm, là của Nam-triều ta, vật cũ. Phần trên, dui sắt, dầm sắt, thời chắc là của Nhà-nước Bảo-hộ mới làm sau, nhưng cũng đã dỉ đen, trông thành vật cũ vậy. Có một cái tủ to, trong chứa bát đĩa dao dĩa, những đồ dùng ăn cơm tây, hỏi người lính thời là đồ cần dùng của những học-sinh nam nữ của qui Đại-Pháp Bảo-hộ ở Huế trong mấy tháng hè ra nghỉ đài. Mình hai người đi chơi hôm ấy, may không phải là ngày nghỉ hè, nên mấy được hưởng cái hạnh-phúc tàn dư của Cô-Tô vậy. Lúc ấy xem đồng hồ đã tới một giờ chiều, đói và mệt, dở rượu và các thức đồ ăn, bầy bàn ghế, mượn bát đĩa lại tần phiền chủ-nhân cho một đĩa rau bí luộc. Ăn một miếng, uống một chén, thật ngon, trông ra ngoài chỉ có bể cùng giời, rồi say tít lúc nào không biết. Khoảng 3 giờ chiều, đương nằm ngủ say ở ngoài hiên bao lớn, bị ông bạn đồng-hành cưỡng bách đập dậy để đi về. Mặt giời đã sế dậm về còn xa, cho nên say đến đâu

cũng phải tỉnh Xuống đài, từ dã người lính gác ra về, lại ngồi đợi đò một hồi lâu, hỏi nghe những người ở bến đò nói truyện, hợp với những câu truyện nghe mấy ông cụ già gặp ở đường, cũng là người lính gác đã nói, thời : chỗ Thuận-An đó có hai xã : Thai-dương-Thượng và Thai-dương-Hạ thuộc huyện Hương-trà, phủ Thừa Thiên. Dân cư có chừng trăm nóc nhà, lấy việc trải lưới làm sinh-nghiệp; cũng có nhà làm việc buôn bán, thời cũng chỉ những thức cần dùng cho các nhà trong xóm, như dầu tây, mắn muối, diêm thuốc mà thôi. Quanh cù lao, nghe người tây có định đánh một con đường ô tô, có nhẽ cũng chỉ là sự chơi mát. Chính chỗ cửa bể trước thời đến nay cát lấp, chỗ cửa bể nay đó là luồng nước lại mới thông; nhưng bây giờ đi lại vắng tầu bè, chỉ là khu vực các ngư-ông ra vào hôm sớm. Trước kia hai nghìn quân đóng giữ Thuận-An, bây giờ một tên lính chấn hải. Thời đại xuy di, giang-sơn biến cải, thiên công đa sự, nhân sự vô thường, người du quan mà khách vấn chương, khỏi sao tình tự vấn vương vậy !

(Đây là một đoạn văn du-ký ở trong quyển Giấc-mộng-lớn, trích lục để trứng nghĩa ba-đào của thành quách giang sơn)

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

CÂU KHÔI HÀI

Sáng hôm mồng 7 Juillet, các xe điện chưa chạy, đứng trên sân Tòa báo, trông xuống hồ Hoàn-Gươm, trên bờ hồ một cô con gái, yểu điệu phong-lưu, chờ đợi chi ai trên mặt nước ?

Mình ngắm mãi không khỏi lấy làm ngờ.

Tới khi nhà dưới mở cửa hàng, té ra một vị thục-nữ đó là người đến hỏi mua An-nam Tạp-chí số 11.

TẢN-ĐÀ

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Công việc của Bản-chí, những phần chú-trọng đã tường ở trên bài « Kính-ngỏ cùng Độc-giả chư vị » ; còn nhự thời-sự thời chư quí độc-giả hẳn đã xem ở các báo hằng ngày về phần nhiều. Bản-chí dẫu có mục Thời-sự, thời tin-tức cũng chẳng qua có như thế mà thôi. Tuy vậy, chí cũng là báo, đã là báo mà nếu toàn-niên không có ít nhiều trang giấy nói đến Thời-sự, thực là khuyết-điểm rất to. Vậy nên Bản-chí đặc thiết mục này, kỳ nào cũng có trích đăng những ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới, một là để cả Độc-giả ở xa nơi thành thị, hoặc thượng-du, hoặc thôn rã mà không mua các báo hằng ngày, thời cứ xem ở An-nam tạp-chí đây, cũng đủ hiểu qua đại-lược những sự-cố hiện-thời và tình-hình trong báo-giới ; hai là các Độc-giả dẫu có mua báo hằng ngày, mà xem thêm ở mục này của An-nam tạp-chí, cũng chưa hẳn không có một chút tiện lợi vậy.

Trong báo-giới, thường có một thời-sự mà các báo đăng tải, phải theo tin-tức ngày hôm ấy, ngày hôm

khác, chép làm bao nhiêu kỳ ; lại báo này tưởng về đoạn này mà đoạn kia có lược, báo kia lược về đoạn khác mà đoạn này lại tường; lại thường có một vấn-đề mà các báo phát biểu ý-kiến, báo này thế nọ, báo kia thế kia, rất là bất nhật. Nay Bản-chí trích để đăng tải, tùy ý tải định, kỳ nào việc nào có trích ở những báo nào số nào, đều có ký chú minh bạch. Sự trích đăng đó, chỉ cứ những lời trong các báo hoặc có trùng điệp nhau thời lược đi mà thôi, chớ Bản-chí không có thêm một lời bình-luận nào cả. Mong chư quí Độc-giả coi ở mục này của An-nam tạp-chí mà ý-kiến và tiêu tức trong báo-giới sẽ biết được tường tận dản minh. Còn riêng phần Bản-chí đối với thời-cục có những ý-kiến gì về việc gì, mỗi kỳ sẽ biểu yết lên trong bài luận thuyết ở đầu, để chư-Tôn coi trước.

An-nam tạp-chí

---

13 NGƯỜI BỊ HÀNH HÌNH

26 người được ân giảm

Trong số 39 người dự vào cuộc phiến động Yênbay đêm hôm 10 rạng ngày 11 Février 1930, bị hội-đồng Đề-hình họp ở Yên-bay lần thứ hai vào ngày 27 Mars 1930 xử-tử, thì 26 người được ân xá, còn 13 người, hôm 10 Juin vừa rồi thì quan giám-quốc Doumergue nước Pháp y án.

Danh-sách các người bị xử-tử

1· — Nguyễn-Thái-Học

26 tuổi, cha là Nguyễn-Văn Hạch, người làng Thổ tang, phủ Vĩnh tường (Vĩnh-yên)

2· — Phó-Đức-Chính

23 tuổi, quán ở Bắc ninh.

3· — Bùi-Tư-Toàn

37 tuổi, người làng Xuân-lũng (Phú-thọ)

4· — Bùi-Văn-Chuẩn

35 tuổi, lính pháo-thủ số 7097,

5· — Nguyễn-An

lính pháo-thủ số 3373, quán tại Lý-nhân (Nghệ-an),

6· — Đào-Văn-Nhít

làm bồi ở Yên-bay.

7· — Ngô-Văn-Du

lính pháo thủ số 7804, quán ở Huế.

8· — Nguyễn-Văn-Tiềm

cai pháo-thủ số 3725, quán ở Huế.

9· — Nguyễn-Như Liên tức Ngọc-Tỉnh 20 tuổi, quán ở Cao-mại (Phú-thọ).

10· — Nguyễn-Văn-Cửu

lính pháo-thủ số 7293, quán ở Ngọc-vệ (Vĩnh-yên),

11· — Lê-Văn-Tụ tức Hương-Hói, 55tuổi, quán làng Xuân-lũng (Phú-thọ).

12· — Nguyễn-Văn-Tinh

lính pháo-thủ số 2751, quán làng Đô-quan (Nam-định).

13· — Hà-Văn-Lao tức Chúc, lính pháo-thủ.

Sau khi tiếp được điện-tín của quan Doumergue, quan Thống-sứ Bắc-kỳ ra lệnh cho sở Mật-thám giải 13 người lên Yên-bay hành hình.

Hồi 8 giờ rưỡi tối hôm-qua, các tội-nhân bị xếp lên một chiếc xe ô-tô hôm của sở Mật-thám, giải ra ga Hanoi, xe đi thong thả, hai bên đi kèm có 12 người lính khố xanh do một viên quản chỉ huy. Lính sen-đầm, lính cảnh sát, tất cả đến ngót hai mươi người đi theo chiếc xe ô-tô đó ra tận ga và giẫn các tội-nhân lên toa xe lửa. Đi trông nom bọn áp giải các tội-nhân, có ông Arnoux là chánh sở Mật-thám Bắc kỳ và hai viên thanh tra Mật-thám Tây.

Lúc này, các chuyến xe lửa đi về đã gần hết trước và trong ga tuy vắng tanh, nhưng sở Mật-thám cũng vẫn cho phòng thủ rất cẩn thận, người sở Mật-thám và lính cảnh-sát canh phòng khắp ngả, người đi lại đều bị chú ý xem xét.

8 giờ 52 phút, một tiếng còi thét vang, chuyến xe lửa riêng từ Hanoi lên Yên-bay bắt đầu chạy. Trên chuyến xe này chỉ có toa hạng tư, bốn mặt cửa đóng kín mít, trong một toa có 13 tội-nhân.

Ngoài ba toa kia ra, còn đằng sau toàn xe trở súc-vật (thường gọi toa bò) để không cả.

Đêm càng khuya, xe chạy càng mau, người trên ngồi lắm cũng mệt kẻ, giựa lưng vào thành toa, người thiu thiu ngủ.

Duy chỉ có những lính sen-đầm và lính mật-thám ngồi canh các tội-nhân thì lúc nào hình như cũng tỉnh tao khỏe mạnh, mỗi cái cử động của các tội-nhân đều chú ý xem xét cả.

Một giờ 40 phút sáng hôm nay, xe tới ga Yên-bay. Ở trước ga Yên-bay có quan Công-sứ, quan phó Công-sứ, ông Cầm Yên-bay và một đội lính lê-dương đứng chờ sẵn. Ngoài cửa ga cùng các phố có lính cảnh-sát đứng nghiêm phòng sẵn. Các tội-nhân lần lượt ở trên toa xuống. Lính lê-dương và lính sen-đầm đi kèm hai bên, giải các tội-nhân về thẳng nhà pha Yên-bay, việc xếp đặt đã sẵn sàng từ 4 giờ rưỡi sáng. Năm giờ mười phút thì bắt đầu hành hình.

Các tội-nhân bị xử ở khu đất công ngay trước cửa trại khố xanh tức là khu đất xử bốn người lần trước.

Chung quanh và trong khu đất này có chừng 200 người vừa lính pháo-thủ, lính khố xanh, lính lê-dương đứng canh. Công chúng đến xem lẻ tẻ có một số ít người, vì việc hành hình sớm quá, cũng không mấy người biết.

Lên đoạn-đầu-đài lần lượt những người sau này : Nguyễn-như-Liên tức Ngọc-Tỉnh, Ngô-văn Duy, Bùi-văn-Chuân, Bùi-tư-Tuân, Nguyễn-văn-Cửu, Đỗ-văn-Tu, Nguyễn-văn-Tiềm, Nguyễn-văn-Thinh, Đào văn-Nhít, Nguyễn-An, Phó đức Chính, Nguyễn-thái-Học.

Sáu giờ thì chém xong, không sẩy ra việc gì cả. 13 cái xác xếp vào 13 cái săng bằng gỗ chất lên bốn chiếc xe bò, tải ra một khu nghĩa-địa ở cách ga 500 thước, vào chôn ở gần bốn cái mộ của những người bị xử tử lần trước.

Đến trứng kiến việc này có đại biểu của các báo Le Matin và báo Petit Parisien cùng quan thanh-tra Servoise. Các ông này đã đi chuyến xe lửa sáng hôm nay về Hanoi.

Ngọ-Báo
17 Juin N°857

NẶNG MỘT CHỮ TÌNH
CÔ GIANG TỰ TỬ CHĂNG ?

Sáng hôm thứ tư 17 Juin vừa rồi, người đi làm ruộng sớm, thấy trên một khu đất không, thuộc làng Thổ-tang, phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên là chỗ nhà Nguyễn-thái-Học ở cũ, thấy xác một người con gái trạc ngoài hai mươi tuổi, nằm vật ra đó chết. Bên cạnh chiếc tử-thi này có một khẩu súng lục. Người làng vội-vàng lên báo quan Phủ.

Các quan chức tỉnh Vĩnh-yên và quan phủ Vĩnh-tường về khám nghiệm thì thấy người đàn bà đó tắt nghỉ đã lâu rồi và có m t viên đạn bắn xuyên qua cổ. Lập tức cho đưa về tỉnh-ly để khám nghiệm và cho đòi thân-nhân của người mới từ trần đến nhận diện.

Tử thi này chưa biết rõ là ai. Song cứ như lời của những người ở gần vùng này thì nói là xác của người vợ cả Nguyễn-Thái-Học.

Nguyên khi còn học tại trường Cao-đẳng Thương-mại, Nguyễn-Thái-Học đã có vợ. Nhưng từ khi lập ra Nam-đồng thư-xã tức là cái ổ của Việt Nam quốc-dân-đảng sau này. Học với vợ ý-kiến không hợp, nên đến năm 1928 thì Học viết giấy giấy vợ. Người vợ này từ đó trở đi không chịu lấy ai cả. Sau khi nghe tin Nguyễn-Thái-Học bị xử tử ở Yênbay thì cũng về đó tự tử để trọn tiết với chồng.

Nhưng một người đàn bà thường thì không làm gì có súng lục, nên có người nói, người tự tử đó là Nguyễn-thị-Giang tức Cô-Giang. Cô-Giang là chị cô Bắc, là người trong phiên tòa ngày 27 Mars vừa rồi bị hội-đồng đề hình họp ở Yênbãy kết án phát vãng chung thân.

Cô Giang, cứ như lời khai của ít nhiều đảng-viên của Quốc-dân-đảng thì là tình-nhân của Nguyễn-Thái-Học và là một người giữ việc thông tin cho Quốc-dân-đảng. Cô-Giang quán ở Bắc-giang, gần đây bị truy nã riết lắm, nhưng vẫn chưa bắt được,

Cô Giang có lẽ vì thấy Nguyễn-Thái-Học mới bị xử tử, nên cũng tự sát để trọn chữ chung-tình!

Lời đoán thứ như có phần đúng hơn.

Nay mai thân nhân cô Giang lên nhận diện, ta sẽ biết đích người đàn-bà đó là ai.

Ngọ-báo
20 Juin N. 860

Cô Giang bắn mình chết theo Thái-Học

Dưới bờ ruộng, tử-thi người thiếu-phụ nằm sóng-sượt. Người chết tuổi chừng 21, 22, mình mặc đồ tang. Trên thái-dương một vết thương sâu hoắm, di-dỉ chất nước vàng trong óc chảy ra. Cạnh mình một khẩu súng lục...

Ấy là cái thảm-cảnh mà sáng hôm 18 Juin, một người dân làng Đồng-vệ, phủ Vĩnh-tường nom thấy cách cái quán con, dưới cây đề cổ vài ba thước vậy. Cạnh người chết, khẩu súng lục còn thấy bỏ rơi, tất không phải cái nạn thường. Vì vậy, một lúc sau, viên Phủ sở-tại cùng nha lại đã thân về tới chỗ người thiếu-phụ nằm. Mới nhìn vào mặt người chết, một lời nói nhỏ :

Cô Giang!

Ừ, cô Giang! cái tên này đủ sẽ tan cái màn bí mật đang quây-quần che quanh cái thây lạnh-cứng.

Cô Giang là em ruột cô Bắc. Hai cô cùng sinh tại tỉnh Bắc-giang. Cái chí-hướng hai cô có lẽ khác hẳn các chị em bạn gái thường, từ khi có V. N. D. Đ, thì thân-thể, tâm-hồn hai cô đều buộc chặt vào vận-mệnh viên đảng trưởng. Hai cô — theo một tờ báo ta — là « vợ chính-trị» của Thái-Học.

Sau khi V. N. Q. D. Đ. vỡ, Thái-Học cùng hai cô phải đem thân trốn tránh. Công-việc nặng-nề của đảng, hai cô phải bắt tay vào làm từ đó.

Ngày 24 Août 1929, cô Giang nhanh chân thoát, không bị bắt cùng hai Viên ở nhà số 9 ngõ hàng Bột.

Xẩy cuộc biến-động tháng février đầu năm. Học cùng cô Bắc phải bắt. Các yếu-nhân trong đảng dần-dần cũng mắc vào lưới công dàng bắt. Duy một mình cô Giang vẫn cánh hồng bay bổng, nhà thám-tử đại-tài cũng không tìm ra dấu-vết.

Cô trốn-tránh cho đến ngày 17 Juin. Có lẽ, lúc Thái-Học và 12 người cách-mệnh, nối chân nhau lên đoạn-đầu-đài, thì cô Giang cũng lẩn quất đâu cạnh đó. rỏ rọt nước mắt sau cùng mà từ-biệt người đồng-chí.

Tử-thi Thái-Học đã yên-nghỉ trong cánh-đồng Yên-Báy, cô Giang mới giở ra về.

Về đâu ?

Sáng sớm hôm sau, tử-thi cô đã thấy sóng-soài trong thửa ruộng làng Đồng-vệ, cách làng Thái-học (Thổ-tang) chừng độ 3 cây-số.

Thực cô Giang nằm đấy chăng ?

Nguyễn-Văn Khôi, Nguyễn-Xuân-Quế và Đỗ-Thúy do sở mật-thám Hanoi dẫn lên, đều nhận đích mặt người bạc mệnh. Mà cả người nhà ở Bắc-Giang lên đó cũng nhận đích cô Giang. Trong túi cô, lần ra còn thấy một bức thư tuyệt-mệnh, dưới ký là « Mme Nguyễn-Thái-Học ». Lá thư này sở Mật-thám đả mang về Hanoi. Còn tử-thi cô Giang thì chôn ngay ở cánh đồng đó.

Cô Giang !

Đòn tây t. báo 28 Juin N° 20

Mang xuống Tuyền-đài.

CÔ GIANG AN TÁNG Ở VĨNH-YÊN

Chiều hôm vừa rồi, ông Cẩm ở Mật-thám Pujol đã đưa mấy đảng-viên Quốc-dân-đảng lên Vĩnh yên nhận diện người con gái mặc tang-phục tự sát ở Vĩnh-yên. Ai nấy đều nhận đích là cô Giang cả. Các nhà đương chức đã cho an táng cô Giang ở Vĩnh-yên.

Chiếc khăn ngang chít ở trên đầu cô *mới xé chưa dặt lần nào*

* *
*

Bức thư của cô Giang

Tin cô Giang tự tử bằng súng lục, Ngọ-báo đã đăng hôm qua. Viên đạn bắn vào đầu nhưng không qua, nên còn vướng trong óc.

Khám trong mình cô có thấy một bức thư rất dài, chữ viết thảo rất khó đọc, gửi cho bố mẹ để nói rằng :

Khi Thái-Học còn sống cùng nhau quá nặng lời thề, quyết đồng sinh đồng tử, nay nỡ nào để kẻ âm người dương mà không bước chân xuống suối vàng cho xong.

Dưới thư cô Giang ký tên là Madame Nguyễn-Thái-Học.

Ngọ-Báo

21 Juin N. 861

Tin thêm về việc

CÔ GIANG TỰ TỬ

Mấy kỳ trước, các báo ở Hanoi đều đăng rằng : Sau khi cô Giang tự tử, các nhà chuyên trách có bắt được một bức thư, dưới ký tên Mme Nguyễn-thái-Học.

Nay cứ theo tin một tờ báo Tây thì ngoài bức thư đó lại còn một lá thứ hai không có chữ ký, nhưng lá của ban Trung-ương đảng V. N. Q. Đ. mới viết cho cô Giang, ra lệnh cho cô rằng : « *Ngay ngày hôm nào mà được tin Nguyễn-thái-Học bị hành hình, thì cũng phải chết theo* ».

Xem như vậy, thì đủ hiểu cái chết của cô Giang không những do ở sự giữ lời thề-ước với Nguyễn-thái-Học, mà lại còn là lệnh riêng của đảng truyền cho cô phải tự-tử nữa.

Một điều nên chú-ý là bức thư tuyệt mệnh, cô Giang đề ngày tháng hai tây, (Février 1930) nghĩa là viết ngay sau hồi biến-động ở Yên-bay.

Đông-Phương-Báo

26 Juin N° 68

Ai là người chủ ?

BẮT ĐƯỢC SÚNG VÀ ĐẠ

Tại Haiphong sở Cẩm mới nhặt được một cái va lít vất ở bãi cỏ, trong đựng một khẩu súng lục và 12 viên đạn

---

Hồi 8 giờ, sáng nay, người hàng cháo là Nguyễn-thị-Đao 25 tuổi, ở ngõ Quảng-An (O. d'Endhal) số 27 gian thứ năm đương rao ở trong ngõ Quảng-Lạc, chợt nhìn thấy trên bãi cỏ hoang, sau chuồng

si số 15, một cái va lít còn mới, bèn bảo ông Lê phúc-Lợi là chủ nhà số 15 biết, Ông vội vàng ra xem, và cho thằng cháu là Đoàn-văn-Hiếu (9 tuổi) ra bóp Đầu-Cầu trình, Một chốc, ông Rivoir là Chef poste cùng với người phủ lít Bang đến tận nơi, thấy cái va lít không khóa, mở ra thì trong đựng :

1 khẩu súng lục 18m/m, trong có 6 viên đạn.
1 con giao nhọn hơi rỉ.
1 quần lĩnh.
1 bộ quần áo tây trắng
2 áo tây trắng
1 đôi giầy trắng
1 phô côn (faux col)
1 Cavát (cravatte)
1 tờ Ngọ-Báo.
1 tờ Thực-nghiệp.
1 tờ giấy bọc 6 viên đạn to, trong tờ giấy học ấy có biên những chữ này :

Nguyễn-văn-Vinh
Nguyễn Hưu
Không may.
Không

Vậy ông Rivoire bắt cả ba người là chị hàng cháo, hai chú cháu ông Lợi, lên sở Mật-thám. Khi hỏi ông Lợi trước làm nghề nghiệp gì, thì ông khai trước kia có làm cho sở Navigation, nhưng vì đau ốm đã thôi từ tháng Septembre 1929, tới nay đã được 10 tháng rồi.

Sở Mật-thám còn giữ mấy người ấy lại để xét hỏi.

(Lược)

Đông-phương báo
28 Juin N. 170

Bắc - Sử Diễn Nghĩa

(LỊCH - SỬ TIỂU - THUYẾT)

Nước Tầu, gọi là « **Trung-hoa** », cũng gọi là « **Trung-Quốc** », là một nước đất rộng người nhiều, mà có nước sớm hơn hết ở trong cõi Á đông ; quan-hệ với nước An-nam ta từ xưa, lại rất là mật-thiết. Nay đem **lịch-sử của Trung-quốc** chép thành một bộ **Trường-thiên tiểu thuyết**, bắt đầu từ đời vua **Đường Nghiêu** làm trước nhất, tức là ngang với **đời vua Hùng-vương nước Nam ta.**

.·.

Trước đây 4286 năm, ở Trung-quốc có một vì thiên-tử, gọi là vua *Nghiêu*, chính tên là *Phóng-huân*, họ là *Cơ*, nguyên cũng là một vua chư-hầu, vì có nhân đức mà được các ông vua chư-hầu khác tôn lên làm vua thiên-tử Vua Nghiêu đã lên ngôi thiên-tử, gọi là nhà *Đào-đường*, việc chính-trị rất là công minh, thiên-hạ thái-bình, tiếng thịnh-trị đời sau ít có. Trong đời ấy, lại có một truyện rất là kỳ-khôi, là vua Nghiêu đem cả hai con gái của mình, gả cho một người hạ-dân, tên là *Thuấn*,

Nguyên ông *Thuấn*, họ *Ngu*, người ở miền sông Vỉ, sông Nhuế, (nay về hạt huyện Vĩnh-tế, tỉnh Sơn-tây, Trung-hoa) có bố là cụ Cổ-Tẩu, mẹ mất sớm Cụ Cổ-Tẩu lấy người vợ sau, đẻ thằng con nữa là Tượng. Tượng rất cốc láo. Cụ Tẩu thời mê người vợ sau, yêu con bé, thương muốn giết Thuấn. Ông Thuấn ở hết đạo hiếu đễ, càng ngày càng giữ gìn, đến năm hai mươi tuổi, có tiếng là người hiếu-hạnh đồn lên

cả đến vua. Khi ấy vua Nghiêu tuổi đã già, mà làm vua kể đã bảy mươi năm' có ý mỏi mệt; lại nghĩ rằng con giai mình là tên Chu thời hư, không thể giao ngôi cho mà cho nó lên làm vua thiên-hạ được Vậy hỏi rộng các hàng quan ở triều, xem trong thiên-hạ có ai là người có thể để mình truyền ngôi cho. Các quan đều tâu lên rằng có Thuấn. Nguyên vua Nghiêu cũng vẫn đã nghe tiếng Thuấn là người tốt, song giao ngôi cho làm vua là việc rất trọng hệ không dám cẩu-thả mà làm ngay. Cho nên Vua muốn thử ông Thuấn, xem có thật là người tốt hay không. Lúc ấy Vua Nghiêu mới đem hai người con gái của mình, gả cả cho làm vợ ông Thuấn, cho về làm nàng dâu nhà họ Ngu.

Hai người con gái người lớn tên là *Nga-hoàng*, người bé là *Nữ-anh*, sau khi đã lấy về ông Thuấn làm vợ, ở gia-đình rất là thuận-hòai Hằng khi bố mẹ lập mưu gọi ông Thuấn để định giết, ông Thuấn biết sự-thế, hỏi hai vợ có nên đi hay không. Hai người rằng: Cha mẹ gọi thời cứ phải đi, song phải nên biết cách giữ mình. Như một khi sai ông Thuấn chèo lên chát bịch thóc, ông Cổ-Tẩu ở dưới ôm lửa đốt bịch, ông Thuấn lấy hai cái nón đỡ mình như hai cánh mà bay xuống, được khỏi không chết. Lại một khi sai ông Thuấn đào riếng, ông Thuấn đào sẵn một cái lỗ kín một bên, đến khi đào đã sâu xuống ở dưới, ông Cổ-Tẩu ở trên cùng với Tượng khuân đất lấp riếng, ông Thuấn lại do cái đường kín ở cạnh mà chốn ra, lai được thoát không chết. Những sự như thế, cũng là có hai người vợ bảo ý cho ông Thuấn biết mà phòng thân, cho nên mấy bận được khỏi chết.

Vua Nghiêu đã gả hai con gái cho ông Thuấn để xét cách ăn ở trong gia-đình, lại sai ông Thuấn nhiều việc khác, để xem cái tài năng về việc quốc gia, như thế hai năm, thật biết ông Thuấn là người tốt rồi vua Nghiêu cáo lão mà nhường cho ông Thuấn lên quyền ngôi làm vua. Ông Thuấn đã lên quyền ngôi vua, làm được nhiều công việc lớn lao Lại hai mươi tám năm nữa thời vua Nghiêu hết thọ qui tiên, thế là kể từ lúc lên trị-vì thời một trăm thêm một năm, mà tính cả số thọ thời một trăm mười bảy tuổi (1).

Vua Nghiêu đã qua mất, vua Thuấn thật nhận chức lên làm vua, phong cho con vua Nghiêu là Chu làm chư-hầu ở nước Đan, phong cho em mình là Tượng làm chư hầu ở nước Hữu-ty, lại còn làm nhiều những công việc rất hay, cũng theo ý kiến vua Nghiêu mà cử ông Võ là người có công to về việc trị-thủy, cho lên quyền ngôi vua, để rồi sau cũng lại truyền ngôi cho. Vua Thuấn cũng có con là Thương-Quân, mà cũng hư, cho nên cái ngôi làm vua cũng lại phải để nhường cho người khác trong thiên-hạ thế là cái bụng tốt của vua Nghiêu, vua Thuấn, mà đời sau ít có được như thế. Vua Thuấn từ sau khi lên ngôi, đến năm thứ bốn mươi tám, đi tuần thú về miền nam, mất ở núi Thương-Ngô (nay về hạt Hồ-nam Trung-hoa). Số thọ 110 tuổi. Hai bà vợ thương nhớ, đến ở núi Tương-sơn (núi ở dữa hồ Động-đình, đi ra gần sông Tương), than khóc rồi cùng thác ở đó. Người sau có lập đến lên để thờ, gọi là đền Tương-sơn. Nước mắt của hai bà khóc ra rơi vào những khóm trúc ở đó, thành ra trúc có chỉ. Đến nay những thứ trúc chỉ, cái chỉ đó tức là vết nước mắt của hai vợ vua Thuấn là hai con gái của vua Nghiêu.

Qua đời vua Thuấn, ông Võ lên làm vua, gọi là nhà Hạ. Năm đầu là năm bính-tý, ban lịch cho trong nước, lấy tháng kiến-dần làm đầu năm (2). Chánh-

(1) Trong đời vua Nghiêu làm vua, năm thứ 5, nước ta có sai sứ sang dâng một con rùa to, vuông hơn ba thước, tuổi nó đã nghìn năm.

(2) Năm Bính-tử, trước kỷ-nguyên lịch Thái-tây 2205 năm. Kiến-giần tức là tháng giêng ta bây giờ. Lịch tầu và lịch ta hiện nay, tức là theo từ lịch nhà Hạ.

trị của vua Võ, cũng theo như vua Nghiêu, vua Thuấn khi xưa, lai nhân sau lúc Đường, Ngu thái bình đã lâu, cho nên trong nước giầu có thịnh vượng. Trong kho của nhà nước, sự súc-tích có đủ chi dùng tới ba mươi năm ; các nhà tư cũng có đủ dùng đến chín năm. Vua Võ thật làm vua tám năm rồi mất, con là Khải lên nối ; từ đấy về sau, cứ cha truyền con nối, có lúc thịnh cũng có lúc xuy, mười bốn đời đến vua Quí lên ngôi mà thiên-hạ đại loại.

Vua Quí cũng gọi là vua Kiệt, là một người có sức khỏe lạ thường, tay ruỗi thẳng được cái vòng sắt, xé thây hổ báo dễ như bỡn. Kiệt cậy có sức khỏe như thế, cho nên không cần sự đức nghĩa, dẫu làm hại thiên-hạ đến thế nào ta nữa, cũng không lấy làm bận lòng. Kiệt lên ngôi vua đã 33 năm, đem quân đánh một nước chư-hầu là Hữu-thi. Vua Hữu-thi đem con gái là Muội-Hỷ dâng Kiệt, Kiệt lấy làm yêu lắm, Muội-Hỷ nói gì cũng nghe. Muội-Hỷ thích nghe cái tiếng xé lụa, Kiệt sai lấy lụa trong kho đem ra xé chơi, cho được vui lòng Muội-Hỷ. Thịt chất làm núi, nem treo làm rừng, rượu chứa làm thành ao có thể chở được thuyền, đánh một tiếng trống mà xúm xuống uống như trâu, có đến ba ngàn người, lấy như thế làm trò vui thú. Các bề tôi có can ngăn thời Kiệt không nghe mà giết chết. Bởi thế cho nên thiên-hạ oán phản, một ông vua chư-hầu là Thang nổi quân lên đánh Kiệt, đánh nhau ở cánh ruộng Minh-điều. Kiệt thua chạy rồi chết. Thế là nhà Hạ mất ngôi làm vua.

*
* *

Kể từ vua Võ nhà Hạ mới lên ngôi cho đến năm vua Kiệt thua chạy rồi mất, cộng được 439 năm mà rồi cái ngôi vua ở Trung-quốc lại bắt đầu đổi sang nhà Thương, tức vua Thang là ông vua thứ nhất.

sẽ tiếp theo

Nguyễn khắc-Hiếu

Hủ-nho lo việc đời

Đáng nực cười cho bác hủ-nho !
Việc đời ai khiến gánh mà lo.
Lo to, lo nhỏ, lo nào xiết,
Lo thế mà ai có biết cho.

Lo vì công việc báo An-nam,
Đã chót đa mang, cứ phải làm.
Bốn bể phen này không trắng nợ,
Tuyết sương âu hẳn bạc đầu thêm.

Lo vì tin nước đã lưng sông,
Đâu đó đè điều có vững không ?
Con cháu rồng tiên đương đói dở
Không hay Hà-bá có thương cùng ?

Lo vì xã-hội thiếu tiền tiêu,
Một kẻ phong-lưu, chín kẻ nghèo.
Cái nỗi sinh nhai mà khốn khó,
Con đường tiến-hóa khó mà theo !

Lo vì phong-hóa mỗi ngày xuy,
Thánh-giáo không ai kẻ hộ-trì.
Hằng-sản đã không, tâm cũng mất.
Sĩ còn chưa trách, trách dân chi !

Lo vì thế-cục nát như tương,
Cái ruột tằm ai rối vấn-vương.
Nhọn chẳng ăn ai, ngòi bút sắt,
Cùng ai lo tính lúc đêm trường.

Đáng nực cười cho cái sự lo !
Lo quanh, lo quẩn chẳng ra trò.
Việc đời ai có lo chăng tá ?
Ai có lo cùng bác hủ-nho ?

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

LỜI XIN LỖI

Tôi vì công việc bận quá, sự gửi báo liệu không khỏi sơ - xuất khiếm - khuyết, mong các anh em ân nghĩa trong ba kỳ lượng thứ cho.

Nay kính

Nguyễn-khắc-Hiếu

Quảng cáo

Các Ngài có thư muốn nhận đại-lý bán giúp Tạp-Chí ở các tỉnh

Nay tạp-chí lại bắt đầu ra từ số 11. Bản-quán xin tùy tiện-nghi gửi tới các Ngài có thư về nhận bán giúp ở các tỉnh; số tạp-chí gửi đi nơi nào bao nhiêu, Bản-quán đã có sổ biên lại minh bạch. Tiền hoa-hồng xin tính nhất định trừ 10 %, tem cước các khoản, về Bản-quán chịu phí.

Cứ mỗi tháng bán hết bao nhiêu, dù nhiều dù ít, xin các Ngài tính tiền gửi cho và báo cáo cho biết, những số tạp-chí còn lại, xin cứ lưu ở quý-hiệu bán dần; khi nào Bản quán có cần đến, xin sẽ có thư để các Ngài giao giả.

Ngài nào vui lòng nhận bán giúp thời từ kỳ sau Bản-quán cứ gửi tạp-chí tiếp theo. Ngài nào không sẵn lòng bán giúp cho thời xin gửi hồi tạp-chí cho, Bản-quán không giám lấy làm sự ân-hận.

Vậy mong: nhận được kỳ tạp-chí này, các Ngài cho được biết hậu-ý, để tiện kỳ sau xin liệt đăng các quý-hiệu trong tạp-chí, để các bạn Độc-giả ở các nơi tiện coi.

Nay kính

AN-NAM TẠP-CHÍ

Directeur Gérant

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Số 12 NĂM CANH NGỌ 2e SEMAINE JUILLET 1930

誌雜南安

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 14/54

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Deux exemplaires Revue d'Annam
Annam Tạp-Chí n° 12 édité
par M. Nguyễn-Khắc-Hiếu
de 1er édition en 1930.
Imprimé par l'Imprimerie Kim-Khuê
Tirée 2000 exemplaires de Dépôt légal
Hanoi 17 Décembre 1930

IMPRIMERIE LIBRAIRIE KIM-KHUÊ HANOI TONKIN

BÁO-QUÁN
1, Boulevard Francis Garnier, 1
HANOI

GIÁ BÁO
Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ — HANOI
1930

Số 12 NĂM CANH-NGỌ 2ème Semaine Juillet 1930

AN-NAM TẠP-CHÍ

Tinh-thần duy-tân của Nhật-Bản

Nhật-bản là một nước đồng văn đồng chủng với nước ta ở phương Đông-Á. Cách đây năm sáu mươi năm về trước, thì địa-vị quốc-gia cùng số thổ địa, nhân dân, cũng không hơn kém gì với nước ta ; cũng lễ văn chế-độ, học nho tin phật như ta. Thế mà ngày nay thành một nước mới, cũng văn-minh như một nước Âu Mỹ, nghiễm nhiên đứng vào hàng đệ-nhất đẳng cường quốc ở hội quốc-tế. Nói thế, ai không nghĩ ngay ra rằng bởi người Nhật bản sớm biết hóa theo Thái Tây, đổi hết lối cũ đi, nên mới gây nên được sự-nghiệp như thế. Tuy nhiên, ta phải biết rằng, lấy cái công phu duy-tân thấm thoắt có 30 năm, mà biến hóa một nước cố cựu hai ba ngàn năm, đã mở mang ra một cái lịch sử mới, một cái vận-hội mới như thế, tất ở trong do người Nhật Bản tự có một cái nghị lực rất mạnh mẽ; một cái chủ kiến rất đích đáng ; một cái phương-pháp rất phương-tiện khôn ngoan, thì mới ngay đường bước thẳng không bị vấp-váp, sai lầm, kết quả không những không mang tiếng văn-minh bì tưởng, mà lại biệt thành ra một nhà riêng, không chịu nô-lệ cho sự học. Điều đó chúng ta không thể không nghiên cứu được. Mà nghiên cứu cho biết ra được, tất là một cái có hứng-vị cho sự học của ta ngày nay.

Tôi thường đọc bộ « *Nhật bản duy tân, tam thập niên sử.* » Bộ sách này soạn dũa năm Minh-trị thứ ba mươi là năm nước Nhật bản mở hội đại Bác-lãm ở Đông-kinh, để khánh thành cuộc duy-tân. Trong sách chia ra từng loại, từng thuật hết lịch-sử cải cách các phương-diện như « *Tư tưởng, phong tục, giáo dục, tôn giáo, quân sự, tài chính, tư pháp, lập pháp, văn học, kỹ nghệ, vân vân.* » Nhân đó tôi xét ra cái công phu canh tân tiến-hóa của người Nhật-bản trong ba mươi năm ấy, có bấ cái tinh-thần thay đổi liên tiếp nhau trong ba thời kỳ như sau này.

1 — Thời kỳ thứ nhất vào khoảng đầu đời Minh-trị, ngang với đời Tự-Đức nước ta, là cái tinh thần **hư tâm**. Trước đây người Nhật-bản đã tiếp sức cái văn-minh mới của Thái-Tây bởi sự truyền giáo và thông-thương đem lại, nhưng thấy là thời ngờ, cũng là thường tình của người đời. Nên họ cũng cấm đạo, cũng cấm thông-thương như ở Việt-Nam ta lúc ấy. Sau bị sứ-thần Mỹ đem tầu chiến đến ra oai và ép Nhật bản phải ký-ước cho nước ngoài vào buôn bán. Vì thế các bậc thượng lưu Nhật-bản dật mình tỉnh giậy, biết rằng không chịu theo phong hội mới, cứ khư-khư đóng chặt cửa quan và bo bo giữ chặt lấy lẽ thời xưa, thời khó lòng bảo toàn được nước nhà ở cái thời buổi cạnh-tranh này. Nhân gặp vua Minh-trị thiên hoàng mới lên ngôi, vừa dẹp bình được các Phiên-tướng mà thống nhất quốc-quyền. Thiên-hoàng bèn tuyên thệ với dân 5 việc. Có một việc là trừ bỏ thói hủ từ xưa và rộng tìm lấy tri-thức của thế-giới. Từ đấy, trên dưới một lòng sùng chuộng tây-học, có ông Phúc-Trạch-Dụ cát là người có công to nhất về sự khai hóa cho quốc-dân ở đầu cuộc duy-tân. Ông mở trường Khánh ứng nghĩa-thục ở Đông-kinh và dịch những sách về thực-lợi để

giảy thiếu niên. Ông diễn thuyết cho thiếu niên có những câu như : « Con gái Nhật-bản học gẩy đàn tây rất hay và học dan ren cực khéo, mà thổi nồi cơm không chín thì khéo với hay thế có ích gì. Các cậu học sinh khoe đọc nhiều sách hóa-học, mà hỏi cách làm đậu-phụ thế nào không biết, thì hóa-học thế có làm gì. » Ông lại dám phạm đến phong-tục rằng : « Con gái Nhật-bản, ai góa trẻ chưa có con đều gọt đầu đi tu, làm sư-ni. Đời lấy thế làm trinh-tiết, nhưng đi tái-giá để sinh con, chẳng lại còn có ích cho nước hơn ru.» Đó đều là tư-tưởng thực-lợi cả.

Bấy giờ những sách về chủ-nghĩa công-lợi của nước Anh, chủ-nghĩa tự-do của nước Pháp, người ta thi nhau mà dịch thuật để in ra. In đến đâu thì tranh nhau mà đọc và muốn theo cho tới đạo của thầy đến đấy. Không những việc đạo-lý, việc trị quốc tề-gia, đến một cái khuôn mẫu nho nhỏ cũng mô-phỏng cho được như của Tây-phương.

Ngày trước sùng bái ông Khổng, ông Mạnh thế nào thì bấy giờ sùng bái các ông tây-nho như thế. Người ta nói rằng người Nhật-bản bây giờ giá mà cái da cái tóc có thể đổi ra như Âu-Châu được thời họ cũng đổi, cho nên gọi là «*túy Âu thời đại*». Nghĩa là cái thời say mê lối Au-Châu. Nhưng ta phải biết, muốn bỏ cũ mà không chán cũ thì sao bỏ được, muốn theo mới mà không say mới thì sao theo nên.

2 — Thời kỳ thứ nhì vào khoảng Minh trị năm thứ mười hai trở ra, là cái tinh thần **dung-hóa**. Người Nhật-Bản biết rằng vận-mịnh Tây-phương là thứ văn-minh mới mẻ, linh-hoạt thì say mê mà theo học cho được, nhưng lúc đem ra dùng thì biết điều-hòa cho hợp với cái tính-tình phong-hóa người nước mình. Từ nhỏ đến nhớn, từ hình-thức đến tinh thần, cái gì đều châm-trước với đông tây kim cổ. Biết lựa trọn giữ lại cái hay, bỏ cái dở của mình, dùng chốn sở-tràng, tránh chốn sở-đoản của người. Như trong các trường học, thì khoa Đông-dương triết-học, khoa Ấn-độ triết-học cùng với khoa Tây-dương triết-học đều cùng giảng tập. Thấy cái thuyết công lợi nước Anh chán vào thịnh quá, làm cho đạo-đức đến xuy đồi, thì cả xướng lên thuyết *Nho-học phục hưng* để cứu chữa lại. Nói tóm lại là, họ khéo biến-hóa của người để làm ra của mình, chứ không chịu như con vẹt học nói, con khỉ đội mũ vậy.

3 — Thời kỳ thứ ba vào khoảng năm Minh-trị thứ hai mươi chín, ba mươi là cái tinh thần **biệt-lập**. Bấy giờ người Nhật-bản thấy các phương-diện duy-tân đều đã thành hiệu cả. Cái gì mới thời đã lựa với quốc-tính mà tùy nghi thi hành, cái gì cũ thời đã lấy phép mới mà thực nghiệm, hoặc tổ-chức lại. Người Nhật-bản bèn nghĩ rằng nước mình đứng trong thế-giới, không những địa-vị độc-lập, mà học thuật tư tưởng cũng chẳng kém xút gì ai. Vậy nước Anh có khẩu-hiệu để tỏ ra cái đặc-tính của nước Anh mà gọi là Anh-cát-Lỵ chủ nghĩa. Nước Đức có cái khẩu-hiệu để tỏ ra cái đặc-tính của nước Đức mà gọi là Đức-ý-Chí chủ-nghĩa. Nước Mỹ cũng thế. Thế thì nước Nhật bá không nên xướng lên một cái khẩu-hiệu riêng để tỏ ra cái đặc tính của mình dư. Người Nhật bèn xướng lên gọi là Nhật-bản chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa này là bao hàm cả tư-tưởng Đông-dương, tư-tưởng Tây-dương và cái tính *hoạt-bát bát* và *quang-minh-sinh* của người Nhật-bản vậy.

Nay tóm xem lại ba cái tinh-thần trong ba thời-kỳ duy tân của người Nhật-bản trên ấy, chỉ trong ba mươi năm, mà trước thì *hư tâm*, kế đến *dung hóa*, sau thì *biệt lập*. Tuy không phải là người Nhật-bản có lập lấy chương-trình, định lấy thời-hạn trước như thế được. Thế mà xem công việc làm có tiết tấu, có thứ đệ, chơn chu ông-chuốt, không bị vấp váp sai lầm điều gì. Vậy người Nhật-bản tự hào là « *hoạt-bát-bát*», là «*quang-minh-sinh*»; chúng ta cũng phải phục là hoạt bát bát, quang minh sinh thật. Tôi mong rằng những người có chí Tây-học ta ngày nay nên lấy đấy làm gương.

Đỗ-nam-Tử

Một bức thư của người có quen biết

Quảng-yên, le 22 Juin 1930

Tản Đà Huynh thai,

Được thơ anh nói đến cuối juin này, An-nam Tạp-chí lại tái bản, tôi lấy làm mừng cho anh mà lại lo cho anh, vì lẽ sau này :

Báo cũng là một nghệ buôn-bán, duy buôn bán không có hàng-hóa mà cũng phải có vốn to mới đủ sức mà soay sở, cho nên các nước Đông-Tây phàm đã gọi là Báo, hay Chí thời tất cả một đoàn-thể nào hay công-ty nào, phải xuất ra một món tiền to, sáng lập ra cốt để gây dựng thế-lực hay bênh vực quyền lợi của mình, tuy bỏ vốn ra mà lợi gián tiếp ở chỗ khác, chớ không cần lợi ngay vào cái vốn ấy, vì cái vốn ấy chỉ để chi phí về khí-dụng và nuôi các hạng rút ruột nhà tơ mà thôi ; ở Âu Mỹ cũng nhiều nhà Báo, tuy lúc đầu thời thế, nhưng sau nhờ được có nhiều người đọc, mỗi ngày xuất bản hàng mấy trăm vạn phần thời cũng được lợi to thật.

Làm Báo khó, không nói đâu xa, đan cử ngay ở Bắc-kỳ, Thực-Nghiệp thời có Tín ông Thu, Khai-Hóa trước thời có ông Bạch-Thái. Làm báo đã khó, mà Báo của ông Nguyễn-khắc Hiếu thời lại càng khó nữa, vì anh giầu thời chỉ giầu về văn, chớ không giầu về của.

Thế mà Annam Tạp-chí lúc mới lọt lòng tám mươi góp mặt với đời, chỉ có trong vòng 5 p.00, ai xem đến cũng phải tức cười, mà đều phải chịu cái gan ông Hiếu. Tôi tưởng cũng là cái dai-thoại trong Báo-giới và một cái vận sự cho M. Tản-Đà.

Im hơi nín tiếng, vắng mặt khuất lời, ai cũng tưởng là vùi xâu chôn chặt, có ngờ đâu sống lại ra đời, thế mà nay lại tái-bản, thế cũng khen anh khéo tìm thầy kiếm thuốc, nên mới khỏi tử hồi xuân được. Tôi xét ra thời cũng nhờ công tâm của xã-hội, phần thời yêu cái văn-chương của anh, phần thời tin cái nhân-cách của anh, tuy mấy phen chìm nổi mà một dạ phân mình, không vì tình cảnh ba-đào, ngòi bút cứ thẳng băng, chớ không thiên về đảng phái nọ, chớ không nánh về cơ-quan kia. Tôi tin rằng anh chưa chán độc-giả thời độc-giả còn mến anh.

Annam Tạp chí mà tái bản thời chắc rằng nhiều người hoan nghênh, duy tôi lo về phần riêng anh phải chịu hoa hồng nhiều và công in đắt, kết cục chỉ thẳng công làm thằng ngay ăn. Lại còn cái tính ngông cuồng của anh nữa (nhiều cả các nhà bỉnh bút báo giới), hễ mở mồn hạ bút là đem ngay tửu sắc mà làm câu dầu lưỡi để răn người, thật là trầm thống làm li, ai đọc cũng phải động tâm. Thế mà chính các ông văn sỹ ấy, những lúc đêm thanh người vắng, gió mát giăng trong, lại mượn ngay cái thú ấy để làm mồi câu văn chương, dử tư tưởng, cố bầy vẽ cho kín tờ báo hôm sau ; mà chính anh là một tay kiện tướng ở trong đội quân ấy. Xem như những lúc không có tiền thời chịu nằm co một só, mà hễ trong túi hơi có tiền thời ai dủ là đi ngay ; thông minh như anh còn dại gì mà tôi phải giậy khôn, nhưng có câu rằng : « *Đêm trông rõ mấy lông, ngày không trông thấy núi Thái* » Tình anh em thân nên có mấy lời trung cáo xin anh tự xét.

Anh với tôi tuy biết nhau kể từ khi hoa chào núi Thúy, giăng dọi sông Vân, « nào khi anh tịch cốc ở Sơntây tôi lên Khê-Thượng mà đón ; khi anh thi hỏng ở Nam-định, tôi đến làng Niềm mà tìm » đoạn này anh chưa biết mà bấy lâu tôi cũng chưa từng nói truyện với anh ;) rồi ra mây tan bèo nổi, yến bắc nhạn nam, khi bắt tay ở Hanoi lúc gặp mặt ở Haiphong ; nhưng cái cảm tình chan-chứa nhất là khi tôi ở Hàgiang mới về chập tối thời đến đêm vô tình anh gọi cửa vào thăm nhà tôi và các cháu, trong túi có đồng bạc, định cho các cháu 0p 50, còn

0p.50 để làm tiền lộ-phí về nhà, ấy cái tình mật-thiết giao-du của chúng mình là ở những lúc ấy, chớ không như những bạn kim-thời, hỏi hợt đầu lưỡi, hờ hững trong lòng nào những lúc chén rượu cao lâu, roi chầu chiếu hát quân bài sòng bạc, điếu thuốc khay đèn, thời tình bè bạn đầm thắm chừng nào, chợp mắt cái, khói tan men hả, chiếu cuốn sòng tan, thời tình bè bạn đã theo tiếng « au revoir » là hết.

Anh có bảo tôi giúp An-nam Tạp-chí, một ít về văn-uyển và bài vở văn vần. Tôi là người kiến thức thiển-cận, văn-học thô sơ, mà anh ủy đến, tôi lấy làm vinh dự lắm, không những thế, cái tình giao-tế anh với tôi đã kể trên, dù anh không bảo thời tôi biết gì cũng phải giúp ngay, mà vẫn sẵn lòng cổ-động luôn luôn. Duy đến mục văn-uyển và bài vở thời xin thư-thả một chút, thế nào cũng có. Vả lại cái văn thơ của tôi nó có cạnh, chớ không tròn, nên không đủ cung cho Tạp-chí An-nam ngay được, xin anh lượng xét cho.

Hiện nay tôi hãy giúp về cổ-động và tin-tức, còn bài vở văn-thơ sau sẽ tiếp.

Kính chúc An-nam Tạp-chí trường thọ

Tản-đà huynh thai vạn phúc.

Nay kính thư

Bùi Nguyên Huân

QUẢNG-CÁO

Đại-lý việc bán Tạp-Chí ở Nam-kỳ Bản quán đã truyên nhờ M. Trần-Quì (quản-lý Phụ-Nữ Tân-Văn), hiệu Thăng-Long. 20 Sabourain, Saigon.

Ngài nào ở trong Nam, muốn nhận bán giúp cho Bản-Chí, xin cứ hỏi tại đấy.

AN NAM TẠP-CHÍ

NÓNG NHẤT THẾ-GIỚI

Mùa hè nồng-nã. Hết thảy ai ai cũng kêu nóng-nực. Vậy tôi xin nói chuyện nóng nực nhất thế giới để đọc-giả nghe chơi, cũng là một cách tiêu nhiệt.

« Thân-báo » nói chuyện rằng : Đất Death Velley ở xứ California bên Mỹ là một nơi khô-ráo, một cái bình-nguyên hỏm thấp, bề ngang ước chừng 12 dặm Anh, bề giài 150 dặm Anh, nhiệt-độ ống Hàn-thử thường lên đến 160. Cứ đến mùa hè thời một hòn đá một thỏi sắt nóng đến ai mó tay vào là bỏng phồng da lên, như bị nướng vậy. Đất ấy thổ-sản « *bằng-sa* » đủ cung cho cả thế-giới dùng. Gần đây đã chế riêng ra một thứ xe ô-tô con để chở bằng-sa đến một cái ga cách độ 165 dặm Anh. Song các người cầm lái các xe ô tô ấy lấy việc làm là một việc quá ư cực-khổ, nhiều khi đi nửa đường nóng quá đến chết bỏ mạng. Chết mà tay còn cầm cái bình đựng nước uống. Vì cứ thói thường, nóng thời chỉ uống nước mát là khỏi chết, hễ nhỡ thiếu nước mát là chết tươi cho nên chết mà trong tay còn cầm bình nước là thế. Song tại những bình chứa nước mát đem đi chỉ vài giờ là sôi lên như đun mất rồi; lại thêm khó nỗi rồi nước ấy cứ thế mà cạn khô đi nữa. Sự nguy hiểm ấy, hiện nay đương tìm đường cứu chữa. Lại còn những cái nhà của các ông kỹ-sư đi họa-đồ hay đạc-đất dựng lên, bằng tre gỗ tạm đều bị mặt giời soi vào, vài ba ngày nóng quá, khô đi, rồi phát cháy. Bởi vậy nhà cửa phải xây bằng gạch đá mới có thể ở được. Vì sự lấy bằng-sa mà nay đã làm được một con đường sắt tiếp với con đường sắt gần miền ấy, để xe hỏa đem các đồ cần dùng vào mỏ cho tiện. Mỗi năm sản xuất ra được ba vạn tấn bằng-sa, thật là rất lợi.

Vậy mà nóng-nực khó kham. Song vì sinh-kế mà thợ mỏ, người làm ô tô xe hỏa, đều phải dấn mình ngày hai buổi chịu thiêu. Chẳng ví với ta ở xứ ôn đới này, hơi nóng một chút đã quạt máy, nước đá, ô-tô giong mát, vẫn có người trách đất oán giời.

Hiếu-hữu, **Trương-Trọng-Hồ**

TẤN TƯỜNG TẦU

Trên sân Khấu Trung-Hoa, từ khi nhà Mãn-Thanh đổ, đuôi sam các chú cắt đi, cờ con rồng đổi làm cờ năm sắc. Tưởng như con ma chuyên-chế trừ đi thời ông thần tự do đứng vững, bốn trăm triệu con em Hoàng-đế có thể vui-vầy trong cái chính thể cộng-hòa; từ đấy mà đi, con sư-tử ngủ vùng giậy được mà hùng thị với năm châu. Không ngờ đến ông Tôn-Trung-Sơn bốn mươi năm bôn tẩu hô-hào, nào diễn-thuyết, nào trước-thư, nào đánh đông dẹp bắc, nào vào tử ra sinh, mong đem cái chủ-nghĩa « tam dân » và cái hiến pháp « ngũ quyền » làm nên phương lược « kiến quốc », dựng ra nước Tầu mới trong cõi Á-Đông, lại hóa ra phá hoại chính-thể chuyên-chế, gây nên cái họa tương tàn. Từ năm Tân-hợi đến giờ, hết "Hồng-Hiến đế-chế" của Viên-Hạng-Thành, lại đến « Phục-bích vận-động » của Trương-Huân, đốc quân cát cứ xưng hùng, Nam Bắc phân tranh mãi mãi. Trải qua những bọn Đoàn-kỳ-Thụy, Lục vinh-Đình Long tế-Quang đến bọn Trương-tác-Lâm, Tôn-truyền Phương, Ngô-bội-Phu, Trần Quýnh-Minh hoạt động, kẻ này nhờ thế-lực Đế quốc này, người kia mượn danh-nghĩa xuất quân khác, chiếm cứ địa hạt, đánh thuế lấy tiền, coi dân là con bò vắt sữa, làm ổi-lỗi cho bọn liệt cường; vơ vét được đồng nào chỉ mua tầu bay, trái phá, làm giầu cho các nước, khoa học phát đạt, công thương tiến bộ, đưa hàng triệu người, họ gọi là đồng bào đồng chủng, ra mà đâm chém giết hại nhau. Cái vạ ấy gọi là vạ quân phiệt. Phản đối bọn quân phiệt thời là sư đệ ông Tôn Trung Sơn, lấy ba chữ « Quốc dân đảng » làm danh hiệu, lấy hai chữ « cách mệnh » làm chính nghĩa, cả tiếng tuyên truyền, vì dân mà phấn đấu, vì công lý, vì tự do mà khởi binh. Cái đất căn cứ của quốc dân đảng là Quảng Đông ở về phương Nam, cùng nhau thẳng chỉ lên cướp lấy chính quyền của Chính-phủ Bắc-kinh làm mục đích. Không ngờ giữa đường cách mệnh, ông Tôn Trung-Sơn bắc phạt chưa hoàn toàn thành công thời từ trần, để lại một bọn đồng chí, nhờ người Mạc-tư-Khoa làm chỉ đạo. Đổi cờ năm sắc ra cờ « Bạch nhật thanh thiên mãn địa hồng. Bấy giờ thời Tưởng-Giới-Thạch, Uông-Tinh-Vệ, Trần-Hữu-Nhân, cả quốc-dân đảng, trong gồm cả tả là « cộng sản », hữu là « quốc-dân », đều làm việc ở dưới quyền Pháo-la-Đình, và đệ tam quốc tế. Tuy ngoài mặt là quốc-dân cách-mệnh nước Tầu đánh nhau với quân phiệt nước Tàu kỳ thực là chủ nghĩa « cộng-sản » đánh nhau với chủ-nghĩa " Đế-Quốc ". Nghĩa là nước Nga giúp Quốc-dân-Đảng, mà nước Anh nước Nhật giúp Tôn-Truyền-Phương, Ngô Bội Phu và Trương tác Lâm vậy. Không ngờ Quốc dân đảng Bắc phạt khi đã gần thành công, Ngô bội Phu thua, Tôn truyền Phương đổ, Phùng ngọc Tường ôm chân Nga mà giở về được Hà nam, Tuy viễn..., Diêm tích Sơn có ý ngả về phía Nam. Thời Tưởng giới Thạch quay quân về Vũ Hán đuổi Trần hữu Nhân, Uông tinh Vệ, kết tội dung cho cộng sản làm càn, giở mặt với Nga, cho khám các sứ quán, bắt người Nga bài trừ cộng sản; lấy cái lý rằng chủ nghĩa tam dân không phải là cộng sản, người Nga lợi dụng Tàu chứ không phải thành tâm giúp, cộng sản chỉ làm hại nước Tàu, không có lợi cho nước Tàu. Trừ xong cánh cộng sản rồi, thời Tưởng giới Thạch lại còn mật sang Nhật Bản giả danh nhân thể đi cưới Tống mỹ Linh, làm vợ, mà không thiết gì công danh quyền vị, giao lại cho Lý tế Thâm, Trương phát Khuê, Bạch sùng Hy, Đường sinh Trí cầm quân. Khi song cái mật ước với Nhật Bản rồi. Tưởng giới Thạch giở về, thừa thắng đánh vào Bắc kinh, hợp sức với Diêm Phùng, làm cho Trương tác Lâm bỏ Bắc kinh chạy về Đông Tam Tỉnh, giữa đường bị thích khách Nhật Bản, dùng tạc đạn ám sát trên hỏa xa.

Bắc phạt thành công!

Từ đấy tưởng là êm truyện. Đã nghe thấy Vương-chính-Đình, ngoại giao bộ Tổng-trưởng cải ước với các nước ngoài, bãi quyền lãnh sự tài phán, thu hồi quan thuế tự chủ, bao nhiêu bất bình đẳng điều-ước sửa lại cho bình đẳng. Các việc cải-lương: cấm hút thuốc phiện, cấm nhà thổ, cấm đốt mã, cấm xem lịch, bãi quốc tế Khổng-phu-Tử, muốn bắt trước đúng như Âu-tây cả. Thế thời nước Tầu hẳn bình yên, hẳn phái người du học, mở mang việc học, chấn hưng thực nghiệp, khai hoang khẩn địa, mở mang các mỏ, còn lo gì mà cái nước "con giời" kia chẳng quả thực văn-minh tiến bộ.

Ngờ đâu!

Thật không ai ngờ đâu! Việc biên khiển xử-trí mãi không xong, trong kỳ "tam toàn hội nghị", Tưởng giới Thạch bị kết tội về mượn tiếng "thanh đảng" để tước tên các đảng-viên về tả-phái, đem vây cánh vào để khi bầu Tổng-Thống được hơn phiếu. Quả nhiên Tưởng giữ vững Tổng-Thống Trung Hoa quốc, kiêm Hải Lục không quân Tổng tư lệnh. Bắt Lý tế Thâm giam lại ở Thang Sơn, trích Bạch sùng Hy đi Tân Cương, Diêm, Phùng đương làm Tổng-trưởng ở Nam-kinh phải về Địa Hán. Uông Tinh Vệ, lúc bấy giờ tuy ở Paris, song Trần Công Bác cùng các đảng viên hết sức vận động "phản Tưởng nghinh Uông" Hoàng Thiệu Hùng, Bạch Sùng Hy, Lý Tôn Nhân mới lấy Quảng Tây, Hán khẩu mà phát nạn. Rồi đến Trương phát Khuê, là "Thiết Tướng" coi một đoàn thiết quân của Tưởng phản đối. Đường Sinh Trí, rầu lấy em cô Tống-Mỹ Linh là bà vợ ông Tưởng Giới Thạch cũng không vì tình riêng mà chẳng khởi binh đảo Tưởng; Diêm, Phùng sau một giạo trả hàng, trả phục đến một hồi cãi lý cãi tình, rồi cũng cuốn cả vào trong vòng tên đạn mà tuyên bố đánh Tưởng. Thế là từ đầu năm đến nay đã thành ra cái thế Tưởng Giới Thạch tuy cùng với mấy ông Tôn Khoa, Hồ hán Dân, Vương chính Đình, Tống Tử Vân, là người trong hữu phái, ngồi trong một cái chính-phủ, chính thức ở Nam-kinh, đã được thế-giới công nhận, song kỳ thực bị ba bề bốn bên quay vào phản đối. Duy chỉ còn có Vân-Nam, Quảng Đông, Triết-Giang, Phúc-Kiến, Nam-kinh, Hán-khẩu là vào trong Địa-bàn mà thôi. Còn Quảng Tây nay là bọn Bạch, Trương, Hoàng, Lý; Sơn Tây là Diêm; Hà-nam, An-Huy, Tuy Viễn là Phùng, đương tiến quân ở Lũng Hải, Tế-Nam xông vào Nam-kinh, mong toàn thắng để lập lên Chính phủ mới, lấy Uông tinh-Vệ nay đã ở Pháp về dứng đầu, Trương-học-Lương ở Đông-tam-Tỉnh gần đây nghe tin cũng muốn phản Tưởng. Cái tân tuồng Tầu còn rối-rít, chưa biết ai phải mà ai trái, ai được với ai thua. Ta hãi ngồi xem họ diễn.

Thời-Nhân

HÀI-ĐÀM, HÀI-ĐÀM

1.— Trong Phụ nữ giới nước ta ngày nay, nhiều người yêu hai chữ « nữ quyền.» Trong nam giới cũng lại có nhiều người xướng kê.

Cứ ý tôi thời sự đó có lẽ bất tất vì chữ « quyền » *còn bé, chữ* « uy » *mới lại to hơn, cho nên người ta thường nói chữ* « uy » *trên chữ* « quyền », *là* « uy quyền. » *Nay trong xã hội ta, cái uy của nữ giới đã to lắm; các bạn tu mi phần nhiều người cứ trông thấy đàn bà là sợ, vậy còn cần* « quyền » *nữa mà chi!*

2.– Bài Hài đàm này nguyên định viết để gửi vào Phụ nữ tân văn, song vì An nam tạp chí cũng thiếu thốn về mục văn uyển; vả lại các văn về nữ giới cứ gửi vào Nam cả, sợ những ai ngoài Bắc có ghen chăng. Vậy có lời xin lỗi với Phụ Nữ tân van, hãy để bài này đăng An nam tạp chí ở Bắc.

TẢN ĐÀ

ĐỨC KHỔNG NGÀY XƯA
LÀ GNƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Đức Khổng ngày xưa là một vị thánh-nhân ở Á châu, sinh ở Trung-quốc, như thế thời ai cũng đã biết. Còn như muốn biết rõ đức Khổng là người thế nào, sự đó rất không dễ. Bởi đó là một sự không dễ, cho nên càng muốn luận biện. mong cho được biết rõ Ngài khi xưa là người như thế nào.

. . .

Ở phương Á-đông ta, Trung-quốc là một nước to lớn và văn minh sớm hơn trước hết. Chánh-trị của Trung-quốc, từ xưa là chánh-trị quân-chủ có thiên tử, có chư-hầu. Thiên-tử là ông vua lớn, cao tột cùng, thống trị cả toàn nước, gọi là thiên-hạ. Chư hầu là các ông vua nhỏ bực dưới, phải theo mạnh lệnh của thiên-tử mà coi trị trong nước mình. Đương đời Đường Ngu, vua Nghiêu vua Thuấn, việc chính-trị rất hay. Người làm vua, phần sung sướng không hơn kẻ bình dân là mấy. Chỉ là đem cái thân lo sự trị an cho khắp thảy dân chúng, như một bà mẹ đối với các con mà thôi; cho nên gọi là «*cha mẹ dân*», thực rất là đúng nghĩa. Bởi vì thế cho nên vua Nghiêu đến lúc già, có con là Đan-Chu, không dám truyền ngôi cho, mà phải tìm một người khác là ông Thuấn; vua Thuấn đến lúc già, có con là Thương-quân, không dám truyền ngôi cho, mà phải tìm một người khác là ông Võ. Cho rằng cái sự làm vua là phải đem thân mà gánh vác chẳng là sung-sướng cái chi chi; nếu tài đức không đủ mà cho làm vua liều, thời cả người truyền kẻ nối đều là có tội lỗi với công-chúng. Từ nhà Hạ giở xuống, con nối cha, được ông vua hay thời nước cũng được nhờ, phải ông vua dở thời dân-chúng chịu vô cùng thảm hại. Bởi thế cho nên đến cuối đời nhà Hạ, vua Kiệt vì sự tàn bạo mà bị một ông vua chư-hầu là Thang nổi lên đánh. Cuối đời nhà Thương, vua Trụ cũng vì sự tàn bạo mà bị một ông vua chư-hầu là Phát nổi lên đánh. Vua Võ gọi là nhà Hạ vua Thang gọi là nhà Thương, vua Phát gọi là nhà Chu, ba nhà ấy chính-trị hay dở, khí vận thịnh suy đại-khái cũng như nhau, lúc thịnh thời hay, lúc suy thời dở vậy, Nhà Chu đến lúc suy, vua Cung-niết (U-vương) cũng lại vì vô đạo mà bị quân rợ Khuyển-nhung đánh giết chết ; người con nối là *Nghi Cữu* (Bình vương) bỏ kinh đô cũ ở phương Tây mà chạy sang phương Đông, từ đấy về sau thế lực của ông vua thiên-tử rất hèn, các chư-hầu không theo mệnh-lệnh, trong nước không còn có kỷ-cương, lần lún mãi đến đức Khổng sinh ra đời, chính là lúc nhà Chu suy loạn đã quá lắm. Khi đó các chư-hầu đánh cướp lẫn nhau, bầy tôi giết vua có, con giết bố có, bố lấy vợ con có, bầy tôi ngủ với mẹ vua cũng có ; luân thường đổ nát, phong-hóa suy đồi, sinh dân lầm than không thể nói cho xiết, ấy là thời thế đức Khổng vậy.

(Nước Tầu khi xưa không biết có thế-giới, hai chữ « thiên-hạ » tức là nói nước mình.

Hai đời Đường, Ngu, 2357-2255 trước kỷ-nguyên lịch tây.

Năm thứ nhất vua Bình-vương nhà Chu mới lên ngôi, 772 trước kỷ-nguyên lịch tây.

Trần - Hằng là quan đại-phu nước Tề, giết vua nước Tề tên là Nhâm (Giản-công).

—Con vua nước Sở là Thương-Thần, giết vua nước Sở là Quân (Thành-vương) — Vua nước Vệ là Tấn (Tuyên-công) lấy con gái nước Tề con cho mình là Cập, nghe rằng đẹp, bèn tự lấy cho mình. — Công-tử nước Vệ tên là Ngoan thông dâm với mẹ vua nước Vệ (Tuyên-Thương). Đó đều là những sự thực sau đời vua Bình-vương nhà Chu cho đến đời đức Khổng.

Đức Khổng sinh vào năm thứ 21 vua Linh-vương nhà Chu, mất về năm thứ 41 vua Kính-vương, 551 479 trước kỷ-nguyên lịch Tây.)

Thời thế như thế, thời phàm người hữu tâm với thời-cục, tài sao cho khỏi lo. Phương chi các vị thánh-nhân, coi nhất thiết người đời đều ở cả trong cái trách-nhiệm của mình phải làm sao cho được yên vui tốt đẹp. Muốn như thế mà không sao được, chỉ nay đây mai đó, rồi ngày qua tháng chạy, thời càng trông thấy thời cục mà càng khởi cái mối khổ-tâm. Cái khổ-tâm của đức Khổng lo vì đời, xem ra thật ít có.

Nghĩ như lúc Ngài lên quyền tướng-chức nước Lỗ, trong bụng hẳn đã mừng rằng việc đời có chỗ bắt đầu. Không ngờ đâu lại xẩy sinh ra có việc nữ nhạc, mà Ngài phải bỏ Lỗ mà đi. Khi Tề, Khi Vệ, khi Sở, khi Trần, mong sao lại được có dịp nào như ở Lỗ khi xưa, mà không thể sao có. Lại những kẻ chê bơi, người chế bác, hoạn nạn khốn cùng. Dù cảnh-ngộ ở ngoài như thế nào mặc lòng. Ngài chỉ cứ ôn hòa khiêm nhẫn. Trong khi Ngài ở nước Vệ, đánh cái khánh (1), khách qua đường nghe tiếng khánh mà biết là hữu tâm. Vậy đủ thấy rằng Ngài không từng có lúc nào quên cái bụng lo đời vậy. Cái bụng lo lo quá, đến nỗi rằng: họ Công Sơn là một kẻ gia thần phản chủ, đưa tin gọi mà Ngài muốn đi; Bật-Mật là một kẻ gia-thần phản chủ đưa tin gọi mà Ngài muốn đi. Ấy là nóng ruột mà toan muốn làm liều; cái bụng lo đời thật khổ vậy! Đến như bỗng dưng mà có lúc muốn ngồi bè đi ra bể, có lúc muốn tìm ở trong những noi mọi rợ, có lúc tự than rằng «lâu nay không mộng thấy ông Chu-công». Ấy là cái bụng lo không song, đã gần truyền ra chán, cũng chẳng qua là cái khổ tâm. Lại đến khi người nước Lỗ đi săn được con *lân*, mà Ngài khóc chảy nước mắt, ướt hết vạt áo bào, thời cái mối khổ tâm biến hẳ thương-tâm vậy. Thương tâm thay! người khổ tâm lo đời như đức thánh Khổng!

(Đức khổng bắt đầu ra làm quan, làm quan Tề ấp Trung-đô nước Lỗ (tức như một ông quan phủ huyện); rồi lên chức Tư-không, lên chứ Đại Tư-khấu (hàng quan đại phu) Lại do chức Tư khấu lên quyền việc Tướng quốc nước Lỗ, chính giáo rất hay. Người nước Tề sợ rằng: Tề, Lỗ hai nước liền cõi nhau, nước Lỗ mà mạnh lên, thời tất có hại đến nước Tề. Vì thế, người Kế muốn âm phá cuộc chánh trị của nước Lỗ, bèn truyền lấy 80 người con gái đẹp, cho mặc đồ đẹp, dạy múa nhạc; thêm ba chục ngựa có chang sức, đem cho vua nước Lỗ. Kẻ quyền thần nước Lỗ là Quý tôn Tư khuyên vua Lỗ nhận lấy, rồi đánh một con đường riêng để vui chơi. Vua tôi mê chơi, không tưởng đến công việc quốc-gia nữa. Đức Khổng bất đắc dĩ phải bỏ Lỗ, đi sang Vệ. Ngài rong chơi các nước, các vua chư-hầu cũng có ông có ý muốn dùng Ngài, song bị các đại-thần ngăn trở, rút lại không có cuộc hành chính nào nữa.

Những người ngăn trở Ngài về cuộc hành-chính, như Yến Anh nước Tề. Tử Tây nước Sở là những người có qnyền lực ở trong các nước ấy khi bấy giờ, như thế đã riêng là một hạng người có can thiệp đến sự thực. Lại còn hạng người ẩn-dật, như Tiếp-Dư, như Trường Thư, Kiệt-Nịch, những người ấy thấy Ngài cứ nay nước này mai nước khác, nhiệt tâm về sự ra tùng chính, thời chê là không biết cuộc đời đã như thế, còn mong sao được mà nhọc lòng làm chi. Lại như khi Ngài ở nước Trần thời bẩy ngày không có lương ăn, những đệ tử theo hầu đều bị đói. Khi qua đất Khuông thời người Khuông ngờ Ngài là Dương-Hóa mà đem quân đến vây (người Dương-Hóa từng có sự bạo ngược ở Khuông, đức Khổng ráng mặt giống Dương-Hóa). Khi Ngài ở nước Tống, cùng các đệ-tử tập lễ ở dưới gốc một cây to, quan đại-phu Tống là

(1) Khánh là một cái thứ đồ nhạc, bằng đá.

Hướng-Bồi sai người ra chặt bỏ cái cây, hình hiện ý ác-cảm. Đó đều là những cơn hoạn-nạn khốn-cùng vậy.

Công Sơn-Phất-Nhiễu là quan tể ấp Phí ở nước Lỗ, tức là kẻ bề tôi riêng của nhà họ Quí, bắt Quí Hoàn-tử giam lại mà giữ ấp để làm phản, sai người đến mời đức Khổng cùng giúp việc. Ngài muốn đi. — Bật-Mật, là quan tể ấp Trung-Mâu nước Tấn, là kẻ bề tôi riêng của nhà họ Triệu, giữ ấp Trung-Mâu để làm phản, cũng sai người mời đức Khổng cùng giúp việc. Ngài muốn đi. Hai việc này rồi sau Ngài cùng thôi không đi cả, chẳng qua là do cái lòng hành đạo của Ngài quá nhiệt mà khi ấy nghĩ như thế đó thôi.

Năm thứ 14 Vua Ai-công nước Lỗ, tức là năm 39 vua Kính vương nhà Chu (481 trước kỷ-nguyên lịch tây). Người nước Lỗ đi săn, bắt được con lân (tức là con kỳ-lân), quê một cẳng. Chúng không biết là vật gì, đem vất bỏ ở ruộng. Đức Khổng ra xem nói rằng : « Đó là con lân ! » Rồi Ngài lật tay áo lau mặt, nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo. Than rằng : « Đạo của ta đến cùng vậy ! » Học-trò Ngài là Đoan-mộc-Tứ hỏi rằng : « Thầy vì sao mà khóc ? » Đức Khổng nói : « Muông lân, đời có vua hiền minh mới đến, Nay ra không phải thời mà bị hại, cho nên ta lấy làm thương. »

Xem như đức Khổng Ngài khổ tâm lo đời như thế, thời biết Ngài là một người rất có nhiệt tâm về sự chánh-trị. Bởi vì cuộc chánh-trị, Ngài không được như ý để thực hành, cho nên rút lại chỉ là có tư-tưởng. Cái tư-tưởng chánh-trị của đức Khổng, chỉ là muốn đem đạo-học mà thi thố kinh luân. Nguyên cái đạo của đức Khổng, cũng không phải là tự Ngài có lập ra, chỉ là tổ thuật ở các thánh-đế minh-vương đời xưa, như các vua Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ. Cho nên cái tư-tưởng chánh-trị của đức Khổng, cũng chỉ là theo chánh-thể quân-chủ mà thi hành bằng tính-chất đạo-đức, mong khiến cho thiên-hạ đương đời ấy lại được thái bình thịnh-trị như các đời thánh-đế minh vương khi xưa. Xem như Ngài đáp truyện với học-trò là Tử-Lộ mà có câu nói rằng : « Nếu có kẻ dùng ta chăng, ta có khi làm nên nhà Chu ở phương đông. » Lại như câu tự thán rằng : « Ta xuy quá lắm vậy ! Lâu nay ta không lại nằm mơ ngủ thấy ông Chu-công ». Vậy thời trong chí nghĩ của Ngài, lúc nào như cũng có một cái cảnh-tượng đời thịnh-trị nhà Chu, mà tự xử cái địa-vị của mình thời mong tưởng được như ông Chu-công vậy.

Tuy vậy, cái tư tưởng về chánh-trị như thế, chẳng qua do tấm lòng đối với thời-cục, kíp muốn cứu thời đó mà thôi. Ta lại xem như ở kinh Lễ có chép lời nói của đức Khổng rằng : « Cái đạo-lý nhớn mà thì hành ra ở đời thời thiên-hạ là chung : Kén người hiền, giao việc cho kẻ có tài ; giảng điều tín, xửa tình hòa mục. Cho nên người ta, không cứ kẻ thân của mình mới là thân, không cứ con mình mới là con, Chỉ sao cho : Người già có chỗ chết yếu, kẻ tuổi mạnh có việc làm, đứa bé nhỏ được khôn nhớn ; giai hóa vợ, gái hóa chồng, đứa bé bồ côi, kẻ già một mình, cùng những người tàng-tật không làm gì được, đều có chỗ nuôi ăn. Con giai có chức phận, con gái có nhà chồng. Của cải, không cứ rằng cất để ở mình, chỉ là không thích rằng bỏ hoài ở dưới đất. Sức làm việc, không cứ rằng làm để cho mình, chỉ là không thích rằng tự mình không hết sức. Thế cho nên những cái mưu gian tự bịt đi mà không thấy thò ra, những sự trộm cướp không có. Cho nên nhà nào nhà ấy, đêm không cần đóng cổng ngõ. Thế gọi là *đại-đồng* ».

Cứ như lời nói của đức Khổng đó, ngẫm ra, tức là cái thái độ đời Đương Ngu. Vậy thời biết trong bụng thánh-nhân tự có riêng hoài-bão xâu sa vậy. Cái hoài bão sâu xa của Ngài nghĩ về sự chính-trị, đã chỉ như non mây chợ bể, có cũng bằng không ; cái tư-tưởng thành nhiệt của Ngài đối với cuộc chính-trị, lại không được thi-thố kinh luân, chỉ là có ở trong hoài-bão. Cho nên

MỪNG AN-NAM TẠP-CHÍ LẠI RA SỐ 11

Họa bài «*Sông cái chiếc thuyền nan*»
(đăng ở Tạp-chí số 1.)

Nước rộng giời cao buổi vắng teo,
Con thuyền năm cũ, lại dương lèo.
Kéo buồm, thả lái, quay quay mũi;
Xửa cọc, dăng quai vẫy vẫy chèo.
Bể hẹn non thề nghe đã mấy,
Sông chờ bến đợi biết bao nhiêu.
Phen này vượt sóng qua khơi hẳn,
Nước cũng vui mà nổi tiếng reo.

DƯƠNG-TỰ-HƯỚNG

---

kết-cục của đức Khổng thành ra một người bất-đắc-chí về chính trị, mà chỉ là một nhà giáo-dục thôi vậy.

(Chu-công, em vua Võ-vương nhà Chu, tên là Đán, có tài chính-trị. Sau khi Võ-vương mất, con là Tụng (Thành-vương) lên nối ngôi làm vua, mới có sáu tuổi. Ông Chu-công lấy địa-vị là chú vua, làm tướng, thi hành các sự chính-trị, làm đến thái-bình, mà lễ nhạc văn-vật xem với những đời trước đều có hơn. Cho nên đức Khổng thường nằm mộng thấy ông Chu-công là tư-tưởng của Ngài thường mong có một cái quang-cảnh như trong đời thịnh trị nhà Chu vậy.

Trên mặt bể, về khoảng mùa xuân mùa hạ, thường thấy, những lúc sóng lặng, có những hình thành quách lâu đài, hoặc thuyền bè cây cối, ánh lội ở trên không, gọi là «*chợ bể*». Nguyên nghĩa cũ cho là: đó là những loài trai hến dưới bể thở khí ra, mà kết hình lên trên không như vậy, song mà là nhầm. Cứ chính nghĩa mới xét ra, thời nguyên vì khoảng mùa hạ, ôn-độ của nước bể kém hơn trên không-khí. Cho nên không-khí ở mặt bể bị chặt hơn, mà không-khí ở trên cao thưa rỗng. Bởi vậy, những thành quách lâu đài, thuyền bè cây cối ở phía xa trước mặt, ánh thẳng vào mắt người trông thấy, ngoài ra còn lại chiếu xiên lên vào những chỗ khe rỗng trong không-khí, trải bao khúc khắc, lại ánh vào mắt người, thành ra thấy có những hình tượng như thế.)

còn nữa

Nguyễn-khắc-Hiếu.

Quảng-Cáo

Đối với các bạn mua năm An-nam Tạp-Chí hồi trước, tôi đã có đăng «*lời trần-bạch ở Đông-Pháp-Thời-Báo khi xưa*» vào An-nam-Tạp Chí số 11, để Chư-tôn biết qua.

Trong khi Tạp-Chí mới lại xuất bản đây, tôi có tiếp một người đến báo-quan, cầm giấy biên-lai tiền mua nửa năm, nói là mới nhận Tạp-Chí từ số 1 đến số 10. Giấy biên lai ấy tên của Mr. *Đào-Huân*, N° 4ᵍ, *Phố hàng Rươi* (*Rue des vers blancs*) *Hanoi*. Tôi đã ủy ban Trị-sự tính số tiền còn lại và gửi giả Tạp-Chí cho được chu-tất.

Mới lại có tiếp được hai bức thư:

1° — Của Mr. *Đỗ-long-Giang*, có hiệu buôn bán ở *Hòa Bình*.

2° — Của Mr. *Nguyễn-thế-Lộc*, thừa-phái huyện Chí-Linh Hải-Dương.

Cùng là bạn độc-giả cũ của An-nam-Tạp-Chí. Trong thư ông Nguyễn-thế-Lộc, có đính theo số 0.20 bằng tem thư để thêm cho Báo-quán về sự đổi chỗ ở. Còn như sự giả tiền Tạp-chí khi trước, thời chắc là các Ngài đã có giả, mà trong thư không nói đến, thời tôi không được biết rõ là như sao. Vậy nay xin quảng-cáo để chư-tôn biết rằng:

1— Những Ngài nào trước có mua năm hoặc nửa năm Tạp-Chí, mà chưa có giả tiền, thời nay các Ngài có mua, xin cứ gửi thư như một bạn độc-giả mới của Tạp-Chí.

2— Những Ngài nào trước có mua năm hoặc nửa năm Tạp-Chí, mà đã có giả tiền, thời nay các Ngài viết thư về, xin cho trong báo-quán biết qua cái giấy biên-lai tiền khi trước, hoặc là cái cuống mandat, cho được tiện sự làm việc hơn.

Nay kính cáo

Nguyễn-khắc-Hiếu

VƯỜN CAM

«Lần đi, lần một bạc đầu,
«Ai ơi tham ấn phong hầu làm chi!
«Vườn Cam biết có duyên gì ?
«Mần giăng thời cũng mần ri với tình

Đó là câu trong bài hát mưỡu của cổ-nhân làm ra, mà ngày nay ta thường nghe thấy trong xóm bình-khang hát. Người hát và những người nghe hát, không chắc biết *vườn cam* ở đâu, *vườn cam* thế nào, sự-tích vườn cam ra làm sao.

Ký-giả vừa rồi nhân đổi lên tòng-sự ở Quảng-uyên, đi qua Cao-bằng, có ở lại độ một hôm sực nhớ đến câu hát đó, nên có tìm đến xem chỗ vườn Cam. Sở dĩ biết mà tìm đến là nhờ được khi trước bề trên đã có giảng cho biết nghĩa mấy câu hát ấy. Nhân hôm ở *Cao-bằng* lại được tiếp một ông cụ, người vùng xuôi, lên làm việc đã lâu năm, nay có nhà cửa ở trên này mà không mấy khi về nữa, đem hai câu ấy ra hỏi lại ông cụ và xin ông cụ đưa cho đi xem chỗ vườn Cam.

Chỗ vườn Cam này là một phố ở *Cao-bằng*, gọi là phố vườn Cam. không có gì là di-tích vườn Cam cả, có chăng chỉ còn hai chữ tên đó mà thôi. Hỏi ra nguyên trước lúc nhà Mạc thất thế chạy lên *Cao-bằng*, có mấy ông quan, người dưới ta, trung thành với nhà *Mạc*, theo lên đến chỗ đó ở, nhân ăn những Cam tiến vứt hột ra, mà về sau chỗ đó thành ra một cái rừng cam, bởi thế mới có cái tên làng « Vườn Cam » vậy. Mấy ông quan đó thề rằng không bao giờ lại về vùng xuôi nữa, và giặn lại các con cháu ngày sau phải ghi nhớ nhời thề ấy; kẻ nào có quên mà về, đi đến cuối làng, trông thấy cái cây đa to thì phải nhớ ra mà quay giở lại. Con gái làng vườn Cam này lắm người sinh và khoán mỗi năm đến ngày dằm tháng tám, họ lấy bi-đao đu-đủ, cắt gọt thành các thứ hoa để bầy cỗ, trông rất đẹp. Về sau này các quan ta lên, đến tết Trung-thu ra chỗ đó xem, lấy làm ưa, nhưng hỏi lấy, họ không chịu lấy, sợ lại phải theo về dưới xuôi, thì trái cái lời thề xưa của ông cha, nên ở chỗ đó có câu ca rằng:

Con gái vườn Cam, con gái chẳng vừa
Bi đao, đu-đủ, đánh lừa quan keo (kinh)

Hoặc họ có bằng lòng lấy, thời khi theo, về, đi về đến gốc cây đa ở cuối làng, là khóc, nước mắt nước mũi ràn rụa, mà quay giở lại, mà không đi nữa. Nên ở chỗ đó còn có câu rằng :

Chàng về thời về, tôi không theo,
Gốc đa hỉ mũi, nhớ điều thề xưa.

Lại có câu :

Ăn cam ngồi gốc cây cam,
Lấy anh thời lấy, về Nam em chẳng về.

Ấy vì thế mà mới có hai câu :

Vườn cam biết có duyên gì,
Mần giăng thời cũng mần ri với tình.

Từ ngày nhà nước lên lấy *Cao-bằng*, lập ra tỉnh, phá cái chỗ rừng cam ấy đi, làm thành ra phố; đến nay những người ở phố vườn Cam cũng không còn ai là chính người làng vườn Cam ngày trước nữa.

Ông cụ đưa ký giả đi xem, nói xong câu truyện vườn Cam, tủm-tỉm cười mà rằng: Những câu ca câu hát đó chỉ dùng với sự trong một thời-kỳ ngắn ngủi về đời xưa mà thôi, về sau này con gái vườn Cam cũng nhiều người lấy Tây nữa.

Câu truyện đến đấy, rồi thủng-thỉnh đi về. Nhân tìm đến chỗ vườn Cam mà được biết sự-tích vườn Cam là thế, chép lại một thiên để hiến chư độc-giả nhàn lãm, gọi là một cái quà mạn ngược biếu các bạn vùng xuôi.

NHỮ-TIẾN

Dương-Tự-Hướng

HÁN VĂN DIỄN GIẢNG

講演文漢

子	*Tử*	Thầy, Đức Khổng
曰	*Viết*	Nói rằng :
志	*Chí*	Chí
士	*Sĩ*	Kẻ sĩ
仁	*Nhân*	Nhân
人	*Nhân*	Người
無	*Vô*	Không
求	*Cầu*	Cầu
生	*Sinh*	Sống
以	*Dĩ*	Lấy
害	*Hại*	Hại
仁	*Nhân*	Nhân
有	*Hữu*	Có
殺	*Sát*	Giết
身	*Thân*	Mình
以	*Dĩ*	Lấy, để mà.
成	*Thành*	Nên.
仁	*Nhân*	Điều nhân.

Âm.— *Tử viết: « chí sĩ nhân nhân, vô cầu sinh dĩ hại nhân, hữu sát thân dĩ thành nhân.*

Nghĩa.— Đức Khổng giạy rằng: « Kẻ sĩ có chí, con người có nhân, không có cầu lấy sống mà để làm hại đến điều nhân; chỉ có giết bỏ mình để làm nên điều nhân. »

Đây là một chương trong thiên Vệ-linh-công ở trong sách Luận-ngữ.

Phụ giảng.— Nghĩa nên phải chết mà cầu lấy sống, thế là tham sự sống mà làm hại cho điều nhân. Kẻ sĩ có chí, con người có nhân thời không bao giờ có như thế ; chỉ có giết cái mình mình đi cho trọn lấy đạo *nhân* mà thôi. Nay dẫn mấy câu truyện ở sử tầu, để trứng minh cái nghĩa:

Đời vua Minh-hoàng nhà Đường, phiên-tướng là An-lộc-Sơn làm phản, thủ-tướng ở Đồng-quan là Kha-thư-Hàn, trong tay hơn hai mươi vạn quân, cùng đánh nhau với giặc, thua, bị quân giặc bắt được, đưa giải về chỗ. An-lộc-Sơn. Lộc-Sơn bảo Hàn rằng : « Mày thường khinh ta, bây giờ định thế nào ? » Hàn xụp xuống đất, thưa rằng: « Tôi mắt thịt, không biết được thánh-nhân. » Lộc-Sơn cho Hàn làm quan Tư-không. — Cùng thời ấy, quan thái thú Thường-sơn là Nhan-kiều Khanh nổi quân chống nhau với giặc, thành bị phá, Kiều-Khanh bị bắt, cũng bị giải đến An-lộc-Sơn ở Lạc-dương. Lộc-Sơn trách tội Kiều-Khanh rằng: «Chính ta tâu cho mày được làm chức Phán-quan, không mấy năm, làm lên đến Thái-thú! Có phụ gì mày ? Mà phản ! » Kiều-Khanh mắng lại rằng : « Mày vốn là thằng chăn dê ở Doanh-châu, nhà vua cho mày làm quan đến Tiết-độ sứ cả ba đạo, sung xướng không ai bằng. có phụ gì mày ? mà phản ! Ta đây vì nước đánh giặc, giận không chém được mày, sao gọi là *phản* được ! Giống chó tanh hôi kia, sao không giết chết ta ngay đi ! » Nói rồi, bị giặc giết chết.

Cầu lấy sống mà làm hại điều nhân, thời như Kha-thư-Hàn ; như Nhan-Kiều-Khanh đó là hạng người chí-sĩ nhân-nhân vậy.

Nguyễn khắc Hiếu.

NHÀN-TƯỞNG

Đời không loạn ; võ không dỏi, văn không hay.

TẢN-ĐÀ

THI DÀN GIẢNG TẬP
習講壇詩

Trong khi tôi làm việc *Quốc-văn hàm-thụ*, mỗi kỳ có ra đầu bài gửi đi cho các bạn ; các văn tập gửi về, đều có xửa chữa và luận giảng minh bạch, hoặc lại có lựa trọn thành bài rồi gửi đi. Nhớ có một bài mà bài này đã đăng ở An-nam tạp-chí hồi xưa, duy khi ấy chỉ là đăng lên mục văn-uyển, mà chưa có nói đến sự giảng tập. Nay lại đăng tái, để mượn làm công-việc trong thi-đàn.

Vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi

Đội giời đạp đất đất Thăng-long,
Đứng dữa trần-ai đã mấy đông.
Cội Lạc cành Hồng tươi-tỉnh mới,
Mưa Âu gió Á rập-rìu chung.
Khắt-khe nắng hạ xòe xòe rợp,
Vồn-vã đêm thu lắc cắc rung.
Danh lợi bên đường ai mặc kẻ,
Tấm lòng tươi héo với non sông.

Bài này, một câu đầu, bẩy chữ:

« Đội giời đạp đất đất Thăng long. »

nguyên của một tác-giả đặt vào câu thứ tư, mà đối không cân-trỉnh. Tôi nghĩ như một câu đó, chiếu với đầu bài thật hay, nhời thơ thật là hùng hồn; duy đặt vào địa-vị câu thứ tư, thời không thể nào đối được, mà bốn chữ *« Đội giời đạp đất »* cũng không đủ thích thực cho cái cây.

Vậy nên đem câu ấy lên đầu thời chốn được sự phải đối, mà đứng vào địa-vị câu thứ nhất, thời không cần có cái tính-chất tả thực, mà hùng-hồn càng hùng-hồn! Như thế có lẽ là phải hơn.— Câu thứ sáu, nguyên-văn của một tác-giả rằng:

« Nhàn tĩnh đêm thu, lác-đác rung. »

Mới đọc tới thời nghe như hay, song ngẫm ra thời chỉ là mới có nhời thơ mà nghĩa thực kém. Xét như ý đầu bài, *vịnh cái cây ở bên đường phố Hanoi*, thời tất là có khác với những cái cây ở các nơi thôn dã sơn lâm. Vậy thời hai chữ *« nhàn tĩnh »* ngẫm ra đã thấy không sành. Lại như *« nhàn tĩnh »* mà buông nghĩa xuống với chữ *« rung »* thời sao cho thành nghĩa trong một câu thơ được! Lại hai chữ *« lác-đác »* đặt với chữ *« rung »* cũng không hợp. *« Lác đác »* là cái tiếng lá rụng, không phải là tiếng cây rung. Tóm lại trong một câu thơ nguyên-tác đó, nhời thơ như hay mà nghĩa thực kém vậy. Cho nên khi ấy, hai chữ *« nhàn tĩnh »* tôi đổi làm *« vồn-vã »*, để trông xuống chữ *« rung »* cho nổi nghĩa, mà tỏ ý rất là không nhàn tĩnh, thời mới là tinh-thần của cái cây ở bên đường phố Hà-nội vậy. Hai chữ *« lác-đác »* đổi làm *« lắc cắc »* thời mới là tiếng cây rung động mà cành nọ với cành kia đập nhau. Như thế, chữ dùng khác đi, mà kể cả toàn câu thời vẫn là nguyên-ý của tác-giả. Câu thơ này, đem hợp xem với câu thơ của người xưa:

« Gió đập cành cây rung lắc-cắc » thời ý chính như nhau ; câu kia có chữ *« gió »* mà câu này thời khác vì không có chữ *« gió »* vậy.—Câu thứ năm ở trên, tôi cũng có xửa đổi, mà đến nay không nhớ rõ nguyên-văn như thế nào, chỉ nhớ rằng sau khi xửa đổi thì câu ấy như thế.—Còn như các câu thứ hai, thứ ba, thứ bốn tuy không lấy gì làm hay, song chiếu với đầu bài cũng hợp nghĩa. Hai câu thứ bẩy, thứ tám, kết như thế thật hay !

Nguyễn khắc Hiếu

Tết Tây

Chán tết ta rồi, lại tết tây,
Khen ai khéo vẽ lắm trò hay!
Pháo xì ngũ-sắc tung giời bắn,
Nêu phất tam-tài rợp đất bay.
Bôi mặt nát nhau phường hát bội,
Chen vai lĩnh trần lũ ăn mày.
Hỏi ai ai có vui chăng tá?
Vui nhất là ai tỉnh lại say.

T. H. (Quảng-yên)

VIỆT NAM NHỊ THẬP THẾ KỶ

XÃ-HỘI THIỀN ĐÀM

« Cá mắm hôm nay đã chán rồi!
« Lợn sề lại tiếp thịt ngày mai.
« Ai về nhắn bảo làng công nợ,
« Cái thú « Hồng-lô » nếm kẻo hoài.

Bốn câu thơ này là của một người ngồi tù nợ làm ra, tôi nghe thấy đã lâu. Nghĩ như một sự " tù nợ " ở trong xã-hội ta hồi trước, rất là không từ ai, không cứ đàn ông, đàn bà, càng những người danh-diện, phẩm-tước, đài-các phong-lưu mà cái thú như trong lời của ai ở trên đây, lại càng có nhiều phen trải nếm.

« Giời làm một trận lăng-nhăng,
« Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.»

Câu ca-dao đó tự bao giờ, cũng đáng vịnh để vì ai cảm khái. Thôi những cái câu truyện ấy đã là thường, mà nói cho phải ra, cũng thực mình làm mình chịu; có phải là cái tình-cảnh chung của trong xã-hội như thế đâu? Cái tình-cảnh chung của xã-hội, của phần nhiều người xưa kia là hạng người phong-lưu, mà đến nay cũng phải chịu cực-khổ, lại không vì tù-tội công nợ gì, như thế nghĩ cũng đáng đem câu truyện đăng lên mục Thiền-đàm, để người ở nơi xa biết qua cái phong-vị Hanoi.

Tôi thường nghe truyện các anh em, có nhiều người làm việc phân-minh lương mỗi tháng trăm hạc, trong nhà vợ chồng con cái chỉ độ bốn năm người, mà tự than-thân là bị « phát-vãng ở Hanoi! » Mới nghe thực là tức cười, mà xét ra thời câu truyện đó cũng không lấy gì làm thái quá. Nguyên vì vật-giá mỗi ngày cao quí, thứ nhất là phí khoản về sự thuê nhà, đã chiếm mất đi một số tiền khá to. Vài ba chục đồng bạc bỏ đi mỗi tháng, chỉ là tạm được chỗ ở đủ dung chứa một cái gia-đình nhỏ con; thức ăn vật dùng lại nhất thiết đắt hơn xưa. Vậy thành ra cư bần thực tiện, ngày hai buổi đi làm việc, đêm về thời muỗi đốt mùi cống rãnh xông lên, nhất lại mùa hè nóng nực như hiện độ này đó, những nhà chật hẹp, thuê chung ở trọ, hơi người đã lắm, khói bếp cũng nhiều, thật là cái cảnh khốn nạn vậy. Lại có người nói rằng: cứ như giá nhà ở Hanoi mỗi ngày còn cao mãi lên, thức ăn đồ dùng cũng theo đó mà lên mãi, thời rồi những người làm việc lương trăm bạc giở xuống, thế có lẽ phải ra ở nết ngoài cửa ô. Lời nói ấy tuy chưa biết sau này có đúng thế hay không, nhưng cứ tình trạng ở Hanoi hiện nay, thời những nhà nghèo mà phải còn theo tính-cách phong-lưu, thực cũng khó mà ở được trong thành phố. Lại như ở nhà quê, mỗi ngày làm ăn càng khó, thời số người kéo ra thành-thị để tìm cách sinh-nhai cũng mỗi ngày một thêm; số người càng thêm thời thức ăn chỗ ở lại càng khó. Cái tình-cảnh của những ai là hạng người sẽ bị phát-vãng đó, chưa biết còn ra sao.

. . .

Đương nói truyện Hanoi, nhân tôi nhớ lại trong khi ở Saigon. Ở Saigon vui nhất là cái quang-cảnh lúc chập tối. Đèn điện đã bật sáng, người đi chơi đông vui, xe hơi, xe kiếng không nói chi, hãy nói như những người đi chân rong chơi, người sang có, người hèn có, người nhớn trẻ con, con trai con gái, chỗ này kẻ đứng uống nước đá, chỗ kia người ngồi ăn nem, rất là tỏ ra cái vẻ yên vui, không lo nghĩ chi hết. Ngoài đường phố đã rộn rịp, mà trong chợ lại càng đông vui hơn. Những hàng tạp-hóa và những hàng bán nem rượu, về phần đêm lại bán nhiều hơn là phần ngày. Ba bốn giờ sáng, ở trong chợ còn có người ngồi ăn, thật là cái cảnh ấm thịnh vậy.

Tôi đi chơi trong chợ Saigon, có một sự riêng nghĩ thấy buồn cười, là qua thăm chỗ hàng sách. Các sách truyện quốc-văn ở trong chợ có nhiều hàng bán riêng, cũng như một hiệu sách nhỏ ở phố vậy. Cửa hàng bán sách ấy hình thức làm như kiểu cái bục, trong thời là cái giương, trường khoát có lẽ hơn một bộ ghế ngựa khổ rộng. Khi bán hàng thời đem hàng hóa bầy lên trên mặt bục, có từng, có lớp, thành ra một cửa hàng; đêm khuya không bán nữa thời thu thập hang hóa bỏ cả vào trong giương, người bán hàng dải chiếu ngủ ở trên mặt bục. Các hàng khác đại-khái như thế cả, nghĩ cũng rất tiện; duy riêng nghĩ về hàng bán sách truyện không khỏi lấy làm buồn cười, mà mỗi đêm ở chợ Saigon, người mua đã vãn, người bán cũng thôi, ngủ ở trên mặt bục đó hẳn là người bán sách những như ai, mà dưới bục trong giương thời biết bao văn-sĩ trứ-danh vậy! Trong khi tôi ở Nam, thành-thị, thôn-quê, đều có thiệp-liệp biết đôi chút; tiếp tục xin thuật ra Thiền-đàm để cầu vui với các bạn độc-giả, những ai người Bắc chỉ ở Bắc.

Nguyễn-khắc-Hiếu

. . .

« Con cháu đi ăn cưới ông bà »! Mới thoạt nghe câu đó, chắc ai cũng ngạc nhiên mà cho là một sự kỳ. Mà kể cũng kỳ thực.

Nguyên về miền Chiêm-Hóa (Tuyên-Quang), người Thổ ở đó có một tục rất hay tạm nói là hay vì chưa dám chắc. Xin thuật như sau: Một đôi trai gái nào đã cùng nhau kết chặt mối đồng-tâm, nhưng vì nhà nghèo, thời khi đã được lòng cha mẹ, hai người ăn ở với nhau, đôi lúc làm ăn khá giả sẽ làm lễ cưới. Nhưng rủi mà lúc đã có con rồi, tháng lại năm qua, gia-đình còn quẫn-bách, việc cưới đó cũng đành phải gác. Rồi đến tuổi già, may mà con cháu đề-huề, cửa nhà thịnh vượng, việc cưới xin của đôi trai gái đã có cháu rồi đó mới bàn đến, vì theo tục-lệ người Thổ, nếu lấy nhau mà không có cưới xin, thời cái « ma » của nhà trai nó không nhận..... Vì thế ký-giả được nghe câu nói rất kỳ-khôi:

« Con cháu ăn cưới ông bà. »

CẨM-GIANG
Nguyễn-văn-Huyên

CÔNG BÁO

Một tờ báo ra hàng ngày.
Giá mỗi số một xu.
Cả năm ba đồng rưỡi.
Báo-quán số 15 Hàng Bè Hanoi.
Chủ-nhiệm kiêm quản-lý: **Mr. Tiết-Lương Khiêm**

. . .

Annam-Tap-Chí vừa mới lại ra đời, lại được thêm một bạn đồng nghiệp, vậy Bản-chí xin vui lòng giới-thiệu bạn đồng-nghiệp là **Công-Báo** với các bạn độc-giả của báo-giới cùng hay: Lại mong rằng **Công-Báo** giữ theo được cái tôn-chỉ **« Thờ Một Ông Thần Công-Lý »**, thời trong trường ngôn-luận của xã-hội, chẳng là thêm có ích lắm ru?

ANNAM TẠP CHÍ

KÍNH-ĐÀI VĂN-THƯ-SỞ

Số 28 phố hàng Cá (Poissonnerie) Hanoi

Bản-sở có thể nhờ nhiều nhà Văn-sĩ có tiếng trong nước soạn các thể văn quốc-văn về mọi việc: *tặng, đáp, hiếu, hỷ, bài đăng báo, diễn-thuyết, và các thứ văn cần dùng trong mọi việc công, tư*; như là *biểu, bi, ký, gia-phả, đối, chướng, thơ, từ luận-thuyết vân vân...* Ngài nào muốn xin văn của nhà văn-sĩ nào, xin mời đến bản-sở, hoặc viết thư về; Bản-sở sẽ thương lượng.

Chủ-Nhân Nguyễn-Thống cẩn-cáo

VIỆT NAM NHỊ THẬP THẾ-KỶ

XÃ HỘI BẠC ĐẦU KỲ

Hai thằng khốn nạn (*thể tiểu-thuyết*). — Bác Khóa Lan quê ở.....

Năm 1926, nước to, đê vỡ tứ tung, nhân dân bêu-rếch khổ sở. Nhất là khi nước đã ra rồi, trông cảnh tượng mới lại càng đáng ngậm-ngùi nữa:

« *Cỏ tàn khắp cánh đồng xa,*
« *Bên làng hoang-hủy mấy nhà lơ-thơ.*
« *Đầu đường mẹ bế con thơ,*
« *Người tìm sang bắc, kẻ đưa về đoài.* »

Bởi thế, bác Khóa Lan luôn mấy tháng, nào nhà đồ, nào trâu chết, nào đất bán, nào ruộng cầm. Gia tài tuy chẳng được là bao, nhưng đến cái cảnh tái bay vạ gió *mà sạch sành-sanh, thời đâu ông* vua đời xưa mất nước, thằng bé bây giờ mất tiền, cái tâm-lý cũng đau đớn ngang nhau vậy.

Không những thế, vợ bác lại mới chết về bệnh dịch, để cho bác một đứa con giai mới biết ngồi. Cái cảnh gà sống không còn mồi mà nuôi con mới đáng đau lòng. Bác Khóa Lan thực là một thằng khốn nạn vậy.

Đêm hôm trước, bác ngồi nghĩ mà rớt nước mắt, của chìm của nổi đã không còn *gì, nhịn cơm từ sáng nhường* con đã lả cả gia giầy. Nếu mai cũng thế này nữa, thời bố chết đói, con chết đói, âu là trong nhà còn một thứ của nổi nữa, đem bán nốt đi chăng?

Bác Lan nghĩ thế thời làm thế. Bác xin được cái thúng sứt cạp, bện đôi quang và trẻ cái đòn gánh. Sáng sớm gánh thằng bé con đi. Một bên quang là một tảng gạch để thăng bằng gánh hàng bên kia. Một bên quang là một cái thúng đựng hàng. Trên cái thúng tùm-hum manh chiếu rách che hàng cho đỡ nắng.

Bác đi lang thang làng này làng khác, qua chợ nọ chợ kia, nhưng chỉ thấy có người xem mà không thấy có người mua. Nào hỏi các ông các bà hằng tâm hằng sản. Miếng khi đói bằng gói khi no!

Bác Khóa Lan đói quá, mắt đã mờ... thằng bé con trần chuồng ngồi trong thúng, nằm ngả ra, mồm miệng bè-bẹt những dãi, mũi và vỏ khoai lang. Đi đường bác gặp toàn bọn khóc giở, mếu giở như bác cả. An-ủi nhau cũng chỉ có một câu rằng:

— Này bác đến nhà ông Nghị... may ông ấy hiếm-hoi thời ông ấy mua cho.

Đi lần mãi mấy làng mới đến nhà ông Nghị, mà giời đã sẩm tối. Đứng cổng trông vào trong nhà, thấy gạch tây đánh bóng lộn, sập gụ, tủ trè, gương đứng, giường tây, một ngọn đèn măng-sông ung-dung tỏa ánh sáng xanh êm vào bốn mặt tường trông thật có vẻ đỉnh chung sung-sướng.

Bác Khóa đánh liều gọi cổng. Anh bếp ở trong chạy ra.

— Nhờ cậu vào bẩm với ông bà rằng có người bán con đứng ở cổng.

Cậu bếp hỏi han một vài điều ra dáng tử tế, săn-sóc nhanh nhẹn lắm, rồi mới đi vào.

Bác Khóa vì cái đói khát nó cấp bách quá, nên tưởng tượng ngay độ năm phút nữa thời bụng sẽ được no đầy, nhưng tưởng tượng thế là lầm. Độ một giờ sau bác thấy một người mặt mũi phương-phi, cổ rụt, bụng phệ, môi trễ mà không râu, mặc quần áo lụa, phe phẩy cái quạt ra vườn chơi.

Bác đoán là ông Nghị, bèn đánh tiếng thời quả là ông Nghị thực, vì nghe dọng nói hách dịch lắm:

—Sao anh không rật chuông gọi người nhà nó vào bẩm?

Bác Khóa kể nỗi cực cơ, và ngỏ ý dạm bán đứa con. Ông Nghị nhìn qua bác Khóa, nhìn qua đứa bé rồi nói :

– Ừ để tôi nói truyện với bà sẽ hay, chờ đây tôi ra ngay.

Nghe câu ấy, trong bụng bác Khóa, tuy lép kẹp, nhưng thực như no được một nửa vậy.

Chờ đó hơn nửa giờ nữa, mới thấy ông bà Nghị ra.

Bác Khóa Lan chào rồi,cùng những câu khi nẫy rở ra với bà Nghị. Bà Nghị ra ý cảm-động, bế đứa bé con vào lòng, ngắm nghía mãi.

Ông Nghị thấy bà ra giáng vừa ý, liền hỏi giá :

— Anh định bán bao nhiêu, nói cho thực.

– Bẩm, tùy ông bà cho.

Người bán không biết nói giá, người mua không biết giá, thời làm thế nào ? Độc-giả các Ngài đánh giá hộ đi. Một người như chúng ta đây, khéo nuôi, khéo giậy, thời chưa biết chừng vĩ-nhân cũng nên đấy ! Một trăm nhé ! Hai trăm nhé ! Năm trăm nhé !

Ông Nghị thấy bác Khóa lưỡng-lự không muốn nói giá, dương ngồi sồm ở trước cái thúng, bông đứng phắt dậy mà rằng:

— Đáng lẽ anh cho không tôi, tôi cũng không lấy, vì tôi phải nuôi nó cho anh. Nhưng thôi việc phúc-đức, tôi cho anh ba hào, cầm lấy !

Nói song móc túi lấy tiền đưa. Bác Khóa-Lan gãi tai thở giài, có lẽ không ngờ đâu cái giá-trị một thằng bé con có thế mà thôi!

-- Thưa ông.....

— Tôi không nói lôi-thôi. Ông với ênh gì. Tôi không quen mà cả. Ba hào không bán thời thôi !.....

Nói song, ông quay lưng vào, gọi bà đi và đóng cổng lại.

Bác Khóa vơ-vẩn nghĩ ngợi mãi. Chờ mãi cũng không thấy có người ra giả thêm xu nào !

Nửa giờ sau, bác không thể nào nhịn nổi được cái dạ giầy rỗng tuếch từ hôm trước. Thôi thời ba hào thời ba. Con mình được chỗ ấm no nương tựa còn hơn là bố con bêu rếch só chợ đầu đường. Nghĩ vậy bác bèn rật chuông thời ông Nghị ra.

-- Thế nào, anh có định bán như thế hay không mà gọi ?

-- Thôi lậy ông, ông thương phận nào, con nhờ phận ấy.

-- Thương là thế nào ? Anh nói cho rứt khoát. Bằng lòng bán ba hào không ?

-- Bác Khóa mỉm miệng gượng cười một cách rất chua chát mà rằng : « Vâng. »

Ông Nghị đưa bác Khóa vào trong nhà, làm giấy má song, ông còn xem xét đứa bé rất kỹ-càng. Khi thấy sau lưng nó nhiều nốt ruồi quá, thời ông có ý không bằng lòng, chê bai mãi rằng xấu. Xấu thời phải bớt tiền, cho nên khi trả, ông không ban cho cả ba hào, mà bớt mất hai xu nốt ruồi !

Bác Khóa lậy van mãi. Bác nghĩ nếu có nằn-nì hai xu thời chưa chắc đã được mà không khéo thời bị giả tiền ngay. Nghĩ nực cười, mình đã khốn-nạn mà lại gặp phải một thằng khốn-nạn hơn nữa, thời thôi chịu cần hai hào tám vậy. Bác bèn bế đứa bé con lần sau cùng, hôn hít rặn rò mãi mới rứt. Khi bác ra ngoài cổng, đi không nỡ, tình cha con vướng vít, nghĩ lại muốn trả hai hào tám mà lấy con về. Bác đứng lại quay nhìn trong nhà ông Nghị, thời thấy kẻ bưng chậu nước, người lấy sà-phòng, người tìm khăn mặt. Bà Nghị thời tự tay tắm cho đứa bé, ra dáng âu-yếm nâng niu Bác nhìn mà cũng hả tấm lòng, nỗi đau đớn cũng như tiêu tan vậy.

Còn ông Nghị, hai mắt như vẫn nhìn cái lưng nốt ruồi, mà nét mặt còn như tiếc món tiền tiêu vô ích khi nẫy. Một chốc, ông ra ý hối-hận, nói với vợ rằng :

— Bà ạ, hoài của, giá bớt hẳn năm xu nó cũng phải chịu.

— Sao ông nghiệt thế? Tiền hàng vạn lo Nghị-viên không tiếc, mà mấy xu này lại tiếc hay sao ?

Ông Nghị đang tức hơi, phát gắt mà rằng :

—Tiêu những món đáng tiêu thời còn tiếc cái gì ! Thằng bếp đâu ! Mày chạy đi tìm thằng bán con ban nẫy đâu, bảo nó giả tiền tao mà lấy lại con ngay lập tức !

Bác Khóa Lan nghe tiếng rật mình, ù té chạy bán sống bán chết, vừa chạy vừa đếm : một hai ; một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bẩy, tám.....

Juin 1930

Nguyễn-Công-Hoan

Y-kiến và tiểu-tức trong báo-giới

VIỆC ÁM-SÁT PHỐ AMIRAL COURBET

M. Nguyễn Bình bị 5 phát đạn súng lục

Hồi 11 giờ rưỡi sáng hôm nay, M. Nguyễn-Bình, có dân Tây, tòng-sự tại sở Công-chính, vừa ở sở đi xe về đến cửa nhà ông, nhà số 18 phố Amiral Courbet, chợt phía dưới có hai người đi xe đạp vụt lên, chĩa súng lục bắn luôn 5 phát. M. Bình bị đạn ngã gục xuống đất thì 2 người kia đạp xe đạp chạy mất.

Được tin này sở Cẩm, sở mật-thám vội đến ngay nơi xẩy ra việc ám-sát. M. Bình bệnh tình xem ra rất nguy. Hiện có tìm thấy ở chỗ M. Bình ngã 5 viên đạn súng lục.

Một người thợ mộc làm bên cạnh nhà M. Bình, tên là Nguyễn-xuân Kim mắt được thấy việc xẩy ra, nên sở cảnh-sát đã đòi về bóp hỏi.

Bản-báo còn xét việc này, được tin gì xin đăng thêm.

Trung-Bắc

31 Mai N° 3959

CÁI ÁN-MẠNG PHỐ AMIRAL COURBET

Thêm 4 người phải bắt phố Goussard

Đem về sở mật thám một người nhảy từ trên gác xuống chực tự-tử

Hồi 5 giờ sáng hôm nay, ông Cẩm mật thám Pujol được tin rằng mấy người có dính đến cái án mạng phố Amiral Courbet hiện ở nhà số 108 phố Goussard, mà có lẽ chính hung-thủ bắn M. Bình có trong bọn này.

Lập tức M. Pujol cùng mật-thám Tây, Nam tới vây nhà này.

Trong nhà thấy động, 3, 4 người hoảng-hốt, nghe nói có bắn súng lục chống cự lại lính mật-thám. Sống thế yếu phải để lính mật thám bắt. Ba người đàn ông tên là Lê-hữu-Cảnh, Nguyễn-Huân, Nguyễn-Quất và một người đàn bà là Thị-Thành phải bắt dẫn về. Lại bắt được cả khẩu súng lục mà bọn này dùng để chống cự với lính mật-thám.

Về tới sở mật-thám, M. Pujol bắt đầu tra hỏi ngay. Buồng giấy ông này ở trên gác, hỏi xong người này lại cho ra ngoài hiên, gọi người khác vào. Hồi quá 8 giờ, đang tra

hỏi, Lê hữu-Cảnh lúc ấy ngồi ngoài hiên, nhân mấy người mật thám canh gác không để ý tới lắm, liền vùng chạy ra cửa sổ liều mình nhảy xuống sân.

Các viên chức Tây, Nam trong sở tưởng Cảnh đã trốn mất, liền đổ cả ra, khí giới súng lục lăm lăm trong tay, tìm khắp mọi nơi ngoài cửa sổ nhưng không thấy dấu vết Cảnh. Lúc quay trở vào sân thì ra Cảnh vẫn nằm ở trước cửa sở Căn-cước, bị thương ở đầu và ở ngực không thể dậy được.

Hồi quá 9 giờ, sở mật thám đã cho đưa Cảnh vào nhà thương Bảo-hộ để buộc thuốc.

Cứ như tin tức lấy được thì có lẽ chính Lê hữu Cảnh là người bắn chết M. Nguyễn-Bình.

Ba người cùng bị bắt với Cảnh hiện bị giam tại sở mật-thám.

TRUNG-BẮC
11 Juillet

TIN THÊM VỀ BỐN NGƯỜI PHẢI BẮT PHỐ GOUSSARD

Có lẽ Ng. Huân can vào việc bom nổ ở Việt-yên (Bắc-giang)

Còn nhớ khi xảy ra việc bom nổ ở làng Việt-yên, (Bắc giang) việc mà tòa Thượng-thẩm đã xử rồi sở mật-thám bắt Khóa-Yền khám trong mình thấy một cái thẻ thuê thân đề tên Nguyễn-Huân tức Giang. Hỏi Khóa Yền nhất định không khai, ai cũng đoán tất cái thẻ ấy là thẻ giả để Khóa-Yền dùng để thay hình đổi dạng. Nay có việc bắt được Huân ở 108 phố Goussard, mới rõ chính Huân có can dự vào việc làm bom ở Việt-yên. Huân cũng nhận như vậy.

Theo báo *Volonté Indochinoise* thì Huân quán làng Xinh-quang, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-đông, vốn là con một người bồi tên Ng-xuân-Bân, hiện theo chủ về nghỉ bên Pháp. Huân làm thư-ký ở một hiệu bán đồ sắt lớn. Mẹ Huân cũng làm cu-ly ở đấy, nhưng không ở cùng con nhà 108 phố Goussard mà ở nhà riêng làng Đồng-nhân.

Cả ba người đều đảng-viên V. N. Q. D. Đ.

Ng. Quất, thư ký đánh máy cho sở văn khế Ackein là chủ nhà số 108 phố Goussard. Quất khai chỉ biết cho Huân và Cảnh thuê nhà, tiền nong tử-tế, sòng-phẳng, còn việc tư của 2 người, mình không dự đến. Tuy vậy mà sở mật-thám xét ra thì cả ba đều có chân trong V. N. Q. D. Đ.

Cảnh đã ra khỏi nhà thương

Ngay từ hôm đầu cũng biết bệnh tình Cảnh không lấy gì làm quan trọng cho lắm. Thầy thuốc khám nghiệm chỉ thấy Cảnh bị thương xoàng ở đầu và ở ngực thôi. Nằm điều trị mấy hôm trong nhà thương Bảo-hộ. Cảnh đã lành mạnh, hôm qua sở mật-thám đã dẫn về giam để tiện việc tra xét.

Khám nhà phố Chợ Đuổi

Hồi 4 giờ chiều hôm qua. sở mật-thám phái hơn 10 người mật-thám Tây, Nam đến khám một nhà phố Chợ Đuổi, nhưng không bắt được gì khả nghi. Không người nào phải bắt.

TRUNG-BẮC
17 Juillt

Tin thêm về 4 người bị bắt ở phố Goussard

Bắt được Cảnh và Huân, 2 cái án rất bí-mật xảy ra ở Hà-thành -- việc mưu sát thầy Đội Dương, và việc ám-sát M. Nguyễn-Bình để cướp tiền ở phố Amiral Courbet -- liệu đã vỡ ra được chưa? Trong một kỳ báo trước đã đăng các lời khai của Cảnh và Huân. Chiều hôm thứ bảy, 12 juillet, sở mật-thám lại đòi người kéo xe nhà M. Nguyễn-Bình tên là Nguyễn đăng-Xuân và tài-xế là Vương-văn-Đang ra hỏi.

Việc cướp tiền ở Phố Amiral Courbet

Sở mật-thám hỏi Nguyễn-đăng-Xuân thì Xuân khai rằng hôm 30 mai vào lúc gần 11 giờ, kéo M. Nguyễn-Bình ở sở Lục-lộ về. Hai càng xe vừa đỗ phịch lên cửa, bỗng Xuân nghe tiếng lét đét nổ trên đầu. Chưa kịp xem là việc gì thì một người ở đâu sau lưng giơ tay nắm vai mình. Hoảng hốt Xuân giằng ra chạy. Trong lúc ấy chủ kêu.

Gọi sốp-phơ ra đây mau!

Rứt lời M. Nguyễn-Bình thì cả bà chủ, cả tài-xế trong nhà chạy ra. Mme Bình cũng kêu. Lúc ấy Xuân ngoảnh lại, nhưng trong óc còn ù ù, nom không rõ vật gì, chỉ nhớ thấy hai người đàn-ông đi xe đạp, một người mặc quần áo trắng, mũ trắng, một người mặc áo the thâm. Nhưng vì cả hai đều quay mặt về đằng trước nên không nom rõ mặt. Vả lại Xuân đội cái nón to quá, ngẩng lên bị che lấp cả mắt, không nom thấy rõ được. Có lẽ cũng vì câu khai này mà sở mật-thám bắt Xuân lúc đầu, vì cho rằng Xuân đứng ngay chỗ xảy ra cái bi-kịch này, có lẽ nào lại không thấy rõ mặt hung-thủ! Lúc Xuân giằng ra khỏi tay người chực nắm lấy vai mình thì người ấy còn bắn thêm luôn ba phát súng lục nữa.

Còn người tài-xế Vương-văn-Đang thì khai rằng không biết gì hết. Chỉ biết chạy theo bà chủ ra, nghe thấy bà chủ kêu:

-- Nó bắn chết chồng tôi rồi.

Mà đằng xa thì thấy 2 người mặc ta đang cắm đầu đạp xe chạy.

* *

Cảnh và Huân đã khai nhận chính mình là người gây nên việc cướp tiền phố Amiral Courbet, vậy ai là người bắn chết M. Nguyễn-Bình?

Cảnh khai mình bắn trước. Lúc nghe M. Bình kêu, Huân mới bắn sau.

Việc bắn thầy đội Dương

Việc này vẫn như lời khai trước, Huân vẫn nhận mình cầm súng bắn thầy Dương. Còn Cảnh thì chỉ nhà và bảo rõ hình dạng thầy Dương cho Huân biết.

Vân-Du là ai?

Ta còn nhớ lúc bắt được Ký-Con, hỏi về việc bắn thầy đội Dương thì Ký-Con khai rằng: người cầm súng bắn là một người trong đảng, tên gọi Vân-Du. Vân-Du là ai? Sở mật-thám tra hỏi, Ký-Con vẫn không khai rõ. Cứ lời khai ấy, chính Ký-Con cũng không biết Vân-Du là ai, ở đâu.

Sau khi đã bắt Cảnh và Huân ở phố Goussard thì sở mật-thám có đem ảnh hai người vào ngục, đưa cho Ký-Con nhận xem có phải Vân Du không. Tới đây thì xảy ra một việc không ai ngờ.

Ký-Con nhận chính Vân-Du là mình, chính mình bắn thầy đội Dương chứ Huân và Cảnh không dự vào việc ấy.

Sao lại có việc bắt ở nhà 108 phố Goussard

Vì sao sở mật-thám lại biết nhà 108 phố Goussard có mấy người cách-mệnh ở nhà đến bắt? Cái đó là nhờ về việc bắt được Đỗ-đức-Kính ở ga Haidương mà báo Trung-Bắc đã đăng qua rồi. Bị bắt đem về Hai-dương tra hỏi thì Kính khai định đi Hanoi vào nhà 108 phố Goussard, ở cùng mấy người đồng chí. Điện lên báo cho sở mật-thám Hanoi biết, hồi 5 giờ sáng hôm sau, sở mật thám vây bắt nhà ấy ngay. Lúc phái-viên sở mật-thám tới gõ cửa một lượt, trong nhà thị Thành chạy ra mở ngay. Theo lời thị Thành khai thì Huân và Cảnh đã dặn trước sắp có người ở xa lại (người ấy là Kính), nên sáng sớm hôm ấy nghe tiếng gõ cửa thì yên trí là Kính, có ngờ đâu cửa mới hé, nom ra chỉ thấy những mật-thám Tây, Nam.

Trong kỳ báo trước nói rằng thị Thành mới 16 tuổi, là sai vì bỏ mất một câu. Thực ra định nói thị Thành mồ côi cha mẹ, đi lưu lạc từ năm mười 15, 16 tuổi đến giờ. Vậy xin đính chính lại.

Thêm một người bị bắt

Từ hôm bắt bốn người ở nhà 108 phố Goussard thì nhà ấy vẫn niêm-phong cẩn thận, lính mật-thám tuy không ra mặt, nhưng phải luôn trông coi. Hôm thứ sáu trước, một người trẻ tuổi đi lượn qua lượn lại chỗ ấy, mắt nhìn trước, liếc sau, thái-độ rất khả-nghi, làm cho lính mật-thám phải để ý tới mà bắt điệu về bóp. Người bị bắt tên là Trần-ngọc-Thụ, hiện vẫn còn bị giam tại sở mật-thám. Từ hôm ấy, nhà này giao cho trưởng-phố canh giữ.

TRUNG-BẮC

Về cái án mạng phố Amiral Courbet

Từ ngày bắt được Cảnh và Huân, thời hình như đã có một cái tia sáng trong hai cái án rất bí-mật: Cái án mạng phố Armiral Courbet và cái án bắn thầy Đội Dương. Về việc M. Bình bị giết thời Cảnh khai rằng có mệnh lệnh của Nguyễn thế Nghiệp ở Vân-Nam gửi về, nói rằng rất cần đến tiền, thời vội bàn với Huân, Lan và một người nữa. Người này chưa bắt được nên bấy tạm dấu tên.

Còn Lê-Tiến-Sử thời bảo cho biết tin-tức ngày giờ của M. Bình ra Kho-bạc. Nếu M. Bình được tiền sớm thời đem về sở phát ngay, lỉnh chưa thời đem về nhà.

Sau khi đã bắn chết M. Bình, cướp được số tiền hơn vạn bạc, Cảnh đem đến một nhà ở phố hàng Bạc, giao cho cô Giang.

Khẩu súng lục của cô Giang dùng tự-tử

Nay xét ra khẩu súng lục của cô Giang dùng tự tử ở Đồng-Vệ, chính là khẩu súng đã dùng bắn chết M. Bình. Mấy hôm sau, khi đã làm xong việc cướp tiền ở phố Amiral Courbet, một bữa cô Giang xuống nhà 108 phố Goussard, bảo Cảnh và Huân đưa cho mượn khẩu súng đem đi. Mấy bữa sau thời cô tự sát ở Đồng-Vệ.

Việc bắn thầy Đội Dương

Cảnh hiện còn yếu lắm. Hỏi về việc này, Cảnh chối. Huân thời khai nếu Cảnh không can-đảm nhận thời mình xin nhận các tội. Việc bắn thầy Đội Dương này có Ký-Con và cô Giang ra lệnh. Chính cô Giang đưa súng cho Huân.

Trước khi Lê-hữu Cảnh bị bắt

Lê-hữu-Cảnh tên là Tùy. Từ khi Cảnh dây vào mọi việc Quốc-sự-phạm, thời gia-quyến đã từ, không nhận nữa.

Trước khi Lê-hữu-Cảnh bị bắt ở phố Goussard hôm vừa rồi, Cảnh có đến nhà chú, tên Huệ, ở phố hàng Mắm, bảo chú phải giúp V. N. Q. D. Đ. một số tiền là 5000p.00, nếu không thời sẽ bị trả thù một cách ghê gớm. Người chú Cảnh đương lấy việc ấy làm lo, thời sực Cảnh bị bắt cùng với Huân ở phố Goussard.

Nguyễn-ngọc-Thụ đã được tha

M. Thụ là người bị sở mật-thám thấy lảng-vảng quanh nhà số 108 phố Goussard, nên tình nghi bắt về. Nhưng xét ra M. Thụ tìm nhà người quen nên hôm sau sở mật-thám đã tha ông ra ngay.

Chú vợ Lê-tiến-Sử phải bắt

Ngày hôm kia sở mật-thám vào Hà-đông bắt một người thơ-ký sở Bưu-điện, tên là Tụ-văn-Đoàn. Người này là chú vợ Lê-tiến-Sử, bị sở mật-thám tình nghi cũng có dự vào việc ám-sát M Nguyễn-Bình. Hiện Tụ-văn-Đoàn còn phải giam ở sở mật-thám để xét hỏi.

TRUNG-BẮC

19 Juillet 1930

Một người đàn bà góa đẻ ra rắn

Việc này đăng trong báo Tầu, thực là một việc rất lạ, xưa nay chưa từng có, xin thuật ra sau đây.

Về huyện Trấn-Giang, tỉnh Giang-Tô, có một mụ đàn bà góa, năm nay đã ngoài 50 tuổi, người chồng đã chết từ mấy năm trước, con giai mụ thời theo người chú về Trấn-Tây buôn bán, còn mụ và người con dâu thời ở lại Trấn-Đông, làm nghề may vá, cũng đủ ấm no. Chiều ngày 12 Juin vừa rồi, mụ bỗng đau như xé ruột ra, đương như muốn đi ngoài, liền đi ra chuồng tiêu, vừa ngồi xuống, bỗng thấy có một vật bò ra, bấy giờ lại càng đau quá, không khác gì người đau đẻ, mụ sợ hãi hết hồn, kêu lên một tiếng, rồi ngã ngất đi, bất-tỉnh nhân-sự, thời ra cái vật thò ra ấy là con rắn, hai mắt đen nhanh nhánh, cái đầu ngoe nguẩy mà chỉ có nửa mình.

Người con dâu nghe tiếng chạy ra thấy vậy cũng kêu lên, một lát tin đồn đi khắp nơi, người kéo nhau đến xem đông như chợ, người thì bảo nên đi mời bà đỡ, người thời bảo nên đi mời thầy thuốc, nhưng đến khi bà đỡ và thầy thuốc đến xem, cũng đều chịu bó tay, muốn lấy hẳn con rắn ấy ra mà không lấy ra được, nếu chặt đứt nửa ngoài thời nửa trong tất thối nát ra, loanh-quanh mãi không ai biết làm ra thế nào.

Cứ như thầy thuốc nói thời đó là cái mình người đầu rắn, cho nên không lấy ra được; nhưng tuổi mụ đã già và lại ở hóa thời còn chửa làm sao được; vả chăng trước khi đó mụ cũng như người thường, bụng không to và không đau đớn gì cả. Vậy thân mụ sau này, một là không có tiền, hai là không ai có cách nào lấy ra được, thời đành chịu chết. Trên thế-giới này thiếu chi những nhà Bác-bọc, chẳng hay có ai biết rõ được ra làm sao không.

TRUNG-BẮC

20 Jnillet 1930

BẮC SỬ DIỄN NGHĨA

(LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT)

(Tiếp theo số 11)

Kể từ vua Võ nhà Hạ mới lên ngôi cho đến năm vua Kiệt thua mất, cộng được bốn trăm ba mươi chín năm, mà rồi cái ngôi vua ở Trung-Quốc lại bắt đầu đổi sang nhà Thương, tức *vua Thang* là ông vua thứ nhất.

Vua Thang nguyên là một vị chư-hầu có nhân đức, lại nhờ có Tướng là ông Y-Doãn giúp sức, cho nên đánh được nhà Hạ mà lên thay làm Thiên tử, đặt quốc-hiệu là Thương. Nhà Thương lúc ban đầu, các vua tướng cũng hiền minh, cho nên thiên-hạ bấy giờ, lại có cái quang-cảnh thái-bình thịnh-trị. Mười sáu đời truyền đến *vua Trụ*, mà cái cảnh sắc của nhà Thương lúc ấy lại cũng như đời vua Kiệt ở nhà Hạ khi xưa.

Vua Trụ tên là Tân, vừa thông-minh, vừa có sức mạnh, thích rượu, thích gái, làm ra những đũa ngà, chén ngọc, xa mỹ hơn xưa; đánh họ Hữu-Tô, bắt được con gái là Đát-Kỷ, cũng yêu mến lạ thường, nói gì nghe ấy. Rượu làm ao, thịt làm rừng, cho những con giai con gái chần chuồng mà đùa nhau để làm trò vui-thú. Chư-hầu có ai phản thời Đát-Kỷ xin Trụ đặt ra những hình-pháp nghiêm ác để trừng-trị. Làm một cái cột, lấy mỡ bôi chung quanh, rồi chất than lửa đốt ở dưới; bắt kẻ có tội leo lên cái cột ấy, ngã rơi xuống đống lửa, thì Trụ với Đát-Kỷ cùng cười với nhau lấy làm vui. Các quan triều có ai can ngăn, Trụ cũng giết chết cả. Trụ làm vua được 30 năm,

thiên hạ sầu khổ, có một vì vua chư-hầu họ Cơ, tên là *Phát*, nổi quân lên đánh Trụ. Đánh nhau ở Mục-Dã. Quân vua Trụ có tới 70 vạn người, không một người nào có bụng đánh giặc, ông Phát cho quân xông vào trận, quân Trụ đều quay giáo giở lại, không đánh nhau. Trụ bèn thua chạy về cung, mặc những đồ châu báu vào mình, rồi tự đốt mình mà chết. Ông Phát sai chém đầu vua Trụ, treo ên cờ Thái-bạch, từ đấy ngôi nhà Thương lại đổi về nhà Chu.

. . .

Nhà Chu lúc mới nổi lên, cơ-đồ gây dựng cũng nhờ có những đời trước tổ-tiên hiền thánh, cho nên các nước chư-hầu sẵn lòng qui-phục. mà đến đời ông Phát lại gặp lúc vua Trụ tàn ác, cho nên ngôi nhà Thương lại về nhà Chu Ông Phát đã lên làm vua (Võ-Vương), chính-trị đổi mới, lại được một người em, tên là Đán (Chu-công) có tài chính-trị, xếp đặt qui-mô, các bề tôi hiền như ông Thái-công-Vọng, Thiệu-công-Thích, mọi người giúp mọi việc, cho nên nhà Chu lúc ban đầu, chính-trị đã hay mà lễ nhạc văn-chương cũng hơn cả các đời trước. Chia đặt phong-tước, tất cả 71 nước chư-hầu (1).

Nhà Chu đến lúc đã xuy, cũng lại sinh ra một ông vua hư, tên là *Cung-Niết* (U-Vương). Vua Cung-Niết có nàng Bao-Tự, cũng như vua Kiệt có Muội-Hỷ, vua Trụ có Đát-Kỷ khi xưa. Nguyên xưa tự đời nhà Hạ đã xuy, có sinh ra một cái quái, là cái hồn ma người nước Bao hóa làm hai con rồng, ròm vào trong cung vua mà nói rằng: « Ta đây là hai vị vua ở nước Bao ». Vua nhà Hạ bói xem nên giết, hay nên để, hai đằng cùng không tốt. Bói xem xin lấy cái nước rãi để cất đi, như thế thời tốt. Vua bèn sai người đem đồ lễ tế để khấn, quả-nhiên những con rồng biến đi mất mà nước rãi hãi còn, cho vào hòm để cất đi. Cái hòm nước rãi ấy, cứ để mãi trong cung, qua đời nhà Thương, sang đời nhà Chu, không ai dám mở, cũng không ai mở ra làm gì Đến cuối đời vua Lệ-Vương (Hai đời) thử mở coi xem sao, thời những cái rãi trong hòm ấy chôi lênh đênh ở sân, không thể nào trừ bỏ đi được. Rãi ấy hóa ra một cái quái, có đứa con gái trong cung-phủ gặp phải, chưa có chồng mà đẻ con, sợ mà đem vứt đi. Khi ấy những trẻ con có câu hát rằng: « Cái cung bằng dâu, cái túi bằng cỏ, nhà Chu mất nước, chẳng đó mà đâu». Có kẻ bán những đồ cung dâu túi cỏ ấy, vua sai bắt để làm tội. Kẻ ấy sợ mà trốn lánh, gặp thấy đứa con gái bé bỏ ở đường (tức là con đứa chửa hoang thai), nhặt lấy để nuôi, rồi trốn sang ở nước Bao. Sau đứa con gái ấy lớn lên, người nước Bao nhân có sự tội-vạ, đem dâng lên vua U-vương, tức là nàng Bao-Tự.

Vua U-vương rất yêu nàng Bao-Tự. Bao-Tự đẻ được một đứa con giai là Bá-Phục. Vua bỏ bà Vương-hậu là con gái nước Thân và Thái-tử là Nghi-Cữu, lấy Bao-tự làm bà hậu, và cho Bá-Phục làm Thái-tử. Nghi-Cữu chạy về quê mẹ, Thân.

Vua U-vương đã lập Bao-tự lên làm hậu, càng mê dại vì nàng. Bao-tự tính không hay cười, vua bầy ra trăm trò, định làm trò cười, mà Nàng cố ý không chịu cười. Nguyên vua có hẹn cùng các chư-hầu, hễ có giặc thì đốt lửa cháy to, lấy khói lửa làm hiệu, thời chư-hầu đâu đấy đem quân đến cứu-viện. Vua muốn cho Bao-Tự cười, bèn tự-nhiên vô-cố đốt khói lửa đùng đùng, chư-hầu đâu đấy đến hết, đến mà té ra không có giặc. Bao-Tự quả-nhiên cười khằng-khặc, rất lấy làm vui. Bao-Tự cũng thích nghe tiếng xé lụa, vua đem lụa trong kho ra xé chơi, cho được chiều ý của mỹ-nhân yêu quí.

U-vương làm vua đến năm thứ 11, muốn giết Thái-tử cũ là Nghi-Cữu, cho người sang tìm kiếm ở nước Thân. Thân-hầu (Vua nước Thân) không cho. Vua đem quân đánh Thân. Thân-hầu chiêu quân rợ Khuyển-Nhung về cùng nhau đánh U-vương. U-vương nổi hiệu khói lửa để vời quân chư-hầu ở các nơi, không có một ai đến. Giặc Khuyển-Nhung giết chết vua U-vương ở dưới chân núi Ly-Sơn, bắt sống nàng Bao-Tự. lấy hết các đồ châu-báu của trong cung nhà Chu mà đi. Các

Oản-tà-RRoằn

— Thế anh định bỏ chết tôi à ? Không trách người ta báo đàn ông bạc tình, có oan tí nào đâu : Tôi vì nghe anh dỗ ngon dỗ ngọt, nào những là lấy nhau, nào những là ăn đời ở kiếp cùng nhau..... Từ đó đến nay, tôi dốc một lòng chờ đợi anh, tường đông ong bướm, tôi kiếm cớ thoái thác. Vì tôi đã chót hứa cùng anh. Ấy thế mà anh quyết tình giở mặt. Hẳn anh cũng biết tôi chỉ là quá dại-dột mà nghe anh, nên mới mang vạ vào mình. Anh nghĩ sao cho vuông tròn thời nghĩ . . . . . .

— Cái bụng chị vài tháng nữa thời tròn bằng cái thúng : chị còn phải cần gì đến tôi nghĩ nữa !

— Tôi không nói đùa ! Nếu anh không làm hại tôi , thời làm gì tôi không lấy được người chồng tử-tế.

Lúc bấy giờ ở bờ hồ Hoàn-kiếm, mảnh giang ngọn gió như khơi động tâm tình gió giăng, Ả Nguyệt với cậu Ph... lững-thững bước vào cầu Tì-ê-Húc.

Hai vẻ mặt cùng lo, nhưng hai cái lo khác nhau. Ả lo vì quá nhẹ dạ, nên phải nặng lòng, cái khối lo nó đương nằm co ở trong bụng · Cậu Ph lo vì vô-tình định thỏa bụng muốn, bấy giờ phải cố tình đẩy cái không muốn ra.

— Thế có chắc chị chửa với tôi không ?

— Này năm nay tôi mới có mười tám tuổi đầu, sao anh đã đổ bậy, đổ bạ cho tôi cái tiếng khí-gió ấy ! Anh hỏi tôi chửa với ai à ? Rồi nó giống ai, nó máu mủ ai, thời anh biết. Tôi con nhà trâm-anh, anh cũng con nhà thế-phiệt, vì một lời giao-ước, nên tôi mới quá chiều anh. Tuy tôi chưa là vợ anh, nhưng cũng như là vợ, nên tôi dốc một lòng chung thủy, thời chữ trinh tôi chỉ giữ nguyên cho anh. Nếu anh ngờ tôi loan chung phượng trạ, thời đây này, tôi sẽ chết như thế này này !

— Đừng thề độc, nhỡ chết thật thời oan !

— À anh giếc tôi mãi. Thôi đồ bạc tình ! Anh buông tôi ra !....

— Này, cầm lấy cái này.

— Cái lọ gì đây ?

— Lọ thuốc thôi thai, chị uống nó vào thời cái thai nó ra, thế là mất tích.

— Eo ơi ! Anh nói mà tôi ghê cả mình ! Nếu anh cố tình mà giết cả hai mẹ con tôi thời đây này, tôi liều chết ngay trước mặt anh, cho anh trông thấy. Anh buông tôi ra. Giời ơi ! Ngờ đâu cái hồ Hoàn-kiếm này chỉ là cái mồ hồng-nhan !.

Ả rật tay ra, chạy lại mé đầu cầu. Cậu Ph vội chạy theo, níu vạt áo lại :

— Ấy chết ! chớ chớ ! tôi thử chị đấy mà !

— . . . . . .

— Này chị ơi !

Ả gục đầu, ôm mặt khóc hu hu.....

— Chị Nguyệt ơi ! Chị chớ lo, tôi vẫn biết chị là người chung-tình với tôi, chị không phải phiền lòng. Cái thai trong bụng chị là con tôi, là con chị, chị cứ yên tâm. Tôi thề rằng sẽ chu-toàn danh tiết cho chị. Đến ngày khai hoa, tôi sẽ đưa chị sang nhà hộ-

---

vua chư-hầu bèn cùng nhau đến nước Thân đón ông Thái tử cũ là Nghi-Cữu, dựng lên làm vua, để giữ việc tế-tự tôn-miếu của nhà Chu. Ông vua ấy tức gọi là (*Bình-vương*). Bắt đầu từ ông vua Bình-vương lên ngôi (Trước Kỷ-nguyên lịch tây 772 năm) mà thế-lực của nhà Chu kém xưa, mà tình thế của nước Tầu từ đấy về sau khác từ đấy về trước.

sẽ tiếp theo

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Trong đời ấy, nước ta có sai sứ sang Tầu dâng một con chim trĩ, sắc trắng.

sinh tỉnh Bắc-Ninh, sau khi mẹ tròn con vuông, tôi sẽ tính cuộc trăm năm với chị.

-- Anh đừng nỏ mồm !

-- Chị đừng mắng tôi mà oan ! Thôi chị cứ đi về.....

-- Tôi không về đâu cả. Sống gửi thác về, mả tôi đây rồi !

— Tôi van chị, nếu tôi không giữ được lời hứa, xin nguyện giời tru đất riệt ! Chị cứ về, cứ yên lòng.....

Cô ả lau mặt, sẽ gượng đứng giậy, gọi xe về nhà.

Cậu Ph vừa đi vừa nghĩ :

Ừ, suýt nữa thời mình deo cái vạ tầy đình cho mình ! Suýt nữa thời mình giết cả hai nhân mạng. Giá một mình con Nguyệt nó tự-tử, thời mặc quách nó, nhưng lại đèo cả đứa con ta ở trong bụng nó !..... Ừ, tính tháng tính ngày, quả nó có mang với ta... Vậy đợi lúc nó đẻ ra lấy con về nuôi, còn việc trăm năm với nó thế nào, ta không nên nghĩ trước.

-- Chết chưa ! Thế mợ định uống thuốc thôi-thai thật đấy à ?

-- Cậu tính tôi mới có 18 tuổi đầu, chồng con chưa có. mà chửa hoang, thời còn xấu gì bằng !

- Chà, việc gì mà xấu ; sự xấu tốt đối phong-trào dư-luận xã-hội như làn khói trước ngọn gió to, chỉ đánh loáng là không ai trông thấy nữa, thế thời dư-luận có gì là đáng sợ ? Vả lại tôi hiếm hoi, lấy nhà tôi ngót hai mươi năm trời, mà con cái chưa có, thời mợ cứ yên lòng, sau khi ở nhà hộ-sinh ra, tôi sẽ thu xếp để mợ với tôi ăn đời ở kiếp.

— Tôi cám ơn cậu ! Cậu ngót bốn chục tuổi đầu rồi, tôi mà lấy cậu thời người ta cho là bố lấy con. Và vợ cả cậu như còn sư-tử cái, có lẽ nào lại để yên cho cậu yêu thương tôi. Cậu cứ mặc tôi, để tôi tự-xử lấy tôi, cậu không cần nghĩ đến. Bao nhiêu việc tôi đã định sẵn, tôi đành uống thuốc để giữ cho vuông tròn tiếng-tăm. Vả tôi là con nhà thi lễ, mơn-mởn đào-tơ, làm gì không lấy được chồng ông họ ông kia, can chi vội-vàng mà vơ quàng vơ xiên vội.

-- Mợ nói thế, tôi đau lòng quá. Mợ phải hiểu cho rằng, cái thai trong bụng mợ là đứa con sau này của đôi ta.

-- Nếu cậu có thương con cậu, thời mai tôi xin gửi lại trao giả cậu.

-- Chết nỗi ! tôi xin mợ.

Luồng nước cuồn cuộn dưới sông, hàng cột ù ù trước gió, giây sắt cầu như đang-mắc mối tơ-tình. Trên cầu Đu-me, Ả Nguyệt đứng thừ ra, tựa tay vào lan-can, mặt nhìn làn sóng lênh-bênh. Trước mặt, ông Tham B vênh bộ râu « Ghi-Đông », nét mặt ra giáng lo-lắng mà van xin.

-- Nào tôi có phải ăn ở bạc tình với mợ đâu, mà mợ nỡ rứt lìa thế ?

Tôi cũng biết vì tôi đối với cậu chung-tình nên cậu đối với tôi trung-hậu, nhưng tôi không thế nào đèo mo mà sống ở đời được.

Sao mợ lại bảo là deo mo ? Vẫn biết rằng đàn bà quí giá ở chữ trinh, nhưng mợ có phải là gái thất trinh đâu ? Vì mợ quá yêu tôi, quá chiều tôi, nên đến nay đeo đẳng khố-tình cùng tôi. Vậy rồi sau tôi nuôi đứa con, lại cưới mợ về làm vợ. Làm người vợ thời cần giữ chữ trinh với chồng, mợ chung-tình với tôi từ trước đến nay, thời đối với riêng tôi, mợ vẫn chu-toàn được chữ trinh, vậy cớ làm sao mà phải nghĩ ? Nếu tôi bạc tình cùng mợ, toan bỏ lửng mợ, thời mợ mới đáng hờn duyên tủi phận chứ !

— Thôi tôi xin cậu, tôi nào dám tin cái mồm mép đàn ông !

— Nếu tôi ăn ở như kẻ khác, thời xin thề rằng ngọn đèn điện này tắt, tôi cũng chết.

— Thề, thề cá chê chui ống ! Cậu buông tôi ra, tôi xin gửi thân tôi cho ông Hà-bá dưới sông này !

Mợ định tự-tử? Mợ chết thời tôi xin chết theo ngay.

— Khổ lắm, cậu kệ sác tôi! Tôi không tin ai ở đời này nữa! những cái mặt nhẵn-nhụi chơn-chu, nhưng toàn là bụng ba-que, sỏ-lá cả. Tôi vì dại-dột mới nên nông-nỗi này.

Một cái ô tô sình-sịch đến trên cầu, chiếu hẳn ánh sáng vào mặt ông Tham trông rõ cái mặt nhăn-nhó, cái mắt gấp gay.

— Mợ ơi, mợ yên lòng; mợ nên biết cho lòng tôi, đừng phụ bụng tôi, bởi tôi biết bụng mợ lắm. Vả dĩ bấy lâu tôi khao-khát chút con để sau này nó chống gậy cho tôi, nối dõi tông đường cho nhà tôi, nếu nay mợ quyết tình giết cả mợ lẫn con, thời tôi phải âu-sầu ân hận xuốt cả đời.

Ả Nguyệt bưng mặt khóc, ông Tham lấy vặt áo chùi nước mắt hộ mà nói.

-- Mợ ơi! Tôi đã định rằng đến ngày mợ đẻ, thời sang nhà hộ-sinh tỉnh Bắc-Ninh mà nằm cho êm tiếng, nhất là mợ giữ cái bụng cho kín đáo. Mợ đẻ song, tôi nuôi lấy con...

-- Thế rồi cậu bỏ tôi bơ-vơ?

-- Khốn nạn, cho tôi nói hết câu đã, tôi lậy mợ! thế rồi tôi tính việc xin cưới mợ sau.

Ả Nguyệt thở giài...

— Mợ đã bằng lòng như thế chưa?

Ả đưa tay lên miệng, cắn móng tay út, không trả lời, ra giáng nghĩ ngợi.

-- Mợ ừ đi, mợ đừng uống thuốc thôi-thai nữa, phải tội đấy!

— Mợ cứ yên bụng cho tôi được yên lòng. Mợ ừ đi!

— Ừ!...

Hai người lững-thững đi, gặp hai cái xe, liền thuê về nhà. Lúc sắp li biệt, ông tham B. còn dặn với một câu:

-- Mợ yên dạ, cho tôi yên lòng nhé!

— Ừ!...

* *

-- Bà đẻ con so hay con dạ?

-- Thưa bà, con so.

-- Bà nên nói cho thực, thời tôi mới liệu được; tôi xem bụng bà thời hình như đẻ con dạ thời phải hơn.

— Thưa bà, thực tôi đẻ con so.

Đó là lời bà đỡ nhà Hộ sinh cùng nói truyện với ả Nguyệt. Bà đỡ ngờ quá, hỏi vặn rằng:

-- Mỗi khi những người đẻ con so thời da bụng cứng mà có ngấn ở bụng vằn đỏ; người đẻ con dạ thời da bụng mềm, mà có ngấn ở bụng vằn trắng. Nay tôi xem bụng bà thời quả là bà đẻ con dạ. Phép nhà thương không nên nói dối, nhỡ ra nguy đến tính-mệnh, chứ chả chơi đâu.

-- Thưa bà, xin bà cứu cho, tôi đẻ con dạ!

-- Vâng, bà nên nói thực thế là phải. À, ông nhà ta tên là gì? ở đâu?

-- Thưa, cậu cháu tên là Nguyễn-văn-Tình, đã mất năm ngoái rồi, sau khi tôi có mang được vài tháng.

— Tội nghiệp! Thế ông mất thời bà có mang được mấy tháng?

-- Ả Nguyệt luống-cuống nói:

À, thưa bà, cậu cháu mất năm nay ạ. Mới mất tháng tư, mà tôi đã có mang từ tháng giêng.

— Bà cũng chỉ độ tối hôm nay thời ở cữ thôi. Bà cứ nằm nghỉ yên. Lần trước bà ở cữ, giai hay gái?

-- Thưa bà, cháu gái.

-- Nay cháu biết làm gì rồi?

-- Thưa bà, tôi sinh cháu được vài hôm thời bỏ cháu.

-- Thế bà đẻ dễ hay khó?

-- Thưa bà dễ ạ.

-- Được, vậy bà cứ nghỉ yên để lấy sức.

* *

..... Ngày chủ nhật, sau khi ả Nguyệt đẻ, có mấy bọn người ở Hanoi sang, vào nhà thương thăm.

Bọn trước, hai công-tử ăn mặc tây, đúng mốt quần thụng đỏ, áo cộc xanh ở trong gian ả Nguyệt nằm bước ra, bưng miệng rúc-rích nhìn nhau cười, nói thầm với

nhau rằng:

-- Hú vía! Tao tưởng con Nguyệt nó chửa với tao, tao sợ quá!

-- Tao chả ngờ nó chửa với mày, nhưng tao thấy cái mồm thằng bé giống mồn tao, tao đã rật mình. Nó ăn-vạ tao, thời tao bỏ mẹ! May được cái nước da thằng bé con nó minh oan cho tao.

Hai người vừa đi khỏi thời cậu Ph.... đến. Cậu Ph. ẩy cửa, đến gần ả Nguyệt, hỏi:

-- Giai hay gái?

-- Nguyệt trả lời khẽ:

— Giai.

-- Thế à! Mợ có mạnh không? Có ăn được không?

Ả Nguyệt thứ mặt ra, không trả lời.

-- Mợ làm sao thế?

-- . . . . . .

-- Cho tôi bế con một tý.

-- Không bế!

Ái chà! mẹ-cu làm bộ.

-- . . . . .

-- Con ngủ à? Mặt giống cậu hay giống mợ?

-- . . . . .

-- Công-tử rúc mãi vào nách mợ! Ra đây cậu yêu tý.

-- Yên!

Ph. mở cái lót chùm đầu thằng bé ra. Nguyệt nhắm nghiền mắt lại.

Khi mở mắt đã thấy Ph. len lẻn cút từ bao giờ rồi.

Lúc bấy giờ ông tham B. ôm một bọc to tướng đến nhà thương, như khi ở ngoài cửa kính, ông thấy có người đến thăm Nguyệt, ngờ là họ hàng, nên không dám vào vội. Ông vừa đi bách-bộ, vừa liếc mắt vào trong, hút điếu thuốc lá rồi, nhìn hết các nhà cửa, cây cối rồi, mà người họ vẫn chưa ra. Một lúc ông thấy kẹt cửa, bụng mừng lắm. Ông nhìn theo hút người ấy đến khi rẽ hết phố, mới dám vào...

-- Chào mợ! giai hay gái?

— Giai.

Ông tham lộ ra nết vui-vẻ, đắc chí.

— À, ai vừa vào đó?

— . . . . . .

-- Mợ mệt à?

-- Không!

-- Mợ có ăn được cơm không? Có mạnh khỏe không?

Nguyệt thở giải, ông tham mở bọc lấy ra, nào rượu bổ, nào sữa bò, nào vú cao-su, vân vân . . . .

-- Con có cứng-cát không? Mợ có nhiều sữa không?

-- Yên cho tôi nằm nghỉ.

-- Cho tôi bế con một tý, nó giống tôi hay giống mợ?

-- Im cho nó nằm.

-- Ô hay! Mợ giận tôi đấy à?

-- Không!

-- Bao giờ mợ định về?

-- Không biết!

Nguyệt thở giải mãi, thằng bé con ở trong bọc, cựa cậy khóc nhoe.

-- Giậy với cậu, con!

-- Yên cho nó ngủ!

Thằng bé vẫn khóc nhoe, cái lót chùm đầu nó sê ra ngoài. Ông tham lật ra xem mặt con.

-- Cậu đây, nín đi!

Nguyệt nhắm nghiến đôi mắt lại, vắt tay lên trán để che mặt. Ông Tham nhìn kỹ cái tóc, cái mặt, cái mũi con.... Ông giở bọc ra ngắm cả người thằng bé..... Ngắm xong, bọc cẩn-thận lại giả, rồi từ từ lui ra thở giải một cái rõ giải, nét mặt thất vọng. Té ra ông thấy thằng bé con ông, mà nước da lại đen như cái cột nhà cháy! Vậy nó không phải con rồng cháu tiên, nó là giống « oắn-tà-rroàn » không biết chống gậy.

27 Février 1930

Nguyễn-công-Hoan

AN-NAM ẤN THƯ-CỤC

Một cơ-quan về sự in có quan hệ mật-thiết với An-nam tạp-chí. sẽ tiếp tục tường cáo.

An-nam tạp-chí Chủ-sự

Nguyễn khắc Hiếu

Kính cáo

Quảng cáo

Các Ngài có thư muốn nhận đại-lý bán giúp Tạp-Chí ở các tỉnh

Nay tạp-chí lại bắt đầu ra từ số 11, Bản-quán xin tuỳ tiện-nghi gửi tới các Ngài có thư về nhận bán giúp ở các tỉnh; số tạp-chí gửi đi nơi nào bao nhiêu. Bản-quán đã có sổ biên lại minh bạch. Tiền hoa-hồng xin tính nhất định trừ 10 %, tem cước các khoản, về Bản-quán chịu-phí.

Cứ mỗi tháng bán hết bao nhiêu, dù nhiều dù ít, xin các Ngài tính tiền gửi cho và báo cáo cho biết, những số tạp-chí còn lại, xin cứ lưu ở quý-hiệu bán dần; khi nào Bản quán có cần đến, xin sẽ có thư để các Ngài giao giả.

Ngài nào vui lòng nhận bán giúp thời từ kỳ sau Bản-quán cứ gửi tạp-chí tiếp theo. Ngài nào không sẵn lòng bán giúp chỗ thời xin gửi hồi tạp-chí cho, Bản-quán không giám lấy làm sự ân-hận.

Vậy mong: nhận được kỳ tạp-chí này, các Ngài cho được biết hậu-ý, để tiện kỳ sau xin liệt đăng các quý-hiệu trong tạp-chí, để các bạn Độc-giả ở các nơi tiện coi.

Nay kính

AN-NAM TẠP-CHÍ

Directeur Gérant

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Số 13 NĂM CANH NGỌ 3e SEMAINE JUILLET 1930

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BÁO-QUÁN
N° 103, Rue du Coton, N° 103
HANOI

GIÁ BÁO
Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE KIM-KHUÊ — HANOI
1930

Deux exemplaires Revue d'Annam
Annam Tạp-chí n° 13, édité
par M. Nguyễn-Khắc-Hiếu
de 1re édition en 1930 —
Imprimé par l'Imprimerie Kim-Khuê
Sortie 2.000 ex. de Dépôt légal
Hanoi, le 17 Décembre 1930

IMPRIMERIE-LIBRAIRIE KIM-KHUE HANOI TONKIN

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 14/54

119

Số 13 NĂM CANH-NGỌ 3ème Semaine Juillet 1930

AN-NAM TẠP CHÍ

NGUYỄN-VĂN-TẤN
Giết chết Trần-đức-Trọng

Trong khoảng một hai năm nay, trong xã-hội ta xẩy sinh ra nhiều sự biến-động, tiếng súng nổ đã là thường, mà phần nhiều là sự ám sát. Những sự ám-sát đó, đại-để là các đảng-viên của đảng cách-mệnh, hội bí-mật hành hung. Riêng việc « **Nguyễn-văn-Tấn giết chết Trần-đức-Trọng** » mới đây, thời là việc một người riêng với một người riêng, không phải là đảng-viên của hội đảng nào ; mà sự « *giết* » đó rất là minh-bạch, không thể gọi là « ám-sát » được chút nào cả. Nguyên-do và thực trạng của việc này, đã có báo hàng ngày thông tin, trong kỳ Tạp-chí đây có đăng tải (1) M. Trọng bị người giết thời đã chết M. Tấn giết người thời sẽ bị pháp-luật xử trị, sự và lý đều đã cố-nhiên, không bận gì đến công-chúng nghị luận. Ai có muốn nghị luận chăng nữa, chỉ là tự đem ý-kiến của mình đối với việc ấy mà phô bầy với công-chúng, như một bài văn thuyết-lý mà thôi. Nay tôi xin đem ý-kiến của tôi, đối với sự hai người giết nhau như cái đầu bài trên đây, viết bài văn thuyết-lý.

* * *

— Kẻ giết người là ông *Nguyễn-văn-Tấn*, kẻ bị giết là ông *Trần-đức-Trọng*, nguyên hai người ấy có sự gì tội lỗi với Chánh-phủ và xã-hội hay không ?

— Ông Trần-đức-Trọng có hàm đồng Tri-phủ, ông Nguyễn-văn-Tấn thời là Nghị-viên, vậy thời đối với Chánh-phủ, nguyên hẳn hai ông cùng là không có tội. Còn như đối với xã-hội thời tôi không nghe thấy có ai nói xấu ông Tấn bao giờ ; ông Trọng thời chỉ là một ông chủ nhà hát Quảng-Lạc, có lẽ cũng không có việc gì mà đối với xã-hội có lỗi. Vậy thời như câu hỏi ấy, có thể giả lời rằng : không.

— Đã vậy thời chúng ta có nên yêu ghét riêng gì ông Tấn, hay ông Trọng, hay không ?

Hai ông cùng là hạng người danh-diện trong xã-hội, mà đối với xã-hội cùng là không có lỗi, thời sao chúng ta có nên yêu ghét riêng gì ai. Câu đó cũng có thể giả lời rằng : không.

— Ông Tấn tiêu phạm vào số tiền của đồn-điền, thời đối với ông Trọng, có là có lỗi hay không ?

— Sự đó hẳn là có lỗi.

— Ông Tấn đã là có lỗi, thời ông Trọng có nên làm xỉ-nhục hay không ?

— Nên hay không nên, cái đó tùy ở ý ông Trọng : không biết thế nào là nên.

— Vậy thời ông Trọng có phép làm xỉ-nhục ông Tấn hay không ?

Ông Trọng chỉ có phép đem trình ông Tấn mà bắt phải giả tiền ; không có phép làm xỉ-nhục.

(1) Xem ở mục (ý-kiến và tiêu tức trong báo giới)

— Cứ sự-thực thời ông Trọng có xỉ-nhục ông Tấn hay không?

— Khi đó tôi không được mục-kích, không giám nói hẳn là không hay có.

— Cứ sự-lý mà đoán, thời ông Tấn có bị ông Trọng xỉ-nhục hay không?

— Có lẽ có. Nếu không, thời can chi ông Tấn bắn ông Trọng.

—Ông Tấn đã tự mình có lỗi, thời hoặc bị ông Trọng xỉ-nhục, có là đáng hay không?

— Đáng hay không đáng, cũng là tùy ở ý ông Tấn: không biết thế nào là đáng.

— Nay ông Trọng đã bị ông Tấn bắn chết, chúng ta có nên vì ông Trọng mà thương hay không?

— Có. Ông Trọng đã 61 tuổi đầu, thân già gần đến lúc quy tiên, mà không được lệnh-chung, lại còn bị một kẻ hiềm riêng giết chết, nghĩ như thế thật là đáng thương!

— Ông Tấn đã bắn chết ông Trọng, thời thế nào rồi cũng bị xử tội, chúng ta có nên vì ông Tấn mà thương hay không?

— Có. Ông Tấn đương là người tiến-thủ, Nghị-viên, đồn-điền, thầu-khoán, công việc của ông làm đương nhiều, chỉ vì khí với ông Trọng mà mắc thân vào tội, nghĩ như thế càng là đáng thương!

— Trong một sự án-mạng, có hai người, một người giết người và một người bị giết, đều là đáng thương, thời như một cái án-mạng ấy có đáng là tin buồn cho xã-hội hay không?

— Như thế, thật đáng là một tin buồn chung cho cả xã hội.

— Cái án-mạng ấy, đã đáng là một tin buồn trong xã-hội, thời như ngoài cái lẽ đáng buồn, quốc-dân ta còn nên có cái cảm-tưởng gì đối với sự án-mạng ấy hay không?

— Câu đó chưa thể giả lời ngay, có lẽ còn phải nghĩ.

. . .

Nghĩ như:

Thời-đại này là thời-đại kim-tiền, thế-lực của kim-tiền thực rất to, mà số tiền hơn sáu nghìn đồng bạc ở xã-hội Bắc-Kỳ ta ngày nay, không thể bảo là bé. Đương khi ông Tấn định tiêu số tiền ấy, hẳn ông Tấn cũng đã biết như thế. Biết như thế mà ông Tấn cứ tiêu, thời tất là ông cũng có chắc sự trông cậy vào đâu, để phòng giả ông Trọng. Sáu nghìn đồng bạc, với người khác không bé, mà với ông Tấn hoặc không là to chăng? Đột-nhiên ông Trọng ở Saigon ra, mà ông Tấn lo liệu không kịp, thời sự thiếu tiền két (Caisse), mới quả là ông Tấn tiêu liều. Khi ấy, nếu ông Trọng coi sáu nghìn bạc kia chưa bằng cái danh-diện của ông Tấn cùng là hạng người tai mặt với nhau trong xã-hội, mà nén bớt cái giận, hãy cứ lấy thái-độ ôn hòa đối-đãi với ông Tấn, cho ông kia thu xếp giả dần, được như thế thời đã không nên truyện. Hoặc giả, nếu ông Tấn vì sáu nghìn bạc kia tự mình đã quá tiêu, thời dẫu bị ông Trọng nặng lời, cũng nén lòng cam chịu, hãy cứ lấy cái thái-độ hòa nhẫn đối-đãi với ông Trọng, mặc ông kia khủng-khẳng không kể chi, có như thế thời cũng không nên truyện. Chỉ duyên ông Trọng đã nóng giận, mà ông Tấn không là người nhẫn-nhục, cho nên cái thế-lực kim-tiền đụng với cái uy-phong thiết-huyết mới diễn thành một tấn kịch rất mãnh-liệt, chẳng ở tại nhà hát Quảng-Lạc, mà ở ngay đồn-điền Sa lê. **Vậy thời đối với sự án-mạng này, ngoài lẽ đáng buồn, chúng ta lại còn nên biết rằng: cái thế-lực kim-tiền có khi chưa đủ cậy là to, mà trong xã-hội quốc-dân ta ngày nay có hạng người phụ khí tự-hào như ông Nguyễn-văn-Tấn.**

Nguyễn-khắc-Hiếu

Ý-KIẾN CỦA QUỐC-DÂN
và cảm-tình của xã-hội
ĐỐI VỚI BẢN-CHÍ

Hanoi, le 23 Juillet 1930

Kính ông Chủ sự

An-nam Tạp-chí,

Tôi có được đọc An-nam Tạp-chí số 11 của ông nay lại ra đời. Tôi vốn trước đã có cảm-tình với Annam Tạp-chí : tấm cảm-tình riêng, tôi những mong sẽ được bền chặt. Bỗng dưng An-nam Tạp-chí đình-bản, lòng tôi luống bùi-ngùi. Tấm cảm-tình tuy chưa xâu-xa, nhưng văn với người, người với văn, như đã có một cái giây liên lạc giàng-buộc, cho nên bấy lâu tôi vẫn hằng tưởng nhớ đến An-nam Tạp-*chí*.

Nay Annam Tạp-chí lại ra đời, tôi rất lấy làm vui mừng, như được gặp mặt một người bạn đồng-chí lâu năm xa-cách. *Tôi vội mua một quyển đọc. Tôi đọc hết từ đầu đến cuối, thấy* chia ra từng mục rất tường-tất. Tuy nhiên, có vài mục, như thiển-ý tôi nghĩ, không quan-hệ mấy, như mục « *Hán-văn diễn-giảng, Thi-đàn giảng-tập* ». Tôi không giám nói chữ Hán không cần, huống hồ Việt-văn lại gốc ở chữ Hán cũng như Pháp-văn gốc ở chữ Latinh. Thế thời mục «Hán-Văn», không phải là thừa, nhưng cũng không nên coi là một mục cần-thiết. Người đã chủ tâm học chữ Hán, muốn học một cách chóng tấn-bộ, tất mua sách về nhà mà chuyên chủ học. Nếu nhờ ở Tạp chí mà học, mỗi kỳ Tạp-chí học được vài giòng *chữ, rồi lại phải chờ một tuần chủ nhật nữa mới học được vài giòng khác thời* bao giờ cho biết ? Vả người học chữ Hán, phải học từ dễ *rồi mới* đến khó, nay *học ngay đến tứ-thư, ngũ-kinh thời học* sao nổi ?. Vậy công việc làm Hán-văn, ông nên để riêng là công việc của Tản-Đà-Thư-Cục thì hơn.

Còn mục « THI ĐÀN GIẢNG TẬP » thời thực vô ích lợi thực, xin *lượng* cho. Trong một Tạp-chí, có một vài bài *thơ* nôm để những lúc thừa thời giờ, cao-hứng ngâm vịnh chơi, tưởng cũng hay. Thế nhưng đem từng bài thơ mà bình-phẩm, luận giảng từng câu, rồi đăng lên Tạp-chí cho đầy trang, *tưởng không có* ích lợi gì cả ; mà cũng không mấy người để ý đọc. Hiện nay được mấy nhà Thi-sĩ chân-chính mà ông định *chiêu-tập để* luận-giảng thơ-phú ? Hoặc nếu ông muốn chiêu-tập những nhà thi-sĩ có tiếng, thời ông nên lập một « phòng văn » như lối salon của người Tây hồi thế-kỷ thứ 17, rồi mỗi tháng là mấy kỳ các ông tụ-họp để phê-bình và giảng-tập thời hơn.

Hai mục ấy chiếm một phần rộng trong Tạp chí. Nay để chỗ bàn những vấn-đề thiết-thực, có quan-hệ đến thời-cục (Questions d'actualité), tôi tưởng có lợi cho độc giả biết bao ? Ngoài hai mục mà tôi cho là vô-ích ấy ra, những mục khác đều có một địa-vị chân-chính trong Tạp-chí.

Annam Tạp-chí nay lại ra đời, ông đã định chỉnh-đốn lại nội-dung, tôi tưởng *nên chỉnh đốn lại một cách hoàn-toàn.* Nếu hiện-tại ông vì bận nhiều công-việc, chưa chỉnh-đốn được hẳn-hoi, ông nên chỉnh-đốn dần dần cho mỗi ngày mỗi đẹp-đẽ. Tư-tưởng thay đổi theo thời-thế.

Sống trong cái thời-thế mới, nên có cái tư-tưởng mới. Tư-tưởng mới ngày nay không phải tư-tưởng thuộc về văn-chương; tức là tư-tưởng thuộc về kinh-tế, về khoa-học. Tòa nhà vững-vàng, kinh-tế là nền, móng! Trong một nước, kinh-tế là cái then chốt của sự phú cường. Vậy thời một tập Tạp chí đã tự nhận là cái « cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân », phải chủ ý đến cái gốc của sự tiến-thủ ấy. Gốc của sự tiến-thủ là khoa-học, kỹ-nghệ, thương-mại. Một nước không thể giầu về văn-chương được. Giầu về văn-chương là cái giầu về tinh-thần. Một nước không thể lấy cái giầu tinh-thần chống-cự với nước khác. Nói rõ hơn, một nước không thể lấy văn-chương mà che chở bờ-cõi. Phải có cái giầu về thân-thể, hay nói cho đúng, phải có cái giầu thực-sự, về sức khỏe, giầu về tiền của Muốn vậy, khoa-học phải tinh thông, kỹ-nghệ phải mở-mang, buôn-bán phải rồi-rào. Nước Nam ta, văn-chương ta đã có, ta đã nổi tiếng là một nước văn-hiến, thế mà nào ta có phải là một nước giầu mạnh? Ta phải tìm cái ta thiếu, ta tu-bổ. Cái ta thiếu tức là khoa học và kinh-tế. Ta thiếu ta không biết tu-bổ, là vì không có người chỉ bảo. Nghĩa-vụ một nhà báo là phải tìm cái thiếu của quốc-dân, nghĩa là cái quốc-dân không biết hay chưa biết mà chỉ bảo. Quốc-dân ngủ phải đánh thức, quốc-dân mơ màng phải làm cho tỉnh, quốc-dân ngã phải nâng giậy. Đó là cái nghĩa-vụ nặng nề, một nhà báo không đủ tài lực, chưa tất đã làm nổi.

An-nam Tạp-chí ngày nay không phải là An nam Tạp-chí ngày xưa. An-nam Tạp-chí ngày nay đã chỉnh-đốn lại, nghĩa là biết theo thời-thế mà xửa đổi định-kiến, thế thời ông chủ-sự đã mang lấy cái nghĩa-vụ dắt anh em đồng-bào lên con đường tiến-bộ, mang thân ra « gánh vác lấy công-việc của công-chúng », chẳng nên vì nghĩa-vụ thiêng-liêng mà tận tâm với với nghĩa-vụ hay sao? Tận tâm với nghĩa-vụ, không phải mong thủ ơn báo đức đồng bào bằng « câu văn-chương, sự ngôn-luận » đâu! Phải, ông nợ đồng-bào, ông mang ơn đồng-bào — Cái nợ, cái ơn vô hình ông phải giả nợ, ông phải thủ ơn báo đức, ông nghĩ phải lắm! Nhưng giả nợ, thủ ơn báo đức bằng câu văn xuông thời không phải là một cách giả nợ và báo ơn Ông phải giả bằng một cách thiết-thực. Vậy thời Tạp-Chí của ông, tôi lấy địa-vị là một người trong quốc-dân mà khuyên ông, ông nên trú-trọng về bề thiết-thực, nghĩa là ông nên trú-trọng những vấn-đề to tát, về *kinh-tế* và *khoa-học* đang làm sôi nổi cái mặt địa-cầu. Ông nên bỏ những mục tạp-nhạp về thơ-phú, bớt những mục văn-chương, thêm những mục về luận-thuyết, bàn một cách sác-đáng những việc có quan-hệ đến thời-cục. Nếu Tạp-Chí của ông chỉ truyền về văn-chương thời ông có thể lấy văn-thơ làm cốt, nhưng Tạp-Chí của ông mang tên là « AN-NAM TẠP-CHÍ », đã lấy quốc-hiệu làm tên, thời Tạp-Chí của ông mà là của chung đồng-bào An-nam, ông nên nghĩ đến sự lợi hại của đồng-bào làm điều thiết-yếu.

Nếu ông cùng với tôi một ý tưởng, tôi hứa có dịp sẽ giúp, mang tài sơ chí thiển giúp ông một đôi công việc.

Sau xin có lời kính chúc An-nam Tạp-Chí được cùng với non sông trường thọ.

Nay kính bút

Lê-Diễm

Etudiant à l'Université Indochinoise

N° 52 Rue Nguyễn-Trãi, Hanoi

Hanoi, le 18 Juillet 1930

Thưa Ngài,

An-nam Tạp-chí số 11 ra đời, thật không phụ lòng bao nhiêu người mong đợi. Tuy lần tái bản này có đặc-sắc hơn lần trước, nhưng cũng không khỏi có một vài điều mà người đọc Annam Tạp-chí cần phải ta-thán đến. Đối với các báo-quán khác, tôi chưa giám viết bức thư này; còn ngài mục-đích đã lấy quốc-dân làm trọng,

cho nên tôi cũng chẳng nề tài sơ trí thiển, để tỏ bầy một vài ý-kiến. Mong rằng có điều gì sai lạc, xin Ngài chỉ giáo cho.

Nhân thấy một vài người đọc Tạp-chí của Ngài, kêu rằng lắm chữ nho quá. Như thế rất thiệt riêng cho những người ít học. Chúng tôi đây đọc báo, có phải là để cho qua thì-giờ nhàn rỗi mà thôi đâu, chính là để bồi bổ thêm cho tiếng mẹ đẻ vậy. Vì thế cho nên đọc đến đâu lại cần phải biểu đến đấy, hiểu rồi thời điều hay mới hòng bắt trước. điều giở chánh xa được. Ngài đã muốn cho quốc-dân được ngày tăng tiến thời xin Ngài cho ai nấy cũng được hưởng chung những tư-tưởng đã phô bầy trên mặt Tạp-chí của Ngài.

Tôi nói đây, không phải là để Ngài bỏ hết chữ nho đi đâu. Nghĩa là mỗi khi gặp một chữ nho, hoặc một câu, xin Ngài chua rõ nghĩa xuống thời chúng tôi lấy làm may mắn lắm.

Xin trích một vài câu của Ngài ở số 11 ra ngày 10 Juillet 1930. Ở bài hát mượn nói : Trang thứ tư : Sách có chữ rằng : « *Cố thiên tương dáng đại nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngạ kỳ thể phu, khống phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi ; sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng.* »

Bài **Xã-hội ba đào ký** :

Lâm cự tầm dĩ hoằng lượng ;
Nhu viễn phương nhi dưỡng dân.

Xem như hai đoạn trên này, chẳng khác gì người trông vào bức tường đồ nát vậy. Còn lấy đâu làm thú-vị nữa.

Như thế này thực làm phiền cho Ngài quá, xin Ngài lượng tình mà thứ đi cho.

Nay kính thư

Đặng-Khắc-Thiệu

56, Rue Harmand, Hanoi

TẢN-ĐÀ TIÊN SINH

Thưa Ngài,

Tôi lúc thư-nhàn, thường hay làm thơ. Song hiềm không tìm được người nhuận-sắc. thành thử thơ có làm mà hay giở không biết.

Nay qui Tạp-chí lại ra đời, lại có mở mục « *Thi-Đàn Giảng-Tập* » để diễn giảng các văn-thơ, tôi rất mừng.

Tôi tập làm cũng được vài chục bài; nay hãy xin trích bốn bài sau này, nhờ ơn Ngài đăng lên qui-báo và chỉ giáo cho biết câu nào non, câu nào được, ý nào dở, ý nào hay, tôi cảm tạ vô cùng.

Tôi cũng tự biết rằng tôi mới tập nghề văn, ý-tứ còn thô thiển, lời lẽ còn non nớt lắm, song cũng nhờ Ngài dầu lòng lựa trọn.

Trong mấy bài thơ trên kia, bài nào khá, xin hãy diễn-giảng lên Tạp-chí, còn bài nào « tệ quá » xin miễn đăng. »

Nguyễn-gia-Tr.

Secrétaire des Douanes et Régies
Haiphong

Gò-Công, le 14 Juin 1930

Kính ông,

Và mừng cho qui-báo An-anm Tạp-chí sẽ ra đời mà cùng với non sông trường thọ.

Lại nghe nội-dung trong cuốn báo, có thêm những phần như : *Hán-Văn-Diễn-Giảng -- Thi-Đàn-Giảng-Tập*, để đối với những người muốn học chữ Hán, muốn tập làm thơ-ca Quốc-văn, như vậy thật là có ích bội phần, mà tôi sở mộ lắm vậy.

Tôi nhận mua nửa năm báo An-nam-Tạp-chí và sẽ trả tiền sau khi tôi tiếp được một hai số báo mà ông đã gửi cho tôi.

Đôi lời chân-trọng xin ông ghi nhớ.

Tôi kính thơ

Monsieur **Huỳnh-đình-Điển**

Conseiller provincial

Gò-Công

« Cochinchine »

Hanoi, le 20 Juillet 1930

ÔNG HIẾU,

An-nam Tạp-chí chủ-nhiệm

Tôi vốn là bạn đọc An-nan-Tạp-chí khi trước, đã hơn ba năm mong mỏi, nay thấy An-nam- Tạp-chí lại ra đời, tôi mừng và nhớ lại bao nhiêu nỗi phiền khi Tạp-chí mới tạm đình bản. Tôi đã được đọc An-nam-Tạp-chí số 11.

Vì truyện mới mà nhớ lại truyện xưa, tôi viết mấy hàng này gửi mừng ông và mừng quí Báo. Văn chương có chỗ nào chưa được ổn, xin ông làm ơn trỉnh lại cho, cảm ơn.

Kính thư

Mme Nhuận-Văn

Mừng An-nam-Tạp-chí lại ra đời

Nay An-nam-Tạp-chí lại ra đời, khiến cho tôi nhớ lại mối cảm-hoài khi An-nam-Tạp-chí tạm đình bản.

Sau khi An-nam-Tạp-chí tạm đình bản ít lâu, tôi nghĩ mà nhớ, đem những cuốn cũ ra coi, coi rồi lại gấp lại, mà ngồi nhìn bức họa ngoài bìa. Mối cảm-tình lai-láng xiết bao! Tôi chẳng nói chi những truyện hay giở của An-nam Tạp-chí, chỉ biết khi Tạp-chí đình bản, thời tự-nhiên tôi sinh mối cảm-tình. Cảm-tình đối với thân-thế ông Chủ-nhiệm không ít, thời cảm-tình đối với bước đường không may của An-nam Tạp-chí lại càng nhiều.

« *Chẳng hay tạm đình bản đến bao giờ ?* »

Nhân hỏi thế mà càng nhìn kỹ bức họa ngoài bìa, rõ-ràng BẮC, TRUNG NAM, ba xứ thong-dong nằm trên mặt tờ giấy đỏ. Hốt-nhiên mắt tôi hoa đi, trí tôi lặng đi, hình như mộng-tưởng sang truyện khác. Tôi nằm xuống xập.

Thì ra cái tư-tưởng nó biến hình. Đang là bức họa-đồ của An-nam Tạp-chí, bỗng biến thành một bức họa một con trâu nằm nghỉ mát, mà thằng mục bỏ chạy đi chơi đâu rồi. Tôi đang hi-vọng lại trông thấy thằng mục, vì không có nhẽ nó bỏ trâu đấy cho ai, thời tôi ngủ đi mất.

Con trâu chưa giậy, thằng mục còn chơi, xét ra không phải là một việc vĩnh-biệt.

Khi thức giậy, quyển An-nan Tạp-chí còn nằm bên cạnh mình, bức rư-đồ vẫn nguyên như cũ, mà con trâu của tôi lúc nẫy đã biến đi đâu, chỉ còn cái vết nó nằm ở đấy. Tôi ngùi ngùi viết mấy giòng ở dưới đây, than cái thân con trâu, và cũng để lưu-ký lấy một trạng-thái của tư tưởng nữa :

CON TRÂU

Nằm trong bóng mát nhai rầu,
Cái đuôi phe-phẩy, con trâu xua ruồi.
Lim-dim chốc lại thở giài,
Hình như đang nghĩ sự đời chi đây :
Một thân xe kéo, ruộng cầy,...
Thóc đầy bịch họ, tiền đầy túi ai...
Kiếp nào sạch nợ trúc mai ?
Nghĩ mình lấm-láp chẳng ai như mình.
Lại còn lo việc triều-đình,
Tế giao cũng phải có mình mới song.
Đã từng đạp núi đầm sông,
Mà quyền vạt, riệt lại không ở mình.
Tức thay cái chạc vô tình,
Ai đem mà xỏ mũi mình mới đau.
Nghé-ngọ là mẹ con trâu !

Nay An-nam Tạp-chí lại ra đời, tôi lại nhớ bài « *con trâu* » trên này của tôi viết trong mùa hè năm Đinh-mão, khi tôi đọc lại những cuốn Tạp-chí An-nam. Nay tôi chép mà gửi cho An-nam Tạp-chí, và mong rằng bức rư-đồ kia, từ nay quốc dân ra công bồi lại cho thực tốt, thực bền, mà đừng giở-dang hết hồ như ngày đầu năm Đinh-mão nữa. Tôi cũng nối lời ông Hiếu mà hát rằng :

MƯỜU

Năm xưa cọp đói nằm mèo
Năm nay ngựa khỏe liệu chiều tế ra.
Hữu tình ta lại gặp ta,
Câu văn Hán-Việt, chén trà Tiên-Long.

NÓI

Nhong nhong ếp! ngựa ông về đó,
Bãi bồ-đề, cắt cỏ, ngựa ông sơi.
Trải ba năm, rồng, rắn, khắp nơi nơi;
Phóng nước đại, nhọc rồi, nên đổ kiệu.
Cờ còn nước đánh thua không chịu;
Bút có ngòi thay, hết lại mua.
Nhọn chẳng ăn ai, mà cũng chẳng chịu thua,
Quyết vẽ lại bức rư-đồ cho sáng sủa.
Còn nước, còn non, còn người, còn của;
Chí An-nam rộng mở lại từ đây.
Thỏa lòng Nam-Bắc-Đông-Tây.

Sau đây tôi lại viết riêng mừng ông Hiếu mấy câu, và khuyên ông đừng nên lo lắm. Ông nên để chí mà nghĩ công việc, quá lo mà làm chi!

MƯỜU

Bạc thua, nhưng hãy còn tiền,
Đời chưa đáng chán, lo phiền làm chi. (1)

Mme Nhuận-Văn

(1) Bài văn đây, tôi xin có lời cảm ơn Mme Nhuận-Văn; vì là bài viết riêng cho tôi, thời tôi không tiện đăng lên cả ở Tạp-chí.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

KÍNH NGỎ

Mấy bức thư, ý-kiến của quốc-dân đăng trên đây, xin sẽ giả lời ở kỳ khác.

AN-NAM TẠP-CHÍ CHỦ-SỰ

Cuộc du-lịch Thủy-khẩu (TẦU)

Nói đến hai chữ « *sang Tầu,* » bà con ta ở vùng Xuôi chắc ai cũng ngạc-nhiên lấy làm lạ, mà lại lấy làm ghê nữa. Vậy mà hai chữ ở trên vùng Cao-Bằng ngày ngày thường nghe thấy quen tai. Người vùng trên này sang Tầu là đi chợ Tầu, sang rồi về, về rồi lại sang, đi lại như ở dưới ta nhà nọ chạy sang nhà kia vậy.

Ký-giả nhân đổi lên làm việc ở Quảng-Uyên (Cao-Bằng), gặp ngày nghỉ lễ Noel, cùng với mấy ông bạn đồng-nghiệp, sang chơi bên Thủy-Khẩu, (Tầu). Sáng hôm đi, ăn cơm sớm, bắt đầu khởi hàng ở Quảng-Uyên lúc 10 giờ.

Quảng-Uyên cách Tầu 32 ki-lô-mét, đường lối dễ đi, tuy cũng chèo đèo xuống dốc, nhưng đường rộng và lát đá cả. Ba chiếc xe ngựa và mấy con ngựa đi, một đoàn rất vui-vẻ, có lúc trót-vót trên đầu non, có khi quanh-co bên sườn núi, khi lên đèo, lúc xuống dốc, lại có lúc chạy rền một quãng đường phẳng. Non cao nước chảy, phong-cảnh xinh đẹp tự-nhiên của Tạo-Hóa có chỗ như Vịnh Hạ-Long ngoài mạn bể, có chỗ như Hoa dung-tiểu-lộ trong tờ tranh, như thêu, như vẽ, như gần, như xa, cứ lần-hồi thay đổi ở trước mặt, khiến cho khách đi đường quên cả những sự bò chèo khó-nhọc. Đi độ trong bốn giờ đồng-hồ, qua một cái đèo 5 ki-lô-mét, gọi là đèo Khâu-Chì, thời đến một chỗ gọi là Phục-Hòa. Phục-Hòa là chỗ nhà Mạc đóng ngày trước, nay là châu Phục-Hòa. Thành nhà Mạc hãi còn vết móng. Ở ria chân thành, nay vẫn còn những hòn gạch hình hòm-sớ, rơi ra lở tở. Những nhà ở trong Châu Phục-Hòa bây giờ là những nhà ở trong thành ngày trước, phá đi làm lại, nhưng hãi còn để một cái cổng vòm xây rất

kiên-cố ; cái cổng ấy nay là cái nền nhà tư-thất của quan Châu. Ở Châu Phục Hòa này có một cái chợ, hai bên chợ có hai giẫy nhà trông như một cái phố con vậy. Đằng trước mặt có con sông Bàng-Giang chạy từ bên Tầu, qua đó về Cao-Bằng. Khi nhà Trịnh thất thế, thua Tây-Sơn. vua cuối cùng nhà Lê là vua Lê-chiêu-Thống chạy trốn sang Tầu. Đi qua lối này, nên bấy giờ ở phố châu Phục-Hòa có đền thờ vua Lê. mà nhà Mạc thời không thấy có hậu-nhân sùng bái gì cả.

Đi độ trong hai giờ đồng-hồ nữa, thời đến một chỗ gọi là Tà-Lùng. Chỗ này sở dĩ tên gọi thế là vì đằng trước có con sông Long-Tchéou. Tiếng Thổ, sông là *Thà*, long là *Lùng*, cho nên gọi là *Tà-Lùng*, người Pháp cũng theo tên ấy mà gọi là Tà (h muet)-Lùng...

Tà-Lùng cách Tầu một con sông; con sông ở chỗ ấy chạy quanh-co mấy vòng, cho nên lại có tên gọi là sông ba-vòng. Một cái cầu sắt bắc qua sông, phân địa-giới nước ta và nước Tầu, và lần theo phía bờ sông đều có cắm mốc phân giới-hạn bằng những cái bia đá to có đánh số và có khắc niên-hiệu. Một nửa cầu bên này là về địa-phận nước Mình, nửa cầu bên kia là về địa-phận nước Tầu; ở đầu cầu về bên Mình, có bóp gác, có nhà Đoan, ở đầu cầu bên kia về nước Tầu, cũng có nhà Đoan, bóp gác. Đồn Tà-Lùng đóng lui vào trong độ hơn một cây-lô mét, một ông quan Hai coi giữ đồn và kiêm việc Chính-trị. Ở bên cũng có một cái phố nhỏ, một cái chợ, có nhà giây-thép. có trường học. Đứng ở bên Tà-Lùng trông sang thấy Thủy-Khẩu. Tuy nhiên gần như vậy, nhưng khi đến đó đã bốn giờ chiều, sang sợ mải xem về tối mà vội-vàng không được mấy tí thì-giờ, nên bọn du-khách ngủ lại ở Tà-Lùng một đêm. Hôm sau vào chào ông quan Hai và xin phép sang Tầu xem. May được biết cụ Phán tòa ở đó là người rất thiệp và rất tử-tế, cụ giới-thiệu với ông quan Hai cho, nên Ngài cũng không ngần ngừa gì mà cho phép ngay. Lúc ấy tám giờ sáng, mấy anh em đi bộ sang Tầu, nhân đi có cụ Phán là người quen biết ở vùng ấy lắm, nên khi qua cầu không ai hỏi-han ngăn-giữ gì cả. Qua cái cầu đó là vào địa-phận nước Tầu. Đi vào trong một ít nữa thời đến cái dinh-cơ của ông Đàm-hiếu-Minh. Ông Đàm là tướng của ông Lục-vinh-Đình làm chức Tuần-duyệt Sứ, Thống-đốc lưỡng Quảng : (Quảng-Đông và Quảng-Tây) ngày trước. Ông Lục giao cho ông Đàm chấn-thủ đất Thủy-Khẩu, mà Thủy-Khẩu lại chính là nơi sinh trưởng của ông Đàm, nên ông mới làm một cái dinh-cơ to và mở-mang cho Thủy-Khẩu; Thủy-Khẩu bây giờ là công-đức của ông Đàm phần nhiều vậy. Sau khi ông Lục-vinh-Đình thất thế, mất lưỡng Quảng, thời hai ông chạy trốn sang ta bỏ cả dinh-cơ nhà cửa. Vợ con cùng gia-quyến chạy sang bên Tà-Lùng, làm nhà cửa ở, mà đến nay cũng vẫn còn ở bên Tà-Lùng. Hai ông chạy trốn sang ta, Qua Tà-Lùng, Quảng Uyên, Cao-Bằng, Lạng-Sơn rồi về Hanoi. Quân Tầu không giám tràn sang bên ta, nhưng biết có con đường tắt sang gần Nacham, Lạng-Sơn, và biết hai ông kia chạy lối ấy, nên đón đầu để giết hai ông. Bởi vậy nên ngày ấy trên miền Na-cham, Đồng-Đăng, Lạng-Sơn, có giặc khách mà quan Tuần-Phủ Lạng-Sơn là Cung khắc-Đản bị nạn vậy. Còn ông Lục và ông Đàm, nhờ được nhà nước Đại-Pháp che-trở cho, nên chạy thoát về Hanoi; ý hẳn hai ông cũng định đi ẩn-náu ít lâu, đợi ngày quay về khôi-phục. Hai ông ở Hanoi ít lâu rồi nghe sau khi lưỡng Quảng thất-thủ, bên ấy đã yên mới về. Ông Lục về nhà chết già, còn ông Đàm thời bị giết. Ông Đàm sở dĩ bị giết là vì lúc quyền chính trong tay, ông tin giao cho em là ông Nhị-tài-Nhần (Nhị-đại-Nhân) trông nom cả, mà ông em ỷ quyền lộng thế làm nhiều điều tàn-ác, cho nên dân chúng đem thù đem oán. Nay ông Nhị-tài-Nhần vẫn cứ quanh-quất ở Tà-Lùng, bên ta mà không giám về, còn vợ con ông Đàm thỉnh-thoảng cũng có về, nhưng về lại sang ngay, mà vẫn lấy Tà-Lùng làm chỗ ở nhất-định.

Dinh-cơ ông Đàm rất to. Trước mặt có một cái hồ bán-nguyệt rất rộng, chung quanh vườn rược, cây cối um-tùm, nhà rất nhiều, chỗ để thơ, chỗ xem sách, chỗ uống rượu, chỗ ngồi chơi, đại-để như dinh-cơ một cụ lớn quan to nào bên ta ở chỗ quý-quyến ngài vậy. Kiểu nhà làm giống như đen Hội quản của Khách ở phố hàng Buồm Hanoi, tất cả, mà ở cửa vào có treo một bức hoành-phi ba chữ vàng 中相弟 TRUNG-TƯƠNG ĐỆ. Ôi! Dinh-cơ vẫn dinh-cơ ấy, mà ngày nay sân rêu, hè mốc, nhà vắng, đất hoang; cuộc đời bể dâu biến đổi, khiến cho khách du thấy thế mà sinh mối cảm sầu. Thủy-khẩu vẫn Thủy Khẩu ấy, mà nào người ngày xưa? Cuộc đời như giấc mộng, nghĩ mà buồn thay.

Qua dinh ông Đàm thời đến một cái cầu nữa. Cầu này to, giải và đẹp hơn cái cầu chỗ phân địa-giới nhiều. Cầu làm bằng sắt cả, tựa như cầu sông Đáy, đường Hanoi-Sơntây, Cầu-Guột, — Hanam bên ta vậy. Cầu ấy cũng là ông Đàm làm ra, hai bên cổng cầu ở bên cao, có ba cái vòng tròn, không biết ngày trước ông viết ba chữ gì, mà nay chỉ còn thấy để hồng mà thôi. Đứng trên cầu trông xuống sông: lòng sông nông, nước sông trong mà chảy, những thuyền cát hàng ở Long-Chéou về đỗ một lượt, kẻ khuân, người vác, kẻ lên bờ, người xuống bến, trông rất vui mắt.

Thủy-Khẩu là một cái làng Tầu ở chỗ biên-thùy, thuộc về Huyện Long-Chéou. Phố xá nhà cửa cũng đông vui như những phố Khách ở các tỉnh bên ta. Có một cái chợ khả to, cứ ngày phiên thời người bên mình, lính tráng, lái buôn, Thổ Nùng, Mán, sang mua bán rất đông. Lại lạ: chỗ ở bên ấy cũng tiêu tiền bên mình và người Khách bên ấy cũng biết nói tiếng Thổ nhiều; cũng chẳng qua vì sự buôn-bán giao-dịch hàng ngày ở chỗ Biên-thùy mà thế chăng. Các công-sở có nhà Đoan, có trường học, có nhà giây-thép, có sở Cảnh-sát, có đồn lính; một ông quan Hai coi giữ đồn và kiêm việc chính-trị cũng như ở bên Tà-Lùng ta vậy. Thành Thủy-Khẩu đóng ngay trên bờ sông, quay mặt sang bên ta, tường quách làm bằng những viên đá to, xếp chồng-chất lên, rất khéo, rất kín, mà trông rất vững-vàng. Ở hai đầu có hai cái cổng (tả-môn hữu-môn), trên mỗi cổng có một khẩu súng thần-công chĩa sang bên ta; ở dưới đất, trên bờ sông cũng có một khẩu chĩa xuống sông; những súng ấy họ nói là những súng ngày xưa chỉ để bắn nổ to làm oai mà thôi, chứ không có được cái sức hại như súng văn-minh đời bây giờ. Trong thành có mấy cái nhà, trên ngọn núi có một cái nhà kho chứa thuốc đạn, có bực để chèo lên. Ông Đàm-Hiếu-Minh ngày trước có đóng binh ở trong thành ấy, nay thời bỏ không, quân lính đóng ở ngoài cả.

Mấy anh em đi loăng-quăng các nơi, các sở, xem các phố, vào các cửa hàng, người mua thứ này, người mua thứ khác, quanh quẩn mãi, lúc giở ra về đã 12 giờ trưa; lại không đi con đường lúc sang, đi theo lối bờ sông qua cánh đồng, qua sông, thủng-thỉnh vừa đi vừa truyện, về đến Tà-Lùng đã một giờ chiều. Nghỉ lại Tà-Lùng một tối nữa, hôm sau về Quảng-Uyên.

Về đến nhà, ai nấy đều nhọc mệt, đau mình, đau chân, nhưng ai nấy đều có vẻ vui mừng rằng được biết một chỗ bên Tầu là thế, mà ai nấy cũng tiếc rằng không được rộng thì giờ mà đi xem Long-Chéou một thể. Ký-giả cũng lấy làm ước-ao lắm, nếu có dịp được như lòng sở-nguyện, thời cũng lại sẽ có một bài ký về cuộc chơi Long-Chéou.

Janvier 1929

NHỮ-TIẾN-**DƯƠNG-TỰ-HƯỚNG**

Quảng-cáo

An-nam ấn-thư-cục là một hội hợp cổ để làm việc in AN-NAM TẠP-CHÍ, và in ra các sách để bán, mỗi cổ-phần 25$00

Nguyễn-khắc-Hiếu

Kính-cáo

Sĩ-phu với thời-cục

(*Tiếp theo số* 11.)

Từ vua Khải nhà Hạ lấy là con nối cha, sau cứ cha truyền con nối, lên làm vua thiên-hạ, làm cho lòng người thiên-hạ lâu ngày quen nếp, đều cho như thế là đạo-lý tự-nhiên. Tư-tưởng xu-hướng của sĩ-phu như hai phái trên đời Đường Ngu kia, đến lúc ấy lại cũng theo thời-cục mà biến đổi.

Cách đời Nghiêu, Thuấn chừng khoảng 500 năm, là cuối đời nhà Hạ, vua Kiệt là một ông vua tàn ác vô đạo, say mê một người đàn bà mà làm ra những trò chơi vô nghĩa-lý, làm tàn hại sinh-dân (1). Lời tự-ngạo của vua Kiệt rằng: « *Ta có thiên-hạ, cũng như giời có mặt giời. Mặt giời có thể mất được chăng? Mặt giời mất, có chăng ta mới mất.* » Vua Kiệt tự kiêu-ngạo như thế, cho nên hư cứ hư, ác cứ ác, có kẻ nào can ngăn thời giết ngay. Các hào-kiệt trong thiên-hạ bị giết chết đã nhiều, mà cái hư ác của ông vua kia mỗi ngày càng quá lắm. Trong triều-thần có *Quan-Long-Bàng* lại tiến lên can rằng: « Xem như những ông vua đời xưa, phải yêu dân mà tiết kiệm sự dùng của, thời cái ngôi làm vua mới bền vững lâu dài. Nay nhà vua dùng của không biết thế nào là vừa, giết người không biết thế nào là chán, như thế thời không mấy lúc mà phải mất. Sao không chừa bớt ru? » Vua Kiệt không nghe. Long-Bàng cứ đứng đó không đi. Kiệt giận, bèn giết chết.

Cùng đời ấy, lại có người như *Y-Doãn*, thời xem với Quan-Long Bàng khác hẳn nhau. Nay cứ lời ông Mạnh-tử đáp lại câu hỏi của học-trò là Vạn-Chương mà nói truyện về ông Y-Doãn rằng:

« Ông Y-Doãn làm kẻ đi cầy ở cánh ruộng nước Hữu-Sần, mà vui thú về cái đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn. Không phải là nghĩa, không phải là đạo, thời dẫu cho cái lộc cả thiên-hạ, không thèm quay mặt lại; buộc ngựa xe nghìn cỗ, (2) không thèm nhìn. Không phải là nghĩa, không phải là đạo, thời một cái rác không đem để cho người; một cái rác không lấy của người.

(Mấy câu đây, là ông Mạnh nói cái cách-tính ông Y-Doãn, phàm xử sự đều cứ đạo-nghĩa.)

« Vua Thang (một ông vua Chư-hầu trong đời ấy, là vua ở nước Bạc) sai người đem lễ-vật đến đón. (Ông Doãn) dửng-dưng mà nói rằng: « Ta có cần dùng những lễ-vật của vua Thang đem đến đó mà làm chi! Ta sao bằng cứ ở trong cái cảnh làm ruộng này, cứ thế mà vui về cái đạo của vua Nghiêu và vua Thuấn. »

(Mấy câu đây, là ý ông Doãn mải vui về đạo-lý, mà không cần tưởng đến việc đời)

« Vua Thang ba lần cho người đến đón. Vậy rồi ông mới dỗi bụng nghĩ mà nói rằng: « Cứ như ta ở trong cái cảnh cầy ruộng này, chỉ cứ thế mà vui cái đạo của vua Nghiêu, vua Thuấn; ta sao bằng làm cho ông vua kia thành ra vua như vua Nghiêu, vua Thuấn? Ta sao bằng làm cho những dân kia thành ra dân như dân của vua Nghiêu, vua Thuấn? ta sao bằng ngay ở cái mình ta được trông thấy đó ru?

(Mấy câu đây là ý ông Doãn nói rằng: ta nếu chỉ tưởng mộ cái đạo của Nghiêu Thuấn, sao bằng đem cái đạo ấy mà thực hành ra ở đời, cho thành ra cái đời Nghiêu Thuấn, cho chính mình được trông thấy.)

« Giời mà sinh ra loài người như những dân đó, là phải khiến kẻ biết trước bảo cho kẻ biết sau, kẻ hiểu trước bảo cho kẻ hiểu sau. Ta đây chính là kẻ hiểu trước trong đám dân nhà Giời, ta bầu phải đem cái đạo-lý ấy của Giời mà dạy bảo cho dân biết, chẳng phải ta dậy bảo cho dân biết mà là ai? »

(Mấy câu đây là ý ông Doãn nói rằng: ta là kẻ hiểu biết đạo-lý của giời hơn hết cả dân-chúng, thời ta cần phải ra mà dạy bảo cho dân.)

---

(1) Xem thêm ở Bắc-sử-diễn-nghĩa.

(2) Bốn con ngựa là một cỗ.

« Nghĩ khắp dân chúng trong thiên hạ, đàn ông, đàn bà, có một kẻ nào không được nhờ ơn trạch của vua Nghiêu vua Thuấn, thời như là tự mình dẫy hắn mà ném xuống trong ngòi. Ấy ông tự coi lấy thiên-hạ làm trách-nhiệm của mình phải đởm-đương như thế, cho nên đến với vua Thang mà khuyên vua Thang đánh nhà Hạ để cứu dân.»

(Mấy câu đây là lời ông Mạnh xuy luận tư-tưởng ông Y-Doãn.)

Cứ lời ông Mạnh thời tư-tưởng xu-hướng của ông Y-Doãn như thế; lại xét ở sự-thực thời ông Doãn từ sau lúc đã ra với vua Thang, giúp vua Thang, đánh vua Kiệt, cứu sinh-dân ra khỏi đồ-thán, trị thiên-hạ được đến thái-bình. Lại sau đó mà rồi vua Thang mất, ông Doãn dựng người cháu đích-tôn của vua Thang là Thái-giáp lên làm vua (vì người con trưởng vua Thang là Thái-Đinh mất sớm), tự mình làm tướng. Một mình đương trách-nhiệm Triều-đình, coi công việc thiên-hạ, ân-cần dạy bảo vua Thái-Giáp, nghĩa là vua tôi, tình như cha con. Trong kinh Thư, lời ông Y-Doãn bảo ông Thái-giáp rằng: « Phải kính trọng cái ngôi làm vua của mày. Vua mà không ra vua, thời nhục đến ông tổ. » Xem như thế, tuổi ông Doãn coi ông Thái-Giáp thật chỉ như là con cháu của một người bạn thân vậy. Ông Doãn dạy ông Thái-Giáp đã hết nhiều lời lẽ, mà không thấy ăn lòi, chưa đổi được tính nết, bất-đắc-dĩ ông phải làm một cái nhà ra gần mộ vua Thang (Đồng-cung) mà bắt vua Thái-Giáp ra đấy ở, khiến cho gần vua Thang mà ngày đêm phải thương nhớ, cho nhờ đó mà bỏ những cái bụng nghĩ hư nhảm, cho biết nghĩ những điều hay nhẽ phải, theo cái đạo làm vua. Ông Thái-Giáp ở Đồng-cung ba năm, xửa đổi được tính-nết, thực tiến-đức trở nên một người hay; khi đó ông Doãn lấy mũ áo ra rước về, lại tôn lên cái vị làm vua như cũ, lại dạy bảo hơn xưa. Đến khi vua Thái-Giáp thật trở nên là một ông vua hiền minh, đủ tư cách coi công việc triều-đình, để trị an thiên-hạ; ông Doãn khi đó xin cáo lão mà trước khi về lão còn nhiều lời trần-giới để lại dậy vua. Đến đấy mới là hết cái thân-thế ông Doãn vậy.

Xem như thế thời các sĩ-phu trong đời ấy, đại-khái cũng có thể gọi là có hai phái: một phái như ông Quan-Long-Bàng đó, đã đem thân ra mà làm quan ở triều-đình, tức là ủy cái thân mà phụng thờ một họ, như thế thời ông vua kia dù hay dù dở, mà tự mình cứ phải hết trung. Cho nên thấy ông vua vô đạo thời phải can, can mà không nghe thời cũng cứ phải can mà mong cho đến nghe, dù có bị giết chết cũng cam lòng, cho là cái đạo thần-tử nên phải thế. Một phái sĩ phu như thế, tức ở trong lịch-sử các nước Đông-Á đời đời gọi là trung-thần, mà như Quan-long-Bàng chính là biểu xuất vậy.

— Một phái như ông Y-Doãn đó, thấy việc đời không có hứng-vị, không phải là cái đời Nghiêu, Thuấn khi xưa, cho nên không tưởng sự ra làm việc ở chỗ Triều-đình, chỉ yên lòng là kẻ hạ-dân, lấy đạo-lý của cổ-nhân làm điều vui thú. Bảo là « *chán đời* » cũng không phải, bảo là « *đợi thời* » cũng không phải; chỉ là cái ý-chí tự-nhiên như thế, rồi nữa mảng vui về đạo-lý mà không cần nhớ biết đến cuộc đời là cái chi chi. Tới khi, cái cơ-duyên đời với mình tự-nhiên đưa đến, cái trách-nhiệm mình với đời không thể bỏ qua, thời cái ý-chí khi trước cũng tự nhiên phải đổi thay, mà cái thân-thể từ đấy mà về sau lại hiến cả để chu-toàn trong thế-cục. Một phái sĩ-phu như thế, tức là phái thánh-hiền hào-kiệt, mà như ông Y-Doãn chính là biểu xuất vậy.

Cách đời vua Kiệt nhà Hạ chừng khoảng hơn sáu trăm năm, lại đến cuối đời nhà Thương, vua là Trụ. Vua Trụ xo với vua Kiệt, sự tàn ác lại có hơn (Cửu-hầu có con gái dâng lên Trụ, người con gái ấy không ưa sự dâm-dục, Trụ giết chết mà giết cả Cửu-hầu, lấy thịt đem làm mắm. Ngạc-hầu lấy lẽ can ngăn, Trụ giết cả Ngạc-hầu, lấy thịt làm nem. — Cửu-hầu, Ngạc-hầu đều là vua chư-hầu mà Trụ phong Tam-công), mà tư-tưởng xu-hướng của sĩ-phu, ngoài hai phái như

trên khoảng cuối đời nhà Hạ kia, lại cũng có thêm khác.

Trong Triều-đình khi ấy, có quan thiếu sư, chú vua, tên là *Tỷ-Can*, thấy vua Trụ càn dỡ, hết sức can ngăn. Trụ cả giận nói rằng : « Tỷ Can tự cho mình là thánh nhân. Ta nghe rằng trong con tim của thánh-nhân, có bảy cái khiếu (đường thông), thật có như thế chăng? » Bèn giết Tỷ-Can, mổ bụng xem con tim. Một người nữa, chú vua là Cơ-tử, giả dại làm đứa ở. Một người nữa, anh vua, là Vi-tử, khuân những đồ tế-tự mà chạy theo về Chu Ba người đó, đức Khổng đều cho là hạng người có nhân vậy.

Ngoài chốn Triều-đình ra, có người như *Lã-Thượng* (Thái-công-Vọng), tuổi hơn bảy mươi, ngồi câu cá ở trên bờ sông Vị. Vua Văn-vương nước Chu (tên là Xương, khi ấy làm chức quan Tây-bá, tức là chúm-trưởng các chư hầu,) đi ra săn, bắt gặp, cùng nói truyện, rất lấy làm vui thú ; bèn rước về, tôn thờ làm bực thầy. Đến khi Văn-vương mất con là Phát (Võ-vương) lên nối chức Tây bá, Lã-Thượng bèn giúp ông Phát đánh chém đầu vua Trụ, đổi vận nhà Thương sang nhà Chu. Cái thời-đại đương xuy loạn, lại biến nên cảnh tượng thăng-bình, chẳng kém gì như ông Y-Doãn giúp vua Thang khi trước vậy.

Như ông Lã-Thượng đó, tức là người về phái ông Y Doãn ; ông Tỷ-Can đó, tức là người về phái ông Long-Bàng. Còn như Vi-tử, Cơ-tử hai ông, đều là có một tư-tưởng riêng, cũng là người biểu biểu trong sĩ-phu đời ấy. Lại còn có một hạng người đứng riêng thành một phái, không phải như Vi-tử, Cơ-tử, không Long-Bàng, không Y-Doãn, mà phẩm-giá tuyệt cao.

Hai con vua nước Cô-Trúc, *Bá-Di* và *Thúc-Tề*. Bố sắp chết, dặn lại cho Thúc-Tề làm vua. Bố chết. Thúc-Tề nhường Bá-Di. Bá-Di nói : « Có mạnh cha. » Rồi chốn mà đi mất. Thúc-Tề cũng không nhận sự làm vua mà chôn đi. Đến khi vua Võ-vương nhà Chu đem quân đánh Thương ; Di, Tề ra nắm giây cương ngựa mà can rằng : « Bố (trỏ Văn-vương) chết không chôn, đã theo việc giáo mác, có gọi là hiếu được không? Là tôi mà giết vua, có gọi là nhân được không?» Lũ tướng tả muốn đâm chết. Ông Lã-Thượng can đi, rồi thôi. Đến sau, vua Võ-vương lên làm vua thiên-hạ, thiên-hạ theo cả về nhà Chu. Bá-Di, Thúc-Tề lấy đó làm xấu hổ, không nỡ ăn hột thóc trong cái đời nhà Chu, bèn cùng nhau lánh lên ở trên núi Thú dương, làm bài hát *hái-rau-vi* (1) rằng :

« *Chèo lên trái núi bên tê,*
« *Rau vi trên núi, hái về cùng nhau.*
« *Người đời biết trái là đâu,*
« *Hư càn đánh đổi lẫn nhau, khác gì!*
« *Thần-Nông, Ngu, Hạ qua thì,*
« *Để thương để nhớ, ta thì về đâu ?*
« *Thở than chi nữa thêm sầu !* »

Sau rồi cùng đói chết ở trong chỗ núi đó.

Nghĩ như hai ông Di, Tề đó, bảo là «trung-thần » không phải, bảo là « hào-kiệt » không phải, tìm lên phái Hứa-Do ở trên đời Đường Ngu cũng không phải. Chỉ là do cái tư-tưởng tuyệt cao-thượng cho nên không làm việc với đời mà cũng không chán đời ; biệt thành ra một phái sĩ phu, ngàn thu ít có.

(còn nữa)

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Rau *vi* có lẽ là rau sắng. Hai ông Di, Tề hái thứ rau ấy để ăn cho qua ngày.

KÍNH-ĐÀI VĂN-THƯ-SỞ

Số 28 phố hàng Cá (Poissonnerie) Hanoi

Bản-sở có thể nhờ nhiều nhà Văn-sĩ có tiếng trong nước soạn các thể văn quốc-văn về mọi việc : *tặng, đáp, hiếu, hỷ, bài đăng báo, diễn-thuyết, và các thứ văn cần dùng trong mọi việc công, tư ;* như là *biểu bi, ký, gia-phả, đối, chướng, thơ, từ luận-thuyết vân vân..* Ngài nào muốn xin văn của nhà văn-sĩ nào, xin mời đến bản-sở, hoặc viết thư về; Bản sở sẽ thương lượng.

Chủ-nhân Nguyễn-Thống cẩn-cáo

HÁN VĂN DIỄN GIẢNG

講演文漢

故天將降大任於是人也必先苦其心志勞其筋骨餓其體膚空乏其身行拂亂其所爲所以動心忍性增益其所不能

	Cố	Cho nên
	Thiên	Giời
	Tương	Sắp, (hầu)
	Dáng	Ban xuống
	Đại	Nhớn, to
	Nhậm	Sự dùng, làm việc
	Ư	Ở, với
	Thị	Ấy
	Nhân	Người
	Dã	Vậy
	Tất	Ắt
	Tiên	Trước
	Khổ	Khổ, làm khổ
	Kỳ	(Thửa), ấy
	Tâm	Lòng
	Chí	Chí
	Lao	Nhọc
	Kỳ	. . .
	Cân	Gân
	Cốt	Xương
	Ngã	Đói
	Kỳ	. . .
	Thể	Mình, mình mẩy
	Phu	Da, da thịt
	Khống	Rỗng không
	Phạp	Thiếu
	Kỳ	. . .
	Thân	Mình
	Hành	Làm
	Phật	Trái
	Loạn	Rối loạn
	Kỳ	...
	Sở	Thửa, cái
	Vi	Làm
	Sở	(Để mà,
	Dĩ	(để cho.
	Động	Động
	Tâm	Lòng
	Nhẫn	Nhịn
	Tính	Tính
	Tăng	Thêm
	Ích	Ích
	Kỳ	. . .
	Sở	Thửa, cái
	Bất	Chẳng
	Năng	Hay, nổi

Âm.— *Cố thiên tương dáng đại-nhậm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt. ngã kỳ thể phu, khống phạp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi; sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng.*

Nghĩa.— Cho nên giời sắp uỷ xuống cho người ấy một cái sự làm việc to lớn, thời tất trước hãy làm cho tâm chí phải khốn khổ, gân xương phải nhọc nhằn, cái ăn không được no, cái dùng không được đủ, làm việc gì cũng không được như ý; để cho biết động lòng nhẫn tính, thêm được nhiều điều hơn xưa.

Đây là một tiết trong một chương ở thiên Cáo tử, sách Mạnh-tử.

Phụ-giảng.— Nguyên một chương này ở trong sách Mạnh-tử, ông Mạnh nói về nghĩa: người ta không nên cho những sự ưu hoạn là không hay. Một tiết (1) trên, ông Mạnh nhắc truyện vua Thuấn, ông Phó-Duyệt, ông Giao-Cách, ông Quản-gi-Ngô, ông Tôn-thúc-Ngao, ông Bách-lý-Hề, (Kấy nhiêu người kể đây, vua Thuấn là vua, còn thời đều là những danh-thần hiền tướng đời xưa cả) đều là có trải qua những cái cảnh khó-khăn khốn-khổ, lo nghĩ âu sầu, mà rồi sau mới làm nên những sự-nghiệp to lớn. Đến tiết này là ông giảng thuyết cho được rõ ý nghĩa. Nghĩa rằng: « Xem các thánh-hiền hào-kiệt khi xưa như thế, thời biết rằng lòng giời định sắp cho ai làm nên, dùng người ấy vào công việc to lớn, thời trước tiên giời phải làm cho người ấy khốn khổ, nhọc nhằn, đói khát, túng thiếu, lại làm việc gì cũng trái trở, rối loạn, hư hỏng không ra làm sao. Như thế, là để cho sớn động đến trong lòng mà biết nghĩ, đè nén cái tính khí mà biết nhịn, để phàm những điều gì xưa kia còn kém thời lúc ấy thêm hơn. Đó tức là cái ý « *nhà học thiên-nhiên* » vậy. Lại muốn nói cho kỹ ra nữa, thời phàm những cảnh-ngộ gian truân của người ta, đều là giời kia muốn nung đúc cho thành tài thành đức. phải cho khốn khổ đến thân hình, đau đớn đến gan ruột, mà rồi mới học thêm được những điều hay, xửa bỏ những cái dở, càng khôn biết, càng gan góc, để chịu nhận được những công việc to lớn mà làm nên. Vậy nên biết những sự ưu hoạn đó là lòng giời yêu ai, chớ không phải là tạo-vật ghét ghen vậy.

(1) Trong một chương sách lại có từng tiết, tức là từng đoạn một.

Nguyễn-khắc-Hiếu

THI DÀN GIẢNG TẬP
習講壇詩

Buổi chiều sang đò

Bên giời soi chếch bóng tà-dương.
Quang-cảnh qua đây thú lạ nhường:
Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch,
Sóng rờn mặt nước nổi kim-cương.
Cánh diều gió bốc lưng chừng bổng,
Ngàn trúc sương phong tít dặm trường.
Kia rõ như xoay giời đất lại,
Thuyền sang mang cả bóng ô sang.

Đông-Xuyên

Bài thơ đây, truyền là thể tả cảnh.

Câu thứ nhất:

Bên giời soi chếch bóng tà-dương.

Bẩy chữ thực xứng-đáng địa-vị là câu phá, mà lời thơ cũng hay. Tưởng như người sang đò ngang lúc buổi chiều, sự để mắt thứ nhất, là cái cảnh ấy vậy. Một chữ « *chếch* » dưới chiếu xuống chữ «*tà-dương*», trên trông lên chữ «*bên*», thật hay!

Câu thứ hai:

Quang-cảnh qua đây thú lạ nhường

Như thế chỉ đủ nghĩa thông xuông mà thôi. Vậy tôi muốn đổi bốn chữ trên làm bốn chữ «*Dương mắt giang sơn*», thời ý nghĩa cũng vẫn như thế, mà lời thơ có phần mạnh hơn. Chữ «*dương*» đầu câu này, thừa tiếp chữ « *dương* » cuối câu phá, cũng thêm được chút tình nhỏ con; hai chữ «*giang sơn*» lại gọi được chữ «*non*», chữ «*nước*» là chủ hai câu tam tứ ở dưới vậy, có nhẽ là hơn.

Hai câu tam, tứ:

Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch;
Sóng rờn mặt nước nổi kim-cương.

Lời thơ rất là điêu-luyện đến lịch-sự, song như câu dưới thời hay thật, còn câu trên không chắc có khỏi là *ngoa* chăng ?

Hai câu ngũ, lục :

Cánh diều gió bốc lưng chừng bổng,
Ngàn trúc sương phong tít dậm trường.

Câu thứ sáu ở dưới, thật hay ! không kém gì giọng thơ của người đời nhà Đường ở Trung-quốc khi trước. Câu trên, ba chữ « *lưng chừng bổng* », nghe ra có kém. Hai chữ « *lưng chừng* » thời nôm quá; chữ « *bổng* » thời điệp tiếng với chữ « *bốc* » ở trên. Vậy ba chữ ấy, ý tôi muốn đổi là: « *từng mây thẳm* », như thế đối với ba chữ « *tít dậm trường* » ở câu dưới, có lẽ vừa là cân, mà lại cùng tỏ ra cái mầu cảnh bát-ngát.

Câu thứ bảy :

Kìa nọ như xoay giời đất lại.

Hai chữ « *kìa nọ* » xuồi quá, nghe không ra lời thơ. Tôi muốn đổi lại câu ấy rằng : « *Giời đất kìa ai xoay truyền lại* », thời cũng vẫn ý ấy, mà có phần trỉnh hơn.

Câu thứ tám :

Thuyền sang mang cả bóng ô sang

Tuyệt thanh-tao, tuyệt lưu-loát như chiếu ảnh ra cái cảnh « *buổi chiều sang đó* » vậy Câu đó thật hay !

Nay xếp đặt toàn bài lại như dưới :

Bên giời soi chếch bóng tà-dương,
Dương mắt giang sơn thú lạ nhường.
Mây tỏa đầu non phơi ngọc-thạch,
Sóng rờn mặt nước nổi kim-cương.
Cánh diều gió bốc từng mây thẳm ;
Ngàn trúc sương phong tít dậm trường.
Giời đất kìa ai xoay truyền lại ;
Thuyền sang mang cả bóng ô sang.

Nguyễn-khắc-Hiếu

VIỆT NAM NHỊ THẬP THẾ KỶ

XÃ-HỘI THIỂN ĐÀM

Mới đây một tờ báo ta ở Hà-thành có đăng tin hai anh em nhà nọ kiện nhau vì một miếng ruộng ròng-rã mười hai năm, rồi xoay đến đánh nhau. Nghe thấy những sự như thế ai là không thương tâm. Trái lại, Ký-giả xin thuật truyện một nhà họ Điền đời nay :

Nhà họ *Điền* đó chính là người Thái, mà ta thường khinh là còn mọi rợ ; chín anh em cùng ở một nhà, thật là một sự hiếm có ở xã-hội ta về nhị thập thế-kỷ này vậy. Cha mẹ mất đi, để lại cho tám người con giai và một người con gái có dăm ba mẫu ruộng. Anh em nhà đó không chia sẻ gì cả, cứ để cầy cấy chung, hoa lợi cùng hưởng. Một chiếc nhà rộng chừng bẩy gian, anh em vợ chồng con cái cùng ở mà quanh năm không có điều chi to tiếng. Về phu phen việc quan, người anh trưởng cứ lần-lượt cắt các em thứ mà chẳng có điều chi ganh tị, ăn thời ăn chung, còn ai làm được nâu gai, gỗ lạt gì đem bán, được tiền đó là của riêng. Anh bảo em nghe, trên thuận, dưới hòa, tình cốt-nhục thực đáng làm gương vậy.

Nguyễn-văn-Huyên

Tơ nhân-tạo với tơ tằm. — Đây nói về tơ nhân-tạo (ta thường gọi là tơ giả, hoặc tơ chuối), là tơ làm bằng các sợi cây gai, đay, bông gạo vân vân... Nói tóm lại cây gì mà người ta có thể lấy sợi được, dùng hóa học mà chế ra các hàng tơ ấy. Song xét tơ nhân-tạo, bề ngoài thời hào nháng lạ thường, nom ra giáng nhẹ-nhàng, mà giá tiền rẻ bằng một nửa phần tơ tằm. Khi dùng nó lâu ngày ắt phải sồ lông, mỡ mặt và không chịu sự rặt nữa.

Tơ tằm cũng bóng, cũng đẹp, càng dùng càng nhũn, bền gấp mấy lần tơ nhân-tạo. Vậy ta làm thế nào phân biệt được hai hạng tơ ấy để chánh khỏi sự nhầm lẫn của giả với của thật. Như sa-tây bóng hàng bông-bay, mang vào bán ở xứ ta mà thường dùng may mặc, ta rứt lấy một sợi mà coi; tuy nó mềm nhưng mềm cũng như ta cầm một sợi vải vậy, để lên trên một ngọn lửa thấy cháy lém nhanh, không soăn, không sùi dựa, mùi khói đưà lên không khét như ta đốt một sợi tóc; ấy chính là tơ giả. Tơ thật, khi đốt phải có mùi khét, sợi tơ cháy thong-thả, mà không bùng thành ngọn lửa. Tơ tằm giá đắt gấp đôi tơ giả, thế mà các nhà kỹ-nghệ các nước ngoài chế ra hàng tơ nhân-tạo, rệt thành vải, mang bán cho ta, mập-mờ những người không biết giá lại đặt, là vì nước mình không có những kỹ-nghệ ấy; nhất là người Việt-Nam lại hay có tính hiếu-kỳ. ưa bóng-bẩy bề ngoài, nên hay mắc phải.

Nước ta sản-xuất tơ tằm không ít, lại còn xuất cảng tơ ra ngoại-quốc được; đấy có phải chính mình đổi tơ thật lấy tơ giả không? Bây giờ muốn chánh sự khỏi nhầm lẫn ấy, thời các nhà kỹ-nghệ nước ta, phải chấn-chỉnh lại công nghiệp nước nhà, lấy tơ tằm rệt thành hàng mới lạ. hợp thời và hô-hào lên để đánh đổ cái tính hiếu-kỳ người nước ta. Cứ như ý tôi, tôi đã thí nghiệm nhiều lần, phàm những hàng gì dệt bằng tơ tằm, như lụa, lương. the, cẩm-châu vân vận... được cái tính chất đặc biệt là dùng lâu không hay sồ lông, mỡ mặt, để lâu ngày không xinh ra mục nát như những hàng đã nói ở trên kia làm bằng tơ giả; những hàng ta dệt bằng tơ thật, không đáng dùng hay sao?

Bùi-Long-Trí

Ai mất phiếu quốc-trái vô-danh nên biết

Ai ở Đông-Pháp có phiếu quốc-trái vô-danh như quốc-trái Đông-Pháp 50p.00 chẳng hạn, nhỡ đánh mất, bị mất cắp hay cháy mất, thì phải theo đạo luật ngày 8 Février 1902 cải-bổ đạo luật ngày 15 Juin 1872 đăng ở Quan-báo nước Pháp ngày 9 Février 1902 mà làm như sau này mới khỏi mất quyền-lợi.

Trước hết phải viết thơ khai tên, chỗ ở mình, ngày nào mình mua phiếu quốc-trái mất ấy, mua ở tỉnh nào, lấy giấy của quan Công-sứ bản-tỉnh chứng-thực đính vào, lần cuối cùng lĩnh lãi ở đâu và lĩnh ngày nào, tại làm sao mà mất, mất ở đâu và mất ngày nào, những phiếu mất số mấy, đáng giá bao nhiêu tiền, mỗi kỳ lĩnh bao nhiêu lãi, khai rõ-ràng cả gửi nhờ một viên Thừa-phát-lại (Huissier) ở Paris làm giấy phản-kháng (opposition) tống-đạt đến sở Tổng-đại-lý Công ngân (Sybdicat des Agents de Change) ở Paris, để xin ngăn-trở sự giao-dịch các phiếu bị mất ấy và xin trả phí-tổn cho sở ấy đăng các số phiếu bị mất lên trên một tờ nhật-báo riêng của sở ấy lập ra theo lệ nhà nước, xin viên Thừa-phát-lại gửi cho mình một bản sao tờ tống-đạt, trong ấy có biên-chú rằng số tiền phí-tổn về việc đăng báo đã trả rồi.

Sự tống-đạt ấy có hiệu-lực làm cho Sở vay quốc-trái (Établissement débiteur) ở Paris đình-hoãn sự giao-dịch và mọi sự trả vốn lãi về các phiếu bị mất đến khi người mất phiếu làm giấy giải-phóng với sở Tổng-đại-lý Công-ngân mới thôi.

Nếu chỉ là mất những ô giấy lĩnh lãi (coupons) thì không cần phải tống-đạt vào sở Tổng-đại-lý Công-ngân ở Paris và xin đăng lên nhật-báo làm gì, chỉ cần tống-đạt vào Sở vay quốc-trái cũng đủ.

Cùng đồng-thời, người mất phiếu phải nhờ Thừa phát-lại ở xứ mình tống-đạt y như thế lên Phủ Toàn-quyền Đông-Pháp và quan Đệ-nhất Chánh-án (M. le 1er Président du Service Judiciaire) ở xứ mình.

Nếu là phiếu lấy lãi, hạn một năm sau khi tống-đạt, mà không có ai ra tranh nhận rằng cũng mất những phiếu ấy, thì người mất có thể làm đơn lên quan Chánh án Tòa đệ-nhất-cấp hạt Seine (Tribunal de 1ère Instance de la Seine) xin phép lĩnh lãi, cũng có khi xin lĩnh được cả vốn ra nữa..

Nếu có người khác cũng ra nhận mất đúng những số phiếu mình đã khai mất, thời hiệu-lực sự tống-đạt của mình trước bãi tạm đình-hoãn cho đến khi một tòa án nào có thẩm-quyền phán-định song quyền sở-hữu các phiếu mất ấy là về ai đã...

Nếu cứ chịu trả phí-tổn đăng ở nhật-báo sở Tổng-đại-lý Công-ngân ở Paris mãi trong hạn 10 năm, mà không có ai ra tranh-tụng với mình thời sẽ xin Sở vay quốc-trái cấp cho phiếu khác, và quyền sở hữu sẽ nhất-định vậy.

Như phiếu quốc-trái Đông-Pháp bị mất mà chúng số thời cũng theo thời-hạn cách ba năm mà làm đơn xin rút phần lợi ra được.

Kính-Đài Văn-Thư-Sở

Số 28 Phố hàng Cá — Hanoi.

Phần người uống rượu ở Bắc, có khi nhiều hơn ở trong Nam. Câu nói đây, nếu tự người khác nói ra, thời tất là xem ở sổ kế-toán ở nhà Đoan, hoặc là xét ở sự tiệc-lệ chốn hương-đảng. Song như tôi nói đây, chỉ là câu đoán phỏng ở sự « ăn thịt chó» mà thôi.

Ở Bắc-Kỳ, sự ăn thịt chó thịnh-hành hơn trong Nam. Phần nhiều các nơi thôn quê, có khách đến nhà mà giết con chó làm thịt, thời tất vị khách ấy, hoặc là bạn thân ở xa đến, hoặc là người bề trên, mà sự thết đãi đó rất là thịnh-tình của chủ-nhơn vậy. Người ở Nam ra Bắc, thấy ở những phố chợ, hàng quán thường có thịt chó cheo bán, thời lấy làm một sự lạ mắt; đem làm câu nói truyện như có ý phi-nghị ở trong. Trong Nam thời ít sự ăn thịt chó. Tôi nghe người nói truyện rằng : «Những ông có trong ấy rất ghét thịt chó, cho những đám đánh nhau dữ tợn, phần nhiều do thịt chó mà ra : vì những người ăn thịt chó, tất là có uống rượu ; những đám ăn thịt chó tất uống rượu càng hăng, cho nên hay sinh sự ẩu-đả.» Câu truyện đó hơi thiệp khôi-hài, mà chưa hẳn đã không là sự thực. Ở trong Nam ít sự ăn thịt chó, hoặc vì thế ? Ở ngoài Bắc nhiều hơn người uống rượu, hoặc cũng vì thế chăng?

Tôi lại nghe một câu truyện hay hơn, là ở trong Nam, ai có muốn ăn thịt chó, thời xem nhà ai thân-tình có chó thừa, không cần nuôi, thời hỏi xin về làm thịt mà ăn, chớ không có người bán. Vì nghĩ rằng : con chó là vật nuôi để giữ nhà, có tình-nghĩa, vậy chỉ có cho ai thời cho, chớ không nỡ đem bán nó đi mà lấy tiền. Hoặc cũng có người bán thời người ta coi là một hạng người đê-mạt, cho nên ở trong ấy có tiếng mắng nhau rằng «đồ bán chó», cho là rất bất nghĩa vô sỉ vậy. Cái ý đó thực hay, mà cũng vì ít người bán, cho nên ít có người ăn chăng ?

Ở xứ Bắc, những nhà đồ-cẩu (1) đi vào các nơi mua chó, bắt chó đem về, hoặc gánh, hoặc lôi đi ở đường, trông đã thấy có vẻ bi-thảm ; lại những người buôn chó, gánh từng gánh bằng bu, bằng lồng đem ra chợ, nhiều con chó thật to bị chói nằm ở chợ, rất đang là một sự bi-quan. Gần Hanoi như chợ Mới-Mơ, gần Hà-Đông như chợ Tây-Mỗ, gần Phủ-lý như chợ Bầu, sự bán chó có tiếng. Trong những chó đem bán đó, có nhiều con là bán để người ta mua về nuôi, mà chó bán ăn thịt cũng không ít. Chỗ làm thịt chó để bán, thời như ở Bạch-Mai, cuối đường xe điện quá chợ Hôm đi xuống, đó rất là nhiều. Nghe nói những ngày chủ-nhật, thường có khách lịch-sự ở Hanoi xuống đấy đánh chén.

---

(1) Kẻ làm nghề mổ thịt chó

Người xứ Bắc thích ăn thịt chó, mà thường lánh tiếng «*chó*», gọi là «*cầy*». Nguyên con cầy là một vị sơn-hào, cầy rông cầy hương, cầy bạc-má, có nhiều thứ khác nhau. Thứ cầy to thời đại-khái bằng con chó. Người ta gọi «thịt chó» là «thịt cầy», ý cũng vì ghét cái tiếng nó không nhã, cho nên gọi lánh như thế chăng? Lại có một thức ăn, thịt heo nấu theo các đồ gia-vị như kiểu nấu thịt chó, gọi là «giả-cầy.» Món ăn ấy cũng có nhiều người thích. Tôi lại có nghe một câu truyện giả-cầy rằng: Có người cũng phẩm-vị giàu có, mà quá ư kiệm ước, tính thích ăn «*giả-cầy*» mà lại ngại tốn tiền mua thịt heo, nên chỉ dùng một ít mỡ heo lấy chất béo, còn cái cốt thời nấu bằng «sỏi»; đến lúc ăn cũng gặm nhấm và vứt sỏi làm xương, thực thời cũng vị giả-cầy vậy. Nghĩ như thịt chó mà gọi là thịt cầy, tức đã là giả, có thể cho món ăn ấy tên là «*đệ nhất hạng giả-cầy*»; thịt heo nấu theo thịt chó, thời là «*đệ nhị hạng giả-cầy*»; lại như «*giả-cầy sỏi*» thời là «*đệ tam hạng giả-cầy*» vậy. Không biết rồi còn thứ giả-cầy nào khác, sẽ là đệ tứ, đệ ngũ hạng nữa chăng!

Nguyễn-khắc Hiếu

Ý KIẾN VÀ TIỂU TỨC TRONG BÁO GIỚI

Muốn bảo tồn danh dự

MỘT PHÁT SÚNG NỔ

Ông chủ hội Quảng Lạc Trần-đức-Trọng chết ngay.— Hung-thủ là ông Dân-biểu Nguyễn-văn-Tấn đã ra thú

Ông chủ hội Quảng-Lạc tên là Trần-đức-Trọng tức Phủ Trọng, bị bắn chết tại đồn-điền Sa-lê (Sallé), là nơi cách ga Phú-Thụy chừng một cây số, hồi 3 giờ rưỡi chiều ngày 29 Juin 1930.

Hung-thủ là M. Nguyễn-văn-Tấn, một nhà thầu khoán, Dân-biểu hạt Bắc Ninh, hiện làm quản-lý đồn-điền Sa-lê.

Đồn-điền Sa-lê là một cái đồn-điền khá to ở khoảng Gia-Lâm sang Phú-Thụy, diện-tích ước độ bốn nghìn mẫu. Đồn-điền ấy nguyên là của một người tây tên là Mác-Ty (Marty) sau ông để lại cho con rể ông là Sa-lê, ông Sa-lê lại vẫn giao cho ông Phủ-Trọng. Ông Phủ-Trọng quê ở Nam-kỳ, không thể ở luôn ngoài này mà trông coi đồn-điền được; nên đã ủy em vợ là Trần-minh-Thu làm Quản lý. Năm ngoái, ông Trần-minh-Thu tạ thế; khi gần mất, có giới-thiệu một người bạn thân mà chính mình đã ủy thác cho việc quản cố vợ con, là ông Nguyễn-văn-Tấn. Nhân thế, ông Phủ-Trọng mới biết ông Tấn, bèn để ông thay chân ông Thu.

Lý-lịch ông Phủ-Trọng

Ông Trần-đức-Trọng tức Phủ-Trọng là một ông Phán-già, trước tòng sự tại phủ-Thống-sứ Bắc-kỳ; khi về nghỉ được thưởng hàm Tri-phủ, nên tuy không từng lịch-nhậm phủ huyện, mà người ta vẫn quen gọi ông Phủ Trọng. Về việc đồn-điền Sa-lê,

ông tuy không trông coi gì đến, nhưng số tiền hoa-lợi mỗi năm về phần ông cũng có tới hơn 2 vạn đồng.

Lý-lịch của hung thủ

Hung-thủ là ông Nguyễn-văn-Tấn, một nhà thầu-khoán, và là một ông Nghị-viên trong viện Dân-biểu Bắc-kỳ khóa này, hiện làm quản-lý đồn-điền Sa lê thay chân ông Trần-minh-Thu. Ông vốn là một người tiêu tiền rất rộng, và phú tính rất thẳng. Năm trước, đã có một lần ông quá giận mà đánh một người thư-ký riêng của ông: sau hối lại, liền ra tòa nhận lỗi.

Nguyên do vụ án-mạng này

Ông Phủ-Trọng tuy ở Saigon, nhưng năm nào cũng có ra đồn-điền một vài lần để thu tiền hoa-lợi. Hôm 22 juin vừa rồi, ông Trọng ở Saigon ra, sang thăm đồn-điền Sa-lê và soát lại sổ-sách, thì ông biết rằng ông Tấn đã tiêu lạm mất hơn 6 ngàn đồng. Ông thấy sự-tình như vậy, chắc không khỏi có điều quá giận, làm cho ông Tấn tức mình.

Vả nghe nói: hôm 27 tháng này, ông Tấn đã có viết thư cho ông Nguyễn-văn-Vĩnh chủ nhiệm báo Trung-Bắc hỏi vay 3 ngàn đồng, nói rằng: 1 ngàn thì để trả nợ, còn 2 ngàn thì để trang trải về món tiền phí tổn trong khi ra ứng cử Nghị-viên. Hôm sau tức là ngày 28 juin ông có sang Hanoi nhưng hhông tới thăm ông Vĩnh, mà hình như ông Vĩnh cũng chưa kịp giả nhời ông về bức thư đó. Xem thế thì hình như ông Tấn vẫn có ý để tâm về việc « tiêu lạm tiền két », chứ không muốn để cho ông Trọng giầy vò.

Khi xẩy ra vụ án-mạng này.

Hôm 29 Juin, vào hồi 3 giờ rưỡi chiều, ông Trọng đang ngồi hóng mát ở trước cửa, bỗng bị ông Tấn đứng ở trong nhà cầm khẩu súng sáu 2 lòng mà bắn cho một phát trúng giữa thái-dương, ông Trọng liền ngã gục xuống mà chết.

Hung-thủ ra thú

Sau khi bắn chết ông Phủ-Trọng, một người phu điếm nghe thấy tiếng nổ liền chạy xuống nhà dưới báo cho người kế-toán của ông Trọng là ông Nguyễn-khắc-Minh. Ông Minh chạy ra thì gặp ông Tấn. Ông Tấn giơ súng dọa ông Minh và nói: «Tao sinh phúc cho mày, vì mày còn có một đàn con dại» nói đoạn, liền lên ô-tô ra sở Xen-đầm Gia lâm để thú tội.

Ông Tấn bị tống giam

Ông Tấn sang sở Xen-đầm Gia-lâm, gặp lúc viên Xen-đầm vắng mặt, ông bèn sang bên Ha-nội, thú ở sở cầm hàng Đậu. Ông Cầm hàng Đậu cho giẫn ông Tấn về Gia-Lâm mà khai. Ông Tấn lại trở về Gia-lâm. Khi ông Tấn về Gia lâm gặp lúc viên Xen-đầm ở nhà, ông bèn thú tội và đưa nộp khẩu súng trong còn 2 viên đạn. Viên Xen-đầm lấy súng xong, liền bắt giam ông Tấn để đợi quan trên xét hỏi.

Khám-nghiệm và biên-bản

Quan Biện-lý Jodin ở Hanoi được tin báo, liền sang tận nơi để khám nghiệm và lập biên-bản. Di-hài M. Trọng thì cho đem lên một chiếc xe hơi chở ngay về nhà-thương Bảo-hộ Hanoi để mổ ra khám lại.

Còn M. Tấn thì liền bị tống giam tại nhà pha tỉnh Bắc-ninh.

Đám tang ông Phủ-Trọng

Năm giờ chiều hôm thứ ba 1er Juillet 1930, đã cử hành đám tang ông Phủ-Trọng. Bắt đầu từ nhà thương Bảo-hộ, đám đi theo lối tây, và cất về nghĩa-địa Nam-kỳ đường nhà rượu. Các thân-bằng cố-hữu, cùng nhiều hội-viên hội-Quảng-Lạc đi đưa rất đông. Đi từ năm giờ, mà mãi đến 6 giờ 15 mới hạ huyệt xong.

M. Tấn sẽ bị xử ở đâu

Ít nữa M. Tấn sẽ bị giải sang Hanoi để phiên tòa Đại-hình sau sẽ đem ra xử.

Vì sao ông Tấn không phải xử tại tòa án Trừng-Trị ?

Vì ông Phủ-Trọng là một người dân Nam-kỳ, mà xứ đó lại là đất thuộc-địa của nước Pháp nên vụ sát nhân này sẽ phải đem ra xử tại tòa Đại-Hình,

Còn bao nhiêu sổ-sách trong đồn-điền bị tịch biên mang cả về tòa án Hanoi, để giao cho các nhà giám-định xét.

Rạp Quảng-Lạc để tang ông Trọng

Vì ông Phủ-Trọng vừa là chủ-nhiệm lại vừa là người sáng-lập hội Quảng-Lạc, nên ngay tối hôm 1-7 ban Trị-sự rạp đó có cho phép con hát nghỉ một buổi để tỏ tình ai-điệu.

Sau có tin gì khác sẽ tục đăng.

Đông-Phương

1er và 3 juillet 1930

Một tin trong báo-giới

Báo quán « Đuốc-Nhà-Nam » bị phá

Tin này bản-báo đã đăng rồi, nay đăng theo tin rõ của báo Trung-lập.

Tối chủ nhật 13 rạng ngày 14 Juillet, ở thành-phố Saigon cũng như ở chỗ đô-thị khác, nên người ta nô-nức đua nhau, kéo đi xem đèn đông lắm.

Giữa giữa cái tiệc vui chung cho cả thành-phố, không dè lại xẩy một truyện buồn, buồn riêng cho báo-giới.

Một bọn người đâu chừng vài ba trăm ăn mặc tầm thường, thình lình kéo đến đường Lagrandière và áp vào đánh phá báo-quán của hai bạn đồng-nghiệp chúng tôi là « Đuốc-Nhà-Nam và Tribune Indochinoise ».

Cái tấn bạo-kịch này xẩy ra hồi bẩy giờ rưỡi tối và xẩy một cách mau lắm, chỉ trong mấy phút đồng-hồ thôi.

Thấy bọn ấy kéo vào nhà báo Đ.N.N. mấy người lính gác khám lớn cũng lấy làm lạ, song họ chỉ dơ mắt mà nhìn, vì họ đâu có dám bỏ cái phận sự gác khám mà họ can-thiệp vào.

Thấy nói bọn biểu-tình có hỏi ông Nguyễn-phan Long ở đâu và kiếm những máy in nhật-trình để phá, song bữa ấy là ngày lễ, nên ông Long không có mặt ở đó, còn Đuốc-Nhà-Nam thì in tại nhà in Thạnh-thị-Mau ở đường d'Espagne chớ không có nhà in riêng, nên tại tòa báo vẫn chẳng có máy-móc gì.

Vì vậy nên bọn kia chỉ đập vỡ một cái máy nói, một cái đồng-hồ treo, một cái ảnh của mấy ông hội đồng quản-hạt với lại ghế, bàn, mực, bút và xé rách một mớ băng, mấy tập nhật-trình cũ v.v. Tấm bảng hiệu « Đ.N.N. và Tribune Indochinoise » mới sơn lại rất đẹp đẽ và mới treo ở trước nhà báo mấy bữa nay cũng bị đá ném sứt vỡ đi mất mấy chữ.

Nghe nói bọn ấy đã chế dầu săng để đốt nhà, song chưa kịp đốt thì ở ngoài đã có còi hiệu thổi nên phải chạy ra.

Khi cò-bót đến, thì chẳng còn thấy một người nào. Thấy nói sau khi phá xong, bọn kia thổi còi kêu nhau rồi đổ xuống ngả chợ Bến-thành mà nhập vào với bọn đi xem hội.

Chuyện này nguyên nhân vì đâu, hiện nay chúng tôi chưa rõ.

Đến như câu truyện nhà báo bị phá, thì năm xưa ở Hanoi đã có một lần, là lần học-sinh đánh phá *Dân-Báo*; bây giờ lại đến *Đuốc-Nhà-Nam* bị phá một lần này nữa là hai.

Ấy, ở trong lịch-sử báo-giới nước ta mới có hai nhà báo bị đánh phá, là *Đuốc-Nhà-Nam* ở Saigon và *Dân báo* ở Hanoi.

T. L.

Trung Bắc

Ngày 21 và 22 Juillet 1930

Sau khi Tô-phúc-Dịch bị bắt

MỘT VỤ MƯU SÁT

Quan Tổng-đốc Thái bình Vi-văn-Định

Nay được tin rằng : ít bữa nữa Dịch sẽ phải giải lên Hanoi giao sang Hội-đồng Đề-Hình xét-xử.

Thân-thế cùng cận-trạng của Tô-phúc-Dịch, kỳ báo hôm kia đăng tường-tận.

Cái súng của Dịch

Các nhà chuyên-trách xét ra rằng : cái súng lục bắt được trong va-li của Dịch, giống in như cái súng mà Sở Mật-thám đã bắt được tại nhà số 108 đường Goussard là nơi Lê-hữu-Cảnh, Nguyễn-Huân, Nguyễn-Quất và Nguyễn-thị-Thành bị bắt bữa 10 Juillet 1930.

Còn 6 viên đạn

Trong lòng súng hãy còn khám thấy 6 viên đạn, trong túi Dịch lại còn 11 viên khác nữa, cùng 1 con dao có máy hãm đã hư-hỏng rồi.

Dịch khai những gì ? xin xem đoạn sau sẽ rõ.

Lời khai của Tô-phúc-Dịch

Nguyên sau khi Dịch bị bắt, Dịch có khai nhiều lời đã đăng trong kỳ báo trước.

Sau Dịch thú nhận rằng đảng Cộng-sản sai Dịch về Thái-bình tìm cách ám-sát M. Vi-văn-Định là Tổng-đốc tỉnh Thái-bình, nhưng phải thi hành trước ngày 1er Août 1930 ; vì đảng cho rằng M. Vi-văn-Định từ hồi về trọng-nhậm tỉnh Thái-bình đã làm nhiều việc rất trở ngại cho công việc của đảng và lại có ý muốn triệt hẳn đảng nữa.

Một bản án của tòa án Cộng-sản

Các nhà chuyên-trách lại khám thấy trong túi áo Dịch, một bản án của tòa án Cộng-sản, định giết chết M. Vi-văn-Định.

Đông-Phương

31 Juillet 1930

Tờ thông-báo cho các gia-quyến

CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN PASQUIER

Từ năm 1924 đến giờ, số sĩ-tử Đông-Pháp xa-cách quê-hương để sang theo học các trường Trung-Đẳng, Cao-Đẳng bên Pháp, cứ mỗi ngày một tăng nhiều mãi lên. Cái chức-phận của phủ Toàn Quyền là phải giữ cho các gia-quyến đừng để cho bọn thiếu-niên thường hay sa vào những sự nguy-hiểm về đường đạo-đức và đường vật-chất ; lại phải bầy tỏ mọi nhẽ cho các gia-quyến biết, cân nhắc cẩn-thận, chớ có vội nhẹ dạ mà cho con sang Pháp học.

Trước hết, cứ bình-tĩnh mà nói, thì một người học-trò Đông-Pháp muốn học cho đỗ bằng tú-tài, cứ học ở nước nhà cũng đủ, chả cần gì mà phải sang đến bên Pháp.

Ở xứ Đông-Pháp, nền trung-học tổ chức thực đã là hoàn-bị. Những trường trung-học Pháp và những trường trung-học Pháp-Việt luyện cho học-trò đi thi, hoặc lấy bằng trung-học Thuộc địa, lấy bằng trung-học Pháp-Việt, mà ai được một thứ bằng nào trong hai thứ ấy cũng xin vào học ở các trường Đại-học và các trường

Cao-Đẳng bên Pháp được. Những giáo-chức trường Đại - học hay cử-nhân dạy ở các trường trung-học tại đây tuyển rất kỹ và cũng đáng tin cậy như những giáo-chức ở các trường trung-học bên Pháp. Những đồ dùng để học, những đồ-đạc nhà trường, chỗ lưu-học thuận tiện, cách ẩm-thực, sự kỷ-luật kể không kém gì những trường ở bên Pháp. Ta chớ nên đem bụng tin những kẻ thường dèm pha bậc trung-học ở đây cho là tầm-thường kém-cỏi không bằng được bậc trung-học bên Pháp. Thật thì không phải thế đâu. Trương-trình học, trình-độ học, thì cử tốt- nghiệp ở bậc trung-học đây cũng y như ở bên Pháp, chỉ cốt làm cho thích-hợp với bản-xứ, chớ không rút bớt đi chút nào. Lại còn đem tiếng Pháp tuần-tự mà dậy cho học-trò bản-xứ, dạy cả ngôn-ngữ và văn-trương Việt-Nam ; về khoa Lịch-sử, địa-dư, đã dạy châu Âu và nước Pháp, lại dạy kỹ Châu Á và Đông-Pháp ; về khoa cổ-học thì không dạy cổ học Hy-Lạp, La mã sợ trẻ nó lạc trí quên nhà, quên nước, nhưng dạy cổ-học viễn-đông, nghĩa là cốt dạy cho trẻ biết tôn-trọng những cổ-tục. Cái nhẽ tại làm sao mà chỉnh-đốn sự học như thế rõ ràng lắm. Ai cũng nên biết rằng bẩy năm học ở bậc Pháp-Việt đệ nhị-cấp với bẩy năm học ở bậc trung-học Pháp, đôi bên trí thức và học-thức cũng cân sứng hẳn như nhau. Học-trò Đông-Pháp học ở những trường Pháp-Việt đệ nhị-cấp lại được hơn cái rằng học khoa gì là được thực-dụng hẳn về khoa ấy.

Sự học nghề ở Đông-Pháp, thì các nghề hiện có ở trong xứ mà cần phải luyện riêng cũng đã dạy làm được cả. Lại thêm có các trường Cao-đẳng chuyên-môn chuyên dạy học-trò được bổ dụng vào các ngạch chuyên-môn của nhà nước. Vả lại về sự luyện các nghề đặc-biệt chỉ có bên Pháp mới có trường học (như nghề chế đồng-hồ, khai mỏ, cất rượu v.v), học sinh có thể xin hoặc thuộc địa, hoặc các công-ti công-nghệ lớn ở Đông-Pháp cấp bổng cho, bấy giờ thì chắc đã có người kiểm-soát học-sinh, các gia-quyến không phải nghi ngại.

Vậy bất cứ về phương-diện nào, nếu trẻ sang Pháp chỉ học các trường trung-học, Cao-đẳng tiểu-học, hay công-nghệ học, thì cha mẹ chẳng cần phải cho con đi xa làm gì, vừa khỏi nỗi biệt-ly, vừa tránh được sự nguy-hiểm. Sang tận Pháp, mà chỉ học đến bậc ấy, thì ngay tiền-đồ và sự học của đứa trẻ chưa chắc đã hơn gì, cứ ở bản xứ mà học cũng được, lại còn được cha mẹ trông nom luôn cho.

Bởi vậy, mà khoản thứ 3 nghị-định ngày 1er Décembre 1924 đã định rằng học-bổng hay một phần học-bổng chỉ để dành cho những người sang Pháp học tại các trường ở bên Thuộc-địa này không có mà thôi. Nghĩa là những học-sinh cứ ở đấy học cũng được, mà lại tự tiện sang Pháp học, dù cho thành-hiệu, nhà-nước cũng không cấp học-bổng cho.

Những cha mẹ biết lo đến chức-trách của mình, thì không bao giờ để cho con đi xa và đi lâu ngày như thế, mà lại không hỏi trước xem con mình sang bên Pháp sẽ ăn-ở, học-hành ra làm sao. Trước hết, có một điều đáng quan tâm là số học-sinh sang Pháp, bây giờ nhiều lắm. Ở các trường trung học bên Pháp mỗi năm cái số chỗ để nhận học-trò mới vào cũng không có nhiều gì cho lắm, mà cái nhẽ tất nhiên, những chỗ ấy để phần cho những học-trò chính người Pháp cũng đã gần chật hết rồi. Nếu cha mẹ không thu-xếp trước với ông Hiệu-trưởng trường Trung-học hay một trường nào đấy, thì rồi con sang đến Pháp, thành không có chỗ học. Bấy giờ các cậu bơ-vơ mới đi tìm nơi học; hoặc khi cũng kiếm được trường nào, học-hành đã không được như ý sở-thích của mình, mà khí-hậu thường khi lại còn hại cho sức khỏe nữa. Nếu tại những trường Trung học ở Đông-Pháp, không có người Bảo chứng cẩn-thận mà các ông Hiệu-trưởng không nhận cho vào học, bất cứ là ký-túc hay không ký-túc tại trường, thì khi một người cha cho con sang học một trường Trung-học bên Pháp,

lại càng cần phải tìm cho con một người bảo chứng đứng-đắn, có phẩm-giá vừa được người cha, lại vừa được cả ông Hiệu-trưởng ưng-nhận; người ấy lại phải chú-ngụ và có nhà ở tại nơi đứa trẻ học, đủ cách săn-sóc được đứa trẻ, khuyên răn nó, và những ngày chủ nhật cùng những ngày được phép ra, có thể đón đứa trẻ ra chơi một nơi không hại gì cho nó. Trước khi đứa trẻ bước chân đi, thì gia-quyến, và ông Hiệu-trưởng cùng người đứng bảo-chứng phải quyết-định cái việc tối-cần ấy cho thực chắc-chắn. Nếu nhà nào để cho trẻ đi, mà trước không đảm bảo cho trẻ được an-toàn như thế, thì là nhà ấy hấp-tấp, nhẹ dạ, trái hẳn với những tập-tục rất nên tôn quí trọng gia-tộc Việt-Nam. Vả chăng, về việc ấy, thì những thể-lệ của các học-đường bên Pháp cũng như bên Đông-Pháp. Mấy năm sau đây, đã xẩy ra biết bao truyện đáng tiếc mà quan Thượng-thư Học-bộ phải nhắc lại cho những người dưới quyền phải tuân cái lệ ấy cho đúng, chớ không được nhận những người bảo-chứng có tên mà không có người. Học-trò chính người Pháp xin vào học các trường bậc Trung-học bên Pháp cũng còn phải bắt buộc theo bao nhiêu thể-lệ, huống chi là học-trò Đông-Pháp. Không kể giấy khai căn-cước, giấy chứng rằng đã chủng-đậu rồi, lại còn phải gửi cho ông Hiệu-trưởng cái đơn xin học, chỉ rõ xin lớp nào, ban nào, lưu-học hay không lưu-học tại trường, người cha hay người cầm quyền thay cha cam-đoan giả đủ những tiền học-phí. Cái đơn ấy phải gửi kịp cho Hiệu-trưởng giả lời. Trước khi cho đứa trẻ vào học lớp nào, thì người ta còn phải thử sức học của nó về các khoa dạy ở lớp dưới áp với lớp nó xin vào học. Vậy, nếu mình chưa chắc rằng sức đứa trẻ có học nổi hay không, thì mình chớ nên cho nó đi, vì nếu nó không được vào học, thì tất nó phải bơ-vơ ở nơi xa-lạ. Nếu đứa trẻ trước đã có học ở một trường nào tại Đông-Pháp rồi, thì nó lại phải nộp cái giấy của ông Hiệu-trưởng chứng rằng nó đã học ở đấy. Nếu đứa trẻ xin học trường nào, mà những thể-lệ kia đoan trước cho trường ấy rõ căn-cước của đứa trẻ, sức học của đứa trẻ, ai là người đứng đầu cho đứa trẻ và lại xác định cho chính đứa trẻ rằng có đủ sức theo học nổi, thì chỉ có phần lợi cho đứa trẻ mà thôi. Vậy ta chớ nên mong mà cũng chớ nên cầu cho các lệ-luật ấy phải bãi đi hay lựa cách soay thế nào cũng xong.

Trước khi cho con sang bên Pháp, người cha lại còn phải xem con mình xin vào học lớp nào có quá tuổi hay không. Người cha lại còn phải nghĩ rằng khí-hậu nước không phải như khí-hậu Đông-Pháp, có nhiều người thiếu niên không sao chịu nổi, nên trước khi đi, cần phải xem xét cái sức-lực của đứa trẻ cho chắc dạ rằng nó sang bên Pháp không có điều gì đáng ngại về sự ốm-đau cả. Thường lại còn có những trẻ chưa biết tiếng Pháp là gì, chưa thể học các khoa-học bằng tiếng Pháp được, mà cũng sang Pháp học. Sao không biết rằng một trường bên Pháp, bao nhiêu học-trò vốn đã biết sẵn tiếng Pháp, thì người ta không thể chuyên dạy tiếng Pháp cho những người lạ thung lạ thổ học tiếng Pháp cho hợp cách được. Vì người ta không hỏi trước tư-cách xin vào học thế nào, thành ra có lắm cậu thiếu-niên sang nước Pháp, mà không đủ tư-cách học một trường hay một lớp học nào ở nước Pháp cả. Học-trò xin vào học mà như thế, thì cái chức-phận của các ông hiệu-trưởng là không được nhận. Các cậu học-trò ấy rồi ra sao? Cha mẹ lại còn phải biết rằng nếu mình không thu sếp riêng với các ông hiệu-trưởng hay những người bảo-chứng mà các ông hiệu trưởng đã ưng nhận, thì trong khi nghỉ hè, con mình không ở dưới quyền ông hiệu-trưởng nữa.

Nếu cha mẹ không chịu chú-tính trước những việc ta đã nói trên, thì khi con cái mới bước chân đến Marseille đã gặp nhiều nỗi khó-khăn nguy-hiểm. Cứ xem như thế này thì đủ biết Các cậu lạ thung lạ thổ,

không có ai là người đứng đắn chực tiếp, các cậu thấy một thành phố náo-nhiệt, một thế-giới mới lạ, tất các cậu phải ngơ-ngác kinh sợ. Trong túi lại sẵn có tiền, các cậu thành ra một cái mồi cho bọn bất-lương dễ dình mò theo đuổi. Có lắm khi các cậu vừa ở tầu bước lên đã gặp ngay những bọn phần nhiều là người đồng-bang giả danh phái viên của hội nọ, đảng kia, đến rủ-rê ton-hót, ngoài thì làm ra dáng dẫn-đường chỉ-nẻo cho mình, mà kỳ thực là vẽ cách cho mình tiêu tiền. Mình có được đồng nào, thì họ vay, họ mượn, họ đưa mình đến những chỗ sấu-xa, nào cờ-bạc, nào giai gái, gặp tinh những phường sỏ-siên, rồi khi nào họ lừa mình hết tiền, là họ bỏ mình bơ-vơ khốn-khổ. Ở một vài tỉnh có lắm kẻ bất-lương lấy việc bảo-chứng làm nghề kiếm ăn, thấy các cậu khờ-dại thì đem tâm lợi-dụng, để cho các cậu chơi bời phóng túng và bòn tiền của các cậu.

Cha mẹ mà muốn cho con ăn ở những nhà lương-gia bên Pháp, thì phải biết rằng chỉ những đứa nào có đủ tư-cách hợp lệ, thì người ta mới chịu cho trọ mà thôi

Nhiều người cứ ngộ-nhận, chớ gia-đình người Pháp cũng giữ nề nếp lắm, cũng có phong-thanh lắm, mà thường không thích cho người lạ đến trú-ngụ. Nếu là người lạ, thì tất phải có chứng cứ cẩn-thận, thì họ mới cho vào nhà, bằng không thì họ cự-tuyệt. Những kẻ gặp cảnh ấy, thế tất phải sa ngã vào những nơi quần-tụ táp-nham, không ai kiểm thúc cả, nào khách-sạn, nào tửu-quán, nào hí-trường, tha hồ phóng-túng, mặc sức chơi-bời. Lại còn nỗi gặp những đảng nọ phe kia quyến-dũ, giảng-dụ cho những thuyết nguy-hiểm có khi xui dục làm xằng, thành ra không những làm hại mất cả cuộc tương-lai của mình, lại còn làm điếm-nhục đến cả thanh-danh của Tổ quốc. Những sự tai-hại ấy mà dễ sinh, là vì nhiều nhà có con du-học, không biết rõ con mình thực cần đến những gì, ở bên Pháp một người bình-thường tiêu-dùng ước bao nhiêu, cứ thấy con nay khẩn-khoản, mai khẩn-khoản xin tiền, là tiền gửi ngay cho, nào có biết đâu con càng rộng đồng tiền, lại càng dễ cờ-bạc chơi-bời, phao-phí xa-hoa, trễ-nải lười-biếng, quên cả học-hành, rồi đến nỗi đức-tính mỗi ngày một hỏng, thân-thể mỗi ngày một suy.

Chắc hẳn kẻ làm cha mẹ không ai không hết sức phòng-bị và nghe theo những nhời chỉ dẫn trong tờ thông-báo này để đến nỗi con cái sa đắm vào những sự nguy-hiểm như thế

Phủ Toàn quyền muốn gia tâm bổ-cứu những sự nguy-ngập ấy, mới thiết-lập cho những người Đông-Pháp ở bên Pháp một sở gọi là : « Trí-đức tế-viên » ở Đông-Pháp Kinh-tế-cục tại thành Paris, 20 phố de la Boétie. Sở này đã được các Bộ công-nhận tin dùng và có đủ cách để chỉ-dẫn đường lối cho những nhà có con du-học.

Những điều vừa nói trên là chỉ đối với những cậu thiếu-niên, khi đã đậu bằng tú-tài tây hay tú-tài Pháp-Việt tại nước nhà rồi, chỉ sang Pháp để vào học ở những trường Cao-đẳng mà thôi. Sở kia có giúp, là chỉ giúp cho các cậu đủ được các thể-lệ vào xin một chân ký-túc học-sinh trong một trường bậc Trung đẳng nào đó. Nhưng các phụ-huynh cũng nên biết rằng, dù cho các cậu được như thế, nếu các cậu vẫn bơ vơ một mình không, trông nom đến thì vẫn có điều nguy-hiểm cho các cậu cả về đường vật-chất, cả về đường đạo-đức. Cho nên việc cho con đi du-học tất phải thận-trọng lắm mới được. Bên Pháp, những sinh-viên các trường Đại học đều kể vào hạng thành-nhân có quyền tự do, nhà trường không bắt phải có người đứng bảo-chứng và chỉ biết trông nom về việc học-hành thôi. Ngoài giờ học ra, không ai kiểm-soát đến. Nhưng những sinh-viên ấy vẫn ở gần cha mẹ, vẫn ở đất nước nhà, chớ như các sinh-viên Đông-Pháp thì có điều nguy-hiểm hơn nhiều. Sở « Trí-đức tế-viện » chẳng qua chỉ là một nơi cố-vấn, không ai bắt được họ phải lui tới đấy. Thành ra chỉ có sở cảnh-sát có quyền can-thiệp đến những khi họ làm điều

gì phi-pháp mà thôi. Những nhà có con du-học xem đấy thì đủ biết nguy-hiểm là nhường nào.

Cái tình thế nguy-hiểm ấy, ta nói cho cha mẹ biết mà cân-nhắc cho cẩn-thận rồi hãy cho con một thân một mình đi xa cửa xa nhà hàng những 16.000 cây số, và bao nhiêu năm giời ; tiền tiêu thì nhiều, có khi khánh-kiệt, chơi bời đủ thức lân-lan thèm thuồng, tình liên-lạc trong nhà trái suy kém đi, thuần-phong, mỹ-tục trong nước thì ra chiều sao-nhãng và khinh-bỉ. Người Pháp mà phải cho con đi xa cửa, xa nhà, là một sự vạn bất đắc dĩ và lấy làm khổ tâm lắm. Chẳng có lẽ nào mà người An-nam săn-sóc đến con-em lại không châu-đáo và thận trọng bằng người Pháp du !

Những khi cha mẹ xét ra, thế tất làm sao cũng phải cho con sang Pháp mới được thì trước khi cho con đi, cha mẹ nên hỏi kan cho biết rõ cách thức làm thế nào cho có người bảo-trợ hộ con mình. Hiện những người có trách-nhiệm vẫn lưu-tâm trù-tính về việc bảo-trợ ấy. Có kẻ bậy-bạ nói nhảm rằng cái cách bảo trợ học-sinh đây chẳng qua là chỉ cốt về phương-diện chính-trị, trinh-thám để kiềm-chế trẻ một cách khắc nghiệt mà thôi. Họ không ngờ rằng họ nói thế, là họ làm hại người để tai nghe họ, mà họ vẫn nhận là bạn chí thân đó. Những người sáng lập ra cái cơ-quan bảo-trợ học sinh cũng là những người có con, khi thấy bọn thiếu niên tự đâu xa đến, bỡ-ngỡ một mình, thì lấy làm lo thay cho họ và có ý muốn bảo cho cha mẹ họ được bình-tâm không phải e-ngại về việc con du học. Những người ấy giá cũng có con đi xa, mà gặp được người khứng giúp cho như thế, thì tất lấy làm vui lòng lắm. Cái cơ-quan bảo-trợ to hơn hết bây giờ là « Đông-Pháp-gia » ở trong khu Học xá tại thành Paris hiện đã được 100 học-sinh trú-ngụ ở đấy, *tiền giả phải chăng*, mà được yên vui bình tĩnh, điều-độ, tử-tế, mặc sức mà học hành cho chắc-chắn, cho đến nơi, đến chốn. Các cậu ở đây tha hồ tự-do, chỉ cốt hạnh-kiểm, phải giữ cho tử-tế. Cha mẹ có con du-học mà xin cho con được vào ở đấy, thì chắc bụng lắm không còn lo-ngại gì nữa.

Kể những cơ-quan bảo-trợ khác, thì còn Đông-Pháp văn-học hội là một nơi tụ hội tử-tế và lịch-sự, các cậu học-sinh lui tới được. Còn như muốn hỏi-han điều gì về sự học ở các trường Đại-học, trường Cao-đẳng, về sự ăn, trọ, về sự bảo-trợ các sinh-viên, cùng tìm kiếm những người bảo-chứng vấn-tấn, thì đã có sở Trí-đức tế-viện.

Nói đến sự ăn ở của sinh-viên Đông-Pháp ở bên Pháp, ta tưởng cần nhắc lại rằng ở bên này phủ Toàn-quyền đã xếp đặt hoặc mới xếp đặt những cách cần-thiết để cho những sinh-viên Đông-Pháp có đủ cốt-cách, được theo học ngay tại nước nhà những khoa-học Cao-đẳng hay ngang với bậc Cao-đẳng mà xưa nay vẫn phải sang tận Pháp mới học được.

Hoặc có kẻ ngờ rằng phủ Toàn quyền cùng nha Học-chính Đông-Pháp có ý lường gạt dân-gian về cái bản sắc các trường chuyên-môn lập tại trường Đại-học ở Hà-nội và học ở những trường ấy ra chẳng làm nên nghề ngỗng-gì. Ngờ như thế là ngờ bậy. Chẳng gì, ta cứ xem những đạo nghị-định lập ra các ngạch để dùng những người có bằng tốt-nghiệp ở trường Sư-phạm, trường Canh-nông, trường Thú-y, trường Y-học, trường Cao-học, trường Công-chính, thì ta đủ biết. Những người được sung vào những ngạch ấy chắc biết rõ rằng rồi sau làm được những gì và làm được đến như thế đã lấy làm thỏa lòng chưa. Chỉ những người nào muốn có những bằng cấp cao hơn, ngang hàng với các ngạch tây hay các văn-nghệ khác mới phải sang Pháp theo học bậc cao-đẳng mà thôi. Và về điều đó, khi phủ Toàn-quyền thấy việc học ở Đông-Pháp đã mở-mang nhiều, vẫn để tâm giữ cho học-sinh khỏi phải nỗi xa nhà, xa nước lâu quá, cho nên cố sức yêu-cầu với Bộ-Học và Bộ Thuộc-địa để cho trường Y-học và trường Luật-học có

thể cứ ở ngay trong nước, mà dạy cho đến thi đỗ tiến-sĩ và cử-nhân. Cái mục-đích ấy đã sắp đạt được rồi. Nhưng đợi đến khi đó, ta cân-nhắc cho các phụ-huynh biết rõ điều này, là những học-sinh đã đỗ tú-tài có thể học ở trường Y-học kiêm-bị tại Hà-nội, một năm P.C.N. (Vật-lý-học, Hóa-học, Bác-vật-học) và bốn năm học thuốc và chỉ đến năm thứ năm là năm cuối cùng thi lấy bằng bác-sĩ mới cần phải sang đến tận bên Pháp mà thôi ;— về ban Luật, thì những người nào làm việc Nhà-nước, dù cho tầm-thường đến đâu, cũng có thể xin ghi tên vào danh-sách thi cử-nhân mà không cần phải ra khỏi nước nhà, chỉ khi nào học hết ba năm, hoặc tự học lấy, hoặc học ở trường Cao-học vào chân bằng-thính, thì mới phải sang Pháp để thi lấy bằng cử-nhân mà thôi. Và như ta đã nói trên, nếu trường Y-học và trường Luật-học yêu-cầu được thành hẳn ra trường Đại-học cấp những bằng Y-khoa bác-sĩ và Luật-khoa cử-nhân, thì học-sinh cũng không cần phải sang Pháp làm gì nữa. Lúc bấy giờ, kể tất cả các thuộc-địa nước Pháp, thì chỉ có một xứ Đông-Pháp này là có thể ban phát ngay ở trong nước được những bằng-cấp về Y-học và Luật-học như chính bên Pháp mà thôi.

Vả chăng, các gia-quyến học-sinh cũng chớ nên vội quên những điều ích lợi cho con em về đường vật-chất và đường tinh-thần tại trường Cao-đẳng Đông-Pháp ở đây. Phần nhiều học-sinh được ăn ở ngay tại trường, chỗ ở tươm-tất và hợp vệ-sinh, mỗi buồng ba bốn người, ăn uống dư-dật và ngon-lành ; — có buồng học, có thư-viện đủ các sách thông-thường và sách chuyên-môn, những sách ấy hiện đã có nhiều mà mỗi năm lại còn mua thêm mãi ; — có phòng thí-nghiệm đủ cả những khí-cụ tối-tân và các chất dùng để thí-nghiệm và truy tầm ; — có các nơi chơi bời giải trí, sân đánh quần có tới sáu cái mà lúc nào cũng có người luyện tập. Những học-sinh nào xa nhà, ngày nghỉ không về được, thì có thể ra nghỉ tại Đồ-sơn ở trên bờ biển, giữa các rừng thông, ở đó kỷ-luật cũng như ở nhà, người ta có coi sóc đến, chẳng qua là chỉ giữ đừng để hại đến sự học thì thôi. Ta cứ xem ở nhà trường đã có những học-sinh được học bổng ăn ở ở đấy lại còn những học-sinh ở ngoài cũng xin giả tiền để cũng vào ăn ở ở đấy mỗi ngày một đông mãi lên thì ta thừa biết nhà trường hậu-đãi học-sinh đến như thế nào. Quả vậy, họ vào ở đấy, là họ được chung-đụng với bạn đồng-song đã đào-thải mãi, cùng nhau cùng học một bài, cùng nhau cùng ăn ở ôn-hòa, cùng làm việc chăm-chỉ, có đủ các đồ dùng, mà kỷ-luật không lấy gì làm nghiêm-khắc. Kể đem so bì cái cách ăn ở trường Đại-học đây với những trường đáng quý xưa nay ở bên Pháp, như trường Cao-đẳng Sư Phạm, thật không lấy-gì là quá đáng.

Mong sao cho các phụ-huynh hiểu rõ những điều lợi ấy để cho con em được hưởng thụ mỗi ngày một hơn lên.

Dù sao, muốn cho khỏi hết bụng nghi-ngờ, các bậc phụ-huynh nên *sớm biết* mà đến tận nha Học-chính Đông-Pháp ở Hà-nội mà hỏi-han mọi việc cần cho con sang du-học bên Pháp. Nhà ấy sẽ khuyên răn, chỉ bảo mọi việc, và hoặc cần phải hỏi han gì sở Đức-trí tế-viện cho thật đích xác thì nha ấy cũng sẽ hỏi ý và lấy việc chỉ bảo giúp đỡ như một cái chức-vụ cần-thiết và tối cao vậy.

P. PASQUIER

KÍNH CÁO

Bản-quán nay dọn xuống số nhà 103 Hàng Bông, tức là cùng một nhà với nhà in KIM-KHUÊ, cho được tiện sự làm việc.

BẢN-CHÍ KÍNH-CÁO

NGHỊ-VIỆN MỚI TẠI BẮC-KỲ

Các ông Nghị-viên do nhà nước đề cử

Ông Đỗ-văn-Điều, điền chủ Phú-thọ.
» Hà-văn-Máo, nguyên tri châu, thầu khoán Cao-bằng.
» Hoàng-văn-Ngọc, kỹ sư Hanoi.
» Lê-trung-Châu, kỹ sư Hanoi.
» Lê-văn-Phúc, chủ nhà in Hanoi.
» Lê-văn-Tản, chủ nhà in Hanoi.
» Lê-thành-Ý, đốc học trường Sinh-từ Hanoi.
» Nguyễn-văn-Bùi, kỹ nghệ Quảng-yên.
» Nguyễn-bá-Chính, kỹ nghệ Hà-đông.
» Nguyễn-hữu-Cự điền chủ Vĩnh-yên.
» Nguyễn-thừa-Đạt, thầu khoán Haiphong.
» Nguyễn-ngọc-Phong, tức Sỹ ký, thương mại Haiphong
» Nguyễn-văn-Thịnh, đại lý công ty Sauvage tại Nam-định.
» Nguyễn-văn-Vĩnh, chủ báo Trung-Bắc.
» Phạm-Quỳnh, chủ báo Nam-phong.
» Phạm-văn-Tư, tức Tư-Đoan, điền chủ tại Yên-bay.
» Phạm-đình-Niệm, Đông-dương lục lộ cán sự chuyên môn tại Yên-bay.
» Trần-đình-Giệm, tức Phúc-mỹ, kỹ nghệ Hanoi.
» Trần-trung-Hòa, tham tá công-chính tại Bắc-ninh.
» Trần-văn-Ký, kỹ sư Sơntây.
» Vũ-văn-An, điền chủ Bắc-ninh.
» Trần-trọng-Kim, thanh tra học chính Hanoi.
» Vũ-ngọc-Anh, Y khoa bác sĩ Nam-định.
» Vũ-văn-Thanh, điền chủ Moncay.
» Vũ-đỗ-Thìn, bào chế Hanoi.
» Trương-văn-Ngọt, điền chủ Kiến-an.

AN-NAM TẠP CHÍ

QUẢNG CÁO

Bản-chí vì tư-bản quá eo hẹp, cho nên sự tiến-hành quá chậm-chễ, có phụ lòng các Độc-giả chờ mong. Gần đây trong báo-quán tiếp được nhiều thư của các Ngài gửi về dục báo, mà không thể đáp thư riêng cho xiết, vậy xin có lời công cáo mong chư-tôn lượng thứ cho.

Tôi có tính cuộc gọi hội lập nhà in để làm cơ-quan cho Tạp-chí, mà xem ra sự-thể khó-khăn, lại bận cho tôi mất nhiều thì-giờ, có hại đến công-việc biên-tập. Vậy nay muốn theo cách giản-tiện, mong nhờ cảm-tình của quốc-dân để làm công-việc của xã-hội, kính xin lược trần :

Phàm trong quốc-dân, ai là người hữu tâm với An-nam Tạp-chí, xin gửi tiền giúp sức thêm làm tư-bản. Số tiền ấy dù nhiều dù ít, tôi xin nhất nhất đăng cả lên Tạp-chí làm ghi, về phần các Ngài có gửi tiền thời là do cảm-tình đối với tạp-chí mà coi là sự giúp ; về phần tôi là kẻ chủ-sự thời xin do công-lý của xã hội mà kể là sự vay. Không kỳ ba tháng, sáu tháng, một năm, tiếp-tục giả được những ai bao nhiêu, cũng xin sẽ minh bạch đăng cả lên tạp-chí để công chúng cùng biết.

Tấm lòng hy vọng, mong cho tạp-chí được tiến hành, xin kính cáo những ai là người hữu tâm với Annam Tạp-chí.

Bản-chí chủ-sự
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU
kính

Mong rằng bức rư-đồ kia, từ nay quốc dân gia công bồi lại, cho thực tốt thực bền, mà đừng giở-dang hết hồ, hết giấy như ngày đầu năm Đinh mão nữa.

Mme NHUẬN VÂN

28/1/1931

Số 14 NĂM CANH-NGỌ 3e S. Décembre 1930

安南雜誌

DÉPOT LÉGAL INDOCHINE N° 14/54

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-DINH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-DINH
1930

Các bài vở trong kỳ này:

Giả lời thư một người trong quốc-dân

Chiếc tầu An-nam *(thơ)*.

Nam-thành Lược-khảo.

Báo Đông-Phương đối với đức Khổng.

Thơ.

Khoa-học *(máy bay)*.

Hán-học tinh-thần *(Vương-kinh-Công)*.

Kinh-tế *(Sự sáng nghiệp của nhà buôn)*.

Thơ-đàn giảng tập *(Chùa Bé)*.

Xã-hội thiền-đàm *(Việc xử kiện gà ở Nam-Sách)*.

Ba-đào-ký *(Sự thi ngày xưa ở Nam-Định)*.

Bắc-sử lược-thuật *(Xuân-thu. — Trịnh Trang-công)*.

Ý-kiến và tiêu-tức trong Báo-giới.

Số 14 NĂM CANH-NGỌ 3e S. Décembre 1930

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƯ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO

Mr VŨ-HÙNG-TOÁN

Phó Chủ-sự

GIẢ LỜI THƯ

MỘT NGƯỜI TRONG QUỐC-DÂN

Số 13 Annam Tạp-chí, về đề-mục "*Ý kiến của quốc-dân và cảm-tình của xã-hội đối với bản-chí*" có đăng các bức thư của các Ngài gửi lại, trong bức thư ông **Lê-Diễm**, ông có nói rằng tự lấy địa-vị của *một người trong quốc-dân.*

Nhân vậy, tôi nghĩ không cứ ông Lê-Diễm, mà tất cả các ngài gửi thư đó đều là một người trong quốc-dân hết thảy; nay kính xin giả lời:

Cứ mấy bức thư đã đăng ở kỳ số 13 đó, cần giả lời hơn hết là bức thư của ông Lê-Diễm, vì trong thư ông Diễm có đem nhiều ý-kiến cùng bàn với tôi về sự chỉnh-đốn lại nội-dung của Bản-chí, nay tôi xin theo từng ý-kiến giả lời ông, cũng để ai nấy mọi người trong Quốc-dân ta cùng rõ.

Trong ý thư ông Lê-Diễm, phần chủ-yếu muốn cho Annam tạp-chí lấy kinh-tế, khoa-học làm trọng, mà không nên coi trọng về văn-chương, cho nên ông nói rằng:

«Nước Nam ta, văn-chương ta đã có, ta đã nổi tiếng là một nước văn-hiến, thế mà nào ta có phải là một nước giàu mạnh? Ta phải tìm cái ta thiếu, ta tu-bổ. Cái ta thiếu, tức là khoa-học và kinh-tế... Nghĩa-vụ một nhà báo là phải tìm cái thiếu của quốc-dân, nghĩa là cái quốc-dân không biết hay chưa biết mà chỉ bảo».

Ngẫm xem những lời nói của ông Diễm,

thời biết lòng ông đối với Bản-chí rất thành-hậu, đối với sự tiến-thủ của nước nhà rất sốt-sắng, mà những lời nói ấy có giá-trị về sự chỉnh-đốn cho Bản-chí thực nhiều. Ở cuối thư ông lại có hứa giúp tôi công việc, thời lời nói của ông không phải là chỉ trách người ta lấy cái khó, mà thực là ông sẵn lòng vì nghĩa-vụ đối với cái cơ-quan tiến-thủ chung. Ngay trong bài *kính ngỏ cùng chư vị Độc-giả* ở số 11 Annam tạp-chí, về đoạn chỉnh-đốn nội-dung, tôi đã có lời rằng: « *Các bài về khoa-học, thực-nghiệp, gia-chính, thể-thao, nhất nhất tùy nghi đăng tải* ». Vậy thời không phải là tôi không biết những vấn-đề đó là cần thiết, song các ngài nên rộng lượng xét cho rằng: Những người trong nho-học ngày nay, ai có muốn đem cái học của mình mà cống-hiến với công-chúng, phần nhiều cũng chỉ là về tinh-thần, nghĩa-lý cũ, hoặc có phu-diễn được đôi chút bổ ích; còn như những vấn-đề thiết-thực, có lợi ích thực-sự với xã-hội, như kinh-tế, khoa-học, thế tất phải mong ở các nhà tân-học về phần nhiều. Các nhà tân-học như ai? tức như ông Lê-Diễm là một người trong quốc-dân ta vậy. Sự kỳ-vọng của tôi vốn sẵn như thế, mà được ông Diễm lại sẵn lòng tốt và có lời hứa giúp tôi công việc, thời xin rằng từ nay mỗi kỳ tạp-chí, sẽ được ông có bài về kinh-tế và khoa-học, cùng góp công vào cái cơ-quan tiến-thủ chung, thời trước là mong có thực-ích đến quốc-dân, sau thời Bản-chí được nhờ ông chẳng ít. Nay về sau, tôi cũng xin theo lời ông Diễm mà gia trọng về những vấn-đề kinh-tế, khoa-học, mong cho nội-dung của Bản-chí ngày được đến hoàn-toàn. Dưy cần sao các nhà tân-học như ông Diễm, hơn ông Diễm, đều là một người trong quốc-dân, cùng gia sức giúp công cho, thời cái mục-đích hoàn-toàn của tạp-chí của quốc-dân Annam ta mới thực là có hy-vọng vậy.

Cứ trong thư ông Lê-Diễm, ý rất tốt, song tiếc vì dùng chữ có khi chưa được tinh. Như chữ "*văn-chương*", chữ *tinh-thần*, ông nhận nghĩa hoặc chưa tế, cho nên đặt ra lời có hơi ngang. Ông nói rằng:

« *Một nước không thể giầu về văn-chương được. Giầu về văn-chương là giầu về tinh-thần. Một nước không thể lấy cái giầu tinh-thần chống cự với nước khác. Nói rõ hơn, một nước không thể lấy văn-chương mà che-trở bờ cõi. Phải có cái giầu về thân-thể, hay nói cho đúng, phải có cái giầu thực-sự, về sức khỏe, giầu về tiền của* ».

Những câu đó, nếu người xem không nhận kỹ nghĩa chữ, có khi cho nghĩa câu là phải, nhân đó mà coi *văn-chương, tinh-thần* là sự rất đáng khinh, vậy thời rất có hại cho Độc-giả. Nay xin lấy thiển-kiến, cùng ông đàm-luận.

Chữ **văn-chương** nghĩa rất rộng lớn, bao bọc cả kinh-tế, khoa-học,... không phải chỉ là thơ, ca, từ, phú, như trong mục văn-uyển ở trong các báo chí mà thôi. Văn-chương là cái vật có sức để cổ-lệ tinh-thần, mà không phải tức nó là tinh-thần. **Tinh-thần** lại là một vật tuyệt quí, có sức nâng dẫn các sự-thực. Dân giầu nước mạnh, phải nhờ có tinh-thần làm cốt, rồi sự-thực mới theo đó mà nên hay. Lại xin nói rõ:

Nói về *văn-chương*, như ông *Lương-khải-Siêu* ở Trung-hoa mới đây, thật là có giá-trị. Cứ như sự trước thuật của ông giảng luận về kinh-tế, khoa-học không ít, mà tóm đề là « 飲冰室文集 *Ẩm-băng-thất văn tập.* » Vậy thời rõ nghĩa chữ « *văn-chương.* » Văn-chương của ông Lương-khải-Siêu lưu-hành ở Trung-hoa, làm cho dân-tộc Trung-hoa được nhờ đó mà có cái tinh-thần hoạt-bát. Trung-hoa dân-quốc, đến nay bồng-bột; người Trung-hoa phần nhiều chỉ biết Lê, Hoàng, Tôn, Tưởng là có công to

với công-chúng, mà ít ai biết từ trước lúc Lê, Hoàng, Tôn, Tưởng chưa xuất hiện, Trung-hoa dân-quốc chưa thành lập, cổ-lệ cái tinh-thần hoạt-bát đó, ai là thủ-công.? (1) Người Trung-hoa đối với ông Lương-khải-Siêu có khi coi thường; mà người ngoại-quốc đối với ông, thực là quí trọng. Trong khi ông Lương-khải-Siêu còn sống, sang chơi nước Mỹ, tới thành Nữu-ước (New-York), tỉnh-thành ấy đón tiếp ông như đón quan *Tổng-thống đệ nhất*, nghĩa là cái nghi-lễ đón quan Đệ-nhất-nhiệm Tổng-thống Hoa-thịnh-Đốn khi trước, chỉ có đón ông Lương-khải-Siêu là lần thứ hai. Sang-trọng thay! cái thân-thế ông Ẩm-băng ở nước ngoài, cũng đủ biểu cái giá-trị văn-chương ông Ẩm-băng đối với Trung-hoa dân-tộc vậy. Văn-chương ngôn luận, nếu không có ảnh ưởng, lợi ích đến nhân-quần xã-hội thời thật là không có chút giá-trị; văn-chương ngôn luận nếu quả có ảnh-hưởng, lợi-ích đến nhân-quần xã-hội, thời há phải là một vật đáng khinh ru?

Nói về *tinh-thần*, xem như nước *Nhật-bản*. Nhật-bản hồi trước đây năm sáu mươi năm, tức là hồi mới bắt đầu bước vào phong-hội mới; kể sự giầu mạnh về sự-thực, có đâu đã bằng được nước Nga khi bấy giờ. Vậy mà Nhật-bản nhờ một trận đánh Nga, lập nên cơ-đồ duy-tân, đứng vào hạng Liệt-cường ở thế-giới. Đó là nhờ ở cái **tinh-thần thượng võ** (2) cho nên người Nhật rất khinh sinh cảm tử, (3) mới lấy đó mà được Nga. Qui-hóa thay! hai chữ tinh-thần vậy. — Ta lại xem như dân nước Tầu, sự buôn bán có tiếng ở thế-giới; khắp thế-giới không chỗ nào không có thương-dân Tầu. Bảo là do vật-sản hơn người chăng? có nhẽ không phải thế. Bảo là do cần kiệm mà làm ăn phát-đạt chăng? cũng chưa phải toàn-nhiên như thế. Tôi có nghe người nước Tầu đi ra ngoại-quốc rất có lòng cưu-mang nhau. Như một người ở bản-quốc mới đến, các người trong xứ ấy xét theo tài nghệ, rồi giúp vốn cho làm ăn. Một lần mà làm được thời nhất; nếu thua lỗ, lại xét vì nhẽ gì, quả không phải tự lỗi ở người ấy thời lại giúp vốn cho lần nữa; ba lần thua lỗ không làm được thời từ đấy mới thôi. Đó là do cái **tinh-thần ái quần** (4) mà dân Tầu tương thân tương tế, cho nên sự thương-mại của dân-tộc ấy mới được phát-đạt mà lan khắp cả thế-giới. Cái giầu về tinh-thần chẳng là dẫn được sự-thực, mà làm giầu, làm mạnh cho quốc-gia dân-tộc hay sao?

Ngoài chủ-ý nói về kinh-tế, khoa-học, ông Lê-Diễm có nhắc tới hai mục *Hán-văn diễn giảng* và *Thi-đàn giảng tập* trong Bản-chí. Về mục *Hán-văn diễn giảng*, ông Diễm nói rằng:

«*Tôi không giám nói chữ Hán không cần, huống hồ Việt-văn lại là gốc ở chữ Hán cũng như Pháp-văn gốc ở chữ Latinh. Thế thời mục Hán-văn không phải là thừa, nhưng cũng không nên coi là một mục cần thiết.... Công việc làm Hán-văn, ông nên để riêng là công việc của Tản-Đà thư-cục thì hơn.*»

Về mục *Thi-đàn giảng tập* thời ông Diễm cho là thực vô ích lợi. Ông nói rằng:

« *Trong một tạp-chí có một vài bài thơ nôm, để những lúc thừa thời giờ, cao-hứng ngâm vịnh chơi, tưởng cũng hay. Thế nhưng đem từng bài thơ mà bình phẩm luận giảng từng câu, rồi đăng lên tạp-chí cho đầy trang, tưởng không có ích lợi gì cả; mà cũng không mấy người để ý đọc. Hiện nay được mấy nhà thi-sĩ chân chính, mà ông định chiêu tập để luận giảng thơ phú...*»

Tôi xin lại đáp theo những ý-kiến ấy của ông Diễm như sau này:

Cứ ý ông nói về mục *Hán-văn diễn giảng*, tôi nhận là rất phải; song cũng xin biểu

1) Thủ-công 首功 — Công đứng đầu.
2) Thượng-võ 尚武 — Chuộng về võ-lực.
3) Khinh sinh cảm tử 輕生敢死 — Khinh sự sống, dám chết.
4) Ái quần 愛群 — Yêu đàn.

chút ý mọn của tôi để ông rõ qua rằng: Nguyên mục Hán-văn ấy, không phải là tôi truyên chủ đối với những người muốn học biết chữ Hán mà thôi; chính còn muốn đem những cái tinh-thần tư-tưởng trong Hán-học. nhân Hán-văn mà phu diễn ra, để cống hiến các ngài về tân-học, Pháp-học. Cho nên như những bài trong mấy số đã đăng đó, trọng ở công diễn giảng về phần nhiều. Nay nếu ý ông đã không thích mục ấy, thời tôi xin đem cái bổn-ý của tôi truyền làm mục *Hán-học tinh-thần*, hoặc biên ký, hoặc dịch thuật... sao cho phu diễn được đôi chút tinh-thần tư-tưởng của Hán-học thời thôi. Còn như mục *Hán-văn* trước đây, chỉ để hoặc khi có diễn giảng ít nhiều câu thơ, ca, hoặc những chữ Hán thường dùng trong quốc-văn, để mua vui cùng ít nhiều các bạn Độc-giả hợp ý vậy.

Đối với ý ông Diễm nói về mục *Thi-đàn giảng tập* thời tôi xin thưa rằng: Nguyên-ý mục ấy trong tạp-chí, tôi đối với một phần trong các bạn Độc-giả, rất là ân-cần và tốn nhiều công-phu: Nghĩ chữa được một bài thơ mà luận giảng minh-bạch để đưa in lên trang giấy, có khi công phu hơn tự mình đặt lấy ra một bài. Nay ông bảo là sự « *đăng cho đầy trang,* » thời vì ông không phải là người trong làng thơ, không thích xem, cho nên ông nói như vậy. Sự làm thơ rất là vô ích lợi mà thực khó, song cũng là một thú chơi cao-nhã; duy bởi hiện nay không được có mấy nhà thi-sĩ chân chính, cho nên *Thi-đàn giảng tập*, tôi muốn để thay cho việc *Quốc-văn hàm-thụ* khi xưa. Một báo chí đối với công-chúng, có hai sự-thể: Lấy về sự-thể cao mà nói, thời An-Nam Tạp-Chí mong được là cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân; theo về sự-thể thấp mà nói, thời cái tạp-chí này cũng như khắp mọi báo, chí khác, muốn cho được có nhiều bạn độc-giả thời mỗi kỳ số phải có phần mua vui. Tình thế thông thường đã như thế, duy trong sự làm vui, giữ sao cho chính-đính, không phạm đến những lời nhẽ công-kích nhau thô-bỉ, không in ra những tiểu-thuyết tình đãng, không thiên-vị ai trong những vụ bảo-cử, ấy thời là bổn-sắc của An-Nam Tạp-Chí mà tưởng các ngài cũng để ý xét cho vậy. Cùng trong mục đăng bức thư ông Lê-Diễm, có đăng cả hai bức thư là một bức của ông Nguyễn-gia-Tr. và một bức của ông Huỳnh-đình-Điển, để tỏ rằng ý-kiến của các bạn Độc-giả đối với bản-chí có khác nhau như thế, hẳn ông Diễm coi đó cũng có vì Bản-chí nghĩ lại cho ít nhiều. Nay về sau, xin rằng hai mục *Hán-văn diễn-giảng* và *Thi-đàn giảng tập*, thay đổi nhau kỳ có, kỳ không, mà cái khu-vực ở trong báo-trương rút bớt đi hơn trước, vậy có nhẽ là tôn kính cái ý-kiến của quốc-dân, mà cũng không cô-phục thịnh-tình của các bạn Độc-giả vậy. Mong chư-vị cũng nhận là phải cho.

Trong ý thư ông **Đặng-trần-Thiệu** trách tôi về sự « *dùng nhiều chữ nho mà không chua nghĩa,* » lỗi ấy thật tôi xin nhận, không dám nói lại chút nào. Cho nên ngay trong kỳ số 13 ấy, tôi đã đem những chữ nho sách *Mạnh-tử* mà diễn giảng ở mục Hán-văn, tức là để đáp ý ông Thiệu. Nay về sau, công việc trong báo-quán, tôi cũng không phải một mình bận rộn quá như trước, xin rằng chỗ nào có dùng đến chữ nho mà cần nên giải thích thời không dám lười trễ, mà tường chú ngay ở phần cuối trang. Còn như hai bức thư của ông **Nguyễn-gia-Tr.** và ông **Huỳnh-đình-Điển** không có cật vấn điều gì, thời tôi không phải giả lời. Bức thư của Mme **Nhuận-Văn** cũng chỉ là tỏ tấm cảm-tình đối với bản-chí, vậy tôi xin có mấy câu thơ đáp lại như sau:

Con trâu chưa dậy, mục còn chơi,
Luống để cho ai những ngậm-ngùi.
Thằng mục đã về, trâu đã dậy,
Đời chưa đáng chán, chị em ơi!

Nguyễn-khắc-Hiếu

CHIẾC TẦU AN-NAM

Khi xưa An-nam tạp-chí mới ra đời ở Hàng-Lọng, trừ sự nhờ nhà in Kim-đức-Giang, tư-vốn có năm chục đồng bạc; các công việc một mình tôi trông coi, cho nên trong khi ấy tôi có bài thơ

SÔNG CÁI, CHIẾC THUYỀN NAN.

Nay được mấy anh em ở Nam-Thành xuất tài hợp lực, phần tư-vốn có tới gấp mấy trăm số tiền xưa; biên-tập trị-sự hai ban, đều có người trông coi, không phải một mình tôi như trước. Sự tiến-hành của An-nam tạp-chí, nay về sau, có thể mạnh mà vững, không như xưa sợ nỗi ba-đào. Chiếc tầu An-nam, tức là cái thân-thế mới của An-nam tạp-chí vậy.

Bốn bể năm châu náo cuộc đời,
Con tầu Bản-quốc, chị em ơi!
Tấm thân dầm nước đà nên sắt;
Tiếng hiệu vang sông mới hét còi.
Vốn-vả gió mưa cơn giục khách;
Mênh-mông giời biển bước ra khơi.
Hỏi thăm Âu, Mỹ bờ đâu bến?
Mở máy, quay guồng, quá-độ (1) *chơi!*

TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

(1) Quá độ — 過渡 nghĩa là *sang ngang.*

NAM-THÀNH LƯỢC KHẢO

(*Nam - thành tức là tỉnh Nam - Định*)

Tỉnh Nam-định ở về miền Trung-châu xứ Bắc - kỳ, là một tỉnh đất rộng và dân đông, nhà chính - trị cần phải xem xét để xếp đặt. Nam - định lại là miền đất tốt, dân giầu và thành - phố lại mới mở mang, nên nhà kinh-tế cũng cần phải biết đến để kinh-doanh vậy. Chúng tôi hãy đem thiển - thức lược thuật ra đây để cung các độc-giả một món tài-liệu về địa-chí-học.

Ruyên-cách (1). — Nam-định nguyên xưa là một phần đất trong bộ Giao-chỉ về đời Hùng-vương.

Đời thuộc nhà Hán đổi là quận Giao-chỉ, đến đời Tấn và Đường gọi là *huyện Nam - định*, chữ Nam - định có từ đấy. Đời nhà Lý ta thuộc về châu Tương ; nhà Trần chia làm hai lộ : Hoàng-giang và Thiên-trường, mà đặt là ly-sở lộ ấy. Đời Lê Cảnh-hưng đổi là Sơn-nam-hạ lộ. Đời vua Minh-mạnh triều Nguyễn mới nhân tên huyện ngày xưa đặt tên là *Nam-định-trấn* ; sau mới đổi làm tỉnh. Năm Thành-thái thứ sáu lại trích ra mấy huyện về phía đông tỉnh, đặt là tỉnh Thái-bình. Vậy thì tỉnh Thái khi xưa vẫn là mấy phủ, huyện thuộc về tỉnh Nam, dù tỉnh Nam-định ngày nay có phân trích ra rồi mà vẫn còn rộng to hơn hết các tỉnh khác ở Trung-châu xứ Bắc.

Địa-thế. — Tỉnh Nam-định là một tỉnh đồng bằng, toàn thị đồng điền thấp phẳng, phần nhiều là đất phù-sa bồi đắp mà thành ra, vì từ đời Trần giở về trước, cửa bể còn ở cửa Tuần-vường, cửa ấy xưa kia rất là rộng rãi bao-la, cho nên có câu : « *Một trăm cửa bể, nể cửa Tuần - vường* » là thế. Cửa Tuần-vường bấy giờ cách xa tỉnh-ly Nam-định có 7 kilomètres, mà nay sóng lấp cát bồi, bể bạc nổi lên cồn dâu, làm cho tỉnh Nam-định chạy dài ra ngót 40 kilomètres, mới đến cửa bể. Nói về lợi sa bồi thành ra bình-nguyên của xứ Bắc-kỳ thì tỉnh Nam-định tự xưa được địa-lợi hơn nhất ; ngoài bãi bể vẫn còn đang bồi thêm mãi, thì sau này tỉnh Nam-định càng rộng thêm biết là chừng nào !

Tỉnh Nam-định là một tỉnh toàn đất sa bồi, nên đất rất lắm màu, đi đến chỗ nào cũng thấy ruộng nương đẹp tốt, chỉ về phía tây mới có vài giẫy núi nho nhỏ, núi có tiếng nhất là *núi Gôi*.

Giới-hạn. — Địa-giới thì nam giáp vịnh Bắc-kỳ ; đông giáp sông Nhị-hà, phân cách với tỉnh Thái-bình ; bắc giáp sông Lấp và sông Sắt, phân cách với tỉnh Hà-nam; tây giáp sông Đáy, phân cách với tỉnh Ninh-bình.

Diện-tích được độ 435.000 mẫu ta.

Dân-số được độ 900.000 người.

Khí-hậu ở Nam-định rất ôn hòa, khắp tỉnh chỗ nào cũng lành, mùa hè thì có gió bể thổi vào rất là mát mẻ, nhưng thường hay có khí ẩm ướt, hàn-thử-biểu về mùa nóng lên đến 35°, về mùa rét xuống đến 15°. Ở gần bể có cửa bể Quất-lâm, mùa hạ mát lắm, nên cũng có ít nhiều người tây đến đấy nghỉ mát, và nhiều người ra đó để tắm nước bể cho khỏe.

Chính-trị. — Xét về việc chính - trị thì nên biết thành - phố Nam - định và tỉnh Nam-định có khác nhau. Theo nghị-định ngày 17 tháng Octobre 1921 mới lập **thành-phố Nam-Định**; địa-phận thành-phố Nam-định tức là mấy làng : Năng-tĩnh, làng Cốc, Vị-xuyên, Phù-long thủa xưa.

Bây giờ hiện chia làm 10 hộ : *Nam-an, Nam-mỹ, Nam-long, Nam-xuyên, Định-tiền, Định-hậu, Định-tả, Định-hữu, Định-tân* và *Định-trung*.

(1) Sự thay đổi về tên đất tự xưa đến nay.

Việc cai-trị trong thành-phố thì có quan Đốc-lý làm đầu, có hội đồng quản-trị giúp việc ; cũng như các thành-phố khác, các hộ đều có Hộ-phố.

Dân-cư trong thành-phố ước độ 70.000 người, Annam có độ 60.000 người vừa buôn bán, làm thợ và làm việc các sở. Còn người Tây phần nhiều làm quan và làm kỹ-nghệ; người Tầu, người Nhật và Tây-đen đều buôn bán và làm thuê.

Tỉnh chia làm chín phủ huyện : 1. phủ *Xuân-trường* kiêm lỵ huyện *Giao-thủy*, 2. phủ *Nghĩa-hưng* kiêm lỵ huyện *Đại-an*, 3. huyện *Hải-hậu*, 4. huyện *Nam-trực*, 5. huyện *Trực-ninh*, 6. huyện *Mỹ-lộc*, 7. huyện *Vụ-bản*, 8. huyện *Ý-yên*, 9. huyện *Phong-doanh*.

Đầu tỉnh có quan Công-sứ, và có nhiều công-sở : nhà thương, nhà giây-thép, nhà binh, nhà công-chánh, nhà thương-chánh, vân vân....

Sở nhà thương có một nhà thương lớn đủ cả phòng thăm bệnh và phòng đỡ đẻ và một nhà thương Mỹ-trọng để chứa người phải bệnh nguy kịch.

Nhà giây thép có một sở chính ở tỉnh-lỵ và mấy sở nhỏ ở Lạc-quần, Văn-lý, Hải-lạng, Tam-tòa và Ngô-đồng.

Nhà binh có một đạo binh pháo-thủ và một cơ lính khố xanh đều ở các trại trong tỉnh-lỵ. Còn ở ngoài thì có đồn Lạc-quần (Hải-hậu), Hải-lạng, Tam-tòa (Nghĩa-hưng), và các phủ huyện đều có lính để đủ phòng giữ như các đồn và phủ huyện khác vậy.

Quan An-nam, có quan Tổng-đốc đứng đầu tỉnh, có quan Bố-chính, Án-sát và quan Thương-tá giúp việc, mỗi phủ huyện có một quan phủ, huyện. Trong thành phố lại còn có một sở mật-thám, tòa án tây và một sở cảnh-sát. Về việc học-chính thì thành phố Nam-định có nhiều trường Sơ-đẳng, ở thành-phố có một trường Thành-chung, trường sư-phạm, trường trẻ con tây, lại có hội Trí-tri và hội Học-giới-bảo-trợ có hơn hai nghìn hội-viên giúp đỡ mở mang về việc học nữa.

Nói tóm lại thành phố Nam-định tức là nơi tỉnh lỵ của Nam-định vậy.

Kinh tế. — Tỉnh Nam-định nhờ có đất rộng và tốt nên đường kinh-tế cũng rất phát đạt.

Đường giao thông. — Tỉnh Nam-định giao thông với Hanoi và Huế, Vinh, là nhờ con đường xe hỏa, ở trong địa phận tỉnh Nam-định có bốn ga kể từ Hanoi đến kilomètre thứ 87 là ga Nam-định, 94 là ga Trình-xuyên, 101 là ga Gôi, 108 là ga Cát-đằng, rồi đi qua cầu sông Đáy (thường hay gọi cầu Non-nước) đến tỉnh lỵ Ninh-bình.

Trong quãng đường xe lửa từ ga Gôi đến ga Trình-xuyên có một nơi gọi là phố Sở, chỗ đó hành khách đi lại rất đông, vật hóa từ đó chở đi các nơi cũng nhiều, vì mấy dân xem ra có vẻ trù phú, và làm nghề buôn bán nhiều, cũng có thể đặt thêm một nơi dừng xe để tiện cho việc giao thông mà cũng lợi thêm cho dân xứ đó.

Dựa theo con đường xe lửa ấy lại có đường cái rất rộng tốt, có nhiều ô-tô vận tải hành khách và hàng hóa đi lại rất tiện, đường này đi lên Phủ-lý xa 32 kilomètres, đi Ninh-bình xa 27 kilomètres.

Đường Nam-định đi Thái-bình xa 19 kilomètres, đi theo sông Vị-hoàng về phía đông đến kilomètres thứ 5 thì đến sông Nhị-hà, qua đò ấy là bến Tân-đệ vào địa phận huyện Thư-trì thuộc tỉnh Thái-bình.

Đường Nam-định đi Hưng-yên xa 12 kilomètres.

Đường đi Thượng-lỗi, Hữu-bị lên bến Vường 7 kilomètres, rồi sang Thái-bình,

Đường Nam-định đến sông Đáy xa 24 kilomètres đến số 5 là An-duyên có chợ, cây số 9 có một nhánh về huyện-lỵ Vụ-bản, cây số 11 có đường đi về phía Nam đến

làng Tiên-hương (đền Phủ-giầy) có thể nối với đường đi ra núi Gôi). Đi qua cầu Ngăm ở sông Sắt thì vào huyện Phong-doanh, rồi đến huyện Ý-yên, cây số 19 là về phía Nam đến Vạn-điểm, cây số 24 đến sông Đáy.

Đường Nam-định đi Quất-lâm xa 37 kilomètres qua đò sông Nam-định đến cây số 5 vào huyện Nam-trực, huyện lỵ ấy ở làng Bách-tính, đường đi theo sông Nhị-hà độ 3 cây số rồi vào phủ Xuân-trường đến cây số 19 lại có đường đi Cát-giả là nơi huyện lỵ huyện Trực-ninh, qua đò sông cửa-lác đến cây số 16 là Lạc-quần, 33 về phía đường đi Xương-điền lắm ruộng muối, 37 là Quất-lâm.

Đó là lược kể những đường nhớn có thể đi ô-tô được, trong tỉnh còn biết bao nhiêu đường đê nữa, làm cho huyện nọ có thể đi tới huyện kia rất là thuận tiện.

(còn nữa) **Vũ-Hùng-Toán**

Báo Đông-Phương đối với đức Khổng

Gần đây trong báo-giới có nhiều sự nói xấu nhau, lời nhẽ quá thậm; các bạn độc-giả nghe đã có lấy làm rác tai. Những bài nói đó là gì; một vài cá-nhân đối với một vài cá-nhân, hay dở thế nào, Bản-chí không cần biết, cũng không cần nhắc. Duy đến Tôn-giáo, Danh-giáo, sự-thể chí trọng, không phải là một món có thể đem ra làm câu truyện mua cười. Tờ Đông-phương số 289, ra ngày 19 Novembre 1930, có một đầu bài là:

"CỤ KHỔNG PHU-TỬ vừa được bữa no say"

Người viết bài ấy phẩm-cách ra sao không kể chi; trong tòa soạn Đông-phương nghe cũng có nhiều tay học Nho, mà sao để đăng báo như thế?! Than ôi! Thánh-giáo xuy đồi, bảo-trương vô pháp; người hữu tâm ai đó, cảm-khái cùng chăng?!

An-nam tạp-chí

THƠ CA

Lên Vạn-Yên (Sơn-La) đi thuyền cảm tác

Kẻ đi lên ngược, kẻ về xuôi,
Cái kiếp lênh-đênh cũng kiếp người.
Hắc-thủy nổi trôi thuyền độc-mộc,
Thanh-sơn vây bọc khách cô-hoài.
Tha-hương nghĩ đến đôi hàng rủ,
Cố-quận trông về mấy rậm khơi.
Thác chảy, nước reo, làn trắng xóa,
Chẳng hay rằng nước có gì vui?

Ở Vạn-Yên đổi về Hưng-Yên tức cảnh

Xuống ghềnh lên thác mới về đây,
Xuôi ngược long-đong đã bấy chầy.
Đất Vạn dân mường từng chán ngắt,
Thành Hưng kẻ trợ cũng buồn thay.
Dăm câu thơ thẩn xuông tình khách,
Mấy chữ a b ngán nỗi thầy.
Dưới biển trên rừng ta trải khắp,
Còn xem con tạo nó vần xoay.

Nhữ-tiến Dương-tự-Hướng

Sự khảo-thuật về các điều lớn trong KHOA-HỌC

Trên trường thế-giới cạnh-tranh sô-sát, tiến-hóa càng mau kíp, mà khoa-học càng là việc bắt-buộc cho các dân-tộc phải giảng-cầu, kẻ thiển-học này lưu tâm về sự học-vấn đó, kể đã lâu năm, nay nhân An-Nam Tạp-Chí tiến hành, xin do sự khảo-cứu mà lược-thuật dần ra, để cống hiến với đồng-bào; may cũng có chút đỉnh bổ-ích vào cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân ta vậy.

MÁY-BAY

Đời Chiến-quốc nước *Tầu* khi xưa có *Mặc-Địch* là một nhà đại tư-tưởng chế ra *con diều-hâu bằng gỗ*, bay đi được trong một ngày, sự bay ở Á-Đông thực phát-đoan từ đấy. Lại có ông *Công-Thâu-Ban* là nhà đại công-nghệ cũng làm *con diều-hâu bằng gỗ* để bay cao ròm trông vào trong thành nước Tống, ấy là sự bay đã bắt đầu muốn để dùng về việc chiến-tranh. Nước ta đời thuộc Đường cũng có truyện Cao-Biền làm *con diều-gỗ* cưỡi bay lên cao để xem xét hình thể sông núi. Tóm lại là một đoạn đầu tiên của lịch sử máy bay, tư-tưởng và thực-hành mới có như thế. Đến thế-kỷ bây giờ chiến tranh càng mãnh liệt, mà khí-giới càng tinh sảo, cái sự phát minh khi trước, công-tiến-hóa thành ra thuộc về Châu-Âu; tưởng máy bay ngày nay mà so sánh với máy bay ngày xưa, cũng là do khoa-học thắng lợi hơn nhau vậy.

Cứ theo về lịch-sử Châu Âu thì từ thời-đại, còn những câu truyện Thần-quyền, có ông I-Ca-Rút (Icarus) là con một ông thợ-giời ở nước Athènes (Kinh-thành nước Grèce) vì bay lên gần mặt giời quá, bị chết, câu truyện bay lên giời, đã động chạm đến cái óc tư-tưởng của loài người, từ đó; đến thế-kỷ thứ hai mươi này mới là ngày thực có sự bay bằng máy chuyển-động, bay bổng ở trên không.

Trận đại-chiến tháng tám năm 1914 phát sinh, làm cho máy bay càng cần dùng, càng tiến bộ, thành ra một thứ binh-khí linh lợi nhất buổi đời nay. Năm 1914 thì có ba ông là: Ball, Biship, Mccudden là nhà máy-bay trứ-danh nhất. Việc chiến-tranh đình rồi, máy bay thành ra sự hằng ngày thường thấy tiện dùng cả các việc giao thông. *Cái máy-bay* thành công lần thứ-nhất là của anh em ông Wright chế tạo ra ngày 17 tháng Décembre 1903, ông Orville Wright cưỡi bay lên đi độ 12 phút; cũng trong ngày ấy bay lên 3 lần; lần-rất-lâu là 59 phút, đi được 852 thước nước Anh, sức máy đó có 16 mã-lực, đi nhanh ước mỗi giờ được 35 rậm nước Anh, sau anh em ông ta thường bay đi trong vài rậm nước Anh. Mãi đến năm 1908 ông Wilbur Wright ở Âu-châu bay đi nhiều lần cho mọi người xem, mà thiên-hạ mới có biết tiếng máy bay từ đó. Hiện bây giờ có thứ máy-bay tới 1500 mã-lực giở lên; mà bay nhanh mỗi giờ chừng ngoài 200 rậm nước Anh, thực là tiến-bộ hơn trước nhiều.

Các nhà máy bay có tiếng nhất.

Từ khi anh em ông Wright về sau, trong 20 năm giời, bay qua biển Đại-Tây-Dương (Atlantique) bay tới Nam-Phi-Châu (Sud d'Afrique) và tới Châu-Úc (Océanie) đều được thành-công; trong bọn đó có một ông gọi Brown bay từ (Newffourland) saug Ai-Nhĩ-Lân (Irlande) lần bay đó ước độ 16 giờ đồng hồ, nếu tầu thủy đi phải 6 ngày,

nhưng lần đó chỉ có thể coi là sự thí-nghiệm cho người ta biết rằng có thành-công; mà cái kỳ hạn máy - bay vận-tải chạy ngang qua biển Đại-Tây, chưa chắc đã thành sự-thực, sau có chiếc tầu bay hiệu R số 34 từ New-York bay đến Norfalk đi mất ba ngày, so với tầu thủy chở thơ chỉ mất bằng nửa thì-giờ, rất là mau chóng, đường hàng - không của việc buôn, có một điều đáng để ý là, máy - bay khi ấy nếu bay mãi không dừng nghỉ, thì phải đưa rất nhiều dầu máy, nhưng máy-bay chỉ chở được có chừng; nếu chở dầu nhiều thì cái số chở khách với hàng rất ít ; thế thì không lợi cho nhà buôn, bằng muốn đủ dầu lại được nhiều người và hàng - hóa thì bay ít lâu lại phải dừng xuống để nghỉ, nên về đường hàng-không vận tải đại ước chỉ bay được 50 rậm Anh là cùng.

Thứ hai có ông Keitk và ông Smith từ Anh-Cách-Lan bay sang Châu-Úc, lần bay này về việc hàng - không có sự trọng yếu lắm, không phải là như lần trước bay chơi, cái hành trình, bay được đúng giờ như trong chương trình đã định trước, rất có chuẩn đích, vì máy móc bấy giờ đã tốt nhiều, nên bay đi đúng không sai thời - hạn.

Thứ ba có ông Van-Ryneveld và ông Brand từ Anh-Cách-Lan bay đến Nam-Phi-Châu ; đường ấy vào quãng dữa Châu-Phi, cây cối rậm rạp, phải dùng lắm người da-đen chặt cây mãi mới có chỗ để dừng máy, khi phu làm trường cho máy-bay đừng, cứ làm đầu này thì đầu kia cây cối đã dài cao vài thước. Cái đường ấy bây giờ đi rất khó khăn.

Bây giờ lại có thứ máy bay chở nặng đến 24 tonnes trở lên, sức bay cứ mỗi giờ đi 200 rậm, đi xa đến 1000 rậm không phải dừng nghỉ, có thể bay cao bằng đỉnh núi cao nhất ở rẫy núi Hymalaya. Mỗi ngày cứ ở bên đây châu Europe sang bên kia, từ bể Đại-Tây-Dương (océan atlantique) suốt đến Thái-Bình-Dương khỏi nước (Hoa-Kỳ).

Máy bay bay đi thế nào.

Máy - bay bay đi được cũng giống như ta thả cái diều-giấy lên trên không. Cái diều ra gió nhờ có sợi giây ràng giữ lại mà không-khí nâng đỡ lên, gió thổi cho diều bay lên, giây giữ lại gió với sức kéo-giữ không thay đổi thì diều chắc càng lên càng cao, nếu bị lúc sức không-khí đè đỡ thay đổi khác đi, tất diều phải nghiêng đảo đổ xuống, loài chim cũng vậy, nhất là thứ quạ trắng cổ phải hôm lắm gió thường hay đảo liệng, nếu không đỡ lại, tất phải rơi ngã ngay xuống đất, nên con quạ đó thường thấy hay vỗ nhắp cánh ở trong quãng không, là vì sức nâng đỡ của không-khí bỗng nhưng biến đổi, nên phải thế, máy bay cũng vậy.

Cứ kể về sự bay đi thì các cánh là bộ-phận rất quan trọng trong máy bay, lá cánh hoặc đơn hoặc kép tùy từng kiểu mẫu có khác nhau, mặt lá cánh đó hơi lượn như hình cánh cung, ngoài đầu chỏm cánh cung ấy đàng trước giài hơn đàng sau. Lá nó giầy mỏng cũng không nhất định, từ đàng trước đến chỏm đầu cánh cung phình ra hơi rộng rồi dần dần ra đến đàng sau lá thì hơi hẹp lại.

Trong khi bay, cánh nọ không bằng phẳng như thường đâu, hơi cho lềnh lệch ghé nghiêng để gió có thể thổi vào đến dưới đáy. Những luồng khí chung quanh cánh đó nâng đỡ lấy dưới đáy, mà hút kéo lấy mặt trên.

Vì muốn chung quang cánh bay thường có không-khí lưu thông nên máy bay mới đặt ra cái máy - phát - động cọ sát cháy ngầm, cái nguyên - lý sự tạo ra cái máy phát động ấy với cái máy-phát-động của các xe máy khác vẫn giống nhau. Cái guồng quay đó xoay chuyển không - khí

xoáy như trôn-ốc để cho đưa đẩy các cánh đi qua không-khí

Người cưỡi máy bay cầm lái thế nào?

Then máy sai khiến máy-bay rất đơn giản, người cầm lái cần dùng có hai cái tay là: một cái tay khiến cho bay lên, chuyên cai quản các bộ máy lên-cao và cánh-quạt, một cái tay lái, ở gần ván đáy của máy bay, người lái lấy chân mà đưa đẩy. Ngoài lại có những then máy làm cho máy phát-động (engine) và then máy đốt-nóng và máy chỉ khí-tiết. Hiện bây giờ các máy phát-động phần nhiều theo cách thức đốt nóng ở trong.

Các kiểu mẫu cánh-quay dù có khác nhau đều cốt ở bốn cái bánh xe hoặc cái vòng tròn như cái vòng quay ô-tô. Khi bay lên người cầm máy mở máy phát-động, đến khi máy bay chạy ở trên mặt đất đã đủ sức mau rồi, mới dần dần kéo tay lái quay vào chỗ mình ngồi để chuyển động bộ máy lên-cao cho máy-bay bay lên quãng không-khí. Đến khi đã lên vừa đủ tầm cao rồi khẽ hơi đẩy cái tay lái đưa về đàng trước cho máy bay bằng phẳng mà bay đi. Khi bay chuyển đi hướng khác, người cầm máy một đàng lấy chân đạp lên cán bánh lái để chuyển động máy-lái, một đàng lái theo phương hướng muốn đi, cán lái đó vận động các cánh cho máy-bay sẽ ghé hơi hơi nghiêng đi, hơi nghiêng thế thì chuyển động rễ và yên ổn hơn cứ để bằng phẳng mà chuyển, khi liệng xong thì lại đưa tay lái phẳng lại thì máy bay lại bằng phẳng. Khi bay xuống người cầm máy đóng bớt máy phát-động lại, ngay lúc đó đẩy cái tay lái về đàng trước để động đến máy lên cao cho máy bay chúi xuống đất; khi cách đất độ vài thước tây mới lại khẽ đưa máy-hãm lại cho máy lại được bằng phẳng, đến khi máy phát-động hơi dừng bánh xe quay rất thong thả, sức mạnh của máy cũng hết rồi mới khẽ cho rơi xuống đất, lại chạy ở trên đất dần dần cho đến khi máy dừng hết cả lại.

Máy bay xuống đất chạy nhanh mỗi thứ có khác, có thứ xuống đất chạy mỗi giờ độ 30 rậm, cũng có cái mỗi giờ độ trăm rậm, cứ mực trung bình đại ước mỗi giờ độ 50 đến 55 rậm.

Khí-hậu trong đường tầu bay đi trên không.

Cái tình trạng khí-hậu thực hay làm nguy cho các nhà bay cao, bây giờ các nơi tổ chức cách báo cáo và phòng ngữ sự khó khăn đó rất là tiến bộ.

Bay lên cao chỉ có khi sương mù là sự rất nguy hiểm nhất về khí-hậu. Các tầu-thủy thường khi gặp gió bão phải vào các cửa bể lánh gió; thế mà máy bay có thể cứ đi yên ổn trong quãng đường hàng-không như từ Paris sang đến Londre. Chỉ có khi trên không trung sương mù man mác thì máy bay lại rất là khó khăn, không phải khó tại bay phải ngăn trở, vì người cầm máy dẫu trong đám sương mù rất lớn, vẫn có thể sai khiến máy-bay ở trong quãng khí như thường; chỉ nguy hiểm tại không trông thấy đường lối ở dưới đất.

Nếu gặp lúc bất đắc dĩ phải đậu xuống, sẽ không chọn được chỗ yên tuyền mà xuống, ấy trong lúc sương mù máy bay nguy hiểm là thế. Ngay khi hành trình thông đạt cả như lúc thường, không cần bắt buộc phải đậu xuống bất-ưng, nhưng người cầm máy cũng khổ về nỗi không phân biệt được chỗ ga-tầu-bay, có khi vướng chạm cả vào nóc nhà và bờ dậu, hoặc khi muốn xuống một chỗ mà chạy quá đi không đúng.

Nhưng cách báo cáo khí hậu về đường hàng-không từ Paris sang Londre rất là giản tiện, các sự cần phải báo cáo cứ do các ga quãng dữa tùy thời dùng vô-tuyến-điện đưa đi phát biểu ra khắp cả các ga đường tầu bay. Người cầm máy trước khi bắt đầu bay đi các nơi, thường hay tiếp được những sự báo-cáo xác-thực về khí-hậu quan hệ đến các chỗ bay đi trong

các quãng đường. Sự bay cũng như các việc khác. Người với máy đều quan trọng cả, khi gặp sự khó khăn thường cần phải người cầm máy có hết sức khôn khéo mới có thể đảm đang được.

Mùa đông năm 1921 khí hậu đường hàng-không từ Paris đến Londre sương mù rất nặng. Ở ga tầu bay Paris được tin báo, suốt cả lối đó, đều là sương mù, chỉ có về chiều muộn hoặc may có sáng rạng thôi, bấy giờ ba chiếc máy-bay, hai chiếc của nước Anh, một chiếc của nước Pháp đều quyết ý bay thử một lần ; chở đầy hành-khách bay đi từ ga Buốc-rê, (Bourget) chiếc máy-bay của Pháp chưa đi được một phần ba đường đó thì lại dừng lại ở xứ Boát (Boix), là tại người cầm máy không chịu được nổi sự khó khăn của sự bay như thế, vì khi bay thỉnh thoảng may ra mới trông được dưới đất ; nếu một khi hỏng máy sẽ không biết đường xuống chỗ nào.

Hai cái máy bay của Anh thì nối nhau bay được đến eo-bể, bấy giờ sương lại càng nặng, hai máy bay qua nước hầu gần chạm cả vào cột-buồm những cái thuyền trên mặt nước. Ông Mắc-kinh-Tốt (Mackintosh) là người cầm cái máy bay Hăng-lay (Handley) cho là cách đất mấy thước đã sương mù giầy nặng như thế, thì lên cao dần chắc cũng chẳng dữ hơn nữa ; mới liệng mũi máy quay lên trên đám không-khí đang đầy những sương mù, lên đến vài nghìn thước. Còn cái máy kia thì đi thong thả dần dần tìm đường qua eo bể đi khỏi bãi bể, bấy giờ người cầm máy đã lo sợ quá, may đi khỏi được bộ-phận khó khăn trong quãng đó, cho hành khách qua eo bể đến xứ Lin (Limpne) thì xuống đất. Ông Mặc-kinh-Tốt nhờ có địa-bàn và vô-tuyến-điện giúp sức chở được hành-khách đến ga tầu bay Khắc-lao-Đông ; khi ấy nhờ được tin báo hiệu vô-tuyến-điện ở dưới đất biết rằng đã ở trên sở-dừng-máy, mới dừng bớt máy lại cho bay quay xuống, mong rằng xuống gần được đất thì sương mỏng bớt ít đi, hoặc có thể thấy được ga mà dần dần xuống đất, xem kim-biểu-chỉ độ, cao xuống đến 3000^{m}, 2000^{m}. 1000^{m} cho đến 500 thước, mà vẫn còn bị bao bọc trong đám sương mù ; ông ta đánh vô tuyến điện hỏi với người dưới đất luôn, những người ấy muốn tính cách chỉ dẫn cho ông ta xuống được đất, đang lúc chiếc máy-bay ấy bay liệng đi lại tìm một chỗ nào thấy mờ mờ để cho máy xuống mà không tìm được, các tiếng xe hơi chạy dưới đất vẫn nghe tiếng ầm ầm, đốt tên lửa để chỉ hiệu dẫn lối cũng không công hiệu ; những người đó không làm thế nào được, chỉ có hết sức đứng im chờ đợi mà mong cho được vạn toàn, sắp sẵn xe máy và người chực đó để hòng cứu chữa những người trên tầu bay hoặc có bị thương. Bấy giờ sương mù khắp cả mặt đất, ông Mặc-kinh-Tốt muốn cho máy xuống nhưng vẫn không được, tiếng máy u u chừng 20 phút, máy đi xa thì tiếng nhỏ đi dần, lại nhờ vô tuyến điện dẫn đến được chỗ ga thì tiếng lại kêu vang, sau cùng tiếng máy đương ầm ầm mà bỗng hơi êm êm xuống. Các viên chức chờ đợi đó đều ngơ ngác trông nhau xem nghiêng đổ xuống đâu, thì ra cái máy đó đã xuống đất êm lặng được rồi. Các khách ở trong máy bay bước ra không có cái dáng kinh sợ gì cả, như là không biết từng qua nguy hiểm bao giờ, xem đó biết rằng máy-bay cần phải người cầm máy có mưu cơ khôn khéo mới có thể đi trong lúc nguy hiểm.

(Sẽ thiếp theo)

Nguyễn-Xuân-Dương

Thuốc **SỐT RÉT NGÃ NƯỚC**
Già - truyền rất thần hiệu.
Bán tại hiệu **LIÊN - HUY**
số nhà 68 Phố **Hàng - Trống**
(Maréchal Foch) NAM-ĐỊNH.

HÁN-HỌC TINH-THẦN

MỘT CÂU TRUYỆN VỀ ĐẠO THẦY TRÒ TRONG HÁN-HỌC

VƯƠNG KINH-CÔNG 王荆公

Ông Vương-An-Thạch ở bên Tầu khi xưa, là một nhà văn-học kiêm chánh-trị, làm Tướng-quốc đời vua Thần-tôn nhà Tống, được phong tước **Công** *ở nước* **Kinh**, *cho nên gọi là* **Vương Kinh-công**.

Tôi nhớ năm còn đương học, từng được nghe ở gia-đình một câu truyện về ông Vương-An-Thạch.

An-Thạch lúc bé, học rất dốt. Trong nhà, ông bố nuôi thày dạy học. Mỗi buổi học, An-Thạch thường không thuộc. Một hôm, ông chủ nhà (bố An-Thạch) đi vắng, buổi học đã tan, giời gần trưa, An-Thạch học vẫn chưa thuộc. Ông thày dận quá cầm roi mây vút cho một cái; không ngờ An-Thạch lăn ra chết. Thày hoảng quá, không biết nghĩ sao, vội sai đem vùi An-Thạch ra chuồng lợn, rồi vào lấy khăn áo ra đi.

Khi đó ông Thày đi, định bỏ mà chốn, không ngờ giữa đường gặp ông chủ nhà tức là bố An-Thạch. Ông chủ nhà hỏi thày rằng đi đâu? Ông thày nói là muốn về nhà mình có chút việc. Ông chủ nói: « Việc gì thời cũng hãy đợi tôi về đã, còn lấy tiền hành-phí chứ; đi đâu mà lật-đật thế! » Ông Thày chối quanh mãi. Ông chủ cứ cố mời phải về. Sau bất-đắc-dĩ ông Thày phải nói thật. Ông bố An-Thạch nói rằng:

« Việc thế thời làm gì! Thằng ấy nó dốt lắm, chẳng đánh chết, để chi! »

Đó rồi hai ông cùng về, đến nhà, thấy một kẻ học-trò báo rằng: chỗ vùi An-Thạch ở chuồng lợn thấy như có động-đậy. Hai người cùng ra, sai bới lên xem, thời quả hắn đã hồi lại. Khiêng về nhà phục thuốc cho, lại sống. An-Thạch từ đấy, học rất là thông-minh.

Nguyên An-Thạch từ khi mới đẻ, được mấy tháng, mẹ mất. Người dì ghẻ quái ác, cho An-Thạch bú sữa lợn. Có nhẽ vì thế mà khi trước An-Thạch dốt; cũng vì thế mà chết chôn chuồng lợn, cho nên An-Thạch lại thông-minh chăng?

Ông Thày học sau khi thấy An-Thạch đã sống, cũng lấy làm mừng; song từ đấy có ý buồn riêng, ở nhà An-Thạch không bao lâu, rồi từ giã chủ-nhân xin về.

Mãi đến khi An-Thạch đã thi đỗ làm quan, không biết ông Thày học ngày xưa ở đâu nữa. Mỗi lúc An-Thạch đi tìm Thày không thấy, phàm gặp cỏ đám mây đám mái, thời xụp xuống lạy mà khóc.

Cho nên người đời sau có câu thơ rằng:

荆公下馬拜荆蓑
Kinh-công hạ mã bái kinh-tùng

拜謝荆蓑教誨功
Bái tạ kinh-tùng giáo hối công (1)

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Hai câu thơ này nghĩa là: ông Kinh-công xuống ngựa mà lạy cái bụi mái, là lạy tạ cái công bụi mái giạy bảo mình ngày xưa. — Ngày xưa các ông thày-học, sau nhà thường có bụi mây mái để dùng làm roi đánh học-trò.

NHÀN-TƯỞNG. — Danh-dự của người ta như cái áo. Xuốt đời chỉ mặc một thứ áo, dẫu đẹp, cũng không thú-vị là bao nhiêu.

TẢN-ĐÀ

NHỮNG ĐIEU QUAN-YẾU TRONG NỀN KINH-TẾ CỦA QUỐC-DÂN

Trên thế giới từ xưa đến nay, bàn về quốc-kế dân-sinh, ai cũng lấy việc kinh-tế làm quan trọng nhất. Kinh-tế thịnh vượng thì dân giầu nước mạnh, kinh-tế suy kém thì dân nghèo nước yếu, nền kinh-tế đối với dân-sinh không khác gì mạch máu trong mình loài người, màu nhựa trong thân cây cối; quan hệ mật thiết biết là nhường nào! Các nhà lưu tâm về cuộc sinh-hoạt của loài người đã từng bàn luận nhiều phen, chẳng cần nói chi cho lắm.

Nay hãy xin nói ngay đến nền kinh-tế của quốc-dân ta.

Nước ta từ đời vua *Kinh-Dương*, dựng nước, dân mình sinh tụ với nhau ở cõi *Nam-Giao* này, đã từng biết theo ngọn thủy-triều lên xuống, khẩn đất hoang mà thu lợi ở ruộng nương; đem hình thủy-quái vẽ mình, buông lưới cá để kiếm lợi nơi sông bể; Nào buổi *Đông-Chu* (1) quà *bạch-trĩ* (1) xe Chỉ-Nam dẫn lối giao thông, nào đời *Tây-Hán* chợ *Nam-Quan* (2) đồ gang sắt tiện bề mua bán, có phải đợi đến *Nhâm-duyên* giậy dân cầy cấy mới biết đường sinh-hoạt đâu.

Vả nước ta lại là một nước rất nhiều sản vật, vàng bạc trân-châu xiết bao phẩm quý, cây rừng mỏ đất chan chứa của thừa, mà người mình lại hay siêng năng sẻn nhặt, sự cần dùng không mấy, vậy nên việc kinh-tế của ta đối với thời đại bấy giờ thực đã rồi rào.

Nếu chúng ta bây giờ mà vẫn ở vào quãng đời ăn no ngủ kỹ, chẳng ai cầu cạnh đến ai, chẳng ai tranh đua với ai như thời thái-cổ Hồng-Bàng, thì sự kinh-tế cũng chẳng có chi là quan-thiết. Nếu chúng ta lại được ở vào quãng-đất sẵn quả cây làm thức ăn, sẵn lá cây làm nhà ở, như đảo Đàn-Hương-Sơn (3) thì nền kinh-tế cũng chẳng cần gì phải khoảng-trương; nhưng ngặt vì thế-kỷ thứ hai mươi này là thế-kỷ khoa-học phát đạt đua trí đua tài, khôn sống mống chết, mà cái thế-giới bây giờ dân-tộc ganh đua, chuộng công, chuộng của, mạnh được yếu thua; văn-minh càng tiến-bộ đến đâu sự cần dùng càng tăng lên đến đó; ngọn trào Âu, Mỹ, tràn khắp bốn phương, làn sóng cạnh-tranh xô đẩy mọi phía, làm sao cho cái cuộc sinh-hoạt của dân ta ở trên bán-đảo Đông-Dương này cũng phải chịu một cái ảnh-hưởng rất nhớn, bởi vậy nền kinh-tế của mình cũng không có thể cứ theo lối hẹp-hòi như cũ, mà có thể đứng vững trong cuộc sinh-tồn cạnh-tranh này.

Hiện tình kinh-tế của quốc-dân ta ngoài đã vì cái trào lưu thế-giới công-chiến, nông-chiến, thương-chiến ngày một tràn lan; trong lại vì cái hoàn-cảnh sinh-hoạt người khôn của khó, đất cỗi nghề mòn, ngày thêm chật hẹp, vậy thì nền kinh-tế chẳng cần nên chấn-chỉnh lắm ru?

Bấy lâu nay nhà-nước sửa sang các đường giao-thông đặt ra các trường thực-nghiệp, những muốn cho nền kinh-tế sau này ngày một mở mang, dân ta nào mở thương-đoàn, nào hưng công-hội; cũng có ý làm cho kinh-tế nước ta ngày thêm thịnh-vượng. Nền kinh-tế của ta đã có cơ-sở như thế, lẽ ra ngày thêm tiến-bộ dần dần xây đắp thành một cái cơ-đồ

(1) Đời Hùng-Vương đem hiến nhà Chu một con Bạch trĩ, khi về vua nhà Chu cho cái xe Chỉ-Nam để tiện biết đường lối.

(2) Đời ông Triệu-Đà thường cho dân mua bán các đồ dùng bằng gang sắt ở chợ Nam-quan về bên địa phận nhà Tây-Hán bên Tầu.

(3) Đảo Đàn-Hương-Sơn ở phía bắc châu Mỹ.

tráng-lệ nguy-nga, để cùng chen vai thích cánh với các dân-tộc khác trên thế-giới này mới phải. Thế mà vẫn chưa thấy phát-đạt là cớ sao, xét ra chỉ tại **cái tư-tưởng** và **thực-hành** về nền kinh-tế của ta hãy còn nhiều chỗ khuyết-điểm.

Nay xin hãy nói về **tư-tưởng**. — Ông Đô-Hăng-ry (Dohanry) là một nhà đại doanh-nghiệp nước Anh có nói rằng «người ta không cứ kinh-doanh công-nghiệp gì cái tư-bản rất trọng-yếu tức là cái tư-tưởng đó. Người nào hay phát-triển những tư-tưởng để mà làm các chức-nghiệp thì không bao giờ không thành công, vì người ta làm việc gì thành công hay không, rẫu có nhiều nguyên-nhân, mà nói đến sự cốt-yếu chỉ xem sự tư-tưởng làm chuẩn-đích. Vậy muốn chấn-chỉnh đường doanh-nghiệp trước hết phải làm cho tăng-tiến cái tư-tưởng đã, phàm không có tư-tưởng hay tư-tưởng không đủ, quyết không sao đứng vững được ở cõi đời cạnh-tranh quẫng thế-kỷ hai mươi này» Ông Mai-ly-ty cũng là một nhà đại doanh-nghiệp nước Hoa-kỳ có câu rằng «Muốn kinh-doanh các thực-nghiệp ở xã-hội, không có đủ tư-tưởng mới, không xong, tư-tưởng mới ấy tức là cái tư-bản dùng mãi không cùng; phàm đã vào trong trường thực-nghiệp hay làm cho tư-tưởng tăng-tiến luôn luôn, để ứng dụng với mọi sự cần dùng của các giới, tự nhiên có thể thu được cái sự báo đền xứng đáng; mà cái hy-vọng giầu mạnh cũng có thể đạt tới, vậy nên không cứ làm nghề gì, phát đạt hay không, thực chỉ toàn tại cái tư-tưởng có tăng-tiến hay không, nếu cứ mờ mịt không có chút tài-năng tư-tưởng hơn người sẽ thấy không có khi nào mà mong cho phát-đạt được» xem mấy câu nói ấy đủ biết rằng việc kinh-tế không có thể không làm cho tư-tưởng mở mang, mà có thể đứng vững được, tư-tưởng là nguồn gốc các công việc. tư-tưởng chậm độn thấp hẹp thì làm việc khó khăn và hay thất bại, tư-tưởng rộng xa lanh lẹn thì làm việc mới thuận lợi mà thành công, vậy nên muốn chấn-hưng nền kinh-tế cần phải tăng-tiến tư-tưởng, mà muốn tăng-tiến tư-tưởng cần phải có học kinh-tế phổ-thông.

Hiện nay các trường thực-nghiệp xứ ta hãy còn ít-ỏi, các sách thực-nghiệp của ta nào có được bao; ấy nền kinh-tế của ta mà hãy còn chật-hẹp, chỉ vì tư-tưởng kinh-tế của ta hãy còn non-nớt, chỉ vì khoa-học kinh-tế của ta chưa được phổ-thông. Muốn cho học kinh-tế được phổ-thông cần phải có sách giậy kinh-tế bằng quốc-ngữ. Mong sao các nhà kiến-thức đã từng lưu tâm đến khoa kinh-tế, cùng các nhà doanh-nghiệp đã có thực-nghiệp trong nền kinh-tế, nên đem hết thảy các điều đã hiểu thấu xác-thực như lịch-sử các nước đã từng làm cho kinh-tế phát đạt, địa-lợi các xứ có thể giúp cho kinh-tế khoáng-trương; tình trạng kinh-tế thế nào, nguyên-lý kinh-tế thế nào, cùng là vấn-đề tài-chính sao cho rồi rào, vấn-đề tiền-của làm thế nào mà bành-trướng, chế-độ kinh-doanh, thiết-lập các ngân-hàng, thể-lệ trao-đổi tiền-giấy với các nước, nào thống-kế hợp-toán, nào bảo-hiểm, biên-ghi, cả đến giá-trị sản-vật các nơi, thuế xuất-cảng nhập-cảng các nước, thượng-học, công-học, nông-học; phàm hết thảy các lý-luận tư-tưởng thiết-thực, thuộc về kinh-tế, đều biên chép rõ ràng để cho quốc-dân ai nấy có thể học xem hiểu-thấu.

Học kinh-tế đã phổ-thông, có học-vấn tất có tư-tưởng, có tư-tưởng tất có sự-nghiệp, lo gì mà nền kinh-tế của quốc-dân ta chẳng ngày một khoáng-trương.

Trở lên nói về tư-tưởng đại-khái, những nhà trí-thức đã từng bàn luận, mà mọi người đều có thể biết được cả rồi. Nhưng việc kinh-tế cốt-yếu ở sự thực-hành, người xưa có nói: «biết việc không khó, làm việc mới khó» nên sự **thực hành** tất phải có người đã từng lịch-duyệt mới có thể thấu hết cơ-quan.

Những cơ-quan trọng-yếu về đường kinh-tế của quốc-dân ta là nghề buôn, nghề thợ, và làm ruộng; mà hiện nay trong xã-hội cạnh-tranh nhất là nghề

buôn; vậy xin hãy đem những sự kinh-nghiệm lược thuật ra đây, họa chăng có chút bổ ích cho các nhà lưu tâm đến sự khoáng trương thương-nghiệp.

Sự **Thực-hành** của nhà buôn không phải là mua rẻ bán đắt, nhờ vận đỏ đen, đong đầy vơi khôn ngoan lừa lọc, những việc đó ai ai cũng thừa biết cả, không cần kể đến làm chi, vả đương buổi thương-chiến cạnh-tranh, cách buôn cũ kỹ của ta xưa, không thể hợp với trào lưu trên thế-giới hiện nay được, vậy muốn thực-hành kinh-doanh một nhà thương-nghiệp buổi đời nay, đã có rễ đâu, nào trong xếp đặt các công cuộc sao cho chỉnh-tề, ngoài đối phó với các sứ tiếp xúc sao cho hoàn hảo, có thể thành một cái cơ-sở vững vàng cùng ganh đua với các nhà doanh-nghiệp, chiếm lấy một địa vị chủ-nhân-ông trong chốn thị-trường), giữ được một phần lớn về lợi-quyền kinh-tế; thủ-đoạn kinh-doanh dẫu cần phải có nhiều phương-lược, mà có thể tóm lại mấy điều là:

1· **Sáng-nghiệp** (Công cuộc trong lúc gây dựng cho được làm nên cơ nghiệp nhà buôn).

2· **Thủ-thành** (Sau lúc cơ-nghiệp nhà buôn đã thành lập mà giữ lấy cho được bền vững).

3· **Ngoại-giao** (Là việc giao-thiệp buôn bán với người ngoài).

4· **Nội-trị** (Là cách xếp đặt công việc trong nhà buôn).

I Sáng-nghiệp. — công-cuộc nhà buôn trong lúc gây dựng cơ-đồ, cần phải có mấy điều quan-yếu như sau này:

a) **Lập chí vững bền.** — Cái chí khí của nhà buôn cốt tại chớ để cái hoàn cảnh nó làm cho mình mê muội, vì buôn bán cần phải ở nơi đô-hội, nơi đô-hội đã phồn-thịnh, tất về phần văn-minh vật-chất lại xa-hoa, văn-minh vật-chất xa-hoa quá, rễ phát tài lại càng rễ sa-sút. Những người chí-khí non-nớt, đến nơi đô-hội cần phải cảnh tỉnh luôn luôn, phàm những tập-quán không hay mình phải lánh xa chớ bén, ai nấy đua nhau giảo-trá, ta nên vẫn cứ thực thà, mọi người ham chuộng xa-hoa, ta cứ nghiễm nhiên đứng mực. Tôi thường thấy lắm người đến nơi đô-hội, chửa lập chút công kia nghề nọ, đã nhiễm ngay bả-quỷ bùa-mê, trong miệng nói ra, toàn lịch-duyệt những cô-đầu con-hát, người hơi cao thượng cũng chẳng qua chỉ khoe nhau về vở-kịch tấn-tuồng, họ cho rằng không thế, không tỏ ra con người sành-sỏi ở chốn phồn-hoa được.

Than ôi! tinh-thần có hạn, sao nỡ đem phiếm đãng để hết cả thì giờ; của cải có ngần, sao nỡ bỏ phí hoài vào nơi vô ích, ấy chỉ vì lập chí không bền đó thôi. Vậy nên muốn kinh doanh buôn bán cho thành, trước rất phải lập chí vững bền, chớ có bị bề ngoài say mê dẫn dụ; chí đã định rồi thì những điều tổn hại mới tìm cách mà lánh xa, những món ích lợi mới biết phương mà thu góp. Buôn bán đâu mà không thành, ta xưa thường có câu rằng « có chí thì nên » lại có câu « có chí làm quan, có gan làm giầu » đều là nhẽ ấy.

b) **Chọn nơi tiện lợi.** — Người đã có chí về sự buôn bán, cần phải chọn nơi tiện lợi mới thi thố được cái tài-năng, chọn nơi tiện lợi phải điều tra tinh-tế về địa-thế và địa-lợi ra thế nào, xem địa-lợi những nơi đó có những vật gì là sản xuất, thiếu những hóa vật gì để cần dùng, có biết sự thừa thiếu của địa-phương mới liệu bề mà buôn bán; xem địa-thế nơi đó phải vận tải giao thông thuận tiện, dân cư đông đúc giầu sang, có nhiều người qua lại mới có đất làm cho hóa-vật tiêu lưu, lại cần phải xét tình hình buôn bán hiện-tại cạnh-tranh thế nào, để mà đối địch, sau này dự bị thế nào, để mà khuyếch trương; Cái địa-diện đó có gì là lợi ích ngay lúc tiến-hành hiện-tại; và có gì là ảnh-hưởng hy-vọng sau này. Nói tóm lại muốn lập nhà buôn cần phải ở chỗ đô-hội mới có cơ hội tốt, mới có thể thu lợi nhiều, nếu ở chốn thôn-quê hẻo-lánh nhỏ-nhen, dầu có khó nhọc kinh-doanh cũng chẳng chắc bao giờ là phát đạt.

c) **Dùng người giúp việc.** — Các nhà buôn nhỏ nhớn mặc lòng, đều cần phải có người giúp việc (ta thường gọi là tài-công) những người đó ví như chân tay của ông chủ, chân tay có lanh lẹn thì công việc mới song suôi; người đó cũng chính là mối-lái của cửa hàng, mối-lái có khôn ngoan, thì hàng hóa mới bán chạy, vậy nên cái vận-mệnh của cửa-hàng thực là ở tại các người làm, cửa hàng, phát-đạt hay suy-đồi trách-nhiệm toàn là tại những người đó cả, được người giỏi-dang hết lòng làm việc, biết chiều đãi khách mua, phàm những sự có thể làm cho cửa hàng phát-đát, không khi nào họ không hết sức hết lòng mà làm cho đến nơi đến chốn, ấy thế thì cửa hàng ngày một bừng bừng mà lên, nếu kẻ chẳng ra gì làm bậy bán gian, đối với khách mua ăn nói không được hòa-nhã; làm cho mối hàng ngày một suy kém, đó là sự rất không may cho cửa hàng, vậy cho nên dùng người cần phải cẩn thận lắm mới được, phải xét đến tính-tình, phẩm-hạnh, nhời nói, việc làm, chơi bời bè bạn, xét rõ từng ly, từng tý, cốt lấy người thật thà, hòa-nhã, siêng-năng, thật-thà thì không sợ mất sai hàng-hóa, hòa-nhã thì chiêu được mối hàng, siêng-năng thì chăm chỉ công-việc, lại còn phải biết tính-toán tinh-thông, kinh-nghiệm lịch-duyệt, còn những hạng ngao-du cờ-bạc, làm dáng dong chơi, lắm nhời cãi-cọ, nên cự tuyệt ngay từ trước, kẻo có ngăn trở cho sự gầy dựng cơ-nghiệp của mình.

d) **Thận trọng khai trương.** — Đã được có địa-lợi có người làm, mà không biết cách khai-trương, cũng khó cho người ta chú ý, vì rằng cái buổi khai-trương tức là quân tiên-phong của nhà buôn ra trận, phải làm cho có cái thế-lực mạnh-mẽ rỡ-ràng, thành một cái ảnh-hưởng lớn-lao to-tát, để cho lừng tiếng một vùng, nào xếp đặt cửa hàng cho rực-rỡ, nào sửa mẫu-hàng cho kỳ-khôi, quảng-cáo chiêu-bài, biếu quà, tiếp khách, cốt sao cho lừng lẫy cái thanh-thế của nhà buôn, vận động cho khách mua đến hàng mình cả.

Những công-việc đó, là những điều cốt-yếu khi mới gây dựng mà nhà buôn cần phả thực-hành vậy.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn - Xuân - Dương

HOÀN-TOÀN QUỐC-HÓA

BẢN-HIỆU CHUYÊN CHẾ CÁC THỨ ĐÈN TỌA-ĐẰNG, ĐÈN VÁCH BẦU ĐỒNG, BẦU MẠ KỀN VÀ BẦU THỦY-TINH CHÂN BẰNG ĐỒNG MẠ KỀN COI RẤT ĐẸP; VÀ CHẾ RA CÁC THỨ ĐÈN CON KIỂU HOA-KỲ RẤT CHẮC-CHẮN VÀ TINH-XẢO.

XIN ĐỒNG-BANG CHIẾU CỐ ĐỂ CHẤN-HƯNG QUỐC-HÓA SONG PHẢI NHẬN KỸ HIỆU THUẬN-KỲ CÓ CON NGỰA-BAY LÀ CỦA BẢN-HIỆU BẢN-HIỆU CÓ CẢ MÁY MẠ KỀN, NHẬN MẠ CÁC THỨ ĐỒ ĐỒNG VÀ ĐỒ SẮT

KÍNH - CÁO

Đỗ-Văn-Quế tức **Thuận-Ký**

Hiệu chuyên chế các thứ đèn và cổ đèn

Số nhà 114 — Phố Hàng Riệu

NAM - DINH

THI-DAN GIANG TAP

Thăm chùa Bé

(Đông-Ngạc)

Chùa Bé là chùa làng tôi, hiện nay bỏ hoang, không ai trông nom hương lửa gì. Chùa ở giữa đồng, trông quang-cảnh rất là thảm-đạm.

Cảnh thông khua mõ, gió ngâm chuông,
Thăm cảnh đây ai khỏi đoạn trường!
Dậu đổ, cây trơ, chùa đứng trọi,
Làng xa, sư vắng, bụt ngồi xuông.
Bia tàn nham-nhở rêu mờ đá,
Hoành cổ cheo-leo chữ lạt vàng.
Lẳng-lặng ngồi nghe con cuốc gọi,
Bực mình muốn rủa cái tang-thương.

Đông-Xuyên

* * *

Bài thơ đây bốn câu giữa văn rất tề chỉnh, đủ vẻ tao-nhã và ảm-đạm, thật tả được ra cái cảnh chùa bỏ hoang. Hai câu kết lại cảm-khái được một cách khích-ngang lỗi-lạc, phảng-phất có giọng thơ ông Tú Xương ngày xưa, như sáu câu ấy thật hay! khó tìm chỗ mà phi-nghị. Duy lấy lấy toàn bài mà nói, thời có thiếu mất một cái ý quan-trọng. Nguyên chùa Bé ấy là chùa làng của tác-giả, mà trong bài chưa thấy lộ ra cái ý *chùa làng mình*, vậy thời tác-giả cũng chỉ như một người quá-khách vẫng cảnh mà thôi, thực thiếu nghĩa quan-trọng, mà cãi lỗi đó ở hai câu phá, thừa. Trong câu phá bốn chữ « *cảnh thông khua mõ* » rất là không hay. Vì dưới đã có chữ « *cây trơ* » mà trên lại nói « *cảnh thông* », như thế cũng là trùng cái ý nói *cây*; dưới đã nói « *cây trơ* » mà trên nói « *cảnh thông khua mõ* », lại không hẳn có khỏi trái nhau hay không? Câu thừa, hai chữ « *đoạn-trường* », nặng nghĩa quá! ngẫm ra không phải thực tình của người thăm cảnh chùa; lại chiếu xuống câu thứ tám cũng điệp ý. Vậy tôi nghĩ muốn đổi hai câu phá, thừa ấy là:

Mênh-mông đồng rộng, gió đưa ngang,
Chùa Bé là đây, cảnh cố-hương.

Như thế hợp với sáu câu dưới thành bài, có nhẽ hơn.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

ÔNG CỬ NGUYỄN KÍNH-PHU, NGUYÊN TRI-HUYỆN, HÀN-LÂM-VIỆN BIÊN-TU
Nghĩ giúp Đối-trướng mừng, Đối-trướng phúng và viết cả chữ cho hiệu

GIỤ-HỢP ĐỐI-TRƯỚNG

125, Phố Hàng Rượu — NAM-ĐỊNH

Có làm hàng Sơn, Thêu, Dán cải-lương
Nhận làm vòng hoa đám hiếu
Giá phải chăng - Kiểu đẹp

Có thợ sơn kẻ Biển Hiệu nhiều lối chữ mới rất nhã, giá hạ.

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI THIỂN ĐÀM

Ngày 25 tháng 6 annam mới rồi, cầy cấy vừa xong, trời cho nước non hòa thuận, ngồi rỗi sinh buồn, ký-giả liền nghĩ đến bạn thân ở **Nam-sách**, vội-vàng vác ô cuốc bộ lên chơi. Trong khi tửu-hứng, ký-giả mới phàn-nàn cùng bạn về nỗi cải-lương hương-chính đã bẩy tám năm nay mà chưa thấy mấy làng có hiệu-quả.

Bạn tôi nói : « Bác còn lạ gì những hạng kỳ mục, kỳ nát ở chốn thôn quê mình nữa, việc cải-lương chậm thành-hiệu, chỉ bởi bọn ấy đấy thôi. Mấy hôm nọ hội-đồng làng tôi họ xử một cái kiện thế này thì bác tưởng có tức cười không ?

Số là thị Vui không may bị mất con gà, Thị chửi một cách rất tàn nhẫn, lại có ý đay-đả đến người hàng sóm là tên Thuận (vì tên ấy có tính dan lận, nom thấy của người thì tối mắt lại). Trong lúc ấy tên Thuận vừa đi đánh chén đám khao về, hơi men còn đương nồng, lại bị vợ con y cắn-rứt, vội-vàng xoay áo cầm nách-thước chạy ra can-thiệp, thị Vui cũng tưởng anh ta dọa nạt đấy thôi, chứ dám đến gần nào, nên thị cứ đối điều và không chịu lui bước. Ngờ đâu máu chạy vào tim, anh Thuận chạy xông ra, vụt lấy vụt đề. thị Vui không thể làm sao được, mới phải kêu hàng sóm đến cứu. Khi hàng sóm kéo đến can gián cả đôi bên. thị Vui bực về nỗi của đã mất mà người lại bị đau, mới nằm vật ra vệ đường, lấy sành rạch mặt ra, ăn vạ. Tuần-đinh thấy thế, vội-vàng đi báo chánh-hội. Viên Chánh-hội được tin, lập tức cho đi thông đạt các viên hội-đồng đến chỗ thị Vui nằm để khám biện. Chừng nửa tiếng đồng-hồ, các viên hương-hội đã đủ mặt. Ông thì nói: « Tuần-đinh cứ trói giữ tên Thuận lại, rồi sẽ khám biên, hữu án, hữu tù, cần gì ». Ông thì nói : « Sự-chủ đâu giọn mấy mâm chén đây, anh phải biết rằng chúng tôi làm việc, lương làng không cấp, chỉ nhờ ơn Chính-phủ được những dịp thế này, để hòn đất nắm lên ông bụt, cái kiến tha chúng tôi đến đây hay sao ? » Ông Chánh-hội gàn : « Được, mặn nhạt thế nào chả có, các ngài cứ phải nói ra miệng làm gì thế ? Mời các ngài cứ vào chơi trong nhà, để tôi ra bảo cho hắn nghe ra tai đã ». Bấy giờ viên Chánh-hội liền đến chỗ trói tên Thuận, sẽ bảo tên Thuận rằng : « Anh Thuận ơi ! anh chết ! phen này là anh phải tù. Thôi mấy mẫu ruộng, mấy con bò của anh đi đời mất. Ối chao ! chưa đánh được người thì mặt đỏ như vang, bây giờ đã đánh được người ta rồi thì mặt vàng như nghệ nhé ! ».

— Thưa cụ : « Nếu cụ không thương mà giải, thì con đến phải phạt là cùng, chứ con có tội gì mà cụ giậy phải tù ».

— Hừ ! « Thế thì anh ngu thật ! anh chỉ biết cách gian lận thôi ! một làng được mấy trăm con người, nếu tôi không thương anh thì sao tôi có bảo. Này tôi bảo cho anh nghe nhé : Anh mang gậy tầy, tay thước, áp đáo tận nhà nó, cậy sức khỏe đánh đập nó, tội ấy còn nhẹ ư ? Nay mai nó phải chứng gì mà nó chết đi, thì anh tính sao ? Nó là người góa bụa, anh đến nhà nó thì phi cưỡng dâm, tất thủ tài, vì nó bất khẳng, nên anh mới sinh sự, anh nghe thế nào ? Một lẽ nữa là đàn bà khôn ba năm, dại một giờ, phỏng nó đã giăng gió với đứa nào mà bụng mang giạ chửa, nó nhất-định đổ cho anh, thì anh có chối được không ? thế mà anh còn lờ-mờ. Anh phải tội cùng hết nghiệp thì tôi có ích gì. chẳng qua tôi với anh bao giờ cũng là tôi với anh ; còn ông quan thì nhất thời mà thôi. Anh nên nghĩ kỹ, kẻo sau này không hối kịp đâu !

— Trăm lậy cụ, nhờ cụ dón tay làm phúc đàn ghép cho êm thắm, con xin hậu tạ cụ hai chục, sống tết, chết giỗ, không bao giờ con dám quên cái ơn tái-tạo ấy, trăm lậy cụ.

— Hừ ! hai chục thì làm gì được, sao anh sử tồi thế ! Thôi người là vàng, của là ngãi, anh đã cậy tôi, tôi cũng hết lòng, nhưng đã động đến hội-đồng, lặng là ao, động là bể, không quyền riêng một mình tôi được. Xong việc thì anh phải tạ mỗi ông gói chè, hoặc gách thuốc cho có phong thể. Giờ thì anh phải biện lấy mấy mâm chén, còn việc nên chăng thì cứ mặc tôi định liệu.

Ông Chánh-hội vừa bước chân vào trong nhà, thì người nhà tên Thuận tấp-nập, kẻ thớt người dao, kẻ giết gà, người mổ vịt ; cái quang-cảnh lúc bấy giờ chẳng khác chi đám khao hay ngày giỗ vậy. Một lúc cỗ bàn bưng lên, nào ông Hội, ông Lý, ông Ký, ông Thủ, ông Biểu, ông Trương ăn ăn, nói nói, cười như nắc-nẻ, truyện tựa pháo rang, cái vinh-hạnh của các ngài trong lúc ấy thực đúng như câu : « *Quốc, Công Hầu ; dân, Tổng Lý* » của cổ-nhân truyền lại. À quên ! còn ông Chánh-hội thì bắt sự-chủ khiêng cái chõng bắc ở chỗ thị Vui nằm, ông xin phép Hội-đồng ra đấy chén, cho tiện sự trông nom. Vì ông có lòng nuông thầy tớ ; cho tuần tráng vào nhà trong ăn uống và tiện rịp ông sẽ giở cái tài hùng-biện, cùng cái mẹo khôn khéo để dọa nạt thị kia, nếu thị mà bùi tai trúng kế thì việc xử này không cần phải tốn công giàn ghép cũng có thể im được,

Lúc ấy, đồng-hồ đã đồ 5 giờ chiều, dưới chỗ bóng tre, ông Chánh-Hội đương ngất ngưởng ở trên cái chõng, làm bạn cùng mấy đĩa bát và một lu rượu con con. Một chén, hai chén, ba chén, bất giác đã ngà ngà say, ông sẽ rủ-rỉ bảo thị Vui rằng : « Chị rõ khéo lắm ! con gà của chị liệu đáng được bao nhiêu mà chị cứ quen thói chua-ngoa, bây giờ có phải tật mang, tiền mất, rồi lại đeo lo vào mình, làm cho chúng tôi cũng phải long-đong, lật-đật, bỏ công bỏ việc, ra ngồi ở đây. Trước tôi nghe thấy nói chị là một người tốt nín lắm kia mà, sao lần này chị lại nóng nẩy quá thế ?

— Thưa cụ : Trong làng với nhau, cụ còn lạ gì, từ ngày thày cháu mất đi, anh ta soay-xở đủ vành, cụ tính nuôi con gà thì ai giữ cho khỏi đi hàng xóm được, thế mà hễ nó chạy sang là mắc ngay vào bẫy, đã năm lần bẩy lượt, chứ có phải một hai bận mà thôi đâu, nếu con cứ nín nhịn mãi thì được chân, lân đến đầu, chắc có ngày mẹ con nhà con sẽ không còn cái bát mà ăn mấy hắn. Thôi thì còn ăn hết nhịn, có đục rồi mới có trong, nhờ cụ lấy bụng công bằng, cứ lập biên-bản giải trình cho, hay giở đã có quan trên đèn giời soi xét.

— À chị này lý-sự thật ! được, thế nào chị chả được xuống quan, mà chị cứ nóng nẩy thế ! Chị có biết người ta thường nói : « *kẻ được mười bốn quan năm, kẻ thua mười lăm quan chẵn* » là nghĩa thế nào không ?

Thôi, nói phải, chị cũng chả biết nghe, *bất kiến pháp, bất tri ơn*, 8 giờ sáng mai, đến quan rồi chị biết.

— Vâng cụ giậy con cũng xin vâng, nhưng nó đánh con thâm tím cả người lên thế này, không biết có khỏi chết không ? Nhờ cụ lượng xét cho.

— Gớm nhỉ ! thằng vũ-phu thật ! thế ra chị đau lắm kía à ? Để tôi thử xem qua một chút xem nào... Vừa nói, vừa bước xuống chỗ thị Vui nằm, trước còn xem những vết ở chán, ở má, sau dần dần cụ xẽ rờ xuống đến ngực.

« Thế còn hai vết thương nặng này thì nó đánh bằng gì mà đau xưng gớm-ghiếc thế này ? rõ tội-nghiệp ! »

Thị Vui xấu-hổ đỏ bừng mặt ! vội-vàng choàng giậy chạy phăng đi nơi khác.

Ông Chánh-Hội thấy thị đã trúng kế của mình, liền làm bộ quát tháo :

— À, con này to gan thật, dám lập tâm giá họa cho người ! Đau đớn gì nó ! đau sao chạy được... Ông ký cho người về lấy cái thước tây ra đo từ chỗ nó nằm vạ cho đến chỗ nó chạy ra là bao nhiêu, viết biên-bản để ông Lý trình quan ngay lập-tức bây giờ.

Lọt vào tai thị Vui những lời dọa nạt ấy, mặt thị biến hẳn tái lại như không còn một tí máu nào, trời đương nồng nực, mà thị cứ run như cầy sấy, cố giò đến chỗ ông Hội ngồi, lậy lấy lậy để, hồn-hển nói chẳng ra lời:

— Lậy, lậy cụ: con nay mình hóa, con còn thơ, trăm sự con cũng trông nhờ cụ. Ơn ấy rẫu chết con cũng không dám quên, xong việc rồi cụ giậy bao nhiêu con cũng xin thu-xếp.

— Rỗ khéo chị này, nhẹ thì chẳng ưa chỉ ưa nặng, thế giờ chị có biện nổi hai chục không?

— Vâng, nếu có đơn sai, đã có quỷ-thần hai vai làm chứng».

Ông Chánh-Hội lấy làm đắc ý lắm, vội-vàng khấp-khểnh bước vào trong nhà, trình bầy với Hội-đồng rằng:

« Tôi lấy lòng thành thực khuyên bảo cả hai bên, bây giờ chúng đã biết nghe, thôi thì đánh kẻ chạy đi, chứ ai nỡ đánh kẻ chạy lại, các ngài nên cô-khoan cho chúng một lần; nếu tái-phạm sẽ không dong».

Một hồi sau, biên-bản hòa-giải của hội-đồng chưa ráo mực, thì số bạc của hai bên không cánh mà tự-nhiên bay ngay vào trong tráp ông Chánh-Hội, còn các viên chức thì đã được bữa chén no say, lại giắt về kẻ gói chè, người gách thuốc, ai nấy đều vui mừng hớn hở và có ý cảm phục cái tài thao-lược của ông Chánh-hội là một bực thâm niên lão-luyện.

Bạn nói xong câu truyện, thì đồng-hồ trên vách đã đổ 12 giờ. Ký-giả vội-vàng xin phép bạn tắt đèn đi nghỉ; mừng thầm ra ngõ gặp giai, không mất tiền mà cũng được nghe một tấn tuồng rất náo-nhiệt.

Tập-chí **Nguyễn-văn-Luyện**

HOP-LONG

N° 62, Rue Maréchal Foch, *(Phố Hàng-Dầu)*

NAM-DINH

XƯƠNG TO NHAT

chuyên môn chế tạo và chữa các thứ máy-móc, các đồ dùng bằng kim-khí.

Được ban Hội-đồng khảo-xát Hội-chợ lần thứ 6:

ban khen **DANH DỰ VĂN BẰNG**

Do một viên Đốc-công rất am-hiểu, và rất sành nghề giám-đốc.

XƯỞNG HỢP-LONG chế tạo những tủ sắt:

COFFRES-FORTS, theo y như các mẫu của Thái-tây, các đồ dùng làm nhà cửa rất tinh sảo và theo mẫu tân thời:

BAO-LAN, CHẤN-SONG *vân vân...*

XƯỞNG HỢP-LONG lại chế tạo các thứ: **CÂN-TÂY** *(Bascules)*

XƯỞNG HỢP-LONG chữa và lắp **XE Ô-TÔ**, các đồ **ĐIỆN** như: quạt máy **MA-NHÊ TÔ** vân vân.

Đồng bào ta giúp lẫn nhau, Bản-hiệu mong các quý khách xa gần chiếu cố.

HOP-LONG

LÃ-QUÝ-TIẾP cẩn bạch

Xã-Hội Ba-dào-ký

Ba năm Vua mở khoa thi,
Lộn chồng giả của, em đi bán hàng.

Hai câu phong-rao ấy, tôi từ thủa nhỏ có nghe, mà đến nay không thấy ai hát; nghĩ chẳng vì thực-cảnh của xã-hội xưa sau biến đổi, cho nên câu hát cũng theo đó mà chôi chìm đi mất ru? Nhớ ngày nào vào khoảng tháng mười đây, có nhẽ đó là năm Bính-ngọ (1906), năm ấy có khoa-thi Nam-định, tôi theo ông anh làm Phúc-khảo đi chấm trường. Các quan tiến trường, lính hầu áo nỉ; học-trò ứng thí, đầy tớ gọng lều. Phố Khách, Hàng-Thao, ngựa xe chật ních; Mỹ-trọng, Lang-tĩnh; đường xá chen mông; con gái kén chồng, hai bên hàng phố. Cái quang-cảnh ở Nam-định khi ấy, tưởng không có hội nào vui bằng. Khoa-thi năm ấy, học-trò chưa pha vẻ văn-minh, thi-cử hãy còn theo lối cũ; Kinh-nghĩa, thơ phú, văn-sách, ba kỳ thêm kỳ nữa là bốn. Ông Cử, ông Tú, xuất thân toàn thị các ông đồ trong làng nho. « *Giải lưng, tốn vải, ăn no* »; mà rồi bảng vàng, mũ bạc, lọng xanh; vinh quy bái tổ! mà rồi nữa Hoàng-giáp, Thám-hoa, Tiến-sĩ, thênh-thênh đường cái thanh-vân. Nữa mà rồi võng lọng ngựa xe, lâu đài chung đỉnh, phu-nhân công-tử, phú quí vinh hoa. Bao các sự chưa có mà có thể sẽ có của các đồ trong làng nho khi bấy giờ, đủ đối với các bạn quần-thoa ta, rất là có giá-trị. Cho nên trong xã-hội, mới có câu ca-rao như xưa.

Khoa Kỷ-dậu (1909), phép thi đổi mới, kỳ văn-sách đem lộn lên trên nhất, bài ra năm đạo, rồi đến kỳ luận là thứ hai. Phần chữ nho thì có như thế. Kỳ thứ ba mới có thi quốc-ngữ; ai muốn thi chữ tây thì thi. Từ đấy mà con đường Lang-tĩnh, Mỹ-trọng đây, « *Giầy cao ống mau chân thời bước trước* ». Khoa Nhâm-tử, (1912) thi-cử như khoa trước, mà cảnh-tượng thêm não-nùng, mưa gió chết người (1), đến lúc văn-chương tàn cục vậy. Sau còn khoa Ất-mão (1915) nữa là hết; cờ bạc canh cuối, ai vơ được cũng hơn không.

Nghe khoa-thi năm ấy, quan Thượng-Đoản có bài thơ chữ nho, mừng các ông tân-khoa rằng:

維新學界同文日
Duy tân học-giới đồng văn nhật,
守舊儒科結局年
Thủ cựu nho khoa kết cục niên.
筆陣背城鏖一戰
Bút trận bội thành ao nhất chiến,
詞壇射策獻三千
Từ đàn sạ sách hiến tam thiên.
平生辛苦當如是
Bình sinh tân khổ đương như thị,
前路功名未必然
Tiền lộ công danh vị tất nhiên.
笑我蓴鱸秋興晚
Tiếu ngã thuần lô thu hứng vãn.
南城再接鹿鳴筵
Nam-thành tái tiếp lộc-minh diên

TAN - DA

(1) Năm ấy một ông đồ người ở Phú-thọ, vì rét quá, chết ở trong trường.

BẮC-SỬ LƯỢC THUẬT

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

(Tức **Bắc-sử diễn-nghĩa** đã in ra ở hai số **11** và **12**, nay đổi làm tên này cho được hợp với thực nghĩa hơn. Tiếp theo số **12**).

Vua Bình-vương nhà Chu đã lên ngôi, lấy rằng chỗ kinh-đô là Cảo-kinh (nay thuộc tỉnh Thiểm-tây) giáp gần với di-địch, sợ lại có cái vạ như U-vương bị giết, cho nên bỏ chỗ Cảo-kinh không ở nữa, mà dời đóng kẻ-chợ ra Lạc-ấp, gọi là Đông-đô (nay thuộc tỉnh Hà-nam). Từ đấy quyền lực của thiên-tử hèn kém, không ban bảo nổi các vua chư-hầu. Các nước chư-hầu, nước lớn đánh nước bé, nước mạnh cướp nước yếu, rất là tự-do, không cần biết có thiên-tử chi hết. Đức Khổng-tử sửa lại kinh Xuân-thu là sách sử-ký của nước Lỗ, có chép từ trong đời vua Bình-vương năm thứ 49 (722 trước kỷ-nguyên lịch tây) giở xuống, tất cả trong khoảng 242 năm cho nên người đời sau nhân gọi khoảng đời ấy là đời **Xuân-thu.**

Trong khoảng đời Xuân-thu ở Trung-quốc, nói về sự trị-an của triều-đình thời kể là đời loạn ; xét về sự tiến-hóa của dân-tộc thời có vẻ hơn xưa. Nguyên vì uy-quyền không thống-nhất, cho nên có cạnh-tranh ; có cạnh-tranh mà tự có tiến-hóa. Các nước chư-hầu trong lúc ấy, nước mạnh muốn xâm-chiếm, nước bé phải giữ mình, cho nên nhân-tài sinh ra nhiều ; nhân-tài sinh ra nhiều, mà văn-vật trí-thuật phải hơn trước. Kể tất cả các nước chư-hầu trong lúc ấy, *Công, Hầu, Bá, Tử, Nam* năm bực, và *phụ-dụng* (1), lớn bé có hơn một trăm nước. Nước lớn mà có uy lực, như Tề, Sở, Tần, Tấn ; nước bé mà có văn-vật, như Lỗ, Vệ, Tống, Trịnh, đều là những nước có nhiều sự-cố ở trong đời Xuân-thu. Nay đại-để tùy theo sự-cố sau trước, lựa chọn những tích chuyện có thú, không cứ dài ngắn, truyện nào diễn thuật đi truyện ấy, để cung chư khán quan.

* * *

Trong đời Xuân-thu, nước bé mà có vẻ văn-minh hơn, có người bảo là nước *Trịnh.*

Nước Trịnh, mặt tây-bắc có nước Tấn, mặt đông-nam có nước Sở, ở sen vào 2 nước mạnh lớn như thế, cho nên thường phải lo nghĩ nhiều ; cũng vì thế mà sinh ra lắm nhân-tài mà có vẻ văn-minh hơn nước khác. Trong sự văn-minh, thường không khỏi có nhiều trí-trá, hãy xem như một ông nước Trịnh là *Trang-công.*

Trang-công, tên là Ngụ-sinh, là con vua Võ-công nước Trịnh. Nguyên vua Võ-công nước Trịnh, lấy con gái vua Tề, họ Khương sinh ra Trang-công và Cung-thúc-Đoạn. Bà Vũ-Khương trong lúc Trang-công, nhân vì có sự khó đẻ, chết khiếp đi mà rồi mới sống lại, do sự sợ ấy, cho nên ghét Trang-công mà yêu Đoạn hơn, thường xin với Võ-công để dựng Đoạn lên làm thế-tử, Võ-công không nghe. Đến khi Trang-công đã lên ngôi, bà Khương xin phong cho Đoạn ở ấp Kinh, gọi là **«Kinh-thành-thái-thú »**.

Bài thơ này ý-nghĩa đại-khái là :

Trong cõi học mới, nay là buổi chữ nghĩa thông-đồng. — Sự thi của nhà Nho, đến năm nay nữa là khoa cuối. — Trong trận bút-nghiên quay lưng vào thành đánh nhau một phen nữa. — Trên đàn văn-chương thi bài văn-sách dâng lên ba nghìn chữ để thi. — Cái công học cay đắng bấy nhiêu lâu, nên được có như thế. — Mà con đường công-danh sau này chưa hẳn ra làm sao. — Cười rằng ta nhớ mùi thuần-lô, muốn nghỉ chức về mà chưa được. — Ở chốn Nam-thành nay lại dự tiếp bữa tiệc Lộc-minh.

Lộc-minh là bữa yến ban cho các ông tân-khoa. — Nghe năm ấy trên nhà Thập-đạo có cả các quí-quan và phu-nhân các ông tân-khoa bái kiến, sự thể rất long-trọng.

(1) Phụ-dụng 附庸 là một nước bé phải phụ thuộc vào nước khác, mới được đạt lên đến thiên-tử.

Quan Đại-phu nước Trịnh là Sái-Trọng, nói với Trang-công rằng:

« Cứ phép của Tiên-vương ngày xưa, phàm phong cho con em, chỗ đô-thành nào lớn nhất, chẳng qua bằng một phần ba đô-thành của nhà nước; bực giữa thì bằng một phần năm; bé thì bằng một phần chín. Nay ấp Kinh, đô-thành quá độ, không phải phép, sợ rồi sau vua khó trị chăng!

Trang-công nói: — Bà Khương muốn vậy, còn tránh gì sự họa-hại!

— Bà Khương thời còn biết thế nào là vừa! chẳng bằng vua phải sớm liệu, đừng để cho như cỏ lan mạnh. Đám cỏ mọc lan ra, còn khó mà trừ trị đi được; phương chi là người em yêu qui của vua ru?

— Làm nhiều sự bất-nghĩa, thời rồi tự-khắc phải chết. Nhà ngươi hãy đợi coi».

Vậy rồi Thái-thúc (tức Cung-thúc-Đoạn) khiến bắt các ấp ở cõi tây, cõi bắc của nước Trịnh đều nhị tâm với mình. Quan Đại-phu nước Trịnh là Công-tử Lã lại thưa với Trang-công rằng:

« Nhà-nước không thể để cho có sự nhị-tâm như thế được, Vua định nghĩ làm sao? Nếu vua mà muốn cho hẳn cả Thái-thúc thời tôi xin thờ luôn; nếu không cho, thời xin phải trừ bỏ. Chớ nên để cho dân trong nước có sự hai lòng.

— Không cần! rồi tự-khắc nó chết ».

Thái-thúc lại thu những ấp đã nhị-tâm, lấy hẳn làm của mình.

Công-tử-Lã nói:

« Thôi, bây giờ nên rồi! Hắn đã phong-thịnh, thời rồi được lòng chúng.

— Bất-nhân bất-nghĩa, phong-thịnh cũng sắp mất đến nơi: »

Thái-thúc sửa thành quách, tụ nhân-dân, xắp khí-giới, dự-bị các sự-thể để bất-kỳ vào đánh Trịnh. Phu-nhân (Võ-Khương) sắp mở đường cho vào. Trang-công nghe đích tin, nói rằng:

« Thôi, bây giờ nên rồi! »

Bèn sai Công-tử-Lã xuất hai trăm cỗ binh-xa (1) để đánh ấp Kinh. Dân ấp Kinh phản Thái-thúc-Đoạn. Đoạn chạy sang ấp Yền. Trang-công theo đánh ở Yền. Thái-thúc chạy ra Cung (Vậy gọi là Cung-thúc-Đoạn).

Trang-công đã trừ đuổi được Cung-thúc-Đoạn, bèn đem bà Võ-Khương để ở riêng ra một nơi là ấp Thành-Dĩnh, mà thề với bà rằng: « Không tới suối vàng, thời không trông thấy nhau! » Vậy rồi mà có ý hối. Ông quan coi bờ-cõi ở miền ấy là Dĩnh-khảo-Thúc nghe biết sự như thế, nhân có việc vào hầu vua (Trang-Công), được vua ban cho ăn; trong khi ăn, mỗi thức thịt để riêng ra một ít. Vua hỏi ý. Khảo-Thúc thưa rằng:

« Kẻ tôi-mọn này có mẹ, ở nhà ăn những thức ăn của kẻ tôi mọn đã là thường, chưa từng được ăn canh của vua. Vậy xin đem về cho.

Vua nói: — Mày có mẹ mà cho, như ta lại không có!

— Dám thưa vua dạy thế là sao?»

Trang-công nhân đem sự mình làm, bảo cho Khảo-Thúc biết, và bảo rằng có ý ăn-năn.

Thưa rằng: « Vậy thời vua có lo gì! Nay ví đào đất cho đến suối, làm đường hang để gặp nhau mà cùng trông thấy nhau; như thế thời ai bảo là không phải? »

Trang-công bèn làm theo như lời của Khảo-Thúc nói. Rồi vua từ ngoài vào mà đọc thơ ở trong cái đường hang lớn, vui vẻ mừng tươi; bà Khương từ trong cái đường hang lớn đi ra mà đọc thơ, tươi vui thư-thái. Mẹ con từ đấy lại như xưa.

* *

Cách đó ít năm, vua Trang-công nước Trịnh cùng với vua Tề, vua Lỗ, cùng đem quân đánh nước Hứa (một nước nhỏ ở gần Trịnh). Ba quân bọc kín ở dưới thành,

1. — Một cỗ xe binh ngày xưa, có quân mặc áo giáp ngồi trên xe, 3 người; quân đi chân kèm theo xe, 72 người. Vậy thời 200 cỗ xe, tức là có 14, 400 người quân.

quan Đại-phu nước Trịnh cầm lá cờ của Trịnh, tre trước lên mặt thành, vung-vẫy mà bảo cho chúng rằng: « Vua lên rồi! » Quân nước Trịnh lên hết. Bèn vào chiếm thành của nước Hứa. Vua Trang-công nước Hứa bỏ chạy sang nước Vệ. Tề, Lỗ hai nước lấy Hứa nhường cho nhau, không ai nhận, rồi cho về người Trịnh.

Trịnh-bá (tức Trang - công. Vua Trịnh tước bá, cho nên gọi Trịnh-bá) sai quan Đại-phu nước Hứa là Bách-Lý hầu dựng em vua Hứa là Hứa-thúc để ở coi trị một nửa nước Hứa về cõi đông, bảo Bách-Lý rằng:

« Giời reo vạ xuống cho nước Hứa, quỷ thần thực không hả lòng với vua Hứa mà mượn tay ở ta là kẻ ít đức này.

Quả-nhân (nghĩa tức là một người ít đức, là tiếng thường của các vua chư-hầu tự xưng) này, ngay chỉ như mấy vị phụ-huynh ở trong nước (các bề tôi cùng họ), còn không cung-cấp, yên - ủi được; đâu còn dám lấy nước Hứa kể làm công của mình ru? Quả-nhân có em (trỏ Cung-thúc-Đoạn), còn không ăn ở cho hòa-chi còn mong với nhau được, mà phương-thuận yên vui có mãi nước Hứa được ru! Nhà anh nên trông coi hầu hạ ông Hứa-Thúc để trị yên các nhân - dân ở đây; rồi ta sẽ sai tên Hoạch (quan Đại-phu nước Trịnh, Công-tôn-Hoạch) nó giúp đỡ nhà anh. Sau này vì bằng quả-nhân được yên-tuyền mà nhắm mắt đi nữa, giời mà tử-tế với nước Hứa, nguôi cơn giận dữ mà thôi giáng tai vạ, thời chẳng thà để cho vua nước Hứa (Trang - công) lại về mà trông coi lấy công việc tế tự, như thế thời nước Trịnh ta mà có sự cầu thỉnh gì, cũng kể như hai nước giâu-da ngày xưa, hẳn nước Hứa cũng có thể nén lòng mà theo ý nhau được. Đừng để cho giống nòi nào khác đến đây chiếm ở, mà sẽ cùng với nước Trịnh ta cùng tranh nhau cái chỗ đất này, thời con cháu của Trịnh tôi sau này những lo lụn bại còn chưa song, mà phương - chi còn giữ được sao những sự thờ cúng núi sông cho nước Hứa! Cho nên như Quả-nhân mà sai nhà anh ở coi đây, không những là chỉ vì nước Hứa, thực cũng có nhờ để bền vững chốn biên-thùy cho ta.»

Trịnh-bá đã bảo Bách-Lý như thế, bèn sai Công-tôn-Hoạch ở coi cõi tây nước Hứa, bảo Hoạch rằng:

Phàm những đồ dùng của cải gì của mày, đừng có để ở nước Hứa. Ta chết, mày nên bỏ mà đi ngay. Đấng Tiên-quân ta được phong ra ở Trịnh đây, kể cũng chưa lấy gì làm lâu; nhà vua Thiên-tử mà xuy hèn, thời con cháu họ nha Chu (Trịnh cùng họ với nhà Chu) rồi mỗi ngày mất cả ngôi bực. Như nước Hứa là giòng dõi vua Thần-nông tự trước, giời mà đã không ưa nhà Chu nữa, thời ta tranh với Hứa được sao?! »

Năm Trịnh-bá đánh Hứa mà đặt người cai-trị như thế, chính là năm thứ 11 vua Ẩn-công nước Lỗ, năm thứ 8 vua Hoàn-vương nhà Chu, trước *kỷ-nguyên lịch tây 712 năm*, kể đã là có cái **chính-sách bảo-hộ** vậy.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn-khắc-Hiếu

KÍNH-CÁO. — Các ngài có lòng yêu Bản-chí mà gửi văn thơ lai-cảo, xin cho biết rõ chỗ để thư, để Báo-quán đồng-nhân được tiện sự đi lại thư tín. Đa hạnh.

An-Nam Tạp-Chí

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

MỘT BẢN LUẬT NÊN BIẾT

Từ điều thứ 5, thứ 10 bản luật ngày 24 Mai 1934 về dùng súng đạn trận sẽ thi hành ở Đông-Pháp.

Các trường hợp ấy thi hành cho người Tây và người được quyền như người Tây cùng cả người bản-xứ và người Á - Đông như người bản-xứ thuộc quyền tòa án tây.

« Làm ra, hoặc có, hoặc cầm giữ những súng « ống, đạn dược, hoặc mang khí giới ở trong « cõi Đông-Pháp thì vẫn theo như Chỉ-dụ 21-4-1918 « 29-7-1921 và 27-11-1927.

Bản luật ngày 24-5-1834 về việc được giữ súng đạn trận. — Điều thứ 5. Những kẻ mà trong khi giấy loạn mang súng ống lộ ra ngoài, hay giấu kín hoặc đạn dược, hoặc quần áo giấu hiệu, hoặc đeo cái biểu hiệu riêng gì về văn hay võ thì phải tội đồ.

Nếu vừa mang súng ống, đạn dược lộ ra ngoài hay giấu kín mà lại vừa mặc áo giấu hay đeo biểu hiệu gì thì phải tội lưu.

Nếu mà lại lợi dụng khí giới ấy thì phải tội chết.

Điều thứ 6. — Những kẻ trong lúc giấy loạn mà đánh hoặc rọa cướp các cửa hàng khí các đồn, các kho, xưởng súng, các công sở, hoặc bóc lột khí giới của lính tráng để cướp lấy những súng ống và đạn dược thì mỗi tên phạm phải phạt thêm tiền là từ 200 quan đến 5000 quan.

Điều thứ 7. — Những kẻ trong khi rối loạn, hoặc đánh, hoặc rọa mà sông vào nhà có người ở, hoặc nhà ở của người ta thì cũng phải phạt như vậy.

Điều thứ 8. — Những kẻ trong khi rối loạn để đánh hoặc để kháng cự lại binh lính mà chấn vào hoặc chiếm lấy các đồn và các công sở thì phải tội đồ.

Vào ở nhà nào hoặc chủ nhà hay người thuê nhà thuận cho cùng phải tội như thế, mà nhà chủ hoặc người thuê ấy đã biết rõ mục đích bọn phiến loạn mà chúng không bắt ép cũng chứa thì cũng đồng tội với bọn kia.

Điều thứ 9. — Những kẻ trong khi biến loạn mà dúp đỡ để đắp ụ làm rào, đào hầm, hoặc các công việc gì để ngăn trở binh lính tiễu nã thì phải tội đồ ;

Kẻ nào dùng bạo động hoặc rọa rẫm ; gọi hay sắp quân lính, hoặc phát hịch, truyền bá phát cờ, phát hiệu, hoặc các cách khác, sui khiến hoặc dúp đỡ cho bọn phiến loạn tụ họp.

Kẻ nào phá hoại một hay mấy cột giây thép, hoặc đánh hay rọa sông vào một hay nhiều nhà giây thép, hoặc đánh hay là rọa để ngăn cấm không cho thông tin tức lên quan trên.

Điều thứ 10. — Những tội kể ở trong luật này không can thiệp gì đến những tội ác trước của phu nhân hoặc chính, hoặc tùy.

Nhưng nếu nhị tội đều phát thì lấy tội nặng nhất mà luận.

Sách cấm và báo cấm

Quan Tàn-Quyền Đông-Pháp đã ký nghị-định ngày 4 Octobre 1930 cấm không được mang vào và lưu hành trong cõi Đông-Pháp những báo và sách kê ra sau này :

Báo chữ nho

Shang - hai - Pao 上海報

Hong - Ki 紅旗

Sách chữ nho

(In tại Shang-Hai)

現代索隱

亞西偉人軼事

萬事元始

Tứ-Dân 32

Bắt được nhiều báo Cộng-sản

Sáng hôm nay mấy viên Cẩm sở Mật - thám Tây, Mật-thám ta đi Ca-mi-ông khám mấy nhà trong thành-phố. Khám xong bắt được rất nhiều báo cộng-sản. Báo này tên là báo « Lao-khổ » trong đăng rất nhiều tin tức về đảng Cộng-sản ở Đông-dương và các việc hành động của đảng. Lại cổ động biểu tình đình công... Những báo này bọn cộng-sản in ra mà chưa phát được thì đã bị bắt ngay. Lại có bắt được nhiều đồ vật in các thứ báo này và truyền đơn. Hiện trưa hôm nay các viên chức sở Mật-thám vẫn còn canh gác các nhà ấy. Nhiều hòm đựng báo Cộng-sản đã cho mang về sở Mật-thám để xét.

Phổ-Thông 4 Décembre 1930

Bắt được một người ở ngoại-quốc về

Các nhà chuyên trách vừa mới bắt được một người ở Hà-tĩnh. Người này tên là Ng-doãn-Ái tức Trực quán ở Bắc-kỳ, mới ở Nga về và có can vào các việc biểu-tình ở miền Bắc Trung-kỳ. Hiện đã cho giải người này ra Hanoi.

Phổ-Thông 29 Novembre 1930

Một người mang sách và báo cấm bị bắt

Saigon. — Vừa rồi viên lính cảnh sát quận thứ nhất nhân đi tuần ở gần nhà thờ thấy một người thiếu niên độ chừng 18, 20 tuổi cắp cái gói, thái độ khả nghi, chạy lại hỏi. Xét ra thì có một quyển sách cấm và một tờ báo cờ-đỏ, là tờ báo cơ quan của đảng cộng-sản.

Đem về bóp tra vấn người này nhất định không chịu nói gì.

Phổ-Thông 28 Octobre 1930

Hai tên lính giả mạo mật- thám bị bắt

Tây-ninh. — Lâu nay có hai tên vô lại thường về làng Phước-chỉ giáp hạt Tân-an và Soai-riêng, nói mình là mật-tám nhà nước để những nhiễu dân. Được tin quan chủ tỉnh Tân-an sai viên đội Nguyễn-văn-Lý và bốn tên lính về làng Phước - chỉ để dò bắt, thì vừa gặp hai tên kia đương xét giấy dân làng tại nhà phó hương hào. Viên đội Lý liền cùng lính áp vào bắt trói, xét trong mình chúng nó có một khẩu súng lục và hai tờ truyền-đơn cộng-sản.

Hiện đã giải về tỉnh giao lại cho quan Biện-lý.

Phổ-Thông

Làm truyền-đơn vu cho người lương thiện

18 Novembre tòa án Nam-định xét cái án Thái, Sơn làm mật-thám mà lại làm truyền-đơn cách mệnh định vu oan cho người ta để lập chút công danh hão huyền bất nghĩa, nếu không may mà tội ác của chúng nó không phát giác ra, thì đã biết bao nhiêu người phải hàm oan chịu khổ. Một bọn 7 người cũng vì chúng nó tố cáo, mà phải bắt giam để tra cứu, nếu chậm chừng một tháng nữa, mà việc hai tên này không phát ra, thì 7 người kia phải ở chốn lao-tù chưa biết ngày nào mới được ra. May thay công-lý vẫn còn, nhân-đạo chưa mất, nên cái oan đó đã giải tỏ được cho 7 người kia!

Trong cái thời-gian này cái hạnh phúc của nhân-dân, thì đã vào trong tay của người có quyền-bính, một điều nhầm lỗi, một chút thiên lệch, cũng đủ làm cho quốc dân chịu nhục hàm oan, vậy cho nên các bậc cầm quyền trị dân, nhất là về phần các quan tư-pháp, mong sao cầm cân cho rất đúng mặt cân, vì lỡ thiên một tí, là họa cho người đời không xiết kể.

T. B.

Tòa hỏi chứng cớ hiển nhiên, tuyên án phạt :

Nguyễn-cự-Thái : 15 năm khổ-sai.

Mai-xuân-Sơn : 5 năm khổ-sai.

Nguyễn-văn-Lý : được tha bổng.

Xử xong tội âm mưu làm truyền-đơn giả đánh lừa chính-phủ và làm mất sự trị-an, tòa lại hỏi luôn đến việc vu-cáo cho nhân dân lương - thiện.

Nguyên hồi tháng Août trước vụ làm truyền đơn giả được ít lâu, Thái và Sơn có báo bắt bọn Giáo-Thâm là người cộng-sảo nhưng sau quan trên tra xét biết bọn họ là oan, nên đã tha cho cả rồi. Thì nay những tên Nguyễn-hữu-Thu, Trần-văn-Lễ và Phạm-văn-Khóa, đều đầu đơn kiện Sơn và Thái về tội vu cáo cho họ.

Tòa tuyên án phạt :

Sơn 3 năm tù.

Thái 5 năm tù.

Về tội vu cáo cho lương - dân.

Thế là cộng tên Sơn bị tất cả 8 năm tù, tên Thái 20 tù.

Đáng kiếp cho bọn giã-tâm.

Phổ-Thông

Đỗ-kim-Ngọc

Viên tri-phủ Đỗ-kim-Ngọc nay đã gần 59 tuổi đầu, có một cái gia-đình 7 con, làm việc nhà nước đã 28 năm nay, từ trước vẫn là một viên quan rất là mẫn-cán và trung-thành. Hồi năm 1911 ông theo quan khâm-sai Lê-Hoan đi giẹp Đề-thám có công được đặc-cách ân-thưởng, hồi nam 1913 lại được đặc-ân thăng-thưởng. Năm 1915 khi còn làm tri-châu, quan trên ban giấy khen cho là một viên quan thông-minh, mẫn-tiếp, trong hàng tri-châu vào hạng nhất, ông làm với viên thủ-hiến cũng được khen. Đáng tiếc thay, một viên quan lại như thế mà hồi tháng Février vừa rồi, sau khi sẩy ra việc Lâm-Thao, lại phạm vào các tội hối lộ như ngày nay, dung túng cho thủ-hạ làm càn, bắt người rồi dọa lấy của mới tha.

Xem qua trong Hồ-sơ Hội-đồng Đề-hình ở Phú-thọ, theo lời các người chứng khai thì rõ là viên phủ Ngọc đã làm càn. Trước hết nói đến hồ-sơ số 23, việc ông phủ Ngọc ăn

tiền của Vũ-văn-Mô (một người đã bị Hội-đồng Đề-hình kết án tử-hình nhưng được ân giảm), việc khám xét viên Thủ-quỹ và các tội khác nữa.

Viên phủ Ngọc là một ông quan tòa đệ nhất cấp, cần phải công-minh sao lại làm việc ám muội như thế.

Viên tri phủ Đỗ-kim-Ngọc phạm tất cả 46 việc hối-lộ, nhưng 4 việc tòa xét cho là vô-can còn 42 việc nữa, bị kết án 3 năm tù, 200 đồng bạc phạt và phải bồi thường lại tất cả các món tiền đã lấy của dân.

Đỗ-khắc-Bồi 2 năm tù, 100$00 phạt.

Nguyễn-duy-Quế 2 tháng tù.

Đỗ-văn-Chiêu tức phó Chiêu 6 tháng tù, Đào-văn-Thuyết 2 tháng tù.

Trần-văn-Chu kết án vắng mặt 1 năm tù, Kiều-văn-Phượng 6 tháng tù, Nguyễn-văn-Cương và Triệu-văn-Điền mỗi người 5 đồng bạc phạt.

Tất cả các người bị cáo đều phải liên đới chịu các tiền án phí. Tuyên án xong đã 6 giờ rưỡi.

Thế là kết liễu vụ Đỗ-kim-Ngọc ăn của đút.

Đảng cộng-sản bạo động ở Mỹ

Nữu-ước — Tại Nữu-ước có chừng 1500 người về đảng cộng-sản họp tập ở trước một nhà hàng rượu, rồi cùng nổi lên bạo động đánh nhau với lính cảnh sát, 20 người bị thương, 30 người bị bắt.

Quân Cộng-sản vây bọc tỉnh Trường-Sa

Thượng-Hải. — Phong trào cộng-sản ở Hồ-Nam càng ngày càng lan rộng. Hiện nay tỉnh ấy về phía Tây - Bắc thì mấy huyện Tàn-lễ, Nam-hoa lần lượt bị hãm hết cả ; về phía Đông thì : Bính-Giang, Lưu đương cũng đều thất thủ, bộ của Lưu-Kiến-Tự đã phải từ Lưu-đương lui về Vĩnh-an, bộ của Đào-quảng thì ở Bình-giang lui về Cao-Kiều Kim-tỉnh giàn thế phòng bị, xứ Mịch-La cũng bị quân cộng-sản chiếm cứ, ở vũ-trường đường đi không thông, về phía Nam thì Trà-lăng An-nhân lại mới bị hãm, Du-duyên và Hành-sơn, Hành-dương đều nguy cấp lạ thường. Trường-sa đã thành thế bị bọc, cả tỉnh đều khủng hoảng, các pháp - đoàn đã phái hơn mười đại-biểu đến Nam-kinh xin Tưởng-giới-Thạch tự mình đốc quân đánh giẹp.

Phổ-Thông 26 Novembre 1930

Sự giao thiệp của hai nước Trung-hoa và Đức

Thế lực nước Đức ở Trung-Hoa ngày một tăng lên, khiến liệt cường phải chú ý. Rồi đây Tưởng-giới-Thạch sẽ lấy thêm người Đức làm cố - vấn, song vì việc quân, việc buôn bán người Đức cùng người Tầu cũng một lâu một thêm thịnh, vừa rồi phái hộ người Đức sang điều tra về tình hình thương mại và tài chính, được người Tàu đón tiếp rất tư tế, ngoài ra còn nhiều chứng cớ khác cho sự thân thiện của hai nước Đức và Trung-Hoa. Tức như việc hãng thông tin (Qua biển) (Transocéan) của người Đức liên lạc với hãng thông tin « Quốc - Dân » của người Tàu. Hãng « Qua biển » là một nhánh của hãng Wolf đã nổi tiếng gian trá trong hồi Âu chiến. Hãng Quốc-Dân tức trước kia là một cơ - quan của bộ ngoại giao do Trần-hữu-Nhân đặt ra.

Bao nhiêu tin tức đăng ở các báo Tàu hầu hết là tin của hãng Quốc-dân vì quyền ngôn-luận ở Trung-Hoa hẹp lắm. Những tin ấy ngày nào cũng chuyển sang cho báo giới Đức. Trở lại, hãng thông tin của Đức lấy tin thế-giới từ Berlin đánh sang cho sở Vô-tuyến-Điện của chính-phủ Trung-hoa. Những tin ấy dịch ra chữ Tàu chữ Anh rồi đưa cho thông khắp tất cả các báo trong nước. Hẳn chính-phủ Đức phải xuất ra nhiều tiền lắm mới can thiệp vào báo-giới Trung-hoa được như vậy, chủ-ý là tán dương nước Đức và công kích nước Pháp, nước Pologne cùng các nước Tiểu-Đồng-Minh.

Xem các bài thời-bình đăng ở các báo Trung-hoa thì rõ rằng thủ-đoạn của chính

phủ Đức không phải là không công-hiệu. Báo-giới Trung-Hoa xem Đức như là một nước bị các đế quốc áp-bức cùng đồng một địa-vị với Trung-Hoa. Từ ngày bị Đồng-Minh lấy hết thuộc-địa và thu cả quyền lãnh sự tài-phán, Đức xoay mặt thân thiết với Trung-Hoa. Về Chính-trị cũng như về kinh-tế, hai nước ra ý thân mật lắm. Việc Đức can thiệp vào cuộc Nga-Tàu xung đột là một chứng cớ hiển nhiên về phương-diện chính-trị. Về kinh-tế cũng vậy, năm 1913 hàng hóa Đức bán sang Trung-Hoa tất cả 28.300.000 tiền; kể cũng đã nhiều, sang năm 1927 lên đến 56 triệu có lẽ năm nay thì ngót 80 triệu. Còn hàng-hóa Tàu bán sang Đức năm 1913 có 19 tiệu mà năm 1927 đến 23 triệu.

Vả lại Đức và Nga thân thiện cùng nhau nên Đức có thể lợi dụng đường sắt qua Sibérie làm đường giao thông với Trung Hoa. Các công ty hàng hải Nord-Dentcher-Lloyd và Hamburg Amarika-Linie từ năm 1914 không qua Viễn-đông, ba năm nay lại làm việc như cũ. Giá vận tải rất rẻ nên công việc thịnh lắm, có lẽ hai công-ty ấy được chính-phủ Đức giúp.

Phổ-Thông 27 Novembre 1930

TRONG KHI CÁC NƯỚC NÓI CHUYỆN HÒA-BÌNH

. . .Nước Y-đại-Lợi ra lịnh cho quốc-dân phải lo tập luyện

Nội-các Ý đại-lợi đã chuẩn-y cái nguyên tắc rằng « quốc-gia phải lo việc võ-bị » và quyết định một cái lịnh mới bắt buộc rằng: hết thảy nhân-dân trong nước Ý cứ từ 18 tuổi thì phải tập luyện theo như-binh lính để lâm thời trong các đội lục binh, thủy-binh hay đội quân máy bay chẳng hạn, hễ thiếu đâu, thì sẽ điền thêm người vào đó.

Trung-Lập 22 Novembre 1930

Tình hình biến động ở Espagne hiện nay nghiêm trọng lắm

Ở Barcelone, công-đoàn liên hiệp đã tuyên bố thôi cuộc tổng bãi công và khuyên thợ thuyền giở lại làm việc như thường.

Nhưng ở Alicante là một cửa bể trên Địa-trung-hải tình hình rất rắt rối. Cảnh sát đem súng bắn các bến có tầu đậu. Thợ thuyền bỏ tán loạn nhiều người rơi xuống biển và rất nhiều người bị bắt.

Ở Valence, ông đốc trường đại học và ông đốc ban dậy luật điều xin từ chức vì bất bình thái độ ương ngạnh của học sinh.

Ở Séville, xe taxis không chạy nữa. Thợ thuyền đốt phá xe lửa và xe điện. Nhiều người bị bắt.

Phổ-Thông

KINH TẾ KHỦNG HOẢNG

Cuối tháng Juillet vừa rồi ngân sách nước Nhật thiếu đến 17 triệu viên

Đông-Kinh: 19 Novembre. — Bộ tài-chính tuyên bố rằng cuối tháng Juillet vừa rồi, sổ chi nhiều hơn số thu 107 viên; Tổng cộng tất cả chỉ thu được có 185 triệu mà số tiền cần tiêu thì đến 292 triệu. Đấy chẳng qua cũng chỉ là một cái chứng trong nhiều chứng khác, rằng thế giới đương kinh qua một thời kỳ kinh tế khủng hoảng.

Phổ-thông

Tình hình thị trường tơ lụa ở Thượng-hải rất rắc rối

Thượng-Hải. — Tình hình thị trường tơ lụa ngày một thêm nghiêm trọng. Ở Thượng hải có 106 nhà máy kéo tơ mà đến 100 nhà phải đóng cửa. Có lẽ các nhà máy tơ khác trong nước rồi đây cũng phải đóng cửa. Hiện đã hơn 80 vạn thợ thuyền

không có nghề làm ăn, hơn một vạn kiện tơ còn chất trong các hàng buôn không bán đi được. Mỗi kiện giá 1.000 đồng nếu tính ra phật-lăng thì một vạn kiện giá đến 100.000.000, mà tổng cộng tiền vốn tất cả các nhà máy tơ Thượng-hải chỉ có 200.000.000 frs thôi.

Chính-phủ hứa sẽ trợ cấp cho nghiệp-chủ 10 triệu bollars. Nhưng các nhà buôn họ nói cần nhất là phải làm thế nào cho bán được hàng hóa ế đi, chớ trợ cấp cũng không ăn thua gì.

Vì không những hiện đến một vạn kiện tơ không bán được, mà rồi đây sẽ tới 10 vạn kiện đưa vào kéo ở các nhà máy. Ở Nhật-bản, nạn ủng trễ cũng chẳng kém gì Thượng-hải; hai bên tranh nhau bán tơ lục sang Pháp, nhưng Paris và Lyon không mua, còn Châu Mỹ thì thị trường cũng rắc rối chẳng buôn bán gì với ai mấy tý.

Vậy biết làm thế nào? Các nhà buôn yêu-cầu bắt quốc dân phải dùng vải lụa trong nước mà may áo, không được dùng dạ của nước Anh. Nếu được như vậy thì sức tiêu thụ của thị-trường trong nước sẽ gấp mười lần. Nhưng trước hết các bộ-trưởng phải làm gương rồi sau quốc-dân mới bắt chước được.

Có kẻ bàn đánh thuế nhập cảng tơ lụa cho thật cao. Nếu vậy tơ lụa thành Lyon sang bán bên Tàu sẽ không được chạy; có lẽ chính-phủ Nam-kinh sẽ thực hành phương pháp này dầu có trái với vạn-quốc công-pháp cũng mặc.

Phổ-Thông

LE CHIC
Tailleur Élégant
16, Paul-Bert - NAMDINH

HIỆU MỚI MỞ ĐỦ CÁC LEN GIẠ MAY COMPLETS VÀ PARDESSUS
CAI CẮT KHÉO ĐÃ TỪNG LÀM QUA CÁC HIỆU TÂY TA TO NHẤT Ở BẮC-KỲ.
CÁC NGÀI CHIẾU CỐ HẲN LÀ ĐƯỢC THẬP PHẦN NHƯ Ý!

Anh em chị em hâm mộ thể-thao nên đọc:

TUẦN BÁO
BAC-KY THE-THAO
Xuất-bản ngày thứ Ba
TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ Ở SỐ NHÀ 37 PHỐ HÀNG-QUẠT — HANOI

GIÁ MUA BÁO:	Một năm	3.50
	Sáu tháng	1.80
	Bà tháng	1.00
Ngoại quốc:	Một năm	4.50

Đọc báo "Bắc-Kỳ Thể-Thao" tức là cổ-động cho nền thể-thao nước nhà ngày thêm bền vững!

Le Gérant:
PHAM-DINH-KY

Số 15 NĂM CANH-NGỌ 1re S. Janvier 1931

安南雜誌

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 14/54

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUẢN
123 — Rue Maréchal Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH
1931

Các bài vở trong kỳ này:

Lời yêu-cầu của Annam Tạp-chí đối với Quốc-dân Annam ta.

Thơ.

Đức Khổng ngày xưa là người thế nào? (*Tiếp theo số 12*).

Hải-đảm.

Nam-Thành lược-khảo (*Tiếp theo*).

Khoa-Học (*Máy bay tiếp theo*).

Hán-van diễn-giảng.

Xã-hội thiền-đàm (*Nói về thuế xuất cảng*).

Xã-hội ba-đảo ký (*Núi Non-nước tỉnh Ninh-Bình*).

Vũng máu đào (*Tiểu thuyết*).

Ý-kiến và tiểu-tức trong báo-giới.

Số 15 NĂM CANH NGỌ 1re S. Janvier 1931

AM TẠP-CHÍ

IẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƯ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO

Mr VŨ-HÙNG-TOÁN

Phó Chủ-sự

LỜI YÊU-CẦU

CỦA AN-NAM TẠP-CHÍ ĐỐI VỚI QUỐC-DÂN AN-NAM TA

Nước An-Nam ta ngày nay đương thời-kỳ quá độ, phàm các công việc phải tiến-thủ rất cần, mà cơ-quan thời trông ở Báo-giới. Cứ tình-hình trong Báo-giới ta hiện nay, mong được có một báo chí nào đủ làm cơ-quan tiến-thủ cho quốc-dân, thật khó. An-Nam-Tạp-Chí tự nhận cái thiên-chức như đó, cũng chỉ mới là do ở phát-nguyện; còn sự-thực có quả được như thế chang, thời là nhờ ở quốc-dân ta vậy.

Nay hãy nói về cái sự-thể trong báo-giới.

Phàm một báo-quán có hai phần trọng-yếu: Một là **người đứng ra làm báo**; hai là **số tiền để làm báo**. Nói về người làm báo, cần phải là người có học-thức, có duyệt-lịch, có công tâm với xã-hội, có giá-trị với công-chúng; nếu không đủ đại-lược như thế, thời mong gì làm ích cho

quốc-dân. Nói về số tiền để làm báo, cần phải có một cái vốn không ít, eo-hẹp lắm, thời sự làm phải khó-khăn, muốn như ý mà sao được như ý. An-Nam - Tạp - Chí trước kia đã hai lần xuất bản, mà rồi lại hai lần tự đình bản, chẳng qua là vì nhẽ thiếu tiền. Song mà từ *chiếc thuyền nan* mới ra đời **một tấm cô - trung với Quốc - dân, dẫu biết nguy không từ, dẫu thấy lợi không động, dẫu ba đào nghiêng lật mà mũi lái lại như xưa.** Đến nay thời tiền tài tạm đủ, các nhân viên trong báo-quán có thêm; nếu lại được đa-số Quốc-dân đem lòng yêu tiếc, cùng ra công ra sức giúp cho, thời *chiếc tàu An - Nam* sẽ chính là cái cơ-quan có một không hai ở tiền - đồ của Quốc-dân ta vậy. Vậy bản-chí dám xin có lời yêu cầu với Quốc-dân :

1. — Yêu cầu với Quốc-dân hiện tại ở trong nước.

Đối với Quốc-dân ta hiện-tại ở trong nước, thời bản-chí muốn yêu cầu giúp cho những tài-liệu về sự biên-tập, đại-khái xin nói như dưới:

Nói về hình-thắng, chỗ nào có những sông núi hình-thế thắng lợi như thế nào ?

Nói về sản-vật, chỗ nào có sản xuất những vật liệu cùng về các sự ăn dùng như thế nào ?

Nói về công nghệ, chỗ nào có chế tạo ra những hóa-phẩm như thế nào ?

Nói về thương-mại ; chỗ nào có tiện lợi buôn bán những hàng-hóa xuất nhập như thế nào?

Nói về phong tục : chỗ nào có những tập-thượng tốt xấu như thế nào ?

Nói về nhân-vật : chỗ nào có những sự-tích của các danh-nhân đời trước như thế nào ?

Nói về sinh-kế, [illegible] những nghệ-nghi[illegible] thế nào ?

Phàm các sự vật [illegible] liệu cho sự biên-tập [illegible] khiến cho các độc[illegible] biết cái tình - trạng [illegible] vật trong nước nhà [illegible] trong nước đều đc [illegible] chép gửi về cho, thực là [illegible] mong rất thiết vậy.

2. — Yêu cầu với Quốc-dân hiện ở ngoài ba kỳ. — Ngoài ba kỳ, quốc-dân ta đi buôn bán, làm ăn và tùng sự, du học, gần thời như *Ai-Lao, Cao-Mên* ; xa thời như *Paris, Hồng-Kông* và nơi *Tân-Thế-giới*, tất cả các nơi đó, liệu có một số người không ít thay. Quốc-dân ta đi ra ngoài, hẳn cũng có nhiều khi trông về phần-tử gia-hương mà ngậm-ngùi tưởng nhớ. Xuy cái bụng nghĩ đó thời biết các anh em đồng-khí hiện ở nơi bản-quốc, đối với những ai đó chân giới mặt biển, lại bao xiết là tình-thâm ! Vì vậy, bản-chí dám yêu cầu với khắp thảy quốc-dân ta ở ngoài ba kỳ, cũng xin giúp cho tài-liệu về sự biên-tập ; đại-khái có mấy điều, xin nói như dưới :

Trong một địa-hạt lữ-ngụ, số đồng-bào ta đại-ước có là bao nhiêu người ?

Sự buôn bán, làm ăn và học tập, đại-lược như thế nào?

Đồng-bào ta ở những nơi lữ-ngụ đó, tình-ý ăn ở với nhau như thế nào ?

Cái địa-vị, giá-trị, của quốc-dân ta lữ-ngụ những nơi đó, xem ra như thế nào ?

Ngoài ra như phong-cảnh và thái-độ sự sinh-hoạt ở nơi đó như thế nào?

[illegible] in các nhà văn- [illegible] tế-nhận và [illegible] o, để bản-chí [illegible] ác độc-giả ở [illegible] hiểu cái thái- [illegible] ngoài là thế. [illegible] ong mong rất [illegible]

[illegible] ốc-dân ta giúp [illegible] ước, ó quốc-dân ta giúp cho, thời các cơ-thể của bản-chí sẽ được thêm sức *mạnh mà vững*, để *cực lực tiến hành*. thời *tròng sang Âu, Mỹ, bể nghìn trùng vượt miết cánh chim bay; ngảonh lại Á-Đông, sóng muôn rạm đè theo cơn gió thổi*. Ấy thực là hạnh-phúc của tổ-quốc, công-đức của đồng-bào, mà bản-chí hiện nay muốn yêu cầu với quốc-dân ta vậy. Xin nhắc lại để ai ai cùng nhớ: *một chiếc thuyền nan* khi trước, *con tầu bản-quốc* từ đây, đều tức là Tạp-chí An-Nam, là cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân hai mươi nhăm triệu đồng-bào sỹ nữ.

An-nam tạp-chí

Mừng An-nam-tạp-chí lại ra đời

An-nam tạp-chí lại ra đời,
Đất khách xa-xôi gửi mấy lời.
Thời-đại canh tân, hồn nước cũ;
Cơ-quan tiến thủ rạm đường khơi.
Bể Âu kinh-tế bao bờ bến;
Nền Á văn-chương mấy gạch vôi.
Một bức ru-đồ tươi mãi mãi!
Hai mươi nhăm triệu quốc-dân coi.

VÂN - NAM - PHỦ

VU-VAN-LE

天行健。君子以自强不息。

Thiên hành kiện, quân-tử dĩ tự cường bất tức.

Đây là một câu ở đầu bộ kinh Dịch là một bộ sách có giá-trị về triết-học và tư-tưởng về khoa-học phát đoan tự trên đời thượng-cổ (trước kỷ-nguyên lịch tây 4477 năm) ở Á-đông.

Đại - ý là:

Đạo giời tiến hành rất mạnh; người quân-tử bắt chước theo cái đạo-lý ấy mà tự mình cũng tiến hành rất mạnh, không bao giờ nghỉ thôi.

An-nam-tạp-chí

ĐỨC KHỔNG NGÀY XƯA
là người như thế nào?

(Tiếp theo số 12)

Sự giáo-dục của đức Khổng, tuy đến khi về cảnh muộn thời ngài truyên ý hơn; song trong khi ngài còn đương nhiệt-tâm muốn ra về cọn đường chánh-trị với đời, mà công việc giáo-dục của ngài nguyên cũng vẫn là một phần việc chính trong thân thế. Cứ sử-ký chép: ngài từ trước năm *ba mươi nhảm* tuổi, có sang bên nhà Chu hỏi lễ ở họ Lão, lúc giở về mà học-trò càng hơn lên; vậy thời biết ngài có bận về công việc giáo-dục thực sớm hơn về phương-diện chính-trị vậy. Năm đức Khổng *bốn mươi ba* tuổi, con đường xuất chính đã thấy có chỗ bất-như-ý, cho nên ngài không ra làm quan mà ở nhà xửa định *Thi, Thư, Lễ, Nhạc*; khi ấy học-trò đã thật nhiều. Từ năm *sáu-mươi-tám* tuổi về sau, ngài thật thôi không có chí ra với đời, mà truyên công về sự trước-thuật, nối nghĩa kinh *Dịch*, làm kinh *Xuân-Thu*, thời học-trò khi ấy có tới ba nghìn người vậy. Đến năm bẩy-mươi-ba tuổi thời ngài vừa hết số tuổi thọ. Cứ vậy thời ngoài năm 30 tuổi, cho đến trên 70 tuổi, trong khoảng bốn mươi (40) năm giời đó, chính giáo hai việc, đức Khổng thực dụng cổng cả hai. Cuộc chính-trị của ngài đã lược tự như trên, nay xét về phương-diễn giáo-dục.

Sự giáo-dục của đức Khổng, có thể nói là có hai đạo-lý: một là **tu thân** (修身—xửa mình); hai là **dụng thế** (用世— dùng làm việc với đời). Hai đạo-lý ấy, *dụng thế* phải gốc ở *tu thân*, mà *tu thân* lấy *dụng thế* làm quí. Nghĩa là trong sự học, trước phải xửa ở tự mình cho lấy hay, mà rồi đem dùng ra để làm việc với đời, mong có ích cho chúng vậy.

Nói về đạo-lý tu thân, thời đức Khổng dạy người, đại-để có hai phần việc, là **văn** (văn-học) và **hạnh** (đức hạnh); Trong hai phần việc ấy, phần [illegible] hơn. Xem trong sá[illegible] nói rằng: «Kẻ đệ-t[illegible] hiếu, ra ngoài thời [illegible] mà tin-thực, rộng [illegible] với người có nhân. Làm bấy nhiêu điều có thừa sức thời để theo về việc văn-học (1).» Nói về đạo-lý *dụng thế*, chỉ là xuy ở chỗ *tu thân* mà ra, chớ không có phương-pháp riêng khác, mà mục-đích thời lấy **có lợi ích đến** thiên-hạ vạn-thế, mới là hoàn-to àn. Tức là cái chí-thú của Ngài muốn thi-thố ra ở phương-diện *chính trị* thế nào, thời cái đạo-lý về phần *dụng thế* ở trong sự giáo-dục của Ngài như thế vậy.

Nay xét thực cái công-hiệu của sự giáo-dục của đức Khổng:

Cứ các ông môn-đồ của Ngài về lớp cao-đệ, như ông *Nhan-Hồi*, 顏回, ông *Mẫn-Tổn* 閔損, là người chỉ vui về đạo-học, lấy *tu thân* làm đủ, mà coi *dụng thế* là một sự không cần, như thế đã hẳn đi một nhẽ. Còn như các ông *Trọng-Do* 仲由, *Nhiễm-Cầu* 冉求, *Ngôn-Uyển* 言偃, *Đoan-mộc-Tứ* 端木賜, cũng là có ra làm việc chính-trị với đời, mà đều không thấy có công-nghiệp hiển hách; so với các người khác trong đời Xuân-thu, như Quản-Trọng, Tử-Sản, thực là cỏ kém thua. Ông Trọng-Do chết về nạn Khổng-Khôi, tu thân có thừa mà dụng thế chẳng đủ vậy.

Ông Nhan-Hồi, tên tự là *Tử-Uyên*, đứng vào khoa đức-hạnh trong học-trò đức Khổng. Đức Khổng từng có khen ông Hồi rằng: «Như Hồi, thật là hiền! Một rổ cơm ăn, một bầu nước uống, ở trong chỗ ngõ hẹp (cái cảnh nghèo như thế), vào người khác, không xiết lấy làm

---

1 — Xem thêm ở An-nam-tạp-chí số 11, về mục Hán-văn diễn giảng.

lo; Hồi thời không đổi thú vui vậy. Như Hồi thật hiền thay!» — Ông Nhan-Hồi nhà nghèo mà không ra làm quan, cho nên đức Khổng có hỏi rằng: «Hồi sao không làm quan?» Ông Hồi thưa rằng: «Hồi học đạo của nhà Thầy, đủ lấy làm vui. Hồi không muốn ra làm quan.»

Ông Mẫn-Tổn, tên tự là Tử-Khiên, trong học-trò đức Khổng cũng đứng khoa đức-hạnh. Ông Mẫn-Tổn lại có tiếng là *hiếu*, truyện đã dẫn ở trong quyển *Nhị-thập-tứ-hiếu* có dịch ra quốc-văn. Trong khi ông bố muốn đuổi bà mẹ ghẻ mà Mẫn-Tổn can ngăn, có câu: «*Mẹ còn, rét một mình con; mẹ đi luống để cô hàn cả ba.*» — Quan quyền-thần nước Lỗ, nhà họ Quí, sai vời Mẫn-Tổn làm kẻ tể ở ấp Phí. Mẫn-Tổn bảo sứ-giả rằng: «Khéo vì ta chối cho! Nếu còn lại đến ta, thời ta tất ở trên sông Vấn.» (Vấn là con sông ở giáp-giới nước Lỗ với nước Tề. Ông Mẫn-Tổn cũng là người nước Lỗ. Ý câu nói đó là sẽ bỏ đi sang Tề.)

Ông Trọng-Do, tên tự là Tử-Lộ. Trọng-Do làm quan tể ở nhà họ Khổng nước Vệ, tức là Khổng-Khôi. Gặp có loạn, Trọng-Do biết sự chết mà không lánh. Lúc bị loạn-đảng lấy giáo chém đứt giải mũ, Trọng-Do nói rằng: «Người quân-tử lúc chết, mũ không chụt.» Buộc lại giải mũ, rồi chết.

Sau lớp học-trò thân được học đức Khổng, xuống đến đời Chiến-quốc, như ông Mạnh, nhận là môn-đồ chính-tông của ngài, tự lấy sự "*bình trị thiên-hạ*" làm trách-nhiệm của mình. Cái chí-thú về sự *dụng-thế* thời thật là lớn-lao, mà cái công-nghiệp trên con đường dụng-thế thời không có chi hết. Lại từ đó mà xuống, trải bao đời *Hán*, *Đường*, *Tống*, *Minh*, cho đến đời hiện-tại ở Trung-quốc, các bực chân-nho, trừ có một ông *Vương-thủ-Nhân* 王守仁 là hơi có công-nghiệp, còn như các ông *Đổng-trọng-Thư* (người đời Hán), *Hàn-Dũ* (đời Đường), *Chu*, *Trình*, *Trương*, *Tru* (đời Tống), *Phương-hiếu-Nhụ* (đời Minh), cho đến *Khang-hữu-Vi*, cũng đều như ông Mạnh, không có chi công-nghiệp ở đời. Các người có công-nghiệp ở đời, như *Phạm-Lãi*, *Trương-Lương*, *Gia-cát-Lượng* thời tóm không phải là người trong làng nho, không phải môn-đồ của đức Khổng. Ông *Phương-hiếu-Nhụ* tận trung với đời Kiến-văn, cũng là dụng-thế chẳng đủ mà tu-thân có thừa vậy.

Ông *Vương-thủ-Nhân*, tên tự là Bá-an, là một bực đại-nho đời nhà Minh, sự học của ông lấy *lương-tri lượng-năng* làm chủ: gọi là *phái Diêu-giang* (vì ông là người ở Dư-Diêu). Ông từng làm nhà ở trong động Dương-minh, cho nên đời gọi là *Dương-Minh tiên-sinh*. — Ông Vương-thủ-Nhân là một nhà đạo-học mà lại có công-nghiệp: ông thi đỗ tiến-sĩ đời Hoằng-trị vua Hiếu-tôn nhà Minh; trong đời Chính-đức vua Võ-tôn thời ông ra tuần-phủ ở Nam-cống, giẹp yên các giặc miền Giang-tây. Ninh-vương là Thần-Hào làm phản, Thủ-Nhân nổi quân đánh bắt được Thần-Hào, dẹp yên việc loạn đó. Trong đời nhà Minh, quan văn cầm quân, chưa có ai được như Thủ-Nhân cả.

Ông *Phương-hiếu-Nhụ* cũng là một bực danh-nho đời nhà Minh, từ lúc bé có chí về đạo-học, thường lấy *sáng vương-đạo, đến thái-bình*, làm trách-nhiệm của mình, cái chí-thú cũng như ông Mạnh ở trên đời Chiến-quốc. Vua Thái-tổ nhà Minh rất có lòng quí trọng. Đến vua Kiến-văn (đích-tôn vua Thái-tổ) lên ngôi, vời Hiếu-nhụ làm thị-giảng, ngày thường hầu ở bên, để hỏi các công việc. Yên-vương-Lệ (con vua Thái-tổ) làm phản, đánh phá kinh-sư, vua Kiến-văn chết nạn. Lệ bắt Hiếu-Nhụ vào, sai thảo tờ chiếu truyền ngôi. Hiếu-Nhụ vừa khóc vừa mắng, rồi cầm bút viết to bốn chữ 燕賊篡位 *Yên-tặc thoán vị* (nghĩa là thằng giặc Yên cướp ngôi). Rồi bị Lệ đem giết ở chợ. Hiếu-Nhụ lúc sắp chết, còn làm bài thơ tuyệt mạnh. Em là Hiếu-Hữu cũng bị giết chết. Vợ cùng hai con giai thắt cổ chết trước. Hai con gái trẫm mình xuống sông. Tôn-tộc, thân-thuộc và môn-đệ bị liên-can mà chết có tới mấy trăm người. — Đồng thời các nhà sĩ-phu bị chết như thế, thực không xiết kể.

Cứ ở Trung-quốc đã như vậy, lại xét ở sử ta: ông *Chu-văn-An* xem với ông *Trần-hưng-Đạo*, ông *Nguyễn-Trãi*, đạo-học và công-nghiệp, thực thấy ra khác nhau. Lại xem như trong đời vua Chiêu-tôn nhà Lê: Trịnh-Tuy hiếp vua vào Thanh-hoa, mà bọn ông *Lê-hiếu-Trung* chết. Mạc-đăng-Dung lại hiếp vua về Đông-Hà mà bọn ông *Nguyễn-thái-Bạt* chết. Các sĩ-phu trong làng nho, đòi khi quốc biến quân vong, chỉ có lấy một cái "chết" để tỏ tấm lòng trung, cho là hết bổn-phận. Đó là cái tâm-lý ông Tử-Lộ là học-trò cập-môn của đức Khổng khi xưa, đều là *tu thân có thừa* mà *dụng thế chẳng đủ* vậy.

Vua Chiêu-tôn nhà Lê thừa sau đời hai vua Uy-Mục và Tương-Dực, trong nước đại-loạn, nhân thế mà binh-quyền triều-chính về hết trong một tay Mạc-Đăng-Dung. Vua bất-đắc-dĩ phải gọi Trịnh-Tuy ở Thanh-hoa. Trịnh-Tuy đem tướng sĩ ở ba phủ Thanh-hoa và các nơi ra hộ giá, thuộc-tướng là Nguyễn - bá - Kỷ vào hầu trong. Kẻ hoạn-quan là Phạm-Điền ghen quyền, tâu vua chém Bá-Kỷ, bêu đầu ở trước cửa dinh của Tuy. Trịnh-Tuy vì thế bất-bình, bèn lấy quân hiếp vua vào Thanh-hoa. Khi đó, quan Quốc-tử-giám tư-nghiệp là *Lê-Hiếu-Trung* chết. Rồi quan Lại-bộ thượng-thư Đông-các đại-học-sĩ hầu chiếu giảng sách là ông *Vũ-Duệ*, quan Lại-bộ-thượng-thư là ông *Ngô-Hoán* cùng đồ-đệ là bọn ông *Nguyễn-mẫn-Đốc* đem quân hương-tráng theo vua, đến Thanh-hoa, không biết vua ở đâu, cùng trông về lăng miếu Lam-sơn, lạy rồi tự-vẫn chết cả. Sau Mạc-đăng-Dung đem quân vào đánh Trịnh-Tuy, Tuy thua chết, Đăng-Dung lại hiếp vua về Đông-Hà, (thuộc phủ Hoài-đức Hanoi). Khi đó, quan Hàn-lâm-hiệu-lý là ông *Nguyễn-thái-Bạt* bị Đăng-Dung bắt hiếp đòi vào, Thái-Bạt giả làm cớ thong-manh, nhân được đến gần nhổ vào mặt Đăng-Dong, rồi chết. Quan Lễ-bộ-thượng-thư là *Lê-tuấn-Mậu* cũng bị Đăng-Dung bắt vào trầu, nhân giặt đá vào tay áo, ném Đăng-Dung không dính, rồi bị giết chết. *Nguyễn-duy-Tưởng*, *Nghiêm-bá-Kỷ* lấy quân hương-tráng đánh Đăng-Dung không được, đều tự giết mà chết. Quan Đô-ngự-sử là *Lại-Kim-Bảng* ở nhà quê bị Đăng-Dung hiếp vời, qua dữa giòng Nhị-hà, mặc áo mũ trình-tề trông về Lam-sơn, lạy và mắng chửi Đăng-Dung, rồi reo mình xuống sông mà chết. Quan Hộ-bộ-thượng-thư chí-sĩ là *Nguyễn-thiệu-Tri* ở nhà, đêm trông về Lam-sơn lậy, rồi mà tự vẫn chết. — Tất cả bấy nhiêu ông tử-tiết mà có liệt tên trên đây đó, đều là Tiến-sĩ đời nhà Lê.

Tóm lại mà xem, thời cái công - hiệu về sự giáo-dục của đức Khổng, được về phần tu-thân nhiều hơn, mà được về phần dụng-thế có kém ; song mà chẳng đủ quái lạ gì, vì đức Khổng nguyên là một người bất-đắc-chí về chính-trị mà truyền là một nhà giáo-dục vậy.

(còn nữa)

Nguyễn-khac-Hiêu

HÀI ĐÀM

Một vấn-đề Nữ-quyền

Tiếng xưng hô của ta, rất là bất nhất và không hợp công-lý, sự đó có thiệt cho đàn bà con gái về phần nhiều.

Hiện nay như các người đàn ông gọi nhau, hoặc là người đàn bà đối với đàn ông mà xưng hô, tiếng (*cụ*) rất thường dùng.

Người 40 tuổi, 30 tuổi, mà được tiếng gọi là *cụ*, kể cũng đã là lạm. Lại như các ông thừa-phái, ông lục-sự, ở các phủ huyện, có ông tuổi mới ngoài hai mươi, vợ con chưa có, mà cũng được người ta gọi là *cụ*, « *Cụ-lục* », « *Cụ-thừa* ». Lại cũng có ông tham-tá phủ Thống-Sứ, phủ Toàn-Quyền, tuổi mới mười chín, hai mươi, đều chưa có vợ con, mà đều được người ta gọi là « *Cụ-lớn* ».

Vậy mà bên đàn bà, con gái thời dù sang-trọng thế nào mặc lòng, nếu mà chưa có chồng, không ai gọi bằng *bà* ; chưa có con, ít ai gọi bằng *cụ*. Nghĩ chẳng thiệt lắm ru ?

Nay các chị em bạn gái muốn tranh nữ-quyền, tôi tưởng nên tranh cái danh-hiệu ấy trước nhất. Vì cái quyền về bên danh, còn ở trên cái quyền về bên lợi.

Vậy thời các tiếng xưng hô trong xã-hội, nên nhất thiết bình-đẳng : Bên đàn ông, con giai, đã được gọi bằng *cụ* như thế ; thời đàn bà con gái, cũng không cứ là bao nhiêu tuổi, không cứ là có chồng hay chưa, phàm là người sang-trọng, dẫu mười chín, hai mươi tuổi mà chưa có chồng con, cũng nhất-thiết gọi là « **cụ** »

Chị em đồng-bào ta nghĩ sao ?

Tản - Đà

NAM-THÀNH LƯỢC KHẢO

(Nam - thành tức là tỉnh Nam - Định)

(Tiếp theo số 14)

Đường thủy. — Việc buôn bán ở tỉnh Nam-định phần nhiều dùng đường thủy, tầu thủy ngày nào cũng có chạy đi các nơi như Nam-định đi Ha-noi, Nam-định đi Hải-phòng, đi Lạc-quần, đi Ninh-bình, đi Nho-quan, đi Kim-sơn (Phát-diệm), ngày xưa lại có cả tầu thủy chạy đi Vinh, nhưng mấy năm nay không có nữa. Hằng ngày *bến tầu thủy tỉnh Nam, quang cảnh rất là náo nhiệt,* nào tầu thuyền đợi khách, đứng san sát như lá tre, nào hàng hóa đi về, chạy cuồn cuộn như giòng nước, chỉ xem ngay như sự vận tải giao thông cũng đủ biết nền kinh-tế tỉnh Nam có phần phát đạt. Những đường thủy ấy có ba con sông nhớn nhất là sông Vị-hoàng hay sông Nam-định ở ngay giữa thành-phố chạy ngang qua tỉnh làm cho sông Hồng - hà và sông Đáy giao thông với nhau. Sông Hồng-hà từ phía bắc huyện Mỹ-lộc chạy xuống phủ Xuân-trường đi qua làng Hành-thiện, Sa-cao, Hạ-miêu, Ngô-đồng và chảy ra vịnh Bắc-kỳ cửa bể Ba-lạt. Tầu thủy đi sông này có ba ngả : một ngả đi đến bến Tân-đệ thì rẽ Hưng-yên, Hanoi ; một ngả đi Ninh-giang, Kiến-an, Hải-phòng ; một ngả đến Mom-rô thì rẽ đi phủ Xuân-trường, đến đấy có hai ngả : một ngả là sông Ninh-cơ đi Lạc-quần, Trực-ninh, một ngả đi Ngô-đồng, Yên - tứ.

Sông Dáy về địa phận Nam-Định thì bắt đầu từ Ý-Yên, Phong-Doanh Nghĩa-Hưng rồi ra cửa bể Đài-hải, tàu thủy đi sông Dáy có hai ngả một ngả đi Nho-Quan, một ngả đi Kim-Sơn (Phát-Diệm) đều rẽ ở ngã ba Lục-bộ cả.

Lại còn những sông Bùi-Chu đi qua Bùi-Chu, Hành-Thiện, Sa-Cao, và thông sông cửa Lác với sông Hồng-Hà, sông này chỉ thuyền nhỏ đi lại được thôi.

Sông con từ Ngô-Đồng đi Quất-Lâm khi nước thủy chiều lên, các thuyền chở muối bắt theo chiều nước đi lại rất đông. Trong tỉnh còn nhiều sông con dằng dịt như mắc cửi, không những thuyền bè đi lại thuận tiện, mà lại còn hay nhuần dưới làm cho ruộng nương rất là tiện lợi.

Công-Nghệ — Trừ Hà-nội và Hải-phòng ra thì Nam-Định là nơi có nhiều kỹ-nghệ nhất ở xứ Bắc-kỳ.

Kỹ-nghệ của người Ngoại-quốc thì có một nhà máy Rượu vừa nấu rượu vừa xay gạo, một nhà máy Cưa, một nhà máy Điện, một nhà máy Nước, một nhà máy Sợi, mấy nhà máy Tơ, một nhà ở ngay tỉnh, một nhà ở Quy-Phú (Nam-trực) một nhà ở Lộng-Khê huyện Trực-Ninh và một nhà ở Lạc-quần (phủ Xuân-Trường).

Kỹ-nghệ người Bản-xứ thì có nghề thêu nghề khảm, nghề làm đồ gỗ, nghề dệt tơ lụa, dệt cấp, nghề sơn, nghề vẽ, nghề thuộc da v.v... đó là lược kể các nghề ở trong thành-phố còn ở các phủ, huyện thì Xuân-Trường có nghề làm muối, ở Quất-Lâm; huyện Ý-Yên có nghề đúc gang ở Vạn-Điềm; huyện Phong-Doanh thì có thợ mộc ở La-Xuyên, thợ Sơn ở Cát-Đằng; huyện Nam-Trực có thợ rèn đúc ở Văn-chàng, máy ươm máy dệt ở Liên-Tỉnh; huyện Hải-Hậu có nghề dệt lụa ở Quần-Phương, làm muối ở Văn-Lý, làm mắm tôm ở Hải-Diêm, còn ra các nghề khác chỉ đủ dùng trong một nơi đó cần dùng thôi, chớ không được phát đạt mấy. Xét đến công nghệ tỉnh Nam, phần nhiều những công cuộc to lớn phát đạt là ở công nghệ ngoại-quốc cả. Còn người mình chẳng qua cũng có học đòi thêm được ít chút khôn khéo vậy thôi, chứ thực chưa có thứ gì đặc sắc có thể tiêu lưu để ganh đua cùng công nghệ nước ngoài cả.

Canh-Nông và Sản-Vật. — Ở Nam-Định toàn đất phù sa, chỉ cấy lúa nhiều, còn các vườn thì dồng dâu chăn tằm. Phủ Xuân-Trường thì có bắp cải ở Ngọc-Cục về bãi bể phủ Nghĩa-hưng thì giồng cói, huyện Hải-Hậu có giồng chàm ở Quần-Phương. Sản-vật ở Nam-Định chỉ có tơ và gạo là nhiều hơn hết, còn ngoài ra các sản vật chỉ đủ dùng thôi, chớ không thừa mấy, mà bán ra; nhất là vật liệu dùng về công nghệ lại càng ít lắm, về phần thực-phẩm có thứ chuối-ngự cũng là đặc sắc, thứ chuối đó quả nhỏ mà đẹp khi chín ăn ngon rất thơm.

Việc buôn bán.— Sự buôn bán ở Nam-Định thịnh vượng hơn có mấy phố: như phố-Khách, Cửa-đông, bờ-hồ, hàng-Giấy, hàng-Đồng, hàng - Sắt, Cửa-trường, Bến-thóc, bến đò-chè.

Trong Thành-phố có *chợ-Rồng* to nhất, thường cứ cuối năm có một phiên chợ gọi là hội chợ Nam-Định, họp trong chợ Rồng.

Các đồ kỹ-nghệ và sản-vật trong bản-tỉnh và mấy tỉnh lân-cận đem đến bày bán cũng nhiều. Trừ ra năm nào có hội chợ Hà-nội thì hội chợ Nam-Định không họp. Đó cũng là một cách cổ-lệ cho công-nghệ mấy tỉnh lân cận rất nên tán thành.

Trong tỉnh lại còn có *chợ bến-thóc*, ở về phía nam thành phố, *chợ đò-chè* ở về phía đông thành phố, đều ở gần bờ sông, *chợ cửa-trường* ở phố cửa-trường, *chợ vị-hoàng* ở gần phố hàng-cót.

Thành phố Nam-Định nhờ được các đường giao-thông tiện lợi, nên các tàu thủy, tàu hỏa, ô-tô, thuyền mành hàng ngày đưa khách lại chở hàng đi, việc thương mại rất là phát đạt.

Nhân Vật. — Tỉnh Nam-Định ở gần bãi bể, nên nhân dân khai hóa rất mau, từ thượng-cổ đến giờ có nhiều bậc danh-nhân, nay xin lược thuật:

Ông *Trần-quốc-Tuấn* ở làng Tức-mặc (tức là quê hương của các vua nhà Trần) trận Bạch-Đằng đánh phá quân Nguyên, tướng lược, gươm thần, còn truyền Vạn-Kiếp.

Ông *Nguyễn-Hiền* ở Hà-dương, đỗ trạng-nguyên từ 12 tuổi, giảng thơ làm phú, lừng tiếng một thì.

Ông *Lương-thế-Vinh* người Cao-hương, đỗ trạng-nguyên, thảo các thơ từ giao thiệp với nhà Minh, người Tầu cũng chịu là văn chương cứng cỏi, làm ra bộ "*Đại-thành toán-pháp*" thật là tổ-sư toán-học của người Nam.

Bà *Liễu-Hạnh* ở Vân-Cát tài nghề âm nhạc, hay làm từ khúc thơ ca, từng liên ngâm xướng họa với ông *Phùng-khắc-Khoan*. Ông Phùng phải phục bà tài học thông minh, sau hiển ứng ở Phố-Cát, Sòng-Sơn là vị thần thánh anh linh ở trong nước.

Ông *Trần-hy-Tăng* ở Vị-Xuyên đỗ Tam-nguyên, văn chương lỗi lạc, sang sứ Tầu lại nổi tiếng ngoại-giao.

Ông *Phạm-văn-Nghị* ở Tam-đăng đỗ hoàng-giáp, khẳng khái trung trính, ẩn Hoa-lư trọn một niềm tiết nghĩa, đến như ông *Tú-Xương* ở Mỹ-Lộc có tiếng trong làng thơ, tưởng các độc-giả đã từng biết cả.

Đó là lược kể các Đại nhân-vật, ngoài ra nhân-tài đời nào cũng có, không thể kể xiết.

Tóm lại mà xem tỉnh Nam-Định thực cũng là một nơi thanh-danh văn-vật trong sứ Bắc-kỳ, những điều khảo-sát còn nhiều mấy đoạn trên này, chúng tôi gọi là lược kể đại khái, còn về phần tường tận có quan hệ đến lịch-sử địa-dư sau này khảo cứu được đến đâu sẽ xin đăng tải.

Vũ-hùng-Toán

Thuốc **SỐT RÉT NGÃ NƯỚC** rất thần hiệu.
Bán tại hiệu **LIÊN-HUY** Phố **Hàng-Trống** *(Maréchal Foch)*
Số nhà 68, NAM-ĐỊNH

Sự khảo-thuật về các điều lớn trong

KHOA-HỌC

MÁY-BAY

(tiếp theo)

Máy-bay với vô-tuyến-điện quan hệ nhau thế nào?

Điện-báo không-giây và điện-thoại không-giây là những món cần dùng nhất của việc bay ở đời này. Người cầm máy bay trước khi bay phải nhờ điện-báo và điện-thoại không-giây để rò xét biết được tình-trạng trong quãng bay đi. Đang khi bay cứ mỗi một giờ phải dùng vô-tuyến-điện báo cáo cho biết cái hành-trình của mình, nếu ban đêm muốn xuống đất cần phải báo cho dưới đất đốt đèn cho sáng, thì họ sẽ đem cái giờ-đến-nơi dự bảo cho biết trước, để khi đến sẵn có đèn rồi. Bằng bay đi trong lúc sương mù thì nhờ vô-tuyến-điện để chỉ dẫn đường lối, họ lại có thể dùng điện-thoại không-giây nói truyện với người cầm các máy-bay khác.

Sau này máy-bay chắc có thể toàn ở dưới đất dùng vô-tuyến-điện sai khiến được cả, mà cái nguyên-động-lực cũng có thể từ ga dưới đất truyền lên máy đang bay; máy bay với vô-tuyến-điện rất quan hệ liên lạc với nhau thực không có thể rời ra được....

Máy-bay tiện lợi về đường giao-thông thế nào?

Muốn cho máy-bay dùng về việc buôn được tiện lợi, cần nhất làm sao cho vận tải được nhiều, mà phí tổn mất ít, nghĩa là tìm cách làm sao cho sức-chở-nặng được nhiều hơn lên, mà sức-nặng-máy nên cho giảm bớt, sau nữa cần đi rất mau, mà khi xuống đất rất thong thả tùy ý muốn cần xuống chỗ nào cũng được, còn sự lên cao lắm và lui-tới nhanh nhẹn, về việc buôn đều không cần cả.

Máy-bay dùng về việc chiến-tranh là một khí giới rất lanh-lợi, rất trọng yếu để đánh giữ các nơi, ngày ngày càng thêm nhiều mãi, không cần nói đến, chắc ai cũng đã biết rồi. Nhưng sau này sự ích-lợi rất lớn thực tại ở chỗ dân-dùng để giao-thông, không còn phải nghi nữa. Bây giờ đang còn phải lần mò từng tý mới có thể đi cho chắc chắn được. Sau này sẽ có thứ máy rất tốt, sự khảo-cứu khoa-học không-khí càng ngày càng tinh, cách tổ chức đường-tàu-bay càng ngày càng khéo, xã-hội tán-trợ vào càng nhiều, chắc có ngày đường-hàng-không sẽ khắp kín cả toàn-cầu như giăng lưới vậy, phần nhiều các khách đi giao-thông những nơi xa quá cũng sẽ mượn tàu-bay mà đi lối-tắt cho chóng đến nơi.

Tàu-bay tìm đường trong quãng-không thế nào?

Trước khi muốn cho dân-gian ai cũng thường dùng tàu-bay để tiện giao-thông, cần nhất tìm xét các đường tàu-bay phải đi lối nào, trong các đường phải dự-bị những chỗ nho-nhỏ cho tàu-bay có thể xuống đất lúc bất thường. Mỗi chỗ cách nhau ước chừng mười dặm cho đến hai mươi dặm, cho tàu-bay lỡ gặp lúc nào bất-ưng đều có một chỗ không-khoáng để xuống đất. Các ga tàu-bay nên sắp đặt đèn sáng, cho cáo người cầm lái máy-bay ban đêm cũng được tiện lợi như ban ngày. Ngày trước có người bàn đem khinh-khí-cầu hay đèn để làm tiêu-chỉ đường lối đi trong quãng-không; nhưng bây giờ

không cần đến nữa, vì đã dùng vô-tuyến-điện làm kim chỉ hướng và có địa-đồ đúng rõ từng tí, nên không cứ người nào cầm-máy cũng có thể tìm đường rễ lắm. Tìm đường trong quãng-không rất nhiều cách : thứ nhất là người cầm-máy xem địa-đồ so sánh với các nơi đi qua, đó là cách rất giản-tiện rất đích xác ; nhưng chỉ trong khi khí-giời trong-sáng tạnh-tẽ, trông thấy *được dưới đất, mới* dùng được. Cách thứ hai trước khi bay dự định phương-hướng trên la-bàn, rồi sau cứ theo la-bàn đó chỉ thẳng đi đến chỗ mình muốn đến, chỉ khó có một sự là cái luồng không-khí thường làm cho tàu đi tạt ra ngoài lối-thường đi, cho nên những người cầm-máy chuyên đi theo la-bàn thường phải đem địa-đồ với *mặt đất so sánh* để đi cho thẳng lại nơi chính.

Cách thứ ba, mới phát minh, là dùng vô-tuyến-điện để tìm hướng ; nhờ sức vô-tuyến-điện các ga dưới-đất có thể biểu ra các giấu-hiệu để báo tin cho người cầm-máy, người cầm-máy điểm ghi cái phương-hướng luồng-điện ở địa-đồ để biết các nơi đó.

Bay chơi

Những người cầm-máy đã quen đã thạo, coi sự bay là rất rễ rất thường, nên cũng có khi bay để làm trò-chơi, khi bay chơi chỉ cốt then-máy đừng đưa-đẩy mạnh quá, phải cho thong-thả dần dần, hành-động êm đềm, nếu vặn kéo máy sâu quá, mạnh quá, những bộ-phận quan-trọng trong máy thường phải hư-hỏng.

Bay chơi có mấy cách : bay liệng đi lại, bay vòng-tròn, bay nghiêng.

Muốn cho **bay liệng**, thì người cầm-máy cho bay lên rồi hãm bớt máy phát-động kéo máy tay-lái lại, đẩy khỏe máy bánh-lái đi, hễ bánh-lái quay sang bên trái thì bay liệng sang bên trái ; quay sang bên phải thì liệng sang bên phải ; muốn ra khỏi vòng bay liệng đó, người cầm máy nên để cho các máy trung-bình lại, đợi khi buông khỏi ra rồi, khẽ đem tay-lái bẻ lại, đến khi máy lại bằng-phẳng thì thôi,

Muốn cho bay **vòng tròn**, thì người cầm máy khẽ đẩy tay-lái đưa về đằng trước, cho mũi-máy quay xuống nhanh hơn, rồi dần dần đưa tay-lái lại, thì máy lại quay mũi trở lên, mà đi vòng tròn ; khi máy vòng xuống, người cầm-máy lại đưa dần tay-lái trung-bình lại. Có thứ máy lại phải dùng bánh-lái sai khiến cho máy khỏi đổ nhao.

Khi cho **bay nghiêng**, người cầm-lái muốn cho bay nghiêng về bên trái thì đưa tay-lái sang bên trái, mà giữ bánh-lái cho trung-bình ở giữa, đến khi máy mới bắt đầu nghiêng đi, hơi đưa bánh-lái về bên phải (hoặc quay lên) để phòng cho máy chuyển về bên trái. Muốn cho máy lại bình-chính, người cầm máy đưa tay lái quay về bên phải, hơi ra đằng trước ; bánh-lái vẫn *cứ ở giữa*.

Bay liệng thường có *khi tự-nhiên* máy-bay chậm lại, nhưng không nguy-hiểm gì cả, người cầm-máy chữa lại rất rễ ràng, cũng có khi chạm đụng vào luồng không-khí thấy hơi dung chuyển, trong khi khí-giời nóng-nực, bay đi hơi thấp thường hay thấy thế, lại có khi gặp sấm-sét, hay qua bãi-cát-nóng (sa-mạc) cũng vậy, máy-bay hay bị đụng chạm lên xuống đến quá 100 thước, như thế mà cũng tuyệt không nguy-hiểm bao giờ.

Tàu-bay đánh trận

Các sự cần dùng về máy-bay nhà-binh với máy-bay nhà-buôn khác hẳn nhau. Máy-bay nhà-binh dự bị để dùng việc chiến-trạnh, cần phải bay đi rất nhanh, đem sức-mạnh rất mực để bay lên rất cao, cử-động thế nào cũng đều hay vận dụng lanh chóng mới được. Trong các trận đại-chiến nhờ sức-tốt của máy-bay mà làm cho người cầm-máy bảo toàn được sinh-mạnh đã thấy luôn luôn, chớ không phải một hai lần vậy.

Hãy xem truyện ông quan-năm nước Anh ẽ rõ:

Ông quan đó tên là H. W. Wollet (Vollét) trong một ngày đánh đổ được 6 chiếc tàu-bay của giặc, dựng được công to trong cuộc đại-chiến, thực phần nhiều nhờ có sức tốt của máy-bay. Lúc mười giờ sáng ông ta đương lĩnh mạnh đưa một đội đi rò xét, thấy một cái máy của Đức, liền bay vượt lên bắn 30 phát súng, máy của giặc phải rơi xuống đất hư-hỏng cả. Đang lúc đánh nhau, ông quan-năm ấy bị nhiều các máy khác xúm lại đánh rất rữ rội, ông ta liền bay vọt lên những máy đang đánh ông ta, quay ngay vào chiếc máy nhớn nhất có hai chỗ ngồi; chỉ xuống, đi đến đâu bắn súng đến đấy, làm cho cái máy của giặc đó cũng phải tan nát. Rồi sau lại bay vọt lên trên các máy giặc khác liệng vòng quanh để lánh xa hai cái máy-bay đang lại đánh mình, lửa quay ngay vào thẳng đằng sau một cái máy-bay của giặc buông xuống bắn chừng 50 mồi-lửa, cái máy ấy liền bén lửa giơi xuống tan nát ra, bấy giờ ông ta mới bay về.

Cũng ngay buổi chiều hôm ấy, vào quãng năm giờ, ông ta lại thấy 13 chiếc máy-bay của giặc sắp hàng la-liệt dự bị đánh nhau, ông ta vốn chắc rằng cái tài cầm-máy của mình thực không có ai địch, và lại biết cái máy-bay đó lanh lẹn, đánh nhau với các máy-bay kia chắc hẳn có phần thắng trận, trước nhất ông ta bắn 30 phát súng vào máy của giặc, cái máy đó liền đổ ụp xuống tan nát cả ra như gio. Lại bay bổng lên cao được trong khoảng 12 chiếc máy còn lại, để tránh khỏi đạn họ bắn vào. Sau cùng lại bắn được trúng một chiếc máy-bay nó cháy bùng lên, chiếc máy đó cũng rơi ngay, rách nát mất cả. Bấy giờ ông ta mới lại ra về. Khi bay qua lại thấy một chiếc máy khác của giặc, đang bay ở trên, lần này là lần thứ sáu. Trong một ngày mà có thể dựng thành công-lớn cuộc đại-chiến, vẫn cũng là rõ ông quan-năm đó có tài thao-lược hơn người, lưng cũng đủ chứng rằng tầu bay nhà-nghề cần nhất phải có cái sức rất tốt về sự bay-cao và vận dụng cho nhanh-chóng.

Lại một truyện ông đại-úy Mellod mới càng có giá-trị nữa, trong lúc máy-bay gặp cơn nguy-hiểm, mà hay trổ tài lanh-nhẹn, giữ được an-toàn. Khi ông ta bay cao lên chừng 5000 thước, đang bị tám chiếc máy-bay của Đức xúm lại đánh mình, các máy kia đang ở các phía xung đột xuống, thế rất rữ rội. Ông ta cầm chiếc máy hai chỗ ngồi bay liệng rất là thần-tình, để cho người ngồi xem xét có thể bắn được vào máy giặc, đánh đổ được ba chiếc phải hỏng máy, rồi ông ta lại bay liệng đến cái máy khác sung đột, đang lúc bấy giờ ông đã bị thương năm lần, vẫn không lo nghĩ chi cả, không may hai chiếc máy khác của giặc đã bay vượt lên trên phóng lửa xuống trúng vào hòm đạn, máy liền bén lửa, ông ta đã bị lửa đốt, mà vẫn còn bám vịn vào máy, đi ra khỏi được chỗ ngồi, đến cạnh dưới đáy bên trái, đứng ngay đấy, tựa vào cho đỡ đau, mà đẩy được tay lái, làm cho máy bay nghiêng hẳn đi, thổi được ngọn lửa tránh khỏi mình cùng các người khác, bấy giờ các người cùng ở trong toa, may không phải bỏ chỗ ngồi mà lại quay ra buông lửa vào máy giặc, không cho nó đến được gần, mãi đến khi xuống được dưới đất vẫn yên-tuyền. Thế mới biết cái giá-trị của người vận dụng lanh-nhẹn là cần hơn nhất.

Người với máy quan-hệ thế nào

Khi đánh trận, cái tâm-lý người cầm máy-bay thực được một lần nghiên-cứu rất có hứng-thú, khi đánh nhau lại khảo nghiệm được rất tinh-tường.

Người cầm-máy-đơn (tức là máy một chỗ ngồi) cần phải là người vốn có tính rất hăng hái, khinh thường mọi sự không coi ra gì, chịu lăn mình vào chỗ hiểm nghèo, không có chút nghĩ-ngợi chi sợ hãi, người như thế thực có thể một mình đánh nhau với mười hai chiếc máy khác, cũng không nản sợ chút nào.

Người cầm máy hai chỗ ngồi thì cần phải cẩn thận hơn, vì người này dù không cần chi giữ cái thân mình, nhưng không có thể không tìm cách giữ gìn

cho người ngồi xem xét đó, hai người mà hợp tác, đồng lòng rất khó. Còn như người cầm-máy chở tạc-đạn, cần phải ở trong chỗ đạn-lửa có cái sức rất bền vững và cái óc rất êm đềm. Những người đó phải ngồi vững cầm máy đến vài giờ không chuyển động, và đang khi súng đạn phát lửa, không hơi kinh sợ chút nào. Còn người ngồi coi thì để ném tặc-đạn.

Tầu-bay chở khách

Tầu-bay chở khách, cứ như cái tầu-bay số 36R-Ex. Zeppelin của Đức có thể chở được 27 người làm việc trên tàu, và người chở được 50 hành-khách, người đi tầu đều có đủ giường, hòm để cần dùng. buồng ăn và chỗ ngồi đều có đủ cả bàn ghế và các vật tiện lợi khác.

Thứ tàu-bay đó có thể bay từ Anh-cách-lan đến Châu Úc, giữa đường có dừng lại Malta (Man ta) Adem (A dem) Ấn-Độ và Tân-gia Pha, mà vẫn chưa hết đến hai tuần-lễ.

Các nghề giao-thông bằng tầu bay này, nếu sau được hoàn-toàn, thì các ga theo đường-hàng-không đó đều sẽ xây dựng cột cho tầu-bay đỗ. Nên biết rằng: cái kho để tầu bay dài chừng hai ba trăm mã, giá phí tổn, đến mười vạn boong (1) vàng trở lên, ngoài còn phải có vài trăm người làm tàu để đưa các vật liệu hàng không vào chỗ, hoặc khi đem ra. Nhưng xây dựng một cái cột-tầu-đỗ, phí tổn chỉ ước Hai-vạn-năm-nghìn trở xuống. Cái cốt đó làm như một cái cột-buồm, cao độ 120 thước Anh, ở trên để một cái vòng (ba lăng), vào đỉnh đầu cột; trên vòng ấy có một cái giây; khi tàu-bay gần đến, ở mũi tầu quăng ra một cái giây khác, rồi lấy hai đầu dây buộc lại với nhau, cho máy quay lại dần dần, kéo tầu bay đến gần, bao giờ mũi tầu vào được chỗ lỏm trên đầu cột là thôi.

Cách xếp đặt rất khéo, khi tầu-bay dung dinh, mũi tầu thường cho quay về đầu gió.

(1) Boong là cân nước Anh nặng độ 12 lạng ta, hay 480 grs.

Tầu-bay đậu ở cột, so với vào kho, còn có sự tiện hơn nữa, là tầu đậu chỉ cần năm sáu người đã đủ, mà khi cởi dây cũng rất rễ, hành-khách với hàng-hóa đều cứ theo thang-máy đưa lên đầu cột, nên những người hành-khách tuyệt không bao giờ thấy sự không-tiện-lợi.

Tầu-bay sau này chắc rằng rất cần dùng để chở-khách, chở-hàng, đưa-thơ đi các nơi xa, mà máy-bay thì sẽ dùng về sự đi gần 1000 rậm giở xuống, trong quãng đó, lại sẽ chia làm từng đoạn, mỗi đoạn 250 dậm.

Các bộ phận trong máy bay

Trong thân khoang để một cái cốt-khoang hình tam-giác, đóng thành những các hòm quan-yếu của tàu. trong đó để các thùng nước, cát, và dầu-săng, kho tặc-đạn (bom) và chỗ ở người làm tầu. Trong thân tầu có nhiều bao đựng khinh-khí, đầu trước cột khoang-tầu có một hòm máy tay-lái, máy phát-động để ở đấy. Đoạn giữa khoang có hai cánh, mỗi cánh có một bộ máy phát-động, bộ phận gần cuối có một toa hơi to, trong dựng hai bộ máy phát-động và các then máy phụ thuộc, bánh lái và máy-lên-cao thì để cuối đuôi thân-tầu, lại ở sau cùng toa đó.

Sự bay yên ổn thế nào?

Người thường cứ tưởng bay không yên ổn, thực là nhầm quá, cứ xem từ quãng tháng mười năm 1920 đến tháng 9 năm 1921, chiếc máy bay của dân Bretagne (nước Anh) trong 12 tháng đó hành-khách cộng được 41.960 người, đi về ước 553.700 rậm. Những giờ máy bay trong không độ 6.776 giờ, trong quãng đó hành-khách có 4 người thiệt mạng, bị thương hai người. Lại xét từ tháng-tư đến tháng-chín năm 1921, quãng nửa năm đó chở 31.853 người, chỉ thiệt mạng mất một người, bị thương một người thôi. Những khi sẩy ra sự đó, đều không phải là tự thứ tàu bay đã có định kỳ, mà tại khi đi chơi. Cứ xem đó mà tính, chở nghìn người mới phải 3 người thiệt mạng, 3 người bị thương;

cứ đi 32.200 rậm mới lại có sự xẩy ra; đem thì giờ mà tính, thì cứ 415 giờ, mới không may phải một khi, và những sự nguy-hiểm đó không bao giờ thấy sẩy ra ở các máy-bay của dân-dùng, nếu so sánh với các nghề vận-tải khác, thì máy bay thực là rất ít khi phải sự không may nhất, hãy xem như một nơi Đảo Bretagne năm 1820 ở hàng phố xẩy ra đến 57.747 lần, trong số đó phải 2.837 lần nguy đến tính-mạnh; lại xem đường xe lửa xứ ấy, năm 1919 xẩy ra 24.915 lần, trong số đó phải 932 lần nguy đến nhân-mạng, xem thế thì đủ biết rằng xe lửa đáng kinh sợ bằng mấy tầu-bay.

Sự bay sau này sẽ ra thế nào?

Cứ lấy cái trình độ khoa-học tiến-bộ mà xem, thì sau khi 50 năm nữa, máy bay chắc hẳn khác xa với thứ máy bay bây giờ.

Hiện bây giờ máy-bay chỉ bay thẳng được thôi, sau sẽ có cái máy-vặn cho bay lên thẳng, xuống thẳng, bay liệng tạt ngang, thế nào cũng được.

Sẽ làm cho tàu-bay và đường hàng-không vận-tải có thể vào thẳng ngay giữa chỗ phố-đông, rù ở các nóc-nhà hay một nơi nào chật hẹp, cũng có thể đỗ ngay được như thường.

Sẽ có cái máy chỉ-cao, làm cho người cầm máy có thể thường biết được tầm-cách-đất là bao nhiêu, thì khi bay trong sương mù không nguy-hiểm.

Sẽ có cánh-quay êm-đềm, máy phát-động không có tiếng kêu, và không dung chuyền mấy nữa, thì những khách trên tàu đều được vui sướng vô cùng.

Sẽ có then máy tự-động, không cần đến tay người phát-động nữa, thì đi lại càng nhanh thêm, những cái máy-bay chở-khách đi lại thường thường mỗi giờ có thể đi nhanh lên được đến vài trăm dậm.

Sẽ có thứ đèn chiếu-đất rất rõ, thì bay đêm cũng tiện-lợi như bay ngày,

Sẽ có ô-đỡ-ngã rất tốt, cùng các then-máy để hộ-vệ, có thể giữ gìn cho khách ngồi lúc nào cũng được yên-tuyền,

Phàm những sự nói trên, sẽ dần dần thực hiện, thì máy-bay sau này tiến-bộ không biết đến đâu là cùng, mà cái máy bây giờ chẳng qua chỉ là còn vào thời đại non nớt của lịch-sử sự bay thôi vậy.

Nguyên-xuân-Duong

夢 良 書 館 藥 房

Mộng-Lương Thư-quán Dược-phòng

(Annam) Nha-Trang

Chuyên bán các thứ sách Quốc-Văn xuất bản tại Trung, Nam, Bắc kỳ, các đồ Văn phòng tứ bửu, các sách học, sách tây vân vân...

Đại lý các thứ thuốc cao đan hoàn tán, của các hiệu Bào-chế Annam ở ba kỳ.

Đại lý độc quyền các thứ dầu dùng để uống, soa và bóp, và các thứ phấn sáp.

Đại lý bán lẻ các thứ báo Tây, Nam.

Quý khách ở xa muốn hỏi điều gì xin viết thơ và đính theo con tem, bản quán xin trả lời ngay. Ngài nào muốn ủy quyền đại-lý xin viết thư thương lượng.

Bản quán chủ ý thực thà, ngửa trông đồng bào xa gần huệ cố,

HÁN-VĂN DIỄN GIẢNG

學 識 Học - thức

Chữ **học** là *học*, chữ **thức** là *biết*. Hai chữ này đứng liền với nhau, nghĩa là có học mà có biết. Công-phu thời ở chữ *học*, mà giá-trị ở chữ *thức* nhiều hơn. Nếu có học mà không có biết, thời sự học đó cũng không lấy gì làm đáng qui. Nay trọng diễn về nghĩa chữ *thức*.

Thức là biết, nói cho kỹ nghĩa hơn nữa thời là *tinh hiểu, tinh thấu, hiểu thấu*. *Thức-giả* là kẻ có biết, người có hiểu thấu về sự-lý đó. Như nói về văn-chương thời *thức-giả* là người có hiểu thấu về các nhẽ hay dở hơn kém trong sự văn-chương; nói về đạo-nghĩa thời *thức-giả* là người có hiểu thấu về các nhẽ hay dở hơn kém trong cách ăn ở; nói về thời-cục thời *thức-giả* là người có hiểu thấu về tình-thế cơ-vi.

Nhớ trong đời Hậu-Hán ở Trung-quốc, tức là hồi bắt đầu vào quãng đời Tam-quốc. Ông Lưu-Bị đến ông Tư-mã-Huy, nhờ tìm kiếm nhân-tài để cùng giúp công việc. Lời ông Huy nói với ông Bị rằng: 儒生俗士不識時務;識時務者,在乎俊傑 « *Nho-sinh tục-sĩ, bất thức thời-vụ; thức thời-vụ giả, tại hồ tuấn-kiệt* ». Nghĩa là « Kẻ nho-sinh, kẻ tục-sĩ, không biết được việc đời; kẻ biết việc đời, phải là hạng anh-tuấn hào-kiệt». Xem như thế, biết giá-trị của chữ *thức* là quí, mà không cứ rằng có *học* thì có *thức*.

Chữ *thức* quí như thế, mà đứng theo ở sau chữ *học*, vì phần nhiều cũng nhờ có *học* mới có *thức*. Cho nên như người có *học* mà có *thức*, thời là người có *học-thức*.

學 行 Học - hành

Học là *học*, chữ *hành* là *làm*. Học *hành*, nghĩa là có *học* mà có *làm*. Trước hãy xin chuyên-trọng diễn về nghĩa chữ *hành*.

Một chữ *làm* trong quốc-văn của ta, gồm cả nghĩa chữ 爲 *vi* và chữ 行 *hành* trong Hán-văn; nghĩa là trong Hán-văn có chữ *vi* và chữ *hành*, mà tiếng ta từ xưa đều chỉ học là « *làm* » cả. Chỗ đó trước nên phải phân-biệt.

Nghĩa chữ *vi* là *làm*, gồm đối với các sự, các vật mà nói, như làm điều nhân, làm điều nghĩa; làm cái cung, làm cái tên. Sự *làm* đó, hoặc là do cái sức trong bụng nghĩ; hoặc là do cái sức của chân tay, đều là *làm*. Nghĩa chữ *hành* là *làm*, thời chuyên đối với các sự mà nói, như *ta làm những cái sự ta muốn; ta làm những điều mà trong bụng ta lấy làm phải*. Như thế là chỉ do cái sức trong bụng nghĩ, mà không lấy do cái sức ở chân tay. Vậy thời chữ *hành* là *làm*, hẹp nghĩa hơn chữ *vi*.

Tuy vậy, nghĩa chữ *vi* rộng hơn mà lỏng; nghĩa chữ *hành* hẹp hơn mà chặt. *Vi* là *làm*, chỉ biết là có *làm*, mà chưa rõ sự *làm* đó ra sao. *Hành* là làm, thời là *làm lấy được*. Cho nên người ta thường nói chữ « *thực hành* 寔行», nghĩa là đem những cái chí-nguyện, tài-năng, học-vấn mà thực sự làm ra; chữ « *thi hành* 施行, » nghĩa là đem những cái chính-lệnh, pháp-luật, điều-lệ mà thực sự làm ra. Ấy cái nghĩa *làm* của chữ *hành* là thế.

Hai chữ *học hành* đứng luôn nhau, thời nghĩa là có *học* mà có *làm*. Ta học trong sách dạy về đạo làm con phải hiếu, mà ta ăn ở với bố mẹ được có hiếu; ta học ở trong sách dạy về cách ở đời phải trong sạch, mà ta ra với chúng không đến có ô-danh. Như thế là 行其所學 *hành kỳ sở học*, nghĩa là *thực hành* cái sự *học* của mình, tức là có *học* mà có *làm*. Nay lại ví trái lại, nếu học mãi chữ liêm, 廉 mà tới khi xuất-chính thời tham tiền; học mãi chữ dũng 勇 mà đến lúc lâm nguy thời sợ chết. Thế là có *học* mà không có *làm*, không gọi được là *học hành* vậy,

*
* *

Trong quốc-văn ta nay, có nhiều những chữ Hán như thế, hoặc thông-dùng đã tự cổ mà đến nay đã thành là chữ của ta, hoặc thường dùng mới trong gần đây mà sau này cũng sẽ thành ra chữ của ta, nay đều tùy ý-thích diễn giảng. đăng tải trong mục đây, tuy là làm về việc Hán-văn mà cũng là công việc quốc-văn vậy.

Nguyễn-khắc-Hiếu

NHÀ BUÔN LỰC LƯỢNG

Trầm-mông-Sỹ người làng *Côn-Sơn* thạo nghề võ, mà tính rất hiền lành, không hề ngỗ-nghịch với ai bao giờ. Có ai ngỗ-nghịch với ông-ta, ông-ta chỉ cười thôi, không phải tại có tính rát đâu, chỉ vì sành nghề lắm, sợ động đến ai, thì hại nhân mạng ngay.

Nhà ông ta vốn buôn vải mấy đời rồi, đến đời ông ta càng phát đạt lắm, một khi ông ta bán vải đại hạ giá, hàng nào bán hạ, ông ta liền gọi ngay khách hàng đó vào bán hạ hơn nữa, để tranh mối hàng, các hàng tức lắm, muốn đánh nhau với; nhưng sợ ông ta có võ, không dám ra mặt. Bấy giờ có *Riệp-hồng-Cư ở Gia-Định* cũng thạo nghề võ lắm; họ thuê đánh giúp, Riệp nghe thấy, ngứa nghề đi giúp ngay.

Khi Trầm đang xem sách, Riệp vào cứ rụt rè chưa dám sấn đến, mới lấy khong sắt rình ném ngay vào mặt đánh vụt một cái, tưởng là quyết trúng, ai ngờ Trầm lấy tay đỡ bắt được ngay, xong rồi cứ ung dung ngồi cầm sách xem, anh kia lại ném một lần nữa, cũng bị Trầm bắt luôn được, khi đó Trầm mới đứng dậy thong thả bảo rằng: Anh có phải là *Riệp-hồng-Cư* đó không? tôi đánh lại thì chết mất! thôi khuyên đừng thế nữa, kẻo hại đến thân. Riệp liền xin lỗi đi thẳng.

Đến năm Trầm ngoại 60 tuổi. đi chơi tỉnh Giang-Tô, có một chàng trẻ tuổi làm *nghề hàng xẻ*, vẫn cậy mình sức khỏe, không ai địch nổi, anh ta hễ thấy trâu bò phóng uế ra ở chợ, liền lấy chân đá cho một cái là chết quay ra, nên người ta hay gọi là anh *đá-bò*. Lúc Trầm đến chợ chơi, anh ta vốn nghe tiếng muốn thử đấu xem, trước còn chưa dám, sau thấy trời mưa, chân Trầm đi guốc, tay trái che ô, tay phải lại đang cầm bao bột, chắc là không làm gì được, mới nhằm ngay sau lưng đánh mạnh hết sức, bất thình lình, Trầm quăng bao bột ra, quay lại tát cho anh nọ một cái, nằm lăn văng đi đến hơn hai trượng, ai cũng lấy làm kinh lạ quá. Nhưng Trầm vẫn một mực không hề khoe tài chi cả, thế mới là người *vừa có lực lại vừa có lượng*.

NỮ-THAM-MƯU

Khi Hồng-Tú-Toàn khởi binh ở Quảng-Tây, quân thế rất mạnh, toan cuốn sạch cả Trung-Hoa, bấy giờ có một người con gái làm tham-mưu (bàn giúp mưu cơ) không ai biết tên cô ta là gì, chỉ thấy cô ta tính ham chữ nghĩa, hay viết thơ từ, mới gọi là *Hồng-nữ-sử*; trước theo *Thạch-đạt-Khai* (tướng mạnh của Hồng-tú-Toàn) cứ khi việc quân ngũ rỗi rài, thường hay xướng họa thơ từ với Thạch, Thạch không địch nổi tài làm thơ của cô, nên mới gọi cô là *Hồng-Tiên-sinh*, quân lính ai cũng biết tiếng.

Sau cô đi giúp Hồng-Tú-Toàn, hết thảy các mưu kế, *Tú-Toàn* phải thương nghị với cô cả, cô trù tính nhiều mưu kế, không bao giờ phải thua trận nào. Nên *Tú-Toàn* rất lấy làm thân trọng, mới gọi là **Nữ-Tham-Mưu**. Khi Tú-Toàn lấy được *Kim-lăng*, tự xưng là *Thái-bình-thiên-vương*, quân nhà *Thanh* thua luôn, cô khuyên nên thừa thế đánh *Bắc-Kinh* trước đã, rồi sau sẽ định đô làm vua. Nếu *Tú-Toàn* nghe lời ùa lên đánh *Bắc*, thì rễ thống nhất được cả thiên-hạ; vì không theo lời cô, nên sau đến nỗi thua mất.

Khi *Tú-Toàn* thua rồi, cô ta đi ru lịch khắp mọi nơi, sau không ai biết đi đâu nữa.

Ng. D.

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY
XÃ-HỘI THIỂN ĐÀM

Cứ do cái nghị-định của quan Toàn-quyền cho xuất-cảng lúa gạo hồi đầu vụ mùa này mà quan-sát, thì số lúa gạo ở sứ ta hiện nay dường đã có phần dư-dụ; vậy mà ta xét đến thị-trường lúa gạo thì lại thấy vắng vẻ. Riêng một chốn Nam-Thành là nơi thị-trường, lúa gạo lớn nhất nhì ở xứ Bắc này, trước kia thì buôn bán nào nhiệt nhường nào; mà nay thì thực là sờ sạc, những nguyên-nhân đó rất là phức-tạp; có một điều dù rằng điều đó chưa thực hiện — khiến cho ta phải suy nghĩ nhất, là vấn-đề tăng thuế xuất-cảng thóc gạo để thay cho thuế hai phần trăm, vừa đem ra bàn ở đại-hội-đồng kinh-tế kỳ mới rồi.

Đối với việc nên lấy thuế gì mà thay cho thuế hai-phần-trăm là một vấn-đề khác, sau sẽ có bài bàn riêng. Đây tôi chỉ bàn riêng thuế xuất-cảng lúa gạo nên như thế nào, và nó có thể thay cho thứ thuế nào không thôi: để tiện đường nghị luận.

Nước ta tuy chưa phải là nước có nhiều nhà đại tư-bản, ruộng đất chỉ năm, bảy sào cho đến mươi lăm mẫu là nhiều, ít có kẻ có đến hàng nghìn, hàng vạn mẫu, nhưng cái số phải đi cấy rẽ, hoặc cầy thuê, cầy mướn cũng vẫn chiếm phần rất nhiều. Trừ những người có hai, ba mươi mẫu trở lên không kể; còn ngoại giả dân-quê ngoài việc cầy-cấy thế nào cũng phải kiếm thêm nghề nữa để mưu-sinh, thì mới có thể sống còn được. Thế mà ở nước ta thì về đường kỹ-nghệ, vốn là thua kém. Trừ một số ít người, thường có nghề khác mà làm, còn thì từ trước kia chỉ thường có nghề dệt vải và nghề làm gạo (làm hàng xáo) để kiếm thêm, đến nay thì cái nghề dệt vải đã bị cái thế-lực hơi-nước, và sức-điện nó đào thải gần hết, mà nghề mới thì chưa có mấy thứ cho đại đa số quốc dân có thể làm được; thành ra chỉ còn trơ trọi có nghề làm gạo là có thể làm được thôi. Năm nào mà gạo bán lưu thông, thì không cứ là được mùa lắm, nhân dân cũng nở mày nở mặt. Chẳng riêng gì người có thóc bán được hơn tiền, người làm gạo kiếm được nhiều lợi, cả đến trăm, nghìn nghề khác, cùng nhân số đông người kia sẵn tiền sắm sửa mà được rồi rào. Rủi năm nào mà gạo bán chậm trễ thì cũng không cứ là mất mùa, nhân-dân cũng phải meo mày meo mặt. Riêng một số ít người ăn dong được ăn gạo hạ, hay những người dư ăn, dư để không quan hệ lắm; còn ngoại giả từ kẻ có thóc, người làm gạo cho đến trăm nghìn nghề khác đều phải chẳng biết lấy gì nương tựa; thậm chí có kẻ phải bỏ cửa bỏ nhà, đi liều đi lĩnh để kiếm miếng mà ăn. Rồi thì trăm nghìn sự xấu khác ở đời cũng nhân đó mà mọc ra tua tủa. Ai đã từng trải ở chốn thị-trường xứ ta và để ý kinh nghiệm một chút thì cũng đều nhận ra được hai cái cảnh-tượng trái nhau cả vậy.

Tôi nói thế, chẳng phải là ý muốn nhà-nước bỏ hẳn thứ thuế xuất-cảng lúa gạo, hay muốn đừng tăng lên nữa đâu. Không tôi không khi nào lại nhĩ lầm như thế. Ở đời có lắm thứ thuế có quan hệ cho dân rất lớn; nếu không lấy thì hại cho dân, chứ chẳng phải nhà nước cần tiền mà phải lấy. Đại khái như đương khi trong nước có thừa nhiều thóc gạo để bán ra ngoài mà nhà nước cứ tăng thuế xuất cảng thóc lên, còn gạo thì liệu chừng thị trường mà tăng giảm, cho hàng vẫn chạy, mà thuế cũng không thiệt quá phần đáng lấy. Như thế thì trong nước sẽ có rất nhiều người được nhờ về sự tăng thuế xuất cảng thóc, vì người thì có việc mà làm, người thì vì có nhiều người dư dụ cũng được lợi lây. Lại như trong nước chỉ thừa có ít lúa gạo, mà nhà nước không cần định rõ số gạo lúa được xuất cảng là bao nhiêu, chỉ liệu chừng tăng thuế xuất cảng để hạn chế bớt đi, thì nhà nước có lợi, mà nhân dân không thiệt gì; vì nếu nhà nước không tăng thuế mà chỉ định rõ số lúa gạo được xuất cảng là bao nhiêu, thì những người buôn to họ cũng liệu chừng mà mua một giá như là phải chịu thuế thêm, chứ những người bán

và những người buôn nhỏ có được giá cao hơn đâu; rút lại thì chỉ một số rất ít người có lợi, mà nhà-nước phải chịu thiệt to. Nói cho thêm rõ, nhà-nước là cơ-quan để lo việc công-ích cho nhân-dân, nên chi nhân-dân không thiệt, mà nhà-nước lợi, tức là có lợi cho nhân-dân; trái lại, nhân-dân không lợi mà nhà-nước thiệt, cũng tức là thiệt cho nhân-dân. Vậy thì lẽ nào những người biết suy xét lại muốn nhà-nước đừng lấy hay đừng tăng thuế xuất cảng thóc gạo, Thế nhưng cái đó phải tùy theo tình thế trong nước và hiện trang thị-trường; không có thể mấy năm hay mỗi năm chỉ quyết định một lần, rồi cứ phải theo số tiền đã định mà thi hành cho đến kỳ sau mới bàn lại được. Ước ao rằng nhà nước sẽ đặt ra một hội đồng riêng, một vài tháng lại họp một lần để trông chừng tình trạng mà tăng giảm. Khi nên tăng thì chẳng vì thừa tiền mà không tăng, khi nên giảm thì cũng chẳng vì thiếu tiền mà không giảmtrái lại, không nên tăng-giảm cũng chẳng vì lẽ gì mà tăng giảm. Như thế thì lúa gạo vừa không đến nỗi đình trệ để hại đến nhân-dân, và nhân-dân cũng không đến nỗi thiếu lúa gạo mà ăn vậy.

Lão-Long

. . .

Cánh cửa mở kẹt. Một chàng thiếu-niên tay cầm cuốn giấy dón dén đi vào.

— Anh hỏi gì? Lời ông chủ.

— Bẩm, ông tôi xin việc làm.

Chàng thiếu-niên hai tay nâng chiếc đờ-măng, kèm theo quyển li-vê học-trò và cái bằng Tiểu-học-Pháp-việt, nét mặt nửa buồn nửa vui, trong tâm chí mong được tiếng «Ừ» của ông chủ để thỏa lòng hy vọng, cái hy vọng chứa chan..... Chàng đứng hai tay chắp lại rất cung-kính lễ-phép để đợi trả lời câu hỏi của ông chủ sắp ban ra. Ông chủ mắt đưa qua chiếc đờ-măng, tay cầm điếu thuốc lá để xuống bàn, thong-dong mở quyển li-vê, mỗi một phút đối với chàng thiếu-niên, nó lâu là bao nhiêu! Cất cái giọng đường-hoàng đĩnh-đạc, ông chủ hỏi:

— Từ ngày thôi học, anh ở nhà làm gì?

— Từ ngày thôi học, con ở nhà xuốt một năm giời không tìm được việc. Con đến xin ông xem có việc gì có thể giúp sống được cái đời con, con xin đa tạ.

— Tính hạnh cũng tốt, tài học cũng khá, tiếc rằng đây cũng đủ chỗ rồi, anh cứ đợi, hễ có chân nào, tôi sẽ gọi anh. Anh cứ về.

— Chào ông.

— Tôi không dám.

Buồn thay tiếng «chào ông» đó! mà cũng lạnh-lùng thay cái «Không dám» ấy! Chàng thiếu-niên từ từ đi ra, chân lê đôi giầy lẹp-kẹp, mặt tẻ ngắt, cái hy vọng chứa chan lúc nẫy đã theo với tiếng chào mà bay đi mất. Ra đến đường, chân tuy nhắc mà không muốn bước, trông thấy người má quái sao! Thành trông thấy người nào cũng ra giáng phong-lưu cả, chàng trông chàng nghĩ, nghĩ mà cám cảnh thay cho thân thế.....

NGUYỄN-XUÂN-HUYÊN

BOUCHERIE

Phạm - Quốc - Huấn dit **Nam - Thành**

46, Rue de France (Phố Hàng-Thiếc)

NAM-DINH

HIỆU BÁN THỊT BÒ

Bản-hiệu có mấy lời kính trình cùng các Quý-khách:

Thứ ba và thứ bẩy bản-hiệu có bán **thịt bò non.** Còn các ngày thường **thịt bò, thịt lợn,** bản-hiệu bán rất thật thà, theo đúng cách vệ-sinh. Thịt rất ngon, giá tiền tính hạ. Bản-hiệu có gửi đi các nơi. Các ngài ở xa xin viết giấy về lấy sổ mua tháng thì rất tiện lắm. Bản-hiệu xin giao tới tận nhà.

Các Quý-khách chiếu cố, bản-hiệu rất hoan nghênh.

Phạm-Quốc-Huấn cẩn bạch

Xã-Hội Ba-dào-ký

Ông cử **Nguyễn - xuân - Khôi** hiệu *Mai-song*, (người làng Cống-thủy, tổng Yên-minh, phủ Yên-khánh Ninh-bình), khi lên chơi núi **Non - Nước**, về buổi chiều thu, gió may hưu-hắt, khí núi lạnh-lùng, nhân ngắm cảnh sinh tình mới làm ra bài *Thúy-sơn hoài-cổ* :

Đêm thu giời nước một màu,
Cảnh hoa sườn núi, khóm lau bên ngàn.
Sông Vân chèo chiếc thuyền lan,
Chén quỳnh chuếnh-choáng, ngón đàn tính-tinh.
Thuận ròng qua núi **Hộ-thành**
Ngẫm ngùi phong cảnh, mối tình ngẩn-ngơ.
Nhớ quan **Trương-đại-nhân** *xưa.*
Chơi đây còn mấy bài thơ phẩm bình.
Có gió mát, có giăng thanh.
Có vườn tùng, cúc ; có đình dục, phong, (1)
Có chùa chiều mõ, sớm chuông.
Đầu non vượn hót, mặt sông cá dờn,
Phỵ-ruyên Hồi-hạc *củng hoàn.*
Ninh-Bình đệ-nhất kỳ-quan, đâu bằng !
Đôi phen cỏ đón hoa mừng.
Các quan phong-hiến (2) *trước từng đăng lâm,*
Sơn thủy bất tại cao thâm, (3)
Cuộc đời trải mấy cỗ câm vẫn còn.
Triều **Lê** *xưa, đức Thánh-tôn,*
Tuần ru ngự-giá, sơn-ngôn (4) *chúc mừng.*
Đàn khe, phách suối vang lừng,
Ngự-thơ còn tạc trên tầng non cao.
Cỏ hoa thêm sắc mỹ-miều,
Mây hôm cuồn cuộn, sóng chiều rung-rinh.
Chim gọi nguyệt, cá nghe kinh,
Ngoài sông phố-khách, trong thành rinh quan.
Thị-thành mà thú lâm-tuyền
Biết bao nhân trí (5) *du quan phẩm đề.*
Ngán thay thời-vận thiên-di,
Bỗng đâu một trận gió tê cát lầm.
Nước cồn, sóng vỗ ầm ầm,
Tiếng ran cửa động, khói rầm mặt sông.
Mây bay đỉnh núi lạnh - lùng,
Cỏ cây dường cũng ra lòng hắt-heo.
Giăng quanh-cõi, gió đìu hiu,
Dê leo thạch-đẳng (bậc đá), *khỉ leo thạch-bàn* (bàn đá).
Chim sớm khóc, vượn hôm than,
Chùa sư ai ở ? bàn tiên ai ngồi ?
Thương đời, đá đổ bồ hôi,
Thương thu, cúc cũng mất mùi hương xưa.
Thạch-bia còn mấy bài thơ,
Chữ nhàn-nhạt mực, rêu lờ-mờ xanh.
Xưa sao sơn-thủy hữu tình ?
Giờ sao nước biếc non xanh kém mùi ?
Xưa sao phong cảnh có người ?
Giờ sao giăng cợt hoa cười, mặc ai !
Buồn trông lên chốn sơn-đài,
Cột trong mây cuốn, rèm ngoài mưa tuôn !
Buồn trông ra mái giang-thôn,
Sóng đầu chạy ngược, nước nguồn chảy xuôi.
Trong thành nghe mấy tiếng còi,
Ngậm ngùi ai chẳng như ai nhớ nhà.
Ngoài sông nghe mấy điệu già, (còi)
Nước non đâu đó, đều là tiếng thu.
Khách chơi có biết chăng ru, (6)
Nước non ta, nước non Hồ cớ sao ? (7)
Xưa thế nào ? nay thế nào ?
Nhận xem phong cảnh, biết bao nhiêu tình.

Núi **Thuý-sơn**, hay là núi **Dục-thuý** (*chim chả tắm*) thường gọi là núi **Non-nước** ở về phía bắc tỉnh-lỵ tỉnh *Ninh-bình*, gần ngã ba sông **Vân-sàng** hợp lưu với sông **Đáy**, đang chỗ hai ròng nước chảy giao nhau rất mạnh, núi này mọc ngay ra gần giữa lòng sông, đứng sững một mình, như cái cột chắn ngang lấy ngọn sóng đang lao xuống, làm cho phần đất phía nam sông giữ được vững chân.

Núi này phong cảnh rất đẹp, đời nhà **Trần** có cụ **Trương-hán-Siêu** (người làng *Phước-am*) đỗ *Thái-học-sinh*, làm quan đến chức *Thái-phó*, khi về hưu trí, làm nhà ở trên mặt núi đó, để di dưỡng lúc tuổi già, cụ có đề bài thơ mỗi câu năm chữ như sau này:

山色正依依
Sơn sắc chính y y,
遊人胡不歸
Ru nhân hồ bất quy?
中流光塔影
Trung lưu quang tháp ảnh,
上界啟岩扉
Thượng giới khải nham phi.
浮世如今別
Phù thế như kim biệt,
閒身悟昨非
Nhàn thân ngộ tạc phi,
五湖天地濶
Ngũ hồ thiên địa khoát,
好訪一漁磯
Hảo phóng nhất ngư kỳ.

Nghĩa là:

Non xanh xanh biếc một màu,
Ai ơi còn mải đi đâu? không về.
Giữa giỏng bóng tháp lập lòe,
Đầu non khép mở mái hè phên thưa.
Cuộc đời nay thấy khác xưa,
Thân nhàn ngẫm lại ngày xưa biết nhầm.
Trông vời giời nước muôn tầm,
Ta tìm bàn đá, tạ nhằm câu chơi.

Đời vua **Lê Thánh-tôn** mới làm *hành-cung* trên núi đó để khi ngự-giá giạo chơi; về sau các đời vua chúa, các bậc văn-nhân, đều có qua chơi để vịnh thơ ca rất nhiều.

Đến năm **Minh-Mệnh** thứ hai, vua ngự ra chơi, thấy thành tỉnh này xây tựa vào núi, có thế thiên-hiểm vững-vàng, mới đổi tên núi là **Hộ-thành** (hộ vệ cho thành quách). Nhưng từ khi *thành* phá cả rồi, thì cái tên đó lại hoá ra vô-vị.

Mới đây cảnh sắc lại càng thay đổi khác xưa, vết chân câu cá, mặt đá đánh cờ, khách chủ lăng-nhăng, lầm than nỡ mặc, ngán cho nỗi muốn lưu danh cùng non nước, nỡ đem lòng đục khóet cả hang cùng; chỗ nghỉ chỗ ngồi, làm nhẵn phẳng cả mấy hòn đá trắng. *Phong trần đến cả sơn khê!* khiến cho người ngắm cảnh nước non lại tưởng nhớ đến thơ văn kim cổ.

Nguyên-xuân-Dương

---

(1) Dục, phong 浴風 tắm mát, hóng gió,

(2) phong, hiến 風憲 các quan đi coi phong-hóa.

(3) ngày xưa có câu: sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh; thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh 山不在高,有仙則名,水不在深,有龍則靈, nghĩa là: núi không cứ cao, có tiên thì có danh tiếng, nước không cứ sâu, có rồng thì thiêng.

(4) sơn ngôn 山言 là núi có tiếng vang như người nói

(5) nhân trí 仁智, sách Luận-ngữ có câu nhân giả nhao sơn, trí-giả nhạo thủy 仁者樂山, 知者樂水, nghĩa là người nhân từ vui chơi núi, người trí thức vui chơi nước,

(6) Câu khách chơi có biết chăng ru, nguyên văn là: Rữ ru khách riệc tri hồ,
與遊客亦知乎

(7) Hồ là một xứ ở mạn bắc nước Tầu, khí hậu lạnh lẽo, phong cảnh đìu hiu, suốt năm thường như mùa thu.

VỦNG MÁU ĐÀO

(Phố Đông-Mỹ Hải-Dương)

Chuông nhà thờ rền-rĩ điểm mười một tiếng (bính boong), mặt giời vừa sế đỉnh đầu bước sang ngọ; tu tu còi tầm sở rượu réo-rắc báo đúng 11 giờ, hôm đó nhằm vào ngày 26 Juillet 1930. Trên con đường phố Đông-Mỹ (chợ tây cũ), trời nắng chang chang, đường xá vắng tanh không có một ai, chừ vài con bé bán lạc dang và một vài anh cu-ly xe, giắt xe đi kiếm khách, ngoài phố xá đều vắng ngắt như tờ, như cảnh ban đêm. Bỗng nhiên trên một lớp nhà gạch làm chân phương, số 19, có tiếng ồn-ào kêu gào rất ai oán thảm thiết, ở trong nhà đó đưa ra : « Ối các ông các bà hàng phố ơi ! cứu tôi với ! tôi chết rồi ! » Tiếng kêu thanh thảnh nghe như run sợ, rõ ra tiếng một người thiếu nữ phải lúc nguy nan kêu người cứu vớt. Tiếng kêu đó nghe như tiếng chuông chùa, theo luồng gió đưa khắp cả một phố. Rồi tiếng kêu kạch, hai cái cánh cửa nhà đó đều mở toang, một người đàn ông tuổi độ 30, mặt mày tái mét như con gà bị người ta cắt tiết chân bước lẩy bẩy, không nhắc được bước, tay chân run lập-cập, hơ-hất chạy ra, mồm rú kêu : « Ối ông Trưởng-phố ơi ! hàng phố ơi ! chúng nó chém nhau kìa ! » Cảnh phố xá đang lúc im lặng bình tĩnh, bỗng làm cho ai nấy đều chen chúc-nhau, chạy bổ lại quây quần lớp nhà đó. Xem một đôi lứa trẻ vì không được vẹn mối chung tình, mà chúng đâm chém nhau.

Một lớp nhà gạch bên ngoài, giữa một chiếc giường, đối diện trên là bàn thờ ông vải, dưới đất cạnh chiếc giường ấy xuống, một đôi giai gái nằm vục trên vũng máu đào, cùng một con dao bầu, ngoài đó trên giường còn thấy một quyển sách truyện Kiều, khiến cho ai bước vào thấy vậy, phải dùng mình sởn gáy.

Một chốc sau ông phố-trưởng và một thầy cảnh-sát đến, bèn đốc thúc mọi người khiêng cả lên xe đưa đi. Hai chiếc xe từ từ rong ruổi qua phố Kho-bạc, bờ-sông, qua phố Khách, thẳng vào con đường chùa Muống, vào Sở-Cẩm, theo sau một lũ trẻ con, một ông phố-trưởng Đông-Mỹ, một thầy cảnh-sát, và một bà mẹ thân sinh ra cô thiếu-nữ. Trẻ con reo hò, bà lăn lộn tay nâng vạt áo đỡ giòng nước mắt, khóc lóc kêu gào : « Hỡi con ơi ! hỡi giời ơi ! công tôi mang nặng đẻ đau, chỉ có một nó dễ đỡ-đần trong cửa trong nhà ; bây giờ nó nỡ vác dao chém chết con tôi ! Giời ơi ! con ơi ! là con ơi ! hu hu. » Tiếng gào khóc của bà cụ khiến cho mọi người trong hàng phố nhìn qua cái cảnh đó, lại bùi ngùi rỏ giọt thương-tâm. Xe vào cẩm, song việc trình báo, hai chiếc xe đó lại dong duổi thẳng con đường đó ra nhà thương. Vì đâu sinh ra tấn thảm-kịch này ? mà đôi trẻ kia là ai ? Cậu *Đoàn-ngọc-Chữ* và cô *Lê-thị-Thu* đó mà.

Cậu Đoàn-ngọc-Chữ là lệnh-thứ cụ Điều ở phố Đền-Ông. Cậu là một người nết-na, trước kia cha mẹ cậu cũng cho cậu theo đòi học hành ở trường Pháp-Việt bản-tỉnh. Cậu được ăn học, cũng muốn dốc lòng học hành mai sau danh khắc bảng vàng, gọi là đề báo đền chút đỉnh nợ nhà, nợ nước. Nhưng than ôi, cậu thấy việc học của cậu càng ngày càng kém chúng bạn, cậu biết không thể theo đòi được, bèn soay quanh, cậu bèn tìm nghề, cậu theo đuổi trong bốn năm ở trường Bách-nghệ Hanoi, về môn tài-sế cậu nắm trắc cái bằng : (bác tài) cậu ra kiếm việc. Lúc này là lúc cậu có một mối hy-vọng phải tự lập nghiệp nuôi thân. Nhưng cốt nhất ta phải có một người lam bạn tri-kỷ, đỡ đần với ta một tay, trong trí óc cậu vẫn đinh-ninh chỉ có một việc là thế.

Gần đây cách 500 thước sang phố Đông-Mỹ có cô Thu.

Cô Thu nay vừa nhị tuần, người to béo. Cô tuy không được nghiêng nước nghiêng

thành cho lắm, nhưng cũng có vẻ người, bạn gái tỉnh Đông ít ai sánh kịp. Cô vừa có sắc lại có tài, tuy cô ở chỗ bần hàn xuất thân nhưng cô có tài buôn bán, ở nhà, cô chỉ cùng một gánh cá mắm, ngôi quán chợ là bạn thân, ngoài ra cô không có chơi bời ngao du cùng ai. Ai ngờ duyên giời đưa lại, ông tơ bà nguyệt hình như đã xe giây cô từ trước! Cô yêu ai? Cô có lòng với ai? Lúc đầu không ai hiểu cả, sau bức màn bí-mật từ từ vén mở, thì ra cô cùng cậu Đoàn-ngọc-Chữ yêu vụng dấu thầm với nhau ròng rã hơn năm năm trời nay. Nào trong những lúc trăng thanh gió mát, trên dịp cầu sắt, dưới quán ông Đống, trên đường Đờ-Bô, nọ buồng sâm Phú-hữu, cao lâu rạp hát, người ta vẫn thấy một cặp trai gái vơ vẩn tình-tự vui đùa ở các chốn ấy. Đôi trai gái nào? Cậu Đoàn-ngọc-Chữ và cô Lê-thị-Thu đó. Lại lúc ngày rằm mùng một dưới cửa từ bi chùa Giác, quỳ lậy trước đấng từ-bi, cùng-nhau thề nguyện, ghi tạc chữ đồng, tấu lạy xin ngài chứng dám. Tuy rằng đôi nhân-tình đó, nhưng cô cậu yêu dấu nhau như một đôi bạn tri-kỷ vậy. Ngày 25 tháng riêng ta năm canh-ngọ cho đến giờ, cậu vẫn cùng cô bàn tính việc trăm năm cho có bề ổn-thỏa xong-xuôi, trước để khỏi cái tiếng của kẻ ghen ghét thóc mách, chê bai, sau cho việc mình được vẹn toàn chu đáo. Cậu vẫn thổ-thẻ với cô rằng: « Việc hôn-nhân của đôi ta là việc hệ trọng đến một đời, không phải hàng rau hàng cá gì, nếu phi mối không thành, không có lời cha mẹ không xong. » Cậu cứ năn nì xin cô van nài cùng lệnh-song-đường, nếu được thế chắc là việc hôn nhân của cô cậu có bề ổn thỏa hết. Mọi lúc đêm thanh cảnh vắng, cô vẫn thường đem lời cậu mà thổ thẻ cùng mấy bà thân sinh cô, và ông anh ruột, nhưng than ôi, giời chẳng chiều người, ông tơ ghét bỏ, mỗi lần cô đem việc đó ra nói thì lại bị bà mẹ và ông anh mắng át hắt ra, muốn toan cắt hẳn mối tơ tình của cô; thỉnh-thoảng bà mẹ lại lấy lời an ủy can ngăn: « Con ơi! Kể con, mẹ chỉ có một mình con là gái, sau mẹ chỉ trông cậy ở con, tuy nhà ta kém tiếng, nhưng con còn hơn người, vả lại con đi đâu mà vội, để mẹ tìm kiếm cho con, đời bây giờ là thói đời đen bạc, họ chỉ cốt về tiền, về sắc; lúc tiền hết, sắc kém, họ lại dễ dúng con đi. Con đừng nghe tiếng ngọt, lời tán mà siêu tấm lòng; con chậm một ngày thì con vinh dự biết mấy: thiếu gì nơi con kết nghĩa deo cầu, Tham, Đốc, Phán. Kìa con không xem ngay gương chúng bạn con kia: con anh thợ đồng-hồ, mà vớ được ông Tham hỏa-xa, ra hài vào dép, lên xe xuống ngựa, vinh-dự biết bao! Sao con không soi, mà con nỡ rẻ-dúng tấm thân con sa chỗ bùn lầy! » Thưa mẹ con vẫn hiểu thế, nhưng ở đời trọng cái nghĩa ăn ở tử tế là hơn, cứ gì Tham, Đốc, Phán; danh có mà bụng hẹp, thì cái hạng đó con cần chi con phải màng phải ham. Kìa sao cô tiểu-thư nọ con quan nọ, lệnh-tốc cao môn, mà phải đi theo anh tài-sế. Con bà phán nọ lại có ý yêu dấu anh chàng kéo xe. Thế, người ta còn lấn mình theo. Con đây chỉ vì trọng cái nghĩa, trọng cái bụng tốt, vậy xin mẹ cho chúng con trộm phép kết bạn trăm năm. »

Cô cố nài, cô cố ép mà bà mẹ cùng ông anh nhất quyết phăm phăm cắt đứt đoạn tình cho cam. Vì lẽ đó, lòng cậu Chữ áy náy, mà cái công cậu Chữ thành cái công dã-chàng xe cát bể đông, cậu từ đó buồn chán, mất hết hy vọng, mà cái mối tình cậu không muốn dứt, muốn cho vẹn cho trọn cùng nhau, sống chết có nhau, cậu sợ mai một chiếc hoa kia lại ra được người khác hưởng.

Hồi 11 giờ trưa hôm 26 Juillet, cậu chén rượu ngà ngà, dở tỉnh dở say, sâm sâm cùng con dao bầu đến tận nhà cô Thu, quyết liều một phen. Nhà vắng, cô Thu đang nằm trên giường, cất tiếng thổ-thẻ đọc Kiều lẩy:

Dù khi lá thắm chỉ hồng,
Nên chăng thời cũng tại lòng mẹ cha.

Hay đâu đằng sau có tiếng hỏi, thế nào mợ? có lấy tôi không? Cô Thu vừa cất tiếng trả lời: Thưa cậu, tùy mẹ em, em không biết. Cô nói xong, chồm

rậy, thì ôi thôi, hai nhát dao bầu băm mạnh, cô bị sả vai, cô nằm bất tỉnh nhân sự. Cậu bèn cưa luôn cậu vài nhát, chả mấy lúc đôi trai gái đó nằm trên vũng máu đào. Than ôi, vì muốn vẹn chữ tình mà chẳng vẹn tình, vì đâu? gây nên cuộc lưu huyết ghê gớm!

Sau cơn tai biến dị thường, trên con đường Bờ-sông ra thẳng tòa án, một cậu trai trẻ, đầu cạo trọc, mặt trắng trẻo, hai tay bị sích, cùng một người lính đi kèm vơ vẩn ở cửa tòa án Đệ-nhị-cấp, về phố Kho-bạc, mặt mày ủ ê ra chiều bẽn-lẽn băn-khoăn . . .

Duyên kia ai rất tơ đào!
Kẻ sang nhà đá, người vào nhà thương.

Ôi chữ tình! .. các bạn thiếu-niên anh em ta phải nghĩ.

LÂM-KIỀU

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Các chính-đảng tại Hạ-nghị-viện Pháp

Chính-trị ở các nước Âu Mỹ, nhất là chính-trị ở nước Pháp, là một việc rất phiền phức, mà đương buổi đời nay, lại có quan-hệ đến chính-trị ở nước ta, vậy xét đến các đảng phái ở Nghị-trường, tìm cái xu-hướng, cái tôn-chỉ của họ, tưởng cũng là một điều hữu ích.

Sau cuộc tổng tuyển-cử ngày 22-29 tháng Avril năm 1928. Hạ-nghị-viện Pháp gồm có cả thảy 611 nghị-viên, theo khuynh-hướng và vị-trí ở nghị-trường chia làm ba phe nhớn thường gọi là: Tả-dực, Trung-ương và Hữu-dực.

1) **Tả-dực** gồm có bốn đảng chính: Xã-hội cấp tiến, Xã-hội hợp nhứt, Cộng-hòa xã-hội và Cộng-sản.

Đảng *Xã-hội cấp tiến* có 114 đại-biểu ở nghị-viện, kỳ tuyển cử 1928 được 1655.000 phiếu (tức là được 17 phần 100 người đi bầu). Đảng này lập ra đã lâu, từ khi chính-phủ Cộng-hòa thứ ba mới thành lập, đối với các đảng, trước đứng bên cực tả nên mới mang hai chữ cấp tiến. Kỳ thực thì ngày nay không còn gì là cấp-tiến nữa. Trái lại, sau này có lẽ sẽ trở nên một đảng bảo thủ.

Đảng-viên xã-hội cấp tiến đều là người thuộc phái tiểu-trung-lưu, hoặc là điền-chủ ở thôn-quê, hoặc buôn bán ở thành thị, tuy không phải là vô sản, nhưng cũng chưa là tư-bản thực. Chương trình của đảng này cần trong một câu: bênh vực kẻ «nhỏ» đối với kẻ «nhớn». Hộ vệ cho bọn tiểu trung-lưu, phản đối cái chế-độ giáo-hội, đánh đổ phái đại tư-bản và cướp lấy quyền chính-phủ, ấy là đại-lược những việc đảng ấy cố thực hành. Cũng vì thế mà đảng Xã-hội cấp-tiến tuy có tính-cách bảo-thủ mà vẫn ra mặt tả-phái hợp tác cùng đảng xã-hội. Bản ý là lập thành Tả diện liên đảng, (cartel des gauches), để đối với hữu đảng.

Đảng *Xã-hội hợp nhất* hiện nay còn 107 nghị-viên, kỳ tuyển-cử năm 1928 được 1698 000 phiếu, (tức là 18 phần 100 người đi bầu)

Đảng Xã-hội kia là một đảng *cách-mệnh* theo chủ nghĩa Karl Marx. Vì thế mà các đảng-viên đảng xã hội xưa vẫn phản đối việc quyết định ngân-sách việc chính-bị v.v. tóm lại là phản đối hết cả các chính-sách của Chính-phủ.

Nhưng từ sau khi cuộc Âu-chiến, thì đảng xã-hội chỉ chủ-trương cải cách dần dần. Ngay trong đảng xã-hội ngày nay cũng chia làm hai phái: hữu-dực và tả-dực. Hữu-dực thì đã công-nhiên theo chủ nghĩa ôn-hòa so với đảng xã-hội cấp tiến cũng không khác gì mấy.

Lắm người không am hiểu tình-hình chính trị bên Pháp, nghe nói đến đảng xã-hội thì đã tưởng-tượng ngay đến những sự bạo động cách mệnh. Không phải thế. Đảng xã-hội hợp nhất bây giờ chỉ là đảng cách mệnh

về lý-thuyết, còn về thực-hành thì cũng không cực đoan gì mấy. Lắm lúc lại hợp-tác với đảng xã-hội cấp-tiến, như kỳ tổng tuyển năm 1928.

Đảng cộng-sản (II nghị-viên, 1064 phiếu, II phần trăm người bầu) là đảng mới thành lập từ sau khi Âu chiến, gồm những đảng viên cánh tả của đảng xã-hội. Đảng này chịu mệnh lệnh Đệ-tam quốc tế ở Moscou, kỷ-luật rất nghiêm nhặt. Đối với tất cả các đảng ở Nghị-trường, đảng Cộng-sản đứng vào phái cực-đoan, lấy cách-mệnh bạo-động làm phương pháp cải cách xã-hội.

Hai đảng Xã-hội và Cộng-sản cũng chung một chủ-nghĩa. Nhưng về thực-hành thì lại khác nhau, mà có khi đến xung đột nhau nữa. Như kỳ tổng-tuyển-cử năm kia đảng Xã-hội bỏ đảng Cộng-sản mà hợp-tác cùng Xã-hội cấp tiến, vì thế mà đảng Cộng-sản hồi ấy thất bại chỉ có 11 đại-biểu thôi.

Đảng viên Xã-hội một nửa là thợ thuyền, một nửa là các nhà tiểu địa-chủ, (vì đảng Xã-hội không phản đối tiểu tư bản) Còn đảng viên đảng Cộng-sản thì thuần là vô-sản, như thợ thuyền ở các thành-thị miền bắc nước Pháp và ở Paris, và dân cày thuê ở thôn quê, nhất là ở miền Nam nước Pháp.

Xem thế thì hai đảng tuy cùng chung một máu, cùng thờ một tổ mà có khác nhau xa, cứ danh hiệu thì anh em, nhưng thực ra là thù-nghịch.

Ngoài ba đảng nhớn kể trên kia, tả dực lại còn có ba đảng nhỏ nữa là *Cộng-hòa xã-hội*, 16 người; *Xã-hội-pháp*, 14 người *Độc-lập tả-đảng*, 20 người; cộng là 50 nghị-viên, kỳ tuyển cử năm 1928 được 469000 phiếu tức năm phần trăm số người đi bầu.

Người trong mấy đảng này là đảng viên của đảng Xã-hội. Vì không theo kỷ-luật mà bị khai trừ hay tự bỏ ra. Tính cách đặc biệt của họ là vừa thiên về tả, vừa muốn tham dự vào chính-phủ. Tức như ông Briand đảng-viên đảng cộng-hòa xã-hội mà hiện nay dữ bộ ngoại-giao trong nội-các Tardieu là nội-các của hữu-dực. Nói cho phải thì mấy đảng này cũng không phải là đảng quan trọng, cũng không phải là đứng đắn ở Nghị-trường.

Thống kê tả-dực ở nghị-viện hiện nay có 6 đảng, theo thứ tự, từ tả sang hữu là Cộng-sản, Xã-hội-hợp-nhất, Xã-hội-Pháp, Cộng-hòa-xã-hội, Độc-lập-tả-đảng, Xã-hội-cấp-tiến, cả thảy được 271 nghị-viên, đem so với số 611 nghị-viên thì chưa được nửa. Nhưng tuy thiểu số mà thực lực lại mạnh hơn cả, ấy cũng là bởi quốc-dân Pháp ngày nay tư-tưởng thiên về bên tả nhiều.

2.) — **Trung-ương** hiện nay có bốn đảng: *Cấp-tiến-tả đảng* (51 nghị viên) theo hai khuynh-hướng trái ngược nhau, khi nghiêng về bên tả, khi nghiêng về bên hữu. Đối với những lợi-quyền, đảng này bỏ phiếu cho bên hữu, còn đối với vấn-đề chính-trị, họ lại hợp tác với bên tả. Nếu đảng này mà được 200 đạibiểu ở Nghị-trường, thì hẳn việc thống-trị trong nước sẽ dễ dàng, vì sẽ không bị ai ngăn trở,

Thứ hai là *Cộng-hòa tả-đảng* (66 nghị viên) gồm có những người tư-tưởng ôn-hòa, họ công nhận chính thể dân-chủ, nhưng xét ra hãy còn bảo thủ tuy vậy; đảng này một đôi khi cũng còn chịu ảnh-hưởng của các phái tả.

Đến đảng *Dân-chủ xã-hội* (31 nghị viên) mới thật là đảng đứng ra ngoài phạm-vi thế-lực của phái cấp-tiến, tức là những người bênh vực cho các nhà đại tư-bản, đại địa-chủ, là những người thuần bảo-thủ, đối với cái chính sách bên tả đều nhất luật phản đối cả.

Ngoài ba đảng trên kia, còn đảng *cấp tiến và xã-hội* (17 nghị viên) do ông *Franklin — Bouillon* làm lãnh-tụ - Người trong đảng này trước kia đều thuộc về đảng xã-hội cấp-tiến, nhưng vì thiên về chủ nghĩa quốc-gia hơn, nên mới đây biết lập thành đảng nhỏ. Cũng vì thế mà năm xưa Nội-các *Poincaré* thành lập được họ tán thành. Tổng cộng Trung-ương gồm có bốn đảng kể từ tả sang hữu: Xã-hội cấp-tiến tả-đảng; Cấp-tiến tả-

đảng, Cộng hòa tả-đảng và Dân-chủ xã-hội chiếm 464 ghế ở nghị viện, kỳ tổng tuyển cử Avril 1928 được 2145.000 phiếu, tức 22 phần trăm người bầu.

Kể cái số 164 nghị viên cũng đã khá đông, nếu mà đồng-tâm với nhau, theo chung một kỷ luật, giữ chung một thái độ thì thế lực ở nghị-trường đối với các vấn-đề lợi-quyền và chính-trị không phải là nhỏ. Song bốn đảng này vẫn không có chí hướng nhất định, khi đảng này nghiêng về tả, khi đảng kia ngả sang hữu, vì vậy mà kém thế lực đi nhiều. Tóm lại một câu, Trung-ương thuộc phái cộng-hòa nhưng vẫn giữ cái trật tự cũ của xã-hội.

30) — **Hữu-dực** ở Nghị-viện có ba đảng làm đại biểu: Phe *nghị-viên độc-lập* (39 người) gồm có các chà quí-tộc được bầu ra. Phần đông đều muốn đánh đổ chính-thể cộng-hòa. Bây giờ ông *Léon-Daudet* ông *Charle-Maurras* hai tay văn-sĩ có tiếng ở nước Pháp đều ở trong đảng này cả. Hai ông này lại theo chữ nghĩa quân chủ. Đảng độc-lập đối với Hữu-dực cũng như đảng cộng-sản đối với Tả-dực nghĩa là cũng đứng vào địa-vị cực-đoan cả.

Đảng *Cộng-hòa dân-chủ đồng-tâm* (91 nghị viên, viết tắc là U. R. D.) cứ bề ngoài mà nói thì có khuynh-hướng về trung-ương ít nhiều và họ cũng từng tuyên bố là theo chủ nghĩa tân-tiến, nhưng sự thực thì không thế. Xét hai cái đặc tích sau này thì rõ: đối với vấn-đề tôn giáo, đảng này tán thành cho phái Gia-tô, đối với vấn-đề xã-hội thì lấy giai-cấp tiêu biểu cho trật tự — Chính phần mười đảng viên của U. R. D. đều là nhà đại tư-bản, đại địa-chủ, quí-tộc, hay là thuộc phái Gia-tô trưởng-giả (bourgeois catholique). Chương trình của đảng này gồm có ba phần: *duy trì chủ-nghĩa quốc-gia, hộ vệ phái tư-bản và quí tộc, bênh vực chế độ Gia-tô giáo.*

Cuối cùng là *đảng Dân-chủ bình-dân* (18 nghị viên). Đảng này mới lạ.— Họ tuyên bố rằng đối với chính-sách hòa bình quốc-tế của phái tả họ rất tán thành, họ phản đối quốc-gia, bọn Gia-tô và đối với vấn-đề tôn-giáo vẫn giữ thái độ trung lập. Nói tóm lại là công-nhận chính-thể dân-chủ, nhưng vẫn công kích các đảng tả về phương diện tôn giáo, xã-hội và chánh-trị, cho rằng cách hành động của các đảng kia chỉ để phá hoại trật tự mà thôi.

Gồm ba đảng vừa nói, hữu-dực có 144 nghị viên, kỳ tuyển cử 1928 được 2160000 phiếu, tức 23 phần 100 người bầu.

Rút lại, thế quân bình các đảng chính-trị, sau cuộc tổng tuyển cử ngày 22, 29-Avril 1928 như thế này:

Số người bầu: 9351,000

Tả-dực: 4846.000 phiếu

Trung-ương: 3846.000

Hữu-dực: 2160.000 phiếu

Số ghế của các đảng ở Nghị-viên hiện nay:

Tả-dực: 282 nghị viên, được 45 phần 100 ghế. *Trung-ương* 165 nghị viên được 27 phần trăm ghế. *Hữu-dực* 114 nghị viên được 24 phần trăm ghế.

Đấy là không kể 20 nghị-viên *độc-lập*, không thuộc đảng phái nào cả.

Nay đem Tả-dực, mà so sánh cùng Hữu-dực, thì tả-dực đông hơn. Song phải biết rằng Hữu-dực bao giờ cũng được một số đông nghị viên của Trung-ương tán-trợ. Cũng vì thế mà, tuy Tả-phái có thanh thế đối với quốc dân Pháp, quyền chính-phủ vẫn về tay Hữu-dực.

Kết luận: Xét về các đảng chính-trị ở Pháp, ta không nên lầm về cái tên của họ, phần nhiều đảng đều nêu một cái tên to tướng mà kỳ thực trong ruột chẳng có gì, lắm khi cái tên ấy lại cùng với tôn chỉ phản đối nhau nữa.

Song đại-lược ta cũng có thể nói được rằng Tả-phái gồm có những đảng tư-tưởng mới mẻ và rộng rãi hơn Trung-ương và Hữu-phái.

P. T.

Tường-tình trận đánh nhau ở Quảng-tây

Quân Vân-nam thua to

Từ khi quân Trương-Quế kéo lên Hồ-nam, chực nhòm Võ-Hán trong khi Tưởng-giới-Thạch mải đánh quân Diêm-Phùng, thì ở Vân-nam, Long-Vân theo lệnh Tưởng sai Lô-Hán đem hơn một vạn quân sang Quảng-tây, vây thành Nam-ninh (tỉnh thành Quảng-tây). Khi đó trong thành Nam-ninh chỉ có bọn Vy-vân-Tùng, Hoàng-thúc-Sơ, v.v với mấy nghìn dân quân tưởng là đánh lấy rất dễ. Nào ngờ, vì đường lối Quảng-tây hiểm trở, việc vận tải khó-khăn, quân Vân-nam vì đạn dược và lương thực thiếu thốn, lại không thuộc đường lối, nên đánh mãi chẳng ăn thua gì.

Quân Vân-nam khi đi, chở theo rất nhiều thuốc phiện, định bán đi để lấy tiền chi dụng, nhưng vì dân quân tỉnh Quảng-tây bị bọn Trương-Quế khêu gợi, rất ghét quân Vân-nam, nên họ chẹn đường ăn cướp mất nhiều lắm. Chẳng bao lâu, quân Trương-Quế bị thua ở Hồ-nam, tàn-quân lại kéo về Quảng-tây, bấy giờ quân Vân-nam đã không lấy được thành Nam-ninh mà thấy quân Trương-Quế lộn về, lại e bị đánh giáp hai mặt, vội-vàng phái người sang Quảng-đông cầu cứu. Sau khi đó quân Quảng-đông cũng sang Quảng-tây đánh quân Trương-Quế, nhưng chỉ lanh-quanh ở mặt đông tỉnh Quảng-tây, không thể tiến thẳng đến Nam-ninh giúp quân Vân-nam được. Quân Vân-nam muốn lui cũng không dễ.

Từ đó, quân Vân-nam vẫn đóng cách thành Nam-ninh chừng 4, 5 dặm hai bên giữ nhau mãi không có trận nào đánh nhau to.

Mới đây quân Trương-Quế chia nhiều bọn mà đánh vào khắp mặt trận quân Quảng-đông, nhưng không ăn thua gì, sau đó thì cuộc-giảng hòa nổi lên. Trong khi quân Quảng-đông đang bàn hòa với quân Trương Quế thì bỗng có tin quân Vân-nam đại-bại. Đầu đuôi như sau này:

Ngày 28 tháng 10, bộ quân Trương-phát-Khuê từ ngọn núi cao ở Võ-tuyên kéo đến đánh úp mặt sau quân Vân-nam, đồng thời bọn Vy-vân-Tùng, Hoàng-thúc-Sơ, Ly-bạch-Vân ở trong thành Nam-ninh cũng đem quân xông ra; hai bên đánh nhau hai ngày đêm, kết quả quân Vân-nam phải lui. Quân Vân-nam định đi lối Tả-giang, lui về Long-châu rồi qua Trấn-biên, Tỉnh-tây mà về Vân-nam, nhưng vì nghe ở Trấn-biên và Tỉnh-tây có dân-quân Vân-nam nổi lên chẹn lối, lại Lâm-chấn-Đình đóng ở Long-châu, chưa rõ thái-độ ra sao, nên không dám đi lối này, mới đi lối Hữu-giang mặt Thái-bình, An-bình, vòng đường Bách-sắc mà về Vân-nam.

Quân Trương-Quế lại mới chiêu dụ được Lý-minh-Thụy nguyên là tướng đồng-đảng với Du-tác-Bá nhập bọn, nên quân số mới tăng. Khi quân Vân-nam lui đến khoảng Long an, Quảng-hóa thì mặt sau có Lý-minh-Thụ, Vy-vânTùng, Hoàng-thúc-Sơ đem quân đuổi đến; mặt trước có Bạch-sùng-Hy, đem 3000 quân Quế đi hai cái tầu theo dòng sông Hữu-giang mà vượt lên chẹn đường. Quân Vân-nam phải đóng quân lại mà đánh. Chỗ đó là núi Sư-tử, núi non hiểm trở, hai bên giựa núi bày trận đánh nhau. Quân Vân-nam bắn hết tiệt đạn, phải dùng lưỡi lê mà sông trận. Bấy giờ quân Quế thì còn có đạn thủ lực, quân Vân-nam thì không, phải thúc quân liều mạng xông vào cướp lấy đạn quân Quế, đến nỗi hai bên ôm nhau mà vật lộn, cùng ở trên núi lăn tòm xuống sông, vì thế số chết nhiều lắm, mấy hôm sau xác nổi bồng-bềnh dưới sông không biết bao mà kể. Người ta nói rằng trận này quân Quế chỉ có mấy nghìn mà đánh được quân Vân-nam hơn vạn, chỉ vì quân Vân-nam vừa thiếu đạn không thuộc đường bằng quân Quế và tiếp tế khó khăn, mà quân Quế lại dùng được dân-đoàn để quấy rối bốn mặt quân Vân-nam. Tuy vậy quân Quế thiệt hại cũng nhiều, số lính bị thương chở đày hai cái tầu đem về điều trị ở Nam-ninh. Còn quân Vân-nam, thấy nói hơn một vạn quân chỉ còn về Vân-nam có hơn nghìn, còn thì vừa chết vừa bị thương, vừa bị bắt làm tù binh hết cả; có nhiều quân Vân-nam bị

thương phải bỏ lại dọc đường, vì đội Hồng-thập-tự không thể chở hết. Các sư-trưởng. lữ-trưởng giở xuống, phần nhiều bị bắt ; có Lư-Hán vì chạy trước, nên về được Vân-nam. Một người là Na-kỳ-Nhân thì đầu hàng ngay trước khi chưa đánh.

Sau trận đánh ở núi Sư-tử này, quân Quế thì đem thêm quân ở Hoàng-Châu đến ứng viện, còn quân Vân-nam chạy về Bách-sắc rồi về luôn Vân-nam.

Hiện nay Bạch-sùng-Hy đã tiến đến, đem tù-binh cải biên làm một sư gọi là Quế quân độc lập đệ nhị sư, cho hàng - tướng là Na-kỳ-Nhân làm sư-trưởng đóng ở Bạch-sắc mà huấn huyện quân kia.

Bạch-sùng-Hy định lấy Vân-nam

Bạch-sùng-Hy hiện còn ở Bách-sắc, ở Nam-ninh thì giao cả cho quân Trương-phát-Khuê đóng giữ. Nghe nói Bạch thấy tỉnh Vân-nam là nơi xuất sản thuốc phiện, mỗi năm thu được chừng 10 triệu thuốc có thể nuôi được 6 sư quân, lại ở hẻo lánh một nơi, tiến có thể đánh, lui có thể giữ, Bạch thèm muốn đã lâu, nay thấy quân Vân Nam có ít mà đánh chác rất kém, nên quyết định : hễ cuộc giảng hòa với Chính-phủ không xong, là đem quân đánh lấy Vân-nam để làm nơi căn-cứ. Hiện đã thấy Bạch lấy thêm quân đến Bách-sắc rồi. Song lại có người nói rằng các tướng lãnh quân Trương-phát - Khuê không tán thành thuyết đó, vì bọn này đều là người Quảng-đông đi lâu nhớ nhà, chỉ mong cuộc hòa ohóng thành thôi, chính Trương-phát-Khuê cũng không tán thành. Việc sau ra sao, rồi sau sẽ biết.

Dịch báo Tàu.

Thực-nghiệp-dân-Báo

Việc tù trốn ở Hòa-bình

Khi được tin việc người cai khố xanh rủ mười lăm người tù đi trốn thì lập tức phủ Thống-sứ phái một toán 25 người lính khố xanh do một viên Giám-binh chỉ-huy đi bắt. Con đường Hà đông đi Hòa-bình bị cấm. Có mấy chiếc phi-cơ bay đi tuần ở miền ấy. Tất cả các đồn ở Hòa-bình đều báo hiệu động binh.

Trong khi tiễu trừ bọn tù trốn này, có hai người lính khố xanh bị thương nặng. (Tin này là tin đồn, theo báo France-Indochine.

Tin sau cùng.— Mới được tin rằng người cai khố xanh và 15 người tù đi trốn, nay đều đã bị bắt cả rồi.

Phổ-Thông

Lấy thêm lính dự-bị vào chùa Thông

Sơn-tây, 24 Décembre. — Hiện nay nhà binh tỉnh Sơn-tây đương tuyển lính vào ban dự-bị, nên những dân chúng thôn quê xa gần lục-tục kéo nhau ứng mộ. Mộ xong, mỗi toán có một người cai dẫn vào chùa Thông lĩnh quần áo mới và bắt đầu thao luyện.

Phổ-thông

Tình hình phía Bắc Trung-kỳ

Biểu tình

Dân-gian ở làng Vĩnh-thụy, phủ Anh-sơn (Nghệ-an) hôm 20 Décembre vừa rồi toan tổ chức cuộc biểu tình để kéo đến phá đồn lính chợ Rang ở cách Đô-lương chừng 11 cây số. Bọn biểu-tình có gậy gộc và dao găm, có người lại cầm cả bó lúa mà đi. Viên chánh-đồn chợ Rạng được tin liền phi báo cho đồn Đô-lương thì lập tức có một đội lính Lê-dương đến, thấy thái-độ bọn biểu-tình ương ngạnh, nên lính phải bắn. Bị thương và chết mất mấy người.

Quan Công-sứ Vinh cũng có phái một đội lính Lê-dương đi hai chiếc ca-mi-ông lên, nhưng đến nơi thì bọn biểu tình đã giải tán rồi.

Phổ thông

Tin rõ về mấy cuộc biểu-tình dữ dội ở Can-lộc

Suốt đêm ngày 11 décembre, nhân lễ kỷ-niệm của đảng cộng-sản bên Quảng-châu, bọn cộng-sản ở Hà-tĩnh có tổ chức mấy cuộc biểu-tình rất dữ dội. Trong hạt Can-lộc, bọn cộng-sản họp thành ba bọn. Buổi sáng, bọn thứ nhất từ phía bắc Lai-thạch đi lên đánh vào phủ Đức-thọ. Một đội lính trú-phòng đóng ở phủ ra đuổi đánh: hai người chết và một người bị thương.

Bọn thứ nhì chừng hai nghìn người từ đường Tư-ích, tổng Nha-khê đi đến, 11 giờ trưa định tiến vào đồn khố-xanh Can-lộc. Đi đến chỗ cách đường thiên-lý 40 thước tây, bọn biểu-tình bị lính bắn chết ba-mươi người. bị thương chừng mười người

Bọn thứ ba này đông lắm, đi từ miền Chợ-huyện, gần Cửa-sót tiến về tỉnh ly, giữa đường gặp toán quân Saint-Blanquat cản đường.

Lúc này ở tỉnh-ly, sau khi nghe hồi kèn động binh, thành phố rất là náo động.

Toán lính khố-xanh bị bọn biểu-tình xông vào đánh, nên phải dùng súng. Bên nghịch chết mất năm mươi người.

Tại Can-lộc. trong bọn biểu-tình có nhiều tay dùng súng lục nhằm bắn viên Đồn đứng chỉ-huy đội lính khố.xanh.

Hiện đương tra xét và bắt bớ nhiều người.

T. B. T. V..

Bêu đầu dưới ngọn cờ

Vinh, 9 Décembre. — Mới rồi trước cổng đồn Đô-lương thấy cắm một lá cờ đỏ. Lính canh đồn nhác trông, vội ra tháo lá cờ đi, thì thấy một cái đầu lâu bêu trên ngọn cờ, còn một cái thây nằm ở dưới đất.

Người bị giết này trạc ngoại đôi mươi, không thấy căn-cước gì cả. Quan sở-tại đã cho mai táng kẻ bất-hạnh.

Phổ-Thông

Sau trận bão ở Côn-lôn

Bửu-Đình cưỡi bè vượt ngục lại bị bắt về Saigon

Saigon, 26 Décembre. — Bửu-Đình là thư-ký sở Điện-báo tại Saigon, năm trước vì can vào việc phản-đối đương triều, bị Triều-đình Huế kết án chín năm tù, đầy đi Lao-Bảo, sau xin với chính-phủ Bảo-hộ được thiên ra đảo Côn-lôn. Nhân vụ bão lớn vừa rồi, trên đảo Côn-lôn đều nhốn-nháo, Bửu-đình bèn lênh-đênh ở giữa bể, thả bè chôi giạt tới địa-hạt Malaisie; kế mấy ngày, nước cơm đều hết, Bửu-đình chỉ còn đợi chết mà thôi. Thình-lình có một chiếc tàu Hà-lan đi qua cứu Bửu-đình lên tàu, biết là người Việt-Nam vượt ngục, giao cho quan lãnh-sự Pháp ở Malaisie, vì thế Bửu-đình phải giải về Saigon giam tại khám lớn cùng một phòng với Nguyễn-an-Ninh,

Cứ theo luật pháp thì tù vượt ngục phải đem ra tòa để gia thêm tội, Bửu-đình đã xin phép cậy ông trạng-sư Nguyễn-đình-Thảo bênh vực.

P. T.

Bắt nhiều người phiến động Annam ở Vân-Nam

Trong đêm hôm 6 rạng ngày 7 Décembre và trong ngày hôm 8 Décembre, chính-phủ Vân-Nam đồng ý với lãnh-sự Pháp, đã bắt nhiều người phiến động người Nam.

P. T.

TÌNH HÌNH BÊN ẤN-ĐỘ

Con ông Gandhi chết trong nhà ngục

BomBay 8 Décembre. — Con ông Gandhi, 17 tuổi, mới bị chết trong ngục, vì đã tuyệt-thực trong hai tháng trời để tỏ-ý phản-đối những cách ngược-đãi của người Anh đối với mình.

P. T.

Một viên sĩ quan người Anh bị ám sát

Calculta, 8 Décembre. — Một người lạ mặt đã ám sát một viên sĩ-quan tên là Norman simpson, là tổng-thanh-tra các nhà ngục.

N. C. T...

Hiến pháp Ấn-Độ

Bombay 22 Décembre.— Sau một cuộc điều-tra của báo «Le Times» ở trong phái người Âu-châu không về phe chính-phủ, thì biết rằng phần nhiều bọn này tuyên-ngôn tán thành một cái hiến-pháp tự-trị có một chính-phủ Trung-ương chịu trách-nhiệm và có bảo điểm về việc quân-vụ, việc ngoại-giao và ngoài-trái.

Phổ-Thông

Vấn-đề tự do ngôn luận ở Nhật-Bản

Đông-kinh 21 Décembre. — Nội-vụ bộ Tổng-trưởng ở Nhật là M. Adachi đã xin lỗi trước mặt bốn mươi người đại-biểu các nhà báo nước Nhật về các cách đối đãi với báo-giới do ông đặt ra gần đây, làm cho hại đến quyền độc-lập của báo giới rất nhiều. Từ nay trở về sau ông đã hứa rằng sẽ kính trọng và không giám phạm đến sự tự do ngôn luận của các nhà báo nữa.

Phổ-Thông

Nước Mỹ có bao nhiêu giây điện-thoại

Kể giây điện-thoại trăng khắp trong nước Mỹ, không khác gì mạng nhện, nếu đem nối liền lại, thì có thể trăng khắp chung quanh quả Địa-cầu được hơn 3080 vòng.

Phụ-Nữ

KHOA-HỌC TIẾN BỘ

Súng mới phát minh dùng người làm đạn

Mới có tin ở thành Đông-Kinh Nhật-Bản đến rằng: Nước Đức mới phát minh một thứ súng đại-bác để bắn người lên cao. Súng ấy, thân giài hơn bốn thước, miệng rộng 15 tấc, dùng người làm đạn. Khi bắn lên người ở trong lòng súng tung ra mà lên cao cho đến hai nghìn thước, song không hề có sự gì nguy hiểm cả. Hôm mới rồi có một chiếc tầu Nhật là Phục-Kiến-Hoàn đã chở một khẩu súng về Thần-Hộ để bắn thử. Hôm 22 tháng mười vừa rồi đã đem bắn thử một phát ở Thần-Hộ; người làm đạn là người Đức tên là Phú-Nghĩa, mặc áo da và đội mũ da sắc đen. Khi súng nổ thì có khói trắng phun ra, rồi viên « đạn người » đó cũng đồng thời bắn lên một cách rất nhanh; thoạt trước trông người chỉ nhỏ bằng viên đạn súng tay, sau dần dần to rồi rơi xuống đất.

Súng ấy mới thí-nghiệm lần này là lần thứ nhất; người Nhật có ý thích lắm, họ coi như một của bẩu mới tìm thấy vậy...

Đ. Ph.

Một nhà giáo-thụ Nhật-Bản mới phát minh được một thứ máy điện thoại

Bác-sỹ Thiên-Diệp, làm giáo-thụ ở trường Đế-quốc đại-học ở Đông-Kinh nước Nhật vừa mới phát minh một thứ máy điện-thoại không giây, rất đơn sơ mà rất quan-hệ, lợi dụng tia sáng xích ngoại (ngoài đỏ) mà đưa tiếng đi, rẫu khi đêm tối cũng khiến cho hai người ở cách rất xa nói truyện với nhau được, mà người ngoài không ai biết cả. Sự phát minh này có ảnh-hưởng rất lớn đến văn-hóa và việc quan-trọng thế-giới.

Bác-sỹ dùng một thứ đèn hồ-quang (ánh sáng vòng cung), dùng luồng điện đưa sóng tiếng truyền đến tia sáng (sích ngoại), đưa tiếng đi rất xa. Lại có một cách xếp đặt riêng để tiếp lấy tiếng truyền đến, thế là người bên kia nghe được mà không ai nghe trộm được cả.

Việc này đem ra thí-nghiệm, kết-quả mỹ-mãn. Vậy nghề điện-thoại không giây lại sắp thịnh hành.

Ph. T.

Nước phun thành giấy

Một nhà phát-minh nước Đức mới chế ra một thứ máy phun, trông hình như súng bắn hơi vậy. Trong máy có thứ nước lỏng, hễ phun ra ruộng lúa thì đông ngay thành giấy, gió thổi không rách, mưa ướt không tan. Thứ giấy này công dụng rất lớn, vừa thêm khí nóng ở mặt đất, vừa bảo hộ cho loài tế-khuẩn (vi-sinh-vật) có ích cho cây, lại ngăn chở loài sâu làm hại nữa. Nước Mỹ đã đem máy ấy thí nghiệm, thấy nói kết-quả tốt lắm; lại xét ra thứ nước đông thành giấy này không những bảo hộ cho cây, lại còn làm cho hoa-lợi thâu xuất thêm nhiều lên nữa

T. L.

Số 14 trang 7. Đường Nam-định đi Hưng-Yên xa 32km sắp nhầm là 12, nay cải chính.

Thịnh-Đức Dược-phòng

N° 6e Định-Tân « Boulevard Harmand ». — NAM-DINH

Có thầy thuốc học lực, nghiên-cứu, **Xem-mạch, bốc-thuốc,** cho đơn, và có các thứ thuốc viên rất thần hiệu, như thuốc **cam,** thuốc **điều-kinh, Lậu, dương-mai.** Xin các Ngài chiếu cố sẽ biết.

QUẤT-HIÊN **VŨ-DUY-THIÊN** *Kính Cáo*

Le Gérant :
PHAM-DINH-KY

Số 16 NĂM CANH-NGỌ 2e S. Janvier 1931

RESIDENCE SUPERIEURE DU TONKIN
BIBLIOTHEQUE CENTRALE

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1468

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUẢN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO: Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH
1931

19

QUAN CÔNG - SỨ ĐỐC - LÝ Ở NAM - ĐỊNH
ĐỐI VỚI BẢN - CHÍ

An - Nam Tạp - Chí ở Hanoi về Nam - Định, được quan Công - Sứ Đốc - Lý là Quý độc - giả trước nhất.

RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
au
TONKIN

PROVINCE
de .....

N° 6930
Objet :

Nam Định, le 29 Décembre 1930

L'Administrateur de classe, Résident de France à Nam - Dinh

à Monsieur **NGUYỄN - KHẮC - HIẾU,** *Directeur de la revue An-Nam Tap Chi 123, Rue Maréchal Foch,*
NAM-DINH

Monsieur,

J'ai l'honneur de vous prier de vouloir bien faire inscrire la Résidence de Nam-Dinh pour un abonnement d'un an à votre revue An-Nam Tap Chi.

Veuillez agréer, Monsieur, l'assurance de ma considération distinguée.

par délégation du Résident de France
L'Administrateur Adjoint
Signé : ILLISIBLE

Bản-Chí đồng-nhân xin có lời cảm ơn Ngài có lòng với báo An-Nam. Càng mong người An - Nam ta có lòng với

An - Nam Tạp - Chí

Các bài vở trong kỳ này :

Chí - nguyện của một ông quan lang trên Hòa - L. Quách - Điêu.

Tư - tưởng kinh - tế của Đông Tây.

Hán - học tinh - thần (*Luân - lý gia - đình và thân - thế người nam - tử*).

Quan Tam - nguyên Trần - hy - Tăng, Nam - định.

Hài - đàm (*Một vấn - đề tu - thân của đàn bà con gái.*)

Vấn - đề thể - thao ở Nam - Thành.

Sự tiến - thủ của phụ - nữ nước ta.

Thi - đàn giảng tập (2 *bài.*)

Xã - hội thiền - đàm (*Dưa, cà, tương, mắm.*)

Xã - hội tiểu - thuyết (*Tối thứ bảy, xóm bình - khang, Mỹ - trọng.*)

Hạt máu rơi (*Bi - kịch.*)

Ý - kiến và tiểu - tức trong Báo - giới.

An-nam tạp-chí Hà thành Tổng đại-lý ủy-viên :
Mr LAI-VAN-XUÂN
Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 16 NĂM CANH NGỌ 2e S. Janvier 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO

Mr VŨ-HÙNG-TOÁN

Phó Chủ-sự

CHÍ-NGUYỆN

CỦA MỘT ÔNG QUAN LANG TRÊN HÒA-BÌNH

QUÁCH-ĐIÊU

Nước ta nay đương thời-kỳ quá-độ, phàm các công-việc phải tiến-thủ rất cần, mà chủ-động-lực thời trông ở hạng sĩ phu trong nước. Vậy thời các sĩ phu trong nước, ai có chí-nguyện gì về sự tiến-thủ của công-chúng, chính nên biểu-yết và nghị-luận, mong thực-sự tiến-hành. Cứ tôi được nghe biết, thời là cái chí-nguyện của một ông quan-lang trên Hòa-Bình là Mr **Quách-Điêu** đối với dân mường trên hạt ông về sự dạy học chữ Quốc-ngữ.

Tỉnh Hòa-bình, nguyên là một phần đất về mạn ngược của tỉnh Sơn-tây, cứ nay ở Bắc-Kỳ cũng kể là một tỉnh về miền thượng-du; nhân-dân là *mường*, chế-độ còn theo cổ, cho nên có *quan lang*. Hai chữ « *quan lang* », tức là cái danh-hiệu từ đời Hùng-vương nước ta vậy. Một ông quan lang ở miền trên như Hòa-bình, tuy rằng lớn bé có khác nhau, song cứ địa-vị quyền-lợi, phẳng-phất có cái thái-độ như một ông vua chư-hầu ở Trung-hoa về đời cổ; nghĩa là cha truyền con nối, được hưởng-thụ cái quyền sở-hữu của nhân-dân thổ-địa trong khu-hạt thuộc về mình ăn lang, gọi là *giòng nhà lang*. Trên Hòa-bình có hai giòng nhà lang to, đời đời hùng-trưởng, là họ **Đinh** và họ **Quách**. Ông Điêu tức là một ông trong hàng quan lang về giòng họ **Quách**, địa-phận ăn lang thuộc về châu Lạc-sơn ở Hòa-bình. Tiếng Hòa-bình đối với Mr *Điêu* gọi là « *ông mường Xến* ».

Cách lâu năm về trước, tôi có gặp ông *Quách-Điêu* một lần ở Hanoi, nói truyện qua ít câu. Gần đây, An-nam tạp-chí ra tới 13 mà dừng, tôi lên chơi Hòa-bình, có ý tìm ông *Điêu* để nói truyện về công-việc làm báo. Trước khi chưa tiếp ông, xét theo những lời của các người dưới xuôi lên buôn bán tại phố Hòa-bình cũng nói truyện, thời biết ông *Điêu* là một người rất có chí về sự tiến-thủ ; những điều của ông đã thực-hành, như xửa-sang đường-xá trong hạt, bắt đàn-bà con gái húi đầu, thực là mãnh-tiến vậy. Tôi đã tiếp ông *Điêu* cùng nói truyện, thời lại biết ông là người có học mà ông đương nhiệt-tâm về công-việc cải-lương. Có một điều đáng chú-ý hơn, là cái chí-nguyện của ông đối với sự dạy chữ quốc-ngữ cho nhân-dân trong hạt vậy.

Nguyên dân *mường* ở Hòa-bình, biết chữ quốc-ngữ rất hiếm. Phần có học, đại-để chỉ là con nhà lang; còn như con nhà dân, thời có học ít lắm. Nhớ từ năm An-nam tạp-chí còn ra ở hàng Lọng, tôi từng có lên chơi Hòa-bình, cùng quan Án khi ấy ra thăm xem trường học, trường đó là của các quan tỉnh xin phép mở để nuôi dạy học-trò trong tỉnh-hạt, theo thể-cách lưu-học-sinh ở dưới xuôi, các học-sinh được nuôi ăn trong trường mà không phải giả tiền. Cứ học-trò hiện đó cũng chỉ là các con nhà lang; con nhà dân thời không có mấy kẻ. Nghe quan Án nói truyện thời trường đó lập ra, nguyên cũng không phải thiên-vị con nhà lang; song mà như con nhà dân thời ép cho học được thật khó. Có một lần bắt kẻ học-trò ở thôn-quê, để đem ra cho vào số lưu-học-sinh, mà phải chói như thể chói lợn, mới đem được ra đến tỉnh ; ở trường ít lâu, rồi hắn cũng chốn về mất. Xem cái tình đối với sự học của dân *mường* vùng ấy khó như thế, nếu người trên không gia tâm vừa khuyến-đạo, vừa cưỡng-bách, thời mong sao cho biết chữ được ru?

Cứ ý ông *Quách - Điêu* đối với sự dạy quốc-ngữ cho nhân-dân trong hạt thời ông muốn rằng: Phàm nhân-dân, không cứ lớn bé, ai nấy đều khiến cho phải biết chữ quốc-ngữ. Như thế, thời ông định xin phép nhà nước, lập ra 5 trường, đón 5 ông thầy giáo, mỗi thầy giáo tháng độ mươi hai đồng, cơm nuôi ngoài. Sự dạy thời theo tình-thế của dân-quê, cũng xin nhà nước đặc-cách cho phép riêng, nghĩa là không cứ dạy theo quy-tắc nào, miễn sao cho phàm dân được chóng biết chữ quốc-ngữ ! Vì dân-quê ngày còn phải đi làm ăn ở ngoài đồng, ở rừng núi, duy buổi tối mới có thể ở nhà mà học được. Vậy thời sự dạy học trẻ con thuộc về buổi sáng, mà sự dạy người nhớn thuộc về buổi tối. Ông lại nói đã hẹn đón được mấy ông thầy dạy đã nhận lời (1) và đã bảo-ban nhân - dân đều vui lòng xin học. Duy sự xin phép nhà nước cho như thế, thời chưa biết có được không mà thôi.

Nghĩ như sự biết chữ quốc-ngữ của dân ta cần là nhường nào ! mà sự học quốc-ngữ của nhân-dân miền trên thời khó-khăn, chậm-chạp, thưa-hiếm như thế ! Người có chức-trách đối với dân-chúng đó, có lẽ ngồi trông mà mặc cho ngu dốt mãi ru ? Cái chí-nguyện của ông Quách-Điêu mà quả được thực-hành, thời hạnh-phúc cho nhân-dân trong một hạt của ông biết mấy ! Trong một hạt ông Quách-Điêu mà nhân-dân đều đã biết quốc-ngữ, thời dân các hạt khác, thế rồi cũng biết cả. Khi đó, sách vở, báo-chí mới có chỗ lưu-hành mà truyền-bá trí-thức tư-tưởng, không kém các nơi ở Trung - châu, thời lại thật là hạnh-phúc cho nhân - dân toàn hạt Hòa-bình vậy.

Lại nghĩ như tỉnh Hòa-bình ở Bắc-kỳ, tuy gọi là thượng - du, mà địa - vị thực chiếm

(1) Vùng trên đó lam - trướng, những người ở dưới xuôi cũng ít người muốn vào, cho nên đón được thầy dạy cũng không dễ.

trung-tâm-điểm. Một con sông Đà là con sông to lớn có giá - trị đặc - biệt. — 衆水皆東走，沱江獨北流 *Chúng thủy giai đông tẩu, Đà - giang độc bắc lưu* (1) — làm phát hồi, huyết-quản, giúp cho kinh - tế, giúp cho văn-minh. Lại gần đây đường ô-tô do Hà-đông đi lên, bưu-tín hành-khách, sớm ở Hà - nội, tối có thể đến Đà-bắc (Sô-bồ) ; giao-thông tiện lợi, không kém gì các hạt Trung-châu. Dân-nhân, ngoài sự làm ruộng, còn có nhờ sản-lợi ở núi rừng, chơ nên sinh-kế cũng có vẻ xung-túc. Vì chế-độ còn theo cổ, cho nên nhà lang với dân, tình thân-mật như phụ-huynh tử-đệ trong một nhà ; nếu người trên thật hết đạo cầu giậy cho đến nơi, thời kẻ dưới tự vui lòng mà phải học. Cái sự-thể tiến-hóa, xem với các hạt ở mạn dưới, thực có phần mạnh hơn. Tức như cái chí-nguyện của ông Quách-Điêu đối với sự học quốc-ngữ của dân đó, vô luận các sĩ-phu ở Trung-châu chưa có ai nghĩ tới, dù có ai nghĩ tới như thế, cũng chẳng qua là câu truyện nói chơi ; ở Hòa - bình thời rất mong có thể thực-hành vậy. Lấy một cái địa - điểm ở trung - tâm của Bắc-kỳ như thế, sinh - kế xung túc, mà lại văn - học khai-tiến, thời cái tiền-đồ của một tỉnh Hòo-bình đó, sự tiến-hóa dễ ai lường trước được ru ? Cho nên thiên-ý rất vị đất Hòa-bình trông mong.

Tuy vậy, lẽ ở đời, phàm các việc có giá-trị lớn-lao, muốn cho được có kết-quả tốt đẹp, thế tất phải có cái công lực xứng đáng. Như ông Quách-Điêu tuy có cái chí-nguyện như thế, song mà cái địa-vị của ông chỉ là một ông quan lang nhỏ ở trong hạt tỉnh Hòa-bình, nếu ông tất muốn thực-hành cái chí-nguyện cho được có hạnh-phúc đến dân, thời phải nhờ trên có các quan tỉnh, thứ đến các quan châu cùng để ý tán-thành cho, mới mong có kết-quả. Nói cho đến sự-thực, thời quan Tuần-phủ Hòa-bình là Mr **Quách - Vị** phải vì sự công-ích trong hạt mà đứng giấy cầu-thỉnh với Chánh - phủ, thời sự được phép mới có phần dễ hơn. Như ông Điêu mà đem ý-kiến ấy trần-bạch và làm đơn xin với quan Tuần, chắc rằng quan Tuần Hòa-bình rất sẵn lòng và không từ chối chút nào về sự giúp ông vậy. Sự văn-hóa ở Hòa - bình sau này đại-tiến, thời cái chí-nguyện của ông Điêu được thỏa, cái công-lực của quan Tuần không bé, cái thanh - giá của Hòa-bình là một hạt thượng - du đó đủ **làm gương tiến-thủ cho quốc-dân.**

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) Nghĩa là : Mọi con sông đều chạy về đông cả, duy có con sông Đà thời chảy về bắc.

雲雷屯。君子以經綸。

Vân lôi Chuân, quân-tử dĩ kinh-luân.

Đây là một câu *đại-tượng* (2) về quẻ *Chuân* ở trong kinh Dịch.

Nghĩa là :

Mây bay xấm động, hiện-tượng dan chuân ; người quân-tử coi cái hiện-tượng đó mà ra tay kinh-luân với thời-cục.

Một bực danh-nho đời nhà Tống là ông *Lã-tổ-Khiêm* giảng nghĩa về câu này, nói rằng : « Thời buổi khó - khăn, ai nấy im hơi ngã chí ; nhưng không biết đó chính là lúc người quân-tử ra tay gỡ-gạc xửa-sang những việc đời bối-rối ».

Bản - Chí

(2) *Đại-tượng* là lời của đức Khổng tán kinh Dịch, tóm nói cái hiện-tượng của quẻ ấy, như câu «Thiên hành kiện. . . » đã in ra ở số 15, cũng vậy.

SỰ SO SÁNH VỀ TƯ-TƯỞNG KINH-TẾ ĐÔNG, TÂY

Trước tôi có nói tư-tưởng kinh-tế của ta còn nhiều điều khuyết-điểm, nên dịch các sách kinh-tế, để làm cho khoa-học đó được phổ-thông. Nay thấy ông *Tăng-khải-Phương* là người *Tàu* làm bài tựa sách «*Kinh-tế tư-tưởng*» có một đoạn so sánh tư-tưởng kinh-tế của phương đông, với phương tây rất là minh-bạch, vậy xin lược-thuật ra đây cung-hiến các ngài lưu-tâm về học kinh-tế cùng rõ.

Ông *Tăng-khải-Phương* nói rằng: «Thử đem tư-tưởng kinh-tế nước ta (1) với tư-tưởng kinh-tế phương tây, so-sánh qua với nhau, mà cố gắng tìm lấy kế sách để cho ta có thể sửa chữa chỗ chếch-lệch, bổ cứu chỗ hỏng-hư, chắc cũng là một điều có hứng thú. Cứ như ý tôi mà xem ra: tư-tưởng kinh-tế của nước ta kém phần suy-xét chuyên-chủ đến kinh-tế, mà hơn về phần triết-học của đời người, (ngày xưa gọi là học luân-lý;) tư-tưởng kinh-tế phương tây, hơn về phần suy-xét chuyên-chủ về kinh-tế, mà kém về phần triết-học của đời người, chưa kể chi sự khác, hãy xem ngay cái văn-minh của nước ta, từ nghìn năm giở lại, mãi cho đến bây giờ, không có sách chuyên-môn về khoa kinh-tế, những tư-tưởng kinh-tế chỉ loảng-thoảng thấy tản-tác trong kinh-sử và các sách biên chép của mọi nhà, đã có thể làm chứng được rằng kém về phần suy-xét chuyên-chủ đến kinh-tế vậy, Nhưng chỉ là kém về phần suy-xét chuyên-chủ đến kinh-tế, chớ không phải là chưa có suy-xét kinh-tế hẳn đâu; xem như thiên Hồng-Phạm trong sách Thượng-thu đã từng lấy sự giầu làm một sự đứng đầu năm phúc; sự nghèo làm một sự trong sáu cách khốn cùng, lại như ông Tư-mã-Thiên đời Hán chép sử-ký, cũng từng đặt riêng ra truyện *Hóa-thực* (1) và sách *Bình-Chuẩn*, thế thì tư-tưởng kinh-tế nước ta cũng chưa từng không có thể giúp cho sự khảo-chứng được ít nhiều.

Dẫu thế, nhưng tư-tưởng kinh-tế nước ta phần nhiều bị cái *triết-học của đời người* nó đè nén, cho nên trong sách Đại-học có câu: «*Đức là gốc mà của là ngọn.*» Ông *Mạnh-Tử* có câu: «*cũng có nhân nghĩa mà thôi, sao cứ nói lợi.*» Ông *Dương-hổ* có câu: «*làm giầu chẳng nhân, làm nhân chẳng giầu.*» Vì vậy mà từ xưa đến nay nói đến chính-trị không ai là không lấy sự «*dè sẻn*» làm chủ-nghĩa rất cần, nói đến tài-chính không ai là không lấy sự «*xem số chi vào, để liệu số chi ra*» làm tôn-chủ chủ-đích, ông *Tư-mã-Thiên* chép truyện Hóa-Thực chẳng qua chỉ để coi khinh những sự hơn đong kém bán; chép sách Bình-Chuẩn chẳng qua chỉ để chê bai những người mưu-lợi đời Hán đó thôi,

Còn về phương Tây, từ đời ông *Adam Smith* (a đăm mít) giở xuống, phần nhiều nói chủ-nghĩa kinh-tế có khi không để cho sự suy-xét về Triết-học của đời người xen lẫn vào trong tư-tưởng kinh-tế nữa, cho nên những sự «*làm lợi cho mình*» sự «*so sánh cách vui sướng và đau khổ*» «sự vất vả rất nhỏ mà được công-hiệu rất nhớn», đều thành ra những nguyên-lý không thể thay đổi về sự bàn-luận học khoa kinh-tế.

Sự rất quan-hệ đến cách phân-biệt như vừa nói trước, lại có sự coi trọng chung xã-hội với sự coi trọng riêng một người, có khác nhau, các bậc thánh-hiền đời trước của nước ta, trừ có một mình ông Dương-tử, ngoài ra, hầu hết không có ai lại không coi trọng xã-hội: ông Mặc-địch thì rộng yêu hết cả mọi người, đến nỗi tự mình tổn hại hết cả từ đầu cho đến chân, nếu lợi thiên-hạ cũng làm mà không tiếc công phu khó nhọc, ông Khổng-tử

nói điều nhân lấy bỏ bớt lòng rục vọng riêng của mình là việc cần trước rất. Ông Mạnh-tử nói điều nghĩa lấy sự ra vào thân yêu nhau, trông coi giúp nhau, khi ốm đau phù trì nhau làm chủ ý. Phàm những điều đó đều để ngăn đón sự hoạt động riêng từng người, vất bỏ cả lợi ích riêng từng người, để mong cho chung xã-hội được tiến-bộ.

Đến như bên tây, từ đời có học-phái chuyên trọng về nghiệp-nông cho đến bây giờ, rẫu rằng đối với sự tự-do, cạnh-tranh và chủ-nghĩa riêng từng người, cũng có khi có cái tư-tưởng phản-động, mà những sự đó rồi cũng vẫn là cái nguyên nhân cốt yếu làm cho kinh-tế được tiến bộ lên.

Xét ra vì nước ta đã trọng triết-học của đời người, thì không coi trọng xã-hội không được, Phương Tây đã coi trọng chuyên-chủ đến kinh-tế, thì không coi trọng riêng từng người cũng không xong; bởi đấy nên tư-tưởng kinh-tế nước ta mới tản-tác mà lộn-xộn, tư-tưởng kinh-tế phương tây mới tề-chỉnh mà phân-minh; tư-tưởng đã tản-tác lộn-xộn thì kết-quả vẫn không tiến-bộ chút nào; tư-tưởng đã tề-chỉnh và phân-minh thì kết-quả lại có phần tiến-bộ nhiều lắm.

Rẫu thế nhưng chỗ khuyết-điểm của tư-tưởng phương tây, thực cũng không phải là ít, hơn trăm năm nay, các hạng người phương tây đã hưởng-thụ được cái ích-lợi về sự lợi mình, cạnh-tranh, chủ-nghĩa riêng-một-người, và sự suy-xét chuyên-chủ đến kinh-tế chỉ là hai cái mối đầu làm cho sản-nghiệp được phát-đạt và khoa-học được tiến-bộ. Đến như những tội lỗi bởi sản-nghiệp phát-đạt và khoa-học tiến bộ cùng giắt nhau mà lại, thực không kể xiết bao cho cùng.

Những sự to nhớn rành rành như là: các giai-cấp đánh đổ lẫn nhau, giầu nghèo cách nhau xa quá, và tàn hại đến nhiều sinh-mạnh, các nhà phê-bình đời sau rẫu có phản đối cái lý-thuyết của Ricardo (ri các đô) nói về sự xung đột lợi hại về các giai-cấp trong xã-hội, mà sự xung đột lợi hại đó cũng chưa khỏi được; vài mươi năm nay sự xung đột của nhà tư-bản với lao-động ngày càng thêm mãi, nhất là sau trận thế-giới đại-chiến lại càng quá hơn trước nhiều, năm vừa rồi việc bãi-công ở các mỏ than và đường sắt ở nước Anh, hầu gần làm cho ông Tá-trị-lạc-Ý là một nhà đại chánh-trị cũng không biết trù-tính ra thế nào; hiện bây giờ thợ bãi công ở các mỏ than Hoa-kỳ cũng dần dần tràn lan mãi ra. cứ báo tân-văn của Hoa-kỳ đăng năm 1919, việc bãi công mỏ than làm tổn hại về của cải mất 4 triệu đồng tổn hại công thợ 6 triệu đồng, từ năm 1881 đến năm 1905, nguyên một nước Hoa-kỳ bãi-công đến 36.000 lần trở lên, nhân công bị tổn thiệt quá 8.700.000, nếu hợp cả các sự bãi-công của Âu, Mỹ từ trước lại đây thời sự thiệt hại rất nhiều không thể kể hết.

Sau nữa là sự giầu nghèo xa cách nhau quá, cứ như ông Giáo Ely (e ly) người Hoa-kỳ đã xét châu Mã-tắc-thu-sắc nước Hoa-kỳ, nước Anh và nước phổ-lỗ-sỹ, những người không có gia-sản đến quá hai phần năm nhân khẩu các xứ đó. Ở châu Mã-tắc-thu-sắc, kể có được nửa tổng ngạch tài-sản cả toàn châu, trong trăm phần tổng số nhân khẩu mới có một phần, ở nước Phổ-lỗ-sỹ trăm phần có ngót hai phần, ở nước Anh trong nghìn phần chỉ có bốn phần, giầu nghèo đã xa cách nhau quá như thế, thì cái hạnh-phúc của số rất đông người, làm thế nào cho khỏi vất bỏ cả đi được.

Lại sau nữa đến một mối tàn-hại nhân-mạng; chỉ đem ngay nước Hoa-kỳ mà nói, năm 1917 vì sưởng thợ sẩy ra mà thiệt mạng nhiều đến 75000 người, cứ như ông Giáo Villa đã xét, tính nguyên những phí khoản vì sưởng thợ sẩy ra tổn thiệt về công thợ, tiền chữa thuốc, và mai-táng, mỗi năm cần dùng đến 96.000$00. Sinh-mạnh đã tổn hại như thế là rất nhiều; số tiền hao-phí lại là một món nhớn, thì làm sao cho khỏi chán cái chế-độ nghề lập xưởng-thợ được.

Tóm lại bây giờ cái chỗ kém của tư-tưởng kinh-tế phương tây, dường đã hiện hình rõ ràng ra cả, không còn hơi sót chút nào, họ rẫu vội vàng không ngơi một chút nào, chỉ suốt ngày ngày giảng cầu cách bảo-hiểm sự hư-hỏng, dưỡng-thiệm người già, cứu-tế kẻ thất-nghiệp và chăm nuôi trẻ con đều là những sự bỏ gốc theo ngọn và được không bù mất thôi. Nếu họ hãy còn chưa tỉnh-ngộ thì sau này khó-khăn đến đâu thực chưa có thể lượng biết trước được, (thực ra các học-giả bên Âu Mỹ bây giờ đã có kẻ viện dẫn sự ấy lấy làm lo cho sau này).

Duy tôi không rỗi đi lo thương người ta mà nên hãy tự thương lấy mình đã, cứ sự so sánh thuật ra như trên đó, ở nước ta thì là tư-tưởng cũ của đời thượng-cổ; ở phương Tây thì là cái tư-tưởng mới của gần đây; cái tư-tưởng về đời thượng-cổ của nước ta còn có thể so sánh với người ta được, chớ đến gần đây, lại không còn có tư-tưởng gì có thể nói được nữa, nghĩ mà đáng lo sợ biết bao? Vì từ đời Tần, Hán giở xuống học-thuật ngày suy kém dần, tư-tưởng không phát-triển mấy, dẫu các đời Đường, Tấn, Tống, Nguyên, Minh, Thanh khi thì văn-chương biện-luận, khi thì văn-sỹ truyện xuông, khi thì bàn tính-lý, khi thì chuộng khảo-cứu, hết thảy đều thuộc về nghề nhỏ mọn vẽ-vời, không bổ ích gì đến kế-hoạch to lớn, đến nỗi làm cho bước đường văn-hóa đến đó phải đình trệ, trong quãng các thời-đại đó còn hơi biết coi trọng về triết-học của đời người và xã-hội, cũng chưa hỏ đứt hẳn cái đức-tính tốt của ta vẫn có xưa nay. Mãi đến cuối đời Thanh cho đến bây giờ, vì sợ cái thế-lực phương tây, và cái giầu mạnh của phương Tây, nên hầu muốn vất bỏ hết sạch những đức tính của ta vẫn có xưa nay, mà hoàn-toàn giảng-cứu sự lợi-cho-mình, sự ganh-đua và chủ-nghĩa riêng-từng-người. Nhưng các điều ta giảng-cầu đó lại khác hẳn với sự giảng-cầu của phương Tây; ở phương Tây thường nhờ cái nguyên-lý của sự-lợi-mình và chủ-nghĩa-riêng-một-người để phát-triển được cái sức làm giầu chung cho xã-hội, nhờ cái nguyên-lý ganh-đua làm cho tỏ rõ cái chủ-nghĩa khoa-học, nên còn có thể thu-công ở hai điều là sản-nghiệp phát-đạt và khoa-học tiến-bộ. Ở nước ta nói tới sự ganh-đua thì chỉ muốn xâm-chiếm người khác, nói về sự lợi-mình và chủ-nghĩa riêng-từng-người thì bỏ cả hạnh-phúc của xã-hội, chẳng tưởng đến chi; có thể nói một câu là: những đức-tính tốt của nước-ta dường đã hết cả, mà chỗ hay của người-ta chưa học thêm được chút nào; bây giờ những điều có góp nhặt được phần nhiều là chỗ kém của người ta cả đó thôi. Bởi thế muốn sửa chỗ thiên-lệch, bổ-cứu chỗ hư-hỏng đó, phải nên hết sức khôi-phục lại những đức tốt của ta vẫn có, suy-xét mở rộng ra, giốc lòng học lấy chỗ hay của người ta mà tìm đường lợi-dụng. Chỉ vì muốn tìm cách sửa chữa tư-tưởng kinh-tế và làm cho học kinh-tế được tiến-bộ đó, tôi mới phải không thể không lại đem cả toàn-thể nói rõ ra:

1) Nên hết sức gìn-giữ lấy cái tư-tưởng triết-học và sự suy-xét về xã-hội.

2) Không nên để cho nó lại lẫn-lộn với sự suy-xét chỉ-chuyên đến kinh-tế; hoặc lức-chế sự suy-xét chuyên-chủ về kinh-tế cho khỏi phát-đạt, để khỏi trở-hại đến sự tiến-bộ của khoa-học,

3) Nên hợp hết mọi phương-sách, mọi sức-lực chuyên-chủ về sự Thống-kế-điển-tra, may ra mới có thể làm cho người nghiên-cứu có chỗ mà làm y cứ.

4) Nên một mặt cỗ võ sự nghiên-cứu với kinh-tế, một mặt ra sức lo toan làm cho tăng-tiến sự kinh-tế sinh-hoạt của hết thẩy các hạng người.

Nguyên-xuân-Duong

(1) Chữ «nước ta» đây là chỉ nước Tàu, vì nhời của Tang-khải-Phương.

HÁN-HỌC TINH-THẦN

Mấy câu truyện luân-lý gia-đình và thân-thế người nam-tử.

1.) **Vương-tôn-Cổ** 王孫賈. — Đời chiến-quốc ở Trung-quốc, quân nước Yên đánh Tề, vua Tề tên là Địa bỏ nước chạy; chạy qua mấy nước khác, rồi quay về ở núp tại ấp Cử là một ấp cõi đông của nước Tề. Vua nước Sở sai tướng là Cháo-Sỉ đem quân sang cứu Tề, và làm tướng nước Tề nhân thể. Cháo-Sỉ muốn cùng với Yên chia đôi đất của Tề, bèn bắt vua Tề giết bỏ. Yên chiếm lấy được của Tề hơn 70 thành.

Vương-tôn-Cổ là một kẻ theo hầu vua nước Tề chạy lánh nạn, lạc mất vua mà về. Bà mẹ mắng bảo rằng: « Mày, mỗi buổi sáng đi ra mà buổi chiều dở về, thời ta đứng tựa ở cổng nhà mà mong; mỗi chiều tối đi ra mà mày không về, thời ta đứng tựa ở cổng làng mà mong. Nay mày theo hầu vua, vua đâu, mày không biết. mày còn nên về nữa làm chi! » Cổ nghe lời mẹ mắng, bẻ vào đứng dữa chợ, kêu bảo khắp chúng rằng: « Tên Cháo-Sỉ làm loạn nước Tề, giết vua. Ai có muốn cùng ta giết chết nó, thời xin dơ chần một cánh tay bên hữu. » Trong chợ theo Cổ được bốn trăm người, bèn cùng nhau đánh giết chết Cháo-Sỉ. Vậy rồi các bề tôi nước Tề cùng tìm con vua Tề là Pháp-Chương, lại dựng lên làm vua, giữ thành Cử để chống nhau với Yên. Sau chúng tôn Điền-Đan lên làm tướng, đánh Yên, lấy lại hết 75 thành lại là Tề.

2.) **Vương-Lăng** 王陵. — *Vương-Lăng* là một vị công-thần khai-quốc đời nhà Hán, phong tước An-quốc-hầu, làm đến nhất-phẩm-quan là Hữu Thừa-tướng.

Nguyên từ đời cuối Tần, thiên-hạ loạn, Lăng là kẻ hào-cường trong huyện Bái, cũng tụ họp được vài nghìn quân, đóng đồn ở Nam-dương, sau tự đem quân theo thuộc vào vua Hán. Hán Sở tranh hùng, vua Sở là Hạng-Vũ bắt mẹ Lăng giữ ở trong quân, mỗi khi có người của Vương-Lăng sai đến, thời để mẹ Lăng ngồi trông mặt về hướng đông, muốn để gọi Lăng phải về Sở. Bà mẹ Vương-Lăng một khi đi tiễn riêng Sứ-giả (người của Lăng sai đến), khóc mà nói rằng: « Mụ già này xin gửi lời bảo Lặng: « cứ theo thờ vua Hán cho thủy chung; vua Hán là kẻ cả, sau rồi tất làm vua thiên-hạ. Xin chớ vì cái thân già của tôi mà phải mang hai lòng. Nay tôi xin tiễn chân Sứ-giả một cái chết là hết. »

Nói rồi, bà cụ tự cầm gươm đâm mình mà chết. Hạng-Vương giận, đem mẹ Lăng mổ bụng. Lăng cứ theo vua Hán, quả rồi đánh được Sở. Vua Hán làm thiên-tư, Lăng phong hầu.

3.) **Từ-Thứ** 徐庶. — Cuối Hán, đời Tam-quốc, người ở Dĩnh-Xuyên là *Từ-Thứ*, tên chữ là Nguyên-Trực, theo ông Lưu-Bị giúp mưu lược. Ông Lưu-Bị đến thăm ông Gia-Cát ở Long-trung, mời ra cùng lo tính việc đời, cũng là Từ-Thứ tiến lời vậy.

Ông Bị bị Tào-Tháo đuổi đánh ở Đương-Dương, bỏ vợ con chạy; bà mẹ Từ-Thứ cũng bị Tháo bắt được. Thứ từ giã ông Bị, trỏ vào bụng, nói rằng: «Nguyện muốn cùng với tương-quân cùng mưu cái công-nghiệp vương bá, là chỉ nhờ ở cái bụng này. Nay đã lạc mất mẹ già, trong bụng này rối loạn, không có ích gì cho việc nữa. Xin từ đây giã nhau.» Bèn bỏ ông Bị mà về với Tào-Tháo. Bà mẹ Từ-Thứ sau tự thắt cổ chết, mà xuốt đời Từ-Thứ cũng không vì Tào-Tháo lập mưu.

4.) — **Ôn-Kiệu** 溫嶠 Sau Hán, đến khoảng cuối đời Tây-Tấn, trung-nguyên đại-loạn, hai vua Tấn là Hoài-đế và Mẫn-đế đều hàng giặc bị giết cả. Quan Thứ-sử Tinh-châu (thuộc địa-phận hai tỉnh Chực-lệ và Sơn-tây) là Lưu-Côn sai Hữu-tư-Mã là *Ôn-Kiệu* đem tờ biểu sang *Kiến-Khang* (nay là phủ Giang-Ninh thuộc tỉnh Giang-tô) tôn quan Thừa-tướng là Duệ (giòng vua Tấn) lên ngôi thiên-tử, đó là vua Trung-tôn. Lúc đi, Côn bảo Kiệu rằng: «Ngôi nhà Tấn dẫu xuy, mạnh giời còn chưa đổi. Ta nên lập công ở Hà-sóc, cho anh sang nổi tiếng ở Giang-nam. Anh đi chuyến này, nên cố gắng.» Kiệu sang đến Kiến-Khang, rất có giá-trị, các sĩ-phu tranh kết làm thân. Sau Kiệu làm quan đến Trung-thư-lệnh (tức là tướng-chức), giúp mưu mô cho vua Trung-tôn thực nhiều, kể cũng là một bực danh-thần trong khoảng trung-hưng nhà Đông Tấn.

Ôn-Kiệu nguyên người ở Thái-nguyên (nay là đất phủ Thái-nguyên, thuộc tỉnh Sơn-tây), tên chữ là Thái-chân. Lúc Kiệu sang Kiến-Khang, bà mẹ nắm lấy vạt áo không cho đi. Kiệu rất dứt vạt áo ra mà đi. Đến khi mẹ chết, nhân loạn, Kiệu không thể về làm ma. Dư-luận sử-xanh, lấy chỗ đó có ngậm-ngùi cho Kiệu.

∴

Tóm xem mấy truyện đó, thời luân-lý gia-đình đối với thân-thế người nam-nhi ở Á-đông, có quan-hệ tuyệt lớn. Như *Vương-tôn-Cỗ* do phục-tùng luân-lý của gia-đình, mà lắm nên chút công-nghiệp với xã-hội, tức như người đời xưa bảo: *trung-thần do hiếu-tử mà ra*, thực là thuận-cảnh, hạnh-phúc của người nam-nhi, việc tốt nghìn thu vậy. *Vương-Lăng* được về thân-thế có công-nghiệp, mà kém thua hạnh-phúc ở gia-đình; tuy vậy mà đối với luân-lý ở Á-đông, Lăng cũng là người không có tội. *Từ-Thứ* thời nặng lòng luân-lý coi cái công-nghiệp của thân-thế nhẹ như lông chim hồng. Tư-cách người nam-nhi Á-Đông, như Thứ là chân-chính! Vậy mà cái hạnh-phúc ở gia-đình như kia, thời bà mẹ họ Từ không kém thua bà mẹ họ Vương, mà Thứ hơn Lăng, Lăng cũng hơn Thứ vậy. *Ôn-Kiệu* trọng về thân-thế, coi mẹ già quyến-luyến là khinh; án sắt nghìn thu, ai người cãi phá! Chỉ xét lại cái thời-thế Tấn-triều lúc ấy như thế, thời cái tội-án gia-đình của Ôn-Kiệu, hoặc có thể giảm nhẹ ít nhiều.

Than ôi! nếu là con giai ở Âu-châu, thời công-nghiệp không khó. Song mà đã sinh là người Á, mấy chữ «*tàng bồng*» miệng thế, đã đủ là trọn vẹn phận-sự ru? Hiện nay như nước An-nam ta, thời-thế là thời-thế thế nào; các bạn thanh-niên anh-tuấn trong xã-hội ta chính nhiều. Vậy xin có mấy câu truyện của cổ-nhân, cung đôi lúc thì giờ nhàn rỗi.

Nguyên-khac-Hiêu

夢良書舘藥房

Mộng-Lương Thư-quán Dược-phòng

(Annam) Nha-Trang

Chuyên bán các thứ sách Quốc-Văn xuất bản tại Trung, Nam, Bắc kỳ, các đồ Văn phòng tứ bửu, các sách học, sách tây vân vân...

Đại lý các thứ thuốc cao đan hoàn tán, của các hiệu Bào-chế Annam ở ba kỳ.

Đại lý độc quyền các thứ dầu dùng để uống, soa và bóp, và các thứ phấn sáp.

Đại lý bán lẻ các thứ báo Tây, Nam.

Quý khách ở xa muốn hỏi điều gì xin viết thơ và đính thẹo con tem, bản quán xin trả lời ngay. Ngài nào muốn ủy quyền đại-lý xin viết thư thương lượng.

Bản quán chủ ý thực thà, ngửa trông đồng bào xa gần huệ cố,

Quan Tam-nguyên Trần-Hy-Tăng
NAM-DINH

Ông **Trần-Hy-Tăng** là một bậc văn-chương lỗi-lạc đỗ *Tam-nguyên* trước nhất về triều *Nguyễn* và sớm có tư-tưởng văn-minh tiến-thủ.

Ông là người làng *Vị-Xuyên*, huyện *Mỹ-Lộc* (ngay ở thành phố Nam-Định.)

Cụ thân sinh ra ông là **Trần-Doãn-Đạt** đỗ *Phó-bảng* năm Tự-Đức thứ 15 (1855) làm Đốc-học mấy tỉnh Sơn-Tây và Nam-Định, sau làm đến Án-Sát Quảng-Yên và Hưng-Hóa.

Ông sinh năm Minh-Mệnh 21 (1833) dáng cách đĩnh-đạc, tư chất thông minh. Có cái đặc tính tự-nhiên là nghiêm-nghị thứ nhất. Khi đi học, các sách chỉ coi qua một lượt là thuộc. Ông lại chăm học lắm, cứ ở riêng mình một phòng, không cho ai được qua lại. Cụ-ông thấy ông chăm học quá sợ có yếu sức, bắt ở trong phòng ông chỉ được để những thứ sách thuộc về chính-kinh chính-sử, còn những sách ngoại-thư, như bách-gia chư-tử không cho ông được xem đến. Nhưng ông cũng tìm cách lấy trộm ra xem. Có khi ông ngồi hầu cụ-ông, ông đem những nghĩa ở trong sách ngoại-thư ra hỏi, cụ-ông lấy làm ngạc-nhiên, cật-vấn ông, thời ông cũng thú-thật có lấy trộm sách ra xem.

Khi ông đi thi đỗ 1 lần tú-tài, đến năm Tự-Đức 17 (1857) khoa thi hương năm ấy là khoa giáp-tý, thi tại trường Nam-định (chỗ trường tầu bay bây giờ) đỗ thủ-khoa.

Sang năm khoa thi hội là khoa Ất-Sửu ông mới 25 tuổi vào kinh thi hội đỗ đầu, thi đình lại đỗ đầu. Ông đỗ *đệ-nhất-giáp-tiến-sỹ-xuất-thân*. Tức là Hoàng-Giáp 黃甲 Những đồ vua ban, như lọng, mũ, áo, xiêm, hốt, và cờ biển, theo lệ thường đã đành, đặc sắc nhất có lá cờ, lại cho thêm một cái biểu hiệu riêng, có thêm bốn chữ « *Liên trúng Tam Nguyên* » 連中三元 nghĩa là: đỗ liền ba lần thủ-khoa.

Ông nguyên tên là Trần-bích-San 陳碧珊 khi đỗ rồi vào đình bái yết, vua hỏi lấy nghĩa gì mà đặt tên đó; ông tâu rằng: do cụ ông đặt tên cho, vua mới phán rằng: Ngọc san-hô không có sắc biếc. Vua mới đổi lại cho cái tên là Trần-hy-Tăng 陳希曾 (mong được như ông Tăng) lấy sự-tích ngày xưa ông Vương-Tăng ở đời nhà Tống bên Tầu cũng đỗ luôn Tam-Nguyên, mà rồi sau làm quan được đến Tể-tướng, lập nên công-nghiệp to; nay vua cũng mong cho ông làm được như thế.

Xét ra những bậc khoa danh về triều Nguyễn từ khoa ông Trần-hy-Tăng đỗ trở về trước không có ai như ông đỗ đầu cả ba khoa. Từ khoa ông đỗ về sau cũng có mấy ông tam-nguyên Nguyễn-Thắng ở Yên-Đồ (Hà-Nam) ông Thám-hoa Vũ-phạm-Hàm ở Hà-nội đều đỗ Tam-Nguyên, nhưng cách khoa nọ đến khoa kia, hàng mấy năm mới đỗ được, không được bằng ông đỗ liền ngay ba lần thi trong mấy tháng. Vả xưa nay có mấy người được vua đặt đổi tên cho, chỉ có ông được hân-hạnh riêng đó thôi. Vua Tự-Đức bấy giờ vốn đã là người hay chữ lại thấy ông đỗ luôn ba lần thủ-khoa như thế, nên có phần quý-trọng cái thiên-tài của ông để tỏ ra cách đặc-biệt đối đãi với nhân-tài mong để sau này trọng-dụng. Cái danh-giá ông về khoa-mục thực đã chiếm được mấy phần vẻ vang khác chúng và cái công-nghiệp ông đối với nhà nước thực cũng có phần lỗi-lạc hơn người.

Ông đỗ rồi vào kinh tập-sự ở nội-các ba năm. Đến năm Tự-Đức 20, ông được bổ Tri-Phủ Thăng-Bình, được ba tháng thăng tri-phủ Điện-Bàn, cùng trong năm ấy được thăng Án-Sát Bình-Định. Năm sau về sung chức phó-chủ-khảo trường hội, vì đầu bài văn-sách thi hội, ông chánhkhảo giao cho ông ra, hỏi câu văn

có ý chặm đến cái lỗi của vua, mà ông lại phải giáng Tri-phủ Thăng-Bình. Năm Tự-Đức 22 đặc cách về qnyền-biện hộ-bộ sứ-vụ. Tự-Đức 23 (1863) ông quyền-biện lễ-bộ sự-vụ; lại sung sứ-vụ sang Quảng-Đông điều-đình việc mở thương-cục ở Hương-Cảng.

Năm Tự-Đức 26, cụ-ông mất ở tại chức (Ấn-sát Hưng-hóa) Ông xin nghỉ về phục tang ở nhà. Sau khi việc tang cụ-ông xong, ông có thảo sớ điều-trần thời-sự. Trong tờ sớ có hai điều yếu-vụ : **Một là xin khai các cửa bể cho các nước vào thông-thương, hai là xin cho học-sinh đi du-học ngoại-quốc.** Sớ tâu vào, vua giao xuống cho triều-thần hội-bàn; kết-cục người tán thành thì ít mà người bác đi thì nhiều, thành ra nhời của ông chung-quy vô-dụng. Sau khi đình nghị bác đi, ông rất lấy làm không bằng lòng. Có một hôm, ông Tổng-Đốc Nam-Định Nguyễn-trọng-Hợp là bạn đồng khoa với ông ra chơi nhà trong khi truyện trò, ông có đem cái việc ông điều trần ra nói rằng: Công việc khẩn yếu như thế mà triều-đình bác đi, thật là triều-dình không có người biết việc cả; ông Tổng-Đốc cũng chủ-chương cái thuyết bác đi, ông giận đứng lên lấy gậy đánh cho mấy gậy, người nhà can xin mới thôi.

Nói về khi ông ở Kinh về nhà cư tang, đường đi qua núi Hải-Vân, ông ghé vào một ngôi đền ở trên núi, đề bốn câu thơ lên tường rằng:

劍馬崎嶇此一行

Kiếm mã khì khu thử nhất hành,

願將心事扣山英

Nguyện tương tâm sự khấu sơn anh.

西人伎倆此如此

Tây nhân kỹ dạng thử như thủ,

南國山河靈不靈

Nam quốc sơn hà linh bất linh.

Dịch văn

Yên ngựa, thanh gươm bước gập ghềnh,
Thử đem tâm-sự hỏi non xanh.
Người ta khôn khéo dường như thế,
Đất nước non sông có thấu tình ?

Hết hạn cư-tang một năm, ông lại phải vào kinh, năm ấy là năm Tự-Đức 27 được kiêm-quản Đại-Lý-tự-ân-triện, sang sung biện nội-các sự-vụ vừa được mấy tháng, thăng Lại-Bộ-Thị-Lang ra lĩnh chức Trị-Bình Tuần-phủ.

Cùng năm ấy công việc Trực-Kỳ tạm yên, vua lại cử ông ra Tuần-phủ Hà-nội, Bấy giờ ở ngoài Bắc đang có việc giao-thiệp của người Nam với người Pháp và người các nước về việc thông-thương rất là quan-trọng. Vua mới cử ông ra để điều-đình. Khi ra nhậm chức vua tiễn một bài thơ có hai câu rằng :

儒臣理郡思辰措

Nho thần lý quận tư thời thố

商政興邦效日成

Thương chính hưng bang hiệu nhật thành

Nghĩa la : Một ông quan văn - nho ra cai trị hạt đó nên nghĩ cách tùy thời xếp đặt cho dân nhờ, đem việc thương - chính làm cho nước được hưng - thịnh mong đến ngày thành công. Ông lấy làm cảm khích vô cùng có họa lại bài thơ đó bằng chữ nho cả.

Ông nhiệm chức Tuần-phủ Hà-nội ba năm về việc dân - chính cùng cai - trị, cực kỳ nghiêm-minh, không ai dám đem việc tư mà thỉnh-thác, đến như việc ngoại-giao ông cũng giữ được quốc-thể, vua lại càng ngày càng rõ tài kinh - luân của ông, đến bấy giờ là cuối tháng tám, vua nghĩ rằng trước đây đã hai năm, nước Pháp có đem tặng nước ta nào tầu nào súng, kể về sự bang-giao của nước Pháp đối với nước ta như thế cực là thân mật, mà triều - đình từ khi nhận đồ tặng-vật, chưa hề có sai sứ sang đáp lại, e có điều trái lễ. Vua giao xuống cho đình-thần bàn việc sai sứ sang Pháp, các quan xin cử ông sung chức chánh-sứ, ông Tôn-Thất-Phiên và ông Nguyễn-tăng-Duẫn làm phó.

Ông phụng mệnh vua triệu về kinh để đi sứ, ông nghĩ việc quốc-quốc không dám từ chối.

Tháng chín ông ở Hà-nội về kinh vào bái-yết vua. Vua hỏi các công việc ở Hà-nội xong, nói đến việc đi sứ, vua cùng ông bàn bạc từ chiều mãi đến đêm mới thôi. Hôm ấy là ngày 27 tháng 9 năm Đinh-Sửu, Tự-Đức 30 (1870) Ông bái từ vua ra chỗ trọ-sở bị phải cơn cảm nặng mà ông từ-trần ngay đêm hôm ấy, vua được tin ông mất khóc mãi không thôi, liền ra thăm viếng tận nơi, rồi bắt khâm liệm đủ mọi sự, cực-kỳ tề-chỉnh. Các quan triều-thần làm lễ viếng rồi sai quân hộ-tống linh-cữu về an táng tại bản-quán. Táng xong, làm lễ quốc-tế vua có soạn một bài văn-tế để viếng.

Than ôi! thời bấy giờ, quá chuộng văn-chương, tư-tưởng phần nhiều chập hẹp, các người có chực-vị thường giữ cái lối học-thuật hẹp hòi, chỉ cứ khư-khư đóng cửa, ngăn sông; không biết giao-thiệp với người các nước, để học đòi thâu-thái lấy cái văn-hóa nước ngoài. Các bực học-thức như ông đã sớm có cái tư-tưởng cao-xa rộng-rãi, biết tình-thế nước nhà sau này cần phải mở-mang học-thuật, rộng lối giao-thông, mới có thể đứng vững được cùng các nước, nên trước đã nhiều lần bàn đến, mà không ai là kẻ biết nghe, nay dầu có đi sứ sang tây cũng chẳng có bổ ích chi nữa, vì tình-thế bấy giờ không thể lấy văn-chương hoạt-bát và những lời ứng-đối lối xưa, mà có thể đối-phó với các nước được, nên không chắc rằng có phải vì cơn gió mà giời rước ông về, làm cho nước ta bấy giờ mất một bậc thiên-tài rĩnh-ngộ, mà chắc chính ông cũng vì vua không biết nghe lời bàn-luận từ trước, chỉ biết đến việc mới cần, nên ông cũng thà đem một cái thác để khuyên vua một cách thiết-tha đau-đớn, họa chăng vua có tỉnh ngộ lại chăng! Bây giờ chúng ta nghĩ đến câu ông sớ tấu vào vua, và lời bàn với ông Thượng Nam-Định khi ấy, biết rằng khẳng-khái nhường bao, nếu bấy giờ biết đến thời cơ, nghe lời ông nói, mà cho mở lối thông-thương, cho người du học, thì con đường tiến-thủ của quốc-dân ta đã tấn-tới ngay từ lúc đó. không biết đến đâu là cùng, có lẽ nào lại đến mãi bây giờ mới được thế này đâu.

Tiếc thay!

CỬ-NHÂN
Nguyễn-khắc-Bỉnh

HÀI ĐÀM

Một vấn-đề tu-thân của đàn bà, con gái.

« *Tu-thân* » nghĩa là *sửa mình.*

Đàn bà, con gái rất có tính hay sửa mình, như mặt ai không trắng, thời đánh phấn cho trắng; môi ai không đỏ, thời bôi son cho đỏ; lông mày ai không đẹp, thời kẻ vẽ cho đẹp; răng ai có ghềnh, thời thuê thợ bẻ bỏ mà giồng răng giả cho lấy bằng. Những sự xửa mình đó, kể cũng là công-phu; song chỉ được về bên *sắc*, mà không được gì về bên *đức.*

Phong-dao có câu rằng:

1 — *Đàn ông rộng miệng thì sang;*
Đàn bà rộng miệng tan-hoang cửa nhà.

2 — *Đồng nát thì về Cầu-Nôm* (1);
Con gái nỏ mồm, về với mẹ cha.

Xét như hai câu đó: đàn bà, con gái vì rộng miệng, cho nên nỏ mồm; đã nỏ mồm thời một là làm hại cho nhà chồng, hai là cút về ở với bố mẹ đẻ. Vậy thời *mồm miệng* của đàn bà, con gái, rất là có quan-hệ đến gia-đình, xã-hội, và thân-thế; ai chẳng may mà rộng, rất là nên xửa thay! Cách xửa đó, có lẽ cũng không khó.

Răng có thể bẻ đi mà trồng, thời miệng cũng có thể bóp lại mà khâu. Nay miệng ai có rộng, thời nên theo cái trình-độ phải-khoảng, lấy kim chỉ khâu bớt hai bên mép lại cho thật khéo, như thế, chắc đỡ sự nỏ mồm mà coi hẳn xinh đẹp! Một sự xửa mình, được cả sắc lẫn đức.

Chị em đồng-bào ta nghĩ sao?

Tản-Đà

(1) Cầu-Nôm là một làng thuộc tỉnh Bắc-Ninh, là một nơi nhận những đồ đồng nát về làm lại.

CON ĐƯỜNG THỂ-DỤC Ở NAM-THANH

vì lẽ gì mà chậm bước tiến-hành ?

Từ ba bốn mươi năm về trước, cái vấn-đề thể-dục nào ai đã chú-ý đến. Từ khi cái phong-trào mới sô đẩy, thì đồng bào ta mới hiểu những sự ích-lợi về thể-dục phải cùng với đức-dục và trí-dục mà đều tiến-hành, nào tỉnh này mở hội đá bóng, nào tỉnh kia lập hội đánh quần, hình như ta đã tỉnh giấc chiêm-bao, ta hiểu rằng cái thời buổi mạnh được yếu thua, là lẽ công trong cuộc thiên-diễn.

Gần đây làn sóng thể-thao lại bành chướng một cách rữ-rội, không những bọn mày râu tập-tành nơi bãi bóng, mà bạn khăn yếm cũng nhảy-nhót chốn sân quần, nào chỗ nọ tổ-chức đua xe đạp, nào nơi kia cổ-động cuộc đi chân, ngựa sắt đã đua đuổi trên đường thiên-lý, mặt phấn cũng sông-pha trong đám bụi hồng. Ngắm trông cái cảnh-tượng đó, cũng đáng mừng cho bước tương-lai trên con đường thể-dục nước nhà.

Nhưng xét ra trong cả xứ Bắc-kỳ ta đây, trừ Hà-nội và Hải-phòng là nơi đại-đô-hội, cái nền thể-dục đã xây đắp vững-vàng, còn ở tỉnh Nam ta cũng là một nơi đô-hội thứ ba sứ Bắc, coi về phần hình-thức thì cũng có, nào hội đánh quần, nào hội đá bóng, cũng đã cố sức mà chen chân đua đuổi cùng anh em ở Hà-thành và Hải-cảng. Song mà còn về phần tinh-thần thể-thao thì thật là hãy còn kém-cỏi, bước đường chậm-chạp, xét cũng có nhiều nguyên-nhân.

Trong hội thể-thao ta hãy còn cái thói phân giai-cấp, không có chơi một cách bình-đẳng, thành ra làm cho những người có tài đá bóng, giỏi đánh quần, mà ở trong xã-hội không có chút phận sự gì, thì cái tài đó cũng không có thể thi-thố ở trong làng thể-thao, đành theo với ngày xanh mà mòn mỏi.

Ta lại có tính hay chóng chán, chỉ nhao-nhao hăm-hở trong buổi đầu, rồi cái chí đó không bền, ngày thêm uể-oải, đến khi đã chán-nản, thì dù có biết thể-dục là ích-lợi cũng đành gác bỏ một bên, cái thí-giờ luyện-tập khi trước lại tiêu ma ở nơi tửu-quán ca-trường.

Phần nhiều các bạn thiếu-niên tỉnh nhà hoặc gặp cái hoàn cảnh bó-buộc, hoặc gặp cách sinh-kế khó-khăn, lại phải đi các nơi đô-hội mà tìm công việc làm, lo kế sinh-nhai, dù có biệt-tài về đá bóng hay đánh quần, cái mối nhiệt-thành về thể-dục cũng đành ngày thêm nguội lạnh.

Lại phần nhiều các hội thể-thao, tài-chính rất là quẫn-bách, vì chỉ trông vào tiền đóng hàng tháng của các hội-viên chẳng được là bao, tài-chính đã không được rồi-rào, thì không còn cách gì mà khuếch-trương ra được.

Một điều đáng phàn-nàn là những hội đá bóng ở tỉnh Nam ta, số hội-viên đã đành ít-ỏi, lại không chịu cùng nhau hợp-sức, để theo đuổi một mục-đích chung, đó cũng là một cái trợ-lực cho thể-thao giới tỉnh nhà vậy.

Lại còn một cái nguyên-nhân lớn nữa là vì các bậc thân-thương ở Nam-thành ta, trừ ra được mấy ông có hằng-tâm hằng-sản đối với thể-dục, còn các nhà gọi là hâm-mộ thể-thao, khuyến-khích thể-thao, thật cũng chưa được mấy lăm người, ấy các bậc thân-thương đã không để tâm khuyến-miễn, thì trách gì anh em bạn trẻ chẳng lại thờ-ơ. Cái nền thể-dục chậm bước tiến-hành cũng bởi những nguyên-nhân đó.

Vậy nay muốn cho cái nền thể-thao tỉnh nhà chóng được tiến-bộ, chúng ta còn mong mỏi ở các bạn hâm-mộ thể-thao!

Chu-Cảnh Phạm-Đình-Kỳ

Sự tiến-thủ của phụ-nữ An-nam ta

Gần đây nhiều nhà lưu-ý đến vấn-đề phụ-nữ, nào nam nữ bình-quyền, nào phụ-nữ giải-phóng, câu truyện phụ-nữ, nói cũng đã giai; nghị-luận cũng đã dài, mà vẫn chưa thấy có chi là giải-quyết, nên cũng chưa thấy có chí là phương-pháp tiến-thủ thực-hành.

Nay hãy xin tạm đem thiển-kiến, bàn góp mấy nhời, họa chăng có bổ-ích cùng bạn nữ-lưu trong muôn một.

Quyền là gì? là quyền-lợi của từng người, không cứ trai gái, ai ai cũng được một phần hưởng-thụ như nhau. Nam nữ bình-quyền là con gái con giai nên có quyền-lợi đều như nhau cả,

Phụ-nữ giải-phóng là gì? là lâu nay bọn phụ-nữ vẫn phải cứ bó-buộc trong gia-đình không được thong-dong tự-do giải-phóng ra ngoài, cùng làm việc với xã-hội.

Hai vấn-đề đó bọn phụ-nữ Âu Mỹ đang hô-hào vận-động cho được ra khỏi cái vòng gia-đình chật-hẹp, mà dự vào các công cuộc xã-hội, quốc-gia, bao những quyền-lợi bên nam-giới độc hưởng từ trước đến nay, bên nữ-giới cũng được hưởng chung như vậy. Mạnh mẽ thay cái tinh-thần tiến-thủ của bọn phụ-nữ Âu Mỹ!

Vì cái phong-trào phụ-nữ bên Âu Mỹ sôi-nổi lên như vậy, mà cái làn sóng thừa cũng hơi chạm động đến nữ-giới An-Nam ta.

Nói đến phụ-nữ An-Nam ta mà ngao-ngán thay cho nữ-quyền của phụ-nữ là một vấn-đề rất khó giải-quyết; mà có lẽ không thể giải-quyết được sao?

Ta hãy nên xét cùng đến cái nguyên-nhân nữ-quyền ta xưa kia có hay không? và nữ-quyền ta bây giờ vì đâu mà không có nữa? thì mới có thể đoán-định được. Muốn đoán-định nữ-quyền ta xưa kia có hay không? nữ-quyền ta bây giờ vì đâu mà không có? ta hãy đem mấy đoạn lịch-sử của phụ-nữ ta mà xem xét so-sánh cho kỹ càng, thì cái duyên cớ mới có thể rõ ràng ra được.

Nay hãy xem lịch-sử của xã-hội Việt-Nam ta, cái mầm-mống bình-quyền dường đã phôi-thai ngay từ lúc Hồng-Bàng khai sáng, mà bà Âu-Cơ đứng đầu trong lịch-sử nữ-quyền của phụ-nữ ta. Bà lấy vua Lạc-Long sinh được trăm con, tức là tổ-tiên của dân Việt-Nam ta đó, xem sự ông bà chia nhau 50 con theo mẹ về phận sơn-lâm, 50 con theo cha về nơi bãi bể, chia đều nhau để trông nom gây dựng cho đều. Sự ấy rẫu thuộc về thời kỳ cổ-sơ truyền lại, nhưng cứ một việc chia đều đó, đủ biết cái tinh-thần bình-quyền bình-đẳng là dường nào! lại xét cớ về non về bể, như thế, chẳng cũng vì cái tinh-thần tiến-thủ, nên không quản vất vả lam-lũ mà mở núi rừng, theo chiều lên xuống mà khẩn ruộng bể, để cho nước ngày một rộng ra, nòi giống ngày thêm nảy-nở đó ru? chẳng cũng vì bà có cái tính chất tiến-thủ để cùng gánh vác giang-sơn, san sẻ lấy một phần trách-nhiệm gây-dựng cho tổ-quốc đó ru? tươi tốt thay cái mầm-mống bình-quyền! sáng sủa thay cái tấm gương tiến-thủ! Hồng-Lạc dài lâu, Văn-Lang rộng mở, chẳng cũng nhờ ở cái mầm-mống bình-quyền đó mà nảy nghành xanh ngọn đó ru? Con tiên cháu rồng sau sản-xuất được những nữ anh-hùng nữ-hào-kiệt như bà Trưng-Vương bà Triệu-Âu ra tay gánh vác giang-sơn, không những nữ-giới được vẻ-vang mày mặt, mà những bậc nam-nhi nước khác cũng phải kính-phục vô cùng, ấy cũng chẳng vì cái nhiệt-thành tiến-thủ mà được như thế ru? chẳng cũng soi cái tấm gương tiến-thủ của bà Âu-Cơ để lại mà làm rạng vẻ cho non sông đó ru? Đấy cái đoạn lịch-sử nữ-quyền của xã-hội ta thuộc về thượng-cổ vẻ-vang là thế. Không may từ khi nội-thuộc giở xuống, cái tinh-thần của phụ-nữ ta thay đổi hầu mất cái chân sắc-tướng ngày xưa, duyên cớ bởi đâu? Bạn phụ-nữ ta không thể đừng, mà chẳng truy đến cái tình-thế chuyên-chế của bọn cầm quyền-bính ở nước Tầu vậy, cái thuyết *tôn quan ty thần* (tôn nhà vua khinh

bày tôi) của họ, không những bắt dân Tàu coi như thần-thiếp họ, cũng bắt cả các nước bị thuộc quyền dưới họ, coi như là thiếp-phụ cả, mà chẳng những coi như thiếp-phụ lại còn coi như nô-tỳ. Huống chi họ thấy phụ-nữ Việt-Nam lại nhiều người hùng-dũng lạ thường, nên cần phải làm sao cho nhũ-nhược mãi đi, thì cái chủ quyền mới có thể cầm vững trong tay mãi, bởi cái chính-sách chuyên-chế, mà cái thuyết quý nam tiện nữ (quý con giai, khinh con gái) mới nhẫm-nhiễm mãi vào trong xã-hội mình, từ đấy mà bọn phụ-nữ ta mới mất quyền bình-đẳng, mất cách tự-do trong xã-hội lúc bấy giờ vậy.

Ta lại thử đem cái lịch-sử cá-nhân của phụ-nữ từ lúc cha mẹ mới sinh ra, mà suy xét lại, thì mang nặng đẻ đau, nâng-nưu bú mớm, thương yêu quý báu, giậy-giỗ khuyên-răn, con giai cho học chữ nghĩa, con gái cho học làm ăn, giai khôn muốn cho có vợ, gái lớn muốn cho có chồng, cái lòng cha mẹ đối-đãi với các con trong chốn gia-đình, thực là bình-đẳng, giai cũng không hơn gái mấy, mà gái cũng không kém giai nhiều, lại xét về phương-diện khoa-học, con gái có phần chóng lớn (phát-dục) hơn con giai, trí-thức mau hơn con giai, mà sự học-nghiệp lại càng chăm-chỉ hơn con giai nữa, đó là cái ưu-điểm (chỗ tốt) của con gái, đáng quý thay cái tấm thân mơn-mởn! đáng trọng thay cái khối óc tinh-nhanh! đáng mong-mỏi thay cái bước đường tiến-thủ của bạn thanh-niên phụ-nữ! trăm công nghìn việc, định-liệu ló-toan, há chẳng phải tự cái thân non óc tốt đó mà phát đạt ru? Khôn khéo ganh đua, cùng nam-giới giữ một phần trách-nhiệm cho gia-đình, cho xã-hội; há chẳng phải tự cái bước đường tiến-thủ lúc gái thơ mà sấn ruổi rậm trường đó ru? Ấy cái đoạn lịch-sử của thân-thế phụ-nữ đương độ đào-non, vẻ-vang là thế. Nếu sau khi đã kết nguyền non nước, hợp điệu sắt cầm, mà vẫn đem cái tinh-thần tiến-thủ ấy ra gánh vác giang-san giúp đỡ một phần trách-nhiệm, kẻ chịu sào, người đứng mũi, ra tay tháo-vát cơ-đồ, ví như việc nước, con giai là một người cầm quyền chính-trị, con gái cũng là một người cầm quyền kinh-tế đều gắng sức làm cho gia-đình xã-hội ngày một phát-đạt thêm lên, như thế thì cái bình-quyền không cần phải vận-động chi mà vẫn có, sự giải-phóng không cần phải hô-hào lắm mà vẫn được thong-rong. Khốn nỗi có một số phụ-nữ ta từ khi đã bước theo chồng, chẳng tơ-tưởng chi đến con đường tiến-thủ, đem cái thân-thế đành phó mặc đấng lương-quân, trong nhà ngoài cửa, khuya sớm áo cơm, nhất thiết trông tựa vào đức ông chồng hết thảy, từ đấy mà nữ quyền của cá-nhân cũng vì cái tính ỷ-lại mà tiêu ruyệt dần đi.

Than ôi! Cái tinh-thần tiến-thủ của bạn phụ-nữ ta suy kém kể đã lâu rồi, mà bây giờ lại càng quá nữa, trước chẳng qua không thường vận-động mà tay mềm chân yếu mất cả cái quyền-lợi chốn gia-đình. Sau đến chân không bước ra cửa ngõ, miệng không nói được việc triều-đình, lại mất cả cái hạnh-phúc chung của xã-hội đến nỗi cái phẩm-giá của bạn phụ-nữ ngày một giảm dần, cái danh-dự của bạn phụ-nữ ngày càng hư-hỏng, mà cái tư-cách của bạn phụ-nữ cũng ngày một khinh-thường mãi đi, cái nết xấu của bạn phụ-nữ cũng ngày thêm biểu lộ ra mãi, hoặc lại còn nhiều truyện nọ truyện kia, đủ ngăn trở bạn phụ-nữ ta nữa; làm cho tu-my nam-tử xem khinh, xem rẻ, hầu coi như cả bạn phụ-nữ không người nào là không phải là hạng đớn-hèn, không đủ sức làm nên công việc. Ấy cái tinh-thần tiến-thủ của phụ-nữ tiêu-ruyệt đâu rồi, cái tính-chất tiến-thủ của phụ-nữ ta biến-hóa đâu rồi, mà để cái nữ-quyền luống những bỏ rời, cái thân-phận phụ-nữ ta luống cam câu-thúc như vậy? Thực cũng là một sự không may rất lớn cho bạn phụ-nữ ta.

Những bạn phụ-nữ ta ai là kẻ có chất óc tinh rành, tấm lòng sốt sắng đối những sự hiện-tình đó mà chẳng thêm cảm thêm

sầu, bấy nay tính-chất phụ-nữ ươn - hèn là thế, mà bây giờ so sánh xem ra thế nào? Cái giấc mơ màng nương tựa mãi vào chồng đã tỉnh hay chưa? Cái lỗi bỏ mất cả trách nhiệm đã rõ hay chưa? Từ nay bạn phụ-nữ ta không thể không phóng cái tầm con mắt tinh khôn để nhận lấy một cái mục-đích chân - chính, đem hết cái sức mạnh của mình hăng hái để noi theo con đường tiến-thủ thênh thang; như người đi bộ, không đưa chân sấn bước thì bao giờ cho được đến nơi; như thuyền sang sông không thẳng cánh bơi chèo thì bao giờ cho hay đến bến, thế mà bạn phụ-nữ ta ngày nay hẩy còn chỉ biết trông ngóng nam-giới, oán trách nam-giới; không biết gắng sức tiến lên, thì có khác gì muốn đi đường xa không chịu cất chân, chỉ ngắm địa-đồ mà trông lối, muốn sang sông lớn không chịu chèo chống, chỉ cứ cắm sào mà đợi gió đưa, như thế thì còn có hy-vọng gì nữa.

Có người nói bọn phụ-nữ ta trình-độ hẩy còn thấp kém, chỉ nên yên phận trong nhà là hơn; nhưng tôi thiết tưởng rằng bây giờ dù chưa có thể làm sao cho phụ-nữ được hoàn toàn giải phóng, nhưng cũng không có thể không sửa sang chấn-chỉnh dần dần. Phàm việc trên đời không có việc gì là không sửa sang chấn-chỉnh dần dần mà thành ngay được, ấy bạn phụ-nữ ta bây giờ muốn vận - động nữ - quyền, hô hào giải-phóng mà không biết theo con đường nào, cũng chỉ vì từ trước đây cái công phu sửa sang chấn chỉnh hẩy còn nhiều chỗ khuyết - điểm vậy. Những việc bây giờ cần làm, nên dự tính ngay về mấy mươi năm về trước mà sửa sang chấn chỉnh, vì trước không chấn chỉnh, nên bây giờ phụ-nữ mới phải quanh quẩn chưa xong, bây giờ mà lại còn không tiến-thủ làm đi, thì ngày sau muốn làm; phụ-nữ ta cũng vẫn quẩn quanh như bây giờ vậy, ngày càng thêm mãi, mà nhân - cách phụ - nữ đến nỗi kém sút mãi dần.

Vả bây giờ những phụ-nữ quá sốt sắng về sự giải phóng, hơi động đến là nói nam-giới chuyên-quyền, nên phụ-nữ không hay thi thố tài năng với xã-hội; vẫn là thế đó, nhưng phỏng sử bên nam-giới trao cả các quyền lợi lại cho nữ-giới, thì bạn phụ-nữ ta đã chắc hay làm cho một gia đình đó được vững chắc hoàn-toàn chẳng? Tôi chắc rằng không thể được, đừng nói chi những chính trị khó-khăn, hẩy nói ngay việc làm ăn, giáo-dục; thử xem bấy nay đường buôn bán của phụ nữ ta đó, các việc khác vẫn phần nhiều đàn ông chuyên chủ, chớ như việc buôn bán thường không tranh giữ cả phần mình, mà cũng vẫn để nhường phần cho phụ nữ. Nếu phụ nữ ta mà có lòng tiến thủ thì các nhà buôn, các hiệu bán mặc ý muốn kinh doanh thế nào cho phát đạt, tôi chắc rằng nam giới cũng chẳng can thiệp đến chi, thế thì phụ nữ ta vẫn không được nhiều sự tự do, nhưng cứ về việc buôn bán từ xưa đến nay vẫn được tự do, dầu không có cái quyền lợi riêng, nhưng cái quyền lợi về đường buôn bán không phải là không có thế, mà sao từ trước đến nay vẫn thấy ít phần tiến-bộ, đủ biết rằng cái lòng tiến-thủ của phụ-nữ còn kém nhiều, chứ không nên chỉ lấy cái cớ nam-giới chuyên-quyền làm lỗi vậy. Không những ngày trước thế thôi, mà ngay hiện bây giờ về phần giáo-dục của phụ-nữ cũng đã rộng nhiều. Các trường giậy học - trò gái bé con không kể, ngay các bạn nữ-học đã lâu ngày đã đến những bậc trung - nhân trở lên, nếu có cái tư-tưởng tiến-thủ chân-chính thì khó gì mà chẳng chiếm được một địa-vị vững-vàng để giúp đỡ một phần trách-nhiệm ở gia-đình và xã-hội, mà làm cho quyền-lợi bạn phụ-nữ tăng cao trình độ lên mới phải, thế mà trừ ra có mấy bà đặc-sắc không kể, còn xem ra ngôn-luận vẫn rộng, mà thực-hành vẫn không thấy mấy ai.

Vậy cho nên bọn phụ nữ ta bây giờ không nên chỉ khen-ngợi nữ-quyền, mà phải tiến-thủ mạnh lên, để sửa sang chấn-chỉnh lấy cái tư-cách đủ hưởng thụ nữ-quyền trước đã, tiến-thủ đã mạnh, tư-cách đã đủ, thì dẫu chẳng hô hào vận động mà nữ-quyền vẫn có ở trong. Vậy nay phụ - nữ ta tiến-thủ phải theo phương

châm nào? sửa sang tư-cách phải theo phương-pháp nào cũng nên lược kể ra đây để nữ-lưu cùng chọn,

Tiến-thủ phải do giáo-dục và thực-nghiệp hai đàng tiến hành đều nhau cả thì mới được. Nếu chỉ chuyên về một đường giáo-dục mà không có thực-hành để thi-thố với đời, thì học cũng là vô dụng, chỉ chuyên về một đường thực-nghiệp mà không có học-vấn để mở mang trí-tuệ thì công-nghiệp cũng khó mà phát đạt bằng người.

Vả lại tôi nói cần phải sửa sang chấn chỉnh cái nhân-cách của phụ nữ ta không phải là bỏ vất cả các công cuộc cũ đi mà theo hết thầy lấy các lề lối mới đâu; sửa sang là xem ta xưa có điều gì hay điều gì khá, phụ nữ ta nên sửa sang lại để ngày một hay, một khá thêm lên, ta xem nay còn thiếu những tư cách gì, tính chất gì thì phụ nữ ta nên gắng sức ra công mà luyện tập lấy, để chấn chỉnh các đường giáo-dục và thực-nghiệp của phụ nữ ta ngày thêm rộng mở mãi ra, tiến tới mãi lên, cho đầy đủ.

Về giáo dục phụ nữ xưa kia vốn lấy đức hạnh làm đầu, ta nên gắng sức lau nhồi cho cái đức-hạnh đó sáng suốt mãi ra, mà về bên trí-dục, thể-dục các khoa-học mới đây, cũng nên gắng sức học đòi suy tìm chân lý, mở mang cái trí khôn sáng láng, để mà lập thân xử thế, đủ đường đối phó cùng xã hội, ganh đua cùng phái nam - nhi.

Về thực-nghiệp phụ-nữ ta xưa vốn lấy kiệm cần làm gốc, ta nên hết sức giữ gìn cho cái tính nết đó vững bền mãi mãi, mà về công-nghiệp thương-nghiệp các đường sinh-hoạt mới đều nên ra sức đua ganh; thủ đoạn kinh doanh sao cho linh lợi khác thường, tâm tư nghĩ ngợi sao cho mọi bề phát đạt; mỗi người một nghề, đem nữ-công mà san sẻ cái trách nhiệm gia đình, đem thực-hành mà đỡ bớt lấy một phần gánh nặng cho nam-giới. Như thế nữ-quyền không cần phải vận động mà tự nhiên bành trướng, con đường tiến-thủ của phụ nữ ta không biết đến đâu là cùng, bạn phụ-nữ ta gắng lên, bạn phụ-nữ ta tiến lên.

VĂN - LANG

Máy xem thai, biết trước rằng giai hay gái

Một nhà khoa-học nước Ý là Khoa-lỗ-tây bác-sĩ, vừa mới nghĩ ra cái máy dùng để cho đàn bà có nghén xem thai trong bụng là con giai hay con gái, thứ máy đó cho để vào trong tay người đàn bà có chửa, truyền điện vào là biết ngay đứa con trong bụng là giai hay gái . . . không sai chút nào, hiện đã chế máy để bán.

Xét ra bác-sĩ nghĩ ra máy này là căn cứ ở cái nguyên-lý «con giai con gái mạch khác nhau», nguyên-lý ấy rất cũ, ai cũng biết, bác-sĩ nhân đó mà nghĩ ra thứ máy điện để xem mạch, Bác-sĩ nghiên - cứu lâu năm, sửa chữa nhiều lần, mới làm thành thứ máy điện rất tinh vi và rất đúng, bảo người cầm máy vào tay truyền điện vào, rồi cứ xem cách biến-động của luồng điện, tự khắc biết người cầm máy ấy là đàn ông hay đàn bà. Sau đó bác-sĩ lại nghĩ sửa chữa mãi mới dùng để xem thai trong bụng được. T. N.

Kim cương nhân tạo

Hiện giờ ở một nhà máy thép bên Đức người ta mới nghĩ được một cách làm kim-cương. Họ trộn lẫn mấy thứ kim-khí vào với nhau rồi họ mang vào lò điện để nấu. Thứ kim-khí kia tên là tungstène (1) và carbure de tungstène. Các thứ kim-khí này mang vào lò đun nóng tới 3000 độ là được.

Thứ kim-cương này dùng vào việc máy móc lại có phần tiện-lợi hơn kim-cương thật. Sức rắn và công-dụng của thứ kim-cương nhân-tạo này, cũng không có gì là kém kim-cương thiên-nhiên. Các nhà kỹ-nghệ phần nhiều đã dùng thứ kim-cương này để làm việc rồi.

Thực khoa-học đoạt cả quyền của Tạo-hóa.

T. N.

(1) Tung-Stène là một thứ kim-khí rất rắn, màu xám đen do ông Scheele tìm ra từ năm 1780.

THI DÀN GIẢNG TẬP

Sáng mùa thu đứng trên hồ tức - sự

Đỉnh núi xa, nhô bóng ác hồng,
Phong-quang kia tính có tình không?
Tầng mây rực-rỡ phô mầu gấm;
Làn sóng lăn-tăn gợn vẩy rồng.
Cuốc vẫn kêu xuông gì tạo-vật,
Xen còn cười gượng mãi non sông.
Trông về phần-tử nhà đâu thấy,
Thấy nước mênh-mông suốt mấy chùng.

Đông - Xuyên
(HAIPHONG)

Bài thơ này, một câu thứ **1** rất là có quang-cảnh, thế văn có giống như câu thứ nhất ở bài « *Buổi chiều sang đò* » đã giảng-thuyết trong số **13**; song dưới chữ «*xa*» mà đánh giấu (,) thời ý-nghĩa và từ-điệu đều có kém đi hết. Vì rằng: đánh giấu như thế, thời chữ «*xa*» đó là *adjectif qualificatif* của chữ «*núi*», phải giảng nghĩa rằng: (*ở trên chỗ đỉnh núi xa đó, có nhô lên cái bóng ác hồng.*» Vậy thời chữ « *đỉnh núi* » là chủ ở trong câu, mà chữ «*bóng ác hồng*» nhẹ hơn; như thế thời ý nghĩa đối với bài kém hay. Nếu bỏ cái giấu (,) ấy đi, thời chữ «*xa*» là *adverbe de lieu* của chữ «*nhô*», giảng nghĩa rằng: (Cái bóng ác hồng từ xa nhô lên ở trên chỗ đỉnh núi.) Như thế thời ba chữ «*bóng ác hồng*» là chủ mà thế văn hay hơn. Đó là nói về ý-nghĩa. Lại theo về từ-điệu mà nói, thời trong một câu thơ bẩy chữ, rất kỵ ba chữ trên đi riêng với nhau. Nếu đánh cái giấu (,) ở dưới chữ «xa» thời tức là phạm vào sự kỵ đó; đến lúc ngâm câu thơ lên, cũng phải theo mạch thế của nghĩa, thành ra từ điệu không hay. Cho nên bỏ cái giấu (,) ấy đi, thời lời thơ xuôi, thế câu mạnh hơn, mà lúc ngâm lên mới nổi giọng được vậy.

Câu thứ **2**, mấy chữ « *tính có tình không,* » lời kém mà ý vị cũng nhạt, không có giá-trị thơ chút nào.

Hai câu **3**, **4**, lời thơ rất có vẻ phú-quí vinh-hoa, mà không mất nền-nếp trang-trọng, thực xứng-đáng cái địa-vị trong bài.

Hai câu **5**, **6**, ngờ rằng Tác-giả có ý phỏng ở thơ cổ, như câu:

« *Đá vẫn lỳ gan cùng tuế nguyệt,*
Nước còn cau mặt với giang sơn. »

Song như hai câu cổ-thi đó, có chữ «*gan*», chữ «*mặt*» là danh-từ «*nom*» đặt vào thứ tư, cho nên thế câu mới đứng được. Hai câu ngũ lục trong bài đây, ngẫm đến chữ thứ năm, là chữ «*gì*», chữ «*mãi*», thế-lực yếu quá, như không thể đem nổi được những chữ ở dưới là chữ «*tạo-vật*», chữ «*non-sông*» nữa; vì rằng thứ tư đặt chữ «*xuông*», chữ «*gượng,*» mấy chữ *thêm nối* đi luôn nhau, thành ra đầu cuối nặng mà ở quãng dữa không có sức gánh lên vậy. Lại như chữ «*tạo vật*» đặt theo với «*cuốc kêu*», chữ «*non sông*» đặt theo với «*sen cười*», cũng không được đắt nghĩa cho lắm. Cho nên như hai câu thơ ấy cũng là kém.

Câu thứ **7**, hai chữ "*phần tử*", lời thơ đặt nặng quá. Nguyên hai chữ ấy nghĩa như tiếng ta nói "*quê cha đất tổ*". Nếu là ngày xưa kia, xe tầu đi lại chưa tiện lợi, thời các du-tử xa nhà thường hay dùng nói cũng là phải; còn như nay, sự đi lại rất nhanh chóng: người nước ta, hoặc quê Bắc mà vào ở trong Nam, hoặc người Saigon ra làm việc Hanoi, những lúc nhớ nhà cũng chưa nên dùng tới chữ đó; huống như trong một xứ Bắc-kỳ, mà lại là Hải-phòng với Hà-đông ru? Cho nên nghĩa vẫn phải mà lời thơ chưa sành, như hai chữ ấy vậy.

Câu thứ **8**, những chữ "*mênh-mông*", "*mấy chùng*", tả cảnh hồ có nhẽ là lạm. Cứ các hồ ở trung-châu xứ Bắc, duy có hồ Lãng-bạc hoặc có dương được chăng? Ở Hải-phòng chưa nghe có cái hồ nào có tiếng là to vậy.

Đại-để trong lời thơ của tác-giả đây, xem

ra có nhiều những chữ dùng quá đáng, nguyên-ý muốn lấy hay, mà thành ra có kém thiết-thực. Nay xin theo ý của nguyên-tác, thay đổi ít nhiều câu, tạm xếp lại một bài như dưới:

Đỉnh núi xa nhộ bóng ác hồng,
Giời còn để mắt đến non sông.
Từng mây rực-rỡ mầu phộ gấm;
Làn sóng lăn-tăn vẩy gợn rồng.
Cuốc vẫn nhớ thương hồn nước cũ;
Sen còn yêu tiếc bóng gương trong.
Lòng quê lai-láng cùng ai tả,
Hưu-hắt hơi thu, nước lạnh-lùng.

Nguyên-khac-Hiêu

Qua bến Đục cảm-tác

Bến Đục bao giờ nước mới trong?
Khách tình qua lại ngẩn-ngơ lòng.
Cắm sào đợi nước, ai ai đó?
Liệu trả cho rồi nợ núi sông.

Phương-sơn
(Saigon)

Bài thơ đây, bốn câu, cứ ý với lời, có thể gọi là rất xuôi, không vấp gợn gì cả. Song bình luận cho kỹ, thời như:

Câu thứ **1**, rất tự-nhiên mà hay.

Câu thứ **2**, hai chữ « *Khách tình* » là tác-giả tự nói mình; ba chữ « *ngẩn-ngơ lòng* » tức là ý cảm-tác. Vậy thời như câu ấy cũng đầm-thấm có vị, mà cũng có thể gọi là thừa. Vì trong bài thơ có bốn câu, mà chiếm mất một câu như thích nghĩa đầu đề vậy. Nghĩ chẳng là có thể thôi được ru?

Hai câu **3**, **4**, ý nghĩa chạy xuốt làm một, lời thơ rất lưu. Song mà nếu lập ý như thế, thời tác-giả chỉ biết bảo người khác cái nghĩa-vụ nên phải « *trả nợ núi sông* », còn về phần mình thời như không có trách-nhiệm, thành rã như lời thơ của một người ở nước khác qua chơi vậy. Cứ như cái ý đó. thời « *khách tình* » còn phải « *ngẩn ngơ lòng* » làm chi? Lại nghĩ như: đã là hạng *cắm sào đợi nước*, còn mong gì *trả nợ núi sông*? Cho nên lời thơ vẫn lưu, mà nghĩa thực không sành, như hai câu ấy vậy.

Nay cũng xin nhân lời thơ của Tác-giả, lược xếp lại bốn câu như dưới:

Bến Đục bao giờ nước lại trong?
Khách tình qua lại có hay không?
Cắm sào đợi mãi như ai đó,
Thời trả sao rồi nợ núi sông!

Nguyên-khac-Hiêu

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

GIA-TRUYỀN RẤT THẦN HIỆU

CÁC NGÀI ĐI NHỮNG NƠI ĐƯỜNG RỪNG NƯỚC ĐỘC NÊM PHÒNG BỊ THỨ THUỐC NÀY

Bán tại hiệu **LIÊN-HUY**
Phố **Hàng-Trống** *(Maréchal Foch) số 68 — NAM-DINH*

XÃ-HỘI THIỀN ĐÀM

Từ khi trong báo-giới ngôn-đàn, điểm điểm có những nét mực của các bạn quần thoa đua khôn đấu khéo, những vấn-đề cao xa bất-thiết, xin hãy để các chị em nói cho thỏa thích, dù không chắc là có ích, cũng chưa hẳn đã có hại nào; duy có một vấn-đề thiết-thực mà nên chú ý hơn, thời là việc làm các món ăn của người annam ta vậy.

Các món ăn của ta mà các bạn nữ-lưu thường bàn nói ở trên báo-trương, đại-để là những thức ăn của các nhà hơi phong-lưu dở lên; còn như những thức thông thường, cần thiết cho khắp thảy hạng người, như **dưa, cà, tương, mắm**, thời nghe như chưa có chị em nào nói đến. Chỗ đó chẳng là một cái khuyết-điểm rất lớn ru? Cứ ý tôi nghĩ như bốn thức ăn *rưa, cà, tương, mắm* của người annam ta, không những chốn thôn quê, làng lao-động, phần nhiều trông đó làm thức ăn giúp bữa qua ngày; mà dẫu như các nhà thật phú quí, thật phong-lưu, sành-sơi lịch-sự hơn nhau, cũng trước nên coi cái khéo vụng đó làm hơn kém.

« Muôn vàn chớ cấy kẻ La,
Cái tương thì thối, cái cà thì thâm ».

Tôi có nghe câu ca-dao ấy mà chưa được rõ thật hai chữ « *kẻ La* » đó là làng La nào? vì ở Hà-đông thời có làng *La-khê*, Sơn-tây thời có làng *La-phẩm*. Làng La-phẩm ở Sơn-tây, chỉ là một làng quê-kệch, dù đối với trong hạt Sơn-tây cũng có tiếng là quê-kệch, thời hoặc khéo hay vụng, cũng chưa đủ quái lạ nào, Làng La-khê ở Hà-đông, ở gần tỉnh-ly Hà-đông mà là đất văn-vật, lại sản xuất thứ *cà xanh* rất ngon, có lẽ nào lại có đến như câu ca ấy! Tuy vậy, sự đoán phỏng đó cũng chưa đủ lấy gì làm tin thực. Hãy xem như cái tính-cách sành ăn, có nhẽ chưa dễ đâu hơn người Honoi; vậy mà người Hanoi rất không sành ăn cà. Xét như thế thời làng La-khê là đất văn-vật lại sản xuất thứ cà ngon, mà hoặc-giả *cái cà thì thâm*, cũng chưa hẳn đã là vô-lý vậy. Câu đó xin hãy để làm sự khuyết-nghi, đợi có người hiểu thấu về phong-dao sẽ rõ.

Tôi lại từng nghe một ông qnan ngồi nói câu chuyện vui, nói về nữ-công của bà nội-tướng của ông rằng: « *làm tương* Bà có một cái sự khéo đặc-biệt: *làm tương hóa ra cà; làm cà hóa ra tương.* » Các người nghe truyện đều chưa được rõ nghĩa. Ông lại phải giảng thuyết minh-bạch rằng: « Bà làm tương thời nước đi một nơi, bao nhiêu cái rón cục lại, thành ra như cà! Bà làm cà, thời vỏ còn nguyên chất, bao nhiêu thịt nát bét hết, thành ra như tương! » Đó gần như câu truyện Tiếu-lâm, mà chính là câu truyện Thiền-đàm của xã-hội ta vậy.

Xem như hai câu ca-dao kia thời biết người thôn-quê đi làm ăn cầy cấy, lấy rưa cà tương mắm làm trọng; xem như câu truyện của một ông quan nói đó, thời biết đã là hạng phong-lưu đài-các, càng không coi rưa cà tương mắm làm khinh. Mấy thức ăn đó thực là đầu vị ăn của người An-nam ta, mà những ai có chức-trách tề-gia rất nên phải biết.

∴

Lại xét rộng ra nữa, tôi từng có nghe câu truyện của một người nói đã lâu rằng: Có một người An-nam ta, nhân làm việc ở chiếc tầu sang tây, đem bốn chum **chám thoi** sang để bán, bán mỗi quả giá 0$10, nhân đó mà sinh cơ lập nghiệp, đến làm nên giầu to. Khoảng cuối năm ngoái đây, tôi ở Hải-phòng, nghe người

ta nói truyện: có một người tây cần mua năm vạn (50.000), quả **cà ngâm tương** chịu giá mỗi quả 0$05 để đem sang bên Lào, mà không ai có mà bán. Lại nhớ trong khi tôi còn ở chơi trong Saigon, trong ấy không có cà, chỗ bà con từ Nam-vang về Saigon chơi mà làm quà cho nhau một món cà, thời lấy làm thức ăn có giá-trị. Thứ cà ở Nam-vang, nhiều hột mà mỏng vỏ, rất là không ngon, song mà ở nơi không có lấy làm quí. Lại có người quen biết từng nói truyện gửi một lọ **mắm rươi** sang Ai-Lao, thân lọ chừng bằng hộp xữa bột mà tiền cước hết (0$80). Xem vậy thời mấy thức ăn như trên đây tôi nói, không những chỉ cần thiết thường dùng cho mọi nhà, mà thực lại có thể là hóa-phẩm khá to ở trên trường thương-mại vậy.

Tàu xe tiện lợi, hóa-phẩm lưu-thông, ai là tay chân chính nữ-công, cao tầm mắt, thử ngó trông đường kinh-tế.

Người xưa có câu rằng: «Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm giời.» Mong rằng, các bạn nữ-lưu nay, ai có lưu tâm đến xã-hội nhân-quần, xin hãy đem cái tài khéo ý khôn, do mục **thiền-đàm** đây, cùng đàm-luận dưa, cà, tương, mắm.

«Khế chua nấu với ốc nhồi,
Tuy rằng nó sám, nhưng mùi nó ngon».

Những câu truyện tầm thường mà thiết-thực, chị em ta tỉnh tâm xét kỹ, chẳng là có ích hơn như lập-hiến viển-vông, nữ-quyền oái-oắc đó ru?

Nguyễn-khắc-Hiếu

Bao năm cho được bách niên giai lão

Nhà Luật-sư L. F. Naftzger người nước Mỹ làm các việc pháp-luật ở kinh-đô Paris. Thanh-danh của Luật-sư cũng được *trọng-thị*. Các việc án-từ, Luật-sư làm rất là giỏi lắm. Luật-sư đã từng nghiên-cứu trong mười năm giời về vấn-đề hôn-nhân. Trong mười năm giời ấy, Luật-sư tính người các việc tố-tụng, trong tay luật-sư đã làm qua rất nhiều cái án ly-hôn. Nhân thế mà Luật-sư mới phát-biểu ra được cái ý-kiến về sự kết-hôn của con giai con gái Âu-Châu. Luật-sư nói rằng: «Sự kết-hôn của con giai, con gái Âu-Châu có hai cái niên-kỷ rất nguy-hiểm. Khó lòng mà qua khỏi được. Cái *gian-quan* thứ nhất là ở sau khi kết-hôn một năm. Cái *gian-quan* thứ nhì là ở sau khi kết-hôn mười lăm năm, hay hai mươi năm. Một đôi trai gái thanh-niên, vợ chồng lấy nhau trong một năm thứ nhất, cần phải sao cho được sắt-cầm hòa-hợp, không hề có những phen trái ý nhau đến dận giữ cãi cọ. Có như thế thời cái cuộc hôn-nhân của hai người mới mong được trăm phần có bẩy mươi phần ăn ở với nhau mãn chiều sế bóng, không đến nỗi rẽ hủy chia uyên. Song le, qua được năm thứ nhất đi rồi, không cần phải tính năm nữa, cho tóm lại mong sao cho được như thế với nhau lấy năm năm, mười năm, cho đến được mười lăm năm giở đi. Đến năm thứ mười lăm thời lại tới một gian-quan nữa đó. Nếu tình-cảm của hai vợ chồng nhà ấy cứ duy-trì được lấy năm năm nữa, cho đến được năm thứ hai mươi. Từ đấy mà đi thời hết cả các gian-quan, bao nhiêu sự nguy-hiểm tiêu đi hết sạch, chẳng khác nào con thuyền đã vượt qua được những cái thác hiểm-nghèo, từ đấy là vượt biển ra khơi, có thể mong rằng: đi đến được bờ khoái-lạc một cách bình-yên vô-sự. Từ hai mươi năm về sau, cuộc hôn-nhân trăm phần có đến chín mươi chín phần chắc được hoàn-toàn đến lúc bạc đầu, không đến nỗi có ngày còn đem nhau đến trước tụng-đình xin tờ ly-dị nữa.»

Xem như lời Luật-sư và xét tình-cảnh những cặp vợ chồng Âu Mỹ ấy, thời ta thật thấy khác hẳn với tình cảnh những cặp vợ chồng ở xứ ta. Vì ở xứ ta, một vạn đôi mới có một đôi lấy nhau đã có cheo có cưới, có lễ có nghĩa, mà lại đến một năm hay hai mươi năm còn có sự lìa nhau như họ...

HIẾU-HỮU
Trương-trọng-Hỡ

XÃ-HỘI TIỂU-THUYẾT

TỐI THỨ BẢY XÓM BÌNH-KHANG

Ngày 3 Janvier 1931 Mỹ-trọng

Tom! tom! Chát!

— Phơ!...

— Anh Nghị đấy à?

— Nghị nào!

— Mắt mù hay sao? xe đi thế mà không biết!

— Xe mấy cáng! đánh đổ cả mẹt mía của người ta đây này!

— Thôi! để xuống đây.

. . . . . .

— Thưa Cô về nhà có khách, ạ!

— Khách nào thế?

— Có mấy ông khách «*lập-hiến*» ở trên Hà-nội xuống.

— Khách lập-hiến là khách nào?

— Các ông ấy vừa xuống truyến tầu tối đây, thấy các ông ấy nói truyện thời tôi cũng biết vậy.

— Xin phép các quan, em hẫy về qua xem ai.

— Rồi chị lại sang nhé.

— Xin vâng ạ.

. . . . . .

— Đi uống rượu đâu? mà sớm thế!

— Thưa quan, ở bên chị Th. có mấy quan ở Hà-nội xuống, hát mãi từ chiều hôm qua, vẫn ở đây.

— Cánh nào thế hử! ăn mặc tây hay ta?

— Tất cả ba bốn ông, ăn mặc tây ta có cả.

— Chị nghe câu truyện, liệu có rõ những ông ấy là hạng quan-viên nào không?

— Thưa, em không biết, chỉ thấy các ông ấy đương cãi nhau về truyện *lập-hiến*.

— Quái! cánh nào mà cũng lại truyện lập-hiến. Hay ta thử sang, xem có ẩnh nào quen không?

— Thôi, sang làm quái gì! Rồi khắc biết. Để mặc họ *lập* ở bên ấy, chúng mình cũng *lập* riêng bên này.

— Chị bảo lấy trống đi.

— Thôi, hãy khoan, ở đây hát được xuốt đêm, để đến khuya ta hẫy nghe. Bây giờ để bảo hẫy làm rượu uống đã.

— Cho cả cái bàn đèn ra đây nữa. Chị vào bảo làm rượu, rồi ra đây tiêm thuốc nhé.

— Thưa vâng ạ.

. . . . . .

— Thế độ trước tôi nghe người ta nói các chị muốn dọn lên ở Hà-nội; sao rồi lại không thấy gì cả?

— Chúng em ở dưới này đã quen khách, vả lại ăn tiêu đỡ tốn, mà được hát xuốt đêm, cho nên cũng được có nhiều các quan chiếu-cố đến. Bây giờ lên Hà-nội thời rồi có nhẽ thắt buộc lắm.

— Sao lại là thắt-buộc?

— Cái giờ hát được ít hơn, mà theo đòi với các chị em trên ấy cũng lại thêm khó ra.

— Khó hay dễ, cũng là ở mình chứ. Thế sao chị Cúc ngày trước ở Thái-bình chưa có gì, lên Hà-nội mà rồi mới nổi tiếng đấy!

— Mỗi người một khác, chúng em bì thế nào được với chị Cúc! Vả lại có lên hay không, thời cũng là tuỳ ở ý bà chủ; chớ các quan tính như chúng em thời

có bàn nhăng với nhau chăng nữa, cũng là câu trnyện nói cho đỡ buồn mà thôi.

— Dẫu bà ấy có muốn lên, thời chắc cũng có bàn tính với các chị.

— Thế nào thời ở trong bụng bà ấy, chớ chúng em biết sao được! Nghĩa là thấy có lúc bà ấy nói, thời mình cũng nói thế mà thôi.

— Cứ ý chị thời cho là cứ ở đây hơn à?

— Chúng em ở đâu thời cũng chẳng hơn gì. Các quan nghĩ như người ta dọn lấy nhà hát được, thời mới nói truyện thế nọ thế kia. Còn như *ba chị em* chúng em đây, thời dẫu ở đâu cũng cái thân-phận thế mà thôi.

— Chị này cứ hay nói truyện buồn! thôi xem được rượu chưa? bảo hãy bưng ra đây đánh chén đã.

— Để xin phép các quan, em chạy vào xem chúng nó làm ra làm sao.

— Chị Ph. này, người chị ấy thế mà thật. Chừng bà *Chánh* có nói thì chị ấy mới nói, cho nên câu truyện mới đến tai chúng mình chứ.

— Thôi, nói làm quái gì, nó lại như câu truyện chúng mình cãi nhau láo ban nẫy. Để dục đem rượu uống.

— Bây giờ chị Ph. hãm chung cho chúng tôi một câu, nói sao cho ra cái ý lâu nay chị không thèm chiếu-cố đến anh em nữa.

— Chết! sao quan dạy thế! nghĩa là các quan chẳng thèm chiếu-cố đến chúng em.

— Ừ, thế thời bây giờ chị hãm đi.

— Xin mời quan sơi rượu đã.

. . . . . .

Hở môi ra cũng thẹn-thùng;
Tại ai, há giám phụ lòng cố-nhân,
Muốn lạy tình-quân!

— Hãm thế, ra khổ chị định chết hay sao? mà lại "*Muốn lạy tình-quân?*"

— Không! nghĩa là em xin lỗi với quan như thế chứ.

— Bây giờ chị hãm lại câu khác, làm thế nào cho vui, thời chúng tôi mới uống rượu.

— Quan bắt vui thời em biết làm thế nào được! Để em xin hãm lại, các quan nghe tạm vậy:

Đa mang lấy một chữ tình!
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi!

. . . . . .

— Ừ, thế thời thôi quách! Đã bảo hãm lấy vui, mà lại cứ *thế thôi*; . . *thế thôi* mãi!

— Thì thôi!..

TẢN-ĐÀ.

Anh em chị em hâm mộ thể-thao nên đọc:

TUẦN BÁO

BAC-KY THE-THAO

Xuất-bản ngày thứ Ba

TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ Ở SỐ NHÀ 37 PHỐ HÀNG-QUẠT — HANOI

GIÁ MUA BÁO:	Một năm	3.50
	Sán tháng	1.80
	Ba tháng	1.00
Ngoại quốc:	Một năm	4.50

Đọc báo "Bắc-Kỳ Thể-Thao" tức là cổ-động cho nền thể-thao nước nhà ngày thêm bền vững!

HẠT MÁU RƠI

BI-KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu-Sử Vũ-Bằng Soạn.

CÁC VAI

1·) **Vị-Côi**, *26 tuổi đến 28 tuổi, nhà chủ báo.*
2·) **Vân-Phong**, *27 tuổi, bạn* . . . . . .
3·) **Ông tham Ích**, *30 tuổi* . . . . . .
4·) **CậuTrúc**, *6 tuổi* . . . . . .
5·) **Nhỏ**, *14, 15 tuổi* . . . . . .
6·) **Hồ-thị Mộng-Anh** *22 tuổi* . . . . .

DOẠN THỨ' NHẤT

CẢNH THỨ NHẤT

(Buồng tiếp khách của Vị-Côi, nhà chủ báo. Bầy sơ-sài, rõ ra nhà ở tạm bợ được thì thôi. Ngoài có cửa đi ra vào; bên trong có cửa đi sang buồng ăn, không trông thấy cửa ấy thường đóng.

Trên tường có treo hai ba bức ảnh hay bức họa.

Trên bàn bầy tám tờ nhật-báo, và hai ba cuốn sách tây giầy thấy để dẹp về một bên. Ghế thì có đệm bằng gia tết. Lúc ấy vào độ năm giờ, nhưng năm giờ về mùa đông, lạnh-lẽo âm-thầm, ta phải làm thế nào cho người xem có thể tưởng-tượng như đã bầy rưỡi tám giờ rồi vậy.)

SEN I

Vị-Côi và Vân-Phong

Lúc kéo màn lên thì **Vị-Côi** và **Vân-Phong** đương mải nói truyện. **Vị-Côi**, bận Âu-phục, mặt sáng-sủa; **Vân-Phong**, bận Nam-phục, trông có vẻ nghiêm-trang, hiền-lành.)

Vân-Phong : Ôi chết chửa! thế ra bác đang-tâm làm hại một đời người con gái?

Vị-Côi : Không!

Vân-Phong : Bác chả vừa nói là gì . . Phải rồi! Cô ta có làm sao thì lúc tỉnh giậy mới ôm mặt mà khóc chứ?

Vị-Côi, ...

Vân-Phong : Thôi chết chửa . . . Phải rồi, phải rồi.

Vị-Côi : Không! Bác cứ nói làm gì thế?

Vân-Phong, Tôi biết rồi. Bác còn định dấu cái lỗi ấy thế nào được? Bác gớm thật (đổi ra nét mặt tươi-tỉnh) à! một người con gái như *Mộng-Anh*, nhu-mỳ là thế, chinh-đính là thế, hiền-lành là thế . . . . bác làm thế nào mà gạ-gẫm được, thì cũng tinh-quái thực (gật dầu) Bác tợn quá. Bác tợn quá mất thôi . . . (đổi hẳn nét mặt).

Nhưng này! Bác này! giờ làm sao bác lại sinh ra tợn thế?

Vị-Côi : Bác bảo tôi tợn gì?

Vân-Phong : Bác tợn vì bác đã dám làm hại cô Mộng-Anh chứ còn gì . . .

Vị-Côi : Bác bảo tôi làm hại cô ta? Đời nào . . .

Vân-Phong : Đời nào! Hừ! bác bảo đời người con gái có chữ trinh là đáng quí, đáng trọng, đáng giá con người . . . nay bác phá-hoại đi, lại còn không phải làm hại một đời người ta là gì?

Vị-Côi : Thế bác vẫn không biết cái nỗi khổ-tâm (!) của tôi tí nào cả. Chủ-ý tôi có định như thế đâu!

Vân-Phong : Bác không chủ-ý thế à? Thế thì lỗi có lẽ tại nhà cô ta làm ra chăng?

Vị-Côi : . . . . . .

Vân-Phong (nghĩ ngợi) : Không, không thế nào tại nhà cô ta được. Không . . . Cô ta khóc . . . Ừ! không có thể được.

Vị-Côi : Vâng, thưa bác, lỗi ấy không phải là ở như cô *Mộng-Anh*.

Vân-Phong (cười nhạt) : Không phải

tại bác mà cũng không phải tại cô ta... Hừ, thế thì bác bảo lỗi lại còn ai làm kia chứ?

Vị-Côi : Đấy là cái việc tự-nhiên . . . chẳng tại ai làm cả!

Vân-Phong : Bác lại còn cứ chống-chế làm gì thế mãi?

Vị-Côi (nghĩ một lát) : Vàng . . . thế thì tôi yêu cô ấy đấy, bác bảo có việc gì? . . .

Vân-Phong : Bác nói thế thì tôi lại xin chịu bác, tôi không dám nói nữa . . .

(Hai người ngồi lặng im không nói gì một hồi lâu. **Vị-Côi** trông chăm-chỉ vào khói thuốc đương cuồn cuộn bay lên xà nhà.)

Vân-Phong : (nửa nói một mình, nửa nói với **Vị-Côi**) : Người ta ở đời đổi tâm-tính ra mau chóng thật! (nói to) Bác hồi ở tỉnh nhà, sao mà hiền lành thế? Bây giờ khác lắm . . .

Vị-Côi (cười) : Có khác gì đâu . . . . Khốn nạn! bác sao lại cứ đổ tội cho tôi thế? tôi xin thú thực với bác rằng từ tôi lên Hà-thành đến nay, chỉ mới biết cô *Mộng-Anh* là một.

Vân-Phong . . . Nói đùa chứ, bác làm cái việc bác vừa nói có khi không phải thực! à! bác đừng giận tôi nhé! chỗ anh em thân cả thì tôi mới dám nói . . . Bác làm thế, thế là dấn, dấn cái hạnh-phúc tương-lai của đời người ta xuống đống bùn nhơ rồi đấy.

Người ta hiền lành . . . . . tội nghiệp!

Người ta trẻ tuổi ngây thơ, mình sao lại nỡ đẩy xuống cái vực thẳm, hang sâu ấy.

Vị-Côi : Chúng tôi yêu nhau kia mà!

Vân-Phong : Vâng . . . yêu; yêu nhau! nhưng xin bác cứ nghĩ đi nghĩ lại cho . . .

Người năm bẩy đấng, của cũng năm bẩy loài.

Chúng mình chẳng ra gì thì cũng góp một phần tai mắt ở trong xã-hội, cũng có thể gọi tạm được là đứng vào bực thượng-lưu, tri thức... mà như bác một người đưa đường chỉ lối cho quốc-dân. Vậy thì yêu... ta phải yêu nhau vì nết, trọng nhau vì tài, chứ sao lại làm thế được???

Bác nghĩ quẩn quá!

Vả lại bác quên rằng bác đã nói với tôi rằng: *Mộng-Anh* ái cái tài của bác, chỉ cốt lấy cái tình cầm kỳ để mà giao thiệp với bác rồi ư? Bác có nhớ là cô ấy trước khi tiếp bác lần đầu có nói tam tứ thứ "*chắc ông không nỡ dối một người con gái hiền lành thành thực như tôi*" không?

Bác nhớ chứ?... Vậy thì sao bác yêu người ta, quý người ta, lại nỡ nhân cái cơ-hội người ta say, say vì chút rượu « RÔM », mà bác dụng tâm mùi mọc, bác hại người ta như thế?

Vị-Côi : (đỏ mặt lên, thẹn lắm, vớ quyển sách tây trên bàn, rở từng tờ, nhưng không xem).

Vân-Phong : Bác chắc cũng biết thế là có lỗi lắm đấy nhỉ.

Vâng có lỗi thật ạ? (Cười rồi đập vào vai *Vị-Côi*)...

Bác đừng cho tôi là ngồi đây để kết án bác nhé. (đổi nét mặt) Quái có nhẽ nào mà chẳng nhớ những bài than vãn về thế-đạo nhân-tâm, luân-thường phong-hóa bác đã đăng giao nọ?... Những câu truyện chúng ta thường nói với nhau, công-kích "*cái đời tư*" bác họ Hoàng, thằng *Hải*, chẳng gọi chú *Hàn* tôi bằng cậu, mấy lại anh *Đào-Vượng* chỉ được cái nghề chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rong?

Vị-côi (vẫn rở sách xem không nói gì) Kia bác giận tôi thật đấy à?

Vị-côi (ngẩng mặt lên) : Không, bác cứ nói làm gì thế!

Vân-phong : Tôi với bác, hai chúng ta quen biết nhau đã lâu thì chắc bác cũng biết tính tôi ra thế nào?

Tính tôi lộp-chộp, nhưng bao giờ cũng được cái là thành-thực với anh em, bạn-hữu. Tôi không ưa những thứ giả dối bề ngoài, những con mắt đảo điên, những lời khuyên đầu lưỡi nên bụng nghĩ thế nào, thì cứ nói phắt ra như thế ấy. . .

Vừa rồi, có chỗ nào không phải, bác

cũng vui lòng mà tha thứ cho tôi nhé!

(Một lát sau) Tôi bây giờ chỉ xin bác có một điều, bác ạ, bác có bằng lòng không?

Vị-côi : Bác cứ giậy cho... sao bác lại cứ hay làm khách-sáo thế?

Vân-Phong : Bác có cho phép thì tôi mới dám nói. Tôi chỉ xin bác rằng : nếu mà bác đã mắc phải một cái lỗi như thế thì đừng có để mắc vào một lần thứ hai.

(Có tiếng gọi cửa).

Kìa có ai gọi cửa, kìa!

Vị-Côi : Nhỏ ơi! (ở ngoài có tiếng dạ)

Vân-Phong (cầm lấy khăn để ở trên bàn, đứng rậy) : Thôi ngồi chơi đã lâu, tôi xin vô phép bác, tôi về nhé!

Vị-Côi : Ấy bác hãy ngồi chơi thong-thả đã.

Vân-Phong : Thôi bác cho tôi về, công việc dạo này bộn-bề lắm ... Khi nào rỗi, tôi lại xin xuống hầu bác... (bắt tay).

SEN II

MỘNG-ANH và VỊ-CÔI

Mộng-Anh : (Ăn mặc không có một tý gì là trang-sức, nhưng rịu-ràng, êm-ái, trông rất là đáng yêu) bước vào.

Mặt âu-sầu, buồn-bã, lạnh lẽo, mắt hơi hỏm vì đã tám ngày hôm nay kém ngủ,

Vị-Côi (trông thấy Mộng-Anh, nói nói cười cười) : À bà! kìa sao mấy hôm nay chẳng thấy bà lại chơi?... mời bà ngồi chơi xuống ghế (tay dơ ra làm hiệu).

Mộng-Anh : Vâng!...

(một lát sau) Thưa ông, trưa hôm nay tôi có cho người nhà cầm lại một bức thư thưa với ông rằng đến tối hôm nay tôi muốn lại để nói với ông một việc (quay nhìn ra đằng sau), chẳng biết ông có nhận được bức thư của tôi không?.

Vị-Côi : Vâng có! à! Thưa bà, chẳng biết bà muốn nói với tôi về truyện gì đấy ạ? Bà có thể cho biết ngay bây giờ được chăng?

Mộng-Anh : Thưa ông, tôi đến đây chỉ cốt có một việc ấy...

Vị-Côi : Việc ấy...

Mộng-Anh : Việc ấy chắc ông không lạ gì...

Vị-Côi .....

Mộng-Anh : Việc ấy chắc ông cũng có thể nhớ rõ như tôi vậy.

Vị-Côi : À!

Mộng-Anh : Việc ấy ông đã nhớ ra rồi! một việc quan-hệ nó có can-thiệp đến một đời người con gái mà ông để đến bây giờ mới nhớ ư?

Giời ơi! thế ra người ta ở đời không có chút gì là giá-trị cả! Người ta thế thì chả khác con mèo, con thỏ tý nào...

(Một lát sau) Thưa ông, tình nghĩa của ông với tôi, thôi đến đây là đoạn tuyệt!

Vị-Côi : Bà đừng nói thế; chết chửa! đoạn tuyệt! đoạn tuyệt! Đoạn tuyệt thế nào được! làm sao?

Mộng-Anh: Vâng là đã hết rồi, ông ạ! bây giờ, tôi chỉ xin ông giữ kín cho tôi cái việc đêm hôm rằm... (nàng cúi mặt xuống như nghẹn ngào)... xin ông đừng có để lộ cho người ngoài họ biết, tôi nhục lắm rồi. Tôi bây giờ không còn mặt mũi nào lại giám nhìn ông nữa...

Vị-côi : Chết! sao bà lại nói thế?

Mộng-Anh : Sao lại nói thế?

Vị-côi : vâng.

Mộng-Anh (nói rẽ rọt ra từng tiếng): Thưa ông, tôi chẳng còn mặt mũi nào mà lại giám nhìn ông nữa! tôi nhục lắm... lầm lỗi lắm... phạm một tội ác to lắm. Tôi tiếc rằng... thôi bây giờ tôi làm lầm tôi, hay ai làm lầm tôi, không cần nói làm gì... cho tan nát tấm lòng này nữa. Tôi chỉ xin ông giữ kín cho tôi việc ấy. Ông có vui lòng mà nhận lời tôi yêu cầu ông không?

Vị-côi : (cúi mặt xuống).....

Mộng-Anh : « giận » Thế, ông nghĩ thế nào? ông không bằng lòng giữ kín cho việc ấy?

Vị-côi : Thưa bà xin bà cứ yên tâm cho. Bà đừng ngại; cái việc ấy tôi biết lắm; tôi xin giữ kín... ấy là phận sự của tôi. Nhưng tôi thiết tưởng..... (nửa muốn nói, nửa lại không)

Mộng-Anh : Ông giậy nốt cho.

Vị-côi : Tôi thiết tưởng..... (toan hỏi lại thôi), chắc bà cũng đã hiểu ý của tôi rồi.

Mộng-Anh : Không, không. Thưa ông! ông cứ giậy nốt cho, tôi thật không có hiểu một tý gì về việc ông đã định.

Vị-côi : Thiết tưởng bà nên vui lòng mà nhận nhời tôi.

Mộng-Anh : nhời nào? nhời nào? thưa ông?

Vị-côi: nhời như tôi đã nói ở bức thư gửi đến hầu bà hôm qua.

Mộng-Anh: (móc túi tìm bức thư) Tôi tiếc không giữ được bức thư mà ông gửi cho tôi, à thế ra!... không không tôi không muốn thế, tôi chẳng thế, nào thế được. Tôi không thể nhận nhời ông được. Ông tính tôi bây giờ dơ-dáng, giại-hình thế này chưa đủ hay sao mà lại còn muốn mặt giấy mày dạn hơn thế nữa? (một hồi lâu) tôi đã phạm một tội ác rất lớn, rất là có ảnh hưởng xấu xa cho xã-hội, rất là nhục nhã cho thầy mẹ tôi là người đã vun trồng xới bón cho tôi có đến bây giờ ..... Một việc rất có hại cho phong-hóa rất nên đau lòng, tôi không còn giám mong nó lại xẩy ra lần nữa...

Vị-côi: tôi xin thề rằng.....

Mộng-Anh: (cướp lời) những nhời thề trước những câu đinh-ninh dặn dò nhau đến kẽ tóc chân lông, ông không giữ được ông còn coi như gió thổang, còn cho như là chuyện đùa đăng trên mạt báo trời-nam thì những nhời thề bây giờ tôi bao giờ lại còn giám tin.

Tôi không tin như thế này, thưa ông, tôi cũng biết thế là lỗi lắm ..... nhời của một nhà báo đăng ở Hà-thành .... Nhưng xin ông ... xin ông cũng rộng tình tha thứ cho một người con gái khốn nạn nhất đời, như tôi bây giờ vừa ở nhà thương ra mê-hoảng điên-cuồng thần-kinh rối-loạn, nói ra không thể không có chỗ giở-ương dốt-nát.

Vị-Côi, (Định lảng sang truyện khác): Thưa bà thế bà vừa ở trong nhà thương ra ?

(Còn nữa)

Vở Kịch này, nhẽ nên đăng hết cảnh thứ nhất; song vì kỳ này nhiều bài quá, vậy hãy đăng tái đến đây; kỳ sau sẽ đăng nhiều. Bản-Chí

LỊCH QUỐC-SỬ

Năm Tân-mùi (1931 — 1932)

Giá bán 0$20. Cước Rᵉ 0$16. Mua lẻ một cuốn có thể gửi bằng timbre poste cũng được, nhưng thêm tiền cước, thư và mandat xin đề :

Đông-tây ấn-quán
193, Hàng-Bông — Hà-nội

NAM-MAI

80, Phố hàng rượu **Nam - định — Tonkin** *Giây nói số : 53*

Bán xe đạp, xe nhà, các đồ phụ tùng về xe, các đồ sắt.

Một hiệu to nhất tỉnh Nam. Có hiệu nhánh ở Thái-Bình nữa.

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Các bạn đồng-nghiệp mới ở Bắc-Kỳ

Trước sau hồi An-nam tạp-chí ra ở Nam-Định đây, các bạn Đồng-nghiệp mới ở Hà-nội Bắc-kỳ, có những báo, chí như :

1. — **Phụ-nữ thời-đàm** (bắt đầu ra ngày 8 Décembre 1930) là một tờ báo ra hằng ngày của các bạn đàn bà con gái. Chủ-nhiệm : Mme *Nguyễn-văn-Da* ; Chủ-bút Mr *Ngô-thúc-Địch*. Báo-quán ở số nhà 11-13 phố Sông-Tô-Lịch Hà-nội. Giá báo : mỗi số 0$02 ; một năm 6$00.

2. — **Tam-kỳ tạp-chí** (số 1 ra ngày 1er Janvier 1931) là một cuốn báo ra hằng tuần vào ngày thứ năm, là cơ-quan của bạn thiếu-niên. Sáng-lập : Mr *Dương-tự-Quán* ; Chủ-nhiệm : Mr *Hoàng-hữu-Huy*. Báo-quán : 115 Rue Coton Hà-nội. Giá báo : mỗi số 0$10 ; một năm 5$00

3. — **Bắc-kỳ thời-báo** (sắp ra nay mai) là tờ báo ra hằng ngày, « một cơ-quan để nâng cao trí-thức. thu vén lợi-quyền cho Bản-xứ đồng-nhân» Chủ-nhiệm : *Dương-tự-Tám*. Báo-quán 28 Phố hàng-Cá Hà-nội. Giá báo : mỗi số 0$02 ; một năm 6$00. Giây nói, số . . . .

Bản-chí xin có lời trân-trọng giới-thiệu các bạn đồng-nghiệp trên đây với các bạn độc-giả trong nước. Lại mong rằng các bạn đồng-nghiệp ta đều nên cố gắng hết bổn-phận, **cùng giúp đỡ bản-chí trên con đường tiến-thủ của quốc-dân,** thời báo-giới sẽ là có giá-trị với quốc-dân, mà **Bản-chí được nhờ ơn của Đồng-nghiệp chư-quân chẳng ít.**

AN-NAM TẠP-CHÍ.

Hội-đồng chính-phủ

Ban thường-trực của Hội-đồng chính-phủ đã họp tại phủ Toàn-quyền, do quan Toàn-quyền Robin chủ-tọa, để xét các việc sau này :

Duyệt y bản nghị-định của quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 31 Octobre 1930, sửa lại nghị-định ngày 31 Octobre 1929 và 23 Octobre 1929 về việc những người bản-sứ được miễn thuế-thân.

Dự thảo nghị-định cho phép M. Trần-trung-Viên ở Bắc-kỳ đổi tờ nhật-báo *Tân-thanh báo* làm tuần báo « *Tân-thanh tạp-chí* ».

Dự thảo nghị-định cho phép M. Ng-Như ở Bắc-kỳ xuất-bản tập « *Niên-báo tùng-đàm* »

Dự thảo nghị-định cấm đem vào địa-hạt Đông-dương tập-báo « *Tiên-phong nguyệt-khán* » (Tsien-Pong Yuc-Kan) bằng chữ nho.

Dự thảo nghị-định cấm đem vào địa-hạt Đông-dương tập-báo « *Niên-đại thuộc-tân* » (Nienlai Chou-Sin) ».

T, B. T. V. 8 Janvier 1931

MỘT VIỆC LÔI-THÔI MỚI XẢY RA Ở NGHỆ-AN

Một ông quan huyện mất tích Mấy người bị quẳng xuống sông

Hôm 2 Janvier, ông Tôn-thất-Hoãn Tri-huyện Nghi-lộc (thuộc tỉnh Nghệ-an), đi đến làng Song-lộc để bắt mấy người chủ-động cộng-sản mà Lý-trưởng làng ấy đã báo với ông. Ông bị một bọn khá đông từ các làng chung-quanh kéo đến cầm gậy đánh.

Hôm ấy ông Huyện chỉ đem mấy người lính Lệ cùng đi với ông chứ không đem theo lính Khố xanh, bởi vậy không đủ sức đối phó với bọn kia.

Hình như ông Huyện và mấy người lính Lệ theo ông đã bị quẳng xuống sông rồi. Thế nhưng, đã tìm tòi ngay, mà vẫn chưa thấy thi-thể ông đâu; chỉ thấy thi-thể hai người lính Lệ và thi-thể người Trương-tuần làng ấy đến tiếp cứu ông mà thôi.

T. N. D. B 5 et 6 Janvier 1931

Thấy xác

Quan Khâm-sứ Trung-kỳ vừa điện ra rằng đã vớt được xác ông Huyện Nghi-lộc và ba người lính bị hại vừa rồi.

Vậy là tới nay đã tìm thấy 10 cái xác cả thảy.

Tang lễ quan Huyện Nghi-lộc

Vinh Janvier 9 — Vừa rồi đã làm lễ mai-táng cất ở nghĩa-địa Tập phúc-Hội tại Trường-thi.

Đến hồi 8 giờ thì quan Công-sứ và quan Tổng-đốc mới Nguyễn-khoa-Kỳ có đến. Một đội lính khố xanh bồng súng chào và nhiều lính đi giữ trật-tự trong đám.

Vợ con quan-huyện và thầy đội đều có đi đưa đám. Quan-tài chỉ tạm quàn vài hôm tại rồi sau sẽ chở về quê nhà các ông ấy ở Huế và ở Hà-tĩnh,

T. B. 2 Janvier 1931

180 người chính-trị phạm được tạm tha

Gần đây vì có các việc lôi-thôi nên số người bị bắt quá đông không đủ chỗ để giam vào nhà pha Vinh.

Quan Công-sứ Vinh đã thương-thuyết cùng quan Tổng-đốc để tạm tha 180 người chính-trị phạm liên-can vào các vụ biểu-tình vừa rồi nhưng không hệ-trọng mấy.

P. T.

TIN TRUNG-KỲ

Lấy thêm lính vào Nghệ-an

Vì ở Nghệ-an mới có vụ quan huyện, thầy lệ bị bắt cóc, nên có lấy thêm ở Thanh-hóa 20 tên lính khố xanh vào Vinh để giúp việc tuần-phòng.

T. N. D. B. 9 Janvier 1931

MỘT CÁI TANG CHUNG CỦA NƯỚC PHÁP

Quan Thống-Chế Joffre tạ-thế

Thống-Chế Joffre là người đã ngăn cản được quân Đức hồi chiến-tranh 1914-1918 tràn vào Paris thắng trận La Marne, cứu nước Pháp thoát khỏi cái cùm của Đức, đã tạ-thế hôm thứ bẩy bôn 3 Janvier lúc 8 giờ 23 phút. Năm nay Thống-Chế hưởng thọ 75 tuổi.

Chính-phủ Pháp làm lễ quốc-tang vào ngày 7 Janvier.

Tam-Kỳ 7 Janvier 1931

Thống-Chế Joffre với Đông-Dương

Ngài được cử quản công-binh ở Hanoi, Dinh trại binh lính đóng, nhà ở cùng buồng giấy các quan võ ở Hanoi, đều từ ngài khởi công làm cả. Các trại lính và các sở quan binh ở Đáp-cầu, phủ Lạng-thương, phủ Đoan, Tuyên-quang đều do ngài coi việc khởi công. Hào lũy thành Yên-báy do ngài trông coi làm cả. Chính nhà ngài ở tại phố cửa Bắc mà nay thành phố đổi tên là phố Maréchal Joffre vậy. Ngài ở ngay tòa nhà giáp Tòa án binh ngày nay.

Đầu năm 1887, ngài có đi theo tướng-quân Brissaud tuần tiễu các hạt. Đạo binh này chia làm ba đội. Đội-binh do ngài quản-đốc đóng tại Đò-Lèn (Thanh-hóa). Theo lệnh quan trên bổ vây đồn Ba-Đình đóng giữa cánh-đồng chung quanh toàn hào sâu, lạch hiểm. tình thế rất trọng yếu hiểm trở. Quân lính đánh phá nhiều lần mà không sao vỡ được, ngài bầy mưu lừa quân trong đồn tháo ra, áp đánh giết hơn 500 người, bọn tàn-quân chạy tan nát. Hôm 21 Janvier 1887 thì chiếm được đồn Ba-Đình.

Được lệnh đi khu trục bọn tàn binh, ngài đi lùng khắp các khu rừng ở Đò-Lèn, chẳng bao lâu miền này được bình tĩnh.

T. B. T. V. 5 et 6 Janvier 1931

TÌNH HÌNH NỘI-CÁC STEEG

Thái độ đảng Xã-hội

Paris 28 Décembre. — M. Pierre Denaudel có viết trong báo « La vie sociale » rằng:

« Nội-các này không phải là Nội-các của chúng tôi. Nội-các có nhiều điều nhu nhược này sẽ không có ảnh hưởng đến các việc hành động của Nội-các. Chúng tôi thật chưa hề có giao kết gì với Nội-các mới M. Steeg đã có nói rằng: « Tôi đi với kẻ nào hợp tác với tôi ». Và ông có hỏi đến việc chúng không phải là không can đảm. Chúng tôi lại không thể giả lời ông thế này được sao! « Chúng ta sẽ phản đối kẻ nào không hợp tác với ta »

Nhưng tôi cũng không lấy gì làm lo vì nếu Nội-các cần phải dựa vào đâu cho được vững bền thì đã có cuộc phản-động-lực giúp sức ».

Ph. T. 1 et 2 Janvier 1931

MỸ - CHÂU

Ở sứ Panama có chính-biến

Ở xứPanama vừa rồi có cuộc vận-động đánh đổ chính-phủ. Viên Thống-lĩnh bị tù. Hiện vẫn có trật-tự như thường. Cuộc chính-biến này xẩy ra vì kinh-tế bức-bách.

Ph. N. 7 Janvier 1931

Cách-mệnh thành-công

Tin do đường Balboa, 3 Janvier. — Trong nước Mỹ nay lại yên-ổn. Cuộc cách-mệnh đã thành-công. Quan Thống-lĩnh đã từ chức. Nhiều người trong đảng Cách-mệnh đã được bổ-nhiệm các chức trọng yếu trong Nội-các.

Th. Ng.

Các báo nước Nhật phản đối tòa Kiểm-duyệt

Nhiều tờ nhật-báo lớn và nhiều hãng thông-tin ở Đông-kinh và Osaka đã công bố lời phản kháng chung về việc tòa kiểm-duyệt thường ngăn trở đến tự-do ngôn-luận.

Đã nhiều lần chính - phủ đã áp-chế các báo một cách vụng-về, ví dụ như trong lúc xảy ra việc mưu - hại quan Thủ - tướng Hamauguchi. Các phái lao - động nhân dịp này tố giác những việc can-thiệp không đúng luật của sở cảnh-sát trong các cuộc biểu-tình.

Một vài tờ báo đã tố cáo ra rằng các sự lộng-quyền của cảnh-binh có khi là dựa vào thế-lực các viên-chức chính-phủ.

Quan Thượng-thư bộ Nội-vụ đã tiếp các đại-biểu báo-quán và tỏ ý rất tiếc về các việc vừa mới xảy ra. Ông có nói thêm rằng ông đã ra lệnh cho cảnh-sát-trưởng về việc này.

Correspondance A. R. I. P.
P. T.

LẠI MỘT LỐI LỊCH MỚI NỮA mỗi tuần lễ 5 ngày

Có điện tín báo tin rằng bắt đầu từ mồng 1 tháng giêng năm 1931 này, bên nước Nga đã thi-hành lịch mới. Gọi là lịch mới, nhưng kỳ thực vẫn theo Dương-lịch cũ, chỉ khác một điều là định mỗi tuần lễ có 5 ngày.

Việc sửa đổi này họ cổ động hô hào đã lâu, mấy năm trước mới thí-nghiệm trong các xưởng thợ nhà nước và một ít nhà tư có dùng lối lịch mới ấy đều thấy kết quả tốt cả, bởi vậy năm nay Chính-phủ mới hạ lệnh cho cả nước phải theo. Đó cũng có thể cho là cuộc cải-cách lớn về lịch-pháp.

Còn một điều nữa là họ cho toàn thể nghỉ ngày chủ - nhật, các người làm việc luân lưu nhau mà nghỉ một ngày trong tuần lễ, thế nghĩa là ai cũng cứ 5 ngày được nghỉ 1 ngày, ngày hôm nào cũng có người nghỉ, nhưng nhà máy thì làm việc quanh năm, chỉ có ngày kỷ niệm quốc - khánh là cả nước nghỉ việc thôi.

Th. Ng.

Một việc loạn ở Diến-điện

RANGOON, 30 DÉCEMBRE — Ở vùng chung quanh Tharawab (thung lũng sông Irraouaddy) quân khởi nghịch và quân của chính-phủ hai bên đánh nhau dữ-dội. Người đứng đầu quân khởi nghịch nghe đâu là thân-vương Shan.

RANGOON, 6 JANVIER. — Ở miền Yamethi có loạn, một xã bị đốt cháy. Bọn khởi nghịch đánh các đồn cảnh-sát ở Kimpat, bắn trúng một người lính canh. Lính cảnh-sát bắn vào quân khởi-nghịch chết 7 người, và nhiều người bị thương.

Hiện nay người Tàu và người Diến-điện bất bình nhau lắm. Chính-phủ và đôi bên đang cố sức điều đình cho thỏa-thuận. Tình thế nay đã yên lắm.

RANGOON 8 JANVIER - Người đứng đầu đảng khởi nghịch tuyên bố rằng, đảng khởi nghịch, vì tôn giáo, và vì quyền-lợi nhân-dân mà chống nhau với chánh-phủ. Người ấy lại nói các xã chung thành với cuánh-phủ sẽ bị hủy-hoại,

T, B. T. V,

Giặc cỏ ở Marec

Một tờ báo Tây ở Nam-kỳ có đăng tin rằng hôm 27 Décembre, 300 người ở một bộ - lạc về miền cương-giới xứ Maroc, kéo nhau đến đánh phá một bộ-lạc khác giết chết người tù-trưởng và cướp mất ba trăm con lạc-đà.

Được tin, chính-phủ Pháp lập tức phái một đội tàu bay đuổi theo bọn giặc, dùng súng cối say đón đầu bắn một lúc, thì toán kỵ binh ở Nemurs kéo tới. Hai bên xung đột trong một trận rất giữ dội, đánh nhau luôn 2 ngày. Đêm thứ nhì nhờ trời tối tăm, bọn giặc trốn thoát, bỏ lại 15 cái tử-thi và nhiều quân bị thương. Bên quân Pháp, bốn người chết và nhiều người bị thương

T. B .T. V.

Thủ-tướng nước Ý nói về nguyên-nhân sự kinh-tế khủng hoảng của thế-giới

Tin La-mã. — Thủ-tướng nước Ý-đại-lợi M. Mussolini mới rồi có diễn thuyết rằng trường kinh tế thế-giới ngày nay mà có cái cảnh-tượng khủng hoảng nguyên-nhân vì những việc sau này:

1·) — Nước Nga đưa hàng-hóa rất nhiều, bán hạ giá ở thị trường các nước:

2·) — Quan thế thu nặng và tra sét nghiêm nhặt.

3·) — Quân-phí các nước ngày một thêm nhiều.

4·) — Hiện tượng các việc chính trị nhiều điều rắc rối.

5·) — Các nước La-Mã và châu Mỹ thường nổi lên những cuộc cách-mệnh

6·) — Nước Tầu và nước Ấn-độ rối loạn.

7·) — Hiện kim ủng tích ở nước Mỹ nhiều quá.

P. T.

THÀNH-PHỐ TỈNH THANH-HÓA

Ngày 26, 27, 28 tháng chạp Annam

Tại chợ-Tỉnh

CUỘC ĐẠI-ĐẤU-XẢO

Các thứ Hoa, Cây-Cảnh, các thứ quả, các thứ rau, các thứ ngũ-cốc, các thứ bánh, và các thứ mứt.

có quan Công-Sứ DUPUY và quan Tổng-Đốc TÔN-THẤT-QUẢNG, chủ-tọa.

Có rất nhiều bằng cấp, giải thưởng bằng tiền và bằng các thứ đồ-vật (xin xem chương-trình thì biết)

Những đơn xin dự cuộc đấu-xảo phải gửi cho ông BERTHET. Chánh Hội-Trưởng hội-đồng trị-sự coi việc đấu-xảo, không mất tiền nong gì cả, đến ngày 7 Février 1931 thì hết hạn.

Ngày chủ-nhật 7 Février 1931

hồi 21 h 30 có cuộc chiếu-bóng

Con vật tầm thường có ích-lợi nhớn

NHỜ ĐỘNG VẬT TÌM THẤY MỎ

Nhờ cua tìm thấy mỏ dầu
Nhờ lợn tìm thấy mỏ bảo-thạch
Nhờ quạ tìm thấy mỏ vàng

Của báu thiên-niên, chôn sâu dưới đất, có nhiều người dụng công tìm kiếm suốt đời không được mà lại có người tự nhiên mà được chẳng khó nhọc gì cả; may mắn như thế cũng lấy lạ rồi, Song cũng chưa lạ bằng những kẻ nhờ sự môi-giới của các động vật mà tìm thấy mỏ.

Đất Hồng-Đô châu Mỹ vốn là một nơi thổ sản cua cạn. Giống cua đó khoét đất mà ở, chẳng khác hang thỏ tí nào. Một người chuyên môn về nghề « tìm mỏ » biết chắc chỗ ấy tất có mỏ dầu, nhưng *làm nhà ở đó đã lâu năm* nay vẫn chưa dò biết suối dầu ở chỗ nào cả; một hôm bỗng thấy có con cua cạn lạc nhà mình mà thấy có hơi dầu sặc sụa. Bèn thả con cua về lỗ mà đi theo sau; rồi đào thử lỗ cua lên thì ở dưới quả có mỏ dầu thật.

∴

Lại một người nông-phu ở đất Ai-Da-Ha nước Mỹ, trong khi cầy *ruộng chợt trông* thấy một con lợn rừng mõm chũi đất, vội chạy đến xem mới biết chỗ đó có mỏ bảo-thạch.

∴

Lại có một mỏ vàng ở đất Phi-Ba-Lập phía tây châu Úc cũng là *nhờ một con quạ* mà tìm thấy. Vì một thằng bé « chăn chiên » thấy con quạ đậu ở trên cây, bèn nhặt một hòn đá để ném quạ. Nhân thấy hòn đá đỏ chói như vàng lấy làm lạ đem về khoe với người nông-phu cùng ở với mình, người nông-phu biết là đá mỏ vàng, vội đánh điện báo tin cho quan địa-phương. Vì mừng quá mà quên lú đi, trong điện-tín chỉ nói một câu: «thằng bé nhặt đá ném quạ» chứ không nói hòn đá đó tức là vàng. Thành thế quan địa-phương chẳng hiểu ra sao, lại điện hỏi. Sau người đó đáp lại rõ-ràng quan mới cho kỹ-sư về xét quả thấy mỏ vàng thật.

T. N.

Máy điện lọc không khí

Một rạp hát lớn ở Luân-Đôn mới rồi có đặt một cái máy điện để lọc không khí cho trong sạch; máy ấy trông giống như hình tầu-bay Tư-bá-lâm, trong giờ nghỉ hát, máy ấy quay tít trên đầu khách xem, và phun ra một thứ hơi có dưỡng-khí và thuốc tiêu độc lẫn lộn, làm cho không khí trong rạp lại sạch sẽ và thanh-tân. T. N.

KÍNH CÁO — Bản-chí mới đem về Nam, sự bài vở đưa lên Hanoi chưa tìm được cách gửi đi lại cho nhanh chóng, và hoàn-cảnh nhất-thiết là buổi mới, xin Độc-giả lượng xét. **A. N. T. CH.**

Lẹ Gérant :
PHAM-DÌNH-KY

CÁC NHÀ ĐẠI-LÝ CỦA BẢN-CHÍ

BẮC-KỲ

Nam-Dinh:

Nam-Việt (*Harmand*)
Tân-Ninh (*Carreau*)
Hội-Ký —
Mỹ-Thắng: (*Protectoral*)
Lạc-Dân (*Henri-Rivière*)

Hanoi:

Tân-Dân (*Colon*)
Nhật-nam —
Đông-Tây —
Thụy-ký (*Chanvre*)
Thiện-Hưng —
Cát-Thành —
Tr.-ph.-Thảo —
Thư-Lâm (*Chapeaux*)
Nam-Hưng (*Stores*)
Nam-Ký (*Fr. Garnier*)
Kiosque Tân-Dân (*Place de Négrier*)
Bình-Dân (*Éventails*)
Thọ-Tường (*Route Huế*)
Phúc-Thịnh (*Paniers*)
Nam-Long (*Papier*)
Trần-Tiếp (*Ferblantiers*)
Xương-Ký —

Hai-Phong:

Học-Hải, (*Ngõ-Nghè*)
N.-ng.-Bích (*Strasbourg*)
Nam-Tân, (*A. Bonnal*)
Hương-Hát —

Hai-Dương:

Văn-Hải, (*Đông-Giang*)
Ph-q Huân, (*Gia-Lộc*)
Dương-Xuân, *Commerce*
Nam-Đ-Cát, (*Chinoise*)

Bắc-Kạn:

Trương-phúc-An,

Bắc-Giang:

Tân-ích (*Rue Tân-Ninh*)
Hà-đ-Viên, (*Nghĩa-Long*)

Bắc-Ninh:

Quỳnh-Hoa, (*Ninh-Xá*)

Hong-Gay:

Hạ-Long,
Đoàn-văn-Trường,

Hưng-Yên:

Lê-la-Sang, (*Nguyệt-Hồ*)

Việt-Trì:

Đức-thái-Thành,

Sơn-Tây:

Phú-lương (*Cửa-Hậu*)

Phủ-Lý:

Bùi-long-Chi,

Phú-Thọ

Nguyễn-Hữu,

Phủ-ninh-Giang:

Bảo-Hiên, (*Ninh-Lăng*)

Ninh-Bình:

Lê-phúc-Thành,

Thái-Bình:

Ích-Chi (*Ar-Rousseau*)

Vĩnh-Yên:

Ha-s-Da (*Vĩnh-Thành*)
Tr.-v-Bang (*Vĩnh-Thịnh*)

Thái-Nguyên:

Nguyễn-duy-Kinh,

Tuyên-Quang:

Tuyên-Quang thư-quán

Phúc-Yên:

Đồng-Lâm, (*Commerce.*)

Lao-Kay.

Ng.-v.-Long, (*Carovanes*)

Nho-Quan.

Vĩnh-Thái.

Yunnanfou.

Vũ-văn-Lễ, (*Instituteur.*)

TRUNG-KỲ

Vinh.

Tam-Kỳ thư-quán

Thanh-Hóa.

Chu-đình-Quán, (*rue Văn-Trường*)

Hà-Tĩnh.

Công-Hoa.

Huế.

Quan-Hải, (*Gia-long.*)

Tourane.

Ng.-hữu-Bốn, (*Musée.*)
Lê-thừa-An.

Nha-Trang.

Mộng-Lương

Dalat.

Đinh-văn-Châu.

NAM-KỲ

Saigon.

Tín-Đức, (*Sabourain.*)
Ph-h-Huyền —
Nguyễn-t-Kính (*Aviateur Garros.*)
Chân-Thụy (*Mac Mahon*)
Cổ-kim (*r. Albert.*)

Sadec.

Trần-văn-Thịnh.

Rạch-Giá.

Ng-ng-Thái (*r. d'Annam*)

Mỹ-Tho.

Nam-cường

Hà-Tiên.

Lý-văn-Đường.

Châu-Đốc.

Công-nghĩa-Thành.

Cao-Lãnh.

Nguyễn-quang-Toản.

Bến-Tre.

Hy-Vọng.

Bắc-Liêu.

Lê-ngọc-Thành.

Vĩnh-Long

Phung-An

Pnom-Penh.

Paul-Báu, (*rue Badens*)

Số 17 NĂM CANH-NGỌ 2e S. Février 1931

安南雜誌

DEPOT LEGAL INDOCHINE N° 14899

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-DINH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-DINH
1931

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp hết năm, Bản-Chí xin có lời cảm ơn các bạn Độc-giả và các Ngài có vặn lai-cảo.

Tiện đây xin kính chúc bình yên.

An-Nam Tạp-Chí

Các bài vở trong kỳ này:

Khó thay! những ai làm bố mẹ các bạn thanh-niên anh-tuấn trong xã-hội ta buổi nay.

Thơ

Sự giao-thông của thế-giới.

Hải-đảm *(Nơm và bẫy).*

Hán-học tinh-thần (*Tư-tưởng và ngôn-luận cứu thời của mấy vị đại-học-giả)*

Câu truyện người An-nam ở kinh-đô nước Pháp.

Trường thể-dục ở Nam-thành.

Xã-hội thiển-đảm (2 *bài vận-văn*)

Ba-đảo ký (*3 bài*)

Hạt máu rơi *(Bi-kịch, tiếp theo số 16)*

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên :

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 21 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 17 NĂM CANH-NGỌ 1er S. Février 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÂN
Phó Chủ-sự

KHÓ THAY!

NHỮNG AI LÀ BỐ MẸ CÁC NGƯỜI THANH-NIÊN ANH-TUẤN TRONG XÃ-HỘI TA BUỔI NAY

Trong kỳ Tạp-chí trước đây, số **16**, về mục **Hán-học-tinh-thần**, đối với các bạn thanh-niên anh-tuấn trong xã-hội ta ngày nay, tôi có dẫn mấy câu truyện của cổ-nhân, nói về luân-lý gia-đình và công-nghiệp của thân-thể, để các bạn thanh-niên ta có coi xét ở đó, mà tự định lấy cái đạo-lý lập thân, sao cho đầy đủ cái tư-cách làm một người nam-nhi ở Á-Đông, nghĩ thực là rất khó. **Làm con khó, làm bố mẹ không dễ.** Về phận-sự các người thanh-niên, nghĩ đã khó như thế; lại nghĩ về những ai là bố mẹ, cái đạo-lý nên như sao?

Cứ hiện-thế của quốc-dân ta phải cần cấp sự tiến-thủ, thời vật nhu-yếu của xã-hội không gì quí bằng nhân-tài. Nhân-tài là gì? Tức là các thanh-niên anh-tuấn theo đường học-vấn cho thành tài, để làm các công-việc của xã-hội trong cái thời-kỳ cần cấp tiến-thủ này vậy. Như thế,

các người thanh-niên đã là quí; thanh-niên mà anh-tuấn, càng quí. Thanh-niên anh-tuấn, **là tử-đệ của gia-đình**, mà **là nhân-vật của xã-hội**. Lấy về nhẽ gia-đình mà nói, những người làm bố mẹ, có công đẻ, có công nuôi, cho thành người, cho có học; cái thân-thế của người thanh-niên đó, quyền sở-hữu chẳng là của bố mẹ mà còn thuộc về ai? Đã là có quyền sở-hữu, thời có thể muốn sao như vậy, trừ phi bắt làm điều bất-nghĩa mà có hại đến công-chúng, trong xã-hội không ai được can-thiệp hảo. Vậy thời cái thân-thế người thanh-niên, phú quí công danh cho bố mẹ được nhờ, sao chẳng là nhẽ thường của thiên-hạ đông tây kim cổ. Nếu lại lấy về nghĩa xã-hội mà nói, thời những người làm bố mẹ đó, bản-thân đều có cái nghĩa-vụ đối với công-chúng; tự mình không có cái tài đức gì giúp được lợi-ích cho công-chúng, mà may sinh dưỡng được con em anh-tuấn để góp nhân-tài với xã-hội, thực là hạnh-phúc cho gia-đình. Như thế mà nếu chỉ trông mong về phú-quí công-danh của người con, tính làm cái vật *dưỡng-lão* của vợ chồng, cho được thỏa phong-lưu xung-sướng, vậy thời bao cái sự nuôi cho khôn nhớn, cho học-hành hiển đạt đó, có khác chi đồng tiền góp họ mà mong ngày rốc ống đó ru? Cho nên sự-lý vẫn là thường, mà tâm-lý xét ra, có thể bảo là rất kém vậy.

Lại nghĩ như tình-cảnh của xã-hội, đương lúc bình-thường, thời người nhà ai, của nhà ấy; trong lúc ưu nguy cảnh cấp, thời phần tư-gia đối với công-chúng, đều phải theo cái nghĩa-vụ chung. Cho nên đương lúc nước to đê yếu, mưa chút sông chảy, thời những làng ở duyên đê, không cứ tre pheo nhà ai, đều có thể tạm lấy cung làm vật để cứ đê giữ nước; đương lúc lửa cao nhà cháy, gió cuốn tản bay, thời những nơi ở làng giềng, không cứ ao chuôm nhà ai, đều có thể cung lấy nước để tưới nhà chữa cháy. Phần chung của xã-hội có yên, thời phần riêng của những ai cũng mới được yên vậy. Nước Nam ta đương những đời như Lý Nhân-tôn, Lê Thánh-tôn, thái-bình thịnh-trị, thời con nhà ai, người nhà ấy, ơn vua phúc tổ, bảng long hổ đề danh anh-tuấn, miếng đỉnh chung báo đức cù-lao, thực là cảnh thuận nhẽ thường của các bạn thanh-niên trong xã-hội. Song mà cứ như nay đương cái thời-kỳ tiến-thủ, hoàn-cảnh của quốc-dân là thế, nhân-tài cần cấp, chẳng trông ở các bạn thanh-niên đó mà là đâu. Vậy thời trong các bạn thanh-niên, ai là người anh-tuấn, đều phải hết sức cố công về sự học, tài học có thể được đến đâu, sự học phải theo cho đến đấy, để rồi nữa tùy tài góp sức trên con đường tiến-thủ của công-chúng, ấy tức là *dương danh hiển thân*. Cánh bằng muôn rặm, đường cái thanh-vân, cái hy-vọng ở tiền-đồ của các bạn thanh-niên ta như sao, tức là cái hy-vọng ở tiền-đồ của quốc-dân ta như ấy. Vậy mà cứ lấy cái mạnh-lệnh của gia-đình, cơ-mi quản-thúc, đặt mục-đích trên trường phú quí, vo ái-tình trong sự thần hôn, thời **gia-đình có tử-đệ**, mà **xã-hội không có nhân-tài** vậy, cái lỗi đó là ở ai?

Trong bài **Hán-học tinh-thần**, nói về *mấy câu truyện luân-lý gia-*

đình và *thân-thế người nam-tử*, tôi không dám khuyên rằng: các bạn thanh-niên ai đó, chỉ biết cần công-nghiệp với xã-hội, mà bỏ quên luân-lý ở gia-đình, vì nếu như thế chăng, thời cái tư-cách làm một người con giai ở Á-đông, rất là có khuyết-điểm không bé. Song mà nếu được mạnh của gia-đình khoan-phóng, thời những bạn thanh-niên anh-tuấn ấy sẽ được *hết tâm-lực về công-nghiệp*, mà *không mang tội lỗi với luân-thường*. Cho nên đối với những ai là bố mẹ các người thanh-niên anh-tuấn trong xã-hội ta trong buổi nay mà tôi rất lấy làm trông mong vậy. Khó thay !

Nguyên-khac-Hiêu

Dương danh hiển thân — 揚名顯親 Nghĩa là : nổi tiếng hay với đời, làm vinh hiển cho bố mẹ.

Cơ mỵ — 羈縻 Ràng buộc. Ràng con ngựa vào xe, buộc con trâu vào cái cọc.

Quản thúc — 管束 Coi giữ, bó buộc.

Khoan phóng — 寬放 Buông thả cho rộng-rãi.

CHÚC MỪNG AN-NAM TẠP-CHÍ VỀ NAM-ĐỊNH

Hà-thành nổi tiếng đã lâu nay,
Đưa xuống thành Nam mới tự đây
Hồn cũ Lạc Hồng văn-bút ấy,
Khí thiêng Côi Vị nước non này.
Bể khơi Âu Mỹ cơn mưa gió;
Con cháu Tiên Rồng hội nước mây.
Nước có cơ-quan, dân tiến-thủ;
Đường xa sóng cả, lái giả tay !

QUẤT-LÂM **Vũ-duy-Thiện**
(Nam-Định)

HỦ-NHO LO MÙA ĐÔNG

Lo đời chưa đã, lại lo đông.
Lo mãi ! cho mình hủ chẳng song !
Mặt nước khói tan, chim vía cá.
Đầu non sương phủ, dạn thân tùng.
Trăm năm tính cuộc còn man-mác ;
Bốn bể thương ai luống lạnh-lùng. !
Ngày ngắn đêm dài đêm lại sáng,
Đêm qua, ai có bạc đầu không ?

Nguyễn-khắc-Hiếu

君子中立而不倚。强哉矯。

Quân-tử trung lập nhi bất ỷ, cường tai kiều!

Đây là một câu trong sách Trung-dung, lời của đức Khổng giảng-thuyết cho ông Tử-Lộ hỏi về sự mạnh.

Nghĩa là :

Người quân-tử đứng thẳng ở dữa mà không nương tựa về phía nào, như thế mới là mạch một cách rắn-rỏi !

An-nam Tạp-chí

SỰ GIAO-THÔNG CỦA THẾ-GIỚI

Các dân-tộc trên hoàn-cầu, không những nhờ sự giao-thông đi lại, làm cho kinh-tế ngày một mở-mang, Mà cốt lại nhờ có giao-thông mới tiếp-sức được các điều hay, điều tốt của người, để mà học khôn học khéo; xem xét các chính-trị giáo-dục, thâu-thái các phong-hóa văn-minh của xứ khác để điều-hòa lấy trong xứ của mình, sự giao-thông thực có ích cho văn-minh giầu-mạnh. Không biết chừng nào! Ai có chí về đường tiến-thủ cần phải lưu-tâm nghiên-cứu cho được rõ ràng, các nhà địa-dư học đã thừa biết cả, nói ra cũng sợ rờm nhời, nhưng trong 25 vạn đồng-bào cũng còn một phần nhiều chưa rõ được các đường-lối đó, nên xin lược-thuật ra đây để gọi là cũng có ích cho con đường giao-thông muôn một.

Về thời-đại ngày xưa, tri sảo của loài-người chưa mở-mang mấy, sự đi lại về đường-bộ chỉ dùng xe, ngựa; về đường-thủy chỉ dùng thuyền buồm, nhưng khi đi bộ gặp vào quãng đường núi gập-ghềnh, đi thủy gặp phải khi sóng gió hiểm-trở; lỡ ra nguy đến tính-mạnh người, nên sự giao-thông bấy giờ hãy còn chật-hẹp, mà sự tiến-hóa có phần chậm-trễ, cũng bởi đấy mà ra.

Từ khi văn-minh tiến-bộ, suy tìm thay đổi cho cách giao-thông ngày được tiện-lợi hơn lên, dùng hơi-nước để chuyển máy xe tàu, dùng khí-điện để thông đưa tin tức, làm cho các đường giao-thông trên thế-giới; ngày thêm mở rộng mãi ra, không biết đâu là tận cùng, không có nơi nào là không thấu; cái cơ-quan cốt-yếu có mấy thứ như sau này:

1°) **Đường-sắt**, Khởi đầu ra từ người nước **Anh**, năm 1830, ông **Stephenson** mới dựng con đường sắt ở quãng xứ **Manchester** đến cửa bể **Liverpool** rồi sau các nước theo đó làm ra, lấy làm một cách giao-thông cần yếu nhất, đến bây giờ kể cả các đường-sắt trên hoàn-cầu có đến 640.000 dặm nước **Anh**. Có thể vòng quanh quả địa-cầu 20 vòng còn có thừa, thế mà các nơi còn đang kiến trúc đường sắt nhiều ra mãi; sau này đường sắt có thể đi liền khắp trên thế-giới.

2°) **Tàu thủy**, khởi đầu đóng ra trước từ ông **Robert Fulton** người nước Hoa-kỳ, các nước sau đua nhau phỏng kiểu mẫu đó, mà chế tạo ra càng tinh sảo thêm; ở những đại-dương **Thái-bình Ấn-độ, Đại-tây** đều có tàu chạy khắp cả, nhưng chưa có đường tắt nên thường phải chạy vòng châu **Phi**, châu **Mỹ**, rất là xa xôi, từ khi đào được hai cái kênh **Suez** và **Panama** thì ba đại-dương mới có đường đi liền thông với nhau, không phải đi vòng như trước nữa, đường tàu bể từ đó rất thịnh. Các cửa bể buôn bán phồn-thịnh khắp hoàn-cầu không chỗ nào là không có tàu bể đỗ vào, khắp cả hoàn-cầu có rất nhiều cửa bể buôn bán, nhưng to nhất thì có mười cửa bể là: Thành-phố **Nữu-ước** (**New-York**) ở *Hoa-kỳ*, **Marseille**, le **Havre** ở nước *Pháp*, **Londre**, **Liverpoole** ở nước *Anh*, **Hamburg**, **Bremen** ở nước *Đức*, **Antwerp** (anvers) ở nước *Bỉ-ly-thì*, **Calcutta** ở *Ấn-độ*, **Buenos Aries** ở nước *Argentine* (châu Mỹ); đó là kể những cửa bể to lớn nhất, chớ còn các cửa bể khác, tàu bể cũng có đáp bến nhiều nơi.

3°) **Đường điện-báo**, mới sáng-lập ra là ông **Cao-thi** người nước **Đức**. Ông **Marse** người nước **Hoa-kỳ** (saumuel) lại nghiên-cứu thêm ra, năm 1843 thí-nghiệm ở Kinh-thành **Washington**, từ đấy mới lưu-truyền ra, bây giờ trên mặt địa-cầu kín khắp cả như màng rện giăng, cả ở ngoài bể cũng có giây thép chăng kín cả. Các tin tức khắp hoàn-cầu có thể trong quãng mấy phút đồng-hồ truyền khắp các nơi, rất là lanh-chóng tiện-lợi.

4°) **Nhà trạm**, Đời xưa các vua nước **Ba-tư** và nước **La-mã** đã thi-hành, nhưng rồi đến quãng đời giữa lại bỏ, khi vua **Louis** XIV nước Pháp lại thi-

hành việc nhà trạm đó, rồi các nước cũng bắt chước làm dần, đến năm 1839 nước **Anh** mới định rõ các chế-độ *bưu-chính*, trong nước từ đó gửi thơ-tín không có điều gì ngăn-trở nữa. Đến năm 1863 mới mở hội **vạn-quốc-bưu-điện** ở **Paris** thi-hành bưu-chính đi ngoại quốc, năm 1874 lại khai-hội ở thành **Berne** (là một nơi kinh-đô hội vạn-quốc) khi ấy 22 nước họp ở đó để đính-kết đồng-minh, đến sau **Nhật-bản** và **Trung-hoa** mới rự thêm vào, bây giờ thống kể các nước đồng-minh hơn 80 nước (kể cả đất thực-dân) từ khi bưu-chính vạn-quốc thành-lập rồi. Thêm thơ tín, báo, chi hàng, kiện, tiền cước gửi không tốn là mấy, mà đi khắp được cả hoàn-cầu không còn ngăn-trở chi cả thực là tiện lợi vô cùng.

Vả lại gần đây văn-minh cạng tiến, kỹ sảo ngày thêm, ngoài các cơ-quan đã kể ở trên, lại có **Tàu-bay** để vận-tải ở trên quãng không, **Tàu ngầm** để chở ngầm dưới đáy nước, **điện-thoại** để truyền nhời, **điện-thoại** để viết chữ, **vô-tuyến-điện** để theo luồng không-khí mà chuyền các tin đi khắp mọi nơi, nghiên-cứu càng tinh, giao-thông càng tiện, cái thế-lực kinh-tế của các nước giầu mạnh càng tiến rữ mãi lên, nước ta ở ngay vào quãng gần bể **Thái-bình-dương**, vật-sản rất là phong-phú, các nước vẫn chú-ý đến sự giao-thông đi lại với nước ta, nếu quốc-dân ta không biết phóng tầm con mắt ra mà xem xét cái lối giao-thông của thế-giới, để ra tay chấn-chỉnh lấy nền kinh-tế của người mình, cứ khư-khư quanh-quẩn trong chốn quê cha đất tổ, thì biết bao giờ cho khôn khéo kịp người. Quốc-dân ta hãy nên rấn bước.

Văn-Lang

HÀI ĐÀM

Nơm và Bẫy

Con giai đi dạm vợ, người ta thường ví như « **úp nơm.** *» Nghĩa là nhà có con giai, tùy ý thích đám nào thời cứ đến mà dạm; gả, chẳng gả thời về, không có chi là đáng xấu-hổ. Sự-thể có giống như « vác nơm đi úp cá, » bạ đâu úp đấy, may thời được mà thôi.*

Con gái đợi gả chồng, có người cũng ví như « **dương bẫy.** *» Nghĩa là nhà có con gái, không chủ ý bắt ai phải lấy; ai có đến mà dạm, cũng là tự ở người ấy mà thôi. Vậy sự-thể có giống như « dương bẫy để đánh chim», cái bẫy dương đó, anh chim nào dẫm phải thì dẫm, ấy thế là tơ hồng vấn-vương.*

Như câu ví-dụ trên, không xấu gì cho con giai; như câu ví-dụ dưới, hoặc có xấu cho con gái. Vì làm sao? mà là bẫy!

Hiện nay quốc-dân đương thời-kỳ tiến-thủ, những người thanh-niên nam-tử có quan-hệ với tiền-đồ biết bao! Nếu các bạn anh-tuấn mà phần nhiều dẫm phải bẫy dương, thời tiền-đồ của quốc-dân rất nguy hiểm!

Cái thuyết «bất-hôn» của thế-giới chưa phải là đến lúc thịnh-hành, thời giai lấy vợ, gái lấy chồng, là lệ định nhẽ thường trong xã-hội. Con giai úp nơm, sự-thể còn cứ phải úp mãi; con gái dương bẫy, chẳng là cái họa-cơ (1) có thể chữa được ru? Nhà ai có con gái, nghĩ sao khỏi cái tiếng «dương bẫy»; ai con gái, nghĩ sao khỏi cái tiếng là «bẫy,» thực rất là hạnh-phúc cho đồng-bào!

Ai nghĩ sao!

TẢN-ĐÀ

(1). Họa-Cơ 禍機 — Cái máy làm nên tai-vạ

SÀI-THÀNH NHẬT-BÁO

Bản-chí có tiếp tờ **Sài-thành Nhật-báo** là thứ báo mới ra và có giá-trị ở Nam-Trung, Tổng-lý là Mr **Trương-duy-Toản**, Tòa-soạn ở số 23 *Filippini Saigon*, mỗi số 0$06, đồng niên 14$00. Vậy xin giới-thiệu qui đồng-nghiệp với các bạn *Độc-giả* ở Bắc.

An-nam Tạp-chí

HÁN-HỌC TINH-THẦN

TƯ-TƯỞNG VÀ NGÔN-LUẬN CỨU THỜI

CỦA MẤY VỊ ĐẠI HỌC-GIẢ

TRANG-CHU, — HỨA-HÀNH, — LƯƠNG-KHẢI-SIÊU.

Xưa nay những bực Đại học giả, thường mang cái tư-tưởng cứu thời, phát ra ngôn-luận. Những tư-tưởng và ngôn-luận ấy có khi là quá đáng. Tự người phát tưởng lập luận, không phải không biết là quá đáng, song vì kíp muốn cứu thời, cho nên phải quá đáng như thế; người khác hoặc không xét thấu đến nguyên-ý, cứ ý riêng mình mà tán-dương, mà bài-bác, mà ngờ-vực, đều chỉ là tự mua lấy cái nhầm to, tức như bị người phát-tưởng lập luận kia không định lừa gạt mình mà thành ra lừa gạt được mình ngay ở trước mắt. Những tư-tưởng cao thâm, ngôn-luận vĩ đại, có thể lấy quan-sán trung thường mà phán đoán được ru? Xin thử xét về những tư-tưởng và ngôn-luận cứu thời của mấy vị Đại học-giả:

Trang-Chu — 莊周 — Ông Trang-Chu, đời Chiến-quốc, người ở đất Mông-trạch (nay là mạn đông-bắc huyện Thương-khâu tỉnh Hà-nam). Sự học rất là mông-mênh, mà cốt-yếu có thể bảo là về phái ông Lão-tử, cho nên người ta thường nói là «*Lão, Trang.*» Ông Trang-Chu từng làm kẻ lại (1) ở Tất-Viên (thuộc Mông-trạch). Vua Uy-vương nước Sở nghe tiếng ông là người hiền, cho vời ra để dùng làm Tướng-quốc, mà ông không nhận lời. Ông làm ra sách, kể có tới hơn mười vạn nhời nói, đại-khái đều là lời ngụ-ngôn. Người sau gọi sách ấy là kinh Nam-hoa. Những người bình luận và giải thích về nghĩa kinh Nam-hoa của ông Trang, từ đời Hán giở xuống, có tới mấy chục các vị danh-nho, mà có lẽ chưa ai đã hiểu phá bổn-ý của ông vậy. Những người chê ông Trang, cho là «*dị-đoan,*» là «*hoang-đường,*» thời không biết cái hay của ông, đành đã không kể; những người tôn ông Trang, lại co về môn-phái của đức Khổng, bảo là «*đại-tôn,*» bảo là «*biệt-truyền*», càng là không biết cái tinh-thần của ông. Ôi, như ông Trang-Chu, đến vua Nghiêu, vua Thuấn đời trước, mà ông còn cho là không đủ qui, thời sao có chịu phục đức Khổng mà theo làm môn-phái đó ru? Chẳng qua lời bình-luận đó là do ở người bênh vực ông Trang, muốn vì ông tựa vào thế đức Khổng cho được vững, song mà càng là không biết đến cái tinh-thần của ông. Nay lược dẫn ít lời ở trong kinh Nam-hoa:

«Kiên-Ngô hỏi ông Liên-Thúc rằng:

— Tôi có nghe câu nói của Tiếp-Rư (tên một người đạo-học ẩn-dật). viển-vông không ra sao; tôi rất lấy làm kinh-hãi, như đầu nguồn cuối bể, không có bờ bến nào.

Liên-Thúc: — Câu nói sao?

— Ở núi Diêu-cô-Dịch (núi ở trong dữa bể Bắc-hải), có một vị *thần-nhân* (người thần), hút gió ăn sương, cưỡi khí mây và rồng bay, mà đi chơi ở ngoài bốn bể; vậy mà khiến cho muôn vật được yên lành, mùa màng lúa má tốt. Vì thế nên tôi cho lời nói ấy là ngông láo mà không tin.

— Phải! có thế. Cái người ấy, những cái bụi, cái bặm, cái cám, cái bã (của người ta) còn có thể đúc nên làm ông Nghiêu, ông Thuấn, mà ai chịu cặm-cụi vì đời».

Đó là lời trong một đoạn sách về thiên *Tiêu-diêu-Du* trong kinh Nam-hoa lược dịch ra, để chư vị Độc-giả ta biết qua

cái thái-độ trong tập sách của ông Trang là thế. Còn như những ý nghĩa thô-thiển thời cái ngôi Tướng-quốc nước Sở, coi như con «*rùa khô*»; cái ngôi Tướng-quốc nước Lương, coi như con «*chuột nát*» (có phụ dẫn ở dưới). Tóm lại một bộ sách Trang-tử tức là kinh Nam-hoa đó, tinh-thần của Tác-giả chỉ có chơi với Tạo-hóa mà thôi. Tuy vậy, đã là một vị Đại học-giả, khỏi sao có cái bụng lo cho đời! khỏi sao cái bụng muốn cứu thời! Cái bụng lo đời và cứu thời của ông Trang như sao? là ông thấy nhân-tâm đời Chiến-quốc khi bấy giờ, ai nấy cấp cấp công danh lợi lộc, cho nên ông mới thảo ra một cuốn sách, tức như đơn thuốc *đại-hàn-lương*, để cấp cứu chữa cái bệnh đại-nhiệt cho người đời: Nghiêu, Thuấn còn chửa ra chi, thời bao nhiêu sự-nghiệp ở trên đời còn có cái chi là đáng qui; huống lại thấp nữa như công danh lợi lộc nữa ru? Cứ cái tính-chất của bộ sách Trang-tử, tức là một *thứ đạm-khí rất thanh đạm ở trong đạm-khí của thiên-lương* (Xem bài Thiên-lương ở An-nam tạp-chí số 1-2-7). Nên rằng từ Hán đến nay, ít ai hiểu thấu vậy.

2°) **Hứa-Hành** — 許行 - Cùng đời Chiến-quốc, có người theo cái thuyết Thần-nông, tên là *Hứa-Hành*. Ông Hứa-Hành, người nước Sở, từ Sở đi sang nước Đằng, đến cổng mà bảo vua Đằng là Văn-công rằng: « Người ở phương xa, nghe nhà vua làm những điều nhân-chính, muốn xin nhận một khu đất, ở làm kẻ dân hèn.» Vua Văn-công cho ở. Bọn Hứa-Hành vài mươi người, đều mặc áo vải lông, đan dép dệt chiếu để làm cách sinh-nhai.

Bên nước Sở lại có ông Trần-Lương là một vị nho-giả. Học-trò ông Trần-Lương là Trần-Tương, cùng với em là Tân, đem cầy bừa mà từ nước Tống cũng đi sang Đằng, nói với Văn-công rằng: « nghe Vua làm chính-sự đấng thánh-nhân, Tôi muốn xin làm kẻ dân hèn của Thánh-nhân. »

Trần-Tương đến thăm Hứa-Hành mà rất lấy làm thích, bỏ hết sự học cũ của mình mà theo học ông Hứa-Hành. Trần-Tương lại đến thăm ông Mạnh-tử và thuật lời nói của Hứa-Hành rằng:

« *Vua nước Đằng thời thật là ông vua hiền! Dẫu vậy, chưa có được nghe cái đạo hay. Người hiền thời phải cùng với dân cùng cầy mà ăn, nấu lấy cơm sớm cơm chiều mà vừa làm việc chính-trị. Nay vua Đằng có kho chứa thóc lúa, có kho chứa tiền của, thế thời chỉ ăn hại vào dân để tự nuôi lấy mình. Sao được là hiền?!* »

Ông Mạnh-tử nghe lời nói ấy, rất là phản-đối, hỏi vặn lại Trần-Tương nhiều câu, rồi giảng-thuyết về nhẽ như các thánh-đế minh-vương đời trước còn lo về công-việc trị thiên-hạ, sao được có thì-giờ mà đi cầy.

Ôi, như một nhà Đại học-giả như Hứa-Hành, há lại không biết rằng người làm vua trị thiên-hạ không thể nào có thì-giờ cùng đi cầy với dân? Song nếu những người làm vua đều như các thánh-đế minh-vương đời xưa, thời Hứa-Hành cần chi có những tư-tưởng ngôn-luận ấy; duy chỉ bởi các vua chư-hầu đời Chiến-quốc lúc ấy, thật đều chỉ là ăn hại vào dân để nuôi lấy sướng mình, cho nên những nhà học-giả nặng bụng lo đời, do cái tư-tưởng cực-điểm, phát làm cái ngôn-luận cực-đoan, tức là chế ra một bài thuốc đại táo-nhiệt, để chữa bệnh đại chầm-hàn, hiểu cho ai nấy là vua quan đừng có chỉ ngồi ăn không mà không biết thương dân vậy. Ông Mạnh-tử viện dẫn nhiều lý-cố để phản-đối cái thuyết ấy, tự cho là giảng-thuyết được vỡ, mà không biết chính mình đã bị Hứa-Hành không định lừa mà lừa, không định khí mà khí; thời khỏi sao bị kẻ phát ngôn lập luận đó cười thầm ru?

Những đơn thuốc của cổ-nhân còn đó, người sau nên tùy bệnh mà dùng. Ai có bệnh «*không tiêu hóa*» thời nên dùng phương thuốc ông Hứa-Hành; ai có bệnh «*cóng, gù*» thời nên

dùng phương thuốc ông Tăng-tử. Đó đều là những phương thuốc của thần-tiên giáng thế, để cứu tử hồi sinh cho chúng sinh; nếu không tế-nhận mà chỉ nghe người biện bác, tán dương hoài, thực là chí dại, chí ngu mà không có ích cho tính-mạng vậy.

PHỤ-DẪN

(Hai đoạn văn trong sách Trang-tử)

Trang-Tử câu ở bên sông Bộc. Vua nước Sở sai hai quan Đại-phu đi đến trước có lời rằng:

— Xin đem bờ cõi lụy Tiên-sinh.

Trang-Tử cầm cái cần câu, không nhìn lại, nói rằng:

— Ta nghe nước Sở có con rùa thần, chết đã ba nghìn năm; vua gói khăn bỏ vào hòm mà để ở trên chỗ nhà tôn-miếu. Con rùa ấy, thà rằng chết để xương như thế mà sang, hơn? hay thà rằng cứ sống mà ngoạy đuôi ở trong chỗ bùn lầy, hơn?

Hai quan Đại-phu nói:

— Thà sống mà ngoạy đuôi trong chỗ bùn.

Trang-tử nói:

— Vậy thời các ông đi thôi! Ta đương muốn ngoạy đuôi ở trong bùn ».

∴

Huệ-tử làm Tướng-quốc nước Lương, Trang-tử đi đến thăm. Có người bảo Huệ-tử rằng:

« Trang-tử đến, muốn thay ông làm tướng. »

Huệ-tử sợ, tìm khắp trong nước, ba ngày ba đêm.

Trang-tử đến thăm Huệ-tử, nói truyện rằng:

— Ở phương nam có thứ chim, tên nó là con chim *Uyên-sô* (loài chim phụng). Bác có biết không? Này, con chim uyên-sô, ở bể Nam bay đi, mà bay sang bể Bắc, không phải là cây ngô-đồng thời không đậu, không phải là quả trúc thời không ăn, không phải nước suối ngọt thời không uống. Lúc ấy, có con cú-vọ bắt được con chuột chết đã nát, thấy uyên-sô bay qua, ngẩng mắt lên mà nhìn, kêu rằng:

«*Quoằu!*»

Nay Bác muốn lấy cái nước Lương của Bác, mà quoằu ta hay sao?! »

Nguyễn-khac-Hiêu

Lại — 吏: Người làm việc quan, chức nhỏ

Dị-đoan — 異端: Đạo-lý theo riêng con đường khác.

Hoang-đường — 荒唐: Viển-vông hão-huyền

Đại-tôn — 大宗: Giòng chính, chi họ cả.

Biệt-truyền — 別傳: Sự truyền riêng, môn-đồ chia ra phái cạnh.

BẮC-KỲ THỜI-BÁO

Báo-quán ra hàng ngày tại **số 28 Phố hàng Cá Hanoi**

CHỦ-NHIỆM **Dương-tự-Tám** QUẢN-LÝ **Nguyễn-Thống**

Giá báo: Một năm 6$00 — Nửa năm 3$50 — Ba tháng 1$80

Mỗi số 2 xu — Nước ngoài giá khác

Đã có số đặc-biệt **Xuân-Chương** có văn của gần khắp mặt danh-sĩ trong nước. Tập giấy 20 trang, khổ rộng giá đặc-biệt 7 xu. bán tại các hàng sách.

CÂU TRUYỆN NGƯỜI AN-NAM Ở KINH-DÔ NƯỚC PHÁP

(LƯU HỌC-SINH)

Bơ vơ đất khách, gặp bạn tri-âm, ấy là tự khi tôi mới **sang du học bên nước pháp**. — Cách nay đã về ở Nam-Định đây, hơn ba năm. — Thoạt đầu trọ ở thôn Sô (**Sceaux**), nhà ông **Vissant** là người vốn sẵn lòng trọng khách, lại được bà chủ vui tính, cô em dễ thương. Chỗ đó tuy mang tiếng là ngoại ô; ra học **Paris**, mỗi khi đi tầu có phần xa cách, tầu hỏa mất 20 phút, tầu điện mất nửa tiếng đồng hồ, thực có chỗ không tiện. Song cứ cái tình khách chủ đã là quyến luyến, mà cái phong-cảnh chỗ ở, lại cũng đáng yêu: Nào đào trước gió, nào tuyết đầu non; phòng văn tủ đứng gương lồng, buồng ở tường quanh hoa vẽ, tủ sách bàn giấy xem ra trang trọng khác vời. Tiền thuê lại chẳng là bao, chỉ hai trăm quan (200f00) một tháng, kể ở **Paris** phòng như thế, giá thuê cũng phải *Tám trăm quan* (800f00).

Bỗng đâu ông **Nghiêu-Đông** là bạn chí-thân ở Paris xập tới, rủ ra Paris cùng ở cho vui. Tôi nghĩ nếu bỏ chỗ nhà ông chủ ở **thôn Sô** mà đi, thời người ấy cảnh này, khỏi sao mến tiếc. Song lại nghĩ: ông bạn Nghiêu-Đông của tôi tính tình cao-thượng, ở chốn phồn hoa, không mê tửu sắc, *chẳng cần đua chen thi đỗ*, chỉ lấy sách vở làm vui; tháng ngày cặm cụi trong rừng *Van-Rát* (**Valras**) (1) *Van-Đua* (**Valdour**) (2) bể học *Công-tờ* (**Comte**) (3) *Cát-Mác* (**Karl marx**) (4). Nếu tôi được cùng chung đèn sách, thời tài tuy hèn, đức tuy kém, có phần thêm bổ ích cho tôi.

Vả lại tôi không ưa con đường hỏa-xa chạy từ **Luxembourg** là ga ở gần trường học, cạnh vườn Luxembourg đến **Sô**, toa tầu ngồi đến hạng-nhì, thế mà mùa nực, hễ lần nào tầu chui qua *tuy-nên* (hầm) **Luxembourg-Rochereau**, dài ước độ hơn hai cột-lô-mét thì y như chết giở lần ấy. Nào nắng tháng năm nung, nào lửa máy tầu đốt, lại thêm cái đệm bông giầy tám tấc, đứng không song, ngồi không yên; thế nào đã hết đâu, khói tầu lùa vào hai bên cửa kính, hun hành-khách hơn bên ta hun chuột.

Nghĩ đi nghĩ lại, mãi đến đêm ngày mồng hai, tôi hãy còn phân-vân; ở thì vui, đi thì tiếc, song đi ra thì có mấy điều lại ích lợi hơn mà tránh khỏi cái tệ trên tầu chịu khói. Ông Nghiêu-Đông dủ thiết, chứ chả dủ thiết, thì tôi cũng sẵn lòng muốn ra ở **Paris**.

Sáng ngày hôm sau liền xăm xăm đến bếp, thưa truyện cùng bà-chủ, hễ tìm được phòng thì thế nào đến ngày mồng bốn cũng thu giọn ra **Paris**; viện cái lẽ ở đây xa đi nghe diễn-thuyết, vào học nhà sách, đi đêm về hôm không tiện, lại xin giả thêm nửa tháng tiền phòng nữa. Lệ bên này hễ ai muốn giọn nhà đi nơi khác, phải báo tin ít ra cũng nửa tháng trước. Bà-chủ thấy tôi ăn ở hẳn-hoi, tết nào cũng tết nhà chủ, khi hộp kẹo, khi chai chè; tôi lại ít giao thiệp, khách đến một tháng đôi lần, có gọi pha trà bưng nước, đều chi tiền tươm-tất; rửa mặt gội đầu dùng nước rất sẻn, đêm hôm đọc sách ngâm thơ thì chỉ nội trước mười giờ còn văng vẳng nghe tiếng ngâm mà thôi, vì vậy bà ta không chịu nhận tiền phòng nửa tháng kia, tôi nói thế nào bà ta cũng không đổi được lòng, lại còn tỏ ý thương tiếc, tiếc vì nỗi sau này người thuê phòng có được như thế hay không!

Buổi chiều hôm mồng ba, tôi không có lớp học, nên cùng ông bạn Nghiêu-Đông chia nhau hai ngả, tôi thì xóm *Vĩ-nhân-từ* (**Panthéon**) ông Nghiêu-Đông thì xóm *Thương-nghi-viên* (**Sénat**) đi tìm phòng thuê, ở phố nào cũng được, quý hồ ở khu *La-tinh* (**Quartier latin**) mà thôi; ở **Ba-lê** mà không nếm mùi khu *La-tinh* thì không chắc đã thấu cái đời học-sinh đại-học thế nào, cho nên tôi

thích ở khu đất này là thế. Đi hết khách-sạn **Panthéon**, sang khách sạn **Des Grands Hommes**, cái phòng rẻ thì hẹp mà lại có mùi hôi, cái rộng rãi sạch sẽ thì lại đắt. Thôi thì xin kiếu **Panthéon** cùng là **Grands Hommes**, lại đi đến khách-sạn **L'Hommond**, nơi này thì phần nhiều học-sinh *Ai-Cập* (**Egypte**), *I-Rắc* (**Irak**), cùng là **Thổ-nhĩ-kỳ** (**Turquie**) ở, tôi vừa vào một cái đã ngửi thấy mùi thơm sặc mũi, dức cả đầu, choáng cả mặt, lại thêm dường không mền (édredon) ghế không chân, phòng ở đấy chắc rẽ, nhưng xin để nhường các ông dựt giải quán-quân về môn đánh rệp, môn thở khí ngạt ở vậy. Trở xuống vào khách-sạn **Nam-Pháp** (Hotel du midi) ở phố **Du Sommerard**, kể mới vào trông cũng ra dáng vẻ, nào chậu-hoa, nào chậu-cây, nào tranh vẽ sơn-thủy, song khi bước lên từng gác thứ bốn (1er étage) thì thấy cầu thang tối om, mùi phó-mát hâm hẩm, mùi cá hộp tanh hôi, ý hẳn phòng bên cạnh đã có thầy học-sinh nào túng tiền, ăn bánh khô trừ bữa. Trông một lượt, nói qua-loa vài tiếng, rồi cũng hứa chầy hứa cối với anh chủ khách-sạn; nếu không tìm được nơi nào hơn, sẽ giở lại đây ở cho vui. Thế là đi bốn nơi đều xôi hỏng bỏng không cả.

Kể như thế thì đi hình như ít, song ở **Ba-Lê** lắm phố dài tới mươi mười hai cột. Mấy phố tôi đi qua để tìm phòng, tuy không dài được như thế, song đi quanh đi quẩn, lên thang xuống gác, cũng mất hơn tiếng đồng hồ, bèn đến hàng « **Au Palais du café** », lấy vé *đứng* uống chén café cho đỡ nhọc. Hôm nay giời lác-đác mưa, quang cảnh hàng café cũng hơi khác thường, ghế trong ghế ngoài đều chặt nich những khách, đến cả chỗ đứng uống cũng vậy. Chỗ cười chỗ nói, ồn-ào hơn họp chợ phiên. Nơi thì *R. D. über Leipziz* (1) nơi thì *Mac Douald is a good speaker but . . .* » (2); nơi thì « *Sun-soang-chang pût-hâu-giân lớ* (3); thực đủ người năm châu, ai ngờ đến đây lại tụ họp một nhà. Lại có nơi đôi lứa thanh-xuân truyện nhỏ truyện to, ghế kề sát sạt, rõ ràng tài-tử giai-nhân. Lại có chị thì tuy cười cười nói nói, những là cười gượng nói gượng, nghề-nghiệp bức bách thời phải thế, chứ ai tri-âm đó mặn-mà với ai. Còn anh chàng thì như không rõ cái tâm-sự chị nàng, bị cái sắc nó làm mê hoặc tâm-hồn, giặn mấy tiếng Pháp tự-tình, mà vẫn chưa ra dọng nhưng may thay con tạo còn phú cho đôi tay để giúp đỡ cái khẩu-thiệt vô-dụng kia.

Tôi đang ngây người ngắm cảnh, thì ông bạn **Lỗ-Mã-Ni** là ông **Rubain**, bạn học y-khoa, cũng vào uống café. Anh em gặp nhau tay bắt mặt mừng, liền đem câu truyện tìm phòng cho ông nghe, ông nói ngay, ông có biết một cái phòng *C* . . . số nhà X . . . một người ở thì rộng, hai người thì vừa, nếu tìm được người tốt, cùng trọ với nhau, thì nên ở lắm. May quá! tôi có cầu cái gì hơn nữa đâu. E rằng miếng ngon lắm người chú ý, lập tức cáo từ đến phố **Cujas** vào khách-sạn **Exelsior**; có lạ gì ngoại dung khách-sạn này, thường thường hết giờ học ở đại-học **Sorbonne** ra, đi qua đến hiệu sách *Universelle*. Kể bề ngoài thì trang trọng lắm, kia dậu uốn cành hồng, nọ thềm nhà lát đá hoa, này biển quảng-cáo ban đêm chói-lọi mầu đỏ, nhưng nội-dung khách-sạn này tôi chưa tường. Thoạt vào tôi đến ngay phòng giấy của ông chủ, trông ra rất mực lịch-sự, hỏi có phải ông có phòng số 14 cho thuê không? Ông liền tươi cười đạp lại rằng có, rồi bảo bồi đưa vào thang máy rẫn đến phòng thang máy. Chưa đầy chớp mắt đã đến từng thứ ba (2e étage). Bồi mở cửa phòng, mời khách vào trước. Trông phòng tuy có vẻ kém đẹp hơn phòng ở Thôn **Sô** nhiều, song có vẻ nhã-nhặn kín-đáo, tường họa nhạt, thảm xanh nhờ, bàn ghế *Barbès*, giường *Fontaine*, tủ *bois des iles*, đều là

1) Tiếng Đức, nghĩa là khinh-khí - R D bay qua thành LeiPzig

2) Tiếng Anh. . . . . Thủ tướng Mac Douald là người mồm mép giỏi

3) Tiếng Tầu . . . . . Tôn-truyền-phương là người không tốt

kiểu tân-thời cả. Cuối giường có ống để sưởi, cuối phòng có bàn rửa mặt, ngày đêm dùng nước lạnh, nước nóng, lúc nào cũng có lúc ấy, lại có chấn-phong vàng che; tôi ưa cái phòng này lắm mà chắc ông Nghiêu Dông cũng đồng tình với tôi, chỉ hiềm một nỗi không có tủ sách. Ngẫm nghĩ một hồi lâu, tôi bảo bồi : thế ví dụ đóng một cái ngăn sách ở tường có được không? Người bồi trước còn bảo đóng ngăn sách, một là tốn tiền, hai nữa là đóng đinh vào tường, hư hại tường đi, không thể được; song sau khi tôi bấm tay anh bồi một cái, thì việc này xếp song. Tôi lại xuống thang máy, vào buồng ông chủ, định giá cái phòng. Ông chủ này mắt lõm, mũi cong, mặt choắt, ra vẻ một anh sét-ty *Do-thái*; tôi biết vậy thủng-thỉnh nói rằng:

Thưa ông phòng 14 kể thì thiếu: nào tủ-sách, nào gương treo, trần nhà lại khí thấp ở tạm cũng được, chẳng hay ông định giá là bao nhiêu?

Ông chủ. — Thưa ông phòng tôi thực là sạch-sẽ, không có dệp bọ gì cả, ai đến ở cũng ưa, lúc nào cũng có người — thế mà bây giờ không có! — giá rất hời, chỉ có năm trăm quan mà thôi.

— Thưa ông phòng thấp lại không có tủ sách, ông tính 500 quan, thì sao cho phải, chúng tôi có giầu như người **Mỹ** đâu?

— Thưa ông phòng tôi tuy thấp, tủ-sách không có, song có dủ cả đèn điện, máy nước lạnh nóng lại ở dữa xóm học sinh, giá ấy là giá tính rẻ lắm.

— Thôi tôi không giảm giá làm chi, một vài chục quan tôi không cần lắm, nhưng xin ông một điều, chúng tôi hai người có ở chung được không?

— À! À! thế thì không thể được. Phòng tôi theo phép vệ sinh, theo lệ tuần cảnh, theo luân-lý đạo-đức không thể nào ở chung được.

Thưa ông phép vệ sinh, ở hai người, rẫu có hại, thì hại chúng tôi, chứ có hại gì ông, lệ tuần-cảnh là chỉ có danh, chứ ít khi có thực, mấy lúc có người sục vào buồng khám người, mà có xem sổ sách chắc cũng làm ngơ cho các ông chủ khách-sạn mà thôi, còn như luân-lý đạo-đức thì chúng tôi hai anh em ruột sao nỡ rở trò quỷ cho được? Hay là chúng tôi giả thêm năm chục quan, liệu có được không?

— Bấy giờ hơi đồng đã bén, hai má đỏ bừng, miệng cười lại hớn hở như xưa.

— Vâng thế thì tôi xin nể ông - chẳng hay nể ông hay nể năm chục quan, — để ông thuê cái phòng này, thực rẻ đứt đi trăm quan.

Trời đã tối, xem đồng hồ đã sáu giờ, tôi liền để ba trăm quan đặt, rồi đi thẳng tới nhà ông Nghiêu Dông ở phố orléans (*Boulevard orléans*) Đến nhà gõ cửa vào thấy chăn đệm tứ tung, chắc ông người vốn bảnh rảnh, đi tìm phòng thuê mới về nằm xõng xượt trên dường, thấy tôi vào mới rậy; tôi hỏi ông đã tìm được phòng chưa? ông nói rằng chưa, và đi chỗ nào họ cũng chích đau và không cho ở hai người; tôi vừa cười vừa nói : Ông ở đời ma-quỷ mà thực-thà quá vậy, thuê phòng hai người mà không bảo là anh em ruột cùng là không bài bác phòng thuê thời đời nào chủ phòng lại cho mình thuê giá phải chăng. Sau tôi thuật chuyện thuê được cái phòng 14 phố **Cujas** cho ông nghe, ông tỏ ý bằng lòng lắm.

Sáng ngày mồng 4, tôi phải nói tại trường luật về vấn đề "*chế độ thương chính tại thuộc địa*" (*régime douanier aux colonies*) mà chiều hôm mồng 3 phải đi tìm phòng, về nhà mệt không ăn được cơm. Nhưng cũng may vì mệt mà ngủ được, sáng dậy xem người tỉnh táo khác thường, Trước mười giờ tôi đã đến cái phòng học to nhất ở trường, hình xây bán-nguyệt, vòng quanh đo ước độ ngót trăm thước, bề cao hai mươi thước; trần nhà toàn là mặt kính dầy nửa gang có lẻ, ánh mặt trời xuyên qua soi sáng chẳng khác ngọn đèn năm mươi bu-gi, bàn ghế giáo-sư thì để trên một cái bực chính giữa, còn bàn ghế học-sinh thì cứ sếp lần lượt như bức thang, cái gần ông giáo-sư thì thấp; cái

xa ông giáo-xư thì cao đến trần nhà, cho nên dù ngồi trên hay dưới đều nghe rõ nhời giảng của thầy. phòng học này thường gọi là Amphithéâtre.

Đúng mười giờ ông giáo-sư vào lớp, học-sinh ai nấy về chỗ ngồi. Có ý mà xét ra thì tuy gọi là lớp học, song gọi là nghị-trường cũng được, học-sinh nào theo chủ nghĩa tân-tiến thì ngồi bên tả, học-sinh nào bảo-thủ thì ngồi bên hữu, còn học-sinh nào ba vừa bẩy phải thì ngồi trung-ương, đại để là thế, nhưng không thể phân chia rõ ràng như thế được, vì thỉnh-thoảng có, bà già lụ-khụ, quần áo chải chuốt ưa nghe giảng-thuyết thì cũng lệ-khệ vác ghế vào ngồi phía tả.

Ông giáo-sư này mặt tròn da phấn, đầu hói tóc, mắt tinh thần, quần áo len tốt, nhưng áo cài năm khuy, quần mặc hẹp ống, rõ ra một ông quý-phái tồn-cổ giậy khoa kinh-tế tại trường luật, lại từng có giậy khoa xã-hội tại văn-chương đại-học, tôi không ưa gì học-thuyết của ông, thầy trò lắm khi tương-phản không phải vì tôi muốn lập dị đâu, nhưng thực thì vì ông bênh vực quyền-lợi một hạng người, mà tôi thì muốn bênh vực quyền-lợi một hạng người khác. Song tôi vẫn theo đòi học tập ông kể đã ngót hai năm, ý muốn biết phương-pháp giáo-dục ông thế nào cùng phương-pháp tìm chân-lý ông ra sao? Nay tôi đã hiểu đôi chút mới biết rằng, học kinh-tế mà cho học hai quyển kinh-tế-thư của ông **Perreau** hay ông **Truchy**, hay ông **Charles Gide** thì cũng không thể thấu sự thực được, chẳng qua chỉ để nhồi sọ mà thôi. Học kinh-tế mà không rõ hiện-tình giai-cấp trong xã-hội, chỉ thuộc nhà ngân-hàng này vốn mấy triệu phật-lăng, đường hỏa-xa xứ kia dài mấy triệu cột, cũng là học bỏ đi. Mà muốn biết hiện-tình giai-cấp xã-hội thì phải học xã-hội khoa-học (Science sociale) cùng là phải từng trải đắng ngọt bùi cay thì nếu có giải quyết một vấn đề xã-hội nào không khỏi không có thiên-kiến được.

Thôi bây giờ xin nói qua công việc trong trường:

Học-sinh an-tọa một lúc thì tôi mang bài vở lên ngồi ghế cạnh ông giáo-sư, địa-vị tôi lúc ấy tức là một người diễn-giả, hay nói ngông một chút như ông thủ-tướng lên diễn-đàn, còn địa-vị ông giáo-sư ví như ông nghị-trưởng, ngồi đấy để dung chuông, phòng khi tranh luận kịch liệt; tôi nói hết chế-độ đồng-hóa (régime d'assimiliation) chế-độ tự-trị (régime d'autonomie) đến chế-độ đặc-biệt (régime spécial) rồi tôi bình phẩm giá-trị các chế-độ, nhất là tôi đứng địa-vị nhà tư-bản thuộc-địa chỉ trích chế-độ đồng-hóa. Nói hơn nửa tiếng đồng hồ; đoạn đến cuộc tranh luận. Một người bạn gái đứng vào địa-vị tư-bản bổn-quốc phản đối tôi, tôi ôn-tồn lễ-phép trả lời cô, kể ra thì nhời nhẽ cô cũng phải đấy, song ý cô thiên về giai-cấp. Tiếp đến ông giáo sư bình-phẩm ngoại-dung bài luận của tôi tức là giọng diễn-văn, cách xếp đặt bài văn, sau bình phẩm nội-dung bài luận tức là tư-tưởng và chủ-nghĩa của tôi, đại để cũng như nhời cô bạn phản-đối. Đồng hồ điểm 11 giờ tôi cáo từ thầy về chỗ, anh em chị em vỗ tay hoan nghênh, kể cũng là một cái sướng đặc-biệt trong đời học-sinh tân-học.

Tan học, tôi vào vườn Luxembourg dạo chơi đến 12 giờ kém mười thì ra ga Luxembourg lên tầu về hàng cơm của khu học-sinh (Restaurant de la cité universitaire) Lần này lại bị hụt lần nữa, mà chắc là lần cuối cùng, 12 giờ đúng, tầu chạy, đến 12 giờ 15 phút đến *Sceaux Ceinture* tức là ga gần hàng cơm, vào hàng người đã đông kịt, cứ phải nối đuôi nhau mà vào chỗ lấy mâm, lấy cốc, lấy bánh tây, lấy thức ăn. Nói thế chắc ai cũng lấy làm ngạc nhiên, sinh-viên đại-học mà không có bồi hầu; đến như cu-ly bên mình vào ăn cũng có chủ hàng bưng mâm. nhưng tôi nói thực đấy, hàng cơm này tổ-chức theo lối **Mỹ**, ăn thì phải bưng mâm lấy, dọn bàn lấy, uống nước thì phải đến vòi nước mà lấy lấy; ăn song ra bàn giấy trả tiền. Ăn ở đấy vừa rẻ vừa ngon, thịt được thịt tươi chớ không như mấy hàng cơm sóm *la-tinh*,

trừ ra hàng cơm *Du-văn* (*Duval*) để cho các nhà du-lịch thượng-lưu xã-hội xơi thì không kể, còn thì thường thường cho khách ăn thịt thối bẩy ngày. Tôi nghe *Mohamed Hassania* học-sinh **Ai-Cập** thuật truyện người đồng-hương phải bỏ thân nơi khách-địa chẳng qua vì ăn thịt không lành của một hàng kia ở phố nọ. Mà M..người xứ ta bị bệnh lao (tuberculose intestinale) vừa chết tháng trước có lẽ cũng vì nhẽ ấy. Học-sinh ta đến ăn cơm đấy cũng nhiều, mỗi bữa bốn năm chục người, song chia ra làm hai phái, phái ít người ở nhà trọ học-sinh đông-pháp (Maison Indochinoise) phải nhiều thường không ở nhà trọ học-sinh đông-pháp.

Giá các thức ăn:

Một món Rizette	0f90
Một món thịt bò nướng	2f00
Một món khoai lang tây dán	1f00
Một quả đào Vân-Nam	1f00
Hai miếng bánh tây	0f40
Tính cả mất có	5f30

Nếu ăn như thế ở hàng cơm Chartier xóm La-tinh thì:

Món rizette	1f20
Món thịt bò nướng	3f50
Món khoai lang tây dán	1f20
Quả đào Vân-Nam	1f00
Bánh tây	0f60
Phải mất	7f50

Lại còn khăn bàn 0f50, tiền cho cô hầu cơm 1f00; xem thế ăn Chartier đắt hơn «Học-sinh xã phạn-điếm» gần gấp đôi. Ăn xong, đưa vé giả tiền, rồi đáp tầu một giờ rưỡi về thôn Sô lấy hòm cho ô-tô chở ra Ba-lê.

Trần-Duy-Đạm

(1) Valras, tức là nhà chủ-trương khoa số-học kinh-tế (économie mathématique)

(2) Văn-dua Valdour, tức là nhà chủ trương công-nghiệp hội đoàn thể (corporation)

(3) comte, tức nhà chủ-trương khoa học chủ-nghĩa positivisme (4) Karl Marx, tức là nhà chủ trương học thuyết suy sét các hình tượng (duy-vật sử-quan, matérialisme historique.)

(1) Ta đếm từng gác thì đếm từ trên xuống dưới; người tây, thì trái lại đếm từ dưới lên trên

Hồn Văn-Tự

Bản-Chí có tiếp được M. Ngọ-ngọc-Kha tặng một quyển «Hồn văn-tự» của Vân-phong ẩn-sỹ là thể văn thơ, xin có lời cảm ơn và trích đăng một bài như sau này:

Ngày xuân qua Long-thành hữu-cảm

Xuân lại xuân đi trước đến giờ,
Trông màu cảnh sắc đã vui chưa!
Một ròng nước Nhị, ngàn dâu ngất,
Ba lớp non Nùng đám cỏ trơ,
Vách đá Cao-Biền còn dấu cũ,
Chồi sen Trịnh-chúa vẫn hương đưa.
Cổ kim kim cổ là ai tá,
Thế sự trăm năm, một cuộc cờ.

CHUYỆN LẠ THẾ-GIỚI

Cái đồng hồ của vũ-trụ

Một nhà vật-lý-học Nermst đã chế ra một cái đồng-hồ chỉ giờ từ bắt đầu có quả địa-cầu cho đến khi mạt-kiếp.

Đồng-hồ ấy có 12 giờ, mỗi giờ chỉ 700 năm, hiện bây giờ kim đã chỉ đến 5 giờ 50 phút, theo như nhời nhà vật-lý, thì khi cái đồng hồ ấy mới chỉ đến 26 giờ thì sức nóng của mặt giời lên tới 10,000, bây giờ chỉ còn có 6.300 độ, trong ba giờ nữa, nghĩa là 1,800 vạn năm, sức nóng đó sẽ kém đi rất nhiều, không đủ cho loài người sống được.

Ông nói: loài người ở trên mặt đất này, nhiệt-lực, trung-bình là 68 độ (vào quãng 5 giờ đồng hồ ấy), bây giờ chỉ còn 18 độ, trong 700 vạn năm nữa thì xuống tới 59 độ dưới không độ (zéro degré).

Khách chán đời vì tình ngắc-ngoải không muốn sống ở cái đời này chỉ mong cho vỡ quả địa-cầu, nay thấy ông nói còn những 700 vạn năm nữa thì nhân-loại mới đến ngày tiêu-diệt chả biết họ nghĩ ra sao nhỉ? Th-Ng.

Vấn đề lập trường thể-dục ở Nam-Thành có thể thực-hành được không?

Giữa lúc cái làn sóng thể-thao đang sôi nổi, ai ai cũng biết rõ những sự ích lợi về thể-dục, nhất là các bạn thiếu-niên ta bây giờ ai đã biết lo đến giống nòi yếu đuối, tất phải nghĩ ngay đến vấn đề thể-dục của ta ngày nay đang lúc phôi thai vậy.

Vấn-đề này, nay đem bàn ra tưởng không đến nỗi cho là vu khoát và tất có ngày ta cũng thực hành được.

Như lập một hội đá bóng hay hội đánh quần kể ra cũng còn dễ dàng. Song sét đến cái mục-đích thể-dục thật chưa được phổ thông cho lắm, vì đánh quần phải phí tổn nhiều, trừ ra một số ít người về hạng phong-lưu thì mới có thể chơi được; mà đá bóng cũng chỉ riêng cho những người có sức khỏe mới có thể tập được. Còn như trường thể-dục bao hàm cái mục-đích rộng rãi, đó là một nơi luyện tập cho thân-thể được mạnh mẽ, mà thích hợp cho tất cả các hạng người.

Nói đến lập một trường thể-dục, ai cũng bảo phải có tiền nhiều, có thế lực mạnh, mới có thể mong thực-hành được. Xem hai cái phương-diện này kể ra cũng khó thật, xong xét ra ở đời cũng không có việc gì là khó, chỉ sợ ta không có chí làm đó thôi.

Về vấn-đề này Ký-giả cũng để ý đến đã lâu, nay nhân gặp cái trào-lưu thể-dục đang mạnh, ta cũng nên nhân cơ-hội mà lo bề thực-hành. Kìa xem như Vọng-Cung ở Nam-Thành ta, trước kia là một chỗ rất tôn-nghiêm, tường cao, cổng kín, sân rêu chẳng có dấu giầy, mà nay hai bên sân sửa sang rất là sạch sẽ, nghiễm nhiên là một nơi lui tới của các bạn đánh quần, đó là vì cái lòng sốt sắng của các quan trong hàng tỉnh ta vậy.

Vậy trước hết ở tỉnh ta có hội Stade và hội Hồng-Bàng là hai hội to ở trong hàng tỉnh, nên hợp sức yêu cầu với hội-đồng thành-phố xin lấy một miếng đất rộng (terrain de sport) nhất là được gần thành-phố lại càng tiện lắm, để hàng ngày ta lấy chỗ mà luyện tập các món thể-thao,

Còn về đường tài-chính, ta lại xin mở ra cuộc sổ số, tổ chức cuộc chợ phiên, cuộc diễn kịch, biết đâu trong những dịp ấy, ở Nam-Thành, ta lại chả có nhiều nhà hảo-tâm như ở Hà-Thành và Hải-Cảng, đem mối nhiệt thành về thể-dục mà sốt sắng đến những việc công ích, thì lo gì đường tài-chính không được dồi dào, mà một ngày kia chốn non Gôi, sông Vỵ lại không có một trường thể-dục rực rỡ nguy nga.

Ấy đó Ký-giả tuy cũng biết nói thì dễ, mà làm thì khó, song cũng xin đem thiển-kiến mà phác bàn ra, còn đến sự thực hành chóng hay chậm, hãy mong ở toàn thể các bà con hâm mộ thể-thao ở Nam-thành ta.

Vậy đối với tiền-đồ thể-dục ở tỉnh nhà và chịu cái ảnh-hưởng của anh em ban Đồng-tử-quân ở Hà-thành vừa mới xuống Nam thao diễn, các bạn thiếu-niên tỉnh ta nghĩ sao? các nhà có hằng tâm hằng sản tỉnh ta nghĩ sao?

Chu-Cảnh **Phạm-đình-Kỳ**

Một thứ đèn mới, chiếu để xem tạng phủ người

Một nhà phát minh nước Đức gần đây mới phát minh một thứ đèn ánh sáng tia có thể dùng để chiếu xem trong tạng phủ người. Vì thứ đèn ấy ánh sáng chiếu vào trong thân thể người vẫn cứ phát sáng mãi, các thầy thuốc có thể muốn để xem bệnh được.

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI THIÊN ĐÀM

GÁI TRINH - TIẾT BỊ CHỒNG NGỜ OAN

(Một bức thư)

Bút huê thảo tình thư một bức,
Gửi trình người trí-thức được hay.
Kể từ phận đẹp duyên may,
Đạo thường thiếp giữ thảo ngay một lòng.
Nhà tiện-thiếp vốn ròng thi-lễ,
Chuộng thanh-liêm, hiếu-đễ, trung-trinh.
Có đâu mình lại dối mình,
Nỡ đem sẻ gánh chung-tình làm hai.
Thiếp chẳng phải con người phụ-bạc,
Xin chàng đừng ngờ-vực mà oan.
Bấy lâu chung-chạ phượng-loan,
Há rằng chẳng biết tâm-can thế nào?
Chàng là đấng anh-hào ái-quốc;
Thiếp giốc lòng vì nước vì dân.
Cùng nhau vui thú ngày xuân
Mà lòng thiếp luống băn-khoăn chưa đành,
Chí vẫn rắp bàn-hoàn này khác;
Nào dám say bề «sắc» mà thôi.
Thiếp đâu giám học thói người,
Ăn chơi phóng-đãng, việc đời mần-thinh.
Ai chẳng biết chữ «trinh» là quý,
Thiếp nỡ nào bỏ phí cho đang
Nhất tâm chung-thủy cùng chàng,
Rầu sao, dạ sắt gan vàng chẳng lay.
Thiếp còn nhớ những ngày trẻ tuổi,
Nhờ nếp nhà theo đuổi bút-nghiên.
Dùi mài kinh thánh truyện hiền,
Rõ-ràng năm mối ba giường còn ghi.
Chàng đừng tưởng nữ-nhi hèn-hạ,
Phận nữ-nhi mà dạ anh-hùng,
Chữ rằng «*tòng nhất nhi chung*»
Thiếp hằng tạc-dạ ghi lòng dám quên.
Nếu chàng chẳng lượng trên soi xét
Đã vội ngờ thất tiết thất trinh.
Thiếp xin nguyện với cao xanh
Tấm lòng trinh tiết, chứng minh độ [trì.
Hẳn chàng chẳng lạ gì thế thái,
Thấy bông hoa phấp phới trên cành.
Hương trời sắc nước xinh xinh
Lòng tham đã chực rắp danh bẻ về.
Bẻ chẳng được lòng tê dạ tái.
Ghét ghen toan làm hại mới cam.
Đặt điều ong bướm nói oan
Nào chê cánh rữa, nhị tàn, hương ôi.
Nào buộc tội tày trời kia khác,
Nào đặt lời độc ác đơn sai;
Làm cho hoa phải cau mày,
Đầm đìa giọt ngọc vắn dài đầy vơi.
Kẻ chẳng biết mỉa mai hoa tệ;
Người biết hoa rỗ lệ vì hoa.
Biết lòng họa có giăng già
Nước non còn đó ai mà đã quên.
Chàng còn muốn đua-chen bay-nhảy;
Thiếp cũng toan vùng-vẫy dọc ngang.
Dù chàng ăn ở phũ-phàng,
Thiếp nhờ giọt nước cành-dương thấm- [nhuần.
Hãy cầu lấy tấm thân thư-thái,
Coi sự đời thắng-bại như không .....
May mà trời phật thấu cùng,
Còn duyên hương lửa, non sông còn giải.
Xét-soi có đất có trời!

Vân-Nam phủ Giáo-viên

KÍNH-THÂN V. V. L.

Bài khuyên bạn bỏ A-phiện

Nguyên trước có nghiền mà tới nhà thương bỏ được và có làm bài phú "ĐỂ A-PHIỆN" nhời nhẽ như chồng để vợ, nay lại nghiền lại. Bài nầy có ý nhắc lại bài ấy và khuyên bỏ nghiền.

Nầy anh ơi, trước kia mặt anh xám, da anh lỳ, vai anh xo, cổ anh rụt cũng vì ống hút nồi tiêm;

Trước kia cặp mắt anh lim-dim, mặt mày anh luốc - nhuốc lem - nhem trông chẳng ra gì;

Trước kia anh mang lắm tiếng thị-phi, chị anh xa, em anh cách cũng vì cái ả phù-dung!

Nầy anh ơi, nhớ hôm nào anh đem nhau tới cửa công, hạ tờ ly-dị chữ đồng anh bẻ làm hai.

Ừ, duyên không đẹp tình không hài, thôi thì phân - rẽ mỗi người một ngả thế là xong.

Khen anh biết nghĩ sâu nông, biết khôn mà liệu trước, khỏi bận lòng lo sau.

Nầy anh ơi, kể tự ngày anh, ả xa nhau, gia-tư anh ngày một thêm khá, tuy chưa giàu cũng đủ ấm no.

Người anh thêm khỏe-mạnh khôi-ngô, thức khuya dậy sớm chăm-lo việc nhà.

Trên từ cha yếu mẹ già, dưới đến chị em ai nấy cũng là mừng vui.

Nầy anh ơi, ngờ đâu anh ăn ở lôi-thôi, chê rồi anh lại lấy bỏ rồi anh lại yêu!

Nào khi anh bắt khoan bắt nhặt đến điều, bây giờ anh để cho tấm lòng nhi-nữ làm xiêu anh-hùng!

Nào khi anh đề-bỏ tới cửa công. bây giờ lần-mò anh lắp lại cái mảnh chữ đồng mà đã bẻ đi!

Nầy anh ơi, đồng tiền chiếc đũa phân-ly, thôi đã tu, tu trót qua thì, thì thôi.

Chí nam-nhi anh tiêu-tán đâu rồi, mê chi cái đồ xái mà nằm ngồi suốt cả năm canh!

Tiếc cho anh đương độ đầu xanh, khí hồ-hải lại tung-hoành trong chỗ tối đen!

Nầy anh ơi, chốn vũ-đài anh thử trông lên, ai đốt hương cường phú, ai rọi đèn văn-minh?

Ai tiến bộ, ai cạnh-tranh, ai anh-hùng, ai hào-kiệt tiếng tài - tình nổi khắp năm Châu?

Thanh-niên người tài-trí cao-sâu, thiên-công thôi cũng chịu, quả địa-cầu dường cũng quay theo!

Nầy anh ơi, ai như anh mai tối cu-queo! thành nghiêng, nước đổ, nhà nghèo, anh cũng cứ say!

Nầy, đã mang cái tiếng râu-mày, khoảng trăm năm sự-nghiệp sau nầy thì phải tính sao?

Bóng quang-âm vùn-vụt qua mau, chớ nay lần mai lữa mà hao tháng ngày!

Nầy anh ơi, tình thương hãy dứt tù đây, kẻo rồi con cái sau này lôi-thôi.

Một hai thôi, ba bốn cũng thôi, nào đèn, nào điếu, nào nồi, kịp đập cho tan.

Anh có khôn nghe lấy lời can.

CÔ-PHÒNG-KHÁCH

Than giấy

Nói đến than thì chỉ có than đá, than củi chứ có thấy ai nói than giấy bao giờ. Về mùa đông hay dùng than để sấy, để sưởi vân vân. Vậy muốn bà tiện dùng than giấy, nên tích lấy giấy nát, giấy vụn rồi theo cách sau này làm mà đốt chớ vất đi kẻo hoài.

Lấy : Carbonate de soude 10 gr.
Nước (eau) 1 litre

Hòa vào chậu rồi cho giấy vụn vào ngâm độ hai ngày, giấy sẽ nát ra, gạn lấy bột giấy, để cho ráo nước, rồi 8 phần giấy, 2 phần than củi tán ra trộn đều nắm to bằng quả ổi, phơi khô mà dùng. Than này cũng được như than gỗ vậy.

Th. Ng.

Ấp trứng bằng điện

Ở bên Hoa-kỳ người ta mới chế một cái máy ấp trứng. Mỗi lần ấp được 30.000 cái, mà trong ba chủ-nhật thì mới hết. Máy chạy bằng điện, mà trong các lòng ấp, nhiệt-lực bao giờ cũng 38 độ; nếu tăng lên tức thì nổ cầu-chì và có chuông điện báo cho người coi máy biết.

Lồng ấp chia làm hai ngăn: một ngăn để trứng có nắp đậy, dưới nắp có ba cái đèn điện, chung quanh có lông gà. Lúc gà nở đã có lông ấy phủ, chẳng khác nào trứng nở dưới cánh gà mẹ. Còn một ngăn thì không-khí hơi ấm, ngăn ấy để khi nào chúng đã hơi nhớn ra đấy để kiếm mồi.

Nước Mỹ sinh sản rất nhiều gà, mỗi năm 200 triệu con, đẻ được 25 ức cái trứng.

T. N.

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-kỷ

Khi năm giờ chiều 12 Janvier 1931, tôi có đi ngang qua đồn lính, nghe mấy bác nói truyện quan Quản cắn ông Cai đổ máu phải đi nhà thương; tôi nghe câu truyện lấy làm kỳ-quái, nên đứng lại nghe mấy bác thuật truyện lại như vầy:

Nguyên là ông cai L. làm nhà giấy (bureau) có chung nhau gởi một một cái coli giầy-trắng mỗi đôi là 3$15, mà ông Quản (adjudant) lấy hai đôi, giá là 6$30; song ông Quản thấy trong cái coli có một bản lịch của tiệm đóng giầy gửi biếu cho ông cai L., mà ông Quản muốn kèo thêm bản lịch ấy thì mới chịu giả đủ tiền giầy là 6$30; còn không thì đưa 6$00. Ông cai không chịu, nói rằng: bản lịch ấy tôi muốn dùng, và ông nhì Thơ cũng có hỏi trước rồi mà tôi không đưa, bây giờ đưa cho quan, thì ra chỗ kẻ trọng người khinh, sao cho phải. Còn sự quan lấy hai đôi giầy thì phải trả tiền thêm 0$30; nếu như quan không đưa thì mất sự công-bình, vì giầy gửi chung phải chia giá tiền cho ngang nhau. Ông Quản nói: «Sao thày hẹp bụng quá, nếu như có việc đến năm, mười chự thì làm sao? Ông cai L. nói: «Quan nói vậy khi mất lẽ công-bình quá! Không phải mấy hào đó là nhiều, quan có đưa cũng được, còn không thì thôi, chứ cũng không nghèo gì bấy nhiêu. Ông Quản nghe mấy lời đó thì cái ác-cảm nổi lên, dùng những lời tàng-bạo: nào là «mày coi tao! tao ở ba năm! sẽ biết». Ôi thôi! cũng vì tiền-tài có 0$30 mà xông-đột cùng nhau đến nỗi ông cai L. bị phải cái răng vô-tình của ông quản kia cạp ngan cùi tay, rách da đổ máu.

Ghê thật! gớm thật!

Việc đó quan dám-binh còn ăng-kết, ra thế nào sẽ biết.

Một người Kontum

* * *

Chú lính *cơ tên là Ván-Cách, cứ buổi* chiều, ngồi trên phản trong trại trông ra ngoài mành-mành, thời cũng cho đôi con mắt được một bữa tiệc no-nê bằng những chị gánh nước ở trong huyện.

Trong các chị gánh nước đó, chú ta chú-ý nhất vào một chị, «ma-phăm» anh hàng bánh-giò ở cổng huyện tên là Tam.

Cứ kể ra, chị Tam trông cũng tình thực! Cái quần đen nhánh, cái áo cánh hồ lơ, cái thắt lưng đỏ phấp-phới *bay theo gió*, cái bộ xà-lích lủng-lẳng đập vào đùi, đã làm cho Ván-Cách say lử cò bợ! Không những thế, chị Tam lại còn có cái bộ mặt «gioong»! Mỗi khi chị gánh hai thùng nước nặng mà đi qua trại, thời mắt cô nhìn thẳng, mũi cô cầm hoi, tay nguẩy đằng sau, đầu nghiêng bên cạnh, cố kéo cái hò áo cho kín ngực, thời tuy mất vẻ tự-nhiên, nhưng mũm-mĩm như quả đào Vân-Nam mới trẩy, khiến cho Ván-Cách ta chết cũng vớ vội lấy cái đàn bầu mà tẳng-tẳng vài cái. Nhiều khi thấy chị Tam hớn-hở, thời chú chỉ phàn-nàn có một câu rằng:

«Hoài của! giá mình «sú-ca-nia cho nó ít giấy giáp mà đánh đôi thùng rõ sáng, thời thực là «bảnh choẹ»!

Nói nôm ra, chú Ván-Cách cũng muốn chim chị Tam đáo-để. Có bận chú định ngồi trong mành-mành, ví cho chị Tam một câu rõ hay. Giá chú biết làm thơ, làm văn, thời hẳn đã nghĩ được một bài trường-thiên rõ dài để tặng! Khốn như chú chỉ quen thói tộp ngực lần lưng dân, cho nên chỉ học được «mốt» chim gái của bạn đồng-nghiệp, thẳng như lòng súng, là giữ nón, chắn đường, hoặc nắm cổ tay mà bắt nói một câu rằng:

«Van nhà, nhà buông tôi ra!»

Nhưng mà «người anh em» chỉ dám «tiểu di» thế thôi, chứ mà thầy Quản Đồn này nghiêm-khắc lắm, nhỡ bị «lập-giòong» hoặc bị «tai» thời «phải biết»! Cho nên lắm lúc gặp cơ-hội tốt, mà chú nghĩ đến hình-phạt nhà binh, thời phải «đê-mi-tua» ngay!

Còn một kế sau cùng, chú nghĩ đã chín lắm, là nhân ngày lĩnh lương, hoặc gặp buổi bóp nặn được thằng dân nào, thời chú quyết bỏ ra hẳn ba hào chỉ, ra hàng chị Tam, đánh một bữa bánh giò rõ no, thế là «a-lê» tha hồ nói truyện!

Buổi tối hôm ấy, trong túi chú Ván-Cách sủng-soẻng có tiền. Chú bèn búi cái tóc yên ngựa cho thực nền, gài cái lược xương trắng cho thực khéo, chít cái khăn lượt, vuốt tí nước hoa, rồi soi gương đằng trước đằng sau, ngắm-nghía mãi mới thay quần gài khố, bóc gói thuốc lá mới, phì-phèo huýt còi đi «la mát.»

Lúc bấy giờ đã vào chín giờ khuya. Nhà hàng phố đã đóng cửa min-mít. Chú Ván-Cách lượn qua nhà chị Tam mấy lượt, thổi bài kèn «la-vầy» rõ lẳng để đánh tiếng, rồi ròm qua lỗ liếp, thấy chị ta ngồi một mình đương chẻ lạt. Chú ngắm địa-thế một lúc lâu, đắn-đo không biết thằng chồng đi đâu, rồi mới gõ cửa. Chị Tam đương lúi-húi, bèn ngẩng đầu lên hỏi:

— Ai?

— Tôi đây! Cho tôi mua ít bánh giò!

Chị Tam đứng rậy, mới nưng hé cái liếp ra, thời Ván-Cách đã lách được vào rồi.

— Chào chị, «măm-den» còn bánh giò không?

— Thưa thầy hôm nay phiên chợ, nên nhà còn ít thôi, thầy mua dùm cho cháu.

— Được, còn bao nhiêu mang cả ra đây. Anh ấy nhà chị đâu?

— Thưa thầy, chạy đâu ấy ạ.

Ván-Cách được dịp tốt, «a la văng» ngay đến trước mặt chị Tam, vừa cười vừa lả-lơi nói:

— «Cầm ma lách» với nhau cả, thầy với cháu gì! Đừng nói thế, phải tội!

Nói xong, sấn ngay vào nắm lấy cổ tay người yêu một cách âu-yếm mà rằng: Nhà ơi!

Thế rồi mắt lim-rim như lúc chú ngắm súng, thời chị Tam nhanh thoăn-thoắt, rật ngay ra, lùi lại mấy bước.

— Ô hay! Thầy Quyền làm cái trò gì thế này? Tôi kêu to bây giờ!

— Mình ơi, tôi yêu mình lắm!

Vừa nói vừa sấn vào, ôm ngay chị Tam, dầy ngã xuống đất, rồi cũng ngã theo . . . .

— Ối giời đất ôi! Thầy Quyền làm gì tôi thế này?

Tiếng kêu rầm hàng phố, thời thình-lình anh Tam ở đâu chạy về đến nơi..

Hẳn các ngài đã đoán trước ngay rằng máu ghen của anh Tam mà đùng-đùng nổi lên, thời chú Quyền Ván-Cách sẽ bị trói gô vào chân giường và phải trận đòn tan thịt nát da.

Thế nhưng anh Tam tuy hơi tức đầy lên đến cổ, mà cũng cố nén ngay. Anh ấy nén vì anh ấy sợ Ván-Cách là người Nhà nước, lại có sức có quyền hơn anh ta, mà anh ta thời hèn-hạ, thời thôi, khuôn-xếp cho xong là hơn cả. Cho nên anh ta chỉ lấy lời lẽ ngọt-ngào mà nói với Ván-Cách, chứ không giám lôi-thôi.

Vậy mà Ván-Cách nào phải người biết điều, thấy Tam chịu nước lép, thời lại làm già, sấn lại tát cho Tam mấy cái.

Ngờ đâu Tam giữ được cái chầy giã giò, giơ lên đỡ. Nhưng Ván-Cách tưởng Tam đánh, quờ tay rật phắt ngay được cái chầy, rồi giơ thẳng cánh, «a, đê, toa, hấp,» thời sống mũi Tam máu chầy đầm-đìa! Tam bất-tỉnh nhân-sự, miệng kêu rầm làng sóm.

Nghe tiếng kêu cứu, người phố kéo lại rất đông, mới gỡ được đám đánh nhau ấy. Nhưng chú Ván-Cách vẫn còn hung-hăng lắm, chỏ vào mặt Tam mà mắng rằng:

— Mày láo! "Tăng xương!" Mày không biết ông là ai à?

Hàng phố thấy truyện bất bình, thời ai cũng thương hai vợ chồng Tam bị bắt nạt một cách vô lý. Lúc ấy Ván-Cách đã về rồi, cho nên nhiều người mới xui Tam đi trình ngay quan Huyện để ngài trừng phạt kẻ hay lấy thịt đè người...

— Ừ, cậy là lính huyện mà vào hiếp vợ người ta, lại còn đánh người ta, thời pháp luật nào dung?

— Phải đi kiện mới được, bắt nạt thế, ai chịu nổi!

— Cứ kiện đi, đã có tôi làm chứng. nếu để nó quen thói, thời nay nó hiếp vợ anh, mai nó tha gì vợ tôi?

Sau một lúc bàn ra bàn vào, mãi anh Tam mới dám đội khăn mặc áo đi vào huyện.

Quan Huyện ở trong nhà tư, ngài đương đánh tài-bàn. Thấy đương đêm có ầm ầm tiếng kêu, thời ngài cũng đoán là có truyện gì to sẩy ra đó, nhưng vì chưa có ai báo, thời chưa chắc đã to bằng ván bài phải báo của thầy Thừa ù sửu-bàn thiếu lưng!

Quan cười ha hả. Các cậu lệ thấy Quan vui cũng tủm-tỉm liếc nhau. Bỗng có tiếng rì-rào ngoài cửa mà người kéo lố nhố đầy sân, cậu lệ đang hầu nước bài, phải ngẩc mắt lên nhìn mãi, đến nỗi phải chửi, vì quan bàn quân ăn quân đánh mà không biết.

Lúc ấy, tiếng xôn-xao càng to, cho nên quan cũng biết tất tà đám kêu to ngoài phố khi nãy.

Ấy cũng may cho anh Tam, vì trình quan ngay vào lúc ngài đương vui tính, vì đáng lẽ thời phải chờ đến buổi hầu sáng hôm sau mới được vào kia đấy.

Quan cho cậu lệ ra hỏi truyện gì, thời thấy cậu giắt anh Tam vào. Giá lúc ấy Quan không mải nhìn quân bài dưới chiếu, thời hẳn ngài đã thấy anh Tam mặt mũi máu bê-bết, quần áo rách tả-tơi.

Anh Tam vái chào, khúm-núm gãi đầu, chắp tay, bẩm hết cả nỗi vợ bị hiếp là thế, mình bị đánh là thế. Câu truyện rất dài, Nên anh Tam phải kể làm ba bốn nấc mới hết, vì thỉnh-thoảng Quan cắt quẩng mà hỏi vặn rằng:

— Khoan! cửu-vẫn đấy, có phải không? Chíu... Gượm! gì? sao không xướng to lên?

Khi câu truyện bẩm xong thì vừa hết ván bài. Quan ngẩng đầu lên nhìn anh Tam, rồi cho gọi chị Tam vào. Quan ngắm một lúc, hai con mắt sáng quắc như hai ngọn đèn-trời, khiến cho hai vợ chồng nhả hàng bánh giò phải thất đảm, rồi ngài nghiêm nét mặt lại, như có ý muốn nghĩ để phân xử cho công minh.

Lúc đó, ngoài sân tối mù mù, người đứng xem ở đằng xa cố ngậm miệng nín hơi để nghe. Một lúc, ngài sang-sảng tiếng truyền xuống, như ông Long - thần ban hạnh-phúc cho chúng-sinh mà giậy rằng:

— Đáng lẽ đương đêm, chúng bay đánh nhau, thời không biết nếp tẻ ra làm sao, ông hãy bỏ tù 24 giờ cái đã. Nhưng ông tha cho về làm ăn lương thiện, không được lôi-thôi nữa. Vả lại vợ mày thế kia, thời chắc hẳn cũng có thế nào với nó, thời nó mới thế chứ? Thôi ông cho về. Ông đang bận.

Một tiếng "dạ" dài, rồi anh Tam thụp xuống đất lậy tạ Quan hai lậy, đoạn lom-khom lui ra, nét mặt vui-vẻ như người biết an phận, dỉ tai nói với vợ rằng:

— May quá! suýt nữa thời phải ngồi tù, thực là hạnh-phúc! Lậy Quan-lớn ngàn năm!

9 Octobre 1930

Nguyên-công-Hoan

(Lao-kay)

Khi tôi cũng trọ với một ông Đốc-học trường tư-thục ở Hà-nội ta, có được thấy một cảnh **học-trò An-nam ta** đáng thương mà đáng giận; song có lẽ nên thương nhiều hơn.

Một người học-trò đến tìm lên chỗ thư-trai của chúng tôi, chắp tay vái chào thầy học cũ, tức là ông Đốc kia, và chào tôi... Rồi đứng lên nét mặt bơ-phờ vô hạn; mình mặc áo the thâm đã cũ, chân đi đôi giầy ta đã vá, tay cầm cái mũ trắng; nhìn trước nhìn sau, lại nhìn chúng tôi, sẽ nói :

— Thầy thương lấy con! . . .

Tôi không hiểu truyện gì. Nhìn bạn tôi; thấy ông Đốc nét mặt cũng tần-ngần bảo người học-trò;

— Anh hãy lại trường đợi tôi rồi tôi sẽ lại, tôi bàn tính giúp công việc của anh.

Người học-trò dón-dén đi ra, bạn tôi bảo tôi:

— Cảnh hắn đáng thương quá, không biết làm thế nào mà giúp cho hắn! Hắn đến học ở trường tôi được một tháng thì bỏ, – khi mới đến đã có bằng Certificat. Bỏ được mấy hôm, lại thấy hắn đến lần này nói xin việc làm tại trường, vì vừa gặp gia-biến. Nguyên cha hắn mất, hắn nhờ mẹ nuôi cho đi học, vừa rồi mẹ hắn mất nốt, bơ-vơ một mình, năm nay đã 18 tuổi, cũng không phải còn bé mọn gì. Họ hàng thân-thích thì không biết ra sao mà hắn ra chừng cô-độc khổ cực lắm. Hắn nói muốn gửi mình làm con nuôi tôi, nhờ tôi gây dựng! mà tôi chưa có vợ, không lẽ có người con nuôi lớn đến thế. Tìm việc giúp hắn thì khó lắm; chẳng nói bác cũng biết ở xã-hội ta bây giờ ruồi nhiều mà mật ít, dẫu đỗ đạt cao hơn hắn cũng vô-nghệ chan chan, huống-hồ có một bằng certificat, nghề riêng thì không biết, như hắn, thật không thu xếp cho vào sở nào cho xong? Tôi giả lại cho hắn số học-phí hắn nộp ở trường-học và bảo về nhà đợi tôi, còn đi hỏi xem có ai dùng hắn chăng. Nay hắn lại đến hỏi đấy.

Người bạn tôi lại lấy đưa cho tôi xem quyển sổ học-sinh (Livret scolaire) của người học-trò ấy, và một cái thư của người ấy viết cho bạn tôi. Xem quyển Livret thì là một người học trò, tuy không xuất sắc, song cũng cần mẫn mà thông. Rồi xem đến cái thơ. Tôi không nhớ nguyên văn cái thơ, song chỉ nhớ rằng người học trò ấy van với ông Đốc xin tế-độ cho, bằng không thì «*có lẽ hắn phải đành liều, liều mạng với một mũi dao, hay theo giòng nước chảy cho qua cái đời khốn-nạn*». Nhời thơ cũng có vẻ văn-nhã mà sao ý trong thơ thời nhu-nhược dút-dát đến như thế. Tôi không thể đừng nói với ông Đốc bạn tôi rằng :

— Mình sẵn lòng thương cái nông-nỗi của cậu này, mà xem đến cái thơ, không thể sao mà không phê vào cho một chữ «hèn», sao quá nói đến thế? Ở đời sống mới khó, chết thì khó gì?

Nay nhắc lại câu truyện, chỉ có ý tỏ cho xã-hội biết một cái trạng-thái rất đáng lo: Số người thiếu-niên học giở giang không có việc làm, ngày càng đông là một việc lo. Người thiếu-niên quen ỷ lại vào gia-đình, khi ra đời lại cầu ỷ lại người khác «gửi mình vào đây, gửi mình vào đó» mà không có ý-kiến gì thiết thực đối với hoàn-cảnh riêng của mình là hai điều đáng lo. Người thiếu niên đối với hoàn-cảnh không có cái nghị-lực mà nhất tâm phấn đấu với việc khó khăn, thấy khó thời chỉ biết nói đến «tự vẫn», hèn yếu như thế là ba điều đáng lo. « Thiếu-niên là hy-vọng của xã-hội quốc-gia » ai chẳng biết câu ấy. Thiếu-niên yếu hèn, thiếu-niên nghĩ sao? Xã-hội nghĩ sao?

Ng. T. L. (*Hanoi*) *

Thuốc **SỐT RẾT NGÃ NƯỚC**
Gia-truyền rất thần hiệu.
Bán tại hiệu **LIÊN-HUY**
số nhà 68 Phố **Hàng-Trống**
(Maréchal Foch) NAM-ĐỊNH.

HẠT MÁU RƠI

BI - KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu - Sử Vũ - Bằng Soạn.

(*Tiếp theo số 16*)

SEN II

. . . . . .

Mộng-Anh : Vâng, tôi mới ở nhà thương ra.

Vị-Côi : Thế bà phải ra làm sao ? giở giời giở đất thội chứ?

Mộng-Anh: Thưa ông vâng! Tôi phải cái . . . dạo này mệt lắm, thân-thể ngày ngày nó cứ hốc-hác hao-mòn, tôi vào nhà thương từ hôm mười sắu, tính ra hôm nay chẵn tám ngày.

Vị-Côi : Bây giờ bà đã bình-phục hẳn rồi chứ ?

Mộng-Anh: Ông trông tôi khắc biết lọ là phải hỏi làm gì . . . . .

(một lát sau) Nhưng thưa ông việc ấy nói thế tôi thiết-tưởng là đủ rồi, ta chớ nên giằng-giải làm gì cho phí thì-giờ vô-ích. Hôm nay tôi đến chỉ cốt nói có về một truyện ấy thế là đủ. Thôi tôi xin phép ông (đứng giậy).

Vị-Côi : Bà hãy ngồi chơi.

Mộng-Anh : Lạy ông thôi . . .

Vị-Côi (đứng dậy) : Lạy bà . . .

(**Mộng-Anh**, ra đến gần bu : (ửa thì . . .)

Vị-Côi (nói với ıa) : Việc đã đến thế, thôi bà cũng đừng nghĩ đến làm gì . . .

Mộng-Anh : (Đứng dừng lại, trông rõ vào mặt **Vị-Côi**, vừa nói vừa khóc) Giời ôi, một việc như thế mà ông bảo tôi đừng nghĩ đến làm gì !

Vị-Côi : . . . . . Tôi xin từ đây . . . . .

Mộng-Anh : Từ đây làm sao? thưa ông !

Vị-Côi, Từ đây tôi xin giữ chu-đáo hết cái danh-tiết của bà, tôi xin dâng một bầu tim nóng này hầu bà . . . mà, đối với cái tình của bà, tôi không dám bao giờ phụ.

Mộng-Anh (nói một mình): Giả-dối, những nhời ấy ta tin thế nào được? (nói to) Không.

Vị-Côi : Bà cứ nghĩ lại mà xem . . . .

Mộng-Anh : Không ! (bước ra)

SEN III

Bớt Mộng-Anh

(Giời tối gian buồng của Vị-Côi lúc này lù mù trông thật là u-uất buồn rầu)

Vị-Côi : (quay vào ngồi phịch xuống ghế, trông theo mãi Mộng - Anh thở dài như bị lương - tâm cắn dứt, vì lúc hai tay chắp ra đằng sau đi đi lại lại trong buồng có lúc gật đầu có lúc cắn môi nghĩ ngợi, có lúc ngồi xuống ghế ôm đầu vò tóc, vỗ trán, có lúc nắm chặt lấy chiếc mùi soa. . . . .) : Dả dối, tôi không muốn trông thấy mặt ông một lần nào nữa (lắc đầu) Tưởng đến những lúc. . . . . ông giết tôi rồi, ông hại tôi rồi Giời ơi ! ông bóp bẹp hạnh - phúc một đời tôi ông. . . cô ta đương nằm vùng giở dậy mà bưng mặt khóc . . . rồi như gấp một sự tai biến gì, nói xong vội chạy đi, nghĩ cũng ái ngại thật.

Nhưng sự nó đã thế này thì biết làm thế nào ? Mặc kệ ? thì không đành mà. . . (Có tiếng gọi cửa),

Nhỏ

SEN IV

Vị-Côi và Mộng-Anh

Mộng-Anh vẫn ăn mặc thế, vẫn buồn rầu thế bước vào. . .

(Nàng ngồi phịch xuống ghế Vị-Côi không hiểu ra làm sao nhìn trộm Mộng-Anh từng lúc.)

Mộng-Anh (cúi mặt xuống bàn lắc đầu) tôi đã cự tuyệt ông, quyết định rằng t

nay không còn dám...trông thấy mặt nữa nhưng...nghĩ đi thì thế nghĩ lại thì tôi lại không thể nào mà như thế được.

Vị-Côi : (Nghe cúi gầm mặt xuống không dám ngẩng lên). . . .

Mộng-Anh : Vừa rồi tôi về đến nhà tôi. Nhưng tôi nghĩ...nghĩ ra thì biết rằng có cự tuyệt ông rồi tôi cũng chẳng được yên lành mát ngọt với ông trời ác nghiệt kia nên tôi chẳng ngại gì mưa gió đêm khuya, lại đành phải đến đấy lần nữa.

Phải ông ạ. Bây giờ cho có cự tuyệt ông, thì liệu tôi có làm gì được nữa? Thôi, đã đến thế này... mặc...đời tôi, ông đã cướp mất rồi, hạnh-phúc tương lai của hai mươi, hăm mốt cái xuân xanh đều ở như tay ông cả... thì ông bảo tôi còn biết làm thế nào bây giờ? Thôi.... tôi cũng đành phú mặc tay giời, tôi cũng đành giao phó cái thân tôi ô uế này cho người đã đưa đẩy.

Vị-Côi, (ngửng mặt lên) : À! Bà nghĩ lại rồi, bà đã nghĩ lại cho tôi rồi..(đứng giậy vái dài một cái) thế thì Vi-Côi vô-hạnh này biết lấy gì mà tạ lòng người trí-kỷ đã có cái lượng dung người như thế được?

Tôi sướng quá.

Mợ ơi! Mợ đã tái tạo cho tôi đấy.

(ngồi xuống ghế) thôi tôi xin mợ, tôi van mợ, cái điều nhầm-nhỡ trước kia tôi xin mợ tha thứ cho tôi, tôi xin mợ đừng nhắc đến nữa, xin mợ đừng nói đến nữa, xin mợ cũng đừng nhớ đến nữa. Mợ nhắc đến, mợ nói đến, mợ nhớ đến việc ấy bao nhiêu thì lại cứ làm cho tôi ân-hận trong lòng . . .

Thôi xưa kia ta thân yêu nhau thế nào thì bây giờ ta cũng phải thân yêu nhau như thế nhé, mợ nhé.

Mộng-Anh (lặng ngắt không trả lời) . . .

Vị-Côi : . . . . Sao mợ chẳng nói chẳng rằng gì thế? Mợ hẳy còn giận tôi đấy ư? (một lát sau) mợ buồn . . . không, không tôi không muốn để mợ buồn cơ . . . (một lát sau) tôi không dám dối mợ, tôi không dám nói khoe-khoang với mợ, tôi tuy bất tài nhưng quyết thế nào cũng làm cho mợ được vui lòng mợ ạ . . . . tôi xin bao giờ cũng có một cái ái-tình chân-thật với mợ nhé!

(hai người đều lặng im)

Mộng-Anh, ... Đời bây giờ biết thế nào mà quyết đoán được? Được bước nào . . . vâng tôi cũng hay bước ấy ... Chứ mai sau . . . . . khốn khổ . . . . . (chép miệng)

Vị-Côi : Ấy sao mợ lại cứ nghĩ thế? Mợ không tin tý nào . . . Mợ ngại rằng mai sau thủy-chung tôi không giữ được thường thường mãi mấy mợ chăng? Chết! chết chửa thế mợ cho tôi là người gì? Tôi tiếc rằng không có cách gì có thể đem phân bầy trái tim trong sạch của tôi ra để mợ xem, mợ xét, để mợ rõ cho mợ biết cho tôi rằng lúc nào tôi cũng chỉ biết có một mợ, một mình mợ . . . . . Mợ ơi, mợ, mợ cứ tin ở như tôi là được Tôi không dám nói dối mợ đâu; Từ giầy cho đến chết tôi xin thề rằng con mắt này chỉ để riêng nhìn mợ, tấm lòng này chỉ để riêng tặng mợ tôi xin . . . . chỉ quí mợ chỉ đem một tấm ái-tình đầy đủ giao cho mình mợ . . . mợ . . . ạ

(**Vị-Côi** lại gần vịn vào vai **Mộng-Anh** Thong thả, nàng dựa vào người chàng từ từ.)

HẠ-MÀN

DOAN THƯ' NHI

Cách đây ba tháng

(Vẫn cảnh như đoạn thứ nhất; nhưng bàn ghế sạch sẽ và sách vở thứ tự hơn vì hình như đã có tay người đàn bà coi sóc.)

SEN I

(Lúc kéo màn lên, *Mộng-Anh* đương xem quyển *Sản-dục chỉ-nam*, lẩm bẩm đọc không nghe thấy tiếng, thỉnh thoảng chỉ thấy cập môi cô mấp máy mà thôi. Cô trông

gầy và nhợt nhạt xanh sao hơn trước nhiều cô đã có mang ba tháng.

Lúc ấy giữa trưa?

SEN II

Mộng-Anh rồi Nhỏ

Mộng-Anh (Bỏ sách xuống bàn): nhỏ ơi!

Nhỏ: Dạ (chạy ra.) Thưa mợ bảo gì con ạ?

Mộng-Anh: Thế nào? Cơm nước đã xong chưa?

Nhỏ: Thưa mợ, xong cả rồi ạ . . mợ để con bưng lên trên nhà . . . . Cậu con hôm nay về khi muộn.

Mộng-Anh: Ừ! con cứ bưng cơm lên trước đi, cậu con cũng sắp sửa về rồi đấy. Mấy giờ rồi?

Nhỏ: À cậu đã về đây kia! (vào).

SEN III

Mộng-Anh rồi Vị-Côi

Mộng-Anh: Kìa! cậu đã về. . . Vừa mới nói song! (*Vị-Côi* ra)

Mộng-Anh: Sao cậu hôm nay về muộn thế . . . . . .

Vị-Côi: (bỏ mũ ngồi xuống ghế) Vâng phải hôm nay tôi về chậm hơn mọi ngày, tòa báo bận quá . . . . .

Mộng-Anh: Có việc gì thế cậu?

Vị-côi: À . . . . tôi phải ra đằng phủ Thống-Sứ lấy mấy cái tin hệ-trọng không dám để phóng-viên họ đi, sợ nhầm, mấy lại đón tiếp mấy vị Dân-biểu ở Saigon mới ra, thành thử lại phải chậm lại đến ngót nửa giờ đồng hồ bây giờ mới về được.

Mộng-Anh: Đấy! thế mà cậu cứ bảo không đến nữa đi! Sáng tôi có dục mãi thì cậu mới buồn đi đấy! (hai người trông nhau mà cười).

Mộng-Anh: Cậu dạo này lười quá. Năm thì mười họa mới lên trên ấy một lần. . . Báo dạo này thế nào? hở cậu! chạy được bằng trước không? Coi khéo đấy, cậu ạ! Cậu cố mà trông nom lấy chứ cứ để cho một mình người chủ bút, thì. . . . . .

Tôi lo quá. . . Có thế nào, chỉ sợ người ta ở ngoài, lại tưởng rằng tôi rủ rê cậu . . . để cậu. . . . . .

Vị-Côi: Việc quái gì! mợ cứ nghĩ thế. . . (một lát sau) Báo nhờ giời độ này cũng khá mỗi một ngày ra sâm si cũng được đến sáu bảy nghìn tờ, mợ ạ!

(đổi giọng) Tôi cứ kể ra cũng phải trông nom lắm đấy chứ . . . Mợ tính (móc túi lấy tờ báo gấp làm tư ra) Đây này! mợ xem, có phải bây giờ nội-dung tờ báo của tôi đẹp đẽ hơn trước nhiều, không? (rở trang sau) Tin tức lấy nhanh chóng mà văn chương nghị luận sác đáng và thích-trung hơn các báo ta ở Hà-thành nhiều!

Vị-Côi: Tôi mượn được bác *Giang-hồ-Khách* vào làm chủ-bút thành-thử được quốc-dân hoan-nghênh lạ thường . . .

À, này thế nhưng thế nào? đã xơi cơm chưa

MộngAnh: (bỏ tờ báo xuống bàn, nhìn *Vị-Côi* một cách rất hữu tình) Chưa! tôi đã cơm đâu . . . đợi cậu về ăn một thể cho vui!

Vị-Côi: (trông thấy quyển sản-dục) quyển gì thế kia? (định cầm nhưng *Mộng-Anh* cầm lấy trước, rở cái bìa cho xem)

Mộng-Anh: Tôi vừa mua đấy, cậu ạ.

Vị-Côi: Quyển sản-dục chỉ-nam của ĐỐC LUYỆN đấy mà! Mợ mua làm gì thế?

MộngAnh: Còn mua làm gì nữa? cậu hỏi dở lắm . . . cậu lại còn không biết ư? (ra dáng thẹn). Cậu ạ (đưa sách cho Vị-Côi) quyển sách này họ nói kỹ càng lắm, cậu ạ! Cách đi đứng giữ gìn, cử chỉ ăn uống . . . . . của người đàn bà trong này có hết cả.

Vị-Côi: nghe *Mộng-Anh* nói, nét mặt đổi hẳn, nhưng sự thay đổi ấy đi mau như luồng điện nên *Mộng-Anh* không trông thấy.

Vị-Côi: (rở sách không nói gì cả.)

Mộng-Anh: Đây này! (lại gần *Vị-Côi* rở sách, tìm cái trang mình định tìm) Đây này! (chỉ vào) cậu xem . . . . . có phải

không? Đủ cả! chả thiếu thức gì . . . . Chỗ này giậy bảo người liền bà cách giữ gìn cái thai khi đã được ba bốn tháng, còn chỗ này . . . . cách ăn uống, kiêng những thứ gì . . . này cậu này!

Tôi chắc không có quyển nào chỉ rõ hơn quyển này . . . có ích lắm cậu ạ! (một lát sau) Thôi ta vào ăn cơm đi cậu . . . . . (*Vị-Côi* vờ làm hình như xem quyển sách ấy thích lắm) Đi vào đi cậu.

Vị-Côi (ngửng lên): Tôi mệt lắm, mợ ạ! Thôi hay là mợ vào sơi . . . . tôi hôm nay không muốn ăn, mệt quá . . .

Mộng-Anh: Cậu để tôi ăn một mình à? không tôi không ăn thế đâu . . . . . Cậu vào cùng ăn với tôi đi . . . cho vui, Cơm nóng đấy cậu ạ . . . Cậu mệt thì cũng phải ăn một lưng chứ! . . . ai lại nhịn thế! chịu thế nào được. Đi cậu!

Vị-Côi: Tôi mệt quá kia mợ ạ! có ăn bây giờ cũng không ngon . . . . .

Mộng-Anh: Thì tôi cũng chẳng ăn nữa.

Vị-Côi: Ấy! mợ cứ vào xơi đi chứ ai lại thế . . . .

Mộng-Anh: Cậu đi làm việc, cặm-cụi cả ngày, vật thây vật sác ra ý mà về . . . . không ăn lấy một miếng cơm thì người nó có hao-mòn dần dần đi không? Hay là tôi bảo thằng nhỏ nó cầm liền mua ít cháo mua ít cháo hiệu về cậu sơi nhé.

Vị-Côi: Vâng! Được . . . được, mợ cứ vào đi, để ở ngoài này tôi bảo nó cho. (*Mộng-Anh* vào)

SEN IV

Bớt Mộng-Anh

Vị-côi: Liếc mắt nhìn *Mộng-Anh* đi vào trong nhà, rồi ngồi đờ người ra một hồi lâu. Để quyển sách xuống bàn hai tay cho vào trong túi quần, đi đi, lại lại trong buồng mặt ra dáng thâm trầm nghĩ ngợi. (Thỉnh thoảng lại gật đầu) ngồi xuống ghế chống tay rồi ôm lấy đầu.

Chắc không? Cũng có lẽ... Có lẽ thật; Ờ! tính đốt tay một...hai, ba ... Ờ hai tay đập xuống bàn ra dáng thất vọng, rồi lại cầm quyển sách, nhìn thẳng vào tờ bìa chắc trong lúc bối rối không trông thấy chữ (gật đầu đứng dậy săm săm đi vào trong nhà nhưng đến bực cửa nghĩ thế nào lại quay ra ngồi thụp xuống ghế). Chết chửa! đứa bé sau này (lại khoanh tay cúi mặt xuống bàn nghĩ ngợi hay là mình thi-hành cái kế nghĩ đêm hôm qua? . . . (một lát sau) lắc đầu, một lát sau: thì đành vậy thôi . . . (cắn môi) Ừ thế cũng phải...Con người mình yêu, sưa trong ngọc trắng ngà là thế . . . Bây giờ chẳng được lấy một hai phần...(thở hắt ra) Lưu luyến làm gì! (Đứng dậy cầm mũ đi ra cửa. Đứng ở cửa một lúc, lại quay vào) Một mẹ một con nuôi lấy nhau...mà đứa trẻ rồi sài đẹn, rồi yếu đau, rồi thuốc thang... Trăm thứ nghìn thứ...Không đành tội nghiệp!

(Thay hẳn nét mặt) ra dáng không thế thì không được.....

Phải bỏ...chuồn đi, xéo thôi...

(Rở ví lấy một tờ giấy trắng, rút quản bút máy ở túi áo trên quay đi quay lại quản bút định viết lại thôi, thôi lại viết. Sau cắm đầu cắm cổ viết, thỉnh thoảng lại ngẩng mặt lên trông thẳng. Viết song chàng nghĩ thế nào lại lấy bao riêm ở túi quần, sòe ra định đốt. Chàng lắc đầu rồi giở ví lấy ra ba cái giấy 20$ chỗ này thì để giả chủ nhà này. Còn chỗ này thì chi tiêu vặt vãnh tứ giờ cho đến cuối tháng. Gấp cái giấy với bức thư cho vào dữa quyển Sản-dục chỉ nam. (ngồi im một lúc lâu sau)

SEN V

Vị-Côi, Nhỏ

Vị-Côi, Nhỏ ơi!

Nhỏ dạ (ra)

Vị-Côi (hất hàm): Ra trông nhà! Tao đi lại đằng này một lát....

Nhỏ: Thưa Cậu vâng ạ!

(**Vị-Côi**: quay ra rồi lại giở lại), mày! Chốc Mợ sơi cơm song có ra... mày nhớ bảo mợ cho tao mấy thứ vặt vãnh biên trong tờ giấy để ở quyển kia nhé..... (thong thả bước ra)

(*Còn nữa*)

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

ĐEM CHUỒNG ĐI ĐẤM NƯỚC NGƯỜI

Người Việt-Nam lại giết người Việt-Nam

Báo Tầu sang kỳ này có tin rằng: Tuyên-truyền bộ-trưởng Chấp-Hành Ủy-Viên Việt-Nam Quốc-Dân đảng là **Từ-Thượng-Mai**, vừa bị một người trong đảng ấy là Đào-văn-Cửu ám-sát ở số 8 phố Hồng-Đức tỉnh thành Quảng-Đông hồi chiều ngày 6 vừa rồi, Đào-văn-Cửu theo Ủy-Viên trưởng của Tổng-đảng-bộ, đảng ấy là Lệnh-trạch dân sang Quảng-Đông làm việc đảng, sau khi sẩy ra việc ám-sát rồi, Lệnh trạch dân có nhờ Công-an cục nã bắt hung-thủ, Từ-Thượng-Mai sau khi bị bắn, có đem đến y-viện cứu-cấp. những vết thương nặng quá lại để lâu quá nên không cứu được, đất ắt hơi chết rồi.

Khám sác Từ-Thượng-Mai thấy bị 6 vết đạn; một vết ở ngực, hai vết ở cạnh sườn bên trái, một vết ở dưới xương sống, hai vết ở tay trái.

Đảng ấy vì Từ-Thượng-Mai là người quan-trọng cho đảng, nên chia nhau đi giò xét hung-thủ, sở mật-thám Tầu cũng giúp sức, nhưng chưa bắt được gì cả.

Th.-Ng.

Các tướng lân-quốc tới dự cuộc tập trận Đông-Dương

Cuộc tập trận tháng Janvier của Đông-Dương năm nay có một cái tính cách đặc biệt. Vì vậy chính-phủ Đông-Dương có mời nội các binh quốc gia các lân quốc-tới dự.

Các vị tướng các nước láng diềng Đông-Dương xin đăng tên sau này:

Phi-luật-Tân, Thogn tuơng John L. Hines đại-úy, jonh Rolin Davis trung-úy Hines tỳ-tướng Cleand

Nhật-Bản.- Trung tướng Kaba, trung úy Kamiya và một viên hạ sỹ quan.

Hương-Cảng. — Đại-Tá Saville, quản đốc các đội binh Anh ở Trung-Hoa.

Ao-Mốn. — Thiếu-tá Lello

Nam-Dương. — Trung-Tá Boerstra tòa tham-mưu.

Singapour. — Một viên thiếu-tá tòa tham-mưu.

Xiêm. — Trung-tướng Phya Anoubhab Traibol phó tòa tham-mưu Xiêm, đại-tá Phya Ram Chatourony, quản đốc đội thị vệ và đại-úy Luang Sura ở Nam.

Vân-Nam. — Nguyên-soái Cao-anh-Hoài và đại tá Cao-tân-Hồng và một viên thông ngôn.

Các vị thượng khách của chính-phủ sẽ ngụ cả tại khách sạn Métropole.

Trung-Bắc

TRUNG-KỲ

Cuộc biểu-tình ở Quảng-Ngãi đêm hôm 16 Janvier vừa rồi

Sáng nay 19 Janvier phủ Toàn-quyền có lai cảo tin sau này:

Đêm hôm 16 rạng 17 Janvier vừa rồi, tại huyện Sơn-Tinh, tỉnh Quảng-Ngãi, có xẩy ra một cuộc biểu-tình đến mấy nghìn người.

Lính khố xanh phải bắn súng để giải tán, bọn biểu tình phải 6 người chết, 15 người bị thương và 35 người bị bắt.

Lập tức ở Tourane cho một toán lính thuộc địa đến hợp sức với toán lính thuộc-địa vẫn đóng ở Quảng-Ngãi.

Đã cho nhiều toán lính đi tuần. Không xẩy ra việc gì nữa.

Trung-Bắc

Lại cuộc biểu tình ở tỉnh Quảng-Ngãi

(TRUNG-KỲ)

Hôm 19 Janvier vừa rồi trong hạt tỉnh Quảng-Ngãi lại mới sẩy ra một cuộc biểu tình nữa. Bọn biểu-tình cả thầy độ hai nghìn người đã bị linh khố xanh có đội bộ binh thuộc địa giúp sức giả tán được. Ba mươi nhăm người bị bắt.

Quan Khâm-Sứ Trung-Kỳ cùng với quan Đại-Tá chưởng binh tại Huế đã vào Quảng-Ngãi để quyết định việc phân-phái các đồn mới sẽ lập trong miền Quảng-Ngãi linh đóng tại các đồn, ấy là những toán lính khố xanh trích ở sở binh chấn thủ tại Tourane đem vào,

Thực-Nghiệp

Việc Trung-Hoa đòi lại Quảng-Châu-Loan

Vương-chính-Đình ngoại giao bộ tổng trưởng của chính-phủ Nam-Kinh vừa rồi ở Thượng-Hải có nói rằng đang cho phục thư của nước Pháp về việc xin lại Quảng-Châu-Loan. Vương nói có lẽ cuối Janvier thì Pháp trả lời và có lẽ không gây nên điều gì khó khăn cản trở việc này.

Trung-Bắc

Công việc ngoại giao Trung-Hoa trong hai năm nay

Bộ ngoại giao Nam-Kinh ngày 9 Janvier có phái viên đến đài vô - tuyến - điện luồng rộng, báo cáo về công việc ngoại giao đã làm trong năm Dân-Quốc 19 và dự định trong năm 20 này. Đại ý như sau này :

Việc thành công rất lớn trong năm ngoái tức là việc được hoàn - toàn tự chủ về quan thuế. Thứ nữa đến việc thu hồi tô-giới và đất tô-tá cũng gần được thành công, những nơi đã thu về được như Trấn-giang đất tô-tá của Anh ở Hạ-môn, và Ủy hai về Cuối tháng c ạp năm ngoái, bộ ngoại giao lại yêu cầu hai nước Pháp, Nhật giao giả tô-giới của hai nước Hán-Khẩu. Việc thu hồi tô-giới Bỉ ở Thiên-Tân, vì cuối năm ngoái gấp quá, nên đổi đến ngày 15 Janvier này tiếp thu. Việc thu hồi đất tô-tá ở Quảng - Châu - Loan, hiện đang dự-bị và đã gửi tờ chiếu hội cho Công - Sứ Pháp, xin mở cnộc đàm phán ngay, chẳng bao lâu sẽ bàn định cách thu hồi tô-giới công cộng ở Cổ-lãng-dữ, bộ ngoại-giao cũng đang dự bị. Đến như việc thu hồi tô giới Pháp, Nhật ở Hán-Khẩu, bộ ngoại giao đang cùng hai nước đàm phán, mưu sớm đạt cái mục - đích thu-hồi.

Trung-Bắc

Bọn Trương - phát - Khuê vẫn chưa chịu bãi chiến

Thời cục Quảng-Tây vẫn chưa giải quyết xong, trong vài tháng nay vì Hoàng - thiếu - Hùng và các yếu-nhân đều đứng ra hô hào hòa bình và nhận trách-nhiệm thu thập tân bộ quân Quảng-tây, nên các tướng lính Quảng-đông cũng đình chỉ việc tiến công để chờ xem thế nào. Mãi nay bọn Lý-tôn-Nhân, Bạch-sùng-Hy vẫn còn cái giã tâm, quyến luyến địa bàn, không chịu bỏ đi, nhất là Trương-phát-Khuê lại càng cương ngạnh lắm, tỏ ra cái thái độ nếu hãy còn một viên đạn cũng quyết đánh nhau đến cùng, chứ không chịu nhụt. Vì thấy tình hình như vậy, các tướng lĩnh quân Quảng-đông cho là thời cục Quảng-tây không thể lấy hòa bình mà giải quyết được, vậy tất lại phải dùng binh mới xong. Hiện nay đã rục rịch tiến binh chẳng mấy ngày tại Quảng - tây lại sẽ có cuộc đại - chiến.

Trung-Bắc

Vân-Nam với Đông-Dương

Tin Thượng-Hải 5 Janvier 1931. — Trong bức điện văn chúc mừng năm mới của quan chức tỉnh Vân-Nam có nhắc Vương-Chính-Đình rằng : « Bản giao ước đinh kết với nước pháp về sự giao thiệp của Vân-Nam với Đông-Dương đã ký được bẩy tháng nay rồi »

Trong bức điện văn ấy có nói «Tuy chính-phủ tỉnh Vân-Nam đã bỏ các thứ thuế phụ ngạch mà người Pháp phàn nàn, thế những người Pháp vẫn cứ chì hoãn mãi, chưa nghe thấy nói đến việc ứng chuẩn bản giao ước này. Vả lại, sở Thương-Chính Đông-Dương đã đánh các thứ thuế mới về các hàng hóa của Vân-Nam tải qua Đông-Dương » Kết thúc bản điện ấy yêu cầu Vương-Chình-Đình can thiệp một cách rất cường quyết để được nước Pháp chóng ứng chuẩn bản giao-ước này.

Th. Ng.

Giặc cỏ ở Vân-Nam

Tin Vân-Nam-Phủ 27 Janvier. Miền Mông-Tự và Á Mỹ-Châu hiện nay vẫn còn rối loạn vì nỗi giặc cỏ cướp phá.

Đoàn xe lửa Hà-Khẩu mấy hôm gần đây đã hai lần bị giặc cỏ cướp phá. Tất cả những hành khách (những thợ thuyền các mỏ thiếc) đều bị bắt cóc đem vào vùng núi.

Hôm 26 Janvier vừa rồi, có tin rằng có một bọn giặc cỏ 700 trăm người ở vùng Tour-Tat :

Th. Ng.

Quảng-Tây với Nam-Kinh

Tin Thượng-Hải 26 Janvier. Lương-Quảng - Tây, Hoàng - Thiêu - Hùng đã tới Thượng-Hải thương lượng cuộc giải hòa của cánh Quảng-Tây với chính phủ Nam-Kinh. Hoàng có tuyên bố rằng : các lĩnh tụ cánh Quảng-Tây vẫn chủ trương những tôn chỉ khác với những tôn chí của chính phủ Nam-Kinh ; tỉnh Quảng-Tây quyết giữ một niềm tự trị rộng rãi. Cánh Quảng-Tây hiện nay hãy còn nhiều binh sỹ ; chính phủ Nam-Kinh nên phải nhường bỏ nhiều điều ; nếu không thì cánh tự trị (tức là cánh Quảng-Tây) cũng có thế lực khá mạnh để

làm cho những chính kiến của mình được thắng. Việc Hoàng đến Thượng-Hải ngày nay, không phải là một cái giấu hiệu thất bại hoặc hư nhược, mà chính là một sự cử động ái-quốc, cốt mưu gây dựng cuộc hòa bình.

Quảng-Tây với Vân-Nam

Tin Thượng-Hải 27 Janvier. — Những quân đội Quảng-Tây đánh đuổi các quân đội Vân-Nam nghe đâu nay đã sắp tới miền biên giới, ở Vân-Nam hình như đương phân vân về điều đó.

Th-Ng

TÌNH HÌNH ẤN-ĐỘ

Tại hội nghị bàn tròn hiến pháp Ấn-Độ

Ban nghị án lại định rằng trường nghị viện sẽ gom có từ 150 đến 200 nghị viện, có thể thay đổi từng phận, còn hạ nghị viện thì có 200 người bầu ra trong một hạn là 5 năm.

Londre 1 Janvier. — Lord Saucey hiện đã đem trình ông chánh hội nghị bản báo cáo của tiểu nan về vấn-đề hiến-pháp của các nước Ấn-Độ.

Trong bản báo cáo này hiến-pháp mới công-nhận rằng trách-nhiệm của chính phủ liên hiệp người Ấn-Độ phải chịu. Quan thủ hiến cũng có quyền ấy và sẽ do một hội-đồng nội-các giúp việc. Nội-các này do quan thủ-hiến cử ra và phải chịu trách-nhiệm trước nghị viện.

Về việc tài chính ban dự án này định sẽ lập ra một nhà ngân hàng coi sóc về thời giá tiền tài và thời giá hàng hóa.

DƯ LUẬN ẤN-ĐỘ ĐỐI VỚI

Hội nghị bàn tròn

Tại Ấn-Độ. dư luận không lấy gì làm hoan nghênh đều mà hội nghị bàn tròn đã quyết định. Có lẽ bọn đồ đệ ông Cam-Địa tại quốc hội sẽ không ưng chuẩn.

Phong trào tẩy chay

Bambay 13 Janvier. — Phong trào tẩy chay hiện nay lại nổi lên ở Bombay từ hôm qua. Có nhiều cuộc biểu tình để cổ động. Sở cảnh sát đã bắt nhiều người đang sóa các chữ số kẻ số nhà cửa ghi ở ngoài đường phố.

Phổ-Thông

Ông Gandhi đã được tha

Tin Bonbay ngày 26 Janvier Vì muốn cho trong nước được yên, nên chính-phủ Anh đã định tha cho ông Gandhi cùng các tay lãnh tụ quốc-dân đảng bị bắt bỏ tù tự cữ trước.

Người ta nói rằng khi được tin ấy, ông Gandhi muốn từ chối không chịu ra tù, vì rằng bản luật về thuế muối vẫn chưa bãi đi và còn nhiều người khác có dự vào cuộc phản kháng vẫn chưa được tha. Sau ít lâu thì có tin rằng ông Gandhi đã được tha ra ngoài; Ngay khi ở tù ra trong lời tuyên bố, ông Gandhi có nói cả quyết về tấm lòng công bằng của ông và lại nói thêm rằng ông sẽ sẵn lòng xét đủ mọi phương diện về các việc người Anh đãi lại, nhưng vẫn giữ cái tôn chỉ để chế các hàng dệt của Anh và ngăn trở cho việc đánh thuế muối.

Ông Gandhi có nói với phái viên hàng điện-báo Havas rằng xin với nhân dân Pháp xét kỹ cái vấn đề Ấn-Độ cho.

Chuyến xe lửa sáng nay đã đưa ông Gandhi tới Bombay. Công chúng ra hoan hô thánh Gandhi đông không biết bao nhiêu mà kể. Đoạn ông Gandhi lại đến Allahabad để thương nghị với lĩnh tụ quốc-dân-đảng khác mới được tha.

Thật vậy ở ALLAHABAD nhà lĩnh tụ Jawardal Nebru cũng vừa mới được tha.

Bombay ngày 27 Janvier. - khi ông Gandhi được tha, thì Bombay có làm lễ tế cờ quốc-dân-đảng tổ chức vào giữa ngày kỷ niệm độc lập.

Có tin rằng ngày thứ bẩy người Hồi có đến phá một đám rước, đánh nhiều người Ấn-Độ và mấy người cảnh sát bị thương.

Lính cảnh sát có bắn chết một người Hồi, ba trăm người bị bắt.

Ở Calcutta lính cảnh-sát có bắn viên xã trưởng thành ấy là người đứng đầu tổ chức cuộc kỷ niệm ngày độc lập.

Trung-Bắc-

Trái đất nặng bao nhiêu ?

Đời này là đời kim-tiền, là đời tranh-cạnh, mạnh được yếu thua, khôn sống, mống chết, chắc ai cũng vẫn biết như vậy.

Lúc ngồi học trong trường thời thôi, chớ hễ đem thân ra đóng góp với đời, tất nhiên là vào trường tranh cạnh, phải dụng hết tâm-tư não-lực của mình mà giành miếng ăn, mà giựt chỗ ở, chậm-chạp hư-hỏng một chút là không còn kể gì hồn !

Tuy vậy, trong lúc trái đất quay tròn, mặt trời mặt trăng chạy xuôi, chạy ngược, ở giữa đám người lăn-xăn lộn-xộn kia, cũng còn sót một người chăm-chỉ cặm-cụi trong bốn bức tường vôi trót, bẩy năm trường, bắt con số này nhân với con số kia, nắm đầu con số kia mà trừ với con số nọ, làm ra những bài toán quái-quái, kỳ-kỳ, chằng-chằng, chịt-chịt, mà cân thử xem trái đất nó nặng là bao nhiêu ! !

Cái người làm truyện lạ-lùng ấy là ông Bác-sĩ Heyl, người Huê-kỳ, mà cũng chỉ có người Huê-kỳ mới làm được chuyện cớ trên ấy chớ còn ai dám !

Mới đây Bác-sĩ đã tính-toán xong rồi, bèn vỗ tay hô lớn lên rằng: « Trái đất chỉ nặng cớ 6.592.000.000.000.000.000 ki-lôgs. không dư không thiếu một gờ-ram nào ! »

Ai dám cãi với Bác-sĩ bây giờ ?

Chắc không ai dám cãi, chỉ có một mình Đông-Châu dám cãi, song Đông-Châu không cãi đâu.

Không phải biết mình không có tài làm toán mà không dám cãi, mà nghĩ vì một ông Bác-sĩ già sáu bẩy mươi dám bỏ đời cạnh tranh và thì giờ vàng ngọc của mình trót bẩy năm, để ngồi cân sức của quả địa-cầu, nếu nay Đông-Châu cắc-cớ cãi lại rằng ông cân trật năm ba ki-lô, e ông tức mình rồi chết ngay, Đông-Châu đã phạm tội giết một ông già Huê-kỳ, lại mất hết một người nay mai lại tính đường dưới đất đi lên giời là mấy cây số, chẳng là uổng lắm!

Đông - Châu
Sài-Thành

Việc đóng tầu bay

Hiện giờ ta được thấy tầu bay luôn, hoặc có người được đi tầu bay rồi, song cũng chắc rằng không mấy người biết cách thức làm tầu bay ra thế nào. Nay nhân xem tạp chí « aventure » có một bài của ông Anbré-Lainé nói về việc ấy, xin thuật lại để độc giả nhân lãm.

Cách thử thăng bằng. — ở bên Tây đối với sự chắc chắn của tầu bay phải khám xét rất kỹ càng. Không hề có cái tầu bay nào khi bay ra là không có cái bằng cấp nhận thực là có thể bay được. Ở các nước khác, nhất là nước Mỹ, chính-phủ đối việc này có bề chểnh mảng.

Cách thử cẩn nhất là thử các cánh, các cánh người ta rải từng lượt cát lên, sức nặng vừa ngang vừa sức của tầu bay Muốn cẩn thận chắc chắn hơn nữa, người ta không cần sức nặng vừa với sức bay, mà cho sức nặng, nặng hơn những bảy tám lần, nếu không thấy nó méo mó là được. Người ta hay để cát nặng về phần trước cánh, vì chỗ ấy cản gió mạnh hơn cả và người ta cần phải xem xét mé trên có chắc chắn hơn mé dưới hay không, vì có hấp-lực của quả đất hút xuống, mà sức ép của không-khí ở mé trên mạnh hơn mé dưới, xem vậy ta cũng đã tưởng được sự chắc chắn của cái tầu bay là thế nào. Nay lại nói đến : *Những vật cần dùng để làm.* — Hiện nay toàn thân tầu bay chưa có thể làm bằng sắt cả được, nhưng sau này chắc thế nào cũng có thể làm được. Các nhà chế tạo kim khí mới tìm ra được một thứ thép riêng và a-mi-nhom pha rất nhẹ và rất cứng, tầu bay làm bằng loại kim khí đắt lắm. Nếu có làm được nhiều thì mấy có lợi, nhưng làm nhiều thì bán cho ai. Bởi vậy máy bay bây giờ chỉ có thân tầu bộ phận xuống đất, và một phần cánh là bằng sắt mà thôi. Còn thì toàn bằng gỗ vải.

Th. Ng

Le Gérant :
PHAM-DINH-KY

CÁC NHÀ ĐẠI-LÝ CỦA BẢN-CHÍ

Nam-Dinh :

Nam-Việt *(Harmand)*
Tân-Ninh *(Carreau)*
Hội-Ký —
Mỹ-Thắng : *(Protectoral)*
Lạc-Dân *(Henri-Rivière)*

Hanoi :

Bắc-kỳ thời-báo *(Colon)*
Tân-Dân —
Nhật-nam —
Đông-Tây —
Bùi-quang-Ý —
Cẩm-văn-Đường —
Thụy-ký *(Chanvre)*
Thiện-Hưng —
Cát-Thành —
Tr.-ph.-Thảo —
Thư-Lâm *(Chapeaux)*
Nam-Hưng *(Stores)*
Nam-Ký *(Fr. Garnier)*
Kiosque Tân-Dân *(Place de Négrier)*
Bình-Dân *(Éventails)*
Thọ-Tường *(Route Huế)*
Bùi - Quý —
Phúc-Thịnh *(Paniers)*
Kim-đức-Giang —
Nam-Long *(Papier)*
Tr.nh.Tiếp *(Ferblantiers)*
Xương-Ký —
Ngô-bích-San (Cầu-gỗ)

Hai-Phong :

Học-Hải, *(Ngõ-Nghè)*
N.-ng.-Bích *(Strasbourg)*
Nam-Tân *(A. Bonnal)*
Hương-Hát —

Hai-Dương :

Văn-Hải, *(Đông-Giang)*
Ph-q-Huân, *(Gia-Lộc)*
Dương-Xuân, *Commerce*

Bắc-Kạn :

Trương-phúc-An,

Bắc-Giang :

Tân-ích *(Rue Tân-Ninh)*
Hà-đ-Viên, *(Nghĩa-Long)*

Bắc-Ninh :

Quynh-Hoa, *(Ninh-Xá)*

Hong-Gay :

Hạ-Long,
Đoàn-văn-Trường,

Hưng-Yên :

Lê-la-Sang, *(Nguyệt-Hồ)*

Việt-Trì :

Đức-thái-Thành,

Sơn-Tây :

Phú-lương *(Cửa-Hậu)*

Phủ-Lý :

Bùi-long-Chi,

Phú-Thọ

Nguyễn-Hữu,

Ninh-Bình :

Lê-phúc-Thành,

Thái-Bình :

Ích-Chi *(Ar-Rousseau)*

Vĩnh-Yên :

Ha-s-Đa *(Vĩnh-Thành)*
Tr.-v-Bang *(Vĩnh-Thịnh)*

Thái-Nguyên :

Nguyễn-duy-Kinh,

Tuyên-Quang :

Tuyên-Quang thư-quán

Phúc-Yên :

Đồng-Lâm, *(Commerce.)*

Lao-Kay.

Ng.-v.-Long, *(Carovanes)*

Nho-Quan.

Vĩnh-Thái.

Vinh,

Tam-Kỳ thư-quán

Thanh-Hóa.

Chủ Đình-Quán, *(rue Văn-Trường)*.
Thành-Đức *(phố Khách)*

Hà-Tĩnh.

Công-Hoa.

Huế.

Quan-Hải, *(Gia-long.)*

Tourane.

Ng.-hữu-Bốn, *(Musée.)*
Lê-thừa-An.

Nha-Trang.

Mộng-Lương

Dalat.

Đinh-văn-Châu,

Saigon.

Tín-Đức, *(Sabourain.)*
Ph-h-Huyền —
Vũ-Trang,
(Aviateur Garros.)
Nguyễn-t-Kính —
Chân-Thụy *(Mac Mahon)*
Cổ-kim *(r. Albert.)*

Sadec.

Trần-văn-Thịnh.

Rạch-Giá.

Ng-ng-Thái *(r. d'Annam)*

Mỹ-Thọ.

Nam-cường

Hà-Tiên.

Đỗ-ngọc-Ẩn

Châu-Đốc.

Công-nghĩa-Thành.

Bến-Tre.

Hy-Vọng.

Bắc-Liêu.

Lê-ngọc-Thành.

Vĩnh-Long

Phụng-An

Pnom-Penh.

Paul-Bâu, *(rue Badens)*

Vientiane

Vũ-thị-Giang *(Georges Mah')*

Yunnanfou.

Vũ-văn-Lễ, *(Instituteur.)*

Số 18 NĂM TÂN-VỊ 1re S. Mars 1931

RÉSIDENCE SUPÉRIEURE TONKIN

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DÉPOT LÉGAL INDOCHINE N° 1/028

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUÁN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-DỊNH
1931

19

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC - GIẢ.

Bản - Chí xin có lời để Chư - vị cùng hay rằng :

An - Nam Tạp - Chí **giá đồng - niên là 7 $ 00, cứ tính đủ 48 số.** Xin các Ngài chú ý.

Bản - Chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ **kể số, mà không kể năm.**

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản - Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho, Bản - Chí đồng - nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI - LÝ.

Bản - Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 4, 5 số ; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các Ngài làm " *Relevé* " gửi về để tiện việc sổ sách.

An - Nam Tạp - Chí.

Các bài vở trong kỳ này :

Sự tiến - thủ mười năm vua Lê-Lợi.

Thơ

Cái giá - trị của văn - chương.

Thăm thành Genève *(kinh - đô hội vạn - quốc).*

Quang - cảnh nhà máy ươm ở chốn thôn - quê.

Hán - văn diễn - giảng.

Xã - hội thiện - đàm *(3 bài)*

Xã - hội Ba - đảo ký.

Ý - kiến và tiêu - tức trọng báo - giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên :

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 18 NĂM TÂN - VỊ 1er S. Mars 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÁN
Phó Chủ-sự

SỰ TIẾN-THỦ

MƯỜI NĂM VUA LÊ-LỢI

Vua Lê-thái-Tổ là một vị đế-vương anh hùng của nước ta, đánh nhau với Minh trong mười năm mà bình định được nước, phàm người có đọc qua sử đều đã biết cả. Nay tóm xét lại lịch-sử của vua trong *mười năm*, công việc *tiến-thủ* như sao, lược chia làm ba thời-kỳ, cũng là *ăn cơm mới nói truyện xưa*; ngày xuân lắm lúc thư-nhàn, quốc-dân ta ai có nghe chơi, tưởng so với những sự chơi cờ-bạc hội-hè, hoặc là có thú-vị hơn vậy.

1 — Sự tiến thủ trong thời-kỳ thứ nhất: từ năm thứ nhất đến năm thứ sáu.

Năm *Mậu-tuất*, niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà *Minh* năm thứ 16, lịch Thái-tây 1418, tức là ở sử ta, *Bình-định-vương Lê-Lợi năm đầu*. Năm ấy, vua mới nổi quân ở **Lam-sơn**, tự xưng lắm «*Bình-định-vương*», cho nên ở sử chép như thế.

Mùa xuân năm ấy, vua mới cùng tướng tá, lũ Lê-Thạch, Lê-Liễu định mưu, chia đặt quan thuộc, truyền hịch cho xa gần, ấy là bắt đầu công việc tiến-thủ. Quan nhà Minh là Mã-kỳ 馬騏 ở Tây-đô nghe vua ta nổi ở Lam-sơn, đem quân

lại để đánh. Vua lui đóng đồn ở Lạc-thủy, đặt sẵn quân phục để đợi. Kỳ đến, quân ta nổi lên đánh; các tướng tranh nhau xông vào trận, chém đầu giặc được hơn một nghìn, bắt lấy được khí-giới rất nhiều, ấy là trận thứ nhất cùng với người Minh giao binh vậy. Qua vài ngày, quân Minh bất kỳ ập lại đánh, quân ta tan nát thua chạy, vợ và con gái của Vua đều bị giặc bắt mất. Vua bèn phải thu nhặt những quân sĩ tan mác, cùng các tướng là lũ Định-Lễ, Lê-Sí, đóng đồn ẩn náu ở trong núi Chi-linh

Năm thứ hai, Kỷ-hợi, tháng tư, vua từ núi Chí-linh, tiến quân ra đánh đồn Nga-lạc, bắt được quan Trỉ-huy của Minh là *Nguyễn-Sao*, đem chém đầu. Tuy vậy mà khi ấy, thế lực người *Minh* to, quân tướng của ta ít, Vua lại đánh nữa không được, bèn lại lui về giữ *Chí-linh*. Quân ta đóng ở núi *Chí-linh*, bị quân *Minh* thường bất kỳ đến đánh, thế rất quẫn bách. *Lê-Lãi* tự xin đổi áo bào, giả làm vua, trỉ huy các tướng ra trận. Tướng *Minh* đem đông quân lại vây, đánh bắt được *Lê-Lai*, nhận nhầm là vua *Lê-Lợi* ta vậy, bèn lui quân về *Tây-đô*. Vua sai *Trịnh-Khả* sang kết thân với *Ai-Lao*, nhờ binh lương giúp đỡ. Tháng năm năm ấy, vua đóng quân ở *Lư-sơn*.

Năm thứ ba, canh-tử, tháng mười, vua đóng quân ở đồn *Ba-Lẫm*, sai các tướng là lũ *Lê-Sát*, *Lê-Hào* tiến đánh trại Quan-du, chém đầu và bắt được quân-giới của người *Minh* rất nhiều; quân ta khí thế lại nổi.

Năm thứ tư, tân-hợi, tháng mười một. Tướng Minh là Trần-Trí đem quân đến đánh đồn Ba-lẫm, vua phục quân ở cửa Ứng đón đánh. Trí thua lui.

Năm thứ năm, nhâm-dần, Vua từ Ba-lẫm tiến quân đến Quan-du. Tướng Minh là Mã-Kỳ cùng với nước Ai-lao (Ai-lao khi ấy cùng ta đã tuyệt hòa) hẹn nhau, trước sau giáp lại để đánh. Quân ta bất lợi, Vua lui đóng đồn ở Khối-trại. Giặc họp quân lại để vây. Vua phải khóc mà bảo các tướng sĩ rằng: « Nay quân giặc bốn mặt vây ta, ta cố đánh thời sống, không cố đánh thời chết! » Chúng đều cảm khích, cố chết ra trận, bèn chém được Tham-tướng của Minh là Phùng-Quí và binh sĩ hơn một nghìn đầu. Mã-Kỳ, Trần-Trí chạy.

Trong khi ấy, quân ta tuy đánh có được, song mà chưa có lợi-tiện về sự tiến-thủ. đành cứ đóng hoài ở trại núi, lương thực không đủ ăn. Đã hai tháng hết lương, chỉ ăn no bằng rau cỏ, đến phải giết voi, giết ngựa, để khao cho quân sĩ. Tướng sĩ nhọc mệt. ai nấy đều muốn nghỉ-ngơi, đều khuyên Vua nên hòa với người Minh. Vua không đừng được, bèn phải sai bọn Lê-Trăn đi sang quân Minh cầu hòa.

Qua năm đó sang năm sau, là năm thứ sáu, quí-mão, Vua Lê-Lợi về Lam-sơn. Sau lúc đã cùng người Minh hòa-thân, các quan Tầu là lũ Trần-Trí, Sơn-Thọ thường sai đem cho ta nhiều những trâu ngựa, cá, muối, đồ làm ruộng và thóc, lúa. Vua cũng sai đem báo đáp bằng bạc vàng,

Giở lên, đại-lược công việc trong sáu năm, vua Lê đương gây dựng cơ-đồ, đánh nhau có trận được trận thua, cảnh-thế thực nhiều phen nguy hiểm. Nay chia làm sự tiến-thủ, thời-kỳ thứ nhất trong mười năm.

2. — Sự tiến-thủ trong thời-kỳ thứ hai, từ năm thứ bẩy, đến năm thứ chín.

Năm Giáp-thìn, niên-hiệu Vĩnh-lạc nhà Minh năm thứ 22, lịch Thái-tây 1424, tức là ở sử ta Bình-định-vương năm thứ bẩy. Vua đóng quân ở Lư-sơn, họp các tướng hỏi phương-sách tiến-thủ nên thế nào là trước. Quan Thiếu-úy là Lê-Trích 黎隻 thưa rằng: « Xứ **Nghệ-An** *hình-thế hiểm yếu, đất rộng người nhiều; tôi thường có ở qua, hơi biết được rõ. Nay nên trước lấy Trà-long, lược định Nghệ-an, dùng làm chỗ đứng chân cho yên, nhờ của và sức ở đó; rồi sau mới quay ngọn cờ về Đông-Đô, thời việc thiên-hạ có thể tính được lắm.* »

Vua khen lấy làm phải. Mùa thu năm ấy, bèn dẫn quân đi về mạn nam, ập đánh đồn *Đa-Căng*. Quan Tham-chính của Minh là *Lương-nhữ-Hốt* thua chạy. Quân ta chém và bắt được giặc vô kể.

Vua đã lấy được đồn *Đa-Căng*, vào sổ những đinh-tráng, tề trỉnh các đội ngũ, thẳng dảo vào *Nghệ-an*. Dữa đường gặp quân *Minh*, đánh nhau hai trận, quân ta đều được cả. Tháng mười một, Vua đốc các tướng vây *Trà-long*. Tri-phủ là *Cầm-Bành* xin hàng. Triều-đình Minh được tin *Trà-long* thất-thủ, ban sang tờ sắc cho lũ *Trần-Trí*, *Phương-Chính*, phải chóng đánh lấy thanh bình. *Trí*, *Chính* thủy lục cũng tiến. Vua nghe tin báo, đặt quân phục ở cửa *Khả-lưu*, đánh nhau luôn hai trận, bắt được quan *Đô-tư* của *Minh* là *Chu-Kiệt*, chém *tiên-phong-tướng* là *Hoàng-Thành*, giết và bắt được số giặc vô kể; khí giới của bên giặc bỏ đầy các khe núi. Lũ *Trần-Trí* lại chạy về *Nghệ-an*.

Năm thứ tám, ất-tỵ. Mùa xuân tháng giêng. Vua dẫn quân đến làng *Đa-lôi* huyện *Thổ-du*. Dân-gian già trẻ tranh đem trâu rượu vui mừng đón rước, đều nói rằng: « Không ngờ ngày nay lại thấy uy-nghi của nước cũ. » Thổ-tù châu *Ngọc-Ma* là *Cầm-qui* đem binh tượng (voi) theo về, Vua bèn bổ quân vây thành Nghệ-an.

Tháng năm năm ấy, quan Tư-không là *Đinh-Lễ* đánh phá tướng Minh là *Trương-Hùng* ở *Diễn-Châu*, Hùng chạy về *Tây-đô*. Quân ta vây *Tây-đô*. Tháng bẩy, vua sai quan Tư-đồ là *Trần-Hàn*, quan Thượng-tướng *Lê-Nỗ* đánh hai thành *Tân-bình* và *Thuận-hóa*, đều lấy được cả.

Năm thứ chín, Bính-ngọ. Vua lấy rằng tinh-binh của *Minh* ở hết cả *Nghệ-An*, ngoài Đông-đô hư không hèn yếu. mùa thu tháng tám, bèn chia các tướng làm ba đạo ra đánh các lộ ở *Đông-Đô*. Tháng chín, để *Lê-Ngân* Lê-*Văn-An* ở lại vây Nghệ-An, vua tự dẫn quân ra đánh *Tây-Đô*.

Khi ấy bên nhà Minh sai *Vương-Thông* làm Tổng-binh, cùng là *Tham-Tướng* là *Mã-Anh* đem quân sang viện thành *Đông-Quan*. Các tướng cũ ở bên ta là lũ *Trần-Trí* *Phương-Chính*, *Trần-Hợp*, đều theo tiết-chế của Thông cả. Thông mới đến, khí thế rất mạnh, đem toàn quân mười vạn, chia ba đường cùng ra. *Cổ-Sở* (古所), *Sa-Đôi* (沙堆), *Thanh-Oai*, đồn lũy liền nhau mấy mươi rặm, bóng cờ rợp đồng, tự cho là đánh một phen có thể song việc. Các tướng của ta là lũ *Đinh-Lễ*, *Lê-Xí*, *Lý-Triện*, trước sau hợp binh để tiến đánh. Hai quân đánh một trận to ở *Tột-Động* (卒洞), quân ta chém được Thượng-thư của *Minh* là *Trần-Hợp* và nội-quan là *Lý-Lượng*, lại theo đuổi kỳ cùng. Quân *Minh* vừa bị giết, vừa bị bắt, và dẫm séo nhau mà chết, có tới hơn năm vạn ; số chết đuối xuống nước cũng nhiều, con sông *Ninh* đầy những thây, không chẩy. được. *Trần-Chính*, *Mã-Kỳ* trốn chạy. *Thông* bị vết, chạy về thành *Đông-quan*. Lúc ấy, Vua ta đương đóng ở *Lỗi-giang*, nghe tin báo thắng trận, bèn nổi trống tiến quân ra *Thanh-đàm*, các tướng ra đón mừng. Vua bèn sai bọn ông *Trần-Hãn* đem quân thủy hơn một trăm chiếc *chiến-thuyền*, đi ngược sông *Luống*, ra cửa sông *Đáy*, rồi thuận dòng buông xuống, đến bến đò đông sông *Nhị-hà* ; bọn ông *Bùi-Bị* đem quân bộ hơn một vạn đi ngầm tiến đến cầu *Tây-dương*. Vua tự đem quân tiến sát thành *Đông-quan*. Người *Minh* thêm đồn lũy cố chết giữ.

Giở lên, công việc trong ba năm, từ lấy đồn *Đa-Căng*, cho đến tiến đánh thành *Đông-quan*, không trận nào thất lợi. Nay chia làm sự tiến-thủ của vua *Lê* thời-kỳ thứ hai.

3 — Sự tiến-thủ trong thời-kỳ thứ ba ; năm thứ mười.

Năm-đinh-vị, niên-hiệu *Tuyên-đức* nhà Minh năm thứ hai, lịch Thái-tây 1425, tức là ở sử ta, *Bình-định-vương* năm thứ mười. Mùa xuân tháng giêng, vua *Lê* tiến đóng quân ở bờ bắc sông Nhị-hà, cùng với thành **Đông-quan** ngang đối nhau, sai các tướng là lũ ông *Trịnh-Khả* đánh cửa đông, *Đinh-Lễ* đánh cửa nam, *Lê-Cực* đánh

cửa tây, *Lý-Triện* đánh cửa bắc, bốn mặt đều đánh sát vào thành. Vua ngày ngồi trên từng lầu ở trong dinh *Bồ-đề* bờ sông *Nhị*, trông vào trong thành xem xét sự động tĩnh của bên giặc; cho ông *Nguyễn Trãi* ngồi từng lầu thứ hai, lĩnh ý thảo thư trát đi lại, dụ hàng *Vương-Thông* và các tướng *Minh* chia giữ ở các thành. Rồi mà các thành *Nghệ-an*, *Diễn-châu*, *Kỳ-ôn*, *Điêu-diêu*, *Thị-kiều*, *Tam-giang* của người *Minh* đều thứ tự hàng phục về ta cả. Vua có lời dụ cho các hào-kiệt trong nước rằng:

« Các thành đều đã lấy được, duy một thành Đông-quan chưa đánh xong. Ta ngày đêm lo nghĩ, lấy rằng ở tả hữu chưa được người; các chức Tướng-quốc, Thái-phó, Thái-bảo chưa đặt; Thái-úy, Đô-nguyên-xúy còn thiếu. Vậy nên đem thành thực, lễ kính, mong rằng các hào-kiệt trong nước cùng lòng hợp sức, cứu vớt muôn dân; xin chớ tự náu ngọc chim châu, khiến sinh-linh chịu nỗi lầm than vậy. Hoặc ai có đem tình cao thượng, rẻ sự công-danh, xin cũng hãy gượng vì dân ra đời, sau lúc thành công mà muốn thỏa cái chí về rừng xanh, ta không cấm các ngươi chi hết.»

Lại kể từ trận đánh ở *Tốt-động*, *Trần-Hợp* thua chết, *Vương-Thông* xin thêm quân ở *Minh*. Vua Minh nghe tin, rất sợ, chia sai Tổng-binh là *Liễu-Thăng* thống các tướng, lĩnh quân mười vạn, ngựa một vạn, do đường *Quảng-tây*, tiến sang đánh cửa quan *Phi-lũy*; Chính nam tướng-quân là *Mộc-Thạnh* thống các tướng do đường *Vân-nam* tiến sang đánh cửa quan *Lê-hoa*. Các tướng sĩ nghe quân viện của *Minh* sắp tới, nhiều người khuyên vua nên kíp đánh *Đông-đô*, để tuyệt sự nội-ứng của quân giặc. Vua nói rằng: «Đánh thành là một cái phương kế rất thấp. Không bằng cho quân sĩ nghỉ ngơi, để nuôi lấy cái khí mạnh, đợi giặc đến, ta đánh ngay. Quân viện tuyệt thời thành phải hàng.» Đến khi nghe báo lũ *Liễu-Thăng* tiến đến cả đầu cõi, Vua sai bọn ông *Lê-Sát*, *Lê-Thụ Đinh-Liệt* lĩnh quân một vạn, voi năm con, trước đặt phục ở cửa ải *Chi-lăng* để đợi; lại sai ông *Lê-Lý*, *Lê-văn-An* lĩnh quân ba vạn, tiếp tục tiến theo sau. *Trần-Lưu* giữ cửa ải *Phi-lũy*, thấy giặc đến, lui giữ cửa *Ải-lưu*. Giặc tiến tranh *Ải-lưu*, *Lưu* lại lui giữ cửa *Chi-lăng*. Trước cửa *Chi-lăng*, liệt đồn trại từng đoạn để chống giữ. *Thăng* thừa thế tiến đánh, phá được luôn, đến đâu không ai dám ngăn chống. lấy làm đắc ý lắm. Vua lại sai người đem bức thư đến *Thăng* xin hàng. *Thăng* nhận thư không mở xem, cho chạy trạm tâu về triều-đình *Minh*, mà kéo quân tiến chàn sang mãi mãi. Quân giặc còn cách *Chi-lăng* độ mấy rặm, *Lê-Sát* sai *Trần-Lưu* đón đánh, rồi giả làm thua chạy, *Thăng* thấy vậy rất mừng, tự đem hơn một trăm quân kỵ ruổi trước, đội quân nhớn ở sau không nối kịp, lại nhầm mắc vào chỗ lầy, gặp quân phục của ta nổi lên đánh, liền bị thua. Quân ta bèn chém *Thăng* ở trên gò *Đảo-Mã* (倒馬). Quân của bọn ông *Lê-Lý* tiếp đến, cùng quân ông *Lê-Sát* hội họp, hợp sức lại cùng đánh, chém *Lương-Minh* ở Trận; còn *Lý-Khánh* tự vẫn chết. Quân *Minh* bị chém chết hơn vạn người. Cánh quân của *Hoàng-Phúc* định kéo sang *Xương-giang* 昌江, bị quân ta vây đánh, chém tới năm vạn người. Bắt *Phúc* và *Thôi-Tụ* cùng quân chúng đến ba vạn. *Tụ* không chịu hàng, Vua sai đem giết bỏ. Khi ấy *Mộc-Thạnh* cùng với *Phạm-văn-Sảo* và *Trịnh-Khả* của ta cũng đương chống giữ nhau ở cửa ải *Lê-hoa*, Vua sai đem các viên tỳ-tướng của *Liễu-Thăng* bị ta bắt được, và những sắc-thư, phủ, ấn của vua *Minh* cấp cho *Thăng*, đưa đến chỗ quân *Thạnh*. *Thạnh* sợ quá, quân chúng vỡ chạy. Bọn *Trịnh-Khả* thừa thế theo đánh, chém hơn một vạn đầu, bắt được người và ngựa đều tới hơn số nghìn. Thạnh chỉ cưỡi một con ngựa chạy thoát. Vua lại sai đưa *Hoàng-Phúc* đến thành *Đông-quan* và đem những hổ-phù ấn-tín của *Chinh-lỗ-phó-tướng-quân*

của *Phúc*. *Vương-Thông* tiếp được sợ quá liền sai người mang thư xin hòa. Vua cho hòa; bèn họp *Thông* cùng ăn thề ở phía nam thành, hẹn đến tháng mười hai thời quân *Minh* rút lui, khi ấy là khoảng tháng mười một vậy.

Tháng mười hai, đại-tướng của *Minh* là *Vương-Thông* cùng lũ tướng tá là *Trần-Trí*, *Phương-Chính*, *Sơn-Thọ*, *Hoàng-Phúc*, *Mã-Kỳ*, *Mã-Anh* đều đến dinh *Bồ-đề* bái tạ, rồi rút quân về bắc. Bình-định thành công.

Đó là thời-kỳ thứ ba trong sự tiến-thủ của vua *Lê* vậy.

Tóm xem trong ba thời-kỳ ấy, phương-lược tiến-thủ về thời-kỳ thứ nhất, hay ở chỗ giao-hòa với *Trần-Trí*, *Phương-chính*; về thời-kỳ thứ hai, hay ở chỗ nghe lời *Lê-Chích*; về thời-kỳ thứ ba, hay ở chỗ không đánh thành Đông-quan. Từ mùa xuân năm Mậu-tuất đến tháng chạp năm Đinh-vị, sự tường đã có ở sử xanh; đây chỉ tóm đại-lược chép làm một bài văn khảo-cứu để cung chư Độc-giả trong ngày xuân, để biết qua là sự tiến-thủ mười năm vua Lê-Lợi.

Nguyễn-khắc-Hiêu

Lam-sơn. — Tên làng, thuộc huyện Thụy-nguyên tỉnh Thanh-hóa.

Tây-đô. — Tên thành, của Hồ-quý-Ly đắp, cho nên cũng gọi là "Thành nhà Hồ", ở về địa phận huyện Vĩnh-lộc, Thanh-hóa.

Lạc-thủy. — Tên huyện, sau là Cẩm-thủy, thuộc phủ Quảng-hóa, Thanh-hóa.

Núi Chí-linh. — Ở về địa-hạt phủ Chấn-định, Nghệ-an.

Nga-lạc. — Tên huyện, nay là Nga-sơn, thuộc phủ Hà-trung, Thanh-hóa.

Lư-sơn. — Cách 97 rậm về phía tây châu Quan-hóa (Thanh-hóa).

Ba-lãm. — Cửa ải, thuộc về huyện Lỗi-giang (Thanh-hóa).

Quan-du. — Tên trại, sau là châu Quan-hóa (Thanh-hóa).

Cửa-Ứng. — Có nhẽ: ở về tổng Cổ-lũng, huyện Cẩm-thủy (Thanh-hóa).

Trà-lồng. — Tức Trà-lân, sau là phủ Tương-dương, Nghệ-an.

Đa-cang. — Có nhẽ: thuộc về huyện Quan-hóa, Thanh-hóa.

Khả-lưu. — Cửa ải này ở bờ bắc sông Lam-giang, huyện Lương-sơn, phủ Anh-sơn, Nghệ-an.

Đa-lôi. — Có nhẽ là giáp Xuân-lôi, làng Nam-kim, huyện Thanh-chương, Nghệ-an.

Thổ-du. — Tên huyện, nay tức là huyện Thanh-chương, Nghệ-an.

Ngọc-ma. — Tên châu, sau là phủ Chấn-định (Nghệ-an).

Tân-bình. — Tức Lâm-bình, tên phủ...

Thuận-hóa. Tên phủ, nay là đất Huế.

Cổ-sở. — Tên làng, có bến đò Phùng, nay thuộc huyện Thạch-thất, phủ Quốc-uy Sơn-tây.

Sa-đôi. — Có nhẽ: thuộc huyện Từ-liêm (Hà-đông).

Tột-động. — Tên làng, sau thuộc huyện Mỹ-lương...

Đảo-mã. — Một tên nữa là núi Mã an, ở về làng Mai-tiêm, châu Ôn, Lạng-son.

Xương-giang. — Tên thành, người Minh đắp, ở về làng Thọ-xương, huyện Bảo-lộc, phủ Lạng giang Bắc-Ninh.

Đề dư-đồ nước Nam ở ngoài bìa « An-nam tạp-chí »

Đây, bức dư-đồ nước Việt ta!
Ba kỳ chung một giải quan hà.
Non sông còn đó non sông cũ,
Đất nước y nguyên đất nước nhà.
Đen đỏ vẽ vời bao nét bút,
Trắng vàng phe lẫn mấy màu da.
Trên bìa tạp-chí in mà để,
Giữ lấy, ai ơi, kẻo nữa nhoà!

LƯỜNG-HỒ

Nguyễn-trung-Khuyến

Thơ mừng An-nam tạp-chí

Một cuộc tang thương mấy đổi rời,
Mừng nay tạp-chí lại ra đời
Tiếng chuông nước Tổ vang lừng đất!
Ngọn đuốc thành Nam sáng rực giời!
Con cháu Rồng Tiên mày mặt nở,
Non sông Cỏi Vị cỏ hoa tươi.
Dư-đồ nét cũ, con tầu mới,
Gọi tỉnh giang sơn một tiếng còi!

HÀ-CAO-BẰNG
Đông-Khê Gia-viễn NINH-BÌNH

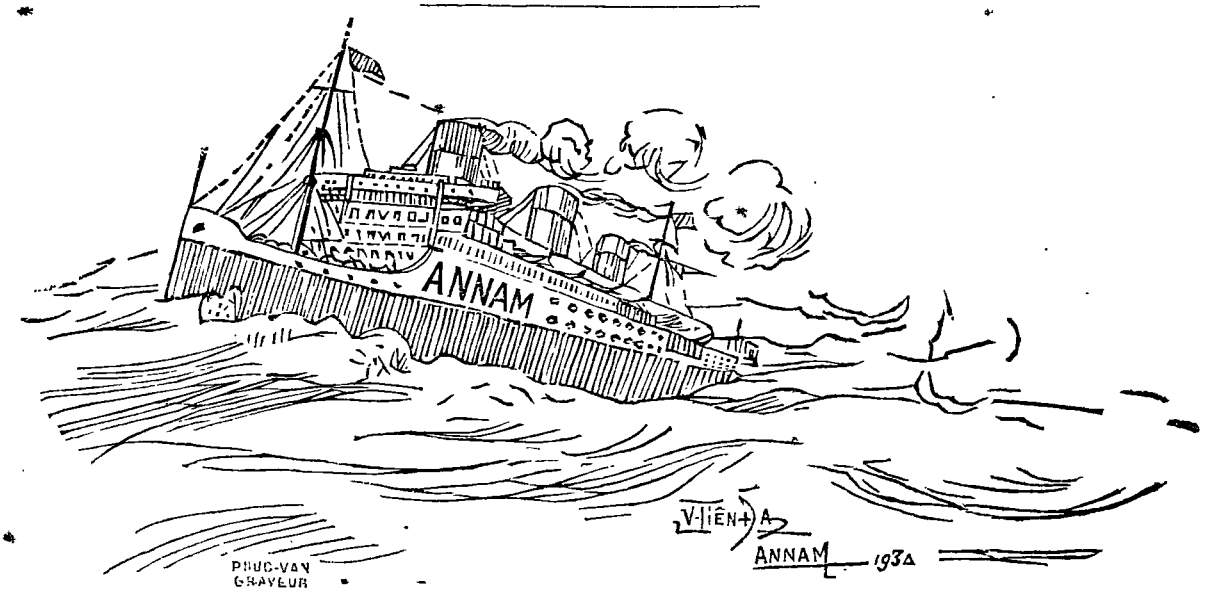

原泉混混。不舍晝夜。盈科而後進。放乎四海。有本者如是。是之取爾。

Nguyên toàn hỗn hỗn, bất sả trú dạ, doanh khoa nhi hậu tiến, phóng hồ tứ hải, hữu bổn giả như thị, thị chi thủ nhĩ.

Mấy câu đây ở trong sách Mạnh - Tử, là lời ông Mạnh - Tử giảng-thuyết cho một người hỏi về ý đức Khổng thường hay ngợi khen về nước.

Nghĩa rằng:

Cái suối nước có nguồn, chảy ra cuồn cuộn, cả ngày cả đêm; đầy đủ các chỗ trũng lõm, mà rồi sau tiến đi, đi mãi cho đến tận bốn bể. Ấy có nguồn gốc thời như thế; đáng khen đáng quý, chỉ vì như thế đó thôi.

An - nam Tạp - chí

Cái giá trị của văn-chương

Có kẻ bảo rằng văn-chương là hoa mỹ bề ngoài, không bổ ích gì cho đời, không thể đem ra mà thực dụng được. Nói như vậy, chẳng qua là suy-xét nông-nổi đó thôi, chứ văn-chương vốn có một cái giá-trị đặc biệt. Cơm gạo là phần nuôi cho cơ-thể, thì văn-chương cũng là một món ăn cần cho trí não.

Muốn biết văn-chương có ảnh-hưởng thế nào, thì ta thử tưởng-tượng ở vào một nơi u ám, suốt ngày không nom thấy bóng mặt giời; hay là bước chân vào một cái vườn cảnh, cành cây trơ trụi, tuyệt-nhiên không có một bông hoa, thì cái tâm hồn của ta lúc bấy giờ nó biểu lộ ra một cách thế nào, ta sẽ rõ. Giả thử cuộc đời cũng như cái buồng tối-tăm không chút ánh sáng, như cái vườn trơ trụi không có bông hoa, nghĩa là trong đời người ta cứ hết giờ làm việc để mưu cầu lấy sự sống, hết ăn rồi lại ngủ, toàn nhiên về vật-chất cả; cuộc đời nếu chỉ như vậy, thì tưởng ai kia rẫu sống lấy đủ trăm năm, cũng không lấy gì làm thú.

Nhưng không, người ta còn có tư-tưởng, tất có lúc còn mơ-mộng đến điều cao xa, khiến cho mình quên đời vật-chất mà vượt lên cõi tinh-thần. Những lúc giăng trong, gió mát, tình hứng nồng nàn; khi ngắm núi cao, sông rộng, bát ngát bao la; lại những lúc phòng không đêm vắng, nghĩ những đâu đâu, cùng những khi công việc nhọc-nhằn, mướn được hả-hê đôi chút; nói tóm lại là biết bao cảnh-tượng ở đời nó kích động đến tâm-cơ, khiến cho ta chứa-chan tình cảm. Những lúc đó thời ai mà không có tý chút hồn thơ phảng-phất trong khối óc để mô tả cái hay, cái đẹp, nỗi vui, sự buồn, để dãi tấm tình riêng. Người biết văn-chương thời tả nên lời, nên điệu, người không biết làm văn thời hoặc nghĩ ngợi vẩn-vơ, hoặc nhớ được một vài câu cũ, rồi cũng ngâm, cũng đọc cho vui miệng thích tình. Chú lái đò nghêu ngao trên mặt sóng, cô quẩy mạ déo dắt trong cánh đồng, cho đến đàn mục-tử, gã tiều-phu cũng véo von chân đèo, ngoài nội:

Rủ nhau lên thác xuống ghềng,
Lên thác đã vậy, xuống ghềnh làm sao?

. . .

Nên chăng thì cũng tại người,
Chớ thấy sóng cả mà rời tay ra.

. . .

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề:
Trông giời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.

. . .

Rủ nhau lên núi hái chè,
Hái dăm ba lá, xuống khe ta ngồi.

Những câu đó tuy có là câu cũ, ở cửa miệng người này, truyền sang người khác, nhưng cũng là ở cái óc thơ lai-láng, đọc lên cho khuây khỏa nỗi khó nhọc, hoặc để tả cái tình riêng đối với tạo-vật. Nếu không có câu văn ngâm đọc, thì hạng lao-dân, quanh năm chân lấm tay bùn, những lúc công việc nặng nề, tinh thần mỏi mệt, còn biết lấy chi làm quà tiêu-khiển nữa.

Ngoài cái thú tiêu-khiển, những câu văn đó há không còn có giá-trị gì nữa sao? Lẽ nào lại không gợi cho người ta sinh lòng kiên-nhẫn, thêm trí bạo dạn ra sao? Đương lúc sông sâu, sóng cả, con thuyền nhỏ lên vật xuống, cái tính mệnh con người ta gửi cả vào tay lái, tay chèo, nếu chú lái đò không nghĩ đến câu «Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo» mà sinh ra rối trí, thời cái tính mệnh của cả một thuyền chẳng cũng nguy lắm ru!

Lại như chị thợ cấy kia, dầm mưa, dãi nắng, chân xéo xuống bùn lầy, ngập sâu quá đầu gối, nếu không nghĩ đến «nước bạc, cơm vàng» thì sao cho nguôi được cái khổ.

Ấy đại-loại văn-chương đối với tâm-lý người ta có ảnh-hưởng là thế. Văn-chương còn tô-điểm cho đời thêm đẹp, khiến cho

đời biết yêu mến sự sống, lại gây cho đời một cái trí hưởng cao-thượng nữa.

Bầu ơi! thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.

Nhiễu điều phủ lấy giá-gương,
Người trong một nước thì thương nhau cùng!

Những văn-chương như vậy, cái giá-trị còn cao hơn một từng nữa, vì sức cảm-hóa đối với nhân-quần, xã-hội, cũng có khác xa. Tương truyền rằng mấy câu này là của bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị làm ra trong khi nổi lên đánh đuổi người Tô-Định về Tầu, thế thì mấy câu văn đó chẳng biến cải được nhân-tâm, chẳng là gây một cái giây liên-lạc trong đất nước ru!

Ta lại thử đọc bài hịch dăn quân-sĩ của Hưng-đạo-Vương, bài Bình-Ngô đại cáo của ông Nguyễn-Trãi, bài quốc-ca Pháp (Marseillaise), văn Voltaire Victor Hugo, Jean Jacques Rousseau, thời mới biết cái giá-trị của văn-chương đối với xã-hội là thế nào. cũng thì một câu văn mà khiến được người sinh lòng dũng-cảm. xông-pha nơi chiến-trường, liều với mũi tên hòn đạn, gây nên sự-nghiệp anh-hùng, nghìn thu sử sách.

Văn-chương như thế mới mãnh-liệt, hùng-hồn, thấm sâu mãi đến con tim khối óc của ta, dạy cho ta biết đạo làm người, lại gây cho ta cái tính-cách hào hùng nữa.

Ấy cái giá-trị của văn-chương là thế, các nhà làm văn ngày nay há chẳng nên gây lấy sự-nghiệp để mong ảnh-hưởng cho nhân-quần, xã-hội hay sao?

Dương-thiệu-Cương

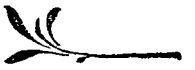

BÀI HÁT

Chúc mừng hội "Việt-nam-tương-tế" ở Vân-Nam phủ

Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước, ta thương nhau cùng.

Thương nhau trên dưới một lòng;
Cùng nhau tạc một chữ đồng đến xương.

同胞寓在雲南省
Đồng bào ngụ tại Vân-nam tỉnh,
總數如今有四千
Tổng số như kim hữu tứ thiên.

Cầu Giời cho phát-đạt bình-yên,
Vững bề thế, để đua chen nơi đất khách.

Non sông nước cũ ngàn mây cách;
Nòi giống nhà ta giọt máu chung.

Biết thương nhau, ta phải sót nhau cùng,
Cơn nguy biến, lúc làm chung, cùng cứu tế.

Chữ «tương-tế,» nghĩa hội ta là thế,
Người Việt-nam ghi để đất Vân-nam.
Việt-nam-tương-tế nghìn năm!

Yunnanfou le 6 Mai 1918

Vũ-văn-Lễ

Qua miếu bà My-Châu

(Miếu bà My-Châu ở huyện Đông-Anh tỉnh Phúc-Yên)

Qua miếu đền đây luống chán-chường,
Đau lòng kim cổ cuộc tang thương.
Vuốt rùa nể khách thờ-ơ mấy;
Lông ngỗng nghe ai rắc-rối đường.
Nước giếng vơi đầy bao huyết-lệ;
Cung đình rầu rãi mấy phong-sương.
Giận ai, mà lại thương ai nhỉ?!
Nghĩ giật mình cho sự bá vương!

LƯƠNG-HỒ

Nguyễn-trung-Khuyến

THĂM THÀNH GENÈVE

Kinh - đô vạn - quốc ở nước Thụy - sỹ

Xét trong địa-dư-chí nói nước Thụy-sỹ địa thế rất nhiều núi cao chót vót, hồ rộng mông mênh, núi *Alpes centrales* vũng quanh khắp mạch đông nam, chạy xòe ra các phía như hình tia sáng, các rẫy núi liền nhau dài rằng rặc, không đất đoạn một chỗ nào, đầu non tuyết phủ trắng ngần, bốn mùa thường vẫn như xuân một mầu, vào buổi giời quang mây tạnh, bóng hồ lấp lánh. sắc núi xanh xanh, lắm nơi phong cảnh rất xinh, thực là một đất danh thắng của châu *Âu* vậy. Khí hậu xứ đó tụy lạnh, nhưng vì có nhiều phần núi nên không khí trong lành hơn cả mọi nơi, các khách du quan cùng những người nghỉ mát mùa hè thường đến xứ đó để cho được thư thái tâm thần, lại không khác gì một cái vườn hoa vui vẻ rộng rãi bao la của châu *Âu* nữa vậy.

Huống chi nước đó vốn giữ chủ nghĩa trung-lập, liệt-cường cũng đều thừa nhận là một nước trung-lập lâu giài mãi mãi, cũng như nước *Ben git* (Belgique) và nước *Luy dam bua* (Luxembourg) lại xem trận đại-chiến vừa qua hai nước kia đều phải chịu cái kiếp gio tàn khói đạn, riêng một nước Thụy-sỹ, này ở giữa quãng chiến trường cạnh tranh kịch liệt, nhờ có nhiều rặng núi chung quanh bao bọc, giữ gìn ủng hộ ngăn đón không bén hơi súng đạn xâm vào, tránh thoát khỏi cái nỗi lầm than bối rối, thì nước Thụy-sỹ thật chiếm riêng được một cõi thái-bình, không khác gì một cảnh tiên hiện ngay ở giữa lục địa châu *Âu* vậy. Đó là nói về phần lạc thú thiên nhiên, và hình-thắng ở địa thế, nước Thụy-sỹ đã có những cảnh tốt đẹp lạ nhường như thế, còn về phần giao-tế với các nước thì lại có hội quốc-tế liên-minh lập ngay ở thành **Genève** thuộc về phía tây nam nước đó để xử phân công cuộc bối rối của các nước ở trên hoàn cầu, nên người ta đã gọi nước Thuy-sỹ là đất phát sinh ra sự hòa bình của thế-giới vậy.

Ấy cũng vì nước Thụy-sỹ có cái đặc-điểm như trên đó, nên những khách muốn du quan nơi danh thắng, những người muốn khảo sát sự hòa bình, ai là chẳng mong có một ngày được du lịch cái nước vui vầy như thế, quan trọng như thế ru!

Tôi cũng vì lòng ước vọng chứa chan như vậy, nhân lại tiện rịp qua chơi thành *Genève* dám xin đem những điều trông thấy lược thuật ra đây để cống hiến cùng chư vị đốc-giả, mong rằng quốc-dân Annam ta cũng có một ngày cùng dự tới chốn kinh-đô vạn-quốc đó, để cùng hấp thụ cái không khí trong lành, xênh xang trên cõi núi hồ tốt đẹp đó, thì tấm lòng hy vọng vui sướng biết là dường nào!

Năm 1929 nhân nghỉ hè tại thành *Grenoble* từ đó sang Thụy-Sỹ đường đi đã thuận tiện, vừa gặp dịp kỳ hội-đồng *Vạn-Quốc*, lại là một cơ-hội rất hay, nên cái lòng du-lịch *Genève* lại càng sôi nổi lắm; ngày 6 tháng *Septembre*, mới sắm sửa hành-trang bước ra, tầu hỏa theo bên sông *Isère*, ở dữa thời sông, hai bên thời núi, bên phải có giẫy núi *Graisivandan* ngọn cao chót vót, bên trái có giẫy núi *Grande Chartreuse*, đá mọc chon von, dương liễu rườm rà, rặng thông xanh tốt, thỉnh thoảng lại chen vài tảng đá trắng trắng đen đen, ở quá ga *Aix-les-Baines* một ít có cái hồ *Bourget* sắc nước lóng la lóng lánh, mình ngồi trên toa tầu để ý trông ra các phía, nào quãng sông to xa cách bến, mắt giẳng mông-mênh, nào làn sóng cả vỗ vào bờ, tai nghe lạt sạt, sông lượn bao nhiêu khúc, đường tầu cũng lượn theo bấy nhiêu khúc, trông phong cảnh đó lại sực nhớ đến câu: *non xanh nước biếc như tranh họa đồ*, của cổ-nhân ta vậy, nước non Thụy-Sỹ cũng nước non ấy, nước non mình cũng nước non ấy, nước biếc non xanh, xinh đẹp không khác nhau là mấy, mà nước non mình vẫn cứ chơ chơ như

vậy, nước non người sao ngắm thấy càng tươi; mải nhìn cảnh thú, con tầu chạy chẳng nhớ đến gần xa, trông ra đã đến *Bellegarde* mới xuống đổi tiền *Pháp* ra tiền *Thụy-Sỹ* để phòng khi tiện muốn tiêu dùng. Lệ thường, đến ga *Genève Cornavis* đưa người mật-thám xem giấy má, tôi vì sự muốn đi du-lãm, quá nỗi vội vàng, hôm 4 mới định đi *Genève*, giấy thông-hành phải lấy tại *Paris*, lại phải thân hành đi lấy mấy được, như thế một là tốn kém hành-phí, hai là không kịp kỳ hội-đồng vạn-quốc này, nên khi đi từ *Pháp* sang *Thụy-Sỹ* mà chả có giấy-từ gì cả, chỉ có cái căn-cước cũ rích lấy ở bên nước nhà thôi vậy. Người mật-thám thấy mình không có giấy, tình nghi giữ lại, định đến chuyến tầu sắp tới bắt giở về *Pháp* là song. Tôi liền kể rõ cái lý-lịch cùng là mục-đích sang *Thụy-Sỹ* làm gì, đem cái chân-tình năn nỉ hồi lâu, người mật-thám mới bảo tôi rằng: nếu ông bằng lòng nhận cô kia, cô ấy đi cũng không có giấy thông-hành, là đi theo ông, thì tôi sẽ cho phép ông ở lại *Thụy-Sỹ* 24 giờ, tôi cả quyết chối từ, hồi lâu không biết người mật-thám nghĩ thế nào, cũng cho tôi vào thành *Genève* để xem phong-cảnh, lúc ấy đồng hồ đã điểm 10 tiếng, mà tầu đến ga từ 9 giờ rưỡi, tính ra tầu đi hết 2 tiếng đồng hồ. Đồng đất nước người, phố xá khách lạ, tôi mới vào sở *Bureau de reinseignements officiels* số nhà 3, ngã *des Bergues* (*Place des Bregues*) hỏi thăm những lối đường đi cùng nơi nhà ở, ở đây vốn sẵn người chỉ lối đưa đường, đi theo *phố bờ sông* (Quai des Bergues) lên cầu de *l'Ile* sang bờ bên kia lần theo phố *Corraterie*, thình lình đến một nơi rất rộng rãi, một mặt nhà cửa san-sát, ra vẻ náo-nhiệt khác thường, nào trường đại-học mỹ-thuật (Ecole des Beaux Arts) cột tường đục trạm rất là tráng lệ nguy nga, nào bầu cử dinh (palais électorat) nào âm-nhạc đường (conservatoire de musique) cái thì có vẻ trang nghiêm, cái thì ra hình lộng lẫy; một mặt cây cối um tùm ra vẻ u-âm, tức là vườn *Bastions* (Promenade des Bastions) trong mình mệt, liền vào vườn tìm ghế ngồi nghỉ chân, thì thấy trong này có mấy tòa nhà của trường đại-học *Genève*. Cứ như ở thành *Paris* bên *Pháp* các trường đại-học ở cạnh ngay đường ô-tô chạy, tầu điện đi, có khi đóng cửa kính còn nghe thấy tiếng còi xe, thế mà trường đại-học *Genève* này ở ngay vào một nơi thanh vắng, khen cho kẻ đã lưu tâm về đường giáo-dục, không những muốn cho mở-mang tri-thức, lại nghĩ sao cho vui sướng cả tinh-thần, khi học xong mà học-trò ba bầy giạo chơi vườn, cùng nhau câu truyện yăn-chương sách vở, thì còn vui thú nào hơn; vả những nơi tịch-mịch mới là nơi phát ra tư-tưởng cao xa. Cứ xem cái địa-thế của trường đó mà cũng có thể tưởng tượng ra được cái nội-dung về nền giáo-dục của nước ấy vậy. Trên tường cửa trước trường đại-học này có bia đề rằng: *nước Thụy-Sỹ liên-bang* (*Confédération suisse*) chắc có ý chỉ rằng tương-lai nước Thụy-Sỹ liên-bang sẽ vì tay bọn thanh-niên anh-tuấn trong trường đại-học mà được vẻ vang cùng các nước, lai láng biết bao nhiêu cảm tình; khi đến ngã *Rond Point* hỏi thăm nhà trọ thấy ăn mặc sang trọng, tưởng là phái bộ *Nhật* sang dự hội-nghị *vạn-quốc*, họ nói hết truyện ông *Yamata*, bà *Yamata* trọ bao lâu, đến truyện ông *Souchima*, bà *Souchima* ở phòng nào, sau cùng bảo vì ký-giả có một mình thì xin bớt đi, phòng một ngày bốn quan (1 quan Thụy-Sỹ ăn 5 quan Pháp), vì ký-giả trước có đến sở mách dùm cách ăn ở (*Bureau de renseignements officiels*) cùng là trước kia một người bạn *Thụy-Sỹ* đã kê các giá tiền cơm và phòng ở rồi; nay hàng cơm tính thế cũng là cái giá phải chăng, nên ký-giả cũng ưng thuận những khoản đó.

Cơm nước song rồi, 2 giờ chiều, định đến *Lư-thoa-học-viện* (Institut Rousseau) ở phố *Carl-Vogt*. Nào ngờ buổi mới lạ lùng vào nhầm ngay gian nhà của *Vạn-quốc-giáo-dục* (association internationale de l'éducaion) cô thư-ký hội Mlle B... giở ngay thuyết

giáo-dục của ông Thomas (Albert) muốn thế-giới hòa-bình thì trước hết phải tuyên truyền học-thuyết về sự hòa-bình. Cô tiếp đại thiệp liệp, ăn nói có duyên, song vì ít thì giờ nên nhờ cô dẫn sang bàn-giấy của *Lư-thoa-học-viện*. Ông bác-sỹ *Claparède* tức là nhà sáng-lập ra học-viện đó cũng là nhà chủ-trương ra tân giáo-dục lại không có mặt ở nhà vì ông đi công-cán bên *Ai-Cập* (Châu-Phi) lập trường đại-học giúp cho chính-phủ đó, nhân nói truyện cùng ông thay quyền bác-sỹ trông nom. Thoạt đầu nói truyện qua loa về việc bác-sỹ *Claparède* đi công cán, việc học-sinh ở học-viện, sau tôi có hỏi rằng: Bẩm ngài chúng tôi khi xưa có từng biết mỗ mẵng học thuyết của *Claparède* tiên-sinh trong quyển « *De l'enfant et pédagogie expérimentale* » *quyển* « *L'école sur mesure* » quyển « *Comment diagnostiquer les aptitudes des enfants* » cùng là quyển « *Un institut des sciences de l'éducations et les besoins auxquels il répond* » song còn điều nghi-vấn, nay nhân dịp qua *Genève* chơi muốn đến hỏi cao-kiến ngài. Thưa ngài chúng tôi vẫn rõ rằng *Claparède* tiên-sinh đã làm điên-đảo tư-tưởng trong giáo-dục-học, chẳng kém gì ông *Copernic* ngày xưa đã làm điên-đảo tư-tưởng trong thiên-văn-học; cứ như học-thuyết của *Claparède* tiên-sinh thì lấy tâm-lý của trẻ con làm đầu, lấy sự chơi học làm cốt, song trẻ-con mỗi đứa một tính một nết, việc lập một trường học và học-trò cùng học một cách, cùng làm một bài, thì sao cho tiện? Ông B... liền đáp lại rằng: học trò tuy làm một bài, song không hẳn rằng cùng học một cách. Sách vở nhà trường sếp đặt rất phân minh, rất thứ tự, khi học môn nào thì học trò tự tra cứu sách vở thuộc về môn ấy. Vừa rồi trong trường có ra bài, đầu đề là: Máy bay của ông Lindberg, mỗi lớp làm một khác, lại mỗi hạng học trò làm một khác, cao thấp cách biệt hẳn nhau. Đoạn ông B... đưa cho xem mấy cái máy do tâm-lý trẻ-con cùng là mấy bức đồ đo tâm-lý, lúc ấy đã ba giờ rồi, tôi liền xin cáo biệt ra về.

Buổi tối đến nghe ông X... phái bộ *Đức* diễn về vấn-đề thế-giới hòa-bình, đại-để ông nói muốn cho thế-giới được thái-bình thì phải tài giảm binh-bị, muốn tài giảm binh-bị, trước hết phải làm thế nào cho bàn dân thiên-hạ tin rằng không thể có cuộc chiến-tranh nào sẩy ra nữa, mà nếu chiến-chanh có sẩy ra cũng tin rằng có một cái lực kia nó có thể dàn-áp đi được. Lời nói nghe rất hùng-hồn mà nhất là khi nói đến nước *Đức* vẫn tin cuộc thế-giới hòa-bình cùng là vấn-đề tài giảm binh-bị thì lại càng hùng hồn thêm nữa. Thế mà đêm về nhà trọ giở nhật báo *Genève* (journal de Génève) ra xem, thì thấy một mục nói về *việc nghị-trường Đức đang bàn việc đóng thêm một chiếc tầu ngầm*. Gớm ghê thay! người *Đức*, miệng thì nói những hòa-bình, mà xét đến việc làm thì toàn những thủ đoạn chiến tranh kịch liệt, thế thì ta còn chắc gì có cái hạnh-phúc hòa-bình được.

(Sẽ tiếp theo)

Trần-duy-Đạm

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

GIA-TRUYỀN RẤT THẦN HIỆU

CÁC NGÀI ĐI NHỮNG NƠI ĐƯỜNG RỪNG NƯỚC ĐỘC NÊN PHÒNG BỊ THỨ THUỐC NÀY

Bán tại hiệu **Liên-Huy** Giá bán mỗi lọ **0$25**

Phố **Hàng-Trống** *(Maréchal Foch) số 68 — NAM-DINH*

QUANG CẢNH MỘT NHÀ MÁY ƯƠM Ở CHỐN THÔN-QUÊ

(Lãng Cổ-Chất, huyện Trực-Ninh, Nam-Định)

Nước biếc non xanh, phong cảnh tịch mịch, cảnh thiên-nhiên có thế mới thấy chỗ hữu-tình; lầu cao nhà rộng, máy móc rộn rầm, cảnh nhân-tạo không thế thời nguy cho sinh-kế. Vậy cảnh thiên-nhiên quý tĩnh, mà cảnh nhân-tạo quý động, là lẽ tự-nhiên. Nếu cảnh nhân-tạo không động mà tĩnh, thời không những ảnh-hưởng ngay đến nền kinh-tế, mà lại còn tỏ ra cái vẻ tiêu-điều trước mắt du-quan, làm cho khách đi đường qua cửa máy tơ, nhìn trông non nước cũng phải ngẩn ngơ cho cái đời kinh-tế khó khăn này.

Thử xem ngay làng Cổ-Chất, thuộc huyện Trực-Ninh, xưa vốn người nhiều đất hẹp, rĩ nghệ thế canh, phần nhiều người làng đều làm nghề ươm, cứ sáng sớm ra, đàn ông lũ năm lũ bẩy, quẩy vợt, xách cân đi các nơi mua kén; đàn bà trẻ con ở nhà đun bếp quay guồng; tối đến, kẻ lấy kén quẩy gánh về nhà, kẻ ở nhà mang tơ ra chợ; chợ họp về buổi tối, kẻ đi người lại tấp-nập rất vui. Kể trong làng có đến sáu bẩy trăm bếp ươm, mỗi bếp một ngày ra tơ, giá độ năm sáu đồng bạc; tính đồ đồng mỗi ngày làng ấy ra được **một ngàn bạc**, một năm có **ba trăm ngàn đồng**, thật là một làng đại-công-nghệ ở tỉnh Nam-định này vậy.

Cũng vì đất thôn Cổ là nơi giầu nhân công, nên chi ông chủ máy ươm Nam-định, trước còn phát guồng cho người ươm làng ấy để lấy tơ, sau đến năm 1922 mới mua đất đầu làng *Phương-Khê* giáp thôn Cổ-Chất để đặt nhà máy kếch-xù, gọi là « **nhà máy ươm Thôn-Cổ.** » Từ đây quang-cảnh một nhà máy ươm mới nẩy ra ở chỗ thôn quê.

Kể về **hình-thế**: nhà máy này diện-tích hơn 7 sào Annam, bốn bề bao bọc tường cao, nào nhà giấy hai từng, nào nhà ươm hai rẫy, to bằng hai cái nhà chợ rồng Nam-Định; sau có nhà máy cái, nhà sấy kén (étouffoire) và một cái ống khói cao chót-vót, trên ngọn có thanh sắt nhọn để thu sấm xét của giời, trông cái ống khói này đứng vào giữa thôn trang, nhà cửa úp súp, chẳng khác gì núi Tản-Viên đứng vào giữa gò đống, thật tỏ ra tôn-nghiêm hùng-vĩ biết là nhường nào!

Nói về **máy móc**: hai bên nhà giấy, mỗi bên đặt hai hàng bếp ươm; mỗi hàng có hai mươi nhăm bếp rút mối, và 50 bếp bỏ mối; mỗi nhà có hai hàng cánh guồng; nhà máy cái có một cái Chaudière rất to, một cái máy cái 15 sức ngựa, một cái máy phát điện đủ đốt 30 ngọn đèn, và một cái máy sấy kén, hễ nồi nước nóng, máy cái chuyển động thời bao nhiêu máy khác đều làm việc cả, trông rất thần tình, chả khác gì thân-thể người ta hễ quả tim phát động, thời trăm nghìn bộ phận khác đều nhờ đó mà chuyển-động, cơ-quan thật là tinh sảo.

Nói về **công việc**: Gà chưa gáy sáng, trống mới sang canh, đúng bốn giờ rưỡi sáng, tiếng còi tu tu, lảnh tai điếc óc, trong lúc đêm trường mờ mịt, làm cho tỉnh giấc anh em, chị em lao động trở rậy đi làm; đến 5 giờ lại còi báo một lần nữa là giờ bắt đầu đi làm việc, thôi thì nào giai, nào gái, nào trẻ con, người đông như chợ, kẻ có bốn năm trăm, kẻ rút gốc, người bỏ mối, lôi tơ, nghìn vạn cái ngón tay lanh lẹn bắt khoắt ở trên mặt nồi bán-nguyệt, cánh guồng lục lăng; rồi tiếng cười, tiếng nói, thỉnh thoảng lại pha lẫn câu sa-mạc xen vào giữa tiếng guồng ầm ầm, tiếng máy sình sịch, cùng dưới cái bóng đèn điện sáng choang,

khiến cho ai ai trông thấy cũng phải hiểu ngay cái thái-độ nhân hạ vui vẻ của thợ-thuyền làm trong nhà máy ươm này. Thế mà, ngày nào cũng vậy, năm giờ làm, 11 giờ nghỉ; 12 giờ làm, 6 giờ nghỉ. Công việc có hạn, hiệu lệnh có còi, thật đã tỏ ra trật-tự và hoạt động biết là nhường nào!

Nói về **xuất nhập**: Tối đến, mỗi người buôn kén đều đến đầy sân, nào xấu, nào tốt, nào vàng, nào trắng, thi nhau cao hạ ở trên cán cân thăng bằng, rồi kẻ nài cao, người giả hạ, rất là phiền phức, cứ mỗi ngày phải cân 5, 6 trăm cân kén mà lại còn phải mua trữ mà sấy khô để phòng khi không có kén nữa, còn tơ mỗi ngày ra được 40 kilos, tính giá trung bình mỗi cân mười lăm đồng, một ngày xuất ra có 600$0 0; một năm tới 200 ngàn, thế mới biết sự xuất sản giầu thịnh là nhường nào!

Kể công việc trong nhà máy này còn nhiều *điều rất là phức tạp*, song đây tôi chú trọng về cái quang-cảnh thay đổi, nên chỉ kể qua, xin Khán-quan miễn trách. Nói tóm tắt cái nhà máy này đặt ở đấy rất có lợi cho người nghèo sẵn việc, phần thì chấn hưng nghề nuôi tằm, phần thì tiêu thụ được nhiều kén, làm cho giá tơ nam cao mà cái nghề ươm tay của làng này cũng dễ làm ăn, buôn bán vậy nhà máy này lập đây cũng không phụ cái câu tô điểm cho giang san xứ này vậy.

Cái quang-cảnh xưa tốt đẹp thế nào, mà đến nay bỗng dưng tịch mịch, làm cho kẻ cầm bút này cũng ngại ngùng khôn tả, là vì duyên cớ tại đâu? Người ta đã ví tơ như vàng, lại còn ví tơ như con gái đẹp, vàng và con gái đều quý, song con gái cũng có kẻ nhỡ thì; trước tơ bán về Lyon một cân được từ 5 trăm 4 trăm, 2 trăm quan; bây giờ chỉ có 130 và 140 quan. Ấy đó cô con gái nhỡ thì là thế, làm cho ảnh hưởng đến cái quang-cảnh nhà máy này, thậm chí nhà-nước đã cho tiền thưởng hai hào vào một cân kén, mà ông chủ cũng phải bó tay. Đã một năm nay, đành cho cái nhà máy này cửa đóng then cài, thợ thuyền hưu-trí, buồn thay mà cũng ngán thay, mười năm nay sầm-uất thế nào mà bây giờ lại vắng tanh như thế! Bao nhiêu những quang-cảnh mà tôi kể ra trên đó, bây giờ chả cái nào ra thế nào cả rồi. Ống khói im hơi, chim hữu ý tìm nơi làm tổ; máy guồng đậy chiếu, nhện vô tình tiện rịp vương tơ. Ấy đã có một thầy ký trước làm ở sở này, sau hết việc đi Saigon, có câu thơ rằng:

«Còi máy năm nay vắng tiếng tu;
Thôi ươm, thầy ký ít lu bù.»

Tuy là một câu văn đùa, nhưng cũng đã tả được một hai phần sự-thực của cái quang-cảnh nhà máy này vậy. Nói cho đúng cái quang-cảnh buồn tênh như thế, không phải buồn riêng ở nhà máy này; mà lại còn nhà máy ươm Quy-Phú, nhà máy ươm Lạc-quần cũng chịu chung cái quang-cảnh tiêu-điều này nữa, cho đến cả cái nghề ươm guồng tay của ta cũng theo cái quang-cảnh ấy mà sút kém đi nhiều. Nếu giá tơ chợ Lyon, cứ sút mãi đi thế, thời ta sẽ trông thấy cái quang-cảnh phế nghiệp của nghề dâu tằm phát hiện ra ở xứ ta. Ai là người để tâm vào nghề tằm tơ, trông thấy cái quang cảnh này, cũng hiểu ngay là một năm nay ta đã thiệt thòi bao nhiêu tiền về tơ xuất-cảng, và đã làm cho bao nhiêu người thất-nghiệp; than ôi cái đời máy móc thua được rất nhanh, soay giở rất chóng, sinh ra nhiều cái quang-cảnh đáng tiếc đáng giận, đáng thương tâm, thôi

Đời nay lắm nỗi oái-oăm;
Biết đâu kể truyện con tằm vương tơ.

Vũ-tư-Cấu

SAI-THANH NHAT-BAO
là tờ báo có giá-trị ở Nam!

BAC-KY THO'I-BAO
có lẽ cũng là tờ báo có giá-trị ở Bắc!

HÁN-VĂN DIỄN GIẢNG

日月如流。

Âm. — Nhật nguyệt như lưu.

Nghĩa. — *Ngày tháng như chôi.*

Diễn. — Đây là một câu ở trong sử Bắc, lời nói của ông *Lưu-Bị*. Ông Lưu-Bị trong khi chưa có đất Ba-thục, bị Tào-Tháo đánh thua chạy, ở nhờ Lưu - Biểu ở Kinh - châu mấy năm, nhiều lúc đương ngồi đứng dạy đi ra sau, cảm thương thân-thế đến nỗi chầy nước mắt. Lưu-Biểu lấy làm lạ mà hỏi.

Ông Bị nói : « Tôi lúc khác, mình thường ở luôn trên yên ngựa, thịt ở hai bên vế đều tiêu hao ; lâu nay không cưỡi đến ngựa, thấy ở vế lại sinh nhiều thịt ra. *Ngày tháng đi như nước chôi*, mà công - nghiệp không làm nên được gì, nghĩ thế cho nên cảm thương thân-thế vậy.»

. . .

苟日新。日日新。又日新。

Âm. — Cẩu nhật tân, nhật nhật tân, hịu nhật tân.

Nghĩa. — *Ví dù có một ngày mới, ngày này ngày khác mới, lại cứ mỗi ngày một mới.*

Diễn — Mấy câu đây, chữ trong sách Đại - học, lời khắc ở cái chậu tắm của vua Thang. Vua Thang ngày xưa là một ông vua anh - hùng, đạo - đức, chí tiến-thủ rất mạnh, ông có khắc chữ vào cái chậu tắm để thường nhắc mình, lúc nào cũng phải cần sự tiến-thủ, tức là mấy câu dẫn ở trong sách Đại-học như đây. Nghĩa là : « *Người ta nếu đã có công một ngày làm cho mới mình, thời nên rằng ngày này ngày khác đều làm được cho mới, lại cứ mỗi ngày làm cho được mới mãi.* » Lời khắc vào cái chậu tắm như thế, nói về nghĩa *tắm* thời mỗi ngày tắm gội cho được thường mới thân-thể; nói về nghĩa đạo đức thời mỗi ngày phải xửa mình cho đức tính được quang - minh. Xuy ra nghĩa tiến-thủ mà xem, tức như câu « quân-tử tự cường bất tức » vậy (1)

(1) Xem ở Bản-chí số 15 trang 3

日知其所亡。月無忘其所能。可謂好學也已。

Âm. — Nhật tri kỷ sở vô; nguyệt vô vong kỷ sở năng. Khả vị hiếu học giã dĩ.

Nghĩa. — *Ngày, biết cái điều ở mình không có; tháng không quên cái sự của mình đã hay. Như thế, có thể gọi là chăm thích sự học vậy.*

Diễn. — Mấy câu đây, chữ trong sách Luận - ngữ, lời của học-trò đức Khổng là ông Tử-Hạ. Nghĩa rằng: Hằng ngày nhận biết những cái điều hay mà mình chưa có được; hằng tháng không quên những cái điều hay mà mình đã làm được. Thường hay xét nét mình như thế, thời lúc nào cũng để chí về sự tiến-thủ, có thể gọi là người có chí thú về sự học để lập thân vậy. — Tại nhà quốc - học bên nước Hoa-kỳ, có cheo yết những câu cách-ngôn của các nước Âu, Á, về trong sách của Trung-quốc thời lấy mấy câu này. Vậy thời mấy câu Hán-văn đây, tưởng cũng là có chút giá-trị vậy.

Nguyễn - khắc - Hiếu

Được tin anh bạn đồng-nghiệp
BẮC-KỲ-THỜI-BÁO
ra đời

Báo-giới ba kỳ buổi cạnh-tranh,
Tranh nhau bút sắt múa tung-hoành.
Bắc-kỳ đồng nghiệp bao nhiêu bạn;
Thời-báo ra đời lại có anh.
Dẫu sẵn mực đen cùng giấy trắng,
Nhường sao nước biếc với non xanh?
Nam-thành tiến thủ cơ-quán mới,
Tương tế mong ai một mối tình.

TẢN-ĐÀ

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI THIÊN ĐÀM

Kỳ Tạp-chí số **16**, trong bài "*Chí-nguyện của một ông quan lang trên Hòa-bình, Quách-Điêu,*" có nói sự cải-lương của ông *bắt đàn bà con gái trong địa-hạt đều phải húi tóc cả.* Sự đó cũng là tôi mới được nghe truyện, mắt chưa được trông thấy hẳn, song có thể tin câu truyện người ta nói là có. Vì sao? Xem cái chí-nguyện của ông Điêu đối với sự dậy quốc-ngữ cho nhân-dân, thời biết cái mãnh-lực của ông trên con đường tiến-thủ; thời như sự bắt đàn bà con gái húi tóc, cũng chẳng đủ cho là quái lạ gì. Việc đời thường vẫn phải đến thế, mà có kẻ nói ra trước, làm trước, đi bước trước, thời chúng-nhân không khỏi lấy làm kinh-nghi. Sự kinh-nghi của chúng-nhân, chẳng qua chỉ là làm cho tôn cái giá-trị cho những người nói trước, làm trước, đi bước trước đó mà thôi. Việc đời ra sao, rồi cứ phải đến thế.

Xem như trong xã-hội ta khoảng hai mươi năm trước, một sự học quốc-ngữ, và đàn ông con giai húi đầu, để răng trắng, còn là bị chúng chê bơi. Có ông Cử vì không nói được tiếng «*r*» mà bỏ trường hậu-bổ, về nhà làm thơ chế riễu, cho là sự "*liếm lọ, liếm tường.*" Có người đàn ông vui cùng bạn đi húi đầu, mà về nhà bị vợ bỏ. Chàng rể đến nhà vợ làm lễ cưới, vì răng trắng, chúng cười là "*hàm răng sáng một góc nhà.*" Những sự chế riễu chê cười đó, đến nay coi lại, đã thấy là vô vị biết bao; thời như câu truyện húi đầu của đàn bà con gái ngày nay, liệu tưởng chỉ độ 15 năm giở về sau, sẽ thấy như đàn ông con giai húi tóc trắng răng vậy. Đàn bà con gái Tầu hiện nay, sự húi đầu đã coi là thông-tục. Người nước ta dại-dề rồi việc gì cũng theo chúng; duy chỉ có người ta đi bước trước đã mãi, rồi mình mới chịu theo mà thôi.

Một sự trang-sức về "*bộ đầu*" của đàn bà con gái nước ta, rất là đáng ghét! mà đáng ghét nhất là việc *đầu tóc* của đàn bà con gái ở xứ Bắc! Đàn bà con gái xứ Bắc, mỗi buổi sớm, chải được một cái đầu, đội xong một cái khăn, mất không biết bao nhiêu là thì giờ. Nhất là những người bận con mọn, con khóc mặc con, hãy chải lấy cái đầu, đội xong lấy cái khăn cho được như ý, làm cho người ở bên cạnh nghe tiếng đứa trẻ khóc và trông thấy cái ráng bộ chải đầu, đội khăn đó, sốt ruột không biết là chừng nào! Thời buổi khó-khăn này, trong một nhà, ai nấy đều nên phải tiếc cái thì giờ mà để dùng về sự làm ăn, mới mong có sinh-tồn với xã-hội; trong xã-hội, ai nấy cũng đều nên tiếc cái thì giờ mà để dùng về sự làm ăn, mới mong có sinh-tồn với thế-giới. Nay nếu đem một số người không ít, ngày chỉ bận về sự chải đầu, rẽ tóc, vấn khăn mãi mãi, thực thiệt hại cho gia-đình xã-hội biết bao. Một sự đội nón, gần đây đã nhiều người theo lối Kinh, thời sự vấn khăn sau này cũng ắt đổi thay vậy.

Nhân sự vấn khăn, lại nghĩ đến cả cách ăn mặc của đàn bà con gái trong ba kỳ. Nước ta có câu rằng: «*ăn bắc mặc kinh,*» là cho sự ăn của xứ Bắc làm sành, mà sự mặc ở trong Kinh là lịch. Câu đó ngẫm thật phải. Cứ sự mặc của đàn bà con gái ở Huế, rất dản tiện mà thanh lịch. Khi tôi mới vào chơi trong Huế, thấy một đội nữ-học-sinh đi học, quang-cảnh rất là khả-quan. Lại như có người mặc áo lụa bạch, đeo kiềng vàng, mà ngồi trên cái xe tải đi ở trong thành-phố; cũng có người ăn mặc như thế, mà gánh đôi cái rành, trong đựng nải chuối xanh và đôi ba quả rưa, đi

ra chợ Đông-ba. Trông đều là có vẻ thanh-lịch. — Những người phong-lưu ở Nam, sự ăn mặc cũng giống như kiểu Huế, mà áo mặc quá dài, trông không khỏi có vẻ lượt-thượt. Phần người lao động trong phụ-nữ-giới trong ấy, ăn mặc quần áo ngắn, vải thâm tây, trông không khác đàn ông con giai, rất có ráng khoẻ mạnh. — Những đàn bà thôn quê ở xứ Bắc, đi gồng đi gánh, mà ăn mặc rất là lượt-thượt; nhất lại những bà chánh bà lý đi chợ, thướt-tha kẽo-kẹt, bộ điệu rất là khó coi.

Tóm lại sự ăn mặc của phụ-nữ nước ta, hạng người phong-lưu nên theo kiểu ở Huế, hạng người lao-động nên theo như Saigon, có nhẽ hơn cả. Sự ăn mặc là phần nhỏn trong quốc-tục, nếu châm-chước theo nhau được, thời trước là tiện lợi, sau nữa được tỏ tình thân-mật, không coi nhau kẻ bắc người nam.

Lại nghĩ về sự **đầu tóc** của đàn bà con gái, thế nào rồi cũng đến phải húi. Tiếc rằng trong quốc-dân không được có nhiều người như ông Quách-Điêu, cho nên sự tiến-thủ còn chậm. Nhớ khi xưa Nhật-Bản duy tân, nhà nước hạ lệnh cho nhân dân đều phải đổi theo cách ăn mặc của Thái-tây, tức là mặc theo lối áo ngắn; sau khi lệnh hạ đúng kỳ là bao ngày, ngoài đường có đội lính tuần-cảnh riêng, tay cầm kéo, phàm thấy người nào còn mặc áo dài thời cứ việc cắt bỏ nửa dưới, như thế mới gọi là tiến thủ một cách mãnh liệt. Các sự tiến thủ đuề mãnh-liệt như thế, cho nên Nhật-Bản mới chóng thành công-hiệu duy-tân.

Trông thấy người ta đi nhanh, càng tỏ ra là mình đi chậm. Con đường tiến-thủ, quốc-dân ta còn lậm-cậm! Sốt ruột chăng? ai tá! Chiếc thuyền ván nát, chẳng dậm, thời thuyền chẳng có đi!...

Nguyễn-khắc-Hiếu

Quốc-dân An-nam!
Tạp-chí An-nam!

Nói về sự tiến-thủ của người nước ta mà có cái thái-trạng rất mãnh-liệt, rất hùng hồn, thời tưởng không có sự gì bằng một sự **ăn tết**.

Gần đến ngày tết, trông ở ngoài đường, tưởng như đại đa số quốc-dân đồng-tâm lực lực để đối với một địch-quốc rất to lớn, để chiến-tranh sinh-tồn; mà nào những anh-hùng hào-kiệt, tráng-phu tử-sĩ, liệt-phụ hiệp-nữ, ở đâu tứa ra thật đông, thời là những người đi chạy tết, lo tết, sắm tết vậy.

Những sự lo chạy xắm-xửa về tết đó, đạt mục-đích phải có những phẩm-vật, chẳng nhiều thời ít, phần cúng lễ, phần giao-tiếp, phần ăn uống, phần may mặc, phần thiết-dụng, phần trang-hoàng, chẳng ai bắt ai mà như thể cứ phải có; giầu sang nghèo hèn, tùy theo trình-độ mà phải lo. Người giầu sang thời lo cách phong-lưu; kẻ nghèo khó thời lo cách khốn-khổ. Sự lo đó rất là trung thành, có khi bỏ cả lễ nghĩa liêm sỉ mà lo cho lấy được, lo mãi cho đến hết nửa đêm hôm ba mươi tết thời mới thôi. Sang ngày mùng một thời thôi không ai phải lo nữa.

Cái kết-quả của sự lo đó, tức là cái hạnh-phúc dồn lại ở trong mấy hôm tết, đại-khái như câu thơ của ông tú Xương rằng:

« Phong lưu đệ nhất ba ngày tết,
Kiết sác như ai cũng rượu nhè. »

Rồi mà lá bánh chưng đổ ra chuồng lợn, sác pháo đốt quét ra bờ tre, cúc chậu phai vàng, đào cành nạt thắm, năm mới thấm-thoát đã thành ra năm cũ; những ai lo chạy trong năm đó, đầu tóc có bạc thêm ít nhiều?

Nghĩ như một sự ăn tết của ta, là *quốc-tục*, mà cũng là *tôn-giáo*. Những người phong-lưu ở tỉnh-thị, tiệc tùng thết đãi nhau luôn luôn, trong một tháng biết bao ngày tết. Ở thôn quê, ông Tổng ông Lý, đám sách phần phò đã lắm; lại công việc quan lên tỉnh lên phủ, quán hàng cơm rượu không vừa. Rút lại chỉ

những thằng lưng cao khố đen, cầy sâu vác nặng, mỗi lúc đã có tiền đâu mua con cá, miếng thịt, mà nhai ở trong mồm. Một đôi khi công-dân tiệc-lệ, tư-gia khao, mấy đĩa mỡ heo là bổn-phận. Bởi vì thế cho nên nên có tết.

Tết, đã sinh ra có cỗ bàn ăn uống, mà nếu không có cúng ông bà ông vải, thời nhẽ sao cho đang? Bởi thế cho nên tết có cúng.

Tết đã có cúng thời sự cúng lại là trọng, cho nên «trước cúng sau ăn», nhân năm giời mà nhớ đến tổ tiên, thừa huệ tổ để vui cùng gia-thất, quanh năm tối mặt, chén rượu khà xuân. Qua đó rồi lại vác nặng cầy sâu, trâu lại trâu, ngựa lại ngựa. Nghĩ vậy thời một sự ăn tết của một hạng đại đa-số bình-dân ở thôn quê rất là có ý vị! Hoặc ai có lo chạy cho được «*phong lưu ba ngày tết*», thực cũng là sự-lý chánh-đáng thay!

Tuy vậy, trong thế-gian, sự-thực với nhẽ phải, thường không đi với nhau. Những *hạng bình-dân ở thôn quê*, nên có ăn *tết thời khó lo* cho được tết. Những *người phong-lưu ở tỉnh-thị*, không cần phải ăn tết, mà lại cũng cứ phải có tết, Nhớ năm ngoái tôi ăn tết ở ấp Đồng-Sành gần Hải-phòng, khoảng chưa hôm ba mươi tết, các nhà trong ấp đã dộn sự mổ lợn cùng là tiếng dã giò, mà ngoài bờ ruộng kia còn vẫn có những người đi mò cua, mò rạm; hỏi ra thời là những người ấy đi kiếm cua, kiếm rạm, mong đem ra chợ bán để kiếm tết. Than ôi! — Nhân tôi lại nhớ trong khi ăn tết ở Hàng-Lọng Hanoi, nghe một người bạn nói truyện: có một người bạn của ông ấy, trọ ở xóm gần Ga, cũng là hàng ông Phán, nhà là nhà trưởng, hơi giầu có, con giai con gái không có; theo sự thường về việc tết, cũng phải làm ra bốn năm mâm cỗ mới đủ về sự cúng và mới hợp phong-thể. Chiều hôm ba mươi tết thời mấy đứa đầy tớ giai gái xin phép về cả. Qua ngày mồng một, thành ra chỉ có hai vợ chồng ông Phán, mà bốn năm mâm cỗ, sự cúng song đã đành, mà ăn sao cho hết; lại ngày tết cũng không tiện biết gọi ai mà cho. Vậy rồi bao nhiêu những *vây, bóng, hải-xâm, long-tu*, cứ nguyên bát cho cả vào trong thùng nước rác. Nhân-sự oái-oăm như thế, nghĩ cũng là buồn thay!

Cứ sự ăn tết của ta mà viết lên trong mục *Thiền-Đàm* đây, thời phiền-phức vụn vằn, nói đến hết xuân cũng không hết. Tóm lại chỉ nên biết: hiện-thời xã-hội Việt-Nam ta đương thời-kỳ *tiến-thủ*, mà chưa phải là lúc *hành-lạc* (1), thời tết nhất cũng chỉ nên qua-loa cho gọi là đủ *quốc-tục* và *tôn-giáo*, để cái tâm-lực lo tết của đại-đa-số quốc-dân ấy mà nhất hướng (2) lo về sự tiến thủ, như trong hồi Nhật-Bản duy-tân, thời non nước Lạc-Hồng sẽ thật có thập phần xuân-sắc vậy.

Trông thấy người ta đi nhanh, càng tỏ ra là mình đi chậm. Con đường tiến-thủ, quốc-dân ta còn lậm-cậm! Sốt ruột chăng? ai tá! Chiếc thuyền ván nát, chẳng dậm, thời thuyền chẳng có đi!..

Nguyễn-khắc-Hiếu

1·) Hành lạc — 行樂 — Lắm sự vui.

2·) Nhất hướng — 一嚮 — *Hướng cả về* một chiều.

THÊM SỨC MẠNH CHO LOÀI NGƯỜI,
TRỪ TUYỆT CÁI HẠI VÔ CÙNG CHO XÃ-HỘI

Không gì bằng:

Thuốc bổ phổi

Hiệu THẦN-TIÊN

Kiêm trị các chứng đau phổi, ráo phổi, ho đờm, ho khan, ho ra huyết, ho lâu thành lao, mất tiếng, ngứa cổ.

Mỗi lọ 0$30

Môn thuốc Thần-tiên

Tổng cục: 123 Phố KháchNam-Định

NGƯỜI AN-NAM
Ở VÂN-NAM-PHỦ

Ở *Vân-Nam* kể từ *Chấn-Phòng* giáp giới *Lao-Kay* số người đồng-bang ta đại ước có tới 4, 5 ngàn người ở rải rác theo rọc con đường *Điền-Việt* thiết-lộ, ở *Montzeu* (*Mông-Tự*) *Amichéou* (*A-Mễ-Châu*), *Vân-Nam-Phủ*.

Người **đồng-bang ta ở Vân-Nam** đông như vậy, là vì đi buôn bán làm ăn ở *Mông-Tự*, *A-Mễ-Châu* và *Vân-Nam-Phủ*, nhất là những người làm công cho công-ty xe lửa lại càng đông lắm nữa.

Có đi xe-lửa lên *Vân-Nam* mới biết rằng những nơi hẻo-lánh rừng-rú chỗ nào cũng có người *An-Nam* ta ở cả.

Chính ở *Vân-Nam-Phủ* thì số người *An-Nam* ta ước chừng vài trăm mà thôi.

Người *An-Nam* ta ở *Vân-Nam-Phủ* phải lấy giấy căn-cước ở phủ *Lãnh-Sự* của nước *Pháp*. Những người làm việc quan thì *Lãnh-Sự-Phủ* cấp cho, không lấy tiền. Những người cùng quẫn *Lãnh-Sự-Phủ* cũng cấp cho không bắt giả tiền. Ai xuôi ngược phải xin giấy thông-hành ở *Lãnh-Sự-Phủ*.

Nói về buôn bán thì ở đây *An-Nam* ta không có cái thương-cục nào to tát cả. Chỉ buôn bán lặt vặt với nhau là nhiều.

Duy chỉ có một hiệu bán ghế mây, ghế vấn thừng, mắc áo, các đồ dùng về xe kéo xe đạp là có tư cách một đại hiệu. Hiệu này là hiệu Tân-Tiến; ông chủ là M. Vũ-đăng-Tiến có nhiều hiệu ở *Hanoi*, *Vinh*, vân vân... Mỗi năm ông lên trên này một hai lần. Còn việc giao-thiệp buôn-bán thường, thường bán cất cho khách thì ông phó thác cho một người đàn bà quản-lý của hiệu cho ông. Bà này tục thường gọi là bà *Tư-ô-xéc*. Khen thay ông *Vũ-đăng-Tiến* là một nhà buôn giỏi. Ông không quen biết ai ở *Vân-Nam*. Thế mà ông lên đấy lập thương-điếm. Bơ-vơ đất khách, ông gặp một người đàn bà là bà *Tư-ô-xéc*; khi nói chuyện biết rằng bà này có thể buôn bán được. Ông bèn mở cửa hiệu uỷ thác cho người đàn bà này rồi xuôi về.

Từ bấy đến nay hàng hóa tiêu thụ được nhiều, cửa hàng phát đạt. Đi qua cửa hiệu nom vào ai không biết cũng tưởng là hiệu tạp-hóa tầm thường không có gì ra giáng một đại-hiệu; mà hiệu này cũng ẩn vào một xóm nhỏ, chứ không trương hoàng ra ở dữa một phố buôn bán lớn, thế mà tiền hàng bán cất cho khách mỗi tháng cũng được một số bạc tây to lắm. Cứ xem hiệu ghế mây đó cũng có thể nhận biết được rằng người *An-Nam* ta bây giờ cũng biết bắt trước được *Âu*, *Mỹ* đi đặt thương-điếm ở nơi hải ngoại đem đồ bản-quốc ra bán cho nước ngoài phần thu được lợi lớn, phần thì các đồ vật mình chế tạo ra không đến nỗi ứ lại ở trong nước. Lại còn tránh được một sự thiệt thòi nữa là không cần người *Tây* người *Tầu* làm môi-giới cho mình, lợi tức mình được hưởng cả họ không thể cướp được một phần lợi lớn của mình, có khi hàng hóa của mình mà khi bán ra ngoại-quốc phải qua tay người *Tầu* người *Nhật* biến thành hàng *Tầu* hàng *Nhật*, chứ người ngoại-quốc không biết là hàng *An-Nam* ta nữa.

Ta biết đi mở thương-điếm ở nước ngoài thực là một điều đáng mừng cho cái tiền-đồ thương-mại của ta. Ông *Vũ-đăng-Tiến* không những thạo về việc buôn bán và đối với việc nghĩa ông cũng giầu lòng tư trợ nữa. Năm nọ ông lên *Vân-Nam* thấy nói hội **Việt-Nam-Tương-Tế** của người *An-Nam* ta mới thành-lập. Ông quyên ngay cho hội 200$00. Tấm hảo-tâm ấy thực quý-hóa thay! (Còn nhiều người quyên tiền cho hội và công đi quyên giúp hội.)

Ngoài ra các nghề của ta ở đấy thì cái số hàng thợ may chiếm được một phần to hơn hết. Các hiệu thợ may cũng sàn sàn như nhau cả chứ cũng không có hiệu nào to tát đặc biệt lắm. Có nhiều người mở hiệu tự mình đứng làm chủ. Nghề may là nghề lợi hơn cả, vì may cho *Tây* cho *Ta* và nhất là cho *Khách*

nhiều lắm. Nhưng người *Khách* lịch-sự giầu có thì ưa mặc theo lối *Tây*. Nhà binh thì may quần áo cho lính. Áo ba-đờ-suy thì may quanh năm vì ở đấy lạnh nhiều nóng ít người khách thích mặc. Về việc thương-mại cạnh tranh của người mình ở đấy tôi cũng đã thấy một vài việc đáng chán không phải tôi nói rằng bao nhiêu người thợ may ở đấy đều có cái thói tranh-dành hèn mạt cả đâu; phần nhiều người làm ăn đứng mực cửa hàng tróng phát-đạt lắm, cũng có người không học theo thói cạnh tranh nhỏ nhặt không biết rằng người *Tây* người *Tầu* bảo nhau giữ lấy cái giá hàng nếu có thể chiếm được độc-quyền về một thứ hàng gì thì họ quyết chiếm lấy. Còn người mình thì không thế.

Có một lần người *Tây* đặt người thợ may *An-Nam* may mấy trăm cái sà-vệt (khăn ăn) giá cã hai bên châm chước song đâu vào đấy rồi; người hàng xóm người thợ may ấy là người thợ may khác, cất lẻn đến nhà người *Tây* kia thầu việc may sà-vệt mà chỉ xin lấy một nửa tiền cái giá mà người *Tây* đã định với người thợ may kia thôi. Thấy dễ thế tội gì người *Tây* không ưng cho làm? Thành thử một người thợ may thì mất việc mất lời, một người thì làm lỗ vốn mất công. Ấy cái thói ganh lợi-quyền với nhau thế là thói xấu.

Lại còn một việc nữa cũng đáng buồn: Số là những người khách đây ta thường gọi là *xa-phang* may nhiều áo ba-đờ-suy lắm. Mà áo ba-đờ-suy của họ giài lê-thê chấm gót chân. Cho nên ta thấy người mình ai mặc áo ba-đờ-suy hơi giài thì bảo là áo *xa-phang*. Hai ba năm về trước đây có mấy hiệu khách bán len dạ thấy khách *xa-phang* ở đấy và khách ở chung quanh *Vân-Nam* mua nhiều áo ba-đờ-suy quý hồ vừa ý cần dùng đắt mấy cũng không quản ngại. Mấy hiệu ấy đưa len dạ đến từng súc thuê thợ may ta may nhiều áo ba-đờ-suy để sẵn; hễ khách đến mua là họ có áo bán ngay, không phải chờ đợi thợ may mất thì giờ, bởi thế mà các hàng len dạ đại phát-tài. Mà các hiệu thợ may ta cũng chiếm được nhiều; sau vì mấy kẻ không biết bảo nhau, làm cho người khách sinh tình họ bớt mãi tiền công đi. Chung quy cái nghề may áo ba-đờ-suy không kiếm ăn được nữa!

Cũng có người buôn lê-ghim (légumes) các thứ rau như cải bắp, cải trắng, khoai tây, đậu, ngô, lê, lựu, đào, v. v. nghề này tuy là nhỏ mọn mà vốn cũng phải nhiều, lợi cũng lắm. Chuối của ta mang lên trên này, *khách* họ quý lắm. Đến mùa vải, mùa nhãn, một ít người đàn bà ta đem lên bán lẻ được lợi nhiều. Có điều này cũng nên chú ý là những quả nhãn, quả vải, quả chuối, thời giá ở dưới ta thì vất đi không ai buồn nhặt, mà ở đấy họ cũng mua ăn, có lẽ là mình có nhiều mà mình coi thường, họ không có mà họ quý chăng. Xét ra nhà buôn ta chưa biết nhân cái sở thích hay sự nhu yếu của người ngoại-quốc mà đem hàng đến hoặc chế đồ vật ra để bán cho họ: vải, nhãn, dưa, chuối ở đấy bán đắt lắm. Giá ta đem phơi khô hoặc sấy đi, hoặc đóng hộp mà chở lên bán thì cái nguồn lợi không phải là nhỏ...

Chiều nào cũng có nhiều người ra đón xe lửa để mua những hàng ở dưới ta thường ở *Lao-Kay* gửi lên phần nhiều là những thức ăn.

Trong số dân *An-nam* ta ở đấy cũng có ít người đàn bà sinh nhai về nghề buôn thúng bán mẹt, buôn bán tấm bánh mớ rau, quanh quẩn với người *An-Nam* ta là phần nhiều. Những người làm ăn tiết-kiệm cũng đủ phong-lưu, đủ cung cấp cho gia-đình sung-túc.

Cũng có mấy bà đảm-đang xuôi ngược buôn bán. Buôn vàng, buôn bạc, buôn dạ, buôn hàng tấm, buôn đồ đồng... Giá mà thuế đoan không nặng lắm thì cái lợi còn khá hơn nữa. Ít lâu nay có một người bếp ta trước đi làm với tây, rồi nấu ở các hiệu cơm *khách*, nay về mở một hiệu cơm *tây* ở phố *Hủ-Cộ-Cái* 護國街 tự mình đứng làm chủ, tự mình nấu cho khách ăn. Người *ta*, người *tây*, người *tầu*, ai vào hiệu cũng hết sức tiếp đãi tử tế.

Hàng cơm này nghe chừng cũng có phần phát-đạt, vì chủ hiệu quen khách *xa-phang* nhiều mà người mình cũng chiếu-cố đến cả. Có mấy ông thầu khoán như ông *Ba-Tâm* chủ hiệu *Nam-Hưng*. Ông thầu khoán việc làm nhà, ông có hiệu làm đồ gỗ.

Ông *Ba-Tâm* là người thầu khoán đứng đầu, khôn khéo, trường vốn. Ông thầu với *Tây* với *Tầu* được nhiều việc to. Công việc của ông làm ăn được chu-tất phát-đạt cả. *Tây*, *Tầu*, và *Ta* đều có lòng vì nể cả. Kể như ở đất khách này ông cũng là một nhà phú-thương giỏi-giang đáng khen.

Ông *Hoàng-Đình* cũng là một tay thầu khoán lão luyện. Ông lên *Vân-Nam* hơn 30 năm nay từ khi chưa có đường xe-lửa, ông này vẫn thường thường thầu công việc của người *Tầu*, và người *Anh*, *Mỹ*; nhưng xem ra cách sinh-lý cũng bình thường thôi.

Ông *Cai-Minh* chủ hiệu máy sắt *Trương-Nam-Minh*. Khen thay cho ông này cũng giỏi, chỉ vì cái tài giao-thiệp khôn khéo mà được bao nhiêu người bỏ của ra giúp đỡ ông nhiều. Ông *Cai-Minh* là một ông chủ một cái công xưởng, có bàn giấy, có thư-ký, có máy nói, Ông toan bốc giời, chẳng may ông tính một đàng ra một nẻo đến nỗi cách đây ba năm ông bị một phen tài-chính rất là quẫn-bách. Từ đấy ông nhẫn nhục hàn gắn cho đến bây giờ xưởng thợ của ông đã được thịnh-vượng, trong xưởng làm ăn đã có vẻ xầm-uất. Ông này tuy vậy cũng được cái tính tốt thấy đồng-bào nghèo khó, hoặc không có việc làm thì sẵn lòng cưu mang.

(Còn nữa)

Vũ-văn-Lễ

Grand Hotel Nam-Viêt
NGUYÊN-TUYÊN
Directeur - Propriétaire

NÊN CHÚ Ý !!!...
NHÀ KHÁCH-SẠN BA TẦNG CÓ GARAGE ĐỂ Ô-TÔ, BUỒNG TRỌ RỘNG RÃI SẠCH SẼ Ở CON ĐƯỜNG HAIPHONG THẲNG CỬA MÁY TƠ RA LÀ
KHACH SAN NAM-VIÊT
TIẾP ĐÃI RẤT LỊCH SỰ
THAY ĐỔI MÓN ĂN LUÔN
NHẬN LÀM CÁC ĐẠI TIỆC
ĐỬA ĐẾN TẬN NHÀ

TÉLÉPHONE 89
ADR. TÉLÉGRAPHIQUE
NGUYÊNTUYÊN NAMDINH

HÀI-ĐÀM

Cái báo

Hà-nội ngày mùng 5 tết, hai cô thiếu-nữ đứng chơi xuân ở cửa, thấy thằng bé bán báo, một cô em gọi để mua; cô chị gạt ngay đi mà bảo rằng:

— Không! Không mua!!

Cô em: Tại sao?

Cô chị: Năm mới, ai lại rước cái *báo* về nhà!

— Em muốn mua xem có bài thơ *xuân* nào hay không?

— Làm gì có! Những bài thơ hay, người ta gửi đăng ở Tạp-chí cả; thơ đăng báo hàng ngày, chỉ là những thơ nhảm, có gì mà xem!

— Để em thử mua xem có thời sự-gì hay không vậy!

— Thời-sự thời lại chỉ những «kẹp xe điện, — vứt xác, — ngã ô-tô...» Thời để dành tiền mua Tạp-chí mà xem. Bao những thời-sự đáng xem, người ta có trích đăng ở Tạp-chí hết cả.

Năm mới đừng có mua *báo*!

Tản-Đà

Xã-Hội Ba-dào-ký

Ngựa người và người ngựa

Đố ai biết anh **phu-xe** đương lững thững dắt cái xe không ở đằng ngã-tư đầu phố kia, đi như thế từ bao giờ đấy?

Trông anh ấy có vẻ đón khách lắm. Có lẽ thế thật. Vì ai lại tám giờ tối ba mươi tết rồi, còn lang thang phố nọ sang phố kia thế! Mà hàng phố, nhà nào nhà nấy đóng cửa cả rồi, còn mấy ai ra ngoài đường làm gì, mà còn hòng làm một « *cuốc* » tất-niên!

Ấy thế! Giả xe cho song quách, về mà hú-hí với vợ con có hơn không, tội gì! Vợ anh, con anh, đương chờ anh ở cửa đó nọ. Năm hết tết đến rồi, còn mấy giờ đồng hồ nữa thôi, chứ có lâu-la gì?

Ấy, giá trong túi có nặng cái đồng tiền thì chả phải bảo, anh ta cũng về nhà cho xong quách, việc gì còn phải vơ-vẩn vẩn-vơ như thế này! Khốn như anh ấy vừa mới ốm dậy, ốm một trận tưởng mười mươi chết, thành ra không những mất một dịp kiếm tiền vào lúc cuối năm, mà bao nhiêu tiền dành dụm trong bấy lâu sạch-sành-sanh cả.

Bởi vậy hôm nay anh ấy cố vay được cái vốn để đi mua xe, kiếm bữa gạo để ăn tết.

Quái không hiểu cái ngày nay là ngày gì, mà từ chiều đến bây giờ anh ấy mới được có hai hào chỉ! Ban chiều, khách áo gấm, áo nhung, đi nhan nhản ở đường, mà mời mỏi miệng, cũng không có một ai lên xe, nữa là bây giờ! Bực nhất là thỉnh thoảng lại lẹt đẹt tràng pháo nổ, làm cho anh ấy nóng cả ruột gan. Nghĩ đến cái cảnh tết nhà giầu mà thèm rỏ rãi. Họ quăng tiền đi về dịp tết, thì nhau tiền trăm bạc nghìn để xa phí vô ích, mà mình thì lo méo mặt mấy hào bạc gạo ngày mai không xong.

Thỉnh thoảng anh ta giỏng tai quay cổ, xem có ai gọi ở đằng xa hay không, thì chỉ thấy đánh đẹt, lòe một cái ở giữa đường, làm cho anh ta rật mình đánh thót. Rật mình rồi lại thở dài, ngán cho nỗi cái đời bấp-bòng, lắm lúc muốn quẳng phăng cái xe đi mà làm nghề khác. Nhưng bỏ nghề này thì xoay ra nghề gì?

Anh ấy đi lững thững như thế, qua hàng Trống, quặt ra phố nhà Thờ, xuyên thẳng ra lối nhà thương Phủ-Doãn, thì bỗng đứng dừng quay cổ lại nhìn.

— Xe!!

— Đây!!

Ba chân bốn cẳng, anh ấy chạy vội lại phía người gọi, hạ hai càng xuống:

— Bà về đâu?

Một bà trạc độ ngót 30 tuổi, mình mặc xa tanh nâu, đầu quàng khăn bịt trắng, bỏ giọt xuống tận bụng, đứng ở đầu hè.

— Anh có đi giờ không?

— Bà đi mấy giờ?

— Một giờ.

— Xin bà sáu hào.

— Sao anh lấy đắt thế? Hai hào!

— Thưa bà, xe ngày tết vẫn thế, vả lại bây giờ còn ai kéo nữa, mà bà giả dẻ thế. Con kéo bà một chuyến, rồi cũng đi giả xe, về ăn tết đây!

Bà khách thấy anh xe nói ra ý không thiết kéo, nên quay lưng đi.

— Này, bà giả bao nhiêu ?

— Hai hào là đắt rồi, ngày rưng chỉ có hào rưỡi một giờ thôi.

— Thôi, năm hào rưỡi, bà có đi, không thôi thôi.

— Thôi.

Bà khách lại quay lưng đi, lần này thì đi thẳng.

Anh xe vắt chân chéo kheo, chỏng càng xe lên giời mà nhìn theo mãi một lúc. Anh đoán có lẽ người này cũng là khách kiết, nên mới giả xe giẻ quá như vậy, thôi thì người già thì ta non, anh chạy theo mà gọi:

— Này, bà lên xe! ... Hai hào... ! Xin bà hai hào rưỡi !

Bà khách vừa bước chân lên sân xe, thấy anh xe vòi hai hào rưỡi! vội nhẩy tọt ngay xuống đất mà nói:

— Không hai hào thì thôi.

— Thôi đây mời bà lên.

Bà khách vạch cổ tay áo, xem đồng hồ mà rằng:

— Chín giờ năm nhé. nhưng kể là chín giờ đúng cũng được.

Anh xe kéo giờ, cho nên cũng chỉ chạy « dưỡng-lão » thôi, đít nhổm mạnh. mà bước ngắn, vì thì giờ là tiền bạc, chậm phút nào là tiền phút ấy.

Trước anh xe tưởng là khách đi có việc gì, cho nên còn chạy, sau thấy bà khách cứ chỏ vơ vẩn hết phố nọ sang phố kia, mà chả đỗ ở nhà nào cả, thì mới đoán có lẽ là cảnh «ăn xương» chi đây, anh bèn đi bước một. Nhiều lúc muốn hỏi thực, nếu có phải giăng-há, thì mình giới-thiệu cho một món sộp đáo để. Nhưng nhỡ không phải thì họ mắng cho và không giả tiền thì khổ ?

Qua chợ Đồng-Xuân, vòng về Hàng-Cót, lại rẽ sang Cửa-Đông, bà khách bỗng hỏi:

— Anh xe có bằng lòng kéo tôi giờ nữa không ?

— Vâng, nhưng bà có cho cháu hai hào thì cháu kéo hầu bà giờ nữa.

— Được,

— À, này anh có hào lẻ không, cho tôi vay mấy hào, chốc nữa tôi giả cả đồng cho tiện.

Anh xe móc bao-phục, lấy ra hai hào đưa cho bà khách. Bà khách vào hiệu mua gói thuốc lá, bao diêm, còn tiền mua cả hạt dưa để cắn.

Anh xe lại nhấp-nhổm chạy giảo cẳng vài bước, rồi lại tiến-tước như trước. Một lúc, anh mới đánh bạo hỏi một câu rõ khôn :

— Bà tìm ai, thưa bà ?

— Tôi tìm người quen.

— Người quen bà ở phố nào ?

— Anh cứ kéo đi.

Anh xe lại cứ kéo như thế, ra Ga, vòng về đường Sinh-Từ, quặt về Hàng-Bông, Hàng-Mành, Hàng Vải-thâm, vân vân ; mãi mãi mà người khách không tìm thấy ai quen.

— Thưa bà bây giờ mấy giờ rồi ?

— Mười một giờ kém năm.

— Con kéo hết giờ này, xin bà cho con tiền để con đi đón khách ở ga về.

— Anh có bằng lòng kéo giờ nữa không ?

— Thưa bà, con đón khách ở ga hay ở nhà chớp bóng thì một cuốc cũng được hai hào chỉ.

— Anh đã chắc có khách chưa? hay lại mật ít ruồi nhiều, rồi rắt xe về không. Anh lại cố kéo tôi giờ nữa, đi thủng-thỉnh thế này mà được tiền, chả hơn chạy mửa mật ra ư ?

Anh xe nghe bùi tai, lại bằng lòng kéo. Hàng phố càng thấy thưa người đi, các cửa đóng kín mít, Đi một lúc qua ngõ Trạm, vòng sang hàng Điếu, rồi giẽ sang hàng Bồ. Lúc ấy bốn bên im lặng như tờ, chỉ thấy tiếng lách-tách bà khách cắn hạt dưa thôi, thì bỗng một tràng pháo nổ, đi-đẹt báo giao thừa.

— Mấy giờ rồi, thưa Bà ?

— Phải gió nhà nào bây giờ đã đốt pháo giao thừa! Mới có mười hai giờ kém mười lăm.

Anh xe mới nghĩ: « mười lăm phút nữa, mình sẽ có sáu hào; sáu hào với hai hào là tám. Thế nào ta cũng nài thêm bà ấy mở hàng cho một hào nữa là chín hào. Chín hào! mở hàng ngay vào lúc năm mới vừa đến. Thật là may. Mới năm mới đã phát tài. Thôi sang năm tất là làm ăn bằng mười bằng trăm năm nay.»

Rồi anh nghĩ đến vợ con anh, mà phấn trấn trong lòng, như có cái sức gì nó sụi dục anh ta quên khổ để vui lòng làm việc vậy.

« Sáng mai, kéo chuyến khách qua ga, song rồi ta đánh bát phở tái, rồi mua cho con cái bánh ga-tô cho nó mừng; vợ ta nghe thấy trong túi ta có tiền, thì chắc hớn-hở, thấy ta làm lụng vất-vả để kiếm tiền nuôi cả nhà, tất là thương ta lắm. Nhưng ta sẽ làm ra dáng không mệt nhọc, để vợ chồng con cái ăn tết với nhau cho hề hả. Anh vừa nghĩ thế vừa kéo về phía nhà thương Phủ-Doãn. Tới chỗ khi nẫy, anh dừng xe lại, nói:

— Bây giờ có lẽ hơn mười hai giờ; xin bà cho cháu tiền.

Bà khách có ý luống-cuống, nói rằng:

— Chết! anh hỏi tiền tôi bây giờ à? Anh chịu khó kéo tôi một giờ nữa đi.

— Thôi. Khuya rồi, cháu phải về nhà.

— Này, chả nói dấu gì anh, tôi cũng đi kiếm khách từ tối đến giờ đây. Có anh biết đấy, có gặp ai hỏi han gì đâu. Tôi định nếu có khách thì hỏi vay tiền trước để giả anh, nhưng chẳng may gặp phải cái tối gặp gái thế này, thì tôi biết làm thế nào?

— Thế cô đi xe tội từ chín giờ, cô không giả tôi tiền à?

— Bây giờ thì tôi biết làm thế nào?

— Tôi kéo cô lên Cầm.

— Lên Cầm thì tôi cũng đành lên với anh, chứ tôi biết làm thế nào!

— Thế mà cũng vác mặt mặc cả xe giờ, lại còn vay tiền người ta mà mua thuốc lá với hạt dưa!

— Nhà tôi ở ngay đầu ngõ Hàng-Bún, khi nào anh đi qua thì tôi giả tiền anh chứ gì!

— Chứ gì! Một trăm ngõ Hàng-Bún, thì ai biết ngõ nào mà tìm!

— Tôi không có tiền đâu, chả tin, anh khám mà xem.

— Tôi không khám, cô giả tiền tôi cho tôi về!

— Đây, hay là phu-la, áo, đồng hồ đây, anh muốn lấy thức gì thì lấy.

— Tôi lấy để làm ma mẹ tôi à?

— Thôi này, đừng cáu làm gì, tôi bảo, cảnh tôi cũng như cảnh anh cùng là đi kiếm khách kiếm ăn cả, nhỡ phải một tối thế này thì chịu vậy, chứ biết làm thế nào!

— Thế sao cô không bảo thực tôi từ trước, để tôi kéo cô qua các nhà xăm để hỏi, cô còn sĩ-diện mãi.

— Nào ai biết cái cơ-sự nó ra như thế này. Thôi, này, tôi nói thế này thì anh nghe. Nếu bây giờ anh bỏ tôi ở đây, thì tôi không có tiền giả anh, sự ấy đã đành rồi, nhưng mà anh thiệt. Vậy anh cố kéo tôi nữa, may mà tôi có khách, thì tôi có tiền, mà anh cũng không phải phàn-nàn nữa.

— Tôi thật là nợ nần gì cô kiếp trước hay sao, mà nay tôi khổ với cô như thế này. Đầu năm mà đã rấp. Rắc-rối!

— Anh đừng nói thế, ai muốn thế này làm gì!

Bất đắc dĩ, con ngựa người lại phải kéo con người ngựa vậy.

Nhưng lần này thì thật là không buồn bước lên nữa. Chán quá!

Rõ số đâu mà số ăn mày thế này.

Vừa đi vừa thở giải, khách cũng vừa cắn hạt dưa, vừa thở dài. Càng đi càng thấy phố vắng tanh, vắng ngắt, thỉnh thoảng mới gặp một người tùm hum cai áo ba-đờ-suy, mà đi có ý vội-vàng.

Buồn thay! Đàn muỗi vo vo bay, đùa nhau chung quanh ngọn đèn; lá cây sột sạt rụng, đuổi nhau ở dữa đường dựa,

Anh xe rắt xe đi diễu qua các cửa nhà xăm để xin việc cho cô ả, nhưng lúc ấy đã hai giờ sáng rồi, cho nên ế! May sao đến đầu phố Hàng-Gai, thì gặp một người ăn mặc ra dáng ăn chơi đang tất-tả cúi đầu đi, cô ả dử mồi, đành liều gọi lại, vờ-vĩnh hỏi thăm đường. Nhưng khốn nạn, anh chàng này lắc đầu, và cứ giảo cẳng bước đều:

— Tôi không biết, cô hỏi thăm anh xe này cũng được, tôi còn vội đi mời đốc-tờ cho vợ tôi ốm đây!

Hai cái thở dài thất vọng theo đuôi nhau, rồi không ai nói thêm một lời nào, anh xe lại từ từ tiến bước.

— Cô làm thế này thì tôi chết mất!

— Thôi anh bằng lòng vậy.

— Ấy cũng may cho cô, vơ vẩn mãi ở ngoài phố thế này mà gặp mật-thám hoặc đội con gái thì khốn!

— Mật-thám tôi cũng chả sợ, đội con gái tôi cũng chả cần, vì tôi có ba-tăng. Đi một lúc lâu, chẳng gặp một ai cả. Cô ả bảo anh xe rằng:

— Này anh đỗ xuống tôi bảo. tôi nói thực với anh nhé. Bây giờ đã về sáng rồi, chắc anh kéo tôi mãi cũng đến thế mà thôi. Tôi thì thực không có tiền giả anh đâu. Tôi gán cho anh khăn, áo, đồng hồ mà anh không lấy, thì tôi chả biết nghĩ thế nào cho phải cả. Thôi thì anh kéo tôi ra chỗ kín vắng, anh muốn bắt tôi gì, tôi xin chịu.

— Tôi bắt gì cô mà tôi bắt!

Cô ả nhăn-nhở cười, nắm lấy tay, vỗ vào vai anh xe mà rằng:

— Anh này thực-thà quá, nghĩa là chỉ có anh với tôi thôi, thì người tôi đây, anh muốn làm gì, tôi cũng bằng lòng.

— Ối thôi! tôi lạy cô. Nhỡ cô dỗ bệnh cho tôi thì tôi bỏ mẹ tôi!

— Không sợ, tôi mới khám bệnh hôm qua.

— Thôi, tôi chắp tay tôi van cô, cô có thương tôi thì mời cô xuống xe cho tôi về, và xin cô tiền xe!

— Thế thì anh cứ kéo tôi về nhà tôi xem có đồ đạc gì đáng giá thì anh cứ việc lấy.

Anh xe bụng bảo dạ, thôi thì cầm bằng như mất cả buổi đêm nay là cùng, nhưng ta chịu khó kéo nó về, may xem có cái gì ta lấy, còn hơn về không. Thật là đò nát đụng nhau.

— Nhà cô ở đâu?

— Trên hàng Bún.

Anh xe vừa kéo vừa lẩm bẩm nói một mình:

— Không có tiền, cũng léo lên xe mà ngồi, chỉ sĩ-diện hão thôi, lại còn tí tách hạt dưa, với phì phào thuốc lá mà không biết ngượng!

Cô ả đành chịu mặt giầy cho anh xe mắng một ít câu cho bỡ hờn, cứ ngồi im như phỗng.

Lúc ấy gió bấc thổi căm căm, buốt đến tận xương. Nhà hàng phố đã thấy có người dậy. Nhưng họ dậy có phải để đi tìm gái đâu!

Đến cửa một nhà xăm, cô ả bảo:

— Anh hãy ghé vào đây một tý cho tôi hỏi vay tiền người này xem có được không.

Anh xe trong bụng cũng hơi có hy vọng, đỗ xuống để cho cô ả vào, rồi vì mệt lử cả người, anh ta ngồi phịch xuống sân xe, tựa lưng vào thành, vừa chờ vừa nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Một lúc lâu. một tràng pháo nổ vang trời, làm cho anh ta rật mình sực nghĩ đến cô ả, không biết cô ta vào đây làm gì mà lâu thế.

Hay có lẽ đã có món khách nào chăng. Nhưng thế nào cũng phải giả mình tiền cho mình về đã chứ, có lẽ lại bắt mình chờ đến sáng hay sao? Anh bèn gõ cửa gọi. Người bồi săm ra.

— Ông ơi, tôi hỏi thăm ông, người con gái quấn khăn quàng trắng vào ban nãy nằm ở buồng nào?

— Chả có buồng nào có khách cả.

— Thế người con gái ấy đâu?

— Ra ngay từ bao giờ rồi, còn gì mà hỏi.

– Thôi chết tôi rồi, ra cửa nào?

Người bồi lấy ngón tay cái, hất ngang về phía cổng sau. Lúc ấy anh xe choáng người như nghe tiếng xét đánh, bàng-hoàng như chưa tỉnh giấc chim bao. Người bồi xấm bảo.

— Đi ra cho người ta đóng cửa. Ai bảo anh sông nhà cho tôi?

Năm mới đừng bí - beng.

— Ông ơi!..

Người bồi dúi vai anh xe, đẩy ra, đóng ấp cửa lại. Anh xe nghiến răng, cau mặt, lủi thủi ra hè, cầm cái đệm xe quật mạnh vào hòm đánh thình một cái! móc túi lấy bao diêm đốt vía, rồi khèo bàn chân, co cái càng xe lên, đưa tay ra đỡ, thủng thẳng dắt xe đi. Lúc ấy tiếng pháo chào xuân nối đuôi nhau mà đùng đùng, toạch toạch, mà anh xe này vừa đi vừa chùi ngang qua mắt...

Anh ấy khóc, phải anh ấy khóc! Anh ấy khóc để lấy giọt nước mắt rửa sạch cái vết ba - đào của cảnh phu xe, trong kiếp *ngựa người*, tình cờ bị vạ lây với cái bước ba-đào của cảnh giang-hồ trong kiếp *người ngựa*!...

11 Février 1931

Nguyễn-công-Hoan

HÀI ĐÀM

Khai Mỏ

Năm mới, nhà ông Hàn, có ông Nghị đến chơi, lại có cả cụ Bá; cùng ngồi uống nước nói truyện về cuộc kinh-tế ở Đông-Dương trong năm 1931.

Ông Hàn nói: Cuộc kinh - tế mỗi ngày mỗi khó, không biết rồi năm nay chúng mình làm ăn ra sao?

Ông Nghị: Năm nay tôi muốn yêu cầu một việc riêng, xin một tỉnh rượu không biết có được không?

Cụ Bá: Cần gì! năm nay chỉ sợ không có tiền mà làm! nếu có nhiều tiền mà làm thì một việc khai mỏ, biết bao nhiêu là lãi!

Ông Nghị: Mỏ gì?

Cụ Bá: Năm nay nếu chỉ tìm kiếm được nhiều mỏ than mà khai, thời không những lãi to; mà lại là một sự « *nghĩa, lợi lưỡng toàn* »

Ông Hàn: Sao thế? Sao cụ biết?

Cụ Bá: *Vì ở Nam - Định năm nay có hãng tầu An-Nam chạy bể*, tiêu dùng nhiều than lắm. Nếu có than mà bán, thời không những lãi to; lại giúp cho sự *tiến-thủ* của người nước mình may có thể đua chen được với ngoại-quốc.

Ông Nghị: Ừ! hay chúng ta hãy đừng làm việc khác vội; để gom sức chỉ làm một việc than, thế nào cũng có lãi! Mà nếu hãng tầu ấy chạy được mạnh, thời các giới nông, công, thương của nước mình đều được nhờ đó phát - đạt hết. Có lẽ thật hay!

Ông Hàn: Thế hãng tầu ấy giấy má hỏi tại đâu?

Cụ Bá: Ấy cứ hỏi ở **số nhà 123 Phố Khách.**

Tản-Đà

Tín - Đức Thu - Xã

là một hiệu sách lớn

N° 37, Rue Sabourain, N° 37

SAIGON

TÉLÉPHONE 669

Có bán **An-Nam Tạp-Chí**, Tiểu-thuyết ta, tiểu - thuyết tây, các thứ sách, vở, giấy, bút, vân vân.

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Tin báo giới

Trong số năm mươi tám việc đem xét tại Ủy-ban-Thường trực Hội-Đồng chính-phủ họp sàng hôm nay 4 Février 1931 do quan Toàn-Quyền Robin chủ tọa, có mấy việc quan-hệ đến báo-giới như sau này:

1.— Bản dự thảo nghị định bãi hai đạo nghị định ngày 8 Février và ngày 30 Octobre 1930 cho phép M. Đặng-nguyên-Quang được xuất bản một tờ nhật báo đặt tên là «Phổ-thông-Báo» và một tập Tạp-Chí đặt tên là «Phổ-Thông-Tạp-Chí»

2.— Bản dự thảo nghị định cho phép M. Nguyễn-bá-Chính được xuất bản một tờ nhật báo quốc-văn đặt tên là «l'Ere Nouvelle»

3.— Bản dư thảo nghị định cho phép M. Nguyễn-Đạo-Kính và M. Đặng-Đức-Tô được xuất bản một tạp chí quốc-văn mỗi tháng ra hai kỳ đặt tên là «Kinh-tế-tạp-chí» (Revue économique et financière),

Một tạp - chí bị cấm

Trong kỳ hội đồng ban thường trực của Hội-đồng chính-phủ sáng qua có dự thảo nghị định cấm không cho đem tập tạp-chí **Tân-Á Tế-Á** (Sin Ya-si-Ya) in ở Nam-kinh, vào trong địa-hạt **Đông-dương**.

Trung Bắc Tân Văn 25-2-31

Các việc biến động ở Đông-dương và sự hành động của Cộng-sảnđảng Nga

Hãng Thông-tin Trung-ương Nga có báo những điều tường tất tỏ ra rằng đảng Cộng-sản có trách-nhiệm về các việc biến động ở Đông dương. Hãng Thông-tin ấy nói rằng: Năm 1929 chuyên sự tổ chức những tiểu tổ Cộng-sản. Hãng ấy công nhận rằng: Người đảng Cộng-sản đã dự một phần hoạt động trong những cuộc đình công hồi tháng Avril năm 1930 cùng những việc lôi thôi xẩy ra ở đồn điền Michelin và đã tổ chức nên nhiều cơ quan Cộng-sản trong các nơi thôn quê, các cơ quan đó đã gây ra những vụ biểu tình mà sau đến thành ra những cuộc sung đột. Hãng ấy cũng công nhận rằng: Họ lấy khẩu hiệu là danh lấy địa vị và đánh đuổi người Pháp cùng các quan lại, các hương chức, các điền chủ thôn quê, mà tổ chức quyền hành các thợ thuyền các dân quê cùng binh lính theo khuôn mẫu Số-viết.

A.R.I.P. 16 Février 1931

Một viên Thanh-tra Mật-thám ở Saigon bị hại

Hôm qua, viên Thanh-tra Mật thám René Legrand vừa mới bị một người Cộng-sản Bản xứ bắn một phát súng lục tạ thế.

Cứ như những tin thứ nhất, do phủ Thống đốc Nam kỳ gửi ra mà phủ Toàn-quyền mới tiếp được, thì sự thể việc này như vầy:

Hồi 6 giờ chiều hôm qua chủ nhật (8 Février) ở chỗ góc phố Lareynière và phố Legrand de Lalirave, có mấy bọn biểu tình dương những lá cờ đỏ ra, Các viên Thanh-tra Mật-thám ở đó lập tức ra tay đàn áp. Viên Thanh tra Réne Legrand vừa sấn lại chực bắn một người trong đám biểu-tình, thì một người khác giơ súng lục bắn ngay một phát vào ngực viên Thanh tra ấy. Viên Thanh tra ấy bị thương nặng, vừa đem tới nhà thương Grali thì tạ thế liền.

Hung - thủ đã bị viên thanh tra Mật thám René Borel bắt được ngay: có hai phát súng bắn, vào phía viên Thanh-Tra này, nhưng không trúng. Năm người biểu tình nữa cũng đã bị bắt

Quan Toàn-qnyền đã quyết định truy tặng « Cảnh sát Danh dự Bội tinh » cho viên thanh tra René Legrand. Quan Toàn Quyền nhờ quan Thống đốc Nam-kỳ chuyển nhời chia buồn của ngài đến người vợ góa của viên Thanh-tra chết vì nghĩa vụ ấy, và cử quan Thống-đốc thay mặt ngài đi đưa đám cùng đặt một vòng hoa trên phần-mộ.

Quan Toàn-quyền lại có cậy quan Thống-đốc Nam-kỳ ngỏ lời khen ngợi viên Thanh-tra René Borel về cái thủ đoạn can-đảm của viên này.

Dịch bản thông tin của phủ Toan-quyền ngày 9 Février 1931
Thực nghiệp 9-2-31

Một người lính mật thám đi rình Cộng sản bị bắn lầm trọng thương

Saigon. — Ai cũng biết rằng sau khi viên Thanh-tra Legrand chế rồi, thì sở Mật thảm đi xét nhà đã lắm. Trong đêm 10 Février vừa rồi, các ngài đi đến một phố dễ coi chừng động tĩnh, vì chính các ngài mới bắt được Cộng sản chỗ ấy hôm tối thứ hai. Chuyến đi này có ông chủ sở Mật-thám làm đầu. Trong lúc phá cửa xông vào một phố, thì ở trong bóng tối có một cây súng lục đưa ngay ra. Một người nhìn lanh mắt bắn trước, trúng vào bụng người núp một mình ấy,

Chẳng đè người bị thương nặng ấy, là một viên mật thám Annam tên Lê-văn-Tân, ban đêm lẻn đi do thám một mình. Biết được sự bắn lầm như thế, quan Chánh sở là ông Nadaud lật đật chở bịnh nhân về nhà thương Chợ Rẫy, Bịnh tình người lúc ấy coi không thể sống được, nên chiều thứ tư. ông Nadaud nhận danh quan Thống-Đốc Nam-Kỳ, đã trao cái mề đay danh dự, tặng khen người giúp việc rất trung thành của mình.

Thực-nghiệp 24-2-31

HAIPHONG

Một người mật-thám ta bị đâm ở phố Chợ-con

Người mật-thám ta tên là Vũ-đình-Chín đi tuần đến phố Chợ-con (Sadi Carnot) bỗng một bọn bốn người ẩn nấp đấy ùa ra, lấy dao chém. Có một mình, lại đang lúc bất ngờ, người mật-thám không thể chống cự nổi, bị bốn người kia chém nhiều vết thương rất nặng. Chém xong người mật-thám thì bốn người này đều chạy trốn mất cả.

Người mật-thám Vũ-đình-Chí hiện đã vào nhà thương chữa thuốc, bệnh tình xem ra rất nặng. Sở mật-thám Hải-phòng đang điều-tra việc này và tìm bắt các hung-thủ.

Trung-Bắc 26-2-31

Nhanh tróng, cẩn thận
Nhiều thứ chữ tân-thời
In theo lối mỹ-thuật

LÀ

NHÀ IN NAM-VIÊT
NGUYỄN-TUYÊN
DIRECTEUR-PROPRIÉTAIRE
N° 6a Boulevard Harmand – NAMDINH

TÉLÉPHONE N° 89
ADRESSE TÉLÉGRAPHIQUE :
NGUYENTUYEN - Namdinh

TIN TRUNG HOA

Ngô-bội-Phu lại hoạt động

Tin Ngô-bội-Phu lại ra hoạt động đều đồn dậy khắp nơi. Ngô đặt bộ tổng-tư-lệnh ở Tuy-định, hiện đang thu biên số quân đội thừa ở trong tỉnh Tứ-xuyên dự bị vào đánh Cam-túc. Nghe đâu bọn Đăng-tích-Hầu, Điềm-tụng-Nghiêu đã mang quân bản-bộ vào Cam-túc tiến chiếm Bích khâu. Xét ra hai bộ quân của Đặng, Điền đã đóng lâu ở bờ cõi hai tỉnh Tứ-xuyên, Cam-túc, thời thường có di-động đi các nơi.

Trung-Bắc-Tân-Văn 7-2-31

LÝ TƯỞNG SẮP THÀNH SỰ THỰC

Thám hiểm bằng tầu ngầm

Paris, 21-2-31, — Một nhà thám-hiểm Hoa-kỳ tên là Wikins định dùng tầu ngầm để đi thám-hiểm miền Bắc-cực. Mới nghe thì tưởng là một việc mơ hồ không thể thi-hành được. Song ông Charcot có nói với báo «Écho de Paris» rằng việc thám-hiểm bằng tầu ngầm không phải là mơ-hồ, mà sắp sửa thi-hành được thực. Ông Charcot lại nói thêm rằng: Chính ông cũng đã có cái ý tưởng đó từ lâu rồi Vì trước kia ông có giả nhời cho ông Wikins trong một tờ báo Mỹ rằng: «Việc thám-hiểm bằng tầu ngầm có thể thi-hành được. Các điều dị-kỳ mà nhà trước-thuật Jules Verne nước Pháp đã tả ở trong chuyện thì người ta phần nhiều đã thực-hành được cả». Khi ông Wilkins đến Paris thì có lại thăm ông Charcot và nói rằng: «Cũng là nhờ ngài cho tôi biết mấy quyển sách truyện về khoa-học Jules Verne tiên-sinh, từ nay tôi có thể theo đó mà thí-nghiệm được nhiều điều hay».

Tuy vậy, việc ông Charcot vẫn thú rằng việc thám-hiểm bằng tầu ngầm hiện nay rất có nhiều sự nguy-hiểm. Nhưng ông đã quyết thế nào cũng đi theo ông Wilkins.

Thực-Nghiệp 25-2-31

ĐẠI CÔNG - TRÌNH

Phòng giữ nước Pháp

PHÒNG BỊ QUÂN ĐỨC, QUÂN Ý

Xưởng binh-công trong quân đội nước Pháp đang gắng xây dựng một cái công-trình về việc quốc phòng mà trong lịch-sử trước nay chưa từng có bao giờ: Pháo đài.

Khi mới bắt đầu công-trình xây dựng pháo-đài này, thủ-tướng nước Ý là Mút-sô-ly-ni công-kích kịch-liệt. Nhưng Chính-phủ Pháp đã không hề vì đó mà đổi chí; nhân-dân nước Pháp cũng không vì những án quyết-nghị trong các hội-nghị giảm quân mà đổi lòng; trên dưới nhất tâm, quan dân đấu cật, gắng gỏi tiến-hành, hẹn trong 3 năm thì xây xong mấy trăm chiếc pháo-đài rất kiên-cố, rất liên-lạc ở khắp đường biên-giới tiếp-giáp với nước Đức, nước Ý, nước Tỵ và gần miền núi An-pờ, dự-bị cuộc đại chiến tương-lai.

Thứ pháo-đài này là cái công-trình phòng ngữ mới phát-minh, người phát-minh là Phi-đan tướng-quân người nước Pháp, dự tính phí tổn đến 6, 7 triệu triệu (một con số 6 hay số 7, và 12 con 0) phật lăng, nguyên định làm 40 năm mới xong (trên kia nói 3 năm có lẽ nay vì thời-cục khó-khăn nên làm gấp lên chăng?) Công trình to quá, có lẽ sau khi làm xong, số phí-tổn còn hơn số đã dự tính cũng chưa biết chừng.

Bên ngoài pháo-đài không có đào hào đắp lũy. Hào lũy vốn dùng để hộ-vệ pháo-đài công dụng không phải là ít, thế mà nay pháo đài nước Pháp lại không dùng hào lũy, không phải là quên đi đâu, bởi vì có cách khác tốt hơn để thay cho hào lũy kia, Cách tốt hơn này gọi là «pháo-đài trên bánh xe». giống như súng trái phá bọc sắt vậy; nhỡ khi xảy có cuộc chiến tranh thứ xe súng này cứ đốt lửa để sẵn sàng, được lệnh là lập tức chạy ra ứng địch. Cách này còn tiện lợi và chắc-chắn hơn hào lũy nhiều.

Trong khoảng từ pháo-đài nọ đến pháo-đài kia, có đường ngầm xây rất kiên-cố, để thông tin tức với nhau, Đằng sau đường hầm là trại lính, trại lính cũng xây toàn bằng xi-măng cốt sắt, bền chặt lạ thường. Lối đường ngầm và trại lính này là do những bài học trong cuộc đại chiến mà sinh khôn ra vậy. Cái gì cũng dùng điện: nào quạt điện để phòng hơi độc, nào bếp điện, nào lò điện, v. v... hết thảy mọi cái đều lấy sức điện làm chủ động Tiền kiến trúc trại lính như thế, mỗi cái ước chừng mấy triệu phật-lăng.

Trong mấy trăm chiếc pháo-đà- có 2 chiếc to hơn cả. Một cái gọi là Mai căn-bảo một cái gọi là Hoắc-khử-hoa. Theo như nhời người đã được mục kích: Hai cái này không những mười phần kiên cố, mà xây xuống đất cũng lạ thường; sâu hơn mỏ than. Lại còn nhiều cái, hoặc xây ẩn ở trong rừng cây, hoặc xây kín trong đám cỏ, không hở một tý ngấn tích, có cái lại xây ở dưới nước, những cái đó vì muốn được bền vững, cũng xây xuống đất rất sâu.

Hiện nay, kẻ cừu địch nước Pháp là nước Đức và nước Ý, nước Pháp xây dựng công trình này là cốt để phòng bị hai nước đó. Song ở biên giới nước Bỉ là nước vẫn thân thiện với Pháp mà Pháp cũng xây pháo-đài như vậy, điều đó thì ai cũng biết rằng không phải là phòng nước Bỉ, chẳng qua cũng để phòng nước Đức, vì cuộc đại chiến trước, Đức đã vượt qua Bỉ mà sang đánh Pháp, nên ngày nay phải dự bị trước đi đó thôi.

Thực-nghiệp 25--2-31

Nên dùng:

MÔN THUỐC THẦN TIÊN

THỰC LÀ HIỆU-NGHIỆM

VẠN-TUYỆN KHÔNG SAI

Chuyên-môn nghiên-cứu **Đông, Tây,**
Lựa theo khí-bẩm của người xứ ta.
Chọn toàn thuốc tốt chế ra,
Cao, đơn, hoàn, tán, mọi khoa tinh tường.

Các ngài cần dùng, hay muốn làm **Đại-lý** cho Bản-đường.

Xin viết thơ về hỏi, sẽ gửi quyển mẫu hàng biếu ngay.

Thơ và Mandat để như sau này:

Nguyễn-Xuân-Dương 123, Phố Khách

NAM-ĐỊNH

Các ngài Đại-lý bán An-Nam Tạp-chí ở Saigon, Gia-định, Chợ-lớn, xin cứ giao tiền cho **M. VŨ-TRANG** 59 Aviateur Garros biên nhận.

Le Gérant:

PHAM-DINH-KY

CÁC NHÀ ĐẠI-LÝ CỦA BẢN-CHÍ

Nam-Dinh :
Nam-Việt *(Harmand)*
Tân-Ninh *(Carreau)*
Hỏi-Ký —
Mỹ-Thắng : *(Protectorat)*
Lạc-Dân *(Henri-Rivière)*

Hanoi :
Bắc-kỳ thời-báo *(Coton)*
Tân-Dân —
Nhật-nam —
Đông-Tây —
Bùi-quang-Ý —
Cẩm-văn-Đường —
Thụy-ký *(Chanvre)*
Thiện-Hưng —
Cát-Thành —
Tr.-ph.-Thảo —
Thư-Lâm *(Chapeaux)*
Nam-Hưng *(Stores)*
Nam-Ký *(Fr. Garnier)*
Kiosque Tân-Dân *(Place de Négrier)*
Bình-Dân *(Éventails)*
Thọ-Tường *(Route Huế)*
Bùi - Quý —
Phúc-Thịnh *(Paniers)*
Kim-đức-Giang —
Nam-Long *(Papier)*
Tr.nh.Tiếp *(Ferblantiers)*
Xương-Ký —
Ngô-bích-San (Cầu-gỗ)

Hai-Phong :
Học-Hải, *(Ngõ-Nghé)*
N.-ng.-Bích *(Strasbourg)*
Nam-Tân, *(A. Bonnal)*
Hương-Hát —

Hai-Dương :
Nam-Đồng-Cát,
Văn-Hải, *(Đông-Giang)*
Ph-q-Huân, *(Gia-Lộc)*
Dương-Xuân *(Commerce)*

Bắc-Kạn :
Trương-phúc-An,

Bắc-Giang :
Tân-ích *(Rue Tân-Ninh)*
Hà-đ-Viên, *(Nghĩa-Long)*

Bắc-Ninh :
Quynh-Hoa, *(Ninh-Xá)*

Hong-Gay :
Hạ-Long,
Đoàn-văn-Trường,

Hưng-Yên :
Lê-la-Sang, *(Nguyệt-Hồ)*

Việt-Trì :
Đức-thái-Thành,

Sơn-Tây :
Phú-lương *(Cửa-Hậu)*

Phủ-Lý :
Bùi-long-Chi,

Phú-Thọ
Nguyễn-Hữu,

Ninh-Bình :
Giáo-Phụ.
Lê-phúc-Thành,

Thái-Bình :
Ích-Chi, *(Ar-Rousseau)*

Vĩnh-Yên :
Ha-s-Đa *(Vĩnh-Thành)*
Tr.-v-Bang *(Vĩnh-Thịnh)*

Thái-Nguyên :
Nguyễn-duy-Kinh.

Tuyên-Quang :
Tuyên-Quang thư-quán

Phúc-Yên :
Đồng-Lâm, *(Commerce.)*

Lao-Kay.
Ng.-v.-Long, *(Carovanes)*

Vinh.
Tam-Kỳ thư-quán

Thanh - Hóa.
Chu - đình - Quán, *(rue Văn-Trường)*
Thành-Đức *(phố Khách)*

Đồng-Hới.
Nguyễn-Bái.

Huế.
Lê-thanh-cảnh.
Quan-Hải, *(Gia-long.)*

Tourane.
Ng.-hữu-Bốn, *(Musée.)*
Lê-thừa-An.

Nha - Trang.
Mộng-Lương

Dalat.
Đinh-văn-Châu.

Saigon.
Tín-Đức, Thư - xã.
Ph-h-Huyền
Vũ-Trang
(Aviateur Garros.)
Nguyễn-t-Kinh —
Chân-Thụy *(Mac Mahon)*
Cổ-kim *(r. Albert.)*
Lập-Xuân-Đường.
Đoàn-trung-Con.
Chung-Tín thư-xã.
Paul-Đông.
Trường-Xuân.

Sadec.
Trần-văn-Thịnh.

Rạch - Giá.
Ng-ng-Thái *(r. d'Annam)*

Cần-Thơ
Phạm-văn-Nghĩa.

Mỹ - Thọ.
Nam-cường

Hà - Tiên.
Đỗ-ngọc-Ẩn

Châu - Đốc.
Công-nghĩa-Thành.

Bến - Tre.
Hy-Vọng.

Bắc - Liêu.
Lê-ngọc-Thành.

Vĩnh-Long
Phụng-An

Pnom-Penh.
Paul-Báu, *(rue Badens)*

Vientiane
Vũ-thị-Giang *(Georges Mahé)*

Yunnanfou.
Vũ-văn-Lễ, *(Instituteur.)*

Số 19 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Mars 1931

DÉPOT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 4028

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ
REVUE DE L'ANNAM

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

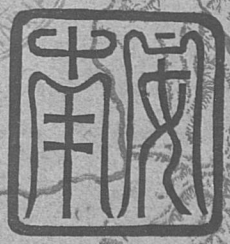

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-DINH

GIÁ BÁO : Một năm 7$00 — Nửa năm 3$50 — Mỗi số 0$15

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-DINH
1931

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 5, 6 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Sự cảm-tưởng về mùa Xuân cùng ai Xuân cảm.
Sự cảm-tưởng về Phụ-nữ nước Nam ta.
(Trân trọng cùng ai trong Nữ-giới.)
Một buổi chơi động Hoa-Lư.
Tiểu-sử một nhà Thi-Hào gần đây, *(ông Tú Xương.)*
Thăm thành Genève *(Kính-đô hội Vạn-quốc)*
Cảm-tưởng đối với sự chán đời của các thanh-niên Nam, Nữ.
Văn Thơ.
Xã-Hội Thiền-đàm.
Xã-Hội Ba-đảo-ký.
Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.
Tiểu-Thuyết (*Vân-Lan Ký-Sự*)

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:
Mr LẠI-VĂN-XUÂN
Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 19 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Mars 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÂN
Phó Chủ-sự

SỰ CẢM-TƯỞNG

VỀ MÙA XUÂN, CÙNG AI XUÂN CẢM

Mỗi năm một lần xuân, đã là sự thường; vậy mà mỗi năm sang đầu xuân, thường khiến cho người ta sinh mối cảm-tưởng. Mùa xuân của các năm, năm nào cũng thế; mà cảm-tưởng của người ta đối với xuân, năm ấy năm khác, thường lại có khác nhau. Nay tôi cứ cái cảm-tưởng của tôi trong mấy năm đối với xuân, nhận ra thật thấy có khác nhau, thời suy ra trong xã-hội quốc-dân, hẳn cũng có nhiều người như thế. Vậy nhân khoảng đầu xuân, xin có một bài văn luận thuyết, tuy không phải là sự ích lợi gì cho ai, song được cùng các bạn độc-giả của Tạp-Chí, những ai người sẵn có mối tình xuân cảm, cùng nhau cảm-tưởng, cùng nhau thưởng xuân.

Nhớ mùa xuân năm Đinh-mão (1927), tôi ở Hàng-Lọng Hanoi, sự cảm-tưởng có phu diễn ở bài văn luận thuyết, nói về sự *chiến tranh tiến thủ*, in ở đầu An-nam tạp-chí số 10, những ai có lòng yêu An-nam tạp-chí, có lẽ còn nhớ qua đại-khái. Mùa xuân năm Mậu-thìn (1928), tôi ở trong Nam, sự cảm-tưởng đối với xuân có mấy câu thơ rằng:

Cuộc thế xoay quanh đất một hòn,
Sông chưa cạn đó, núi chưa mòn,
Dân hai nhăm triệu ai người lớn?
Nước bốn nghìn năm vẫn trẻ con!

Mùa xuân năm Kỷ-tỵ (1929), tôi ở *Vĩnh-Yên*, chỗ ở đó gọi là *Dốc-Láp*, sự cảm-tưởng đối với xuân, chỉ chuyên trú về cây cối hoa cỏ, tưởng như khu đất đó mà mình ở

đến năm thứ năm, thời toàn Bắc-kỳ có lẽ không nơi nào đẹp bằng. Mùa xuân năm Canh-Ngọ (1930), tôi ở Haiphong, thường đi lại Hanoi, sự cảm-tưởng đối với xuân, có viết ra để mừng một báo-quán trong Nam mới đầy tuổi, có hai câu rằng:

Bạc đánh còn tiền, thua cóc sợ!
Đời chưa đáng chán! chị em ơi.

Đến mùa xuân năm nay là năm Tân-vị (1931), tôi ở Nam-định, sự cảm-tưởng đối với xuân, cũng lại thấy rất là có khác:

Hồi tưởng lại trong ba bốn năm trước đây, cảnh-ngộ xoay vần cho đến nay, lao lực lao tâm, hình thần ngày kém. Cái thân còn sống, thời việc đời còn cứ phải làm; làm việc mà việc chẳng tiến hành, cái lụy phù-sinh, càng nghĩ càng thêm đeo nặng mãi.

Tiếng quốc đã khan,
Ruột tằm thêm rối;
Ngày tháng như chối, năm chẳng đợi,
Thoi oanh tơ liễu dệt sầu xuân.

Lại nhớ đến các bạn văn-chương từ năm xưa, mãi từ khi Hữu-Thanh tạp-chí còn sinh-thời, cho đến hồi An-nam tạp-chí mới xuất bản, ai cảm tình, ai lai cảo, bốn phương giời nay những ai đâu?

Ngày tháng trải bao cuốn lịch?
Nước non cách mấy gịp cầu?
Xuân xanh, xuân vẫn nguyên mầu;
Đầu xanh ai đã bạc đầu? chăng ai.

Lại nghĩ đến các người thanh-niên nam nữ trong xã-hội, công-danh duyên phận, chứa-chan hy-vọng cùng ngày xuân. Cái cảm-tưởng của những ai kia đối với xuân, so với mình trong khi mới ra làm công việc Hữu-Thanh, có lẽ mặn nồng cũng vậy. Vậy rồi mà xuân này qua, xuân khác tới, mình như thế, ai ai cũng như thế. Thế rồi nữa ai biết ai ra sao?

Tài tình gương sáng cheo cao;
Qua đường khách có trông vào mà kinh?

Lại nghĩ đến những ai quê người đất khách, mặt nước chân mây, ý-hứng gió tản, công trình cát lấp. Cái cảm-tưởng của những ai đó đối với xuân nay xuân trước, có khác nhau ít nhiều?

Đời người như giấc chiêm bao!
Chơ chơ là cái hoa đào gió đông!

Do cái cảm-tưởng của tự mình đối với xuân, mà xuy lượng cảm-tưởng của người khác, thật là man-mác, đã thấy như nước bể mây ngàn. Lại nghĩ đến nhiều các hạng người trong nước. Người vui thú rượu xuân tiệc thọ, người thời mong xuân-thủ đàm-ân. Trong hai mươi nhăm triệu quốc-dân, cảm-tưởng đối với xuân, khôn thể biết ít nhiều bao thứ. Lại nghĩ đến lịch-sử của toàn quốc từ đời vua Hùng-vương giở lại, thịnh suy thăng giáng, đời nọ với đời kia khác nhau. Mỗi năm một lần xuân, được mấy phần xuân là giá-trị. Lại từ nay giở đi nữa, thế-giới cạnh-tranh, thời-gian khẩn bách, kim đồng-hồ ký-cách, xuân-quang chớp mắt đã tản.

Rồng tiên nòi giống,
Hoa gấm giang-san.
Con đường tiến-thủ gian-nan;
Đường xa nghĩ nỗi, chứa-chan bao tình!

∴

Cứ các mối cảm-tưởng như trên thời không cứ một mình, hay bạn hữu, hay nhiều các hạng người trong

xã-hội, hay toàn thể quốc-dân, hay lịch-sử toàn-quốc, nghĩ như đối với xuân, phần vui có ít mà phần buồn có nhiều. Lại nghĩ mỗi năm có bốn mùa, xuân vẫn là mùa có thú vui hơn hết; nếu đối với xuân mà cảm tưởng đã không thể vui được, thời như gặp hạ, thu, đông, những mùa khác, còn mong có hứng vui được sao? Người ta ở đời, nếu không còn có hứng vui, thời đối với mình, đối với người, còn mong sao cho được có giá-trị? Nếu như thế mà không phải sống nữa, thực là nhất; song nếu còn cứ phải sống, thời dẫu không vui cũng thiệt, mà lại không có ích lợi gì đến ai. Nghĩ về phần riêng của một người đã như thế, lại nghĩ về phần chung của một dân-tộc, nếu không có hứng thú để vui về sự sống, thời còn mong sinh sôi nẩy nở, mà cạnh tranh với ngoại-giới, mà bền vững với giang-sơn được sao? Cho nên đối với xuân mà nên có cái cảm-tưởng về bên vui, thực cũng là một nhẽ chánh-đáng vậy.

Cứ thực-lý của thế-gian mà nghĩ, thời tôi thấy như thế; lại xét về tâm-lý của thế-gian, thời thấy ra như thế có khác: Cảnh-ngộ của người ta tuy có không đều nhau, song đại-để những người chính-nhân quân-tử, thời cái cảm-tưởng về bên vui thường ít, mà cái bụng lo buồn vẫn thường nhiều. Những người sẵn cái cảm-tưởng về bên vui, thời những sự vui đó lại có ít giá-trị. Xem như câu:

« *Tháng giêng ăn tết ở nhà,* »
« *Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè.* »

Thực đủ tả ra cái quan-niệm *vui xuân*, mà những sự vui xuân đó thuộc về hạng người nào phần nhiều, tưởng độc-giả có thể lượng xét. Rượu xuân tiệc thọ, xuân thủ đàm ân, cũng đều là những sự vui xuân vậy, « *Cảm tình là sự thực, không nên bảo thế nào là phải trái.* » Nhà triết-lý bên Thái-tây có câu nói như thế. Nghĩ thế thời phàm những sự vui xuân của các hạng người trong xã-hội, đều không thể ai bảo ai là trái, cũng không thể ai cho ai là đáng khinh. Duy chỉ nên tìm lấy một cái chân-lý đối với xuân, cho mọi người đều có thể cứ đó mà phát cái cảm-tưởng vui xuân, tưởng chính là công việc của nhà ngôn luận trong báo-giới hiện nay vậy.

. . .

Trong kinh Dịch có câu rằng: «無往不復 *Vô vãng bất phục,*» nghĩa là «*không có sự gì đi mà không giở lại*» Đó là câu lý-thuyết, nói về nhẽ tuần-hoàn, mà chứng với sự-thực, thời tức như mùa xuân vậy. Trong một năm có bốn mùa, xuân là một; cứ kể phần ngày tháng thời so với các mùa hạ, thu, đông không khác nhau; song mà người ta chia xuân làm mùa đứng đầu năm, cũng lấy rằng cứ đến thời-tiết ấy thời khí giời êm hòa, cỏ cây tươi tốt, cành trơ nẩy lộc, rễ chụi đâm mầm, thực là thời-cảnh đáng vui chung cho khắp cả vạn vật. Cứ sự thực của xuân như thế, mà chúng ta đã công nhận là đầu năm, đi rồi lại lại, thời cái nghĩa « *vô vãng bất phục* » cũng có thể suy ra nhân-sự mà mượn làm hy-vọng cho khắp thảy mọi người. Cho nên người làm ruộng năm trước mất mùa, sang đầu xuân có thể mong năm nay lúa tốt; người buôn bán năm trước thua lỗ, sang đầu xuân có thể mong năm nay phát tài; người học trò năm trước thi hỏng, sang đầu xuân năm nay có thể mong về công danh; người con gái năm trước muộn chồng, sang đầu xuân năm nay, có thể mong về duyên phận; lại đến hết thảy người nghèo khó,

người muộn con, đều có thể mong con mong của. Cho nên mỗi lần sang năm mới, trong xã-hội thường hay chúc nhau « *năm nay giầu hơn năm ngoái,* » « *năm nay sinh đẻ con giai.* » Nhất thiết bao những sự làm ăn thất bại cùng là số vận xấu xa trong cái năm đã qua, đều có thể xúy-xóa bỏ đi mà bắt đầu lại tính sang niên-vận mới. Đó thực là tâm-lý chung của các hạng người trong xã-hội đối với xuân, mà cũng tức là chân-lý đối với xuân nên có như thế vậy.

Do vận-hội của cỏ cây mà xúy xem vận-hội của người đời, lại do cảnh vận của một người mà tính xem vận-hội của một dân-tộc, hy-vọng với sự-thực, dẫu không đúng hẳn được như thời-lệnh của tạo-hóa, song cũng không phải là toàn nhiên không hợp nhế tuần-hoàn. Xem như ở sử ta, sau đời Hùng-Vương, qua Thục, Triệu, đến đời bắc-thuộc, nước non là lúc tiêu-điều, vua Đinh lên mà cảnh sắc lại xuân vậy, Đinh, Lê suy mà họ Lý lại nổi, vận Lý kém mà nhà Trần lại lên, có đông có xuân, cũ rồi lại mới. Hồ-qúi-Ly cướp Trần mà người Minh sang tàn hại sinh-linh, nước non lại lúc tiêu-điều; vua Lê ra mà cảnh sắc lại xuân vậy. Nòi giống rồng tiên, non sông hoa gấm, có xúy rồi lại thịnh, có bĩ rồi lại thái; mầm non lộc mới, bốn nghìn năm trải vẫn còn xuân. Đó là do chân-lý mà nghiệm xem sự-thực, cái nghĩa «*vô vãng bất phục*», thực không đối gì chúng ta. Dân-tộc cũng như một người, giang sơn cũng như hoa thảo vậy.

Cho nên giời đất hãy còn, thời xuân không bao giờ hết; một người hay một dân-tộc hãy còn, thời cái vận tốt cũng không bao giờ hết Vậy thời hiện nay chúng ta đương gặp lúc giời xuân cảnh sắc như thế, chỉ nên đem cảm-tình theo chân-lý mà cùng xuân vui vẻ, can chi mà sầu ? hỡi ai ? Nghĩ vậy mà tôi lại hồi tưởng những cảm-tưởng của tôi đối với xuân từ năm đinh-mão cho tới nay, có nhẽ cứ như năm canh-ngọ mới đây là phải:

Bạc đánh còn tiền, thuả cóc sợ,
Đời chưa đáng chán, chị em ơi !

Nguyễn-khắc-Hiếu

Cảm-hoài đối với chiếc tầu Annam in ở An-nam tạp-chí số 18.

Con tầu bản-quốc đã ra khơi,
Guồng máy đua chen với cuộc đời.
Ngoại bốn nghìn năm thân cũ, mới ?
Hai mươi lầm trệu khách đầy, vơi ?
Sóng cồn mặt biển, nhỏ hồn nước ;
Khói tỏn chân mây, dọp bóng giời.
Tiến-thủ đường xa thiên vạn lý;
Cảm-hoài ai có ?... chị em ơi !

Nam-thành quá khách

君子之道。闇然而日章。

Quân-tử chi đạo, ảm nhiên nhi nhật chương.

Đây là một câu ở trong sách Trung-dung, lời nói của ông Tử-Tư.

Nghĩa rằng :

Cái đạo-lý của người quân-tử, trông như mờ vậy, mà ngày càng rõ rệt.

An-Nam Tạp-Chí

SỰ CẢM-TƯỞNG VỀ PHỤ-NỮ NƯỚC NAM TA

"Trân-trọng cùng ai trong Nữ-giới"

Từ khi có quốc-văn đến nay, mà vấn-đề phụ-nữ ở nước ta mới thành chiếm có một địa-vị trong luận-đàn, khiến cho công-chúng phải chú ý. Phàm sự thuộc buổi mới, thời dư-luận thường hay phân-vân, thế nào là nên, thế nào là không nên, khó có một người nói ra mà được một số người lấy làm phải. Biết vậy mà cái cảm-tưởng đã có. thời không nỡ bỏ đi cho qua; cho nên việc nói thời nói, ai nghe thời nghe, chỉ biết là do cảm-tưởng viết ra vậy.

Cứ dĩ vãng mà xem, thời đàn bà nước Nam ta từ xưa, anh-hùng như bà Trưng, bà Triệu; tiết-liệt như bà Nguyễn-thị-Kim, bà Phan-thị-Thuấn; tài-hoa văn-học như bà huyện Thanh-quan, bà thị-Điểm, cô Xuân-hương. Những người đó, tuy không phải là hạng người thường có trong quốc-dân, song cũng đủ chứng rằng đàn bà nước Nam ta tư-tính không hẳn kém thua những đàn bà nước khác vậy. Có một điều thua kém chung cho khắp cả quốc-dân mà càng là thiệt cho đàn bà con gái, thời là từ trước nước ta không có chữ, sự học mượn ở chữ Hán; người trượng-phu vì muốn lập công-danh, cho nên sự học phải truyên cần; bên phụ-nữ chức-trách chỉ ở trong gia-đình, mà chữ lại không phải chữ nước mình, cho nên ít có người có học. Phụ-nữ nước ta với phụ-nữ nước tầu, lễ giáo cùng như nhau, mà riêng một sự học thua kém, Một sự học đã kém hẳn, thời tài-năng trí-thức và đạo-đức tư-tưởng, trách sao không được bằng ai ! Bởi hoàn-cảnh không được như người, cho nên hạnh-phúc cũng không được như người, đó là chỗ thiệt-thòi cho phụ-nữ nước ta mà là cái hoàn-cảnh tự-nhiên thuộc về thời đại đã qua vậy.

Lại nghĩ như một dân-tộc, cũng chẳng khác nào như một gia-đình, bên nam-giới, bên nữ-giới có quan thiết với nhau, chính cũng như hai vợ chồng một nhà ai kia ở trong xã-hội vậy. Đại-đề trong xã-hội Việt-nam ta, hạnh-phúc của gia-đình phần nhiều trông ở người nam-tử. « *Võng nàng đi sau,* » cũng nhờ ở *ơn vua tiếng dạ* ; mà vai ai vác quốc, « *bởi vì chồng, nên vợ phải đi phu* ». Ân hận thay cho những người đàn bà duyên hèn phận kém kia, tự giới xe định mà cùng với người trượng-phu hèn kém cùng chung nhau một cái gia-đình. Người ta phu quí phụ vinh, trông ai lại nghĩ đến mình lại thương.

Cứ do cái tình sự của một đôi vợ chồng trong cái gia-đình hèn kém mà trông ra với các gia-đình khác trong xã-hội, suy nghĩ đến cái tình-sự của nam nữ trong dân-tộc hèn kém mà trông ra với các dân-tộc khác trong thế giới, thời những đấng tu mày Nam-việt đối với những cân-quốc quần-thoa ai đó, chính nên nhiều vẻ thẹn thò. Nay theo cái cảm-tưởng của tôi, tôi xin lấy cái địa-vị là một kẻ trong các bạn mày râu

trong ba kỳ, trân trọng cùng một nửa đồng-bào bên nữ-lưu, có lời xin thứ trách.

Cái hoàn-cảnh dĩ-vãng của chị em đồng-bào ta như kia, cái cảnh-ngộ hiện thời của chị em đồng-bào ta lại như đó, vậy thời ai là kẻ con giòng cháu trưởng của Lạc-Hồng dân-tộc, chẳng nên phải ngậm-ngùi yên-ủi, mà mong cho chị em đồng-khí cùng gượng lòng tu-tiến hay sao? Hiện nay thời-tiết gặp xuân, nói về một năm thời là gịp đầu trong một năm; nói về vận-hội của toàn-thể phụ-nữ-giới nước Nam ta thời, chính là một gịp đầu trong cuộc học-vấn tiến-tu vậy. Nước ta nay mới có chữ, lại gặp lúc phong-trào ở hải-ngoại tràn tới, sự học-vấn của đàn bà con gái mới mở lối, cách lập thân của đàn bà con gái cũng mới rộng đường; vậy chị em đồng-bào ta chính nên sửa soạn tinh-thần, trong sạch tâm-lý, đặt những sự hy-vọng cao-thượng vĩ-đại của toàn cuộc thân-thế, như thể sáng hôm mồng một tết đối với trong một năm. Nòi giống Việt-nam ta mà còn có ngày giới cho mở mặt với năm châu, thời cái hạnh-phúc của quốc-dân bên nam-giới bao nhiêu, cái hạnh-phúc của quốc-dân bên nữ-lưu sẽ cũng như thế.

Tôi từ khi thôi sự học Hán-văn, mới lưu tâm đến văn-tự của Bản-quốc, trong khi mới bắt đầu theo công việc trước-thuật, trừ những quyển văn thơ vui chơi không kể, có in ra một quyển *Đài-gương*, sự kỳ-vọng đối với các bạn nữ-lưu rất là trân trọng; sau đó lại xuất bản một quyển *Đàn-bà-tàu*, một tên là *Đài-gương-truyện*, cũng là theo cái cảm-tưởng như xưa. Gần đây trong khi Phụ-nữ tân-văn còn đương ra đời, tôi cũng thường có bài viết. Khi đó An-nam tạp-chí cũng cùng xuất bản ở Hà-nội, mà công việc văn bút đối với bên nữ-giới thời tôi định để riêng làm vào trong Phụ-nữ tân-văn. Nay Phụ-nữ tân-văn đã không xuất bản nữa, thời bao cái ý-kiến của tôi đối với nữ-giới, xin lại sẽ viết ra bài mà đăng trong tạp-chí An-nam. Lại nghĩ như An-nam tạp-chí đối với toàn-thể quốc-dân có chức trách, có lẽ như một phần nửa trong số hai mươi nhăm triệu là phụ-nữ-giới của ta đó mà để ra ngoài vòng quan-thiết với cơ-quan tiến-thủ hay sao? Vậy từ nay giở đi, trong công việc của Bản-chí nhận có một phần bài vở đối với bên nữ-lưu, mà cũng mong rằng các bạn nữ-lưu, ai có ý-kiến gì đối với đồng-bào, cùng là những thơ ca ngâm vịnh do cảm-hoài chân-chính thanh-cao, xin đều lai-cảo về cho, Báo-quán ở Nam-thành sẵn lòng vui đợi.

Trân-trọng cùng ai trong nữ-giới,
Sơn hà ai có ghé bên vai?

TẢN-ĐÀ **Nguyễn-khắc-Hiếu**

Quảng-Hưng-Long

Trước ga chợ Tourane

Đại-lý bán **An-Nam Tạp-Chí**, và các báo.

Có bán các thứ đồ đồng, đồ thau, tơ, lụa, mũ, giầy, ghế Thonet, va-ly, dương bọc kẽm, đờn ta, đờn tầu, đủ các hàng Tạp-hóa. Bán buôn hoặc bán lẻ đều giữ giá phân minh và chân thật.

CHỦ - NHÂN

Lê-Thừa-Ân

MỘT BUỔI CHƠI ĐỘNG HOA-LƯ

Nói đến ba chữ "**động Hoa-lư**" thời nước ta những người có học-vấn và người có du-lãm ai cũng hiểu là chỗ có quan-hệ đến lịch-sử vua *Đinh-Tiên-Hoàng*.

Người học-vấn chỉ bằng cứ ở sử sách bảo là chỗ vua Đinh ngày trước đóng đô. Người lịch-lãm cũng chỉ qua đến đất Trường-yên là chỗ đền thờ vua Đinh ngày nay bảo đấy là động Hoa-lư.

Trước kia tôi cũng tưởng là thế. Nhưng thực ra thì không phải. Vì mấy năm gần đây tôi có xem bản địa-đồ Ninh-bình thấy một chỗ đề là động Hoa-lư, một chỗ là Trường-yên, mới có lòng nghi; nhưng chưa có dịp nào để khảo xét được. Cách vài năm nay tôi giảy học ở Yên-hóa, hỏi truyện lại các cố-lão, các ông nói: «động Hoa-lư là chỗ vua Đinh lúc còn nhỏ cùng lũ trẻ chăn trâu lấy bông-lau làm cờ tập trận ở đó, còn Trường-yên là chỗ *ngài làm vua, hai chỗ cách nhau xa*».

Nhân vậy tôi có buổi đi xem động Hoa-lư, xin viết bài này để hiến các độc-giả tưởng cũng là câu truyện có bổ ích cho lịch-sử nước nhà vậy.

Nhớ hôm ấy là ngày rằm tháng tám năm Mậu-thìn, niên-hiệu Bảo-đại thứ ba, tôi cùng vài người quen thuê một cái thuyền đi từ bến đò Đế đến địa-phận xã Uy-tế độ hai giờ, thuyền đậu ở bến, người phải lên bộ (động thuộc về làng Uy-tế, huyện Gia-viễn), đến đó mượn người hướng-lộ. Đi bộ chừng ba cây số đến một rẫy núi thiên-trùng vạn-điệp, cây cối um tùm, núi non sanh ngắt. Truyền rằng trong động có nhiều thứ gấu rữ, bọn tôi 6 người, mỗi người cầm một cái gậy, làm gậy chống và để phòng thân. Người hướng-lộ đi trước, trèo qua một rẫy núi khá cao, chừng một giờ sang đến bên kia. Nghỉ chân một lát rồi vào trong động dạo xem; giữa có một ngôi đền hai tòa, trong khắc ba chữ «Hoa-lư động» bằng đá ở trên cửa. Chúng tôi vào chiêm bái rồi ra bái-đường ngồi nghỉ để nhìn qua phong-cảnh. Trông bốn bên núi mọc như thành không có chỗ nào hở cả. Đại-thế động ấy quay mặt ra sông Đế là hướng tây-bắc, diện-tích rộng chừng 60 mẫu An-nam, ngoài cái đền ấy ra không có di-tích gì cả, đầy khu đất toàn là lau lách và cỏ bái. Dân gần đấy cứ vào cắt cỏ đem bán lấy tiền chứ không giồng cây cối gì. Đền ấy là dân gần đấy lập lên thờ, vì lối vào không tiện nên ít ai đi lại. Ngày ấy là tiết trung-thu mới thấy có đống gio vàng, đốt vào chiều sáng thời phải.

Nhân khi ngồi nghỉ người hướng-lộ chúng tôi là người Uy-Tế có thuật truyện rằng: «Vua Đinh lúc còn bé theo mẹ về ở xứ này đi chăn bò cho chú, thường vào động lấy hoa lau làm cờ tập trận, sau nhân được ở trong động một viên ngọc, ngài cho là điềm lạ mới giết bò để khao quân; cái chỗ giết bò nay hãy còn ở đầu làng Cầu-mồ. Vì việc ấy ông chú đuổi đánh, ngài chạy thẳng xuống bến đò Hoàng-long, gần bến đò có một cái núi, ông chú không đuổi nữa cắm dao ngồi đấy, ngày nay gọi là: Núi-cắm-gươm. Còn ngài sang qua đò là đất Trường-yên, ngày sau làm vua mới đóng đô ở đó, nay còn đền thờ. Từ động Hoa-lư đến bến Hoàng-long cách xa đến 10 cây số, người đời sau theo lối ngài chạy, đắp một con đường từ bắc sang nam gọi là đường Kiến-thiết làm kỷ niệm.»

Chúng tôi chơi trong động độ 3 giờ rồi mới ra không gặp thấy sự gì kinh ngạc cả.

Xem như thế, sách sử chép là vua Đinh đóng đô ở Hoa-lư là nói xứ ấy thuộc về Hoa-lư mà thôi, chứ «Trường-an» ngày nay dấu thành cũ hãy còn, mà động Hoa-lư 4 mặt đều không có cửa, quyết không phải là chỗ đóng đô.

Lại có điều này tôi xin kể hết. Chữ «Hoa-lư» trong sách thời chữ «lư 閭» này, trong động này thời lại khác, chữ «lư 䖍» (chữ phẫu 缶 đứng bên chữ 慮) nghĩa là lò, lấy ý rằng như cái hỏa-lò vậy. Hai chữ ấy nghĩa khác nhau.

Tôi nhân buổi chơi này trước là giãi tấm lòng sùng bái bậc anh-hùng nước nhà, sau giải quyết được cái vấn-đề nghi-sử, có làm bài thơ kỷ-sự, nguyên bằng chữ nho :

聞道華閭往事傳

Văn đạo Hoa-Lư vãng sự truyền,

升臨一望一悠然

Thăng lâm nhất vọng, nhất ru nhiên.

英雄用武非無地

Anh-hùng dụng vũ phi vô địa,

勝國開基自有天

Thắng quốc khai cơ tự hữu thiên.

玉璽寒光冲斗氣

Ngọc tỷ hàn quang xung đẩu khí,

蘆花故壘帶秋烟

Lư hoa cố lỹ đới thu yên.

神州訪後催詩思

Thần châu phỏng hậu thôi thi tứ,

明月清風載滿船

Minh nguyệt thanh phong tái mãn thuyền.

Lược dịch nghĩa ra Quốc-âm :

Tên động Hoa-lư những thấy truyền,
Bấy lâu nay mới một hồi lên,
Đất còn phảng phất tường oanh-liệt;
Giời khéo phô bầy thế tự-nhiên.
Dấu ngọc mịt mờ mây bạc tỏa;
Chòm lau hiu hắt lá vàng chen.
Hồn thơ, truyện cũ, tình lai láng;
Giăng gió khi về chở cắn then. (1)

CỬ-NHÂN **Phạm-xuân-Quang**
Ninh-Bình

(1) Chở cắn then: thuyền chở đầy nặng, nước mấp mé đến then ngang thuyền

Thần-đồng 4 tuổi

Bên nước Mỹ mới phát hiện một đứa trẻ thần-đồng, mới có 3 năm 10 tháng mà về đường thí-nghiệm tâm-lý dẫu các giáo-sư và học trò trường Đại-học cũng không bằng. Đứa trẻ đó đã thuộc chữ Hy-lạp, đã biết cách thức phương-trình về Hóa-học, lại nói được tên các danh-nhân trong thế-giới và tên các kinh-đô các nước, đêm nào va cũng xem sách đến 11 giờ mới ngủ. Người cha làm quản-lý một nghề Bảo-hiểm, ông ta nói truyện với người ta rằng: con tôi trong một năm nữa sẽ cho vào trường Cao-đẳng tiểu-học.

Đó là điện-tín Nữu-ước, cứ như tin ấy thì đứa bé này đáng gọi là thần-đồng thật; nhưng theo như lời người cha thì ra bên Mỹ không hạn tuổi thi tốt-nghiệp và tuổi vào trường Cao-đẳng tiểu-học ư ?

NAM-MAI

80, Phố hàng rượu **Nam-định — Tonkin** *Giây nói số : 53*
Bán xe đạp, xe nhà, các đồ phụ tùng về xe, các đồ sắt.
Một hiệu to nhất tỉnh Nam. Có hiệu nhánh ở Thái-Bình nữa.

TIỂU-SỬ' MỘT NHÀ THI-HÀO GẦN ĐÂY

"Ông TÚ XƯƠNG"

Ông *Trần-Tế-Xương* (陳際昌) ở làng *Vụ-xuyên*, tổng *Đông-mạc*, huyện *Mỹ-lộc*, tỉnh *Nam-định*. Ông sinh năm *Canh-Ngọ* tức là năm 1869, khi còn bé học rất thông minh, nhưng hay đãng tính, ấy chính là một cái bệnh chung của các bậc đại thông-minh cùng các bậc đại-tài đó. Năm ông mới 17, 18 tuổi đã nổi tiếng là người học trò giỏi. Lúc bấy giờ hẳn ông coi sự tranh lèo dật giải ở chốn trường-ốc, tưởng dễ như trở bàn tay. Ấy là vì: phần thì ông tự phụ là thông minh, phần thì ông lại sinh-trưởng ở xã *Vụ-xuyên* là chốn thanh-danh văn-vật, thời bấy giờ trong làng ông kể đã có đến bốn năm cụ tiền-bối thi đỗ đại-khoa và nhất là cụ *Trần-hy-Tăng*, liên trúng tam-nguyên làng khoa-cử ai ai cũng đều biết tiếng.

Ông thấy cái bước trước của các Cụ đã từng oanh-oanh liệt-liệt như thế, thành ra có chứa chan những điều hy-vọng về bước sau này. Nhưng trời kia đã định, bắt long đong để luyện lấy tài năng, mà thực vậy, nếu để cho ông được thanh-thản trên bước khoa-trường, thì làm gì trên bãi *Vụ-Hoàng-Giang* đến nay hình như vẫn thấy cái hồn thơ còn phảng phất.

Ông bắt đầu lều chiếu đi thi từ năm 19 tuổi, mãi đến khoa *Giáp-ngọ* là khoa cụ *Cao-xuân-Dục* ra làm chủ-khảo, thì ông mới đỗ được *Tú-tài*. quyển thi của ông bị tì-ố, song văn thì tốt lắm, nên *Cụ-Cao* cũng cố lấy đỗ Tú-tài. Khi xướng danh, *Cụ-Cao* có bảo các học trò rằng; *ta nay thay mặt chiều-đình ra kén chọn nhân-tài, vậy ta lấy các học trò đỗ là cốt ở văn-chương, chứ không phải là kén người ở cái tính tỉ mỉ!!* Ấy các bậc *Đại-Thần* thay vua khai khoa thủ sĩ, mà lại biết chấp kinh tòng quyền như *Cụ-Cao* thì ít có. Còn phần nhiều người thì câu-nệ quá. Hiện nay ta hồi cố lại xem các cách thi cử lúc trước, thì chắc ai cũng cho rằng quá nghiệm. Nào chỉ những chữ húy mà thôi đâu, còn cả đến lệ đồ, di, câu, cải cũng ngặt nghèo.. Hễ người học trò nào mà đã phạm vào các thể-lệ ấy, thì dù văn hay. văn dỏi đến đâu mặc lòng, cũng đành phải yết tên ra bảng con, nghĩa là phải loại.

Sau khi đã đỗ *Tú-tài* rồi, ông phấn trí học-hành, giao-du nhiều, xem xét rộng, nên văn-chương càng ngày càng hay. Ai biết ông cũng phải bảo rằng ông là hay chữ. Nhưng ông thi mà không đỗ được một tí Cử-nhân, để lấy lối đi thi hội, thi đình, không phải là tại văn-chương, chỉ tại ông hay nhẵng tính. Ông thi khoa nào cũng phạm trường-qui. Nay cứ xem câu thơ của ông thì biết:

Rõ thật nôm hay mà chữ dốt,
Tám khoa chửa khỏi phạm trường-qui

Ông bảo rằng ông chữ dốt, nghĩa là thi không đỗ thì là dốt, chứ có phải thật là dốt đâu. Xem như văn thi của ông nhiều lần kinh-nghĩa và thơ phú, cả mấy dấu đều phê ưu, phê bình. Nhiều khi họ lại trích văn thơ của ông để in vào văn-trường nữa..

Còn về phần văn nôm của ông thực là có đặc-tài, nói thành thơ mà đùa cũng thành thơ, lời lẽ rứt là lưu-lóat, ý tứ rứt là xâu xa, xem như bài thơ «Hỏng-thi» có câu:

Học đã toi cơm nhưng chửa chín,
Thi không ngậm ớt thế mà cay.

bài «Thương đạo học nho suy» có câu:

Sĩ khi dụt dè gà phải cáo,
Văn thi liều lĩnh đấm ăn sôi.

Sét về gia-thế, thì Cụ thân-sinh ra ông trước kia làm việc quan về bộ Lễ, sung chức «*đăng-sĩ-tá-lang*». Sau khi ông đã thi đỗ *Tú-Tài* rồi, thì *Cụ* xin hồi hưu, tháng ngày nhàn tản, khóm cúc chồi lan, thóat vòng kiềm tỏa bước ra ngoài, mặc sức điền viên vui với thú, câu thơ chén rượu, ván kiệu quân cờ. Trước kia *Cụ* làm việc quan, vẫn dữ được thanh-khiết một niềm, đến sau ra coi việc dân, cùng giữ được công bình một mực.

Trong bài phú «Hồng thi» của ông có câu:

Tú đốt bảng trong năm giáp-ngọ, nổi tiếng tài hoa;

Con nhà giòng ở đất Vỵ-xuyên, ăn phần cảnh nọng.

(*phần cảnh nọng tức là cái cổ lợn*). Câu này có ý nói rằng làng *Vỵ-xuyên* lúc bấy giờ, các quan tư cũng nhiều, các chân khoa mục cũng lắm, thế mà Cụ được dự vào phần cảnh nọng tưởng cũng là bậc danh giá trong làng vậy.

Sét về hình-dung, thì người ông hơi cao trán to, mồm rộng, da trắng, mắt dài, lúc niên thiếu coi vẻ rất là tuấn tú, tiếc rằng tiếu-tượng của ông hiện nay không có, là vì lúc sinh-thời, ông không có chụp ảnh một lần nào.

Ông không những là văn hay, ông lại thêm có cái sức khỏe nữa, vì rằng khi ông còn bé ở nhà có học võ-nghệ. Trong vòng từ 18 đến 25 tuổi, thì người ông khỏe lắm, hễ tối đến mà không vác được thức gì thật nặng để cho người mệt đi, thì thực là khó lòng mà ngủ đi được,

Người ông đẹp, mà tiếng ông lại cũng tốt. Giọng ông hát, hay là ngâm thơ thì nghe thực hay thực thú. Ấy cái trò đời cũng chả lấy chi làm lạ, phàm người hễ đã có tài thì là có tình, lúc còn thiếu-thời, ông cũng hay chơi bời lắm. Thời bấy giờ học-trò Nho còn danh-giá lắm, bọn con gái có nhiều người mê ông và thích ông.

Có một bữa kia, ông đến chơi nhà một người bạn, nhà hàng sóm người ấy có một người đàn-bà đã hóa ba đời chồng, mới vào trạc 30 tuổi, lẳng-lơ trai-truốt, coi vẫn còn xuân. Người đàn-bà đã biết tiếng ông, ngẫu nhiên hôm ấy đứng ở nhà dòm sang trông thấy ông, liền về phòng trang-điểm rồi sang chơi ngay nhà người bạn ông. Lúc đến chơi ngồi ở nhà ngoài, mà hai con mắt cứ nhìn vào trong nhà tại chỗ ông ngồi, rồi ra bộ thu ba tống tình, ông thấy thế miệng cười tủm-tỉm, rồi buột mồm hát lên một câu rằng:

Ba mươi, ba bận chôn chồng,
Còn toan điểm phấn tô hồng chôn ai?

Lại một lần kia, ông cũng đến chơi nhà một người bạn. gặp lúc trời mưa ngồi buồn quá, ông mới đi ra hè xem nước dọt danh chảy, thì bỗng đâu trông sang bên nhà láng-giềng có một người con gái rất xinh đẹp, đương đem chậu thau đồng ra lấy nước mưa để rửa quả dưa hồng. Ông trông thấy thú quá, liền cao hứng đọc lên rằng:

Ước gì anh hóa ra dưa,
Để cho em rửa nước mưa chậu đồng.
Ước gì anh hóa ra hồng.
Để cho em bế em bồng trên tay.

Ông tính lại hay ham thích những bực danh-ca, nghề đánh chầu ông rất là sành lắm, nên thơ ông có câu:

Ví dù vua mở khoa thi trống,
Lạc-nhạn xuyên-tâm đủ ngón chầu.

Ông thích chơi những câu ca tiếng hát, để di dưỡng tính tình, ấy cũng là cái thú chung của các bậc văn-nhân tài-tử. Nhiều khi cao-hứng ông tự làm ra các bài hát, rồi bắt ả-đầu hát để ông nghe.

Tính ông hay chơi như thế, thì tài nào mà ông chả túng, ông chỉ túng tiền để chơi thôi; trong khi túng ông đã có câu rằng:

Khi túng toan lên bán cả trời,
Trời cười thằng bé nó hay chơi.

Túng tiền chơi mà ông đã toan bán cả trời, thời tưởng cũng thú-vị thật. Nếu không phải là bậc văn-nhân, có tính khoáng-đật như ông. thì sao có được cái khẩu-khiếu lạ đời như vậy.

Xét về gia-tư, thì lúc sinh-thời ông là người rất phong-lưu, cụ thân-sinh ra ông trước kia đã nổi tiếng là nhà giầu có, Lúc *Đại-Pháp* đem quân hạ thành *Nam-Định* lần thứ hai, dân tình xao-xác, giặc cướp tứ tung, gái cũng khó dữ được trinh, giầu cũng khó giữ được của. Bấy giờ có dư-đảng giặc *Cờ-đen* đã mấy lần định đến ăn cướp nhà Cụ, song Cụ cũng nhờ được có bọn gia-đình giỏi, nên không

mất mát tí gì. Vì rằng trong thời quan *ta*, làng *Vỵ-Xuyên* có được phép luyện-tập một bọn võ-sinh; bọn võ-sinh ấy gặp cơn nguy-cấp thì đem ra ứng-dụng.

Ông nhờ được có cái cơ-nghiệp giầu có của *Tổ-phụ*, ông giao-du rất rộng, bấy giờ đã nức tiếng là tay hào-hiệp. Vì thế các danh-sĩ đương thời ở các nơi xa cũng đều tìm đến chơi.

Ông là người rất là thư-thản, nhất sinh không phải lo đến cái kế gia-đình bao giờ cả. Lúc còn bé thì ơn cha nhờ mẹ lên xe xuống ngựa, cửa rộng nhà cao, rước thầy rước bạn, tiền bút giấy, việc sách đèn, dầu tốn kém đến bao nhiêu cũng là không ngại.

Đến lúc ra ở riêng, thì ông lại được một bà vợ hiền, thực trung-hậu, rất đảm-đang, bà chỉ chuyên buôn bán để lo liệu tất cả các công việc trong nhà. Đến cả như việc con đi học, chồng đi thi, nhất nhất cũng là một tay bà cáng đáng cả. Trong bài thơ "Đi thi" của ông có câu:

Đưa chân vợ tốn hai đồng chẵn,
Sờ bụng thầy không một chữ gì.

Bà thì chuyên nghề buôn bán thóc gạo ở chốn bến *Mom*, thuộc về đất làng *Đệ-tứ-ngoại-trang*. Chỗ bến *Mom* trước là một nơi buôn bán rất là thịnh-vượng, kẻ đi người lại, trên bến dưới thuyền, coi vẻ thực là sầm-uất. Ông có bài thơ tán-dương cái đức-tính của bà rằng:

Quanh năm buôn bán ở Mom sông,
Nuôi nấng năm con với một chồng,
Lặn-lội thân cò khi quãng vắng,
Eo-sèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười xương dám kể công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,
Có chồng hờ-hững đã như không,

Bài này hai câu thất, bát, ông lại thống-mạ những kẻ bạc-tình, coi chồng như người dưng nước lã. Xem bài thơ này, tôi không khỏi ngậm-ngùi than rằng: đời này phong-hóa suy đồi, lòng người đen bạc, thần kim-tiền ngày thêm trọng, đạo phu-phụ ngày thêm khinh, thực là hiếm thấy các bậc hiền-phụ như thế nữa. Các bậc hiền-phụ đời trước, có người chịu lầm-than khốn-khổ, lo ngược chạy xuôi để gánh vác giang-san cho chồng. May ra mà ông chồng được thành-đạt như ai, thì ơn trên tử ấm, thê phong, hiển-vinh cũng được đượm chung hương trời. Bằng không ra nữa thì áo xiêm giùm-bọc lấy nhau, cũng giữ trọn cái chức-vụ tề-gia nội-trợ, suốt đời không từng có một lời ta thán.

Ông là người có tính trung-trực, phàm hễ thấy điều gì hay việc gì mà trái ngược với luân-thường, bại-hoại đến phong-hóa, thì ông nhất thiết can-thiệp đến ngay. Ông không sợ ai trách oán và cũng không sợ ai thù hiềm. Vì vậy trong lúc bình-sinh, ông có làm nhiều những bài thơ mỉa riễu người đời.

Các người đương-cục thì đều có ý dận ông và tức ông, song những người ngoại-cục thì lại khen ông và bảo rằng ông làm như thế thực là một cách khuyên dăn đời nhiều lắm, hay thì khen, hèn thì chê, tưởng cũng là lẽ thường ở đời vậy.

Thành ra lúc ông còn bình-sinh, hễ ai có làm điều gì đê-mạt, hay có phạm-lỗi gì xấu-xa, thì phấp-phỏng chỉ sợ ông biết đến chuyện, rồi ông lại làm thơ riễu chăng. Cũng có người thì tự biết mình có lỗi, tự hạ đến thú với ông và xin ông đừng làm thơ nữa, sợ rằng tiếng tăm vỡ-lở lại có nhiều người biết.

Lúc bấy giờ, ở chốn thành *Nam* sau loạn-lạc. phố-phường tụ-tập, đông-đúc hơn xưa, nhưng mà phần nhiều dân-cư tứ chiếng ăn sổi ở thì, thói phép nhố-nhăng, nhiều điều đáng ghét; có nhà thì cha con lục-đục, có nhà thì vợ bắt nạt chồng. có người thì keo-bẩn tuyệt-trần, lại có kẻ thì hợm tiền hợm của. Ông thấy những sự ngứa tai, trái mắt ấy không thể đừng được nên mới có câu thơ sau này:

Nhà nào thói phép con khinh bố,
Mụ nọ tranh chua vợ chửi chồng.
Keo-cú người đâu như cứt sắt,
Tham-lam chuyện thở những hơi đồng.

Bắc, Nam hỏi khắp người báo tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?

Lại như ông sư làng *Vy-Xuyên* chả biết có tội tình gì mà cũng bị phải tù, ông có câu rằng:

Quảng-đại từ-bi cũng phải tù,
Hay là sư-cụ vụng đường tu.
Tụng kinh cứu-khổ ba trăm quyển,
Ý hẳn còn quên một phép phù.

Một lần kia, tại tỉnh *Nam-Định* khuyết chân phòng-thành, các người trong thành-phố ra ứng cử cũng nhiều, người thì giỏi chữ nghĩa, kẻ thì sẵn kim-tiền, song cũng đều không địch nổi với ông *Quản Pháo* là người có nhiều thần-thế quan tây cũng quí, *quan ta* cũng vì. Sau rồi kết-cục lại ông *Quản Pháo* được lĩnh chức phòng-thành, thời bấy giờ gọi là ông Thành *Pháo*, ông có làm bài thơ rằng:

Tượng Tượng, Xe Xe lẻ cả rồi,
Sĩ đen, Sĩ đỏ, chẳng thành đôi,
Đố ai biết được thằng nào kết,
Tốt cũng chui, mà Mã cũng chui.

Sau đó ông *Thành Pháo* làm việc quan được ít lâu rồi mất. Ông lại có bài thơ rằng:

Giấy hồng bó cuốn mượn tay người,
Bao quản công trình, đốp cái thôi.
Kêu lắm lại càng sơ sác lắm,
Chỉ mang cái tiếng ở trên đời.

Ông không chỉ là chê người mà thôi đâu, người nào làm việc gì tốt ông cũng có thơ khen. Này xem như bài thơ ông khen người đàn bà hóa chồng lúc còn trẻ tuổi, mấy phen biến cố, một dạ sắt son, hương lửa ba-sinh, quyết chẳng ôm cầm thuyền ai như kẻ khác.

Mình nghĩ cô mình thực gớm ghê,
Chén son trọn vẹn nước non thề.
Cam thân gái hóa khi còn trẻ,
Như chuyện chồng xa lúc chửa về.
Nói nói cười cười theo lối phố,
Khăn khăn áo áo giữ mầu quê.
Rện còn tấp tểnh vương tơ mãi,
Cô chả như ai vẽ mặt hề.

Sét về phương-diện giao-thiệp thì ông chơi bời với các anh em rất là có cảm tình. Nhiều người thích ông, thường hay đến chơi với ông luôn. Có người phải vắng ông chừng năm, ba ngày, thì lấy làm rất khó chịu. Thành thử hễ ông ở nhà ngày nào, thì ngày hôm ấy trong nhà đông những khách. Các bạn bấy giờ đều công nhận rằng ông là người hiếu khách. Nhiều khi khách đến chơi nhà ông đông quá, đêm đến không có chỗ ngủ, đành phải cùng nhau thức nói chuyện cho đến sáng. Vì thế trong bài thơ "Đêm đông" của ông có câu:

Nào ai là kẻ tìm ta đó,
Đốt đuốc soi lên kẻo lẫn nhà.

Trong đám khách đó, cũng có người đến chơi nói chuyện, cũng có người đem văn thơ của mình đã làm đến nhà ông để bàn bạc câu được câu chăng. Này cái cách bàn văn-chương của ông thì lại kỳ quặc quá; ông hay tâng những người dốt, ông hay phỉnh những người ngông, vì thế thời bấy giờ, trong đám làng Nho ở *Nam-thành* có nhiều người tự phụ đặc-biệt, có nhiều kẻ ngông cuồng lạ đời, ấy cũng bởi tay ông đào-tạo nên cả. Trong đám những người ấy, có người khen ông là người biết điều, có người thì bảo là anh ấy chơi được. Thành thử rồi người nọ bảo người kia, kẻ này mách kẻ khác, nên cái danh-vọng của ông cứ mỗi ngày lan đi càng xa.

Danh tiếng của ông sở dĩ khắp ai ai cũng biết, phần thì bởi cách ngôn-ngữ giao-thiệp, số là không bao giờ ông lại làm mất thể-diện của bạn trong đám đông người, hoặc bạn ông có thua lựa kém vế thì ông che trở bênh vực, hoặc bạn ông mà có chuyện trò lỡ lời, thì ông tìm cách nói tế toái cho trôi đi.

(Sẽ tiếp theo)

Chu-Cảnh **Phạm-đình-Kỳ**

THĂM THÀNH GENÈVE

Kinh - đô vạn - quốc ở nước Thụy - sỹ

(Tiếp theo số 18)

Ngày 7, chín giờ sáng tại nhà khách-sạn *Victoria*, trên cái thềm dữa đường, trước bờ hè chung quanh ai nấy đã chỉnh - tề đứng nguyên một chỗ rồi, có quen nhau chỉ sì sào vài tiếng chào hỏi sì sằng mà thôi, nghìn mắt đều trông lên cái ống truyền-thanh (haut parleur) đặt ở từng thứ ba nhà khách-sạn, đợi nghe ông thủ-tướng *Streseman* phái-bộ *Đức* đọc bài tuyên-cáo. Đợi đến một giờ chẳng thấy phái-bộ *Đức* nào cả, mà ống truyền - thanh tịnh không thấy thở ra một tiếng, thầy đội-xếp đứng giữ trật-tự, mình nhỏ bằng con bò mộng cũng phải nghiêng người lấy tay tựa vào cái thắt lưng da, anh hàng bán báo lúc ban đầu đi đi lại lại nhanh nhẹn như cắt, tiếng rao hàng to hơn lệnh vỡ, bây giờ kêu cũng uể oải, đi cũng lệt sệt, ký - giả lúc ấy ngáp mới có vài chiếc. May thay! ông *Streseman* ở bên *Đức* chưa đến, nếu ông tới *Genève* rồi mà tuôn một hồi tiếng *Đức* thì không những ngáp mà thôi, có lẽ đến ngủ gục dữa đám nữa. Biết rằng đợi cũng vô ích, ký - giả liền đến phố *Paquis* vào nhà hội *Vạn-quốc*.

Nhà này đối cửa thành *Genève* thì cũng không lấy gì làm cao cho lắm, song rất rộng rãi, chung quanh cây cối um-tùm, mùa hạ thực là mát mẻ. Vào trong tấp-nập những người mà toàn thị người ngoại-quốc đến xem cả, vì hôm nay hội không họp tại khách-sạn *Victoria* thì người chen nhau quá nêm cối. Nhà này chia ra nhiều buồng lắm. Bên phải là buồng giây thép, đếm ước độ 7, 8 cái, chỉ để phóng-viên báo các nước dùng, bên trái là phòng khách cho hội-viên hội *Vạn-Quốc* nghỉ và phòng hội-đồng họp. Người hướng - đạo (guide) dẫn vào trong. Trông rất đẹp mắt, hội-viên ngồi một khu, báo-giới ngồi một khu, còn chung quanh cùng từng trên để cho người ngoài đến nghe. Ký-giả nhìn hàng kính lóng-lánh mặt trời xuyên qua, ngắm mặt nước *Lê-Măng* (Lac Léman) một làn xanh biếc, sực tưởng đến cái thế - giới sau này ở thời-đại hoàng-kim, bốn phương phẳng-lặng, vạn dân hợp - hòa; bỗng đâu người hướng-đạo cầm dùi đập trên bàn thình một cái, tiếng to tưởng bằng đại-bác, giật mình trông lại thì thấy người hướng-đạo đương rủ-rỉ bên tai rằng: Ấy! Tiếng ấy là tiếng ông Chánh-Hội hội Vạn-Quốc ra oai đó.

Kỳ hội - đồng năm nay hội Vạn - Quốc bàn - luận lắm vấn - đề can - hệ, mà phần nhiều vấn-đề kinh-tế cả. Vấn-đề chính - trị thì về mặt *Âu-châu* phải bàn về vấn-đề rút it quân ở *Rhénamie* (*Nước Đức*). Vấn-đề thiểu - dân (Questions des minorités) thiểu-dân nước Đức ở *Ba Lan* (Pologne) thiểu-dân *Hưng-Gia-Lợi* (*Hongrie*) và *Lô-Mã-Ni* (Roumanie). vân vân.. Về mặt Mỹ-Châu thì bàn về vấn-đề kéo nước Mỹ vào hội Vạn - Quốc. (Chính nước Mỹ trước kia đầu tiên ra hội Vạn - Quốc do giám - quốc *Wilson* trình hội-nghị *Versailles* tờ dự thảo ngày 14 Février năm 1919)- về mặt *Viễn-đông* thì có vấn-đề *Trung-Nga* xung đột vì con đường hỏa-xa *Mãn-Châu*, và vấn-đề bãi các hòa-ước bất bình-đẳng do đại-biểu *Trung-hoa Chao-Chou-Wu* khởi xướng. Còn vấn-đề kinh-tế thì nào vấn-đề đường miếng, nào vấn-đề than mỏ, nào vấn-đề *Liên-Âu* (Fédération européenne) do thủ - tướng *Briand* khởi luận. Xét cho kỹ những vấn-đề chính trị kể trên phần nhiều liên can đến vấn đề kinh-tế, như vấn-đề rút quân ở *Rhénamie* thì dính giáng đến vấn-đề *Đức* bồi thường, mà vấn-đề bồi-thường có liên can đến vấn-đề tài-chính; nếu Đức không bồi thường thì *Pháp* phải lưu hành giấy bạc, lấy tiền ở *Pháp-quốc-ngân-hàng* mà trả nợ cho *Mỹ*, nếu lưu hành nhiều giấy bạc

quá, thì đồng phật-lăng tất giảm giá. thức ăn đắt lên, thế là xã-hội quẫn bách như nước *Pháp* hồi năm 1926 vậy. Lại như vấn-đề bãi hòa-ước bất bình-đẳng chẳng qua là vấn-đề giảm thế lực tư-bản *Âu-Mỹ* và trái lại tăng giá trị tư-bản *Trung-Hoa* trên mặt *Thái-Bình-Dương* mà thôi. Còn vấn-đề đường miếng các ông thượng-thư, các ông thủ-tướng đều bàn đến cả, và tranh luận kịch liệt lắm. Giá đường bán lẻ năm nay có 495 một cân tây, mà khi xưa thì một cân phải 7, 8 quan, các nhà sản-xuất tính ra thiệt tới hàng triệu phật-lăng. Mà có thế thôi đâu, đường nay chất đống ở mấy nơi như *Java*, *Singapour*, *Marseille*, *Havre*, *Londre* kể có mấy vạn tấn thành thử ra giá đường càng ngày càng sụt giá. Có ông bàn phải hợp nhất các công-ty làm đường, phải hạn chế sự sản-xuất, có ông bàn phải khuyếch chương thị-trường. Mà thị-trường nào? chẳng qua Viễn-Đông đó mà thôi. Tính ra nước *Trung-Hoa* số dân 400.000.000 người, nước *Việt-Nam* 25.000.000 người, nước *Ấn-Độ*, *Hà-Lan* 40.000.000 người. Nước *Ấn-Độ* và *Diến-Điện* 300.000.000 người, nếu mỗi người mỗi năm hơn bù kém ăn 5 cân đường thì số đường động lại ngày nay chẳng mấy lúc mà tiêu thụ đi hết. Nhưng khốn thay! dân *Viễn-Đông* hãy còn dùng phần nhiều đường bản-sứ, thành thử vấn-đề ấy phiền phức lắm. Muốn tiêu thụ số đường kia tất phải cho đường miếng đánh lại đường phèn, cho đường cải ngọt (betterave) đánh lại đường mía. Ấy cái cạnh tranh lối mới là thế, chinh chiến lối mới là vậy.

Vơ vẩn trong phòng hội-đồng hồi lâu rồi trước khi ra, đứng xem cái địa-đồ thế-giới. Trên cái bản-đồ này phàm nước nào có chân trong hội Vạn-Quốc đều vẽ mực đỏ cả, nước Nam mình chẳng được Vạn-Quốc mời như thể nước Đức, mà cũng chẳng cần cục như thể nước *Y-pha-Nho*, song được cái số đứng dưng nó dẫn tới cái đại hùng biện của các nước liệt-cường. Trên cái hình chữ **S** cũng thấy mùi đỏ.

11 giờ 15 thăm nhà *Vạn-Quốc-Sự-Vụ* (Bureau international du travail) đến 3 giờ lên vườn *Parc de l'Ariana* xem khánh thành nhà hội *Vạn-Quốc* mới, rồi vào khoảng 7 giờ ra tầu trở về *Grenoble*. Sau đó, sực khi nhớ đến cảnh tượng kinh-đô Vạn-Quốc, trong tâm hồn luống những mơ màng phảng phất, mong sao quốc-dân mình cùng nhau tiến bộ thường có ngày cất gót tới Genève, để đua chen đàm luận cùng người *Vạn-Quốc* mà hưởng chung cái hạnh phúc hòa bình.

Trần-duy-Đạm

TAM-KỲ THƯ' QUAN

DIRECTEUR

NGUYỄN - PHÚ - KỲ

AVENUE MARÉCHAL FOCH

VINH

Là một hiệu sách lớn.

Có bán **An-Nam Tạp-chí**, và đủ các thứ sách, vở, giấy, bút...

Anh em chị em hâm mộ thể-thao nên đọc:

TUẦN BÁO

BAC-KY THÊ-THAO

Xuất bản ngày thứ ba

TÒA-SOẠN VÀ TRỊ-SỰ Ở SỐ NHÀ 37

PHỐ HÀNG QUẠT HÀ-NỘI

Giá mua báo: Một năm 3$50.
Sáu tháng 1.80.
Ba tháng 1.00.

Ngoại quốc: Một năm 4.50.

Đọc báo "Bắc-kỳ Thể-Thao" tức là cổ-động cho nền thể-thao nước nhà ngày thêm bền vững.

CẢM-TƯỞNG ĐỐI VỚI SỰ CHÁN ĐỜI CỦA CÁC THANH-NIÊN NAM, NỮ

Ba vạn sáu nghìn ngày là mấy, đối với đời người đã thành ra có hạn, ra một điều lệ chung của tạo-hóa, khắp từ kẻ chợ tới thôn - quê, từ trẻ chí già ai là chẳng hiểu. Tuy cũng có người ra ngoài luật - lệ, nhưng phỏng trên đời đã được mấy ai, sống bẩy tám mươi đã là thượng-thọ.

Đem sự sống của loài người mà tỷ với ít nhiều giống động-vật khác, hay là loài cây cối, thì thật là ngắn ngủi cách xa, có thứ sống ba bốn trăm năm, có thứ nghìn năm, lại có thứ ngoài nghìn năm. Sự sống của loài người đã chóng qua, chóng hết, sáng lòe như chớp, phút chốc như mưa; mới oe tiếng khóc thoát đã bạc đầu, nào những kẻ anh-hùng hào-kiệt, nào những người tài năng xuất chúng, đã gây dựng biết bao công việc ích quốc lợi dân, danh thơm truyền tụng; lại những người gác tía lầu son, quần hồng yếm thắm, gương thiên-cổ treo tranh thục-nữ, vẻ yêu-kiều đáng mặt tài-danh; thậm chí đến những phường sống hại nhân - quần, chết bia miệng thế, rồi chẳng qua cũng lấp vùi dưới ba thước đất, xanh um một nấm cỏ khâu, thây thẩy đều cùng chung số phận, theo luật hóa-công, tiếng thở cuối cùng, thành người thiên-cổ, thế mà thần tai - ương còn ròm rỏi không thôi; hết thủy lạo phong ba, đến thời khí dịch hạch, hại người hại của vẫn chưa chán tay tàn phá . . . Sự kết - liễu chung tiền định của đời người đã là một điều đáng phàn nàn; thế mà còn có lắm kẻ hy sinh tự sát, coi tấm thân ví tựa lông hồng, vả lại những người hy-sinh đó phần nhiều là những bậc thanh-niên, cái thời-kỳ tiến thủ đang độ xông-pha đang tuần bay nhẩy, biết bao là hy vọng lai láng cho nhà cho nước, mà gần đây biết bao là người tài có, đức có, tiền của có; sao tấm thân kia đến nỗi bỏ hoài!

Nếu một nước mà bao nhiêu khối óc non nớt đều bị thần chết chiếm đoạt, thì nước sẽ ra sao? Sẽ phải tiêu-tán chắc chẳng sai! Vậy ta kíp tìm phương bổ-cứu để ngăn cản cái vạ tầy đình ấy khỏi một ngày một lan rộng mà chiếm lấy phần đa số trong xã-hội. Trước hết ta phải tìm đến nguyên - nhân vì đâu nên nỗi, mới mong giải-thoát khỏi vòng nguy - cấp; gốc có khỏi mối mọt, cây mới được vững bền. Xét ra cũng có nhiều nguyên-nhân, một phần lớn là ở ái-tình ra đó.

Nay xin hãy đem thiển-kiến bàn lược ra đây họa chăng có chút bổ ích cùng các bạn thanh-niên vậy.

Xứ ta từ khi ngọn phong-trào bên *Tây phương* tràn sang, đem đuốc-tuệ mà giắt giùm dân chúng lên đường tiến-hóa, nào là tinh-thần, nào là vật-chất, hết thẩy đều một ngày một mở rộng mãi ra, thật là một mối hạnh-phúc rất to cho nước *Việt-Nam* ta. Tuy vậy trong sự tiến-hóa cũng có điều bất - hạnh cho ta là do ta sai-lạc, đem thi-hành một cách quá ư mạnh bạo một điều mà chưa phải là thời-kỳ sậu tiến chung của quốc-dân là «*Ái-tình và hôn - lễ.*»

Trước kia, khi ta còn theo hôn-lễ cũ thì cái vạ về tình-ái thật là hiếm có, tới nay ở chốn thị thành sự tự-do kết hôn đã tiêm nhiễm đôi chút trong cái óc thiếu-niên thì thường thường thấy trên tờ báo nào là: «*Hồ Gươm phải chăng là mồ bạc mệnh*). – «*Thuốc phiện dấm thanh phải chăng là tiên - dược của bọn thiếu - niên qua khỏi bệnh tình*» hay là *Giải yếm đào thay tơ nguyệt lão. v. v...* » còn biết bao là tấn thảm-kịch gây ra bởi hai chữ ái-tình. Ôi! ái - tình đã nuốt sống biết bao là giai-nhân, tài-tử; độc ác thay mà khiếp sợ thay là cái bể tình!!

Xưa kia việc hôn-nhân ở nước ta là ro quyền định liệu của cha mẹ, tùy con trai hay là con gái vẫn được quyền tự chọn nhưng chỉ được thi hành những khi cha mẹ cũng bằng lòng ưng ý rồi, hay là đã có người đến hỏi hau tử tế, tuyệt nhiên không có như ngày nay cùng nhau trộm ước ba sinh, rồi mới trình bầy cha mẹ,

thẳng hoặc mà lượng trên rù quyết hẹp hòi, thì mối tình kia đang cùng nhau keo sơn gắn bó, người yêu vì nết, kẻ trọng vì tài, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, bỗng chốc sao rời vật đổi tránh sao cho khỏi sự nhớ thương buồn bã, sẽ gây ra lắm nỗi đoạn trường.

Cũng có khi đôi bên bác mẹ bằng lòng, trẻ thơ gắn bó, kể bề gia-thế thì môn đang, hộ đối, đến nhân - cách thì con giai trông cũng có vẻ con nhà, mặt mũi khôi ngô, đức hạnh hiền hòa, học hành cũng khá, con gái thì tuy không sắc nước hương trời, nhưng cũng trông ý nhị thanh tân, lịch sự đoan trang, đi đứng khoan thai, nói năng thùy mỵ, lại thêm tài nghiên bút, việc chỉ kim có thể tạm cho là giai anh - tuấn gái thuyền - quyên được, duy về tài sản thì có phần sai lệch, nhưng hai khối óc kia cũng chẳng lấy làm quản ngại, những mong chóng tới ngày xum họp, mối tình đằm thắm đã in sâu trong trái tim ; lòng riêng, riêng những mừng thầm, gánh giang san có kẻ đỡ đần, gửi thịt trao xương đã chọn được người xứng đáng. Bao nhiêu nghị-lực tài-năng rắp đem cố sức ganh đua với chúng mong mưu hạnh-phúc mai sau. Trong khi bao nhiêu những hy - vọng chứa chan đang sôi nổi lần lượt phô bầy ra ở trí tưởng hai trẻ, thì thần phá-hoại lù lù kéo đến. Kìa môi-nhân mắng tiếng quan tham, nọ mụ xóm đưa tin cô ả, cái cơ nghiệp nhà tây ruộng cánh, phụ thêm cái danh giá «to tướng» theo sau; hay là món hồi-môn hàng vạn đã đánh lộn với cái cảnh nhà gianh ruộng mướn, hay là tay trắng về nhà chồng, trong óc cụ ông cụ bà mà ham phần ưu thắng, khiến ước xưa đành phụ, duyên mới ép nài.

Đó cũng là bởi lòng quá yêu con của cha mẹ muốn con được nên ông nên bà, ra giầy vào dép, ăn trắng mặc trơn mà ép nài con trẻ. Rầu nay có ép uổng đôi chút, rồi sau trước cái cảnh tượng sung sướng chắc là thỏa mãn, có ngờ đâu đến nông nỗi thương tâm.

Lại còn một nguyên-nhân nữa là lòng nhẹ giạ của bọn quần-thoa tân nhân vật, muốn chọn ý-trung-nhân một cách tự-do luyến-ái, những nhời nói mía-lùn của bọn công-tử-bột đã làm xiêu lòng thục-nữ, tưởng bụng ta cũng như bụng người, đồng tử, đồng sinh, không nhẽ chàng đâu phụ thiếp, không nghĩ chi bước tương - lai đến nỗi một lầm hai lỡ, bị lừa trong lúc quá yêu quá nể. Nay khối tình mang nặng một ngày một to, thì ôi thôi giây cương chàng. Sở đã rẽ lối băng miền, trơ lại chút phận liễu-bồ ngậm đắng nuốt cay ôm lấy cái kết quả muôn đời miệng thế.

Vì muốn bảo tồn danh giá gia-đình, tránh lời phi nghị kẻ làng người nước, cùng với sự sỉ nhục nhiếc móc của cha mẹ, lại thêm ngày đêm thần lương-tâm cắn rứt ; thôi thì hình như bao nhiêu sự xấu - xa đều đổ giồn cả vào một thân một mình, khiến phải thoát nợ trần ai, khỏi nhơ mặt giạn . . .

Trước những cái cảnh huống như thế, ai là người chả phải chán nản cuộc đời, xem chốn nhân-gian trăm chiều gay gắt, coi sự sống ví tựa lông hồng ; đã không biết sống là vui, chắc cái chết đối với hạng người ấy có cái thú vị sâu xa ; dầu người nào có can đảm quả quyết, mà gượng lại được những lúc khó khăn như thế chăng nữa, thì cũng đã như chim phải tên, cánh đã sắp lìa, khó được trăm phần hoàn hảo.

Vậy cứ như ngu ý của tôi, vị thuốc chữa những vết thương xã-hội ấy là việc hôn-thú sửa đổi. Ta nên so sánh hôn - ước trước và hôn - ước hiện thời xem đàng nào có kết quả tốt tươi, hay hoặc không đến nỗi sẩy ra luôn luôn cái vạ tầy đình như trên, thì ta nên sét điều gì hay nên giữ, điều gì giở nên thay, để cho thành một nghi-lễ hoàn toàn tốt đẹp mà theo.

Bảo rằng việc vợ chồng trước kia không được tự-do kén chọn thì thật là một điều nhầm to. Tự-do kén chọn, trước ta vẫn có, chỉ vì ta không để ý đến, và không có ai chủ xướng lên một cách rõ ràng, nên ta cho là không có, nay vấn-đề phụ-nữ mới

có người để ý đến, và hô hào lên, ta mới tỉnh ngộ ra mà cho là mới. Cứ xét ngay những câu phương-ngôn của ta :

« *Ép dầu, ép mỡ, ai nỡ ép duyên* » hay là : « *Đôi ta như lúa phơi mầu, phải duyên thì lấy tham giầu làm chi !* »

« *Lấy chồng cho đáng tấm chồng, bỏ công trang điểm má hồng răng đen...* »

Còn biết bao là câu khác đã chứng chỉ một cách rõ ràng việc hôn-ước vẫn được tự-do không ? Lại như câu : « *Gái chê chồng một đồng giả hai, giai chê vợ thì vỗ tay không* » thì lại tỏ ra lòng cha mẹ vẫn tùy lòng con trẻ, không nỡ ép uổng, rẫu phải thiệt hại đến tiền của cũng cam.

Còn như sự hôn-ước và hôn-lễ ngày nay thời lối tự-do, giai gái tương thân, thì tưởng là một điều rất khó khăn khỏi có sự sai lầm. Hỏi ngay các bạn thiếu-niên có ai giám quả quyết rằng cách xét người của mình là sành hơn bậc phụ huynh không ? tôi giám chắc là không ; đến ngay xét một người nào trong lúc bình-thời xuất ư bất ý còn khó thay, huống lại muốn xét một người mà trong lúc họ dụng tâm để mua chuộc lòng mình, thì tài nào trông thấy sự khuyết điểm ; giả thử cũng có một đôi khi vì vô ý mà biểu lộ ra, nhưng vì cái lòng xét-đoán đã bị chiếm-đoạt mất rồi, lòng yêu quá mạnh, nên rẫu dở cũng cho là hay, thì còn mong xét đoán cái gì ? Sao bằng đem trao cái quyền lựa chọn ấy cho phụ huynh, vừa phần là hơn tuổi, từng trải nhiều, vừa là người ngoài cuộc, thì chắc là không đến nỗi sai lầm. Tôi nói thế không phải là tôi không muốn cho bạn thanh-niên, mà nhất là riêng về bạn nữ-lưu được tự-do như bên Âu-Mỹ đâu ; Tôi mong lắm, mà bao giờ tôi cũng giữ phần tự-do cho bạn, nhưng tự-do có người dẫn lối khỏi lạc đàng sa vào vực thẳm đó thôi. Chớ thấy nói rằng giao quyền cho phụ huynh mà tưởng lầm rằng : tất cả bao nhiêu những *sự ước mong, thích muốn nhất thiết là* phó mặc cả cho kẻ làm cha mẹ, còn mình chỉ biết đợi ngày làm lễ tơ-hồng là xong đâu. Cái quyền giao phó ấy phải có hạn-chế, nghĩa là lúc con trai hay con gái đã đến tuổi hôn-thú, thì cha mẹ có quyền xem xét lựa chọn, khi nào đã tìm được người vừa đôi phải lứa rồi chỉ bảo cho ta điều hay lẽ thiệt, tính nết người ấy thế nào, lúc ấy lại đến lượt ta được quyền tự-do xem xét một lần nữa, tính nết có hợp nhau không ? nhân cách có như ý ta sở cầu không ? v.v... hoặc thế nào, nên hay chẳng nên, ta đem ý kiến trình bầy cùng cha mẹ rồi sẽ trao lời hôn ước. Mà cần nhất lúc ta đem ý kiến tỏ bầy cùng cha mẹ phải nên mạnh bạo, nói cho rõ ràng, đừng nên theo thói xưa nay, mà riêng về phần nữ-lưu lại càng có nhiều, động nói đến việc hôn-nhân là thẹn thùng e lệ, nói chẳng ra câu, ấp a ấp úng, nửa ừ nửa lắc, khiến cho cha mẹ phân vân khó hiểu, lắm khi đã gây ra nhiều chuyện lôi thôi. Đó cũng là một cái hại, tưởng từ nay nên bỏ, giai khôn lấy vợ, gái nhớn lấy chồng là lẽ đương nhiên, ai là người thoát khỏi cái vòng phu-phụ, vả chăng nói thật với người trong nhà thì còn có điều gì ngăn trở nữa.

Đó là hôn-ước, còn về hôn-lễ cũng lắm nơi có nhiều tục phiền phức quá, khiến cho bên nhà trai lắm nỗi khó khăn, thậm chí có khi lắm nhà lấy sự thách cưới làm dịp khoe của với bà con, chót đâm lao phải theo lao, đến khi cưới được người con râu về, thì gia-tài khánh kiệt, công nợ tứ tung, giầu-gia thành ra thù oán, thật là đáng chán ; bậc làm cha mẹ cũng nên thấu tình, tùy gia phong kiệm, thương con ngon rau, sao chóng cho hai trẻ nên bề gia-thất, ấy là một mối hạnh-phúc rất lớn vậy. Phương ngôn đã có câu : « *Lấy vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày sợ kẻ dèm pha* », biết bao người đã phải cái nỗi rẽ thúy chia loan vì thế.

Nói tóm lại thì việc hôn-nhân từ nay ta nên trông cậy vào phụ huynh một phần, và ở ta một phần, chớ nên theo lối cũ hẳn, mà cũng chớ nên tự do quá ; các bạn thanh-niên nghĩ sao ?

Ngọc-Hồ *giáo-học Trà-lĩnh*

VAN THƠ

Trời chiều quãng vắng.

Thơ-thẩn ta đi một quãng đường,
Đường đi vơ-vẩn nghĩ thêm thương.
Sườn non khấp-khểnh chân len đá,
Ngọn gió đìu-hiu mặt dạn sương.
Cỏ nội phất-phơ hồn cổ-chủng,
Chim giời xao-xác bóng tà-dương.
Xa trông giời đất mênh-mông rộng,
Biết nói cùng ai truyện bốn phương.

∴

Than nghèo

I

Thân-thế buồn tênh phải buổi nghèo,
Nghĩ đường sinh-kế thật cheo-leo.
Giậy đàn trẻ mãi thêm đeo nợ,
Bán mớ văn cùn khó đủ tiêu.
Rở ngón cùi luồn e mặt sạn,
Xoay nghề buôn bán lại lưng neo.
Bệnh nghèo hỏi-có ai hay thuốc,
Xin giúp cho ai, bốc một liều.

II

Vào Nam ra Bắc chạy lùng quanh,
Chết nổi làng nho kiết nhất mình !
Công nợ lần khân, bè bạn rẻ ;
Xu hào ít ỏi, chị em khinh.
Non kia nước nọ bia sinh lụy,
Bể thẳm trời cao một mảnh tình.
Buộc mãi cái nghèo lo chửa rất,
Lo làm sao khỏi cái hư-sinh.?

LƯƠNG - HỒ
Nguyễn-trung-Khuyến

Xuân

Xuân đi xuân lại chẳng bao lâu,
Tháng chạy ngày qua ấy mới mau !
Con trẻ vui chơi không biết chán,
Cái già theo đuổi có xa đâu.
Trông vời cố-quận như hoa mắt,
Cất chén tân-xuân muốn bạc đầu.
Tình cảnh đối nhau thêm thắc-mắc,
Cùng ai thăm hỏi một đôi câu.

∴

Tiễn bạn

Cất mũ chia tay mỉm miệng cười,
Từ nay bèo nước lại đôi nơi.
Bánh xe du-tử chưa dừng bước,
Ngọn bút tao-nhân chẳng cụt ngòi.
Thân-thế nổi chìm âu cũng kiếp,
Phong sương qua trải mới nên người.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau dặn,
Nước Thái-bình-Dương nó vẫn sôi.

∴

Cảm đề

Sự đời toan tính mãi chưa song,
Đối bóng trông gương luống thẹn-thùng.
Trời-bể chưa đền ơn cúc-dục,
Nước non thêm vướng nợ tang-bồng.
Đầu xanh mấy lúc pha sương trắng.
Cơn xám chừng bao tới vận hồng.
Chiếu bạc năm canh gà chửa gáy,
Túi không không dễ chịu về không.

PHI - VÂN
Ng. v. Tô

HÀI - VĂN LỐI CỔ

" Văn-Tế "

Than rằng :

Thợ trời thay đổi, bấm tay xem xuân tới thu về ;

Con tạo vần xoay, chớp mắt thấy sao dời vật đổi.

Ngựa qua cửa sổ ;

Mây nổi đầu non.

Gió thổi trên không ;

Hoa trôi mặt suối.

Giấc hồ - điệp khi mơ tính - mạnh, cửa âm dương chưa tỏ lúc đóng cài ;

Phận phù - sinh mang lấy hình - hài, cơn vận nạn vẫn thương người ngắn ngủi.

Nhớ linh xưa :

Lưng vót cần câu ;

Mặt xa chữ nãi.

Dâu đỏ kè kè ;

Da đen thui thủi ;

Mắt tròn rắn ráo, trông lên hấp háy hấp ha ;

Chân ngẳng sếu vườn, bước xuống đâm so đâm dụi.

Thò câu nói khoác, bao lao chi bể rộng giời cao ;

Kể tính thông-minh, mù-mịt chi đất giầy đêm tối.

Công thay con ở, quét nhà quét cửa chẳng ngồi yên ;

Việc đỡ người thuê, buộc rồ buộc sề không lúc rỗi.

Một cái đậu bữa cơm mua sớm, chọn đống đầu dưa ;

Sáu đồng dầu buổi tối bán đêm, đắt bằng bỏ muối.

Tiền đóng quan chọn rặt thất-phân, (1)

Thuốc cam trẻ làm toàn ngũ-bội. (2)

Xem trong tính nết đã hay ;

Nghĩ đến ăn chơi lại giỏi.

Nón gõ lại trắng phau bướm bạc, buông thõng hai quai ;

Sồi vứt đi đỏ chói cá vàng, thắt chênh bốn múi.

Giầy vải đi đã rách mũi, vẫn lau chùi để phấn trắng tinh ;

Áo lương mặc đã thay vai, còn chấp chểnh cành hoa cân đối.

Ngồi rỗi hẩm hơi thuốc lá, sực lông bò chi phấp phới ma trơi ;

Nằm khểnh hút điếu sái hoa, sông cứt dán chi tí ti mắt muỗi,

Chiều mát ra hàng thịt chó, đánh trơ lá-lật, (3) vẫn cò kè bớt một thêm hai ;

Đêm thanh ra phố hàng-gà, (4) nói vãi hoa-sòe, (5) vẫn dút dát thò ra dụt lại.

Khi ve gái lên ba con tự, tắc câu thơ chi nhằm nhè lá thắm, lậy chú van anh ;

Chăm làm tôi vị một đồng tiền, tắc hạu chữ chi sén bớt hoa hồng, ra luồn vào cúi ;

Trang - hoàng có cổ - họa và đôi, cũng đạp tuyết tầm mai, cũng đông ly thưởng cúc, (6) đời nào cũ rích sác sơ chi bồi chát giấy mo ;

Lịch-sự đủ tùng - viên một ấm, cũng Vỵ - thủy đầu can, cũng Hàn-giang điếu nguyệt, (7) buổi sáng khì - khà phì - phạch chi khó mù than củi.

---

(1) **Tiền Gia-long thất phân** 嘉隆七分 là thứ tiền kẽm của ta dùng khi xưa, những đồng tiền này thì dầy lắm, đóng vào bỉ thì lợi được nhiều tiền.

(2) **Ngũ-bội.** — là tên vị thuốc

(3) **Lá lật.** — Ngày xưa có thứ đĩa vẽ cái lá lật.

(4) **Hàng-gà.** — Tức là ở phố Hai - Cơ bây giờ (gần chợ Rồng Nam-định).

(5) **Hoa sòe.** — Ngày xưa ta có tiêu thứ bạc hoa sòe.

(6) **Đạp tuyết tầm mai, đông ly thưởng cúc** 踏雪尋梅。東籬賞菊 là những bức tranh Tầu ngày xưa ta thường dùng.

(7) **Vỵ thủy đầu can, hàn giang điếu nguyệt** 渭水投竿。寒江釣月 những chữ này có in ở những bộ ấm chén đồ sứ của Tầu.

Khi tế - tự ra đình việc hội, chăm miếng ăn tay thớt tay dao;

Lúc bán buôn có khách vào nhà, nhằm có lợi nói chầy nói cối.

Bì be dở giọng cà riềng, nhắp dần tí một, vẫn lên câu sức rượu không bì;

Bập bẹ nghe câu hát khế, trống nich giỏng ba, làm ra giáng roi chầu đã lõi.

Dủ bầu bạn tồ - tôm tồ-tép, chán lỗ tai chỉ việc đâm ỳ;

Đụng anh em làm gỏi làm gà, cho mắt thịt tìm đ;ều nói cuội.

Đào-lý (8) chực ôm chân quyền thế, tìm lối tùy toè;

Quế-lan (9) đà chán mặt giang hà, bỏ nghề hồ hụi (10)

Cũng tưởng phong xương cho đá, hạc vững ngàn năm;

Nào ngờ bóng thỏ đưa thoi, rùa thiêng trăm tuổi.

Hay là nhớ người đất bắc, tưởng câu gắn bó đá vàng;

Hay là trông buổi sao đông, thương kẻ ôm cầm chăn gối.

(8) **Đào lý công môn.** — 桃李公門 là chỗ cửa qua.

(9) **Quế chạo lan tương** — 桂棹蘭槳 là những cái bê chèo của nhà thuyền chài.

(10) **Hồ hụi.** — Là tiếng hò kéo thuyền của những nhà thuyền chài ở mạn trong.

Hay là tìm non nước thú vui;
Hay là chán trần hoàn gió bụi.
Kìa đồ buôn bán khuya sớm dữ-dìn;
Nọ giống làm ăn đêm ngày cặm-cụi.
Kìa chút-chít, kìa phệnh xành;
Kìa bồ hòn, kìa lá vối.
Kìa sâu tằm két bỏ khô;
Kìa nắm nan vàng bỏ ủi.
Kìa tiền góp vạc vôi;
Kìa đồ cầm biên phái.
Kìa giăng trong tuyết nọ, bánh ngọt ai làm;
Kìa nước đục mùa dầy, phèn chua ai gói.

Miệng vàng hơi sữa, đứa minh-linh (1) khuya sớm băn khoăn;

Đầu bạc răng long, người tuổi tác ra vào hậm-hụi.

Em khi chực tuyết, ôm phù-du riêng những bàn hoàn;

Vợ phận dữ xương, thấy dương-liễu lòng càng than tủi.

Thôi thôi,
Sống ấy đã khôn;
Chết thời không dại.
Phù hộ cho thân-thích bình-an;
Nhớ nhung lấy vợ con cúng vái.
Rầy nhân rót chén ba tuần;
Gọi là nhớ người chín suối.

Chu-Cảnh Phạm-đình-Kỳ
SAO LỤC

(1) **Minh linh.** — Là con nuôi.

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

Này ai nên nhớ trước khi đi,
Nước độc đường rừng chẳng sợ chi,
Kinh-nghiệm gia-truyền thuốc *Sốt Rét,*
Xin tìm cho được hiệu *Liên-Huy ! ! !*

Hiệu Liên-Huy số nhà 68 phố Hàng-Trống
(Rue Maréchal Foch) Nam-Định.

Giá mỗi lọ 0$25

NGƯỜI AN-NAM
Ở VÂN-NAM-PHỦ

(*Tiếp theo số 18*)

Nói về công nghệ tôi có thấy một điều này là cái tật con nhà công-nghệ ta ở đây. Bóc ngắn, cắn dài, việc làm được một ít, tiền vay trước cho nhiều, tiêu bừa đi, rồi công việc để chậm chễ lại, làm không đúng. Làm với người *Ta*, người *Tàu* thì còn dễ, còn nói năng được, còn có thể hòng được dung-thứ, chứ làm với người *Âu*, *Mỹ* thì họ thẳng tay bắt theo pháp-luật, người thầu khoán khó lòng mà giữ cho chu toàn danh-dự. Nhưng mà không nên trách người, chẳng qua cũng tự mình cả; nếu công việc mình làm cho đúng mực, cho đúng hạn thì ai dám khinh mình.

Người *An-Nam* ta cũng có ít người làm thợ mộc, thợ nề cho *khách*. Một hôm tôi đi qua *Chính-nghĩa-môn* (*Cửa-nam*) ngẩng đầu lên thấy hai người thợ nề *an-nam* đương đắp chữ nho bằng xi-moong. Những chữ nho ấy là những câu cách-ngôn để khuyên dăn dân chúng. Nom thấy hai người thợ nề ấy đắp các lối chữ nổi khéo lắm, trong trí tôi bấy giờ có một cái cảm-giác lông-bông khó lòng mà tả ra được. Tôi không vui và cũng không buồn, trong lòng tôi hơi có ý tự-cao tự-đắc. Tôi nghĩ thầm rằng: sao họ không thuê thợ *Khách* làm? Có lẽ thợ mình khéo hơn cho nên họ mới thuê làm việc này chăng? Mà quả thị một việc thuộc về mỹ-thuật, chưa chắc thợ nề *khách* đã làm nổi?

Một cái gia-đình con con trước kia người chồng đi nấu bếp cho *Tây*, vợ đi bán hàng dong và một cô con gái 17, 18 tuổi.

Sau mua một cái máy dệt bít-tất, vợ chồng và con ở nhà dệt tất bán, xem chừng cũng được sung-túc. Cách đây 4, 5 tháng bà tham *T.* và cô tiểu-thư ông tham, bà đốc *Q.* và bà phán *L.* bà đốc *P* dủ nhau đi tập làm hoa giấy. Tiền học khoán là 250 đồng bạc *tầu* mà hạn học độ một tháng. Một ngày học làm một thứ hoa. Các bà đã học làm được hơn 20 thứ cả thảy.

Mới nghe thấy nói đi học làm hoa, tôi tưởng khó khăn và công phu lắm, chắc rằng tốn giấy, tốn phẩm, tốn hồ còn nhiều mới làm thành những bông hoa trông được. Ấy thế mà thực ra thì khác hẳn. Các bà nói rằng học rất rễ. Bà giáo sư là chủ hiệu một cửa hàng bán hoa giấy to nhất ở *Vân-Nam*, lấy một bông hoa giấy làm mẫu, bảo cho cách làm, cứ bắt trước mà làm là được ngay.

Làm lá, làm cánh hoa phải cần đến vài ba thứ đồ dùng đơn sơ, nơm hơi dống cái nạo để nạo tầu thuốc phiện. Bà giáo nói rằng, muốn làm được đủ các thứ hoa mà làm được giống được khéo thì phải mua các thứ đồ làm ở bên *Nhật*, tốn nhiều tiền lắm, kể hàng mấy nghìn bạc. Ý chừng bà sợ người mình cướp mất nghề của bà nên bà mới nói thế chứ đồ dùng đâu đến nỗi đắt như vậy. Có một đôi thứ như nhị hoa phải mua sẵn của bà giáo mà bà giáo cũng mua sẵn của người *Nhật*. Lại cớ một thứ chỉ làm bằng gạo rang duộm phẩm mà bà giáo cũng giữ bí-mật; bà phán *L.* tính ý tìm ra được.

Giấy làm hoa là giấy thông-thảo và các thứ giấy nhiễu của người *Nhật*. Giấy nhiễu đẹp lắm, nhưng mà đắt tiền, nom các bà làm hoa, rất là rễ ràng. Mà có một điều ai ai cũng phải lấy làm lạ, là các

bà làm được tinh sảo ngay, không hỏng cái nào, chỉ có cái đẹp lắm, cái đẹp vừa mà thôi. Hoa của các bà làm phần nhiều dống như hoa thật. Các bà là những bậc phong - lưu sang - trọng mà biết chuộng nữ-công như vậy, cũng là một sự đáng khen, các bà dụng công về thứ mỹ-nghệ này trước là để tiêu-khiển trong những ngày nhàn-hạ, học cho biết chơi sau này có thể đem về truyền-bá cho đồng-bào ta một cái nghề của người *Tầu*. Một vài ông nghĩ xa xôi nói rằng: «Người ta ở đời chắc đâu được giầu có thanh-nhàn mãi; nhỡ ra đến lúc quẫn-bách, biết được một nghề cũng là hay, có thể đem ra làm kế sinh-nhai mà tự - lập được, cái ý - tưởng nghề ấy rất hay. Các hạng phụ-nữ ta nên bắt trước bốn bà này, mỗi người học lấy một nghề cho tinh. Bà phán L. có giậy lại hai cô con gái là con một người chị em bạn. Nhân tiện bà làm các thứ hoa để làm quà cho bà con mỗi người một bó để cắm chơi. Lúc đương làm trong nhà bà phán bầy la-liệt các thứ hoa đủ các sắc, nom rất ngoạn-mục. Cả hai ông bà phán là người rất là âu-yếm bà con, cho nên anh em chị em đồng-bào cũng có lòng yêu mến. Thường có một đôi người không phải là người buôn bán, nhưng có thể lúc xin được giấy xuất cảng, chở về dưới ta hàng mấy mươi toa, hoặc gạo, hoặc đậu, hoặc khoai tây, có khi không muốn buôn, đem bán lại cái giấy phép xuất-cảng ấy cũng được nhiều.

Cách đây 6, 7 năm ông Vũ-văn-An lên bán cho Chính-phủ Vân-Nam được nhiều chăn dạ, dùng cho binh lính. Trong sự mua bán lặt vặt hàng ngày có ít người đàn bà so-kè quá, nào thêm, nào nếm, làm cho người khách bảo là người mình đáo để.

Khi mua bán với người *khách*, ta cũng nên chú ý đều này : giá dụ một người đàn-bà ta ra chợ mua thịt, thường thường người *khách* họ bán cho người *khách* đã, rồi họ mới bán cho mình, có lúc phải chờ đợi lâu lắm. Lấy một việc nhỏ mọn ấy mà suy cũng biết rằng bao ;giờ họ cũng coi người họ hơn, chứ không có cái tính tham thanh chuộng người lạ. . .

Người *khách* Vân-Nam thích mua những tủ, bàn bằng gỗ ta vì họ biết rằng ở xứ ta nhiều gỗ qúy, gỗ tốt; đắt tiền họ cũng cố mua cho được. Ở đây thứ gỗ thông là nhiều hơn cả. Các thứ gỗ qúy, gỗ tốt hiếm lắm.

Trên này chiếu làm bằng rơm sấu lắm. Họ thích mua chiếu cói của ta.

Mấy câu kết-luận về việc thương-mại kỹ-nghệ

Xem như người *Tây*, người *Tầu*, người *Tây-Đen*, người *Nhật* vân vân... Sang buôn bán ở xứ ta thì người Annam mình sang buôn bán, hoặc lập công nghệ ở đây, không thấm vào đâu với họ cả, người ta trăm phần mình không được một phần. Cứ xem như người *Tầu* có nhiều người sang bên *Annam*, chỉ có một cái khăn gói mà đến khi về *Tầu* thì có hàng nghìn, hàng vạn, như thế thì cũng đáng phục cái tài kinh-tế của người ta thực. Tôi nghe nói người *Tầu* họ biết cưu mang nhau, một người mới ở *Tầu* sang, tay không, không có gì, họ ra vốn cho một lần, làm nên ăn là hay, nhất là không làm nên ăn, họ lại cấp vốn cho lần thứ hai nữa. Lần thứ hai này mà lại thất bại, họ xét ra không phải là lười biếng, cờ bạc, thì họ lại cấp cho lần thứ ba nữa. Bất qúa tam đến lần thứ ba mà không sinh - cơ lập - nghiệp được thì họ mới thôi.

Ấy cái tính đoàn-thể liên-lạc, cái lòng tương-bảo, tương-trợ của người *Khách* rộng rãi bền chặt như thế, còn người mình thì sao? Tôi dám nói rằng người mình chưa biết tin nhau, chưa biết chu - cấp cho nhau, như người *Khách*. Có / nhà thương-mại nhà công-nghệ bảo tôi rằng: « Muốn buôn bán hay làm kỹ - nghệ chỉ một mình làm là tốt hơn cả. Nếu muốn chung phần thì đến hai người là cùng, chứ hơn hai người là hỏng rồi. Hội buôn lỗ vốn thì còn đứng vững, chứ phát-đạt

thì tan ngay » Xem như thế thì biết đến bao giờ mới được như người *Âu, Mỹ*? Chưa chi đã chực lừa nhau, đã chực ích - kỷ ,không ai dám bỏ tiền ra với ai, thì còn hòng được việc gì to tát?

Như việc buôn bán thì người mình phần nhiều mới có vật-chất, chưa có tinh-thần. Người *Tây*, người *Tầu* mới có tinh-thần về nghề buôn bán vậy.

Đồng-bào ta ăn ở với nhau thế nào?

Cứ lấy cái đại-cương mà nói, cứ lấy cả đoàn-thể mà xét thì đồng-bào ta ở *Vân-Nam* biết âu-yếm nhau, biết thương-yêu nhau, biết giúp đỡ - nhau, biết bênh-vực nhau, từ người làm việc quan cho chí anh em lao-động, ai ai cũng biết trọng danh-giá mình, biết giữ thể-diện đối với người ngoại-quốc. Cũng có một vài người xấu bụng hay - ghen ghét, hay nói xấu người, đâm bị thóc, chọc bị gạo, song những kẻ khốn nạn ấy không sá kể. Ở giọc đường xe lửa ở *Á - Mễ - Châu*, ở *Vân-Nam-Phủ*, người *An-Nam* ta có nhiều người tốt bụng lắm. Thấy đồng-bào mới ở dưới *An - Nam* ta lên bỡ-ngỡ, thì chỉ bảo tiếp đãi tử-tế, hoặc có yếu đau thì trông nom thuốc thang như người nhà, có thiếu thốn thì chu-cấp cho đi đến nơi về đến chốn. Tấm lòng thân-ái của đồng-bào ở nơi khách - địa tha - hương, không quản thiệt hơn như vậy, thật đáng quý thay!

Vũ-văn-Lễ

Máy bay kiểu mới

Máy bay đậu trên nóc nhà, máy bay thay cho xe hơi. Bay cao cũng được, bay thấp cũng được, đứng yên trên không cũng được muốn đậu xuống cũng được,

Từ nhà bay đến sở làm việc, cái đó ngày nay đã thực rồi, không phải là sự mơ tưởng nữa. Gần đây thành Luân-đôn có một nhà buôn to làm trường ở trên nóc nhà, dự bị buồng máy bay thay xe hơi làm cổng ở trên nóc nghĩa là ra vào do lối nóc nhà, chứ không đi cổng nữa.

Thứ máy bay thường, khi bay lên phải cần chỗ đất rộng mấy trăm thước vuông mới có thể bay lên được. Các nhà khoa-học còn cho là bất tiện, nên hết sức nghiên-cứu để tìm ra một cách bay không cần phải trường bay rộng như thế nữa.

Theo như báo tây thì lý-tưởng đó đã sắp được hiện rồi. Một nhà chuyên-môn phi hành nước Tây-Ban-Nha mới phát-minh một thứ máy bay tên ô-tô-gi-ro (Autogyro) chỉ cần chỗ đất rộng từ 30 đến 50 thước là bay lên được. Một cái sân đánh quần vợt cũng có thể dùng làm trường máy bay. Như vậy những nhà sẵn tiền mua một cái máy bay đó, xây một cái sân thường trên nóc nhà là đủ bay đi bay về được rồi. có thể dùng máy bay thay ô-tô được rồi.

Thứ máy bay ô-tô-gi-ro này không những khi bay không cần trường bay rộng lớn mà cách máy bay cũng khác máy bay thường, có thể bay rà rà mặt đất, có thể vụt lên trên cao, có thể bay chậm lờ đờ có thể bay nhanh vùn vụt., có thể đứng yên trên không trung không hề đụng đậy, lại có thể nhảy trên mặt đất như cào cào; tóm lại là muốn sao được vậy, việc cầm máy đã đơn sơ mà sự vẹn lành lại càng chắc chắn, những cái đó thực là nghề máy bay đã đến mười phần vẹn mười vậy.

Người Tây-Ban-Nha phát minh ra thứ máy này, năm 12 tuổi đã lưu - tâm về nghề bay, ngày còn trẻ đã chế ra được chiếc tầu nơi trên không, cưỡi lơ - lửng trên giời. Có một lần ông ta tìm thấy một chiếc máy bay cũ hỏng, một cánh rơi ở nơi kia, bèn dùng hai bạn đồng trí đem cái máy ấy về chữa lành lặn lại rồi cỡi mà đi. Đến khi nhớn lên bèn chuyên-môn làm nghề phi hành, đến nay phát-minh ra thứ máy bay kinh người đó, Chắc không bao lâu nữa, sự dùng máy bay thay ô-tô và làm cổng tre trên nóc nhà sẽ thực hiện khắp các nước Âu Mỹ.

T. N.

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

HỘI LIM

Nó thật tấp-nập, con đường vào làng Lim, ngày hôm nay.

Trời lấm-tấm mưa phùn. Đường, gớm! sao mà quá lội.

Một chiếc mô-tô, trên ngồi hai ông mũ cúp che hết hai phần ba chiếc mặt, mồm ngậm sì-gà, mắt dấp dim, sừng sộ nhẩy bay vào, la vang lừng như muốn giọa những ai chẩy hội.

— "Khó chơi!" vài ông có tuổi quắc mắt nhìn, trỏ vào con vật đương chạy như bay ấy và nói nhỏ với nhau như thế.

— "Có lẽ lắm!" Một người lạ, "cảm" vì câu nói ấy, cũng chỗ vào một câu trả lời.

Người ta nói, người ta cười, người ta chen chúc nhau, người ta ồn ào chnyện; ai ai cũng hớn hở, vui mừng, ai ai cũng hình như trẻ lại.

Kìa! ông Nghị Ba, mặt xám ngắt như gà cắt tiết, đương chạy đi chạy lại như con chuột để chụp chơi tấm ảnh; trông! cô-tây già, như sợ lấm chiếc quần trắng tinh, ưỡn-ẹo chánh những chỗ có bùn hay vũng nước.

Oạch một cái... kìa! tiên-sinh đừng có đùa mà nằm ăn vạ ở dữa đường này nhé! Một nhà văn, tay cầm chiếc nhật-trình, dún-dẩy ở trên đôi giầy đế kếp, đương mải nhìn bằng một con mắt khinh đời giẫy núi Lim rã rượi ở dưới trận mưa phùn không ngớt, chượt chân một cái, suýt ngã lăn ra giữa đường.

— Lội quá!

— Thế mới xuân! Xuân mà!

Rét, mưa, mưa, rét. Một người ăn mày có tuổi, mắt mù, ẵm đứa con chân tay cũng sám ngắt như là bố, run cầm cập trong đống bùn, nức nở kêu mãi mới được hai ba tiếng. Chú cả Xuân, bót thuốc lá bên mồm, co-ro như con sâu ở trong bộ âu-phục mầu đen, đứng dừng ngay lại, móc vi lấy hai su vứt cho người khốn-nạn... rồi...đưa mắt nhìn một cách tự-kiêu người con gái môi đỏ như tiết gà, mặt đánh, tôi không biết bao nhiêu là phấn, nhí nhảnh trong cái khăn san mùi hồng, đi cách đấy độ dăm ba bước.

— Mợ nó hôm nay cũng đi xem hội à?

Toe-toét cười, cậu công-tử sán ngay vào gần một tiểu-thư Hà-thành đương "bơi-không-khí" ở giữa đám bùn lầy lội.

...Đây là núi Lim.

Đông thật. Nhấp nhô trên đám cỏ xanh, này! ô! mũ! nón! khăn! hôm nay phải ôm cái số phận hẩm hiu nhé! Hết cả "diện", con gái cũng như con giai đều ra ý trách trời:

— Giá hôm nay không mưa thì hội còn vui đáo để!

Nhưng hội Lim năm nay thật là đông. Cô gái quê, yếm mặc đỏ loè, hai má hồng hồng như da một trái đào mới chín, mặt tròn, sùm sụp trong chiếc khăn mỏ quạ để soè ra trên hai vai cái áo vải nâu non, cầm cái nón mới che mặt mà cười tít mắt. Ông Tham ở tỉnh về, toe toét mồm cười, kéo nón ra hôn... rồi, như

một người say rượu, ẵm bỗng cô em tôi lên trời! Thì bạn ở ngoài hồng - hộc cười, bỗng cùng hò hét mà vỗ tay đôm đốp; họ sướng, họ khen bạn họ, họ cho là thú, họ cho thế là thú nhất trên trần đời... Kìa! hãy trông ở đằng kia, ba ông "bố trẻ con" bá cổ vào vai cô ả bán hàng bún chả; này! lại về phía nọ một, hai, bốn, năm ông, cổ áo tơi đứng dựng, đương thi nhau mà hôn hai cô bé đứng chúi vào nhau ở cạnh giẫy cây sương-rồng.

— Các ông lẩn mẩn quá! Chúng em...

Chẳng đợi cho nói hết lời, một ông ở ngoài chạy sồ vào, ngửng cái mặt phốp pháp như cơi trầu đầy, tán khéo...

Người ta dở lắm trò người ta không e lệ.

— Hai con mắt bác này đẹp quá, đẹp đẹp đẹp quá đi mất thôi.

— Ấy chết! sao các ông lại làm thế?

Một cái tay dụt lại. Người có cái tay ấy, dân làng Lim gọi là con "khỉ mù"

— Bác này mới khó tính chứ! Bảo ra tí đằng này nói chuyện, mãi không nghe. Người con gái lùi lại. Thì, ở đằng sau, đã thấy một tên quân khác nắm ngay lấy ngực, chớt nhả cù, rồi bô bô mồm: "Tôi bắt đền bác đây này... sao bác lại dẫm vào giầy tôi thế? Nào... đền tôi đi nào..."

Người con gái biết làm thế nào để ra bây giờ?

Nhưng, ở cái quán nước kia, sao lại lắm người đứng thế? Chạy lại xem, thì: Giời ơi! em van các ông, các ông làm thế người ta cười cho chết mất!

Chẳng sượng-sùng, một "ông Tây An-nam" quắn-quại trong bộ áo ca-rô nâu đương lắc đầu, nhe răng trắng nhởn ra cười híp mắt: "Này, mợ nó sơi miếng trầu, mợ nó!"

"Mợ nó," tít mắt cười, "mợ nó" vừa nhìn cái yếm thắm nghênh ngang trong bộ áo mớ ba, vừa nói lầm bầm tôi không biết câu gì trong miệng.

— «Khốn nạn chửa!» một ông khác quần áo bảnh bao tiến vào, "*bắc - đẩu bội tinh* ai lại để quên đây thế này?"

Rồi, bỗng có cái gì kêu đánh độp. Cô ả *Mùi* bẽn - lẽn, toan để đám đông người để chạy, thì:

— Kìa! đương nói chuyện sao «ta femme moi» lại bỏ đi đâu thế? Một người khác, má hồm môi thâm, lủng lẳng ở trong cái áo trench-coat vội chạy bay ra can-thiệp.

— A lê! bắt tay cái nào!....À! bố cu tốt! bố cu tốt lớ!

Người con gái mặt đỏ như quả hồng lúc chín, cố dụt tay ra, nhưng: «khi gió» chửa! vừa đập tay vào cái «bộ ngực tròn» ông nào đã ỡm ờ cầm cái nón mà đi ra kia thế?

Thì, ở góc núi bên kia, một trận cười «nổ-giời» bỗng bay thẳng lên trên không-khí. Ngoảnh cổ lại, thì, này! sao khéo ỡm-ờ, ông phán Sửu đương vận hết «nội-công» để ẵm lấy cô-ả Tý ở Trần-thôn mà hôn choanh-choách vào đôi má hồng-hồng đỏ.

Tình!

—Em thật quả không biết hát, nếu biết em xin hầu hai ông ngay.

—Không được! Người ta đồng thanh trả lời.

—Thôi! bác nhận lấy trầu đi....rồi hát ít giọng cho chúng tôi nghe nhờ nào! Kìa kìa người ta hát vui đáo để.

À! mà thật! ở trên đỉnh núi, cạnh một tảng đá to, có hai cặp trai-gái đương tựa vào vai nhau mà đồng cất giọng thanh-tao, hát....

Họ hát, hát Quan-họ, hát mãi, hết bên này đến bên kia, ở dữa một đám đông người mặt mày hớn hở như cùng với cái giọng hát du-dương êm-ái kia, bay cao lên chín tầng mây thăm thẳm.

—À! ra thế đấy! Một ông ngồng-ngỗng điếu thuốc to bên mồm, ngạc-nhiên nói — tôi biết là ông ta nói mấy ai? — một câu như thế.

Vẫn mưa, vẫn rét, vẫn rét, vẫn mưa. Nhưng, ồ! nào có làm gì những cái nhỏ-nhặt ấy. Đội bầu giời sám, sử Năm vẫn

cầm cái ba-toong cây mía, vung-văng theo ả Vện đi với em; đập mặt đất lầy, ông Sáu vẫn nhởn nhơ cái bộ răng vàng ở trước hàng chị Bái; sau giẫy chợ.

— Hội vui thật!

— Nào vui quái gì! Có người bảo hội ấy làm hư con gái, có người bảo vì hội ấy mà.... lắm bác Sã, anh Nhiêu, thầy Khóa «bồ-côi» vợ.

Trời tối dần dần.

— Mấy giờ?

— Thôi! ta đi ra đợi tầu!

Rồi thì.....

Rồi thì, trông mấy đám thiếu-niên đương chù tính ngủ lại đêm ở đấy, một cái «bể người» nhấp nhô theo con đường trơn như mỡ để đi ra tầu về.

Hội Lim!

Chen-chúc ở trên chiếc xe-hỏa đương nhả khói mà phăng phăng chạy trên đường sắt, khách du-xuân còn nhớ đến hội Lim.

Vậy:

Nó thế nào? Có tốt hay không? Nên bỏ hay không? hội ấy.

Tôi xin hỏi chư-quân-tử.

2 Mars 1931 Vũ-Bằng

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Vấn-đề dẫn thủy và trừ nạn úng thủy tại trung-châu xứ Bắc-kỳ

Quan Toàn-Quyền vừa ký nghị-định đặt ra một hội-đồng chuyên trông coi về việc rẫn thủy và trừ nạn úng thủy những đất Trung-châu xứ Bắc-kỳ như Bắc-Ninh, Hưng-Yên Hải-Dương, Hà-Đông, Phủ-Lý, Nam-Định và Thái-Bình. Hội-đồng ấy có quan Tổng-Thanh-Tra ngạch Công-Chính làm chủ-tịch. M. M. Favier kỹ-sư công-chính làm phó-chủ-tịch. Delsalle, thanh-tra các việc chính-trị, Trần-văn-Thông Tổng-Đốc (Nam Định) Lê-Mai Kỹ-sư Công-Chính và viên Kỹ-sư canh-nông làm hội-viên. M. Bauzil Kỹ-sư Công-chính làm thư-ký Hội-đồng.

T. N.

Một vết đen trên mặt giời

Tokio, 22 Février. — Các nhà thiên-văn Nhật-bản tuyên ngôn rằng cái vết đen mới đây trông thấy ở một góc mặt giời một ngày một thêm. Bây giờ ban ngày cũng trông rõ, và vết ấy thiên dần về phía tây. Ngày hôm thứ sáu mới rồi thì ở giữa mặt giời.

A. R. I. P.

Chụp ảnh con trong bụng

Điện-tín *Cleveland Huê-kỳ* nói rằng: vừa rồi ở đây có kẻ phát-minh ra một cái máy rất lạ, làm cho khoa-học-giới ai nấy cũng phải chú ý một cách đặc biệt. Cái máy mới bầy ra đây đặt tên là *Amiographe* và có thể dùng để chụp hình một cái thai trước khi sinh đẻ ba tháng, ví dụ như có một người đàn bà chửa còn ba tháng nữa thì đẻ, dùng máy *Amiographe* mà chụp hình, thì có thể biết trước được là đẻ con giai hay con gái.

T. N.

TIỂU - THUYẾT

(Vân - Lan ký - sự)

Xã-hội ta ngày nay hiện đương vào thời-kỳ quá-độ, không những về bên nam-giới thanh-niên cần phải đem hết cảm-tình mà đối với tổ-quốc giang-sơn, mong sao cho có một ngày cái tình đoàn - thể liên - lạc cùng nhau, để cùng đem một tấm nồng nàn, sấn bước trên con đường tiến-thủ, mà cả đến các bậc nữ-lưu cũng cần phải có cái cảm-tình sốt sắng cùng giúp đỡ một tay, thế mà hiện nay trừ cái bậc có cái cảm-tình chân-chính cao thượng, không sa đắm những nơi vật-dục, không mê mết trong đám tình-trường. còn ngoài biết bao người thanh - niên nam nữ chỉ vì hiểu lầm mấy chữ tự - do, chủ - nghĩa khoái - lạc, để đến nỗi sự vui chưa thấy, thấy ngay sự buồn, tự-do chân - chính chưa được hưởng thụ, mà cái tơ tình vấn vít đã bao người tài sắc vào trong vòng nô lệ ái-tình, làm cho cái chí tiến-thủ của các thanh - niên nam nữ những mong có ngày sấn bước đường trường, vì đó mà tiêu tán, không còn có chút hy - vọng về sau, không còn có chút bổ ích gì cho xã - hội hiện-tại, vì đâu nên nỗi, xin liệt - vị độc - giả hãy xem câu truyện thực, kể sau đây, dẫu chưa dám gọi là cái gương phản - chiếu soi chung cho bạn thanh-niên, nhưng riêng về phần các bạn liễu yếu, đào tơ tưởng cũng có thể xem một bản truyền-hình đó để cảnh tỉnh cái tâm hồn, thì chẳng phải là không có bổ ích một đôi chút vậy; nên ký-giả chẳng quản tài sơ trí thiển, biên chép ra đây, để cống hiến cùng các ngài gọi tỏ chút tình thành thực nồng nàn, những mong trong nữ-giới ai đã mắc phải lưới tình, chìm đắm trong bể tình, mê mẩn trong giấc mộng tình, nên mau tỉnh ngộ.

Bể tình bể khổ hỡi ai ơi!
Vượt khỏi trầm luân kẻo nữa rồi.
Hẹn ngọc thề vàng câu truyện phiếm,
Nguyền sông chỉ núi cái trò chơi.
Hờn duyên tự-sát kia bao kẻ,
Tủi phận quyên-sinh nọ chán người.
Cõi phúc là tu mau sấn bước,
Bể tình bể khổ hỡi ai ơi!..

. . .

Trên con đường lát đá nhấp nhô, ánh đèn điện sáng như ban ngày, bóng cây cối um tùm như cửa động. lá khô lắc-rắc theo ngọn gió hắt hiu, tả tơi rụng xuống, tiếng vọ rì - rù, tiếng ve rền - rĩ, giập-giờn đăm chiếc dơi-dơi, quanh liêng trên không toan bắt muỗi; tấp nập mấy đoàn xe ngựa, thong rong trước gió đón-đưa người, buổi chiều êm lặng thảnh-thơi; rủ nhau hóng mát giạo chơi từng đoàn.

Sau khi xin phép nhà, em đến chơi đằng chị Dương-Ngọc để mượn vài quyển sách và đăm tờ nhật-báo. Lúc ra về trông từ con đường Ga đi lại, một người thiếu-nữ tay sách nách mang; em trông rõ quen, rõ quen mà em không giám nhận, vì sợ quáng ánh đèn mà nhận nhầm chăng! Nhưng không, khi em đã lại gần chỉ cách người kia chừng hai bước, em trông rõ ràng chị Vân - Lan, em giơ tay ra định ôm choàng lấy chị để tỏ tình âu-yếm, nghĩa cố-tri, em giơ tay ra mạnh quá, đến nỗi mấy quyển sách của em phải rơi phịch xuống đường bụi bốc lên như đống-đất, em vội vàng nắm lấy tay Vân-Lan và giằng lấy một gói to bọc nhật-trình để mang đỡ hộ chị. Lúc ấy mặt mày em vui vẻ bớn hở khác thường, song chân tay em hình như hãy còn run lẩy bẩy, trống-ngực em thổn thức không yên, ngày càng đập mạnh. Thấy nhau tay bắt mặt mừng, tình thân nỗi ái, bao chừng xiết nay, rõ thực là:

Bấy lâu mới lại thấy nhau đây,
Tấc gia mơ màng bạn có hay,
Đã mấy thu qua xa cách mặt,
Vui mừng gặp gỡ buổi hôm nay.

Chị Vân-Lan là bạn đồng-học với em năm xưa, trong niên-học, chúng em rất đỗi thân-yêu nhau, thật chẳng khác cùng chung một mẹ. Em vẫn còn nhớ, trong những lúc thư nhàn chúng em cùng nhau lúc bá vai, khi vịn cổ, đướng kim mũi chỉ, quyển sách câu văn, khuyến khích lẫn nhau, tự cho thế là tao-nhã, là cao-thượng vậy.

Em trông thấy chị Vân-Lan thì vui mừng khôn xiết, vì đã hơn hai năm nay chị em mới lại gặp nhau, thật là bỗ lúc nhớ nhung trong khi xa vắng bạn. Thế mà chị Vân-Lan thì sau khi vui gặp gỡ, dường ủ mặt âu sầu, nửa cười nửa tủi, thấy em để - ý nhìn thẳng vào mặt chị, thì chị sẽ mỉm cười gượng cho qua, chị cười như đóa hoa lê bị mưa tháng bẩy, em lấy làm ngạc - nhiên, em có ý tỉ-tê hỏi duyên cớ, nhưng chị tỏ ý cho em rằng không muốn nói. Trên khóe thu-ba lại nhóng nhánh có những hạt lệ thương-tâm, thật chẳng khác mấy hạt sương đọng trên cánh hoa hồng buổi sáng. Em cứ thấy chị vừa đi vừa thở dài, vừa sùi sụt, thành ra em bối rối trong lòng, không hiểu chị vì đâu nên nỗi.

Vì tình mật thiết, nên em cố lưu chị tại nhà em. Thày đẻ em thấy chị, cũng tỏ ý vui mừng lắm ; hỏi tới truyện nhà cửa thì chị nói là đi học xa không được rõ. Hỏi tới sự học hành thì chị chỉ thở dài mà không nói. Chị ngồi uống nước qua loa, rồi cùng em vào nhà trong soạn lại đồ hành-lý xong cùng em lên dường đi nghỉ. Sáng hôm sau, trên tường đồng-hồ dịp dàng đánh sáu tiếng, ánh thái - dương lọt qua cửa sổ soi vào mặt em, em dật mình tỉnh rậy thì đã thấy chị Vân-Lan đang tỳ tay lên cằm, giọt giải giọt vắn, ngồi tựa vào đầu dường em. Em thấy vậy thì tìm lời khuyên giải, song lời em nói thì lại như gợi lòng sầu cho chị thêm thổn thức mà thôi.

Tám giờ hơn, chị Vân-Lan sắp sửa để ra ga, em lấy làm ngạc nhiên, mà đến thầy đẻ em cũng vậy. Em liền nói lên rằng: « Về Thái-Bình thì mười giờ mới có ô-tô, bây giờ ra thì sớm quá. » Chị nói rằng còn phải về Ninh-Bình có chút việc và thăm ông chú nhân thể. Em thấy nói thế nên không giám làm ngăn trở, và đinh ninh rằng trong dăm bữa nửa tháng nếu chị về Thái-Bình thì thế nào cũng tạt vào thăm em, khi đó sẽ dữ chị ở lại lâu.

Chúng em ra tới ga thì hành khách đã đông nghịt, vài phút sau khi lấy vé, chúng em cùng nhau ra sân Ga, chẳng bao lâu từ đằng xa lừ lừ con tầu đã tới. Hàng trăm nghìn cái vành bánh sắt đang thi nhau ăn trên đường tầu, bỗng dần dần ngừng lại. Nào là kẻ xuống người lên, kẻ thưa, người gọi, cứ ồn ào như đám hội. Chị Vân-Lan lên tầu, em đứng dưới, bốn mắt nhìn nhau, truyện trò giây lát, bỗng tiếng còi nổi hiệu, khói phun ra đen nghịt hẳn một góc trời, con tầu bắt đầu chạy. Lúc tầu còn toa nọ sô toa kia sắp chạy mạnh thì em hai mắt đăm đăm nhìn lên phía Vân - Lan đứng, trong lòng em mới thổn thức làm sao. Khi tầu đã chạy hơi nhanh thì chị Vân-Lan vẻ mặt ra giáng đột nhiên rồi gọi với em mà dặn rằng : « quyển sách ở dường, bỏ quên. . . giữ cẩn thận hộ. . . và... nhé » Tầu chạy nhanh quá tiếng máy inh ỏi át cả tiếng người, thành thử em lỗm bỗm nghe được có ngần ấy câu.

(Sẽ tiếp theo)

Bùi-Mộng-Vân

Le Gérant :

PHAM-DINH-KY

Số 20 NĂM TÂN-VỊ 3e S. Mars 1931

DÉPÔT LÉGAL RÉSIDENCE SUPÉRIEURE TONKIN

安南雜誌

DEPOT LEGAL INDOCHINE
N° 1/028

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

AN-NAM TẠP-CHÍ REVUE DE L'ANNAM

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7 $ 00	Một năm	8 $ 00
Nửa năm	3 . 50	Nửa năm	4 . 00
Mỗi số	0 . 15		

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-ĐỊNH
1931

TR.

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 6, 7 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Mối cảm-tưởng đối cùng các bạn thanh-niên trong Xã-hội.

Hán-học tinh-thần *(Cảm-hoài của kẻ sĩ, đối với người tri-kỷ Kinh-kha).*

Văn Thơ.

Mấy điều mới lạ về sự giao-thông.

Tiểu-sử một nhà Thi-Hào gần đây. *(ông Tú Xương.)*

Lược-thuật phong-cảnh Rệam *(Cao-Miên.)*

Xã-Hội Thiền-đàm.

Xã-Hội Ba-đào-ký. *(Cái búa con)*

Tiểu-Thuyết *(Hà-Thành Nữ-Sĩ)*

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 20 NĂM TÂN - VỊ 3e S. Mars 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÁN
Phó Chủ-sự

MỐI CẢM-TƯỞNG
ĐỐI CÙNG CÁC BẠN THANH-NIÊN TRONG XÃ-HỘI

An-nam tạp-chí số 16, tôi có dẫn mấy câu truyện của cổ nhân, trong mục Hán-học tinh-thân, nói về *luân lý gia-đình* và *thân-thế người nam-tử*; số 17 tôi lại có bài luận-thuyết nói về *đạo-lý của những ai là bố mẹ các người thanh-niên anh tuấn trong xã-hội ta buổi nay*, thực lấy rằng các bạn thanh-niên là phần người trọng yếu của quốc-dân xã-hội đối với cuộc tương-lai, cho nên sự hy-vọng của xã-hội quốc-dân phải lấy phần người đó làm chú-trọng vậy. Sự *mong* ở đó, thời sự *lo* cũng ở đó. Nay tôi lại xin thuật một câu truyện nói về nhẽ đáng lo.

Tôi có nghe một câu truyện rằng:

Một nhà họ Chu ở Hưng-Yên có hai người thanh-niên sang du học bên Pháp. Hai người vợ, một người là con gái nhà họ Bùi ở Phủ-lý; một người nữa con gái nhà họ (?). Ba nhà cùng là giầu có sang trọng cả. Hai người bạn thanh-niên du học, không biết có tin riêng về nhà rằng đã có lấy vợ *đầm* hay sao? mà bỗng dưng hai người vợ ở nhà cùng bảo nhau đi mất. Những nhà có con gái hết sức đi tìm hỏi, cách tới ba tháng rồi mới thấy ở trong một cái chùa ở Phùng (thuộc huyện Đan-phượng, Sơn-tây) thời hai thiếu-

phụ kia đã cắt tóc, mặc đồ nâu sòng, định đem thân để nương nhờ cửa Phật vậy, Than ôi! Hiện nay nghe hai người thiếu-phụ ấy, người nào ở nhà người ấy, ở trong nhà vẫn mặc nâu sòng, đi ra đường chỉ có chùm cái khăn vải thâm và mặc thứ quần áo hơi khác mà thôi. Một đời người khuê - các kia, có nhẽ bỏ hoài như thế chăng? quả như vậy, thời sự đời thật đáng thương tâm vậy.

Nhân một câu truyện đó, mà mối cảm-tưởng của tôi lại càng chú-trọng về các bạn thanh-niên trong xã-hội, càng mong lắm, mà càng lấy làm lo! nghĩ như các bạn thanh-niên nam-tử ở trong xã-hội ta, số người tuy thật nhiều, mà kể về phần những người có tài học, chia đôi chưa hẳn có tới nửa. Trong một phần có tài học mà kể về hạng Thanh-niên anh tuấn đó, nhiều người cũng còn vì cái cảnh-ngộ của gia-đình bắt buộc, tuy có sức có chí về sự học, song mà phải đem mình đi kiếm việc, tháng kiếm đôi ba chục, năm bẩy chục đồng bạc lương bổng, để nuôi thân nuôi nhà. Cái hạnh-phúc tương lai, cái tiền-trình vĩ đại đành phải nhường cho những người nhà giầu có, có tiền của để làm nên tài danh. Một số người thanh - niên anh-tuấn gặp vào cái cảnh đáng thương kia, trong xã-hội tưởng cũng không ít. Vậy mà những người có tiền của để theo về sự học, thời về phần đạo-đức lại như kia. Cứ như vậy xem ra, thời sự trông mong của xã-hội quốc-dân ta sau này, vui? buồn chăng? ai tá.

Tôi lại nghĩ như một người thanh-niên nam-tử trong xã-hội, muốn cho được thành nên tài tuấn, có thụ dụng về tương-lai, cần phải có ba cái điều-lý không thể thiếu: một là cái tài về sự học; hai là cái cảnh được theo học; ba là cái quan-niệm về đạo - đức để lập thân. Ba điều-lý đó có chỗ kém thua, thời hai chữ "*thanh-niên*" chưa quả đủ là đáng cậy vậy. Một cái tài về sự học, tự giời phú cho có khác nhau; cái cảnh được theo học, hạnh- phúc ở gia-đình cũng có khác nhau; duy cái quan-niệm về đạo - đức để lập thân thời các bạn thanh-niên ta tự có quyền, mà không phải từ đâu hạn chế. Cái tài về sự học đã khó, cái cảnh được theo học cũng rất khó, có hai cái chỗ khó ấy không thiếu mà nếu chỉ thiếu cái quan-niệm về đạo-đức, nghĩ chẳng là đáng tiếc lắm ru? Cho nên mối cảm-tưởng mà tôi muốn rãi cùng các bạn thanh-niên đây, tức lại chú-trọng về điều nhẽ thứ ba vậy.

Xưa nay chữ tài chữ đức rất là cần nhau, mà lại cũng rất là kỵ nhau. Cho nên những người có đức thường kém về bên tài, những người có tài cũng lại thường kém về bên đức. Bởi vậy cho nên những người hiền hậu thường ít hay làm được những công-việc trong đời, mà những ai tài trí thông minh lại cũng chưa dễ có lợi ích đến nhân-quần xã-hội. Chúng ta thử xem như hiện nay trong xã-hội, những bậc anh tài tưởng không ít, mà đồng-bào chưa hẳn đủ lấy làm trông mong. Cứ hiện-tại mà nghĩ về tương-lai, thời trong các bạn thanh-niên ta hiện

nay, sẽ không phụ sự kỳ-vọng của quốc-dân sau này, có lẽ cũng thuộc số rất ít. Những bậc anh tài ngay hiện-tại đã ít thấy ra sao; những bậc anh tuấn về tương-lai nếu lại cũng ít phần trông mong, thời tiền-đồ của quốc-dân, bước khó-khăn còn chưa biết bao thời vậy. Có đức mà không có tài thời việc đời không thể gánh vác; có tài mà không có đức thời công-chúng lại còn thêm nhiều nhẽ đáng lo. Những nỗi đáng buồn của hai người thiếu-phụ kia chỉ là sự buồn riêng trong một hai gia-đình, còn là sự nhỏ vậy.

Chữ tài với chữ đức đã là cần nhau mà thường hay kỵ nhau, tiền tài với đạo đức xem ra lại cũng có như thế. Những người nghèo khó thời bảo vì cảnh-ngộ bắt buộc, cho nên phải lấy cái thi-giờ của thân thế làm những sự không muốn làm. Người đời xưa lại cũng có câu rằng: « *Người hiền mà nhiều của, thời tổn bớt mất trí khôn; Kẻ ngu mà nhiều của, thời chỉ thêm cái lỗi.* » Nếu thế thời cái giá-trị của sự giầu có, chẳng hóa ra không nhất định lắm ru? Vậy mà cứ sự thực xem ra, thực cũng có như thế. Những người thanh-niên vì cảnh-ngộ mà không theo đuổi được sự học, trong xã-hội đã nhiều; hai bạn thanh-niên trong câu truyện tôi nghe mà thuật ra như trên đây thời lại vì có tiền đi du-học mà ở gia-đình mới sinh ra có sự ân-hận. Nếu như vậy thời cái lòng trông mong của xã-hội muốn chú-trọng vào các bạn thanh-niên đó, nghĩ chẳng là một sự khó lắm ru?

Dù thế nào mặc lòng, mà tiền-đồ của quốc-dân, thế tất phải trông vào các bạn thanh-niên. Cái *quan-niệm về đạo-đức* của các bạn thanh-niên mà nếu không có vẻ đậm-đà, thời sự hy-vọng về tiền-đồ của quốc-dân cũng không biết lấy đâu làm truẩn-đích vậy. Lòng ngu quá nghĩ, mong các bạn thanh-niên anh tuấn ta nghĩ chăng!

Nguyễn-Khắc-Hiếu

高山仰止。景行行止。

Cao sơn ngưỡng chỉ; cảnh hàng hành chỉ.

Đây là hai câu thơ ở trong kinh Thi.

Nghĩa rằng:

Non cao, ta ngẩng trông; đường cái lớn ta, đi.

Đức Khổng đọc kinh Thi đến hai câu này, khen rằng: « Người làm thơ thích đạo nhân hậu đến như thế. »

HAN-HỌC TINH-THẦN

Cảm-hoài của kẻ sĩ, đối với người tri-kỷ

KINH-KHA

Hiu hiu gió !
Nước sông Dịch, ai ơi, lạnh-lùng !
Ới anh, là anh tráng-sĩ !
Đi thôi, đi mất, ! có về cùng, đâu ? ai !

Câu hát đó tức là phát biểu cái cảm-hoài của kẻ sĩ đối với người tri-kỷ, mà cũng thấy được cái tinh-hồn của người xưa là chàng *Kinh-Kha* trải nghìn thu còn như phảng-phất bồi-hồi ở trên sông Dịch-thủy (1) vậy.

Đời chiến-quốc có chàng Kinh-Kha, người nước Vệ, vốn người nho-nhã thích đọc sách, lại cũng thích đánh gươm. Kinh-Kha gặp có sự bất-hòa với ai, thường tự mình chịu lui, không có tranh cạnh. Kinh-Kha sang chơi ở nước Yên, thích chơi với một người làm nghề mổ thịt chó và một người tài nghề đánh cái trúc (2) tên là *Cao-tiêm-Ly*. Kinh-Kha tính lại thích uống rượu, ngày chỉ cùng với anh chàng bán thịt chó, và Cao-tiêm-Ly cùng uống rượu với nhau ở trong chợ nước Yên ; sau lúc rượu đã ngà say, Cao-tiêm-Ly đánh cái trúc, Kinh-Kha họa mà hát, vui với nhau, lại cùng khóc với nhau ở dữa chợ, chung quanh như không biết là có ai. Kinh-Kha chơi với những bạn tửu-đồ như thế, mà lại cũng cùng với những hiền hào trưởng-giả ở các nước chư-hầu kết thân. Trong khi ở nước Yên, một vị sử-sĩ nước Yên là *Điền-Quang* tiên-sinh cũng chơi với Kinh-Kha rất thân trọng, biết Kha đó không phải là một người thường vậy.

Kinh-Kha ở chơi Yên không bao lâu, thời nước Yên có một chuyện:

Con Thái-tử nước Yên, tên là *Đan*, ở làm con tin bên nước Tần, bị vua Tần đãi không được tử-tế, giận mà chốn về nước Yên. Đan đã về Yên, nghĩ cách để báo thù vua Tần ; nước nhỏ không có sức. Tần lại ngày phái quân ra đánh các nước chư-hầu ở Sơn-đông, ăn lấn đất, gần đến Yên.' Vua tôi nước Yên đều lo, mà Thái-tử Đan càng lo lắm. Đan hỏi phương-sách ở quan thầy học là Cúc-Võ. Cúc-Võ chịu không biết tính sao, mà giới-thiệu Đan với Điền-Quang tiên-sinh. Đan nhờ Cúc-Võ mời Điền-Quang. Điền-Quang đến, cũng chịu, mà giới-thiệu Đan với Kinh-Kha. Đan lại nhờ Điền-Quang mời Kinh-Kha, Điền-Quang xin vâng, rồi đứng dạy đi ra ngay. Thái-tử tiễn ra đến cửa mà dặn rằng: « Câu truyện tôi bàn với Tiên-sinh, xin Tiên-sinh đừng tiết lộ.» Điền-Quang cúi đầu xuống mà cười, xin rằng vâng.

Điền-Quang đi đến Kinh-Kha, nói rằng: « Tôi với ông chơi với nhau, cả nước Yên này chẳng ai không biết. Nay Thái-tử có việc muốn nhờ tôi mà tôi thời già yếu rồi, tôi có nói ông với Thái-tử, vậy dám mong ông quá bộ vào chơi với Thái-tử ở trong cung.» Kinh-Kha xin vâng. Điền-Quang lại nói : « Tôi nghe rằng : người trưởng-giả đã làm việc gì, không để cho người ta phải ngờ mình. Vậy mà Thái-tử dặn tôi đừng tiết-lộ, thế là Thái-tử có ý ngờ tôi. Nghĩ như làm việc mà để cho người ta ngờ, thời còn là tiết-hiệp sao được ! » Điền-Quang nói đến đấy, rồi muốn tự giết mình để khích cái cảm-tình của Kinh-Kha, lại nói rằng : « Xin ông qua vào ngay trong Thái-tử, nói rằng tôi đã chết, để tỏ rõ rằng tôi không tiết-lộ câu truyện. » Nói rồi, liền tự-vẫn chết. Kinh-Kha vào tiếp-kiến Thái-tử, nói Điền-Quang đã chết, và thuật cả lời nói của Quang. Thái-tử xụp xuống lạy hai lạy mà quì, rỏ rớt nước mắt, rồi lúc lâu nói rằng : « Tôi mà dặn Điền tiên-sinh đừng nói, là để muốn cho được công việc. Nay Điền tiên-sinh lấy sự chết để tỏ rằng không nói. Ôi ! có phải là bụng tôi như thế đâu. ! »

Kinh-Kha đã ngồi song. Thái-tử xụp lậy mà nói rằng: « Điền tiên-sinh không biết rằng Đan này không ra gì, cho được biết đến ngài, vậy dám xin có câu muốn nói, thực là giời thương đến nước Yên mà không nỡ tuyệt bỏ con cháu vậy. Nay nước Tần có cái bụng tham lợi, không biết thế nào cho vừa; trừ phi lấy hết đất trong thiên-hạ, bắt hết các vua chư-hầu phải làm bề tôi, thời ý-nguyện không chán. Nay Tần đã bắt vua nước Hàn, lấy hết đất; lại phái quân ra nam đánh Sở, bắc đánh Triệu. Triệu thế không chống lại được Tần, tất phải chịu thần phục; Triệu đã thần phục Tần thời vạ đến nước Yên. Yên nhỏ yếu, đã mệt về đánh nhau, nay kể đem hết cả nước không đủ chống nhau với Tần, mà chư-hầu đều sợ Tần, không nước nào dám giúp nhau. Vậy nên theo ý riêng của tôi, có nghĩ một cách rất ngu rằng: nay chỉ được kẻ dũng-sĩ trong thiên-hạ, để sang sứ nước Tần, giử cho một món lợi rất lớn; vua Tần là người tham, thế tất cho được tiếp kiến. Quả được tiếp vua Tần, bắt phải giả hết các đất đã lấy của chư-hầu, như chuyện Tào-Mạt với vua Hoàng-công nước Tề (3) ngày trước, như thế thời hay lắm. Không được thế, nhân đâm giết luôn đi. Đại-tướng của Tần đương cầm quân ở ngoài, mà ở trong có loạn, thời trong ngoài sẽ sinh ngờ vực nhau; nhân lúc ấy, các nước được liên-kết với nhau, có thể đánh phá Tần được lắm. Ấy Đan này muốn được như thế quá, mà không biết trông cậy vào ai, mong rằng ông Kinh-Kha có để ý! »

Một lúc lâu, Kinh-Kha nói rằng: « Đó là việc nhớn của nước, tôi hèn kém, sợ rằng không đủ sai. »

Thái-tử lại xụp lạy, cố xin rằng đừng chối; vậy rồi Kinh-Kha mới nhận lời. Lúc ấy, bèn tôn Kinh-Kha lên làm vị thượng-khanh, để ở riêng chỗ nhà khách thứ nhất. Mỗi ngày Thái-tử đến cửa, cung tiến cỗ thái-lao, (4) các thức dị-vị; thường thường lại tiến những xe ngựa và mỹ-nữ, mong cho được hết lòng Kinh-Kha.

Lâu lâu, Kinh-Kha chưa có ý gì đến sự đi. Tướng Tần là Vương-Tiễn đánh phá Triệu, bắt vua Triệu, lấy hết sạch đất của nước Triệu; tiến quân lên thăm đất mạn bắc, đến cõi nam nước Yên. Thái-tử Đan khiếp sợ, bèn vào hầu Kinh-Kha thưa rằng:

« Quân Tần sớm tối sang qua sông Dịch-thủy, thời tôi dẫu muốn được đứng hầu Tiên-sinh mãi mãi, có thể nào được ru? »

Kinh-Kha nói: « Thái-tử dẫu không nói, tôi cũng định thưa hầu. Nhưng nay đi mà không có lễ-vật gì làm tin, thời nước Tần chưa có thể thân được. Cứ tôi nghĩ như Tướng-quân Phàn-ô-Kỳ, có tội với Tần mà hiện nay ở nước Yên, vua nước Tần muốn được mà cam tâm, (5) cheo giải thưởng vàng một nghìn cân, ấp một vạn nhà. Nay nếu được cái đầu của Phàn-Tướng-quân và bức địa-đồ Đốc-Cang (6) của nước Yên, để đem sang dâng vua Tần. Vua Tần tất vui lòng mà cho tôi được giáp mặt vào hầu, tôi mới có thể liệu tính được nên việc. »

Thái-tử nói: « Tướng-quân Phàn-ô-Kỳ không dung thân vào đâu được nữa, hết đất mà phải về với Đan, Đan không nỡ vì việc riêng của mình mà làm buồn đến lòng kẻ Trưởng-giả. Xin ngài nghĩ lại cho. »

Kinh-Kha biết Thái-tử không nỡ, bèn tự đi đến thăm Phàn-ô-Kỳ, nói rằng: — Nước Tần đãi với Tướng-quân, nghĩ thực là quá lắm! Bố mẹ họ hàng của Tướng-quân, đều bị Tần giết sạch. Nay nghe Tần lại cheo giải để mua đầu Tướng-quân, vàng nghìn cân, ấp một vạn nhà. Tướng-quân nghĩ sao?

Phàn-ô-Kỳ ngẩng mặt lên giời, thở giài, chảy nước mắt, nói rằng: — Ô-Kỳ tôi mỗi lúc nghĩ đến, thường đau đến cốt tủy, nhưng chỉ không biết tính có cách gì ra làm sao!

Kinh-Kha nói: — Nay có một câu truyện có thể gỡ cái lo cho nước Yên, báo cái thù cho Tướng-quân, như thế thời thế nào?

Ô-Kỳ lại sấn lên nói rằng: — Làm thế nào?

Kinh-Kha nói: — Muốn được cái đầu của Tướng-quân để dâng vào vua Tần, vua

Tần tất mừng mà cho tôi được tiếp-kiến; tôi bèn tay trái nắm lấy tay áo nó, mà tay phải đâm mũi nhọn vào bụng nó. Như thế thời cái thù của Tướng-quân báo được, mà cái sự xấu-hổ của nước Yên bị nước Tần bắt nạt cũng rửa được ít nhiều. Không biết Tướng-quân có bằng lòng như thế chăng?

Phàn-ô-Kỳ liền chần cánh tay, hăng-hái mà nói rằng: — Sự đó thật tôi vẫn ngày đêm nghiến răng nát ruột nghĩ không ra, mà bây giờ mới được Tiên-sinh dạy cho!»

Nói xong, bèn tự cắt cổ chết.

Thái-tử nghe tin, vội rảo đến phục ở cạnh thây mà khóc, rất thương thảm. Song sự đã rồi, không thể sao được nữa, cũng bèn đựng lấy đầu của Phan-ô-Kỳ, đóng hòm phong kín. Lúc ấy, Thái-tử đã dự tìm cái mũi nhọn nào thật rất sắc ở trong thiên-hạ, được cái mũi nhọn của phu-nhân họ Từ ở nước Triệu, bỏ một trăm vàng mua về, sai thợ lấy thuốc đem tôi đi, thử vào người, hơi dây máu, ai nấy đều cũng chết lập tức. Bèn sửa hành-trang, để cho Kinh-Kha đi.

Nước Yên có một kẻ dũng-sĩ tên là *Tần-võ-Dương*, tuổi mười ba, giết người, người không dám nhìn lại. Bèn sai Tần-vũ-Dương đi làm phó. Kinh-Kha có đợi một người, muốn để cùng đi với, người ấy còn ở xa chưa lại, mà hành-trang thời thu xếp đã song. Hơi lâu, sự đi chưa bắt đầu, Thái-tử lấy làm chậm, ngờ Kinh-Kha có ý hối mà đổi bụng nghĩ, bèn lại nài dục rằng:

«Đã hết ngày mất rồi! không biết ông Kinh-Kha có bằng lòng như thế chăng? Hay để tôi xin hãy sai Tần-võ-Dương đi trước.

Kinh-Kha nổi giận, gắt với Thái-tử rằng:

— Cái việc chỉ đi mà không có giở về nữa, mà sao Thái-tử sai đến đứa trẻ con như thế! Thử nghĩ như cầm một mũi nhọn vào nước Tần nguy hiểm như thế, tôi phải còn ở lại, là cốt để đợi người quen biết của tôi cùng đi. Thái-tử đã cho là chậm, thời thôi xin chào để đi, không dùng-dắng nữa.

Khi đó bèn bắt đầu sự ra đi. Thái-tử và các tân khách những người nào có biết đến rõ cái việc ấy đều mũ áo trắng để đi tiễn. Đến trên sông Dịch-thủy, đã làm lễ tiễn lên đường, bắt đầu đi. Cao-tiêm-Ly đánh cái trúc, Kinh-Kha họa mà hát. Hát ra điệu trầm sầu, các người đều rỏ nước mắt khóc. Lại hát lên giọng khích-liệt, khảng-khái, ai nấy đều chợn mắt, tóc dựng ngược trên đỉnh đầu. Câu hát cảm-hoài của Kinh-Kha khi ấy rằng:

風蕭蕭兮。易水寒。

Phong tiêu tiêu hề, Dịch-thủy hàn.

壯士一去兮。不復還。

Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn.

Người đời sau ở Trung-quốc bình luận thơ văn, có cho rằng hai câu ấy hay nhất trong thơ ca của Trung-quốc (Đại-ý đã thuật ra như ở trên đầu bài đây).

Vậy rồi Kinh-Kha lên xe đi, không quay nhìn lại nữa.

Đến Tần, đem đồ làm quà đáng nghìn vàng cho kẻ bề tôi yêu riêng của Tần-vương là Mông-Gia. Gia nói trước với vua Tần rằng:

— Vua nước Yên thực khiếp sợ cái uy của Đại-vương, không dám ra quân để chống nhau với quan quân, mà xin đem cả nước để thần phục vào nước Tần, xin được ví như hàng chư-hầu, giữ chức phận nộp cống như các qúận huyện, cho được còn thờ phụng tôn miếu của tiên vương, vì sợ hãi không dám tự vào trần tình, cho nên đã phải chém đầu Phàn-ô-Kỳ và dâng bản địa-đồ Đốc-cang của nước Yên, đóng hòm niêm-phong, vua nước Yên lạy tiễn ở trước sân, mà sai sứ-giả đem sang để dâng lên Đại-vương, xin đợi Đại-vương truyền sáo.»

Vua Tần nghe xong mừng quá, bèn mặc đồ đại-trào, đặt lễ cửu tân, (7) tiếp kiến sứ-giả nước Yên ở cung Hàm-dương. Kinh-Kha bưng cái hòm đầu Phàn-ô-Kỳ; mà Tần-vũ-Dương bưng cái hộp địa-đồ, thứ tự tiến lên đến bệ. Tần-vũ-Dương sắc mặt mét đi, run sợ. Các quan Tần lấy làm quái lạ. Kinh-kha ngoảnh lại nhìn Võ-Dương mà cười,

nhân có lời xin lỗi rằng: — Kẻ dân mọn ở chốn man-ri phía bắc, chưa từng được thấy nghi-vệ của Thiên-tử, cho nên khiếp hãi. Xin Đại-vương tạm tha thứ cho, cho được song chức việc sứ-giả.

Vua Tần bảo Kha cầm thay lấy bức địa-đồ ở Võ-Dương. Kinh-Kha đã cầm lấy bức đồ dâng lên. Vua Tần mở địa-đồ ra xem. Bức đồ vừa mở hết mà cái mũi nhọn lộ ra. Kha liền tay bên trái nắm lấy tay áo của vua Tần mà tay bên phải cầm lấy cái mũi nhọn. Vua Tần dật mình, cố rật ra đứng dạy, tay áo đứt; rút gươm, gươm giài vướng; cầm lấy cái vỏ mà vội, gươm lại sít, cho nên không rút ra được ngay. Kinh-Kha đuổi Tần-vương. Tần-vương cứ vòng quanh cái cột mà chạy. Các quan triều đều khiếp sợ, việc sẩy ra không ngờ, ai nấy cuống loạn.

Phép Tần, các bề tôi đứng hầu ở trên điện, không được có một thước một tấc gươm đao; các viên Lang-trung cầm đồ binh, đều bầy hàng ở dưới điện, nếu không có tờ chiếu truyền gọi thời không được tự tiện lên. Khi đó đương vội quá, không kịp gọi đồ binh ở dưới, cho nên Kinh - Kha bèn đuổi vua Tần mà vua Tần cứ quanh cột chạy. Lại vừa kinh cuống, không lấy gì đánh Kha, chúng chỉ có tay không cùng đuổi đánh.

Vua Tần đương cứ quanh cột chạy, vẫn vừa hải vừa cuống, không biết làm ra thế nào. Tả hữu bèn nói rằng: « Vua cõng gươm lên! cõng gươm lên! » Tần-vương bèn rút được gươm để đánh Kinh-Kha, chặt đứt đùi bên trái. Kinh - Kha không làm gì được nữa, bèn phải cầm cái mũi nhọn, ném lao vào vua Tần. Không trúng; trúng vào cái cột đồng. Vua Tần lại đánh luôn Kha. Kha bị tám vết chém.

Kinh-Kha lúc ấy tự biết việc không song, tựa vào cái cột mà cười, ngồi soạng chân ra, giận buồn mà nói rằng: « Việc đến không xọng, là muốn hiếp sống nó, tất được cái giấy viết để báo mạnh cho Thái-tử được như lòng! » Vậy rồi tả hữu cùng tùm lại giết Kha.

Vua Tần đờ người ra hồi lâu, rồi mới luận công ban thưởng cho quần thần. Xong rồi Tần-vương tức giận, càng phát quân đến Triệu, truyền lấy thêm quân của Vương-Tiễn để đánh Yên. Kinh-thành của Yên mất, vua Yên và Thái-tử đem hết tinh-binh chạy giữ miền Liêu-đông. Tướng Tần là Lý-Tín đuổi đánh bố con vua Yên rất kíp, Thái-tử Đan bị giết chết. Sau năm năm, nước Tần đánh lấy mất nước Yên.

. . .

Lại sang năm sau nữa, nước Tần gồm lấy hết Trung-quốc, vua Tần lên hiệu làm *Hoàng - đế*. Vậy rồi Tần xét đuổi những người hơi có quen biết với Thái-tử Đan và Kinh-Kha, đều phải chốn náu đi hết. *Cao - tiêm - Ly* đổi tên, đổi họ, đi làm kẻ thuê mướn ở các nhà người ta. Một khi Cao-tiên-Ly đương làm thuê ở trong nhà người chủ là Tống-tử, làm việc thấy vất vả; nghe thấy tiếng các người khách ở trên nhà đánh cái *trúc*, quanh-quẩn ngậm-ngùi, như không rứt đi được; thường buột nói ra miệng rằng: « Tiếng đánh trúc, có tiếng hay, có tiếng không hay. » Những người nhà mách bảo người chủ. Người chủ nhà gọi lên, bảo cho đánh trúc. Hết thảy các khách đều khen hay, cho uống rượu. Cao-tiêm-Ly tự nghĩ mình cứ náu núp mãi, thời cứ phải lo buồn không biết bao giờ thôi, bèn lui xuống, dở lấy cái trúc ở trong hộp mang đi và bộ quần áo tử-tế, ăn mặc lại, đổi hình ráng mà lên. Trên chỗ ngồi các khách hết thảy lấy làm lạ, đều đứng giậy chào mời, tôn lên làm một vị thượng - khách, xin lại đánh trúc và hát. Cao - tiêm - Ly vừa đánh trúc, vừa hát. Khách ai nấy đều phải rỏ rơi nước mắt mà đứng dạy mà đi. Đó rồi chơi nhà nọ, sang nhà kia, từ nhà Tống-tử truyền đi làm khách mãi, tiếng đồn lên đến vua Thủy - hoàng nhà Tần (tức Tần - vương trước). Vua Thủy - hoàng đòi cho vào hầu. Có người biết, nói rằng; « Đó chính là Cao-tiêm-Ly! » Hoàng-đế Tần tiếc cái tài đánh trúc, cũng rộng ân tha cho, bèn làm cho mờ mắt, để sai đánh trúc, chưa lần nào không khen hay. Lâu

lâu, càng gần dần, Cao-tiêm-Ly bèn lấy chì cho vào trong cái trúc, lại tiến hầu, được gần. Cầm cái trúc phang đánh Tần Hoàng-đế. Không dính. Vua Tần từ đấy xuốt đời không lại gần ai người các nước chư-hầu.

Nguyễn-khac-Hiêu

(1) **Dịch-thủy**-Con sông Dịch, nay thuộc địa-phận tỉnh Trực-lệ.

(2) **Trúc** - 筑 — Loài đàn, nay không còn truyền lại kiểu. Có quyển sách nói rằng : Cái trúc, hình như đàn cầm, 13 giây, cổ nhỏ, vai tròn. Cách đánh trúc, lấy tay trái nắn giây, tay bên phải cầm cái que để đánh. Đời nhà Đường ở Trung-quốc, có xắp vào trong bộ nhã-nhạc.

(3) **Tào-Mạt** là bề tôi vua Hy-công nước Lỗ theo vua nước Lỗ sang hội với vua ~~nước~~ Hoàn-công nước Tề. Trên chỗ hội-đàn, Tào-Mạt lấy gươm hiếp vua Tề, ước phải trả lại những đất đã xâm chiếm của Lỗ. Vua Tề chịu bằng lòng mà ăn thề. Sau khi hội rồi, vua Hoàn-công giả lại đất của Lỗ. Việc về đời Xuân-thu.

(4) **Thái lao** 太牢 là cỗ tam-sinh : trâu, dê, và lợn. Chữ 牢 là cái chuồng.

(5) **Cam tâm** 甘心 Hả lòng, được mà giết cho hả lòng, hả dạ.

(6) **Đốc-Cang** là chỗ đất có giá-trị của nước Yên.

(7) **Cửu tân** 九賓 Lễ tiếp các tân-khách ở chín phương, nghi lễ rất long trọng.

VAN THO'

Tiếng gà ban sớm.

Hồn còn phảng-phất giấc Nam-Kha,
Chợt đã bên tai rộn tiếng gà.
Đục-dã nhường kêu vừng ác sớm ;
Xôn-xao như đuổi bóng thiềm tà.
Dạy đi thôi chứ, này con trẻ ;
Ngủ mãi mà chi ! hỡi cụ già.
Bốn bể anh em mau tỉnh giấc,
Con đường tiến-thủ hãy còn xa.

Vịnh cái pháo

Cái thân nhan-sắc lại tài danh,
Thế-giới văn-minh thực nhất mình.
Mãn địa *bay tung cùng đất đỏ,*
Thăng thiên *lên vọt tít trời xanh.*
Tức hơi, nên phải đành toang dạ,
Bén khói cho ai mới biết tình.
Thân-thế quản chi tan nát sác,
Hơn đời một tiếng chẳng hư-sinh.

Nhắn ai tri-kỷ

Hai chục năm thừa chốc bấy lâu,
Bút hoa khôn vẽ mối u-sầu.
Trăm năm thân thế trời Nam, Bắc ;
Một gánh tang bồng đất Á, Âu.
Mặt trắng bôi nhờm bao lớp bụi ;
Mắt xanh xa tuyệt mấy ngàn dâu.
Chân giời góc biển ai tri-kỷ,
Cất bút thơ đề, nhắn mấy câu.

Gió đêm đông

(Điệu Nhất-tiễn-Mai.)

Gió bấc trêu ai thổi lạnh-lùng,
Sầu mấy đêm đông !
Não mấy đêm đông !
Riêng ai vò-võ chốn cô-phòng.
Thoảng trận hàn-phong,
Nghe trận hàn-phong.
Như khêu, như gợi mối tơ lòng.

ĐỨC-TIÊN

Mai-văn-Liêm

Mấy tin mới lạ về sự giao-thông

Những máy-móc dùng về sự giao-thông trên đất, dưới nước và trong không, gần mấy năm lại đây thật là ngày một mới khác mãi đi, mỗi khi lại thay đổi cho được khôn khéo linh-lợi mãi ra, nay xin đem cái trí cải-tạo của các nhà kỹ-nghệ Thái-Tây mới gần đây, để cống-hiến các độc-giả, thêm một phần hứng-thú, và cũng có thể biết rộng ra rằng khoa-học tiến-bộ sau này thực dúp sức linh-lợi cho các cuộc giao-thông trên thế-giới chưa biết đến đâu là cùng.

Thứ xe hơi kiểu mới sau này. Quãng vài mươi năm nay, các xe hơi đi trong hàng-phố kiểu mẫu rẫu có thay đổi ngày một khéo ra, nhưng chẳng qua khác nhau ít chút thôi.

Mới đây có ông Bacnay là một tay thạo về nghề máy móc, đã từng đóng cho nước Anh một chiếc tầu bay số 100 hiệu R. Nay mới nghiên-cứu ra một cách chế tạo cái xe hơi thay đổi hẳn kiểu mới, ông sếp đặt ý định đâu đấy đã thành cả, xét ra các xe hơi lối thường những bộ phận lớn của sức máy chuyển động, là dùng để rẽ lối khỏi cho không khí ngăn trở để thân xe được chạy đi.

Nhưng kiểu xe mới của ông Bacnay thì khác hẳn, cái đầu xe làm hình vòng-cung khum-khum, nên sức gió chạy tảu-tuột ra bốn phía, không hơi phải cản trở một chút nào, bộ phận đằng sau van vát đi giống như tầu bay; thứ xe này lại có một chỗ khác đặc biệt là cái bộ máy phát-động không ở đằng trước xe, mà lại ở đằng sau xe, lối thường người cầm máy cứ ở đằng trước xe, chỉ có thứ xe của Bacnay thì ngồi ở đằng sau, những các hòm máy đều gần bánh xe sau cả, khi cần dùng muốn sửa chữa sự gì rất tiện. Hiện nay ở nước Anh ai đã trông thấy xe đó đều cho là kiểu mẫu rất đẹp, sức máy chạy lại rất nhanh, mong rằng chóng chóng xuất hiện cho người ta được xem cái tài cải-tạo mới mẻ ấy.

Máy bay không kêu.- Ngày xưa những xe máy chạy trong đường phố tiếng kêu ầm-ầm phành-phạch, làm cho dân cư và người đi đường trong hàng phố, nghe thấy rức óc chán tai, sau dần thay đổi khéo ra, cái làn tiếng kêu của xe hơi, cũng có bớt đi được nhiều, chỉ còn máy bay trên không, vẫn chưa có cách nào chữa cho êm lặng đi được trong lúc bay cao, tiếng kêu ù-ù, không những người cầm máy điếc tai khó chịu, mà những người đóng cửa ngồi yên trong nhà kín, cũng nghe thấy xuốt những tiếng kêu rất to, rất dữ. Mới đây nhà khoa-học nghiên-cứu được một cái kết-quả rất hay, biết rằng máy bay có tiếng kêu là vì có hai nhẽ: một là vì dầu máy dễ cạn, sức máy chuyển động thành ra những tiếng nổ rất to lạ thường như tiếng pháo liên-thanh; hai là vì hai cánh quạt của động cơ, cứ vỗ ở trong không-khí luôn mãi nên thành tiếng kêu; hai điều đó xét đến nguyên-lý của sự học về làn tiếng, đều có thể tìm cách sửa chữa đi. Bởi thế mới đây suy xét phát minh ra được một thứ máy hãm tiếng máy bay, đem hai cánh máy động cơ vẫn có trước, thay đổi chế khác đi thí nghiệm đã có kết quả đều rất vừa ý, chắc máy bay sau này hẳn không đến nỗi như bây giờ, hễ khi bay liệng một cái là tiếng kêu ầm cả gầm giời nữa.

Tầu hỏa kiểu mới chạy nhanh nhất. Nước Đức gần đây mới lưu hành một thứ xe hỏa đặc biệt, người ta trông thấy đều lấy làm kinh lạ không biết chừng nào.

Hình cũng tựa như cái tầu bay Tề-Bá-Lâm, nên cũng gọi là xe hỏa Tề-Bá-Lâm; toa máy dùng bằng thứ máy tầu bay sáu trăm mã-lực, để vận-động các bánh xe toa sau cho chạy đi, khi chạy trên đường sắt, chẳng khác gì toa xe kiểu mới, chỉ có hình dáng thì khác hẳn, coi như là cái thuyền chạy trên đất, thứ xe này năm trước đã cho chạy thử trên đường sắt, thí-nghiệm cho chạy thử xem, cứ mỗi giờ chạy được một trăm dặm nước Anh, rẫu chở đầy khách sức chạy nhanh không hơn kém chút nào, nếu cho chạy phóng đi, không hạn chế thì mỗi giờ có thể thêm lên đến mười lăm dặm Anh, vả lại thứ xe này cứ trong mỗi giờ mà cho chạy chín mươi dặm Anh, thì các hành khách rất là êm ái tuyệt không hơi phải lắc động khó chịu; thứ xe lửa mới này nghe rằng sắp đem dùng về việc chở khách đường xa và trở các thơ tín, cho được mất ít thì giờ mà có thể bớt được cước phí nữa.

Văn-Lang

TIỂU-SỬ MỘT NHÀ THI-HÀO GẦN ĐÂY

"Ông TÚ XƯƠNG"

"Tiếp theo kỳ số 19"

Ông có tính hay đi du-ngoạn, nên thường thường hay đi chơi xa, trong một năm ông chỉ ở nhà chừng ba bốn tháng, còn thì đi chơi đến tám chín tháng ở ngoài. Ông đi chơi núi, chơi sông, chơi khắp nhà quê, kẻ chợ, cũng có lúc thì nằm luôn ở sóm Bình-khang. Ông đi chơi như thế, nhiều khi cũng không cần mang của nhà đi. Đi đến đâu thì có đến đấy; hoặc các anh em bạn cung đốn, hoặc các người quen biết tư giùm, nên dầu đi chơi xa đến đâu mặc lòng, ông cũng không ngại. Ấy đương buổi học Nho thịnh-hành như lúc bấy giờ, mà người nào đã nổi tiếng là người hay chữ, thì được tất cả xã-hội qui mến biết là dường nào. Thơ ông đã có câu rằng :

Nay chơi Năng-tĩnh, mai hàng Giấy,
Khi ở sông Thương, lúc tỉnh Hà.

Trong bài phú "Thầy-Đồ" của ông có câu :

Cũng nhiều phen đi đó đi đây,
thất điên bát đảo ;

Cũng lắm lúc chơi liều chơi lĩnh,
tứ đốm tam khoanh.

Ông là người có tiếng văn hay, thì ai cũng chắc rằng ông có nhiều học-trò, nhưng mà không, ông hay đi chơi như thế thì còn thì giờ đâu mà dậy học được.

Lúc sinh thời ông, nhiều nhà cũng có đưa con đưa cháu đến để học ông và cũng có nhiều người đã từng lều chiếu đi thi, mà cũng còn muốn thụ-nghiệp cửa ông để học lấy cái lối văn-chương lỗi lạc,

Nhưng mà ông cũng ít nhận những người đến xin học, vì rằng ông không có chí ngồi yên một chỗ để dậy học-trò.

Ông thực không có trí ngồi dậy học-trò, song cũng có khi bất-đắc-dĩ mà ông phải dậy, ấy chính là con em trong nhà nhưng chỉ có chừng mươi lăm người.

Năm ông 28 tuổi. buổi ấy nhà nước *Bảo-Hộ* đang cần lấy những người để giúp về các công việc giấy má cùng sổ sách, nên hàng năm cứ mở kỳ thi ký-lục; kỳ thi này chọn lấy những người am hiểu chữ nho cùng là thông chữ quốc-ngữ, các nhà Nho cũng lắm người quay ra con đường ấy.

Một lần có người khuyên ông và dục ông nên ra thi, nhưng ông còn mảng đường khoa-cử, những lăm le bia đá bảng vàng. Bấy giờ ông có câu thơ rằng:

Ông có đi thi Ký-lục không ?
Nghe ông quốc-ngữ học chưa thông.
Ví dù nhà-nước dùng ông nữa,
Mỗi tháng lương ông được mấy đồng ?

Lại đến năm ông 32 tuổi, có người thấy ông thi cử lận đận, nên khuyên ông xin lên học trường *Hậu-bổ* để ra làm quan. (Trường *Hậu-bổ* lập ra được mấy năm về trước đó, các người có chân Cử-nhân và Tú - tài đều được phép vào học.) Bấy giờ ông có làm bài thơ rằng:

Thôi thế thì thôi cũng rở nghề,
Mặc ai mai mỉa mặc ai chê.
Bạc đi lỗi dịp về nhà đỏ,
Cờ đến sa cơ tính nước huề.
Chớm những ngại ngùng khi trả nghĩa,
Cá toan sí sóa chuyện ăn thề.
Cũng đành nghề ấy soay nghề khác,
Ta thử ra chơi một dạo hề !

Xem như bài thơ này, thì lúc bấy giờ ông cũng nóng ruột muốn soay ra làm quan, chắc hẳn ông nghĩ rằng: đạo làm con nên phải sớm lo, trên song-đường tóc bạc da mồi, sự bất-ý nào ai người

đã chắc, thế mà ngọt bùi chung đỉnh, mảy may chưa chút báo đền, nên cũng toan dấn thân vào chốn hoạn-trường, bắt chước ông *Mao-Nghĩa* đời xưa vị thân mà khuất.

Nhưng mà ai đã biết đến những cái chí-hướng của các bạn trí-sĩ, nhân-nhân, thắm như son, bền như sắt, bước dan-nan khó lẽ đổi rời. Mà thật vậy, ông tuy nghĩ thì thì nghĩ, nhưng nào ông có học Hậu-bổ đâu; chắc ông cho cái sự đi ra làm quan trong thời bấy giờ, là không hợp với cái chí sở nguyện của ông.

Cứ sét xem, việc này ông cũng đã nghĩ chín lắm đó, Nếu lúc bấy giờ mà ông quả có chí ham mê danh-lợi, dấn thân vào bước hoạn-danh, thì ngày nay quốc-dân ít người muốn nhắc đến ông, chỉ coi ông như là các ông khác mà thôi, chứ đâu lại có cái giá-trị đặc-biệt như vậy. Ấy mấy biết cái việc xuất sử ở đời, có can hệ đến cái danh-tiết của người ta là thế đó.

Kể từ hồi ngoài 30 tuổi trở đi, thì người ông xem ra khác trước nhiều lắm, có ý thâm-trầm tư-lự hơn, có vẻ cẩn-trọng và nghiêm-khắc hơn, đến cả cái điệu văn-chương của ông cũng theo tuổi mà thay đổi hẳn đi, hễ làm ra câu nào cũng ngụ có ý ưu thời mẫn thế.

Bài thơ "Đại-hạn" có câu rằng:

Ngày trước biết gì ăn với ngủ,
Phen này lo cả nước cùng nôi.

Bài thơ "Nước-lụt" thì có câu:

Trâu bò trôi cẳng coi buồn nhỉ,
Tôm tép xem mình đã xướng chưa?

Hai câu này ý nghĩa sâu xa lắm. To như con trâu, con bò, mà đành chịu trôi cẳng, ấy là cái thời-vận không hay, bé như con tép, con tôm, mà được vùng vẫy khuênh khoang, cũng nhân được cơn nước lụt.

Ông phải ngồi một só, kể cũng đã là buồn, kế đến những điều trông thấy, khiến ông lại buồn thêm. Ông thấy những người ra làm việc với Nhà-nước bấy giờ, phần nhiều người nghênh ngang đắc chí lắm, nên ông có câu thơ "Tự-trào" rằng:

Nào có hay gì cái chữ nho,
Ông nghè, ông cống cũng nằm co.
Sao bằng đi học làm ông phán,
Tối rượu sâm-banh, sáng sữa bò.

Trong cái thời-kỳ mà ông đã đứng tuổi rồi, thì ông cũng ít đi chơi như trước nữa, về việc thi cử thì ông đã nỗi chí, đến bước đường đời trông thấy, ông lại càng thêm nản lòng. Cứ xem như bài thơ «Hỏng-thi» của ông có câu:

Một việc văn-chương thôi cũng nhảm,
Trăm năm thân-thế có ra gì.

Bài thơ «Trò đời» của ông có câu:

Kẻ yêu kẻ ghét hay gì chữ;
Người trọng người khinh, chỉ vì tiền.

Trong lúc ông buồn thì ông làm thực lắm thơ, bài nào cũng là ngụ có cái tư-tưởng riêng của ông. Xem như bài thơ «Đêm mùa hạ» có câu:

Cũng không chớp bể, chả mưa nguồn,
Đêm nảo đêm nao tớ cũng buồn.
Bối rối tình riêng cơn gió thoảng,
Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng suông.

Than ôi, cái tâm-sự của ông bấy giờ khó nói thực. Một tấm thanh-cao, tấc lòng thuần-hiếu, trời xanh có thấu, người thế ai hay. Dá có thể làm được chút đỉnh để báo đáp nước nhà, thì rồi có phải chết cũng xin cam lòng hả dạ.

Ông buồn quá, nghĩ quá, thành ra cũng ít nói, vì thử ông ở nhà mà không có khách khứa nào đến chơi, thì ông chỉ ngồi ngẫn người ra rồi lại thở dài mà thôi.

Hồi ấy ông định ở nhà để dạy dỗ đàn con, để may ra sau này có phần mong nối nghiệp được chăng. Ông đã định thế, ông mới cố kèm cặp đàn con chăm chỉ

lắm. Không những dậy về văn-chương chữ nghĩa, lối ăn lễ ở cũng dậy, tiếng nói câu cười cũng dậy, mà phần nhiều ông dậy con trong lúc nửa đêm về sáng.

Có một đêm đã gần sang trống canh tư, trời mưa ngâu sinh sịch mãi không ngơi, ông thức dậy pha trà uống rồi đánh thức cả các con dậy ngồi quây quần bên mình.

Lúc đó ông muốn thử xem cái khiếu thông-minh của các con, ông liền bảo các con rằng: bây giờ bố con ta cùng làm thơ chơi nhỉ. Có đứa nào biết làm không? Vừa rứt lời thì người con thứ ba (chừng tám, chín tuổi) thưa ngay lên rằng: con xin làm với thầy. Ông nghe nói có bụng mừng thầm, song cứ như cái tuổi con trẻ dại thế, thì đã làm thơ sao được. Thế mà ông vẫn còn thử nữa, ông liền bảo người con thứ ba ấy ra ngồi trước mặt ông, rồi ông đọc lên một câu rằng:

Mùa thu tháng bẩy tối mưa ngâu,

Ông đọc song liền bắt người con phải nối, cậu ta ngồi nghĩ trong một nhoáng rồi nối ngay rằng:

Nắng mãi thì mưa lại cũng lâu.

Ông tủm tỉm cười rồi lại đọc lên rằng:

Hạc nọ cầm canh thay trống mỏ,

Người con ngẫm nghĩ một lúc lại đọc ngay rằng:

Rồng kia phun nước tưới hoa mầu.

Ông thấy thế mừng quá, cười lên ha hả, rồi lại ôm lấy người con ấy vào trong lòng, động tình quá liền khóc nức nở. Lúc ấy ông bảo người con ấy rằng: chả biết thầy có sống mãi mà dậy bảo con cho đến tuổi trưởng-thành được không, người con thấy ông nói thế thì gục mặt xuống, rồi cũng sụt sùi khóc. Thành thử hai cha con chỉ loanh quanh có thế rồi đến sáng bạch. Ôi chao ôi, ông trông thấy cảnh động tình, thương con luống những thương mình sót xa. Ví dù ông cứ như những ai thì thân mình làm gì chả được vinh-hoa phú-quí, con cái làm gì chả được cậu-ấm cậu-chiêu, nhưng cái tính khẳng-khái của ông chả bao giờ để cho ông làm đến những việc chẳng vừa lòng sứng ý.

Ấy thế mà nghiệm thật, câu chuyện vừa kể trên, là vào hồi ông 35 tuổi, thế rồi đến năm ông 37 tuổi thì ông mất. Đáng tiếc thay!

Ông mất năm ấy là năm Bính-ngọ, ngày mười rằm tháng chạp. Ông mất một cách rứt là dung dị, uống rượu đi nằm, thế là thỉu hẳn đi một giấc. Chả dặn dò con cháu một câu nào.

Xét ra ông sinh cũng năm *Ngọ*, khoa ông đỗ cũng là năm *Ngọ*, đến khi ông mất cũng là năm *Ngọ*.

Cái tin ấy đồn đi, ai nghe thấy cũng cho là lạ, nhất là những bạn hữu của ông.

Lúc ông mất, còn để lại một đàn con, sáu trai, hai gái, song lúc ấy hẫy còn thơ dại cả.

Xem lúc bình-sinh ông vốn là người không ham danh lợi, thì chắc sau khi ông mất, gia tư cũng chả còn gì. Ông tuy không để của cải lại cho con cháu về sau, nhưng ông để lại cái tiếng thanh-cao, cái duyên văn-tự, không những con cháu ông được tiếng thơm lây, mà cái phiến cảm-hoài trong các bạn làng thơ đến nay hẫy còn lai-láng.

CHU-CẢNH **Phạm-đình-Kỳ**

LƯỢC THUẬT PHONG CẢNH RÉAM *(Cao-miên)*

Réam là một tỉnh nhỏ thuộc về phía Bắc xứ *Cao-Miên* (*cambodge*) giáp bờ biển vịnh *Siêm - la*. Xứ này quay ra cửa biển vịnh *Siêm-la*, đằng sau có cây cao rừng rậm, trước mặt có mấy hòn cù lao mọc *ngay giữa biển, thỉnh* thoảng sóng biển đánh vào sườn núi nghe tiếng kêu ầm ầm suốt ngày.

Thường thường chủ-nhật hay ngày lễ, người tây hay tới đây chơi, hoặc đi bắn, đi câu, tắm biển hay hóng gió mát. Trên rừng thường có giống thú vật như voi, cọp, hiêu, nai, loài chim thì có như công, phượng-hoàng, gà-lôi vân vân, phần nhiều họ đi bắn được như hiêu, nai, công, gà-lôi mang về làm lắm món ăn thú vị, *ấy là nói về món sơn - hào, còn hải-vi*, các thứ cá ngoài biển. ở đây cá rẻ lắm, cua bể, tôm tươi, sò huyết, mực, con nghêu, con hà vân vân...

Đi câu thì phải mượn ghe hay đi canot sang hòn cù lao bên kia, ở đó đã có sẵn tảng đá như cái phản, ngồi đó mát mẻ, vừa ngồi coi sách, xem báo vừa câu cá hay hoặc đi bắt hà ăn, muốn bắt hà *ta phải mang đục và búa*, đến đó mà đục vì nó bám vào đá rắn lắm, bắt được con nào ăn ngay con đó và phải mang sẵn muối, hạt tiêu và chanh. Buổi chiều ra bờ biển tắm mát, buổi tối thường có người mang đèn pile đi quanh bờ biển bắt cá và bắt cua, vì ánh đèn soi xuống nước biển coi rất rõ, tay đã cầm sẵn cái xiên nhọn, hễ trông thấy con nào là đâm luôn, thế là bắt được, có khi buổi tối bắt được 1, 2 chục cua lớn và 5, 7 con cá. Thật là một cách chơi tao nhã và thú vị. Cái cảnh thiên nhiên, con tạo đã phô bầy từ trước, để dành cho ai đó di-dưỡng tinh-thần.

* * *

Từ *Saigon* đi *Réam* có hai đường: đường thủy và đường bộ. đường thủy mỗi tháng có một kỳ tầu chạy vào khoảng 25, 26 tây, tầu ròng theo con sông *Mékong* ra vịnh *Cap Saint Jacques* có ghé qua *Poulo Condore, Phú-Quốc, Hà-tien* rồi tới *Réam*, vào khoảng 3, 4 tây, thì tầu tới.

Còn đường bộ phải đi qua *Pnom-Penh* hơn 300 cây số, có xe hơi hãng *T. E. M. I.* chở thơ, chạy *Saigon* vào hồi 5 giờ sáng đón khách trước cửa nhà giây-thép, giá tiền là 4$00 đi quá *Soài-Riêng* và *Trang-Bàng* độ 11 giờ trưa thì tới *Pnom-Penh*. Tới đó phải nghỉ lại một đêm có phòng ngủ, cơm tiệm ăn uống sạch sẽ cũng vui vẻ chẳng kém chi như ở *Saigon*.

Sáng hôm sau lại có xe của hãng *T. E. M. I.* đón ở nhà giây-thép chạy đi hồi 7 giờ sáng, *giá tiền có 3$00, nhưng chuyến xe* chạy thẳng đi *Réam* thường chỉ chạy vào ngày thứ năm và chủ-nhật, còn ngày khác xe chạy tới *Kompot* mà thôi. Từ *Pnom-Penh* đi *Réam* 292 cây số, phải chạy qua *Amterdàm* và *Kompot* rồi mới tới *Réam*. Từ *Pnom-Penh* đi *Kompot* đường cái rải dựa rễ đi lắm, còn từ *Kompot* đi *Réam* 92 cây đường khó đi, thường phải đi qua chỗ *rừng rú, khi lên cao, lúc xuống thấp*, hai bên đường cây mọc um tùm rậm rạp, tuy vậy đi qua chỗ này được trông lắm cảnh ngoạn mục lắm...

Hai bên đường cây cao rừng rậm, xe hơi chạy lọt vào giữa rừng, thường thường lắm khi gặp một đàn khỉ hay vượn lang thang giữa đường, nghe tiếng xe hơi thì xô nhau ẩn-núp cả vào rừng. Có khi xe phải đi men bờ biển, ngồi trên xe ngắm mặt biển một giải xanh rì, xa xa nhấp nhô vài hòn cù-lao nhỏ mọc ngay giữa biển, thỉnh thoảng phất phơ năm, sáu cái thuyền đánh cá, men bờ biển sóng vỗ ầm ầm, thật là một cảnh thiên-nhiên phô bầy trước mắt kẻ hữu tình. Giá thử ta đi ngang qua chỗ này vào khoảng 5, 6 giờ chiều thì lại càng thú-vị nữa, gió biển thổi vào người

hình như đưa ta tới cảnh bồng-lai, trong người nhẹ-nhõm và khoan-khoái vô cùng, vả lại cái cảnh buổi chiều hôm trên mặt biển, trông xa một vừng kim-ô chói-lọi, còn đang lấp-ló đầu non, mặt biển lăn-tăn vài làn sóng bạc, thật là một cái phông sơn thủy hữu-tình biết mấy.

Xe chạy vào khoảng 3, 4 giờ chiều thì tới *Réam*, ở đó đã có *Bungalour* cho được tới nghỉ chân, và ăn uống.

Ở Réam ta có thể gọi là đồn chứ không thể gọi là tỉnh được, vì ở đó cũng mới khai phá được mươi, mười lăm năm nay và đấy lại là cuối đường, việc thông-thương còn hiểm-trở và chậm-chạp lắm, cho nên cũng ít người qua lại buôn bán, Ở đó có nhà giây thép, nhà đoan, nhà ông Đồn, nhà giây thép gió của hãng Air-Orient và có Bungalour của người tây, tiếp rước những người đi du-lịch vẫn cảnh (tourisme) còn ra chỉ lác đác có vài nhà danh của người mình và của người Cao-Mên ở mà thôi, nói tóm lại ở đó cũng tựa như Tam-Đảo hay Chapa là nơi để cho ai được thư thả thanh nhàn, đến đó vẫn cảnh hay để hứng gió biển ít bữa, rồi lại trở về mà thôi.

Việc thương-mại. — Việc thương-mại ở *Réam* xét ra cũng chẳng có gì cả. Phần nhiều xem ra toàn là người ngụ-cư, *Khách chú*, *Cao-Mên*, *Nam-kỳ* và *Bắc-Kỳ*, Khách chú thường là người ở *Hải-Nam* (île d'Hai-Nam) ở đó đã lâu năm, lai khách có, lai Cao-Miên có, lai Annam cũng có, ăn chung đồ lộn, ta không thể cho họ là người nước nào được cả.

Việc buôn bán ở Réam xét ra loanh quanh cũng chỉ giăm ba thước vải, vài chai rượu bia, năm bẩy hộp sữa, ít thuốc lá để trong tủ kính, ngoài hàng lơ thơ vài cái qủa sơn son để ít mộc nhĩ, đỗ đen, miến, cùng vài đôi guốc *Saigon*, treo lủng lẳng trên xà nhà, rồi sáng giọn ra tối lại giọn vào, buôn bán loanh quanh cho mấy người phu làm cầu cống. Còn chỗ mấy hàng khách chú thì cũng chỉ phở tái, café hay ít bánh ngọt để ruồi bâu mà thôi.

Ở đấy xem ra chỉ ăn thua về nghề chài lưới, mỗi lần họ đi đánh lưới thường có khi 5, 7 chiếc thuyền lớn đi hàng 2, 3 ngày mới về, cá đánh lưới mang về họ muối phơi khô đóng thành bao, hoặc gửi đi *Pnom-Penh* hay đi *Bangkok*, mỗi một năm họ xuất ra cũng có đến 5, 7 nghìn tạ cá đi các nơi, xét ra họ chỉ ăn thua nhau về nghề đánh cá, có người ở tới 15, 20 năm sinh cơ lập nghiệp, làm cửa làm nhà cho thuê, tậu ruộng, tậu nương.

Đất ruộng ở đấy ít lắm, toàn là đất đồi đất núi, có chỗ phẳng hàng 10, 15, mẫu nhưng toàn là đất cát cả, lúa gạo họ cầy cấy được thì cũng chỉ tiêu-thụ loanh quanh cái vùng đó mà thôi, có khi mất mùa, phải đi đong chỗ khác mang lại.

Ở đây xem ra cũng nhiều người giầu lớn lắm, nhưng cái số tiền rư của họ cũng chỉ loanh quanh trong tủ sắt, chứ họ không biết mang ra mà khuếch-trương về nghề khác, ai có nghề nào chỉ bo bo một phận, nếu giá thử nghề của họ lỡ mà không ra xu, thì cũng chỉ đành khoanh tay mà chịu, Việc thương mại của ta còn kém cỏi ấy cũng ở chỗ đó mà ra cả. Miễn là được cái tiếng gọi là « *Tâu-kê* », là đủ, người giầu ngoài bắc ta gọi là *phú-hộ*, nhưng trong này họ gọi là «*Tâu-kê*», tiếng Tâu-kê ngoài *Bắc* ta cho là một tiếng rất xấu, nhưng trong này tiếng tâu-kê là sang.

Phong tục người Réam : Người *Cao-Miên* nước da sam sám cái môi thâm sì, cách cử chỉ và điệu bộ cũng giống như ta, nhưng khác tiếng nói và cách ăn mặc, người đàn ông *Cao-miên* mặc lối quần áo, chẳng khác chi như ngoài *Bắc* ta, *sư vận áo cà-sa lên đàn*, miếng vải quấn ngang vai bên nọ vắt chéo sang lưng bên kia, bộ cánh tay đen sì giơ ra ngoài, người lạ mới tới ngỡ toàn là sư cả.

Người đàn bà *Cao-miên* thì mặc váy chứ không mặc quần, váy của họ có khác là còn có cái đuôi đằng trước luồn qua dưới chân ra đằng sau rồi gài vào đằng sau lưng, còn áo thì cũng như áo của ta vận.

Cách cử-chỉ giao-thiệp của họ xem ra còn kém cỏi chậm chạp, chứ không được khôn khéo lanh lẹ như ta, nên việc buôn bán ở Cao-Miên trừ người Tây và khách-chú ra thì *người Annam cướp mất cả.*

Người Bắc mình vào buôn bán trong này càng ngày càng nhiều, không còn chỗ nào là không có một vài người Bắc ở. Mà chính người *Cao-miên* cũng thường phải phục cách buôn bán của người *Bắc.* Người *Bắc* mình còn kém khách-chú, phần đồng tiền vốn cũng chẳng được là mấy, mà cũng không chịu xem thời thế những hàng hóa nào bán chạy hay không bán chạy mà ta theo. Nhưng cái tính kiên-nhẫn chịu khó và giao-thiệp của người Bắc mình buôn bán trong này cũng khá lắm.

Ở Réam này là một chỗ sơ rừng hẻo lánh như vậy mà cũng có một vài người Bắc ở, thấy nói đã 7, 8 năm nay rồi, thế mới biết người Bắc mình chịu khó đi thiệt.

Cách ăn uống của người *Cao-miên* trong này thì giảm tiện lắm, mà ít khi họ làm được món ăn ngon như mình, cho nên ăn uống với người *Cao-miên* trong này khó ăn lắm, còn một điều ta nên chú ý là ngoài tỉnh thành lớn họ ăn uống ra sao thì tôi không biết, chứ chính ở *Réam* họ ăn bốc.

Tôi xin kể câu chuyện tức cười, tôi đã mục kích. Chính chỗ tôi ở trọ ăn cơm tháng, ở đó họ lấy tôi 15$ một tháng, buổi đầu tôi ăn cơm, trông trên bàn nào thịt, nào cá, nào cơm, tôi ngồi ăn cơm trông quanh bàn có bát mà không thấy đũa, tôi bèn bảo người nhà đi lấy *đũa*, tiếng *đũa* tôi nói họ không hiểu *đũa* là cái gì, vì họ hiểu tiếng annam ít lắm, mà tiếng Cao-Miên tôi không hiểu, thành ra tôi nói họ không hiểu. tôi đành phải vào bếp đi lấy lấy, tìm khắp mọi nơi chẳng thấy đũa đâu, ngoảnh ra mâm cơm họ ăn, người nào người ấy thấy ăn bốc cả, tôi bật cười mà vót đũa lấy ăn cơm.

Những món ăn họ nấu cũng thịt cũng cá mà mình không tài nuốt trôi cổ họng, đành lúc nào đi làm về, lại phải cúi đầu vào bếp làm đồ ăn lấy ăn, vì ở đây không còn đâu mà trông mong đi ăn cơm chỗ khác được. Nhà ở toàn là nhà sàn, trên người ở, dưới sàn nuôi lợn (heo) gà, vịt, mùi hôi bốc lên không thể chịu được, hai bên vách họ lấy vỏ cây ghép lại từng mảnh buộc lại làm tường, có khi giời mưa nhà giột chạy quá chạy giặc trong nhà.

Tiếng nói của họ cũng phải uốn lưỡi như tây đen. Tiện đây tôi xin chép lại 25 chữ cái của họ.

Còn chữ viết cũng như lối chữ viết của Siam và của Tây đen nhưng lối đọc khác nhau.

Lưu-đình-Thiện
Radio Réam Cambodge

TRÓT NẶNG LỜI THỀ

Hương lan thoảng trước rèm phai lạt,
Mảnh trăng suông mặt nước nổi chìm.
Mịt-mù tăm cá, bóng chim,
Chữ tình nỡ để ưu-phiền cho ai!
Chàng chẳng nhớ mười hai năm trước,
Hẹn cùng nhau dàng buộc giải đồng.
Chàng đi nam, bắc, tây, đông,
Để cho thiếp chịu phòng không một mình.
Sao chàng nỡ phụ-tình thế nhỉ?
Ai khâm-trù? Ai kẻ cô-phòng?
Phụ-tình có gặp tình không?
Thiếp đây thôi cũng dằn lòng làm khuây.
Bóng xuân-quang chim bay ríu-rít,
Giọng véo-von khăng-khít chữ đồng.
Sớm chiều một ổ thung-dung,
Cùng nhau quên cả lạnh-lùng hôm mai.
Tiết giời hạ chim bay khuya sớm,
Chim kiếm mồi, chim mớm con thơ.
Lần-lần ngày tháng thoi đưa,
Cùng nhau đã lỡ bao giờ lia nhau.
Rồi ra nữa giời thu mưa gió,
Một lứa đôi sửa tổ hôm mai.
Phòng khi ngày ngắn đêm dài.
Cùng nhau lo-liệu trừ mồi qua đông.
Mùa đông dẫu lạnh-lùng sầu-thảm,
Nguồn ái ân đằm-thắm như xưa.
Ở nhà đủ ấm đủ no,
Cùng nhau còn tưởng, còn mơ nỗi gì?
Chàng chẳng sét chim kia còn thế.
Tấm thân em chàng để bơ vơ.
Những là ra ngẩn, vào ngơ,
Chỉ vì ghi-tạc năm xưa đá vàng.
Lời đã bạc, sao chàng nỡ bạc?
Thiếp một niềm mong được sum vầy.
Mà chàng rong-ruổi đó đây,
Bụi hồng nỡ để đắm-say cho đành!
Thiếp chẳng phải bạc-tình bội-nghĩa,
Đã hẹn nhời, khôn nhẽ ăn nhời.
Còn non, còn nước, còn giời,
Còn chàng, còn thiếp, còn nhời thề xưa.
Ấy lòng thiếp bao giờ cũng thế,
Mà lòng chàng hồ dễ khác sao?
Chàng ơi, bỏ liễu theo đào,
Để cho liễu ủ, liễu rầu, liễu phai!
Rù cha mẹ một hai cưỡng ép,
Niềm thủy-chung, lòng thiếp không sờn.
Cô-đơn, đành chịu cô-đơn,
Kể làm chi nữa, nguồn cơn gót đầu.
Nghĩ lắm lúc muốn theo cảnh phật.
Nhưng cửa nhà ruộng đất ai trông?
Vả lòng còn chút chờ mong,
Xuân qua, hạ tới, thu đông kịp thì.
Đường ngang dọc chàng đi đã vậy,
Bước nhỡ-nhàng nhớ lấy nhau không?
Chàng ơi, ngày hạ, đêm đông,
Thiếp chờ, thiếp đợi, thiếp mong, thiếp tìm.
Thân bồ-liễu lạc miền sầu khổ,
Bể tương-tư muôn thủa sóng vùi.
Tấm thân liều với cõi đời,
Chết già chẳng chịu lỗi nhời non sông.

NGỌC-KINH
Phùng-huy-Kinh

Ngày tết năm nay nhân khi anh em họp mặt, trong bạn tôi có anh Năm nói một câu truyện về cá bể. Xin thuật ra đây để cống hiến chư vị độc gỉa nhàn lãm. Ngày mồng ba tết năm Tân-Mùi anh Năm nói có quen tụi người Nhật-Bản hai tháng nay họ mới đem sang một cái tầu để đánh cá thử ở ta đây, nếu đánh được nhiều thời họ lại càng đem sang nhiều nữa, hiện ba tháng nay mới một tuần-lễ cái tầu ấy tải về được 5.000 cân (kilos) cá tươi mượn phòng-lạnh ở bến tầu Saigon để bán (cái phòng-lạnh ấy rẫu trời nắng như thiêu như đốt mà người ta bước vào còn không chịu nổi với sức lạnh!) Cá bán mỗi kilo được sáu cắc (0$60) tính ra năm nghìn cân được cả thảy 3.000$00 một chủ nhật được 3.000$00; một tháng được 12.000$00; một năm được 144.000$00...

«Có phải trong một năm những cái tiền bán cá cho người Annam mình tính ra anh Nhật đã được một cái tầu là 144.000$00 còn cá anh ấy ăn đi không kể lại cá nhỏ anh ấy nấu dầu đằng khác, bã cá nhỏ đã nấu dầu rồi lại bán cho những người làm ruộng thay phân bón lúa mà người Nhật họ có chịu chuyên một cái lợi-quyền ấy mà thôi đâu. Họ còn làm những việc đồi-mồi, san-hô, hạt-trai nữa chứ, ấy chỉ mới có một cái tầu mà lợi-quyền đã được như thế sau này họ còn đem sang trăm cái, ngàn cái thời cái lợi-quyền lúc ấy còn biết đâu mà nói cho cùng được!

« Than ôi! nước ta lợi-quyền khai-mỏ và đồn-điền ở rừng thời đã đành chịu người ta; lợi-quyền buôn-bán ở trung-châu, thời lại chịu người khách, lợi-quyền đánh cá ở biển tương lai có lẽ lại chịu người Nhật nữa chăng? Anh em chị em ta nên mau mau tiến - thủ, có lẽ nào cứ ngồi dương đôi mắt mà nhìn được mãi ư?

Từ tỉnh Quảng-yên ngoài Bắc cho đến tỉnh Hà-tiên trong Nam duyên hải giải biết mấy ngàn cây số lợi-quyền biết bao nhiêu, tôi tính lại còn lợi hơn ở rừng với ở trung-châu nhiều, thế mà không có mấy ai chịu để ý chi hết, thực đáng tiếc thay!...

VŨ-TRANG *Saigon*

THUỐC SỐT RÉT NGÃ NƯỚC

Này ai nên nhớ trước khi đi,
Nước độc đường rừng chẳng sợ chi,
Kinh-nghiệm gia-truyền thuốc *Sốt Rét,*
Xin tìm cho được hiệu *Liên-Huy!!!*

Hiệu Liên-Huy số nhà 68 phố Hàng-Trống
(Rue Maréchal Foch) Nam-Định.

Giá mỗi lọ 0$25

Xã-Hội Ba-dào-ký

CÁI BÚA CON

... Nó khác hẳn mọi ngày, cái quang-cảnh hôm ấy ở trên bờ hồ Tây.

Xương sớm chưa tan, vừng đông vừa mọc, thì, ở cuối con đường Cổ-ngư, gần nhà thuốc-lá, người ta sô-đẩy nhau, chen-chúc nhau, đánh-đập nhau để xem hai cái sác một người đàn ông, và một người đàn bà nằm song-song trên bờ hồ.

Lại một vụ án-mạng !

Phải chăng ? là trộm-cướp ! Thì sao đôi hoa tai đầm' cái « mề-gà » trong có sáu cái giấy năm đồng vẫn nguyên, mà, ở túi người đàn ông, cái ví « lập-lắc » vẫn còn, không thấy mất ?

Trên cái nệm cỏ ủ-rũ mà buồn rầu, lúc ấy còn đẫm hạt sương đêm xuống, hai cái sác nằm cạnh nhau, cứng đờ.

Ai trông thấy cũng phải lấy làm kinh hãi.

Mặt người đàn-ông tím bầm, như bị đánh ; đầu người đàn-bà gục xuống, mà, ở bên mỹ tay trái, trong một chỗ lũng, sâu hoắm mà xám xanh, một thứ nước vàng ri rỉ chảy ra rồi giòng-giòng nhỏ xuống cái mồm há hốc, đôi hàm lúc ấy đã tím bầm ...

— Chắc, lại chuyện tình ! Người đi xem nhìn vào, lảng ra rồi nói nhỏ với nhau như thế.

. . . . . .

Dư luận sôn sao.

Mà, cái án-mạng ấy, đằng đẵng bốn tháng giời vẫn chửa thấy ra manh mối. Nó dần-dần bẵng đi, toan, có một ngày không vơ-vẩn ở trong óc người ta nữa, thì, một buổi sáng kia, có một người thợ-mộc trẻ-tuổi, bác Quang, nhà ở dốc đường Yên-Phụ, ung dung ra thú tội ở dữa tòa.

— Anh là thủ-phạm vụ án-mạng ở Hồ-Tây đêm mười tám ?

Tra hỏi đã nhiều, nhưng, trước sau, người trẻ-tuổi ấy chỉ nhắc đi nhắc lại cái câu ngớ ngẩn : « Bẩm quan lớn.... con xin nhận là con giết họ..... Con giết họ, ấy là bởi tại con muốn giết..... »

. . .

II

Anh can tội giết người .... anh điên ! Người thông-ngôn đặt cây bút xuống bàn, rồi lại trợn mắt lên, nói tiếp :

— Bây giờ quan-lớn ngài hỏi : Anh còn muốn kêu gì về vụ ám-sát mà anh là thủ-phạm nữa không ? nói !

Bác Quang đứng giậy.

Gầy còm mà sanh sao, cử-chỉ khoan-thai, ăn nói có phần giõng-dạc, bác Quang đứng vòng tay ở trước viên Thông-ngôn, lúc ấy, bút chì gài tai, đương giương mắt nhìn người bị-cáo.

— Bẩm quan-lớn . . . con không phải là người điên như người ta tưởng lầm... Bây giờ sống không còn mấy, chết sắp đến nơi, con xin kể hầu quan-lớn hết cả đầu đuôi, tự-sự:

Thưa quan-lớn con giết người đàn-ông và một người đàn-bà ấy, vì họ, trước là bố mẹ con.

Cả tòa, ngạc nhiên, đều nhìn chòng-chọc vào người vừa nói.

— Vâng, phải! xin quan-lớn nghe con rồi sử!

— « Mẹ con vừa sinh con được một ngày thì vội đem cho người khác.

Mới mang tiếng khóc oe-oe, nào con đã làm gì nên tội mà mẹ con nỡ để cho từ đấy về sau nếm đủ mọi mùi tân-khổ trên trần, mang một cái nhục rất lớn vì là con "chửa hoang", vì là "đứa trẻ không cha không mẹ" con nhớn lên, thành-thử lúc nào trong óc cũng có một đám mây đen bao bọc. Con nhục, con nhục, con buồn rầu: ai ai cũng khinh bỉ con, ghét bỏ con, chế riễu con là đứa trẻ không cha không mẹ.

Khốn nạn! con lại là một người học-trò thông-minh! Than ôi! cái bước tương-lai của con sẽ đẹp đẽ là nhường nào, nếu cha mẹ con không có cái dã-tâm ruồng bỏ?

Cảm súc quá, người trẻ tuổi vừa nói đến đấy thì bỗng nhiên ở mắt có hai giòng nước từ từ giỏ xuống.

Phải, cha mẹ con có công sinh ra con thật, nhưng thưa quan-lớn, xin ngài xét lại cho. Đời con, khốn nạn! nào có chút gì là sung sướng? Cha mẹ con bỏ con thì tất cha mẹ con là quân-thù của con.. Họ đối với con, thế là có can một tội nặng tầy trời, một cái án tối vô nhân-đạo.

Một người bỗng không mà mang tiếng xấu, tất phải trả-thù người đã nói xấu mình, người bị mất cắp, cái lý-đương-nhiên là phải dùng võ-lực mà lấy lại những đồ đã mất.

Người bị lừa, giết người đã lừa mình, người bị hành-hạ, giết người đã hành-hạ mình, người bị nhục, giết người đã làm nhục đến mình, vậy mang tiếng xấu, bị mất cắp, phải lừa, bị hành-hạ, chịu nhục, hiển nhiên là con phải trả-thù!

Con giết họ. Ấy là một cái quyền.

— Quyền gì lại quyền đi giết người? Mà người ấy lại là cha mẹ? Người thông-ngôn hất hàm hỏi gọn lỏn một câu như thế, rồi nói với quan chánh-án một hồi lâu tiếng pháp.

— Anh cứ nói!

— Quan-lớn, ngài bảo con giết cha và mẹ? Không! Hai người ấy có phải là bố mẹ con đâu! Nếu bảo là bố mẹ, thì con xin hỏi: "sao họ lại cho con là một cái đồ vật đáng sợ, nên vứt đi? Sao họ lại cho con là cái "bướu?".

— Bẩm quan-lớn họ... chẳng qua là chỉ muốn tìm lấy một cái thú vui ích-kỷ. Tìm một cái thú vị như thế, họ có ngờ đâu bỗng lại có con! Có con họ không chịu đem tâm giậy bảo, họ trừ con đi, vậy, sao, đến lượt con, con không có quyền trừ họ?".

— Đừng có giằng giai lắm! Quan-lớn ngài hỏi về vụ án-mạng thôi, về vụ án-mạng thôi, nghe chửa?

— Bẩm vâng..... Đã hai năm nay, người đàn-ông kia thường hay đến nhà con mua hàng. Ông ta chỉ đặt khung ảnh và mua ghế, bàn; được ông khách hời, con làm quý; mà gặp anh thợ khéo ông ta cũng lấy làm ưng, thành thử một đôi khi, hai người chúng con cũng có ngồi nói chuyện với nhau vui vẻ.

Bắt đầu sang đến năm nay, ông khách ấy không đến nhà con một mình.

Ông thường hay đi với người đàn bà một người đàn bà đã có tuổi nhưng mà đẹp

Mới vào đến cửa hàng, thấy con, người đàn bà ấy, hôm đầu hốt-hoảng mà như kinh-sợ; bà ta không được tự-nhiên; ngồi trên ghế, bà ta thường đờ người ra, mà nếu con có ý trông, thì bà ta lại có ý hay nhìn trộm con không hiểu làm sao cả. Con cứ tưởng bà ta giở người.

Vào khoảng dữa tháng sau, con lại thấy bà ấy lại. Lần này bà mua thật nhiều hàng, ngồi suốt ngày ở nhà con, chuyện này sang chuyện khác, rồi.... lại đem cha mẹ con và đời con nói to lên.

"Chắc người này là mẹ ta rồi!" lúc ấy con bỗng nghĩ thầm như vậy.... Từ

hôm ấy trở đi, con bắt đầu để ý đến bà khách mới. Con hỏi thăm người làng. Bà khách ấy, à! chả hóa ra đã có một đời chồng trước! Láng riềng con, họ thì-thầm nói nhỏ với nhau: "Khi người chồng trước còn sống, hai "anh-chị" này vẫn cùng nhau đi lại"

Con đợi. Một buổi chiều kia, hai người ấy lại đến nhà con mua hàng. Bà ta có vẻ không yên, hôm ấy, con không biết vì sao cả. Lúc sắp về, bà có bảo con rằng: "Bác là người thợ khéo, chăm chỉ mà hiền-lành, tôi cũng lấy làm mến lắm, Sao không lấy vợ đi để cho tôi mừng?"

Con gượng cười.

« Bà lại tiếp: « Lấy vợ bây giờ khó lắm, phải kén chọn cho cẩn-thận mới khỏi cái nỗi hờn duyên tủi phận. Cảnh ấy tôi đã trải qua rồi, biết lắm..... Bây giờ, của cải nhiều, nhưng con cái vẫn chưa có người nào cả, tôi muốn giúp bác ít nhiều lấy vợ, bác bằng lòng hay không?»

Bà vừa nói vừa để vào tay con một chiếc phong-bì gián kín.

Chiếc phong-bì ấy, không cần bóc ra, con cũng biết là trong đựng tiền.

Con bèn nhìn thẳng vào mặt bà mà hỏi: « Bà có phải là mẹ tôi không? thưa bà! »

Bà ta rú lên, lùi lại ba bước rồi giơ hai tay mà che kín lấy mặt,

Ông khách, thấy thế, bèn sấn lên trước con, chợn mắt hỏi một cách rất là khinh bỉ: « Anh điên đấy à? » Rồi thì ông ấy đỡ bà ta, lúc ấy đương nức nở khóc. Họ định đẩy cửa bước ra thì con vội tiến lên, mạnh bạo mà hỏi to lên rằng: «Hai người là bố mẹ tôi phải không? nói! »

Họ không trả nhời.

Năm phút sau, họ bắt con mở cửa.

—Mày có mở hay không thì bảo! tao gọi đội-sếp cho người ta bắt mày ngay bây giờ.

....Con mở cửa

Họ từ từ đi ra. Con trông theo, trông theo mãi đến khi hai người ấy đều mất cả ở trong bóng tối....

Vào, con vật mình nằm xuống giường. Con nghĩ, thì than ôi! bỗng nhiên con thấy con vừa mới là thằng bé chửa-hoang đứa trẻ không cha không mẹ.

Tức, giận, buồn, sợ, lúc ấy bèn sôi nổi ở trong cõi lòng con, một người khốn nạn; con liền đứng phắt giậy, mở cửa, chạy theo hai người.

Rón rén đi trên cỏ, con hết sức làm cho họ không nghe tiếng.

Trong khoảng đêm khuya tịch-mịch. lạnh-lẽo mà thê-lương, con nghe thấy cha con bảo mẹ con rằng: «Mợ giại lắm... tôi đã bảo đừng cho nó mà.....»

Con vội chạy đến trước mặt hai người mà van lơn: Phải rồi! hai người là cha mẹ tôi rồi! hai người là cha mẹ tôi rồi!.... Đã bỏ tôi một lần cha mẹ ơi! cha mẹ nỡ nào lại muốn hất-hủi tôi lần nữa???

Con cúi đầu ở trước mặt hai người, không ngờ cha con bỗng dơ thẳng cánh mà dấm con vào mặt.

Con không còn biết gì nữa.

Sờ ở người thấy có cái búa con, con liền lấy đem ra chống-cự.

Mẹ con kêu rầm lên. Con bưng miệng lại. Rồi, con đánh cả hai người không biết chán. Họ lăn ra trên đường; không nghĩ ngợi gì, con bèn quẳng họ xuống hồ, rồi, từ-từ bước một, con trở về nhà đi ngủ...

* * *

Người trẻ-tuổi nói song, ngồi xuống ghế, đưa mắt nhìn chung quanh mình, rồi khoanh tay lại để đợi Tòa tuyên án.

— Thì sẽ ra thế nào? cái án ấy!

Người ta hỏi, nhưng vẫn chưa biết trả ra sao.

VŨ-BẰNG

TIỂU - THUYẾT

(Hà - thành Nữ - Sỹ)

Tôi nhớ đích rằng năm ấy tôi mới có mười chín tuổi. Cái tuổi mười chín, như hoa xuân đương nhị, như giăng tròn đương gương, các ngài phải hiểu cho rằng là cái tuổi dễ chịu nhất. Giai gái mười chín tuổi, đều dễ thương, nên thương cả.

Tôi đỗ *Sơ-học-pháp-việt*, tiếng đồn ầm học giỏi. Chiều ra phố chơi mát, tưởng hình như ai cũng chỉ trỏ vào mình mà thì-thào với nhau:

— Kìa ! Cậu ấm *Căn* con cụ lớn *Tuần* mới đỗ.

Khốn nạn ! tôi tưởng thế là danh-giá ; chứ ví họ có khen thế thật, tôi cũng nên lấy làm xấu hổ thời phải, vì con nhà giòng giõi thi-thư, mà đầu to bằng cái giành, mới đỗ được cái bằng cỏn con thời vênh vào cái gì.

Tôi thi vào trường *Bảo-Hộ*, hỏng kỳ vấn-đáp. Cha tôi định cho tôi về ở nhà. Nhưng tính tôi không chịu được cảnh tiêu-điều các tỉnh nhỏ, nhân có nhà ở Hà-nội, tôi xin về ngay ở Hà-Thành lấy cớ để học tập với các anh em bạn.

Tôi thích quốc - văn. Ngày còn đi học, các bài luận quốc-ngữ của tôi làm thường được cụ *Giáo* khen ngợi ; bạn bè cũng tặng cho cái tên « anh văn-sỹ ». Độ này, nhân rỗi việc, tôi viết bài gửi báo-chương, được tòa soạn đăng cho,mình cũng tự đắc là « nhà ngôn-luận » thực càng ham viết.

Tôi ở *Hà - nội*, lười học nhưng chăm chơi. Ngày được mục-kích những đóa-hoa biết nói bầy ở các phố, thời tối về nằm ngủ cũng hồn bướm mơ-màng năm canh.

Xin thú thực rằng tôi không thạo và không có can-đảm như các bạn về khoa chim gái. Họ bạo lắm. Hễ thấy một cô nào, cứ là con gái thời thôi là buông lời ướm ý, đằng hắng ném thư, hoặc mua hàng, để giả vờ bỏ quên quyển sách hay tờ báo trong có bức thư - tình. Tôi thời dử thính cũng chả dám làm đường-đột như thế, nhỡ người ta mắng cho thời bêu ! Nhưng xem ra, các tiểu - thư cũng hiền-lành ngoan-ngoãn lắm. Không những không mắng ai, mà lại còn nhìn trước nhìn sau, nếu không có ai trông thấy, là cầm cái thư bỏ tọt ngay vào túi . . ! nhanh như điện . . . ! Các cô thực là rộng lượng hải-hà, giầu lòng bác-ái ! Bởi vậy các bạn tôi, anh nào cũng có một cô nhân-ngãi, nào cô 51, nào cô 96.

Trước họ còn chim nhau bằng cách "*Hàm-thụ*" như thế, rồi chẳng bao lâu, có ngay cuộc "*Biểu-tình*" bí - mật. Nhậy quá, thực là nhậy ! Trông người mà ngẫm đến ta, mà mình tự thương thân-thế như ao bèo gió thu.

Nhân độ ấy ở báo, có một nữ-sỹ bàn về vấn-đề *Nam-Nữ bình-quyền*, rồi dư-luận sôi lên sùng sục, tán - thành, cổ - động, công-kích. Tôi chối kệ biết *Nam-Nữ* bình-quyền, đối với xã-hội hay dở thế nào, nhưng đối với riêng tôi, thời thực là có ích, vì tôi định lợi dụng cơ - hội để đạt mục-đích riêng. Tôi bèn viết bài lai-cảo, ký tên là *Minh-Châu* nữ-sỹ. Thế là tôi nhờ tờ báo để nói truyện chay với gái vậy !

Tôi hay đấu - dịu dằng - co với một cô tên là *Kim-chi*. Tôi lấy làm đắc-trí thầm, vì *Kim-chi* phải ra công gào thét, cãi nhau với một nữ-sỹ-đực là tôi, có gì đâu, những bài của tôi, độc vị giọng nói ngang, nói bướng, chính tôi cũng biết là không tiêu được, thế nhưng tôi chỉ cốt cho họ bẻ lại để kéo cho dài cuộc cãi nhau. Họ có ý đâu ; rồi ba bốn nữ-sỹ khác vào hùa với nhau, nhao-nhao lên mà bẻ tôi ! thế là phải lừa cả sốc !

Xem ra nội trong đám ấy, có *Kim-chi* ăn nói hoạt nhất. Tôi đoán là một cô

Giáo, không thời ít ra cũng là một *Tân-nữ-lưu* có học - thức tư-tưởng. Văn-chương của *Kim-chi* không gọt dũa nhưng nhanh mà hoạt. Tôi tin ngay rằng hẳn cũng có cái lượng hải-hà, cái lòng bác - ái như phần nhiều các cô khác. Thế là tôi soay tư-tưởng.

Phải. Nói truyện với gái, mà phải gọi là bà chị, xưng là em, thời các ngài tưởng còn thú quái gì ? vả nào có truyện ôn-tồn đâu, lại cãi nhau với sỏ mát nhau thời còn tình nỡm gì ?

Một hôm, có người bảo tôi rằng :

— Tồi qná, lão cử *Hạc-Thánh* thế nào mà vớ ngay được con giáo *Lãng* !

— À, tại đăng vào báo nó chứ gì !

— Thằng *Bạch-Ngọc-Đàn*, lên mặt mô-phạm đạo-đức, cũng soay được một thị nữ-học-sinh vì một bài văn đăng báo ! Họ thế cả đấy, anh ạ.

Cái câu "*họ thế cả*" làm cho tôi vẩn-vơ mãi. Kết cục, bao hy-vọng của tôi đổ sô vào cả *Kim-Chi* nữ-sỹ. Tôi bèn hỏi dò chỗ ở của nữ-sỹ ở trong tòa soạn rồi ngay chiều hôm ấy, tôi diện rất sang, cạo mặt, đánh phấn, bơm nước hoa nghênh ngang qua nhà cô để xem mặt.

Chà ! có sai đâu, *Kim-Chi* qủa là một vị sao ! khăn nhụng, áo mùi, giầy cườm, món tóc gáy sòe ra, trông dễ thương qúa ! Tôi tưởng như một chàng thiếu-niên công-tử như tôi mà đi đôi với một vị thanh-tân nữ-sỹ như *Kim - Chi*, thời đâu cũng phải khét, đến phố nào làm tăng giá-trị phố ấy lên, và hẳn vô số thằng ghen !

Tôi thấy dung-nhan *Kim-Chi* mà sửng sốt cả người, chân tay mềm đi. Không trách cái sắc khuynh-thành nó làm cho khuynh - gia được cũng phải.

Tôi lượn qua nhà *Kim-Chi* hai ba lượt, toan vờ vào mua hàng, thời vừa gặp cô đi ra phố, nhẩy tót lên xe, chạy nhẹ như gió. Tôi được dịp may, định bay xe theo hút, nhưng đen qúa, phố hết xe, chả nhẽ lại cắm cổ chạy theo ! Không coi được. Tôi đành nuốt sầu, thất-vọng lủi thủi về nhà.

Thế là tôi đã có phúc biết mặt *Kim-Chi* rồi, chỉ còn việc gắn bó nữa là song.

Tối hôm ấy, tôi nghĩ một bức thư rõ dài rất văn-chương để gửi cho *Kim-Chi*. Tôi thú thật rằng tôi đội tên là *Minh - Châu* để đăng báo trêu nhau chứ kỳ thực tên tôi là *Trần-văn-Căn*, con quan *Tuần*, nhà giầu, ở phố ấy phố nọ, từ khi được trộm liếc dung-nhan cô, thời tương - tư chả ốm cũng sầu. Rõ khéo quá cái lý-lịch tôi, cái gia-phả tôi, ai khảo mà xưng ? Thằng con giai đi chim gái mà đê - tiện đến thế thời nhục quá ! Kết cục, tôi bảo từ nay, nếu định cùng nhau đàm - đạo, thì xin đừng đăng báo, cứ viết thư riêng có lẽ tiện hơn.

Hôm sau, qủa nhiên tôi tiếp được thư hồng trả lời của *Kim-Chi*. Các ngài có đoán được cái vui sướng của tôi không ? Tôi đọc đi đọc lại đến thuộc lòng, thuộc lòng mà vẫn chưa chán. Thích nhất là tuy trong thư lời lẽ rất nghiêm-trang, nhưng lại thơm sặc mùi nước hoa ! Chết chưa ! không phải thư tình sao lại thơm thế ?

Đại-khái trong thư nói cô đã biết tiếng tôi từ lâu, vì vẫn được nghe đại-danh. Giời ơi ! đại-danh, xin các ngài nhớ cho ! trên báo chương. Nay tôi tuy ký tên là *Minh-châu* nữ-sỹ, mà cô vẫn ngờ là giọng văn tôi, không những thế, nữ-sỹ lại còn thông-thuộc cả nhà cửa tôi nữa. Thế thời nếu *Kim-Chi* không phải là tri-kỷ của tôi sao, đối với tôi đã có cái cảm-tình sẵn-sàng ấy ? Cuối thư nữ-sỹ bảo từ nay đừng đăng báo thời xin vâng, nhưng nếu thư đi từ lại thì không tiện, vì sợ người ngoài ngờ - vực nọ kia chăng. Vả cổ-nhân có câu : *Nam nữ thụ thụ bất tương thân*, thời xin đừng thư từ gì nữa, nhỡ tôi không nhận được trả lời, thời lại trách nhau là bất-nhã.

Ấy, từ đấy mà đi, hai đội quân đang sung-đột nhau kịch-liệt trên mặt báo. bỗng đình-chiến,

Nhưng đình-chiến thì phải đề-huề mới phải chớ ! Tôi đọc song thơ mà khen thầm *Kim-chi* là người đã có sắc mà lại có tài, có đức. Hiếm có thay ! Nhưng bỏ ra thời tiếc. Tôi bèn đánh bạo viết bức thư nữa, bẻ phắt câu nam nữ bất tương

thân là hủ, cổ-động bọn thanh-niên tân-tiến không nên quá chấp-nệ, phải hợp sức nhau mà làm cách-mạnh phong-tục mới được. Trong thư này, tôi tuy dở giọng triết - lý, nhưng thỉnh thoảng gõ đến chữ tình luôn.

Thế nào mà tôi lại tiếp ngay thư trả lời của *Kim-chi* ! vậy các ngài bảo còn sao trách được cô là bất nhã. Cái thư này người vú-già mang đến. Người vú ấy, tôi coi như một vị ân-nhân trong cuộc ái-tình của hai chúng tôi. Thường tôi cho tiền luôn, trước sau mất cũng khá. Mỗi bận đưa thư, vú ấy lại kể cho tôi nghe truyện *Kim-chi*, những là yêu tôi, nhớ tôi, mà sinh vơ-vẩn, lược thưa biếng chải, gương tầu biếng soi.

Vú - già kể qua là *Kim-chi* còn hai cha mẹ và một người anh. Người anh thời lêu lổng chơi bời, du côn, ác tợn cả nhà ghét. Còn *Kim-chi* thời ngoan-ngoãn, cha mẹ nuông chiều, hơi sổ mũi dức đầu thời ông bà chạy nháo lên về thuốc. *Kim-chi* không bao giờ ra cửa đứng ngóng giai, cả ngày cặm-cụi xem sách viết văn. Có lẽ bởi thế, nên từ ngày ấy, tối nào tôi qua cửa nhà *Kim-chi* cũng không được gặp bao giờ.

Ngày trước, có người bảo tôi rằng :

— Gớm, các tiểu-thư càng ngày càng tệ, chỉ ngồi ruỗi ra mà ăn rồi viết thư cho giai mà thôi ! Anh không nên lấy vợ *Hà-nội* ; nhất là bọn tân-nữ-lưu lại càng khó tin lắm. Bình-quyền gì chúng nó ? chúng nó chỉ quảng-cáo cái tên để đắt chồng mà thôi !

Bạn tôi phán-đoán quá khắc, chứ đã làm gì đến thế ? Tôi có thể làm trạng-sư bênh các cô, và xin dẫn ngay *Kim-chi* ra làm chứng. Câu ấy là truyện của bạn tôi nói riêng với tôi, chứ nhỡ mà đến tai các tiểu-thư, thời bạn tôi tất bị một phen kéo tai chết. Nhưng ai ơi ; trước khi kéo, hãy xin phép lương - tâm đã, kẻo a - dua để lấy sỹ - diện sằng mà kéo, thời bạn tôi đến đi đời mất thôi. Tội nghiệp !

Những thư-từ của tôi gửi cho *Kim-chi* toàn là cái bả để giắt *Kim-chi* vào cạm cả chắc các ngài cũng thừa hiểu cái mục-đích của anh con giai chim gái. Một ngày kia, mục-đích đã đạt, thời thôi, ếp truy-phong, xin bái-ngảnh ái-tình ! cho nên không có giai gái nào nhân tình nhân ngãi với nhau đến già bao giờ. Thế nhưng bao giờ bên con giai cũng phải dùng những nhời đường mật để vờ tính cuộc dài-lâu, các cô nhẹ gia là mắc tuốt.

Tôi hiểu cái tâm-lý ấy cho nên tôi cứ cái chương-trình ấy mà tiến-hành. Thư-từ trước còn đứng-đắn, sau lả-lơi dần ; có khi bịa ra cái chim-bao đêm qua, cùng *Kim-chi* đi chơi buổi tối, để tỏ cho *Kim-chi* biết lúc nào mình cũng nghĩ đến mà thành mộng, và để dò ý *Kim-chi* ra sao. Cái chiêm bao thứ nhất còn là đi chơi, nói truyện triết - lý văn-chương. Cái chim bao thứ hai, đã pha mùi tình-tự nhảm-nhí.

Kim-chi trả lời thương tôi buồn, mà tiếc cái mộng thú-vị thế mà chỉ có mình tôi được thấy. Tôi hiểu ý biết là *Kim-chi* cũng ước-ao một ngày kia được gặp tôi để nói truyện.

Một hôm tôi viết thư cho *Kim-chi* rằng tôi sắp phải ly-biệt trong vài tháng để về quê. Tôi nói thế là để xem ý *Kim-chi*, thời ra cô viết trả lời tôi bốn trang giấy đặc, rất cảm tình, bảo tôi nên tìm cớ mà ở lại, kẻo kẻ đi muôn dặm một mình xa sôi, mà người ở cũng lệ rơi thấm đá.

Thế thời *Kim-chi* thực bụng yêu tôi. Tôi bèn hỏi *Kim-chi* có dịp gặp nhau không ? Còn nhớ trong thư này, tôi gửi kèm cho *Kim-chi* một giọt nước mắt. Hẳn các ngài cho tôi là nhu-nhược dở-hơi. Thưa các ngài nhầm rồi, cái giọt nước mắt đó, là tôi vẩy một giọt nước chè tầu vào giấy cho nhòe chữ để tỏ ra bụng nhớ, chứ nào có biệt-ly đâu mà nhớ, dù có biệt-ly thực đi nữa, thời chửa chắc đã nhớ nhau nào, huống chi là nước mắt !

Kim-Chi thời tỏ ý muốn trăm năm cùng

tôi, mà thực bụng tôi không thèm rước những cái nợ ấy về nhà làm gì. Chim nhau mà lấy nhau, thời chỉ tổ bỏ nhau sớm! Bởi vì hôn-nhân là một việc đứng-đắn, mong hạnh-phúc một đời. Thế mà cái việc đứng-đắn ấy bị vì một sự lừa gạt mà gây nên, thời cầu chi hạnh-phúc?

Kim-Chi trả lời, nghĩ tủi thân là phận gái, phải trong vòng thúc-phộc chốn gia-đình, từ ngày biết tôi, thực là chưa biết lời ăn tiếng nói tôi ra sao. Trong thư có hẹn tôi đúng bẩy giờ tối hôm sau thời ra vườn hoa *Cửa-Nam*, đứng đợi ở chân tượng bà *Đầm-Xòe*, thời sẽ được gặp.

Được lời như cởi tấm lòng. Từ khi tôi nhận được thư, vội-vàng khấp-khởi ra đi. Đen quá! Cứ hết ông bạn nọ, lại đến bố bạn kia đến ám mãi. Họ nói toàn truyện phiếm, mình còn bụng nào mà nghe. Ruột thời nóng như lửa, mà hình như cái thư nó cứ nhẩy tanh-tách ở trong túi, thỉnh-thoảng vờ gật-gù nghe chuyện, đưa tay vào sờ túi, thời các bố ngỡ là đưa thuốc lá ra mời, cứ dình thò tay ra đỡ hoài!

Tuy vậy, tôi cũng được đến chỗ hẹn, đến nơi mới có sáu giờ rưỡi. Trong bụng hớn-hở như trẻ con vớ được cái bánh, tôi phải nhẫm sẵn những câu hỏi và câu trả lời. Tôi chờ đến bẩy giờ, bẩy giờ mười, bẩy giờ rưỡi, bẩy giờ bốn nhăm, rồi bẩy giờ năm mươi, đến mãi tám giờ, cũng chẳng thấy bóng chim tăm cá gì cả? Tôi nóng ruột quá, đang bực rọc trách thầm ai sai hẹn, thời có một người đi lại, làm cho tôi nguôi hẳn cơn sầu. Người ấy không phải là *Kim-Chi*, mà là vú-già nhà *Kim-Chi*, đưa cho tôi cái thơ xin lỗi, vì ở nhà cô giở có khách, không thể đi được.

Hôm sau tôi lại tiếp thư *Kim-Chi* bảo rằng có dịp gặp nhau, nhưng phải xuống tận ngã tư *Trung-Hiền*, mà chờ vào quãng từ mười giờ đêm đến hai giờ sáng, thời thế nào cũng gặp.

Những dịp hiếm có ấy, không bao giờ tôi dám bỏ qua; vì lòng ước-vọng của tôi, những là thướt-tha lá liễu mắt được trông, thỏ-thẻ giọng oanh tai được nghe, ta sẽ thấy non *Vu* đỉnh *Giáp*, động *Thiên-Thai* sắp đón mời chàng *Lưu*. Cứ nhắm mắt lại là đã thấy đủ từng ấy cảnh bồng-lai như thế rồi.

Tuy hôm ấy giời mưa phùn, nhưng tôi chịu khó lò-rò đi ngay từ chín giờ, vì tôi sợ đồng hồ nhà *Kim-Chi* nhanh, hoặc đồng hồ nhà tôi chậm chăng. Tôi thấy xe nào đi qua cũng phải trố mắt lên nhìn. Thực là có công quá, ai ơi có thấu cho không? Cái hy-vọng của tôi trước thời dài, sau ngắn dần, đến lúc đồng-hồ chỉ hai giờ thời thật cụt hết. Nhưng tôi vẫn chưa nản lòng, vì *thế thượng vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên*, vậy cứ mặt giầy kiên-tâm thời chim được gái, giời nào có phụ? Tôi đành đứng suốt đêm ở ngoài đường, ướt như chuột lột, lấm như chôn như vùi. Đến hơn bốn giờ sáng, tôi phải cuốc bộ về *Hà-nội*. Thực là một bữa mệt lử, nếu không sẵn sức khỏe, thời có lẽ ốm to rồi.

Tôi dận *Kim-Chi* đánh lừa tôi, nhưng không dám trách, vì trách thời còn mong «*nước-non*» gì.

Tôi nghĩ kế để gặp mặt *Kim-Chi*. Nhân có một hội kia cần tiền, tôi bèn viết một bản kịch, rồi cổ-động các tài-tử đem ra diễn. Tôi định đóng một vai, mà mời *Kim-Chi* giúp cho một vai nữ. Tôi tự biết là một việc nhờ phiệu, chứ các tiểu-thư khuê-các ta đã ai có can-đảm ra diễn-kịch? Kịch của tôi viết là một cái hài-kịch về ái-tình. *Kim-Chi* nhận ngay vai chính! Cái giã-tâm của tôi định lợi-dụng cuộc diễn kịch về việc nghĩa để một là được gần gụi *Kim-Chi*, hai là được tiêu tiền giời-ôi, chứ nghĩa gì mà nghĩa!

Cách độ mười lăm hôm sau, *Kim-Chi* cho tôi biết rằng hôm ấy cha mẹ và anh về nhà quê vắng cả, chỉ có một mình và vú-già ở lại mà thôi. Thế thời tự-do quá.

(Sẽ tiếp theo)

Nguyễn-công-Hoan

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

Loạn cộng-sản Trung-kỳ

QUẢNG-NGÃI. — Tại tỉnh Quảng-Ngãi cộng-sản nổi lên làm loạn, song quan trên dìn giữ hết sức, ngày 4 Février một tên cộng-sản diễn-thuyết để làm biểu-tình gặp phải quan quân bắt được giết ngay. Và cũng có nhiều tên cộng-sản khác bắn chết nữa. Cùng một ngày ấy bọn cộng-sản khác đốt mất hai cái nhà và đánh một người gần chết.

T.B.

Việc lính khởi nghịch ở Sơn-Tây

THƯỢNG-HẢI 19 MARS. — Việc lính khởi nghịch ở Sơn-Tây chưa dẹp yên vì tiền lương không giả được đúng hạn nên lính khởi nghịch. Người ta nói Phùng-Ngọc-Tường can thiệp vào việc ấy sáu nghìn lính khởi nghịch ở Hồ-Nam và phá đường hỏa xa. Quân đi dẹp bị chúng đánh thua.

Một cuộc biểu tình phản đối quốc-dân đảng :

BẮC-BÌNH 9 MARS. — Một số 50 học sinh phản đối quốc-dân đảng đến phá nhà báo Hua pei je-pao, đập cửa kính và bắn súng. Mười người bị thương trong số ấy có bốn người thợ sếp chữ bị trọng thương.

TIN VÂN-NAM

Tướng Long-Vân bị đánh đổ.

Vân-Nam-Phủ : 13 Mars 1931 Chính-Phủ tỉnh Vân-Nam vừa mới đánh đổ viên chủ tịch là tướng Long-Vân. Tướng Long-Vân đã đi về một nơi biệt-thự của tướng ấy ở Liêu-Dông (Tcheo-Tong) trong miền đông bắc tỉnh Vân-Nam các tướng Lou-Han (lưu-hán) Tchang-Fong Tchouen (Trương - phùng - Xuân) ; Tchou Siao và Tong Tchang Tong hiện nay chủ trương thời cục Vân-Nam đường bàn bạc để lập một chính - phủ mới không sẩy ra việc lưu huyết gì cả. Kiều dân ngoại-quốc và nhân dân Trung-Hoa vẫn được yắm. Hiện nay vẫn giữ được trật - tự, Ai nấy vẫn làm ăn như thường.

T.B.

TIN TRUNG-HOA

Tình hình Vân-nam

Có tin rằng vì các viên chức trong hội-đồng ủy-viên phân rẽ nhau, thì có mấy viên chức như Lư-hán và Trương-phong-Thư khởi nghịch chống nhau với Long-vân. Một số lớn quân lính của chính-phủ theo vào các tướng ấy song trong tỉnh vẫn yên.

Một việc thí nghiệm ít có

Vừa có tin rằng một ông thầy thuốc ở nhà thương Fbervvalde, lấy cái ống cao xu nhỏ xẽ rạch mạch máu ở cánh tay luồn cái ống ấy vào, rồi cứ đun cho ống ấy vào đến tận quả tim. Lúc đầu ống ấy vào đến quả tim, rồi ông thầy thuốc cứ đi từ buồng nọ sang buồng kia thì không thấy ngượng nghịu gì cả. Mà cái ống cao xu đi từ mạch máu cánh tay đến quả tim chỉ mất có hai ba giây đồng hồ thôi. Ông lang y này thí nghiệm như thế cốt để tìm cách tiêm được vào đến quả tim một cách rất nhanh chóng, chẳng rõ việc thí - nghiệm này rồi có kết quả gì không.

T. B.

Chữa bệnh bằng ánh-sáng

Ở trong vũ-trụ không có cái gì là nhà khoa-học không để ý đến. Từ con vi-trùng là vật rất nhỏ, cho đến ngôi-sao trên giời là vật rất huyền-bí, cái gì đã lọt vào mắt là nhà khoa-học không bỏ qua, lắm cái ta trông quen cho là tầm thường, mà nhà khoa-học lưu tâm nghiên-cứu.

Cũng vì tính tò-mò ấy, mà khoa-học ngày nay mới được rực rỡ vẻ-vang. Đến ngày cái tia-sáng mặt-giời ai bảo là có mầu sặc sỡ, thế mà nhà khoa-học ở trong buồng thí - nghiệm đã lột hết được cái bí-hiểm của cụ trời. Họ đem phân chất ánh sáng (rayon) nhờ thế mà ta biết được trong ánh sáng mặt trời có bảy mầu hợp lại : tím, nâu, xanh-nhạt xanh-thẫm, da-cam, vàng và đỏ.

Bảy tia sáng có ích gì không ?

Họ sét ra rằng : các tia-sáng có thể

thấm vào da ta được : tia vàng thấm sâu vào thịt ta lắm, 6 phân, tia-sáng-đỏ thì sâu hơn và tia-xanh thì vào được 3 phân.

Vì ánh-sáng mặt-trời có tính sát trùng và chữa được nhiều bệnh, nên các nhà y-học thường khi bắt bệnh nhân phải ra phơi một lúc ở ngoài nắng gọi là tắm mặt trời (bain de soleil).

Họ lại xét ra rằng : tia-sáng rất tím (ultra-violet) có cái công-dụng rất về khoa chữa bệnh. Họ mới chế ra một thứ đèn có thể chiếu ra toàn những tia-sáng-tím ấy, mà cái đèn ấy để cách bệnh nhân xa gần cũng tùy từng bệnh, có bệnh thì phải để gần da, để cho tia-sáng đó làm cho đỏ da mà có khi họ để cách xa chừng 1m50. Tất cả người lúc bấy giờ đều bị tia-tím chiếu vào mắu, thần kinh và các hạch trong người đều chịu ảnh hưởng của tia-sáng đó. Sau khi đã chiếu cho người ốm rồi, thì các cơ-quan của người đó sẽ hấp thụ nhiều chất vôi và chất lân (phosphore)

Người gầy còm mà không nhớn được xương cốt mềm-mại, là cũng bởi có ít chất vôi và chất lân, họ dùng tia-tím đó mà chữa, kết quả được mỹ-mãn.

Hiện nay ở bên Mỹ và Pháp đã đem phương-pháp đó để chữa bệnh-nhân. Sau khi bệnh-nhân đã khỏi đem chiếu quang-tuyến, thì biết rằng xương cốt cứng hơn trước.

Bằng một thứ ánh-sáng ấy người ta lại dùng để chữa bệnh ngoài da.

T. N.

Thuyết trường-sinh rất mới

CỦA MỘT THẦY THUỐC ĐỨC

Người ta có thể sống được 4.800 năm

Trước nay đã có mấy nhà khoa-học nghĩ ra thuật trường-sinh, nhưng chưa thấy ai làm cho người ta bất tử cả, nào tiếp-hạch thanh xuân, nào lấy ít mắu trong người đem lọc cho trong rồi lại tiêm vào người, những cách đó chỉ có hiệu lực tạm thời, chớ không có công năng vĩnh viễn. Mới rồi có một ông thầy thuốc Đức lấy những điều nghiên-cứu của ông làm sách, nói về thuật trường-sinh đem xuất bản, thuyết này lại khác những thuyết trước nay.

Sự thí nghiệm

Người phát-minh ra thuyết trường-sinh mới này là một nhà y-học Đức rất có tiếng là ông Cáp-Mon-Đức, ông nghiên-cứu thuật trường-sinh đã mười mấy năm nay, bắt đầu ông thử vào loài cây, ông dùng cách tiếp tế-bào cho cây, mà kết quả được như ý, làm cho loài cây ấy mãi mãi không chết. Ông lại thử vào loài động-vật trước hết ông dùng loài động-vật rất nhỏ gọi là (A mễ bá) để làm tiêu chuẩn. Con a-mễ-bá là loài tế bào đơn, toàn thân chỉ có một cái tế bào nhưng cái tế bào ấy rất giầu sức sinh đẻ (rất khỏe đẻ) cứ một cái tế bào tách ra thành hai, hai thành bốn, bốn lại thành tám vân vân ..... cho đến sinh sôi ra hằng hà sa số; bác-sỹ cứ mỗi lần tách ra như thế tức là một con a-mễ-bá, chết đi mà lại sinh ra hai con, cái kỳ hạn tế bào phân tách là hai ngày, nên số mạnh con a-mễ-bá, chỉ sống được hai ngày thôi. Bác sỹ Cáp Mon Đức đem cái nguyên tố sinh đẻ ở trong tế bào mà cắt đi, không cho nó tự-do sinh đẻ, kết quả con a-mễ-bá sống mãi đến hai tháng vẫn còn chưa chết.

Loài người có thể sống được 4.800.

Con a-mễ-bá chỉ sống có hai ngày mà làm cách ấy sống được 4 tháng, vậy loài người tuổi thọ trung bình 80 năm, nếu thi-hành cái nguyên-lý kia, ít ra cũng có thể sống được 4.800 năm. Song thân thể loài người, tổ-chức rất là phước tạp, không đơn sơ như con a-mễ-bá, vậy muốn dùng cách ấy cho loài người, thủ tục còn nhiều nỗi khó khăn, còn phải nghiên

cứu lâu lắm nữa mới có thể làm được, trên này chẳng qua mới là cái nguyên-lý như vậy mà thôi.

Tuổi thọ con a-mễ-bá trên kia nói là (bốn tháng), chữ «bốn tháng» đó còn phải cắt nghĩa kẻo e hiểu nhầm. Gọi là bốn tháng, không phải chỉ có bấy nhiêu ngày rồi con a-mễ-bá tiêu-diệt đi đâu, đó chẳng qua bác-sỹ dùng cách ấy mà thử vào con a-mễ-bá giữ cho nó sống được bốn tháng rồi bỏ đi đó thôi, kết quả nó sống được đến bao giờ chưa thể biết được. Vậy nói cho đúng thì sau khi dùng cách này thí-nghiệm số mạng con a-mễ-bá ít ra cũng sống được bốn tháng, lấy đó mà suy thì biết tuổi thọ loài người ít ra cũng kéo giài được 4.800 năm.

Chết không phải là hết nhân việc thí-nghiệm này, bác-sỹ Cáp mon-đức lại phát-khởi một điều triết-lý rất thú về sự chết, là: chết không phải là hết, mà lại còn; chết không phải là tiêu-diệt, mà lại sinh nở.

Xét đến nguyên-lý sinh-vật, thì người và các giống vật, sống là vì các tế bào hoạt-động, nhưng chết không phải là những cái tế bào hoạt-động trong mình đã tiêu-diệt đi đâu, chết chẳng qua là mới sinh ra một thứ tế bào khác làm cho sinh-vật mất sức hoạt-động mà thôi. Vậy nên chết phải là mất đi mà lại sinh ra.

Câu nói của Bác-sỹ này có căn cứ vào khoa-học, mà ngụ có ý triết-lý, so với thuyết nhà tôn-giáo nói chết là đổi đời, đổi kiếp, hay bước sang đời mới, kiếp mới, tưởng cũng ám hợp vậy.

Ngoài Bác-Sỹ Cáp-môn-đức ra lại có Bác-Sỹ Tư-dã-nạp-khác người Áo, cũng nói rằng: «cắt một cái hạch kia trong thân người có thể sống lâu» thuyết này cũng ám hợp với bác-sỹ nước Đức.

Song các ngài nói vậy biết vậy, chớ chúng tôi không trông mong gì về cái lý-thuyết đó, bởi vì nếu ai cũng sống lâu đến 4.800 năm thì thật là cái nguy-cơ cho loài người vì lấy đất đâu mà chứa.

T. N.

ĐẺ CON GIAI HAY ĐẺ CON GÁI
Tại bố chứ không phải tại mẹ

Nhiều người sinh đẻ một bề con gái muốn có chút con giai, ông chồng thường lấy thêm hai, ba, bốn . . . nàng hầu nữa, vì bao nhiêu cái lỗi không rặn ra con giai đều đổ lỗi cho vợ, có biết đâu cái lỗi đó chính là tại mình.

Gần đây một viên giáo-thụ trường Đại-học nước Mỹ là Hải-Kim (Haukins) viết quyển sách "Bậc thang xã-hội học" trong có một chương nói về di truyền học, có nói rõ về cái nguyên-nhân sinh giai hay sinh gái, đủ phá được cái nhầm lẫn của người đời xưa nay đại-khái như sau này:

Từ năm 1910, người ta tìm được cái gốc sinh giai hay sinh gái là do cái thể chất nhuộm mầu (chromosome) ở trong tế-bào kết hợp lại mà sinh ra. Theo như thuyết đó thì mỗi một người trong 24 giờ đồng hồ cái thể chất nhuộm mầu ấy phân ra làm 48 cái, trong 48 cái ấy có 2 cái đối nhau, ấy đó tức là hai cái làm ra con giai hay là con gái vậy. Người ta đặt tên cho hai-cái thể chất ấy là X và Y. Hễ X kết-hợp với X thì thành con gái, mà X kết-hợp với Y thì thành con giai. Còn cái duyên cớ kết hợp thì toàn là do sự tình cờ, chứ không có cách nào nhất định cả.

Trong âm hạch của người bố có cái là X có cái là Y, mà trong buồng trứng của người mẹ thì hai cái đều là X cả. Hai cái X và Y của người bố đều có thể kết hợp với hai cái X của người mẹ, bởi thế hễ cái Y của chồng kết hợp X của vợ, thì đẻ con giai, mà nếu cái X của chồng kết hợp với cái X của vợ thì thành con gái.

Nói tóm lại thì trong mình đàn ông có cả thể chất con giai và thể chất con gái, mà trong mình đàn bà chỉ có cơ-thể con gái thôi, bởi vậy cái trách-nhiệm sinh giai đẻ gái là tự bố chứ không tự mẹ, đổ tội cho vợ rồi đi lấy vợ lẽ là không phải.

Trên này là cái thuyết của Hải-kim, nói vậy biết vậy, đích xác hay không, cái đó còn chưa dám chắc. T. N.

Tầu hỏa kiểu mới chạy nhanh nhất.

Nước-Đức gần đây mới lưu-hành một thứ xe hỏa đặc-biệt, người ta trông thấy đều lấy làm kinh lạ không biết chừng nào.

Hình cũng tựa như cái tầu bay Tê-Bá-Lâm, nên cùng gọi là xe hỏa Tê-Bá-Lâm; cứ mỗi toa máy xe dùng bằng thứ máy tầu bay sáu trăm mã-lực, để vận-động các bánh xe sau cho chạy đi, khi chạy trên đường sắt, chẳng khác gì toa xe kiểu mới, chỉ có hình dáng thì khác hẳn coi như là cái thuyền chạy trên đất, thứ xe này năm trước đã cho chạy thử trên đường sắt, thí nghiệm cho chạy thực xem, cứ mỗi giờ chạy được một trăm dậm nước Anh, rẫu chở đầy khách, sức chạy nhanh cũng không hơi kém chút nào, nếu cho chạy phóng đi, không hạn chế chút nào thì mỗi giờ có thể thêm lên đến mười lăm dậm Anh vả lại thứ xe này cứ trong một giờ mà cho chạy chín mươi dậm Anh, thì các hành-khách rất là êm ái, tuyệt không hơi một chút nào lắc lay khó chịu; thứ xe lửa mới này nghe là sắp đem dùng về việc chở khách đường xa và trở các thơ tín, cho được mất ít thì giờ mà lại có thể bớt được cước phí nữa.

ĐÔNG-PHÁP HỎA-XA

HẠT BẮC

YẾT-THỊ

Sở Hỏa-Xa Đông-Pháp có lời bá cáo để công chúng biết rằng trong mấy ngày hội Đền-Sòng, từ 7 Avril đến 13 Avril 1931, tức là 20 đến 26 tháng hai năm Tân-Mùi, bản sở sẽ đặt những chuyến xe riêng từ Nam-Định vào Thanh-Hóa và từ Thanh-Hóa ra Nam-Định theo những giờ sau này:

GIỜ CÁC CHUYẾN XE:

Chuyến xe chạy từ Nam-Định vào Thanh-Hóa

(Chuyến này đón khách ở Hanoi xuống).

Nam-Dinh	giờ đi	13 h 30
Trinh-Xuyên	—	13, 42
Nui-Gôi	—	13, 55
Cat-Dông	—	14, 06
Ninh-Binh	—	14, 21
Câu-Yên	—	14, 32
Chợ-Gành	—	14, 42
Dông-Giao	—	15, 03
Bim-Son	—	15, 30
Do-Lên	—	15, 49
Nghia-Trang	—	16, 12
Hàm-Rông	—	16, 28
Thanh-Hoa	giờ đến	16, 35

Chuyến xe chạy từ Thanh-Hóa ra Nam-Định

Thanh-Hoa	giờ đi	9 h 54
Hàm-Rông	—	10, 03
Nghia-Trang	—	10, 19
Do-Lèn	—	10, 37
Bim-Son	—	11, 02
Dông-Giao	—	11, 19
Cho-Gành	—	11, 34
Câu-Yên	—	11, 44
Ninh-Binh	—	11, 58
Cat-Dông	—	12, 10
Nui-Gôi	—	12, 21
Trinh-Xuyên	—	12, 34
Nam-Dinh	giờ đến	12, 44

(Hành khách về chuyến xe này đến Nam-Định sẽ có chuyến xe khác đón đi Hanoi ngay)

Hanoi, le 12 Mars 1931

Le Gérant:

PHAM-DINH-KY

Số 21 NĂM TÂN-VỊ 1er S. Avril 1931

RESIDENCE SUPÉRIEURE AU TONKIN
BIBLIOTHÈQUE CENTRALE

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

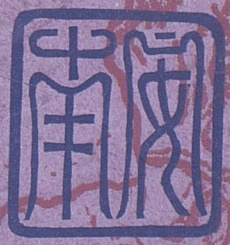

BAO-QUAN
123 — Rue Maréchal-Foch — 123
NAM-DINH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7$00	Một năm	8$00
Nửa năm	3.50	Nửa năm	4.00
Mỗi số	0.15		

IMPRIMERIE NAM-VIÊT NAM-DINH
1931

1/2/3
NTR. 31
9

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 7, 8 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Sự tiến-thủ của quốc-dân, vì những cớ sao? Không mãnh-tiến!

Hán-học tinh-thần *(chí khảng-khái của người nam-nhi đối với luân-thường, tôn-giáo, và thời-cục, Trịnh-thành-công).*

Học-thuật của quốc-dân ta từ xưa đến nay, đối với sự văn-minh tiến-thủ.

Nữ-giới tùng-đảm *(sự quan-hệ của người đàn bà ở Á-đông đối với gia-đình của người chồng).*

Văn Thơ.

Một sự mới lạ về khoa-học thuốc.

Xã-Hội Thiền-đàm. *(ruốc cá)*

Xã-Hội Ba-đảo-ký. *(tình phụ tử đời nay)*

Tiểu-Thuyết *(Hà-thành Nữ-sĩ,) (tiếp theo)*

Kịch (Hạt máu rơi.) *(tiếp theo)*

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 21 NĂM TÂN-VỊ 1er S. Avril 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÁN
Phó Chủ-sự

SỰ TIẾN-THỦ
CỦA QUỐC-DÂN, VÌ NHỮ'NG CÓ' SAO?
KHÔNG MÃNH TIẾN!

An-nam tạp-chí tự nhận là « *cơ-quan tiến-thủ của quốc-dân,* » mà chính ngay sự tiến-thủ của tạp-chí An-nam, rất là không mãnh tiến! Cơ-quan tiến-thủ như vậy, thời phàm các cơ-thể trông vào cái cơ-quan đó để tiến-thủ, nghĩ chẳng là sốt ruột lắm ru? Sự thực có như thế.

Nay tôi nhớ:

Khi An-nam tạp-chí mới bắt đầu ra lần thứ nhất ở Hàng-Lọng Hà-nội, khi đó chiêu yết mỗi tháng xuất bản là hai kỳ, vậy mà trong cái thời-kỳ sau trước đến mười tháng (từ tháng Juillet 1926 đến tháng Mars 1927,) số xuất-bản chỉ có từ 1 đến 10, đó là một cái thực-chứng rằng An-nam tạp-chí tiến-thủ không mạnh.

Khi An-nam tạp-chí lại ra đời lần thứ hai ở Bờ-hồ Hà-nội, chiêu-

yết mỗi tháng ra bốn kỳ, vậy mà trong cái thời-kỳ sau trước đến 2 tháng (từ tháng Juillet đến tháng Août 1930,) ra được có ba số là từ số *11* đến số *13*, đó lại là một cái thực-trứng rằng An-nam tạp-chí tiến-thủ không mạnh.

Từ khi An-nam tạp-chí ở Hà-nội đem về Nam-định, *chiếc thuyền nan* đã tự tiến lên *con tầu sắt*, mà trong cái thời-kỳ tới nay đã 4 tháng (từ tháng Décembre 1930 đến nay là tháng Avril 1931,) mới xuất-bản được có 7 số là từ số 14 đến số trước đây là 20, lại là một cái thực-trứng nữa rằng An-nam tạp-chí tiến-thủ không mạnh.

Ôi, ba kỳ, hai mươi lăm triệu quốc-dân, một cái cơ-quan tiến-thủ, mà tiến-thủ như thế! Nghĩ đáng trách cho An-nam tạp-chí! mà cũng đáng buồn cho quốc-dân ta thay! Nhân thế mà tôi xuy nghĩ về sự tiến-thủ của Quốc-dân An-nam ta, vì những cớ sao? không mãnh tiến.

Nghĩ về cái nguyên-cớ không mãnh tiến, thời chưa hẳn như tôi đã biết; mà nếu tôi có biết, thời toàn-thể quốc-dân chắc cũng đều đã biết. Nay xin cứ những điều vụn vặt của tôi tưởng nghĩ, lược-thuật ra như dưới, nếu hoặc có quả-nhiên như thế, thời xin quốc-dân ta sẽ cùng liệu tính, tính sao cho sự tiến-thủ được mỗi ngày mạnh thêm.

Các nguyên-liệu về sự tiến-thủ, nghĩ chỉ có ba cái: một là *tài* 才 (nhân tài); hai là *lực* 力 (sức, chữ *lực* đây truyên nói về sức tiền của; ba là *tâm* 心 (cái bụng tốt đối với quốc-dân xã-hội.) Ba cái đó nếu không hòa-hợp với nhau, thời sự tiến-thủ dẫu có muốn cho mau, mà mau sao cho được! Vậy mà cứ cái thực-trạng trong xã-hội ta, và ba cái nguyên-liệu ấy, thời tôi thấy ra như sau đây:

1·) Kẻ có tài, không có tâm; mà kẻ có tâm không có tài.

2·) Kẻ có lực, không có tâm; mà kẻ có tâm không có lực.

3·) Kẻ có tài, không có lực; mà kẻ có lực không có tài.

4·) Kẻ có tài dùng sai cái tài; kẻ có lực dùng sai cái lực.

5°) Những kẻ không lượng tài, không lượng lực, mà việc đời muốn làm.

Phàm các công-việc ở trong xã-hội ta, các giới *sĩ, nông, công, thương,* có nhẽ như thế cả. Tôi là người làm về việc văn-học, trong giới văn-học, tất có phần hiểu hơn. Xin hãy cứ cái chỗ mình có thể hiểu mà lược nói ra, để ai nấy cùng xét.

Hiện nay hai phái *cựu-học* và *tân-học*, tức là hai phái *nho-học* và *tây-học* ở nước ta, không thiếu gì những người có nhiều học-vấn, có thi đỗ Tiến-sĩ. Phó-bảng, Cử-nhân, Tú-tài, các danh-mục trong hai sự thi; song mà những người ấy, phần nhiều, đâu có phải là người làm về việc văn-học của xã-hội.

Những người làm về việc văn-học của xã-hội, phần nhiều lại không phải là người có danh-mục thi đỗ, mà học-vấn thực cũng kém ít, chỉ vì không có việc khác hơn nữa, cho nên cũng theo về việc đó mà thôi. Cùng là những người theo làm về công-việc văn-học, mà những ai phú quý phong-lưu, thời cái bụng còn để về chỗ phong-lưu phú quý; đồn-điền, ô-tô, nhà tây, thực chiếm phần trọng yếu trong tâm-lý, có dư đâu mấy chút tư-tưởng tốt đẹp mà nghĩ đến xã-hội được ru? Những kẻ hoặc có chút bụng dạ với công chúng, có thể theo đòi về công việc văn-học, thời chỉ những lo về cái cảnh khốn-cùng riêng không xong; muốn mua quyển sách không có tiền, còn nói chi những sự khảo-cứu! Lại những kẻ có tài văn-học, mà đi nói về việc chính-trị; người trong phái tân-học, đi làm sách nói về bên học nho; kẻ có tiền in sách để vứt đi; kẻ có sách không biết tính cùng ai xuất-bản. Đó đều là tài lực của xã-hội vẫn có, mà sự dùng không hợp, cho nên không ra làm sao.— Lại đến như không lượng tài, không lượng lực, mà việc đời những muốn đảm-đương, thời trong Báo-giới của ta, từ trước đến nay, tưởng cũng có đôi ba, mà An-nam tạp-chí chính tức là một vậy.

Một kẻ thư-sinh hủ cựu, mưu sinh chẳng nổi, vợ con còn hồ khẩu nhờ người, mà «cơ-quan tiến-thủ của

quốc-dân », ôi, nào há phải một vật nhỏ ? Nay xuất bản, mai lại đình bản ; nay đình bản, mai lại xuất bản. Thế lực ở đời đã kém, bạn bầu cũng chẳng bằng ai ;

Buồm dương mà gió chưa xuôi,
Con tầu đốt củi (1) *ai ơi nực cười !*

Cứ vậy xem ra thời sự tiến-thủ của quốc-dân An-nam ta mong cho được mãnh tiến, thực đáng là một sự khó lắm vậy.

Tuy vậy, ông Âm-băng có nói rằng: « *Ở đời duy chỉ có nghị-lực là đủ cậy.* » Ông Mạnh-tử có nói rằng : « *Địa-lợi không bằng nhân-hòa.* » Vậy thời vô luận vì những cớ sao mà sự tiến-thủ của quốc-dân ta chưa mạnh, song nếu chúng ta quả có lòng hòa-hợp mà có chút nghị-lực về sự tiến-thủ, thời lo gì tiền-đồ của tổ-quốc, chúng ta không có ngày cao chân rộng bước ru ? Sự tiến-thủ của toàn thể quốc-dân, xin quốc-dân ta cùng lo. Sự tiến-thủ của An-nam tạp-chí, xin vì Quốc-dân ta trước lo.

TẢN-ĐÀ **Nguyễn-khắc-Hiếu**

(1) An-nam tạp-chí tiến hành chậm, có người viết thư về, cười là « *cái tầu đốt bằng củi* »

Mãnh-tiến — 猛進 — Tiến lên mạnh.
Thực-trứng — 實證 — Cái trứng-cớ sác thực.
Nguyên-liệu — 原料 — Cái tài-liệu để làm nên vật gì.
Thực-trạng — 實狀 — Cái tình-trạng thuộc thực.
Mưu-sinh — 謀生 — Mưu về sự sinh nhai.
Hồ-khẩu — 餬口 — Nuôi miệng
Nghị-lực — 毅力 — Sự gan - góc, sự bền gan,
Địa-lợi — 地利 — Cái hình thế tiện lợi về phần đất.
Nhân-hòa — 人和 — Sự hòa hợp do lòng người

世上無難事。人心自不堅。

Thế thượng vô nan sự ; nhân tâm tự bất kiên.

Đây là hai câu cổ - thi.

Nghĩa rằng :

Ở trên đời không có việc gì là khó, chỉ vì là lòng người ta không được bền vững đó mà thôi.

AN - NAM TẠP - CHÍ

HÁN-HỌC TINH-THẦN

Chí khảng-khái của người nam-nhi đối với luân-thường tôn-giáo và thời-cục

TRỊNH-THÀNH-CÔNG 鄭成功

Ẩm-băng Lương tiên-sinh có nói rằng: « Cuối đời Đông-Hán biết bao nhiêu danh-sĩ, mà cơ-đồ nhà Hán thành cái thế tam-phân ở Ba-thục, do một người vô danh là *Gia-Cát-Lượng*. Cuối đời nhà Minh biết bao nhiêu danh-sĩ, mà chính sóc nhà Minh còn lại 40 năm ở Đài-loan, do một người vô-danh là *Trịnh-thành-Công*. »

Ông Gia-cát-Lượng thời ai cũng đã biết, nay tôi xin nói truyện về ông *Trịnh-thành-Công*.

Ông Trịnh-thành-Công, bố là *Trịnh-chi-Long* 鄭芝龍, người Tầu; mẹ là người Nhật-bản, đẻ ông ra ở trên một hòn đá ở bãi bể. Giời sinh ra những đấng anh-hào, lúc sơ-sinh cũng có khác như thế.

Nguyên cuối đời nhà Minh, Trung-quốc đại loạn, ngoài thời quân *Mãn-Thanh* đánh vào, trong thời *Lý-tự-Thành*, *Trương-hiến-Trung* phá thành giết tướng. Trịnh-chi-Long người ở Nam-an, nhân buổi loạn cũng mưu đồ tự lập. Bắt đầu Chi-Long cùng các người bằng bối ra bãi bể mưu việc, chưa định biết bầu ai làm đầu, chúng ước mỗi người cầm hai cái đĩa tung lên giời, nếu đĩa của ai tung mà rơi xuống không vỡ, thời sẽ định người ấy làm trưởng. Vậy rồi các người khác tung đĩa rơi xuống phải đá, đều vỡ tan nát hết; duy hai cái đĩa của Chi-Long cứ úp nhau từ trên cao rơi xuống, nằm tự-nhiên trong chỗ cát. Theo lời ước, chúng bèn công nhận, tôn Chi-Long lên làm đầu. Từ đấy nổi to, hùng cứ một phương hải-đảo. Xem nhà họ Trịnh nguyên lúc mới phát khởi, chẳng là có chỗ khác hơn người ru?

Năm Sùng-Trinh nhà Minh thứ 17, Lý-tự-Thành đánh phá Yên-kinh, vua Trang-Liệt chết theo xã tắc. Quan Binh-bộ-thượng-thư của Minh là *Sử-khả-Pháp* phụng Phúc-vương là *Do-Tùng* lên ngôi Giám-quốc ở Nam-Kinh. Trịnh-chi-Long qui phục về Minh, được phong tước Nam-an-bá, liền lại được làm chức Tổng-binh, chấn thủ Phúc-Kiến. Em Chi-Long là Hồng-Qùi đem thủy-quân phòng giữ ở Chấn-Giang. Sang năm sau, Phúc-vương bị quân Thanh đánh bắt được, Chi-Long và Hồng-Quỳ cùng lũ Hoàng-đạo-Chu lại phụng Đường-vương là Duật-Kiện lên ngôi Hoàng-đế ở Phúc-Châu, đặt niên-hiệu là Long-Võ. Chi-Long và Hồng-Quỳ đều được tiến tước hầu, coi nhất thiết các cơ-nghi về việc binh. Chi-Long vì có ý truyên quyền, nên đối với các văn-thần không hoà, mà đối với vua Minh thành ra cũng có ý oán vọng. Quân Thanh phá Phúc-Châu, Chi-Long tự An-bình dâng tờ biểu qui hàng về Thanh.

Trước khi Trịnh-chi-Long hàng Thanh, có giảng dụ cho con, rủ cùng quy phục, mà Thành-Công nhất định không nghe. Thành-Công can bố hết lời, mà Chi-Long cũng nhất định không nghe. Lời sau cùng của Thành-Công nói với Chi-Long rằng: « *Sau này bố nếu có gặp sự không may, con duy có lấy đồ sô gai để gọi là báo hiếu!* » Chi-Long hàng Thanh.

Khi ấy mẹ Thành-Công đã chết, Thành-Công tuổi 21 (1646), ôm các đồ ăn mặc quần áo nho, vào miếu đức thánh Khổng, khóc rồi mà lễ, lễ xong rồi đốt hết, nói rằng: « *Lễ-giáo của Ngài thời quý thật, nhưng bây giờ không phải lúc dùng được; xin từ đây bỏ lối ăn mặc nho.* » Từ đấy Thành-Công truyên mặc đồ binh-phục, cầm quân chống nhau với Thanh.

Bắt đầu Trịnh-thành-Công cùng với chú là Trịnh-hồng-Quỳ đem quân chạy lánh vào miền cù-lao ở dữa bể, giữ địa-phận Nam-Úc (1). Khi ấy vua Minh là Duật-Kiện đã bị quân Thanh đánh bắt được mà chết, các bề tôi nhà Minh lại phụng

Quế-vương là Do-Lang lên làm vua ở Triệu-Khánh. Thành-Công sai sứ đến Do-Lang. Do-Lang phong Thành-Công làm *Diên-bình quận-vương, chiêu-thảo-đại-tướng quân*, tiến quân đánh các phủ Chu-sơn, Phức-Kiến, thanh-thế rất lừng-lẫy. Triều-đình Thanh thấy Thành-Công thế mạnh, bắt Chi-Long viết thủ-thư, sai sứ cầm với thư của vua Thanh đến chỗ Thành-Công, dụ nên quy phục. Sứ-giả đi lại đến tám lần, mà không có công-hiệu. Sau cùng là lần thứ chín, ý trong thư của Chi-Long nói: "Thành-Công nếu không hàng, Chi-Long tất không sống." Thành-Công cũng viết thủ-thư đáp lại, ý nói rằng: « Con vẫn đã nói với bố từ trước; nay có sự thế nào, con duy chỉ có lấy đồ sô gai để báo hiếu! »

Bận ấy sứ-giả về nữa thời Chi-Long bị giết chết ở Thành.

Chi-Long đã chết, Thành-Công càng ra sức tự cường, đánh Nam-Kinh, giữ Đài-Loan để làm nơi căn-cứ.

Thành-Công chỉ có một con, tên là Kinh 經. Kinh vì sự thông gian với người vú, có mang, Thành-Công sai bắt chém để lấy đầu đem dâng. Nhờ có Trịnh-hồng-Quỳ nghĩ về tôn-tự, đương đêm chém một kẻ khác, lấy đầu để vào mâm đem dâng lên Thành-Công; mà chính Kinh thời đem giấu biệt đi nơi khác. Sau Thành-Công chết, Kinh về nối. Kinh chết, con thứ là Khắc-Sảng 克塽 lại nối. Mãi đến cuối đời Khang-hy nhà Thanh, Chu-nhất-Quý làm loạn, mà họ Trịnh mới mất Đài-Loan.

Truyện Trịnh-thành-Công, xưa kia tôi được xem tường, nay chỉ do sự nhớ mà xét thêm ở sử bắc thuật ra, cho nên sơ lược đáng tiếc. Còn nhớ trong truyện nói mẹ Thành-Công, đương lúc Chi-Long đi vắng mà quân Thanh đến vây thành, đứng trên mặt thành chống nhau với quân giặc, bị bắn rơi xuống mà chết. Đó đủ thấy cái dũng-khí của người Nhật-bản, mà Thành-Công được ở mẹ phần nhiều.

Nguyễn-khắc-Hiếu

(1) — Nam-Úc là cù-lao ở miền bể Quảng-đông. Nay là huyện, thuộc đạo Trào-tuần Quảng-đông.

Cảnh đêm nhà ẩn-sĩ

"Điệu hát miễu nói"

Năm xưa sông cái thuyền nan,
Năm nay tầu sắt băng ngàn rậm khơi.
Đời chưa đáng chán, ai ơi!
Chán thời chưa chán, lo thời cứ lo.

大隱隱城市。
Đại-ẩn ẩn thành thị (1)
Chẳng lâm tuyền, mà hồ thỉ cũng không đâu.
Một ngọn đèn xanh biếc đêm thâu,
Người dạ ngọc, mái đầu sương nhuốm tóc.

鬚眉似筆年年禿。
Tu my tự bút niên niên thốc (2)
思想如膏夜夜焚
Tứ tưởng như cao dạ dạ phần (3).
Vẻ tài hoa bôi nhọ vết phong trần,
Trải ngày tháng, những xoay vần Nam với Bắc.

Tơ chưa hết ruột, tằm sao thác;
Tiền dẫu còn lưng, bạc vẫn thua.
Chịu hồi đen, ngồi với cuộc ganh đua,
Giời chửa sáng, tha-hồ ai đỏ tá,

如天之果欲平治天下也。
Như thiên chi quả dục bình trị thiên-hạ dã (4),
當今之世。舍我其誰。
Đương kim chi thế, xả ngã kỳ thùy (5).

Nghĩ làng nho, ta lại muốn cười khi:
Ông Mạnh-Tử cũng nhiều khi hay nói khóac.
Nhớ ai, ta những lòng man-mác;
Ta nhớ, mà ai có nhớ ta?
Mảng bên tai như đã rộn canh gà,
Thơ cạn túi, rượu ngà ngà say cạn chén.
Đèn cứ cháy, chủ-nhân xin tạm biệt;
Đêm sau rồi, trò chuyện suốt năm canh.
Lại ta với ngọn đèn xanh.

Tản-Đà

(1) Kẻ ẩn dật một cách lớn lao, thời ẩn náu ngay ở chỗ thành thị.
(2) Mày râu giống như bút, mỗi năm càng mỗi trụt.
(3) Tư-tưởng như dầu thắp, đêm đêm cứ đốt hoài.
(4) Nếu giời mà qủa muốn cho thiên-hạ đến lúc bình trị. (5) Thời đương cái đời nay, bỏ ta mà là ai. (Hai câu này lời nói của ông Mạnh)

HỌC-THUẬT CỦA QUỐC-DÂN TA

từ xưa đến nay, đối với sự văn-minh tiến-thủ

Nước ta kể từ đời *Hùng-vương*, dựng nước *Văn-lang* đến giờ hơn bốn nghìn năm, cái lịch-sử dựng nước không phải là không lâu. Nửa đời *Hồng-bàng* đã sai sứ sang nhà *Đường*, nhà *Chu* để thâu thái lấy văn-hóa của *Trung-quốc*, cái thời-kỳ khai hóa không phải là không sớm.

Địa-thế ở gần bãi bể, sự tiến thủ văn-minh rất rễ phát sinh; khí-hậu thì lại ôn-hòa, vật sản đầy đủ, làm ăn tiện lợi, sự tiến-hóa văn-minh cũng có nhiều phần dễ dàng phát đạt.

Người Nam ta là một nòi da vàng, là nòi giống cao-đẳng ở *Á-châu*, tính chất thông minh nhanh nhẹn, sự hấp thụ văn-minh lại càng không khó khăn gì.

Cứ mấy cớ đó mà xét, quốc-dân ta sinh trưởng ở xứ này, đáng lẽ văn-minh tiến-bộ không kém gì các nước văn-minh khác ở trên thế-giới mới phải.

Thế mà sao từ thời-đại thượng-cổ cho đến thời-đại trung-cổ, lại cho đến thời-đại mới gần đây, chưa từng thấy có một thời-kỳ nào có thể gọi là một đoạn lịch-sử Văn-minh tấn tới bằng người, là tại làm sao?

Hoặc bảo vì phần đất nước mình bé nhỏ, thì ngày xưa như nước Hy-lạp La-mã, còn nhỏ hơn nữa, sao từ ba nghìn năm về trước, văn-hóa đã thịnh, có thể làm một nước dẫn lối văn-minh cho cả châu Âu. Gần đấy như Nhật-bản, Xiêm-la, so sánh với đất ta nào có rộng to hơn sao, mà mới mấy mươi năm nay, văn-minh tiến-bộ, có thể sánh vai với các nước phú cường bên Âu Mỹ, thế thì không phải vì nước bé nhỏ mà văn-minh không tiến.

Bảo rằng tại nhân tài nước ta không có, thì từ đời thượng-cổ như *Nguyễn-tiến*, *Lý-cầm*, tài học đã sánh ngang cùng người *Hán*; Trung-cổ như ông *Chu-văn-Trinh*, Ông *Nguyễn-bỉnh-Khiêm*, lý-học cũng từng nổi tiếng buổi *Trần*, *Lê*, thế thì không phải vì nhân-tài thiếu thốn mà văn-hóa không truyền.

Những cớ đó đều không phải cả, mà cũng không phải vì chính-trị hay phong-tục nữa đâu; một nước mà có thể văn-minh tiến bộ được, là nhờ có học-thuật tư-tưởng; học-thuật tư-tưởng ở trong nước, ví như tinh-thần trong mình người, mà chính-trị phong-tục chỉ là hình-chất; học-thuật đối với sự tiến bộ-trong một nước, cũng ví như cha mẹ trong một nhà, mà chính-trị phong-tục chỉ là con cháu.

Chưa có người nào tinh-thần hèn kém, mà làm cho hình chất có thể hoạt bát lên, chưa có nhà nào, cha mẹ yếu ớt mà sinh ra con cháu có thể mạnh khỏe được, thì cũng chưa có nước nào học-thuật hãy còn khuyết-điểm, mà chính-trị có thể khôn khéo; phong-tục có thể thuần túy, và quốc-dân có thể mong cho cường thịnh văn-minh.

Vậy nên muốn cho thân thể trong mình được điều hòa, cốt nhờ có tinh-thần khoan khoái, muốn cho con cháu trong nhà được mạnh dỏi, cốt nhờ gốc ở cha mẹ khí huyết đầy đủ tốt tươi; mà muốn cho dân trong nước văn-minh tiến-bộ, tất phải nhờ có học-thuật tư-tưởng thịnh hành mới được.

Cứ lẽ đó mà xét, thì đất cũ *Văn-lang* mà chưa thấy có một hồi vẻ vang văn-hóa; tiếng truyền *Văn-hiến*, mà chưa thấy có một ngày bước tới văn-minh; cái duyên-cớ chỉ vì dân-trí chưa khai thông, mà dân-trí chưa khai thông, cũng chỉ vì học-thuật chưa tiến-bộ bằng người vậy.

Vì cớ gì mà học-thuật của ta chưa thấy tiến bộ, kẻ thiển-học này xin lạm đem sự xem xét nông nổi, mà tìm đến nguyên nhân.

Nước ta xưa theo văn-hóa nước Tầu là một nước văn-minh tối-cổ ở Á-đông.

Từ đời *Hán* đã có *Sĩ-nhiếp*, sang giậy cho ta những văn-học, người mình thường còn nhớ tôn lên làm ông tổ-sư việc học nước Nam, về sau Lý, Trần, giở xuống, đời nào cũng lập lên trường học, rộng mở khoa thi, về phần người trên chấn hưng sự học không phải là không có chính-sách; khi đó cũng có nhiều người tài giỏi học hay, đỗ đến trạng - nguyên, tiến-sĩ, về phần dân - gian ham chuộng sự học không phải không có công phu.

Nhưng chỉ vì sự học thủa xưa, học toàn chữ Hán, quá chuộng văn chương, miệng chỉ đọc qua, chẳng biết suy tìm đến học-thuyết tinh - vi của ông *Chu* ông *Khổng*; lòng nguyên mê mệt, chỉ dùi mài học tập hư - văn của *Đường*, *Tống*, *Nguyễn*, *Minh*; ngoài sự học lấy thuộc lòng trơn mép cho nhiều, không còn tư - tưởng gì là phần cao-thượng; chắp chữ làm văn cho thạo, không còn suy xét gì đến chốn rộng xa, bởi vậy mà học cũng như không, chẳng có quan thiết gì về đường thực-nghiệm, còn mong gì là có học-thuật, cũng đã mong gì đến bước văn-minh.

Vả chăng lẽ tấn-hóa chung của loài người, tất phải từ dã-man đến bán-khai, từ bán-khai đến văn-minh, đó là con đường của các dân-tộc tất phải bước qua trong cuộc thiên-diễn, thế thì cái đoạn lịch-sử tiến-hóa của quốc-dân ta từ thượng-cổ chơ đến trung-cổ, còn là thuộc về thời-đại học-thuật phôi - thai, tư-tưởng hãy còn nhiều phần khuyết điểm, sự đó đã qua, không cần nói nữa.

Nay hãy xem gần mấy mươi năm nay, ngọn trào *Âu*, *Mỹ* tràn sang, mà cái học thuyết mới mẻ của bậc hiền-triết bên Thái-Tây, cũng đã phảng phất truyền vào quãng đất nước *Nam* ta vậy. Người mình khi thoạt đầu học chữ tây là cốt cho biết tiếng, thông nhời không kể. mới gần đây xem ra cũng đã có nhiều bậc anh-tuấn, không những theo đòi học tập ở các trường xứ mình, mà lại còn nhiều người du-học bên Pháp, đã từng tranh lèo, giật giải, cùng các người học-giả nước ngoài, cũng đã từng có người đỗ đến tiến - sỹ, kỹ-sư về các khoa-học; không phải là người mình không biết theo cái trào lưu thế-giới để cùng bước tới văn-minh.

Nhưng xét thực ra thì các người đó, lại cũng chẳng qua chỉ là cốt để đủ ứng đối với đời, cốt để đủ làm ăn được việc, chớ về phần lưu tâm suy sét để nghiên cứu lấy một vấn - đề gọi là có ích lợi chung về văn - hóa, để cống hiến cho cả quốc-dân, thì thực là còn ít quá bởi vì các người lưu-tâm về văn-hóa của ta hãy còn ít như thế, nên học-thuật cũng chưa từng tiến-bộ được bao.

Ôi, quốc-dân ta mà không muốn văn-minh tiến - bộ thời thôi, nếu muốn cho được văn-minh tiến - bộ theo đuổi kịp người, ganh đua với người, cùng múa nhẩy trên cõi đời khôn sống mống chết này, mà không biết tìm cách khai - thông trí - tuệ cho ngày mở rộng mãi ra, thì không thể đứng vững được, cái cách mở mang trí tuệ, tất phải lo sao cho học-thuật tiến-bộ lên mà cái trách-nhiệm làm cho học-thuật của quốc-dân ta được tiến bộ kịp người, bằng người hay hơn người đều là trông vào các bậc anh-tuấn có chí về sự học ở buổi sau này vậy.

Cái sự trông mong của học-giới ta đối với các bậc anh-tuấn sau này, thực là xa xôi rộng rãi, cái trách nhiệm của các bậc anh-tuấn ta đối với học-thuật nước nhà thực là to tát nặng nề, những ai để ý đến công-cuộc tiến hóa của quốc-dân đã từng rõ cả, mà các bậc học-giả chắc cũng đã biết tỏ tường cái trách-nhiệm của mình, không đợi chi ai nói đến nữa vậy. Kẻ thiển-học này có dám đâu khua môi, múa bút, bàn đến cái yếu - điểm to tát cao xa, nhưng vì tấm nhiệt-thành đối với bước đường tiến-thủ của quốc-dân không thể đừng được, nên phải gọi là gom góp một đôi ý-kiến hẹp hòi tỏ bầy cùng các bậc cao-minh lượng xét!

Tôi thiết nghĩ rằng: Quốc-dân mà trông mong về học-giả sau này, là trông mong về học-thuật có chủ-não, có mục-đích đó, mà các học-giả sau này có thể làm cho khỏi phụ cái sự trông mong của quốc-dân,

cũng là bởi cái học - thuật có chủ-não có mục-đích đó thôi,

Xưa kia không phải là không có người học, những người học xưa kia cũng không phải là không có người anh-tuấn, sao mà không trông mong gì được? sao mà không khỏi phụ cái sự trông-mong của quốc-dân ta ? Ấy cũng chỉ vì không có chủ-não không có mục-đích mà thôi vậy.

Tôi nói ngay rằng: Những học-giả trước kia không có chủ-não, không có mục-đích, chắc cũng có người cho rằng nói quá sai ngoa; nhưng hãy xem cái chủ-não chỉ đi kiếm việc, cái mục-đích chỉ để vinh thân, chẳng qua riêng lợi một mình, nào có bổ ích chung gì xã-hội, cái chủ-não ấy, cái mục-đích ấy, rẫu có cũng như không có, mà quốc-dân ta còn có mong gì.

Cái chủ-não, cái mục-đích chân chính mà quốc-dân ta trông mong về các bậc anh-tuấn sau này, là mong sao cho cái học-thuật đủ khai thông trí-thức, mở mang tư-tưởng, cho chung cả quốc-dân đều được hưởng phần lợi ích, đều có thể đua tài, đua trí với các dân tộc văn-minh, như thế mới gọi là học-thuật có tiến-bộ vậy.

Nay hãy xin đem mấy điều mà các bậc học-giả nên lưu ý đến, lấy thiển-kiến mà lược bầy ra sau này:

Học thuật của ta chưa tiến-bộ, là vì tư-tưởng của ta hãy còn hẹp hòi, ta cần phải thâu-thái tư-tưởng của các nước văn-minh để mở mang cho rộng.

Hãy xem nước *Pháp* từ đời vua *Louis XIV* về trước, văn-minh hãy còn đình đốn, nhờ có ông *Voltaire* thâu thái các tư-tưởng nước ngoài để cổ động cho dân trong nước, cái nền văn - minh của nước *Pháp*, bấy giờ được rõ rằng bên châu *Ơ-Rốp* (Europe) chính nhờ cái học-thuật ông *Voltaire* làm đội tiên-phong.

Lại như nước *Nhật* từ đời *Minh-trị* trở về trước, văn-hóa so với ta chưa chắc đã hơn, nhờ có ông *Phúc-Trạch-Dụ-Cát* chuyên thâu thái các tư-tưởng văn-minh Âu, Mỹ, để giảng giậy cho quốc-dân, cuộc duy-tân của *Nhật-Bản* bây giờ mà phát đạt trước Á-đông, cũng tại có sự học của ông *Phúc-Trạch-Dụ-Cát* làm thầy dẫn lối.

Ấy các bậc học-giả các nước đối với sự tiến - hóa của quốc-dân họ, làm hết trách-nhiệm là thế, thỏa lòng mong tưởng của quốc-dân họ biết là dường nào! hạnh-phúc cho quốc-dân, biết là dường nào!

Vậy dám mong rằng các vị học-giả của ta cũng chớ nên chỉ chăm ích lợi riêng mình, mà cốt lấy sự thâu thái tư-tưởng văn-minh của người, đem truyền bá cho quốc-dân ta, góp nhặt bao những tư tưởng văn minh của các nước khác để mà bồi bổ cho quốc-dân mình, ấy là cái chủ-não chân chính đó vậy, nếu không thế thì rẫu có muôn nghìn học-giả cũng chẳng có bổ-ích gì cho văn-hóa mai sau.

Vả lại muốn truyền bá văn-hóa cho quốc-dân cần phải có nhiều sách vở, mà sách vở có dùng bằng chữ bản-quốc, thời sự lưu hành mới được phổ thông, sách vở chữ quốc-ngữ ta hãy còn ít ỏi quá, không phiên dịch ra không được.

Hãy xem ngay người *Nhật-Bản* học bên *Âu, Mỹ*, phần nhiều họ không thạo về tiếng nói, mà phần dịch - thuật thì rất lưu tâm, thường khi bên *Âu, Mỹ*, có một thứ sách mới nào, *Nhật - Bản* liền có sách dịch đó. Học - thuật của họ tiến bộ, cũng nhờ ở nguyên-nhân đó mà ra.

Lại như *Ngô-Trỹ-Huy* người *Tầu* có nói rằng: Quốc-Dân Tầu bằng muốn nói đến văn-hóa, nên hãy dịch lấy ba vạn quyển sách đã. Bởi vậy mà người *Tầu* bây giờ dịch sách *Âu, Mỹ* không biết là bao; mà cái học-thuật họ cũng ngày ngày càng thịnh, vì những sự truyền bá văn-hóa cho quốc dân, sách vở mà không dịch ra tiếng nước nhà, thì tiếng nói ngăn trở, người học khôn lòng hiểu thấu, mà người truyền bá cũng không gì bằng đem ngay tiếng bản - xứ mà giảng giải, còn có phần nhanh hơn.

Sự học của ta kể cũng đã lâu, mà nói về sự dịch sách thực là ít quá,

sách dịch đã thấy ít ỏi, văn hóa còn trông gì tiến-bộ.

Vậy dám: Các bậc học-giả bây giờ đã thâu thái được cái văn minh *Âu Á* nên hết sức và lưu tâm về việc làm cho sách vở của mình được nhiều ra, sách dịch có nhiều, thì quốc-dân mới được xem xét cho rộng, mà học-thuật tư-tưởng ngày một tiến dần. Nếu không như thế, thì rẫu cách một vài đời nữa, văn-hóa của quốc-dân ta chửa chắc đã hơn ngày nay là mấy.

Sách vở có nhiều, tư-tưởng ngày rộng, rồi tự đó mà chăm lo nghiên-cứu, suy xét cùng đến chốn tinh vi, nghiên cứu đã cùng được đến chốn tinh vi, thì tất phát minh ra được biết bao chân - lý, tìm kiếm được biết bao điều thực-dụng, sẽ một ngày tiến tới được đến cõi văn-minh. Ấy cái mục - đích cao thượng là thế.

Sau còn có một điều trọng yếu nữa, tôi nghĩ rằng quốc-dân bây giờ, không những lo về không có *văn-học*, mà cốt lo về không có *thực-học*, cái cớ tự trước đến nay quốc-dân ta không phải không lưu ý đến học-thuật, mà học-thuật vẫn không hoàn toàn, chỉ vì không có thực-học. Không ngày nào không nói đến văn-minh, mà văn-minh vẫn chưa tiến-bộ, cũng chỉ vì không có thực-học. Vậy cái trách-nhiệm của học-giả bây giờ không những cần nghiên-cứu về văn-học lý-luận mà thôi, lại cần nhất nghiên-cứu các khoản học thực-dụng làm cốt yếu, nếu bây giờ không sớm lo giảng cứu, thì còn đợi đến bao giờ, chưa nói chi đến sự sau này phát minh ra những điều gì mới lạ hơn người, mà ngay bây giờ cần có những học-thuật thiet thực mở mang trí thức cho dân, mưu đồ sự sinh hoạt cho dân, thu lại lợi-quyền, tăng tiến hạnh-phúc, để quốc-dân mình nhờ học-thuật đó mà có tai sáng tạo, có trí thực nghiệm, có bổ ích về thực-dụng thực-hành; như thế là tư-tưởng, sự thực, tiến cả đôi đường; mà học-thuật thế mới thực có tiến - bộ, thế mới được là cái văn-minh chân chính đầy đủ hoàn toàn.

Ôi! cái trách nhiệm của bậc anh-tuấn sau này đối với học-thuật nước nhà như thế, thực là nặng nề, to tát lắm thay, mà cái hoàn-cảnh của học-giới ta bây giờ thực cũng khó khăn trọng yếu lắm thay, làm cho đúng được như chủ-não, mà đạt được như mục-đích đó, cũng lại càng không phải là sự dễ vậy.

Nhưng tôi thường nhớ ông Khổng-Tử có nói rằng: « *Học cho rộng, xét hỏi cho tỏ tường, nghĩ cho cẩn thận, biện luận cho rõ ràng, rồi dốc chí, ra sức mà thực-hành, cho đến nơi, đến chốn; không học thời chớ, học mà không hay, không chịu thôi; không hỏi thời chớ, hỏi mà không biết, không chịu thôi; không nghĩ thời chớ, nghĩ mà không được, không chịu thôi; không biện luận thời chớ, biện luận mà không rõ ràng, không chịu thôi; không làm thời chớ, làm mà không dốc chí, không chịu thôi; công phu người, ta làm một phần thì được, mình làm gấp lên trăm phần; người ta làm mười phần thì được, mình làm gấp lên nghìn phần, nếu chắc làm được như thế, dẫu ngu dốt đến đâu cũng có thể tiến lên đến bậc thông-minh; dẫu hèn yếu đến đâu, cũng có thể tiến lên đến bậc mạnh - giỏi.* »

Xin ai là người có chí về sự học nên như thế, thì lo gì mà không thành.

Mấy điều như trên đã kể, chắc các bậc anh-tuấn có chí về sự học của quốc-dân ta đã từng biết lâu đi cả, mà tôi lại không ngại thừa lời, nói dài ra mãi cũng vì tấm lòng mong mỏi, mong mà chưa thấy mấy,(1) chút thành nóng nãy, dám đem rãi tỏ chân tình.

Than ôi! bể học mông mênh, bước đường tiến-thủ văn-minh của quốc-dân ta xa khơi muôn rặm, trông xa thăm thẳm, những mong ai tỉnh sớm một ngày, mong lắm thay! mong lắm thay!

Nguyễn-xuân-Dương

(1) Chắc đã có người lưu tâm về học-thuật mà tôi chưa được biết đến, thôi nhưng hiện nay trong nước số người đó thực cũng chưa có nhiều cho lắm.

NỮ-GIỚI TUNG-ĐÀM

(Những bài vở thuộc về bên nữ-giới)

SỰ QUAN-HỆ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở Á-ĐÔNG ĐỐI VỚI GIA-ĐÌNH CỦA NGƯỜI CHỒNG

Nước ta từ xưa lễ tục đều phỏng như nước Tầu, cho nên muốn nói về đàn bà con gái nước ta có quan-hệ với gia-đình và xã-hội như sao, nên cũng phải nói gồm cả nước Tầu trước. Hai chữ «Á-đông» trong bài đây, tức là nói nước Ta với nước Trung-hoa vậy.

Lễ-tục ta và tầu, từ xưa vẫn trọng quyền nam-tử, mà đàn bà con gái, chức-phận chỉ giúp một phần trong, cho nên muốn nói về đàn bà con gái nước ta có quan-hệ với gia-đình và xã-hội như sao, cũng cần nên phải nói gồm cả bên nam-tử trước. Tức là người nam-tử ở Á-đông.

Chức-phận người nam-tử ở Á-đông, đối với gia-đình tuyệt trọng; nói cho đến đạo-lý, thời một chữ «*hiếu*» đã chiếm quá nửa công việc trong đời người; lại còn như ở với anh em, họ hàng, cần sao cho giữ được hữu-ái, thân-mục. Chức-vụ người nam-tử cần phải như thế, mà nếu người vợ không đồng tâm đồng đức, thời trong gia-đình tất không hòa; gia-đình đã không hòa thời chức-nghiệp làm ăn tất phải đến thua kém. Cho nên một người đàn bà hiền có thể làm cho gia-đình được vui vẻ thịnh vượng; một người đàn bà dở, cũng có thể làm cho gia-đình xuy bại xấu xa. Cho nên người ta có câu: «*Làm tài giai lấy được vợ hiền, như thể đồng tiền mua được miếng ngon*» vậy.

Đạo-lý của người đàn ông ở Á-đông đối với gia-đình, thật không biết thế nào là cùng. Nếu người ấy mà giời cho có học-vấn, có chức-vị, có làm nên giầu đủ, thời trong một cái gia-đình không những chỉ là trên có bố mẹ, dưới có vợ con mà thôi; các hàng em, các hàng cháu, người chị dâu hóa chồng mà nghèo khó, người chị gái hóa chồng mà không có con, đều là các chức-phận của người đàn ông kia phải bao dung bảo dưỡng, coi hết thảy là người trong gia-đình, nếu không thế thời bao cái học-thức sang-trọng kia không có giá-trị gì đối với luân-lý. Như thế, nếu không được người vợ thật là có tâm-đức; thời người chồng dầu có muốn ăn ở cho được hợp đạo-lý, cũng khó lòng xong xuôi. Sách nho có câu rằng: «家人離必起於婦人。*Gia-nhân ly, tất khởi ư phụ-nhân,*» nghĩa là: «*Người trong nhà lìa tan, tất do ở đàn bà mà ra.*» Thực đã xét đến chỗ đó lắm vậy. Người đàn bà ở Á-đông có quan-hệ đến gia-đình, to lớn như thế.

Lại nghĩ như người đàn ông, mỗi người mỗi phận, thường phải có công việc đi ra ngoài; ở nhà nếu không được người vợ hiền thay cho những chức-vụ, thời gia-đình còn có ra sao. Trong chuyện Chinh-phụ-ngâm có câu: «供親食兮妾爲男。課兒書兮妾爲父» *Cung thân thực hề, thiếp vi nam; khóa nhi thư hề, thiếp vi phụ.*» nghĩa là: «kiếm thức ăn nuôi mẹ cha, thời người vợ thay làm con trai; dạy sách vở cho con học, thời người vợ thay làm đạo bố!» Người đàn bà ở Á-đông có quan-hệ với gia-đình, đến như thế là quý. Cho nên người ta mới có câu hát: «*Làm tài giai lấy được vợ hiền, như thể đồng tiền mua được miếng ngon!*»

Xưa nay những người đàn ông ở Á-đông mà có làm nên công-nghiệp ở trên đời, để tiếng thơm lại hậu-thế, phần nhiều cũng là có nhờ ở người vợ hiền. Một người đàn bà hiền, không những làm cho gia-đình được thịnh vượng vui hòa, mà lại còn giúp cho người chồng nên công-nghiệp. Cho nên từ xưa mới có những chữ 內助 *nội-trợ*, 內相 *nội-tướng*, nghĩa là người giúp ở bên trong. Xem như chữ 相 *tướng* đó, thời biết cái chức-vị của một người vợ ở trong nhà, cũng như một ngôi *Tể-tướng* ở trong nước. Người ở vào cái chức-vị ấy, nếu tự biết coi mình là trọng mà ở sao cho xứng chức, chẳng là hạnh-phúc cho gia-đình lắm ru?

Gần đây, trong xã-hội ta, xem ra ít có mấy cái gia-đình được vui vẻ, chẳng cũng là vì bên nội-tướng có kém ru? Thứ nhất là cái lượng bao-dung của người đàn bà có kém, cho nên trong gia-đình của người chồng, anh em chị em, khó mà được xum vui cùng nhau. Lại chưa nói đến sự bao-dung, dẫu không ai phải nhờ ai, mà hai chị em dâu ăn ở với nhau cho được hòa, cũng là sự ít có. Hai người vợ đã không hòa với nhau được, thời hai người chồng còn mong vui với nhau được sao? Lại dưới đến hai bên con cái, tức là anh em thúc bá, kể máu mủ cũng là gần; song mà vì cái cảnh-ngộ gia-đình tự người trên, thành ra coi nhau tựa kẻ Tần người Việt. Đó thực là những sự thương tâm trong các gia-đình của xã-hội, mà những người đàn ông gặp vào những cái cảnh thương tâm ấy thực khó biết nghĩ thế nào cho hay. Gia-đình xử-trí không hay, thời xã-hội còn tốt sao được nữa. Đây tôi hãy xin nói sự quan-hệ của người đàn bà đối với gia-đình, kỳ khắc sẽ tiếp nói đến sự quan-hệ của đàn bà hay dở đối với xã-hội.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

Sự khôn dại của người đàn bà.

VƯƠNG HOÀNG-HẬU

Vương hoàng-hậu là hoàng-hậu vua Cao-tôn nhà Đường bên Tầu.

Vua Cao-tôn nhà Đường trong khi làm Thái-tử, vào hầu bố là vua Thái-tôn, thấy Tài-nhân (1) là *Võ-thị* mà có lòng yêu mê. Vua Thái-tôn mất, Cao-tôn lên ngôi; Võ-thị theo hàng tần-ngự róc tóc ra ở chùa làm sư nữ.

Cao-tôn nhân ngày kỵ, ra chùa cúng lễ, lại trông thấy Võ-thị mà khóc. Vương hoàng-hậu biết vậy, nhân khi ấy trong cung có nàng Tiêu Thục-phi (2) được vua yêu, hoàng-hậu lấy làm ghen, bèn sai người bảo riêng Võ-thị cứ trộm phép *để tóc* cho dài, rồi đem vào hậu-cung để tranh bớt sự yêu của Tiêu-thị. Võ-thị khôn ngoan quỉ quái, khi mới vào cung, hết lòng chiều phụng Hoàng-hậu, Hoàng-hậu thường khen với vua. Không bao lâu, Võ-hậu được Cao-tôn rất yêu quí, phong làm chức *Chiêu-nghi* (3).

Võ-thị đã lên chức Chiêu-nghi, mà *Vương hoàng-hậu* và *Tiêu Thục-phi* đều không được vua yêu nữa; hai người lại về bè với nhau để dèm pha Chiêu-nghi, Cao-tôn đều không nghe cả.

Gặp lúc Võ Chiêu-nghi đẻ con gái, Vương hoàng-hậu đến chơi, yêu mà đùa bỡn. Hoàng-hậu ra. Võ-thị ngấm bóp cổ giết chết đứa bé ấy. Cao-tôn đến, Võ-thị giả làm vui cười, mở chăn ra coi, thời đứa con gái đã chết. Tức thời khóc thất thanh, hỏi các tả hữu. Tả hữu đều nói rằng: «Hoàng-hậu vừa mới ở đấy.» Cao-tôn cả giận nói rằng: «Hậu giết con gái ta!» Chiêu-nghi xụt-xịt khóc, kể tội Hoàng-hậu. Vương hoàng-hậu không sao cãi được là khỏi lỗi nữa. Từ đấy Cao-tôn mới có ý bỏ Hoàng-hậu mà dựng Chiêu-nghi lên thay, ngỏ ý hỏi các bề tôi; ai nấy can đều không được cả.

Sau đấy một năm, Hoàng-hậu Vương-thị phải bỏ; Chiêu-nghi Võ-thị được lên làm Hoàng-hậu.

Vương Hoàng-hậu đã bị bỏ và Tiêu Thục-phi đều bị giam ở một nơi cung viện riêng. Cao-tôn thường có khi nhớ đến, đến chỗ đó đứng ở ngoài mà gọi. Vương-hậu ở trong khóc mà thưa ra rằng: « Nhà vua nếu nghĩ đến ân tình khi xưa, cho tôi lại được trông thấy bóng mặt giời, thời thật là may phúc cho tôi quá.» Cao-tôn nói: « Trẫm sẽ có xử-trí ngay»

. Vũ-hậu nghe thấy tin ấy, nổi giận, sai người chặt bỏ cả chân tay *Vương-hậu* và *Tiêu-phi*, rồi vứt vào trong một cái chum ngâm rượu, bảo rằng: « Cho hai con mụ say đến xương! » Vài ngày rồi mà chết. Lại đem ra để chém,

Tiêu Thục-phi lúc sắp chết, mắng rằng: « *Con mẹ Vũ tinh quái, không ngờ đến thế. Xin rằng đến kiếp khác, ta làm mèo, mẹ Võ làm chuột, đời đời cắn cổ mày!* » Bởi thế trong cung thành ra không nuôi mèo.

Đến khi Cao-tôn chết đi, Võ-hậu lên cướp ngôi nhà Đường, giết con cháu nhà Đường hồ hết.

TẢN-ĐÀ

1. 2. 3. **Tài-nhân, Chiêu-nghi** và **Thục-phi** là những chức-tước trong cung vua khi xưa.

VAN THƠ

Câm miệng hến

Xem một tờ báo có đăng câu truyện một người đàn bà ở thành Hán - Bảo nước Đức ngậm một ngụm nước trong bẩy ngày để xin lỗi chồng; vì đã bị tố cáo về tội ngược đãi chồng, mà sau ra đến cửa công, mụ đã tự nhận lỗi và xin sửa mình đổi lỗi. Mụ không ăn, không mở miệng chi trong một tuần lễ để sám hối, khiến cho chồng mụ phải cảm động và phải tự xin với tòa-án xóa bỏ việc kiện đi.

Song, vì lỗi gì không rõ. Cứ lấy lý mà đóan thì tất là:

Đa ngôn đa quá hẳn không sai!
Chàng xấu nào xem hồ đến ai?
Lẽ trái, bẩy ngày câm miệng hến,
Nước trong một ngụm tỏ lòng trai.
Cam-đoan lỗi ấy mình xin sửa,
Sám-hối nhường kia truyện mới hài.
Luân-lý đời nay hầu đảo ngược,
Cho hay đức phụ mấy lăm người.

Thùy - Thiên

Hai bài thơ sau đây, là của các bạn nữ - lưu gửi về việc *Thi - đàn giảng - tập*, xin hãy đăng vào phần đây, sự diễn giảng sẽ có làm ở kỳ khác.

BẢN-CHÍ

Súc cảnh Hồ Gươm (*mùa thu*)

Hồ gươm lạnh lẽo, nước mông mênh,
Gợn nét thu ba, nét rập rềnh.
Lấp - ló chị Hằng phô bóng bạc,
Lơ - thơ dì Thảo giãi màu xanh.
Kia cầu Thê-húc chia làn sóng,
Nọ miếu Văn-xương rủ bức mành.
Tiếng nước réo ran hồn chí - sỹ,
Cõi bờ sao để nỗi buồn tênh?

VIỆT-LỆ
B. H. P.
(Liên-bạt-chùa, Hà-đông)

Vịnh hoa lan

Gió thoảng xạ đưa hồn dã-thảo,
Mưa tuôn rửa sạch tấm bàng-tâm.
Thân hèn dầu gửi nơi vườn thúy,
Tiết trắng khôn nhơ dưới mắt phàm.

Mlle Chi-Hương (THANH-HÓA)

Một sự mới lạ về khoa-học thuốc,

sáng tạo lại loài người,

cho trí-thức thêm lên, sống lâu hơn trước.

Đang thời buổi khoa-học thịnh-hành, sức loài người đã rõ ràng cướp được quyền tạo-hóa. Thế nên người ta nói rằng khoa-học có thể làm được hết vạn sự rất tài, không có sự gì là không làm được; không phải là nói ngoa.

Mới gần đây các nhà khoa-học nước *Hoa-Kỳ* lại phát-minh một cách *cải tạo loài người*, nếu thực-hành ra được, thì loài người sau này về phần trí-thức và tuổi sống lâu, chưa biết đến đâu là cùng vậy.

Loài người mà có thể đem sức người sáng tạo lại được, mới là một sự mới mẻ biết là chừng nào! xin kể ra đây để các độc-giả cùng rõ.

Loài người sau này :

Cứ theo các tin tức ở bên *Nữu-Ước*, thoạt mới gần đây nói rằng: dùng phương-pháp khoa-học có thể thay đổi cho giống người tốt hơn lên được.

Thế nên loài người sau này đã cải-tạo rồi, thì trí-khôn sẽ hơn gấp mấy người bấy giờ mà cũng có thể sống lâu hơn người bây giờ nhiều.

Hiện nay viện nghiên-cứu về khoa-học sinh-vật ở *Trường-đảo* đang chuyên chủ về sự sáng tạo đó.

Hết thảy các nhà sinh-vật-học đang chăm chỉ hết sức nghiên-cứu về sự thay đổi giống người; muốn đem bao nhiêu những vận-mệnh của loài người cầm hẳn cả trong tay họ, thực là rất khôn khéo lớn lao vô cùng.

Vả lại cái kết quả của sự nghiên-cứu này đã làm cho ai nấy biết được rằng: Hết thảy các thứ vật nào hễ có sinh-mạnh, nếu đã dùng đến sức người sửa đổi thêm vào thì đều làm cho trí-thức phát-đạt được.

Thế nên loài người sau này chẳng những nòi giống có thể thay đổi cho tốt hơn lên, ngay cả đến sức khỏe cũng có thể đủ chống cự lại với vận-mạnh mà sống được lâu thêm.

Cách lợi-dụng nhục-hạch :

Cứ hãy nói ngay sự cải-lương giống người mà xem, hiện thấy các nhà sinh-vật-học nghiên-cứu kỹ càng tường tận mấy lần đã kinh-nghiệm rất nhiều.

Việc học sinh-vật ở *Trường-đảo* có bốn nhà học sinh-vật đã phát-minh một phương-pháp lợi-dụng nhục-hạch, để trước khi trẻ con sinh nở, ở trong bụng mẹ đã được thêm sức mạnh khỏe; lại còn có bốn cách cải tạo giống người hiện đang nghiên-cứu, sau này sẽ có công rất lớn với loài người.

Loài người ta ở trên thế-giới sự sống với chết vốn là huyền diệu khó suy xét trước, ta thường cho sự sống chết tại số-mạnh giời, sức mình không có phép nào chống chọi lại được.

Nhưng gần đây có hai ông bác-sỹ là: ông *Ti-Văn-Khác-Nhĩ* và ông *Tất-Phụ-Nạp* đã do sự nghiên-cứu ra được rằng cái mạnh của loài người sống lâu hay

không, đều bởi các nhụ-hạch làm ra, dài vắn khác nhau, cho nên các bộ-phận khác tổ-chức đều bởi từ các nhục-hạch đó cai quản cả.

Muốn cho mạnh người được sống lâu, cái phương-pháp thứ nhất là chỉ làm sao cho nhục-hạch mạnh mẽ cả lên là được, hai ông này đã nghiên-cứu về sự đó hơn bẩy năm nay.

Cách thí-nghiệm ra các loài súc-sinh

Ông bác-sỹ Tư-Văn-Khắc-Nhĩ thường nói truyện với người ta rằng: « tôi đã thường dùng sức nước làm cho lớp da ngoài nổi ra, thí-nghiệm ở các loài súc-sinh khi sắp chết, khôi-phục được khí-lực khỏe lại chỉ cách một giờ đồng hồ là có thể khỏe mạnh lại được. Đem một con mèo đã mê mệt sắp chết, thí-nghiệm song rồi hết thẩy gân thịt trong mình đều hoạt-động lại tất cả. »

Bác-sỹ lại còn nuôi nhiều mèo lắm, để dùng phương-pháp thí-nghiệm như thế rồi nuôi cho ăn uống, không bao lâu các mèo đó ăn được rất khỏe. Cân thấy mỗi ngày thêm nặng mãi lên, còn về phần đi lại nhẩy nhót càng nhanh nhẹn hơn những các mèo khác lắm. Cũng là vì các nhục-hạch làm ra được thế, vậy muốn cho dống mèo không chết và khỏe mạnh thêm lên, thì cốt phải trừ bỏ những cái nhục-hạch không được khỏe mạnh,

Chỉ về phần nghiên-cứu các nhục-hạch đó thì bác-sỹ nói hiện nay chưa nghĩ được cách nào là hoàn toàn.

Dùng quang-tuyến X

Nhà sinh-vật-học nổi tiếng nhất là ông Foukylokhac trông coi về viện nghiên-cứu khoa-học sinh-vật, trong viện đó đặt ra từng nhà chuyên-môn, mỗi nhà chuyên nghiên-cứu về một việc cho được hết những sự hay tài giỏi về môn đó, họ đang nghiên-cứu về hai vấn-đề giải-quyết về các cơ-quan sinh-mạnh.

Thứ nhất là phép trị-liệu các sinh-vật cứ theo phương-pháp của nhà khoa-học dùng quang-tuyến X mà chữa.

Xét ra trong thân thể người ta có nhiều những tế-bào, cũng như các luồng điện có thể vận động lưu-truyền đi, cho nên mỗi cái tế-bào sống lâu được vắn hay dài, loài người nếu biết cho rõ ràng, cũng là một vấn-đề rất trọng yếu.

Bác-sỹ *Tấn-Luân-Đặc* nghiên-cứu một vấn-đề khác, cho rằng: có thức ăn hoặc thức vật-phẩm khác, có sức mạnh để làm thuốc bổ dúp cho mạch máu lưu-hành; các thức ăn và trong mạch máu, có khi cũng có một chất bổ dống như nhau, mà những người thể-chất đồng như nhau, dùng những vị thuốc để chữa phải khác nhau, vì rằng thể cách và hoàn-cảnh mỗi người có khác.

Học-thuyết đó nếu thực-hành ra được thì loài người có thể ăn uống nhiều thứ thức ăn hàm có chất thuốc bổ-dưỡng. làm cho sống lâu được thêm lên, thực là một cách rất dảm tiện dễ dàng.

Chú ý về trẻ con trong bụng :

Tóm lại cái kế-hoạch cải tạo giống người của viện học sinh-vật ở *Trường-đảo* cốt chú ý khi trẻ con ở trong bụng mẹ, có thể gây được thành một cái thể-cách rất mạnh mẽ hoàn toàn. Phương-pháp trước nhất, thí-nghiệm cho những thứ động-vật hạ-đẳng, nếu thấy thành công, lại thí-nghiệm đến loài người, quả được như nhời, thì loài người sau này hẳn được thân thể mạnh mẽ hoàn toàn, dẫu bệnh tật nào xâm phạm vào cũng không sợ chi, mà loài người sống lâu so với bây giờ thêm nhiều lắm.

Văn-lang

Sự thủ-thành của nhà buôn.

(Tiếp theo kỳ số 14)

Về bài «Những điều quan-yếu trong nền Kinh-tế của quốc-dân.»

Nhà buôn lập được cửa hàng không phải là khó, mà khi đã mở được cửa hàng rồi cái công gây dựng đã xong, lại cần phải biết cách dữ dìn cho cái cơ-nghiệp được bền vững, mới lại là khó, vì khi thủ-thành rất lắm công việc cần phải sao cho chu đáo hoàn toàn. Ngày xưa có câu nói rằng: «*sang nghiệp khó mà thủ thành không dễ*» dẫu câu đó nói về sự gây dựng một nước mà cũng có thể mượn để làm lời cảnh tỉnh cho nhà buôn. Nay tôi xin đem những sự đã thực hành, thấy có công hiệu lược kể sau đây, để cống hiến cùng các vị độc-giả xem qua, dẫu là những sự nhỏ nhặt, ai ai cũng từng biết cả, các ngài nào đã sành nghề buôn bán, chẳng khỏi rờm tai nhưng đối với những người mới ra học buôn bán tưởng không phải là không có bổ ích đôi chút vậy.

1.) *Rộng đường tiến-thủ.*

Sự thủ-thành của nhà buôn cần nhất là sao cho sự doanh-nghiệp ngày một rộng ra; mà muốn mở rộng sự doanh-nghiệp trước phải làm sao cho hàng-hóa rộng đường tiêu thụ, cái cách làm cho hàng-hóa rộng đường tiêu thụ cũng có nhiều đường, nhưng cốt nhất làm sao cho người ta chú ý, mà muốn cho người chú ý, thì mình cần phải chú ý giữ sao cho thực thà, đừng dối trá, nếu nhà hàng quả nhiên là thực thà không nói dối khách, thì ai người ta cũng tin dùng, đi lại vui lòng mua bán; không thì rẫu có bao nhiêu cách muốn làm cho hàng-hóa tiêu thụ đó, nhưng cũng chẳng có ích gì, dẫu có khi người ta không biết được cái nội-dung của mình, mà chỉ tin về quảng cáo, nhầm nhỡ phải lừa, cũng chỉ một số ít người về trong một thời gian ngắn ngủi thôi, chắc hẳn không giữ vững lâu mãi được.

Sự thực thà của nhà buôn là thế nào? là thật hàng thật giá, thật hàng thì ai cũng muốn dùng, thật giá thời ai cũng tin mua, không cần phải nhờ những cách dun dủi gì khác, mà doanh-nghiệp tự-nhiên có thể bằng bằng một ngày một thịnh vượng thêm lên, vì người ta ai nấy đã tin, thì người nào người nấy họ bảo lẫn nhau mà cũng khen ngợi hàng mình, nhớ đến hàng mình thôi vậy. Vả lại những hàng đã thực hàng thực giá; lúc bình thường đã được mọi người tin cậy; nếu lại thêm được các phương pháp chiêu hàng phụ vào, thì người ta càng tranh nhau đến như tưới, thế nên ta xưa cũng có câu: «*khôn ngoan chẳng lại thực thà*» cũng là ý ấy. Sự thực thà thực là một cái gốc làm cho phát đạt doanh-nghiệp, doanh-nghiệp đã phát đạt thì cửa hàng chắc có thể mở rộng dần dần, tư bản cũng rễ phần thêm lên được mà sự thủ-thành mới có thể vững được vậy.

2.) Xem xét tình hình buôn bán trong phố:

Hàng hóa của mình đã tốt, quảng cáo của mình đã khéo nhưng vẫn cũng không tiêu thụ được mấy, là cớ làm sao? thế mới cần phải nên xem xét tình hình trong phố đó vậy. Trước hết phải xem xét trong phố đó có cần dùng đến hàng-hóa đó không? Thứ đến phải xem xét trong phố đó có người mua đến thứ hàng hóa đó không?

Ví như mùa đông mặc áo kép, mùa hè mặc áo the đó là những điều quan hệ về các vật cần dùng về các mùa đó. Người xa xỉ thì mặc những hàng tây hàng tầu, người chất phác thì mặc những hàng vải lụa ta, đó là cái điều quan hệ về những người mua dùng. Những sự đó chắc ai cũng biết cả.

Vậy nên những nhà kinh-doanh việc buôn rất cần phải chọn thứ nào, bốn mùa đều dùng được cả, nơi nào cũng cần dùng cả, thì mới có thể mong cho tiêu thụ được mà không trở trệ.

(sẽ tiếp theo)

Ng. X. D.

XÃ-HỘI THIÊN ĐÀM

Cách làm ruốc cá

Tôi trước xem tạp-chí, thấy mục thực-nghiệp có công cáo rằng « *Ai có nghề nghiệp gì đặc-sắc cứ thực tường biên gửi lên, bản-chí sẵn lòng đăng báo, không tính phí quảng-cáo*»,

Nhưng xét nghề nghiệp chỗ-thôn quê sở tại tôi, cũng tầm thường cả. Nay xem mục *Xã-hội thiên-đàm*, có cổ-động *các bọn nữ-lưu vẫn chăm chỉ về bốn món: dưa, cà, tương, mắm, trong để thông thường cần-thiết, cho thấy khắp các hạng người, ngoài để làm hóa-phẩm trên trường thương-mại.* Vậy tôi muốn góp vào một món nữa là *năm*, là một món làm **ruốc cá.**

Vì tôi thấy người ta làm ruốc thịt lợn, tôi mới lấy cá làm thử, làm được ruốc rồi, nếm cũng có vị mới bỏ vào chai nút kín, nhân sẵn có thứ ăn khác nên không dùng đến, chừng đến hơn tháng, phải lúc khem thức ăn, mới đem ruốc cá ra ăn thì khí vị vẫn nguyên như trước. Từ đấy trở đi, bữa lấy ra ăn rồi lại nút lại mãi đến hết, mà vị cũng không biến. Tôi thấy ruốc để được lâu, mới nghĩ ra rằng: « Dưa, cà, tương, mắm, rẫu cũng là thứ cần-thiết thông-dụng, nhưng chỉ ở đâu dùng ở đấy, không thể vận tải đi xa lắm được, là bởi những thứ ấy cũng phải có nước cả, mà dưa, cà có mùa thì hết, cá dẫu hết mùa mà vẫn có quanh năm. Làm tương cho được ăn phải hơn một thảng, làm mắm cho được phải sáu tháng giở đi; cá làm được ruốc thì ăn được ngay mà ăn lúc nào cũng được.

Người Âu người Nhật cùng có cá đóng hộp sang bán bên ta, ruốc cá ta làm mà để được lâu chắc cũng có thể sung làm một thứ hóa-phẩm *xuất-cảng* được. Huống chi nước ta hơn trăm cửa bể, hai dải sông to, cửa nào bến nào mà không có nghề đánh cá, thường thấy thuyền ngoài bể chở cá về, khuân lên trên bến, xếp từng đống như đống rạ, thật là một thứ bảo-tàng của nước ta vậy. Vậy mà việc làm ruốc cá chửa thấy đâu có. Nay tôi có tên con cả là *Nguyễn-sỹ-Hy* có mua tạp-chí. Vậy tôi làm ba thứ ruốc cá này, hạng nhất làm món *nhắm rượu*, hạng nhì làm món *ăn cơm*, hạng ba làm *đồ ăn cho đầy tớ, người làm*; cùng đóng vào hộp, gửi lên kính biếu, xin tôn công thí-nghiệm, như có dùng được thì ba kỳ, cùng có bạn đọc tạp-chí cả xin cổ-động cho anh em trong ba kỳ, ai ở gần bến nào, chợ nào, lấy sở làm ruốc ở đấy, để tiền mua lấy cá mà làm, bất kỳ cá sông, cá bể, cùng làm được cả, khi làm song đóng vào hộp, dán dấu hiệu rõ ràng, đưa gửi đi các nơi để bán.

Việc này dẫu rằng nhỏ nhặt, song nếu mà làm được thành một nghề cho xã-hội, thì trên con đường kinh-tế cũng có bổ ích tí chút, tôi rất mong.

Cách làm như sau này:

Cá rửa cho sạch, cá nhớn thời cắt khúc ra, hoặc rán, hoặc nướng, hoặc luộc, để nguội rồi bóc cho sạch ra, gỡ cho hết xương, phỏng thịt cá *mười bằng miệng bát* « vì lấy mực nước mắm) thì *ba bát nước mắm ngon*, với *một phần ba bằng miệng bát đường*, trộn cho đều nhau.

Trước hết lấy một ít hành mỡ, bỏ vào cái chảo hoặc cái xanh, rán mà xoa cho đều trong lòng chảo để dữ cho khỏi bén thịt cá, rồi đổ cá vào chảo; lấy cái siết, mà siết cho đều ra; lại cạo ngay lên cho sạch, đừng để chỗ nào còn bén, rồi lại siết, lại cạo đến hết hơi nước mới,

được, mà không được để đến cháy, vì cháy thì mất tính cá, mà còn hơi nước thì không để được lâu, chỗ ấy rất phải cẩn thận. Ấy là thứ ruốc hạng nhất.

Hạng nhì thì gia *bằng miệng bát muối nữa* mà thôi.

Hạng ba thì *mười phần thịt cá, 2 phần mắm tôm, năm phần muối, một phần đường*, rồi cũng làm như cách đã nói trên. Cái đồ để siết thì đánh như cái bay thợ nề mà cán hơi giài, cho khỏi nóng tay.

Đây là tôi nghĩ phác lược như thế, mới làm hãy còn vụng lắm, sau này anh em, chị em, ai có chế-hóa cho tinh khéo hơn, xin đăng báo cho tôi học lại thì hay lắm.

Đương buổi phong-trào khích-thích, ai ai cùng hô-hào bôn-tẩu trên con đường cạnh-tranh, mà chỉ bàn quẩn những việc ăn uống, nghĩ cũng bẽn lẽn, ngặt vì tài kém tuổi yếu, không dám học nhẩy, vậy nên biết đâu tâu đấy, xin các bạn độc-giả khỏi cười.

Tên tôi là **Nguyễn-khắc-Mại**

THÁI-BÌNH LẠI-TRÌ

∴

Nhớ từ trong năm Đinh-Mão, tôi đi vào Nam, qua tới *Nha-Trang*, ở chơi lại mấy ngày, ở nhà ông Vương-gia-Ngãi là chủ-nhân Mộng-Lương Thư-Quán; thư-nhàn cùng người bạn tôi đi chơi. Qua ra chợ Nha-Trang, đến xem chỗ **hàng cá**, thật thấy là cái quang-cảnh lạ mắt. Sau ngại tanh, không dám đứng lâu quá, rồi đi dạo vào xem xét các thứ hàng bán trong các khu chợ, thời không cứ hàng nào, bên cạnh người ngồi bán hàng, đều có một rổ cá, phần nhiều là những miếng cá chặt khúc, mà cá ấy là mua để rồi đem về nấu ăn. Vì khắp chợ như thế, cho nên đi đến chỗ nào cũng xông sặc mùi tanh, mà đến không dám chơi lâu trong chợ nữa. Buổi chiều hôm ấy lại đi chơi ra bến sông thăm cảnh, lại xem những thuyền cá ở ngoài bể đi về, tưởng như một đội thủy-quân ngày xưa đi đánh thắng trận mà đó là lúc khải-hoàn vậy. Các thuyền sau trước cùng đến bến, đem cá đổ lên ở bờ sông, không biết là bao nhiêu đống, những con to quá thời chặt ra từng phiến từng khúc, rồi chia nhau từng phần, rồi kẻ mua người bán, thật là đông vui. Lúc ở bến sông đi về, nghĩ lại đáng mừng cho sự sinh-nhai của một phương dân vậy. Tôi hỏi người bạn tôi nói truyện, thời nhiều thứ cá không có tên, là vì thứ cá ấy mới thấy có đánh được, cho nên người ta chưa từng có đặt tên cho nó. Mỗi năm những thứ cá ấy chưa có tên cũng nhiều.

Lại một hôm sau, tôi cùng với người bạn tôi ra chơi *Cửa-Chuột*, đó là chỗ cửa bể nhỏ, mà người tây có lập xưởng lên để thí-nghiệm về cá và thử cách làm nước mắm mới. Các thứ dưới bể, cá, cua, tôm, rong . . .; phàm hình mới vật lạ, đều có thu chứa bằng một cách ngâm rượu, ngâm thuốc, trong các lọ thủy-tinh, pha-lê. Ông ký làm ở sở ấy đưa chúng tôi lên xem chỗ gác chứa những lọ hải-vật ấy, thật là lung-linh đẹp một cách lạ mắt. Phàm dưới khu bể ấy có vật gì, thời trong cái khu chứa ấy có đủ vậy.— Lại xem đến chỗ làm nước mắm, *say cá*. Xem các lọ nước mắm bột. Ông ký ấy có nói truyện, thuật lời ông chủ người tây nói truyện: «Những thứ nước mắm hạng sấu ở đấy, nếu người Nhật-bản được mà ăn, cũng đã lấy làm ngon sướng lắm.» Vậy thời Nhật-bản hiếm cá, không được rư-dật như là ở nước ta!

Nhân các sự xem xét hồi ấy, tôi đã nghĩ đến ngay rằng nước ta có cái *lợi cá* như thế, mà nếu không tìm được cách mà lợi dụng, thực là uổng hoài biết bao. Nay nhân câu truyện *rưa, cá, tương, mắm*, mà được ông *Nguyễn-khắc-Mại* nói về việc làm *ruốc cá* như bài lai-cảo đăng trên đây, tôi thật lấy làm thích ý quá. Vậy xin hãy có ít lời cảm trọng cái thịnh ý của ông đối với sự kinh-tế chung của xã-hội Việt-nam ta; còn như tôi có lời theo ý riêng để bàn góp cùng ông, xin nghĩ kỹ sẽ đăng ở kỳ tới.

Nguyễn-khắc-Hiếu

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

TÌNH PHỤ TỬ ĐỜI NAY

Chiếc xe ô-tô hàng đương bon bon chạy trên con đường nhựa từ Hanoi lên Thái-Nguyên đến Kilomètre 69 cách tỉnh-lỵ chừng 6 cây số. Thình lình một ông cụ già ngoài 50 tuổi, người cao cao, trông mặt rất hiền hậu ; chân đi đất, vận cái quần nâu mùi đã phai, chiếc áo trắng giài giặt nhà, mùi cháo lòng, điểm mấy chục giọt máu đào trên đầu chẩy qua mặt xuống, trông rất thảm thương, chạy ra vẫy xe. Xe vừa đỗ, ông cụ vội chạy lại kêu van ông tài xế xin cho lên tỉnh. Bác tài tưởng ông cụ điên, mỉm cười mà nói rằng : thôi cụ điên, tránh ngay ra cho tôi cho xe đi không muộn thì giờ của tôi.

Ông cụ vừa nghe lời bác tài nói hình như trông thấy đàn thú rữ tru tréo kêu lên rồi nói : không ! tôi không điên chút nào cả, thằng con giai lớn tôi nó đồng sức với vợ tôi, hai mẹ con nó đánh tôi vỡ đầu, sẻ tai, máu chẩy thế này mà ông bảo tôi điên ; không cho tôi lên tỉnh để vào Huyện trình quan, thì tôi ở đây chiều nay mẹ con nó đánh tôi chết mất. Vừa rồi tôi gọi xe tay, nó ra nạt lũ cu li nếu đứa nào kéo lão ấy lên tỉnh thì nó đánh chết, vậy ông thương tôi mới.

Bác tài nghe bấy nhiêu lời, bỗng đổi hẳn nét mặt, nói : vâng nếu vậy thì xin mời cụ lên xe để lên tỉnh mà kiện, từ thằng con "quỷ" ấy đi. Ông cụ đã lên xe, vừa chạy được độ hai trăm thước tây thì ông cụ chỉ vào khu nhà danh làm lên trên cái đồi cạnh đường cái mà kể : Kia, nhà tôi kia kìa, công tôi sây đắp ngót mười năm giời nay, mới được nhà cao, cổng kín, hoa lợi nhiều, bây giờ thằng con mất giậy của tôi nó mới đi làm được hơn năm nay về, trong túi ra giáng đã có đồng ra đồng vào, lại giắt thêm con vợ nửa thổ nửa kinh về khinh miệt tôi. Nó coi tôi chẳng khác gì kẻ ăn người làm của nó. Tôi nhiều phen đã chịu đắng nuốt cay, chết từng khúc ruột, nào nó có thấu. Chén ngọt miếng bùi (nói ra thì bảo tham ăn) nó mua về tuyệt không bao giờ nó há răng mời tôi cả. Từ tết đến nay, nó nay ngược mai suôi, hình như túi tiền đã cạn. Vừa rồi nó bảo tôi ra cầy chiếm một thửa ruộng của người trong làng, chủ ý ăn hiếp người ta, tôi cho thế là thất-đức, mà dẫu cầy xong chưa vị tất người ta đã để cho mà giồng. Tôi nói cho nó biết mọi lẽ phải trái, nó đã chẳng nghe lại nói : mình ở đây mà không xâm-lấn của một vài đứa trước đi, thì sau này nó khinh mình còn ở làm sao được nữa ? Nếu không ra cầy thửa ruộng ấy thì đi .....đi, đi khỏi nhà này đi.....!

Tôi lấy thế làm nhục, vì con mình đẻ ra, nuôi cho ăn học, ngày nay mới đi làm kiếm đỡ ít tiền, nhà mình làm nên, ngót mười năm, nay mới thành cơ-ngũ mà nó đuổi đi còn ra nghĩa lý gì. Tôi vừa cất miệng chưa kịp nói nửa nhời, nó sông ngay đến tát tôi mấy chiếc, tôi tự nghĩ nó là đồ bất-hiếu, bất-mục, vừa chạy ra sân thì nó theo ngay ra đạp tôi, đạp lấy đạp để, tôi kêu gào ầm ỹ mà chẳng ai can, nó cầm gậy, lôi tôi ra ruộng rồi đánh lấy đánh để, đây này (ông cụ vạch những chỗ đầu có vết thương) nó đánh tôi toạc cả đầu ra. Tôi đau quá, không thể chạy được đành nằm ra ruộng, nó

lại bảo tôi nằm ăn vạ, nó đứng trên bờ sỉ nhục tôi. Lũ con bé tôi đứng khóc nó đuổi cả vào trong nhà, và nói nếu đứa nào ra giáng thương sót thì nó cũng đánh đuổi đi nốt với tôi. Lũ trẻ thơ chỉ đứng nhìn cha mà khóc thầm chẳng đứa nào giám rỉ răng. Còn con mẹ nó cũng đứng gần nó mà chửi rủa tôi, những là thằng giả kia mày đi đâu cho thoát bà thì đi. Các ông các bà thử nghĩ xem có đời thủa nhà nào có con, có vợ quý-hóa như tôi không?

Nó lại nói: « Mẹ nó nằm hoang với tây nên sinh ra nó, chứ khi nào tôi lù-đù thế này mà lại có con nhanh-nhẹn như nó. Điều đó tôi xin chịu vì mẹ nó ngoại-tình với ai tất chỉ người ấy với mẹ nó biết, chứ tôi mà biết thì khi nào lại chịu để yên. Những đồ bất hiếu, bất mục, thì nó mới nói những câu như thế chứ? nếu nó không phải là hạt máu của tôi sẽ ra mà tôi có công nuôi-nấng nó từ khi nó còn nằm ở trong bụng mẹ nó, lại cho nó ăn học tới ngày nay nó mới đi làm được tháng 6, 7 chục bạc đã vội khinh. Nó không nghĩ công đẻ, nó phải nhớ công nuôi chứ? Phen này thế thế nào tôi cũng phải đưa nó lên Huyện xem quan sử ra thế nào, dẫu tôi ra tay không tôi cũng cam tâm với đời, chứ tôi cứ im-ỉm đi mãi thì có ngày nó đánh tôi chết mất vì tôi đã bị lắm phen nó sỉ-nhục, nhưng ngày nay nó mới đánh đau thế này.....

Ông cụ kể câu truyện quái-gở, nên bác tài cứ từ từ cho xe chạy để lắng tai nghe. Câu truyện vừa đến đấy thì bác tài hỏi lại: thưa cụ còn gì nữa không? ông cụ bảo: còn nhiều lắm, nhưng để tôi hãy đi tìm người làm giúp cái đơn đem nộp quan đã, khi nào gặp ông sẽ kể hết.....

Xe đến chỗ đỗ, các hành khách đều dủ nhau xuống, ông cụ vội bước xuống chân nam đá chân xiêu, đi tìm người làm đơn kiện con «chí hiếu» của ông về tội « đấu võ » với ông.

Việc này nghe như đã đến cửa công, mong quan trên trừng-trị cho kẻ bất-hiếu một cách rất nặng, để những kẻ khinh thường cha mẹ soi chung, và khi nào sử song, ắt các báo chẳng lẽ bỏ sót một truyện chưa từng thấy ở nước Nam này bao giờ mà không đăng.

Mars 1931

Khách qua đường Thái

THUỐC SỐT-RÉT
NGÃ-NƯỚC

GIA-TRUYỀN KINH-NGHIỆM
ĐÃ LÂU NĂM VÀ
RẤT THẦN-HIỆU

Bán tại hiệu
LIÊN-HUY
Phố Hàng-Trống
(*Maréchal Foch*) số 68
NAM-ĐỊNH

Giá bán mỗi lọ 0$25

TIỂU - THUYẾT

(Hà - thành Nữ - Sỹ)

"Tiếp theo kỳ số 20"

Kim-Chi hẹn đúng chín giờ tối thời đến, nhưng tính tôi nóng - nẩy, không có thể ngồi xuống mà chờ được. Hơn bảy giờ tối tôi đã ngắm vuốt quần áo ra phố rồi. Tôi vừa ra khỏi cửa, thời người vú-già lại đưa cho tôi một bức thư, nói xin tôi đúng hẹn. Trong có một đoạn, tôi nhớ đến tận bây giờ, mà có lẽ còn nhớ đến già nữa kia.

« — Những tấn hài-kịch về ái-tình, em được xem đã nhiều, nhưng có lẽ chưa có tấn nào được hay và buồn cười bằng Kịch sẽ diễn tối hôm nay. Tối hôm nay hai anh em ta xin đóng vai chính để diễn tấn hài-kịch về ái-tình của anh soạn.

Em xin kiêm cả việc bài-trí. Anh thực là một ông « *thầy dậy đời* » mở mày mở mặt cho nhiều kẻ hiện đương chìm đắm trong bể-tình. Anh ạ, cái sóng tình đã tràn đi, thời làm lấp cả trí người ta. Đã say mê nhau, thời không nghĩ, không trông thấy gì cả.....»

Chắc các ngài bẻ rằng : *Kim-Chi* ăn nói khôn ngoan như thế, cớ sao chính mình cũng bị ma tình mờ-ám, mà không tự tỉnh-ngộ ? Câu hỏi đó làm cho tôi bối-rối, vả tôi được cái thư trên kia, mời đến diễn kịch về ái-tình, mà hai đứa chúng tôi lại đóng vai chính, thời bụng nào mà trả lời nữa ! Âu là tôi cũng xin hỏi lại các ngài vậy,

Tôi không trả lời nổi câu hỏi đó, thời tôi có thì giờ viết nốt truyện này, nếu các ngài cũng chịu nốt, thời các ngài hãy cố đọc cho hết truyện này sẽ biết. Thưa các ngài, tôi thiết-nghĩ các phương thuốc vệ tinh-thần mọi khi dùng để chữa cái hư của người ta, thực không công hiệu tý nào. Chứ nếu ai học luân-lý, ai xem diễn kịch, tiểu-thuyết vân vân, mà đều biết sửa mình cả, thời ở xã - hội có lẽ không lấy xe đâu để chất cho hết các cậu thánh cô hiền !

Đúng chín giờ, tôi gõ cửa nhà *Kim-Chi* ba tiếng khẽ. Có tiếng đằng - hắng trả lời. Tôi vừa trống ngực vừa run,

Cánh cửa khẽ kẹt hé mở ... *Kim - Chi* trùm hum cái khăn tua gần kín cả mặt, một tay cầm đèn hoa-kỳ vặn bé tý, một tay che lấp ngọn lửa đi. Tôi biết ý *Kim-Chi* cẩn thận giữ dìn, nên vừa bước chân vào trong, tôi thổi phụt tắt ngay đèn đi, vì tôi cũng định giữ cả cho tôi nữa, chứ thực thời chưa nghĩ ra rằng tắt đèn là có lợi.

Trong nhà tối như hũ nút. Tôi nắm lấy tay *Kim-Chi* để *Kim-Chi* giắt đi, *Kim-Chi* giắt tôi đến ghế, tôi ngồi xuống, hỏi đùa rằng :

— Sao hôm nọ tôi trông mợ bé nhỏ, thế mà nay mợ lại hóa ra to thế ?

Kim-Chi cười, trả lời khẽ quá, bẩn vì khăn tua trùm kín vướng quai hàm.

— Cậu trông sai, em vẫn thế đấy.

— A-di-đà-phật. Lượn năm sáu lượt còn sai thế nào ! Mợ nói thầm nhỏ, mà tôi nghe rõ, có thính tai không ?

— Thính lắm, em thời nghễng-ngãng lắm.

— Tôi đổi tai cho mợ nhé !

— Chả đổi, cậu có cho thời em xin !

— Thành ra mợ muốn tôi sú - vơ - nia cho mợ đôi tai à ? Tưởng cái gì chứ đôi tai thời vâng ! Xin vui lòng tặng quý-thư, mợ lấy giao mà sẻo soẹt đi.

Kim-Chi bịt mồm rúc-rích cười, chắc muốn tỏ ý yêu tôi.

— À này mợ ạ. Tôi tiếc vì nhà tối quá, giá thắp đèn lên mà nói truyện, tiện thể được ngắm cái nhan sắc của mợ, cho câu truyện thêm vui càng hay.

— Cậu lại muốn nhìn mặt *Kim-Chi* nữ-sỹ là hạng người thế nào à ?

— *Kim-Chi* nữ-sỹ là tay đối-thủ của *Minh-Châu* nữ-sỹ, là ý-trung-nhân của *Ấm-sinh Trần-văn-Căn* chứ gì ?

— Chả dám nhận cái hân-hạnh ấy. Mặt em gớm lắm, anh trông thấy thời anh đến phải chạy mất !

— Gớm nhún mình quá !

— Em nói thực đấy !

— Thực hay dối cũng mặc, đứng gần lại cho anh yêu !

— Không đứng gần, nói đủ nghe thời thôi !

Tôi chạy lại gần ôm chầm lấy *Kim-Chi* hôn chụt một cái. *Kim-Chi* cố lấy tay bưng mặt rúc rích cười. Thế các ngài tính *Kim-Chi* có làm bộ không? Hãy hỏi viết giấy mời giai đến nhà làm gì mà còn khéo vờ? Nhưng cái lối các cô vẫn thế.

— Chết nhảm quá, em kêu to bây giờ.

— Thách đấy! Tôi yêu mợ lắm. Hai quả dừa ở ngực mợ đâu?

— Không biết làm sao nó đui từ thủa bé rồi.

— À mợ không phải là loài có vú, mợ là loài chim, để rồi tôi rắc truyền-đơn cho mợ ế chồng cho mà xem !

— Cậu có định kết-hôn với em không ?

— Nếu tôi có vợ rồi, tôi xin ly-dị ngay để lấy mợ.

— Thực chứ

— Nếu tôi mà bạc-tình cùng mợ, xin giời chu đất diệt.

Tôi lại ôm được *Kim-Chi*, nhưng suýt bị đẩy ngã. À người chị em biết võ !

— Phải gió ở đâu ấy ! Thế mà đội tên nữ-sỹ!

— Phỉ, thôi đừng nói dại. Cửa đóng kín, làm gì có gió! Tôi hỏi mợ nhé, mợ có giữ lời hứa hôm nọ không?

— Hứa gì?

— Hứa sẽ có ngày kia cho tôi sẽ sở cầu như ý, mợ nghĩ sao?

— Thế thời tôi chiều cậu quá giới-hạn, Cậu có chiều tôi không ?

— Có.

— Chiều thế nào ?

— Mợ muốn gì tôi xin chiều thế.

— Em xin cậu cho em. . . .

— Lại gạt đôi tai anh chứ gì !

Kim-Chi vừa cười vừa nói : vâng !

— Khổ lắm ! Ai bảo không lấy dao mà xẻo phắt đi. Mợ đưa tôi con giao nào ! Vở kịch đâu, chúng ta tập diễn đi !

Tôi vừa nói song, sờ tay lên bàn đụng phải bao diêm. Mừng qúa ; Sòe !

— Tôi thắp đèn đây.

Tôi mở thông phong, gạt đầu bấc. Khi đương lúi-húi châm, thời *Kim-chi* mở khăn tua trùm mặt ra, nói to giọng ồ ồ rằng: thưa cậu, *Kim-chi* nữ-sỹ cùng là loài *Minh-Châu* nữ-sỹ.

Hiện đôi ta đương diễn kịch đây!

Tôi ngẩng đầu lên nhìn, rật nẩy mình mềm nhũn cả người ra! Té ra là một người đàn ông, bộ giạng láu lỉnh, da đen nhẻm, râu mép cứng và giậm, mắt trợn lòng trắng lên, tay cầm giao dọn sáng quắc lóe cả mắt, ỏn-ẻn nói giọng tiểu-thư rằng :

— Giao đây, cậu sú-vơ nia cho em đôi tai đi ! . . . . .

. . .

Hú vía ! từ đó, ai dứ tôi bằng mục văn nữ-giới, thời tôi sợ hơn sợ chuột nhắt chết !

Juin 1929

Nguyễn-Công-Hoan

HẠT MÁU RƠI

BI - KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu - Sử Vũ - Bằng Soạn.

" Tiếp theo kỳ số 16 "

SEN VI

Nhỏ Mộng-Anh

Nhỏ lau ghế.

Mộng-Anh (tay cầm chiếc tăm) Kìa . . . Cậu lên trên gác rồi à?

Thế không đi lấy liễn mua cháo cậu sơi còn đứng đấy làm gì? (móc túi lấy hai hào.) Con vào cầm cái liễn nhé rồi ra đằng hiệu khách đầu phố mua hai hào cháo thịt mày bảo nó đập cái trứng vào đem về cậu sơi này.

Cầm lấy tiền đi. Đi chong chóng lên nhé ở nhà đợi đấy. . . . . .

Nhỏ: Ơ cậu con đi chơi kia mà! có ở trên gác đâu . . .

Mộng-Anh. — Thật à? Cậu vừa ngồi đấy mà!

Nhỏ. — Thưa mợ vâng. Cậu dặn con ở ngoài này trông nhà.

Mộng-Anh. — Ừ thế hay là để đến chốc nữa hãy mua vậy . . . Chả biết đi đâu thế?.. kêu mệt mà!

Đã mệt mà vẫn khỏe đi lắm . . .

(nhỏ chạy vào rót nước, cầm tách để lên bàn)

Nhỏ. — Cậu bảo chạy lại đằng kia về ngay bây giờ . . . . . .

Thưa mợ cậu có bảo con nói mấy mợ mua cho mấy thức gì biên ở tờ giấy để ở quyển sách kia kìa. Mở, xem xem.

Mộng-Anh. — Đâu.?

Nhỏ. — Cậu biên ở tờ giấy để ở quyển sách ý ạ!

Mộng-Anh. — (cầm quyển sách) Được rồi! thôi . . . cứ để đấy con vào trong nhà xem dọn dẹp bát đĩa lại nhé.

Nhỏ: Vâng.

(**Nhỏ** vào).

SEN VII

Bớt Nhỏ

Mộng-Anh: (ngồi uống nước cầm quyển sách thong thả dở)

Mua cái gì sao không dặn lúc nẫy, biên mấy biếc lôi thôi!

(Cầm lấy tờ giấy xem. Dần dần như bị một cái mãnh-lực gì sai khiến, mặt cô nhợt đi, chân tay run-rẩy để tờ giấy xuống bàn đứng giậy, như muốn với một vật gì . . . . . rồi lại ngồi xuống dở dần như một người đã chết đến linh hồn)

Mộng-Anh: Thôi! . . . giời ơi người ta lừa tôi rồi! trên gò má **M.-A.** hai giọt nước mắt từ từ chảy xuống) (nói như nghẹn-ngào thổn thức) tôi . . . tôi mắc phải kế của quân **Sở-Khanh** mất rồi! . . . giời ơi (nàng ngã vào ghế bưng mặt khóc nức nở hai vai dung động thỉnh thoảng ta mới nghe thấy tiếng)

(Sé nát tờ giấy quẳng xuống đất) giời ơi tôi biết thế này thì trước kia chẳng thèm tới cứ ở vậy cho song.

(một lát sau)

Ghê, tởm thế mà... chủ báo đấy! thế mà thượng-lưu tri-thức người hướng - đạo cho quốc-dân! người gõ mõ khua chuông cho đồng - bào!

(Cô ngồi đờ người ra một lát sau)

Sen VIII

Mộng-Anh Nhỏ

Mộng-Anh: Nhỏ ơi!

(trong có tiếng) dạ!

(**Nhỏ** ra)

Mộng-Anh: Cậu đi lúc nào

Nhỏ: Thưa mợ, cậu vừa đi xong, Mợ vào xơi cơm được một lúc lâu thì cậu con đi...

Mộng-Anh : Cậu đi thế có dặn gì nữa không ?

Nhỏ : Đây cậu có để lại cho cái giấy ấy đấy.... có dặn mua thức gì thì chắc có cả ở đấy rồi ! (Trông lên trên bàn. Không thấy, nhìn chung quanh mình, bỗng ngạc nhiên vì thấy nó đã cuốn tròn dưới đất)

Mộng-Anh : Thế thôi ư ?

Nhỏ : Vâng.

(đứng một lúc) Bẩm mợ, thế cậu bảo mua gì ? Mợ đưa tiền để con đi mua.

Mộng-Anh : Thôi được rồi.. con cứ đi vào đi.

Nhỏ : (quay vào)

Mộng-Anh : (gọi lại) Thật đấy chứ hở nhỏ ?

Nhỏ : Thưa mợ vâng.

Mộng-Anh : Thế cậu có bảo riêng gì con không ?

Nhỏ : Không ạ.

Mộng-Anh: (đi lại nhặt tờ giấy mà mình đã vò nhầu)

(Nhỏ liếc nhìn. Thấy M.A. không bảo gì, từ từ vào, vẫn ra giáng ngạc nhiên)

Mộng-Anh : Vuốt tờ giấy ra xem lại, càng xem lại càng như thấy đau đớn hiện cả lên nét mặt)....

(đọc một mình) bổn phận tôi là phải thoát ly... cái cảnh gia đình... thoát ly để lo những việc to lớn, để hy-sinh cho những sự ích lợi riêng của giống nòi (cười, cái cười khinh bỉ) To lớn ! ích lợi chung ? Hão !... Hay là thế thật ? Không đời nào ừ ! nếu thật, việc gì mà ẩn-núp mấy thư-từ thế này !

(đọc tiếp: tôi vẫn thương yêu mợ, tôi bao giờ cũng quý hóa mợ... Dả dối, thương-sót hão-huyền; ...quý gì ? (vẫn đọc nhưng sau không nghe ra tiếng. Nhỏ không thấy sai gì lẩn vào lấy làm ngạc nhiên lắm,

SEN IX

Mộng-Anh : Một lúc sau trông xuống bàn rở quyển sách cầm hai tờ giấy bạc ở tay)

À ! đây tiền này đây ! ra họ.... (đổi nét mặt) giời đất ơi ! thế này thì có nhục cho tôi chửa ? (cầm lấy hai tờ giấy bạc chập lại xé đôi ra vứt đi).... Giời ơi thế họ cho tôi là giống người gì ? Chết đi thôi... chứ còn sống làm gì ?.... sống làm gì cho dơ, cho nhục, cho xấu hổ, cho nhuốc nhơ ... mặt dầy mày dạn !

(trái tim **M.A.** lúc ấy như muốn phá ngực mà nhẩy ra. Cô níu ngực áo, nức nở, ngào nghẹn, uất-ức lắm, rồi ôm lấy mặt mà nức nở khóc)

Sau cô bỗng ngẩng mặt lên, trông trên trần nhà một lúc lâu, rồi bỗng đổi nét mặt hớn hở mà như đau đớn từ từ cởi giây lưng, mạnh bạo đứng giậy, đi mở cửa định vào thẳng trong nhà.

Bỗng réo rắt buồn rầu có tiếng đưa võng với tiếng đàn bà êm ái ru con ở nhà bên cạnh đưa sang:

Hà hơi .... ới ơi.... ơi ỡi ời ời,
..... cái ngủ mày ngủ cho lâu,
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về....
ới ơi.....

Cô nhợt nhạt hẳn đi, quay ra đứng không vững, vin vào tay ghế đánh rơi chiếc giây lưng rồi như muốn ngã khụyu xuống, cô ngồi xuống ghế)

Mộng-Anh : À thôi..thôi tôi quên đứt đi rồi (Vẫn có tiếng ru con, tiếng võng đưa đi đưa lại, kẽo cà kẽo kẹt)

... Á ơi... ; ư ! cái ngủ mày ngủ cho say ;
Mẹ mày vất vả chân tay tối ngày....
Mẹ mày.... ơi ơi...; ;.....

Mộng-Anh Chết chửa ..... Đứa trẻ... đứa trẻ ... nó không tội gì, thì ta chết, thì tạ chết làm sao cho được ? (lắc đầu)

(Tiếng du con càng buồn
Dần dần nhỏ đi thì từ từ...)

HẠ MÀN

ĐOẠN THỨ BA

Cảnh thứ nhì

Nhà ông **Tham Bích**. Hai từng, làm theo kiểu tây, nhỏ nhắn sinh sao; đứng ở đầu phố có hai cửa: cửa chính và cửa ngạch. Cửa chính ít khi mở. Cửa ngạch người xem trông thấy, trông ra đường mà mở ra đóng vào luôn luôn. Tường trong có cửa ăn vào cầu thang đi lên gác, và sân không trông thấy. Cánh cửa trên tường có chuông bấm và treo một tấm lịch con.

Bên phải: bàn viết con, trên có một cái cặp đựng sách, bé bút mực sách vở, một cái tủ đựng sách nhỏ, dăm bức ảnh một cái súng bắn chim hai nòng.

Dữa: bầy một bộ salon thật sang; trên ghế có coussins, dữa bàn có lọ cắm hoa hồng thật đẹp.

Hôm ấy chủ nhật.

Vào khoảng tám chín giờ sáng,

SEN I

Ông Tham Ích Mộng-Anh
Bà Tham và Cậu Trúc

Ông **Tham Ích** người khỏe mạnh mặt mũi phúc hậu vận âu-phục đen, ăn nói dễ nghe, thương vợ thương con, cử chỉ khoan-thai đứng đắn.

Mộng-Anh: Ăn mặc vẫn như trước sềnh soàng không có một tý gì là trang sức; nhưng vẫn óng ả. Mặt vẫn thỉnh thoảng có lộ một vẻ buồn kín đáo.

Cậu Trúc: Mặt mũi sáng sủa ăn mặc theo lối trẻ con tây. Ngoan ngoãn lễ phép biết vâng lời.

Kéo màn lên, **Mộng-Anh** đương ngồi khâu một cái áo trẻ con, ông **Tham Ích** hút thuốc và xem nhật-trình, **Cậu Trúc** ngồi ở bên viết, đương trông quyển lên sáu mà viết tập ra sách thỉnh thoảng lại đọc to một chữ lên.

Ông Tham: (bỏ tờ nhật trình nhìn chung quanh thấy gia-đình nhà ông êm-đềm ai ai cũng như hút thở được một làn không khí ấm êm, ông khẽ đập vào tay bàn) Mợ: mợ ơi kìa mợ trông thằng Trúc kia kia nó ngoan không?.... (hai vợ chồng trông con rồi nhìn nhau mà mỉm cười).

(Một lát cậu Trúc viết song quay lại)

Bà Tham: Thế nào, con viết đã song chưa?

Cậu Trúc: Thưa mợ... đã. Con viết song rồi cơ mợ ạ.

Bà Tham: Thế con đem sách ra để cậu xem đi...Hôm nay con viết mấy giòng thế?

Cậu Trúc: Cậu để cho con kể nốt một tý chỗ này...

Thưa cậu hôm nay con viết sáu giòng ạ, từ chữ ... A .. Ai sinh ta đến chỗ này (chỉ vào sách lên sáu).

Ông Tham: Đây phải không?

Cậu Trúc: Không...thưa cậu chỗ này kia...con phải ngẫm ấy...

Ông Tham: Thì chỗ này chứ gì?

Cậu Trúc: Vâng.

Ông Tham: (Xem sách một lát sau) Ừ được. Trông được đấy, con viết đã khá rồi, đẹp hơn trước rồi đấy, nhưng phải cái nét vẫn chưa được thẳng lắm con ạ. Mai con có viết thì phải cẩn thận hơn một chút nhé. Chịu khó viết cho nét nó thật thẳng mà đứng giòng đừng để nó lệch lạc cong queo như chữ này...sấu lắm. Chữ n, chữ í, chữ p còn lệch tuy thế cũng khá hơn hôm quà...; ờ đây có phải không? chữ o tròn hơn hôm qua nhiều đấy chứ. Hôm qua con viết khi méo quá....; trông không được, à; thế nhưng chữ này con viết hỏng rồi này (chỉ) **cậu Trúc** nhìn, bồng bồng thì đánh vần thế nào? ô ôn g ong, b o bo ep g bong huyền bòng chứ...Sao con lại viết thế này? viết thế này thì ra chữ bồn à? (con cầm bút ra đây cậu chữa lại cho (**cậu Trúc** lấy quản bút đưa cho **Ông Tham**)

Ông Tham: Thiếu chữ g nhé. Nhớ

lấy đấy con đánh vần lại chữ bòng đi cho cậu xem nào.

Cậu Trúc: b o là chữ bo, en, g là chữ bong huyền bòng.

Ông Tham: Con nhớ chưa ?

Cậu Trúc: Thưa cậu con nhớ rồi ạ.

Bà Tham: Vẫn khâu nhưng tai vẫn nghe con đọc bài.)

Bà Tham: (tủm tỉm cười)

Ông Tham: Thôi..; Được rồi. Dưới phải cả...chỉ sai có chữ trên ấy thôi. Ờ! con cứ chịu khó cố tập viết đi nhé, con viết đẹp đi chóng cậu yêu...

Bây giờ con đem sách ra mợ xem đi. Này mợ này em nó viết hôm nay trông đã được rồi đấy mợ ạ. Mợ xem sách em mà xem.

Cậu Trúc: (hơi thẹn) cầm ra mợ xem đi.

Cậu Trúc: đưa sách cho **Bà Tham**.

Ông Tham: Phải không? mợ!

(**Bà Tham**: Cầm sách con xem tủm tỉm cười) vâng.

Ông Tham: So bây giờ với mấy hôm trước kể cũng đã hơn lắm đấy chứ nhỉ mợ nhỉ?

Bà Tham: Vâng thưa cậu em nó viết trông cũng đã được đấy. Đã đỡ lèm nhèm rồi...Nét trông cũng thẳng thắn rồi đấy có thể đọc được, chứ như trước em nó viết tôi trông thật chẳng biết chữ gì vào chữ gì...

(Nhìn **Cậu Trúc**) con cố mà chịu khó học hành viết lách đi nhé...chóng đến sang năm mợ nói mấy cậu cho con đi học trường (xoa đầu xoa cổ cậu Trúc thương yêu quý hóa lắm) con có muốn đi học trường không? con.

Cậu Trúc: Thưa mợ có ạ!

Bà Tham: Con đi học trường anh *Vinh* con bà *Hai* ở bên cạnh ý mà...con biết không?

Cậu Trúc: Có...mợ ạ! con biết rồi cơ!...mợ cho con đi học trường nhé; mợ nói thật nhé...Mợ cho con đi học trường nhé...con thích đi học trường lắm cơ...mợ ạ.

(Ông **Tham Ích** cười)

Ông Tham: Học trường thì phải giỏi kia. Con có cố học thì mới vào được chứ,

Cậu Trúc: Con có cố học kia...con cố học thì cậu cho con đi học trường nhé cậu nhé.

Cậu Trúc: Được... Ừ!

Bà Tham: Thôi ... giờ con cầm sách đi ra học bài cậu ... đi ..,

Cậu Trúc: (cầm lấy sách)

Ông Tham: .....

Bà Tham: Học thuộc rồi; chóng mợ bảo anh *Nhỏ* anh ấy giắt ra bờ hồ chơi.

Cậu cầm sách cho em đọc...

Ông Tham: Con đem sách ra đây. Học chỗ nào? Con chỉ cậu xem nào. Cậu Trúc (chỉ) đây ạ.

Con có muốn xem lại không? Hãy xem lại một hai lượt đi đã con ạ không có lại quên...

(Cậu Trúc cầm sách ra ngồi gần bà *Tham* lẩm-bẩm học)

(*Bà Tham* vẫn khâu. *Ông Tham* trông con trông vợ hút thuốc)

Cậu Trúc: (cầm sách đưa cho ông *Tham*) Thưa cậu con thuộc rồi ạ sách đây ạ.

Ông Tham: Con đọc đi (cầm sách trông)

Cậu Trúc: (khoanh tay lại đọc):

Ai sinh ta,
Cha cùng mẹ,
Bồng lại bế,
Thương mà yêu,
Ơn nhường bao,
Con phải ngẫm.

Ông Tham: (gật đầu) thôi được rồi .... Đọc thuộc đấy. Con đọc lại lượt nữa cậu nghe rồi cất sách đi.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

VIỆC TRONG NƯỚC

Tin tức vua Thành-Thái và vua Duy-Tân ở bên cù lao-Réunion

Trên mặt nước Ấn-độ-dương cách phía đông đảo Madagascar không xa, nổi lên một hòn đảo con con đã lâu đời. Hòn cù-lao này bỏ sót dữa biển khơi kia vẫn không có danh lam thắng cảnh, dị thảo kỳ hoa gì, nhưng nó vẫn được duyên làm nơi hội ngộ của các khách anh - hùng lỡ vận. Hòn cù-lao ấy, tức là Ile de la Réunion. Tức là quê hương thứ nhì của vua Thành-Thái, vua Duy-Tân, tướng Abd Elkrim, Hoàng - hậu Madagascar. Vua Thành-Thái và vua Duy-Tân từ khi ở Cap St Jacques ra đi lần tay tính lại đã 17 năm trời. Vua Thành-Thái năm nay 53 tuổi, còn vua Duy-Tân thì được 33 tuổi rồi.

Những anh em ở Pháp về còn ai nhớ lại ghé thăm, thì được hai ngài tiếp truyện ân cần lắm, cũng nói truyện nước truyện nhà.

Trước kia mới qua, hai ngài vẫn ở chung trong một nhà cát dưới chân núi tại Aloès. Nhà ấy của chính - phủ Pháp làm ra, bàn ghế trong nhà hai ngài cũng khỏi tốn. Nhưng chỗ ấy gió độc lắm, không ở được, mà cách một năm sau hai người phải thuê mượn nhà ở riêng.

Hiện bây giờ thì vua Duy-Tân ở St Denis; ngài chuyên về điện - học và âm-nhạc.

Hai môn ấy ngài giỏi lắm. Ngài kết bạn với một người đầm lai Mlle Anna, được hai người con trai. Muốn cho đủ chi dùng trong nhà ngài phải đi giậy ở trường St Denis.

Vua Thành-Thái thì bây giờ một mình một cõi, tiền lương đủ sài có thêm nghề nuôi ngựa đua nữa cho nên thảnh thơi hơn.

Ở bên ấy vua Thành-Thái, ngoại vua Duy-Tân ra, lại có một người con trai em vua Duy-Tân nữa.

Ngày chủ nhật thì mấy ngài lại cưỡi ngựa đua. Vua Duy-Tân và em ngài, lần nào cũng giật giải nhất, giải nhì.

Cách sinh - hoạt cũng không lấy gì làm túng thiếu.

T. B.

HANOI

Danh sách những người cách-mạnh đương bị truy nã.

Sở mật-thám vừa in một tập danh sách có ghi tên tuổi quê quán và in hình ảnh của các người cách - mạnh có tiếng phân phát cho các người trong sở ấy, để tiện việc giò xét trộc nã. Tập danh sách này là tập thứ nhất vừa xuất bản song, sau này còn ra nhiều tập tiếp theo nữa. Trong tập danh sách thứ nhất này thấy có ghi tên và in ảnh 101 người cách - mạnh, toàn là những người bấy lâu nay sở mật-thám vẫn chú ý đến dò xét mũi, nhưng chưa bắt được.

Đứng đầu tập danh sách thứ nhất ấy, thấy có tên những người cách - mạnh sau này:

Nguyễn-Ái-Quốc quán ở Trung-kỳ hiện ở bên Tầu hay bên Nga.

Phi-Vân quán ở Bắc-Ninh, là người bạn M. Đội-Dương; Ngô-Đức-Tri quán ở Hà-Tĩnh, con trai ông nghè Ngô-Đức-Kế; Lê-Duy-Liêm và Ngô-Đình-Mẫn là hai người có can vào việc tống tiền, giết người ở phố hàng Đẫy. Còn nhiều người nữa không kể xiết được.

T. B.

TRUNG-KỲ

Mấy cuộc biểu tình tại Nghệ-an

Vinh 19 Mars .— Ngày 19 Mars 1931 ước ba nghìn người biểu tình chực đến đánh quan Tổng-Đốc Nghệ-an. Lại mấy nghìn người nữa tiến vào chực đánh Hà-tĩnh mà bị quân Chính-phủ dẹp tan được.

T.B.

VIỆC NƯỚC NGOÀI

Tình hình Quảng-Tây

Sau khi Hoàng-Thiệu-Hùng ở Nam-Kinh về ai nấy đều chắc là cuộc hòa-bình ở Quảng-tây có thể thực hiện được. Nhưng đến nay đạo quân thứ 8 quân Quảng-Đông vẫn chưa dút về, bọn Lý-Tôn-Nhân, Bạch-Sùng-Hy, Trương-Phát-Khuê vì thấy thời cục còn sẩy nhiều việc, nên còn trông ngóng chưa chịu bãi binh xuất dương. Trong cuộc kỷ niệm quân sư ở Ung-châu vừa rồi, Lý-Tôn-Nhân diễn thuyết có nói rằng: những kẻ thù nghịch ngày nay, một là đảng cộng-sản, hai là Tưởng-giới-Thạch, ba là chủ nghĩa Đế-quốc. Thái độ bọn Lý còn như thế, thì cuộc hòa - bình khó tính song được.

T. B.

Cuộc hòa-bình ở Quảng-tây có lẽ không thành

Về việc chính-phủ Nam-kinh dùng chính sách hòa-bình để giải quyết thời cục Quảng-Tây, bỗng thấy trống chi đến nay đã rõ lắm rồi. Vì hiện nay ở trung nguyên còn nhiều việc, quân chính-phủ chưa rỗi xuống phía Nam được; nạn cộng-sản ở Giang-Tây chưa dẹp yên, tỉnh Quảng-đông có phải lo về phía Bắc quân Vân-nam mới bị thua không thể kéo sang phía Tây được; tỉnh Hồ-Nam nạn cộng-sản sinh ra khắp nơi, từ đủ còn chưa rỗi, tỉnh Quy-chân không có thù gì với Quảng-Tây. Nhờ về tình thế ấy bọn Lý-tôn-Nhân, Bạch-sùng-lý, Trương-phật-Khuê thành ra có thể đủ được địa bản, không khi nào đã chịu đem cái Cúc-da-thành nhường cho người khác, vừa rồi Hoàng-thiệu-Hùng lên Nam-kinh mưu cuộc hòa không phải là không kế hoạch chắc chắn, những số biên-khiển, đến nay chính-phủ Trung-ương biên vẫn chưa giao cho, mà phép biên khiển, Tưởng-giới-Thạch lại định bỏ sự ấy và lui đi chỉ đặt từng đoàn một, như vậy đối với những người muốn bảo toàn thực lực chưa chắc họ đã nghe. Gần đây lại nhân việc Tưởng-giới-Thạch bắt giam Hồ-hán-Dân lại làm cho bọn Lý, Bạch sinh lòng nghi hoặc mà giữ cái thế độ trông ngóng, cuộc hòa-bình đến nay lại càng chậm tích, vả chăng bọn Lý, Bạch giờ hiện ở Ung-châu vẫn ra sức chỉnh bị khí giới và đắp hào lũy để phòng giữ, nếu không sớm giải quyết được thì lại chiến tranh e chẳng bao lâu lại sẩy ra vậy.

T. B.

Trương-thọ-Xương lại định về nước hoạt động

Trương-thọ-Xương hiện ở biệt phủ bên Nhật dự định hạ tuần tháng này về nước trước đến Đại liên triêu tập bộ hạ cũ để lại mưu hoạt động. Bộ hạ của Trương là bọn Lâm-Quyên Hương, Trương-tinh-Xương tất cả 11 người đã sang Nhật cùng Trương bàn định kế hoạch.

Việc chính-trị ở Ấn-Độ

Bombay 19 Mars.— Buổi chiều hôm nay phó-vương lại hội kiến với ông Gandhi. Ông Gandhi lại bị ta phải ngăn trở trong việc thi-hành mọi khoản của ông điều-đình với phó-vương. Ta phải yêu cầu rằng người Anh giả hẳn Ấn-Độ. Ngày hôm nay có 2000 lính Anh tới Ấn-Độ.

Lahore 19 Mars.— Phó-vương không chấp đơn xin ân xá của ba người can việc âm mưu ở Lahore bị án xử tù.

T. B.

Thư từ chở bằng tầu bay

Các thư từ gửi tầu bay (đường Hà-Lan) từ Saigon chạy Marseille và Amsterdam sáng thứ bẩy 21 Mars 1931 thì ở Hanoi sẽ đem vào Saigon bằng chuyến xe lửa tốc hành 19 giờ 40 tối thứ ba 17 Mars. Các thư từ ấy không phải chịu thuế riêng từ Tourane đến Nha-Trang như các thư gửi truyến tốc hành mọi ngày.

Cứ hai tuần lễ có một lần chuyến tầu bay (đường Pháp và đường Hà-Lan) chở thư đến Saigon vào ngày thứ hai và một chuyến (đường Pháp riêng) đến Saigon vào ngày thứ tư. Những thư gửi đến miền bắc Trung-kỳ hay Bắc-kỳ thì từ đây sẽ do các chuyến xe lửa tốc-hành chở đi, vào tới thứ ba và thứ sáu.

Các thư từ ở Trung-kỳ và Bắc-kỳ mà gửi tầu bay chạy từ Saigon sang Pháp thì từ đây cùng do chuyến tốc-hành gửi vào trong Nam, bằng những chuyến ở Hanoi chạy tối thứ ba và thứ sáu hồi 19 giờ 40.

Các thư từ ấy chở đi hoặc chở đến, đều không phải chịu thêm năm su như là các thư thường mà vẫn chở bằng chuyến tốc-hành.

T. B.

Le Gérant :
PHAM-DINH-KY

SÀI-THÀNH NHẬT-BÁO

Lâu nay không thấy ra.

Nay Bản-chí được tin rằng ông **Diệp-văn-Kỳ** lại ra chủ-trương tờ báo ấy, và thể-cách tiến-hành có khác trước.

Trong tuần lễ mỗi ngày báo ra hai trương, là chuyên về sự thông tin tức; mỗi tuần-lễ lại có một kỳ ra 36 trang một quyển, là thuộc thể tạp-chí hợp cả Âu-học, Hán-học hai khoa.

Vậy xin giới-thiệu cùng chư-vị độc-giả,

An-nam tạp-chí

BẮC-KỲ THỜI-BÁO

Bản-chí được tin Bắc-Kỳ Thời-Báo ra đến tập

Xuân-thuyết.

« Số báo ra hàng ngày cũng sẽ bắt đầu trong tháng Avril đây. »

An-nam Tạp-chí

AN-NAM TẠP-CHÍ

Bán lẻ, mua nam, đang Quảng-Cáo ở Huế do:

Monsieur **Lê-thanh-Cảnh**

Comptoirs Commerciaux d'Annam

Trung-Kỳ Thương-Cục

107 Rue Paul-Bert (Huế)

Số 22 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Avril 1931

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

BẢO-QUÁN

123 — Rue Maréchal-Foch — 123

NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7$00	Một năm	8$00
Nửa năm	3.50	Nửa năm	4.00
Mỗi số	0.15		

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH

19

KÍNH NGỎ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ.

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 8, 9 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Nghĩ về cuộc kinh-tế khó-khăn ở nước ta - *giá-trị của các nhà tư-bản.*

Một vị đại nhân-vật ở Nam-kỳ *(cụ Phan-thanh-Giản.)*

Mấy lời trân-trọng cùng các bạn thanh-niên nam nữ trong quốc-dân.

Câu truyện mò tham Cam-phả

Nữ-giới tùng-dâm *(sự quan-hệ của người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng*

Văn thơ.

Xã-hội Thiên-dâm. *(Hội Lộc-tùng của người Nhắng ở vùng Baxat.)*

Xã-hội Ba-đào-kỳ. *(Nối đời.)*

Tiểu-thuyết *(Văn-Lan kỷ sự) (tiếp theo.)*

Kịch (Hạt máu rơi.) *(tiếp theo.)*

Ý-kiến và tiểu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LAI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 22 NĂM TÂN-VỊ 2e S. Avril 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƯ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÁN
Phó Chủ-sự

NGHĨ VỀ CUỘC KINH-TẾ KHÓ KHĂN Ở' NƯ'Ớ'C TA

Giá-trị của các nhà tư-bản

Hiện nay cuộc kinh-tế khó-khăn, nghe các nước phú cường đều vậy, không riêng gì ở một nước ta. Song sự khó khăn của những nước phú cường kia, ví như sự túng của nhà giầu, có thì có giờ; đến như sự khó-khăn của nước ta, thời là sự túng của nhà nghèo, ưu nguy mới thật là ưu nguy; khủng hoảng mới thật là khủng hoảng vậy.

Vả lại như chúng ta ngày nay, làm gì có thì giờ tính đến sự khó khăn của nước khác, thời mình hãy cần lo lấy cái sự nguy cấp của nước mình. Tôi không phải là người có học-vấn và thực-hành về sự kinh-tế, thời câu nói lấy đâu làm giá-trị và mong có phần lợi ích đến đồng bang; tuy vậy, cứ chức-trách của nhà ngôn luận, đem ngu-thành cống hiến với quốc-dân, câu nói nếu là phải thời tất có người nghe, dù chẳng ra chi, cũng không phải là một sự có lỗi vậy.

Nay tôi nói đây, là muốn tính về đại đoạn sự kinh-tế lâu xa của nước ta, không phải là đối với sự khó-khăn hiện thời trong năm ngoái, năm nay, mà mưu toan cứu cấp vậy. Tuy vậy, nhân thấy cái quang-cảnh mới từ năm ngoái sang năm nay, xã-hội rất khó-khăn hơn trước,

lại càng nghĩ đến cái vận-mạnh từ nay về sau nữa, biết rồi nữa xã-hội ta ra sao? Ngạn-ngữ ta có câu rằng: «*cái khó bó cái khôn,*» thời dẫu có cái khôn, nhưng mà khó, cũng chết; huống chi cái khôn của chúng ta đối với ngoại-giới đã thua kém, nếu lại khó, nguy biết là chừng bao! Cái vận-mạnh sinh tồn đã nguy, thời cái tiền-đồ tiến hóa còn lấy đâu cho có nhiều hy-vọng. Cho nên không cứ sĩ, nông, công, thương, các giới, ai kẻ hữu tâm đến thời-cục, nhất thiết đều nên lo.

Nghĩ như nước ta, ruộng đất tốt, rừng núi nhiều, các mỏ có, phận đất duyên hải cũng thực giải; cứ địa-diện với nhân-khẩu đối chiếu nhau, có lẽ không đến nỗi kinh-tế khó khăn là phải. Vậy mà cuộc kinh-tế mỗi ngày mỗi khó thời là sao? Cứ ý tôi xét ra, có hai lý-cố:

Một là *tài trí của quốc-dân ta đối với ngoại-giới có kém.*

Hai là *những nhà tư-bản nhiều người không chịu bỏ của đứng làm công-cuộc gì.*

1) *Nói về tài trí,* thời quốc-dân ta thứ nhất đã kém về cơ-khí, cho nên công nghệ phải thua. Vật xấu mà giá bán đắt hơn, thời còn mong gì tiêu thụ cho ngoại-quốc. Dẫu không nói tiêu thụ ra ngoại-quốc, mà ngay trong bản-quốc, người nước mình vẫn phải cần dùng đồ của ngoài. Bài trừ ngoại-hóa, chẳng qua là câu truyện nói chơi, khó thay sự-thực vậy! Thử xem như: chè tầu, sa tây, vải ấn-độ, ba thứ đó mỗi năm người nước ta tiêu dụng biết bao. Không phải là ta không có chè uống, không có sa, the và vải để mặc, nhưng mà sự tiêu dùng ngoại-hóa cứ như thế, thời là lý thế như thế vậy.

Lại xem như ở Nam-kỳ, nhà máy say gạo của người ngoại-quốc thời không sao; người nước ta chỉ có một cái nhà máy say, mà cháy. Ở mặt bể, tầu của người ngoại-quốc thời không sao; người nước ta có một cái tầu *Bình-Chuẩn* mà chìm. Tôi thường nghĩ đến sự đó, ngờ cho là vận-hội của quốc-dân chưa đến ngày được khá hay sao? Dù có như thế chăng, cứ sự thực nghĩ ra, cũng là tài trí kém thua vậy.

2) Nói về *tư-bản,* nguyên người nước ta đã không lấy đâu có được nhiều người có tư-bản to ví với người ngoại-quốc; mà sự chiêu phần lập hội thời cái bụng ăn ở với nhau kém, cho nên không mấy hội được bền, nghĩ chỗ đó thật đáng buồn, mà có nói lắm nữa cũng vô ích. Tư-bản đã kém thời lấy đâu làm được những công-cuộc lớn mà mong tranh cạnh với ai. Sự kém thua đó đã đành chịu. Lại đến những người có tư-bản mà không chịu tính làm việc chi hết, thời cái của đó cũng bằng thừa. Tôi từng nghe người ta nói truyện: nhà một ông Tú ở về hạt huyện Thanh-oai, Hà-đông, cũng có nhà ở phố Hàng-gai, Hà-nội, nhà giầu có tới trăm vạn, những bạc trắng chôn ở dưới đất tới mười chum giở lên, như thế mà không có làm một việc chi hết. Nghĩ như cái tiền của ấy mà đem ra mở các công-cuộc, thời bao nhiêu kẻ lao-động được nhờ đó có việc làm, bao nhiêu kẻ có nguyên-liệu được,

nhờ đó có chỗ bán, mà xã-hội thêm ra được bao nhiêu hóa-phẩm ru? Thật là đáng tiếc vậy! Câu truyện đã là nghe, thời không có lấy chi làm đích sác; song thế-gian đã nói thời chẳng ít cũng nhiều. Lại nghĩ một nhà tư-bản ấy như thế, thời trong xã-hội chắc cũng còn có nhà tư-bản khác cũng như thế; những nhà tư-bản như thế, cũng lại chính là một cái nguyên-cớ làm cho kinh-tế khó khăn vậy.

Vì tài trí kém, cho nên kinh-tế khó; mà cái khó lại bó cái khôn. Vì tư-bản không bỏ ra, cho nên kinh-tế khó; mà cái cảnh khó khăn lại cũng làm cho ai trông thấy mà buộc chặt. Nguyên-nhân làm ra kết-quả, kết-quả lại làm nên nguyên-nhân, cứ như thế tuần-hoàn, thời xã-hội khó khăn, mỗi ngày càng khó khăn, mà tiền-đồ của quốc-dân rất nguy hiểm. Nguyên-cớ của sự khó-khăn đã như thế, thời nghĩ muốn cứu-cấp cuộc kinh-tế của ta cho khỏi khó khăn nên như sao?

Ý tôi nghĩ rằng:

Tài trí của chúng ta có kém, chưa thể mà học ngay bằng người được, thời chỗ ấy đành đã chịu thua. Tuy vậy, một là ta xét những việc người ta có thể làm mà mình cũng có thể làm; làm mà cũng có thể tranh lợi. Hai là ta cần tìm ra những nghệ mới, người ta chưa ai làm mà mình làm; làm mà có thể có lợi. Nhớ khi tôi qua ở Qui-nhơn, có nghỉ chơi ở nhà ông Phan-thanh-Khuyến (cháu cụ Phan-thanh-Giản), trong nhà buôn bán mà có làm thêm một việc *cước cá* (ta thường gọi là *vây*). Cứ ông Khuyến nói truyện với tôi và dẫn cho tôi xem biết sự làm ấy, thì giờ trước sau vào 40 ngày mà lãi một gấp đôi, bỏ ra 40 đồng vào khoảng đầu tháng trước để mua vây cá, thời đến trung-tuần tháng sau bán đủ 80 đồng, không sai lạc chút nào. Duy bởi việc làm có hơi phải chịu khó, cho nên người An-nam ta không có mấy nhà làm, mà cái lợi lại về tay người khách; người họ thuê đất ở dữa cánh ruộng, lập sưởng và mộ nhân-công, mỗi năm *cước* gửi về Tầu, thực số lợi cự vạn. Đó là việc người ta đã làm mà mình có thể làm. Lại như ông Nguyễn-khắc-Mại ở Thái-bình nói về sự làm *ruốc cá* (xem mục Thiền-đàm ở Bản-chí số trước), tôi tuy chưa dám chắc ra sao, song có thể cũng là một việc làm mong có lợi ích không ít. (Dẫn lời ông Phan-thanh-Khuyến nói về cách làm cước cá, và bàn thêm với ông Nguyễn-khắc-Mại nói về cách làm ruốc cá, xin sẽ đăng ở mục thiền-đàm kỳ khác). Đại-khái ý tôi nghĩ về sự tìm ra công-nghệ mới, lại càng là cần nên chú ý hơn.

Phàm nói đến sinh lợi, vô luận tính theo phương-cách nào, thế tất có trông cậy ở các nhà tư-bản. Các nhà tư-bản, tức là người giữ quĩ của công-chúng. Số tiền quĩ nếu không bỏ ra, thời các việc không việc gì có thể làm. Cái tiền-đồ của sự kinh-tế nếu còn cứ mỗi ngày khó-khăn, thời xã-hội thế tất đến tiêu-điều; xã-hội mỗi ngày tiêu-điều, thời một hai nhà tư-bản kia đứng lẫn với hơn chín mươi nhà bần bách nguy vong, khó mong sự binh-yên sung-sướng

vậy. Chữ nho có câu rằng: 轉禍爲福 *Chuyển họa vi phúc,* » nghĩa là « đem sự có vạ chuyển làm sự có phúc » là thế. Hiện nay tình-trạng trong xã-hội ta như thế, tức là cái thời-cơ của các nhà tư-bản được chiếm có giá-trị; nếu ai không biết thời-cơ mà tự chiếm lấy giá-trị thời tức là không có tài, không có bụng dạ với công chúng, mà tự đặt cái địa-vị vào ba chữ "守財虜 *thủ tài lỗ,* » nghĩa là « *thằng ở giữ của,* » rồi sẽ thấy họa phúc của tự mình ra sao...

Nay tôi nhân lo về sự kinh-tế khó-khăn của nước ta, mà nghĩ đến cái giá-trị của các nhà tư-bản, ngu-kiến thiển-thức, xin hết bầy tỏ.

Quốc-dân ta nghĩ sao?

Các nhà tư-bản ta nghĩ sao?

Nguyễn-khắc-Hiếu

樂以天下。憂以天下。

Lạc dĩ thiên-hạ; ưu dĩ thiên-hạ.

Đây là hai câu trong sách Mạnh-tử, lời ông Mạnh-tử nói truyện với vua Tuyên-vương nước Tề.

Nghĩa rằng:

Vui là vui vì cả thiên-hạ, cùng thiên-hạ cùng vui. Lo là lo vì cả thiên-hạ, cùng thiên-hạ cùng lo.

Ông Mạnh-tử nói đây, là xuy cái bụng các vị thánh-đế minh-vương đời xưa, lấy mình đối với dân, coi cũng như một. Cho nên mình có vui là vui chung cho cả thiên-hạ, không phải vui riêng một mình; mình có lo là lo chung cho cả thiên-hạ, không phải là lo riêng một mình. Bởi thế cho nên cái vui của mình mà thiên-hạ cũng đều vui, cái lo của mình mà thiên-hạ cũng đều lo. Hai câu này chữ ít mà nghĩa nhiều, ý-vị toàn ở một chữ 以 « *dĩ* », rất nên ngẫm nghĩ thay!

Chúng tôi nhân câu nói của người xưa như đây, mà lại nghĩ về sự-thực của người xưa, thời thực có như thế. Vua *Hạ-Vũ* ở Trung-quốc, lo cho thiên-hạ ở Trung-quốc về sự trị thủy, ba lần đi qua cổng nhà mà không vào, đương lúc mình lo mà thiên-hạ cũng lo; đến khi *trị thủy thành công* thời mình vui mà thiên-hạ cũng vui vậy. Vua *Lê Thái-tổ* nước ta, lo cho thiên-hạ nước ta mà giấy quân ở Lam-sơn để chống nhau với Minh, trải mười năm gian quan, mình lo mà thiên-hạ cũng lo; đến khi *bình Ngô đại-cáo* thời mình vui mà thiên-hạ cũng vui vậy.

An-nam tạp-chí

MỘT VỊ ĐẠI NHÂN-VẬT Ở' NAM-KỲ

về hồi hai nước Pháp, Việt mới giao tiếp

Cụ Phan-thanh-Giản

Cụ Phan-thanh-Giản ở Nam khi xưa, các nhân-sĩ ngoài Bắc đến nay đều có nhớ tiếng. Bản-chí nhân có người thân tín khách du trong Nam là M. Vũ-Trang biên thuật truyện Cụ gửi về, Bản-chí xin cứ nguyên văn đăng như sau, để các bạn Độc-giả cùng hay, và cũng để chất cùng Nam trung, chư quân-tử.

An-Nam Tạp-Chí

Phan-tiên-sinh húy là **Thanh-Giản** hiệu là *Trịnh-Bá*, tự *Đạm-Nhiên, Lương-Khê*, biệt-hiệu là *Mai-Xuyên*, giòng giỏi tổ-tiên, vốn ở ngoài Bắc ; sau vì loạn-lạc phải thiên-cư ở về tỉnh Bình-định (Trung-kỳ) Nhưng sau gặp hồi loạn Tây-sơn, song-thân tiên-sinh lại phải thiên-cư ở về làng Bảo-thạnh, tổng Bảo-trị, huyện Bảo-an (tục thường kêu là Ba-tri) phủ Hoằng-trị (bây giờ là thành phố tỉnh Bến-tre) tỉnh Vĩnh-Long.

Tiên-sinh sinh giờ thìn ngày 12 tháng 10 năm Bính-Thìn đời vua Cảnh-hưng (1796) năm 20 tuổi, mẫu-thân từ-trần, nhà nghèo lắm, lại gặp tai họa phụ-thân không chịu khuất phục gian-thần phải bị tù tội. Nhưng may có nhiều người thấy tiên-sinh là người chăm học, nên hết lòng trông nom giúp đỡ.

Năm Ât-dậu (1825) là năm thứ sáu đời vua Minh-Mạnh, nhà vua mở khoa thi ở Gia-định (Nam-kỳ) tiên-sinh đậu Cử-nhân.

Năm Minh-Mạnh thứ bẩy là năm Bính-tuất (1826) tiên-sinh dự thi hội ở Kinh-đô Huế đậu Tiến-sĩ. Khoa này ngoài Bắc có mười người đậu Tiến-sĩ, mà trong Nam chỉ có một mình tiên-sinh.

Theo như lời của nhiều bực thân-sĩ nói, thời trong Nam chỉ có tiên-sinh là đậu được tới Tiến-sĩ, cao hơn hết thảy các quan khác, vì xưa nay trong Nam chẳng có ai đậu tới Trạng-nguyên, Bảng-nhãn, hay Thám-hoa chi cả. Tiên-sinh đậu rồi, nhà vua nể vì trong Nam hiếm, nên muốn trọng-dụng để đáp lại tấm lòng « trung thành » của dân Nam-kỳ đối với vua Gia-Long ngày trước. Vì thế được thụ-chức Hàn-lâm-viện-biên tu ; nhân có chỉ được ra làm quan Tham-hiệp ở tỉnh Quảng-bình, chính hồi ấy tiên-sinh cưới bà Chánh-thất và đem bà về trông nom hầu hạ song-thân. Khi tiên-sinh đi làm quan xa, lâu chưa về, có làm một bài thi gửi về cho bà chánh-thất như sau này :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng,
Tình này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười kẻ ham rong ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng
Ơn nước nợ trai đành nỗi phận,
Cha già nhà khó cạy nhau cùng.
Mấy lời dặn dỗ khi lâm-biệt,
Rằng nhớ, rằng quên lòng hỡi lòng !!

Năm Minh-mạnh thứ 8 (1827) tiên-sinh được thăng chức « Lang-trung » bộ Hình.

Năm Minh-mạnh thứ 9 (1828) được quyền nhiếp tỉnh Nghệ-an, chửa được bao lâu, lại phải về phục chức Tham-hiệp ở tỉnh Quảng-bình như trước.

Năm Minh-mạnh thứ 10 (1829) được quyền nhiếp Tham-hiệp ở tỉnh Nghệ-an, lãnh Lệ-bộ-tả-thị-lang ; rồi sung chức Hiệp-trấn tỉnh Ninh-Bình.

Năm Minh-Mạnh thứ 12 (1831) đổi về làm Hiệp-trấn tỉnh Quảng-nam ; nhân vì

giặc giã, chống cự thất bại, nên bị giáng xuống làm Tiền-quân hiệu-lực. Cuối năm ấy lại làm phó-sứ cùng với ông Hà-Tôn-Quyền làm chánh-sứ sang Paris (kinh-đô nước Pháp) đến sang đầu năm sau mới về.

Năm Minh-Mạnh thứ 13 (1832) được phục chức Kiểm-thảo Nội-các-hành-tẩu, qua chức Hộ-bộ-viên-ngoại-lang, cho đến chức Hồng-lô tự-khanh, sang làm phó-sứ nhà Đại-thanh. Khi đi sứ qua ải Đồng-quan, tiên-sinh có vịnh bốn câu:

Buổi sứ-trình đêm mưa dậm tuyết,
Bạn cố-tri mảnh nguyệt quan san.
Rạng ngày đến cửa đồng-quan,
Tiếng xưa « thập-khứ nhất-hoàn » là đây!

Khi đi ngang qua rừng vắng, có vịnh bốn câu:

Muôn dậm đường xa mới tới kinh,
Bao nhiêu non nước, bấy nhiêu tình.
Rừng không, người vắng, chim kêu rốn,
Trăng lặng, sao mờ, gió thổi rình!

Chính lúc tiên-sinh đi sứ có làm một tập thi gọi là:

Kim-đài-thi-tập «金臺詩集»

Năm Minh-mạnh thứ 15 (1834) tiên-sinh đi sứ về có tâu vua cải cách nhiều sự quan hệ, theo như lối nhà Thanh bấy giờ. Năm Minh-Mạnh thứ 16 (1835) được thăng chức Đại-lý tự-khanh, kiêm biện Hình-bộ sự-vụ, sung Cơ-mật-viện đại-thần, nhân vì có giặc Cao-miên phải thân-hành cùng với ông Trương-minh-Doãn, ông Nguyễn-tri-Phương đi tiễn-trừ, thành công rồi, tiên-sinh được bổ làm quan Bố-chính tỉnh Quảng-nam, hộ-lý Tuần-phủ quan-phòng.

Năm Minh-Mạnh thứ 17 (1836) tháng giêng vì việc can-giáu ngăn đón vua tuần-du Nam-Kỳ, nên bị giáng xuống làm Lục-phẩm thuộc-viên; được hai tháng thăng lên chức Nội-các thừa chỉ, sung Cơ-mật-viện.

Năm Minh-Mạnh thứ 18 (1837) được thăng chức Hộ-bộ-lang-trung biện-lý bố-vụ, sung chức Thừa-thiên phó chủ-khảo; cũng năm ấy được thăng Hộ-bộ-thị-lang, sung Cơ-mật-viện đại-thần, Vua sai chép bộ sử «Minh-Mạnh chính-yếu» 明命政要

Năm Minh-Mạnh thứ 19 (1838) được bổ đi Kinh-lược ba tỉnh: Hà-tĩnh, Nghệ-an, Thanh-hóa. Sau về vì sự quên không kiểm-soát đóng ấn trong chương sớ chi đó, nên bị giáng xuống chức Lang-trung biện-lý-hộ-vụ. Vua lại sai đi ra Quảng-nam coi khai mỏ vàng, và ra tỉnh Thái-nguyên coi khai mỏ bạc.

Năm Minh-Mạnh thứ 20 (1839) được đổi về làm quan Thông-chính sứ-tư, vì việc gỡ tội cho bạn đồng-liêu là ông Vương-hữu-Quang, nên bị dời qua chức Thông chánh-phó-sứ hộ-lý-thương-trường sứ-vụ.

Năm Minh-Mạnh thứ 21 (1840) sung chức Thừa-thiên phó-chủ-khảo nhân vì kiểm-duyệt khảo hạch không kỹ, nên bị giáng xuống một cấp, chưa được bao lâu thăng chức Binh-bộ-thị-lang.

Năm Thiệu-trị nguyên-niên (1841) được thăng chức Tham-tri sung Cơ-mật-viện-đại-thần, và làm Chánh-chủ-khảo ở Hà-nội (Đông-Kinh.)

Năm Thiệu-trị thứ 2 (1842) phụ-thân tiên-sinh mất, vua Thiệu-trị có ban vàng bạc đem về tống-táng. Tháng mười năm ấy vua đòi trở về Kinh. Khi sắp ra đi, bà chánh-thất có ý muốn giữ tiên-sinh ở lại một đêm (?) nữa, tiên-sinh khẳng-khái cản lại, và có vịnh bốn câu thơ.

Thương vua, mến chúa phải ra đi,
Bịn-rịn làm chi thói nữ-nhi,
Muôn dặm Trường-an mau trở lại,
Vào chầu bệ ngọc hả lòng mi.

Trong khi tiên-sinh cư-tang ở nhà, ban ngày thân-hành ra mộ đắp đất, dỗ cỏ. Nhiều người thấy thế, muốn làm thay, tiên-sinh không cho; ban đêm mặc áo giải, ngồi chếp bằng đọc sách, tỏ ra ý kính-trọng thánh-nhân, và giữ đúng lời thánh giậy ngày xưa là khi ở nhà để tang đọc xem nghi lễ, thực là một người chí-hiếu.

Năm Thiệu-trị thứ 4 (1844) sung chức Đô-sát-viện Tả-phó đô-ngự-sử, kiêm Cơ-mật-viện đại-thần. Vua sai đi Kinh-lược

từ tỉnh Quảng-trị tới tỉnh Thanh-hóa.

Năm Thiệu-trị thứ 7 (1847) vì có công coi sóc việc lấy số hộ-khẩu, nên được thăng chức Hình-bộ-thượng-thư sung Cơ-mật-viện-đại-thần.

Năm Tự-đức nguyên-niên (1848) được bổ qua làm Lại-bộ thượng-thư sung Cơ-mật-viện-đại-thần. Cùng năm ấy bên nhà có chỉ sai quan Tổng-đốc Lưỡng-Quảng là Lao-sùng-Quan đem sắc phong cho vua Tự đức. Trong khi vua sai dọn nhà công-sứ, tiên-sinh có treo câu đối như sau:

帝臣自北而南。王臣自南而北。歸路來路。

Đế thần tự Bắc nhi Nam, vươngthần tự Nam nhi Bắc, qui lộ lai lộ.

仁者以大事小。智者以小事大。樂天畏天。

Nhân giả dĩ đại sự tiểu, trí giả dĩ tiểu sự đại, lạc thiên úy thiên.

Nghĩa là: Bầy tôi của đức hoàng-đế từ bên Bắc sang Nam, bầy tôi của nhà vua từ bên Nam sang Bắc, đàng thời về, đàng thời lại; kẻ nhân lấy nước lớn phụng-sự nước nhỏ, kẻ trí lấy nước nhỏ mà phụng-sự nước lớn, đằng thời vui theo lẽ trời, đằng thời sợ không dám trái lẽ trời.

Năm Tự-đức thứ 2 (1846) sung chức Kinh-duyên sung-diễn-quan, chủ việc diễn sách cắt nghĩa cho vua nghe; rồi lại sung chức Tả-kỳ Kinh-lược đại-sứ lãnh Bình-phú Tổng-đốc, kiêm Tri-thuận Khánh-đạo.

Cùng năm ấy tiên-sinh có tiến-cử một người bạn thân học giỏi, tài cao, khi đưa ra kinh-đô để yết kiến vua Tự-đức, vua Tự-đức muốn thử tài, nhân thấy trong nội vỗng các bà hoàng, các bà phi, các bà công-chúa đi lại lườn-lượt mới đọc ra một vế câu đối nôm:

Vỗng vào, vỗng ra, vỗng la (1) hào-kiệt,

Ông bạn của tiên-sinh ứng-khẩu đối ngay:-

Chiếu ngồi, chiếu ngự, chiếu cử hiền-lương.

Vua Tự-đức thấy đối hay, biết là người có tài, liền được trọng dụng.

Năm Tự-đức thứ 6 (1853) được thăng chức Hiệp-biện đại-học-sĩ lãnh Binh-bộ thượng-thư sung Cơ-mật kinh-viện, chép bộ sách "Việt-sử-thông-giám-tổng-mục" 越史通鑑總目

Năm Tự-đức thứ 8 (1855) tiên-sinh tâu vua xin lập miếu dựng bia, thờ ông Võ-trường-Toản, ông này giòng-giõi người bên Tầu về đời nhà Minh, đã có công khai sáng Nho-giáo trong Nam-Kỳ trước hết, và gây dựng được nhiều nhà danh-sĩ giúp vua Gia-Long như ông Trịnh-hoài-Đức, ông Ngô-tòng-Chu v. v.. Trong Lục-bộ có kính tặng ông Võ-trường-Toản một câu đối như sau:

生前教訓得人。無子而有子。

Sinh tiền giáo-huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử.

沒後聲名在世。雖亡者不亡。

Một hậu thanh-danh tại thế, tuy vong giả bất vong.

Nghĩa là: Khi sống, giậy-dỗ được nhiều người dỏi, tuy không con mà cũng vẫn có con; Lúc thác rồi, danh tiếng để lại trên đời, tuy đã mất mà thực là không mất.

Năm Tự-đức thứ 12 (1859) quan nguyên soái Pháp là Rigault de Genouilly đem quân đánh cửa Hàn (Tourane) mấy trận không thành-công, rồi lại đem quân vô đánh Saigon, Gia-định, Biên-hòa; thế nguy-biến tiên-sinh có giâng sớ tâu cái kế-sách «nghị-hòa» trái hẳn với cái kế-sách «nghị-chiến» của các quan.

Năm Tự-đức thứ 14 (1861) bà chánh-thất của tiên-sinh tạ-thế ở làng Bảo-thạnh, để lại ba người con trai, và ba người con gái; học hành đều giỏi cả.

Năm Tự-đức thứ 15 (1862) quan nguyên-soái Rigault de Genouilly

(1) Đây lại là chữ nho «Vỗng la» 羅網 nghĩa là cái lưới đón lấy hay đơm lấy, đối lại với «Chiếu-cử» 詔舉 cũng là chữ nho.

chiếm-cứ Gia-định, Tiên-sinh cùng với ông Lâm-duy-Hiệp bị cử đi thương-thuyết về việc nghị-hòa, nhưng vì thế-lực yếu, đành phải nhượng giao Gia-định, Định-tường, Biên-hòa ba tỉnh ấy cho người Pháp và một số tiền bốn trăm mười đồng. Vua không bằng lòng, đem lời nghiêm-trách đổi tiên-sinh vô làm Tổng-đốc tỉnh Vĩnh-long, để trù tính mọi việc,

Năm Tự-đức 16 (1863) vua đòi tiên-sinh về triều sung-chức Như-tây chánh-sứ, ông Phạm-phú-Thứ làm phó-sứ, ông Nguyễn-khắc-Đản làm bồi-sứ, ông Tôn-thọ-Tường, ông Trương-vĩnh-Ký làm thuộc-viên. Khi đi sứ, tiên-sinh có bài thi quốc-âm như sau :

Chín từng lồng-lộng giữa trời thinh,
Phụng chỉ ra đi buổi sứ - trình.
Lo nỗi nước kia cơn phiến-biến,
Thương bề dân nọ cuộc chao chinh.
Ngàn-trùng biển cả sang Tây-địa,
Muôn dặm đường xa thẳng Đế-kinh.
Mấy nước sang qua cùng Pháp-quốc,
Rước đưa mừng rỡ việc hòa ninh !

Khi tầu đỗ ở bến tiên-sinh có ngâm bốn câu:

Gió đưa dương-liễu cành cành nguyệt,
Cụm tỏa ngô-đồng lá lá sương.
Thuyền mọn năm canh người bãi Hán,
Địch dài một tiếng khách Tầm-dương.

Khi về tiên-sinh có chép ra bộ «Như-tây» bằng chữ Hán ông Tôn-thọ-Tường, tri-phủ Tân-bình, diễn ra quốc - văn gọi là «Tây-phù nhật-ký» đến nay vẫn còn nguyên-văn lưu-truyền.

Năm Tự-đức thứ 17 (1864) tiên-sinh đi sứ bên Pháp về, tâu vua xin cải-cách nhiều chế độ theo như bên Pháp, nhưng vua đã không nghe, mà các quan lại cũng không tin ; tiên-sinh bực mình có làm bài thi tự-thán :

Từ ngày đi sứ đến Tây-kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giật-mình.
Kêu rủ đồng-bang mau tỉnh giậy,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin.

Cùng năm ấy sung chức Hộ-bộ thượng-thư kiêm Toàn-quyền đại-thần để tiếp rước quan Toàn-quyền đại-pháp là Aubaret sang thương-thuyết việc giao - ước.

Năm Tự-đức thứ 18 (1865) tiên-sinh đã 69 tuổi, dâng sớ xin về trí-sĩ, nhưng vua Tự-đức không cho, buộc phải đi kinh - lược ba tỉnh Vĩnh-long, Hà-tiên, An-giang. Trong khi đi, quan Võ-hiển-điện là ông Nguyễn-tri-Phương có tiễn biệt tiên-sinh một bài thơ quốc-âm :

Ven ngàn, góc biển, dặm chơi vơi,
Vui tẻ phân nhau một bước dời.
Cá lại Long-giang hai ngả nước,
Nhạn về Du-hợp một phương trời.
Nửa hồ cố cựu trăng lai láng,
Cạn chén rưng tròng gió lộng khơi.
Chầy kiếp Trường-an mau trở lại,
Thăm người viễng cảnh, ới người ôi !

Năm Tự-đức thứ 20 (1867) ngày 19 tháng năm là năm Đinh-mão, quan nguyên-soái Đại-pháp De Lagrandière, đem quân đến tỉnh Vĩnh - Long, bách phải nhượng ba tỉnh Vĩnh - Long, An - giang, Hà - tiên cho chính-phủ Pháp. Các quan đều có ý quyết chiến, nhưng tiên-sinh vẫn giữ thái - độ ôn - hòa, chỉ muốn lấy lời nói để mua chuộc nhân-tâm. Nào hay chửa được năm ngày mà ba tỉnh đều vào tay người Pháp. Tiên-sinh thấy sự tình như thế, buồn phiền quá độ, mới niêm sớ và đồ triều phục ấn truyện với 23 đạo sắc của vua phong cho tiên-sinh, cùng là đồ châu báu khí-giới trong ba tỉnh, gửi về dâng lại cho vua, rồi tiên-sinh tuyệt-cốc có làm một bài thi như sau:

Thời trời, lợi đất, lại người hòa,
Há dễ ngồi coi phải nói ra.
Lăm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng rồi đường xa,
Lên gềnh xuống thác thương con trẻ,
Vượt biển trèo non cảm phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba ! . . .

Và hai bài thi hán-tự «*Bạng duật tương trì, ngư ông đắc lợi.*»

造物原來兩不干。
Tạo - vật nguyên lai lưỡng bất can,
只因飲啄起爭端。
Chỉ nhân ẩm trác khởi tranh đoan.
雲禽壯志何須讓。
Vân cầm tráng chí hà tu nhượng,
水蛤雄心不肯寬。
Thủy cáp hùng tâm bất khẳng khoan.
開口不如緘口穩。
Khai khẩu bất như giam khẩu ổn,
入頭方覺出頭難。
Nhập đầu phương giác xuất đầu nan.
早知得利歸漁手。
Tảo tri đắc lợi quy ngư thủ,
雲水飛潛各自安。
Vân thủy phi tiềm các tự an.

Ký-giả xin thiển-diễn ra lời quốc-âm như sau : — dịch năm 1929.

«*Trời đất sinh ra vốn khác lò,*
«*Chỉ vì " tham miếng " phải giằng co,*
«*Cò khoe giài mỏ chi nhường nhịn,*
«*Trai cậy giầy mu chả nói cho.*
«*Mở miệng, không bằng im hóa ổn,*
«*Vương đầu, mới biết gỡ thêm lo...*
«*Sớm hay no giạ ông câu cá,*
«*Bay tít mây xanh, lặn nước mò ! . . . !*

Tiên-sinh có di-chúc nếu sau khi tiên-sinh mất, phải đem linh-cữu về an-táng tại làng Bảo-thạnh gần bên phần mộ tiên-nhân, còn tấm Minh-Sanh (銘旌) chỉ đề có chín chữ :

海涯書生潘良溪之柩。
Hải - nhai thư - sinh Phan - Lương - Khê chi cữu.

Cũng có sách chép : «Hải-nhai-lão thư sinh tính Phan chi cữu.»

Tiên-sinh tuyệt cốc đã tới 17 ngày, nhưng vẫn chửa mất, mới hòa thuốc độc, đứng giậy trở mặt về hướng Bắc, lạy năm lạy, rồi ngồi chếp bằng tay bưng chén thuốc độc mà uống. Than ôi ! giây phút cách nhau, hồn tiên-sinh đã xa chơi chín suối, ngậm hờn nuốt dận, cùng ai bầy tỏ tấm lòng son !

Tiên - sinh mất nhằm ngày mồng năm tháng bẩy năm Đinh-mão (1867) thọ được 72 tuổi. Hồi ấy ông Tú Nguyễn-đình-Chiểu ở tại làng An-bình-đông (Ba-tri) có bài thi quốc-âm viếng tiên-sinh như sau :

Non nước tan-tành hệ bởi đâu ?
Ngậm-ngùi nhớ đến cõi Ngao-Châu,
Ba triều công-cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương-thường một gánh thâu.
Ải Bắc ngày trông tin nhạn vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh-sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây bạt gió thâu !

Các quan hồi ấy, đưa câu đối viếng nhiều lắm, tựu trung thấy có câu đối này có vẻ suất-sắc hơn cả.

九泉未釋群戎憾。
Cửu tuyền vị thích quần nhung hám.
一忍能全六省民。
Nhất nhẫn năng toàn lục tỉnh dân.

Nghĩa là : chín suối vẫn chưa nguôi được lòng dận quân nhung, một nhịn đi

để cho toàn dân sáu tỉnh.

Năm Tự-đức thứ 20 (1867) vua cùng triều-thần bắt tội tiên-sinh về sự để mất ba tỉnh, cách hết chức hàm của tiên-sinh lại chẻ bỏ cả bia Tiến-sĩ của tiên-sinh nữa.

Đến đời vua Đồng-khánh nguyên-niên (1886) vua cùng triều-thần xét tiên-sinh không có tội chi hết, nên lại phục y chức Hiệp-biện đại-học-sỹ lãnh Binh-bộ-thượng-thư, Nam-kỳ-kinh-lược-chánh-sứ-toàn-quyền-đại-thần, và dựng bia Tiến-sĩ của tiên-sinh lại.

Hồi tiên-sinh sắp mất, cũng có di-chúc khuyên răn con cháu nên ở nhà học hành, trông nom nhà cửa và phần mộ tổ-tiên, đương thế-cục đổi thay, không nên dự chức-tước chi hết. Nhưng về sau tiên-sinh mất đi rồi, các ông con cháu vẫn ra làm quan như thường: con trai của tiên-sinh như ông Phan-Liêm làm quan đến chức Thượng-thư (?) ông Phan-Tôn làm quan đến chức Hồng-lô-tự-thiếu-khanh; cháu của tiên-sinh như ông Phan-thanh-Khắc con ông Phan-Liêm, làm quan đến chức Ấm-thọ-lịch cơ-mật-viện viên-ngoại-lang.

Tiên-sinh vốn là bạn đồng-liêu với cụ Vũ - Phạm-Khải (Tằng-Tổ-phụ của ký-giả.) ký-giả từ khi vô Nam, đã có ý chú-trọng tìm tòi muốn biết qua cái thân-thế của tiên-sinh ra sao, cho nên ngày thường gặp người Nam vẫn có ý hỏi thăm và tìm kiếm sách đọc. Nay cầm bút, trộm phép tiên-sinh mà viết ra bài này, thực lấy làm đau-đớn cho cái thế-cục tang-thương...! Vậy có mấy lời vắn tắt như trên, gọi là tỏ mối cảm-hoài của cố-gia tử đệ.

Vũ-Trang biên-thuật
(SAIGON)

Việc đại cách mạnh về đường xá.

Gần đây các nước trên thế - giới, đối với các hạng công việc, không việc gì là không dùng khoa - học để sửa sang thay đổi cho ngày thêm tiện lợi mãi ra. Mới đây nước Hoa-Kỳ về châu Illinois có một con đường cái chạy xe hơi dài đến 150^{m} đã bỏ hẳn lối rải đá đổ nhựa như ngày trước mới lợi dụng ngay **khối sắt đúc ra đắp thành con đường đó**, cứ nghe người nước đó nói ở con đường mẫn, đớ thi nghiệm được kết quả rất là viên mãn vì đường xá ngày xưa, thường hay sinh ra nghiêng lệch, cong queo và rất rễ vỡ lở, đem miếng sắt đúc thành đường, dẫu phí tổn hơi nhiều hơn, nhưng sau có thể đỡ được rất nhiều tiền phí tổn về việc sửa sang, con đường như thế cũng là một sự phát-xiển rất mới lạ có thể gọi là một đoàn tiên-phong về sự cách - mạnh trong việc làm đường xá vậy.

Một thứ máy chớp bóng mẫu hàng

Các người hàng sách, xưa kia thường cứ phải vác hàng từng gói to đi chào các nơi mới bán được, thực là sự rất phiền.

Hiện nay người *Hoa-Kỳ* mới phát-minh ra được một cái máy chớp ảnh bằng điện, chỉ nặng có một boóng và ¾ hình như cái máy chụp ảnh ở trong túi, có thể bỏ vào trong đẫy áo. Những người đi chào hàng có cái máy đó, không cần phải mang mẫu hàng đi nữa, chỉ cần những nhà có đèn điện, đều có thể truyền điện chớp bóng cho rõ ra, vả lại không cần phải dùng một thứ màn trắng nào nhất định cả, cứ chớp ngay vào tường cũng được. Trong máy có thể đặt 250 tờ ảnh khác nhau, mỗi tấm ảnh có thể đem kiểu mẫu và cách tổ-chức từng thứ hàng chớp ra rất rõ ràng, như thế các hàng mua không cần đòi xem mẫu hàng nữa.

MẤY LỜI TRÂN TRỌNG

cùng các bạn thanh-niên nam nữ trong quốc-dân

Anh em chị em ta ngày nay còn được sum họp với nhau trên mảnh đất này, hẳn anh em chị em cũng chưa mấy ai đã quên ngày trước ông bà ta tốn mất bao nhiêu mồ hôi nước mắt, xương trắng máu đào, mới có thể gây dựng mở mang, tranh dành chống chỏi để giao lại cho chúng ta cái miếng đất hương-hỏa ngày nay, và các cụ cũng mong cho chúng ta trở lên người, không đến nỗi là những tuồng cúi đầu sấp mặt, sâu sé lẫn nhau.

Ấy đấy! các cụ kỳ vọng cho chúng ta nên thánh nên thần, mà ngày nay chúng ta được như thế nào tưởng không phải nói nữa. Nói thế hoặc có ai hiểu lầm lại bảo dáng luận-giả này lại muốn bàn về vấn-đề chính-trị ở Đông-dương. Không! luận-giả không muốn nói đến Chính-trị, Luận-giả viết đây là chủ ý phê bình những cái thói hư nết xấu của những ai ai. Mong ai ai có những thói nết như sau, mau mau giác ngộ, ấy là một cái hạnh-phúc chung của xã-hội.

Cái tính xấu thứ nhất là ăn vận xa-hoa. Nói thế chắc có người phản đối rằng: Người ta xa-hoa thì thiệt hại gì của ai, mà ai được phép nói đến. Câu trả lời đó thực đáng làm cho tôi phải lưu ý, dám hỏi ở đời có ai sống một mình được không?

Tưởng ai đã là người, không ai nói rằng: có.

Đã không sống một mình được, tất phải nhờ nhiều người mới sống được; đã nhờ nhiều kẻ khác, ấy là có dính dáng đến xã-hội, đã dính dáng đến xã-hội, thì người ở trong xã-hội ai cũng có quyền nói đến. Vậy nay xin lấy cái tư-cách một người trong xã-hội đứng ra mà bàn luận những sự của ai ai có thể làm cho xã-hội chịu cái ảnh-hưởng không tốt không hay.

Người ta xấu hay tốt là vì cái hoàn-cảnh, nhưng những cái làm cho hoàn-cảnh xấu, tốt, là những cái gì?

Ấy là: phong-tục, tập-quán. Nay cả tính xa-hoa cũng là tập-quán; ta cần phải bài trừ, vậy thì ai thích xa hoa đọc tới đây dù có mếch lòng chăng nữa, nhưng tấm lòng thổ thiền này những muốn phô bầy một đôi phần ý kiến nhỏ nhặt nên cũng xin mạn phép các vị độc-giả mà được giải rõ ra đây:

Hẳn các ngài cũng biết cho rằng: Buổi đời kinh-tế ngày eo hẹp, nếu ai lại chưa thấy, thì xin hãy để quá tai nghe, mở qua báo đọc, sẽ thấy nền tài-chính của các nước giầu mạnh đương lung-lay như kia! huống chi nước ta trăm đường thua kém mà còn cứ đua nhau cùng xa cực xỉ để hãnh diện với bà con, làm choáng mắt công chúng, dù những vật xa-xỉ đó của người nước ta chế tạo ra được, cũng không nên tiêu dùng quá thế, nữa là mười thứ, đến chín thứ rưỡi phải mua của ngoài, cái số lớn tiền tiêu phí đó có bao giờ trông thấy nữa không?

Xin ai là kẻ thích «diện» kia, lại nên biết hơn lên một từng nữa là: người ta không cứ ai, nếu được người đời tôn

quý ấy là tôn quý cái công nghiệp tài đức đó, chứ không vì cái bộ *cánh mốt, ngọc vàng* nhiều mà tôn quý đâu?. Có chăng chỉ những kẻ mê muội họ mới khen, mà được tiếng khen kia thì phỏng có giá-trị gì, mà vẫn còn ham diện mãi. Ấy đấy! những kẻ làm ra tiền ăn vận xa hoa lòe đời còn bị những người thức - giả coi rẻ rúng. Đến như hạng ký-sinh-trùng (thứ sâu sống nhờ) và hạng chỉ bám lấy đức ông chồng mà ăn chơi bài bạc, đài điếm xa hoa, thì đời khinh bỉ đến đâu? Đời khinh bỉ đã đành rồi! song xin hỏi nhỏ ai ai: trong những khi đối bóng trông gương có lấy làm tự thẹn??

Hai là: "Tình - dục" nói đến hai chữ tình-dục không biết có khỏi một số đông các bạn thanh-niên nam nữ vội đập bàn mà la lớn lên rằng: Trời ơi! đương cái thế-giới văn-minh này, mà có kẻ cả gan định cướp sống hai chữ tự-do của người ta ư? Nào pháp-luật đâu, sao chưa trừng trị?

Các bạn ơi! các bạn hãy nên bình-tâm đừng nóng nẩy; luận-giả không phải hạng đem cường-quyền toan cướp rật hai chữ tự-do của các bạn ở giữa thế-kỷ hai mươi này đâu! Luận-giả chỉ nói về cái con đường tình - dục nó làm cho nhiều người phải nhờ thuốc phiện đấm thanh hoặc giải lụa đào lần nước biếc để ăn cướp nợ đời, nếu ai chưa đến thế thì cũng đã trăm cay ngàn đắng ôm một cái sống thừa làm con yêu tình-dục ở chốn nhân - gian, hẳn các bạn cũng đã từng trông thấy đó!

Tôi cũng đã biết: ở đời ai là người không có tình; nếu không có tình thì làm gì có đời. Song chữ tình có hai thứ: một thứ thì xã-hội rất mực tôn sùng và một thứ người đời hết sức khinh bỉ. Chao ôi! phải các bạn đứng vào cái địa-vị chữ tình trên thì luận - giả sao có bài này. Nay luận- giả viết bài này cũng biết có nhiều bạn bất bình, nhưng không thể vì một lẽ gì riêng mà quên cái nghĩa - vụ là anh em thân của các bạn.

Các bạn ơi! người ta đã nói: không điều-độ là có hại; thực thế! kìa đứa bé phần trí-giác hãy còn non nớt, thấy vật ngon đánh mãi bụng kềnh ra; cái hại của đứa bé là cái hại đau gia giầy. Anh kẻ trộm thiếu ăn túng tiêu phải giắt dao vào lưng đi đào tường khoét vách, thấy của nhiều tối mắt, có ngờ đâu trời đã dạng đòng rồi, thế mà còn vơ-vẩn trong buồng tài - chủ cho đến nỗi bị trói bị cùm, có phải tham lam là kẻ thù chăng? Nhưng mà không; cậu bé con và anh kẻ trộm là hai hạng người thế nào? Ấy thế mà cũng ít khi ta thấy trẻ con ham ăn đau gia giầy, ăn trộm ngồi tù vì ngốt của. Huống chi các bạn phần nhiều là người có học, đã chẳng nghĩ đến đường công-danh sự - nghiệp làm cho xã - hội được nhờ, mẹ cha hỏi gia, đã không có chí làm nên nữ-kiệt văn-hào như người thế-giới, thì cũng nên làm cho trọn cái bổn phận một người dân trong nước, một người con trong chốn gia-đình. Chứ có đâu lại đua theo tuồng ong bướm vô loài, tập-luyện mãi thói cành chim lá gió, cùng là học đòi Tống-ngọc Trường-khanh quên cả tháng ngày chỉ những ôm đào ấp mận!

Này những ai ai! mau mau giác ngộ! Cái nợ mày râu còn cao như núi Tản, mà tấm thân khăn yếm há phải là của thừa ở chốn nhân-gian?

P. V. Đồng-Văn

CÂU CHUYỆN MỎ THAN CẨM-PHẢ

Hồi mấy năm trước đây, ký-giả có thầu làm than ở ngoài *Cẩm-Phả* (tiếng tây gọi là *Camphamine*). Từ *Hảiphòng* ra đây đi tầu thủy độ 8 tiếng đồng hồ, đi qua *Quảng-Yên* và *Hongay*, Ngồi trên tầu trông ra, bao-la nước biếc non xanh, nhiều vẻ hữu-tình, nhác trông không khác phong-cảnh vịnh *Hạ-long* (*Baie d'Along*) vậy.

Ở bến *Cẩm-phả*, tầu thủy chỉ màn sẽ đậu ở dữa sông, không vào trong bờ được, những khách đi tầu lên xuống phải màn sẽ thuyền cả.

Trước kia ở đây có nhiều hổ và chỉ là một nơi đi về của bọn giặc Khách, vì có tiện đường ở *Đông-Hưng* và *Moncay* sang.

Đã hơn 20 năm nay sở mỏ than khai khẩn, nhà nước có đặt quan *Đồn* để giữ việc trị-an, có sở Điện-báo để thông tin tức, nên lâu nay không sảy ra những sự cướp bóc như trước nữa.

Hiện nay nhà gạch san sát, đường xá sạch sẽ, có chợ họp đông đúc, phố có nước máy, đêm có đèn điện, cái quang-cảnh trông có vẻ nào-nhiệt.

Về sự buôn bán trông cũng sầm-uất, vì ở đây tiện đường thủy nên ở *Hải-phòng* nhiều người cất hàng ra đây buôn bán. Sự buôn bán mà được vui vẻ, vì nhờ có những mỏ than đã khai-khẩn, là một cái địa-lợi của xứ *Bắc-Kỳ* ta vậy.

Ai đã bước chân ra đây, trông thấy mỏ than ngoài này, mới biết cái mối lợi rất to, có quan-hệ đến nền kinh-tế của nước nhà nhiều lắm. Khi ký-giả ở đó thấy có người thuật chuyện cho nghe rằng: «*Hồi triều vua Minh-Mạnh ta đã có xét đến những mỏ than ngoài này, có lấy một miếng than đem thí-nghiệm, sau không hiểu cách đốt ra làm sao, rồi cho là một vật vô-dụng.*» Ấy đó, rõ ngồi trên đống của mà không biết, đáng ngán thay cho cái đời khoa-học đang lúc mịt-mù! Giá hồi bấy giờ mà nước ta đã có những nhà Kỹ-sư về Khoáng-vật-học, thì cái lợi-quyền kia há chịu nhường ai! Nói đến đây những nhà thức-giả không ai là khỏi ngậm-ngùi vậy.

Hiện thời sở mỏ than mở-mang đã có cái công-trình vĩ-đại, nào nhà kho, nào nhà giấy; nào ông chủ nhất, nào ông chủ nhì; có máy trục than, có máy sàng than.

Mỗi năm các nhà thầu-khoán phải mộ phu ra đây hai lần để làm mỏ, về tháng giêng và tháng sáu annam.

Những số phu ở ngoài này ước được 6, 7 nghìn người: đàn ông có, đàn bà có, trẻ con có, có cả phu ta và phu Khách.

Từ ngày có mỏ than đến giờ, những dân nghèo ở các chốn thôn-quê cũng được có công ăn việc làm trong những lúc mùa màng chưa có, thật có lợi cho dân-sinh quốc-kế vậy.

Phu mộ ra ngoài này làm, cái thời-gian không phải hạn-chế, nghĩa là khi ở nhà rồi thì cai mộ ra làm, mà mùa màng đến lại trở về quê nhà, sở và chủ thầu cũng không có phép giữ lại được.

Mấy năm trước than bán đi ngoai-quốc mạnh lắm, cứ tháng tháng có tầu *Nhật*, tầu *Khách* và tầu các nước đến mua than, đậu ở *Campha-Port* (ta gọi là *Cửa-Ông*) cách *Camphamine* 11 cây số. Những ngày chủ-nhật và ngày lễ phu cũng làm việc cả.

Trong dăm năm gần đây, đường kinh-tế có hơi kém, than tiêu-thụ đi ngoại-quốc chậm trệ, nên những ngày lễ, chủ-nhật hay ngày mưa phu cũng nghỉ việc cả.

Phu làm ở đây có hai hạng: phu làm cho sở, và phu làm cho các chủ-thầu. Những công việc thầu khoán ngoài này, có người thầu làm từng (gradins). có người thầu làm lò (galeries). Đại-khái như sở mỏ than cho mình một chỗ thầu làm, mình phải mộ phu lấy mà làm. Nếu mình gặp được chỗ dễ, lấy được nhiều than; thế là mình có lợi; nhỡ ra làm phải chỗ khó, phu phen làm hết nhiều công, mà lấy chỉ được ít than, thế là bị lỗ.

Phu đi làm sáng từ 5 giờ rưỡi đến 11 giờ; chiều từ 1 giờ đến 6 giờ. Giờ đi, giờ về đều nghe còi tầm của nhà máy.

Cứ chiều nào vào hồi 6 giờ rưỡi, tức là lúc phu ở từng về, cốt mìn nổ ở trên các từng ầm ầm như súng đại-bác.

Các từng cần phải đốt mìn, là để những tảng đá vỡ ra, ngày hôm sau phu đào cuốc cho dễ. Ấy cũng vì những mìn nổ đó mà họa ra cũng sẩy có người bị nạn.

Những giờ tầm đi làm, đứng dưới phố trông lên từng, phu phen tay cầm choòng, vai vác cuốc, đi hàng lũ lượt, coi rất vui mắt. Những tậy coi (surveillant) đến giờ cưỡi ngựa chèo từng, lên để trông nom cho phu làm việc.

Trước kia khi sở mỏ than đang thời-kỳ mới khai khẩn, làm ăn còn dễ, những các chủ thầu chỉ bỏ ra cái vốn ít nhiều thôi, vì cứ trong 10 ngày sở lại cho vay ít tiền. Nhưng đến nay người khôn của khó, các chủ thầu tranh cạnh ra nhiều, nên cái giá - trị và cái quyền - lợi không được hưởng như trước. Bây giờ cứ 50 ngày sở mới phát tiền cho chủ thầu, mà chủ thầu phải xuất ra một cái vốn kha khá để chi cho phu làm hàng ngày. Thí-dụ như thầu làm 1 cái từng có 60 người phu làm, thì mỗi ngày cũng phải chi tới 18$00, một tháng tới 540$00; nếu thầu 5, 7 cái từng thì tất phải bỏ một số tiền to lắm. — Thế mà cũng có nhà chủ thầu to thầu làm 18 hay 20 cái từng.

Ngoài này không những người mình thầu làm, mà cả người Khách cũng ra thầu nhiều. Hồi ký - giả ở ngoài ấy có được nghe bà con thuật chuyện lại hồi đăm năm trước có một bà ở Hảiphòng ra thầu than, bà này vốn liếng không có chí hết, song có trí kinh-doanh, nói thạo tiếng Pháp, nên cách giao-thiệp của bà được trực-tiếp với các ông chủ tây ngoài mỏ. Bà này làm ăn trong đăm năm trời phất lên tới có bạc vạn. Đó, tay không mà làm nổi cơ-đồ, cũng đáng khen cái trí đảm-đang của bọn nữ-lưu vậy.

Còn các ông ra thầu than ngoài này từ trước đến nay, phần nhiều xuất thân là làm Cai cả; vốn liếng trong tay đã không có gì, mà đến học - lực chẳng nói chắc các độc-giả cũng thừa biết. Trước còn làm ăn lương của sở, sau nhờ được thần thế cũng cố xoay bốc vác xin sở một chỗ để thầu làm. Những nhà thầu-khoán này đã sẵn có cái bản - tính nhẫn-nại, không quản chi những sự lầm than, lại thạo trông công việc, biết chịu cúi luồn, trên xoay với sở, dưới kiếm vào phu, đó là cái tư-cách của các nhà thầu-khoán ấy, nên làm ăn không mấy chốc mà cũng bốc lên giầu có cả. Ấy mới ngày nào bác Cai, bác Xếp, mà nay đã ông Nghị, ông Hàn, nhà tây khắp phố, xe hơi mủ đường, đã nghiễm-nhiên là một nhà Đại-phú.

Cũng nhờ được nơi phu phen làm đông đúc, nên nhiều người lợi-dụng buôn những đồ cần dùng hàng ngày cho phu như : gạo, nước mắm, thuốc lào, nón, áo tơi, vân vân . . . . . , mà thấm thoắt mấy năm trời cũng kiếm được tiền trăm bạc nghìn cả.

Đem con mắt quan-sát của ký-giả đây mà sét ra những người hoặc buôn - bán hoặc thầu-khoán ngoài này thì toàn không phải là nhà có tư - bản. Chẳng qua là chỉ những người tứ - xứ, bị thất bại các nơi, đến lúc đầu dường tiền hết, đáy túi lương không, thì mới chịu siêu - dạt ra cái nơi sơn cùng thủy tận này vậy.

Ký - giả viết bài này trộm nghĩ rằng : ở xứ *Bắc-Kỳ* ta đây còn nhiều mỏ lắm, chưa khai khẩn được, mà ở vào cái thời-đại máy móc này, than đá lại là một thứ cần dùng lắm. Mong rằng các nhà có trí đi du-học bên Pháp, chẳng nên thờ ơ về khoa khoáng - vật - học, mà để sau này đem tài thi-thố, mở mang cho nền kinh-tế nước nhà, thì cái địa-lợi kia của tạo-hóa riêng để cho con cháu Rồng Tiên mới mong hưởng-thụ được hết vậy.

CHU - CANH PHAM - DINH - KY

NỮ-GIỚI TUNG-ĐÀM

(Những bài vở thuộc về bên nữ-giới)

SỰ QUAN-HỆ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở Á-ĐÔNG, ĐỐI VỚI PHẦN CÔNG-CHÚNG.

Người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng mà có quan-hệ hơn hết, thời nhất là như các bực mẹ vua, vợ vua ngày xưa. Nay tôi muốn đem những ý-kiến đối với bên nữ-giới mà cùng các chị em trong ba kỳ bầy tỏ trong mục đây, cốt là bàn luận về những điều nhẽ quan thiết đến cái địa-vị của khắp thầy các chị em đồng-bào ta ; chớ như cái đạo-lý thuộc về các Vương-hậu, Hoàng-phi khi xưa, nếu đem mà giảng minh, thực là câu nói bất thiết. Tuy vậy, đã là nói về *đàn bà ở Á-đông*, thời không thể bỏ qua một hạng người phi hậu ấy. Chúng ta dẫu không giảng minh cái đạo-lý làm Hoàng-phi, Vương-hậu ; song chúng ta cũng nên biết cái sự quan-hệ của hạng người ấy khi xưa đối với phần công chúng ra sao. Huống chi Tạp-chí không phải là như thể Tân-văn, thực có cái tính-chất như quyển sách để đọc cho rộng biết những tư-tưởng và sự-thực của đông tây kim cổ. Cho nên trong kỳ đây nói đến « *sự quan-hệ của người đàn bà ở Á-đông đối với phần công chúng,* » tôi có dẫn một chuyện một bà Thái-hậu (mẹ vua) ở trong sử Trung-quốc, như dưới đây ; kỳ khác sẽ luận về sự quan-hệ của đàn bà đối với công-chúng mà nói thiết đến cái địa-vị của chị em ba kỳ ta ai nấy đều không khác nhau lắm.

Nguyễn-Khắc-Hiếu

* * *

Lòng thương con của người đàn bà quan-hệ với sự yên nguy của một nước.

TRIỆU THÁI-HẬU

Bà *Thái-hậu* nước *Triệu* là mẹ vua nước Triệu về đời Chiến-quốc ở Trung-quốc. Vua Triệu mới lên ngôi, quyền-chính trong nước ở Thái-hậu.

Tần đánh Triệu, Triệu cầu cứu ở nước Tề. Người nước Tề bảo rằng :

« Tất phải đem Trường-an-quân sang làm con tin »

Trường-an-quân là con út của Thái-hậu, phong cho ở Trường-an. *Con tin*, nghĩa là phải cho sang ở bên nước Tề, như vật ký-cuộc vậy.

Thái-hậu không bằng lòng. Quân Tề không chịu ra. Các đại-thần hết sức can. Thái-hậu bảo rõ tả hữu rằng : « Ai mà lại có nhắc nói đến việc ấy, mụ già này tất phải nhổ vào mặt ! »

Có quan Tả-sư tên là Chúc-Long xin vào hầu.

(*Tả-sư.* là chức quan nhàn rỗi, nhà nước để trọng đãi các vị lão-thần.)

Thái-hậu tức giận mà ngồi đợi cho vào.

Tả-sư thung-dung đi lên, ngồi song mà thưa rằng : Kẻ lão-thần chân đau, lâu nay không được vào hầu ; sợ rằng Thái-hậu hoặc có không được mạnh, cho nên muốn được vào hầu thăm Thái-hậu.

Thái-hậu nói : — Tôi phải nhờ bằng xe mà đi.

— Thưa Thái-hậu ăn chắc cũng phải có kém ?

— Tôi chỉ ăn cháo đấy thôi.

Lúc ấy cái vẻ bất hòa của Thái-hậu đã hơi bớt. Quan Tả-sư nói : — Kẻ lão-thần có đứa con là Thư-Kỳ, nó là út, nó hư lắm, mà vì lão-thần đã già yếu, cho nên bụng riêng yêu nó, muốn được bổ vào một chức trong đội vệ-sĩ để hầu

giữ trong cung nhà vua.

Thái-hậu nói: — Được. Tuổi nó đã bao nhiêu?

Thưa rằng: Nó đã mười lăm tuổi. Dẫu còn nhỏ vậy, xin rằng được còn trong lúc thần chưa chết mà gửi nhờ vào nhà vua.

Thái-hậu nói: — Người đàn ông cũng yêu con ứt ư?

Thưa rằng: — Hơn đàn bà!

Thái-hậu cười nói rằng: — Đàn bà thời lạ lắm.

Tả-sư nói: — Cứ như kẻ lão-thần trộm nghĩ, thời Cụ yêu bà Yên-hậu, hơn là Trường-an-quân.

Yên-hậu. là con gái của Thái-hận gả chồng sang vua nước Yên.

Thái-hậu nói: — Ông nhầm! không bằng tôi yêu Trường-an-quân lắm kia mà.

Tả-sư nói: — Cha mẹ yêu con, tất phải vì con tính nghĩ về sâu xa. Lão-thần xem như lúc Cụ tiễn Yên-hậu đi lấy chồng, cầm lấy gót chân mà khóc. Nghĩ rằng xa như thế, cho nên trong lòng thực rất thương. Đã đi rồi, không phải là không nhớ, nhưng mỗi đến khi có cúng vái thời khấn cầu cho rằng: "*Tất đừng để cho về*". Đó, há không phải là tính nghĩ cho về cách lâu xa, muốn cho được sinh con đẻ cháu mà đời đời nối ngôi lên làm vua nước Yên đó như?

Thái-hậu nói: — Phải, có thế.

Tả-sư nói: Nay về trước ba đời, những con cháu vua Triệu mà phong hầu, còn có ai là nối nghiệp nữa không?

— Không có!

— Ấy đấy, gần thời vạ đến mình; xa thời đến con cháu. Ôi, há phải là cứ con ông vua phong hầu mà hư đâu? Chỉ vì cái ngôi tôn mà không có công, cái bổng hậu mà không có sự khó nhọc, mà lại có được nhiều những đồ vật quý trọng, cho nên mới ra đến như thế. Nay Cụ đặt Trường-an-quân vào cái ngôi rất tôn, phong cho chỗ đất rất tốt, cho nhiều những đồ vật quý trọng, mà không kịp ngay từ nay khiến cho có chút công với nước Triệu, sợ rồi đến khi gò núi lở, Trường-an-quân lấy gì dung thân ở nước Triệu được ru?

Gò núi lở. là ý nói Thái-hậu trăm tuổi.

Thái-hậu nói rằng: — Xin vâng. Vậy thời tùy ý ông muốn bảo nó như sao.»

Vậy rồi vì Trương-an-quân sắp xe trăm cỗ, cho sang làm con tin ở nước Tề. Quân Tề mới chịu ra; quân Tần lui.

TẢN-ĐÀ

VAN THƠ'

Đêm đông ngắm giăng.

Sương mù giang tít lưng giời,
Đêm đông sao lại có người trông giang.
Giăng kia lần quất cung Hằng,
Thấy đời lạnh lẽo trông giăng đỡ buồn.
Giang tròn soi sáng nước non,
Có khi giang sẽ hãy còn mầu giăng.
Giăng thu vẻ sáng nào bằng,
Giăng đông mới thực ả Hằng soi gương.
Ai ơi! nghĩ nỗi đường trường,
Giang tà có lúc tỏ đường về tây.
Năm năm, tháng tháng, giang này,
Đông tà rồi lại có ngày tròn thu.
Người đời sao vụng đường tu,
Trông giăng chỉ những mong thu tỏ tường.
Mấy người cố-quốc tha-hương,
Có khi mượn bóng soi gương đỡ sầu.
Chênh chênh bóng rọi bên lầu,
Gái sương than thở gót đầu ai hay.
Nực cười! Chú Cuội cung mây,
Nam nam ôm cái gốc cây chịu già.
Yêu giăng chỉ một mình ta,
Đông mà sáng tỏ hơn là thu âm.
Giăng kia còn lắm đêm rằm!...

Nguyễn-thị Như-Ngân

Hội Lộc-tùng của người Nhắng về vùng Baxat *"Laokay"*

Tôi lên làm việc trên này (*Baxat*) đã gần hai năm, ngoài việc giảng giậy mỗi ngày hai buổi, muốn nhân lúc thì giờ nhàn rảnh khảo-xát ít phong-tục của thổ-dân trên này, để sau này làm một món quà dâng các độc-giả, món quà của tôi đây không phải là mật-gấu, cao hổ-cốt hay mật-ong gì đâu! chính là món quà về phong-tục của người **Nhắng** ở *Baxat* này vậy.

Phong-cảnh về miền này chả nói thì các độc-giả cũng đã thừa rõ, chỉ những núi cùng rừng, dân-cư thưa-thớt, ở lẻ-tẻ trên các sườn non, ngọn đồi, mỗi sóm mươi mười hai nóc nhà, trong nhà nào cũng có bàn thờ ông vải như ta, ngoài sự thờ ông vải mỗi sóm lại có một cái lều con tựa như cái lều chợ, không tường, không vách, không bàn thờ, không bát hương gì cả, ấy tức là cái miếu của họ thờ thần thổ-địa. Trong ba ngày tết cả, người thổ-dân nào có tấm lòng thành-kính với thần thổ-địa, thời trong miếu hấy giờ mới phảng-phất có mùi khói hương với ánh lửa ngọn nến. Còn quanh năm hương khói vắng tanh, thật là một cái miếu có sác không hồn, người *suôi* ta mới lên không hiểu tưởng là chỗ thờ ma só của họ chắc cũng sờn lòng ghê sợ. (Xin các độc-giả biết cho rằng: người *Nhắng* là con cháu sau giặc *Cờ-Đen* khi xưa người Tầu gọi là *Xa-nhân* không có ma só như người Mường.)

Mỗi năm trừ những ngày tết cùng ngày giỗ tổ-tiên người *Nhắng* chỉ có một ngày hội, tục gọi là **Lộc-tùng**, tức là ngày hội lễ Thần-Nông để dân cư bắt đầu cầy cấy như ở dưới ta làm lễ *hạ-điền* vậy. Hội ấy mở vào ngày mồng tám tháng giêng mỗi năm.

Tục ở đây ngày hội ấy từ người già cho đến trẻ con, đàn ông đàn bà, con giai, con gái, lũ năm lũ bẩy, kẻ trước người sau kéo nhau ra một thửa ruộng gần làng. Dũa thửa ruộng ấy họ chọn lấy một cây tre thật giài, trên ngọn buộc một cái vòng tròn dán giấy trắng, đỏ, theo tượng mặt giời, mặt giăng, cắm xuống gọi là cây nêu, dưới gốc cây nêu để một cái bàn trên bày la liệt, nào sôi nhuộm đỏ, nào đùi lợn luộc, nào thịt gà quay, nào hoa quả, nào rượu bánh. Lúc hành lễ thổ-dân người nhớn trẻ con đứng vây vòng trong vòng ngoài cái bàn ấy, người Lý-trưởng thay mặt cả dân vào làm lễ khấn giời, đất và Thần-Nông, xong đến dân làng mỗi người bốn lễ, trong khi hành lễ họ cũng dùng âm-nhạc, đốt pháo, chỉ khác dưới ta là có *bắn súng hỏa-mai*.

Làm lễ xong người lớn, trẻ con, con giai, con gái tranh nhau những quả cầu, mà các cô con gái đã lấy vải ngũ sắc khâu từ ngày trong năm, trong có nhồi cát buộc một cái giây dài độ hai thước có kết hoa, cầm cái giây ve vẩy, mắt ngắm cái hình tròn trên ngọn cây nêu mà ném vào, khi quả cầu tung lên giây dài rủ ra sau, hoa bay phất-phới, trông tựa như một đàn rết biết bay tranh nhau mà đớp viên ngọc tức là cái hình tròn kia vậy.

Thổ-dân ở đây họ tin rằng: «Hễ có có nhiều người ném trúng vào cái hình mặt giời trên đỉnh đầu cây nêu kia là năm ấy được mùa, dân-cư làm ăn nhàn hạ, không gặp phải thiên-tai như nước lũ hay hoàng-trùng cắn lúa,» nên họ cứ tranh nhau mà ném túi bụi, cho cho mãi đến bao giờ cây nêu đổ, hình mặt giời rách, các quả cầu sơ-sác mới thôi.

Đoạn họ nổi trống, thổi kèn bắn súng hỏa-mai kéo nhau về nhà Lý-trưởng để dự tiệc trong khi ăn uống thời họ chuốc rượu lẫn cho nhau, hoặc đổ rượu vào bát mà quay thìa như các quan dưới *Khâm-thiên*, hoặc làm như người tầu họ *đánh-toan* hễ ai thua phải uống, bữa tiệc đó người Lý-trưởng phải ứng sửa cho dân, đến cuối mùa gặt dân sẽ nộp thóc lại cứ một gấp đôi.

Ngoài những người dân làng, họ lại còn mời khách lạ như quan tây, hay người dưới ta lên làm việc trên này, nếu có khách thì các cô con gái chưa chồng ăn mặc lịch sự phải lên chuốc rượu mời khách. Ôi! nói đến sự các cô con gái *Nhắng* chuốc rượu lại dùng mình ghê sợ, dẫu đến những bậc đại tửu như cụ *Thái-Bạch* cụ *Lưu-Linh* thủa trước, (*Khi say dốc cả san hà mới say*) phục sinh cũng phải sờn lòng khoanh tay lắc đầu xin chịu.

Tôi còn nhớ ngày năm ngoái mấy anh em làm việc ở đây cùng quan Đại-Lý đi dự tiệc, đều bị say bất tỉnh nhân sự, lúc ra về anh em phải níu nhau mà đi, chân nam đá lẫn chân xiêu, ngã nghiêng cả vào bụi rậm đống cây, con mắt lừ đừ, giời đất lăn quay, viết tới đây lại nhớ đến câu thơ của ông *Tản-đà* trong quyển "*còn-chơi*" rằng:

Đất say đất cũng lăn quay,
Giời say mặt cũng đỏ gay ai cười.

Thời bao nhiêu cái e thẹn về sự say rượu hôm đó tiêu tán đi hết. Hai anh em chúng tôi dần dà mãi mới về đến nhà, riêng về phần tôi đặt mình thiêm thiếp, tinh thần phảng phất như được bước vào chốn *non bồng, nước nhược*, quên hẳn rằng mình là một người khách bị các cô gái *Nhắng* ép uống rượu chịu khổ dở về, anh em chúng tôi vốn mang tiếng xưa nay là người chịu rượu, thế mà cũng bị mệt về bữa tiệc đó trong mấy ngày giời.

Từ bấy đến giờ tôi quên bẵng, chỉ nói về cái khổ say rượu của anh em chúng tôi, xin các độc-giả thứ cho, vậy xin nói tiếp sự hành-động của các cô gái *Nhắng* chuốc rượu, cứ mỗi người khách có bốn cô hầu rượu, trước khi mời rượu họ hát múa quay cuồng, sau bưng một đĩa tây có đựng sáu chén rượu nhỏ, mời khách uống, nếu khách tự cất lấy sáu chén rượu lần lượt mà uống, thời các cô vui mừng hát, múa, bằng không chịu uống, tức khắc cô cầm tay, cô ôm đầu, cô vành mồm, cô đổ rượu, tràn trụa cả vào mặt mũi, hết sáu chén ấy, đến sáu chén khác, hết lượt bốn cô ấy lại đến bốn cô khác, cứ thay đổi nhau kỳ đến bao giờ khách bị mệt lử, ngã nghiêng ngã ngửa, mặt mày tái mét, con mắt lừ đừ chân tay run rẩy mới thôi, bất cứ là quan hay là dân, đã là địa vị khách, thời đều chung chịu cái cảnh huống ấy cả, chứ không nể một ai, vì họ cho rằng: "có say rượu như thế mới vui, mới được mùa."

Sau khi tiệc rượu đã tan, họ lại bầy ra cuộc nhẩy múa, tung cầu (quả cầu kết bằng vải ngũ sắc) một bên con giai một bên con gái có phân thắng bại. Phe con giai mà thua, các cô tranh lại mà kéo tai vò đầu, tiếng cười nổ như pháo ran; phe con gái mà thua, các cậu chỉ được hân-hạnh mỉm cười, liếc mắt đưa tình bắt tay một cái là hết.

Sau cuộc nhẩy múa tung cầu, dân làng kéo nhau ra về, duy còn các cậu con giai chăn đơn gối chiếc cùng các cô con gái phòng không đợi khách, đưa tình liếc ý, dắt nhau ra sườn non, hay bờ suối cùng nhau cất tiếng hát líu lo líu lường (ý hẳn là các câu hát về tình) nam sướng nữ họa, hay nữ sướng nam họa, tương tự như hát đúm hay hát trống quân ở về vùng *Bắc-ninh* dưới ta vậy. Nếu cặp cậu cô nào mà tâm đầu ý hợp, thời về thưa trình với cha mẹ đôi bên, để được cùng nhau kết nghĩa trăm năm. Ở đây họ ít học thức, dầu giai gái gần nhau hát sướng như thế, mà sự mây mưa trong dâu trên bộc hỏi ra chưa từng thấy có; vì cái tình của họ chân thật, chớ không như dưới xuôi ta...

Dương-văn-Hoàn
Giáo-học (BAXAT)

VIỆT-NAM NHỊ-THẬP THẾ-KỶ

Xã-Hội Ba-dào-ký

NỖI ĐỜI

Đêm đã khuya, bốn bề im lặng, chỉ còn vẳng nghe tiếng dế kêu sương. Đồng hồ vừa điểm mười hai giờ, thấy cánh cửa một nhà kia hé mở rồi một cậu bé bước ra; dáng đi có vẻ vội vàng, mà đôi quầng mắt còn in hai giòng châu-lệ.

Cậu người xương xương, nét mặt xanh-xao nhưng trông cũng có vẻ tinh-anh.

Vì bả thân-sinh ra cậu mất sớm, nên cũng có phần lật đật.

Người khôn của khó, kế sinh-nhai của ông thân-sinh ra cậu cũng khó mà kiếm đủ miếng ăn, vì thế nên cậu đành phải dấn thân đi làm để nuôi các em đỡ cha già trong khi tài-chính quẫn-bách. Nhưng làm gì? — Một nghề không biết, nên cậu đành liệt vào trong hàng nô-lệ. Cậu tự nghĩ, cuộc đời biến ảo, khách phù-sinh ai dễ khỏi tang-thương, nên cũng cố nhịn nhục cho qua ngày đoạn tháng.

Nhờ có người bà con dạm việc giúp nên cậu được vào hầu hạ trong nhà ông tham Ô... Đã tưởng thân từ nay sẽ được chỗ nương nhờ đủ no cơm ấm áo; nào ngờ trời xanh khe khắt, bắt phong-trần còn đầy đọa chưa thôi. Đem thân gánh vác việc người, bát cơm đổi bát mồ hôi cũng đành.

Ông chủ cậu có một người vợ lẽ và một cô con gái sắc tuy không được như Vương-Tường Tây-Tử nhưng trông cũng có vẻ dễ coi.

Cô tứ bé đã được theo đòi nghiên bút, cái văn-minh Âu, Mỹ, từ bấy đến nay đã thấm sâu vào trong khối óc của cô, nên những sự tự-do bình-đẳng mà mấy đạo tiên-phong trong bạn phụ-nữ hô-hào cô đều thực-hành tất cả. Trước kia khi tuổi cô vào độ trăng tròn, giá cô có đứng bên một cậu con giai thì cô cũng lấy làm ngượng, mà cách phục-sức của cô thì tùy thầy mẹ cô cho mặc sao được vậy; nhưng mấy năm nay, nghĩa là từ khi cô biết theo đòi văn-minh thì quần phải quần lụa bạch, áo phải áo nhung, giầy phải giầy gót đầm như thế mới «*đúng mốt*» mới hợp thời-trang. Tính-hạnh cô bây giờ cũng đổi thay khác hẳn. Trước kia cô nhu mì bao nhiêu thì nay cô lại sỗ sàng bấy nhiêu, nói thì khua chân múa tay, đi thì rún rẩy, thật không có vẻ gì là vẻ con nhà khuê-các. Ông tham cũng đã nhiều phen răn bảo, nhưng cái ảnh hưởng của văn-minh đã thấm nhuần sâu quá, nên những lời ông nói cũng như *nước đổ lá khoai* mà thôi.

Đã thờ chủ-nghĩa tự-do bình-đẳng thì không những bạn gái cô nhiều mà đến bạn giai cô cũng lắm. *Lửa gần dơm lâu ngày cũng bén.* Vừa mới văn-minh được vài năm mà bụng cô đã thấy dần dần to hơn trước.

Chứa nhiều văn-minh chăng? Cái đó độc-giả lượng biết.

Ông tham buồn về nỗi con hư nên mắc bệnh mà phải xin nghỉ. Gì cô thì nhân lúc chồng yếu tha hồ mà lăn lóc trong trường đồ bác, vì thế mà vốn liếng mấy năm dành dụm của thầy cô chả bao lâu đã bị lá bạc quân bài thu đi mất cả.

Nhà cô bị xa xút nhưng khối óc văn-minh của cô không xa xút. Cô vẫn phải

quần lụa áo nhung, giầy gót đầm. Nhưng lấy tiền đâu mà xắm? Túng thì phải tính, chốn phồn-hoa nào thiếu cách kiếm xu. Gì cô cũng biết cách kiếm tiền đê mạt của cô đó, nhưng *mạt cưa mướp đắng đôi bên một phường*; nên không những gì cô không nói mà nhà cô lại đổi ngay thành cái nhà xăm. Thầy cô ở nhà trong bệnh tật mê man còn biết chi đến việc cô làm.

Cậu nhỏ từ nay lại một công đôi việc, nào dọn dẹp cửa nhà, nào tối đi đón khách. Giá như kẻ khác thì việc đó nào có khó gì, nhưng khốn thay cậu lại còn đôi chút lương-tâm, tuy liệt vào hàng nô-lệ nhưng khối lòng trong sạch cái lực kim-tiền hồ dễ đã thể làm mờ. Cậu trông thấy sự thương luân bại lý đó cũng ngậm ngùi mà thương cho phong-hóa nước nhà. Tiền bổng ngoại tuy có được thêm đôi ít nhưng cậu vốn không quen làm chức Ma-cô đó nên đành phải xin ra.

Đang ở mà đi thì tiền công bà chưa có; đó là lời bà chủ cậu,

Mấy đồng tiền công đối với cậu tuy to thật, trong khi đã quyết, nên cậu chỉ cốt được ra.

Cách ít lâu ông thân-sinh ra cậu ốm, nên cậu phải đến xin tiền công về để thuốc thang, nhưng chả may cho cậu, dữa lúc đến thời bà chủ cùng tiểu-thư đang bận tiếp hai ông khách quý. Mày đến làm gì? Thưa bà thầy con ốm, còn mấy đồng tiền công con xin bà cho con về mua thuốc.

Như thế là mất thể diện với nhân tình, nên bà chủ cậu nổi dận, đứng giậy cầm roi. Cậu vốn sợ oai bà nên mới thấy thế đã bắn ra đến cửa. Bà chủ chạy theo bắt cậu phải vào nhà. Vào tất phải đòn khi nào cậu dại

— Nhỏ mày có vào không?

— Thưa bà con không dám vào.

Cậu nói vừa dứt đã thấy tay trái bà chủ túm lấy ngực áo, còn tay phải ip luôn hai cái tát tai. Cậu vừa đau vừa tức bị hà-hiếp cố giằng ra được vừa chạy vừa thống mạ đứa « voi giầy. »

Phát cáu bà chủ quay vào nhờ ông khách bắt hộ.

Nô-lệ ái-tình ông khách khi nào từ chối! Trẻ con sức đâu bằng người lớn nên cậu nhỏ bị bắt ngay. Than ôi! tang-thương nổi lớp ba-đào, cái thân gầy mòn kia chịu sao nổi những roi rửa hờn của bà chủ. Vùi dập một hồi, bà chủ, tiểu-thư cùng hai ông khách bỏ đi chơi phiếm mặc cho cậu nhỏ bị trói kêu khóc ở dữa gian nhà.

Sau cuộc vui, mười hai giờ bà chủ và tiểu-thư về,

— Từ dầy chừa mặt bà ra nhé, dừng có láo quen, muốn sống thời cút.

Cậu bé mà khách trông thấy ở trong nhà bước ra là cậu nhỏ này vậy.

Than ôi bé cổ ngắn tiếng kêu chẳng đến giời, nỗi khổ tâm của cậu nhỏ họa chăng có ánh giăng soi thấu!

CHU-BẢO **Vũ-ngọc-Quỹ**
HANOI

THUỐC SỐT-RÉT
NGÃ-NƯỚC

GIA-TRUYỀN KINH-NGHIỆM
ĐÃ LÂU NAM VÀ
RẤT THẦN-HIỆU

Bán tại hiệu
LIÊN-HUY
Phố Hàng-Trống
(*Maréchal Foch*) số 68
NAM-ĐỊNH

Giá bán mỗi lọ 0$25

HẠT MÁU RƠI

BI - KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu - Sử Vũ - Bằng Soạn.

"Tiếp theo kỳ số 21"

Cậu Trúc : (đọc) Ai .....

Ông Tham : Thong thả thôi ... đừng có đọc nhanh quá nhé. Cậu Trúc vâng (đọc)

Ai sinh ta,
Cha cùng mẹ,
Bồng lại bế,
Thương mà yêu,
Ơn nhường bao,
Con phải ngẫm.

Ông Tham : (gấp sách lại) con cất sách vào bàn này cho vào cặp ấy rồi lại ngồi đấy nói truyện với mợ.

Cậu Trúc : (Cất sách song lại gần bà *Tham*) con học song rồi cơ mợ ạ.

Bà Tham : Con ngoan lắm con thuộc rồi ư?

Cậu Trúc : Thưa mợ con thuộc rồi. Mợ có yêu con không?

Bà Tham : Có mợ chẳng yêu Trúc thì còn yêu ai nữa? Mợ yêu Trúc nhất nhà, mợ quý Trúc quá, thế con có yêu mợ không?

Cậu Trúc : Có ... Con yêu mợ.

Bà Tham : Con có thương mợ không?

Cậu Trúc : Có!

Bà Tham : Thế con yêu ai nữa?

Cậu Trúc : Cốn yêu cậu.

(Hai vợ chồng đưa mắt nhìn nhau lấy làm xung xướng lắm.)

Bà Tham : Bây giờ mợ bảo anh nhỏ anh ấy giắt Trúc ra bờ hồ chơi nhé. Con muốn đi chơi hay muốn ở nhà mấy mợ?

Cậu Trúc : Con ở nhà ... à, này mợ cho con đi chơi một tý thôi nhé, mợ cho con đi ra bờ hồ một tý thôi ạ, mợ nhé, mợ cho con đi nhé.

Bà Tham : (Đứng giậy bấm chuông.)
(trong có tiếng : dạ)
(nhỏ ra)

SEN II

Thêm *Nhỏ*

Nhỏ : Dạ, Mợ gọi gì con ...

Bà Tham : Con giắt em vào trong nhà rửa mặt mũi chân tay chải đầu tóc cho em rồi cho em ra bờ hồ chơi.

Nhỏ : (Vâng ạ)

Bà Tham : Có đi thì đi một chốc một nhát rồi về ngay đấy nhé .... đừng có là-cà rờ-rẫm vào đâu xuốt ngày, đi ...

Ông Tham : Mà đi thì phải trông xe trông tầu cho khéo đấy nhỏ ạ, đi trên hè ấy nhé, đừng có cho em xuống đường nhé.

Nhỏ và cậu *Trúc* vâng (Nhỏ và cậu *Trúc* vào)

SEN III

Bớt Nhỏ và cậu *Trúc*

Bà Tham : (trông theo cho đến khi vào hẳn)

Ông Tham : ..... Quái thế

Bà Tham : Tính dã dễ đấy cậu ạ, cái gì cũng biết ... chẳng ngọng cái gì đâu.

Ông Tham : .....
Này mợ này ... tôi xem là nó sáng giạ lắm mợ ạ! Hôm đào đề ...

Bà Tham : Thưa cậu vâng.

Nó viết kể cũng khá, sách vở dữ - dìn mà được cái dễ bảo ngoan-ngoãn.

Bà-Tham : Cứ kể ra mới học được hai ba tháng mà đã biết đánh vần viết lách mấy đọc nhật - trình, xem truyện được thế, kể cũng đã khá đấy chứ nhỉ cậu nhỉ.

Ông Tham : Khá đấy chứ, Mợ ạ, tôi thấy lắm đứa trẻ sáu bẩy tuổi, bẩy tám tuổi đầu rồi mà chưa đọc thông được hai mươi bốn chữ cái kia . . . Tôi sắp cho thằng em nhà ta học vần tây . . . nó có cái khiếu thông-minh như thế chắc học cũng chóng. Nếu bây giờ bắt nạ, bắt nết, dìn giữ cho nó, cố sức chăm nom giậy bảo thì may ra sau nó có thể nên người được đấy .

Bà Tham: Việc ấy trăm sự tôi xin nhờ cả ở cậu. Cậu thương nó bề nào thì nó được hay bề ấy . . . chứ tôi, giời bây giờ bắt tội, liệu không còn tài đức mà giậy được con nữa. Thôi . . . không con bây giờ nó cũng là con, cậu ạ. Cậu thương nó, cậu săn sóc nó, cậu rèn tập, cậu giậy bảo nó cho nó biết ít chữ nghiã . . . về sau khỏi khổ. Tội nghiệp quá.

Ông Tham : Mợ đừng ngại. Việc ấy tôi đã biết lắm, tôi là người biết nghĩ chứ có như ai đâu . . . tôi không đẻ nó ra, vâng, nhưng thấy một hạt máu rơi, chẳng có ai săn sóc, người có chút lương-tâm không thể không ra tay cứu vớt được.

Tôi nghĩ thương nó quá . . . từ lúc lọt lòng mang tiếng khóc oe - oe ra đến giờ không biết bố đẻ là ai . . . . khốn nạn, (tắc lưỡi)

Tôi . . . tôi thì lúc nào cũng thương quý nó như con, mợ đừng sợ . . . . . Ấy tôi thương mợ bao nhiêu thì tôi cũng thương nó như thế đấy. Tôi không thể nào bỏ nó được đâu, bổn phận của tôi là phải giúp mợ trong sự giậy dỗ đứa con ấy... tôi đã nói mấy lần mấy mợ mà . . .

Tôi xin rằng lúc nào cũng để tâm săn sóc đến nó, giậy dỗ nó cho nên thân nên người.

Bà Tham: Thưa cậu cái bụng tốt của cậu, cái lòng khoan-dung đại-độ, cái đức tính quân-tử của cậu, to tát như bể, hai mẹ con tôi lúc nào xin cũng tạc dạ ghi xương không bao giờ dám quên. Mẹ con còn sống ngày nào, còn được trông thấy đời ngày nào . . . ấy cũng là nhờ cả ở cậu ...

Ông Tham: Sao mợ cứ hay nói thế ? Từ đây tôi không muốn để mợ nói thế nữa đâu, mợ đừng nói thế nữa, mợ nhé ! Những cái truyện nhỏ nhặt ấy ta đừng nên kể làm gì . . . có thế mà mợ cứ phải nhắc đi nhắc lại mãi.

Ơn mấy huệ ! Không, mợ có ơn huệ gì tôi đâu . . . cái bổn-phận tôi là phải biết cho nỗi lòng của một người như mợ chứ.

Bà Tham: Cậu cứ giậy thế . . . Sao lại không ơn ? Tôi mà được có ngày nay chẳng phải ở như cậu, thì còn ở ai.

Ông Tham: Thế tôi mà được cái cảnh gia-đình có ngăn-nắp vui-vẻ, đầm-ấm êm-hòa như thế này . . thì chẳng vì mợ còn vì ai ?

(một lát sau) Tôi nghĩ cứ càng thương mợ bao nhiêu thì lại dận bố đẻ ra thằng em nhà bấy nhiêu mợ ạ !

Hắn tồi quá . . . .

Bà Tham : Thưa cậu . . . . lỗi ấy . . . . là ở như tôi cả. Tôi xin chịu, tôi xin cậu đừng . . . . .

Ông Tham : Không, không lỗi ấy không phải ở mợ, mợ không có lỗi gì cả, ấy tôi dám nói rằng tất cả đều là do ở nhà chủ báo trời **Nam** khốn nạn kia thôi. Phải, ta chỉ đáng phàn nàn cho nhà chủ báo kia thôi mợ ạ. Chính thế đấy mợ bảo có phải không ? Hử ! Thượng - lưu trí-thức, mặt lớn tai to, hướng-đạo của quốc-dân, người cầm đuốc trong trận văn trường bút gì mà lại có cái khối óc dã-man như thế, mà lại có cái tâm địa tồi tàn như thế ! (lắc đầu) Không biết óc họ nghĩ ra làm sao, óc gì ? À ! người họ hóa ra từ xưa đến nay vẫn quét bởi một lần sơn đạo-đức, quét một lần sơn đạo-đức để lừa quốc-dân.

(thở giài) Trên báo, nói thì như mỏ quẹt, ra dáng con người ưu-thời mẫn-thế lắm; thương nước thương nòi lắm, lo lắng về nhân-tâm phong-hóa lắm... bây giờ thành thử ra hão cả... đạo-đức giả ! ! !

Gớm thật... thế thì còn ai biết đâu mà dò ?

Khó lắm ! khó lắm ! bây giờ thành cứ càng trông ra xa bao nhiêu thì lại càng trông thấy hạng đạo - đức giả nhan - nhản ra

trước mắt ... con nhà ngôn-luận, con nhà văn-chương mà còn thế thì trách chi người thường!

Tìm được một người thực-thà chân-chính ở *Hà-thành* ta bây giờ . . . khó lắm. Không biết được thế nào là kẻ hay người dở thành ra dễ mắc lừa, dễ mắc lừa lắm, thật là một cái hại to cho những ai ai mới bắt tay ra ganh đua với đời, chưa am-hiểu mấy . . . mà nhất là cho các cô con gái, trí-thức nông nổi, chỉ ưa nghe những lời ngọt tiếng bùi không chịu suy đi tính lại cho chắc chắn . . . cho cẩn thận . . . các cô chưa từng trải việc đời, dễ xiêu, dễ cảm, thành thử không có sức mà chống cự lại với những nhời nói đong đưa, những câu hẹn đả thề vàng giả mạo.

Bà Tham: Thưa cậu những lúc ấy biết mình đã nhầm nhỡ mất rồi, biết mình đã kiếm phải một người bạn có cái tâm-địa muông sản như thế ... tôi cứ muốn chết đi cho rồi ... Sợ đi ... (ngập ngừng.

Ông Tham: Mợ không nói tôi cũng biết rồi mợ ạ. Phải, mợ nghĩ thế là phải lắm.. tôi xin phục mợ ở chỗ đó.

Vâng, giá thử cảnh-ngộ mợ mà vào người con gái thường, không biết suy nghĩ, không biết thế nào là phải thế nào là trái, không biết công lênh của xã-hội, của cha mẹ, những công việc sau này mình phải làm cho đầy đủ tôi chắc ... tôi chắc cũng đã phí hoại đời mình một cách vô dụng, vô ý nghĩa không ra gì rồi.

Bà Tham: Cứ nghĩ tôi lại thẹn mấy cậu quá . . .

Ông Tham: Thẹn thế nào? Mợ nghĩ xem chết thì ích gì kia chứ?

Mình làm ra lỗi ư! thì chết cũng còn đi một nhẽ ... nhưng đây chết thế nào được? Có phải tự mình làm ra lỗi đâu? Có phải tự mình mợ làm ra cái lỗi ấy đâu?

Chết, có chết thì cũng chỉ uổng thôi chớ không ích gì đâu mợ ạ. Chết thế không có nghĩa-lý gì, không có nghĩa-lý gì chỉ tổ làm cho thiên-hạ người ta chê cười mà các báo-chương một phen ăn tiền thôi, chứ không có gì cả.

Bà Tham: Thưa cậu tôi cũng biết thế.. nhưng . . . người con gái cốt lấy có chữ *Trinh* làm đầu . . . mà để mất đi . . . mất đi thì nhục lắm.

Ông Tham: Để mất chữ trinh có phải tại mợ đâu? Tại nhà chủ báo trời *Nam* nó manh tâm lừa dối, mà hại mợ chứ! Thôi mợ ạ . . . mợ, đừng nghĩ gì đến việc này nữa . . . nghĩ cũng không ích gì! Mợ khuây khỏa đi . . . mợ nên coi nó như một sự mây mù làm mất sự êm đềm đời mợ trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà thôi . . . . mà làm mất sự êm đềm ấy là tại một "*người súc vật*" sống cũng như chết rồi. Tự vấn lương tâm, tôi chắc mợ không phạm một lỗi gì đâu... đối với con mắt tôi, lúc nào mợ cũng vẫn là một hòn ngọc không vết. Mợ không việc gì mà thế, mợ không việc gì mà buồn Cái nỗi uẩn-khúc của mợ, nếu đời không biết cứ đổ riệt cho mợ là bất trinh, thì đã có tôi, mợ đừng sợ. Tôi biết là đủ rồi . . . mợ không can gì cả, vì cổ-nhân đã có "*ở đời được một người tri-kỷ là đủ*" mợ ạ.

Bà Tham: . . . . . .

(hai người ngồi lặng im)

Ông Tham: À này mợ này lúc nẫy tôi xem báo, quên không nói cho mợ biết... Báo *Trời Nam* ấy mà . . . bị đóng cửa rồi đấy.

Bà Tham: Làm sao thế hở cậu?

Ông Tham: Tôi cũng không được biết nữa? Trong báo người ta nói bị đóng cửa thôi chứ không nói tại làm sao cả. Chắc lại cái gì lôi-thôi hẳn . . . hay là hết tiền? Ừ! mợ ạ có lẽ thế ... ê lắm dạo trước thì thế . . . mà xem ra bây giờ kém lắm . . . . Nhảm nhí cả. Cả tờ báo chẳng có quái gì . . . thế thì chẳng chết còn chạy được mấy ai? . . .

SEN III

Nhỏ. Cậu Trúc. Ông Tham. Bà Tham.

Cậu Trúc: (chạy vào) Thưa cậu thưa mợ con đã về . . . (chạy lại gần bà *Tham*) Mợ ơi con . . . . .

Bà Tham: Kìa con đã về rồi đấy à? Thế anh *Nhỏ* đâu?

(*Nhỏ* vào)

Cậu Trúc: Anh ấy đây, kia kìa.

Nhỏ: Dạ.....

Ông Tham: Con đi chơi bờ hồ có thích không? (quay lại hỏi nhỏ) em đi đường có nghịch ngợm không hở nhỏ?

Nhỏ: Bẩm... không ạ.

(**Nhỏ** vào)

SEN IV

Bớt Nhỏ

Ông Tham: À quyển tiểu thuyết gì hôm qua mợ xem song để đâu nhỉ?

Bà Tham: Tôi để ở trên gác. Cậu muốn xem à?

Ông Tham: (gật đầu) phải... Mợ để ở xích đông hay ở đầu dường thế?

Bà Tham: Ở đầu dường... Cậu để tôi lên lấy cho.

Ông Tham: Thôi mợ cứ ngồi, Tôi lên lấy rồi nằm trện ấy xem một thể... (ông Tham vào).

SEN V

Bà Tham và Cậu Trúc

Bà Tham: (bảo cậu *Trúc*) con lại đây mấy mợ... ngồi đây...

Anh Nhỏ anh ấy vừa giắt con ra bờ hồ thôi chứ hay còn đi đâu nữa? Anh ấy có đánh con không?

Cậu Trúc: Thưa mợ: không... Anh ấy có đánh con đâu..... Mợ ạ, anh ấy yêu con anh ấy mua quà cho con ăn cơ. Anh ấy mua kẹo lạc chuông cơ... Thích quá ở ngoài bờ hồ mát mát là....

Bà Tham: Chết anh ấy mua kẹo cho con ăn à? ăn lắm vào... đau bụng thì khổ? Sáng ra đừng ăn kẹo con ạ; hoa quả cũng thế độc lắm đấy... Ăn vào dun nó đục ruột ra.... từ dầy đừng có ăn nhé.

Cậu Trúc: Vâng, từ giầy con chả ăn nữa....

Bà Tham: Ừ con cứ ngoan ngoãn, con cứ nghe nhời mợ, bảo thì rồi đến chiều cho lên bà chơi... Con có muốn lên bà không?

Cậu Trúc: Thưa mợ có.....

SEN VI

Thêm Vị-Côi

Vị Côi tay cầm một quyển sách nhỏ bơ phờ như một anh chán đời lang thang vơ vẩn ở trước cửa ngạch nhà *Mộng-Anh*. Ông có lúc đánh diêm hút thuốc, có lúc rở sách ra xem, có lúc nhìn thẳng vào nhà không chớp mắt.

Thấy cái cảnh mẹ con vui vẻ ông có lúc ghen, lúc dận, lúc như hối hận, lúc như đau lòng mấy lần toan chạy vào trong nhà nhưng lại thôi.

Mộng-Anh không biết bởi vì mỗi khi trông ra đường *Vị-Côi* lại cúi mặt xuống hay đứng tránh ở đằng sau bức tường hay đi quá lên trên.

Bà Tham (ôm cậu Trúc vào lòng) *Trúc* ơi... con ngoan nhỉ.... Mợ yêu con quá, mợ thương con nhất nhà.....

(Cậu **Trúc** dựa đầu vào vai bà thỉnh thoảng lại ngẩng mặt lên nhìn bà một cách rất thân mật)

Bà Tham. — (Soa đầu soa cổ, hôn hôn hít hít cậu *Trúc*)

Vị Côi (đứng ở ngoài trông vào mặt nhợt nhạt đi suýt ngã nhưng may lại dựa được vào bức tường. Chàng lẩm bẩm ở mồm câu gì nghe không rõ.

Bà Tham đặt cậu *Trúc* xuống đất. Cậu chạy chơi ra cửa. Bà theo sau: cũng ở cửa, cậu *Trúc* đứng cạnh bà trông rất là ngoan-ngoãn.

Vị Côi thấy cắm đầu giảo bước đi. Sau nghĩ thế nào lại quay giở lại.

Cậu **Trúc** nhìn ông.

Ông đánh bạo bước lại gần.

Vị Côi (ngả mũ cung kính)...thưa...bà: bà...có nhớ...tôi là...ai không?

Bà Tham ngẩng lên nhìn kinh ngạc kêu thất thanh một tiếng ơ (theo sau một tiếng nhưng không phải là tiếng giời mà là tiếng giời ghép với tiếng "gio" mấy tiếng "giầy".

Bà lui lại cầm lấy tay cậu *Trúc* hoảng hốt đi nhanh vào trong nhà...thì...

HẠ MÀN THẬT NHANH

(Còn nữa)

TIỂU - THUYẾT

(Vân - Lan ký - sự)

"Tiếp theo kỳ số 19"

Em đã cố hết sức lắng tai nghe nhưng không rõ. Con tầu càng ngày càng xa, quanh co khúc rắn, em đứng trông theo, em trông theo cho tới khi tầu khuất hẳn mới trở gót ra về, trong lòng bâng khuâng như ngây như dại, về tới nhà em cất ô, cởi áo rồi vội vàng vào dường tìm xem chị Vân-lan, bỏ quên sách gì, thì ra ở mé dường cạnh chiếc gối bông một góc còn y ngấn nước mắt, chị Vân-lan có một quyển sách đóng tay em vội mở ra xem tay cầm quyển sách, tựa gối song the, em lật chiếc bìa mầu xanh ngắt thấy đề đầu bốn chữ «Vân-lan ký-sự» em bắt đầu âm thầm lẩm bẩm đọc.

Từ đây là nỗi đau lòng của Vân-lan ghi chép

Trăm năm trong cõi người ta,
Tu là cõi phúc tình là giây oan,
Than ôi! cái kiếp hồng - nhan!

Cũng vì thế nên em mới mượn ngòi bút sắt cùng giọt mực đen để biên chép nỗi đau lòng ngỏ cùng các bạn, tưởng cũng không phải là vô ích vậy.

Như em, đương lúc trăng tròn hoa nở, tơ liễu thướt tha, mặn mà khả ái, xuân xanh đã là bao mà vẻ hoa phai nhạt, làn thu-thủy lờ mờ, niên hoa nào đã bao lăm cho nhan - sắc nhạt mầu, tư - dung ủ dột. Lúc tuổi xuân này, em chắc cũng như các bạn vào trạc độ này, đào tơ sen ngó, nguyệt thẹn hoa ghen. Song le, cái tuổi xuân của các bạn là cái tuổi xuân đáng kính đáng yêu, cái nhan-sắc của các bạn là cái nhan-sắc quý giá; mà cái tuổi xuân của em là tuổi xuân đáng chán, cái nhan-sắc của em lại là cái giây oan-nghiệt nó hại một đời em. Đào non hoa nhủ, như em cỏ khác chi viên bạch ngọc sáng tựa gương, trong như nước, đáng yêu đáng quý biết là dường nào, thế mà đã phải hờn duyên tủi phận oán gió trách mây, nhưng muốn tránh khỏi vòng tục-lụy cõi đời, thế thì còn gì đau đớn bằng, còn gì khổ não cho bằng; thật cao sanh cũng khéo độc địa, ông tơ-hồng cũng khéo trêu ngươi, mà bà nguyệt - lão cũng thường hay bỡn cợt.

Thưa cùng các bạn, cây còn có gốc, nước cũng có nguồn, đáng lẽ trước khi em đem nỗi đau lòng cùng mối khổ tâm ra phô bầy cùng các bạn, em cũng nên nói tới gia-phong, giòng giỏi nề nếp nhà em, nhưng khốn nỗi nói ra luống những thẹn thùng, mà lại thêm bêu rếu đến ông cha giòng giỏi nhà em mà thôi. Song em không nói, thì trong các bạn, hẳn cũng có người không bằng lòng. Vậy em xin tạm lược kể qua loa để các bạn rõ:

Em vốn con nhà nề nếp gia - phong, ông em trước kia cũng làm quan ở một tỉnh lớn. Như em đương lúc sen ngó đào tơ, nếu không noi được gương Trưng Triệu để vẫy vùng với non sông cho danh thơm muôn thủa, tiếng tốt ngàn thu, thì cũng phải cùng chị cùng em ở nơi khuê các bắt chước được Đào-anh là người tiết - phụ, can chi mà phải mang não chuốc sầu để đến nỗi hờn duyên tủi phận mà thành ra con người vô hạnh vô duyên. Nếu em không ao ước tưởng mong những điều quá cao, mà chỉ mong làm người vợ hiền với chồng, mẹ thảo cùng con, thì có đâu nên nỗi, nên nỗi đau đớn khổ não như vầy. Rõ khốn quá, ý tưởng em lại không nghĩ làm đủ phận-sự cùng những việc vừa sức mà lại mong những điều xa lắc xa lơ, nhưng nào mong có được đâu, thật là ảo - ảnh. Thân thế em nghĩ đến mà đau đớn trong lòng, sót sa trong dạ, không biết rằng có ai thấu đến

nỗi này cho không?

Khi em còn đang ở trong vòng ấu-trĩ, em đã có cái tư-tưởng khác thường, em thấy cuộc đời mà mộng hồn phảng-phất. chan chứa biết bao là hy-vọng, mà em tưởng mong sau này, em đã đinh-ninh rằng rồi ra em sẽ được tận hưởng những lạc-thú, mà em đã ước ao sau này, ai ngờ ngày nay, thân em ra cánh hoa vô chủ, tốt đất hẳn hoi, đủ người bón tưới, mà có khác chi một bông hoa sấu đất vun giồng, không người trông đến, để đến nỗi bướm chán ong chường, mà đến gia-đình lạc-thú cũng lìa bỏ em nữa.

Sân hòe thềm quế, khóm chúc ngàn mai, lầu cao hóng gió, đêm vắng xem giăng, cây to bóng cả, ao rộng nước trong, bao nhiêu những cảnh thế thiên-nhiên của hoàn-cảnh gia-đình nhà em đã vì em mà hồ tàn hết. Em càng nghĩ đến bao nhiêu càng khổ-não tâm-can, đau đớn can-tràng bấy nhiêu.

Thương ôi! vì đâu mà em đã phải chắc rằng xương trắng quê người, mồ hoang cỏ mọc không người viếng thăm? Thảm thương cho cái tuổi xuân của em đã đến lúc hoa tàn bóng sế, than ôi! nó có khác đâu lúc chiều hôm nơi quán chợ. Nói tóm lại là vì em quá cho tư-tưởng ước cao; nếu em cứ sáng ngày tựa bóng song thân, học lấy tam tòng tứ đức thì có đến đâu nông nỗi này. Khuôn xanh cũng thực khéo cơ cầu, đã sinh ra có em ở trên cõi tục lụy này, cho em lấy hai chữ sắc, tài, rồi lại bắt em phải mắc míu gian-chuân với chữ tình. Chao ôi! Tạo-hóa ghen ghét chi với khách má hồng mà bầy ra lửa-dục để em mắc phải lưới-tình, mê mẩn trong giấc mộng tình, chìm đắm trong bể tình, chữ tình là cái chi chi mà mê hoặc lòng người đến thế? Có phải nó cũng như một thứ rượu thơm ngon ngọt bùi, mới nhắp vào thì thấy khoan khoái, nhưng chẳng bao lâu nó sẽ công phạt một cách rất nặng nề không? Có phải nó chẳng khác cái vành bánh xe đạm khí soay hết người này đến người khác, để cho khốc hại suy-tàn, cho nghìn sầu trăm thảm cùng nhiều nỗi đắng cay không? Có phải nó chẳng khác một vị-thần lãng-mạn ở trên chín tầng mây, phút chốc sẩy chân ngã xuống cõi đất đen ở đám ô-trọc hồng-trần không? Ghê thay! Bể-tình là bể-khổ, là bến mê, là nơi hắc ám tối tăm. mông mênh không bờ không bến mà sao biết bao kẻ đắm đuối mãi không thôi?

Ngày nay, trong đám xương mù đã nhờ có tia ánh sáng, bằng mắt tỉnh giậy thì những điều chẳng hay của em trong hồn mộng-tưởng, đã biến cải tiêu ma đi cả rồi, trước mặt em chỉ riêng có những sự hiển-nhiên là còn lại. Em càng nghĩ bao nhiêu thì càng khô gan héo ruột bấy nhiêu, càng khổ não đau đớn bấy nhiêu.... Thật là như ngây như dại. Muốn khóc mà khóc không nên tiếng, muốn kêu mà kêu không ra hơi, muốn nói mà nói không nên nhời, muốn cười lại cười ra lệ.

(Kỳ sau sẽ tiếp)

NHÀ IN NAM-VIÊT

CHÚ-TRỌNG VỀ MỸ-THUẬT
NHIỀU LỐI CHỮ MỚI, ĐẸP
IN CẨN THẬN, NHANH TRÓNG
SỬA CHỮA RẤT KỸ-LƯỠNG

Chủ nhân: NGUYỄN-TUYÊN
PHỐ CỬA-TRƯỜNG — NAM-ĐỊNH
GIÂY NÓI SỐ 89

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

THÁI-BÌNH

Tường thuật về việc bắt được một người ra dáng học trò mang nhiều sách cộng-sản.

Nguyên hai giờ chiều hôm 26 Mars người lính cảnh-sát đứng gác ở ngã tư đầu tỉnh lối rẽ xuống huyện Vũ-Tiên thấy có một người ra dáng học trò đi đất, mặc quần áo nam ; đầu đội khăn, tay sách một cái valise da đi bộ ở lối Tân-Đệ về, khi trông thấy người lính này lại tỏ ý sợ hãi, nên người lính này bắt dừng lại mở valise ra khám, thì khi tên này mở valise ra thấy có một cái quần nâu phủ kín ở trong valise không chịu lục nữa, người lính này biết là có sự gian nên hỏi va-lít của anh hay của ai ? Tên kia cứ ung dung trả lời là của y và xin đừng bắt lục nữa. Người lính này bắt phải mở tung cái quần nâu ấy ra thì thấy có một tờ giấy tây viết bằng bút chì trong tờ giấy chỉ viết chữ Thái-Bình à Nam-Định và giặn cứ theo những cách giậy ở trong những quyển sách này mà làm cộng-sản thì mới thành hiệu chứ lần trước làm điều sai cả chương trình ; dưới tờ giấy ấy có ba mươi quyển sách in bằng chữ khắc gỗ đề một giòng : « Tạp-Chí cộng-sản » có hai chữ cộng-sản in mực đỏ rất to đến 5 phân ta vẽ cái búa vắt tréo với cái liềm, ba mươi quyển này đều bằng giấy trắng bìa hơi mờ mờ vàng, và mười quyển sách bé bìa nâu ngang độ mười phân giọc độ 13 phân tây. Ngoài bìa những quyển ấy điều đề chữ chương trình cộng-sản.

Người lính dẫn tên này về sở cẩm thời khai tên là Phạm-Thâm 16 tuổi quê ở làng Nam-Huân phủ Kiến-Xương tên này lại chối không nhận cái Valise ấy của mình nữa, như khi nói với người lính cảnh-sát khám trước, mà nói là có hai người mặc quần áo tây gặp ở Tân-Đệ thuê 1$00 đề sách về tỉnh hộ; sau một cuộc tra vấn tên này mới xưng là một người ở Nam-Định giao cho đem về bên này. Vì thế ông cẩm Riche cùng đi ô-tô với một viên mật thám tây đề giải tên này về Nam-Định. Đến Nam-Định, tên này lại chỉ liều vào khám một nhà lương-thiện, khám xét không thấy gì khả nghi, thì biết rõ là tên này nói liều. Sau khi lại giải trở về Thái-Bình mới biết rõ căn cước tên này là em ruột Phạm-Mẫn. Can về việc viết truyền đơn bị tòa án kết án năm năm khổ sai, phiên tòa hôm 27 Mars vừa rồi, mà bản báo đã tường thuật tên này lại là em họ Phạm-Lịch hiện đang giam ở đề lao bản tỉnh can về việc tình nghi vào hội cộng-sản và can vào việc sui dân vào ăn cướp thóc nhà Bát Song hiện nay tên Phạm-Thâm vẫn phải giam ở đây đề viên mật thám tây tra hỏi.

T. N.

HAI-PHONG

Ở Hương-cảng về, một người cộng-sản bị bắt ngay tại bến tàu

Hồi 11 giờ trưa hôm 21 mars, chiếc tầu ở Hương cảng về tới Hải-phòng hành khách lên bộ thì lính mật-thám đứng trên bờ có bắt một người tên là Trần-văn-Dũng. Người này nghe nói là một tay trọng yếu trong bọn cộng-sản, vẫn ở Hương-cảng ngày nay về Bắc-kỳ có ý đi cổ động. Nhưng sở mật-thám biết tin. nên vừa mới ở dưới tầu bước lên Dũng bị bắt ngay.

Người Trung-hoa làm lôi thôi ở miền cương-giới

LAOKAY 2 AVRIL. — Ít lâu nay, về sự đề phòng, sở mật-thám có đặt người xét giấy căn cước của người Nam hay người Trung-hoa ở phía Hà-khẩu sang mà qua cầu Nam-thi.

Ngày 31 mars 1931, một người Trung-hoa không có giấy căn-cước bị viên cẩm mật-thám Bertrand ngăn lại không cho đi. Người Trung-hoa lăng mạ, thì viên cẩm bắt liền.

Dân Trung-hoa ở bên Hà-khẩu thấy vậy, liền ồn ào kéo nhau ra yêu cầu tha ngay cái người bị bắt ấy ra. Té ra người này là chánh mật-thám đường hỏa xa.

Người Trung-hoa ấy xin lỗi rồi được tha ngay. Đâu lại về yên đó.

Tuy vậy, người Trung-hoa vẫn lấy làm tức giận có ý gây việc nữa, cho nên hễ qua cầu mà hỏi thẻ là lôi thôi, bất đắc dĩ mới đưa ra.

Ngày hôm nay 2 avril lại một người Trung-hoa nữa cãi nhau với một người mật-thám An-nam rồi đôi bên đánh nhau.

Dân Hà-khẩu lại ra gây sự đông lắm, họ lên đứng cả trên đường hỏa xa hàng mấy giờ đồng hồ không cho xe chạy.

Rồi sau nghe nói quan Công-sứ có điều đình với viên đại-lý của Đốc-biện Hà-khẩu bãi việc khám thẻ ở cầu Nam-thi đi. Nhân dân Tầu từ đó lại đề cho xe hỏa chạy và không lôi thôi nữa.

T. B.

Giới thiệu sách mới

Bản chí tiếp được :

M. LÊ-CÔNG-ĐẮC tặng quyển :

TIỂU-THƯ ĐI BỘ giá 0$10

M. NGUYỄN-KÍNH-CHI tặng quyển :

DU LỊCH QUẢNG-BÌNH

không có giá bán.

M. NAM-KÝ THƯ-QUÁN 17 Boulevard Francis Garnier Hanoï tặng quyển :

VỊ-XUYÊN THI VĂN TẬP

quyển nhất giá 0$30.

M. PHẠM-VIỆT-THƯỜNG Thanh-hóa tặng quyển : **VÌ-XUÂN** giá 0$10

MỘT TẬP SÁCH MỚI

thuộc về khoa Y-học của nước nhà.

Y-THOẠI TÙNG-BIÊN

Bản-chí tiếp được M. VŨ-THƯƠNG-CHI thầy thuốc Bắc-kỳ số nhà 108 đường d'Espagne Saigon tặng quyển « **Y-THOẠI TÙNG-BIÊN** thứ nhất giá mỗi cuốn 0$40

Mục đích sách này, là dung-hòa, không tây vị thuốc nào hết, chuyên môn nghiên-cứu biên tập những bài vở dẫn dị minh-bạch để nói truyện về thuốc, vậy nên mạch danh là « y-thoại tùng-biên ».

Hiện nay sách thuốc nước nhà, đang buổi hiếm hoi, mà ông VŨ-THƯƠNG-CHI biên tập ra bộ sách này, tưởng cũng là có công về khoa y-học của nước nhà, và có phần bổ ích đến công chúng.

Vậy bản-chí xin có lời trân trọng giới-thiệu để xa gần cùng hay.

An-nam tạp-chí

Những chuyến xe thêm trong ngày hội Phủ-giầy

Sở hỏa-xa Đông-pháp có lời bá-cáo để công chúng biết rằng trong mấy ngày hội Phủ-giầy từ 19 đến 23 Avril 1931, tức là từ mồng hai đến mồng sáu tháng ba năm Tân-mùi, bản sở sẽ đặt những chuyến xe riêng chạy ở những quãng đường Hanoi — Núi-gôi và Nam-định — Núi-gôi theo những giờ sau này :

Chuyến xe chạy từ Nam-định đến Núi-gôi

Nam-định	giờ	đi	12	giờ	48.
Trình-xuyên	giờ	đến	12	giờ	58.
Núi-gôi	giờ	đến	13	giờ	11.

(Chuyến này đón khách ở Hanoi xuống chuyến xe số 227.)

Chuyến xe chạy từ Hanoi đến Núi-gôi

Hanoi	giờ	đi	12	giờ	34.
Văn-điển	giờ	đến	12	giờ	48.
Quán-gánh	giờ	đến	12	giờ	57.
Thường-tín	giờ	đến	13	giờ	03.
Phố-tia V. L.	giờ	đến	13	giờ	13.
Chợ-tía	giờ	đến	13	giờ	18.
Đỗ-xá	giờ	đến	13	giờ	25.
Cầu-guột P. X.	giờ	đến	13	giờ	34.
Cầu-gie	giờ	đến	13	giờ	40.
Đồng-văn	giờ	đến	13	giờ	50.
Phủ-lý	giờ	đến	14	giờ	07.
Binh-lục	giờ	đến	14	giờ	27.
Cầu-họ	giờ	đến	14	giờ	37.
Đặng-xá	giờ	đến	14	giờ	52.
Nam-định	giờ	đến	15	giờ	01.
Trình-xuyên	giờ	đến	15	giờ	21.
Núi-gôi	giờ	đến	15	giờ	34.

Chuyến xe chạy từ Núi-gôi đến Nam-định

Núi-gôi	giờ	đi	12	giờ	08.
Trình-xuyên	giờ	đến	12	giờ	19.
Nam-định	giờ	đến	12	giờ	31.

(Hành khách về chuyến xe này đến Nam-định sẽ đáp chuyến xe số 226 về đến Hanoi 16 giờ 33.)

Chuyến xe chạy từ Núi-gôi đến Hanoi

Núi-gôi	giờ	đi	8	giờ	00.
Trình-xuyên	giờ	đến	8	giờ	11.
Nam-định	giờ	đến	8	giờ	23.
Đặng-xá	giờ	đến	8	giờ	41.
Cầu-họ	giờ	đến	8	giờ	55.
Binh-lục	giờ	đến	9	giờ	04.
Phủ-lý	giờ	đến	9	giờ	21.
Đồng-van	giờ	đến	9	giờ	42.
Cầu-gie	giờ	đến	9	giờ	52.
Cầu-guột P. X.	giờ	đến	9	giờ	58.
Đỗ-xá	giờ	đến	10	giờ	08.
Chợ-tía	giờ	đến	10	giờ	15.
Phố-tia V. L.	giờ	đến	10	giờ	20.
Thường-tín	giờ	đến	10	giờ	29.
Quán-gánh	giờ	đến	10	giờ	36.
Văn-điển	giờ	đến	10	giờ	45.
Hà-nội	giờ	đến	11	giờ	00.

Le Gérant :

PHAM-DINH-KY

Số 23 NĂM TÂN-VỊ 1er S. Mai 1931

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

DÉPOT-LEGAL
RÉSIDENCE SUPERIEURE
TONKIN

BAO-QUAN
123 Rue Maréchal [illegible] 23
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7 $ 00	Một năm	8 $ 00
Nửa năm	3 . 50	Nửa năm	4 . 00
Mỗi số	0 . 15		

IMPRIMERIE NAM-VIỆT NAM-ĐỊNH
1931

KÍNH NGÓ

CÁC VỊ ĐỘC-GIẢ.

Bản-Chí xin có lời để Chư-vị cùng hay rằng:

An-Nam Tạp-Chí *giá đồng-niên là 7$00, cứ tính đủ 48 số.* **Xin các Ngài chú ý.**

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số, mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

CÁC VỊ ĐẠI-LÝ,

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra 9, 10 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng tây các ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí.

Các bài vở trong kỳ này:

Đọc bài «tự do diễn-đàn» ở trong báo Trung-Bắc, ngỏ cùng ai các bạn thanh-niên.

Lịch-sử một nhà nho có giá-trị ở nước ta hồi năm mươi năm về trước **cụ Hoàng-giáp Phạm-Nghị.**

Chớp ảnh "câm" và chớp ảnh "nói".

Cái vấn-đề phục-sức ở nước ta ngày nay.

Bài ký "Thú chơi Nghĩa-dân".

Một ý-kiến về văn thơ.

Nữ-giới tùng-đàm.

Xã-hội Ba-đảo-ký *(2 bài.)*

Kịch (Hạt mầu rơi.) *(tiếp theo và hết.)*

Ý-kiến và tiêu-tức trong báo-giới.

An-nam tạp-chí Hà-thành Tổng đại-lý ủy-viên:

Mr LẠI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam-học-hiệu 24 rue de la Citadelle Hanoi.

Số 23 NĂM TÂN-VỊ 1er S. Mai 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CO'-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THƠ TỪ VÀ MANDAT XIN GỬI CHO
Mr VŨ-HÙNG-TOÁN
Phó Chủ-sự

Đọc bài "Tự do diễn-đàn" ở trong BAO TRUNG-BẮC

Ngỏ cùng ai các bạn thanh-niên

Báo Trung-bắc ra ngày 2 Avril 1931, mục *Tự do diễn-đàn* có bài đề là:

«Học-sinh Việt-nam bên Pháp bàn về đàn bà Việt-nam ở Bắc-kỳ.»

Dưới ký tên là:

Trương-công-Quyền
Étudiant en Pharmacie

Khoảng dưới đầu bài có mấy lời của Báo-quán Trung-bắc rằng:

« Bản-quán tiếp được bài sau này, ở bên Pháp gửi về, vậy cứ nguyên-văn đăng báo.»

Xem như trong báo Trung-bắc đăng bài ấy, để vào mục *Tự do diễn-đàn*, và có lời tỏ lộ như thế, đủ thấy trong báo-quán ấy cũng không công-nhận bài đó là phải; lại in bằng một thứ chữ nhỏ bé (Romain 8) càng đủ tỏ ra rằng không có giá-trị là bao nhiêu, chẳng qua chiều theo ý-kiến của các bạn lai-cảo mà đăng lên đó vậy. Tuy vậy, phàm một bài viết đã đăng lên Báo-trương, dù hay dở thế nào, tất có ảnh ưởng đến xã-hội; mà nghe nói bài ấy, không những đăng ở báo Trung-bắc, tờ báo khác cũng có đăng. Một bài viết đã công-hành trong báo-giới, tiếp súc đến xã-hội, thời phàm người trong xã-hội, nhất là trong báo-giới, ai có ý-kiến gì đối với bài nói đó, thực nên tỏ bầy. Theo lẽ thường, thời bài ngỏ lại nên ngỏ thẳng cùng người có bài nói; song cứ tôi xem như lời lẽ trong bài nói của M. *Quyền*, thời như tôi là hạng hủ-nho, dẫu có ngỏ lời lại cũng vô ích. Vậy mà thôi đi cũng không tiện thôi rứt, cho nên xin có ít lời bầy tỏ cùng ai nấy các bạn thanh-niên ta.

Tiền-đồ của quốc-dân An-nam ta, thế tất trông cậy ở các bạn thanh-niên, trong mấy kỳ An-nam tạp-chí trước đây, và từ khi tạp-chí còn ở phố hàng Lọng ra đời, tôi thường nói mãi không ít. Cái bụng trú vọng ở các bạn thanh-niên của ta đó, thực không dám lúc nào có nguôi.

Cái bụng trú vọng ở các bạn thanh - niên, không những chỉ mong ở bên tài, mà phần nhiều còn mong ở bên đức. Cái quan-niệm về đạo - đức mới thực là phần gốc để lập thân cho khắp thầy mọi người; nói về nông nổi gần hơn, thời lễ-giáo cũng tức là một vậy.

. . .

Cứ đại-ý trong bài M. *Quyền*, bàn nói về *đàn bà con gái Bắc - kỳ ta nên cải trang*, nghĩa là thay đổi cách *chít khăn, mặc yếm*, vân vân. Theo như ý-kiến tôi đối với bài đó, không phải là toàn-nhiên phản-đối mà không có chỗ biểu đồng-tình. An-nam tạp-chí số *18*, ra khoảng *1re Semaine Mars 1931*, trong mục *Thiền-đàm*, tôi có nói kỹ về sự đầu tóc vấn khăn của đàn bà con gái xứ Bắc ta, mà mong muốn cho chóng sự *hủi đầu*; lại nghĩ về cách quần áo ăn mặc, nên chậm-trước theo như Trung, Nam-kỳ là phải. Báo Trung-bắc in ra ngày *2 Avril* thời có bài đó có M. *Quyền*. Vậy thời cái ý - kiến «*cải trang đàn bà con gái xứ Bắc ta*,» không cần đợi các bạn du-học bên Pháp có giấy gửi về vậy. Mà trong bài M. *Quyền* có những câu hỏi rằng:

« *Tiếc thay còn có mấy người hủ bại, học-hành dở-dang, tự cho là môn-đồ Khổng-tử, theo giáo - hóa bên Tầu, thế chị em cổ - động cải trang, thời họ chê bai. Họ không hiểu rằng làm thế là có tội lớn với dân.. Họ có nhìn xa hơn sống mũi đâu..* »

Ôi, ngu thay Trương-công-Quyền! thật là «không nhìn xa hơn sống mũi» vậy!

Gần đây, ở Hanoi có một ít người con gái, theo phong-trào thể-thao, cùng nhau tổ-chức cuộc đi bộ từ Hanoi ra Đồ-sơn. M. *Lê-công-Đắc* cực lực phản - đối, làm ra trủyện *Tiểu - thư đi bộ*, diễn ra kịch để công-kích kịch - liệt. Hôm vở kịch ấy diễn tại Nam-định, tối ngày 5 Avril mới đây, trong Báo - quán Nam - định có vé mời đi xem, tôi còn nhớ những câu nói của một vai đào (đóng mẹ tiểu-thư vai chính là cô Loan) rằng:

« *Nhà tao có người chết ở đâu? mà mày để chở!...*

« *Mày muốn tự do, thời mày có đường có nẻo thời séo..* »

Vì vai tiểu-thư đó ăn bận quần áo trắng, cho nên lời riếc-móc của vai mụ đó như vậy. Đó là cái cảm-tưởng của Mr *Lê-công-Đắc* đối với các người con gái làm cuộc đi bộ kia, mà Mr *Đắc* có phải là người về phái học nho hủ bại đâu? Chính là hạng thanh-niên tân tiến vậy. Xem như vậy, càng đủ tỏ *Trương-công-Quyền* là một người không hiểu những tư-tưởng các hạng người bên Bản-quốc, như người ở nhà quê ra Hà-nội đi học, mà rồi không hiểu các người chỗ quê mình ra sao. Sự không hiểu đó chẳng qua chỉ là ngu; mà sự dám nói liều thời chẳng khỏi là người có lỗi vậy.

Trong bài của Mr *Trương-công-Quyền* lại có mấy câu rằng:

« *Vẫn hiểu chị em sinh ra thời-kỳ khó khăn này, đương lúc bọn trẻ muốn tiến, mà bọn già muốn kéo lại....* »

Mấy câu đó, cái sự ngu về tư-tưởng cũng như những câu trên, cái sự nói liều cũng như trên. Vì người kéo lại là ai? mới biết có Mr *Lê-công-Đắc*, mà Mr *Đắc* đâu có phải là « bọn già » vậy. Hai chữ « *bọn già* » trong câu đây, cùng mấy câu đã dẫn ở đoạn trên, xin giả lại cho gia-đình của Mr *Trương-công-Quyền* hoặc có ai nhận chăng, trong xã-hội không có người tiếu nhận.

(*Về việc những người con gái làm cuộc đi bộ, cùng sự phản-đối công - kích của Mr Lê-công-Đắc, sẽ có lập thành bài luận thuyết ở kỳ khác; đây chỉ là dẫn qua câu truyện đó, để tỏ biết trong áng thanh-niên Pháp-học có người như ông Đắc mà thôi.*)

. . .

Lại nghĩ như trong bài Thiền-đàm của tôi, nói về lẽ «*đàn bà con gái nước ta nên hủi đầu, và sự ăn mặc thời những người phong lưu nên theo như kiểu Huế, những người lao-động nên theo như kiểu ở Saigon,* » đó chỉ là lấy về giản tiện, cho khỏi mất thì giờ, và được gọn ghẽ, khỏe mạnh, để tiện lợi về công việc. Còn như cái sự đẹp, tôi tưởng không cần nên nói đến làm chi. Vì hiện nay nước ta,

toàn quốc nam nữ, không phải là cái lúc hành lạc, thời đàn bà con gái, cũng không nên làm đẹp lắm làm chi. Huống chi cái tính *làm đẹp* của các bạn nữ-lưu, không ai cần phải dậy ai, mà còn lo chỉ có phần quá đáng. Trong bài đăng báo của Mr *Trương-công-Quyền*, nói về cái *miệng*, cái *vú* của đàn bà con gái thời chuyên trú về sự đẹp. Không biết Mr Quyền từ khi du-học đến nay đã bao năm? không biết đã có những lời hay ý tốt gì gửi về cho Bản-quốc hay không? hay chỉ mới có cái thư này là một? Nếu như vậy, thời cái lòng kỳ-vọng của các người đồng bang, không ra khỏi bản-xứ, mà chú trọng vào các bạn du-học như M. Quyền đó, chẳng thực là người loãng lắm ru?

* * *

Trong bài nói của M. Trương-công-Quyền lại có những câu rằng:

« *Nếu có thể ăn vận theo lối Âu-châu thì càng hay, chứ có hại gì; giầy tây có tiện thời cứ việc mà dùng* ».

Nghĩ như câu đó, những người có thể thực cũng chẳng lấy gì làm hại, song xã-hội chỉ hại vì những người không có thể mà đua đòi. Từ khi An-nam tạp-chí đem về Nam-định là khoảng tháng Novembre năm trước tới nay, tôi ở luôn tại Nam, mới đây có người bạn ở Hanoi xuống chơi, nói các câu truyện ở Hanoi, thời cách chưa đầy nửa năm nay mà sự xa-xỉ về cách ăn mặc của đàn bà con gái đã rất có khác trước. Người làm ra tháng sáu, bảy chục, một trăm bạc lương, chỉ những nuôi vợ và sắm sửa cho vợ không đủ, bố mẹ ở nhà quê thường không chắc được nhờ bữa mà ăn. Đó cũng chỉ là do các chị em trong xã-hội đua đòi nhau về sự xa-hoa, kẻ kém cố theo người hơn, thành ra để lụy cho gia-đình của người chồng như thế. Như thế thời những người đàn bà không có chút quan-niệm về đạo-đức, hoặc có tự lấy làm sướng; song nghĩ như những ai là bố mẹ, đẻ ra con, nuôi cho đi học, còn vui gì có con? Cứ như cái trình-độ xa-xỉ về sự ăn mặc của đàn bà con gái mà nếu không có cách nén bớt, mà mỗi ngày tăng tiến lên, thời tôi tưởng không bao năm nữa, phần nhiều các gia-đình của người nam-tử duy chỉ có hai nhẽ khác nhau: một là *có bố mẹ thời không có vợ*, hai là *có vợ thời không có bố mẹ*. Vợ cùng bố mẹ, sẽ thành ra cái thế *bất-lưỡng-lập* (1) vậy. Cái kết-quả của sự ăn mặc xa-xỉ, ai có gia-đình thời nên lo.

Lại chưa nói đến gia-đình của người chồng, hãy cứ thân thế người đàn bà con gái mà nói: những người nguyên con nhà chính đính, mà đến sự đi chơi nhăng-nhít, có quả là toàn vì tình đằng mà thế chăng? hay cũng có vì lẽ đua đòi ăn mặc mà đi chơi như thế để kiếm tiền sắm sửa chăng? Cái tình trạng của xã-hội ta mà dẫu có xét thật cho đến nơi, có khi không nỡ nói cho hết. Cái kết-quả của sự ăn mặc xa-xỉ, nhà ai có con gái thì nên lo.

* * *

Trong bài của M. Trương-công-Quyền, lại có nói ngay ở đầu rằng:

« *Một khi anh em học-sinh bên Pháp tụ họp nhau lại, bàn về truyện bên mình, thì thật chỉ muốn có tài phép nào làm lộn ngược hết phong-tục đi mới là phải.*

« *Phong-tục xấu rất nhiều.*

« *Bề trong thời nào là truyện chồng con, dâu con....* »

Tôi nghĩ như số học-sinh ta sang du-học bên Pháp, có lẽ khá nhiều; hai chữ « *anh em* » đây, chẳng qua là những người bạn của M. Trương-công-Quyền, thời cái tính-cách tư-tưởng cũng như M. Quyền đó mà thôi.

Nói về phong-tục, thời tưởng không cứ gì nước ta, dẫu nước nào cũng có cái phong-tục tốt, có cái phong-tục xấu. Cái phong-tục nào tốt thời ta nên bồi bổ lấy; mà những chỗ xấu thời nên phải sửa đổi đi, như thế là lẽ thường mà thực là

1.) 不兩立 Nghĩa là: không thể đứng đôi với nhau.

rất phải. Nếu bảo « *muốn làm lộn ngược hết thầy.* » thực là nguy cho xã-hội thay! M. Quyền và những anh em bạn hữu của M. Quyền cho các truyện chồng con, dâu con của đàn bà nước Nam làm cái phong tục xấu, mà ước ao « làm lộn ngược hết thầy ». Cứ ý tôi thiển nghĩ, một người đàn bà, không cứ là đàn bà nước Nam, nhưng hãy nói người đàn bà nước Nam, nếu không có đạo chồng con thời duy có « *làm đĩ* »; không có đạo « *dâu con* » thời duy có lấy người chồng nào không có bố mẹ. Trong xã-hội ta tưởng hạng đàn bà đó cũng đã có không ít, mà M. Quyền và những ai bạn hữu còn phải ao ước nữa làm chi! Nếu muốn cho hết thầy đàn bà Việt-nam như thế chăng, thời con cháu Tiên Rồng chưa đến vô phúc như thế vậy.

Lại nghĩ như sự chồng con, dâu con của người đàn bà, đó là luân-lý mà M. Quyền nhận cho là phong-tục; vậy thời cái đạo bố con, tức là con giai đối với bố đẻ, có lẽ M. Quyền và các người bạn hữu đó cũng nhận là phong-tục cả chăng? Mới đây, An-nam tạp-chí có đăng một bài lai-cảo về mục Xã-hội Ba-đảo-ký ở số 21, đầu bài là « **Tình phụ tử đời nay.** » kể câu truyện một người con giai ở gần tỉnh Thái-Nguyên, cũng nhờ sự ăn học, mà rồi làm được tiền lương tháng sáu, bẩy chục bạc, mà rồi vác gậy đánh bố toạc đầu chảy máu ở dữa đồng. (1) Ấy "*lộn ngược*" là thế. Hiện nay trong xã-hội ta, luân-thường phong-hóa đã lộn ngược như thế, còn cần ai ước ao! Nếu ai có ước-ao làm cho được lộn ngược thời những người ấy chỉ nên tự mưu lấy, mà không nên lo cho cả quốc-dân xã-hội làm chi. Cái sự ước-ao của những người nào kia, tưởng cũng không cần phải « *tỏ phương-pháp gì* » chỉ cứ bắt chước như anh chàng trong câu truyện Thái-Nguyên kia là đủ. Khi nào những ai đó về nước, có muốn thực hành sẽ hay.

Nghĩ như nước ta từ khi được có người sang du-học bên Pháp, những người thi đỗ Cử-nhân, Tiến-sĩ cũng không ít, lớp trên như ông *Phan-văn-Trường*, lớp mới như ông *Dương-văn-Giáo*, tuy chưa đã có làm ích lợi gì cho dân nước, song cũng không hại là một người đứng-đắn, có chút giá-trị với đồng-bang. Những người khác, hoặc thi đỗ, hay về không, sự hay giở của những ai như sao không hay, song chưa từng nghe có những lời lẽ như trong bài đăng báo của M. Quyền như đó vậy. Cứ lời nhẽ trong bài đó của M. Quyền, tức là có hợp ý-kiến của các bạn đồng học mà viết, tất cũng là do tự nhiệt-thành mong cho Bản-quốc chóng tiến-hóa; song tiếc vì cái nhiệt-thành ấy phần nhiều do ở tự cái tâm-lý không tốt, cho nên phát ra lời nhẽ không còn có nghĩ ngợi, như con nhà không có lễ-giáo, làm lụy cho ba chữ « *du-học-sinh* ».

Tuy vậy, phàm các giới nhân đẳng, giới nào cũng có những người tốt, cũng có những người không ra gì. Không may mà trên một hai tờ báo kia đã có đăng bài đó của M. Quyền, song cũng cốn may mà ở dưới bài đăng đó có chữ tên rõ là Trương-công-Quyền, thời người xem báo đọc bài kia cũng chỉ biết bài đó của M. Quyền viết ra, hoặc có họp lấy ý kiến của hai ba bạn hữu mà thôi, không can chi bận nghĩ đến ai vậy.

Nay các bạn thanh-niên, ai là người có chí lập thân để sẽ trở nên hạng người có cán-đáng được công việc chính đáng của xã-hội, thời không cứ là có du-học, hay không du-học, miễn sao theo hai phương mà tu tiến cả bên *tài* và bên *đức*, ấy là xã-hội có trông mong.

Còn như trong phái nhà nho nay, những người hủ-bại như tôi thật nhiều, lại có lẽ không còn ai nữa là thanh-niên, thời chẳng bao năm sẽ hết thầy cùng giang san vĩnh biệt. Con đường vạn lý của quốc-dân Annam ta tiến-thủ cạnh tranh với Tây-Âu, Đông-Á, ai đương trách-nhiệm thời nên lo.

Nguyễn-khắc-Hiếu

1.) Xem lại Bản-chí số 21.

Lịch-sử một nhà nho có giá-trị ở nước ta hồi năm mươi năm về trước

Cụ Hoàng-giáp Phạm-Nghị

Cái phong-vận cụ **Phạm-Nghị**, từ khi nền văn-học đã đổi thay, đối với quốc-dân không khỏi có vẻ lãnh đạm, nhưng vì cái địa-vị của cụ đứng vào thời-kỳ khó khăn, cho nên chỉ biết nghĩa-vụ đối với non sông, đối với người tri-kỷ, dẫu cuộc đời đổi thay dâu bể, nhưng tấm lòng không gột rửa được sắt son ; tôi tưởng phong-trào thế nào mặc dầu, nhưng quốc-dân ta không nên bỏ quên một người có giá-trị ấy ở trong làng nho vậy.

Nhân đây tôi xin lược thuật lịch-sử cụ, để hiến cùng độc-giả.

Cụ Phạm-Nghị biệt hiệu là **Nghĩa-Trai** người xã Tam-đăng (nay đổi là *Tam-quang*) huyện Đại-an, tỉnh Nam-định.

Khi còn nhỏ nhà rất nghèo. Ông cụ thân-sinh lại mất sớm ; cụ tính ham học, nước ta lúc bấy giờ dương trọng về đường khoa-mục, những kẻ cường-hào trong làng biết cụ ngày sau thế nào cũng thành đạt, mới sinh lòng ghen ghét. Vì lẽ thế nên từ khi cụ đỗ Tú-tài, rồi đỗ Cử-nhân, trong làng không ai hỏi qua đến, khi cụ đỗ Tiến-sỹ mới đi rước và đến mừng.

Cụ học quan thủ-khoa Phạm-Thức ở Ninh-bình (cụ này có tiếng hay chữ, giậy được nhiều danh-sỹ, Nguyễn-Triều có hai ông Bảng-nhãn là ông Phạm-Thanh và ông Vũ-duy-Thanh đều là học trò cụ cả) cụ vẫn học quan thủ-khoa, nhưng lúc thi hội, thày trò cùng đi với nhau, vào đến kinh gặp ông Cao-bá-Quát, ông Quát tự phụ là bậc tiền-bối, mà coi cụ là tầm thường, cụ vẫn phải kính nhường, đến khi kéo bảng đệ tứ thời quan thủ-khoa và ông Cao-bá-Quát đều hỏng, chỉ có cụ trúng cách, bấy giờ quan thủ-khoa mới nhớ rằng: lúc đi hội nằm mộng thấy quan Tiến-sỹ Hoa-đường có đọc câu:

固有之良能矢發。
陰寒之草木皆春。

Cố hữu chi lương năng thỉ phát,
Âm hàn chi thảo mộc giai xuân. (1)

Song bốn kỳ thi hội, quan thủ-khoa không viết vào đâu được, mới đọc cho cụ nghe, đến khi vào thi đình, cụ viết vào *đoạn*, *kim-vàn*, *ngự-lãm phê thần cú*.

Khoa cụ đỗ là khoa mậu-tuất, năm Minh-mạnh thứ 19 (1838) quyển thi đình của cụ cùng quyển ông Nguyễn-cửu-Tràng văn-thế bằng nhau, nhưng ông Tràng lấy cớ là họ Nguyễn là Quốc-tính, nên được đề lên trên, song đều cho đỗ nhị-giáp Tiến-sỹ xuất thân cả, cụ đỗ rồi viện-lễ thụ *hàn-lâm* và *sung chức sử-quan thăng* đến hàn-lâm thị-giảng học-sỹ ; sau nhân việc bàn sử không hợp ý mới cáo về giậy học.

Cụ đương ở nhà giậy học, có chiếu nhà vua lại triệu về kinh sung chức.

Năm bính-thìn niên hiệu Tự-đức thứ chín (1850) nước Pháp có tầu vào cửa Quảng-Nam, cụ xin đem quân vào ứng nghĩa, khi tầu nước Pháp đã ra khỏi cửa Đà-nẵng, cụ trở về kinh nhân bệnh giáng biếu cáo về nhà. Cụ có làm hai bài thơ như sau này :

Tầm mắt thuyền đâu ngất núi đà,
Tuyệt vời bể rộng, nước non xa.
Hung hung quân muốn đi tìm giặc,
Thương sót vua cho trở lại nhà.
May rủi mặc dầu cơ tạo-hóa,
Khen chê còn gớm miệng người ta.
Tuế-hàn (2) *mấy chữ thơ ban đó,*
Một tấm lòng riêng chửa dám giả.

II

Cáo đau một sớ, tới thềm son,
May rộng ơn cho sáu tháng tròn,
Vua thấy tiếng không, tai những lắng,
Bạn nghe bệnh lắm, gia thêm buồn.
Chim kêu, hồi ấy đương vui vẻ,
Ngựa yếu, tôi nay phải chán chồn.
Chẳng phải có lòng toan biếng nhác
Đã đưa trung hiếu giậy đàn con.

Khi giậy học, danh-sỹ các nơi nhiều người đến học như ông Trần-bích-San ở Vị-xuyên, ông Nguyễn-Thắng ở Yên-đồ, đều là học trò cụ cả, Khoa Giáp-tý năm Tự-đức thứ 17 (1964) ông Trần-bích-San cùng ông Nguyễn-Thắng đương học vào chào cụ rồi về đi thi, cụ giặn : (anh Vị-Xuyên phải lấy thủ-khoa trường Nam cho thầy ; anh Yên-đồ phải lấy thủ-khoa trường Hà cho thầy) Hai ông giạ rồi về đi thi, đến kỳ xướng danh cử-nhân, quả nhiên ông San đỗ thủ-khoa trường Nam-định, mà ông Thắng cũng đỗ thủ-khoa trường Hanoi ; đến lúc bái-môn hai ông cùng đến một ngày, cụ lại giặn (anh Vị-xuyên sang năm lấy cái cờ biển nhị-giáp cho thày) mà không nói đến ông Yên-đồ, sang năm khoa Ất-sửu (1865) ông San đỗ luôn hội-nguyên, đình-nguyên, vua đổi tên là Hy-Tăng gọi là ông Tam-nguyên Vị-xuyên, còn ông Thắng sau đổi là Nguyễn-Khuyến, thi mãi đến khoa Tân-vị tự-đức thứ 24 (1871) mới đỗ, cũng đỗ cả hội-nguyên, đình-nguyên gọi là ông tam-nguyên Yên-đồ.

Lại như ông Hoàng-giáp Đỗ-đình-Liêu là con cụ Phó-bảng Đỗ-huy-Uyển làng La-Ngạn, gia-đình giáo-dục đã lâu, thế mà thi hương mãi không đỗ, đến khi vào học cụ, rồi khoa Đinh-mão Tự-đức thứ 20 (1867) cũng đỗ thủ-khoa, đến khoa Kỷ-mão, Tự-đức thứ 32 (1879) đỗ Hoàng-giáp.

Cụ giậy học-trò đỗ đã nhiều, mà giậy năm người con, bốn người đỗ, con cả là Phạm-Giảng đỗ phó-bảng, con thứ là Phạm Hân, con thứ ba là Phạm-Hài, con thứ năm là Phạm-Phồ, đều đỗ Cử-nhân, chỉ có con thứ tư là Phạm-Thuyết không đỗ.

Con cả là ông Phạm-Giảng làm Bố-Chính tỉnh Thanh-hóa có tiếng là thanh-liêm. Cụ vào hỏi thăm quan Bố-Chính có bài thơ rằng :

Vì con sơ-sỹ (1) phải khuyên con,
Tuổi tác mà không ngại nước non.
Mong được hiếu trung là thuốc khỏe,
Nào nài chung-đỉnh mới mùi ngon,
Tiết xuân thấy cỏ đương đầm thắm,
Đường liễu nghe chim những véo von.
Ai hỏi vì sao nay được thế ?
Vì rằng thi lễ, nếp nhà con.

Khi cụ trở về các ty-thuộc dinh quan Bố-Chính có tiễn bài thơ rằng :

Vừa nghe chân hạc, thoát qua đèo.
Dịp liễu cành ngô, động gió reo.
Bể bắc thơm lừng hơi phượng đỗ,
Giời nam đỏ rực bóng sao kiêu. (cao)
Trong sân tử-tiện đàn râm rả,
Ngoài quận Hà-đông ngựa vắng teo.
Đường tổ (4) bây giờ nâng chén biệt,
Mấy hàng hoa cỏ ráng trông theo.

Năm Nhâm-thân Tự-đức thứ 25 (1872) cụ đã sáu mươi tám tuổi, quan tỉnh Nam-định dâng sớ xin cho cụ làm Thương-biện tỉnh-vụ, cuối năm ấy cụ có bài thơ mừng tuổi rằng :

Sáu tuần chín lẻ, tuổi giời thêm,
Năm mới mừng thầm, thức rậy đêm.
Chót-vót nam-sơn coi vẫn vững,
Vẫy-vùng đông-hải lúc này êm.
Nhà nho giữ lấy nghề nghiên bút,
Sân quế tưng bừng vẻ áo xiêm.
Năm đến bảy mươi xin trí-sỹ,
Thăng bình gặp hội để mà xem.

Năm Quí-dậu Tự-đức thứ 26 (1873) ngoài Bắc-kỳ việc giao-thiệp đang khó

khăn, nhà vua có chỉ ra, cho cụ làm Tuần - phủ Nam - định, nhưng vì đường ngạnh-lộ, mạnh-lệnh của Triều-đình chưa ra đến nơi, mà tình-thế tỉnh Nam - định đang lúc nguy-cấp, cụ phải chiêu-mộ sỹ dân lập đồn ở ngã ba sông Lục-bộ và cắm kè ở dưới lòng sông; vì thế yếu đồn bị vỡ, cụ toan deo mình xuống sông, để lấy một cái chết mà đền ơn nước, nhưng quân-sỹ hết sức cứu cụ lên, lại kéo quân vào làng Yên-hòa đóng đồn ở đó, tìm cách chống giữ, ít lâu đồn lại phải vỡ, cụ chạy vào đất Trường-an tỉnh Ninh - bình, gần đấy có động Liên - hoa, cụ làm nhà ở đó để nương náu qua thời, một đôi khi ngâm thơ, câu cá cho đỡ buồn, lúc ở trong động có làm những bài thơ sau này :

Bên thần, bên phật, giữa thời ta,
Thần phật trong lòng chẳng phải xa.
Thành kính mới nên cầu Đế-thích,
Từ-bi nào phải niệm Di-đà.
Lầu son, cửa tía nhường cho trẻ,
Nước biếc, non xanh bạn với già.
Ai có hỏi nhà quan Học-sỹ,
Bên thần, bên phật, giữa thời ta.

Hai bài Tứ-tuyệt nữa (BỐN CÂU)

I

Ta chẳng trêu ai, chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về nghỉ động Thiên-thai.
Thiên-thai chỉ có non cùng nước,
Non nước vui chơi, gác truyện ngoài.

II

Một bó cần câu tới thạch-bàn,
Cá tuy không được, vẫn ngồi gan.
Dù ai nom giỏ, cười không cá,
Không cá, nhưng ta đã được nhàn.

Động Liên-hoa này ước chừng hai mươi mẫu ruộng, chỉ có một lối vào, trước chưa có ai ở, khi cụ ở đó có giồng nhiều sen, nhân mới gọi là tên thế, nay còn đền thờ, khi quan thám-hoa Vũ - phạm - Hàm lên thăm động ấy có đề thơ rằng :

華閭城外蓮花洞。
Hoa-lư thành ngoại, liên-hoa động,
花以人香洞更幽。
Hoa rĩ nhân hương, động cảnh u.
大局未完能一戰。
Đại cục vị hoàn năng, nhất chiến,
名山有主足千秋。
Danh sơn hữu chủ, túc thiên thu.
辰難子弟習戎馬。
Thời nan, tử đệ tập nhung mã,
事去江湖老釣舟。
Sự khứ, giang hồ lão điếu chu.
今世已無隱君子。
Kim thế rĩ vô ẩn quân - tử,
石盤書架水空流。
Thạch bàn, thư giá, thủy không lưu.

Bài thơ này tinh thần chữ Hán rất hay, tôi đây chỉ xin lược dịch đại ý mà thôi.

« Ngoài kinh Cổ-việt, động Liên-hoa,
« Trong động hồi xưa vẫn có nhà.
« Mặt trận gươm thiêng lòng giãi tỏ,
« Nghìn năm bia tạc chữ không nhòa.
« Sông pha chịu khó, thời đương khó,
« Nương náu cho qua, việc đã qua.
« Động-chủ ngày nay đâu vắng tá,
« Nước non man mác bóng dương tà.

Năm Giáp-tuất, Tự-đức thứ 27 (1874) tờ hòa - ước đã ký xong, nước Pháp giả lại bốn tỉnh ở Bắc-kỳ cho Triều-đình nước Nam quản trị. Vua nhớ đến có dụ hỏi hiện nay cụ ở đâu, các quan tâu rằng hiện đương ở động Liên - hoa, nhà vua có ban cho kim - tiền, cùng được - phẩm, và dụ cho về quê hương cũ, khi về thì dân làng nhà cửa bị xiêu tàn hết cả, dâng sớ xin về trí-sĩ, nhân tiết thọ thất - tuần các nơi có đưa nhiều câu đối hay, nhưng xin kể vài câu như sau này :

Câu đối của các quan triều-thần :

天遺一老難沉水。
Thiên di nhất lão nan trầm thủy.
帝軫孤臣亦賜金。
Đế chẩn cô thần riệc tứ kim.

Nghĩa là giời để sót người cố-lão, nước khó chìm,
Vua thương kẻ cô thần cũng cho vàng.

Câu đối của cụ Phó-bảng La-Ngạn :

未嘗畎畝忘天下。
Vị thường quyến mẫu vong thiên hạ.
不覺年花到七旬。
Bất giác niên hoa đáo thất tuần.

Nghĩa là: chửa từng lấy ở chốn quyến mẫu mà quên việc thiên-hạ, chẳng ngờ niên-hoa đã đến bẩy mươi tuổi.

Cụ chẳng những có văn-chương tiết-nghĩa mà thôi, lại chăm về đường kinh-tế nữa. Cụ thấy nước ta về miền bể còn nhiều đất bỏ hoang, mà nhân-dân thời nhiều người cùng túng, mới dâng sớ xin chiêu dân lập ấp, khẩn một giải đất gần bể; một bên là huyện Kim-sơn, một bên là huyện Tiền-hải, đặt ra mấy trại gọi là tổng Sỹ-làm thuộc phủ Nghĩa-hưng tỉnh Nam-định.

Từ Tam-đăng xuống đến tổng Sỹ-làm ước chừng một ngày, phải đi thuyền mới tiện. Một đôi khi cụ xuống xem nhân dân cầy cấy, gặt lúa, dễ di nhàn, có một buổi đi thuyền có người cháu còn ít tuổi theo hầu, gặp giời mưa người cháu tức cảnh một câu rằng :

Mưa bay, gió thổi, giời như lệch,
Nước chảy, thuyền trôi, nước cũng đi.

Cụ chẩy nước mắt mà nói rằng: Chúng con sau này phải nhiều nỗi gian-chuân lắm.

Khi về giời quang mây tạnh, thuận gió xuôi buồm, cụ có bài ca rằng :

Thẳng buồm cho xuống Sỹ-làm,
Trước tham đồng lúa, sau thăm đồng-điền,
Tham rồi lại trở xuống thuyền,
Thuận buồm xuôi gió, về miền Tam-đăng.
Theo hầu cũng có đôi thằng,
Khi vui nó hát sùng sằng cũng vui.

Năm kỷ-mão, Tự-đức thứ 32 (1879) cụ thọ được 75 tuổi thời mất, khi cụ mất, ở trong nhà chỉ có mấy tủ sách mà thôi, không có vật gì là của riêng cả, ít lâu mấy ông con đều theo cụ mà mất, chỉ còn ông thứ năm Phạm-Phổ còn ở lại, song cũng không ra làm quan, chỉ ở nhà giảy học, cũng giảy được nhiều danh-sỹ mãi đến năm Mậu-ngọ Khải-định thứ ba (1918) mới mất, các hàng con cháu về đường Hán-học nhiều người chữ tốt văn hay, về đường tân-học thời chưa có ai.

Than ôi! thời giờ thay đổi, dâu bể biến rời, người Nhật-bản bình luận Quốc văn sử-ký có nói rằng: « có việc trăm nghìn năm về trước lấy làm phải, mà nay lấy làm trái, ấy thường nhiều là theo cái công-lệ tiến-hóa của nhân quần » vậy công việc cụ Phạm-Nghị làm hồi bấy giờ, nay hoặc cũng có người lấy hai chữ thức thời mà sinh ra mối nghị-luận, nhưng không biết rằng cụ cũng tùy theo cái thời-kỳ, cái địa-vị cụ ở, mà làm hết bộn phận đó thôi, có biết đâu mai sau ra thế nào, các nhà ngôn-luận thường cho những việc người xưa làm là trái; có chắc việc ngày nay làm mai sau ra sao không? Đối với người đã qua phải nên lấy mình để vào thời-kỳ ấy, địa-vị ấy mà suy xét phán-đoán mới ít khi xẩy ra điều sai nhầm, tôi xin lấy cái thiển-kiến bạc thức phô bầy diễn ra mấy lời, xin các bậc cao minh lượng xét!!

Phạm-xuân-Quang
NINH-BINH

固有之良能矣。
1·) Cố hữu chi lương năng thủy phát
Nghĩa là: Cái lòng lương nạng vẫn có phát hiện ra.

陰寒之草木皆春。
Âm hàn chi thảo mộc giai xuân
Nghĩa là: Những cây cối chốn hang sâu rừng tối đều có cảnh xuân.

2·) **Tuế hàn**: Năm muộn thời-tiết rét, vì cụ đỗ vua có câu thơ rằng:

愛爾歲寒松栢節。
Ái nhĩ tuế hàn tùng bách tiết

3·) **Sơ sỹ** 初仕 Mới ra làm quan.

4·) Đường tổ, chữ nho là tổ đạo 祖道
Nghĩa là: Ai đi xa phải tế thần tổ-đạo mới đi.

Chớp ảnh "câm" và chớp ảnh «nói»

Những phim ảnh biết nói đã bắt đầu quay ở sứ ta, vậy ta cũng nên biết xem trong đó nó làm sao mà nói được. Kể ra thì ba tiếng « chớp ảnh nói » không đủ nghĩa mà không thật đúng, song là những tiếng thường dễ nói, dễ hiểu, ta đem dùng có nhẽ tiện hơn là mấy chữ tầu khó đọc.

« Chớp ảnh nói » thật ra không phải là một thứ máy lạ, người ta mới làm ra trong một năm ngoái hay một năm nay đâu. Kỳ đấu sảo thế giới năm 1900 đã có người bầy một bức ảnh biết nói. Ông thủy-tổ phim nói ấy bây giờ đã chẳng ai nhớ tên rồi.

Vào khoảng năm 1910 ông Louis Gaumont chế ra một thứ máy chớp ảnh và nói, hai bộ chạy gióng đôi. Ít lâu sau ông lại theo cách sáng tạo của ông Augustin Lauste mà in được tiếng nói vào một phim thứ hai chạy đều với phim ảnh. Cái cách đó thật là một phép « chụp ảnh tiếng nói».

Ít lâu nữa nhà bác-học Hoa-kỳ là ông Lee de Forest sửa lại phép trên này. Ông không phải dùng giây phim thứ hai, ông chụp ngay tiếng nói vào chỗ bên cạnh phim ảnh. Như vậy thì chỉ có một phim mà vừa ảnh hình vừa ảnh cả tiếng nói, việc đã tiến-bộ hơn cũ nhiều.

Xem vậy thì phim ảnh nói cũng như tầu bay, xe máy và tất cả các máy khác, không phải là ở óc một người mà ra đủ được.

Phim ảnh nói được đem ra thực hành cho khách xem là từ năm 1926 vừa rồi đấy thôi. Anh em ông Warner ở hiệu Vitagraph thấy cơ hãng mình thua lỗ mới có cái ý kiến cải lương nghề chớp ảnh. Sẵn phim ảnh « Anh chàng đẹp trai » gần song, các ông làm thêm mấy đoạn « nói », các ông in tiếng vào đĩa hát thường rồi để sau màn trắng, cho chạy gióng với phim ảnh. Thấy trò mới, người xem cũng đông, song cũng chẳng ai mê thích cho lắm. Đến phim thứ hai thì không còn ai lãnh đạm được nữa. Lớp sóng cuồn cuộn phá tan cả phép tắc cũ; toàn tỉnh Los Angelès như một luồng điện giật sô nhau thực hành phép mới, tranh nhau vào các trường Đại-học, rước các vị điện-học thiếu-niên ra, sếp các đèn, các máy cũ lại; sắm giây, mượn người mới, hình như một cuộc thi nhau ai nhất trong nghề mới vậy. Tiền Mỹ hàng triệu đổ ra, không trách nghề ảnh mới tiến bộ hơn chiếc xe trăm mã lực.

Ba năm sau các nhà chế phim đất Pháp mới đủ đồ dùng, mà những phim ảnh như phim « Bức thư » có cô ả Thế, bây giờ mới sắp lên màn chớp.

Hai phép nói trên này ta cũng xét qua cho biết.

1· Cách thứ nhất là cách dùng đĩa.

Những loa truyền lịnh cùng đèn điện ngọn than phải sếp lại. Ngay trước chỗ quay « phim câm » ồn ào như cái chợ, bây giờ nơi quay « phim nói » lại lẳng lặng như tờ. Kể ra trò cùng người quay máy chỉ lấy tay làm hiệu chớ không giám thở mạnh, sợ loạn tiếng. Bộ máy quay phim thì phải nhốt vào cái chuồng thủy tinh, bàn máy in đĩa « nói » phải kê vào cái buồng cửa ken năm lần kính. Gần chỗ người ra trò để một cái ống truyền thanh có giây điện chuyền đến phòng in « đĩa ». Phim và đĩa phải cùng chạy: phim thì chụp hình, đĩa thì in tiếng. Phải dùng thứ đĩa rộng để cho mỗi quấn phim độ 300 thước tây vừa một đĩa cho tiện.

Đến khi đem ra chiếu thì để máy hát vào cạnh máy chiếu ảnh, buộc hai cái với nhau cho chạy đều, rồi dùng giây điện truyền tiếng đến một cái loa để sau màn chớp ảnh. Chỉ khó có một nỗi là ánh sáng thì bao giờ cũng chạy nhanh hơn tiếng nói; vì vậy phải gióng thế nào cho trong ảnh cái mồm người vừa há ra là tiếng nói ở cái loa cũng vừa đến tai khách đi xem mới được

Như thế thì ra phim ảnh cùng đĩa nói tuy hai đường mà phải giống cùng nhau, phép làm cũng giản dị.

2· Cách thứ hai dùng một phim thôi.

Cách trên chỉ là một phép khéo sếp máy. Đến cách này mới thật là dùng khoa-học.

Cách này giản dị hơn nhiều là vì chỉ dùng một giây phim thôi, mà vừa ảnh vừa tiếng được. Khi chụp vào đã dễ dàng mà khi chiếu ra cũng dễ dàng nữa. Khi chụp cũng làm như cách trên, chỉ khác là tiếng nói không truyền vào buồng riêng để in ngay vào đĩa, mà truyền ngay vào sau chiếc máy quay phim, để in ngay vào trong phim, bên cạnh ảnh. Tiếng-nói dung-động (vibrations sonores) qua một chiếc máy nhỏ, hóa thành ánh-sáng dung động (vibrations lumineuses), in vào phim, rõ ra những vạch mặn nhạt khác nhau. Cũng như phép trên, tiếng nói phải in trước hình độ 20 bức ảnh thì đến khi chiếu ra mới đều được.

Đến khi chiếu ảnh thì phim ảnh không những phải qua kính chiếu, mà phải qua quãng giữa hai chiếc đèn nữa. Một chiếc là đèn thường để chiếu những vết in trước ra ánh-sáng dung-động (vibrations lumineuses), một chiếc là đèn điện-ảnh để làm cho những ánh-sáng dung-động ấy lại hóa ra tiếng dung-động (vibrations sonores), rồi những tiếng ấy qua một chiếc máy nhân cho to và đem đến cái loa để sau màn.

Nhà chớp ảnh dùng phim nói theo phép này thì chẳng bận hơn « phim câm » trước kia tí nào cả.

Cứ như bây giờ thì « phim ảnh nói » chưa được tốt lắm, song sự cạnh tranh lám cho tiến bộ rất nhanh, nhanh đến nỗi rằng các nhà hát đã phải lo. Tấn tuồng rồi mà thu cả vào một cuộn phim bỏ túi đem hết tỉnh này ra tỉnh khác được, thì đào kép nhà nghề rồi đến cái lo thất nghiệp mất. Hai thành phố Hanoi và Haiphong rồi cũng chẳng phải tốn kém chung lưng nhau mà mướn đào kép tận tây sang.

Cái đó chưa biết chừng, chỉ biết rằng « phim nói » bây giờ làm một cuộc cách mệnh to quá ở các kinh-đô phim. Sắc đẹp, da ăn ảnh, không đủ kiếm tiền nữa; cô đào cậu kép lại phải biết đàn biết hát mới mong có việc làm. Các « ngôi sao câm » đã giần giần sẽ bóng, mà các « ngôi sao nói » đã lấp lố đầu non. Hoa phải nói, cuộc cách mệnh đang đùng đùng.

Tuy vậy mà không phải « phim câm » đành tịt mít đâu. Các người muốn để cho giây phim nó câm như Charlot đã hùn một cái vốn vài mươi triệu để đàn áp cuộc cách-mệnh của « phim nói ». Mà còn nỗi ngôn ngữ bất đồng, phim nói với người Anh, người Pháp, đã là phim nói với mình đâu; cái nỗi này thật cũng ngặt cho « phim nói.» Hoặc giả các phim sau này sẽ nói cùng một thứ tiếng thế-giới chăng.

Ở thời này phim ảnh là mỗt cái sức rất mạnh rất to, ta chớ nên bỏ qua không sét đến.

Tô-Điền

NAM - MAI

80, phố Hàng Riệu **Nam-định — Tonkin** *Giây nói số : 53*

Bán xe đạp, xe nhà, đồ phụ tùng về xe, các đồ sắt.

Một hiệu to nhất tỉnh Nam. Có hiệu nhánh ở Thái-Bình nữa,

CÁI VẤN-ĐỀ PHỤC-SỨC

ở nước ta ngày nay

Trong Tạp-chí số 22 ông Đ. V. nói đến sự ăn mặc xa hoa của các bạn nam nữ thiếu-niên ta bây giờ. Luận-giả xin nhân đó mà bàn rộng ra tưởng cũng là một vấn-đề thiết thực vậy.

Người nước ta xưa kia tính chất còn mọc mạc, nên cách ăn mặc cũng đơn đấn, chả thế các cụ thường vẫn nói ăn lấy chắc mặc lấy bền, hè thì the đông thì đụp, xem thế đủ biết cái đời thuần-phác của các cụ ta khi xưa ung dung mà khoan khoái biết chừng nào?

Đến nay thời thế đổi thay, tiếp súc cái phong-trào Âu Mỹ, cái đời vật-chất đang mãnh tiến, nên cái thói xa hoa càng ngày thấy bành trướng, nhất là các bạn thiếu-niên nam nữ ta ngày nay hấp thụ một cách rất mau chóng. Cái phong-trào đó ta cũng chẳng lạ chi, xong chỉ lạ cho người *mình* hay có *tính* mô-phỏng cái hình-thức bên ngoài, mà a-dua theo đuổi, đến nỗi người ta đã bảo mình là chỉ có cái « văn minh vỏ »

Luận-giả xin sét qua cái lối ăn mặc của ta trong 20 năm tới đây, thay đổi một cách cũng mau chóng lắm. Như ngày trước cái bộ quần áo cồ là, chỉ riêng cho những hạng anh bồi anh bếp dùng, mà rồi dần dà những người đứng đắn cũng dùng cả; còn như các bạn nữ-lưu thì cái mốt ô đầm giầy cườm, trước chỉ có các me, các thím dùng, mà nay đến các bậc khuê-các cũng thích dùng cả. Trước trông còn chướng mắt khó coi, sau trông quen cũng cho là đẹp hết.

Cái đẹp đó kể ra cũng không có gì là bằng cớ, chỉ ở con mắt và cái tính a-dua đó thôi. Nhưng khốn cho con mắt người đời lại mỗi lúc mỗi khác, trước thì ghét sau lại ưa, trước thì chê sau lại khen, không có bao giờ là định đoán cả.

Thôi cái đó cũng là một cái thói quen không có chi là đáng trách, nhưng chỉ cái thói xa hoa kia là đáng nên lo sợ, ta nên hô hào các anh em chị em nên mau mau tỉnh giảm đi.

Luận-giả bàn đây, chắc không khỏi có nhà phản đối lại rằng, hiện nay đang buổi gặp cái phong-trào mới, tinh-thần và vật-chất cũng theo thời mà tiến-hóa, không thể cứ thủ cựu mãi được.

Vâng, câu phản-đối đó cũng phải, vì có tiến-hóa mới có văn-minh, là cái lẽ tự-nhiên trong cuộc đời thiên-diễn.

Luận-giả nói đây không phải là lại muốn trở lại cái đời cồ nón sơn úp ngực, cồ yếm đeo bùa ấy đâu? Chỉ mong các bạn nam nữ ta bây giờ nên hấp thụ lấy cái tinh-thần cao-thượng của người, chứ không nên học lấy cái hình-thức phù-hoa, bớt thói xa hoa đi, ăn mặc cho nhũn nhặn, trước là cho vừa con mắt mỹ-quan, sau là cho thích hợp với phép vệ-sinh là được.

Nếu mà ta còn cứ đua đuổi mãi sự trang sức, e rồi có hại cho phong-hóa và cả nền kinh-tế nước nhà nữa. Cái hại đó thật không phải nhỏ. Như một ông đi làm lương bổng đã không được bao nhiêu, mà cũng đua anh em giời nắng mưa thì giầy nọ giầy kia, mùa nực rét cũng mũ này mũ khác, đến nỗi hết tháng hết tiền, đeo vào công nợ, cái nguy cơ quấn bách hiện ngay trước mắt; có lẽ cái hại ấy bây giờ lại còn tệ gấp mấy khi trước về cái lo giải lưng tốn vải.

Còn đến các bạn nữ-lưu ngày nay chưa làm nên công cán gì, còn ăn bám vào lưng cha mẹ, mà cũng khăn sau quàng cổ, ô đầm cầm tay, tức là cái hạng ta đã tặng cho tên "Tân-nhân-vật," thì cái « mốt » đó đã làm hao tổn cho cha mẹ biết bao là mồ hôi nước mắt. Ấy cái cách ăn mặc trai lơ, vẻ khuê-kiều đã nhuộm lẫn mầu hoa-liễu, đến nỗi vàng thau lẫn lộn, vết

giang-hồ đã bôi nhọ mặt trâm - anh. Mà càng trang-sức bao nhiêu, thì lại càng thêm mãi cái thói dâm đãng bấy nhiêu, liễu ngõ hoa tường, trong dâu trên bộc, càng ngày càng thấy sẩy ra nhiều. Trong kinh Dịch có câu: "giã dong hối giâm 冶容誨淫" nghĩa là càng trang sức cho đẹp càng dễ gợi cái mối dâm tình. Đó là cách phục - sức xa - sỉ có hại đến phong-hóa là thế.

Những đồ phục-sức, ta chưa có đủ mà dùng, sau nữa ta lại có tính tham thanh chuộng lạ, không thích dùng những đồ nội-hóa, nên nhất nhất dùng những đồ ngoại-quốc đem đến, cái số tiền tiết lậu ra ngoài, một năm không biết bao nhiêu mà kể. Thành ra nước càng ngày càng nghèo, dân càng ngày càng quẫn, có hại cho nền kinh-tế nước nhà là thế.

Vậy các anh em chị em đồng-bào ai là người đã nhiễm cái thói xa hoa, ai chưa nghiễm cái thói xa hoa, cũng nên mau mau cảnh tỉnh lẫn nhau, bớt những thói xa hoa ấy đi, kẻo nữa nước nhà đương lúc phong-hóa suy đồi, sinh - kế eo hẹp, nghĩ thực đáng lo cho tiền - đồ Tổ-quốc, khó lòng mà mưu tiến-thủ cùng người.

Luận - giả xin nhắc lại câu của Cổ-nhân nói: "服之不衷身之災也 phục chi bất trung, thân chi tai dã" nghĩa là ăn mặc không hợp với nhân cách mình, là cái tai vạ cho mình»; và câu: "衣服稱其德 y phục sứng kỳ đức" nghĩa là ăn mặc cho sứng cái đức của mình; câu tục-ngữ của ta: *tốt danh hơn lành áo*; và câu trong sách tây: *La coquetterie est un défaut coûteux* » nghĩa là cái sự trang-sức là một thói sấu tốn tiền.

Mong các bạn nam nữ thiếu - niên ta nghĩ lại, mong lắm!!

CHU - CANH PHAM - DINH - KY

Cái chí làm giầu của một nhà Giáo - sư bên Mỹ.

Vừa rồi ở bên Mỹ có một nhà triệu phú ông Dorrence mới qua đời. Ông là một nhà cựu giáo-sư ở trường Đại-học.

Sau khi ông mất, ông còn để lại cho con cháu nào những nhà máy lộng-lẫy, nào những cửa hàng cao-lâu rực rỡ. Những cái của cải đó, nếu cứ trông vào những lúc ông còn ở trong giáo-giới thì tài nào kiếm được, cái nghề « Gõ đầu trẻ » có phải là nghề làm giầu được đâu!

Nguyên lúc ông còn sinh-thời, chí ông chỉ chăm nghiên-cứu về hóa-học. Đến sau khi ông nghỉ việc giậy học, ông liền xếp bút nghiên mà tình nguyện xin vào làm thợ trong một nhà máy làm những đồ hộp: nào ướp thịt, ướp rau, ướp các thứ quả. Đây chính là cái thời-kỳ mà ông đem cái sực học nghiên-cứu ra thực-hành.

Thực ông đã cao hơn người một bực, không lấy cái tiếng « bác phó » làm hèn.

Hồi bấy giờ ở bên Mỹ các đàn bà rất ham dùng các thứ đồ hộp, vì rất tiện cho sự làm bếp. Đó là một dịp may cho ông làm giầu. Sau ông còn nghĩ cách ướp cháo để dùng trước khi ăn cơm.

Ấy cái chí làm giầu của ông, có lẽ còn gấp mấy ông Đào-Công thủo trước. (1)

Nếu mà ông cứ chôn chân mãi ở trong giáo-giới, không nghiên-cứu về khoa cách-trí kia, mà lại mang cái tâm-lý hủ bại như người mình cho là *số giầu mang đến dửng dưng*, hay là *số khó làm chẳng nên giầu*, thì đời nào ông được có cái cơ-nghiệp to tát, mà con cháu ông bao giờ được hưởng cái gia-tài ấy.

Ấy một ông giáo-sư như thế, trăm nghìn ông giáo-sư cũng như thế, không trách nước Mỹ trở nên một nước giầu nhất hoàn-cầu.

Đó cái gương làm giầu của nhà giáo - sư nước Mỹ, mong đồng - bào ta ai để tâm về thực-nghiệp nước nhà nên lấy đó soi chung.

CHU - CẢNH

(1) Ông Đào-Công ở về đời Xuân-thu, tức là ông Phạm-Lãi.

Bài ký « Thú chơi Nghĩa-đàn »

Tôi nay là khách *Nghi-Hồng* :
Dọc ngang một gánh tang-bồng trên vai.
Chí nam-nhi, đông đoài lịch lãm,
Cánh hồng bay muôn dặm quan-san.
Tới đây là hạt Nghĩa-đàn,
Rừng xanh núi rậm đại-ngàn là đây.
Kho cảnh-vật chứa đầy mọi thức,
Ngắm phong-quang như bức họa-đồ.
Có non núi, có sông hồ,
Trăm mầu hoa thảo, bốn mùa gió giăng.
Đất *Tri-chỉ* là lăng trú ngụ,
Người thanh-tao gặp thú thanh-tao.
Bốn bề non nước quanh bao,
Nước trong suốt đáy, non cao ngất giời.
Nhân dân vẫn như đời thịnh trị,
Trong trẻ già có kỷ có cương.
Người chất phác, tính thuần lương,
Sinh-nhai cũng đủ mọi đường ấm no.
Đời đua tranh cơ-hồ chưa biết,
Còn như xưa giữ nếp cha ông.
Chỉ vì nỗi chậm khai thông,
Khác nào mây phủ mấy vùng núi non,
Nghiệp giảng-tập đương còn rẻ rúng,
Chăm cầy bừa chẳng chuộng văn chương,
Nhịp đâu may mắn lạ thường,
Hang cùng mới bén hơi dương từ giờ.
Thầy vui tính (1) học trò cũng mến,
Niềm tương-thân kịp đến người dưng.
Thấy ai, ta cũng vui mừng,
Thấy ta người cũng ra chừng kính yêu.
Việc giao thiệp mọi điều thỏa ý,
Sự cao-kỳ dám nghĩ gần xa.
Bốn phương nào khác một nhà,
Cũng trong bọc trứng con bà Âu-Cơ.

Khi thong thả câu thơ, tập báo,
Cùng anh em đàm đạo mua vui.
Có khi bàn bạc sự đời,
Bi ca khẳng khái cảm loài tình chung.
Cũng có lúc cắc tùng nhịp trống,
Mượn phong tình hi lộng cổ kim,
Phải điều dạ chuột lòng chim,
Tâm nầy đã có bóng thiềm cùng soi.
Cũng có lúc theo người cất chén,
Rượu nghề-ngà dọng bén hơi men.
Nói phô giẹp cả thánh hiền,
Đất trời cũng nhỏ thần tiên cũng vừa.
Trên tóc bạc dường ưa khách trẻ,
Dưới đầu xanh cũng nể người ngay.
Tiệc vui mấy lúc sum vầy,
Nửa say chén rượu nửa say bụng người.
Cũng có lúc vào nơi rừng núi,
Cắp giáo giài cùng tụi phường-săn.
Trống chiêng rầm-rột xa gần,
Khác chi dong duổi hươu Tần (1) vui thay.
Cũng có lúc trời tây bóng xế,
Họp năm mười tử đệ cùng đi.
Theo đường thẳng bến sông Nghi (4)
Thú vui tắm mát, vịnh thi cùng về.
Cũng có lúc canh khuya thưởng nguyệt,
Ướm Hằng-nga muốn kết giây đồng.
Dẫu rằng mặt cách ngàn trùng,
Xa xôi xin gởi tấm lòng cho nhau.
Cũng có lúc bên cầu hóng mát,
Ngọn gió đưa bát-ngát mùi hoa.
Đoàn chim bay lại bay qua,
Nước tuôn róc-rách như xa như gần.
Cũng có lúc dạo chân đồng nội,
Xem ruộng nương cày cối hoa-mầu.

Xem bầy mục-tử chăn trâu,
Xem cô thiếu-nữ hái dâu bên đường,
Các chị em cũng từng quen biết,
Khách thiếu-niên ả Nguyệt càng ưa.
Gặp nhau ai nỡ hựng-hờ,
Khi lên tiếng hỏi, khi đưa dọng chào.
Dầu lềnh-loảng như ao nước lã,
Nhưng lòng tầm vốn đã vương ti.
Cảm tình o nhỏ, o ky, (2)
Xông pha buổi lạnh, đi về đêm sương.
Ngón đàn phách nhịp nhàng cung bực,
Lựa tiếng vàng ca khúc nhạc tiên.
Cảm tình o Bện, o Duyên,
Khi qua khi lại con thuyền chèo ngang.
Thoạt trông thấy vội vàng đón rước,
Chẳng lấy đều nốc-nước kêu la.
Mặc ai suy đoán lòng ta,
Tình kia bất quá cũng là « tình-suông » !
Trên lưng ngựa ngày thường dong ruổi,
Định tập-tành chờ buổi phong-vân.
Dọc ngang giữa cõi hồng trần,
Khi lên nước tế khi quần nước xăm.
Cũng có lúc vào thăm xứ lạ,
Qua mường Thanh tới cả mường Thung, (3)
Thực là thủy tịch sơn cùng,
Ngắm xem phong-cảnh lạ lùng mà say,
Quanh bốn bề khói mây man mác,
Bụng mơ-màng lạc bước Đào-nguyên,
Có vân hạc, có lâm truyền,
Xem trong cõi tục một miền Bồng-lai.
Xem nhân dân, tính người trung hậu,
Lề ở ăn còn dấu cổ phong,
Thực là xã-hội đại-đồng. (4)
Cùng chung no ấm cùng chung vui buồn.
Nghiệp trị-sinh khai nguồn phá động,
Tịch rừng hoang, mở rộng đất hoang,
Thung dung một giấc Hi-Hoàng,
Xa miền bụi tía, ẩn làng non xanh.
Thấy khách lạ người nghinh, kẻ tiếp,
Cũng may thay có nhịp vào chơi.
Lân-la trò chuyện vui cười,
Chủ chuyên vò rượu (5), khách ngồi cầm thơ.
Tình khứ lưu ra về bỡ-ngợ,
Khuất chân đèo ngảnh cổ còn trông.
Xiết bao cảm khái não nùng,
Tấc riêng riêng hẹn tao-phùng mốt mai.
Khắp đâu đó quen người quen cảnh
Bước giang-hồ đủng-đỉnh ngao-du.
Thảnh-thơi thơ túi, rượu bầu,
Tiêu-dao non nước bạn bầu gió hoa.
Tai từng nghe tiêu-ca dạ-địch,
Mắt từng trông thủy bích sơn thanh.
Nghĩ mình cũng thỏa chí mình,
Có nơi gửi được cái tình là cam.
Tuy chưa phải Kỳ-nam thiên-hạ,
Nhưng trên đời hỏi đã mấy ai ?
Lời quê góp lại một bài,
Chép qua cho biết thú chơi Nghĩa-đàn.

Anh - Giáo

---

(1) Ngày xưa có câu, nhà Tần mất con hươu, thiên-hạ đều cùng đuổi bắt.
(2) Chữ O nghĩa là cô (*tiếng Trung-kỳ*).
(3) Ở xứ này có hai thứ mường.
(4) Xã-hội mà loài người ăn chung, ở chung, coi nhau như anh em, không giai cấp, không phân biệt giàu nghèo.
(5) Uống rượu cần.

MỘT Ý KIẾN VỀ VĂN THƠ

Một hôm bàn về phong tục vạn-quốc, bạn tôi có nói truyện rằng : «Người Tây họ cho dân Việt-Nam mình là sính văn thơ, những kẻ sinh nhai về nghề văn tự không kể, đến ngay như đứa trẻ con chẳng hiểu thơ từ là gì, mà hàng ngày cũng ngâm đọc như iếng hót, vì khi mới biết nói, cha mẹ chúng nếu có biết chữ, là thế nào cũng đã giậy truyền khẩu cho chúng thuộc lòng dăm bài thơ cụ Lý-Bạch, hay mươi bài thơ cụ Đỗ-Phủ rồi. Một dân tộc chuộng về đằng hư-văn hơn thực-tế như vậy, muốn chiếm địa vị ưu thắng trong trường vật cạnh thiên trạch này thế nào được.»

Thoạt nghe câu nói ấy tôi không khỏi không động lòng vì nó đã chúng vào tâm bệnh của tôi vậy.

Ngay từ độ 12, 13 tuổi tôi đã có tính yêu thơ, hàng ngày trong những giờ nghỉ học, sở văn sở kiến hoặc có bài nào cho là hay, thì liền cầm bút chép ngay vào quyển vở riêng, câu nào không hiểu, đem hỏi cha anh trong nhà, rồi lúc thong thả đem ra ngâm chơi, cho là một thú thanh-tao trong tuổi niên thiếu, sau nhớn lên hiểu qua được âm-luật, mới tập làm thơ, gọi là thơ cũng quá đáng, có lẽ nó chỉ là văn xuôi sếp thành vần. Tuy biết rằng không đời nào hay được, song những khi trăng tối mưa mai, ngọn đèn cuốn sách, ngày xuân tháng hạ, giọng cuốc tiếng canh, hoặc cảm súc về thân thế, hoặc mơ tưởng về tiền đồ, thường mượn làm một vật tiêu sầu để di dưỡng lấy tính tình.

Nay cứ như câu truyện của bạn tôi nói thì cái nguồn gốc hèn yếu của người mình cũng một phần là bởi tại đó. Mình đã là một phần tử của tổ-quốc, thấy điều dở tự mình có, lẽ lại không biết cải cách đi sao. Ôi! Hậu-đình-hoa đã là một khúc vong quốc, bên sông Tần-Hoài bọn Thương-nữ còn hát xướng não nùng làm chi! Song xét cho kỹ, thơ văn có phải quả là làm hại người nước mình không? Cái khí hùng tráng, cái giọng khẳng-khái bi ca như những bài thơ tự thán của cụ Phạm-Ngũ-Lão, cùng những bài văn-tế tướng-sĩ của cụ Quận-Thành, có phải quả là tỏ ra cái khí-tượng vong quốc không? Hay chỉ tại một số thi-nhân bởi chất nhu nhược, đã đem cái đoản khí ấy ngâm ra thành thơ rồi truyền cái độc nhu-cảm cho đồng-bào, để đến nỗi dân Việt-Nam ngày nay thành một dân tộc kiều-nhược. Nếu như thế cũng quyết không đáng đổ lỗi cho văn thơ, mà chỉ trách những thi-nhân đã không biết làm trọn cái thiên-chức. Vậy kẻ nào đã phán đoán rằng thơ làm hại người Việt-Nam, chẳng qua chỉ ngộ nhận quả làm nhân, nhân làm quả. Anh em ta nào ai có bụng với thi văn, phải quyết làm sao phá cho tan cái nghi-án ấy.

Về vấn-đề này, muốn được kết quả mỹ mãn, cần phải đề xướng ra một cuộc thi-giới cách-mạnh, một cuộc cách-mạnh về tinh-thần, cách mạnh những cái tư tưởng yếu ớt trước kia để đưa đường mở lối cho người sau, muốn nhập tịch làng thơ, biết noi theo chủ-nghĩa chính đáng.

Còn như các nhà cực đoan chỉ chuộng rằng: phải nên bỏ hẳn thi văn đi, phải nên bỏ đứt thi văn đi, thì cõi học nghĩ đáng buồn thay, mà kẻ viết bài này vị tất đã dám cho là phải.

Câu văn non nớt, ngọn bút rông rài, hỏi ai là người cùng chung một ý.

Phương-khê-Sinh

NỮ-GIỚI TUNG-ĐÀM

(Những bài vở thuộc về bên nữ-giới)

Một thứ "cúp" (coupe) mới

Dưới trời Tây bên Pháp, có người bàn rằng:

Tưởng bây giờ cũng đã đến thời kỳ đặt ra một thứ (cúp) gọi là " cúp nội-trợ " để các bà nội-trợ-giới tranh tài. Cũng như những cuộc đá thi bóng tròn, bóng vợt vân vân . . . Bà nào khéo léo nhanh nhẹn nhất, nghĩa là ở đả kỷ lực (battre le record) thời cũng sẽ được tôn là vô địch (champion) và được giữ "cúp" trong một năm.

Khi tỷ thi đại khái có những món này:

1· Giết một con gà (vặt lông mổ ruột).

2· Nấu một món ăn thường.

3· Làm một thức bánh ngọt.

4· Vá một mụn áo.

5· Cuốc mấy luống đất giồng rau (cũng hẹn giờ như một cuộc chạy bộ.)

6· Sau hết giỗ một đứa trẻ chừng 15 tháng, trong 15 phút, sao cho nó chơi đùa không khóc.

Ấy còn bàn thế, chẳng biết bên Pháp đã thực hành chưa?

Dưới trời Đông nước Việt ta đã học người mà đặt ra, thấy lắm "cúp" thể thao; tưởng thứ " cúp nội-trợ " này, ta cũng nên học mà đặt nốt. Tuy mới học người chưa thấm vào đâu với người, mà xem ra " cúp nội-trợ " cũng đã cần có lắm đấy.

Nếu bên Pháp mới định mà chưa thực hành, ta học mót mà lại thực hành được trước, chẳng cũng càng hay lắm sao?

SON-HAI TU

Thi đàn giảng tập

SÚC CẢNH HỒ GƯƠM "*mùa thu*"

Bài thơ đây đã đăng ở số 21, Tác-giả tự nói là (một người con gái ở thôn quê qua thăm Hanoi mà cảm vịnh,) nay diễn giảng như dưới.

Cứ như lời và nghĩa trong bài, thời hai chữ «mùa thu» chua ở đầu đề, nên thêm một chữ «*đêm*» ở trên, là «đêm mùa thu.»

Hai câu **phá, thừa**: câu thứ nhất có vẻ bát-ngát; câu thứ hai rất là rung-rinh! Duy như một chữ « *nét* » đứng *thứ năm* ở câu thứ hai, đặt điệp chữ mà chưa thấy tỏ được tình-tứ. Chữ ấy ý tôi muốn đổi là chữ « ánh, » nghĩa là *ánh sáng* của cái *nét sóng*, như thế có lẽ là sành hơn và mới có sinh sắc, lại chiếu xuống câu dưới «*Lấp-ló chị Hằng phô bóng bạc,*» thực vẽ ra một bức tranh trên giăng dưới nước vậy. Vậy thời câu ấy nên đặt là:

Gợn nét thu - ba ánh rập - rềnh.

Song câu thơ như thế, thực quá là tình-tứ! không dám chắc Tác-giả có quả là «một người con gái ở thôn-quê» hay chăng?

Hai câu **tam, tứ**, cũng rất là tình-tứ. Song như câu trên thời thật hay! Câu dưới muốn đặt theo như câu trên mà sức không nổi. Vì sao?

Phàm những chữ tên riêng (nom propre) mà có dùng quen trong văn thơ, như chữ « *chị Hằng,* » vậy là có điển-tích tự cổ.

Nguyên xưa, cách nay chừng khoảng bốn nghìn năm, về đời nhà Hạ ở Trung-quốc, có vua nước Hữu-cùng tên là Nghệ, xin được cái thuốc tiên của bà tiên là Tây-vương-mẫu, uống vào thời không lại chết nữa. Vợ Nghệ tên là Hằng-nga ăn trộm thuốc ấy để uống, rồi bay lên cung giăng, ấy là « *chị Hằng* ».

Cái điển « *Hằng-nga* » là thế, cho nên trong làng văn thường dùng chữ «*chị Hằng.*» Còn như hai chữ «*di Thảo*» thời là tự Tác-giả đặt ra, chớ nguyên không có điển tích nào cả. Theo lệ thường của nhà văn, thời chữ đặt như thế không được là có giá-trị cho nên không là đủ sức để đối với hai chữ « *chị Hằng* » ở câu trên. — Lại như cỏ vẫn mầu xanh, song lúc đêm, dù sáng giăng, có lẽ không trông thấy sắc xanh của cỏ. Cho nên như câu ấy, chữ và ý đều kém, không đủ sức đối với câu trên, mà lại cũng không ứng nghĩa với nhau, như thế là không hay.

Hai câu **ngũ lục**, cũng là có vẻ thơ và cũng thấy phong-cảnh ; song như chữ "*kia*", chữ "*nọ*", thời kém công-phu lắm. Những chữ ấy làm cho câu thơ đáng có hay cũng mất hay.

Hai câu **thất, bát**, thơ có ý mà dùng chữ không sành, cho nên nghĩa thực kém. Như bốn chữ « *tiếng nước réo ran,* » tả vào cảnh ghềnh thác nào thời hay ; cảnh hồ Gươm mà tả như thế thời không được là thực. Hai chữ « *chí-sĩ* » cũng rất kém mặn-mà. Vì hồ Gươm chỉ có vua Lê là hồn, mà vua Lê thời không thể gọi là hạng người chí-sĩ được. Câu thứ tám theo ý câu thứ bảy, rất là ngự ý cảm-khái ; song tả cảnh hồ Gươm mà bảo là «*buồn tênh*», không hẳn người xem thơ ai nấy có công nhận là phải chăng ?

Cứ bài thơ của Tác-giả đó, chia từng câu mà giảng luận thời câu hay chữ kém, ý tôi thấy như thế. Lại tóm toàn bài mà nói, thời khuyết-điểm thứ nhất là không nói đến tích vua Lê ! Nghĩ như cái hồ đó, vì đâu mà nên tên ? vì đâu mà đến nay có giá-trị ? Thực nên nêu - yết lên rất quang đại trong bài thơ, mới là đúng phép làm thơ vậy.

Bài này tôi không muốn xếp lại, vì nếu tôi đứng xếp lại, thời bao nhiêu những tứ hay của Tác-giả có lẽ không hợp về phần tôi tiện dùng. Vậy xin Tác-giả cùng chư vị Độc-giả đều lượng cho ; khi nào thư-thả, sẽ xin theo cái đầu đề đây đặt riêng một bài khác.

Tản-Đà.

IMPRIMERIE NAMVIET — NGUYENTUYEN PROPRIÉTAIRE — RUE HARMAND — NAMDINH — TONKIN

● NHÀ KHÁCH-SẠN BA TỪNG ●
● TO NHẤT NAM - THÀNH ●
● CÓ BUỒNG TRỌ RỘNG RÃI ●
● SẠCH SẼ VÀ RẤT LỊCH-SỰ ●

GRAND HOTEL NAM-VIÊT

NGUYÊN - TUYÊN
DIRECTEUR - PROPRIÉTAIRE
Rue de Haiphong — NAM-DINH
TÉLÉPHONE N° 89

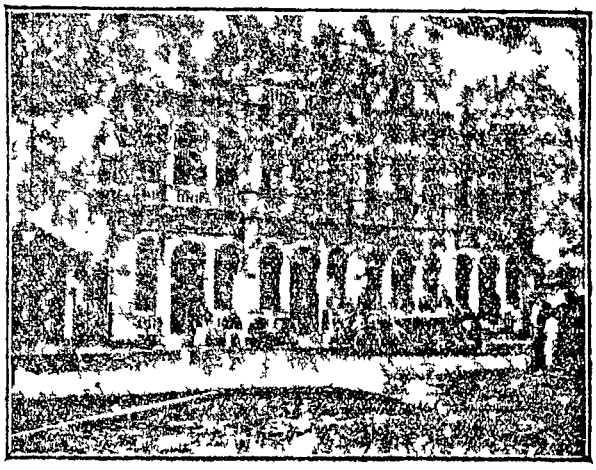

IMPRIMERIE NAMVIET — NGUYENTUYEN PROPRIÉTAIRE — RUE HARMAND — NAMDINH — TONKIN

Xã-Hội Ba-dào-ký

Răng con vật nhà tư bản.

..... Lúc ấy độ sáu giờ chiều . . . Một cái ô tô, từ đằng xa chạy lại, ánh hai ngọn đèn pha chiếu tóe đến tận chân giời. Ô tô đến trước cửa một cái nhà tây có dậu sắt, chưa đỗ hẳn thì đã thấy con chó nhẩy vọt từ trên xuống đất, ngoe nguẩy đuôi, vừa sủa vừa chồm lên hai người trên xe đương bước xuống.

Đèn xe tắt, cửa xe đóng, hai người bước vào nhà. . . Hai người đều âu phục, mặc lối đi săn, trên đôi ghệt còn bê bết những bùn, vai đeo súng, tay sách sâu chim nặng chĩu. Con chó chạy trước, vừa chạy vừa quay cổ lại, vừa vẫy đuôi, vừa ẳng.

Trong hai người đó, có một người dong dỏng cao; mặt xương xương, cứ nhận cái núi mũi cao ở dữa mặt, thời chắc chẳng phải nói, các ngài đã thừa biết là thầy ký Gồ rồi vậy.

Nay thầy đã trở nên nhà tư bản, có nhà gạch hai tầng, có ô tô bốn chỗ, thật là sung sướng. Cái nhà này, thầy mới làm xong độ ngót hai tháng, ở ngay miếng đất trong phố huyện, gần dinh Đại-lý.

... Bởi vì trong tay thầy đã có vốn to, nên thầy xin thôi việc nhà nước và soay nghề buôn. Nhưng thầy buôn gì mà chóng bốc lên giầu thế? Xin các ngài chớ vội thấy các nhà thương-nghiệp ở Hà-nội ta, mà đã vội cho thầy ký Gồ cũng chỉ có cái vỏ tư bản thôi.

Thầy ấy giầu thực đấy, vốn liếng trong nhà hiện cũng đã có vài mươi vạn, bởi vì thầy ấy buôn bán cần mẫn lắm. Có khi đi vắng hàng nửa tháng giời mới về nhà, mà mỗi chuyến đi như thế, thầy làm nẩy ra lắm tiền lắm. Cái nghề buôn ấy thật phát tài, nhưng nó khí nguy hiểm, phải thạo và gan mới làm được. Đó là nghề buôn cơm đen, tục danh là buôn thuốc phiện lậu vậy . . .

..... Hôm nay thầy có khách ở Hà-nội về chơi đi bắn.

Chủ khách vào trong sa-lông ngồi chơi. Sa-lông của thầy, bầy biện thật đúng kiểu tân-thời, mà toan đồ sang trọng dành bóng nhoáng. Tường nhà đã quét vôi xanh, lại được ngọn đèn măng-xông ánh cũng xanh xanh, cho nên cứ trông trong buồng khách ấy, cũng đủ đoán là tất ông chủ nhà là một tay sành lắm.

Người đời ai được lúc phú-quý cũng hay khoe của, cho nên thầy ký Gồ cũng mắc phải cái bệnh ấy. Nay cái nhà này, cái ô-tô này, cái bộ bàn ghế này đối với thầy cũng đã hơi là cũ rồi, cho nên thầy chỉ nói truyện con chó Lu của thầy mà thôi.

— Ấy, chính nó là giống (bleu d'Auvergne) đấy, bác ạ. Tôi mua nó mất ba trăm bẩy mươi đồng đấy. Cái người Tây bán nó cho tôi, vì nể tôi lắm mới bán giẻ thế, chứ kể ra thì những bốn trăm kia! Cũng có con đẹp hơn thế này, mà những hơn năm trăm, thì kể đã là ngông lắm rồi, vả lại người mình thì mấy người chơi chó sành, nên mua con nhiều tiền quá cũng phí mất. Này bác ngắm kỹ nó mà xem, giống chó này tai to, mũi lúc nào cũng ướt, chân cao và to mà lốm đốm. Ấy không biết nhận nó thì nhầm với giống khác đấy. Con này tôi chỉ yêu về cái đầu nó vuông như chữ điền, này, cái ngang đây nhé, cái sổ đây nhé, thần tình

không! Con nào được cái bụng thon, mõm ngắn mà nhất là hai lườn phình ra như hai lườn dê thế này là khỏe và nhanh lắm đấy. Hẳn ban nẫy bác đã nhận được cái giáng giấp nó oai vệ là thế nào rồi đấy nhỉ. Có phải bao giờ nó cũng đi trước tôi mười thước không? Cứ lấy thước mà đo, cũng chả sai mấy lý đâu. Lúc đi như thế, cái mắt nó đưa đưa, cái mũi nó ngửi ngửi, trông đẹp đáo để. Khi nào nó đánh hơi thấy chim nấp ở trong bụi, thì nó sẽ gục đầu xuống, khẽ ngoe nguẩy cái đuôi, ấy thế là tôi biết hiệu đấy. Khi tôi lắp đạn xong, tôi «chutt» một tiếng, thì nó chồm ngay vào con chim; anh chim vừa bay ra, « Pan »! thôi, còn chạy đằng giời! Mười lượt như thế cả mười, chẳng sai một lượt nào!

Lúc ấy con Lu ngồi trên ghế, đối diện với chủ, chum chúm cái mõm để nghe truyện.

— Không những nó săn giỏi, mà giữ nhà, tìm đồ đánh mất cũng tài. Bây giờ bác thử đưa cái kính của bác cho nó ngửi hơi một lúc, rồi bác giấu vào trong vườn, tôi bảo nó tìm được ngay.

Được ông bạn cũng là người thích chó, cho nên thử ngay tài con Lu. Quả nhiên, chưa được năm phút, thì con Lu đã ngoạm cái kính đưa giả khách rồi.

Ký Gồ đắc trí cười ha hả, vuốt ve, vỗ mãi má nó rồi bế nó vào lòng hôn lấy hôn để, vui thú như ông bố được cậu con hay chữ vậy.

— Tôi nuôi nó cẩn thận lắm. Tôi không dám cho nó ăn dưới đất bao giờ, cho nên nó quen thói sạch sẽ và khôn ngoan lắm. Thế mới biết cái giống chó tây nó cũng hơn cái giống chó An-nam mình thực. Chó an-nam thì lông đã sấu, lại hay ăn bửn, đã ăn bửn lại hay cắn càn. Lắm bận nó lừ lừ ở đằng sau mình, rồi đớp trộm ngay một miếng vào quần mới nan du chứ! Con này hễ đã lên tiếng, thời y như có người dan vào nhà, nó chồm hẳn lên mặt mà cắn. Thằng trộm nào mà vô phúc vào nhà này thì hẳn là mất chỗ đội nón! Nhưng chỉ từ mười giờ đêm giở đi nó mới cắn mà thôi,

Lúc ấy cơm bưng lên, để lên bàn ăn. Chủ khách đang mời nhau lại ngồi, thì con chó đã nhảy tót lên bàn, chồm chồm và ngoe nguẩy đuôi.

— Con Lu này được cái này lễ phép lắm, tôi giậy mãi mới được đấy, này, dĩa đồ ăn của nó đây nhé, cơm chộn với thịt ngon lành thế này, nhưng tôi chưa cho ăn thời đố có giám ăn. Ngay khuất mắt mình cũng vậy.

Ký Gồ cầm dĩa đồ ăn của con Lu mang ra sân đằng trước. Khách và con chó đi theo sau. Con Lu ngoe nguẩy đuội, ra giáng mừng rỡ. Ký Gồ để dĩa cơm ở dữa sân, con Lu cúi cổ xuống ngửi, sắp ăn, thời chủ nó mắng ngay:

— Tăng xông!

Thấy không được phụng-dưỡng tử tế như mọi khi, con Lu lừ lừ lui ra.

— Ta không cần phải coi, lúc ta ăn xong, mà dĩa này nó vẫn không giám đụng đến đâu. Thôi mời bác vào sơi cơm.

Lúc bấy giờ giá thầy ký Gồ có ý một tý thì chắc đã trông thấy một vật gì lù lù, đen đen, lù rù ở ngay ngoài cổng. Đó là một người ăn mày, ngồi bó cò ở đấy, đội cái nón toạc tung cả cạp, đã đóng khố lại mặc cái áo rách cụt cả tay, thành ra bốn tay chân khẳng khiu, đen thui thủi trông giài ngoẳng ngoẵng, cái bị bẹp há hốc miệng ra nằm chờ bên cạnh cái giạ giầy lép kẹp.

Thằng ăn mày chờ đấy từ lâu; thấy trong nhà lạch cạch tiếng đũa bát, mùi đồ sào theo gió đưa ra, cho nên nó gào lên xin mà cũng chẳng có ai nghe tiếng. Lúc hai người ra sân, thời lạy van rã bọt mép, nhưng hai ông còn đương giở bận chơi với chó, không ai để ý đến người.

Thằng ăn mày biết thế, nên lại cố lấy sức gào to, nhưng khốn nạn, khi cái tiếng hết hơi của nó đập đến mang tai ông chủ, thì ông chủ chợn mắt, hầm

hầm mà quát rằng:

— Làm gì mà nheo-nhéo lên thế, làm át cả câu truyện. Bước ngay, không ông đá một cái thì chết bây giờ!

Thằng khốn nạn lại im thin thít, chủ khách bèn vào buồng ăn cơm.

Lúc ấy hai con mắt đứa ăn xin chòng chọc nhìn vào đĩa cơm của con chó, nó thèm quá, nước dãi chầy giòng giòng, nuốt không kịp. Muốn vào ăn trộm một miếng, nhưng chỉ sợ con chó nó cắn cho thì chết! Nó thấy con chó cứ đứng gần đĩa cơm mà không ăn, thì nó không hiểu ra sao cả. Giá con chó biết tiếng người, thì hẳn nó đã lân la đến gần để đánh bạn, rồi kể lể nỗi đói khát, thì có lẽ chỗ anh em, con chó cũng động tâm mà lấy "nhân đạo" nhường cho nó đĩa cơm ấy. Hay là vì nó sù sù ngồi đó, nên con chó phải đứng canh chăng? Nó liền lẩn ra sau cái cột cổng mà dòm vào, một lúc thì thấy con chó lừ lừ ra nằm chỗ khuất bóng ở cạnh tường. Được dịp may, thằng ăn mày đánh liều rồ ra tiến gần lại mấy bước, nhưng con chó lập tức đứng giậy, cũng tiến gần lại mấy bước, vừa đi vừa gừ. Thằng khốn nạn dương hai con mắt nhìn con chó, con chó cũng dương hai con mắt nhìn đứa ăn mày. Thành ra đĩa cơm ở dữa, người tiến thì chó cũng tiến, người lùi thì chó cũng lùi, hai bên hầm hè nhau, người lườm chó, chó lườm người, đều cùng giữ miếng nhau như hai kẻ thù không đội giời chung vậy.

Cứ như thế, không bên nào chịu bên nào, Độ hơn mười phút, thằng ăn mày cùng thế, nghĩ ngay được một kế. Tay nó vớ được hòn đá to tướng, thu thủ đằng sau, chạy tọt lại đĩa cơm, dón một cái rõ nhanh, đút tỏm vào mồm. Nhưng con chó nhanh hơn, chồm vọt lại, nhẩy sồ ngay lên vai, móc cái chân móng sắc như dùi vào mồm, há mồm ra cắn. Thằng ăn mày bị cắn đau quá, máu mặt chẩy lênh láng, nó liền dơ thẳng cánh, uych hòn đá rộ mạnh một cái vào dữa mồm con chó, con chó ẳng dầm, buông nó ra thì bị ngay một cái đấm nữa vào đầu, nằm sóng soài ra đất.

Thầy ký Gồ đương ăn cơm, nghe tiếng chó kêu, vội bỏ cả bát đũa lẫn khách, cầm đèn hấp tấp chạy ra:

— Thôi chết rồi, đứa nào đánh chết con Lu rồi. Ối giời ôi! Nó gẫy hai cái răng rồi, khổ tôi quá!

Thế rồi thét người nhà vang lên, gọi ra bế con Lu vào, còn mình thời chạy ra cổng xem ai đánh chó. Thầy trông thấy ở đằng xa, có cái bóng đen đen chạy nhanh tít, liền bấm đèn ô-tô để chiếu theo, thời trông rõ thằng ăn mày đương chạy, Thầy tức nóng ran cả người, nghĩ vừa thương con chó gẫy hai cái răng, cho nên nước mắt giòng giòng, nức nở khóc nghiến răng mà nói rằng:

— À, mày đã khỏe đánh gẫy răng chó ông, ông chỉ kẹp cho mày chết tươi rồi ông đền mạng, bất quá ba chục bạc là cùng!

Nói đoạn, vặn tắt đèn đi, nhẩy chồm lên ô tô, máy sinh sịch, chạy hết sức nhanh để đuổi theo.

Đi độ hai trăm thước, lúc đến trước cửa tòa Đại-lý, xe đương đè gió chạy như biến, thời tự nhiên nó nhẩy chồm lên, như vấp phải vật gì, chối bánh xe, suýt đâm lện hè phố.

Thầy vội hãm máy lại, nhìn xem cái gì, thời bỗng nghe tiếng kêu:

— Thôi thế là thằng bé chết rồi!

Thầy rật nẩy mình, thời trong dinh và hai bên hàng phố, người chạy lại xem rất đông. Thằng bé con nằm soài dưới đất, máu mê đầm đìa, sờ ngực chỉ còn hơi thoi thóp thở....

— Xe thầy Gồ đè chết con quan Đại rồi.

Trích ở hồi XVIII, quyển I trong bộ xã-hội tiểu-thuyết « **Những cảnh ba đào** »

OCTOBRE 1929

Nguyễn-công-Hoan

CÔ NGỌC VỀ QUÊ

Đã hai hôm nay không thấy bóng cô Ngọc giắt cậu Tân đi chơi phố như mọi ngày. Tính cô nhăn nhẳn, người cô tuy chẳng được bằng chị bằng em, song cặp mắt thu ba lóng lánh, cái miệng cười tươi như hoa của cô, dễ khiến cho những khách si tình lắm phen cũng vì cô mà vuốt bụng mà phờ râu.

Cô Ngọc là con nuôi quan Bố từ thủa còn lên năm, lên sáu, mười mấy cái xuân lần lữa vừa qua, tới nay cô Ngọc vẫn cùng chung một số phận với trăm nghìn chị em nuôi khác. Thức khuya, giậy sớm, quét nhà, đi chợ, trông em là phận của cô hàng ngày đó...

Quan-lớn Bố ở Châu Vang, nhà chỉ có bà-lớn, bà-tư, tiểu - thơ cùng lũ cậu Ấm tý nhau và cụ cố, ông ngoại.

Ngoài việc gánh nước, thổi cơm, chị Ngọc lại còn giữ cái việc phụ tử, quét gác, lấy nước cho cụ cố. Sáng nào cũng vậy cứ hồi bốn giờ rưỡi năm giờ, hàng phố thường được nghe tiếng chuông cụ thỉnh, cái giọng cốc cách sang trọng cụ giặng hắng lên mà gọi cô Ngọc, tính cụ nó hay ẫm ờ mà lại hay thương trẻ.

Lắm khi cô Ngọc sẩy có đi chợ trưa cùng thổi phải nồi cơm nát, bà-lớn nổi cơn thịnh nộ mà la om sòm thì chẳng phải bảo, cụ cố giản áp ngay, nó còn giại biết gì bận sau sẽ mắng, nhời cụ vẫn giậy.

Một buổi sáng độ sớm tinh sương, cả nhà còn đang giấc điệp mơ màng, chợt cậu Tân trở mình, không thấy cô Ngọc, tính nhát mới khóc oà lên, bà - tư, tiểu-thư cất cái giọng the thé như sé tai bà-lớn mà réo mãi cái Ngọc giỗ em.

Nhanh như con cắt, cái Ngọc, đã tong tả từ trên gác chạy xuống mà : À ơi ơi.. Ru em em ngủ cho ngoan, chị đi gánh nước đổ bình ống vôi... mất giấc ngủ ngon, bà - lớn mất giấc ngủ, mắt nhắm mắt mở quay cái sác thịt hết bên phải sang bên trái, miệng thì lầm bầm chửi rủa mãi thị Ngọc. Đồ thối thây !. ... mới bảnh mắt ra mà mày đã đi đâu để một mình thằng bé nó ngủ một mình khóc vang cả nhà, không cho ai ngủ à ? Mấy giờ rồi Ngọc...

Tay bồng cậu Tân, Thị-Ngọc rón rén lại bàn uống nước, dí hai con mắt tận mặt cái đồng hồ để lấp vài ngọn đèn huê-kỳ thông phong bám chặt đầy khói, sẽ lên cái giọng ngây thơ mà...

Bầm bà ba giờ... ba giờ mà mày đã đi đâu sớm thế Ngọc... Bầm bà con lên quét gác, đem nước cho cụ ạ ... ! ! ...

Đem nước gì mà sớm thế, bà-lớn lại quai cái mồm mà giậy lại thị Ngọc.

Ngày giờ đi như chong chóng, hết chủ nhật nay sang tuần lễ khác, thấm thoát đã hai tháng trời rồi.

Quái chị Ngọc mấy ngày giầy trông hơi khang khác, người thì uể oải, lại hay ăn của chua, thường chị vẫn kêu nước đây độc; bụng lại thấy một ngày một to, dễ chị ấy có báng chăng ? Nhời cô Lan bạn thị Ngọc tỉ tê cùng bếp Toét trò truyện.

Nào ai biết cái quái gì, hai tháng nay nó chăm việc làm, mới ba giờ sáng mà đã quét gác đem nước, chả biết nó làm những trò trống gì, mà cứ hý hoáy mãi ở trên gác, hình như giạo này nó lại dùng dình có ít su tiệu... đã thấy sắm ở đầu được cái khăn tam giang, cùng giây lưng chồi lụa rồi. Nó làm mình lắm hôm buồn ngủ chết đi mà cũng phải

gượng giậy phẩy cái bàn, lau bộ ghế, bực cả mình vì nó. Thường thường Lan, Toét vẫn nhỏ to về câu truyện thị Ngọc bị báng, rồi thì một buổi sáng, gió đông thổi lạnh, sương xuống như mưa, trên con đường hai bên cây cối um tùm dưới bóng đèn điện, nhìn ra một cái bóng lờ mờ ở đằng xa tay ôm một vật ủ rũ cứ giẻo cẳng mà đi.

Người phát vé vừa mở cái cửa đánh phịch một cái, thì trong đám đông người, cô Lan đã vội len vào lấy cái vé cho người bà con, lúc quay ra vô ý tay va phải một người đứng ngay đằng sau.

Bỗng hốt hoảng cô Lan lên tiếng : Ấy chị Ngọc suôi đấy à, ôm cái gì thế..... Con ai đấy... ! Nét mặt thê thảm, cô Ngọc hình như chẳng giữ kín được cái điều uất ức trong tim phổi mà giòng châu lã chã tuôn rơi.

Đứng trước cái cảnh tượng ấy, cô Lan cũng hiểu thấu nỗi lòng của người bạn ngây thơ, lại sực nhớ câu bạn thường ôn « Tính cụ ấy hay thương trẻ, » rõ khéo cái ông cụ, thương với yêu gì, để khổ cho người rồi ra đứa hài - nhi kia biết gọi bố nó bằng gì...

Sau một tiếng thở giài, cô Ngọc kéo cái vạt áo che cho đứa hài-nhi. Còn bạn cô Lan lại vì cô Ngọc mà lánh mình vào đám đông người lấy cho bạn cái vé đi Nam.

Con tầu quay máy, chia tay hai ngả, cô Lan một mình thui thủi ra về, nghĩ mà căm giận thay cho con người vô-lương - tâm, cũng trách bạn cũng khéo nhẹ gia.

Vài hôm sau dư-luận sôn sao rằng ; cô Ngọc về quê... nào ai biết.

Mars 1931,

Lê-thị Ngọc-Lâm

TIN CÁC BÁO VÀ SÁCH

Ban thường-trực hội-đồng chính-phủ ngày 30 Avril

Hội-đồng có xét bản dự-thảo nghị-định, sửa lại đạo nghị-định ngày 6 Décembre năm 1930 về việc thu-hồi bản nghị-định cho phép Madame Nguyễn-đức-Nhuận xuất-bản tờ báo Phụ-nữ tân-văn.

Cho M. Nguyễn-công-Tiếu xuất-bản Khoa-học Tạp-Chí, lại cho M. Trần-bá-Vinh xuất-bản tờ báo Từ - Bi - Âm bằng Quốc-Ngữ.

Báo cấm và sách cấm.

Xét mấy bản dự thảo nghị - định cấm không cho đem vào, và lưu - hành tại Đông-Dương quyển Nguyệt-báo bằng chữ nho nhan là « Liu-Hing-Ts'a Tche » tức « China Traveler » xuất - bản ở Thượng-Hải, quyển Tuần - báo bằng chữ nho nhan là « Tchong Yang Tcheou pao » xuất-bản ở Nan-kinh, và quyển tạp-chí bằng chữ nho nhan là « Kiao King Yue Kan » (le Miroir des Émigrés, gương Kiều-dân) xuất-bản ở Quảng-Châu.

Vừa mới có nghị - định quan Thống-sứ cấm không cho lưu - hành, bán, phân phát, tàng trữ tại địa - hạt xứ Bắc-kỳ quyển sách bằng quốc-ngữ nhan là Tân-Vị-Xuân của M. Phạm-viết-Thường.

Có nghị-định quan Khâm-sứ, cấm đem thâu - nhập, truyền - bá, phát - mại, phân cấp và tàng trữ trong địa hạt Trung-kỳ hai tờ báo bằng chữ Hán xuất - bản ở Trung-hoa : 1· Ngô-Châu Dân-Quốc Nhật-Báo ; 2· Thượng-Hải-Báo và tờ phụ-trương của báo ấy là Thượng-Hải Hoa-Báo.

Giới - thiệu sách mới

Bản- chí tiếp được M. Đoàn-trung-Côn tặng quyển Du-Lịch sứ Phật giá 0$80 bán tại 46 Rue Lareynière Saïgon.

Vậy bản-chí xin có lời trân-trọng giới-thiệu cùng chư vị độc-giả.

HẠT MÁU RƠI

BI-KỊCH, 4 ĐOẠN, 2 CẢNH.

Tiểu-Sử Vũ-Bằng Soạn.

"Tiếp theo kỳ số 22"

Đoạn thứ tư

(Ba hôm sau.)

Cảnh đoạn thứ nhất và thứ nhì: buồng ngồi chơi của *Vị-Côi* vẫn bầy biện trang hoàng như trước *những sách vở bụi bặm, bẩn thỉu bộn bề lắm, không có tý gì là thứ tự cả. Rất âm thầm lạnh lẽo, buồng ấy như bao bọc bởi một làn không-khí nặng nề mà ta thường thấy ở chung quanh người ốm nặng.

Lúc ấy độ tám giờ tối.

SEN I

Kéo màn lên, *Vị-Côi* ốm nặng (trông hốc hác bơ phờ, rầu rĩ lười biếng, đầu ở trong tay, đương cúi mặt xuống bàn.

Ông như có việc gì bận đến óc nên có lúc cắn môi, có lúc cau mặt, có lúc đờ người ra rồi nắm tay đập mạnh xuống bàn, có lúc thở giài rồi chận lấy ngực.

Vị-Côi. - Vô hy vọng! Ừ! đời nào người ta lại cho nó đến. Giời ơi sao tôi lại khổ thế? Tôi làm sao lại lú lấp ruột gan như thế này?

(Hơ rũ lên, không nói được nữa. Chép miệng rồi chống tay vỗ trán nghĩ ngợi.)

SEN II

Thêm ông Tham

Ông Tham: (vào) Kìa! chào ngài! (cúi đầu)

Vị-Côi: Lạy ngài ạ. Mời ngài vào chơi... Mời ngài ngồi chơi đây (ra hiệu). Thưa ngài (có vẻ ngạc nhiên)

Ông Tham: Thưa ngài....

Vị-Côi: Thưa ngài... hôm nay... ngài bớt chút thì giờ lại chơi tệ-xá... kẻ khốn nạn này lấy làm đội ơn vô cùng.... (đổi nét mặt) thế nhưng thưa ngài, ngài có lẽ nhầm rồi... tôi xin lỗi... Ngài có biết tôi là ai không? Ngài chưa biết tôi là ai hẳn... Vâng có lẽ ngài chưa biết tôi là ai nên mới nhầm mà vào đây thưa ngài. Ngài... tha lỗi cho tôi... nếu ngài biết tôi...

Ông Tham: Tôi...

Vị-Côi: (cướp lời)... Nếu ngài biết tôi ngài không bao giờ thèm để chân đến cái nhà này... Tôi chắc... tôi chắc... Ngài sẽ khinh bỉ ghê sợ mà tránh xa cái mặt này... cái con vật này... cái người chứa một tội ác to lớn tầy trời như tôi này....

Thưa ngài tôi là.....

Ông Tham: Ngài không cần nói tôi đã biết rồi... Tiện-nội đã có thuật lại cho tôi truyện ngài.

Vị-Côi: Thế ra ngài đã biết là ai rồi? Mà ngài cũng đã rõ đầu đuôi câu truyện của tôi nữa? Giời ơi! Thế sao ngài lại lại đây? Thế sao ngài lại ngồi đây? Ngài không sợ ư? Ngài không ghê tởm tôi ư? Thôi! thôi! tôi xin ngài bây giờ tôi mất hết cả cái bản tính người đời rồi... Bây giờ tôi mất hết cả giá con người rồi... Tôi lạy... Tôi xin... Tôi xin ngài... (toan chạy chốn, nhưng sức đã kiệt rồi nên lại phải đành ngồi xuống) Tôi thẹn lắm (dấu mặt) tôi xấu hổ lắm, tôi nhục lắm... thưa ngài, tôi không đáng để cùng ngài ngồi nói truyện...

Ông Tham: Xin ngài đừng quá khiêm như vậy.

Vị-Côi: Ngài tha thứ cho tôi... thật thế, tôi xin nhận tội là một con ác-thú lạc rừng mà về ở với người.

(Một lát sau) Thưa... trưa hôm nay, lúc tôi thấy trong người khó chịu lắm, tai lạnh, mắt hoa... Tưởng là sắp chết rồi, có cho người cầm lại một bức thư hầu ngài.

Ông Tham : Vâng tôi đã nhận được rồi.

Vị-Côi : Trong thư, quả thật tình tôi chỉ khẩn cầu ngài có một việc... một việc ấy thôi.... Tôi không dám có một tý nào là dám phiền đến ngài, làm bận đến ngài làm mất của ngài chút thì giờ quý báu... Xin ngài biết cho... Nếu không trước khi hai tay bỏ thõng mà thở hắt ra cái hơi cuối cùng, mảnh tàn-hồn này lại chất thêm một tội, một tấm lòng hối hận. Chất thêm một tội, một tấm lòng hối hận nữa, tôi nhiều tội ác lắm rồi, ngài bảo tôi còn biết nhắm mắt lại làm sao bây giờ ?

Ông Tham : Ngài đừng nghĩ thế... xem bức thư tôi đã biết rồi, ý ngài thì ngài chỉ định cho một mình nó lại.... Nhưng ngài cũng nên rõ cho... cho một mình nó lại, tôi e rằng không phải phép với ngài .... Tôi không thế ...

Vị-Côi : (rú lên) Giời ơi ! Thế ngài không bằng lòng nhận nhời mà tôi đã yêu cầu hay sao ? (khóc) Giời ơi ! tôi chết mất ! tôi chết mất !

Ông Tham : Ngài để cho tôi nói nốt... ngài đừng làm thế, xin cứ yên tâm cho.

Vị-Côi : Tôi lạy ngài, Tôi xin cắn cỏ lạy ngài. Thưa ngài, ngài đã ra ân tha thứ cho mẹ con đứa trẻ, vớt hai người ra khỏi bể trầm-luân, thì xin cũng thương sót lấy một con mèo sắp chết. Ngài nên rủ lòng mà thương sót lấy tôi... tôi... tôi không... trông thấy... giời ơi ! tôi lạy ngài... tôi bây giờ tơ lòng trăm đoạn đứt rối, tôi bây giờ là người rất khổ sở, rất nhục nhã, tưởng chỉ còn... chỉ còn hy vọng ở nơi ngài vậy. Thưa ngài...

Ông Tham : Ngài đừng lo. Tôi bao giờ lại dám không nhận nhời ngài đã hỏi... xin phiền ngài làm ơn cho một lát, em nó cũng sắp đến đây rồi.

Vị-Côi : Em nó sắp đến đây rồi ? Em nó sắp đến đây rồi, thưa ngài ? (vái giải một cái) Thế thì tôi xin cảm tạ ngài trước. Ngài ra ơn cho tôi như thế này, tôi biết lấy gì mà báo đáp được ? Tấm lòng hà-hải, cái bụng thương sót kẻ khổ sở của ngài, tôi xin ghi nhớ vào tâm-khảm cho đến chết... mà muôn nghìn năm về sau cũng vậy.

Ông Tham : Tôi không có công đức gì. Chết chửa..... Ngài nói thế, tôi thẹn lắm !...

Vị-Côi : Cái công đức ấy, to lắm, to lắm ! Thưa ngài, ngài không tưởng tượng được đâu.... có phải là một người đương cuộc như tôi, bên mình đầy tội ác thì mấy biết được cái sự rộng rãi bao la của nó.

Lạy ngài... thế là ngài đã hứa cho tôi được nhắm mắt, sau khi mà tắt hơi. Tôi nếu chẳng được gần nó thời khổ lắm... chua sót lắm, đau đớn lắm, không có thể nào mà nhắm mắt chết đi cho được. Mấy đêm trường này, tôi thật đã chết đi chết lại mấy mươi lần, tôi thật đã nếm đủ mùi tân-khổ về vật-chất và nhất là về tinh-thần, những sự khổ sở cực-điểm trên đời này vậy.

(một lát sau)

Như thế này tôi cũng biết là có lỗi lắm.

Ông Tham : lỗi quái gì.... chỗ anh em mình cả.

Vị-Côi : Muốn gặp mặt đứa con, thì bổn phận của tôi là phải đến tận nơi mới phải.

Nhưng xin ngài . . . xin ngài, bỏ quá cho tôi, thật quả là bây giờ tôi đương mệt nặng. Ngài trông tôi . . . chắc đã biết rồi ... vâng thưa ngài tôi yếu lắm, kiệt lực rồi, không có thể nào đi được ? Giả đi được thì tôi cũng đã xin đến tự ngày hôm qua. Khổ nỗi ! lực hết cả rồi . . . nên đành phải ngồi đây... ngồi đây để chờ cái giây phút cuối cùng, cái giây phút mà tôi sẽ được gặp đứa con thơ bỏ đi đã sáu bẩy năm giời, cái giây phút mà tôi sẽ trả lại cái hơi thở cuối cùng cho tạo-hóa.

Ông Tham : Ngài có nói thì tôi mấy lại dám nói. Vâng ; quả thế, tôi xem ngài yếu lắm, sắc da bệch bạc lắm. Ngài nên tĩnh-dưỡng đừng nên nghĩ lắm và nói lắm...mệt.

Vị-Côi : Xin cám ơn ngài. Nhưng, tĩnh-dưỡng, tĩnh-dưỡng, giời ơi ! ngài bảo, tôi tĩnh-dưỡng bây giờ thì còn có làm gì ?

Tôi xin thú thực cùng ngài rằng, từ

khi mắc bệnh đến nay, đêm ngày tôi chỉ xin cầu nguyện cho thần chết nó mau đến rước mình về cõi hư-vô để kịp thấy cái giờ sám-hối.

Ông Tham : Chết ! chết ! sao ngài lại nghĩ quẩn thế ? Mình là người nam-nhi mà lại nên có cái tư-tưởng kiều-nhược như thế ru ? Còn nợ nước, nợ nhà... bao nhiêu thứ nợ chìu chĩu ở hai vai, ngài bảo chết thì chết làm sao cho được ? Ngài nên tĩnh-dưỡng để cho mau lành mạnh chứ ? Thế ngài phải những làm sao ?

Vị-Côi : Tôi không ăn được, không ngủ được...đau đớn ở trong người lắm, lúc nào cũng như lôi kéo chửi mắng bởi thần lương-tâm ; đặt mình xuống đường, chớp được mắt đi thì lại mê, lại mộng phảng phảng phất phất thấy địa-ngục, hùm beo lại thấy vẽ ra trước mắt cái ký-vãng buồn rầu đau đớn.

Nói thì mệt lắm, như hết hơi, nhưng không biết làm sao, từ lúc năm giờ cho đến bấy giờ, tỉnh tao, tôi lại thấy dễ chịu trong người mà nói năng có vẻ dễ dàng hơn trước, không thấy nhọc lắm nữa, không thấy mỏi mê lắm nữa.

(Mắt nhắm lại, khoanh tay, thở giài rồi dựa vào lưng ghế)

Ông Tham : (Cúi mặt xuống, lắc đầu)..

SEN III

Thêm Nhỏ và Cậu Trúc

Nhỏ : Giắt cậu *Trúc* đi vào. Lạy ông ạ !

Vị-Côi : Tôi không dám.

Ông Tham : Kìa ! con đã đến đấy à ? (quay lại bảo Nhỏ) Thôi ! cho mày về !

Nhỏ : Bẩm vâng. Lạy ông ạ !

SEN IV

Vị-Côi : (Trông thấy con, nước mắt chạy quanh, dơ hai tay ra như muốn vồ lấy)

Ông Tham : Trúc ! Con lại chào ông đi... ông yêu.

Cậu Trúc : (dón dén lại gần VỊ-CÔI)

Vị-côi ; (toan đứng giậy, nhưng yếu sức, chếnh choáng, thành lại ngã phịch xuống ghế, Ông ngồi im, buồn bã dương mắt nhìn thẳng vào cậu Trúc và ngẫm nghĩa lâu không chớp mắt. Sau nghẹn ngào như một người nuốt nước mắt, gọi sẽ ở trong cuống họng) **Trúc** ! con... con ơi !

Ông Tham nhã ý quay nhìn ra chỗ khác.

Cậu Trúc không hiểu gì, ngơ ngác rồi cúi mặt mà trông xuống đất.

Vị-côi kéo cậu lại gần mình, định ôm lên để vào lòng thì mặt bỗng tái mét đi, rú lên một tiếng thê thảm mà kinh hãi rồi ngã xuống đất, miệng phun phì phì, co quắp cả chân tay lại.

Cậu Trúc đứng bên cạnh sợ khóc rít lên, lui lại rồi ôm chặt lấy ông **Tham-Ích.**

Ông Tham quay lại, hoảng hốt giữ lấy con, cúi xuống định vực Vị-Côi dậy, thì từ từ ở mắt có hai giòng nước rỏ xuống mình người khốn nạn.

HẠ MÀN TỪ-TỪ

HẾT

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

VIỆC TRONG NƯỚC

Việc biểu tình trong ngày 12 Avril

Ngày 12 tháng tư tây, ở tỉnh Nghệ, bốn đồn tại miền Đò-lương bị đánh, nhưng thường các đồn đã biết cách hành-động của họ, nên đã đi triệt ngay, trước khi đến tận nơi, bốn toán nghịch có đến 2300 người đều tản tác cả.

Trong bọn ấy có 33 người chết.

Cũng một ngày ấy tại tỉnh Hà-tĩnh, đã xẩy ra những sự náo động ở Cửa-sót, ở gần bể thì đã giải tán ngay, nhưng bọn cộng-sản cũng chưa chịu lui, còn tụ họp thành đảng khác mà tính đi cướp phố sá ở tỉnh ấy.

Họ liền bị bắt và giải tán, nhưng phải 80 người chết.

Lại còn nhiều chuyện quái lạ nữa, là bọn cộng-sản nói trong tờ mật báo của bọn họ với những anh em bạn họ là người Nga rằng: « Chúng ta đã khiến giết được một số khá đông đồng-bào chúng ta, cờ chúng ta nhuộm đỏ màu đào... » Thực là quái lạ!

TỈNH NGHỆ-AN

Đêm 29 rạng ngày 30 Avril, các đồn khố xanh ở Yên-thái, phủ Hưng-nguyên và đồn Huấn-lệ, huyện Nam-đàn phải dùng súng mà dẹp 400 người biểu tình có gươm giáo. Chết mất 50 người.

Sáng 30 Avril, về phía bắc Phủ-diễn có một bọn 200 người biểu tình cầm cờ thì bị đồn khố xanh Đông-Pháp dẹp, chết mất 25 người.

Sáng 2 mai, quan Công-sứ Nghệ trình rằng đêm 30 Avril rạng ngày 1er Mai và cả ngày 1er Mai không xẩy ra việc gì cả. Tại Vinh và Bến-thủy đều được yên-tĩnh.

TỈNH HÀ-TĨNH

Ngày 29 Avril, đồn Lạc-thiên có dẹp một đám tụ họp: chết 40 người.

Miền này bị hủy hoại mất hai cái phà. Một người chánh-tổng và một người phó-tổng bị bắt mất. Sáng 30 Avril đường giây thép chỗ cách Hà-tĩnh 12 kilomètres bị cắt đứt.

Mấy chiếc tầu bay đi thám thính trở về trình rằng ngày 1er Mai không xẩy ra việc gì cả.

TỈNH QUẢNH-NGÃI

Ngày 1er Mai hồi 6 giờ tại làng Trà-Ninh, một toán lính lê-dương đi tuần gặp mấy trăm người cộng-sản, dẹp chết và bị thương mất 20 người.

Hồi 8 giờ, tại làng Phú-pho, một toán lính mỏ neo dẹp một toán tụ họp đông chết và bị thương 5 người.

Hồi 9 giờ, chừng một nghìn người cộng-sản tiến gần huyện Sơn-Tịnh, lính lê-dương có bộ để dẹp, không được, nên bắn chết và bị thương 30 người.

Tại Nam-kỳ

Không xẩy ra việc gì quan trọng cả.

Chỉ sáng 1er Mai, tại tỉnh Bến-tre, miền Tuân-pha, có một bọn biểu tình thì lính khố xanh dẹp tan được; 70 người bị bắt.

Tại tỉnh Chợ-lớn, miền Đức-hòa, lính đi tuần dẹp một bọn cộng-sản, có bắt được 10 người, trong số này bắn phải 2 người bị thương.

Đảng cộng-sản tràn qua Trung-lương

Hạt Trung-lương về huyện Can-lộc là một tổng nhân-dân phồn thịnh, phong-tục thuần lượng, thật không thẹn với cái tên « Trung-lương ». Đã một năm trời tình thế Nghệ-Tĩnh lộn xộn, nhất là tại huyện Can-lộc lắm điều rắc rối hơn, chỉ tổng này giữ được bình-tĩnh thật là đáng khen.

Thế mà ngày mồng chín tháng ba ta vừa rồi tức là ngày 26 Avril, một đám dân biểu-tình độ vài trăm người ở miền Đức-thọ kéo qua vào làng Trung-lương, reo hò rầm rập, gặp ai cũng bắt đi theo; nhân dân thấy cái phong trào cộng-sản

đã tràn tới trong địa hạt, ai cũng lấy làm lo sợ, may đâu vừa nghe mấy phát súng đi - đùng bọn biểu tình chạy tán - loạn, một người chết, một người què, bắt được ba bốn người.

Một thầy giáo bị cộng-sản kết án xử tử

Trước ngày 1er Mai, đảng cộng-sản bắt cóc một thầy giáo tên là Tô, giậy ở trường Vân-viên, huyện Hưng-nguyên, vì là không chịu giúp tiền cho đảng, không chịu cổ - động cho đảng và không chịu vào đảng.

Khi bắt được thầy giáo Tô rồi, đảng cộng-sản trói M. Tô vào cột đình, thiết lập một tòa án bất thường đem ra xét tội và khép án xử tử.

Vì gia-quyến M. Tô báo, nên giữa khi đảng cộng-sản sắp đem hành hình M. Tô, thì có toán lính lê-dương kéo đến cứu, đảng cộng-sản biết tin ấy, liền giải tán cả. Khi lính lê-dương tới nơi thì chỉ còn M. Tô vẫn bị trói ở cột đình.

HA-TINH

Một ông cụ đạo bị giết

Có tin rằng hồi 10 giờ sáng thứ bẩy 2 Mai vừa rồi, đảng cộng-sản đã giết chết một ông cụ đạo là R. P. Pierre Khang, ở làng Tràng-định, cách Vinh và Hà-tĩnh chừng 30 cây số, là một làng thuần những dân đi đạo cả, dân số cộng được 300 người.

Hiện còn đương cho dò xét việc này.

HAIPHONG

Khám phá được 5 cơ-quan cộng-sản ở Haiphong

Sở mật thám khám phá ra được 5 cơ-quan cộng-sản ở Haiphong. Có bắt được nhiều giấy má quan trọng, nhiều súng lục và đạn.

Cả thầy 30 người bị bắt, giao cho Hội-đồng đề-hình xét xử.

T. B.

Đảng cách-mệnh Đông-dương tại Thụy - sỹ

Tạp-chí (Asie-française) tháng Février ở Ba-lê mới sang có đăng tin đảng cách-mệnh ở Đông-dương mới lập một chi - bộ ở thành Berne nước Thụy-Sỹ là một dân-quốc nước Trung-lập. Ban ngoại-giao của đảng ở đấy có gửi nhiều tờ hịch (manifesture) do đường hàng không Hà-Lan, Java gửi về Đông-dương.

Trong các tờ hịch ấy họ nói cách tổ-chức các cuộc cách-mệnh, đại-khái chia ra làm năm thời kỳ (1) biểu tình hoà bình (2) Tẩy chay ngoại-hóa (3) Tổng đình công (4) Bất phục tòng (5) Hoàn toàn độc-lập. Kết - luận họ định dùng thủ-đoạn bạo-động và khuyên dân theo họ.

Hiện các tờ hịch ấy đã bị chính-phủ Pháp tịch biên hết.

Đ P.

TIN NƯỚC NGOÀI

Dân-quốc Tây-ban-nha đã thành lập

Nước Tây - ban - nha vì vua Alphonse cầm quyền chuyên - chế mà nội - các giữ chủ - nghĩa độc tài nên dân chúng không phục mới nổi lên giấy loạn, làm cho nhà vua phải thoái vị mà đi.

Ngày 14 Avril, dân - quốc tuyên - cáo thành lập ở nhà thị sảnh Madrid.

Chính - phủ Dân - quốc Tây - ban - nha vừa mới hạ lệnh không cho các nhật-báo dùng đến những tiếng như bệ-hạ, quan lớn, cùng là tên các phẩm tước có ý làm cho người ta không tưởng nhớ đến Đế-chính nữa.

TIN TRUNG-HOA.

Vấn đề tài phán lãnh-sự quyền ở Trung-Hoa.

Hiện nay Trung-Hoa đang xin bỏ cái quyền tài phán lãnh-sự. Người Nhật không phục và nói quả quyết rằng dù các nước

bằng lòng bỏ cả; nhưng nước Nhật thế nào cũng cứ quyết phải bênh vực cho kiều - dân Nhật ở Tầu, vì các quyền lợi của dân Nhật ở Tầu rất lớn. Đối với việc này hãng thông tín "kovmin" thấy cái giọng cương quyết của người Nhật lấy làm không bằng lòng cho rằng bản thương-ước Trung, Nhật đã hết hạn rồi, thì Nhật không còn quyền hành gì ở Tầu nữa.

Vương - chính - Đình cũng lấy làm khó xử, vì Vương muốn điều đình cho việc bỏ quyền tài phán lãnh - sự xong trước tháng Mai, mà Nhật cứ quả quyết không nghe, các người về cánh Vương lại nói rằng nếu các nước bằng lòng bỏ rồi, thì nước Nhật cũng phải bỏ, nhưng chắc sau rồi nước Nhật cũng vận-động cho được rộng quyền lợi ở Mãn-Châu vì người Nhật đã khuếch trương ở xứ đó rất nhiều công cuộc.

Hai đẳng bộ ở Bắc-Bình và Hà-Bắc đều thông điện đi các nơi nói rằng: các việc giao-thiệp triệt bỏ quyền lãnh-sự tài phán và thu hồi tô giới, nên dùng thủ đoạn cương quyết, xin dân chúng nên một lòng đối phó.

Việc chính-trị ở Ấn-độ

Bombay ngày 23 Mars.— Ông Gandhi muốn đặt một cuộc hội nghị ở Ấn-độ, có cả các đại biểu Anh đến dự. Ông nói hiến - pháp phải soạn làm sao cho lợi một mình nước Ấn-độ thôi, chớ không có thể lợi cả cho người Anh được. 27 Mars ở Karachi có tin hội - đồng trị - sự của hội nghị quốc-gia đã ưng chuẩn công nhận mọi việc của ông Gandhi điều-đình với phó - vương, họ lại yêu - cầu được kiểm đốc các binh gia, tài - chính và giải phóng những người quốc sự phạm, sau cùng hội - đồng ưng chuẩn tỏ lòng tín nhiệm ông Gandhi, hội nghị bỏ nhiều phiếu ưng thuận, công bố rằng các tôn-chỉ tự trị của Ấn-độ không thể sâm phạm được, phải sao cho người Ấn-độ được kiểm duyệt việc binh-gia, việc ngoại-giao việc tô thuế, và việc kinh-tế tài - chính, đặt lệ cấm hẳn rượu.

Ba người Ấn-độ, vì sự giết người ủy-viên cảnh - sát trong năm 1918, nay mới bị xử - tử ngày 24 Mars 1931 này. Các nghị viên đang hội cùng bỏ hội biểu tình phản-đối về việc ấy, nhân dân ở Caunpour biểu tình rất rữ rội, xông vào cả đền chùa đốt phá các cửa hàng. Các hiệu buôn và các sưởng đều bị đóng cửa cả,

Đảng họ thấy ông Gandhi đến reo hò phản đối về sự đình chỉ công cuộc đề-chế. Sau cuộc sung đột ở Caunpour có đến 10.000 người bỏ thành Allanhabad mà đi. Nhiều nhà vẫn bị cháy, những nhà cháy, phần nhiều là cửa hàng kim hoàn.

DIP MAY HIEM CO!!

Hiệu **Vạn - Xuân** số 1 phố Maurice Long có bán bốn cái xe auto đã dùng qua (occasion) còn tốt lắm.

1	cái	**Peugeot**	N°	T.	3544	10	cv.	4 places
1	cái	**De Dion Bouton**	N°	T.	1781	10	cv.	5 —
1	cái	**Berliet**	N°	T.	1909	12	cv.	7 —
1	cái	**Avion Voisin**	N°	T.	5054	18	cv.	8 —

(CONDUITE INTÉRIEURE)

Ai muốn mua xin mời đến châm chước. Bản-hiệu làm đại-lý cho nhà **Boillot** có bán những xe đạp, xe ô-tô hiệu **Peugeot** và chassis Rochet-schneider mới, theo đúng như giá nhà ấy bán ở Hà - nội, xin hỏi tại:

L. T. D. VẠN - XUÂN N° 1 Rue Maurice Long à Nam-Dinh. Tél. 56.
Entreprise des Bouages et Vidanges de la ville de Nam-Dinh (sở Vệ-sinh).

Le Gérant : **PHAM - DINH - KY**

Số 24 NAM TÂN-VỊ 1e S. Juin 1931

安南雜誌

REVUE D'ANNAM

AN-NAM TẠP-CHÍ

Mỗi tháng ra bốn kỳ

CHỦ-SỰ
NGUYÊN-KHẮC-HIẾU

Bao-Quan
123 — RUE MARÉCHAL FOCH — 123
NAM-ĐỊNH

GIÁ BÁO

Trong nước		Nước ngoài	
Một năm	7$00	Một năm	8$00
Nửa năm	3.50	Nửa năm	4.00
Mỗi số	0.15		

IMPRIMERIE MỸ-THẮNG — NAM-ĐỊNH
1931

N° 1626
119

KÍNH NGỎ

Các vị Độc-giả,

Bản-Chí xin có lời để quý-vị cùng hay rằng:

AN-NAM TẠP-CHÍ *giá đồng-niên là 7$00, nửa tính đủ 18 số.* Xin các Ngài chú ý.

Bản-chí xuất bản hoặc có chậm, xin cứ *kể số mà không kể năm.*

Các ngài đã sẵn lòng yêu Bản-Chí, xin sẵn lòng gửi tiền về cho. Bản-Chí đồng-nhân cảm tạ.

Các vị Đại-lý,

Bản-Chí từ khi về Nam, tới nay đã ra ngoài 10 số; mong các Ngài gửi dùm tiền về cho, đa tạ — Xin rằng từ nay cứ cuối tháng, xin các Ngài làm "*Relevé*" gửi về để tiện việc sổ sách.

An-Nam Tạp-Chí

Các bài vở trong kỳ này :

Thuyết tam cương có quả là gây nên cái quyền Vô-thượng trong gia-đình và xã-hội không?

Hán học tinh thần (sự lập chí và cái đức mạo hiểm của một người Đại-hào-kiệt) ông Ban-Siêu.

Thăm vịnh Hạ-long.

Nữ-giới Tùng-đàm (cảm-tình của người đàn bà đối với sự mưu đồ công danh sự-nghiệp của người chồng rất có quan-hệ) vợ Trưng-Nhĩ và vợ Phụ-Cơ.

Xã-hội thiển đàm: 1) Hội Tư-Văn ở hương-thôn nên đổi làm hội Khuyến-học.

2) Đèn giời soi xét. Lời nói với việc làm.

Xã-hội Ba Đào-ký: Một cái gia-đình quyết thực hành.

Ý kiến và tin tức trong báo giới :

An-Nam Tạp-Chí Hà-thành Tổng Đại-lý ủy-viên :

M. LÂI-VĂN-XUÂN

Chấn-Nam Học-hiệu 24 Rue de la Citadelle Hanoi.

Số 24 NĂM TÂN - VỊ 1e S. Juin 1931

AN-NAM TẠP-CHÍ

CƠ-QUAN TIẾN THỦ CỦA QUỐC-DÂN

THUYẾT TAM-CƯƠNG

Có quả là gây nên cái quyền vô-thượng trong gia-đình và xã - hội không ?

Hiện nay đương buổi văn-minh tiến-bộ, trí-thức khai thông, ngọn trào giải-phóng tràn khắp bốn phương, luồng gió bình-quyền thổi tung các phía ; đức-dục trí-dục phát đạt, rất mau chóng. Cái thuyết tam-cương chỉ là một điều cũ-kỹ trên mấy nghìn năm, không cần kể ra chi nữa, chắc hết thảy ai cũng đã từng hiểu qua cả, đã từng biết tới cả, và lại xưa kia các bậc hiền-triết phương đông đã từng bàn luận kỹ càng, cũng không cần đến kẻ thiển-học này giải thuyết nữa làm chi, cho thừa nhời, cho rờm tai các độc-giả.

Nhưng xem ra gần đây xã-hội ta xô đẩy nhao nhao, nhất thiết điều gì cũng muốn cải-cách theo phong trào mới ; tự-do bình-đẳng, miệng nói xôn-xao, cái tinh thần văn-minh chưa chác đã thâu thái được bao ; mà cái chân-tướng của nền luân-lý xưa vất bỏ cả đi hầu hết ; cương-thường hình như nhiều bề đổ nát ; không những không ai gìn giữ mà lại còn có người toan đem đập cho tan nát, cát cho đứt vụn, nhường mới thỏa lòng !

Tức như số báo Phụ-Nữ Tân-Văn tái sinh số 83 ông Phan-Khôi có bài nói về « *Gia-đình ở xứ ta nay cũng đã thành ra vấn đề rồi, những người thanh-niên tự tử gợi ra vấn-đề ấy* »

Đại ý ông nói, những người chết oan đó, chỉ vì cái quyền chuyên chế của gia-đình.

Ông vì cái chết đó mà suy nghĩ cho tới nơi tới chốn, nhắc đến rằng : « *Nhà nho đời xưa có bày ra cái thuyết tam-cương. ý cốt của nó là chỉ để tôn quyền quân chủ..... do nó mà trong gia-đình mới có sự áp bách quá thảm hại* »

Thảm hại thay ! lời nói ông Khôi thật là một lời nói làm hại cho nền danh giáo, cho nền đạo đức không biết là bao ! sai lạc hết cả cái tinh thần của nhà nho vậy.

Lời nói ấy mà là lời nói của các bậc thanh-niên tân-tiến thuần thị học tây, chỉ chuyên tâm chú ý về những lý-tưởng mới của thái-tây ; không từng kê-cứu, không rồi suy xét về

phần Hán-học mấy, thì chỉ là mấy lời phỏng đoán không có giá trị gì.

Hoặc lời nói ấy là lời của kẻ thôn-phu bỉ-phụ không học thức gì, mắt không từng trông đến chữ tây hay chữ hán; tai không từng nghe đến tiếng tây hay tiếng tàu; óc không từng nghĩ đến lý-thuyết Đông-Á hay Tây-Âu; bụng không từng biết đến tư-tưởng cận-kim hay tôi-cổ, thì lời nói ấy cũng chỉ là mấy lời nói càn, chẳng có ý nghĩa gì mà không đáng kể làm chi, không đáng lạ làm chi nữa.

Nhưng chỉ vì lời nói đó lại là lời nói ra từ miệng ông Phan-Khôi! Thiển-học vì bất đắc dĩ mà phải xin phép chư-vị độc-giả cùng ông đàm luận, đàm-luận về những lời nói đó, chớ không phải cố ý công kích gì, mà cái chủ ý cốt muốn phê-bình mấy lời đó để cho rõ ra chân-lý. Vả lại đối với ông Phan Khôi tôi cũng không biện bác mà chi, vì ông nói thế thì nói, chớ trong lòng ông đã nghĩ ra rồi.

Chỉ vì bài này là bài trong số Phụ-Nữ Tân-Văn mới sống lại, lại cùng ra ứng phó với đời, lại giữ cái trách nhiệm hướng-đạo cho nhất ban phụ-nữ; mà bài này có ý đối với chung cả các bạn thanh-niên nam-nữ; Thiển-học vì sợ các bạn thanh-niên hoặc có người chưa hiểu thấu đến tinh-thần nho-giáo; thấy thế tưởng rằng là lọn nghĩa, là hết ý, mà cho ngay là phải, chắc ngay rằng cái thuyết tam-cương chỉ làm hãm hại trong gia-đình. Ấy vì tấm lòng nông-nổi quá sợ hoặc có kẻ tưởng lầm như thế, mà tôi mới cần biện-luận để ngỏ cùng các bạn thanh-niên vậy.

Tôi phê-bình đoạn này, tôi phải xin phép độc-giả lượng xét trước cho rằng không phải tôi có cái óc theo tôn-chỉ quân-chủ chuyên-chế, cùng cái óc giữ chế-độ gia-đình áp-bách, thực không phải thế, xin độc-giả xem hết đoạn sau này sẽ rõ.

Trước hết xin giải qua nghĩa tam-cương là thế nào và gốc bởi đâu.

Cứ theo sách Hậu-Hán đời vua Chương-đế thứ tư (lịch tây năm thứ 79) các quan bác-sĩ và các nhà nho hội ở quán Bạch-Hổ giảng luận những nghĩa-lý trong các kinh sách có câu nói rằng: « 君臣父子夫婦爲三綱 Quân-thần, phụ-tử, phu-phụ, vi tam cương, nghĩa là:

Vua tôi, cha con, vợ chồng là ba dường (giềng); (dường là một cái giây lớn của lưới, để liên-lạc lấy các mắt lưới, hễ dường lưới cất lên thì các mắt lưới dương ra có trật-tự). Tiếng dường đó chỉ nghĩa bóng, tỏ ý ra là cái dây liên-lạc với nhau, một cái đầu mối tổng thông lấy các phần khác cho xum họp lại thành đoàn-thể. Vậy nên lại có câu rằng: 君爲臣綱父爲子綱, 夫爲婦綱謂之三綱. quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi phụ cương, vị chi tam cương, nghĩa là: vua là cái giây liên-lạc với tôi, cha là cái giây liên-lạc với con, chồng là cái giây liên-lạc với vợ, gọi là ba dường.

Ấy cứ nghĩa thẳng, mà tôi xin giải thích ra như thế, chứ không dám phụ hội ý riêng chút nào. Cái nghĩa chính đáng của thuyết tam-cương là thế, chưa hề tỏ chút ý gì là thúc-phọc (bó-buộc) là áp-chế (đè nén). Vậy mà ông nói sự áp-bách quá hãm hại bởi thuyết tam-cương của nhà nho, chẳng cũng sai ngoa lắm du!

Đến như ông nói thuyết tam-cương tôn quyền quân-chủ thì là một điều nhầm quá, chắc chỉ vì trong thuyết tam-cương vướng có một chữ « quân » nên ông mới kéo liền ngay vào là quân-chủ, có phải chăng ?

Tôi xem ra chữ « *quân* » của nhà nho có nhiều ý nghĩa, rất bình đẳng, phàm những người ngang hàng với nhau đều dùng chữ quân mà gọi cả. Nay hãy xin đem ý nghĩa chữ quân đối với chữ thần mà nói, thì chữ quân nghĩa là tôn, mà lại nghĩa là quần nữa, là các quần chúng đều vui lòng tôn trọng, cũng như các ông tổng-thống được mọi người thuận tình tôn lên đó thôi, cho nên trong sách Tuân-tử bàn về đạo làm vua có nói rằng : « 君者善群也 quân giả thiện quần dã, nghĩa rằng vua là có tài khéo hay làm cho người ta hợp-quần lại đó .» Ấy cái nghĩa chữ quân ngày xưa chỉ có thế, chưa hề có ý chuyên-chế chút nào.

Cái thuyết tam-cương như thế rất là bình-đẳng ; nhưng nếu chưa có lý-thuyết nào làm bằng chứng, thì còn sợ rằng độc-giả cho là giải đáp miễn-cưỡng chăng? vậy xin tìm cho đến cùng cội rễ.

Thuyết tam-cương dẫu nói ra từ đời Hậu-Hán, nhưng thực gốc từ Kinh-Dịch khi xưa.

Nhời Triện trong quẻ Gia-nhân có nói rằng : « *Cha phải đạo cha, con phải đạo con, anh phải đạo anh, em phải đạo em, chồng phải đạo chồng, vợ phải đạo vợ, thế là đạo ngài trong nhà chánh đáng, đã chánh đáng được ở trong nhà thì thiên-hạ yên-định vậy.*»

Thiên dưới *Quái-Tự-truyện* trong *Kinh-Dịch* lại có nói : « *Có giời đất rồi sau mới có muôn vật, có muôn vật rồi sau có giai gái. có giai gái rồi sau có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau có cha con, có cha con rồi sau có vua tôi.* »

Xem hai thiên đó là cỗi-gốc lý-thuyết của nhà nho, mà đều tỏ ý rằng người nào nên hết bổn-phận và nghĩa-vụ người ấy, từ vợ chồng rồi mới đến cha con, đến vua tôi. Dẫu không nói đến tự-do bình-đẳng như những danh-từ mới bây giờ, mà vẫn hàm có cái tinh-thần rất tự-do bình-đẳng ở trong, chưa hề có chút chi là áp-bách là chuyên-quyền cả.

Huống chi lại còn biết bao những lý khác nữa. Về thuyết vua tôi như ông Mạnh-Tử nói: « *Dân là quí nhất, xã-tắc (quốc gia) là thứ nhì, vua là bậc khinh nhất* » thế có gì là quyền vô-thượng du?

Về thuyết cha con, như Kinh Lễ nói rằng : « 父慈子孝 phụ từ, tử hiếu, cha giốc lòng thương yêu con, con hết lòng thảo thuận với cha.»

Sách Mạnh-Tử lại nói rằng : « 父子之間, 不責善 phụ tử chi gian, bất trách thiện, cha con với nhau, không bách trách phải làm điều thiện, điều thiện còn không bách trách mấy, thì còn gì là đè đầu, là áp-bách du ?

Về thuyết vợ chồng thì Kinh Lễ nói : « 妻者齊也 thê giả tề dã, vợ ngang hàng với chồng. Sách lại có câu : « 夫婦和而家道成 phu phụ hòa nhi gia đạo thành, vợ chồng hòa thuận mà đạo ngài trong nhà mới thành, » như thế có gì là áp-bách du ?

Tóm lại thuyết tam-cương của nhà nho không có chi là áp-bách, là chuyên quyền cả.

Nhưng chỉ nói thuyết tam-cương nhà nho không áp-bách không chuyên-chế mà không phân giải ra cái chế độ quân-chủ chuyên-chế từ đâu mà có thì chắc độc-giả cũng lại cho là chỉ bình bè dấu diếm, chớ chả bởi nhà nho, còn bởi ở đâu ?

Xin thưa rằng cái quyền quân-chủ chuyên-chế không phải tự nhà nho, mà tự nhà pháp-luật đó vậy, phàm nhà pháp-luật mới có chế độ cưỡng bách, mà đời chuyên-chế tất là cấm ngôn-luận tư-tưởng tự-do, quân-chủ chuyên chế ở nước Tầu là có trước nhất và lâu nhất, mới thoạt đầu do mấy nhà Pháp-luật là Lý-tư

giúp vua Thủy-hoàng nhà Trần, tôn xưng hoàng đế, thu hết quyền chính vào trong tay, mà cái thực-lực sự chuyên-chế mới hoàn-toàn từ đây, mới có luật liên-tọa, mà gia-đình mới phải bó buộc, thế là sự áp-bách trong gia-đình và xã-hội bởi từ pháp-luật nhà Tần mà ra trước, rồi sau họ mới lợi dụng theo sau, chớ có phải tự thuyết tam-cương của nhà nho đâu ?

Ông Phan-Khôi đã nói đến pháp-luật đã khéo trình trọng thế mà sao không xét ra tại thuyết nào cho đúng, mà lại đổ liều ngay cho thuyết tam-cương du ?

Ông nói rằng cái thuyết này chẳng còn có ý nghĩa gì cao thâm hơn, mà tôi nghĩ rằng chính cái bài của ông thực chẳng có cái ý nghĩa cao thâm vậy.

Vả lại cái chế độ gia-đình và xã-hội, vẫn phải theo cái lệ chung tiến-hóa của nhân quần, không những là nước Tầu từ đời Tần có sự áp-bách như thế, kìa như nước Nga từ khi chưa lập-hiến trở về trước vẫn cũng còn quân chủ chuyên-chế, mà cả đến các dân-tộc khác ở trên hoàn-cầu vào độ dân-trí chưa khai thông, dân quyền chưa phát đạt trở về trước cũng đều thế cả. Ý hẳn những sự áp-bách về chế-độ gia-đình và xã-hội các nơi đó, cũng đều vì thuyết tam-cương của nhà nho tràn lan ra đấy du ?

Vậy thì cái chế-độ chuyên-chế ở gia-đình và xã-hội thực không phải do tam-cương mà thành ra vậy.

Cái thuyết đó thực đã làm nền-móng vững-bền cho xã-hội ta hơn mấy ngàn năm, vì nó mà người nào làm hết trách-nhiệm người ấy, mà được hưởng quyền lợi rất công bằng, chớ không phải *ý cốt của nó là chỉ để tôn quyền quân-chủ đâu.*

Do nó mà thành ra gia-đình rất có trật tự thân yêu liên-lạc, lợi ích vô cùng, chớ không phải *do nó mà trong gia-đình mới có sự áp bách quá thảm hại* đâu.

Xã-hội nước ta từ xưa thực có nhờ cái thuyết ấy của nhà nho, mà hiểu nghĩa đủ đều, trung thành hết sức, như vua Trần-nhân-Tôn hỏi lòng thần dân thỏa thuận để cùng đánh được quân Nguyên, vua Lê-thái-Tổ hiệp lực với dân chúng, để cùng đánh đuổi quân Minh, ông Lý-thường-Kiệt, hết sức vì vua mà đánh Tống, ông Trần-hưng-Đạo mấy phen vì vua mà bình Nguyên, bà Trưng-Trắc vì chồng mà trả nợ giang sơn, ông Nguyễn *Trãi* vì cha mà phục thù đất nước, ấy cũng bởi thuyết tam-cương mà gây thành ra cả, thế thì cho là quốc-hồn cũng phải, cho là quốc-túy cũng phải. Những luân-lý ấy đều là tinh hay, nết tốt, là tinh-thần của quốc dân, ta vẫn có từ xưa đó, chẳng cũng nên bảo tồn lắm du ?

Đến như đoạn ông Phan-Khôi vì mấy người tự-tử mà biểu đồng-tình rằng vì mất tự-do mà chết, nhưng xem ra giai vì «tiêu một xu phải xin, đi một bước phải bẩm, mà không muốn sống, gái vì nhân-duyên vì mang tiếng mà phải trầm minh, đó chẳng qua là sự nhỏ nhặt vì cảnh ngộ, vì tình ái; là sự tự-do về bình-chất riêng từng người (*cá nhân*) không đáng kể. Sự nhỏ mà không nhẫn-nại được, vậy ở đời còn sự tự-do thuộc về quần-chúng lớn lao hơn nữa, còn có lòng nhẫn nại đâu mà tiến thủ được du ? Những người biết trọng cương thường thực không ai thế.

Thế mà ông Phan-Khôi lại cứ trách hoài mấy ông Đại-nho, mấy ông lão-thành ấy mầy lạ chưa?

Ông cũng là một phái nho là một nhà dùng danh-từ cũng đúng, xin ông thử xét có phải rằng: phàm người nào học-hành thông thái giỏi giang, đức-hạnh thuần-túy rứt mực, mới có thể gọi là đại nho ; phàm người nào có lịch-duyệt nhiều và thông thạo việc đời, mới có thể gọi là lão-thành. Đại-nho và lão-thành là thế, có lẽ nào đối với những người chết không linh-hồn, không khí-phách, không biết chi đến cương-thường luân-lý; các bậc đại-nho, lão-thành có hoài hơi đâu đáng trách những kẻ ấy làm chi.

Thiển-học sở rĩ cần quyền biện-luận về thuyết tam-cương đó, là vì sợ ai lầm lẫn giải thuyết tự-do, độc-lập mà cho thuyết tam-cương là có hại đó thôi.

Thiển-học vẫn nghĩ rằng, nhân-quần mỗi ngày một tiến hóa, dân-trí mỗi ngày một mở mang, những lý-thuyết xưa chưa ắt thích hiệp với phong-hội mới, cần có những tư-tưởng mới để bổ thêm vào, những tư-tưởng mới cao xa rộng rãi, vẫn cần thâu thái để bồi bổ cho quốc-hồn, mà những lý-thuyết xưa có điều hay nết tốt, cũng không nên vất bỏ hết đi, để tiêu duyệt mất quốc-túy, như thế mới không xung-đột, mà có thể điều-hòa, như thế mới được hoàn toàn, mà không đến nỗi thiên lệch. Những nhà lưu ý đến sự mưu đồ hạnh-phúc, lo giữ lợi-quyền cho gia-đình cho xã-hội xứ ta nghĩ sao ?

NGUYỄN XUÂN DƯƠNG

HÁN HỌC TINH THẦN

SỰ LẬP-CHÍ VÀ CÁI ĐỨC MẠO-HIỂM CỦA MỘT NGƯỜI ĐẠI HÀO-KIỆT

BAN-SIÊU

Xưa nay những bậc đại anh-hùng hào-kiệt hay lập nên công-nghiệp lớn lao, mở mặt cho non sông rạng vẻ, có thể ghi tên vào trong sử-sách, làm cho muôn nghìn kiếp về sau, ai nghe đến cái dư-phong hãy còn phảng phất, cũng đều sùng bái, kính yêu, thứ nhất là do sự lập-chí rồi đến cái đức nhẫn-nại mạo-hiểm vậy.

Ông **Ban-Siêu** tên tự là *Trọng-Thăng*, người huyện *Bình-lăng*, quận *Phù-phong* (bây giờ về tỉnh *Thiểm-tây*) ông sinh năm hiệu *Kiến-vũ* thứ 8 đời vua *Quang-vũ* nhà *Hậu-hán* (sau Thiên-Chúa giáng sinh 32 năm)

Dòng dõi nhà ông là một nhà nổi danh văn-học đời *Đông-Hán*: cha ông là *Ban-Bưu* tính điềm-đạm thâm-trầm, giốc lòng đạo-đức, vốn có tiếng là bậc nho nhã thông tài.

Anh ông là *Ban-Cô* là người học rộng suốt các sách, hết thảy các luận thuyết các nhà xưa nay không nhà nào là không nghiên cứu đến, các nhà nho bây giờ đều hâm mộ ông Cô là bậc đại tài.

Ông lại có người em gái là *Ban-Chiêu* cũng là một vị nữ-sĩ đại-tài đời Hán.

(Ông *Bưu*, ông *Cô* và cô *Chiêu* ba người này sau lại nối nhau mà chép thành bộ lịch-sử nhà *Hán*, thế mà cả nhà đó lại là một nhà sử-học nữa.

Xem đó đủ biết là cái giáo-dục của nhà họ *Ban* thực là hoàn-toàn, ông *Ban-Siêu* cũng nhờ có cái giáo-dục trong gia-đình sẵn có cha anh hiền giỏi như thế nên tính chất cao-thượng, khí-phách lỗi-lạc hơn người, thực cũng không phải là sự bỗng nhưng mà có thể đâu.

Ông *Ban-Siêu* khi còn bé đã có chí lớn, không cần sửa sang gìn giữ những sự lễ-tiết nhỏ nhặt vụn vặt, nhưng trong đối với gia-đình rất là thảo thuận, cẩn thận, khi ở nhà thường rất siêng-năng hay làm những việc khó nhọc, không ngại những sự nhọc nhằn, không lấy những sự nhẫn nhục làm hổ thẹn.

Ông ta lại có tài biện luận rất hoạt-bát linh-lợi, và các sách truyện đều có xem qua thiệp-liệp cả.

Khi ông còn ít tuổi theo anh đến *Lạc-dương* vì cảnh mẹ già nhà khó, thường hay viết mướn cho các nhà quan để lấy tiền cung dưỡng mẹ già.

Lâu ngày nhọc mệt, có khi nghỉ việc, ném bút xuống bàn mà than một câu rằng : « *Người đại trượng-phu không có chí-khí mưu-lược gì khác làm cho công-nghiệp lừng-lẫy trong đời ; cũng nên bắt chước ông Phó-Giới-Tử, ông Trương-Khiên* (1) *lập công nơi cõi đất ngoài để lấy vinh dự phong hầu mới phải, có lẽ nào lại cứ khu khu mãi trong phòng nghiên bút được du !* » Các người ngồi gần

bên thầy ông nói thế, đều cười mà cho là một sự hão-huyền mơ tưởng. Ông *Ban-Siêu* trả lời rằng: « Các anh trí thức nhỏ mọn, làm gì biết được cái chí khí to tát của người tráng-sĩ được ».

Lâu mãi về sau vua mới cất cho ông làm chức Lan-đài lệnh-sử, coi việc thơ-từ tấu trát. Sau lại vì sự nhầm lỗi mất chức quan ấy. Lúc kẻ anh hùng chưa gặp, bước đường đời vẫn phải gian-nan là thế.

Năm *Vĩnh-Bình* thứ 16 sau Thiên-chúa 73 năm, quan Phụng-xa đô-úy là *Đậu-cô* đi đánh *Hung-nô*, mới lấy ông *Siêu* làm quan giả-tư-mã, đem binh đi ra mọt đằng để đánh xứ *Y-ngô* (bây giờ thuộc *Cap-mật, Tân-cương*) đánh nhau ở bể *Bố-loại* chém được đầu giặc rất nhiều rồi mới về, ấy ông *Ban-Siêu* đem thân ra nơi quân-ngũ và bước đường ngoại-giao, thực từ đầy trước.

Đậu-cô thấy ông Siêu đánh được *Hung-nô* khen là người có tài giỏi, mới sai cùng với người tòng-sự là *Quách-Tuân* đều sang sứ *Tây-vực*, đến nước *Thiện-thiện*, vua nước đó cung phụng ông *Siêu* rất đủ mọi phần lễ kính, sau bỗng thấy lại sinh trễ nải; ông *Siêu* bảo các quan-thuộc rằng: các ông có biết vì cớ sao mà lễ ý của vua *Thiện-Thiện* ngày một kém dần không? chắc là có sứ-thần của quân giặc Bắc-phương lại đây, nên hắn mới hồ nghi chưa biết theo nước nào hẳn, những bậc thông-minh, dù sự chưa phá ra, mà đã biết tỏ, huống chi sự này đã hiện rõ ràng rồi, ông mới lập mưu gọi anh Thị-Hồ nói dối rằng: « Sứ-thần nước Hung-nô, lại đây đã mấy ngày nay, bây giờ hiện ở đâu? Thị-Hồ sợ hãi nói hết cả các tình trạng ông *Ban-Siêu* liền giữ anh Thị-Hồ vào nơi kín, hội hết cả các người đi theo ông cả thấy có 36 người, cho cùng uống rượu, khi rượu đã ngà ngà say, mới nói khích mấy câu rằng: « Các lũ nhà ngươi với ta đều ở nơi cõi đất xa xôi này, muốn lập nên công nghiệp lớn lao, để báo ơn nhà-nước, nay sứ-thần của giặc mới đến vài ngày, mà vua nước này đã bỏ cả các phần lễ kính với chúng ta phỏng như nước *Thiện-thiện* bắt cả lũ chúng ta đưa giao cho Hung-nô, thì nó tất giết chúng ta, bao những xác thịt này chắc sẽ béo cho miệng quân hầm, sói thôi vậy; bây giờ ta nghĩ làm thế nào? » Các quan thuộc-liêu đều nói rằng: bây giờ đang vào chỗ nguy vong, sống thác cũng xin theo quan Tư-mã (chỉ chức ông Siêu).

Ông *Siêu* mới nói rằng: « Không có gan vào tận hang hầm không có thể bắt con hầm cho được. Cái mưu kế bây giờ chỉ có nhân lúc đang đêm, lấy lửa đánh đốt dinh trại của giặc, nó chẳng biết ta nhiều người hay ít, chắc là sợ hãi lắm mà có thể giết hết được. Đã giết được quân giặc này thì nước Thiện-thiện, kinh hồn mất vía, mà thành công, xong việc chả có khó gì.

Những quan-thuộc có người bảo nên bàn với quan tòng-sự là *Quách-Tuân*. Ông *Siêu* dận nói rằng: « hay giở quyết ngay bây giờ, ông *Quách-Tuân* là người lại-giả chỉ quen lối văn nhân rút rát, nghe thấy sự này, chắc sợ hãi mà làm cho vỡ truyện, tiết lộ mưu cơ, thì chết uổng không còn có tiếng tăm gì, không phải là người tráng-sĩ » ai cũng cho là phải.

Đến đêm đem binh sĩ đi bọc chung quanh dinh của giặc, cho mươi người đem trống để sau dinh giặc giao hẹn cứ thấy đốt lửa là đều đánh trống reo hò vang lên. Còn bao người kia đều cầm cung nỏ phục ở bên cửa.

Ông *Siêu* mới theo chiều gió xuôi đốt lửa, đằng trước, đằng sau đánh trống hò reo, quân giặc kinh sợ rối lên, ông Siêu đánh chết vài ba người chém được sứ-thần của giặc và quân, các quân sĩ đi theo hơn 30 người, còn hơn trăm quân đều bị đốt chết.

Sáng sớm mai cho gọi vua nước *Thiện-thiện* ra, lấy đầu sứ-thần của giặc cho xem. Cả nước sợ hãi. Ông *Ban-Siêu* hiểu dụ đâu đấy, rồi báo tin thắng trận về kinh-đô.

Triều-đình ban khen công trạng, mới cho ông làm chức Quân-tư-mã, và muốn thêm binh cho, ông *Ban-Siêu* nói: « tôi chỉ xin đem những kẻ đã vốn đi theo tự trước hơn 30 người là đủ. Nếu có xảy ra thế nào, nhiều người càng thêm phiền lụy.»

Bây giờ vua nước *Vu-Điền* mới đánh vỡ được nước *Sa-Xa*, thế-lực rất hùng-cường, mà lại có nước *Hung-nô* sai sứ-thần coi hộ nước đó nữa. Ông *Ban-Siêu* đến nước *Vu-Điền*, tục nước đó rất mê-tín thầy-cúng, thầy-cúng nói Thiên-thần dặn về cớ sao lại có ý muốn quay phục với nhà Hán, phải bắt lấy con ngựa của Sứ-thần nhà Hán để cúng Thiên-thần. Ông *Ban-Siêu* mật biết được tình trạng thế, giả cách cho ngựa, nhưng bắt phải chính thầy-cúng đó đến lấy mới được, khi thầy-cúng đến, liền chém lấy đầu rồi đưa cho vua nước ấy xem và quở-trách về lỗi đó, vua *Vu-Điền* vốn nghe tiếng ông *Ban-Siêu* trước giết Sứ-thần của giặc ở nước Thiện-thiện, rất lấy làm kinh sợ, liền giết ngay sứ thần Hung-nô để hàng.

Xem mấy việc kể trên, chỉ có hơn ba mươi người mà có thể lập thành công được, thì đủ biết cái chí tiên-thủ của ông hoạt-bát là dường nào!

Nước Sơ-lặc bị nước Kỳ-Tử xâm chiếm, cho Dâu-đề làm vua, ông biết vua *Đâu-đề* không phải nói nước *Sơ-lặc*, chắc dân nước đó không theo mạnh lệnh, ông bắt *Đâu-đề* phải hàng, mà triệu những quan-lại nước *Sơ-lặc* lập con người anh vua cũ lên làm vua, người trong nước ai cũng vui lòng. Nhiều người xin giết *Đâu-đề*, nhưng ông không nghe, muốn đem cái lượng bao dung, tỏ cho biết cái ân oai của mình, nên tha cho về.

Khi nước *Yên-kỳ* đánh chết quan đô-hộ là *Trần-mục*, từ đó ông đứng *một mình bên đất nước xa-xôi, không* ai ứng viện, ở ngoài thì nước *Kỳ-tử* và *Cô-mặc* thường đem binh xúm lại đánh nước *Sơ-lặc*. Ông *Ban-Siêu* một mình cầm giữ cô-thành, quân sĩ rất là ít ỏi, chống giữ hơn một năm giời, cô liều chết để giữ lấy thế-lực cho nhà-nước, không hề lay-chuyển, vua *Chương-đế* nhà *Hán* thấy thế nguy, lại sợ ông một mình già yếu không thể chống nổi, mới sai với về.

Khi ông ở nước *Sơ-lặc* ra về, cả nước lo sợ; quan đô-uý là *Lê-yểm* nói rằng: ngài bỏ chúng tôi, chúng tôi chắc lại phải nước *Kỳ-Tử* chiếm mất, thực không nỡ lòng nào trông thấy ngài đi, liền tự vẫn chết, để tỏ ý xin ông thương đến dân nước *Sơ-Lặc* mà ở lại giữ cho. Ông đến nước

Vu-điền, hết thảy vương hầu giở xuống đều khóc lóc ôm lấy chân ngựa không cho đi.

Ông nghĩ đến tình người bản-xứ lưu-luyến, không nỡ dời chân, vả cũng muốn làm cho thỏa cái chí-nguyện của mình từ trước, mới quay giở lại nước *Sơ-lặc*.

Từ khi ông bỏ *Sơ-lặc* ra về, thì nước đó mấy nơi thành trấn lại hàng nước *Kỳ-Tử*, lúc ông trở lại, bắt chém những quân làm phản đi, thì *Sơ-lặc* lại được yên.

Xem việc ông giữ nước *Sơ-lặc*, tình thế cô nguy như thế, bốn mặt toàn là những nước cường-địch xung đột gớm ghê, thế mà ông hay dùng cơ mưu, oai-lực, giữ vững yên được, đủ biết cai chí khí lớn lao, cái đức tính kiên nhẫn, thâm trầm mạnh mẽ biết là dường nào!

Chỉ vì ông có chí khí lớn lao và đức tính kiên nhẫn ấy mà sau đánh được những nước *Uất-đầu*, *Cô-mặc*, *Ô-Tôn Sa-Xa*, *Nguyệt-chi*, *Yên-kỳ*, *Kỳ-tử*, *Ngụy-Tu*, và *Uất-lê*, làm cho hơn 50 nước ở xứ *Tây-vực*, thảy đều thần phục nhà *Hán* cả.

Cái chí khí của ông lại còn một điều to tát nhất là: khi ông đã bình định được xứ *Tây-vực* rồi năm *Vĩnh nguyên* thứ chín (sau Thiên-chúa 97 năm) lại sai bộ-tướng là *Cam-anh* sang sứ nước *Đại-Tấn* (Tức là nước *La-mã* bên châu Âu) đi đến gần bể, vì *Cam-anh* không quen nghề vượt bể, mới thôi, khi bấy giờ ông *Ban-Siêu* đã hơn 70 tuổi rồi.

Tiếc thay đời người có hạn, tính lực của người ta cũng có chừng; nếu ông *Ban-Siêu*, khi ấy chưa đến nỗi già nua quá đỗi, mà còn được chân tay mạnh mẽ, không phải liệt tê, tai mắt tinh tao, chưa hề mờ kém, thì chắc ông cũng quyết chí sang đến *La-mã*, mà bước đường *Âu*, *Á* giao thông bắt đầu ngay từ mấy nghìn năm về trước, há có phải chỉ đến Tây-vực mà thôi đâu.

Tóm lại ông Ban-Siêu là thân một kẻ nho sinh quyết bỏ nơi tổ-quốc mà len lỏi ra mãi xa khơi muôn dặm cõi ngoài, khôn ngoan về cách không phí tổn đến lương thực nước nhà, không cần phiền đến binh lính nước nhà, chỉ khéo lợi dụng quân *Tây-vực* lại đánh quân *Tây-vực*, nhiều phen quân giặc bốn bên xúm đánh, mà vẫn giữ được thế lực hoàn toàn hơn ba mươi năm giời, dong ruổi ngoài nơi cõi đất hiểm trở tuyệt mù, mà tấm lòng vẫn không chán nản, kết cục làm cho thế lực nhà *Hán* tràn khắp gần đến địa giới châu *Âu*, ông thực là một vị đại anh-hùng hào-kiệt trên thế giới vậy.

Lớn lao thay; mạnh mẽ thay; cái sự lập chí và cái tinh thần mạo hiểm của ông Ban-Siêu, nếu ông Ban-Siêu không có chí ấy, tinh-thần ấy, thì chẳng qua chỉ là một anh đồ quanh quẩn cùng cái bút cái nghiên, chớ có đâu được những công-nghiệp vẻ vang như thế.

Các bạn thanh-niên ta đang chăm chỉ về nghề nghiên bút, ai là kẻ giàu lòng tiến-thủ, xin hãy soi gương này mà quyết chí lập thân.

PHẠM XUÂN QUANG

THĂM MỘT VÀI HANG NÚI TRONG VỊNH HẠ-LONG

Ai cũng rõ xứ Bắc-kỳ ta danh-sơn thắng-cảnh thực nhiều : như hồ *Ba-Bể*, động *Tam-Thanh*, núi *Tản-Viên*, chùa *Hương-Tích*, đều là nơi phong cảnh hữu tình, khách du-lãm ai cũng cho là đẹp mắt. Nhưng có nhẽ chỉ có vịnh *Hạ-Long* là có nhiều người ngoại-quốc đến thăm-viếng hơn cả : vì cảnh-trí đã thiên-nhiên, lối đi lại thuận-tiện, nên những khách du-lịch ở các nước đến chơi xứ *Bắc-Kỳ*, không mấy ai là không tới thăm vịnh *Hạ-Long*.

Vịnh *Hạ-Long* (Baie d'Along) ở trong vụng bể *Bắc-Kỳ* (golfe du Tonkin), ngay ở *Hongay* đi ra. Tục truyền khi xưa có con rồng xanh thường ở trong vụng bể đó, vì thế mà gọi là Hạ-Long, (còn nhớ độ nào có người đi tầu bể đến đó, có trông thấy một khúc thân rồng nổi lên mặt nước, vẩy xanh-biếc, mùi tanh-nồng, câu truyện ấy đã có đăng báo).

Ta đi tầu thủy tự *Hongay* đến *Cửa-Ông* (Campha-Port), cứ đứng trong tầu mà ngắm nhìn xung-quanh, thì thấy trên mặt nước trong-xanh, có nhiều quả núi nhấp-nhô, coi không khác gì những núi non-bộ ta thường để trong bể nước con để làm cảnh, thực rất ưa nhìn. Những núi ấy mỗi cái một hình, ngoạn-mục vô cùng; tựu-trung có vài quả có hang rất đẹp : những hang ấy người ta thường gọi là hang *Đầu-Gỗ* (grotte de Merveille), hang *Cửa-Dứa* (grotte de Surprise) và *hang Luồn*.

Những du-khách đến chơi *Hongay*, muốn đi chơi vịnh và thăm hang, thì phần nhiều hay dủ nhau hai, ba mươi người thuê riêng một chiếc tầu-thủy mà đi, nhưng lắm lúc cũng phiền : vì phải chờ đợi nhau cho đầy thuyền ; còn như dăm ba người đi với nhau mà thôi, thì hay đi thuyền, nhưng đi thuyền thì lâu, tự *Hongay* đến hang *Đầu-Gỗ* (hang này cách *Hongay* độ 20 kilomètres), phải đi tự sáng đến trưa mới tới, có khi gặp phải gió to sóng cả, thì rất là khó chịu, giảm mất cả hứng đi chơi. Nếu thuê được xuồng máy (canot-automobile) mà đi, thì thuận-tiện nhanh-chóng hơn, tự *Hongay* đến hang *Đầu-Gỗ*, chỉ mất độ nửa tiếng đồng hồ.

Xuồng máy ấy của ông chủ hàng cơm-tây (hôtel des mines) *Hongay*, ở kề ngay bờ bể, lúc nào cũng có sẵn mấy chiếc để cho khách du-lịch thuê đi chơi vịnh *Hạ-Long* (giá thuê: cả ngày độ chừng 20$, nửa ngày 12$).

Ngày tháng 7 annam năm ngoái, tôi đến chơi thăm người anh em làm việc ở sở than *Hongay*, gặp được ngày hôm sau là ngày chủ-nhật, nên chủ-nhân có dủ đi chơi hang, tôi vui lòng nhận nhời ngay, chủ-nhân liền đi hỏi thuê xuồng để sáng hôm sau thì đi; thuê được xuồng rồi, chúng tôi liền sắp-sửa lương-thực và một vài thứ cần dùng như nến, đèn bấm v.v.

6 giờ sáng hôm sau, chúng tôi dùng lót-dạ xong, thì chủ-nhà và tôi cùng ba người đàn bà là gia-quyến chủ-nhân, cùng nhau ra đi. Đến chỗ xuồng đỗ đã thấy ông chủ hàng cơm đứng chờ ở đó, sau một vài câu chào-hỏi qua-loa, chúng tôi bước chân xuống thuyền.

Con thuyền sinh sắn bằng cái sa-lúp con; ở đằng đầu mui có bộ máy tự-động, đốt bằng dầu săng, hai bên mạn xuồng có hai tấm ghế gỗ dài để cho khách ngồi. Chủ hàng có cho một người coi máy cùng đi với chúng tôi để coi máy cầm lái và dẫn lộ nữa. Khi mọi người ngồi yên, thì máy mở sình-sịch, con xuồng dẽ lần sóng biếc mà đi nhanh như tên. Đến 7 giờ đã đến chân núi, trông lên thấy trên lưng chừng núi hiện ra một cái cửa hang, đây tức là hang *Đầu-gỗ*.

Chúng tôi ở xuồng bước ra ngay bực gạch đã xây sẵn tự chân núi lên đến cửa hang(nghe nói hồi đức *Khải-Định* ngự ra bắc-tuần, lúc sắp ra thăm vịnh *Hạ-Long* thì có ông Hàn . . , người *Quảng-yên* đem thợ đến xây sẵn những bực gạch ấy để đức vua tiện đường lên xuống. Vì có công trạng đó, nên ông đã được ơn trên ban khen).

Trèo hết bực gạch thì đến cửa hang, hang này chu vi rộng chừng 400m2, thông thênh như một cái chùa to; ở trên đỉnh hang — như cái trần nhà — có nhiều gân đá nổi lên, suốt

bên nọ sang bên kia, không khác gì những tràng hoa (guirlande) giấy trăng lên vậy. Lại có nhiều vú đá (thạch-nhũ) ở trên rủ xuống, đẹp-đẽ lạ thường.

Bước xuống đến chân núi gần cửa hang để đi vào cửa hang, thì trông thấy ngay cái bia đá có khắc bài thơ ngự-chế của đức Khải-Định (bài thơ bằng chữ Hán đã có đăng trong Tạp-Chí Nam-Phong) bia ấy nằm nghiêng dưới cửa hang, trên mặt bia có nhiều nét sơn đỏ. Nói đến nét sơn đỏ, thì tôi lại không khỏi phàn-nàn mà sực nhớ đến ở trên trần hang và vách hang chung quanh, chỗ nào cũng có những chữ 大 田 (*Đại-điền*) 中 山 (trung-sơn) v. v. to bằng cái chiếu to một, đều viết bằng sơn đỏ cả. Cứ xem những chữ viết đó, có thể đoán biết là trước kia những ông du khách người nước *Lùn* đến thăm hang rồi viết để làm kỷ-niệm, các ông viết chán rồi lại bôi cả vào bia. Phong cảnh thiên-nhiên vì mấy chữ son loẻ-loẹt của các ông mà giảm mất vẻ đẹp.

Trong hang có nhiều trụ-đá, phần nhiều là đá vôi, lấy tay bẻ mấy mẩu đá con bóp ra thì vụn tan như bột. Chúng tôi vào quá bên trong, thì hang đã tối mò, phải đốt nến lên, rồi mỗi người cầm một cây, vừa soi vừa trèo lên những phiến đá lăn-lóc ở trong hang mà đi lần vào, đến phía trong thì thấy cao hơn phía ngoài, tưởng như lên trên tầng gác; đốt nhiều nến soi xem, thấy vô số những mẩu đá, mỗi mẩu một hình, mẩu thì hình như người lực sĩ đứng, mẩu thì hình như ông lão ngồi, mẩu này giống hệt con hầu, mẩu kia y như chim quạ, kỳ-hình quái-trạng, kể ra rất nhiều.

Thần tình nhất là có một trụ-đá ở dưới hang nhô lên, trên đầu trụ tòe ra như cái mâm mà nhẵn-thín, ở phía trên thì có nước ở trong những khe đá dỏ xuống đó tí-tá h luôn luôn, vì thế mà mặt trụ ấy lõm xuống như hình chậu-thau, đầy ắp những nước, vọc tay vào xem thì thấy mát lạnh, vốc một ít mà uống thì thấy ngòn-ngọt. Giá những lúc khát, được mấy hớp cam-lộ ấy mà uống, thì thú biết chừng nào!

Lần quá vào phía trong nữa, thì đến một chỗ kẽ đá, chỉ một người lách vừa, bấm đèn lên soi vào, chẳng thấy gì cả, vì ở trong còn có nhiều mẩu đá che lấp đi. Chúng tôi đã toan lách vào để thử thăm xem bên trong còn có chi lạ không, nhưng rở đồng hồ ra ánh nến mà trông thì đã gần 9 giờ rồi. Nếu cứ liên-miên ở đấy, sợ không kịp giờ, vì còn muốn đi thăm vài hang nữa; nên phải lần bước trở ra.

Mọi người ra tới cửa hang, bước xuống bực gạch rồi, mà ai nấy cũng còn ngoảnh cổ lại nhìn, có ý mến-tiếc lắm.

Bước đi mỗi bước một ngừng,
Ngẫm khi tái-ngộ biết chừng nào đây?

Chúng tôi xuống thuyền, con thuyền lại từ-từ dẽ sóng mà đi, độ nửa tiếng đồng-hồ, thì đến hang *Cửa-Dứa*. Cửa hang này cũng ở trên lưng-chừng núi như hang *Đầu-Gỗ*; nhưng ở chân núi đi lên, không có bực gạch xây sẵn. Chúng tôi phải bíu lấy cành cây ở sườn núi và bước lần lên những mẩu đá, hồi lâu mới đến cửa hang. Mấy người đàn bà, vì lòng ham-thích, tính tò-mò, mà cũng chịu khó lẽo-đẽo leo lên bằng được.

Đứng ở cửa hang nhìn vào, thì thấy trong hang này cũng rộng vùng ra chẳng kém chi hang Đầu-gỗ, nhưng không có chi là đẹp, chỉ có nhiều tảng đá nằm chồng-chất lên nhau mà thôi. Chúng tôi trèo qua tảng nọ đến tảng kia mà đi lần mãi vào, đến phía trong cũng thấy cao hơn phía ngoài, ở đây có một phiến đá to rộng phẳng-phiu, bề mặt rộng chừng dài vừa bốn cái chiếu to, nằm gần ngay cửa hang trên.

Mọi người leo trèo tới đó, ai cũng mỏi-mệt, nên cùng ngồi xuống nghỉ-ngơi; ở cửa hang nhìn ra, thấy ở đằng xa có nhiều quả núi, ngọn thấp ngọn cao; mấy chiếc thuyền buồm, cái đi cái lại; dưới chân núi thì những làn sóng biếc đánh vào mẩu đá, bọt tóe cao lên, nhìn cũng thích mắt; cửa hang gió thổi ào ào, mát lạnh cả người. Bấy giờ trong người tôi khoan-khoái vô cùng, mất cả mệt-nhọc.

Mọi người đều đã đói dạ, nhân lại được chỗ đó mát-mẻ, ông bạn tôi mới ròm xuống chân núi mà gọi người coi máy ở dưới xuống nhờ họ đem hộ những lương thực lên. Một lúc thì người ấy ôm lên một bọc to, dở ra thì bánh tây, cơm nắm, nào gà rán thịt quay, lá

thêm vài chai vang trắng với mấy chai bia nữa. Chúng tôi cùng nhau ăn uống no say, bữa cơm ấy mới ngon miệng làm sao, những lương thực mang đi đều chén hết ráo.

Ăn uống song, thì tôi liền ngả lưng cho đỡ mệt, sắp thiu thiu ngủ thì ông bạn liền đánh thức dậy để đi ra hang, tôi đành phải gửi lại giấc ngủ của cụ *Trần-Đoán* ở trong hang đó, mà cùng mọi người lại leo trèo xuống cửa hang dưới rồi lần bước xuống thuyền.

Con thuyền liền từ-dã hang đó mà tiến đi, không bao lâu lại đến một cửa hang nữa.

Hang này khác hẳn hai cái hang trước, vì cửa hang ở ngay dưới chân núi, trông hình như cái cửa-thành đá vậy. Thuyền cứ từ-từ đưa chúng tôi vào trong hang, ngồi ở trong thuyền, ngửa mặt nhìn lên, thấy chần đá nhẩn lỳ ; cúi đầu trông xuống, thì nước bể xanh ngắt ; ở gần 2 bên vách hang, có nhiều trụ đá mọc nhô lên mặt nước, cao hơn mặt nước độ một thước tây, cái nào cũng khoát độ vài tấc tây một, mỗi bên có đến hai mươi cái.

Thiết-tưởng trong mùa viên-nhiệt, ai là người muốn tìm chốn thừa-lương (bóng mát), nên dủ bạn tri-âm, bơi một con thuyền đủng-đỉnh đến hang này, cột thuyền vào trụ đá ấy, rồi cùng nhau chén rượu cung đàn, lưu-thủy cao-sơn sẵn bày trước mặt, thì thanh-tao, khoan-khoái biết là chừng nào ?

Đương mải ngắm-nghía nghĩ ngợi, thì con thuyền máy đã chui qua hang mà ra cửa hang ở chân núi bên kia. Ra khỏi cửa hang này, thì thấy xa-xa có một rặng núi, bao-bọc lấy làn nước trong-xanh ; một vùng nước bể ở giữa thành ra một hồ con, thuyền chúng tôi dạo quanh một vòng, rồi lại chui qua hang ra. Vì hang này có 2 cửa thông nhau như vậy, thuyền bè có thể qua lại trong hang được, nên người ta gọi là hang *Luồn*. Chúng tôi đến thăm đó, nhằm vào lúc gần trưa, chứ đến chiều tối, thì nước dâng cao, lấp kín cửa hang, không thể vào được.

Khi xuống đã ra khỏi cửa hang ngoài, thì vừa đúng 11 giờ trưa, người cầm máy có bảo chúng tôi : ra quá ngoài khơi còn có một vài hang nữa đẹp lắm. Nhưng vì chúng tôi thuê xuống có nửa ngày thôi, nên phải dã non dã cảnh, mà bảo người cầm máy cho xuống trở về bến *Hongay* Bấy giờ sóng bể nổi to, thế mà ngồi trong xuồng vẫn êm-ái như du, con thuyền máy cứ dẽ làn sóng biếc mà đi rất nhanh, chả khác gì ô-tô phóng trên bộ vậy. Một lúc thì đến bến Hongay, chúng tôi giao giả xuồng rồi, lên bộ về nhà. Tôi vừa đi vừa ngoái cổ nhìn lại mấy quả núi xanh xanh ở chân giời góc bể mà cảm-hoài lai-láng.

Bâng-khuâng lòng lại hỏi lòng,
Chủ-nhân nước Nhược, non Bồng là ai ?

Văn Đình — Bạn-nguyên
Cử-nhân NGUYỄN-BÁ-KHẢI

NÔI-HÓA

ông NGUYỄN-NGỌC-THÁI
Mới chế tạo ra
Thứ **SA PHONG THO'M**
Hiệu "CON RỒNG"
ở Rạch-Giá (Nam-kỳ).
Giá mỗi bánh **0$15**

Ai cũng nên đọc:
TAN-THANH TAP-CHI
Chú-trọng về :
Văn-chương ; Khoa-học và Mỹ-thuật
Tháng ra 4 kỳ vào ngày thứ năm,
Tòa báo số 26 phố Hàng Bông Hanoi
(Nhật-Nam Thư-Quán)
GIÁ BÁO :
Mỗi số **0$15** ; ba tháng **2$00** ; sáu tháng **3$60** ; một năm **7$00**
Mua báo thơ và mandat chỉ đề như vậy:
TÂN-THANH TẠP-CHÍ HÀ-NỘI

NỮ GIỚI TUNG-ĐAM

(Những bài vở thuộc về bên nữ-giới)

Cảm tình của người đàn-bà đối với sự mưu đồ công danh sự nghiệp của người chồng rất có quan-hệ.

Vợ Trùng-Nhĩ và vợ Phụ-Cơ

Đời *Xuân-thu* vào năm thứ 22 vua *Huệ-vương* nhà *Chu* (tức là trước kỷ-nguyên lịch-lây 655 năm).

Ông Trùng-Nhĩ là con thứ ông *Hiến-công* nhà *Tấn* thấy anh cả là *Thân-sinh* bị vợ hai ông *Hiến-công* là nàng *Ly-Cơ* dèm pha phải chết, mới phải chạy đi lánh nạn ở nước ngoài, mười mấy năm giời lưu ly vất vả, có khi bỏ cả vợ con (1) mà chạy quanh khắp nước nọ nước kia.

Khi chạy đến nước *Tề*, ông *Hoàn-công* nước *Tề* nghĩ tình con nhà gia-thế, đem con gái là Nàng Khương-thị gả cho, và đãi rất hậu cho 20 cỗ xe ngựa (mỗi cỗ bốn con).

Trùng-nhĩ trước vốn có chí mong về phục quốc để tranh bá đồ vương, bấy lâu trải bước gian nan, đã nhiều phen khó nhọc lo âu, nay được chỗ an-nhàn, toan yên nghỉ trọn đời sống thác ở Tề thôi, không tưởng đến chi khí vùng vẫy bốn phương như trước nữa, có khi nói rằng: « người sinh ra đời, cốt được yên vui xong việc, ai cần chi đến sự kia khác nữa làm gì ».

Mấy người bầy tôi thân là lũ Tử-Phạm đi theo từ trước vẫn cho là ở yên đây không được, đến năm ông *Hoàn-công* chết, các nước quay lại làm phản nước *Tề*, ông *Tử-phạm* biết cái cơ nước *Tề* không thể giúp cho mình về nước được, và lại biết cái ý ông *Trùng-nhĩ* toan ở yên nước *Tề*, mà không muốn đi đâu nữa, bọn họ sắp đi nước khác mà lại sợ ông *Trùng-nhĩ* không chịu đi, ấy Trùng-nhĩ vì cái tình quyến luyến nữ-nhi mạnh hơn, mà đã toan làm cho cái chí-khí anh-hùng kém bớt đi, các bầy tôi thân cận từ thủa nhỏ, theo đòi tin cậy, trong lúc gian nan hàng mấy năm giời, thế mà nói phải cũng không nghe, chỉ vì quá vui xum họp chốn khuê-phòng, mà quên cả những lời dặn dò của thầy tớ.

Ông *Tử-Phạm* mới cùng với các người đi theo khác bàn nhau ở dưới áng dâu, ai ngờ có người con gái hái dâu ở đằng trên, các người đó bàn nhau, không biết rằng nó ở áng dâu trên, nên nó nghe hết mưu-kế bàn nhau, liền đem truyện ấy báo với nàng *Khương-thị*. (Vợ Trùng-nhĩ) nàng *Khương-thị* sợ mưu tiết lộ, đang lúc nước *Tề* bị các nước làm phản, mà anh để lại muốn đi, chắc là vua *Tề* tức dận không cho đi, nên đành phải cả quyết giết đứa con gái hái-dâu cho kín truyện, rồi bảo *Trùng-nhĩ* rằng: « Chàng vốn có chí vùng vẫy bốn phương các người đi theo sắp đưa chàng đi, có đứa nghe thấy truyện đó, tôi đã giết đi cho rồi, chàng nên theo đi, đừng có nghi ngờ chi nữa, đã hay nghi ngờ thì giời cũng chẳng giúp đỡ cho được mà danh-mạnh không thể thành được, thơ *đại-minh* ở thiên *đại-nhã* trong kinh *Thi* có câu rằng: « *trời đã soi thấu đến ta, có điều chi nữa. mà ngơ ngẩn lòng* ». Vua *Vũ-vương* ta trước cũng chỉ vì biết mạnh trời, không thể nghi-ngờ, nên sau lấy được thiên hạ, thế thì có lẽ nào còn nghi ngờ nữa du.

Chàng vì đi lánh nạn nước *Tấn* mà đến đây, từ khi chàng ra đi, tôi xem nước *Tấn* không có năm nào yên lặng, giời chưa làm mất hẳn nhà *Tấn*, nên anh em cùng sinh với chàng chín người, mà chỉ còn có một mình chàng, không còn ai nữa, thì sự lấy nước *Tấn* sau này, chẳng phải chàng thì là ai? chàng nên gắng sức tiến lên. Lòng trời đã soi xét đến chàng rồi đó, nếu còn ngờ hoặc, chắc có cữu to, ông Trùng-nhĩ rả lời rằng: « tôi không đi vận động nữa, đành chết ở đây thôi ».

Nàng *Khương-thị* nói như thế không được, nên đi đi, thử xem thơ *Hoàng-hoàng-giả-hoa*

trong thiên *Tiểu-nhã* ở kinh Thi có câu rằng : 莘莘征夫每懷靡及 sần sần chinh phu, mỗi hoài mỹ cập» «người đi tập nập bên đường, nghĩ công việc lớn, vội vàng dám khuây.» Ý nói rằng người vâng mạnh ra đi, nên nhớ đến việc công, việc nào cũng phải lo nghĩ, chỉ sợ không kịp; vậy nên sớm hôm đi mãi, không dám nghỉ ngơi còn sợ không kịp. Huống chi lại muốn ham mê những sự âm thân, thoả lòng dục vọng nhỏ nhặt, nghĩ nhớ những sự yêu vui thường tình, còn làm sao cho kịp nữa, người ta đã không chịu cầu cho kịp thời, thì còn hay kịp thời được du, ngày tháng thoi đưa, người ai yên lặng cho được.

Trong sách phương Tây (nhà Tây *chu*) có câu rằng:

Ham mê, yên ấm là hư.
Công danh sự nghiệp nát dử còn chi,»

Thở *Tương-trọng-tử* trong thiên *Trịnh-phong* ở kinh *Thi* có câu:

Chút tình nhớ bác đinh ninh.
Nhớ thì vẫn nhớ' còn kinh miệng người.

Ý nói là vẫn nhớ đến cái ái-tình của bác, nhưng sợ người ngoài nói lắm mà phải thôi đi.

Xem thế đủ rõ sự ham mê yên ấm, cũng cần sợ đến người ngoài nghị luận vậy.

Vả trước kia chính tai thiếp được nghe ông *Quản-trọng* có nói rằng: «*Sợ uy phép như sợ ốm đau, là người bậc thượng-lưu, chỉ biết theo lòng ham muốn như nước chảy xuôi là bậc hạ-lưu, thấy sự ham muốn thì lại nghĩ đến uy phép khá sợ, ấy là bậc trung-lưu đó.*

Sợ uy phép như sợ ốm đau, mới hay làm cho dân sợ, hay làm cho dân sợ, mới làm được bậc trên người ta, nếu không sợ uy phép, thì chắc có tội lỗi.

Chỉ biết theo lòng ham muốn như nước chảy xuôi, thì đã không có thể làm cho dân sợ nữa rồi, thế cho nên gọi là hạ-lưu, chắc là có lỗi nữa thời dẫu cao chẳng đến được bậc thượng-lưu, thấp không đến như bậc hạ-lưu, có thể cho khỏi lỗi, thì ta theo bậc trung-bình vậy. Như ý trong thơ Trịnh-phong là nói ta theo bậc trung-bình đó, theo cái bậc sợ nhiều miệng người ta nói năng nghị luận đó.

Ấy cũng bởi thế, mà quan Đại-phu là ông *Quản-trọng*, đem lẽ đó mà sắp đặt chính-trị nước *Tề*, giúp ích chính-sách đức Tiên-quân cho thành được nghiệp bá đó, những sự nên chăng rành rành như vậy.

— Thế mà chàng lại bỏ đi, chẳng cũng khó lắm ru?

Hiện bây giờ chính trị nước *Tề* hư hỏng cả rồi, nước *Tấn* không còn thế thống đã lâu rồi, những người đi theo chàng mưu kế rất là trung thành thời-vận đã đến rồi, cái ngày giờ của công-tử lấy được nước đã gần tới rồi. Cầm chủ quyền nước *Tấn* có thể cứu tế cho nhân-dân được, mà mình lại vất bỏ đi, thế không phải là người giỏi, chính trị nước *Tề* đây đã bại không thể ở được nữa ; thời-cơ đã đến không có thể để mất, mưu hay kế phải, không có thể bỏ, sự ham-mê, yên-ấm không thể theo đuổi mãi chàng nên đi sớm ngay đi.

Huống chi loạn không loạn lâu mãi, đời đời tất có khi bình-trị, các công-tử nước *Tấn* chỉ còn có chàng, chàng tất được nước *Tấn* cớ sao cứ ham-mê, yên-ấm mãi ru?

Nàng *Tề-Khương* uyển-chuyển lấy hết mọi lời-lẽ khuyên bảo công-tử mà công-tử cũng quyết không nghe, nàng mới bàn cùng Tử-Phạm lập mưu cho công-tử uống rượu say mê, say mệt, chẳng biết chi nữa, sai các người đi theo đưa lên xe chở tuột ngay đi.

Đến khi *Trùng-Nhĩ* tỉnh ra mới biết rằng đã đi khỏi nước *Tề* rồi; vì ông ta không có chí đi, nên thấy vậy, tức dận quá, cầm giáo đuổi ông *Tử-Phạm*, bảo rằng: nếu không làm nên được việc gì, thì tôi làm thịt cậu mà ăn cho chán mới cam.

Ông *Tử-Phạm* vừa chạy vừa trả lời rằng: nếu không làm nên xong việc, tôi chưa biết rằng chết ở chỗ nào, đánh nhau đến chết ở núi rừng, công-tử chạy còn chả kịp, còn rỗi đâu mà hay lại cùng hùm sói chanh nhau ăn thịt của tôi ? Nếu hay làm nên, công-tử chẳng thiếu của ngon, thứ lạ ở nước *Tấn*, chắc an còn ngon bằng mấy, chớ thịt của tôi tanh hôi, có ăn làm sao được! và lại việc này cũng nhờ có nàng Tề-Khương quả quyết, chớ có phải một mình chúng tôi đâu.

Bây giờ *Trùng-nhĩ* mới chịu đi hẳn.

Khi *Trùng-nhĩ* sang *Tào*, vua nước *Tào* cũng không kính trọng, có người vợ của *Hy-Phụ-Cơ* (quan đại-phu nước Tào) nói với chồng rằng : « Tôi xem Công-tử nhà Tấn (Trùng-nhĩ) là người dồi đó, những người đi theo đều là có tài giúp được nước cả, bấy nhiêu người giúp một người, chắc lấy về được nước Tấn, để làm vua, đã về nước làm vua chắc đắc chí với các nước chư-hầu, đã đắc chí với chư-hầu, mà đánh giết những nước vô lễ, thì nước *Tào* bị giết đầu tiên đó, chẳng sao không sớm liệu đem lòng thành kính mà biệt đãi ông ấy, cho khác cách với vua *Tào*.

Bây giờ *Phụ-Cơ* mới sai lấy mâm đựng thức ăn mà biếu *Trùng-nhĩ*, vì làm tôi không được phép giao thiệp với các nước ngoài, nên *Phụ-Cơ* mới giấu ngọc vào trong thức ăn mà biếu, không muốn cho người khác biết, nhưng *Trùng-nhĩ* chỉ nhận thức ăn để lĩnh biết ý-tứ, thỏa lòng người biếu, còn giả lại ngọc không lấy, cho tỏ lòng mình không tham tài rồi đi.

Sau quả nhiên *Trùng-nhĩ* giở về được nước *Tấn* làm vua, xưng bá với thiên-hạ.

Tóm lại truyện này, *Trùng-nhĩ* vẫn là người có chí, trước bỏ cả vợ và hai con ở nước *Địch* mà đi, để lo tính công việc, nhưng vì bơ vơ đất khách lâu năm, chưa được việc gì, nên đến *Tề* lấy được gái đẹp con vua, liền toan ngã chí, nếu nàng *Tề-Khương* mà lại là gái si-tình như kẻ khác, chỉ biết ái-tình là nặng, có kể gì sự-nghiệp là hơn, những mong xum-họp vui-vầy, nào lại muốn chia phôi cho luông âu-sầu cách-trở. Nhưng *Tề-Khương* lại khác hẳn thường tình, lấy sự chăn gối yên vui là nhỏ mà không vội, cho sự xông pha muôn dặm đường trường, cốt mưu đồ sao cho nên công danh sự nghiệp mới là việc to, là cần thiết, nên một niềm quả quyết, nào giết con hầu cho mưu khỏi lộ, nào hết nhời khuyên giải cho công-tử quyết đi, thế mà công-tử vẫn cứ say mê, không hề tỉnh ngộ, đã hay có tính say mê, liền lợi dụng ngay cách say mê để giúp việc, quả nhiên Trùng-nhĩ đang say về sắc đẹp mà ham mê yên ấm cho xong đời, lại khéo làm cho say luôn về rượu ngon để tạm biệt, tiễn đưa ra khỏi cửa.

Khôn ngoan thay! nàng Tề-Khương! hào hiệp thay! nàng Tề-Khương! người ta tưởng rằng thế là vô-tình, là đạm bạc với tình, mà kẻ thức-giả phải phục rằng thế mới là ái-tình chân-chính cao thượng vậy. *Trùng-Nhĩ* nên được nghiệp bá chẳng cũng nhờ ở cái trí mưu quả quyết, cái chí-khí khẳng-khái của nàng ru!

Đến như Vợ Phu-Cơ cũng lại là một người đàn bà có trí phán-đoán tinh khôn, khi đó *Trùng-Nhĩ* đương gặp bước lưu-ly xem câu *Tào-bá* nói với Phụ-cơ rằng : « Công-tử các nước chư-hầu đi trốn nhiều lắm, ai chả đi qua đây, những kẻ trốn đều là phường vô lễ cả, ta còn lễ kính họ làm gì » biết rằng vua quan nước Tào không coi *Trùng-Nhĩ* ra gì cả, thế mà chỉ có người vợ *Phụ-cơ* lại hay biết rằng *Trùng-Nhĩ* sau chắc đắc chí, mà xui chồng giao thiệp với bực chân-nhân. Thực là : « khen cho con mắt tinh đời, anh hùng đứng dữa trần ai mới giả. » Kể như hai người đàn bà đã kể trên này cái cảm tình đối với sự mưu đồ công-danh sự-nghiệp của người chồng đều có quan hệ rất lớn vậy, chị em nữ-giới cũng nên coi đó làm gương!

Văn-lang

Hán-việt Từ-điển

Đương in, hơn ba vạn danh từ

Giá đặc biệt : Hạng tốt 7$50

Hạng thường 5$50

Nhận mua trước đặt 1$00

ĐÀO-DUY-ANH

Quan-Hải (Huế)

Có bán cả AN-NAM TẠP-CHÍ

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ KY

XÃ-HỘI THIỀN DÀM

Hội Tư-văn ở hương-thôn nên đổi làm hội khuyên-học

Mới rồi đọc *An-nam Tạp-chí* công-kích cái đầu bài thời-sự của bảo *Đông-Phương* « Cụ Khổng-phu-tử được bữa no say ». Tuy thuộc về thời-sự, nhưng ngụ-ý khen chê cái tục mượn việc tế thánh mà ăn uống. Nhân thế tôi mới nghĩ ra cách đổi hội tư-văn ở hương-thôn làm hội khuyên-học.

Ở khắp xứ Bắc-kỳ, tỉnh, phủ huyện, tổng, xã hầu hết đều có đền thờ đức Khổng-tử, duy tên gọi khác nhau; tỉnh thì là văn-miếu, phủ, huyện là văn-tử, ở thôn quê là văn-chỉ,

Cứ mỗi năm 2 lần, tế, tháng hai và tháng tám. Tỉnh tế ngày đinh đầu (thượng đinh 上丁) phủ, huyện ngày đinh dữa (trung đinh 中丁) thôn quê ngày đinh cuối (hạ đinh 下丁).

Hội Tư-văn không biết có tự bao giờ. Buổi đầu các cụ nhà nho, tôn sùng đức Khổng-tử lập miếu thờ, dùng lễ sinh (con vật) để tế, mong ngài phù hộ cho nho-phái ngày càng thịnh. Nhưng khốn nỗi nhà nho thì ít, nên sau cho cả các người không phải nhà nho mà có chức sắc vào hội. Có làng cả đời chả có ai đỗ đạt gì, cả làng cả dân không biết chữ, thế mà họ cũng có văn-chỉ, cũng tư-văn, cũng tế thánh, cũng ăn uống, sự này khiến cho ta rất khó hiểu. Chẳng qua họ mượn cớ ra để mà ăn uống đó thôi, giá đức Khổng mà có biết cũng phải tức cười rằng: lũ dốt nó tế mình để làm gì?

Một hội tư-văn trong làng có ít hội-viên đầu, ta gọi là quan viên tư-văn, hầu hết cả làng là quan viên, từ đứa bé lên sáu tuổi sắp lên.

Tục hương-thôn ai không có chân quan-viên thì bao sự ăn uống, họp bánh đều không được dự. Cho nên dân ở thôn quê quanh quẩn xuốt đời, ngoài sự lo ăn mặc, lại phải lo ngôi thứ, kẻ được ngôi tư-văn thì vỡ nợ về khao vọng, kẻ chưa có, mong sao cho có. Những là mất thời giờ về miếng ăn.

Các nhà ngôn-luận vẫn hô-hào mong nâng cao trình-độ của dân ta, nào cải lương phong-tục, nào dân khôn, khắc quan-lại bớt tham-nhũng. Những tiếng hàng ngày vẫn thấy vang động trong nước, nhưng có nói lắm chăng nữa, cũng mất công mà thôi, vì tờ báo có bao giờ qua mắt mấy ông tư-văn không biết chữ ấy đâu mà hạng này chiếm số nhiều.

Chữa bệnh cốt ở gốc, chứ cứ thấy chứng nào trị chứng ấy, thì gọi là chữa ngọn, sao cho khỏi được. Nói đây nhà làm thuốc sẽ viện câu « cấp tắc trị kỳ tiêu » (1) Vâng thế thật, nhưng bệnh của dân ta, là cái bệnh nội thương, thủy hỏa câu hủ, chết cũng lâu chết, mà sống cũng lâu sống. Nhưng nếu cứ phát tán mãi thì chỉ chết mà thôi.

Cái bệnh của dân ta là bởi đâu?

Tôi tưởng hội Tư-văn hủ bại cũng là một cái nguyên-nhân trong các nguyên-nhân nó làm nên bệnh.

Như trên đã nói, một người làm lụng chân lấm tay bùn, không đủ nuôi vợ con, lại bị quan viên đàn anh khinh bỉ, tức lắm, cố ăn nhịn để dành, vay công lãi nợ, lo lấy 200, 300$ để vọng, khao lấy được chân tư-văn, ích lợi chẳng thấy đâu, đã thấy bồng con bế cái lên rừng thiêng, nước độc làm mướn rồi.

Tôi thường hay đi chơi các chốn thôn quê, mà ngay ở làng tôi cũng vậy, cho nên tôi lược biết cái tình hình như thế. Lại biết thêm nữa rằng: Lập nên một ngôi văn-chỉ kể tốn bạc ngàn, để dùng vào việc tế-tự có 2 lần, ruộng nương của hội có tới 10 mẫu, đồng niên thu lợi được trên 300$ tiền mua tư-văn (tiền nhập hội) vọng, khao tốn đến 300$ nữa, thế là mỗi năm hội thu được trong ngoài 5, 6 trăm bạc, một số tiền như thế đối với thôn quê không phải là nhỏ, thế mà dùng vào việc ăn uống, tưởng có phí không?

---

(1) Khi nguy cấp hãy chữa ngọn đã

Đầu đường, só chợ, lũ trẻ chín, mười tuổi, mặt nhọ, mắt toét, mũi thò lò, túm năm, tụm ba, đánh khăng, đánh dáo, giờ hết các câu đều ra mà cãi nhau, ục nhau chí mạng, sao chúng nó không đi học, ở làng xa trường dã đành, làng có trường công hẳn hoi, mà cũng thấy lơ thơ mươi lăm cậu đi học cho đỡ nghịch mà thôi. Sao thế ! ?

Ông Trương A nói :

Nhà tôi nghèo không lấy gì cho đi học được.

Ông xã B mát mặt hơn nói :

Làng cháu công việc ăn uống luôn, không mấy lúc ngơi, cho cháu đi học, phải nghỉ luôn bất tiện. Vả không ăn thì đói, chứ không học có đói đâu.

Xin giả nhời rằng : nếu xã ta không có trường, mượn văn-chỉ làm trường, bỏ sự ăn uống trong món tư-văn, lấy lợi ruộng nuôi thầy, thừa tiền mua giấy bút phát không, hoặc bán rẻ cho con nhà nghèo. Còn như nhịn ăn thì giời cũng phải chết, nhịn học mà dốt thì không chết thật, nhưng sống một cách khốn nạn, thà rằng chết, sống cũng như chết vậy.

Ừ ta uống nước chớ quên nguồn đi nữa, ta nên làm lễ kỷ-niệm cụ Khổng một cách chính đáng hơn. Như người Tầu là đồng-bào với cụ, mà họ còn cải-lương làm lễ kỷ-niệm thay, huống hồ là ta. Làm thế lại thêm vẻ tôn-nghiêm, trịnh trọng hơn ta bây giờ.

Các cụ nhà nho ta ngày nay, tuy vậy, ở chốn hương thôn vẫn chiếm được cái địa-vị quan trọng, vẫn là người hướng đạo rất được lòng dân tín-nhiệm. Một nhời nói ra, phải là phải, trái là trái, đố bố cu, bố đĩ nào giám hé răng.

Các cụ đã có học, tất cũng có khi xem đến các sách tân-thư Tầu như Ẩm-băng, Du-ký. Hoặc sách tây dịch ra chữ tầu như Lư-Thoa, Mạnh-Đức, thời sự trông xa thấy rộng có cao. Mà các cụ xem sách xong gập lại, vuốt dâu, nét mặt buồn rầu, thở dài, dân ta bao giờ được như họ.

Họ là người cũng như ta, sao họ khôn mà ta ngu ? Các cụ chỉ biết thở dài, đổ cho thời vận. Chẳng vận nào cả, lỗi ở người hướng-đạo, nói cho đúng lỗi ở các cụ cả.

Các cụ để cho tiền dân tiêu tốn về việc ăn uống mà con em không được học.

Các cụ để cho họ mất cơ mất nghiệp về ngôi ăn chốn ngồi mà con em ngu dốt.

Các cụ để cho họ vì miếng ăn mà thù hằn kiện cáo nhau, mang than đi đút vào lỏ, mà con em dại dột, có đang tám không ?

Các cụ khóc về vận mà không biết đàng khóc. Các cụ buồn về thế mà không biết đàng buồn.

Tiện đây xin hiến các cụ cái kế hoạch giúp ích cho dân thôn.

Là nên đổi hội Tư-văn làm hội Khuyến-học.

1° Mỗi năm một kỳ, vào ngày sinh nhật đức Khổng-tử làm lễ kỷ-niệm, bằng hương, hoa, nến.

2° Châm-chước kiểu mẫu hội Khuyến-học hiện có ở tỉnh Bắc-Ninh, xin lập điều lệ có xin phép quan trên.

3° Lấy văn-chỉ làm trường học, hoặc thư-viện, mua sách, báo cho dân xem.

4° Lấy tiền lợi tức hàng năm nuôi thầy giáo, hoặc trợ cấp học bổng cho học-sinh nghèo muốn theo học lớp thành-chung.

5° Mua giấy bút, sách phát cho học-sinh nghèo,

6° Phụ cấp cho thầy giáo, nếu được người làng giúp không càng hay, mở lớp dậy người lớn, mỗi tuần một buổi tối.

Những điều tiên này là tôi mới phác ra thôi, chắc cũng còn thiếu sót, hoặc thừa.

Vả tùy theo mỗi nơi mỗi quỹ hội mà thay đổi.

Bảo rằng nhà nước đã bắt dân cải-lương hương-tục rồi, mình còn phải cải gì nữa. Nhưng than ôi ! cải-lương thì hay thật, những kẻ thừa hành nào mấy ai có nhiệt-thành, chẳng qua thêm mỗi dân ban hội đồng, lả thêm cho quan phụ-mẫu một số tiền mừng tết. Ban hội-đồng tiêu pha có sổ sách, sổ sách gì họ ; mỗi năm kỳ làm sổ chi thu, mang mấy đồng bạc cho bác nho, mượn biên bộ, miễn là chi với thu vừa vặn là được. Thực ra họ cứ thu liều, cứ tiêu bậy, dân ai có kiện họ dơ sổ ra là yên truyện. Cho nên ta có thể gọi là kẻ cắp có sổ sách.

Cho dẫu có nhiều làng thể theo ý chánh-phủ, thực bụng cải-lương đi nữa. Nhưng cái gì cũng phải chờ chính-phủ. Chính-phủ trăm công nghìn việc thì giờ đâu mà đề-cập đến việc ấy được. Cho rằng dư-luận cố nài xin, mà chính-phủ có chú ý đến, nhưng đến khi thực-hành được, tốn bao nhiêu công nghiên-cứu, thí-nghiệm.

Chứ chúng ta ở gần nhau hơn, tình thế am hiểu, bổn phận là dân, phải giúp chính-phủ trong các việc công ích, mà chính-phủ hoặc chưa làm được, hoặc không làm được.

Nhưng mà nếu hội khuyên-học sau này lại như hội Trí-tri Thai-binh thì buồn quá.

Vậy thưa với các cụ nhà nho ta rằng: thời thế đến lúc suy rồi, các cụ nên nghĩ trong lúc nho gia tàn cục này, nghĩ cách cải lương nội dung hội tư-văn đi, thì dẫu sau này ai có chê ta là hủ-bại, ta đã có công ấy để cáo vô-tội với quốc-dân.

Chứ nếu để mấy chục năm nữa, phải tây-học thịnh hành tất có phen họ phá bỏ cái hội tư-văn đi, mà cải cách lại; khi ấy thì các cụ chẳng những mất cả tiếng tăm, mà cụ Khổng không chắc đã được chút khói hương, chén nước. Xin trưng-cầu ý kiến của các ngài trí thức.

NGUYỄN - CÔNG - DY

Đèn trời soi xét

Lời nói với việc làm.

Bác nói phải, tuổi thanh niên của chúng mình rất qúy. Một phút là vàng, ta chớ nên bỏ qua nữa sau này hối sao cho kịp. Còn như chọn ban nào, điều đó bác đã dự-định chăng ! Hai mắt đăm đăm nhìn vào khói thuốc cuồn cuộn bay lên trần nhà, Hồng-Kim sẽ nghiêng mình đáp lại câu hỏi của bạn Thanh-Mai :

Tôi đã nghĩ kỹ, quyết nhất thiết đến tháng sau, đáp tầu sang Pháp mà theo đòi ban luật. Ban luật ư ? Phải chăng bác định làm trạng-sư để ra tay bênh-vực những đồng bào bị oan uổng ? Thưa không. Câu trả lời vắn tắt làm cho Thanh-Mai phải nhìn thẳng vào mặt Hồng-Kim.

Bác ngạc nhiên là phải. Dữa lúc một số đông trong quốc-dân ta đang công-kích quan-trường thì tôi đây, chẳng nề dư-luận, sẽ xin nhận lấy cái chức trách làm phụ mẫu dân, tôi muốn đem cái « đèn trời » chói lọi kia mà chiếu tới những nơi hang cùng ngõ hẻm. Tôi muốn che chở cho bọn dân đen bị hàm oan khổ sở. Tôi muốn đem cái học-thức Âu-Tây mới thâu thái được, tùy theo phong-trào thể-tục, mà cải lương mọi việc trong hạt tôi . . . .

Tươi cười hớn hở, Thanh-Mai ngắt lời bạn: Tôi thấy bạn thanh-niên tân tiến ngày nay mà có những người mê man trong cõi hoạn-đồ thì lấy làm buồn, làm chán ngán, làm bất phục lắm. Nhưng nếu được những người như bác thì còn nói gì nữa ! Chúc bác chóng thành công.

★
★ ★

Thiều quang thấm thoắt, sau mấy năm trời du học, Hồng-Kim đã nghiễm nhiên là cha mẹ dân. Một hôm quan-huyện ngài thăng đường sử án.

Trên cung đường ngọn đèn trời sáng quắc, trước mặt, bị cáo nhân đứng khúm núm, một người độ tam tuần chi gian đó, nét mặt hiền lành phúc hậu. Cái ánh sáng chói lọi, ánh sáng min-bu-gi, chiếu thẳng vào bác, từ đỉnh đầu tới gót chân, làm cho bác lòa cả mắt, không giám ngẩng đầu lên, cứ cúi gằm mặt xuống. Đèn giời ung dung nói :

— Này anh Xã :

— dạ

— Tôi trông anh có vẻ lương thiện lắm :

— dạ

— Thế mà sao lại phải điều phi-pháp ?

— Dạ. Thật quả chúng con bị oan uổng.

— Anh chứa thuốc phiện lậu trong nhà quả tang bắt được còn chối cãi gì.

— Dạ. Chúng con quả là oan uổng, Trăm lậy, nghìn lậy quan lớn, quan lớn đèn trời soi xét cho.

— Được, đợi tám ngày nữa sẽ tuyên án xét. Ta cần xét lại cho minh bạch, anh nghe chưa ? Oan hay chẳng, đến khi đó sẽ biết, anh hiểu chưa ?

— Ra tới cửa, chú lính sẽ bảo nhỏ bác xã :

— Quan Huyện đây ngài là phái tân-học mới xuất thân trong ít lâu nay, nghe đâu ngài rất thanh-liêm chánh-chực.

— Phúc đức quá ! Rõ khổ, bác Hai hàng sóm cứ bảo tôi : « Liệu mà chạy chọt cho xong đi, không có lại rũ tù » Mà nhà thì nghèo quá không biết làm sao được.

Mười một giờ đêm.

Nghe tiếng gọi cửa. « Đèn-trời chạy ra chiếu thẳng vào mặt người khách đến thăm trong cái giờ tịch mịch ấy.

— Kìa anh Cả đi đâu đấy ?

— Dạ, bẩm quan lớn, chúng con xin đưa trình trước một trăm ; bản án làm xong, xin đưa nốt.

Lúc ấy, thời pha-lê ở đâu trong đèn, không biết cọ vào cái gì mà liền hút ngay lấy những mảnh giấy vụn.

— Được.

Tám ngày sau.

Trên cung đường « đèn trời » chói lọi.

— Anh Xã :

— Dạ !

— Người ta ở đời phải cho thực thà chính đính, ấy là đức hạnh rất cần, nếu muốn làm người dân tốt trong nước, đừng làm điều gì trái lương-tâm, đừng làm điều, gì trái pháp-luật. Theo văn-hóa Âu-Tây thì như thế là làm đủ bổn phận người công dân.

Mà theo phật giáo là để phúc cho con đó.

— Dạ ! Ngài là người thanh-liêm chính trực !

Ánh sáng « đến trời » nhạt đi.

— Tôi tiếc cho anh vô cùng ! Sao mà khờ dại đến thế ? Phải, chẳng khờ dại mà lại lắm điều phi-pháp. Nào có thế mà thôi. Thân mang tội mà còn chẳng biết lại cứ vững chân như người vô can vậy.

Bác xã mướt mồ hôi.

« Đèn trời" Lại bừng cháy lên.

Này anh xã ! Lương-tâm và pháp-luật là hai cái mãnh-lực bao giờ nó cũng bắt người ta đi vào con đường chính đại. Người ta là một con vật rất thiêng liêng chính bởi có lương-tâm đó. Họ làm điều gì trái lẽ phải, thì toà án lương-tâm xử tội ngay, hình phạt ngay mà hình phạt một cách rất đau đớn. Rồi sau đến tòa án pháp-luật thẩm xét lại. Ấy người có tội khó là thế, !

Ánh sáng đèn trời lại nhạt dần đi.

— Vậy sao anh không hiểu lẽ trái phải ở đời ?

Ngần ấy tuổi đầu mà còn dại dột như thế?

Sao anh khờ như vậy, mà không biết rằng mình có tội. Anh ngu xuẩn quá, không hiểu gì cả ?

— Nghìn lậy quan-lớn, muôn lậy quan-lớn, xin quan lớn đèn-trời soi xét cho, chắc có kẻ tư-thù gì chúng con đấy, xin quan-lớn thương lại chúng con thật khổ sở quá ; cha già mẹ yếu, lại một đàn con nheo nhóc trông cả vào có mình con.

— Tôi cũng muốn gỡ tội cho anh, nhưng chứng cớ rành rành thế chẳng được, đành phải chịu.

Ngọn đèn lúc ấy chỉ còn lòe lẹt như hết dầu.

— Bản án đã làm xong, chờ ngày bẩm tỉnh.

Bác Xã mướt mồ hôi, mặt xám ngắt, cắt không còn hạt máu, lao đao bước ra, ngã gục xuống, trên cung-đường đèn-trời cũng tắt.

Mars 1931

TUÂN-ANH

(Hanoi)

VIÊT-NAM NHI THAP THÊ-KY

XÃ-HỘI BA-ĐÀO-KÝ

MỘT CÁI CHƯƠNG - TRÌNH QUYẾT THỰC HÀNH

Nguyên truyện một người con giai tên là Đỗ-Quyên ăn mặc giả con gái, đổi tên là An, nhập bọn tàp gặt, đến gặt mướn nhà ông Cựu Ích, là người chỉ mong bắt Đỗ-Quyên. Chủ nhân thấy Thị-An sinh san nhu mỹ, đem lòng mê và ngỏ lời hỏi An làm vợ lẽ. Từ đó An được biệt đãi, được ngủ chung cùng cô Sẹo là con gái chủ nhân. Nhưng vì vô ý nên cô Sẹo biết Thị-An không phải đàn bà, nhưng vẫn không biết là Đỗ Quyên, rồi cảm tài đức Thị-An, có hứa kết bạn trăm năm cùng anh chàng giả gái. Ông Cửu Ích cứ mục đích mình mà tiến hành, bèn định ngày cưới Thị-An làm lẽ. Bà Cựu cho An 100$ để sắm sửa quần áo, ông Cựu dủi ngầm cho người yêu 50$ để mua đồ tư trang. Cô Sẹo và Thị-An cùng đi ra tỉnh để mua bán nhưng đến nửa đường, cô Sẹo đưa bạn cái phong bì, rồi kiếm cớ trở về, mặc cho Thị-An trốn thoát.

Đỗ Quyên bóc phong bì, thấy có giấy 100$ và bức thư nói là biết mình là Đỗ-Quyên nên có số tiền này tặng người có trí . . .

Việc nội - vụ

— Thế nào cũng phải cho tôi thử trước xem thực giả làm sao đã, rồi mới giám định chứ!

Đó là lời ông Cựu-Ích nói với một người, hồi hai giờ đêm, là lúc ông nằm trên cái giường lò-so rất êm ở trong cái buồng lạ, mà trằn trọc không sao ngủ yên được.

Ông Cựu-Ích là ai? Tác-giả không cần giới-thiệu, chắc độc-giả đã nhớ ngay rằng cái nhà ông Chánh-tổng ở hạt huyện Chí-linh suýt bị cách, rồi lo mãi mới được từ-dịch vậy.

Chắc độc giả cũng còn nhớ rằng ông ấy bị con gái đồng-mưu với Đỗ-Quyên; lừa mất 150$ rồi để Đỗ-Quyên trốn đi mất. Khi Đỗ-Quyên; — tức là cô An của ông, — đi khỏi nhà, thời ông Cựu buồn ngẩn buồn ngơ. Khi cô Sẹo về nhà một mình, ông cũng chẳng hỏi han gì, vì ông tin rằng « số kia » chung tình với ông lắm, không khi nào lại cuỗm bạc mà đi; mà dù cô An có cuỗm bạc mà đi thực, thời ông sẽ làm cho mà biết tay, nghĩa là ông bỏ tù! Ông nhớ cô An đến nỗi hay gắt, chiều không ăn cơm. Cô Sẹo lấy lời khuyên giải, thời ông mắng ầt đi: Đừng trứng khôn hơn vịt! Sau cô phải nói thực với ông rằng cái người mà ông gọi là cô An, chính là một thứ « cô-đực », thân-thể cơ-quan cũng như thân-thể cơ-quan ông, không thiếu một mảy-may gì. Ông tuy giận nhưng phải câm như hến! Lúc ông nghĩ ra rằng à ra cái quân ba-que ấy ngày thường vẫn ngủ chung với con gái mình, mà con bé vẫn có ý yêu vụng nó, thời ít ra cũng bị sứt mẻ, ông càng tức đầy! Căm bao nhiêu, bẽ bấy nhiêu; nhưng cũng cố nén để lấy quyền cha mà mắng khẽ cô Sẹo;

— Đồ mắt mù! Lêu bổ!

Nhưng ông tự xét ông cũng mắt mù, còn đáng lêu bổ hơn, nên thôi không mảng nhiều.

Cô Sẹo là một người khôn ngoan sáng-láng. Sau này dù Đỗ-Quyên có làm nên công nghiệp gì mà chẳng phải nhớ đến người ân-nhân đã cứu giúp mình?

Thôi là bàn phiếm làm gì. Đỗ-Quyên sau này, hay hay dở, là nhờ ở sức mình và vận trời, nhưng sóng vỗ bèo trôi, tất cũng nhiều phen vào sinh ra tử... Cô sẹo tương lai tốt hay xấu thời thân gái như hạt mưa sa, biết thế nào mà đoán trước? Còn như ông cựu-Ích của chúng ta sau này thế nào? Bởi ông là một tay Kiện-tướng trong làng [redacted] Việt-Nam, định lấy «cúp» vô-địch thế-giới, nên tác-giả giám quả quyết mà đoán ngay rằng: Rồi tất ông được làm quan và có vợ lẽ.

Tại làm sao? Năm ấy ông đã ngoài bốn mươi tuổi đầu mà chỉ sinh được một mụn con gái đã từ ngót hai mươi năm nay. Nhiều phen ông đỗ

tội cho bà, thời bà lại đổ tội cho ông, sau kết-cục xem bói thời ông chịu thày bói hay, vì số ông phải lấy vợ lẽ!

Nhưng ông thích lấy vợ lẽ mà ông lại thích bay nhảy hơn. Nói thế các ngài chớ hiểu lầm rằng sau này ông có được làm nên gì thời ông bãi cái khoản vợ lẽ đi đâu. Không phải, ông định lo công-danh trước mới cưới vợ lẽ sau. Nghĩa là lấy công-danh để cầu vợ bé, nhưng phải hạng vợ chính-hiệu, chứ không giả-hiệu như Thị-An, chắc được của rẻ mà lại tốt. Thế thời về cái phương-diện ấy, ông Cựu-Ích cũng ăn người thực!

Nhà ông sẵn có của, lo gì mà chẳng nổi. Ông nghĩ nhiều phen cũng bực mình, lóp ngóp mất bao nhiêu công của mới được cái chánh-tổng, không nhế bị cụt đã phải thôi! Thà chịu chống-bản ngay từ trước làm thằng-cu bỏ-đĩ thời không sao. Và đường công-danh đã dài lại lắm lối, đi lối nào không được?

Một lối đề-tiện nhất là lo cái bá-hộ, rồi làm cụ bá cùn cho đến ngày cáo phó! một lối cũng sang trọng, là nhân cầu đã bác, thời cứ việc bước đi làm nghị-viên, nghị-trưởng, thời sẽ có phẩm-hàm kim-khánh, bắc-đẩu bội tinh. Một lối sang trọng hơn, là tìm bắt cho được Đỗ-Quyên nữa, là đi tri huyện, tri phủ ngày nào không biết chừng! Thế rồi cụ-lớn, kỵ-lớn, ho ra tiền! hắt hơi ra bạc! tha hồ mà sung, mà sướng, mà danh, mà giá.

Than ôi! Nếu ai cũng có một đôi « hia bẩy dặm » như thế để đi trên đường công-danh được nhanh chóng bằng từ nẩy đến giờ, thời ông Cựu-Ích tôi không đến nỗi phải cuốc bộ ra Chợ Huyện tậu bò; tác-giả cũng chẳng còn ngồi bàn này mà viết tiểu-thuyết nữa, mà độc giả các ngài, — cả các bà cùng các cô, — cũng chẳng còn thì giờ thừa mà đọc cái truyện nhảm-nhí này nữa. Vì chúng ta đã làm quan cả.

Thưa các ngài, bởi vì đường công-danh nó như cái cột-mỡ hội Cắt-tó. Đã leo được một tý mà không bám cho chắc, thời bị tụt, bẩm tụt mãi, bẩm tụt, tụt mãi, rồi tụt xuống đến đất ạ! Người ngoài vỗ tay cười, má nhọ hơn má liếm chảo, mặt bẩn hơn mặt đập niêu! Cần câu cơm gẫy cấc!... Bởi vậy muốn lên cao thời phải tìm chỗ bám, cho nên ai không có tài bám, khó lòng len lỏi được trên đường công-danh!

Nói tóm lại, sở dĩ ông Cựu-Ích còn mến đời, là còn mong thực hành cái chương-trình của ông. Cái chương-trình ấy có hai khoản, làm quan và lấy vợ lẽ.

Xẩm tối hôm ấy, nhân có thày bói quen đi qua, ông bèn gọi vào để bói xem hiện nay người và của đi về phương nao để tìm cho dễ. Thày bói reo quẻ xòng, vỗ đùi mà nói rằng:

— Tuổi này tốt lắm, cụ ông đến vận tây rồi đây! Thôi, nhà cháu cứ xin cụ thưởng cho cái áo lụa, thời nhà cháu mới nói!

— Tấy thế nào? Tìm người thấy người, tìm của thấy của chăng?

— Thế không gọi là tấy, thưa cụ ạ! Nếu quẻ này không ứng, cụ cứ đập tráp nhà cháu ra. Thôi! cụ liệu mà đi tậu bò ăn khao ngay từ nay thời vừa!

Ông Cựu thấy thày bói nói quả-quyết lắm, cố gạn mãi mới chịu nói ra rằng:

Sang năm mới, chắc cụ ông sinh con giai! Chà! khát khao mãi!

Bà Cựu, ngồi bên cạnh, bẻ ngay;

— Thày bảo cụ ông sinh con giai là nghĩa lý làm sao?

— Bu mầy giờ quá, cứ để yên cho thày ấy nói cho mà nghe;

Thế nghĩa là tao có vợ bé chứ gì?

— Bẩm thực quả rồi cụ có cô hai.

— Đấy! dốt quá, người nói thế mà không hiểu!

— Mà cụ ông có lẽ lại xuất chính nữa kia đấy!

Ông Cựu sướng nẩy đom đóm mắt, nắm lấy tay thầy bói hỏi rằng:

— Úi chà! xuất chính nữa à! Làm quan to hay bé?

— Danh-giá lắm

— Thế vận tôi bao giờ đến nơi?

— Nay mai chứ chả lâu la gì đâu?

Ông Cựu miệng lẩm bẩm một mình rằng:

« Lấy vợ lẽ, đẻ con giai, làm quan, ừ, có thế chứ! Nhưng mà hễ thầy nói láo thời tôi đập tráp thầy ra đây! »

Ông Cựu mừng quá ! mừng nhưng không dám nói ra, sợ vợ không bằng lòng !

Sáng sớm hôm sau, ông ăn cơm sớm, định đi tìm cô An. Nhưng ông có ý rắt lưng khỏi tiền ra, để nhân phiên chợ Huyện phủ Nam-Sách, thời thế nào ông cũng quyết mặc cả bò. Vì con bò của nhà làm ruộng thời để cầy, con bò của nhà quan thời mổ để khao dân.

Ông vừa đi vừa nghĩ lời thầy bói mà xướng. Xướng như một ông quan lớn có hầu non! Bởi thế gặp ai, ông cũng nhìn để trả lời « không dám » ! Ai không biết ông mà không chào, thời ông có ý nhận mặt rồi đe ngầm. Ông thấy người con gái nào qua đường, mặt mũi hơi đường-được một tý, là ướm ngay vào mình! Đích là vợ lẽ ta đây! Khi người ấy không để ý đến ông mà đi thẳng, thời ông cũng cứ châm rõ nghiệt cho đỡ thèm : Phải cái mũi hơi hếch một tý ! . . . Cái chân to thế kia thời sồ toẹt ! . . Sao trông cứng nhắng nhẳng như đàn ông thế kia ? Chưa có sõ làm cô lớn ! . . . Thế là ông đánh hỏng ráo cả.

Ông đi được vài cây số, thời mỏi chân, bèn vào nghỉ trong hàng nước : Kìa, thú chửa? nhưng hoài của ! ở trong hàng vừa có một người bước ra đi về mé tỉnh . . .

Ông nhìn theo mãi, người mới yểu điệu sao! trông Hà-nội quá.

Nghĩ mà rỏ dãi ! Ông hỏi người hàng nước, thời người này nói rằng :

- Cô ấy ở tỉnh về, ngồi nghỉ đây đã lâu, có hỏi giò thăm cụ và khen cụ mãi.

— Ơ hay ! thế nào ? Ai vậy ? hỏi sao ?

— Cô ấy hỏi cụ cầy cấy bao nhiêu mẫu, nhà ở đâu ? Bây giờ có nhà không ?

— Giời ôi ! Thế thời chị giết tôi cho xong ! Sao cô ta trông thấy tôi lại đứng giậy đi ? Thế chị có trả lời đúng cho tôi không ?

— Thưa bẩm cụ có ! Còn như tại sao cô ta đi thời nhà cháu cũng chẳng biết. Lúc con nói truyện cụ cho cô ấy nghe, chợt con thấy cụ ở đằng xa lại, con chỏ cho cô ấy, thời cô ấy nhìn rồi đứng giậy đi ngay.

— Quái ! thế là nghĩa lý gì ? Năm nay cô ấy độ bao nhiêu tuổi ?

— Độ hai-nhăm, hai-sáu.

— Cô ấy người ở đâu ? chị có biết không ?

— Hình như người Hà-nội.

— Ừ trông rõ Hà-nội đặc !

Ông Cựu nghĩ đến lời thầy bói, uống quàng bát nước rồi đi nhanh theo. Thế là ông quên việc tậu bò ! Cho hay là giống đa tình vậy !

* * *

Một cách ngoại giao khôn khéo

Ông Cựu đi thật nhanh. Lúc gần đến người con gái, ông đằng hắng một tiếng rõ to. Cô ta ngoảnh mặt lại, rồi đi nhanh hơn trước, nhưng thỉnh thoảng quay lại nhìn ông luôn. Ông trông giõ mặt và quần áo người con gái, nghĩ một mình rằng :

« Hẳn là dì nó đây! Cái gì cũng đáng khuyên! Cô nữ thí-sinh này, cứ bộ quần áo cũng đủ vào kỳ vấn đáp ! »

Thế rồi ông kiễng chân chạy theo. Tuy hơi dun dun, nhưng cố lây gân, mạnh bạo mà «phá-đề» luôn ngay rằng : Này ! Này !

Cô con gái quay lại nhìn ông, nhếch mép cười rồi lại đi thẳng. Ông cuống quýt lên, chị kịp nháy có mỗi một cái mà mấy lần trước ông quên. Nhưng nháy xong thời ông quên tịt cả những câu hỏi sau. Rồi ông tưởng không cần phải « thừa-đề » thừa-điệc lôi thôi cho giải giòng văn-tự, có thể phiên-phiến mà « thích-thực » ngay, ông bèn cấu ngay tay cô một cái !

Cô ta mỉm cười giật tay ra, lườm ông một cái đền dài ! ông lấy làm thích lắm, nhưng ghét một nỗi là đã lườm yêu mà vẫn làm bộ !

— Này ! Này ! « nhà » đi đâu đấy ?

— Tôi đi đâu thời việc gì đến ông ?

— Sao . . . không ở nhà mà coi thợ cho cái Cả, . . . lại đi đâu để con khóc, . . . phải đi tìm thế ?

Ông cho thế là ý— tứ thâm-trầm lắm rồi, đắc-trí, cười một mình mãi ! Làm cho cô nọ thấy cái cách chim gái lô—bịch ở nhà quê, thày cái câu hỏi chồng không mà vơ vào, đến nỗi phải bật buồn cười ! Thế là ông chắc cái Nhà của ông đã bắt chim ông rồi đó. Ông bèn làm đến câu « nghị luận, » kể-lể ngay tên tuổi, lý-lịch, gia-sản, cảnh-ngộ và tri-hướng của ông, rồi ông « tổng-kết » rằng;

— Thôi này! chả giấu-giếm gì, đằng này quê mùa, không quen cái lối tỉnh thành đâu, đằng này hỏi thực một điều nhé: này, giời sinh ra thế, đằng ấy có chồng chưa ?

— Tôi có chồng hay chưa thì việc gì đến ông ?

— Truyện! thời giời sinh ra thế mà lị! Đằng ấy có chồng thời đằng này cũng mừng cho chứ sao ?

— Thế ngộ tôi chưa có thời thế nào ?

Ông Cựu híp mắt lại cười, khoan ngón tay chỏ chỏ vào ngực mình, vì ông cho thế là cách nói bóng! ông hỏi tên tuổi và chỗ ở của cô, và tại làm sao biết đến đây ông mà hỏi thăm, thời ông biết cô ta tên là Mão, mới có hai mươi tuổi, người Hà—nội, lâu nay vẫn hâm-mộ tiếng ông, và nghe nói ông thông minh, nhã-nhặn, nhà ông sang trọng giầu có nhất huyện, nên định đến xem nhà:

Anh tôi vuối tôi định về từ chiều hôm qua. Nhưng khi hỏi thăm một người con gái, thời thấy nói rằng: đường sá đi buổi tối không được nghiêm, mà chúng tôi quá chưa mới về thời ra không kịp, nên anh tôi lại phải về Hà-nội ngay tối hôm qua. Sáng hôm nay tôi định về thăm nhà ông, nhưng vừa mới đi nửa đường đã gặp ông ra tỉnh, nên tôi phải trở lại.

— Thật ả! hoài của! Sao không bảo tôi trước ?

— Thưa ông tôi là con gái không biết nói dối ạ !

Lạ quá, trước cô Mão khó khăn bao nhiêu, thời sau cô lại giễ-giảng bây nhiêu. Lúc ông thử ý truyện trăm-năm cùng cô thời cô chẳng làm khách tý nào, cô mời ngay ông đáp tầu tối lên Hanoi để thăm nhà cửa cô..,

Nhà cô ở Hà-nội sang trọng lạ ! Trông ngay ra hồ Hoàn-Kiếm, mát mẻ quá ! Mùi hoa xen thoang thoảng ngát cả mũi. Hàng rào dâm bụt rất kín ! Cái cổng mới lại rộng làm sao ! Đến nơi, cô gọi : anh bồi ơi !

Ông Cựu tấm tắc khen thầm mãi ! Có một người ra mở cổng, nhưng người ấy vô-phép lắm, vì không chào ai lại hỏi rằng :

— Cô ở tầu Hải-phòng lên đây à ?

Cô Mão hỏi nhỏ gì, thời người ấy nói « còn... một đồng... » rồi đưa thìa khóa cho cô. Cô đưa ông Cựu vào trong một cái buồng, nói rằng buồng riêng của cô, rồi giới-thiệu rằng nhà có đông anh em, mỗi người một buồng riêng, khách ai người ấy tiếp. Ông chố mắt ngắm-nghía các đồ-đạc, nghĩ mà sấu hổ thay, nhà mình thực không đáng một phần trăm ! Nhưng ông thẹn để bụng, chứ không dám nói ra, vì sợ cô cười. Ông xin phép cô đi chào cụ ông, cụ bà, và các ông anh, nhưng cô xin để đến mai, vì đêm khuya, cả nhà đi ngủ yên, và các anh cô sớm mai còn phải giậy để vào Tòa. Nhưng kỳ tình rõ ràng tai ông nghe thấy bên buồng cạnh, họ vẫn chưa ngủ, tiếng nô cười còn rúc-rích !

Ông thấy trên bàn kê ở góc tường, có sẵn nước, thau, sà phòng và khăn mặt, nên ông nghĩ ngay đến ông hôm nay đi suốt ngày, mồ hôi mồ kê bẩn thỉu, sợ cô Mão chê về chỗ ấy chăng, ông bèn rửa mặt. Ông lấy sà phòng soa khắp lên mặt rửa thật kỹ, rồi lau mình, cọ răng, rồi nhân khăn ướt, ông vuốt cả lên tóc cho bóng để thêm tinh.

Sửa xong bộ mặt, ông ngồi trên ghế ngắm nghía khen hết gạch bóng, rồi đến bàn xinh, hỏi giá thời cô Mão nói một đống tiền ! Khiếp quá ! Người Hà-nội họ xa-xỉ thực !

Cô Mão thấy ông đang ngơ-ngác, bèn cởi áo, và tìm cách để đả động đến truyện trăm năm. Ông đang thất đảm về cái sang trọng của cô, thời thấy cô nói truyện mới nghĩ đến chữ tình. Nhưng ông cũng khôn, nhanh ý, nghĩ ngay rằng nếu không giở lâu với người Hanoi, thời họ cho ta là quỷch mà lừa ta. Nhân chỉ thấy trong buồng có một cái giường tây, thời âu là ta nếu sợ mắc lừa thời trước hết hãy phải cẩn-thận.

Đành trước khi quyết-định ta hãy thí-nghiệm trước, không có nhỡ vô-phúc lại múc phải Thị-Ân thứ hai nữa thời khôn ! Vì ông sợ mất lòng trước, còn hơn được lòng sau, cho nên mới có câu nói trên đầu hồi trước vậy.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN-CÔNG-HOAN

Y-kiến và tiêu-tức trong báo-giới

TIN NƯỚC NHÀ

BẮC-KỲ

Hai người trẻ tuổi vào Nhà-chung cướp mất gần 6000 đồng bạc

Việc cướp nhà bà chủ Kền (Mme Duquesn) ở trên Quan thánh chưa tìm ra dấu vết gì, thì ngày hôm kia lại xẩy ra việc cướp ở Nhà chung, nơi đức Giám mục ở.

Lúc ấy vào hồi quá 5 giờ chiều, hai người trẻ tuổi, một người mặc ta, một người mặc tây vào dinh đức Giám mục, hỏi đến chỗ M. Duyệt ở. Ông này nhà ở trong dinh, vốn là *người đi thu tiền thuê nhà của Nhà chung. Hai người này vào, M. Duyệt tiếp đãi tử-tế, thì 2 người ngỏ ý muốn nhờ ông dạy đàn. Đang nói chuyện, bỗng một người lẻn* ra đàng sau lưng M. Duyệt, lúc bất ngờ, ôm chặt cứng, còn người đứng trước mặt rút *ngay súng lục ra, doạ nếu kêu thì bắn chết.*

Hai người này trói chặt M. Duyệt lại, lấy giẻ nhét đầy mồm, bắt phải đưa chìa khoá tủ sắt. Chúng liền mở tủ lấy mất 5000 bạc và một cái ngân-phiếu 780$. Số tiền này một nửa của Nhà chung, một nửa của riêng M. Duyệt.

Lấy xong, chúng điềm nhiên đi ra, M. Duyệt lúc ấy cố rút được giẻ ra mới hô-hoán lên. Người trong Nhà chung chạy đến cởi trói cho rồi lập tức đi trình sở mật-thám. Người bồi của M. Duyệt và hai người gác dinh đức Giám-mục đều phải đòi ra sở mật-thám. Hỏi xong người bồi được tha về, còn hai người gác vẫn phải giữ lại.

T. B.

Vợ lẽ Nguyễn-thái-Học bị bắt

Người vợ thứ hai của Ng. thái-Học năm nay chừng ngót ba mươi tuổi, là một người đã giúp việc cho Nguyễn-thái-Học rất đắc lực, đã từng dự vào việc làm bom, chôn bom ở Thái-hà-ấp độ trước. Từ khi Ng.-thái-Học bị bắt và bị hành hình, thì người vợ ấy vẫn trốn tránh, sở mật thám vẫn hết sức dò la, thì hôm vừa rồi đã bị bắt tại Phủ-lý, hiện đã giải về sở mật thám Hanoi để tra xét.

T. B.

TRUNG-KỲ

VINH

Hai người ở Nga về bị bắt

Có hai người thiếu niên trong đảng cộng-sản vừa ở Nga về, để chủ trương chi bộ cộng-sản ở Vinh, vào trọ ở nhà một người thầu khoán tên là Ng-Long ở phố Đệ nhị, nhưng lính mật thám dò biết tung tích, nên hai người ấy và chủ nhà đều đã bị bắt giam xét

Viết thư tống tiền nhà giầu

Hôm vừa rồi, đảng cộng-sản viết một bức thư, đòi giúp đảng một số tiền là 500$, cho người đem vứt vào nhà giầu trong thành phố tên là Ng.-phong-Đàm.

Chủ nhà nhặt được bức thư ấy, đã đem trình sở mật thám để tra xét.

HÀ-TĨNH

Đem một toán lính ở Thanh-hóa vào.

Một toán năm mươi lính khố xanh ở Thanh-hoá vừa cho vào Hà-tĩnh, để giúp sức với các toán lính cũ, để phòng mọi cuộc rắc rối xẩy ra sau này.

T. B

Việc quan Đại lý Gatille bị bọn Mọi hại

SAIGON 27 MAI. — Quan chủ tỉnh Thủ-dầu-một có trình quan Thống đốc Nam Kỳ rằng quan Đại-Lý Gatille ở bạt Pai-Ket xứ Mọi bị hại vào lúc 11 giờ 30 sáng thứ ba, Thi thể đã đưa về đồn Srekhtoum.

Quan đại-lý Gatille nguyên đi thăm các nơi làm đường thuộc địa 14, cùng với hai người lính. Lúc trở về gặp hai người đàn bà Mọi giữ lại, giả cách là ốm. M Gatille sắp lấy *quinine* ra phát thì có một người Mọi đàn ông nấp ở đâu xông ra đâm một nhát giao. Rồi thấy đến 30 người Mọi nữa xô ra mà giết chết Hai người lính chạy trốn về báo cho bà Gatille đến nơi đem thi thể về Shektoum.

CẢI CHÍNH. — Tạp-Chí số 23 về mục tin các báo, chính là M. Phạm-ngọc-Vinh được phép xuất bản tờ báo Tù-Bi-Âm sắp nhầm là M. Trần-bá-Vinh, nay xin cải-chính.

Ông P. Doumer đã trúng cử lên làm Giám quốc nước Pháp

Quan Giám quốc Doumer đã chọn xong các viên chức chính trong văn phòng và võ phòng của ngài. Đầu võ phòng có võ tướng Braconnier hiện là thống binh ở Algérie. Tướng Braconnier sẽ thế chân cho tướng Lasson sắp về hưu. Thủy quân thiếu tá Lebigot sẽ thế chân cho phó nguyên soái Vedel, và M. Henri Huismans, chánh văn phòng tại dinh nghị trưởng nguyên lão nghị viên sẽ sung chức chánh văn phòng tại dinh Giám-quốc.

Giới-thiệu sách mới

Bản chí tiếp được

M. **Nguyễn - quang - Thái** *tặng quyển* **Luật Trước bạ** *mới.*

Bản-chí xin có lời trân-trọng cảm ơn và giới-thiệu cùng chư vị độc-giả,

TIN TRUNG HOA

TƯỜNG TÌNH CUỘC PHẢN TƯỞNG

Ở Quảng Đông

Trần-tế-Đường và Trần-minh-Khu hai người vốn là phái ủng Tưởng, Tế Đường làm Tổng tư-lệnh các đạo quân Quảng-đông mà Trần-minh-Khu thì làm chủ-tịch tỉnh phủ, từ trước đến nay, mấy lần xảy ra cuộc biến loạn, hai Trần đều trung thành với Tưởng, nhất là hồi năm ngoái mấy lần Tưởng nguy ngập đều nhờ có hai người này mà Tưởng khỏi lo về mặt nam. Quảng-đông là nơi cỗi rễ, Quảng-đông chưa mất, thì địa-vị của Tưởng còn chưa long. Cứ xem mấy trận đánh nhau với quân Trương Quế, đủ biết các tướng Quảng-đông thật có công to với Tưởng. Thế mà ngày nay Trần-tế-Đường lại đứng lên thủ xướng cuộc phản Tưởng, là tại làm sao ?

Trước khi có việc

Trần-tế-Đường phản Tưởng lần này, ai cũng biết là có quan hệ đến việc giam Hồ-Hán-Dân. Nguyên Hồ-Hán-Dân cùng Cổ-Ưng-Phân, Lâm Đục Trung, Trần Tế Đường v. v. đều là người thuộc về phái hữu cả. Từ khi Tưởng xung đột với phái tả là phái Uông-tinh-Vệ thì vẫn khang khít với phái hữu, cần Hồ vẫn ủng Tưởng. Đến nay Tưởng giở mặt với Hồ thì bọn kia căm tức cũng có, tự nguy cũng có, vì đối với Hồ, Tưởng còn giở mặt được thì đối với bọn họ cũng chẳng chắc vào ngõ nào. Bọn Cổ-ứng-Phân, Lâm-dục-Trung v. v... lâu nay vẫn ở Quảng-đông, từ khi Tưởng bắt giam Hồ, bọn Cổ liền vận động cuộc phản Tưởng. Bao nhiêu mưu chước đều bọn Cổ bầy vẽ ra cả. Trần-minh-Khu thì vẫn trung thành với Tưởng, trước đây đã lâu vẫn có tin đồn rằng: hai Trần khe nhau, nhưng ngoài mặt vẫn hợp tác, gần đây Trần-minh-khu lại có ý nghi Trần-tế-Đường mà Trần-tế-Đường thì có lẽ không được thấm bằng Trần. Trước đây ít lâu đã có nhiều tin đồn dạy, lại có một viên Quân như Tổng-giám của quân Trương-phát-Khuê nói chuyện với người ta ở trong phụ đầu kia rằng: Hiện ở Quảng đông, quan văn, quan võ đề huề nhau mà đối phó với thời cục, cuộc đề huề đó đã thành công rồi, sắp sửa cho Tưởng-quang-Nại đứng đầu thông điện khởi sự. Câu chuyện này nẩy ra vào khoảng giữa tháng, chẳng mấy chốc đồn vang khắp tỉnh Quảng-đông. Nhưng đó chính là mưu của Trần Minh Khu, cốt phao lên như vậy để dò thái-độ Trần-tế-Đường. Tưởng-quang-Nại là một tướng giỏi ở Quảng-đông, trận đánh nhau với quân Trương-Quế năm ngoái, Tưởng-quang-Nại và Sái Đình Khải đều có công to; sau Tưởng Giới Thạch đem hai tướng này lên đánh Diêm, Phùng, thăng cho hai người lên chức Sư trưởng. Tưởng-quang-Nại lại kiêm cả chức Tổng chỉ huy nữa. Song hai người này nguyên trước kia vẫn thuộc bộ hạ Trần Minh Khu, chính Trần Minh Khu cất nhắc cho lên đến chức Sư trưởng và sau khi đánh Diêm, Phùng rồi, Tưởng-giới-Thạch đem hai tướng đó về đánh Cộng sản, hiện nay vẫn còn ở Giang tây; nếu Trần Tế Đường có phát nạn, tất nhiên phải điều đình với hai tướng đó trước và thế nào cũng còn ngợ Trần-minh-Khu, vậy nên Trần-minh-Khu phao lên tiếng kia để tỏ ra rằng Minh Khu và Quang Nại đều đã có ý

phản Tưởng rồi đây. Quả nhiên Trần-tế-Đường tin thật, cho là Trần Minh Khu đã một lòng như mình thì có thể hợp tác với nhau mà tiến hành cuộc phản Tưởng. Từ hôm đó về sau, bao nhiêu kế hoạch bàn định, bao nhiêu mưu cơ bí mật, Trần-minh-Khu đều được nghe hết, bởi vì trong khoảng hai tuần lễ bọn Trần-tế-Đường, Cổ-ứng-Phần v.v. họp hội kín đến mười mấy lần mà lần nào cũng có Trần-minh-Khu đến dự cả.

Lời đồn 7 tỉnh liên minh

Vì có hai anh thủ lãnh đã hợp tác với nhau và họp bàn với nhau luôn, nên trước một tuần lễ ở Quảng-đông càng có nhiều tin đồn, những tin đồn ấy lại do các nhân viên trong cơ quan quân chính nói ra. Họ đồn rằng Vân-nam, Quí-châu, Quảng-tây, Quảng-đông, Hồ-nam, Hồ-bắc và Giang-tây 7 tỉnh liên minh với nhau, tuyên bố tự-chủ. Lại có tin đồn rằng có 10 tỉnh tán thành với Quảng-đông là đi 11 tỉnh liên minh tự chủ (ngoài 7 tỉnh đã kể trên, còn 4 tỉnh nữa là Phúc-kiến, Tứ-xuyên, Hà-nam và Sơn-đông). Họ nói rằng cuộc tự chủ này cốt là bảo cần an dân, tỉnh nào giữ đất tỉnh ấy, không đánh nhau và không để cho ai lợi dụng mà đánh nhau để giữ quyền lợi riêng cả.

Hội-nghị kín ở Đông-sơn

Trần-minh-Khu có một bức điện kín gửi về Nam-kinh bị một tờ báo ở Hương-cảng đăng toẹt lên báo. Tuy nói rằng bức điện nói về Quốc dân hội nghị, song bọn Cổ Ứng Phân vẫn lấy làm ngờ ; giữa lúc ấy Cổ lại tiếp được điện ở Liêu Đông đánh đến, dục nên làm ngay, họ bèn nhất quyết chỉ làm ngay chiếm lấy nước trước. Ngày 27, Trần Kế Đường họp một cuộc hội-nghị bí mật tại Thoái-tư-viên ở Đông-sơn mời cả Trần-minh-Khu đến dự. Trong hội nghị này có bọn Cổ Ứng Phân, Lâm Dực Trung, Lâm Thời Thanh, Mâu Bồi Nam v. v. các lãnh tụ quân chính, các lãnh tụ hải quân và không quân, các nhân viên chủ nhiệm hậu phương của các đội quân tại mặt trận, có người nói rằng : có cả các nhân viên hậu phương lộ 19 tức là người hậu phương của Tưởng Quang Nại, Sai đình Khải cũng đến dự. Trần-tế-Đường đem điện-tín của các tỉnh đánh đến mà tuyên đọc cho mọi người nghe, và nói rằng :

Hiện nay tình thế đã đến thế này, bao nhiêu tỉnh đều tự-trị cả, nếu tỉnh ta không tán đồng với các tỉnh thì tất nhiên phải lôi kéo vào cái khoái chiến tranh (nghĩa là Tưởng lại lấy quân Quảng đông đi đánh các tỉnh kia) Tỉnh Quảng-đông đã mấy năm bị cái vạ lây chiến tranh, dân đã nghèo rồi, của đã hết rồi, cần phải nghỉ ngơi sinh sản, cùng các tỉnh giữ cõi yên dân không thể lại thiên về bên nào mà đánh nhau nữa. Vì như khóm dưa Hoàng đài, người ta đã hái quả nhiều lần rồi, bây giờ không thể hái lần nữa, Vậy tôi tưởng bây giờ cần phải đóng cửa giữ nhà, không nên lại làm khổ cho dân Việt. Tuyên bố xong, cả hội-đồng đều tán-thành ý kiến Trần Tế Đường. Bọn Lâm Dực Trung, Lâm-thời-Thanh, Mâu Bồi Nam, v. v. bèn định ngày đánh thông điện các tỉnh, tuyên cáo tự chủ, yêu cầu Trần Minh Khu ký tên đánh đi. Trần Minh Khu thấy tình hình như vậy, không biết làm thế nào được, nghĩ ngợi lâu rồi nói với Trần-tế-Đường rằng : Ngài đã vì bảo toàn nguyên khí cho dân Quảng Đông mà xướng nghị như vậy, tôi đâu dám phản đối, chỉ có rằng tôi đối với Trương Giới Thạch có nhiều tình diện, khôn lẽ gột ngay đi được. Vậy xin để cho tôi nghĩ kỹ lại đã. Trần-tế-Đường bảo : Ông đã tán thành ý-kiến tôi là được rồi, vậy ai nấy hãy cứ giữ như thế. Đoạn rồi tan hội.

Trần minh Khu ra khỏi Quảng đông

Sau khi ở Thoái tư viên về nhà rồi, Trần-minh-Khu lấy máy nói gọi Phạm-kỳ-Vụ, Âu-dương-Câu đến bàn. Quyết định kế chạy cho khỏi Quảng đông. Những người về cánh Minh-Khu ai có giữ giấy bạc Trung-ương-Ngân hàng thì đổi lấy giấy bạc Hương cảng, và giữ lấy số tiền tồn khoản trong ngân hàng Trung ương để phòng bị sau này. Ngày 28, Trần-minh-Khu vẫn còn đi làm việc, còn phê chuẩn cho cục Công-An đến Tài-chính-Sảnh lấy lại số tiền 16 vạn bạc giấy Tây là số đệm khoản để mua quân khí, và còn tuyên ngôn sẽ đến rạp hát xem Mai-lan-Phương diễn kịch. Nhưng đến 9 giờ tối thì Minh-Khu đi tầu thủy điện ra Sa-diện, rồi ở đó đáp tầu ra Hương-cảng. Đến Hương-cảng mới đánh điện từ chức. Công việc chủ tịch thì giao

cho Hứa-sùng-Thảnh làm thay. Những người về cánh Trần-minh-Khu đều lục tục trốn dần.

Trần-tế-Đường giữ Trần-minh-Khu

Đến 11 giờ trưa, Trần-tế-Đường mới biết tin Trần-minh-Khu chạy ra Hương-cảng, ngay lúc đó cũng có khi bảng hoàng và nói rằng : Chân-như (tên tự Trần-minh-Khu) như vậy, đánh lừa ta à ? Bởi vì ý Tế-Đường định cùng Trần Minh Khu đề huề rồi cùng Trương Quế hợp tác, lấy tiếng là giữ gìn Quảng đông mà tự tuyệt khách quân vào cõi. Công việc Bắc phạt thì đã có những quân đội khác, đại khái như quân trương Quế v. v. nhận lấy trách nhiệm, còn quân Quảng đông có thể cứ ngồi yên Quảng đông, không có việc gì cả. Nay Trần Minh Khu bỗng tỏ thái độ ủng Tưởng như vậy thì quân lộ 19 tức là quân Tưởng Quang Nại và Sái Đình Khải nguyên là bộ hạ của Minh Khu và hiện đang đánh Cộng-sản ở Giang-tây kia, chưa chắc đã về với mình, mà không khéo lại quay về đánh nhau với Trần Tế Đường cũng chưa biết chừng. Vì thế nên Tế-Đường cũng hơi rối. Song đến 2 giờ chiều, Tế Đường quyết sai anh là Trần Duy Chu cùng mấy người nữa đến Hương cảng mời Minh Khu giở về Quảng đông bàn lại, nhưng có lẽ Minh-Khu không giở lại nữa.

Sau khi Minh-Khu đi rồi, ở Quảng đông lại có hai phái đồn dậy. Một phái thì nói phân lộ 19 ở Giang tây đã phát động rồi, bất nhật sẽ đến Quảng đông đánh Trần - tế - Đường ; một thuyết lại nói Tưởng-quang-Nại đã tuyên bố phản Tưởng rồi. Chưa biết phái nào nói đúng, Song về việc này, Trần-tế-Đường dự bị đã lâu, dù Trần Minh Khu không hợp tác, Tế Đường cũng làm một mình.

Sếp đặt việc quân

Cuộc phản Tưởng này dục dịch đã lâu, nên trước khi phát động đã chú-ý đến sự sếp đặt việc quân. Ngày 29, khi được tin Trần-minh-Khu chạy rồi, Tế-Đường bèn họp một hội nghị quan binh hạng cao ở bộ giáo đạo, quyết định mấy việc sau này : 1.) Sau khi thông điện tuyên cáo tự lập rồi các quân Quảng đông hiện đóng ở ngoài lập tức đều rút về lỉnh. Đất Quảng-tây lại giao giả cho quân Quảng-tây nhận trách nhiệm đóng giữ, chỉ trừ một thành Ngô-châu còn thuộc quyền Quảng-đông, nhưng chỉ để một toán quân tàn biên đóng giữ, toán quân này toàn là người thuộc tỉnh Quảng-tây cả, để làm chỗ đất hoãn xung thôi — 2°) Các bộ quân rút về, lập tức đem lên giữ mặt Bắc-giang — 3°) Mật điện cho sư trưởng Hương-hàn-Bình ở miền Đông-giang sư trưởng Lý-dương-Kính ở miền Bắc-giang chỉ bảo cơ nghi hành động,

Sau cuộc hội nghị đó rồi thấy các quân hành động rầm rập. Ngay chiều hôm 29 đã có nhiều quân ở Quảng-tây kéo về, tiếng còi xe hỏa chở quân suốt đêm không dứt. Sở vô tuyến điện thì ngay ngày 30 đặt thêm hơn 20 trạm nữa để tiện việc hành quân. Hơn trăm chiếc tầu thuyền của dân, đều bị thu lấy, dùng để chở quân ở Quảng-tây về tỉnh. Các tầu binh đậu ở bờ sông đều có lệnh giới nghiêm, súng đại-bác trút bao ra, suốt ngày đêm đốt máy đợi lệnh, vệ binh luân lưu giữ bộ Hải quân tư lệnh, dưới tầu bao giờ cũng có lính đóng thường xuyên. Quân chính tổng bộ làm việc rất gấp nhất là bộ Tham-mưu và bộ Kinh-lý lại càng mải lắm ; ngày hôm nào cũng có rất nhiều xe hơi chở khí giới đến tổng bộ rồi lại chia cấp cho các bộ khác ; Lại phát rất nhiều địa đồ quân sự tỉnh Giang-tây cho các quân-sư trưởng Lý-dương-Kính cùng lữ trưởng Hoàng-đình-Trinh, Hoàngtchất-Văn đều được lệnh lên đóng miền Đại-lữu, Tín phong (giáp Giang-tây) Hương-hàn-Bình ở Đông Giang cũng được lệnh phải chú ý phòng bị mặt Giang-tây, Trần Tế Đường luôn mấy ngày họp hội nghị ở nhà Cổ-ứng-Phân, trước cổng nhà Cổ, xe ô-tô đậu đặc kín và đi lại lườn lượt, toàn là xe các yếu nhân đến hội nghị cả. Có cả Đặng Trạch Như ở Hương cảng đến họp.

T. N.

Thuốc **SỐT RÉT NGÃ NƯỚC**
Gia - truyền rất thần hiệu
Bán tại hiệu **LIÊN - HUY**
số nhà 68 Phố **Hàng - Trống**
(Maréchal Foch) NAM-ĐỊNH.

Mấy lời kính ngỏ cùng chư vị Độc-giả

Ngày 12 tháng Mai trước, tôi ở Nam-định đi chơi vào Saigon; hôm nay là ngày 4 tháng Juin, tôi lại về đến Nam-định, thấy số tạp-chí 24 do các ông bạn trong báo-quán xếp đặt đã song, cho nên trong kỳ này không có bài vở của tôi viết.

Tôi ở Saigon ước chưa tới mười ngày, đi chơi thăm các anh em, nghe xem các câu truyện, lại hồi tưởng lại trong khi tôi còn ở Nam năm xưa, thời thế-cố nhân-tình, thực là biến thiên rất khác.

Trải quạ một cuộc bể dâu,
Những diều trông thấy mà đau đớn lòng.

Từ số 25 sẽ ra, tường tế tình hình, sẽ cung chư Độc-giả.

NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

NHÀ IN MỸ THUẬT?

HIÊU MY-THANG

TONKIN — 50, Phố Bảo-Hộ, 50 — NAMDINH

GIẢY NÓI SỐ 92

In các sổ, sách, giấy má
Khắc các dấu đồng, dấu gỗ

Công việc làm rất nhanh chóng! rất cẩn thận! Giá tính phải chăng!

Xuất bản các sách giáo khoa và in đủ chương trình học-khóa.

BÁN CÁC SÁCH, VỞ, GIẤY, BÚT, ĐỒ DÙNG TRONG VĂN-PHÒNG, ĐỊA-CẦU VÀ ĐỊA-ĐỒ CÁC NƯỚC.

DÔNG-PHÁP HỎA-XA

Hạt Bắc

Đường Hà-Nội đi Nam-Định

Kể tự ngày 1er Mai 1931 tức là 14 tháng ba annam, những chuyến xe số 220, 227, 223 và 221 sẽ tạm đỗ lại những quẩng sau này để tiện hành-khách lên xuống :

Bằng-khê	—	cây số 59
Đông-xá	—	cây số 63
Đông-quang	—	cây số 70 + 3
Lê-xã	—	cây số 78 + 4

Giờ những chuyến xe ấy sẽ sửa lại theo như sau này trong quãng đường tự Phủ-Lý đến Nam-Định :

Hà-Nội đi Nam-Định		XE số 227	XE số 251
Phu-Lý	đến	10giờ53	18giờ07
	đi	11 , 08	22
Bằng-Khê		11 , 18	18 , 32
Đông-Xá		11 , 28	18 , 42
Bình-Lục		11 , 38	18 , 52
Đông-Quang		11 , 48	19 , 02
Cầu-Họ		11 , 55	19 , 09
Lê-Xá		12 , 09	19 , 23
Đặng-Xá		12 , 18	19 , 32
Nam-Định		12 , 30	19 , 44

Nam-Định đi Hà-Nội		XE số 220	XE số 226
Nam-Định đi		8giờ08	12giờ49
Đặng-Xá		8 , 25	13 , 01
Lê-Xá		8 , 34	13 , 10
Cầu-Họ		8 , 48	13 , 24
Đông-Quang		8 , 55	13 , 31
Bình-Lục		9 , 05	13 , 41
Đông-Xá		9 , 15	13 , 51
Bằng-Khê		9 , 25	14 , 01
Phủ-lý	đến	9 , 34	14 , 10
	đi	10 , 05	15 , 10

Kể từ 15 Mai 1931 trở đi thì :

1°) — Những tiền cước hành khách sẽ hạ xuống trong những quãng đường kể sau này :

Từ Hanoi đến Cầu-Họ.
Từ Phủ-Từ-Sơn đến Bắc-Ninh.
Từ Phủ Từ-Sơn đến Thị-Cầu — Đáp-Cầu.
Từ Phủ Từ-Sơn đến Phủ-Lạng-Thương

Hay đi ngược lên cũng thế.

2°) — Suốt các đường Hỏa xa hạt Bắc hiện giá cước hành-lý ít ra là phải trả 0$08 thì hạ xuống 0$05.

Ở những quãng đường kể dưới này những tiền cước hành-lý cũng hạ xuống.

TIỀN CƯỚC MỘT TRĂM CÂN HÀNH-LÝ

	Giá hiện thời	Giá sẽ giảm xuống
Hanoi đi Thường-Tín	0$34	0$27
— Đỗ-Xá . .	0.59	0.54
— Cầu-Guột .	0.72	0.54
— Cầu Giẽ. .	0.76	0.68
— Đồng-Văn .	0.90	0.68
— Phủ Lý . .	1.06	0.8
— Bình-Lục .	1.33	1.10
— Cầu-Họ . .	1.43	1.10
— Nam-Định .	1.74	1.31
— Phủ-từ-sơn .	0.33	0.23
— Bắc-Ninh .	0.55	0.41
— Thị-Cầu . .	0.62	0.47
— Phủ lạng thương	0.94	0.71

Hanoi, ngày 11 tháng Mai 1931

Sở Hỏa-Xa hạt bắc có lời bá cáo để công chúng biết rằng : kể từ 25 Mai 1931, tức là mồng 9 tháng tư năm Tân-Mùi bản sở sẽ đặt ra những chuyến tầu chạy từ ga Nam-Định đến bến Đò Chè để đón hành khách và hành lý hạng tư ở bến Đò Chè lên ga Nam-Định để đáp tầu nào, hoặc ở các nơi đáp tầu đến ga Nam-Định thì đưa về đến bến Đò-Chè; chỉ chừ những chuyến tầu số 228 và 229 là không có tầu đón thôi.

Chuyến tầu nào về đến ga Nam-Định hay ở ga Nam-Định đi cũng có tầu đón khách như vậy cả.

Những chuyến tầu đón khách ấy sẽ chạy theo cách sau này :

Ở BẾN ĐÒ-CHÈ LÊN GA NAM-ĐỊNH. — Khởi hành ở Đò-Chè 20 phút trước giờ tầu chạy ở ga Nam-Định.

Ở GA NAM-ĐỊNH XUỐNG BẾN ĐÒ-CHÈ. — Khởi hành ngay sau khi tầu đến ga Nam Định.

Những vé sẽ phát ngay ở trên tầu đón khách cho những hành khách và hành lý ở Đò-Chè đi quá ga Nam-Định mà không phải dả tiền cước quãng đường từ bến Đò Chè đến ga Nam-Định.

Những hành khách và hành lý ở các nơi về ga Nam-Định thì những chuyến tầu đón khách sẽ đưa xuống Đò-Chè không phải trả thêm tiền.

Chái lại, những hành khách chỉ đi tầu từ ga Nam-Định đến bến Đò-Chè hay từ bến Đò-Chè lên ga Nam-Định thôi thì phải dả mỗi người năm xu.

Hanoï, le 20 Mai 1931.

DIP MAY HIEM CO!!

Hiệu VẠN-XUÂN số 1 phố Maurice Long có bán bốn cái xe auto đã dùng qua (occasion) còn tốt lắm.

1 cái	**Peugeot**	N. T. 3541	10 cv.	4	places
1 cái	**De Dion Bouton**	N. T. 1781	10 cv.	5	—
1 cái	**Berliet**	N. T. 1909	12 cv.	7	—
1 cái	**Avion Voisin** (CONDUITE INTÉRIEURE)	N. T. 5054	18 cv.	8	—

Ai muốn mua xin mời đến châm chước. Bản-hiệu làm đại-lý cho nhà **Boillot** có bán những xe đạp, xe ô-tô hiệu **Peugeot** và chassis Rochet-schneider mới, theo đúng như giá nhà ấy bán ở Hà-nội, xin hỏi tại :

L. T. D. VẠN - XUÂN N. 1 Rue Maurice Long à Nam-Dinh. Tél. 56.
Entreprise des Bouages et Vidanges de la ville de Nam-Dinh (Vệ-sinh).

Thơ và mandats xin gửi cho **VU-HUNG-TOAN** — *Le Gérant :* **PHAM-DINH-KY**

精製靈驗藥品

南定 東京

圃藥仙神

揀選真正藥料

總經理處在養元大藥行

MÔN THUỐC THẦN-TIÊN

Tổng kinh lý tại hiệu DƯỠNG-NGUYÊN

N° 123, Phố Khách dưới, N° 123

NAM-DINH (Tonkin)

Chuyên môn nghiên cứu Đông, Tây,
Lựa theo khí bẩm của người xứ ta.
Chọn toàn thuốc tốt chế ra,
Cao, đan, hoàn, tán mọi khoa tinh tường.

Các Ngài cần dùng hay muốn làm Đại-lý cho Bổn-dường, xin viết thơ về hỏi, sẽ gửi quyển mẫu hàng biếu ngay.

Thơ và mandat để như sau này :

M. NGUYỄN-XUÂN-DƯƠNG

123, Phố Khách — NAM-DINH (Tonkin)

Số 4 - Cao bổ phổi

Trong mình người về phần khí, cần nhất có phổi, là một cơ quan lưu thông khí tôi của giời đất vào trong mình, để thay đổi khí huyết của người cho được ôn hòa đỏ đắn. Nếu phổi đã có bệnh, thì tinh thần, khí phách đều kém cỏi cả, có khi quá nữa thành ho hen đờm suyễn, lâu quá thành lao.

Nên khi ai có bệnh phổi (như ho hen, đờm suyễn, ráo phổi) cần phải điều trị ngay lại, bởi vì phổi chính là tính mạnh của người, phổi khỏe thì người khỏe, phổi yếu thì người yếu, phổi không thở được nữa là người nguy. Phổi quan hệ trong mình biết là dường nào!

Phổi là một tạng rất quan trọng, mà thể chất nó lại mềm bầy nhất trong các cơ thể, nên xưa nay nói đến bệnh phổi thì khắp các nhà làm thuốc trên hoàn cầu đều cho là khó chữa, lắm khi cũng phải bó tay.

Bản-đường chế ra thứ cao « bổ phổi » này cốt để, tế độ cho khắp nhân-quần xã-hội, chữa khỏi các chứng vì phổi sinh ra, như đau phổi, ráo phổi, ho đờm ho khan, ho ra huyết, ho lâu thành lao mất tiếng, ngứa cổ.

Thứ thuốc này tính rất hòa bình bổ ích, uống lâu càng bổ huyết khỏe người, làm cho trong phổi nhuần nhả lắm máu, đủ sức hô hấp điều hòa, các chất xấu trong mình hóa tán đi hết, mà các vi trùng bệnh lao cũng tiêu tuyệt không còn một tý nào, thật là một thứ thuốc thần-tiên chữa phổi khắp đông tây đều tin dùng.

Giá mỗi lọ **0$30**

Môn Thuốc Thần-Tiên *Cẩn bạch*

ANNAM
V. LIÊN
ANNAM 1934
PHUC-VAN
GRAVEUR